

**Đại Thừa Đại Tập  
Địa Tạng Thập Luân  
Kinh Giảng Ký  
Quyển 2  
大乘大集地藏十輪  
經講記**

**Mộng Tham lão hòa thượng chủ giảng  
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa  
Giảng chánh: Đức Phong và Huệ Trang**

**NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

*(trang trống)*

**Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký**

**大乘大集地藏十輪經講記**

**Mộng Tham lão hòa thượng chủ giảng**

**梦参老和尚主講**

**Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**

**Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang**

***IV. Hữu Y Hạnh - Phẩm Đệ Tứ***

**有依行品第四**

*(Phẩm thứ tư: Hữu Y Hạnh)*

Nay tôi bắt đầu giảng phẩm Hữu Y Hạnh. Hữu Y (有依) là nương cây Tam Bảo, có thể sanh ra các loại công đức lực.

*(Kinh) Nhĩ thời, Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, u đại chúng trung, tùng tòa nhi khởi, đảnh lễ Phật túc, thiên dẫn nhất kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng, cung kính, dĩ tụng văn viết:*

*(經)爾時，金剛藏菩薩摩訶薩，於大眾中，從座而起，頂禮佛足，偏袒一肩，右膝著地，合掌恭敬，以頌問曰。*

*(Kinh: Lúc bảy giờ, Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân đức Phật, trật một vai áo, gối phải đặt sát đất, chắp tay, cung kính, dùng kệ tụng hỏi rằng).*

Kim Cang Tạng Bồ Tát nêu ra câu hỏi. Ngài hỏi: “Đức Phật nói pháp này, dường như có chỗ chẳng giống với những điều đã nói trước đó, có chỗ mâu thuẫn, hãy nên dung thông như thế nào?” Bản thân Kim Cang Tạng Bồ Tát đã dung thông, nhưng Ngài biết chúng sanh trong vị lai có thể sẽ thắc mắc, ngờ vực tam thừa có bình đẳng hay không? Bởi lẽ, trong kinh Pháp Hoa, đức Phật đã nói: “*Duy thử nhất thị thật, dư nhị giai phi chân*” (Chỉ có một pháp này là thật, hai pháp khác đều chẳng thật). Trong kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật còn nói kinh Kim Cang là rốt ráo, những kinh khác đều chẳng phải. Vì sao có lúc đức Phật nói thế này, có khi lại nói thế khác? Phải dung thông như thế nào?

*(Kinh) Tích ngôn: “Phá giới, thất tịnh đức, phi hiền thánh khí, phi ngã tử. Chư sa-môn pháp khí như tảo, bất ưng u ngã thanh chúng*

trung. Tam cấu sở ô, thất diệt đạo, bỉ bất kham tiêu thẳng cúng dường. Ư thí tứ phương Tăng chúng vật, thiếu phần ngã diệt bất thánh thọ. Tứ căn bản tội, tùy phạm nhất, thanh chúng sở khí như hải thi”. Văn hà kim thuyết ác bất-sô, ưng nhân, ưng bi, giá trích phạt? Phục khuyến ưng cần cúng dường bỉ. Bỉ mãn, vật sanh vi ác tâm. Cung kính thánh thọ sở thuyết pháp, đương hoạch phước huệ đại bi giả. Lục Thông cứu thế dư kinh thuyết: “Nhữ đẳng giai đương tín Đại Thừa. Chánh trực, vi diệu Bồ Đề đạo. Ưng xả Nhị Thừa giải thoát lộ”. Văn hà kim phục thuyết tam thừa, phổ khuyến thánh, trì, tu cúng dường? Căn, lực, giác đạo sa-môn quả, thử kinh trung hữu, dư xứ vô? Bất chi thánh đạo vô đẳng luân. Tam thừa giai đồng hành thử đạo. Dục cầu giải thoát, cần tinh tấn. Các tùy sở nguyện chúng Bồ Đề. Hữu tình trung tôn đương chiếu sát, hội kim tích giáo sử vô vi, linh chư thiên nhân Bồ Tát chúng, giải ngộ, tâm hoan, chứng chân thật. Văn thuyết Đại Thừa thù hữu ích? Văn thuyết Đại Thừa thù hữu tổn? Thập chủng giải thoát Thanh Văn Thừa, văn thuyết thù tổn, thù hữu ích? Hà nhân văn pháp chuyển thẳng tấn? Hà nhân văn pháp phiên thoái một? Văn hà yếm hoạn chư hữu vi? Năng tốc khô kiệt u lão tử. Trú dạ cần tu chư thiện giả, y hà diệu lý, ngự hà thừa? Năng độ thâm quảng tứ tộc lưu. Cứu thế giai đương vị tuyên thuyết.

(經)昔言：「破戒失淨德，非賢聖器非我子，諸沙門法棄如燼，不應居我清眾中。三垢所污失滅道，彼不堪消勝供養。於施四方僧眾物，少分我亦不聽受。四根本罪隨犯一，清眾所棄如海尸」。云何今說惡苾芻，應忍應悲遮謫罰？復勸應勤供養彼。悲愍勿生微噁心。恭敬聽受所說法，當獲福慧大悲者。六通救世餘經說：「汝等皆當信大乘。正直微妙菩提道。應舍二乘解脫路」。云何今復說三乘，普勸聽持修供養？根力覺道沙門果，此經中有餘處無？八支聖道無等倫。三乘皆同行此道。欲求解脫勤精進。各隨所願證菩提。有情中尊當照察，會今昔教使無違，令諸天人菩薩眾，解悟心歡證真實。聞說大乘誰有益？聞說大乘誰有損？十種解脫聲聞乘，聞說誰損誰有益？何人聞法轉升進？何人聞法翻退沒？云何厭患諸有為？能速枯竭於老死。晝夜勤修諸善者，依何妙理御何乘？能渡深廣四瀑流。救世皆當為宣說」。

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

*(Kinh: Xưa nói: “Phá giới, mất tịnh đức, chẳng phải pháp khí, con của Phật. Bỏ pháp sa-môn như tro tàn, chẳng được ở cùng thanh tịnh chúng. Tam cầu nhuốm bẩn, diệt mất đạo. Chẳng thể kham thọ các cúng dường. Các vật cúng thí tứ phương Tăng, chút phần ta chẳng cho thọ dụng. Bốn tội căn bản, hễ phạm một, biến thanh tịnh chúng chẳng chứa xác”. Sao nay lại nói ác bất-sô, nên nhẫn, nên thương, cấm trùng phạt? Lại khuyên nên siêng cúng dường họ, thương xót, đừng sanh chút ác tâm? Cung kính nghe nhận pháp Phật nói, sẽ thường được phước huê đại bi. Lục Thông, cứu thế, kinh khác nói: “Các người đều nên tin Đại Thừa, chánh trực, vi diệu Bồ Đề đạo. Hãy xả đường giải thoát Nhị Thừa”. Sao nay lại nói đến tam thừa, khuyên khắp nghe, trì, tu cúng dường? Căn, Lục, Giác, Đạo sa-môn quả, riêng kinh này có, kinh khác không! Tám chi thánh đạo khôn sánh bằng, tam thừa đều cùng hành đạo này. Muốn cầu giải thoát, siêng tinh tấn, đều theo ước nguyện chứng Bồ Đề. Đáng chúng tôn quý nên xét chiếu, dung hội pháp xưa nay chẳng trái, khiến cho trời, người, các Bồ Tát, giải ngộ, tâm vui, chứng chân thật. Nghe nói Đại Thừa, ai được lợi? Nghe nói Đại Thừa, ai tổn hoại? Mươi thứ giải thoát Thanh Văn Thừa, nghe nói ai tổn? Ai có ích? Người nào nghe pháp sẽ thăng tấn? Ai nghe pháp rồi sẽ thoái thất? Chán sợ hữu vi bằng cách nào? Mau chóng khô cạn già và chết, ngày đêm siêng tu các điều thiện, nương diệu lý nào? Tu thừa nào? Sẽ vượt bốn dòng thác rộng sâu. Đáng cứu thế xin vì tuyên nói).*

*“Tích ngôn: Phá giới thất tịnh đức, phi hiền thánh khí phi ngã tử, chư sa-môn pháp khí như tẩn, bất ưng cư ngã thanh chúng trung” (Xưa kia đức Phật nói: - Kẻ phá giới, đánh mất công đức thanh tịnh, chẳng phải là căn cơ hiền thánh, chẳng phải là con ta. Kẻ đó đã vứt bỏ các pháp sa-môn, giống như tro tàn. Kẻ đó chẳng nên ở trong Tăng chúng thanh tịnh của ta): Bài tụng này ý nói tỳ-kheo phá giới chẳng có công đức, đánh mất công đức thanh tịnh, chẳng thể trở thành bậc hiền nhân, mà cũng chẳng thể trở thành thánh nhân, chẳng phải là dụng cụ chứa đựng pháp (pháp khí), chẳng phải là đệ tử của ta. Ta chẳng phải là đại sư của kẻ đó, kẻ đó chẳng phải là đệ tử của ta. Có ý nghĩa như thế đó.*

*“Chư sa-môn pháp khí như tẩn, bất ưng cư ngã thanh chúng trung” (Vứt bỏ các pháp sa-môn giống như tro tàn, chẳng nên ở trong Tăng chúng thanh tịnh của ta): Kẻ phạm giới chẳng nên ở chung với đại chúng nữa. Mỗi bộ kinh luận đều nói như thế. “Tam cầu sở ô thất diệt đạo, bỉ bất kham tiêu thắng cúng dường, ư thí tứ phương Tăng chúng*

***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

vật, thiếu phần ngã diệt bất thính thọ” ([Kẻ phá giới đó] bị nhuốm bản bởi tam cầu, diệt mất đạo. Kẻ đó chẳng kham tiêu nổi của cúng dường thù thắng. Đối với các vật thí cho tứ phương Tăng, ta cũng không cho phép kẻ ấy hưởng chút phần): Trong Giới Kinh, đức Phật đã từng nói, nếu tỳ-kheo phá giới, sẽ chẳng thể hưởng dụng các vật thuộc về tứ phương Tăng. Thậm chí một chút cũng không cho phép kẻ đó được thọ dụng. Vì đây là vật cúng dường thù thắng.

*“Tứ căn bản tội tùy phạm nhất. Thanh chúng sở khí như hải thí”* (Trong bốn tội căn bản mà phạm bất cứ một tội nào, Tăng chúng sẽ vứt bỏ kẻ đó như biển không dung nạp xác chết): Biển cả chẳng dung nạp xác chết. Chết trong biển, sóng nhất định đẩy xác quý vị lên bờ. Đây là nói tỳ-kheo phạm giới bị thanh trừ khỏi các vị tỳ-kheo thanh tịnh. *“Vân hà kim thuyết ác bất-sô, ung nhân, ung bi, giá trích phạt?”* (Vì sao nay lại nói phải nên nhân thọ, từ bi, [lại còn] ngăn trở trừng phạt ác bất-sô?): Nhưng vì sao bộ kinh này nói như vậy? Phải nhân thọ ác tỳ-kheo, phải thương xót hẳn, chớ nên tùy tiện quở trách, chửi bới hẳn? *“Phục khuyến ung căn cúng dường bi, bi mãn, vật sanh vi ác tâm”* (Lại khuyên nên siêng năng cúng dường hẳn, hãy thương xót, đừng sanh chút ác tâm): Phải dấy lòng đại bi cúng dường kẻ đó, thương xót kẻ đó, đừng sanh khỏi chút xíu ác tâm nào, vì kẻ đó mặc ca-sa đỏ.

*“Cung kính thính thọ sở thuyết pháp, thường hoạch phước huệ đại bi giả. Lục thông cứu thế dư kinh thuyết: Nhữ đẳng giai đương tín Đại Thừa”* (Cung kính nghe nhận pháp do Phật nói; thường đạt được phước huệ và đại bi. Trong các kinh khác, đáng Lục Thông, cứu đời đã dạy: “Các người đều phải nên tin Đại Thừa”): Đối với lời đức Phật dạy, chúng ta đều cung kính lắng nghe, tiếp nhận; đã nghe nhận rồi, nhất định sẽ đạt được phước huệ đại bi. Đối với pháp, chúng ta phải cung kính, phải nghe nhận, phải hộ trì. Như vậy thì mới có thể đạt được phước huệ. *“Lục Thông cứu thế dư kinh thuyết”* (Trong các kinh khác, đáng Lục Thông cứu thế đã nói): Đức Phật trọn đủ Lục Thông. Lục Thông là Thiên Nhân Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, Thần Túc Thông, và Lưu Tận Thông. Lưu Tận của Phật là lưu tận rốt ráo, đạt đến thanh tịnh rốt ráo. *“Nhữ đẳng giai đương tín Đại Thừa”* (Các người đều nên tin Đại Thừa) [ý nói]: Chớ nên học pháp Nhị Thừa, phải tin pháp Đại Thừa.

*“Chánh trực vi diệu Bồ Đề đạo, ung xả Nhị Thừa giải thoát lộ”* (Chánh trực, vi diệu, Bồ Đề đạo, nên xả đường giải thoát Nhị Thừa): Giải thoát trong Nhị Thừa chưa phải là giải thoát thật sự, còn đây là Bồ

***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Kỳ – Quyển 2***

Đề đạo vi diệu chẳng thể nghĩ bàn, chớ nên tham đắm Tiểu Thừa. “*Vân hà kim phục thuyết tam thừa, phổ khuyến thính trì tu cúng dường*” (Nay sao lại nói pháp tam thừa, khuyến khắp mọi người nghe nhận, thọ trì, tu tập, cúng dường): Trong bộ kinh này, đức Phật nói Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, và Bồ Tát Thừa, ba thừa đều phải khéo tu, khuyến mọi người đều nghe giảng, hành trì, đều phải cúng dường. Cớ sao nói mâu thuẫn với trước kia? Bài kệ này có ý nghĩa như thế đó!

“*Căn, lực giác đạo sa-môn quả, thử kinh trung hữu, dư xứ vô*” (Kinh này có nói căn, lực, giác đạo, sa-môn quả, chứ trong các kinh khác chẳng có): Nay nói Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, cho đến chứng đắc Tứ Quả Sa-môn (Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hoàn, A Na Hàm, A La Hán), bộ kinh này nói như thế. Kinh điển Đại Thừa chẳng nói như vậy. “*Bát chi thánh đạo vô đẳng luân, tam thừa giai đồng hành thử đạo*” (Tám chi thánh đạo khôn sánh bằng, ba thừa đều cùng hành đạo này): Tam thừa bình đẳng, đều tu Bát Thánh Đạo như thế! “*Dục cầu giải thoát, cần tinh tấn, các tùy sở nguyện chứng Bồ Đề*” (Muốn cầu giải thoát, siêng tinh tấn, đều tùy ước nguyện chứng Bồ Đề): Nương theo Bát Thánh Đạo, mong tưởng tinh tấn tu hành, mong cầu giải thoát, quý vị phát nguyện gì bèn chứng quả Bồ Đề ấy.

“*Hữu tình trung tôn đương chiếu sát, hội kim tích giáo sử vô vi*” (Đấng tôn quý trong các hữu tình hãy nên chiếu soi, xem xét, dung hội giáo pháp trước kia và hiện thời, để các pháp ấy đừng mâu thuẫn với nhau): Phật là đấng tôn quý trong hết thảy chúng sanh, Ngài hãy nên dùng trí huệ chiếu soi. “*Hội*” (會) có nghĩa là “*dung hội*” (融會). Lời dạy hiện thời và trước kia chẳng mâu thuẫn nhau thì mới nên! “*Linh chư thiên, nhân, Bồ Tát chúng, giải ngộ, tâm hoan, chứng chân thật*” (Khiến cho chư thiên, người, các vị Bồ Tát đều giải ngộ, tâm hoan hỷ, chứng chân thật): Nghe [giáo pháp hiện thời và trước kia trái nghịch nhau] như vậy, họ sẽ chẳng ưa thích. Vì sao? Họ chẳng thể giải ngộ, chẳng thể chứng chân thật, rốt cuộc như thế nào thì mới là đúng? Có ý nghĩa này!

“*Văn thuyết Đại Thừa thù hữu ích? Văn thuyết Đại Thừa thù hữu tổn? Thập chủng giải thoát Thanh Văn Thừa, văn thuyết thù hữu tổn, thù hữu ích?*” (Nghe nói Đại Thừa ai hữu ích? Nghe nói Đại Thừa ai bị tổn? Mười loại giải thoát Thanh Văn Thừa, ai được lợi ích? Ai tổn hại?) Người nào sẽ được lợi ích? Người nào bị tổn hại? Đại Thừa cũng thế, mà Thanh Văn Thừa cũng thế. Người được nghe nói và người diễn nói, rốt cuộc ai được lợi ích? Ai sẽ bị tổn hại? “*Hà nhân văn pháp chuyển thăng tấn? Hà nhân văn pháp phiên thoái một?*” (Người nào nghe pháp sẽ

thăng tấn? Ai nghe pháp rồi sẽ thoái thất?) Phải như thế nào thì nghe pháp mới có thể tiến cao hơn, tinh tấn tiến lên? Người nào nghe pháp sẽ đâm ra thoái thất? Như thế thì sẽ nảy sinh hoài nghi, nghĩ tưởng báng pháp. Hễ báng pháp bèn thoái thất, lui sụt, đọa vào địa ngục.

“*Vân hà yếm hoạn chư hữu vi, năng tốc khô kiệt ư lão tử*” (Chán ghét hữu vi bằng cách nào? Mau chóng khô cạn già và chết): Hết thấy các pháp hữu vi, như thế nào thì mới có thể khiến cho họ biết lỗi hại của chúng, mới có thể khiến cho họ tránh khỏi nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử. “*Khô kiệt lão tử*” (Khô cạn già chết): “*Khô kiệt*” (枯竭) là diệt. Làm như thế nào để nảy sinh sự chán ghét đối với hữu vi? Làm thế nào để đoạn sanh tử? Hết thấy các pháp trong thế gian đều là pháp hữu vi; già, chết cũng là pháp thế gian. Làm thế nào để chán ghét sanh, lão, bệnh, tử, cầu xuất ly?

“*Trú dạ cần tu chư thiện giả, y hà điều lý? Ngự hà thừa?*” (Ngày đêm siêng tu các điều thiện, nương điều lý nào? Ngồi thừa nào?): Những người tu thiện nghiệp, Thanh Văn cũng thế, mà Bồ Tát cũng thế, rốt cuộc dùng đạo lý nào thì mới có thể “*ngự*”? “*Ngự*” có nghĩa là “*điều khiển cỗ xe*”. Thanh Văn Thừa tốt đẹp? Hay Duyên Giác Thừa tốt đẹp? Hay là Bồ Tát Thừa tốt đẹp? Hay là nương vào pháp Tứ Đế, pháp nhân duyên, và pháp Lục Độ?

“*Năng độ thâm quảng tứ bực lưu, cứu thế giai đương vị tuyên thuyết*” (Có thể vượt qua bốn dòng thác chảy xiết rộng sâu, xin đáng cứu đời hãy đều vì chúng con tuyên nói): Bốn dòng thác, thứ nhất là dòng thác Dục, tức cảnh giới ngũ dục. Nói thông thường, tài, sắc, danh, ăn uống, ngủ nghỉ là ngũ dục. Rất rõ ràng, chúng nó là năm cội rễ của địa ngục. Chúng được gọi là cảnh giới ngũ dục.

Loại thứ hai là Tứ Giới Vô Sắc Giới. Bốn dòng thác chỉ Tứ Giới Vô Sắc Giới. Tứ Giới là bốn giới nào vậy? Địa, thủy, hỏa, phong. Vô Sắc Giới chẳng có địa, thủy, hỏa, phong. Đây là loại thứ hai. Trong Tứ Giới Vô Sắc Giới, đều có tham, kiêu mạn, hoài nghi; đó là những thứ nổi bật nhất. Hết thấy chúng sanh hoài nghi, hiểu lầm đạo lý tu Bồ Đề đạo. Hoài nghi thì sẽ chẳng tin, gặp chuyện gì cũng đều phết dấu hỏi. Nhưng Kim Cang Tạng Bồ Tát thay mặt cho chúng sanh, Ngài biết chúng sanh nhất định sẽ thắc mắc.

Loại thứ ba là Kiến. Kiến là tri kiến. Chúng ta có rất nhiều tri kiến sai lầm, tà tri, tà kiến, điên đảo kiến.

Loại thứ tư, đại Bồ Tát cũng trọn đủ vô minh căn bản phiền não, chưa đạt đến Diệu Giác. Diệu Giác thì mới có thể đoạn trừ, nó rất vi tế.



“Cứu thế giai đương vị tuyên thuyết” (Đấng cứu thế hãy tuyên nói cho con): Con thỉnh vấn, mong đức Phật sẽ giải đáp cho con, chỉ dạy con, có ý nghĩa như thế đó.

*(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ kim vị dục lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình, vị chư thiên, nhân, A Tố Lạc đẳng, tác đại nghĩa lợi, thỉnh vấn Như Lai như thị thâm nghĩa. Nhữ ưng để thính, thiện tư niệm chi, ngô đương vị nhữ phân biệt, giải thuyết”. Kim Cang Tạng Bồ Tát ngôn: “Duy nhiên, Thế Tôn! Nguyên nhạo dục văn”. Phật ngôn: “Thiện nam tử! Hữu thập chủng Bồ Đặc Già La, luân hồi sanh tử, nan đắc nhân thân. Hà đẳng vị thập Bồ Đặc Già La? Nhất giả, bất chủng thiện căn. Nhị giả, vị tu phước nghiệp. Tam giả, tạp nhiễm tương tục. Tứ giả, tùy ác hữu hành. Ngũ giả, bất kiến, bất úy hậu thế khô quả. Lục giả, mãnh lợi tham dục. Thất giả, mãnh lợi sân khuể. Bát giả, mãnh lợi ngu si. Cửu giả, kỳ tâm mê loạn. Thập giả, thủ ác tà kiến. Như thị thập chủng Vô Y Hạnh nhân, linh chư chúng sanh phạm căn bản tội, hủy phạm Thi La, đọa chư ác thú”.*

(經)爾時，佛告金剛藏菩薩摩訶薩言：「善哉！善哉！善男子！汝今為欲利益，安樂無量有情，為諸天、人、阿素洛等，作大義利，請問如來如是深義。汝應諦聽，善思念之，吾當為汝分別解說」。金剛藏菩薩言：「唯然，世尊！願樂欲聞」。佛言：「善男子！有十種補特伽羅，輪迴生死，難得人身。何等為十補特伽羅？一者、不種善根。二者、未修福業。三者、雜染相續。四者、隨惡友行。五者、不見不畏後世苦果。六者、猛利貪慾。七者、猛利瞋恚。八者、猛利愚癡。九者、其心迷亂。十者、守惡邪見。如是十種無依行因，令諸眾生犯根本罪，毀犯尸羅，墮諸惡趣。

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Lành thay! Lành thay! Này thiện nam tử! Ông nay vì muốn lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình, vì các trời, người, A Tố Lạc v.v... tạo đại nghĩa lợi mà thưa hỏi Như Lai nghĩa sâu như thế. Ông hãy nên lắng nghe, ta sẽ vì ông phân biệt, giải nói”. Kim Cang Tạng Bồ Tát thưa: “Thưa vâng, đức Thế Tôn! Con vui thích mong được nghe”. Đức Phật dạy: “Này thiện nam tử! Có mười loại Bồ Đặc Già La luân hồi sanh tử,*

khó được làm thân người. Những gì là mười loại Bồ Đặc Già La? Một là chẳng gieo thiện căn. Hai là chưa tu phước nghiệp. Ba là liên tục tạp nhiễm. Bốn là làm theo bạn ác. Năm là chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả đời sau. Sáu là tham dục mạnh mẽ. Bảy là sân khuể mạnh mẽ. Tám là ngu si mạnh mẽ. Chín là tâm kẻ đố mê loạn. Mười là chấp giữ tà kiến ác. Mười loại nguyên nhân Vô Y Hạnh như thế khiến cho các chúng sanh phạm tội căn bản, hủy phạm Thi La, đọa vào các đường ác”).

Mười loại Bồ Đặc Già La tạo nghiệp là vì họ không có thiện căn để nương cậy. Một tí thiện căn cũng chẳng có, phước gì cũng đều chẳng tu, đã thế họ còn tạo nghiệp tạp nhiễm liên tục, chưa hề ngưng nghỉ! Do trong quá khứ đã có mười loại Vô Y Hạnh làm cái nhân, cho nên họ chẳng tu phước nghiệp, chẳng gieo thiện căn.

**(Kinh) Hà đẳng danh vi Thập Vô Y Hạnh? Vị ngã pháp trung nhi xuất gia giả, hữu gia hạnh hoại, ý nhạo bất hoại. Hữu ý nhạo hoại, gia hạnh bất hoại. Hữu gia hạnh, ý nhạo câu hoại. Hữu giới hoại, kiến bất hoại. Hữu kiến hoại, giới bất hoại. Hữu giới, kiến câu hoại. Hữu u gia hạnh, ý nhạo, giới, kiến tuy giai bất hoại, nhi dẫn y chỉ ác hữu lực hành, tác Vô Y Hạnh. Hữu tuy y chỉ thiện hữu lực hạnh, nhi phục ngu độn, do như á dương, u chư sự nghiệp, đô bất phân biệt, văn thiện hữu thuyết thiện, bất thiện pháp, bất năng lãnh thọ, bất năng ký trì, bất năng giải liễu thiện, bất thiện nghĩa; do thị nhân duyên, tác Vô Y Hạnh. Hữu u chủng chủng tài bảo chúng cụ, thường vô yếm túc, truy cầu nhân duyên, kỳ tâm mê loạn, tác Vô Y Hạnh. Hữu vị chúng bệnh chi sở bức não, tiện cầu chủng chủng từ tự, chú thuật, do thị nhân duyên, tác Vô Y Hạnh. Như thị thập chủng Vô Y Hạnh nhân, linh chư chúng sanh phạm căn bản tội, u hiện pháp trung phi hiền thánh khí, hủy phạm Thi La, đọa chư ác thú.**

(經)何等名為十無依行？謂我法中而出家者，有加行壞，意樂不壞。有意樂壞，加行不壞。有加行、意樂俱壞。有戒壞、見不壞。有見壞、戒不壞。有戒、見俱壞。有於加行、意樂、戒、見，雖皆不壞，而但依止惡友力行，作無依行。有雖依止善友力行，而復愚鈍，猶如啞羊，於諸事業，都不分別，聞善友說善不善法，不能領受，不能記持，不能解了善不善義；由是因緣，作無依行。有於種種財寶眾具，常

無厭足，追求因緣，其心迷亂，作無依行。有為眾病之所逼惱，便求種種祠祀咒術，由是因緣，作無依行。如是十種無依行因，令諸眾生犯根本罪，於現法中非賢聖器，毀犯尸羅，墮諸惡趣。

*(Kinh: Những gì gọi là mười Vô Y Hạnh? Tức là kẻ xuất gia trong pháp của ta, có kẻ gia hạnh hoại mà ý nhạo chẳng hoại. Có kẻ ý nhạo hoại mà gia hạnh chẳng hoại. Có kẻ gia hạnh và ý nhạo đều hoại. Có kẻ giới hoại, kiến chẳng hoại. Có kẻ kiến hoại, giới chẳng hoại. Có kẻ giới lẫn kiến đều hoại. Có kẻ tuy gia hạnh, ý nhạo, giới và kiến đều bất hoại, nhưng do nương tựa lực hạnh của bạn ác mà làm Vô Y Hạnh. Có kẻ tuy y chỉ lực hạnh của bạn lành, nhưng lại ngu độn ví như con dê câm, đối với các sự nghiệp đều chẳng phân biệt, nghe bạn lành nói thiện pháp và bất thiện pháp chẳng thể lãnh nhận, chẳng thể nhớ, giữ, chẳng thể thấu hiểu nghĩa thiện và bất thiện. Do nhân duyên ấy mà làm Vô Y Hạnh. Có kẻ đối với các thứ của cải, các vật dụng thường chẳng chán đủ, do nhân duyên truy cầu [những thứ ấy] mà cái tâm mê loạn, làm Vô Y Hạnh. Có chúng sanh vì bệnh tật bức bách, não hại, liền cầu đủ thứ cúng bái, chú thuật. Do nhân duyên ấy mà làm Vô Y Hạnh. Mười cái nhân gây nên Vô Y Hạnh như thế khiến cho các chúng sanh phạm tội căn bản, chẳng phải là căn khí hiện thánh trong pháp hiện thời, hủy phạm Thi La, đọa vào các đường ác).*

Vì sao họ phạm tội căn bản? Vì họ có cái nhân ấy, tất nhiên sẽ phạm tội. Mười loại Vô Y Hạnh như thế khiến cho hết thảy chúng sanh phạm tội căn bản, chẳng phải là căn khí hiện thánh trong pháp hiện tại, cho nên họ sẽ hủy phạm giới cấm, đọa vào các đường ác.

*(Kinh) Thiện nam tử! Nhược hữu Bồ Đặc Già La, gia hạnh hoại, ý nhạo bất hoại, tùy ngộ nhất chủng Vô Y Hạnh nhân, phạm căn bản tội, tiện thân bố cụ, tầm quý khí xả, nhi bất sở sở tác chư ác hạnh. Như Lai vị ích bỉ cố, thuyết hữu ô đạo sa-môn. Sở dĩ giả hà? Bỉ tác như thị trọng ác nghiệp dĩ, tức tiện phát lộ, bất cảm phú tàng, tầm quý sám hối. Bỉ do như thị tầm quý sám hối, tội đắc trừ diệt, vĩnh đoạn tương tục, bất phục cánh tác. Tuy ư nhất thiết sa-môn pháp sự, giai ưng tận xuất, nhất thiết sa-môn sở hữu tư cụ, bất thính thọ dụng, nhi do bỉ nhân ư tam thừa trung, thành pháp khí cố, Như Lai từ bi, hoặc vị bỉ thuyết Thanh Văn Thừa pháp, hoặc vị bỉ thuyết Duyên Giác*

*Thừa pháp, hoặc vì bỉ thuyết Vô Thượng Thừa pháp. Bỉ hữu thị xứ, chuyển u đê nhị, đê tam sanh trung, phát chánh nguyện lực, ngộ thiện hữu lực, nhất thiết sở tác chư ác nghiệp chướng, giai tất tiêu diệt. Hoặc hữu chứng đắc Thanh Văn Thừa quả, hoặc hữu chứng đắc Duyên Giác Thừa quả, nhi bát Niết Bàn, hoặc hữu ngộ nhập quảng đại thậm thâm Vô Thượng Thừa lý. Như thị giới hoại, kiến bất hoại giả, ung tri diệt nhĩ.*

(經)善男子！若有補特伽羅，加行壞、意樂不壞，隨遇一種無依行因，犯根本罪，便深怖懼，慚愧棄舍，而不數數作諸惡行。如來為益彼故，說有污道沙門。所以者何？彼作如是重惡業已，即便發露，不敢覆藏，慚愧懺悔。彼由如是慚愧懺悔，罪得除滅，永斷相續，不復更作。雖於一切沙門法事，皆應擯出，一切沙門所有資具，不聽受用，而由彼人於三乘中，成法器故，如來慈悲，或為彼說聲聞乘法，或為彼說緣覺乘法，或為彼說無上乘法。彼有是處，轉於第二、第三生中，發正願力，遇善友力，一切所作諸惡業障，皆悉消滅。或有證得聲聞乘果，或有證得緣覺乘果，而般涅槃，或有悟入廣大甚深無上乘理。如是戒壞、見不壞者，應知亦爾。

(*Kinh*: *Này thiện nam tử! Nếu có Bồ Đặc Già La gia hạnh hoại, mà ý nhạo chẳng hoại, hễ gặp bất cứ một loại nhân nào gây nên Vô Y Hạnh, khiến phạm tội căn bản, liền sợ hãi sâu xa, hổ thẹn buông bỏ, chẳng nhiều lượt làm các hạnh ác. Như Lai vì lợi ích kẻ đó, bèn nói có ô đạo sa-môn. Vì có sao vậy? Kẻ đó tạo ác nghiệp nặng nề như thế xong, liền lập tức phơi bày, chẳng dám giấu giếm, hổ thẹn sám hối. Kẻ đó do hổ thẹn sám hối như vậy, tội được trừ diệt, vĩnh viễn đoạn sự tiếp nối [của ác nghiệp], chẳng còn làm nữa. Tuy trong hết thấy các pháp sự của hàng sa-môn, vẫn bị trục xuất, chẳng được phép thọ dụng hết thấy các vật dụng của sa-môn, nhưng do kẻ đó trở thành pháp khí trong tam thừa, cho nên Như Lai từ bi, hoặc vì kẻ đó nói pháp Thanh Văn Thừa, hoặc vì kẻ đó nói pháp Duyên Giác Thừa, hoặc vì kẻ đó nói pháp Vô Thượng Thừa. Do vì điều này, kẻ ấy chuyển sanh sang đời thứ hai, đời thứ ba, do sức phát nguyện chân chánh, do sức gặp gỡ bạn lành, hết thấy các nghiệp chướng ác trót làm thấy đều tiêu diệt. Hoặc là có khi chứng đắc*

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

*quả Thanh Văn Thừa, hoặc có kẻ chứng đắc quả Duyên Giác Thừa rồi bát Niết Bàn, hoặc có người ngộ nhập lý Vô Thượng Thừa rộng lớn rất sâu. Như thế thì đối với kẻ giới hoại mà kiến chẳng hoại cũng nên biết sẽ giống như thế).*

Tiếp đó, đối với mỗi nhân [tạo tác Vô Y Hạnh] đều nói lại một lượt.

Tuy đã phá giới, nhưng trong đời này, kẻ ấy có thể sám hối sửa lỗi, đức Phật lại nói pháp tam thừa cho kẻ đó. Trong đời thứ hai, hay đời thứ ba, kẻ đó do sức phát khởi chánh nguyện, lại được gặp gỡ các thượng thiện hữu, tất cả các ác nghiệp chướng đều tiêu diệt. Do vậy, chứng đắc pháp Thanh Văn Thừa, hoặc có người chứng đắc pháp Duyên Giác Thừa, hoặc chứng đắc pháp Vô Thượng Thừa rộng lớn rất sâu. Đó gọi là “*giới hoại, kiến bất hoại, ung tri diệt nhĩ*” (đó gọi là giới hoại, kiến chẳng hoại, hãy nên biết cũng thế).

Thứ nhất là “*gia hạnh hoại, ý nhạo bất hoại*” và “*ý nhạo hoại, gia hạnh bất hoại*”, gộp chung cả hai điều để giải thích. “*Gia hạnh hoại*” là chẳng có phương tiện thiện xảo. Vì đã phá giới, sẽ chẳng có phương tiện thiện xảo. Tuy gia hạnh đã hoại, nhưng ý nhạo bất hoại, [nghĩa là] người ấy còn có thể hổ thẹn, có thể sám hối, còn có thể phát lộ. Tuy là ô đạo sa-môn, vẫn có thể phát lộ sám hối, có biểu hiện hối cải, tội nghiệp của kẻ đó có thể bị trừ diệt. Do vậy, đức Phật dạy: “*Đối với ô đạo sa-môn, cũng phải nên cúng dường, phải nên tôn kính*”, là do ý nghĩa này.

Tuy ô đạo sa-môn chẳng thể chứng quả trong đời này, nhưng trong đời thứ hai, hoặc đời thứ ba, sức mạnh chánh kiên của người ấy sẽ phát huy. Lại gặp thiện hữu dìu dắt, vậy thì hết thảy các nghiệp chướng ác do người ấy đã tạo đều bị tiêu diệt. Còn như chứng đắc quả Thanh Văn Thừa, hoặc chứng đắc quả Duyên Giác Thừa rồi bát Niết Bàn, sẽ chẳng nhất định, phải tùy thuộc tình huống tu tập của người ấy trong đời thứ hai, hay đời thứ ba.

“*Hoặc hữu ngộ nhập quảng đại thậm thâm Vô Thượng Thừa lý, như thị giới hoại, kiến bất hoại*” (Hoặc là có kẻ ngộ nhập lý Vô Thượng Thừa rộng lớn rất sâu, giới hoại mà kiến chẳng hoại như thế): Người ấy tuy phá giới, nhưng tri kiến chẳng bị phá hoại, vẫn nhận biết chính mình sai lầm. Có những kẻ tuy làm sai, nhưng chẳng thừa nhận, còn cho rằng chính mình làm đúng, đó là thật sự ác. Tuy đã phá giới, người ấy vẫn có chánh tri, chánh kiến, có thể sám hối sửa đổi.

*(Kinh) Nhược hữu Bồ Đặc Già La, ý nhạo hoại, gia hạnh bất hoại, Như Lai vị ích bỉ cố, thuyết cầu Tứ Phạm Trụ pháp. Bỉ thị Thanh Văn Thừa khí, hoặc thị Duyên Giác Thừa khí. Nhược hữu Bồ Đặc Già La gia hạnh, ý nhạo câu hoại, bỉ u chư thừa, giai phi pháp khí, Như Lai vị ích bỉ cố, tán thuyết bồ thí. Nhược hữu Bồ Đặc Già La kiến hoại, giới bất hoại, Như Lai vị ích bỉ cố, thuyết duyên khởi pháp linh xả ác kiến, u hiện thân trung, nhập Thanh Văn pháp, hoặc Duyên Giác pháp, hoặc u dư thân, phương năng ngộ nhập.*

(經)若有補特伽羅，意樂壞，加行不壞，如來為益彼故，說求四梵住法。彼是聲聞乘器，或是緣覺乘器。若有補特伽羅，加行、意樂俱壞，彼於諸乘，皆非法器，如來為益彼故，讚說佈施。若有補特伽羅，見壞、戒不壞，如來為益彼故，說緣起法令舍惡見，於現身中，入聲聞法，或緣覺法，或於餘身，方能悟入。

*(Kinh: Nếu có Bồ Đặc Già La ý nhạo hoại, gia hạnh bất hoại, Như Lai vì lợi ích người đó, nói hãy cầu pháp Tứ Phạm Trụ. Người ấy là pháp khí Thanh Văn Thừa, hoặc là pháp khí Duyên Giác Thừa. Nếu có Bồ Đặc Già La mà gia hạnh lẫn ý nhạo đều hư hoại thì kẻ đó chẳng phải là pháp khí nơi các thừa, Như Lai vì lợi ích người đó bèn khen nói bồ thí. Nếu có Bồ Đặc Già La mà kiến hoại, giới bất hoại, Như Lai vì lợi ích người đó, sẽ nói pháp duyên khởi, khiến cho người ấy bỏ ác kiến, nơi thân hiện tại bèn nhập pháp Thanh Văn, hoặc pháp Duyên Giác, hoặc từ nơi thân khác mới có thể ngộ nhập).*

“*Nhược hữu Bồ Đặc Già La ý nhạo hoại, gia hạnh bất hoại*” (Nếu có Bồ Đặc Già La ý nhạo hoại, gia hạnh bất hoại), [nghĩa là] tuy người ấy chẳng ưa thích Phật giáo, chẳng tin tưởng Phật pháp cho lắm (đó là “ý nhạo hoại”), nhưng người ấy tu tập chẳng gián đoạn, niệm kinh, theo thường lệ mà tụng niệm khóa tụng, theo lệ thường mà lễ bái (đó là “gia hạnh bất hoại”). Ý nhạo của người ấy bị hoại, tín tâm chẳng trọn đủ, chẳng nầy sanh hứng thú, nhưng gia hạnh bất hoại, cứ theo lệ thường mà hành trì. Do sức gia trì của Tam Bảo, có thể khiến cho người ấy còn có thể tìm lại, khôi phục ý nhạo.

Phương tiện thiện xảo, phương tiện chứng đạo, khi quý vị muốn tu đạo, trước đó phải có gia hạnh. Gia hạnh (加行) là gì vậy? Là phương tiện thiện xảo. Không nhất định rap lạy mười vạn lần, chẳng nhất định là

niệm mười vạn Bách Tự Minh Chú<sup>1</sup>, cũng chẳng nhất định phải niệm mười vạn lần bài Tam Bảo Tụng. Đó là tu gia hạnh theo kiểu Mật Tông. Trong Hiến giáo, đọc tụng, lễ bái, sám hối, tụng niệm sáng tối đều gọi là gia hạnh. Đó là phương tiện thiện xảo trước khi tu đạo, gia hạnh là phương tiện thiện xảo. Như Lai vì làm cho người ấy đạt được lợi ích, “*thuyết cầu Tứ Phạm Trụ pháp*” (nói hãy cầu pháp Tứ Phạm Trụ). Pháp Tứ Phạm Trụ là Tứ Vô Lượng Tâm. Tứ Vô Lượng Tâm là từ, bi, hỷ, xả, có thể thanh tịnh cái tâm của quý vị. Nếu là pháp khí Thanh Văn Thừa, hoặc là pháp khí Duyên Giác Thừa, thế thì người ấy tu Duyên Giác Thừa, hay tu Thanh Văn Thừa, sẽ có thể thoát lìa nỗi khổ. Vì thế, đối với

---

<sup>1</sup> Bách Tự Minh Chú là một bài chú, do gồm có một trăm âm, cho nên gọi tên như vậy, tức: “*Oṃ Vajrasatva Samaya Manupālaya, Vajrasatva Tvenopa Tiṣṭhā, Dr̥ḥo Me Bhava, Sutoṣyo Me Bhava, Anurakto Me Bhava, Suṣoṣyo Me Bhava, Sarva Siddhim Me Prayaccha, Sarva Karmasu Ca Me Cittam Śriyāṃ Kuru Hūṃ, Haha Haha Hoḥ, Bhagavān Sarva Tathāgata Vajra Ma Me Muñca, Vajri Bhava Mahā Samaya Satva Āḥ*”. Bài chú này do Kim Cang Tát Đỏa Bồ Tát (Vajrasattva) nói ra. Theo Mật giáo Tây Tạng, bài chú này có công năng thanh lọc thân tâm, tiêu trừ nghiệp chướng, bổ khuyết những thiếu sót trong khi tu tập, tương ứng với tam-ma-địa, trừ diệt tội Ngũ Vô Gian, trừ hết thầy khổ não, cầu hết thầy Như Lai gia trì, thành tựu các Tát-địa, chứng nhập thể tánh của hết thầy Như Lai. Theo Chân Ngôn Tông, Kim Cang Tát Đỏa là hóa thân của Phổ Hiền Bồ Tát khi dạy Mật Giáo, còn Tạng Truyền Phật Giáo lại nói Ngài là hóa thân Phật của Phổ Hiền Vương Như Lai (Samantabhadra Rājā Tathāgata, còn gọi là A Đề Phật, tức Nguyên Thi Phật, là Pháp Thân của hết thầy chư Phật). Vị này đóng vai trò trọng yếu trong Chân Ngôn Tông, vì Đông Mật coi Ngài là nhị tổ (Đại Nhật Như Lai là Sơ Tổ), tam tổ Long Thọ Bồ Tát đã học Mật Pháp từ Kim Cang Tát Đỏa Bồ Tát nơi tháp sắt ở Nam Ấn Độ. Kim Cang Tát Đỏa biểu thị tâm linh thuần tịnh. Trước khi tu bất cứ Mật pháp nào, để thật sự đủ tư cách tiếp nhận quán đảnh, hành giả phải tịnh hóa thân tâm bằng cách thực hiện pháp sám hối (thường gọi là Nyunge trong tiếng Tạng) bao gồm ăn cư, lễ bái mười vạn đại lễ (cách lễ từ đứng thẳng rồi quỳ rạp xuống đất, duỗi thẳng thân và tay áp sát mặt đất), tụng mười vạn chú Bách Tự Minh Chú, các bài tán tụng chẳng hạn Tam Bảo Tụng, cúng dường bằng cách quán tưởng và phụng hiến Mạn-đà-la (thường là dâng cúng bằng gạo hay đá quý). Để thực hiện viên mãn nghi lễ chuẩn bị này, hành giả tối thiểu phải hành trì liên tục mỗi ngày từ ba năm đến năm năm mới có thể hoàn tất. Sau đó, mới có tư cách được truyền thọ Mật pháp. Sau khi đã được truyền thọ Mật pháp, lại phải nhập thất hành trì cho đến khi vị A Xà Lê xét thấy đệ tử đủ tư cách mới ấn chứng, cho phép truyền dạy đạo. Vì thế, những ai tự xưng theo học với các vị chân sư Tây Tạng, trong ba năm, năm năm, đã được gia trì quán đảnh làm A Xà Lê, chứng đắc này nọ, phần lớn đều là mạo xưng, lừa gạt tín đồ. Kinh Tô Tát Địa đã dạy rất chi tiết về tiêu chuẩn của một vị A Xà Lê.

loại tỳ-kheo ô đạo, tức ô đạo sa-môn, đức Phật đã tạo phương tiện thiện xảo như thế để nhiếp thọ họ.

*“Nhược hữu Bồ Đặc Già La gia hạnh, ý nhạo câu hoại, bỉ ư chư thừa, giai phi pháp khí”* (Nếu có Bồ Đặc Già La gia hạnh lẫn ý nhạo đều hoại, kẻ đó đối với các thừa đều chẳng phải là pháp khí): Gia hạnh hư hoại, mà ý nhạo cũng hư hoại. Đối với Duyên Giác Thừa cũng thế, mà đối với Thanh Văn Thừa cũng thế, đối với Đại Thừa Phật pháp cũng thế, kẻ đó đều chẳng phải là pháp khí. Làm như thế nào đây? Đức Phật liền vì kẻ đó khen nói pháp bồ thí, hãy làm thiện sự cho nhiều, thí xả cho nhiều. Đây cũng là một phương pháp nhiếp thọ khác.

*“Nhược hữu Bồ Đặc Già La kiến hoại, giới bất hoại”* (Nếu có Bồ Đặc Già La kiến hoại, giới bất hoại), tức là tuy tri kiến bất chánh, nhưng kẻ đó chẳng phá giới. Như thế thì Như Lai do gia hộ kẻ đó, bèn nói pháp duyên khởi, khiến cho kẻ đó xả ác kiến, khiến cho kẻ đó nhận biết các pháp do nhân duyên sanh khởi. *“Ư hiện thân trung, nhập Thanh Văn pháp, hoặc Duyên Giác pháp, hoặc ư dư thân, phương năng ngộ nhập”* (Trong thân hiện tại, nhập pháp Thanh Văn, hoặc pháp Duyên Giác, hoặc từ nơi thân khác mới có thể ngộ nhập): Đời này vẫn chưa được, đời sau mới có thể ngộ nhập. Loại thứ tư là *“giới hoại, kiến bất hoại”*. Đối với *“giới hoại, kiến bất hoại”* và *“kiến hoại, giới bất hoại”* có thể giải thích cùng lúc. Như Lai vì khiến cho kẻ đó được lợi ích, liền *“thuyết duyên khởi pháp, linh xả ác kiến”* (nói pháp duyên khởi khiến cho họ bỏ ác kiến). Hoặc là kiến hoại, giới bất hoại, hoặc kẻ đó là giới hoại, kiến bất hoại, hai loại ấy đều tương tự; cho nên chẳng cần phải nhắc lại.

***(Kinh) Nhược hữu Bồ Đặc Già La, giới kiến câu hoại, bỉ ư thánh pháp, diệt bất thành khí. Như Lai vị ích bỉ cố, tán thuyết bồ thí. Nhược hữu Bồ Đặc Già La, gia hạnh, ý nhạo, giới, kiến bất hoại, nhi dẫn y chỉ ác hữu lực hạnh, Như Lai vị ích bỉ cố, tán thuyết Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nhược hữu Bồ Đặc Già La, tuy phục y chỉ thiện hữu lực hạnh, nhi phục ngu độn, do như á dương, bất năng lãnh thọ thiện, bất thiện pháp. Như Lai vị ích bỉ cố, tán thuyết tập tụng. Nhược vị chủng chủng tham bệnh sở bức, hữu vị chủng chủng kiến thú mê hoặc, Như Lai vị ích như thị đặng cố, cầu giải thoát giả, vị kỳ khai thị năng xuất sanh tử, thú Thanh Văn Thừa Tứ Thánh Đế pháp. Đoạn Kiến Luận giả, vị kỳ tán thuyết chư duyên khởi pháp. Thường Kiến Luận giả, vị thuyết tam giới, chư hữu, chư thú, tử thử, sanh bỉ, như đào gia luân vãng lai vô tuyệt, vô thường đặng pháp.***



(經)若有補特伽羅，戒見俱壞，彼於聖法，亦不成器。如來為益彼故，讚說佈施。若有補特伽羅，加行、意樂、戒、見不壞，而但依止惡友力行，如來為益彼故，讚說十善業道。若有補特伽羅，雖復依止善友力行，而復愚鈍，猶如啞羊，不能領受善不善法。如來為益彼故，讚說習誦。若為種種貪病所逼，有為種種見趣迷惑，如來為益如是等故，求解脫者，為其開示能出生死，趣聲聞乘四聖諦法。斷見論者，為其讚說諸緣起法。常見論者，為說三界，諸有，諸趣，死此，生彼，如陶家輪往來無絕，無常等法。

*(Kinh: Nếu có Bồ Đặc Già La giới lẫn kiến đều hoại, kẻ đó đối với thánh pháp cũng chẳng thành pháp khí. Như Lai vì lợi ích kẻ đó, khen nói bố thí. Nếu có Bồ Đặc Già La, gia hạnh, ý nhạo, giới, kiến chẳng hoại, chỉ vì y chỉ lực hạnh của bạn ác, Như Lai do lợi ích kẻ đó, bèn khen nói Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nếu có Bồ Đặc Già La tuy y chỉ lực hạnh của bạn lành, nhưng lại ngu độn giống như dê câm, chẳng thể lãnh nhận thiện pháp và bất thiện pháp. Như Lai vì lợi ích kẻ đó, khen nói tập tụng. Nếu có kẻ bị các thứ bệnh tham bực bách, bị các kiến giải mê hoặc, Như Lai vì lợi ích những kẻ cầu giải thoát như thế, liền vì họ khai thị pháp Tứ Thánh Đế để họ có thể thoát khỏi đường sanh tử theo Thanh Văn Thừa. Vì kẻ chấp Đoạn Kiến Luận mà khen ngợi các pháp duyên khởi. Vì kẻ chấp Thường Kiến Luận mà nói các hữu, các đường trong tam giới, chết đây, sanh kia như cái bánh xe của thợ gốm xoay tròn không dứt, vô thường v.v...)*

*“Nhược hữu Bồ Đặc Già La, giới kiến câu hoại, bỉ u thánh pháp, diệc bất thành khí”* (Nếu có Bồ Đặc Già La giới lẫn kiến đều hoại, kẻ đó đối với thánh pháp cũng chẳng thành pháp khí): Như thế thì đức Phật sẽ vì kẻ đó nói pháp bố thí, khiến cho Bồ Đặc Già La ấy cũng có thể được cứu.

*“Nhược hữu Bồ Đặc Già La gia hạnh, ý nhạo, giới, kiến bất hoại”* (Nếu có Bồ Đặc Già La gia hạnh, ý nhạo, giới và kiến đều chẳng hoại), gia hạnh cũng bất hoại, ý nhạo cũng bất hoại, giới cũng bất hoại, kiến cũng bất hoại. Đây chẳng phải là rất tốt hay sao? Nhưng kẻ đó có bạn ác, kẻ bại hoại kết bè kéo đảng, nương theo sức của bạn ác, làm theo bạn ác,

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

hồng hét mất rồi! Chẳng hạn như anh ngài A Nan là Đề Bà Đạt Đa, chẳng phải là thân đọa hãm trong địa ngục ư? Ông ta lôi kéo năm trăm vị tỳ-kheo tách khỏi Tăng đoàn, năm trăm vị tỳ-kheo ấy theo ông ta phá hòa hợp Tăng. Năm trăm vị tỳ-kheo ấy kiến cũng bất hoại, giới cũng bất hoại, ý nhạo cũng bất hoại, nhưng làm theo ác hữu, phạm tội Nhất Xiển Đề, lòng tin chẳng trọn đủ!

*“Nhược hữu Bồ Đặc Già La tuy phục y chỉ thiện hữu lực hạnh, nhi phục ngu độn”* (Nếu có Bồ Đặc Già La tuy vẫn y chỉ lực hạnh của thiện hữu, nhưng lại ngu độn): Loại này trái ngược. Có một loại đi theo bạn lành, nhưng trì độn quá mức, chuyện gì cũng đều chẳng biết, đã chẳng thể thuyết pháp, mà cũng chẳng thể phân biệt rõ ràng nghĩa lý, giống hệt như dê câm. Dê câm chẳng thể nói được. Đức Phật dùng con dê câm để tỷ dụ kẻ đó chẳng hiểu biết Phật pháp chi cả, cũng chẳng thể tiếp nhận gì là thiện pháp, gì là bất thiện pháp, là một vị Tăng giống như con dê câm.

*“Nhu Lai vị ích bỉ cố, tán thuyết tập tụng”* (Nhu Lai vì lợi ích kẻ đó mà khen nói tập tụng): Người đó hãy đọc nhiều kinh sách Đại Thừa, đọc nhiều kinh điển, học tập tụng kinh.

*“Nhược vị chủng chủng tham bệnh sở bức, hữu vị chủng chủng kiến thú mê hoặc. Nhu Lai vị ích như thị đẳng cố, cầu giải thoát giả, vị kỳ khai thị năng xuất sanh tử, thú Thanh Văn Thừa Tứ Thánh Đế pháp”* (Nếu có người bị các thứ bệnh tham bức bách, có người bị các thứ tri kiến mê hoặc. Nhu Lai vì lợi ích những kẻ cầu giải thoát như thế, bèn vì họ khai thị pháp Tứ Thánh Đế thoát khỏi đường sanh tử theo pháp Thanh Văn Thừa), tức là pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bồ Đặc Già La có mười loại, trong loại thứ tám bèn nói đến cả loại thứ chín và thứ mười, hoàn toàn chẳng nêu ra từng điều [riêng rẽ]. Đó là có lúc nói gộp lại, có khi nói tách ra, quý vị cứ chiếu theo kinh văn, vừa nhìn sẽ biết ngay.

Đối với *“Đoạn Kiến Luận giả, vị kỳ tán thuyết chư duyên khởi pháp. Thường Kiến Luận giả, vị thuyết tam giới, chư hữu, chư thú, tử thú, sanh bỉ”* [nghĩa là] nếu đối với kẻ theo Thường Kiến Luận, bèn nói pháp chẳng thường, tức là: Do [kẻ tuân theo] Thường Kiến Luận cho rằng hết thấy, tức núi, sông, đại địa, đều bất biến, vĩnh viễn tồn tại. Người chết đi rồi sẽ lại tái sanh. Tuy là sống sống, chết chết, chết chết, sống sống, kẻ đó vẫn nghĩ là thường hằng. Hoặc là đối với thọ mạng, mong sống một ngàn năm. Đây là chúng sanh theo Thường Kiến. Họ thấy hết thấy sự vật dường như chẳng hư hoại, cho nên tăng trưởng tâm tham. Nhưng đây là sai lầm, tam giới đều là vô thường!

Đức Phật nói một tỷ dụ là “đào gia luân” (陶家輪, cái bàn xoay của thợ gốm). Làm đồ sứ thì có một cái bánh xe (bàn xoay), đặt đồ gốm trên ấy, sẽ xoay tròn như vậy để nặn. [Cái bánh xe ấy] chuyển động không ngừng, [dùng vật này để tỷ dụ] chẳng có pháp thường hằng để đạt được. Dùng điều này để hình dung vô thường.

*(Kinh) Thiện nam tử! Như Lai vô hữu sở thuyết, danh tự, ngôn thuyết, âm thanh, không vô quả giả, vô bất giai vị thành thực hữu tình. Thị cố, nhất thiết hủy báng Như Lai sở thuyết chánh pháp, hoại chư hữu tình chánh pháp nhãn tội, quá chư Vô Gian, tự Vô Gian đặng vô lượng trọng tội. Nhược hữu u ngã vị dục lợi lạc nhất thiết hữu tình sở thuyết chánh pháp, vị y Thanh Văn Thừa sở thuyết chánh pháp, hoặc y Duyên Giác Thừa sở thuyết chánh pháp, hoặc y Đại Thừa sở thuyết chánh pháp, phỉ báng, giá chỉ, chướng tế, ẩn một, hạ chí nhất tụng, đương tri thị danh báng chánh pháp giả, diệc danh hủy diệt Bát Thánh Đạo giả, diệc danh phá hoại nhất thiết hữu tình chánh pháp nhãn giả. Như thị chi nhân, ký tự tập hành đại vô lợi hạnh, diệc linh nhất thiết hữu tình tập hành đại vô lợi hạnh. Thử nhân y chỉ vô tầm quý Tăng, như thị hủy báng Như Lai chánh pháp.*

(經)善男子！如來無有所說，名字，言說，音聲，空無果者，無不皆為成熟有情。是故，一切譏謗如來所說正法，壞諸有情正法眼罪，過諸無間，似無間等無量重罪。若有於我為欲利樂一切有情所說正法，謂依聲聞乘所說正法，或依緣覺乘所說正法，或依大乘所說正法，誹謗遮止，障蔽隱沒，下至一頌，當知是名謗正法者，亦名毀滅八聖道者，亦名破壞一切有情正法眼者。如是之人，既自習行大無利行，亦令一切有情習行大無利行。此人依止無慚愧僧，如是譏謗如來正法。

*(Kinh: Này thiện nam tử! Như Lai chẳng có gì để nói, danh tự, ngôn thuyết, âm thanh đều là Không, chẳng thực tại, không gì chẳng nhằm đều khiến cho hữu tình thành thực. Vì thế, hết thảy tội hủy báng chánh pháp do Như Lai đã nói, làm hư con mắt chánh pháp của hữu tình, còn nặng hơn vô lượng trọng tội như tội Vô Gian, hay tội tương tự Vô Gian v.v... Nếu có kẻ đối với chánh pháp do ta đã nói nhằm lợi lạc hết thảy hữu tình, tức là chánh pháp đã nói do dựa theo Thanh Văn*

*Thừa, chánh pháp đã nói do dựa theo Duyên Giác Thừa, hoặc chánh pháp đã nói do dựa theo Đại Thừa, mà phủ báng, ngăn trở, chướng lấp, ẩn giấu, dấu chỉ một bài tụng, hãy nên biết [tội ấy] sẽ gọi là hủy báng chánh pháp, cũng gọi là hủy diệt Bát Thánh Đạo, cũng gọi là phá hoại con mắt chánh pháp của hết thầy hữu tình. Người như thế đã tự làm hạnh vô ích to lớn, mà cũng khiến cho hết thầy hữu tình tập làm hạnh vô ích to lớn. Kẻ đó y chỉ hạng tăng sĩ không hổ thẹn, hủy báng chánh pháp của Như Lai như thế đó).*

Danh tự, ngôn thuyết và âm thanh do Như Lai đã nói đều là Không, chẳng có thật thể. “*Vô quả*” (無果) là chẳng có thực tại, đều là Không. Do vậy, tướng danh tự, tướng ngôn thuyết, âm thanh, đều là giả, như mộng, huyễn, bọt, bóng. Nói là Không, “*vô quả*” tức là chẳng có thực tại. “*Vô bất giai vị thành thực hữu tình*” (Không gì chẳng đều vì thành thực hữu tình): Mục đích là khiến cho chúng sanh đắc độ, nhằm mục đích này!

“*Thị cố nhất thiết hủy báng Như Lai sở thuyết chánh pháp, hoại chư hữu tình chánh pháp nhân tội, quá chư Vô Gian, tự như Vô Gian đẳng vô lượng trọng tội*” (Vì thế, hết thầy các tội hủy báng chánh pháp do Như Lai đã nói, phá huỷ con mắt chánh pháp của hữu tình còn nặng hơn vô lượng trọng tội như tội Vô Gian, hay tội tương tự Vô Gian v.v...): Nếu quý vị hủy báng pháp như vậy, sẽ mắc tội ác rất lớn. Hủy diệt pháp do Như Lai đã nói, sẽ giống như hủy diệt con mắt chánh pháp của chúng sanh, đó gọi là “*phạm tội hủy diệt pháp*”. So với các tội Vô Gian trong thế gian, cho đến tội tương tự Vô Gian, vô lượng các tội, tội diệt pháp lớn nhất. Đây là trả lời cho điều hoài nghi của Kim Cang Tạng Bồ Tát.

***(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Hữu tứ chủng Tăng, hà đẳng vi tứ? Nhất giả, thắng nghĩa Tăng. Nhị giả, thế tục Tăng. Tam giả, á dương Tăng. Tứ giả, vô tầm quý Tăng. Vân hà danh thắng nghĩa Tăng? Vị Phật Thế Tôn, nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, kỳ đức tôn cao, ư nhất thiết pháp, đắc tự tại giả, nhược Độc Thắng Giác, nhược A La Hán, nhược Bất Hoàn, nhược Nhất Lai, nhược Dự Lưu. Như thị thất chủng Bồ Đặc Già La, thắng nghĩa Tăng nhiếp. Nhược chư hữu tình, đởi tại gia tướng, bất thể tu phát, bất phục ca-sa, tuy bất đắc thọ nhất thiết xuất gia biệt giải thoát giới, nhất thiết yết-ma, bồ-tát, tự tứ, tất giai giá khiển, nhi hữu thánh pháp, đắc thánh quả cố, thắng***

nghĩa Tăng nhiếp. Thị danh thắng nghĩa Tăng. Vân hà danh thế tục Tăng? Vị thế tu phát, bị phục ca-sa, thành tựu xuất gia biệt giải thoát giới. Thị danh thế tục Tăng. Vân hà danh á dương Tăng? Vị bất liễu tri căn bản đặng tội, phạm dữ bất phạm, bất tri khinh trọng, hủy phạm chủng chủng tiểu tùy, tiểu tội, bất tri phát lộ sám hối sở phạm, xuẩn ngu, lỗ độn, u vi tiểu tội bất kiến, bất úy, bất y thông minh thiện sĩ nhi trụ, bất thời thời gian, vãng nghệ đa văn, thông minh giả sở thân cận, thừa sự, diệc bất sở sở cung kính thỉnh vấn: “Vân hà vi thiện? Vân hà bất thiện? Vân hà hữu tội? Vân hà vô tội? Tu hà vi diệu? Tác hà vi ác?” Như thị nhất thiết Bồ Đặc Già La, á dương Tăng nhiếp. Thị danh á dương Tăng. Vân hà danh vô tầm quý Tăng? Vị nhược hữu tình, vị hoạt mạng cố, quy y ngã pháp, nhi cầu xuất gia. Đắc xuất gia dĩ, u sở thọ trì biệt giải thoát giới, nhất thiết hủy phạm, vô tầm, vô quý, bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả, nội hoài hủ bại, như uế oa loa, bối âm cầu hạnh, thường háo hu ngôn, tăng vô nhất thật, xan tham, tật đố, ngu si, kiêu mạn, ly tam thắng nghiệp, tham trước lợi dưỡng, cung kính, danh dự, đam miện lục trần, háo nhạo dâm dật, ái dục, sắc, thanh, hương, vị, xúc cảnh. Như thị nhất thiết Bồ Đặc Già La, vô tầm Tăng nhiếp, hủy báng chánh pháp. Thị danh vô tầm quý Tăng.

(經)復次，善男子！有四種僧，何等為四？一者、勝義僧。二者、世俗僧。三者、啞羊僧。四者、無慚愧僧。云何名勝義僧？謂佛世尊，若諸菩薩摩訶薩眾，其德尊高，於一切法，得自在者，若獨勝覺，若阿羅漢，若不還，若一來，若預流。如是七種補特伽羅，勝義僧攝。若諸有情，帶在家相，不剃鬚發，不服袈裟，雖不得受一切出家別解脫戒，一切羯磨、布薩、自恣悉皆遮遣，而有聖法，得聖果故，勝義僧攝。是名勝義僧。云何名世俗僧？謂剃鬚發，被服袈裟，成就出家別解脫戒。是名世俗僧。云何名啞羊僧？謂不了知根本等罪，犯與不犯，不知輕重，毀犯種種小隨小罪，不知發露懺悔所犯，蠢愚魯鈍，於微小罪，不見不畏，不依聰明善士而住，不時時間，往詣多聞，聰明者所親近承事，亦不數數恭敬請問：「云何為善？云何不善？云何有罪？云何無罪？修何為妙？作何為惡？」如是一切補特伽羅，啞羊僧攝

。是名啞羊僧。云何名無慚愧僧？謂若有情，為活命故，皈依我法，而求出家。得出家已，於所受持別解脫戒，一切毀犯無慚無愧，不見不畏後世苦果，內懷腐敗，如穢蝸螺，貝音狗行，常好虛言，曾無一實，慳貪、嫉妒、愚癡、憍慢，離三勝業，貪著利養，恭敬名譽，耽湎六塵，好樂淫泆，愛慾色聲香味觸境。如是一切補特伽羅，無慚僧攝，譏謗正法。是名無慚愧僧。

*(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Có bốn loại Tăng, những gì là bốn? Một là tăng nghĩa Tăng. Hai là thế tục Tăng. Ba là Tăng dê câm. Bốn là Tăng không hổ thẹn. Thế nào là tăng nghĩa Tăng? Tức là Phật Thế Tôn, hoặc là các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đức hạnh tôn quý, cao cả, được tự tại trong hết thảy các pháp, hoặc là Độc Thắng Giác, hoặc A La Hán, hoặc Bất Hoàn, hoặc Nhất Lai, hoặc Dự Lưu. Bảy loại Bồ Đặc Già La như thế thuộc vào tăng nghĩa Tăng. Nếu các hữu tình mang hình tướng tại gia, chẳng cạo râu tóc, chẳng đắp ca-sa, tuy chẳng được thọ hết thảy các biệt giải thoát giới của hàng xuất gia, hết thảy các pháp yết-ma, bố-tát, tự tứ đều bị cấm dự, bị đuổi ra, nhưng người ấy có thánh pháp. Do đắc thánh quả, nên thuộc về thánh nghĩa Tăng. Đó gọi là tăng nghĩa Tăng. Thế nào là thế tục Tăng? Tức là cạo bỏ râu tóc, khoác đắp ca-sa, thành tựu biệt giải thoát giới của hàng xuất gia. Đó gọi là thế tục Tăng. Thế nào Tăng dê câm? Tức là đối với các tội căn bản, chẳng biết rõ có phạm hay chẳng phạm, chẳng biết nặng hay nhẹ, hủy phạm đủ thứ tiểu tùy<sup>2</sup>, tiểu tội, chẳng biết phơi bày, sám hối các tội đã phạm, ngu xuẩn, thô lỗ, dằn độn, chẳng thấy, chẳng sợ các tội nhỏ nhặt, chẳng nương theo bậc thiện sĩ thông minh để trụ, chẳng thường luôn đến chỗ bậc đa văn, thông minh để thân cận, phụng sự, cũng chẳng nhiều lượt cung kính thưa hỏi: “Thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là có tội? Thế nào là vô tội? Tu pháp gì là tốt nhất? Làm điều gì là ác?” Hết thảy Bồ Đặc Già La như thế thuộc loại Tăng dê câm. Đó là Tăng dê câm. Thế nào là Tăng không hổ thẹn? Tức là nếu có hữu tình vì để nuôi thân mà quy y pháp của ta, cầu xuất gia. Đã được xuất gia, đối với biệt giải thoát*

---

<sup>2</sup> Tiểu Tùy là các loại tâm sở được xếp vào loại Tiểu Tùy Phiền Não tức Phẫn, Hận, Phú (giấu giếm tội lỗi của chính mình), Não (não loạn người khác), Tật (ghen ghét), Xan (keo kiệt), Khí (hẹp hòi), Cuồng (lường gạt người khác), Hại (làm hại người khác), Kiêu.

giới đã thọ, bèn hủy phạm hết thầy, chẳng hổ, chẳng thẹn, chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả trong đời sau, lòng ôm ấp những điều thối nát như con ốc sên dơ bẩn, hành theo hạnh của chó, thường ham chuộng lời rỗng tuếch, chẳng nói một điều nào chân thật, keo kiệt, tham lam, ganh ghét, ngu si, kiêu mạn, lừa ba nghiệp thù thắng, tham đắm lợi dưỡng, cung kính, danh dự, đắm đuối sáu trần, ưa chuộng dâm dật, ái dục, và cảnh thanh, hương, vị, xúc. Hết thầy Bồ Đặc Già La như thế thuộc loại Tăng không hổ thẹn, hủy báng chánh pháp. Đó gọi là Tăng không hổ thẹn).

“Phục thứ, thiện nam tử! Hữu tứ chủng Tăng” (Lại này, thiện nam tử! Có bốn loại Tăng): Kinh văn chẳng nói đến loại Tăng kéo bè, kết đảng. “Hà đẳng vi tứ? Nhất giả, thắng nghĩa Tăng. Nhị giả, thế tục Tăng. Tam giả, á dương Tăng. Tứ giả, vô tầm quý Tăng” (Những gì là bốn? Một là thắng nghĩa Tăng. Hai là thế tục Tăng. Ba là Tăng dê câm. Bốn là Tăng không hổ thẹn). Thắng nghĩa Tăng là gì? “Vi Phật Thế Tôn, nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, kỳ đức tôn cao, u nhất thiết pháp đắc tự tại giả” (Tức là Phật Thế Tôn, hoặc các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đức hạnh tôn quý, cao cả, được tự tại trong hết thầy các pháp), đó là Thắng Nghĩa Tăng. “Nhược Độc Thắng Giác, nhược A La Hán” (Hoặc là Độc Thắng Giác, hoặc A La Hán), [Độc Thắng Giác] tức là Độc Giác, A La Hán là Vô Sanh. “Nhược Bát Hoàn” tức là Tam Quả Bát Hoàn (A Na Hàm, Anāgāmin). “Nhược Nhất Lai” là Nhị Quả (Tu Đà Hàm, Sakṛdāgāmin). “Nhược Dự Lưu” là thánh nhân Sơ Quả (Tu Đà Hoàn, Srotāpanna). Tu Đà Hoàn, A Na Hàm, Tu Đà Hàm, và A La Hán là quả Tứ Thánh Đế. Lại còn thêm Phật, Bồ Tát, và Độc Giác, tổng cộng bảy loại Bồ Đặc Già La. Phật cũng là một loại chúng sanh. Trong bảy loại Bồ Đặc Già La, Phật, Bồ Tát, Duyên Giác là ba loại, lại còn bốn quả, tức Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, và Tứ Quả, là bảy loại Bồ Đặc Già La. Bảy loại này đều thuộc vào Thắng Nghĩa Tăng.

“Nhược chư hữu tình đời tại gia tướng” (Nếu các hữu tình mang hình tướng tại gia), tuy chưa xuất gia, nhưng tâm người ấy xuất gia, thân chưa xuất gia, “bất thế tu phát, bất phục ca-sa” (chẳng cạo râu tóc, chẳng đắp ca-sa). Tuy chưa thọ biệt giải thoát giới của hàng xuất gia, hết thầy các pháp yết-ma, bố-tát, tự tứ, người ấy đều chẳng được phép tham gia. Đó chính là “giá khiển, giá chỉ” (遮遣, 遮止, ngăn che, đuổi ra [không cho tham dự]). “Nhi hữu thánh pháp” (Nhưng có thánh pháp), tại gia cũng có người đắc quả vị thù thắng. Hạng người này cũng thuộc loại Thắng Nghĩa Tăng. Tại gia đạt được quả vị thù thắng thì cũng gọi là

Thắng Nghĩa Tăng. “*Vân hà danh thế tục Tăng? Vị thế tu phát, bị phục ca-sa, thành tựu xuất gia biệt giải thoát giới, thị danh thế tục Tăng*” (Thế nào là thế tục Tăng? Tức là cạo râu tóc, thành tựu biệt giải thoát giới của hàng xuất gia thì gọi là thế tục Tăng): Do không chứng thắng quả, nên gọi là thế tục Tăng.

Thế nào là Tăng như dê câm? Chẳng biết rõ các tội căn bản có phạm hay không! Đối với căn bản giới, người đó chẳng biết gì là phạm, gì là không phạm. Phạm là như thế nào? Trong mỗi giới, đều trọn đủ năm duyên, chẳng hạn như sát giới: Sát nhân, sát pháp, sát duyên, sát nghiệp (cái nhân gây ra giết chóc, cách giết, duyên giúp cho sát nghiệp thành tựu, nghiệp giết), cho đến mạng tận. “*Mạng tận*” (命盡) là giết chết, đó mới là “*phạm*”. Nếu mạng chưa hết, nhưng có cái nhân giết chóc, tức ta muốn giết kẻ đó, mà cũng có cái duyên, chẳng hạn như dao, dùng vật dụng gì đó [để giết], thì gọi là Duyên. Sát nghiệp là nghĩ cách thức, tức là nghĩ giết bằng cách nào, hoặc là dùng dao chém, hoặc là bắn, hoặc dùng súng bắn cho chết. Tạo nghiệp ấy, cho đến nghĩ đủ mọi cách. Đối tượng bị giết chết, quý vị liền phạm tội này. Chẳng có những điều ấy, hễ thiếu một duyên thì tội chẳng thành. Quý vị ắt cần phải học, chẳng học sẽ không biết. Tăng dê câm chẳng học, họ không biết gì là phạm, gì là chẳng phạm, đây gọi là “*Tăng dê câm*”. Kẻ đó chẳng học, mà cũng chẳng thể nói cho người khác!

Thế nào là Tăng đáng hổ thẹn? Kẻ đó vì mạng sống, thấy bát cơm hòa thượng dễ ăn quá, đến trà trộn ăn chực cơm của người xuất gia. Tuy kẻ đó quy y Phật pháp, sau khi xuất gia, cũng thọ biệt giải thoát giới, nhưng hết thấy đều phạm. Kẻ đó căn bản là chẳng nghĩ tới xuất gia, cho nên hết thấy các giới đều phạm. Đã phạm lại chẳng sám hối, “*vô tâm, vô quý*” (không hổ, không thẹn), còn cho rằng bản thân đã làm đúng, cũng chẳng thấy khổ quả trong đời sau. Nội tâm thối nát, “*như uế oa loa*”, [nghĩa là bản thủ] giống như con ốc nhồi hoặc ốc sên, “*bối âm cầu hạnh*” là học theo hạnh của chó. Đã học theo chó mà còn ăn nói lớn lối, còn nói lời giả dối. “*Thường háo hư ngôn, tăng vô nhất thật*” (Thường chuộng lời hư dối, chưa hề nói một lời thành thật): Một câu lời nói thật đều chẳng có, đều là lời nói dối.

“*Xan tham, tật đố, ngu si, kiêu mạn*” (Keo tham, ghen ty, ngu si, kiêu mạn): Ba nghiệp thù thắng kẻ đó đều lia, [tức là] đối với ba nghiệp thù thắng nơi thân, miệng, ý, kẻ đó hoàn toàn xa lia. Kiêu mạn, ngu si, tham lam, keo kiệt, mười ác đều phạm toàn bộ. Lại còn tham đắm lợi dưỡng, cung kính, danh dự, tham đắm sáu trần, tức cảnh giới sáu trần



sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, chẳng bỏ một thứ nào. “*Háo nhạo dâm dật*” (Ham chuộng dâm dật): “*Háo nhạo dâm dật*” là chỉ cầu hưởng thụ. Nói đơn giản là “*ái dục, sắc, thanh, hương, vị, xúc cảnh. Như thị nhất thiết Bồ Đặc Già La, vô tầm Tăng nhiếp, hủy báng chánh pháp. Thị danh vô tầm quý Tăng*” (ái dục, sắc, thanh, hương, vị, xúc cảnh. Hết thầy Bồ Đặc Già La như thế thuộc loại Tăng không thẹn, hủy báng chánh pháp. Đó là Tăng không hổ thẹn).

*(Kinh) Thiện nam tử! Thắng nghĩa Tăng giả, u trung hoặc hữu, diệc thị thắng đạo sa-môn sở nhiếp. Ngôn thắng đạo giả, vị nhược năng y bát chi thánh đạo, tự độ nhất thiết phiền não sử lưu, diệc linh tha độ. Thử phục vân hà? Vị Phật Thế Tôn, cập Độc Thắng Giác, chư A La Hán, như thị tam chủng Bồ Đặc Già La, dĩ ly nhất thiết hữu chi quyền thuộc, cố danh Thắng Đạo.*

(經)善男子！勝義僧者，於中或有，亦是勝道沙門所攝。言勝道者，謂若能依八支聖道，自度一切煩惱駛流，亦令他度。此復云何？謂佛世尊，及獨勝覺，諸阿羅漢，如是三種補特伽羅，已離一切有支眷屬，故名勝道。

*(Kinh: Này thiện nam tử! Trong thắng nghĩa Tăng cũng có thể bao gồm thắng đạo sa-môn. Nói “thắng đạo” nghĩa là vị ấy có thể nương theo Bát Chánh Đạo, tự vượt qua hết thầy các dòng nước phiền não sử, và cũng độ người khác. Điều này lại như thế nào? Tức là Phật Thế Tôn, và Độc Thắng Giác, các vị A La Hán, ba loại Bồ Đặc Già La như thế đã là hữu chi quyền thuộc, cho nên gọi là Thắng Đạo).*

Có tất cả bốn loại Sa-môn, lại còn thêm loại [sa-môn] kết bè kéo đảng, thành năm loại. Vì Kim Cang Tạng Bồ Tát hỏi đức Phật: - Trước kia, đức Phật đã nói ô đạo sa-môn phá giới giống như xác chết trong biển cả, bị vớt ra ngoài biển của chư Phật. Hết thầy các thọ dụng của Tăng chúng đều chẳng chia cho kẻ đó, kẻ đó cũng chẳng thể có phần. Vì sao đức Phật còn khuyên các đệ tử phải cúng dường, phải từ bi đối với kẻ đó?

Chữ “*thiện nam tử*” ở đây là nói với Kim Cang Tạng Bồ Tát, đức Phật khen ngợi Kim Cang Tạng Bồ Tát. “*Thắng nghĩa*” (勝義) là nói đến thắng đạo sa-môn. Thắng Nghĩa được gộp vào trong thắng đạo sa-môn; đây là Thắng Nghĩa. “*Thắng đạo*” bao gồm vài loại, loại nào sẽ là thắng nghĩa Tăng? Nói đơn giản, sẽ là nương theo đạo thù thắng mà chúng

quả. Phật Thế Tôn, Độc Giác, Thanh Văn, tức là Duyên Giác và Thanh Văn, Thanh Văn là A La Hán, ba loại Bồ Đặc Già La ấy đều là hữu tình Bồ Đặc Già La. Phật cũng là một loại Bồ Đặc Già La, các Ngài đoạn dứt Kiến Tư phiền não, phiền não chẳng phải là quyền thuộc của các Ngài. “Hữu chi” (有支) là tất cả phiền não, tổng cộng gồm hai mươi lăm Hữu<sup>3</sup> trong tam giới. Những điều này thuộc về danh từ Pháp Tướng; ở đây nói ba loại. Các Ngài đều đã lìa phiền não, cho nên gọi là Thắng Đạo sa-môn!

*(Kinh) Phục hữu Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, bất giả tha duyên, u nhất thiết pháp trí kiến vô chướng, nhiếp thọ lợi lạc nhất thiết hữu tình, diệt danh thắng đạo sa-môn sở nhiếp. Kỳ thắng nghĩa Tăng, cập thể tục Tăng, u trung hoặc hữu, diệt thị thị đạo sa-môn sở nhiếp. Nhược hữu thành tựu biệt giải thoát giới, chân thiện dị sanh, nãi chí cụ túc thế gian chánh kiến, dĩ do ký thuyết biến hiện lực cố, năng quảng vị tha tuyên thuyết, khai thị chư thánh đạo pháp. Đương tri như thị Bồ Đặc Già La, danh tối hạ liệt thị đạo sa-môn. Chứng Dự Lưu quả Bồ Đặc Già La, thị danh đệ nhị. Chứng Nhất Lai quả Bồ Đặc Già La, thị danh đệ tam. Chứng Bất Hoàn quả Bồ Đặc Già La, thị danh đệ tứ. Phục hữu Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, thị danh đệ ngũ. Vị trụ Sơ Địa, chí Đệ Thập Địa, nãi chí an trụ tối hậu hữu thân, thử giai thị đạo sa-môn sở nhiếp. Nhược hữu thành tựu biệt giải thoát giới, quỹ tắc sở hành, thanh tịnh cụ túc, thử giai mạng đạo sa-môn sở nhiếp. Dĩ đạo hoạt mạng, cố danh mạng đạo.*

(經)復有菩薩摩訶薩眾，不假他緣，於一切法智見無障，攝受利樂一切有情，亦名勝道沙門所攝。其勝義僧，及世俗僧，於中或有，亦是示道沙門所攝。若有成就別解脫戒，

---

<sup>3</sup> Hai mươi lăm Hữu là cách phân loại chi tiết sanh tử luân hồi trong tam giới. Do có nhân, ắt phải có quả, nhân và quả đều chẳng mất, nên gọi là Hữu, bao gồm: 1) Địa Ngục Hữu. 2) Súc Sanh Hữu. 3) Ngạ Quỷ Hữu. 4) A Tu La Hữu. 5) Phát Bà Đề Hữu (Đông Thắng Thần Châu). 6) Cù Da Ni Hữu (Tây Ngu Hóa Châu). 7) Uất Đan Việt Hữu (Bắc Câu Lô Châu). 8) Diêm Phù Đề Hữu. 9) Tứ Thiên Xứ Hữu. 10) Tam Thập Tam Thiên Hữu. 11) Diêm Ma Thiên Hữu. 12) Đâu Suất Thiên Hữu. 13) Hóa Lạc Thiên. 14) Tha Hóa Tự Tại Thiên Hữu. 15) Sơ Thiên Hữu. 16) Đại Phạm Thiên Hữu. 17) Nhị Thiên Hữu. 18) Tam Thiên Hữu. 19) Tứ Thiên Hữu. 20) Vô Tướng Hữu. 21) Tịnh Cư A Na Hàm Hữu. 22) Không Xứ Hữu. 23) Thức Xứ Hữu. 24) Bất Dụng Xứ Hữu. 25) Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Hữu.

真善異生，乃至具足世間正見，彼由記說變現力故，能廣為他宣說，開示諸聖道法。當知如是補特伽羅，名最下劣示道沙門。證預流果補特伽羅，是名第二。證一來果補特伽羅，是名第三。證不還果補特伽羅，是名第四。復有菩薩摩訶薩眾，是名第五。謂住初地，至第十地，乃至安住最後有身，此皆示道沙門所攝。若有成就別解脫戒，軌則所行，清淨具足，此皆命道沙門所攝。以道活命，故名命道。

*(Kinh: Lại có các vị Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng nhờ vào các duyên, đối với trí thấy hết thấy các pháp chẳng chứng ngại, nhiếp thọ lợi lạc hết thấy hữu tình, cũng gọi là “thuộc về thẳng đạo sa-môn”. Trong số các vị thẳng nghĩa Tăng và thế tục Tăng, cũng có người có thể thuộc vào loại thị đạo sa-môn (sa-môn dạy đạo). Nếu có chân thiện dị sanh thành tựu biệt giải thoát giới, cho đến trọn đủ chánh kiến thế gian, người ấy do sức kỳ thuyết (có thể nói pháp tương ứng với ước muốn của người nghe pháp) biến hiện, sẽ có thể vì người khác tuyên thuyết, khai thị các pháp thánh đạo. Hãy nên biết Bồ Đặc Già La như thế được gọi là hạng thị đạo sa-môn kém cõi nhất. Bồ Đặc Già La chứng quả Dự Lưu được gọi là thứ hai. Bồ Đặc Già La chứng quả Nhất Lai được gọi là thứ ba. Bồ Đặc Già La chứng quả Bất Hoàn được gọi là thứ tư. Lại có các vị Bồ Tát Ma Ha Tát được gọi là thứ năm, tức là trụ từ Sơ Địa cho đến Đệ Thập Địa, cho đến các vị an trụ nơi thân tối hậu, những vị ấy đều thuộc loại thị đạo sa-môn. Nếu có ai thành tựu biệt giải thoát giới, làm theo đúng các khuôn phép, thanh tịnh trọn đủ, thì những người ấy đều thuộc loại mạng đạo sa-môn. Do dùng đạo để nuôi mạng, nên gọi là mạng đạo).*

*“Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, bất giả tha duyên” (Các vị Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng nhờ vào các duyên khác):* Khi Bồ Tát tạo lợi ích cho chúng sanh, tuy chưa thành đạo, xét theo phương diện chứng quả, các Ngài chẳng bằng Thanh Văn, chẳng bằng Độc Giác, nhưng xét theo phương diện lợi sanh, các Ngài vượt hẳn Thanh Văn, vượt hơn Độc Giác. Cũng có vị là đại quyền thị hiện, Ngài đã chứng đắc, trở lại thị hiện, hoặc là thị hiện làm phàm phu. *“Bất giả tha duyên” (Chẳng nhờ vào các duyên khác):* Các Ngài chẳng giống những vị sa-môn khác, cũng có khi các Ngài chẳng xuất gia. Bồ Tát Ma Ha Tát không nhất định đều là người xuất gia, cũng có các vị Bồ Tát tại gia. Trong hết các pháp, các Ngài có

thể thấy “*Không và Hữu chẳng hai*”, ngộ Trung Đạo, trí huệ bèn có Căn Bản Trí, mà cũng có Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí là phương tiện thiện xảo.

Do vậy, các Ngài là chánh tri, chánh kiến, lợi sanh chẳng bị chướng ngại, nơi Trí Độ chẳng có chướng ngại. Mục đích của các Ngài là nhiếp thọ hết thảy hữu tình, độ chúng sanh. Bồ Tát quá nửa là thị hiện thân phận tại gia, vì các Ngài phải độ chúng sanh, chẳng nghĩ đến chính mình, luôn suy nghĩ vì hết thảy chúng sanh. Mọi người đọc phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, hoặc đọc Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm, sẽ thấy [các vị Bồ Tát] thành Phật để độ chúng sanh, nguyện cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật. Đây cũng thuộc về thắng đạo sa-môn.

Ngoài ra, còn có thắng nghĩa Tăng và thế tục Tăng. Thế tục Tăng chưa chứng đạo, ở trong thế gian này, trong ấy bao gồm Sơ Quả, Nhị Quả (Nhị Quả còn phải trở lại thế gian), Tam Quả chẳng trở lại thế gian, những địa vị ấy đều thuộc thế tục Tăng. Chúng đắc quả A La Hán thì mới gọi là Thắng Nghĩa Tăng. Nói thông thường, trong giáo nghĩa Thanh Văn, theo như kinh A Hàm và luận Câu Xá đã nói, vị chứng Sơ Quả được coi là thánh nhân. Ở đây, [chánh kinh] tách ra để nói, những địa vị khác thuộc về Thắng Nghĩa Tăng và Thế Tục Tăng.

Cũng có những vị “*thị đạo sa-môn sở nhiếp*” (thuộc loại thị đạo sa-môn). “*Thị đạo*” (示道) là như đức Phật thuyết pháp cho một nhóm chúng sanh, hoặc là hiển thị Khổ, Tập, Diệt, Đạo, hoặc là hiển thị pháp mười hai nhân duyên, hoặc hiển thị Lục Ba La Mật, tức [hiển thị] các pháp thuộc tam thừa. Ngài chẳng nói tách rời, mà chỉ nói tổng quát. Đây là thị đạo sa-môn, thuộc về phương diện tốt lành. Lại còn có những vị thành tựu biệt giải thoát giới. “*Chân thiện dị sanh*” là chân thiện Bồ Đề Già La, là hữu tình đã đạt được giải thoát, nhưng không nhất định là bậc xuất gia. “*Dị sanh*” (異生) hàm nghĩa dùng pháp để sống, từ pháp hóa sanh. “*Dị sanh*” được giải thích như thế, tức là đã thật sự giải thoát, người ấy có thể đạt được giải thoát. Còn có người thành tựu biệt giải thoát giới. Biệt giải thoát giới của bậc thiện dị sanh chính là hai trăm năm mươi giới của tỳ-kheo, là biệt biệt giải thoát giới (別別解脫戒, biệt giải thoát giới riêng biệt)<sup>4</sup>. Hễ trì một giới, sẽ được giải thoát một phần,

---

<sup>4</sup> Do giới luật trong Phật pháp luôn dẫn đến sự giải thoát, chẳng phải là các giới cấm khổ hạnh vô ích như trong ngoại đạo, nên gọi là Biệt Giải Thoát Giới. Trong các Biệt Giải Thoát Giới của Phật pháp, giới Cụ Túc lại dành riêng cho người xuất gia tu đạo, nên gọi là Biệt Biệt Giải Thoát Giới.

trì thêm một giới, sẽ được giải thoát thêm một phần nữa, đó cũng coi như là “*thiện dị sanh*”.

“*Chân thiện*” có nghĩa là “*giải thoát*”. Cho đến người chưa thọ Cụ Túc Giới, nhưng có chánh tri, chánh kiến. Trọn đủ chánh tri, chánh kiến, tri kiến chẳng điên đảo, biết hết thấy các pháp vô thường, biết hết thấy các pháp đều là khổ, hết thấy các pháp vô ngã, hết thấy các pháp đều là Không. Đó gọi là Tứ Pháp Ấn. Hết thấy các pháp đều là Thật Tướng duy nhất, đó gọi là “*nhất thật cảnh giới*”, gọi là “*nhất pháp ấn*”. Dùng điều này để ấn chứng, có loại tri kiến ấy, sẽ là chánh tri, chánh kiến. Người ấy cầu đắc cái Không trong trí Bát Nhã, nhưng chẳng rơi vào Đoạn Diệt Không, thị hiện hết thấy các pháp là có mà chẳng rơi vào Thường Kiến. Đây mới gọi là chánh kiến.

“*Khởi điên đảo kiến*” (Dấy lên tri kiến điên đảo). Người ấy có năng lực phân định thị phi. Hiện thời, trong cuộc sống hiện thực, có rất nhiều người cũng nói Phật pháp; thật ra, họ vẫn dùng quan điểm ngoại đạo để giải thích, chẳng phù hợp lời dạy của đức Phật. Người như thế chẳng thuộc loại thị đạo sa-môn. Người ấy có trọn đủ Chánh Kiến hay không? Lời lẽ của người ấy có phải là Chánh Ngữ hay chẳng? Có phù hợp lời dạy của đức Phật hay không? Cho đến phải xét xem khẩu nghiệp của người ấy có ác ngữ, ăn nói thô lỗ, tục tằn, nói dối, nói dối chiều hay không? Chẳng có những thứ ấy thì là Chánh Ngữ. Hễ có những thứ ấy, sẽ chẳng phải là Chánh Ngữ. Có kẻ thân tuy xuất gia, tâm chẳng xuất gia, cái tâm tham vẫn rất nặng. Kẻ đó làm ra vẻ giống như Phật giáo đồ, nhưng những gì kẻ đó làm chẳng phải là Phật giáo, những gì kẻ đó đã thể hiện chỉ vì tự mình, vì ngũ dục của chính mình, vì sự tham cầu hưởng thụ của chính mình.

Nêu một thí dụ, xây dựng chùa công đức vô lượng, ai nấy đều biết, nhưng phải coi kẻ đó dùng cái tâm gì làm chủ đạo. Nếu cái tâm danh lợi là chủ đạo, dẫu xây chùa, chẳng có công đức! Chỉ cần ngôi chùa ấy tồn tại, nghiệp của kẻ đó vĩnh viễn tồn tại. Ngôi chùa ấy bị hủy, nghiệp của kẻ đó cũng tiêu mất. Nếu phan duyên, sử dụng đủ loại thủ đoạn bất chánh, tuy xây cất chùa, kẻ ấy chết đi, nhất định sẽ đọa vào địa ngục! Đợi đến khi ngôi chùa ấy hoàn toàn chẳng còn, nghiệp ấy mới tiêu. Chùa kiểu đó không nhất định có Tăng chúng ở. Có những ngôi chùa dựng lên, chẳng có hòa thượng ở. Tuy là đạo tràng tại gia, vẫn chẳng coi là cư sĩ, do tri kiến đều chẳng phải là chánh kiến. Điều này chúng ta phải cạy vào trí huệ để phán đoán, có phải là chánh tri, chánh kiến hay không! Phải cạy vào chính mình nương theo giáo nghĩa để ấn

chúng có phù hợp lời dạy của đức Phật hay không, sẽ biết tri kiến ấy có phải là chánh kiến hay không.

“*Bi do ký thuyết biến hiện lực cố*” (kể ấy do sức ký thuyết biến hiện): Sức biến hiện là có thần thông. Người ấy chứng đắc Tha Tâm Trí, cho nên trọn đủ một loại trí huệ, [tức là có khả năng] thấy rõ đối với loại chúng sanh nào thì phải nên nói loại pháp nào [để phù hợp với chí hướng và sự ưa thích của họ], bèn khai thị cho họ pháp ấy (khả năng ấy được gọi là “*ký thuyết*”). Những điều ấy đều thuộc loại “*ký thuyết biến hiện lực*” (記說變現力). Loại Bồ Đặc Già La ấy [vì chưa chứng thánh quả, cho nên] là loại thị đạo sa-môn thấp kém nhất. Thị đạo sa-môn kiểu này thuộc loại nào vậy? Tiếp đó, [chánh kinh] bèn chỉ rõ: “*Chứng Dự Lưu quả Bồ Đặc Già La*”, Dự Lưu Quả là Sơ Quả. Thánh nhân Sơ Quả là Tu Đà Hoàn, Ngài còn phải bảy lượt sanh tử trong cõi trời hoặc nhân gian rồi mới chứng quả A La Hán, sẽ bất thoái. Cũng tức là đoạn dứt mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, lưỡi biết vị, mũi ngửi thơm, thối, thân tiếp xúc, tâm phân biệt. Đã đoạn dứt tám mươi tám món Sở thuộc Kiến Hoặc. Dự Lưu là dự vào dòng thánh nhân. Loại chúng sanh Bồ Đặc Già La hữu tình này cao hơn loại trước, cũng có nghĩa là so với loại “*ký thuyết*” tuyên dương Phật pháp thì phải cao hơn một chút. Họ chẳng thuộc vào loại Thắng Nghĩa Tăng, chỉ là thị đạo sa-môn.

“*Chứng Nhất Lai quả Bồ Đặc Già La thị danh đệ tam*” (Bồ Đặc Già La chứng quả Nhất Lai thì gọi là đệ tam): Quả thứ ba còn trở lại nhân gian một lần, tức là tái sanh trong cõi trời hay nhân gian một lần nữa, chỉ tái sanh một lần, Ngài liền chứng đắc Tứ Quả A La Hán, gọi là quả Tư Đà Hàm. Bồ Đặc Già La chứng quả Bất Hoàn được gọi là thứ tư. Bất Hoàn là chẳng sanh trở lại trong nhân gian, được gọi là quả A Na Hàm. Ngài đã đoạn dứt Tư Hoặc thuộc phẩm thứ ba, nhưng vẫn chưa thể đoạn tập khí, vẫn chưa thể đoạn vô minh. Đó gọi là loại thứ tư.

“*Phục hữu Bồ Tát Ma Ha Tát chúng thị danh đệ ngũ*” (Lại có các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, gọi là thứ năm): Nương theo tứ giáo hay ngũ giáo để phán đoán hàm nghĩa của các giáo. Bồ Tát Ma Ha Tát là nói đến Thông Giáo. [Ngũ giáo là] Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên. [Bồ Tát được nói trong đoạn này là] Bồ Tát trong Tiểu Giáo, Thi Giáo, và Thông Giáo, vì trong phần kế tiếp, sẽ nói đến [các vị Bồ Tát] từ Sơ Địa cho đến Thập Địa, cũng là các vị trụ thân tối hậu. So với sự chứng đắc của A La Hán thì [Thông Giáo Bồ Tát] đạt đến Thất Địa mới bằng A La Hán. Viên Giáo chẳng phải là như vậy, Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đã là như thế (đã chứng đắc bằng với A La Hán). Các loại Bồ Tát ấy đều gọi là thị

đạo sa-môn. Thị đạo sa-môn tự mình có chánh tri, chánh kiến, đã lý giải Phật pháp, vị ấy cũng có thể lợi ích chúng sanh, làm cho chúng sanh lý giải.

“*Thành tựu biệt giải thoát giới*”, đối với giới thanh tịnh đã thọ, người ấy chẳng trái phạm, cho đến thực hiện hết thảy mọi việc đều tiếp nhận các quy tắc do đức Phật đã dạy để hành sự. Quy tắc ấy bao gồm hết thảy những chuyện đáng nên làm thì sẽ đều làm. Giới của nhà Phật có hai loại: Một là Chỉ Trì, tức là những chuyện chẳng thể làm. Còn có Tác Trì là những điều quý vị ắt phải nên làm. Chẳng hạn như nói một vị tỳ-kheo phạm lỗi, mọi người ắt phải tác pháp yết-ma cho ông ta, Tăng chúng làm pháp sự yết-ma, đó gọi là “*biện sự*” (辦事, thực hiện công việc). Chuyện nên làm thì ắt phải làm. Lại còn trong chùa miếu, có các trách nhiệm phải gánh vác thì đều phải nên thực hiện. Nội dung của Tác Trì rất nhiều, đều là những chuyện tỳ-kheo nên làm. Đó gọi là “*quy tắc*”.

Phật giáo truyền đến Trung Hoa. Thiên sư Bách Trượng của Trung Hoa đã chế lập Thanh Quy Giới Luật cho Trung Hoa, vì ở trong chùa miếu có rất nhiều người, chẳng thể chiếu theo chế định của đức Phật để thực hiện. Vì tại quốc độ của chúng ta, tình huống sanh hoạt có những điều bất đồng, cho nên Ngài ấn định riêng Thanh Quy Giới Luật. Giống như chúng ta mặc lễ phục, sáng tối lên chánh điện tụng niệm công khóa. Thuở đức Phật tại thế, chẳng có công khóa sáng tối. Thiên sư Bách Trượng trích lấy các chú ngữ và kinh điển Đại Thừa, như buổi sáng thức dậy bèn niệm chú Lăng Nghiêm, buổi tối lễ bái Bát Thập Bát Phật (tức Hồng Danh Bảo Sám), hoặc niệm kinh Di Đà. Đây là công khóa sáng tối, đều thuộc về quy tắc, đều thuộc về giới luật.

“*Xuất pha*” (出坡)<sup>5</sup>, quét đất, lên núi trồng trọt. Thuở đức Phật tại thế chẳng cho phép trồng trọt vì sẽ thương tổn chúng sanh. [Phật giáo]

---

<sup>5</sup> “*Xuất pha*” còn gọi là “*phổ thỉnh*” (普請) tức là những việc lao động cần thiết trong tự viện cần mời Tăng chúng chia nhau làm. Theo tinh thần “*một ngày không làm, một ngày không ăn*” của tổ Bách Trượng, Tăng chúng bất luận có địa vị như thế nào trong chùa, trừ người già yếu hay bệnh tật, đều phải tham gia lao động tập thể chẳng hạn như cày cấy, khâu hoạch mùa màng, bửa củi, trồng rau, gánh nước, dọn dẹp với mục đích giữ vững Định tâm trong mọi hoàn cảnh, cũng như tự cung cấp cho cuộc sống, không ỷ lại tín thí cúng dường để rồi sẽ phải bận lòng chiều chuộng đàn-na tín thí, mong cầu lợi dưỡng. Nhưng hề nói đến “*xuất pha*”, thông thường là nói đến việc trồng trọt, khâu hoạch theo tinh thần Nông Thiên. Tổ Bách Trượng đến tuổi

truyền đến quốc độ của chúng ta, chẳng thể nào không làm như thế. Vì chùa miếu đều ở trong núi, chính quý vị không trồng trọt, lấy gì mà ăn? Thuở đức Phật tại thế, cũng đã ấn định một số quy tắc. Phạm là đối với những quy tắc đã ấn định, cho đến những giới luật ước thúc, những chuyện đáng nên làm, đều thực hiện rất tốt đẹp, thì sẽ “*thanh tịnh cư túc*”. Đó gọi là “*mạng đạo sa-môn*”, tức là dùng đạo làm mạng sống.

Điều không được chấp thuận là làm thuốc, bói toán, xem tướng. Nay là thời Mạt Pháp, hòa thượng làm thầy thuốc vẫn là rất tốt, rất thanh cao, nhưng trong giới luật nhà Phật thì chẳng được phép, đó gọi là “kiếm sống bằng tà mạng”. Có năm loại tà mạng, [nói như vậy, chắc có kẻ sẽ bắt bẻ] kinh Chiêm Sát chẳng phải là tà mạng ư? Chẳng phải! Kinh Chiêm Sát là vì quý vị tu đạo mà Địa Tạng Bồ Tát đặc biệt nói ra. Do vậy, khi Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thỉnh Phật thuyết pháp, đã hỏi đức Phật: “Chúng sanh đời Mạt Pháp, tâm hoài nghi đặc biệt nặng nề, làm thế nào để đoạn nghi cho chúng sanh?” Đức Phật liền mời Địa Tạng Bồ Tát nói, chứ bản thân Ngài không nói gì. Vì đức Phật đã chế giới, điều ấy chẳng được phép! Địa Tạng Bồ Tát bèn thiện xảo phương tiện, vì Ngài đã đạt tới “*nhất thật cảnh giới, nhị chủng quán đạo*”. Khi sử dụng Chiêm Sát Luân, chớ nên hoài nghi. Nếu dùng pháp đó để cầu danh lợi, hoặc là đoán quẻ cho người khác để lấy tiền, sẽ là phạm giới, chẳng được phép! Mục đích chủ yếu của Chiêm Sát Luân là để quý vị chiêm nghiệm, xét coi chính mình đã đoạn tham, sân, si cỡ nào, hiện tại có phải là chứng đắc hay chưa? Chính mình đã chứng địa vị Ngũ Phẩm hay chưa? Nếu chính mình không biết, thì quý vị bèn chiêm sát đôi chút. Nay ta có thể tu hai loại quán đạo hay không? Vì theo như kinh Chiêm Sát đã dạy, nếu khi [chiêm sát mà thấy] luân tướng chẳng thanh tịnh, tức là chẳng chấp thuận cho quý vị tu hai loại quán đạo, sẽ tu chẳng thành. Có tu thì cũng dễ bị ma dựa. [Dụng ý của] chiêm sát luân là muốn cho quý vị đoạn ma, hiểu hàm nghĩa này là được rồi! Vì thế, những sa-môn ấy đều là “*khâu đạo sa-môn sở nhiếp*”, tức là dùng đạo làm mạng sống, cho nên gọi là “*mạng đạo*”.

***(Kinh) Phục hữu Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, vị dục nhiếp thọ, lợi ích, an lạc nhất thiết hữu tình, cụ túc tu hành Lục Đáo Bỉ Ngạn, diệt danh mạng đạo. Như thị thắng đạo, thị đạo, mạng đạo, tam chủng sa-***

---

già vẫn cày cuốc. Chấp sự Tăng xót xa, giầu nông cụ, xin Ngài nghỉ ngơi, Ngài bèn nhin ăn.



*môn, danh vi thế gian chân thật phước điền. Sở dư sa-môn danh vi ô đạo, tuy phi chân thật, diệc đắc đạo tại phước điền số trung.*

(經)復有菩薩摩訶薩眾，為欲攝受、利益、安樂一切有情，具足修行六到彼岸，亦名命道。如是勝道、示道、命道三種沙門，名為世間真實福田。所餘沙門，名為污道，雖非真實，亦得墮在福田數中。

(*Kinh*: Lại có các vị Bồ Tát Ma Ha Tát vì muốn nhiếp thọ, lợi ích, an lạc hết thảy hữu tình, tu hành trọn vẹn Lục Đạo Bỉ Ngạn, cũng gọi là “mạng đạo”. Ba loại sa-môn thắng đạo, thị đạo, và mạng đạo như thế, được gọi là “phước điền chân thật của thế gian”. Các sa-môn khác được gọi là ô đạo, tuy chẳng phải là chân thật, nhưng vẫn thuộc vào phước điền).

Đại Bồ Tát lợi ích chúng sanh, khiến cho hết thảy chúng sanh hữu tình đều có thể giác ngộ, nhiếp thọ họ, trao truyền những điều tốt đẹp, họ mới tin tưởng. Đối với bố thí thì Bồ Tát cũng phải hành bố thí, từ bi đối với chúng sanh. Phải ái ngữ, đồng sự, lợi hành, làm chuyện có lợi cho họ, họ sẽ vui thích. Như thế thì quý vị mới có thể nhiếp thọ họ, độ họ được. Tiến hơn bước nữa là tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, Thiền Định, Lục Độ vạn hạnh, cho đến Thiền Định, Bát Nhã. Đây cũng gọi là “mạng đạo”. Trong Đại Thừa và Tiểu Thừa, đều có mạng đạo sa-môn và thị đạo sa-môn. Tam thừa đều có các hạng sa-môn này.

“*Như thị thắng đạo, thị đạo, mạng đạo tam chủng sa-môn, danh vi thế gian chân thật phước điền*” (Ba loại sa-môn thắng đạo, thị đạo, và mạng đạo như thế, gọi là phước điền chân thật trong thế gian): Cúng dường các vị mạng đạo sa-môn, thị đạo sa-môn, và thắng đạo sa-môn ấy, đương nhiên là phước đức càng to hơn nữa. Đây đều là phước điền chân thật trong thế gian.

“*Sở dư sa-môn*” (Các sa-môn khác), trừ ba loại ấy ra, đều là “ô đạo sa-môn”. Ô đạo sa-môn là tà-kheo phá giới, giới luật chẳng thanh tịnh, hoặc là [chẳng tuân thủ] quy tắc thanh tịnh. Họ đối với Tam Bảo có ô nhiễm, chẳng phải là chân thật. Tuy họ chẳng phải là chân thật, nhưng đức Phật dạy vẫn coi họ như phước điền Tăng. Vì sao? Trong thời Mạt Pháp, thắng đạo sa-môn, thị đạo sa-môn, và mạng đạo sa-môn đã chẳng còn, phải chọn lựa trong các ô đạo sa-môn, cho nên quý vị vẫn phải cúng dường, vẫn phải tôn kính họ. Đây là câu trả lời cho lời hỏi của Kim Cang Tạng Bồ Tát.

(Kinh) Nhược hữu y chỉ vô tâm quý tăng Bồ Đặc Già La, u ngã chánh pháp Tỳ Nại Da trung, danh vi “tử thi”, u thanh chúng hải, u ng đương tân khí, phi pháp khí cố. Ngã u bỉ nhân, bất xưng đại sư, bỉ nhân u ngã, diệc phi đệ tử. Hữu vô tâm Tăng, bất thành pháp khí, xưng ngã vi sư, u ngã xá-lợi, cập ngã hình tượng, thâm sanh kính tín. U ngã Pháp, Tăng, thánh sở ái giới, diệc thâm kính tín. Ký bất tự chấp chư ác tà kiến, diệc bất linh tha chấp ác tà kiến, năng quảng vị tha tuyên thuyết ngã pháp, xưng dương, tán thán, bất sanh hủy báng, thường phát chánh nguyện; tùy sở phạm tội, sở sở yếm xả, phát lộ sám hối, chúng đa nghiệp chướng, giai năng trừ diệt. Đương tri như thị Bồ Đặc Già La, tín kính Tam Bảo thánh giới lực cố, thắng cứu thập ngũ chư ngoại đạo chúng đa bách thiên bội, phi tốc năng nhập bát Niết Bàn thành, Chuyển Luân Thánh Vương thượng bất năng cập, huống dư tạp loại nhất thiết hữu tình? Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai quán sát nhất thiết hữu tình, chư nghiệp pháp thọ sai biệt tướng dĩ, tác như thị thuyết: “U ngã pháp trung, thể trừ tu phát, bị ca-sa giả, ngã chung bất thính Sát-đê-lợi đẳng hủy nhục, trích phạt. Nhược hữu hủy nhục, trích phạt nhất thiết xuất gia chi nhân, sở hoạch tội báo như tiền quảng thuyết”.

(經)若有依止無慚愧僧補特伽羅，於我正法毗奈耶中名為死尸，於清眾海應當擯棄，非法器故。我於彼人，不稱大師，彼人於我，亦非弟子。有無慚僧，不成法器，稱我為師，於我舍利，及我形像，深生敬信。於我法僧聖所愛戒，亦深敬信。既不自執諸惡邪見，亦不令他執惡邪見，能廣為他宣說我法，稱揚讚歎，不生毀謗，常發正願；隨所犯罪，數數厭舍，發露懺悔，眾多業障，皆能除滅。當知如是補特伽羅，信敬三寶、聖戒力故，勝九十五諸外道眾多百千倍，非速能入般涅槃城，轉輪聖王尚不能及，況餘雜類一切有情？以是義故，如來觀察一切有情，諸業法受差別相已，作如是說：「於我法中，剃除鬚髮，被袈裟者，我終不聽剎帝利等毀辱謫罰。若有毀辱謫罰一切出家之人，所獲罪報，如前廣說」。

(Kinh: Nếu có Bồ Đặc Già La y chỉ vị Tăng không hổ thẹn, thì đối với Tỳ Nại Da trong chánh pháp của ta, được gọi là “xác chết”, hãy nên

xua đuổi, vứt bỏ khỏi biển Tăng chúng thanh tịnh, do [kẻ đó] chẳng phải là pháp khí. Ta đối với kẻ đó chẳng xưng là đại sư, mà kẻ đó đối với ta cũng chẳng phải là đệ tử. Có Tăng sĩ chẳng thẹn hổ, chẳng thành pháp khí, gọi ta là thầy, đối với xá-lợi và hình tượng của ta, sanh lòng kính tin sâu xa. Đối với Pháp, Tăng và giới được các vị thánh yếu mến của ta, cũng sanh lòng kính tin sâu xa. Đã chẳng tự chấp các tà kiến ác, cũng chẳng để cho kẻ khác chấp tà kiến ác, có thể rộng vì họ tuyên nói pháp của ta, xưng dương, tán thán, chẳng sanh hủy báng, thường phát ra chánh nguyện. Đối với các tội đã phạm, nhiều lượt chán bỏ, phát lộ, sám hối. Khá nhiều nghiệp chướng đều có thể trừ diệt. Hãy nên biết Bồ Đề Già La như thế do sức tín kính thánh giới của Tam Bảo, cho nên vượt hơn chín mươi lăm các loại ngoại đạo trăm ngàn lần. Tuy chẳng thể mau chóng vào tòa thành bát Niết Bàn, nhưng Chuyển Luân Thánh Vương vẫn chẳng thể sánh bằng kẻ đó. Huống hồ hết thấy hữu tình thuộc các loại khác ư? Do vì nghĩa này, Như Lai quán sát hết thấy các tướng nghiệp pháp thọ sai biệt của các hữu tình rồi nói như thế này: “Đối với kẻ ở trong pháp của ta, cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, ta trọn chẳng cho phép những kẻ như Sát-đế-lợi v.v... hủy nhục, trừng phạt họ. Nếu có kẻ nào hủy nhục, trừng phạt hết thấy người xuất gia, sẽ mắc phải tội báo như đã nói rộng trong phần trước”).

Tuy vị Tăng không hổ thẹn chẳng phải là pháp khí, nhưng trong ấy còn chọn lọc đôi chút. Vì thế nói “đối với ô đạo sa-môn, cũng phải cúng dường”, bao hàm ý nghĩa như thế đó. Bồ Đề Già La chẳng hổ, chẳng thẹn là kẻ đã phạm giới, đã phá giới, nhưng chẳng sám hối. Đối với pháp tam thừa, đặc biệt là đối với các giới trong Tỳ Nại Da của chánh pháp, những kẻ đó cũng chẳng tu. “Tử thi” là xác của người đã chết, thi thể còn chưa rửa nát. Trong biển đại chúng thanh tịnh chẳng thể dung chứa, sẽ tấn xuất những kẻ đó ra ngoài Tăng đoàn. Tuy những kẻ đó chẳng phải là pháp khí, nhưng trong đó còn có những người có đôi chút điểm tốt. Đối với những kẻ đó, tuy họ cũng chẳng phải là đệ tử Phật, nhưng có những tăng sĩ không hổ thẹn, vẫn tôn xưng đức Phật là thầy. Vì sao? Họ đối với xá-lợi và hình tượng của Phật vẫn sanh lòng kính tin sâu đậm, đối với Phật pháp “diệt thâm kính tín” (cũng kính tín sâu xa). Tuy họ chẳng hổ thẹn, chẳng trở thành pháp khí, nhưng họ vẫn tôn đức Phật làm thầy. Đối với xá-lợi và hình tượng của Phật, họ vẫn sanh lòng kính tin sâu đậm, đối với các giới đã thọ, họ vẫn sanh lòng kính tin sâu đậm, có tín tâm thành kính sâu sắc, tha thiết.

Những điều họ nói vẫn là chánh pháp, khiến cho quý vị trừ khử tri kiến tà vạy, điên đảo, dạy quý vị trừ khử Ngã Chấp, dạy quý vị tu Không Quán, chẳng chấp trước hết thảy các pháp, có thể tuyên nói Phật pháp cho hết thảy chúng sanh, lại còn có thể “*xung dương tán thán, bất sanh hủy báng, thường phát chánh nguyện*” (xung dương, tán thán, chẳng sanh hủy báng, thường phát nguyện chân chánh). Phát nguyện rồi sẽ “*tùy sở phạm tội, số sở yếm xả*” (hễ phạm tội, nhiều lượt ghét bỏ), do ghét bỏ liền sám hối. Do ghét bỏ, chẳng còn tái phạm nữa. Biết chuyện ấy chớ nên làm, bèn chẳng làm, lại còn có thể phát lộ sám hối, khá nhiều nghiệp chướng đều có thể trừ diệt. Tuy kẻ đó trót tạo rất nhiều tội, cũng gây ra rất nhiều nghiệp chướng, nhưng do sám hối mà được thanh tịnh, lại phục hồi sự thanh tịnh.

Trước tiên là nói về Tăng sĩ không hổ thẹn. Kế đó lại nói đến các Tăng sĩ không hổ thẹn, đáng phải trực xuất, chẳng thành pháp khí, nhưng vẫn còn có những biểu hiện sám hối, những người xuất gia ấy so với chín mươi lăm thứ ngoại đạo, hay so sánh với thế tục, vẫn tốt hơn nhiều lắm! Tuy hiện thời, những người ấy vẫn chưa thể chứng nhập Niết Bàn, vẫn chưa thể thành đạo, nhưng công đức, phước đức, và trí huệ của họ vẫn tồn tại. “*Chuyển Luân Thánh Vương thượng bất năng cập*” (Chuyển Luân Thánh Vương vẫn chẳng thể sánh bằng): Dầu là Chuyển Luân Thánh Vương thì phước đức và trí huệ vẫn chẳng to bằng phước đức và trí huệ của vị tỳ-kheo đó. “*Huống hồ hết thảy các loài hữu tình khác*” (Huống hồ hết thảy các loài hữu tình khác) ư? Các hữu tình khác càng chẳng thể sánh bằng.

Do đạo lý này, Như Lai biết nghiệp, pháp, và sự sai biệt của hết thảy chúng sanh, hết thảy hữu tình. Chẳng thể nói hết thảy các tướng kiêu “*vơ đũa cả nắm*” được. Nói theo kiểu “*vơ đũa cả nắm*” thì các Tăng sĩ không hổ thẹn đều là ô đạo sa-môn. Nhưng trong các ô đạo sa-môn, hãy còn có những người tốt đẹp đôi chút. Mỗi loại chúng sanh nào cũng đều có thượng, trung, hạ. Trong ô đạo sa-môn, còn có thượng phẩm, cũng có trung phẩm, và hạ phẩm. Vì lẽ này, đức Phật mới nói như thế này: “*Ư ngã pháp trung, thế trừ tu phát, bị ca-sa giả, ngã chung bất thỉnh Sát-đế-lợi đẳng hủy nhục, trích phạt*” (Ta trọn chẳng cho phép Sát-đế-lợi v.v... hủy nhục, trừng phạt kẻ nào ở trong pháp của ta, cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa), có ý nghĩa như vậy đó. Vì sao đức Phật chẳng cho phép Sát-đế-lợi, tức các quốc vương, dùng pháp luật thế gian chế tài họ? Vì họ đã cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa, đã gieo phước đức, tướng pháp trang ấy vẫn tồn tại. Nếu hủy nhục, khiển trách họ, [tức là xâm phạm]

hết thầy người xuất gia, sẽ chuốc lấy tội báo như đã nói cặn kẽ trong phần trước, trong phẩm Vô Y Hạnh đã nói rất nhiều!

*(Kinh) Hữu y ngã pháp, xả tục xuất gia, thế trừ tu phát, bị xích ca-sa, tức vị nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật từ bi hộ niệm. Oai nghi, hình tướng, sở phục ca-sa, diệc vị quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật Thế Tôn từ bi thủ hộ. Thị cố, khinh hủy thế trừ tu phát, bị xích ca-sa, xuất gia nhân giả, tức thị khinh hủy nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật Thế Tôn. Do thị nhân duyên, chư hữu trí huệ, yếm bố chúng khổ, hân cầu nhân, thiên, Niết Bàn lạc giả, bất ưng khinh hủy xả tục xuất gia, thế trừ tu phát, bị ca-sa giả. Hữu vô tà Tăng, hủy phá cấm giới, bất thành tam thừa hiền thánh pháp khí, ký tự kiên chấp chư ác tà kiến, diệc năng linh tha chấp ác tà kiến, vị vi chân thiện Sát-đế-lợi, chân thiện Bà-la-môn, chân thiện tể quan, chân thiện cư sĩ, chân thiện sa-môn, chân thiện trưởng giả, chân thiện Phiệt-xá, chân thiện Thú-đạt-la.*

(經)又依我法，舍俗出家，剃除鬚髮，被赤袈裟，即為一切過去、未來、現在諸佛慈悲護念。威儀形相，所服袈裟，亦為過去、未來、現在諸佛世尊慈悲守護。是故，輕毀剃除鬚髮、被赤袈裟、出家人者，即是輕毀一切過去、未來、現在諸佛世尊。由是因緣，諸有智慧，厭怖眾苦，欣求人天，涅槃樂者，不應輕毀舍俗出家，剃除鬚髮，被袈裟者。有無慚憎，毀破禁戒，不成三乘賢聖法器，既自堅執諸惡邪見，亦能令他執惡邪見，謂為真善剎帝利、真善婆羅門、真善宰官、真善居士、真善沙門、真善長者、真善筏舍、真善戍達羅。

*(Kinh): Lại có kẻ nương theo pháp của ta, bỏ tục xuất gia, cạo bỏ râu tóc, đắp ca-sa đỏ, liền được hết thầy quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật từ bi hộ niệm. Oai nghi, hình tướng, ca-sa đã mặc cũng được quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật Thế Tôn từ bi thủ hộ. Vì thế, khinh miệt, hủy báng người xuất gia cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa đỏ, chính là khinh miệt, hủy báng hết thầy quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật Thế Tôn. Do nhân duyên ấy, những người có trí huệ chán sợ các khổ, ưa cầu niềm vui nhân, thiên, Niết Bàn, chớ nên khinh miệt, hủy báng người xả tục xuất gia, cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa. Có Tăng sĩ không hổ thẹn, hủy phá giới*

*cấm, chẳng trở thành pháp khí của tam thừa hiền thánh, đã tự chấp trước kiên cố các tà kiến ác, lại còn có thể khiến cho kẻ khác chấp trước tà kiến ác, tức là vì chân thiện Sát-đế-lợi, chân thiện Bà-la-môn, chân thiện tể quan, chân thiện cư sĩ, chân thiện sa-môn, chân thiện trưởng giả, chân thiện Phiệt-xá, chân thiện Thú-đạt-la...)*

Tam thế chư Phật thủ hộ tám ca-sa ấy. Tám ca-sa là tướng pháp tràng của hết thầy chư Phật. Do duyên có ấy, đối với người xuất gia cạo bỏ râu tóc, đắp ca-sa đỏ, chẳng cho phép kẻ tại gia như quốc vương, đại thần, cho đến Bà-la-môn v.v... bức hại, vũ nhục họ; trái lại, phải cúng dường họ. Do nhân duyên đó, đức Phật nói như vậy, và cũng nhằm trả lời Kim Cang Tạng Bồ Tát. Vì thế, hết thầy những ai muốn cầu phước nghiệp, chớ nên khinh rẻ những người xuất gia. Bất luận kẻ đó phá giới cũng thế, vẫn đều phải tôn kính, cúng dường kẻ đó, thì những người ấy sẽ có thể đạt được phước đức.

*“Hữu vô tâm Tăng, hủy phá cấm giới, bất thành tam thừa hiền thánh pháp khí, kỳ tự kiên chấp chư ác tà kiến, diệc năng linh tha chấp ác tà kiến”* (Có Tăng sĩ không hổ thẹn, hủy phá giới cấm, chẳng trở thành pháp khí cho tam thừa hiền thánh, đã tự chấp chặt các ác tà kiến, lại còn có thể khiến cho kẻ khác chấp trước tà kiến ác): Đó là ác tri thức. Trong phần trước đã nói, ô đạo sa-môn có hai loại, loại trước là tốt (tức là loại tin kính Phật, Pháp, Tăng, biết hổ thẹn, sám hối, không có tà kiến ác) thì còn có thể thân cận, còn có thể cúng dường. Ở đây nói đến loại tồi tệ. Nếu có các quốc vương tốt lành, tức chân thiện quốc vương, chân thiện Bà-la-môn, chân thiện tể quan, chân thiện cư sĩ. “Chân thiện” là nói họ mong cầu giải thoát. Cho đến chân thiện trưởng giả, chân thiện Phiệt-xá, chân thiện Thú-đạt-la, tức là bốn loại chủng tánh.

***(Kinh) Nhược nam, nhược nữ, thuyết chư thế gian vô phụ, vô mẫu, nữ chí vô hữu thiện nghiệp, ác nghiệp sở đắc quả báo, vô hữu năng đắc thánh đạo quả giả, nhất thiết chư pháp bất tùng nhân sanh. Hoặc hữu chấp ngôn, Sắc Giới thị thường, phi biến hoại pháp. Hoặc hữu chấp ngôn, Vô Sắc Giới thường, phi biến hoại pháp. Hoặc hữu chấp ngôn, ngoại đạo sở kế chư khổ hạnh pháp, đắc cứu cánh tịnh. Hoặc hữu chấp ngôn, duy Thanh Văn Thừa đắc cứu cánh tịnh, phi Độc Giác Thừa, diệc phi Đại Thừa. Ư Thanh Văn Thừa, tín kính, xưng tán, tuyên thuyết, khai thị. Ư Độc Giác Thừa, cập ư Đại Thừa, phi báng, khinh hủy, chướng tế, ẩn một, bất linh lưu bố. Hoặc hữu***

*chấp ngôn, duy Độc Giác Thừa đắc cứu cánh tịnh, phi Thanh Văn Thừa, diệc phi Đại Thừa. Ư Độc Giác Thừa, tín kính, xưng tán, tuyên thuyết, khai thị. Ư Thanh Văn Thừa, cập u Đại Thừa, phi báng, khinh hủy, chướng tế, ẩn một, bất linh lưu bố. Hoặc hữu chấp ngôn, duy hữu Đại Thừa đắc cứu cánh tịnh, phi Thanh Văn Thừa, phi Độc Giác Thừa. Ư Đại Thừa pháp, ký tự sanh tín, giáo tha sanh tín, ký tự cung kính, giáo tha cung kính, ký tự xưng tán, giáo tha xưng tán, ký tự thư tả, giáo tha thư tả, ký tự độc tụng, giáo tha độc tụng, ký tự thính thọ, giáo tha thính thọ, ký tự tư duy, giáo tha tư duy, u tha hữu tình, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, giai vị quảng thuyết, khai thị, giải thích vi tế thâm thâm Đại Thừa pháp nghĩa. Ư Thanh Văn Thừa, cập Độc Giác Thừa, phi báng, khinh hủy, chướng tế, ẩn một, bất linh lưu bố, tự bất sanh tín, chướng tha sanh tín, tự bất cung kính, chướng tha cung kính, tự bất xưng tán, chướng tha xưng tán, tự bất thư tả, chướng tha thư tả, tự bất độc tụng, thính thọ, tư duy, chướng tha độc tụng, thính thọ, tư duy, bất nhạo quảng thuyết, khai thị, giải thích nhị thừa pháp nghĩa.*

(經)若男若女，說諸世間無父無母，乃至無有善業惡業所得果報，無有能得聖道果者，一切諸法不從因生。或有執言，色界是常，非變壞法。或有執言，無色界常，非變壞法。或有執言，外道所計諸苦行法，得究竟淨。或有執言，唯聲聞乘得究竟淨，非獨覺乘，亦非大乘。於聲聞乘，信敬稱讚，宣說開示。於獨覺乘及於大乘，誹謗輕毀，障蔽隱沒，不令流佈。或有執言，唯獨覺乘得究竟淨，非聲聞乘，亦非大乘。於獨覺乘，信敬稱讚，宣說開示。於聲聞乘及於大乘，誹謗輕毀，障蔽隱沒，不令流佈。或有執言，唯有大乘得究竟淨，非聲聞乘，非獨覺乘。於大乘法，既自生信、教他生信，既自恭敬、教他恭敬，既自稱讚、教他稱讚，既自書寫、教他書寫，既自讀誦、教他讀誦，既自聽受、教他聽受，既自思惟、教他思惟，於他有情，若是法器，若非法器，皆為廣說，開示解釋，微細甚深大乘法義。於聲聞乘及獨覺乘，誹謗輕毀，障蔽隱沒，不令流佈，自不生信、障他生信，自不恭敬、障他恭敬，自不稱讚、障他稱讚，自不書寫、

障他書寫，自不讀誦聽受思惟、障他讀誦聽受思惟，不樂廣說開示解釋二乘法義。

*(Kinh: Dù nam, hay nữ, nói các thế gian không cha, không mẹ, cho đến chẳng có chuốc lấy quả báo do thiện nghiệp hay ác nghiệp, chẳng có ai có thể đắc quả nơi thánh đạo, hết thấy các pháp chẳng do nhân mà sanh. Hoặc có kẻ chấp rằng Sắc Giới là thường, chẳng phải là pháp biến hoại. Hoặc có kẻ chấp rằng Vô Sắc Giới là thường, chẳng phải là pháp biến hoại. Hoặc có kẻ chấp rằng ngoại đạo do tu khổ hạnh mà đạt được thanh tịnh rốt ráo. Hoặc có kẻ chấp rằng, chỉ có Thanh Văn Thừa đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải Độc Giác Thừa, cũng chẳng phải Đại Thừa. Đối với Thanh Văn Thừa, tín kính, xưng tán, tuyên thuyết, khai thị. Đối với Độc Giác Thừa, và Đại Thừa liên phỉ báng, khinh hủy, ngăn trở, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền. Hoặc có kẻ chấp rằng chỉ có Độc Giác Thừa đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải Thanh Văn Thừa, cũng chẳng phải Đại Thừa. Đối với Độc Giác Thừa, tín kính, xưng tán, tuyên thuyết, khai thị. Đối với Thanh Văn Thừa và Đại Thừa, phỉ báng, khinh hủy, ngăn trở, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền. Hoặc có kẻ chấp rằng, chỉ có Đại Thừa đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải Thanh Văn Thừa, chẳng phải Độc Giác Thừa. Đối với pháp Đại Thừa, tự mình đã sanh lòng tin, dạy người khác sanh lòng tin, tự mình đã cung kính, dạy người khác cung kính, tự mình đã xưng tán, dạy người khác xưng tán, tự mình đã biên chép, dạy người khác biên chép, tự mình đã đọc tụng, dạy người khác đọc tụng, tự mình đã nghe nhận, dạy người khác nghe nhận, tự mình đã tư duy, dạy người khác tư duy. Đối với các hữu tình khác, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải pháp khí, đều vì họ rộng nói, khai thị, giải thích pháp nghĩa Đại Thừa vi tế rất sâu. Đối với Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa, bèn phỉ báng, khinh hủy, ngăn chướng, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền, tự chẳng sanh lòng tin, chướng ngại người khác sanh lòng tin, tự mình chẳng cung kính, chướng ngại người khác cung kính, tự mình chẳng xưng tán, chướng ngại người khác xưng tán, tự mình chẳng biên chép, chướng ngại người khác biên chép, tự mình chẳng đọc tụng, nghe nhận, tư duy, chướng ngại người khác đọc tụng, nghe nhận, tư duy, chẳng thích nói rộng, khai thị, giải thích pháp nghĩa Nhị Thừa).*

Đoạn kinh văn này nói về ác tri thức có ác tánh rất sâu, tà kiến rất sâu. Vị quốc vương, hoặc bốn chủng tánh cầu giải thoát, bất luận là nam



hay nữ, chớ nên học theo những kẻ đó, chớ nên thân cận các ác tri thức đó. Những kẻ xấu đó, bất luận là nam hay nữ, làm thế nào để phân định rõ ác tà kiến của họ? Kẻ đó nói thế gian không cha, không mẹ. Hiện thời, có rất nhiều kẻ ngộ nghịch. Đó là chẳng tin cha mẹ, tổn thương cha mẹ, giết hại cha mẹ. Ăn nói kiêu đó, sợ rằng mọi người đều đã nghe thấy, chúng tôi chẳng cần phải giải thích cận kề. Hiện thời, thường thấy chuyện giết cha, giết mẹ. Trong quá khứ rất ít; hiện thời nghiệp càng lúc càng nặng.

Bài bác chẳng có nhân quả, [đối với chuyện] “làm thiện được thiện báo, làm ác được ác báo”, họ đều không tin. Do cho rằng “người đã chết là hết”, cho nên họ tận lực tạo ác, phóng túng ngũ dục, căn bản là chẳng thể thành thánh, chứng đạo quả. Kẻ đó cho rằng đây là gạt người, chẳng chân thật. Kẻ đó cho rằng hết thảy các pháp cũng chẳng sanh từ các nhân, chẳng có nhân quả, còn nói Sắc Giới là thường, vĩnh viễn chẳng biến hóa. Cho đến nói Vô Sắc Giới là thường, cũng vĩnh viễn chẳng biến hóa. Hoặc là chấp vào các khổ hạnh của bọn ngoại đạo, chẳng hạn như Bà-la-môn hành khổ hạnh nuốt lửa, cho đến Bà-la-môn nhin đói, thậm chí lạy bò, lạy chó, đầy đều là [tà hạnh của] ngoại đạo, [thế mà] họ nói do các pháp đó, sẽ có thể đạt được thanh tịnh rốt ráo.

Hoặc có kẻ chấp trước, cũng nói chấp chặt rằng: Chỉ có Thanh Văn Thừa mới có thể đạt đến thanh tịnh rốt ráo, chứ Độc Giác Thừa và Đại Thừa đều chẳng thể được. Đây là do chấp trước Thanh Văn Thừa, bèn hủy báng Độc Giác Thừa, hủy báng Đại Thừa. Hoặc là tin tưởng Độc Giác Thừa; vì thế, lại hủy báng Thanh Văn Thừa, tức là kẻ đó trọn chẳng bình đẳng đối với pháp tam thừa. Kẻ đó chấp trước một thừa, phủ nhận hai thừa kia. Kẻ đó tin pháp Thanh Văn bèn hủy báng pháp nhân duyên, hủy báng pháp Lục Độ. Do vậy, pháp nhân duyên và pháp Lục Độ sẽ dần dần bị ẩn mất. Hoặc là nói ngược lại, kẻ đó chấp trước Độc Giác Thừa, đối với Thanh Văn Thừa và Đại Thừa cũng đều hủy báng. Hoặc kẻ đó chấp trước Đại Thừa, đối với Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa đều hủy báng, chẳng cho người khác học, thậm chí khiến cho các pháp ấy bị ẩn giấu, chẳng cho phép truyền bá.

Trong các pháp tam thừa, chấp trước lẫn nhau, hủy báng lẫn nhau, kẻ đó tin thừa nào bèn nói thừa ấy là tốt, khiến cho người khác tin pháp ấy, khiến cho các đệ tử cũng đều không tin các thừa khác. Kẻ đó tin [thừa nào] bèn cung kính; hề không tin bèn hủy báng. Chính mình dạy như vậy, mà dạy người khác cũng thế. Kẻ đó tự mình xưng tán Thanh Văn Thừa tốt đẹp, xưng tán pháp thuộc Thanh Văn Thừa, kinh A Hàm

và luận Câu Xá là hay, còn Lục Độ vạn hạnh và mười hai nhân duyên đều chẳng tốt. Tự kẻ đó nói như thế, mà cũng dạy người khác như thế. Chính kẻ đó biên chép như thế, mà cũng dạy người khác biên chép như thế.

Có những kẻ học pháp Đại Thừa, học theo kinh Pháp Hoa, nói hàng Nhị Thừa là “*tiêu nha, bại chủng*” (焦芽敗種, mầm bị cháy, hạt giống hư), [chẳng thấu hiểu] đức Phật quở trách các vị ấy, vì các vị ấy chẳng phát tâm Bồ Đề. Nếu quý vị chấp trước lời đó, cũng là sai lầm. Pháp tam thừa đều hay, hết thấy các pháp nghĩa do đức Phật đã dạy đều nói thích đáng căn cơ. Nói đối ứng căn cơ, pháp tam thừa đều bình đẳng, chớ nên tin thừa này, bèn hủy báng thừa kia. Nếu làm như vậy, sẽ là hủy diệt Phật pháp. Thậm chí có kẻ nói chỉ có tu bố thí thì mới có thể đạt được thanh tịnh rốt ráo, chứ trì giới, nhẫn nhục, học trí, đều vô dụng, tu Thiên Định vô dụng. Hoặc là có kẻ lại chấp trước học Thiên Định sẽ hữu dụng, cho đến đối với trì giới, bố thí, nhẫn nhục, học Bát Nhã đều vô dụng, tức là chấp một pháp, phủ nhận các pháp khác. Đối với Lục Độ vạn hạnh cũng là như thế, kẻ đó chấp một Độ trong Lục Độ vạn hạnh, phủ nhận năm Độ kia!

*(Kinh) Hoặc hữu chấp ngôn: Duy tu bố thí đắc cứu cánh tịnh, phi giới, phi nhẫn, nãi chí phi huệ. Hoặc hữu chấp ngôn: Duy tu cấm giới đắc cứu cánh tịnh, phi thí, phi nhẫn, nãi chí phi huệ. Hoặc hữu chấp ngôn: Duy tu an nhẫn đắc cứu cánh tịnh, phi thí, phi giới, nãi chí phi huệ. Hoặc hữu chấp ngôn: Duy tu tinh tấn đắc cứu cánh tịnh, phi thí, phi giới, nãi chí phi huệ. Hoặc hữu chấp ngôn: Duy tu Tĩnh Lự đắc cứu cánh tịnh, phi thí, phi giới, nãi chí phi huệ. Hoặc hữu chấp ngôn: Duy tu Bát Nhã đắc cứu cánh tịnh, phi thí, phi giới, nãi chí phi định. Hoặc hữu chấp ngôn: Duy tu chủng chủng thế gian sở tập chư kỹ nghệ trí đắc cứu cánh tịnh. Hoặc hữu chấp ngôn: Duy tu chủng chủng đầu nham, phó hỏa, tự ngã đẳng hạnh đắc cứu cánh tịnh.*

(經)或有執言：唯修佈施得究竟淨，非戒、非忍乃至非慧。或有執言：唯修禁戒得究竟淨，非施、非忍乃至非慧。或有執言：唯修安忍得究竟淨，非施、非戒乃至非慧。或有執言：唯修精進得究竟淨，非施、非戒乃至非慧。或有執言：唯修靜慮得究竟淨，非施、非戒乃至非慧。或有執言：唯

修般若得究竟淨，非施、非戒乃至非定。或有執言：唯修種種世間所習諸技藝智得究竟淨。或有執言：唯修種種投岩赴火自餓等行得究竟淨。

*(Kinh: Hoặc có kẻ chấp trước rằng: Chỉ có tu bố thí thì mới đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải giới, chẳng phải nhẫn, cho đến chẳng phải huệ. Hoặc có kẻ chấp rằng: Chỉ có tu cấm giới thì mới đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải thí, chẳng phải nhẫn, cho đến chẳng phải huệ. Hoặc có kẻ chấp rằng: Chỉ có tu an nhẫn thì mới đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải thí, chẳng phải giới, cho đến chẳng phải huệ. Hoặc có kẻ chấp rằng: Chỉ có tu tinh tấn thì mới đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải thí, chẳng phải giới, cho đến chẳng phải huệ. Hoặc có kẻ chấp rằng: Chỉ có tu Tĩnh Lự thì mới đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải thí, chẳng phải giới, cho đến chẳng phải huệ. Hoặc có kẻ chấp rằng: Chỉ có tu Bát Nhã thì mới đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải thí, chẳng phải giới, cho đến chẳng phải Định. Hoặc có kẻ chấp rằng: Chỉ có tu các thứ nghề khéo và các trí như thế gian thường làm thì mới đạt được thanh tịnh rốt ráo. Hoặc có kẻ chấp rằng: Chỉ có tu các loại hạnh như gieo mình xuống gộp đá, gieo thân vào lửa, tự nhịn đói v.v... thì mới đạt được thanh tịnh rốt ráo).*

*“Hoặc hữu chấp ngôn: Duy tu bố thí đắc cứu cánh tịnh, phi giới, phi nhẫn”* (Hoặc có kẻ chấp trước rằng: Chỉ có tu bố thí thì mới đạt được thanh tịnh rốt ráo, chẳng phải giới, chẳng phải nhẫn), cũng chẳng phải là Giới, cũng chẳng phải là Thi La Ba La Mật, cũng chẳng phải là Nhẫn Nhục Ba La Mật, cho đến cũng chẳng phải là Bát Nhã Ba La Mật. Hoặc có kẻ chấp rằng: Chỉ có tu giới cấm thì sẽ đạt được thanh tịnh rốt ráo, tức là do tu Thi La Ba La Mật thì mới có thể đạt đến thanh tịnh rốt ráo, các Ba La Mật khác đều không tốt. Đây là điều bị đức Phật quở trách, vì đó là ác tánh chấp trước, là ác kiến. Đó gọi là chấp trước tà kiến. Ngoại đạo lại càng chẳng cần phải nói nữa, hoặc là tu đủ kiêu [khô hạnh] như quăng mình xuống gộp đá, gieo thân vào lửa, nhịn đói. Họ cứ nghĩ tu các hạnh môn đó thì mới là rốt ráo. Đây là nói điên đảo. Ở đây, nêu ra thí dụ, “*đầu nham*” (投岩, quăng mình xuống gộp đá) tức là trèo lên đỉnh núi, nhảy xuống vách núi, cứ nghĩ nhảy xuống sẽ thành đạo. Tại núi Nga Mi có Xả Thân Nhai (舍身崖, vách núi xả thân), trong kinh Pháp Hoa, Diệu Hỷ Bồ Tát tự đốt thân, đây đều chẳng phải là các pháp thường hằng, chớ nên phỏng theo lệ ấy. Kinh điển Đại Thừa nói tới những

trường hợp ấy là do các nhân duyên riêng biệt. Còn các chuyện gieo mình xuống vách đá, nhảy vào lửa, nhin đói như ngoại đạo đã nói, cứ ngỡ làm như vậy sẽ có thể đạt được thanh tịnh rốt ráo. Đó là sai lầm!

*(Kinh) Thiện nam tử! Như thị phá giới, ác hạnh bất-sô, phi pháp khí giả, chủng chủng dụ hoặc chân thiện pháp khí chư hữu tình đẳng, linh chấp ác kiến. Bĩ do điên đảo chư ác kiến cố, phá hoại chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Thù-đạt-la đẳng, nhược nam, nhược nữ, sở hữu tịnh tín, giới, văn, xả, huệ, chuyển Sát-đế-lợi thành Chiên-đồ-la, nữ chí Phiệt-xá, Thù-đạt-la đẳng thành Chiên-đồ-la. Thử phi pháp khí, phá giới bất-sô, tịnh Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la đẳng, sư cập đệ tử, câu đoạn thiện căn, nữ chí đương đọa Vô Giám địa ngục. Thiện nam tử! Như nhân tử thi, bàng trưởng, lạn xú, chư lai kiến giả, giai vị xú huân, tùy sở xúc cận lạn xú tử thi, hoặc dữ giao ngoạn, tùy bị xú uế chi sở huân nhiễm. Như thị chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Thù-đạt-la đẳng, nhược nam, nhược nữ, tùy sở thân cận phá giới, ác hạnh, phi pháp khí Tăng, hoặc dữ giao du, hoặc cộng trụ chỉ, hoặc đồng sự nghiệp, tùy bị ác kiến xú uế huân nhiễm. Như thị, như thị, linh bỉ chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Thù-đạt-la đẳng, nhược nam, nhược nữ, thoái thất tịnh tín, giới, văn, xả, huệ, thành Chiên-đồ-la, sư cập đệ tử, câu đoạn thiện căn, nữ chí đương đọa Vô Giám địa ngục.*

(經)善男子！如是破戒惡行苾芻，非法器者，種種誘惑真善法器諸有情等，令執惡見。彼由顛倒諸惡見故，破壞真善剎帝利王，乃至真善戍達羅等，若男若女，所有淨信戒聞舍慧，轉剎帝利成旃荼羅，乃至筏舍，戍達羅等成旃荼羅。此非法器，破戒苾芻，並剎帝利旃荼羅等，師及弟子，俱斷善根，乃至當墮無間地獄。善男子！如人死尸，膨脹爛臭，諸來見者，皆為臭熏，隨所觸近爛臭死尸，或與交玩，隨被臭穢之所熏染。如是真善剎帝利王，乃至真善戍達羅等，若男若女，隨所親近破戒惡行非法器僧，或與交遊，或共住止，或同事業，隨被惡見臭穢熏染。如是，如是，令彼真善剎帝利王，乃至真善戍達羅等，若男若女，退失淨信戒聞舍慧，成旃荼羅，師及弟子，俱斷善根，乃至當墮無間地獄。

*(Kinh: Này thiện nam tử! Bất-sô phá giới, ác hạnh như thế, chẳng phải là pháp khí, dùng đủ mọi cách dụ dỗ, mê hoặc các hữu tình là bậc chân thiện pháp khí, khiến cho họ chấp trước ác kiến. Những kẻ đó do các ác kiến điên đảo, bèn phá hoại chân thiện Sát-đế-lợi vương, cho đến chân thiện Thù-đạt-la v.v... Dù nam hay nữ, tất cả tịnh tín, giới, vãng, xả, huệ [đều bị thoái thất], chuyển Sát-đế-lợi thành Chiên-đồ-la, cho đến Phiệt-xá, Thù-đạt-la v.v... thành Chiên-đồ-la. Bất-sô phá giới chẳng phải pháp khí ấy và Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la v.v... thầy lẫn trò đều đoạn mất thiện căn, cho đến sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián. Này thiện nam tử! Như xác người trương phềnh, nứt nẻ, hôi thối, những người đến xem đều bị mùi thối xông xức. Hễ đến gần xác chết nứt nẻ, hôi thối, hoặc đi qua, đều bị xú uế hun nhiễm. Chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến chân thiện Thù-đạt-la v.v... như thế, dù nam hay nữ, hễ thân cận Tăng nhân phá giới, ác hạnh, chẳng phải là pháp khí, hoặc giao du, hoặc ở chung, hoặc có cùng sự nghiệp, sẽ bị ác kiến xú uế hun nhuốm. Đứng như thế đó, đứng như thế đấy, sẽ khiến cho chân thiện Sát-đế-lợi vương ấy, cho đến chân thiện Thù-đạt-la v.v... dù nam hay nữ thoái thất tịnh tín, giới, vãng, xả, huệ, trở thành Chiên-đồ-la, thầy lẫn trò đều đoạn thiện căn, cho đến sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián).*

Đây là tổng kết. Các tỳ-kheo phá giới, ác hạnh đó chẳng phải là pháp khí, tức chẳng phải là dụng cụ chứa đựng pháp. Họ là phường tà tri, tà kiến, nói dối, gạt gẫm, dụ hoặc. Đối với bậc chân thiện pháp khí, đối với người thật sự tu hành, thật sự là chánh tri, chánh kiến, những ác Tăng đó sẽ khuyên họ dấy lên ác kiến, khuyên họ vứt bỏ chánh kiến. Bản thân những gã đó do có ác kiến điên đảo, sẽ phá hoại quốc vương tốt lành, thương nhân tốt lành, cho đến những người tốt lành thuộc các chủng tánh thấp hèn. Thù-đạt-la là chủng tánh thấp hèn, là chủng tánh thấp nhất trong bốn chủng tánh. [Những gã ác Tăng ấy] đều khiến cho những người đó dấy lên ác kiến.

Tại Ấn Độ, thành phần giai cấp chủng tánh hết sức nghiêm trọng. Tôn giả Ưu Ba Ly là vị trí giới bậc nhất, vốn là thợ cạo tóc cho hoàng đế trong cung đình. Khi ngài A Nan xuất gia, đức Phật bảo A Nan hãy lễ dưới chân ngài Ưu Ba Ly, A Nan không lễ, nói: “Đây là gã hầu chuyên cạo tóc của tôi, làm sao tôi lễ hẳn ta cho được?” Đức Phật bảo: “Hễ vào Phật pháp thì đều là bình đẳng như nhau. Thầy ấy là bậc Thượng Tọa, xuất gia sớm hơn ông, đã chứng đắc quả A La Hán, ông phải nên lễ bái”. Đối với Phật, pháp đều bình đẳng. Phật độ chúng sanh chẳng phân biệt

giai cấp, đều bình đẳng độ. Do vậy, đức Phật xét theo căn cơ mà nói hết thảy các pháp.

Pháp tam thừa, Tiểu Thừa là pháp Tứ Đế, Duyên Giác Thừa là pháp mười hai nhân duyên, Bồ Tát Thừa là Lục Độ vạn hạnh, đầy đủ là nêu đại ý. Luật Tạng tạng kinh, trong ấy cũng chứa đựng nghĩa lý Đại Thừa. Như niêm A Di Đà Phật chính là ý nghĩa Đại Thừa, điều này được nói trong giới kinh. Có các pháp dạy chúng ta phải khéo học, nhưng ở đây là nói về tỳ-kheo ác tánh, tỳ-kheo phá giới, họ hướng dẫn chúng sanh, khiến cho chúng sanh buông xả tín, giới, huệ, bố thí, chuyển chân thiện Sát-đế-lợi vương thành Chiên-đồ-la Sát-đế-lợi vương. Hoặc là chân thiện Phiệt-xá, Thú-đạt-la đều bị chuyển thành phùng Chiên-đồ-la, đều chuyển thành phùng ác tánh, hành theo hạnh của các ác tỳ-kheo. Tỳ-kheo phá giới chẳng phải là pháp khí, đã hướng dẫn những người ấy đều trở thành ác tánh.

Đề Bà Đạt Đa dạy vua A Xà Thế giết cha, dạy ông ta hãy soán đoạt ngôi vị hoàng đế, đó là tội Ngũ Nghịch. Đề Bà Đạt Đa muốn thay thế đức Phật, liền lăn tảng đá đè Phật, toan đè chết đức Phật, quăng trúng chân đức Phật, khiến cho thân Phật chảy máu, ông ta ngay lập tức đọa địa ngục. Đây là biểu thị tánh ác. Ở đây là tỳ-kheo phá giới chẳng phải là pháp khí, cho đến những kẻ đi theo hắn, tin tưởng hắn, nên sanh ra ác kiến. Các Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương cho đến Thú-đạt-la Chiên-đồ-la ấy đều trở thành kẻ có tánh ác. *“Su cập đệ tử, câu đoạn thiện căn”* (Thầy lẫn đệ tử đều đoạn thiện căn): Bất luận kẻ dạy bảo hay đệ tử của kẻ đó đều đoạn dứt thiện căn. *“Đương đọa Vô Gian địa ngục”* (Sẽ đều đọa vào địa ngục Vô Gian): Mọi người đều đọa vào địa ngục Vô Gian.

*“Linh bỉ chân thiện Sát-đế-lợi vương, nãi chí chân thiện Thú-đạt-la đẵng, nhược nam, nhược nữ, thoái thất tịnh tín, giới, văn, xả, huệ”* (Khiến cho chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến chân thiện Thú-đạt-la v.v... dù nam hay nữ, đều thoái thất tịnh tín, giới, văn, xả, huệ): Xả là bố thí, Huệ là trí huệ, Văn là nghe pháp. Toàn bộ tịnh giới, nghe pháp, trí huệ đều buông bỏ, trở thành ác tánh Chiên-đồ-la, thiện căn đều bị đoạn dứt, sẽ đọa vào địa ngục Vô Gian. Do vậy, đức Phật bảo Kim Cang Tạng Bồ Tát, ta nói *“phải nên cúng dường”* là có chọn lựa, chẳng phải là không chọn lựa! Đối với hai đảng thiện và ác, phải phân biệt đại lược: Tuy đều là ô đạo sa-môn, nhưng trong các ô đạo sa-môn, còn có một số người là tốt. Điều này có nghĩa là nương theo Tam Bảo, nương theo điều thiện để tu hành, sẽ có thể thành đạo. Nếu lui sụt thành Vô Y, quý vị tu hành, nhưng chẳng có công đức, lui sụt xuống phẩm Vô Y Hạnh. Phẩm

Vô Y Hạnh và phẩm Hữu Y Hạnh phải gộp chung lại để nói. Vì sao lại vô y, chẳng y theo Tam Bảo? Do chẳng có chánh tri, chánh kiến, sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián. Nương theo Tam Bảo, có chánh tri, chánh kiến, sẽ là thị đạo sa-môn, mạng đạo sa-môn, hay thắng đạo sa-môn, có ý nghĩa này. Nói về kẻ ác xong, đức Phật lại giảng về người lành.

*(Kinh) Thiện nam tử! Nhữ quán như thị Sát-đế-lợi đẳng vô lượng hữu tình, thân cận như thị phá giới, ác hạnh, phi pháp khí Tăng, thoái thất nhất thiết sở hữu thiện pháp, nãi chí đương đọa Vô Gián địa ngục. Thị cố dục đắc thượng diệu sanh thiên, Niết Bàn lạc giả, giai ưng thân cận, thừa sự, cúng dường thắng đạo sa-môn, tứ bảm, thính văn tam thừa yếu pháp, hoặc cầu thị đạo, mạng đạo sa-môn. Nhược vô như thị tam đạo sa-môn, đương u ô đạo sa-môn trung cầu, tuy phục giới hoại, nhi hữu chánh kiến, cụ túc ý nhạo, cập gia hạnh giả, ưng vãng thân cận, thừa sự, cúng dường, tứ bảm, thính văn tam thừa yếu pháp, bất ưng thân cận, thừa sự, cúng dường gia hạnh, ý nhạo, cập kiến hoại giả. Bĩ tuy giới hoại, nhi vô tà kiến, ý nhạo, gia hạnh, kiến cụ túc cố, ưng nghệ kỳ sở, tứ bảm, thính văn Thanh Văn Thừa pháp, Độc Giác Thừa pháp, cập Đại Thừa pháp, bất ưng khinh hủy. Ư tam thừa trung, tùy ý sở nhạo, phát nguyện tinh tấn, tùy học nhất thừa, u sở dư thừa, bất ưng khinh hủy. Nhược u tam thừa, tùy khinh hủy nhất, hạ chí nhất tụng, bất ưng thân cận, hoặc dĩ giao du, hoặc cộng trụ chỉ, hoặc đồng sự nghiệp. Nhược hữu thân cận, hoặc dĩ giao du, hoặc cộng trụ chỉ, hoặc đồng sự nghiệp, câu định đương đọa Vô Gián địa ngục.*

(經)善男子！汝觀如是剎帝利等無量有情，親近如是破戒惡行，非法器僧，退失一切所有善法，乃至當墮無間地獄。是故欲得上妙生天，涅槃樂者，皆應親近承事，供養勝道沙門，諮稟聽聞三乘要法，或求示道、命道沙門。若無如是三道沙門，當於污道沙門中求，雖復戒壞，而有正見，具足意樂，及加行者，應往親近承事供養、諮稟聽聞三乘要法，不應親近承事供養加行、意樂及見壞者。彼雖戒壞，而無邪見，意樂、加行、見具足故，應詣其所，諮稟聽聞聲聞乘法、獨覺乘法，及大乘法，不應輕毀。於三乘中，隨意所樂，發願精進，隨學一乘，於所餘乘，不應輕毀。若於三乘，隨

輕毀一，下至一頌，不應親近，或與交遊，或共住止，或同事業。若有親近，或與交遊，或共住止，或同事業，俱定當墮無間地獄。

*(Kinh: Nay thiện nam tử! Ông hãy quán vô lượng hữu tình như Sát-đế-lợi v.v... như thế, thân cận Tăng nhân phá giới, ác hạnh, chẳng phải là pháp khí như thế, sẽ thoái thất tất cả hết thấy thiện pháp, cho đến sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián. Do vậy, kẻ muốn đạt được niềm vui thượng diệu do sanh thiên hay chứng Niết Bàn, đều phải nên thân cận, thừa sự, cúng dường bậc thắng đạo sa-môn để thừa hỏi, nghe pháp trọng yếu trong tam thừa, hoặc cầu bậc thị đạo, hay mạng đạo sa-môn. Nếu chẳng có ba loại đạo sa-môn như thế, hãy nên cầu nơi ô đạo sa-môn. Họ tuy giới hư hoại, nhưng có chánh kiến, trọn đủ ý nhạo và gia hạnh, hãy nên đến thân cận, thừa sự, cúng dường, thừa hỏi, nghe pháp trọng yếu trong tam thừa. Chớ nên thân cận, thừa sự, cúng dường kẻ có gia hạnh, ý nhạo, và kiến đều hoại. Đối với những người tuy giới hoại, nhưng chẳng có tà kiến, [lại còn] ý nhạo, gia hạnh, và kiến đều trọn đủ, hãy nên đến chỗ kẻ đó, thừa hỏi, lắng nghe pháp Thanh Văn Thừa, pháp Độc Giác Thừa, và pháp Đại Thừa, chớ nên khinh hủy. Trong tam thừa, tùy lòng yêu thích, hãy phát nguyện tinh tấn, học lấy một thừa, đối với hai thừa kia, chớ nên khinh hủy. Nếu kẻ nào đối với tam thừa, hễ khinh hủy bất cứ một thừa nào, dẫu chỉ một bài tụng, chớ nên thân cận hoặc giao du, hoặc ở chung chỗ, hoặc làm cùng sự nghiệp. Nếu có thân cận, hoặc giao du, hoặc cùng ở chung chỗ, hoặc làm cùng sự nghiệp, sẽ đều đọa vào địa ngục Vô Gián).*

Trong phần trước đã nói về mười ác luân, hễ có một luân nào, không chỉ thoái thất thiện pháp trong đời này, mà thiện pháp do quý vị đã tu hành trong nhiều đời đều bị thoái thất. “*Một niệm sân tâm khởi, trăm vạn cửa chướng mở*”. Không chỉ thoái thất, mà trong vị lai, quý vị sẽ toàn gặp chướng ngại. Dấy lên một niệm sân tâm, khởi lòng tham, bản thân là ngu si, chứa đựng vô minh. Nếu chẳng có Vô Minh Hoặc, quang minh trí huệ sẽ chiếu rọi, người ấy sẽ chẳng dấy lòng tham, cũng chẳng dấy lòng sân. Đó là hai đường thiện, ác.

Từ nhiều đời, nhiều kiếp đến nay, vì sao chúng ta chẳng thể thành đạo, cứ tiến tiến lùi lùi? Đời này gặp gỡ thiện tri thức, tiến lên được một thời gian, sau đó, lại gặp ác tri thức, lại bị lui sụt. Cứ tiến tiến lùi lùi, lùi lùi tiến tiến như thế, thời gian sẽ lâu dài! Bái sám, tu hành, niệm Phật



hiệu, thánh hiệu, hoặc là niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, hoặc là niệm Địa Tạng Bồ Tát, tùy tiện quý vị làm gì đều là tiến lên. Nếu có thể trong lúc lâm chung mà giữ vững, nếu có Túc Mạng Trí, trong đời sau, sẽ biết đời trước ta đã làm gì, quý vị sẽ chẳng làm ác nữa, đời này tối thiểu ắt phải tu được Túc Mạng Trí. Quý vị mong đạt được sự vui sướng thượng diệu sanh lên trời, hay chứng Niết Bàn, phải nên làm như thế nào? Phải nên “*thân cận, thừa sự, cúng dường thắng đạo sa-môn*”. Nay là thời Mạt Pháp, tìm đâu ra vị nào đã chứng đắc quả vị A La Hán, hoặc còn có thể thấy Phật u? Chẳng thể nào! Quý vị làm như thế nào đây? Tìm một vị trong số các ô đạo sa-môn cũng được, nhưng chớ tìm tỳ-kheo nào phá giới, ác hạnh, tà tri, tà kiến. Kẻ đó sẽ dẫn quý vị vào địa ngục đấy!

Đã chẳng có thắng đạo sa-môn, như vậy thì tìm thị đạo sa-môn, chuyện này cũng chẳng dễ dàng! Nay chúng ta cũng chẳng nhận biết, cũng chẳng đạt đến trí huệ ấy. Mạng đạo sa-môn cũng thế! “*Nhược vô tam đạo sa-môn*” nghĩa là thắng đạo sa-môn chẳng có, thị đạo sa-môn quý vị cũng chẳng gặp được, mạng đạo sa-môn cũng chẳng gặp luôn, vậy thì làm như thế nào? “*Đương u ô đạo sa-môn trung cầu*” (Hãy nên cầu nơi ô đạo sa-môn). Hiện thời, ngay cả ô đạo sa-môn cũng khó gặp gỡ. Ô đạo sa-môn tuy phá giới, nhưng có chánh kiến, tri kiến của vị ấy chẳng hoại. Phá giới, Phật còn có thể cứu; phá kiến thì Phật chẳng có cách nào cứu nổi! Kẻ đó không tin, dầu quý vị nói như thế nào đi nữa, kẻ đó vẫn chẳng tin! Tuy sanh khởi tri kiến điên đảo, kẻ đó đối với Phật pháp vẫn có lòng ưa thích, vẫn có tâm mong cầu. Gia hạnh là phương tiện thiện xảo, kẻ đó phải tu. Gia hạnh chính là phương tiện đạo. Nay chúng ta đọc kinh, lễ bái, sám hối, cho đến xưng niệm thánh hiệu, đều coi như gia hạnh đạo.

Vậy thì quý vị hãy nên “*thân cận, thừa sự, cúng dường, tứ bảm, thỉnh văn tam thừa yếu pháp*” (thân cận, thừa sự, cúng dường, thưa hỏi, nghe nhận các pháp trọng yếu trong tam thừa). Thắng đạo sa-môn quý vị chẳng gặp được, mạng đạo sa-môn cũng chẳng gặp được, cho đến thị đạo sa-môn cũng chẳng gặp được! Làm như thế nào đây? Đến cuối cùng, ngay cả ô đạo sa-môn cũng chẳng gặp gỡ, người khoác ca-sa đều chẳng có, pháp đã bị diệt! Pháp đã thật sự bị diệt, muốn thỉnh một bộ kinh cũng chẳng thấy. Quý vị đừng thấy hiện thời Pháp Bảo rất nhiều! Tới lúc pháp diệt, ngay lập tức chẳng có chi hết! Chúng tôi không biết đó là do sức mạnh nào, chẳng còn gì hết! Tại Đại Lục (Hoa Lục) là như vậy đó. Trong rất nhiều chùa miếu, Tàng Kinh Lâu đều bị niêm phong. Kinh ở trong đó, nhưng quý vị chẳng dám xem, cũng chẳng lấy ra được! Hề

xem, sẽ là phạm pháp, phạm tội. Đây là nói chuyện trước kia. Vua Chiên-đồ-la vương hành pháp Chiên-đồ-la, tức ác pháp, quý vị chẳng có cách nào hết! Tuy vị Tăng ấy (ô đạo sa-môn) phá giới, nhưng tri kiến vẫn rất tốt, chẳng có tà kiến. Vậy thì người đó có ý nhạo (tâm ưa thích Phật pháp), ý nhạo thì sẽ mong mỏi, có tâm hoan hỷ, đối với Phật giáo có tâm hoan hỷ, còn hành các gia hạnh. “*Ung nghệ kỳ sở, tứ bảm thính văn Thanh Văn Thừa pháp, Độc Giác Thừa pháp, cập Đại Thừa pháp, bất ưng khinh hủy*” (Hãy nên đến chỗ kẻ đó, thưa hỏi, nghe nhận pháp Thanh Văn Thừa, pháp Độc Giác Thừa, và pháp Đại Thừa, chớ nên khinh hủy), phải sanh lòng cung kính đối với người ấy.

“*U tam thừa trung, tùy ý sở nhạo, phát nguyện tinh tấn*” (Trong ba thừa, tùy lòng ưa thích, phát nguyện tinh tấn), trong ba thừa, tùy ý quý vị thích pháp nào, bèn tu pháp ấy là được! “*Tùy học nhất thừa*” (Tùy ý học một thừa), không nhất định, quý vị đối với nhân duyên nào rất sâu dày, bèn học pháp ấy, điều này phải tùy duyên. Tôi mong học pháp Thanh Văn Thừa, nhưng chẳng gặp kinh A Hàm, chẳng gặp luận Câu Xá, sẽ lại học như thế nào? Đồng thời, quý vị gặp một vị thầy, nhưng vị thầy ấy chưa hề học luận Câu Xá, cũng chẳng học kinh A Hàm, vị ấy sẽ nói cho quý vị pháp gì đây? Vị ấy học pháp gì, quý vị sẽ học pháp ấy. Khi tôi ở Hạ Môn, khôi phục Mân Nam Phật Học Viện<sup>6</sup> tại chùa Nam Phổ Đà, lúc đó tôi là Giáo Vụ Trưởng, tới đâu để mời giáo sư đây? [Phật pháp tại Hoa Lục] đã bị gián đoạn [gần bốn mươi năm]. Học trò hai mươi mấy tuổi, chúng tôi khi đó đã hơn bảy mươi tuổi. Quý vị muốn tìm một vị thầy vào lứa tuổi bốn mươi, năm mươi, chẳng có!

---

<sup>6</sup> Mân Nam Phật Học Viện gần như là học viện đầu tiên của Phật giáo Trung Hoa. Phật Học Viện được sáng lập và chính thức hoạt động vào ngày mùng Một tháng Chín năm 1925 theo đề nghị của hòa thượng Truyền Phùng, trụ trì chùa Nam Phổ Đà, thỉnh pháp sư Hội Tuyên làm viện trưởng. Đến năm 1927, Thái Hư đại sư làm viện trưởng nhiệm kỳ 2. Do vậy, Mân Nam Phật Học Viện chủ yếu học về Duy Thức. Năm 1929, Phật Học Viện này cùng với Vũ Xương Phật Học Viện được coi là trường cao cấp Phật giáo toàn Trung Hoa. Năm 1934, Hoàng Nhất đại sư lập thêm Dưỡng Chánh Viện (trường trung học phổ thông) cho Phật Học Viện này. Phật Học Viện hoạt động đến năm 1943 thì bị chính quyền Mao Trạch Đông cấm hoạt động, chùa Nam Phổ Đà cũng bị đóng cửa, Tăng sĩ phải đi học tập cải tạo, hoặc buộc hoàn tục. Mãi cho tới năm 1985, dưới thời Đặng Tiểu Bình, chánh sách khoan dung tôn giáo được áp dụng, Phật Học Viện mới được phép mở cửa lại, do pháp sư Diệu Trạng làm viện trưởng. Pháp sư Diệu Trạng đã thỉnh pháp sư Mộng Tham mới ra khỏi tù về làm Giáo Vụ Trưởng.

Trước kia, Môn Nam Phật Học Viện tu Duy Thức Tông, nhưng hiện thời, mong mời giảng sư giảng Bát Thức Quy Củ Tụng thì chẳng có ai có thể giảng, đều chưa từng học. [Các giảng sư] có vị học tứ giáo, có vị học ngũ giáo, có vị học Tịnh Độ, bèn giảng kinh A Di Đà. Làm như thế nào? Vị nào biết điều gì, sẽ dạy điều đó. Do vậy, dạy rất phức tạp. Chương trình học không đủ, tôi mời mấy giáo sư từ đại học Hạ Môn, là các vị giáo sư già đến dạy. Văn học cũng học, chúng tôi cũng có các lớp tiếng Anh, tiếng Nhật, tức là dạy rất phức tạp. Vì sao vậy? Tùy duyên! Quý vị mong quyết định học môn gì, chẳng có [giảng sư], làm như thế nào? Lại còn phải có sách giáo khoa, học trò phải có sách. Chẳng có sách, học thế nào đây? Dùng cách in ronéo, mượn mấy bản từ thư viện, tìm người in lại, dùng để dạy học!

Kinh điển tam thừa, tùy tiện quý vị muốn học bộ nào, có thể cùng nhau học, chớ nên khinh miệt, hủy báng. Nhưng với kẻ ác hạnh, quý vị chớ nên thân cận, chớ nên giao du với hắn. Nếu quý vị thân cận, giao du với hắn, quý vị sẽ khốn đốn! Do vậy, khi học pháp tam thừa, hoặc là khi học Hiền giáo, chúng ta vì gieo phước, chớ nên hủy báng thừa khác. Bất luận pháp sư nào giảng kinh, cũng đều tán thán, tùy hỷ, đừng nên sanh lòng hủy báng. Quý vị chớ nên bình luận vị ấy giảng kinh hay, giảng kinh dở. Nếu quý vị có duyên với vị ấy, vui thì quý vị đến nghe, không vui thì có thể không nghe, chẳng có gì sai trái hết! Nếu quý vị hủy báng, vô duyên vô cớ tìm phiền não cho chính mình, tự chuốc lấy tội. Chẳng có tội, quý vị lại muốn thọ tội, việc gì phải vậy? Bất luận đối với người, hay đối với pháp, trong tâm quý vị luôn có Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Chúng tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, [trong kinh ấy đã nói] niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, công đức rất lớn. Khi quý vị niệm Pháp, Tam Tạng mười hai bộ hết thấy các kinh, các pháp do mười phương chư Phật đã dạy đều ở trong ấy, chẳng có lựa chọn. Hết thấy các vị Tăng thù thắng có thể dẫn khởi lòng yêu thích của quý vị. Vì do có phạm Tăng, quý vị có thể nghĩ đến các vị thánh Tăng. Do có thánh Tăng, quý vị có thể nghĩ đến Phật, sẽ gieo công đức.

*(Kinh) Thiện nam tử! Thị cố, nhược dục u tam thừa trung, tùy y nhất thừa, cầu xuất sanh tử, hân nhạo an lạc, yếm nguy khổ giả, ung u Như Lai sở thuyết chánh pháp, hoặc y Thanh Văn Thừa sở thuyết chánh pháp, hoặc y Độc Giác Thừa sở thuyết chánh pháp, hoặc y Đại Thừa sở thuyết chánh pháp, phổ thâm tín kính, vật sanh báng hủy, chướng tế, ẩn một, hạ chí nhất tụng, thường ung cung kính, độc tụng,*

*thính văn, ưng phát kiên lao chánh nguyện cầu chứng. Báng hủy tam thừa, tùy nhất pháp giả, bất ưng cộng trụ, hạ chí nhất túc, bất ưng thân cận, tứ bâm, thính pháp. Nhược chư hữu tình, tùy u tam thừa, hủy báng nhất thừa, hoặc phục thân cận báng tam thừa nhân, tứ bâm, thính thọ, do thử nhân duyên, giai định đương đọa Vô Gian địa ngục, thọ đại khổ não, nan hữu xuất kỳ.*

(經)善男子！是故，若欲於三乘中，隨依一乘，求出生死，欣樂安樂，厭危苦者，應於如來所說正法，或依聲聞乘所說正法，或依獨覺乘所說正法，或依大乘所說正法，普深信敬，勿生謗毀、障蔽、隱沒下至一頌，常應恭敬、讀誦、聽聞，應發堅牢正願求證。謗毀三乘，隨一法者，不應共住，下至一宿，不應親近，諮稟聽法。若諸有情，隨於三乘，譏謗一乘，或復親近謗三乘人，諮稟聽受，由此因緣，皆定當墮無間地獄，受大苦惱，難有出期。

(*Kinh: Này thiện nam tử! Vì thế, nếu người nào muốn trong tam thừa, nương theo một thừa nào đó để cầu thoát khỏi sanh tử, ưa thích an lạc, chán nổi khổ hiểm nguy, hãy nên đối với chánh pháp do đức Như Lai đã nói, hoặc nương theo chánh pháp được nói trong Thanh Văn Thừa, hoặc nương theo chánh pháp được nói trong Độc Giác Thừa, hoặc nương theo chánh pháp được nói trong Đại Thừa, tin kính sâu xa trọn khắp, đừng sanh lòng hủy báng, chướng lấp, ản giấu, dấu chỉ một bài tụng. Hãy thường nên cung kính, đọc tụng, lắng nghe, hãy nên phát chánh nguyện kiên cố cầu chứng. Hễ kẻ nào báng hủy bất cứ một pháp nào trong tam thừa, chớ nên ở chung với kẻ đó, dấu chỉ một đêm, hoặc là thân cận kẻ báng bỏ tam thừa, vâng nhận, lắng nghe. Do nhân duyên ấy, chắc chắn sẽ đều đọa vào địa ngục Vô Gian, chịu khổ não to lớn, khó có lúc thoát ra).*

Do vậy, “*thiện nam tử! Dục u tam thừa trung, tùy y nhất thừa, cầu xuất sanh tử, hân nhạo an lạc*” (thiện nam tử! Muốn trong ba thừa, nương theo một thừa nào đó để cầu thoát khỏi sanh tử, ưa thích an lạc). Quý vị chán ghét sự nguy nan, chán lìa xã hội này. Muốn thoát khỏi sanh tử, phải nên vâng theo chánh pháp do đức Như Lai đã nói, hoặc vâng theo chánh pháp đã nói trong Thanh Văn Thừa, hoặc vâng theo chánh pháp đã nói trong Độc Giác Thừa, hay vâng theo chánh pháp đã nói

trong Đại Thừa, tin kính sâu xa, trọn khắp. “*Phổ*” (普) là sâu trọn khắp, chẳng phải là tri kiến nông cạn, mà là tín ngưỡng rất sâu. Nếu quý vị chứng đắc bốn quả vị A La Hán, thần thông cũng vô ngại, có thể biết chuyện trong tám vạn đại kiếp, khá lắm! Nhưng quý vị chẳng trụ trong môn Định ấy, đây là Bồ Tát.

Nhưng xin quý vị hãy đừng “*vật sanh báng hủy, chướng tế, ẩn một*” (sanh lòng hủy báng, chướng lấp, ẩn giấu). Nếu hủy báng, chướng lấp, ẩn giấu thì chính là do tâm lý ghen tỵ. Kẻ đó tin tưởng pháp ấy, chỉ mong hoàng dương pháp ấy, sợ kẻ khác cũng hoàng dương, hoặc thấy chùa người ta đệ tử rất đông, kẻ đó nẩy lòng chướng ngại, sẽ phá hoại, đặt điều. Đây là đặc điểm trong thời Mạt Pháp, cũng là đặc điểm trong thời hiện tại. Không chỉ là hàng xuất gia, mà tại gia cư sĩ cũng là như vậy. Ở đây, tôi không nêu thí dụ, mọi người đều có thể hiểu, hằng ngày đều có thể gặp phải, nhưng chúng ta chớ nên làm [như vậy]. Các pháp được dạy trong tam thừa đều hay, nếu nguyện lực của quý vị chẳng kiên định, tri kiến bất chánh, nguyện sẽ chẳng chánh! Quý vị chẳng có chánh nguyện; [bởi lẽ], chẳng có chánh kiến, quý vị sẽ chẳng thể sanh khởi chánh nguyện. Bàng môn, tà đạo, quý vị muốn thoát ly biển khổ, chẳng thể nào được!

Nếu là “*báng hủy tam thừa pháp, tùy nhất pháp giả, bất ưng cộng trụ*” (kẻ hủy báng bất cứ một pháp nào trong pháp tam thừa, chẳng nên ở chung). Hiện thời, quyền lợi “*trụ*” ấy, đại chúng Tăng cũng chẳng còn nữa. Như chùa Nam Phổ Đà có hơn năm trăm người ở đó, nếu quý vị thấy kẻ nào bất hảo, tấn xuất kẻ đó, hẳn sẽ thưa quý vị lên Cục Tôn Giáo. Tôi nói: “Kẻ đó đã phá giới”. Họ nói: “Chẳng thấy kẻ đó phạm sai lầm gì, một vị hòa thượng sao có thể dây dưa với nữ nhân được? Chẳng phạm pháp!” Quý vị làm như thế nào đây? Vẫn phải mời kẻ đó ở lại thôi! Tới thời đại này, phải nên biết thời thế, biết là đang nhằm thời nào, hãy nên biết các giới hạn, biết quý vị đang ở trong quốc giới nào. Còn phải biết nhân, biết duyên, biết pháp, biết nghiệp. Có trí huệ thì quý vị phải tùy duyên, đó gọi là “*tùy duyên*”. Nhưng bản thân quý vị đừng nên biến đổi, nếu kẻ khác nhậu nhẹt, ta cũng nhậu nhẹt theo, kẻ khác tìm đàn bà, ta cũng tìm theo, hoặc là nữ nhân [do thấy] kẻ khác tìm nam nhân, ta cũng tìm theo! Phật Học Viện của nữ chúng, người hoàn tục cũng rất nhiều; trong xã hội nhằm thời đại Mạt Pháp này là như thế đó. Nếu [bắt chước] làm theo như vậy, quý vị sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián, chẳng có lúc thoát ra!

*(Kinh) Hà dĩ cố? Thiện nam tử! Ngã u quá khứ, tu Bồ Tát hạnh, tinh cần cầu chứng vô thượng trí thời. Hoặc vì cầu thỉnh y Thanh Văn Thừa sở thuyết chánh pháp, hạ chí nhất tụng, nãi chí khí xả tự thân thủ, túc, huyết, nhục, bì, cốt, đầu, mục, tủy, não. Hoặc vì cầu thỉnh y Độc Giác Thừa sở thuyết chánh pháp, hạ chí nhất tụng, nãi chí khí xả tự thân thủ, túc, huyết, nhục, bì, cốt, đầu, mục, tủy, não. Hoặc vì cầu thỉnh y u Đại Thừa sở thuyết chánh pháp, hạ chí nhất tụng, nãi chí khí xả tự thân thủ, túc, huyết, nhục, bì, cốt, đầu, mục, tủy, não. Như thị cần khổ, u tam thừa trung, hạ chí cầu đắc nhất tụng pháp dĩ, thâm sanh hoan hỷ, cung kính thọ trì, như thuyết tu hành, thời vô tàm phế, kinh vô lượng kiếp, tu hành nhất thiết nan hành khổ hạnh, nãi chứng cứu cánh vô thượng trí quả. Phục vì lợi ích, an lạc hữu tình, tuyên thuyết, khai thị tam thừa chánh pháp. Dĩ thị nghĩa cố, bất ưng bán hủy, chướng tế, ản một, hạ chí nhất tụng, thường ưng cung kính, độc tụng, thính văn, ưng phát kiên lao chánh nguyện cầu chứng.*

(經)何以故？善男子！我於過去修菩薩行，精勤求證無上智時。或為求請依聲聞乘所說正法，下至一頌，乃至棄舍自身手足、血肉皮骨、頭目髓腦。或為求請依獨覺乘所說正法，下至一頌，乃至棄舍自身手足、血肉皮骨、頭目髓腦。或為求請依於大乘所說正法，下至一頌，乃至棄舍自身手足、血肉皮骨、頭目髓腦。如是勤苦，於三乘中下至求得一頌法已，深生歡喜，恭敬受持，如說修行，時無暫廢，經無量劫修行一切難行苦行，乃證究竟無上智果。復為利益安樂有情，宣說開示三乘正法。以是義故，不應謗毀、障蔽、隱沒下至一頌，常應恭敬、讀誦、聽聞，應發堅牢正願求證。

*(Kinh: Vì có nào? Nay thiện nam tử! Ta trong quá khứ tu Bồ Tát hạnh, lúc siêng róng cầu chứng Vô Thượng Trí. Hoặc vì cầu thỉnh nương theo chánh pháp được nói trong Thanh Văn Thừa, dẫu chỉ một bài kệ tụng, mà thậm chí buông xả tay, chân, máu, thịt, da, xương, đầu, mắt, tủy, não của chính mình. Hoặc vì cầu thỉnh nương theo chánh pháp được nói trong Độc Giác Thừa, dẫu chỉ một bài kệ tụng, mà thậm chí buông xả tay, chân, máu, thịt, da, xương, đầu, mắt, tủy, não của chính mình. Hoặc vì cầu thỉnh nương theo chánh pháp được nói trong Đại Thừa, dẫu chỉ một bài kệ tụng mà thậm chí buông xả tay, chân, máu,*

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Kỳ – Quyển 2***

*thịt, da, xương, đầu, mắt, tủy, não của chính mình. Siêng khổ như thế để cầu trong tam thừa dẫu chỉ cầu được một bài tụng, sau đó sanh lòng hoan hỷ sâu xa, cung kính thọ trì, tu hành đúng như lời dạy, chưa lúc nào tạm bỏ, trải qua vô lượng kiếp tu hành hết thấy khổ hạnh khó hành, cho đến chứng trí quả vô thượng rốt ráo. Lại vì lợi ích an lạc hữu tình mà tuyên nói, khai thị chánh pháp tam thừa. Do vì nghĩa ấy, chớ nên báng hủy, chướng lấp, ẩn giấu, dẫu chỉ một câu kệ tụng, hãy thường nên cung kính, đọc tụng, nghe nhận, hãy nên phát khởi chánh nguyện kiên cố cầu chứng).*

Do duyên có nào? “*Thiện nam tử! Ngã u quá khứ tu Bồ Tát hạnh, tinh cần cầu chứng vô thượng trí thời*” (Này thiện nam tử! Khi ta trong quá khứ tu Bồ Tát hạnh, siêng ròng cầu chứng đắc vô thượng trí): Đức Phật tự dùng bản thân làm dẫn chứng để nói: Trong quá khứ, khi Ngài hành Bồ Tát đạo, mong chứng đắc trí huệ của Phật. Lúc đó, [đức Bồn Sư còn là Bồ Tát], để thỉnh Phật nói một câu kệ, đã xả mạng để cúng dường Phật. Mọi người đọc truyện Thích Ca Mâu Ni Phật, [sẽ thấy] những chuyện kiêu ấy rất nhiều. Vì cầu một bài kệ mà xả thân mạng, hoặc vì cầu nửa bài kệ, thí xả tay, chân, máu, thịt, da, xương, đầu, mắt, tủy, não của chính mình. Chỉ cần cầu được pháp, tâm sanh hoan hỷ, cung kính thọ trì. Nếu xả thân mạng, tay, chân để đổi lấy như thế, cái tâm cung kính, tâm tin ưa, tâm cầu chứng của quý vị sẽ rất vững mãi.

Nay nếu chúng ta nghe kinh ở đây, tôi chẳng nói xả tay, chân, chỉ cần bỏ ra hai, ba ngày khéo bẻ quan để tu hành. Hãy ngắm xem, nói kiêu đó mà còn xả chẳng được, [cứ than vãn] chẳng có thời gian! Há còn có thể xả tay, chân, hoặc xả đầu, mắt được sao? Chúng ta chẳng có sức mạnh ấy. Vì sao? Ất cần phải có tín tâm kiên định. Phải kiên định tín tâm thanh tịnh thì quý vị mới làm được. Chúng ta hằng ngày nói phải “*sáu thời tu hành*”, trong kinh bốn nói như thế đó, chính mình thật sự chẳng làm được! Hãy nên sanh tâm hổ thẹn!

Khi bái sám, chẳng biết các đạo hữu có nghĩ tới hay không? Hãy nên đối với cái thân xác trong hiện thời của chính mình mà sanh lòng hổ thẹn. Mọi người đều rất bảo vệ chính mình, toàn là đặt sự chú ý nơi cái thân của mình, ăn gì cho thân thể khoẻ hơn một chút, khí lực mạnh hơn một chút, hễ có bệnh tật gì bèn kiểm tra ngay lập tức. Thật ra, phải nên hướng sự chú ý ra ngoài, làm thế nào để ta thành tựu, khiến cho mọi người thành tựu lẫn nhau. Đã thành tựu thì trong vị lai chúng ta mới có thể cùng nhau thoát ly biển khổ. Quý vị đừng dốc hết sự chú ý vào thân

thể! Chẳng có ai bắt tử, thân thể ai cũng chẳng thể bảo tồn mãi được! Quý vị muốn vĩnh viễn bảo trì như thế, chẳng thể được! Bắt tử ư? Nếu thế giới này bắt tử, đã sớm chẳng chứa nổi dân cư rồi!

Để lìa khỏi sự khổ này, phải hành khổ hạnh. Khó hành mà có thể làm, chúng ta hãy nên làm thế nào? Nói tới điều chúng ta có thể làm được thì lạy Phật, niệm kinh có thể làm được hay không? Quý vị nói chuyện ấy cũng chẳng thể được, tôi đang đi làm, niệm Phật thì được! Chẳng niệm ra tiếng thì được! Trong tâm nghĩ đến cũng được! Quý vị hãy chăm sóc kỹ càng ý niệm của chính mình! Như trong kinh văn của quyển hạ kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo [đã dạy], mỗi ngày trong mười hai thời, quý vị phải chú ý tâm niệm của chính mình. Hễ khởi niệm bèn chú ý, vì sao sanh khởi ý niệm ấy? Đó gọi là “*tu hành*”.

Do vậy, đối với tam thừa chánh pháp, chớ nên hủy báng, ngăn lấp, cho đến đâu chỉ một câu nói mà có thể khai ngộ. Lại còn phải cung kính, đọc tụng, lắng nghe. Bất quá, đôi khi đức Phật lại quở trách đọc tụng, quở trách nghe nhận. Chẳng hạn đức Phật quở ngài A Nan: “*A Nan túng cường ký, bất miễn lạc tà tư*” (A Nan đầu nhớ dai, chẳng khởi rơi vào suy nghĩ tà vạy). Vì ngài A Nan được nghe pháp hằng ngày, nhưng gặp phải cô Ma Đăng Già, Ngài chẳng có cách nào, dễ dàng nảy sanh tà kiến. Nhưng chúng ta cung kính nghe nói, đọc tụng, sẽ lập tức có sáu phương Phật hộ niệm ta. Đông, Tây, Nam, Bắc, trên, dưới, sáu phương Phật, không chỉ là một phương, trước hết nêu ra mấy vị làm đại biểu rồi sau đó nói “*hằng hà sa số*” (nhiều như số lượng hạt cát trong sông Hằng). Hằng hà sa số chư Phật trong sáu phương đều hộ niệm quý vị.

Mọi người đọc kinh Di Đà, có chú ý hay không? Đời này ta chưa vãng sanh, vẫn chẳng sao! Đời này chẳng sanh thì đời sau nhất định sanh. Đời sau chưa sanh thì đời sau nữa vẫn có thể sanh. [Kinh ấy] có ba câu “*nhược dĩ sanh*”, tức là đã sanh về thế giới Cực Lạc. “*Nhược kim sanh*”, đời này ta niệm, sẽ có thể sanh về thế giới Cực Lạc. Nếu đã sanh, nếu đang sanh, đời này nhất định có thể vãng sanh. Chẳng vãng sanh cũng không sao, sáu phương chư Phật hộ niệm ta. “*Nhược đương sanh*”, trong vị lai nhất định sẽ sanh.

Nếu quý vị niệm A Di Đà Phật, niệm kinh A Di Đà, phát ra nguyện ấy, con đến thế giới Cực Lạc, nay chưa đến được, không sao cả! Quý vị chưa mua vé máy bay được, vài ngày sau lại mua, luôn có phi cơ, sẽ có thể bay đến nơi. Nếu phi cơ chẳng cất cánh, quý vị chẳng có cách nào hết. Chúng ta vĩnh viễn đều có thể lên thuyền về Cực Lạc, vì trong tâm của chính quý vị sanh khởi.



Do vậy, có những kẻ nói: “Sư phụ! Con chẳng thể vãng sanh, làm thế nào đây?” Tôi nói: “Sợ gì! Sanh không được thì đời sau lại sanh. Đời sau vẫn chưa sanh được thì đời kế sẽ sanh, sáu phương chư Phật hộ niệm, quý vị nhất định có thể vãng sanh! Nếu chẳng thể vãng sanh, Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ trở thành nói dối”. Kinh A Di Đà đã nói rất rõ ràng: “*Nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh*”, ra đi trước để chứng minh cho quý vị. Đời này có rất nhiều người vãng sanh, nay chúng ta chưa đi được, chẳng đi được thì đời chuyển phi cơ sau, đều giống hết như nhau! Do đó, phải có tín niệm như vậy, có chánh nguyện tinh tấn dũng mãnh như vậy, có cái tâm cầu chứng. Đó là điều chủ yếu.

***(Kinh) Thiện nam tử! Như thị tam thừa xuất yếu chánh pháp, nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại quá Cãng Già sa chư Phật đồng thuyết, đại oai thần lực cộng sở hộ trì, vị dục bạt tế nhất thiết hữu tình sanh tử đại khổ, vị dục thiệu long Tam Bảo chủng tánh, linh bất đoạn tuyệt. Thị cố, u thử tam thừa chánh pháp, ưng phổ tín kính, vật sanh báng hủy, chướng tế, ẩn một. Nhược hữu báng hủy, chướng tế, ẩn một tam thừa chánh pháp, hạ chí nhất tưng, quyết định đương đọa Vô Gián địa ngục.***

(經)善男子！如是三乘出要正法，一切過去、未來、現在過殞伽沙諸佛同說，大威神力共所護持，為欲拔濟一切有情生死大苦，為欲紹隆三寶種姓，令不斷絕。是故，於此三乘法，應普信敬，勿生謗毀、障蔽、隱沒。若有謗毀、障蔽、隱沒三乘法，下至一頌，決定當墮無間地獄。

***(Kinh:)*** *Này thiện nam tử! Chánh pháp xuất yếu trong tam thừa như thế được hết thấy chư Phật trong quá khứ, vị lai, hiện tại nhiều hơn cát sông Hằng cùng nói, dùng sức đại oai thần cùng hộ trì, vì muốn dẹp tan nỗi khổ sanh tử to lớn cho hết thấy các hữu tình, vì muốn tiếp nối hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo chẳng đoạn tuyệt. Vì thế, đối với chánh pháp tam thừa, hãy đều nên tin kính trọn khắp, đừng sanh lòng hủy báng, chướng lấp, ẩn giấu. Nếu có kẻ nào hủy báng, chướng lấp, ẩn giấu chánh pháp tam thừa, dầu chỉ một kệ tụng, chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián).*

“*Thiện nam tử! Như thị tam thừa xuất yếu chánh pháp, nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại quá Cãng Già sa chư Phật đồng thuyết*” (Này thiện nam tử! Chánh pháp xuất yếu trong tam thừa như thế, do hết thấy

chư Phật trong quá khứ, vị lai, hiện tại nhiều hơn cát sông Hằng cùng nói): Không chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật nói những lời như vậy, mà quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật số nhiều như cát sông Hằng cũng đều nói như vậy, dùng “*đại oai thần lực cộng sở hộ trì*” (sức oai thần to lớn cùng hộ trì). Quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật hộ trì điều gì? Hộ trì người tin tưởng chánh pháp xuất yếu trong tam thừa, khiến cho hết thấy hữu tình có thể thoát ly nỗi khổ sanh tử to lớn, mà cũng có thể “*thiếu long Tam Bảo chủng tánh, linh bất đoạn tuyệt*” (tiếp nối hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo, khiến cho chẳng đoạn tuyệt). Chủng tánh Tam Bảo chẳng đoạn tuyệt, sẽ khiến cho hết thấy chúng sanh đều có thể lìa khổ. “*Thị cố, u tam thừa chánh pháp, u ng phổ tín kính*” (Vì thế, đối với chánh pháp tam thừa, đều nên tin kính trọn khắp).

Đến cuối cùng, nếu quý vị tin Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Bồ Tát Thừa, quý vị đừng nên sanh lòng hủy báng, đừng sanh tâm chướng lấp, ản giấu. Đừng coi điều mình tin tưởng, ngưỡng mộ là đúng, coi những điều khác đều là sai. Căn bệnh ấy rất lớn, rất nặng; đó gọi là nghiệp chướng. Nghiệp chướng có hình dạng như thế nào? Chính là như vậy. Nếu ản giấu chánh pháp tam thừa, chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián.

***(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! U vị lai thế, thử Phật độ trung, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la, tể quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la, sa-môn Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, Phiệt-xá Chiên-đồ-la, Thú-đạt-la Chiên-đồ-la, nhược nam, nhược nữ, siểm khúc, ngu si, hoài thông minh mạn, kỳ tánh hung bột, thảo lệ, thô quánh, bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả, háo hành sát sanh, nãi chí tà kiến, tật đố, xan tham, tăng bội thiện hữu, thân cận ác hữu, phi thị tam thừa hiền thánh pháp khí. Hoặc thiếu thính tập Thanh Văn Thừa pháp, tiện u chư Phật cộng sở hộ trì Độc Giác Thừa pháp, Vô Thượng Thừa pháp, phỉ báng, hủy tử, chướng tế, ản một, bất linh lưu bố. Hoặc thiếu thính tập Độc Giác Thừa pháp, tiện u chư Phật cộng sở hộ trì Thanh Văn Thừa pháp, Vô Thượng Thừa pháp, phỉ báng, hủy tử, chướng tế, ản một, bất linh lưu bố. Hoặc thiếu thính tập Vô Thượng Thừa pháp, tiện u chư Phật cộng sở hộ trì Thanh Văn Thừa pháp, Độc Giác Thừa pháp, phỉ báng, hủy tử, chướng tế, ản một, bất linh lưu bố. Vị cầu danh lợi, xướng như thị ngôn: “Ngã thị Đại Thừa, thị Đại Thừa đấng, duy nhạo thính tập, thọ trì Đại Thừa, bất nhạo Thanh Văn, Độc Giác Thừa pháp, bất nhạo thân cận học Nhị Thừa***

*nhân”. Như thị trá xưng Đại Thừa nhân đấng, do tự ngu si, kiêu mạn thể lực, như thị báng hủy, chướng tế, ẩn một tam thừa chánh pháp, bất linh lưu bố, tăng tât tu học tam thừa pháp nhân, phỉ báng, hủy nhục, linh vô oai thế.*

(經)復次，善男子！於未來世，此佛土中，有剎帝利旃荼羅、婆羅門旃荼羅、宰官旃荼羅、居士旃荼羅、沙門旃荼羅、長者旃荼羅、苾舍旃荼羅、戍達羅旃荼羅，若男若女，諂曲愚癡，懷聰明慢，其性凶悖、慍厲、粗獷，不見不畏後世苦果，好行殺生，乃至邪見，嫉妒慳貪，憎背善友，親近惡友，非是三乘賢聖法器。或少聽習聲聞乘法，便於諸佛共所護持獨覺乘法、無上乘法，誹謗毀訾，障蔽隱沒，不令流佈。或少聽習獨覺乘法，便於諸佛共所護持聲聞乘法、無上乘法，誹謗毀訾，障蔽隱沒，不令流佈。或少聽習無上乘法，便於諸佛共所護持聲聞乘法、獨覺乘法，誹謗毀訾，障蔽隱沒，不令流佈。為求名利，唱如是言：「我是大乘，是大乘黨，唯樂聽習，受持大乘，不樂聲聞、獨覺乘法，不樂親近學二乘人」。如是詐稱大乘人等，由自愚癡，憍慢勢力，如是謗毀、障蔽、隱沒三乘正法，不令流佈，憎嫉修學三乘法人，誹謗毀辱，令無威勢。

*(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Trong đời vị lai, nơi cõi Phật này, có Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la, tể quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la, sa-môn Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, Phiệt-xá Chiên-đồ-la, Thú-đạt-la Chiên-đồ-la, dù nam hay nữ, siểm khúc, ngu si, tự phụ thông minh, tánh tình hung hăng, phóng túng, thô lỗ, tục tằn, chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả đời sau, ưa chuộng sát sanh, cho đến tà kiến, ganh tỵ, keo kiệt, tham lam, ghét bỏ bạn lành, thân cận bạn ác, chẳng phải là pháp khí để trở thành hiền thánh trong tam thừa. Hoặc do nghe nhận, tu tập đôi chút pháp Thanh Văn Thừa, liền phỉ báng, chê bai, chướng lấp, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền pháp Độc Giác Thừa và pháp Vô Thượng Thừa là các pháp được chư Phật cùng hộ trì. Hoặc do nghe nhận, tu tập đôi chút pháp Độc Giác Thừa, liền phỉ báng, chê bai, chướng lấp, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền pháp Thanh Văn Thừa và pháp Vô Thượng Thừa là các pháp được chư Phật cùng hộ trì. Hoặc do*

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

*nghe nhận, tu tập đôi chút pháp Vô Thượng Thừa, liền phỉ báng, chê bai, chướng lấp, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền pháp Thanh Văn Thừa và pháp Độc Giác Thừa là các pháp được chư Phật cùng hộ trì. Vì cầu danh lợi, bèn xưng như thế này: “Ta là Đại Thừa, thuộc bè đảng Đại Thừa, chỉ thích nghe nhận, tu tập Đại Thừa, chẳng thích pháp Thanh Văn và Độc Giác Thừa, chẳng thích thân cận kẻ học pháp Nhị Thừa”. Giả dối xưng là người Đại Thừa như thế, do thế lực ngu si, kiêu mạn của chính mình mà hủy báng, chướng lấp, ẩn giấu chánh pháp tam thừa, chẳng cho lưu truyền, ghen ghét người tu học pháp tam thừa, phỉ báng, hủy nhục, khiến cho những người ấy chẳng có oai thế).*

“Hoài thông minh mạn” (Ôm lòng tự phụ thông minh), tức là kẻ chẳng thông minh. “Mạn” (慢) là biểu hiện của sự không thông minh. Tự cho là thông minh, vì kẻ đó nghĩ mình mạnh hơn người khác. Rõ ràng là chẳng bằng người ta, mà vẫn tự nhận chính mình ngon lành hơn người khác, dầu chỗ nào cũng đều thua kém kẻ khác! Chúng ta hãy tự vấn cẩn thận, ai nấy đều mắc phải tật này, thường coi rẻ kẻ khác, luôn cảm thấy chính mình khá lắm. Đó là Ngã Chấp. Thật ra, khi quý vị thấy người khác luôn tốt đẹp hơn bất cứ ai, khi đó, quý vị là tốt nhất. Kẻ đó cũng chẳng cảm nhận được chuyện này, bản thân hẳn ngu si, vẫn cho rằng chính mình thông minh lắm. Người ấy có cái tâm kiêu mạn đó.

“Kỳ tánh hung bột” (Tánh người ấy hung hăng, ương bướng), “bột” là rất khó điều phục, nhu thuận. Chúng ta thấy trâu, hoặc ngựa, hoặc lừa, dùng roi đánh đập, trói chặt vào cột, nó vẫn chẳng đổi tánh. Đọa làm súc sanh, tánh của nó càng hung hăng, trái nghịch. “Thảo lệ thô quánh” (慥厲、粗獷) [nghĩa là] hành động hết sức chẳng tuân thủ quy củ, ăn nói cũng rất thô lỗ, tục tằn! Vì sao kẻ ấy làm như vậy? Kẻ đó chẳng sợ đời sau, chẳng tin nhân quả. Kẻ như vậy chẳng phải là pháp khí trong tam thừa. Đối với Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, và Bồ Tát Thừa, đều chẳng phải là pháp khí. Hoặc là do thấy nghe sơ sài pháp Thanh Văn Thừa, nghe pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo rồi bèn phá hoại [các pháp khác]. Họ được nghe đôi chút pháp Thanh Văn, ngỡ mình ghê gớm lắm, đối với các pháp Độc Giác Thừa và Thượng Thừa bèn hủy báng rất kịch liệt.

Phật pháp tại các nước Tư Lý Lan Kha (Sri Lanka) và Thái Lan rất tốt. Chúng ta có rất nhiều đệ tử tới đó du học. Đó là Phật pháp thuần túy khi đức Phật tại thế, nhưng đối với Trung Hoa Đại Thừa, cho đến Mật Tông của Tây Tạng, họ tuyệt đối chẳng tin tưởng. Người Hoa học

pháp Đại Thừa, đặc biệt là người học Thiền Tông, đối với giới luật, đối với chuyện nghe kinh, đại đa số quăng ra sau ót. Khi tôi ở Cổ Sơn, Thiền đường tranh chấp với học đường của chúng tôi, chẳng phải là đấu lý, mà là tranh lợi! Đường khẩu nào có nhiều đồ vật, đường khẩu nào có cuộc sống dễ chịu hơn! Lo tranh giành những thứ ấy, quên bẵng pháp tam thừa như thế đó!

Đối với pháp tam thừa do chư Phật cùng hộ trì, họ nghe pháp Thanh Văn Thừa, bèn hủy báng pháp Độc Giác Thừa, hủy báng pháp Đại Thừa. Họ nghe pháp Độc Giác Thừa, liền hủy báng pháp Thanh Văn Thừa và pháp Đại Thừa. Nghe xong pháp Đại Thừa, liền hủy báng pháp Thanh Văn và Độc Giác, mong ẩn giấu các pháp ấy, chẳng cho lưu truyền. Nhưng có một điều kiện cơ bản là “*vì cầu danh lợi, xướng như thị ngôn*” (vì cầu danh lợi, xướng như thế này): Nội tâm của họ là vì danh lợi, chẳng phải vì pháp. [Họ rêu rao] họ là Đại Thừa, thuộc bè phái Đại Thừa. Thanh Văn Thừa thì là bè đảng Thanh Văn Thừa. Độc Giác Thừa thì là bè đảng Độc Giác Thừa. Kéo bè kết cánh đấu đá, [kêu gào]: “Các vị đều như nhau, chúng ta là một đảng. Chúng ta đều là Đại Thừa. Bọn Độc Giác Thừa kia là Nhị Thừa. Chúng ta khác bọn chúng, hãy bài xích bọn chúng!” Kết bè kéo đảng đấu đá kẻ có tri kiến khác biệt, công kích [đối phương] là dị đoan. Nêu quý vị trở thành mấy đảng, lẽ nào chẳng công kích nhau? Đã công kích nhau, mà mong chung sống hòa bình, sẽ chẳng thể được! Nếu ta nâng mình lên thì phải đè kẻ khác xuống, chuyện là như thế đó!

Kẻ dối trá xưng là Đại Thừa như thế, thêm một chữ Trá (詐, dối trá) là vì kẻ đó chẳng phải là Đại Thừa. Nếu kẻ đó thật sự là Đại Thừa, thật sự là Bồ Tát, sẽ chẳng hủy báng bất cứ pháp nào. Địa Tạng Bồ Tát hoằng dương pháp môn Địa Tạng, chẳng báng Quán Âm. Quán Âm cũng đến đây giúp Ngài tuyên dương. Kim Cang Tạng Bồ Tát là Không, Hư Không Tạng Bồ Tát cũng là Không. Kẻ đó chẳng phải là Đại Thừa, mà là trá hiện Đại Thừa, chẳng phải là chân chánh Đại Thừa. Do thế lực ngu si, kiêu mạn của chính mình, kẻ đó nhất định có sức lực, có sức mạnh xã hội. Vì kẻ đó kéo bè kết đảng công kích kẻ khác, người tin theo hẳn vẫn chẳng ít. Càng tới thời Mạt Pháp, kẻ tin hẳn càng nhiều. Làm người tốt không được nữa. Hiện thời chẳng thể nói chuyện [làm người tốt] được nữa! Quý vị nói hắc đạo không tốt, nhưng có quốc gia nào chẳng có xã hội đen, đảng phái nào mà chẳng có những kẻ đen tối? Tới thời này là thời Mạt Pháp. Những kẻ đó trá xưng Đại Thừa, mọi người phải chú ý chữ Trá, chúng chẳng phải là người Đại Thừa thật sự. Do thế

lực của bọn chúng, bèn hủy báng, chướng ngăn, ẩn giấu chánh pháp tam thừa, chẳng cho lưu truyền, ghen ghét người tu học pháp tam thừa. Người nào tuyên truyền chánh pháp, sẽ bị kẻ đó ghen ghét. Hiện thời, ngoại đạo ghen ghét, chín mươi sáu loại ngoại đạo ghen ghét đức Phật khôn cùng! [Ở đây, những kẻ trá xưng Đại Thừa] phi báng, hủy nhục [người học pháp tam thừa], khiến cho họ chẳng có oai thế.

*(Kinh) Thiện nam tử! Nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật Thế Tôn, cập chư Bồ Tát Ma Ha Tát, vị dục lợi lạc nhất thiết hữu tình, dĩ đại bi lực hộ trì nhị sự. Nhất giả, vị dục thiệu long Tam Bảo chủng tánh, thường linh bất tuyệt, xả tục xuất gia, thể trừ tu phát, bị phục ca-sa. Nhị giả, tam thừa xuất yếu Tứ Thánh Đế đẳng tương ứng chánh pháp. Như thị nhị sự, duy Phật Thế Tôn, cập đại Bồ Tát năng thiện hộ trì, phi chư Thanh Văn, Độc Thắng Giác đẳng, diệc phi bách thiên na-dữu-đa số Đại Phạm Thiên Vương, cập Thiên Đế Thích vương, tứ đại châu Chuyển Luân Vương đẳng sở năng hộ trì.*

(經)善男子！一切過去、未來、現在諸佛世尊，及諸菩薩摩訶薩，為欲利樂一切有情，以大悲力護持二事：一者、為欲紹隆三寶種姓，常令不絕，舍俗出家，剃除鬚髮，被服袈裟。二者、三乘出要四聖諦等相應正法。如是二事，唯佛世尊及大菩薩能善護持，非諸聲聞、獨勝覺等，亦非百千那庾多數大梵天王及天帝釋王、四大洲轉輪王等所能護持。

*(Kinh: Này thiện nam tử! Hết thảy quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật Thế Tôn và các Bồ Tát Ma Ha Tát vì muốn lợi lạc hết thảy hữu tình, dùng sức đại bi hộ trì hai sự: Một là vì muốn tiếp nối hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo, thường chẳng dứt tuyệt, xả tục xuất gia, cạo bỏ râu tóc, khoác mặc ca-sa. Hai là các pháp xuất thế trọng yếu trong tam thừa như Tứ Thánh Đế v.v... tương ứng chánh pháp. Hai chuyện như thế, chỉ có Phật Thế Tôn và đại Bồ Tát là có thể khéo hộ trì, chẳng phải là các hàng Thanh Văn, Độc Thắng Giác v.v... cũng chẳng phải trăm ngàn na-dữu-đa các Đại Phạm Thiên Vương và Thiên Đế Thích Vương, các Chuyển Luân Vương trong bốn đại bộ châu mà có thể hộ trì).*

Các vị đại Bồ Tát và chư Phật vì lợi ích hết thảy chúng sanh, dùng sức đại bi hộ trì hai chuyện. “*Nhất giả, vị dục thiệu long Tam Bảo chủng tánh, thường linh bất tuyệt, xả tục xuất gia, thể trừ tu phát, bị phục ca-*

sa” (Một là vì muốn tiếp nối hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo thường chẳng dứt tuyệt, xả tục xuất gia, cạo bỏ râu tóc, khoác mặc ca-sa). Đây là dùng sức đại bi để hộ trì chuyện thứ nhất, tức là khiến cho Tam Bảo thường được lưu truyền chẳng dứt, thường chẳng bị đoạn tuyệt. Như thế nào thì mới có thể khiến cho chủng tánh Tam Bảo chẳng đoạn? Phải hộ trì người xuất gia để trụ trì Tam Bảo. Bản thân Tăng nhân là như vậy, họ cạo bỏ râu tóc, khoác đắp ca-sa, vẫn chưa bàn đến chuyện họ có trì giới hay không. Trì giới thì càng tốt hơn! Chỉ cần có thể khoác đắp ca-sa, xả tục xuất gia, cạo bỏ râu tóc, họ đã làm được bước đầu tiên ấy, thì cũng đã tốt lắm rồi!

“*Nhị giả, tam thừa xuất yếu Tứ Thánh Đệ đẳng tương ứng chánh pháp*” (Hai là các pháp xuất thế trọng yếu trong tam thừa như Tứ Thánh Đệ v.v... tương ứng chánh pháp): Điểm thứ hai là phải hộ trì tam thừa xuất yếu, tức là đạo trọng yếu để xuất thế [trong tam thừa]. Bất luận Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, hay Bồ Tát Thừa, điều thứ nhất là phải kiến lập xuất ly tâm, ắt phải có tâm xuất ly tam giới khổ hải. Chẳng có cái tâm ấy, thứ gì cũng đều chẳng thành. Xuất ly tâm là điểm chung của tam thừa. Tứ Thánh Đệ, tức Khổ, Tập, Diệt, Đạo là Tứ Thánh Đệ. Thanh Văn Thừa nói Khổ, Tập, Diệt, Đạo, chính mình đã chứng đắc, tức chứng đắc Niết Bàn là đủ rồi. Bồ Tát Thừa khác hẳn, dầu nhiều người như vậy, đợi cho họ đã đều liễu thoát rồi, ta mới liễu thoát. Địa Tạng Bồ Tát đợi họ đều thành Phật cả rồi, Ngài mới thành Phật, mong trọn hết trách nhiệm độ chúng sanh. Đây là “*tương ứng hết thầy chánh pháp*”. Khổ, Tập, Diệt, Đạo là pháp Tứ Thánh Đệ, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa tức Độc Giác Thừa đều phải trọn đủ.

“*Như thị nhị sự*” (Hai sự như thế) chỉ có chư Phật Thế Tôn và bậc đại Bồ Tát mới có thể khéo hộ trì, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác mà có thể làm được, cũng chẳng phải trăm ngàn na-dữu-đa Đại Phạm Thiên Vương và Thiên Đê Thích Thiên, các Chuyển Luân Vương trong bốn đại bộ châu có thể hộ trì được. Chỉ có Phật và đại Bồ Tát mới có thể hộ trì.

**(Kinh) *U vị lai thế, thử Phật độ trung, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, kiến y ngã pháp nhi đắc xuất gia, thế trừ tu phát, bị ca-sa giả, phương tiện tứ cầu sở phạm quá thất, dĩ chủng chủng duyên, hạ ma, hủy nhục, hoặc gia tiên trượng, hoặc bế lao ngục, hoặc đoạt tư cụ, hoặc thoát ca-sa, phế linh hoàn tục, sử tác chủng chủng cư gia sự nghiệp, hoặc hoành khu dịch, hoặc lạm tấn khiển, hoặc đoạn âm***

*thực, hoặc hại thân mạng. Bĩ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, dĩ kỹ ngu si, kiêu mạn thế lực, hủy nhục, trích phạt chư Phật, Bồ Tát dĩ đại bi lực cộng sở hộ trì ngã chư đệ tử, phỉ báng, hủy diệt chư Phật, Bồ Tát dĩ đại bi lực cộng sở hộ trì ngã thậm thâm pháp, u kỳ tam thế chư Phật, Bồ Tát cộng sở hộ trì tam thừa chánh pháp, chương tế, ẩn một, bất linh lưu bố.*

(經)於未來世，此佛土中，有剎帝利旃荼羅王，見依我法而得出家，剎除鬚髮、被袈裟者，方便伺求所犯過失，以種種緣呵罵毀辱，或加鞭杖，或閉牢獄，或奪資具，或脫袈裟，廢令還俗，使作種種居家事業，或橫驅役，或濫擯遣，或斷飲食，或害身命。彼剎帝利旃荼羅王，以己愚癡憍慢勢力，毀辱謫罰諸佛菩薩以大悲力共所護持我諸弟子，誹謗毀滅諸佛菩薩以大悲力共所護持我甚深法，於其三世諸佛菩薩共所護持三乘正法，障蔽隱沒，不令流佈。

(*Kinh: Trong đời vị lai, nơi cõi Phật này, có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la thấy người nương theo pháp của ta để xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, bèn dùng các phương tiện bươi móc lỗi lầm người ấy đã phạm, dùng đủ mọi duyên quả trách, chửi bới, hủy nhục, hoặc đánh bằng roi, gậy, hoặc nhốt vào tù, hoặc tước đoạt các vật dụng cần dùng, hoặc lột ca-sa, bắt phải hoàn tục, sai người đó làm các thứ sự nghiệp tại gia, hoặc ngang ngược sai khiến họ phục dịch, hoặc lạm quyền xua đuổi, hoặc cắt lương thực, hoặc hại thân mạng. Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la ấy dùng thế lực ngu si, kiêu mạn của chính mình để hủy nhục, trích phạt các đệ tử của ta là những người được chư Phật và Bồ Tát cùng dùng sức đại bi hộ trì, phỉ báng, hủy diệt pháp rất sâu của ta do chư Phật và Bồ Tát cùng dùng sức đại bi hộ trì, chương lập, ẩn giấu chánh pháp tam thừa được chư Phật và Bồ Tát cùng hộ trì, khiến cho pháp ấy chẳng được lưu truyền).*

Đoạn này nói về lúc Mạt Pháp. Có ác vương, Chiên-đồ-la (Caṇḍāla) nghĩa là “ác độc, chẳng có thiện tín”. Hắn thấy các vị xuất gia, tức là hàng xuất gia cạo bỏ râu tóc, nương theo Phật pháp để xuất gia, bèn bươi móc các loại lỗi lầm của họ. “*Tứ sát*” (伺察) là tìm kiếm, bươi móc những lỗi lầm đã phạm. Dùng đủ mọi nhân duyên để quả trách, chửi mắng, hủy nhục, cho đến dùng roi, gậy đánh đập những người xuất



gia. Những chuyện đó thuộc về trách phạt! Hoặc là tống họ vào lao ngục. Trong quá khứ, cũng có loại tình huống này. Đời Minh lần triều Mãn Thanh đều có. Mọi người thấy Tử Bách lão nhân và Hám Sơn đại sư đều từng bị tù. Tử Bách lão nhân chết trong nhà giam. Vào thời Mãn Thanh, lạt-ma, hòa thượng cũng [mắc nạn] rất nhiều. Như gần đây nhất là Bát Chỉ đầu đà tức Tề Thiên đại sư cũng từng bị giam. Vào thời Mạt Pháp, luôn có hiện tượng này!

Khi đó, thiện căn của chúng sanh mỏng, ít, kẻ làm quốc vương có phước đức. Do phước đức từ nhiều đời bao kiếp đã chín muồi, kẻ đó làm quốc vương. Trong thời Mạt Pháp, hẳn thấy người xuất gia, thấy người nương theo Phật pháp để xuất gia bèn bươi móc lỗi lầm của họ. Như Hám Sơn đại sư và Tử Bách lão nhân bị Hoàng Thái Hậu liên lụy, vì hoàng đế [Vạn Lịch, tức Minh Thần Tông] và Hoàng Thái Hậu có mâu thuẫn. Thái Hậu tôn kính các Ngài làm thầy, cúng cho các Ngài rất nhiều tiền để dựng chùa, nhà vua [do mê Đạo giáo] liền vịn vào cơ ấy để nhốt các Ngài vào tù. Trong nhà tù, chẳng cho những người xuất gia chúng tôi nói chuyện với nhau, buồng giam cũng khác nhau. Sau đó, cho ra lao động, dầu nghiêm ngặt cỡ nào, khi cho ra hóng gió, cũng có thể trò chuyện. Tôi biết họ được Phật, Bồ Tát gia trì. Hễ nói ra, sẽ khiến cho mọi người cảm thấy rất chẳng thể nghĩ bàn. Trong ấy, có chứa đựng sự linh cảm gia trì của Phật, Bồ Tát.

Chuyện kiểu này có khi là Cộng Nghiệp, gọi là Kiếp Trục. Vào lúc đó, mọi người đều phạm Cộng Nghiệp. Kẻ bức hại chúng ta cũng là cả một tập đoàn. Vậy thì kẻ bị hại cũng là một nhóm người. Bất luận tại gia hay xuất gia, đều là kẻ bị hại. Do cộng nghiệp trong quá khứ của quý vị cảm vời, ắt phải hứng chịu. Tiêu hết nợ, được gia trì, tùy thuộc công lực của quý vị như thế nào, tùy thuộc quý vị đền trả như thế nào! Thật sự đến lúc đó, thấy hết thấy đều là Không, sẽ chẳng sao cả! Nhìn từ hiện tượng (hình tướng biểu hiện), dường như rất tệ, nhưng nhìn từ thực chất, do đã thọ báo rồi, cũng sẽ chẳng còn nữa. Đây cũng là bản thể của Tập [trong Tứ Thánh Đế].

Do vậy, vào thời Mạt Pháp, ác vương đó thấy người mặc ca-sa bèn chẳng hoan hỷ cho lắm, dùng đủ mọi duyên để quở mắng, chửi bới, hủy nhục, cho đến dùng roi đánh, nhốt vào lao ngục, tịch thu hết các vật dụng cần dùng của đại chúng Tăng trong chùa miếu, khiến họ chẳng thể sống nổi, chẳng cho họ làm hòa thượng nữa. Hoặc cưỡng bức họ cởi ca-sa hoàn tục. Không chỉ hoàn tục, mà còn bắt họ làm những chuyện của người tại gia. Hoặc ngang ngược sai khiến họ làm kẻ phục dịch, coi họ

như đầy tớ hèn mọn. Hoặc lạm quyền tấn xuất. “Lạm quyền tấn xuất” tức là chẳng dựa theo quy chế của đức Phật, chẳng dựa theo Tăng pháp để tấn xuất, mà là lạm quyền tấn xuất.

Hoặc cắt đứt thực phẩm, hoặc hại sanh mạng của họ. Gã ác quốc vương ấy do bản thân ngu si, dùng thế lực kiêu mạn để hủy nhục các vị đệ tử xuất gia, cho đến phỉ báng, hủy diệt. Tức là hủy diệt Tăng, hủy diệt Pháp. Nếu chẳng có Tăng, chẳng có Pháp, tượng Phật cũng bị hủy diệt. Đó là hủy diệt Tam Bảo. Chánh pháp Đại Thừa do tam thể chư Phật hộ trì bị kẻ đó hủy diệt, sẽ chướng lấp, ẩn mất, pháp chẳng thể lưu truyền. Như tại Đài Loan, dùng hình tượng Quán Thế Âm Bồ Tát để quảng cáo đầy đường, đều là như vậy. Bao bì có in hình Ngài bị xé rách, vứt đầy đường. Như thế thì tuy chẳng phải là diệt pháp, nhưng làm kiểu đó chẳng khác Đại Lục cho lắm, căn bản là không tôn kính. Cái nghiệp ấy cũng lớn, mọi người dùng văn vật Phật giáo để tuyên truyền, tạp chí cũng sử dụng [hình Phật, Bồ Tát] tràn lan. Kể ra, chúng ta có những đạo hữu tin Phật, thấy hình tượng Phật trên các tạp chí đó, quý vị có cảm tưởng gì? Rất nhiều thứ bị vứt loạn xạ! Thậm chí tại các xưởng in kinh, những thứ ấn phẩm [có hình tượng Phật, Bồ Tát] bị hư rách vứt đầy mặt đất. Đó là làm gì? Công đức in kinh và chuyện tôn phước gần như tương đương, đều là hiện tượng hủy diệt Phật pháp. Chẳng phải là được tam thể chư Phật hộ trì ư? Vì sao còn bị hủy diệt? Nghiệp lực của chúng sanh còn lớn hơn Phật lực. Nếu không lớn hơn Phật lực, Phật đã độ chúng ta hết rồi! Do nghiệp chướng của chúng ta ngăn trở, chẳng thể vượt qua được, cho nên chẳng thể lưu truyền!

***(Kinh) Hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí Phiệt-xá, Thú-đạt-la đấng Chiên-đồ-la nhân, nhược nam, nhược nữ, ngu si, kiêu mạn, tự hiệu Đại Thừa, bỉ nhân thượng phi Thanh Văn, Độc Giác Nhị Thừa pháp khí, hướng thị vô thượng Đại Thừa pháp khí? Vị cầu lợi dưỡng, cung kính, danh dự, cuồng hoặc thế gian ngu si tạp loại, tự ngôn “ngã đấng thị Đại Thừa nhân”, báng hủy Như Lai Nhị Thừa chánh pháp. Như thị nhân đấng, ngu si, siểm khúc, kiêu mạn, tật đố, xan tham nhân duyên, hủy ngã pháp nhãn, linh tức ẩn diệt. Bỉ ư tam thể nhất thiết chư Phật phạm đại quá tội, diệt ư tam thể nhất thiết Bồ Tát phạm đại quá tội. Hữu ư tam thể nhất thiết Thanh Văn phạm đại quá tội, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, tao ngộ chủng chủng trọng ác tật bệnh. Bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí Phiệt-xá, Thú-đạt-la đấng Chiên-đồ-la nhân, nhược nam, nhược***

*nữ, do tạo ác nghiệp, khởi đảo kiến cố, tổn đoạn nhất thiết sở hữu thiện căn. Tuy phục hữu thời đa tu thí phước, u vị lai thế, đương sanh quý thú, bàng sanh thú trung, thọ phú lạc quả, nhi bỉ thân trung, thượng bất năng khởi Sắc, Vô Sắc Giới hạ liệt thiện căn, hưởng đương năng chủng Thanh Văn, Độc Giác, cập Vô Thượng Thừa, vô công dụng khởi Nhất Thiết Trí trí thiện căn chủng tử? Hưu linh kỳ thiệt vi bệnh sở hại, u đa nhật dạ, kết thiệt bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định đương sanh u Vô Gian đại địa ngục trung.*

(經)有剎帝利旃荼羅王，乃至筏舍、戍達羅等旃荼羅人，若男若女，愚癡憍慢，自號大乘，彼人尚非聲聞、獨覺二乘法器，況是無上大乘法器？為求利養、恭敬、名譽，誑惑世間愚癡雜類，自言「我等是大乘人」，謗毀如來二乘正法。如是人等，愚癡、諂曲、憍慢、嫉妒、慳貪因緣，毀我法眼，令速隱滅。彼於三世一切諸佛犯大過罪，亦於三世一切菩薩犯大過罪。又於三世一切聲聞犯大過罪，不久便當肢體廢缺，遭遇種種重惡疾病。彼剎帝利旃荼羅王，乃至筏舍、戍達羅等旃荼羅人，若男若女，由造惡業，起倒見故，損斷一切所有善根。雖復有時多修施福，於未來世，當生鬼趣、傍生趣中，受富樂果，而彼身中，尚不能起色、無色界下劣善根，況當能種聲聞、獨覺及無上乘，無功用起一切智智善根種子？又令其舌為病所害，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定當生於無間大地獄中。

(Kinh: Có vua Sát-đế-lợi Chiên-đô-la cho tới những kẻ Phiệt-xá, Thú-đạt-la Chiên-đô-la v.v... dù nam hay nữ, ngu si, kiêu mạn, tự xưng là Đại Thừa. Những kẻ đó còn chẳng phải là pháp khí của Thanh Văn, Độc Giác Nhị Thừa, huống hồ là pháp khí của vô thượng Đại Thừa! Vì cầu lợi dưỡng, cung kính, danh dự, mà dối gạt các hạng người ngu si trong thế gian, tự nói “chúng ta là bậc Đại Thừa”, hủy báng chánh pháp Nhị Thừa của Như Lai. Những kẻ như thế do nhân duyên ngu si, siểm khúc, kiêu mạn, ghen tỵ, keo kiệt, tham lam, mà hủy hoại pháp nhân của ta, khiến cho mau chóng ẩn diệt. Những kẻ đó phạm tội lỗi lớn đối với ba đời hết thầy chư Phật, cũng phạm tội lỗi lớn đối với ba đời hết thầy Bồ Tát. Lại phạm tội lỗi lớn đối với ba đời hết thầy Thanh Văn. Chẳng

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

*lâu sau, sẽ bị tứ chi tàn phế, thiếu khuyết, gặp đủ các loại bệnh tật nặng nề, ngặt nghèo. Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la ấy cho đến bọn Phiệt-xá, Thú-đạt-la Chiên-đồ-la, dù nam hay nữ, do tạo ác nghiệp, dấy lên trí kiến điên đảo, tổn hại, đoạn dứt hết thấy các thiện căn họ vốn có. Tuy có lúc tu nhiều phước bố thí, trong đời vị lai, sẽ sanh vào đường quý, hay đường bàng sanh, hưởng quả giàu vui, nhưng nơi thân họ, còn chẳng thể khởi lên các căn lành kém hèn trong Sắc Giới và Vô Sắc Giới, huống hồ có thể gieo chủng tử của trí Nhất Thiết Trí vô công dụng trong Thanh Văn, Độc Giác, và Vô Thượng Thừa ư? Lại còn khiến cho những kẻ đó mắc bệnh về lưỡi. Trong nhiều ngày đêm, bị đờ lưỡi chẳng thể nói được, chịu các nỗi khổ độc, đau đớn cùng cực, khó thể chịu đựng. Mạng chung, chắc chắn sẽ sanh vào đại địa ngục Vô Gián).*

Đoạn này nói gì vậy? Ác vương ấy cho đến các kẻ ác, dân ác ấy, cho đến đại thần, tể quan, bất luận nam nữ, do họ ngu si, chẳng có trí huệ, kiêu ngạo, tự mãn, tự xưng là Đại Thừa, học pháp Đại Thừa, muốn báng bỏ pháp Thanh Văn, báng bỏ pháp Duyên Giác, thậm chí chẳng cho phép lưu truyền. Đức Phật nói hạng người ấy ngay cả “*Thanh Văn, Độc Giác Nhị Thừa pháp khí*” còn chẳng có! Chẳng có thiện căn, họ làm sao có thể tiến nhập vô thượng Đại Thừa pháp khí cho được? Chỉ có thể là mắc tội báng pháp. Nhưng kẻ đó vì “*cầu lợi dưỡng, cung kính, danh dự*”, mà dối gạt “*cuồng hoặc thế gian ngu si tạp loại*” (lường gạt mê hoặc các loài ngu si trong thế gian). “*Tạp loại*” (雜類) là nói đến các chúng sanh, nói đến loài người. Vì mục đích này, những kẻ đó nói chính mình học Đại Thừa, chẳng cần đến pháp Nhị Thừa, chẳng cần pháp mười hai nhân duyên của Thanh Văn và Duyên Giác, cho nên chẳng cho phép lưu thông bất cứ một pháp [Nhị Thừa] nào, dần dần chúng sẽ bị mất đi. Đây là hủy báng chánh pháp Nhị Thừa của Như Lai.

“*Như thị nhân đẳng ngu si, siểm khúc, kiêu mạn, tật đố, xan tham*” (Những kẻ như thế ngu si, siểm khúc, kiêu mạn, ghen ghét, keo kiệt, tham lam), do các thứ nhân duyên ấy, cho nên hủy hoại pháp nhãn của ta, khiến cho pháp nhãn nhanh chóng bị ẩn diệt. Pháp là huệ nhãn của chư Phật, cũng là pháp nhãn của chư Phật. Những pháp ấy quý vị rất khó liễu giải được! Có thể nghe danh tự đã chẳng dễ dàng. Hiện thời, có rất nhiều danh tự kinh luận chúng ta không nghe nói đến, do chẳng có ai nói, quý vị sẽ chẳng nghe biết. Như kinh Đại Tập Thập Luân, không nói tới đạo hữu tại gia, người xuất gia chúng tôi, rất nhiều người nghe danh tự của bộ kinh này đều rất ngỡ ngàng! Chưa hề nghe nói đến, mà cũng

chẳng có ai phê chú. Trong quá khứ, các bậc đại đức chẳng đề xướng, sẽ chẳng có ai nói. Vì thời ấy, có rất nhiều thành kiến, chấp trước, cho rằng đây là pháp Tiểu Thừa, [cho rằng] kinh Địa Tạng toàn nói về quý thần, Địa Tạng Bồ Tát ở trong địa ngục cũng chẳng thừa nhận Ngài là đại Bồ Tát. Nay nhằm thời Mật Pháp, hiện tượng gì cũng đều có. Quý vị chưa hề nghe nói, làm sao có thể học cho được? Chẳng thể học!

Đối với pháp Nhị Thừa, [tại Trung Hoa], cũng chỉ [nhắc đến] kinh A Hàm và luận Câu Xá. Lúc tôi xuất gia, học các pháp ấy rất ít. Về sau, do giao thiệp với Sri Lanka và Thái Lan, chúng ta cũng gửi Tăng sinh du học đến các quốc gia ấy, hoặc từ Nhật Bản truyền vào. Họ coi trọng kinh A Hàm và Nam Truyền Phật giáo, chẳng hủy báng. Trước kia, Nam Truyền Phật giáo chẳng truyền vào Đại Lục được. Đại Lục chỉ có Thiên Tông, cho nên vào lúc Thiên Tông hưng thịnh nhất, rất nhiều pháp bị ẩn mất. Vì sao? Vào lúc Tam Vũ diệt Phật, không cho phép học, không cho phép tu, chẳng có cách nào, không cho phép quý vị xuất gia! Các vị đại đức bèn ẩn cư trong núi, chỉ có thể tham Thiên, chẳng có kinh sách để đọc. Do vậy, riêng Thiên Tông hưng thịnh, trong thời điểm ấy, rất nhiều kinh đều bị ẩn diệt.

Vì thế, quốc vương có mối quan hệ rất trọng yếu. Nếu quốc vương là đệ tử Tam Bảo, mạnh mẽ đề xướng Phật giáo, nhân dân cũng gieo phước dễ dàng! Nhưng bọn họ vì tiếng tăm, lợi dưỡng, lừa bịp, gạt gẫm thế gian, cho nên mới đề xướng hủy diệt pháp Nhị Thừa. Pháp Nhị Thừa cũng được tam thế chư Phật hộ trì, [thế mà] họ (các ác quốc vương) chẳng cho phép học tập, sẽ phạm tội lỗi rất nặng. Sẽ gặp phải quả báo gì vậy? Tứ chi tàn phế, thiếu khuyết, mắc phải đủ loại bệnh tật nặng nề, ngặt nghèo. Những kẻ ác tánh ấy, dù nam hay nữ, do tạo ác kiến ấy, tạo ác nghiệp ấy, dấy khởi tri kiến điên đảo. Tri kiến điên đảo chính là “coi chánh pháp là phi pháp, coi phi pháp là chánh pháp”. Tri kiến điên đảo khiến cho hết thấy thiện căn trước hết là cứ giảm thiểu mãi cho đến khi toàn bộ bị đoạn tuyệt. Hết thấy tất cả thiện căn, kể cả thiện căn đã gieo và phước báo đã vun bồi trong quá khứ đều bị hủy diệt trong đời này. Khi gieo thiện căn, tu phước ở nơi đây, sẽ rất khó khăn.

Phước đức tích lũy cũng rất dễ dàng mất đi, chẳng kiên cố. Đức Phật gọi các chúng sanh ấy là “*mao đạo phàm phu*” (毛道凡夫), [hàm ý] giống như sợi lông trên không trung, chẳng cần có gió to, bão lớn, chỉ một tí gió nhẹ đã thổi bay quý vị, vì quý vị chẳng định được! Có những kẻ tuy là ác tánh, nhưng do một chút thiện căn phát khởi, có phước do tu bố thí, do phước ấy, sẽ được thọ dụng, nhưng kẻ đó sanh vào đường quý,

hoặc vào đường bàng sanh. Nói là trâu ngựa, hoặc là biến thành đại chúng, sanh trong loài bàng sanh, kẻ ấy cũng hưởng phước lạc quả!

Tại Ấn Độ, “*huong tượng quai anh lạc*” (voi thom đeo anh lạc), trong quốc độ này, chúng ta cũng có thể trông thấy. Như các vua Mông Cổ, tọa kỵ của họ là ngựa, những con ngựa ấy hưởng thụ sướng hơn nông nô rất nhiều! Một con ngựa luôn có hai nô lệ chăm sóc thốt ngựa ấy, họ được gọi là “*mã phu*” (kẻ chăn ngựa). Khi chúng tôi ở Đông Bắc, lúc ấy, chẳng có xe hơi, chẳng có phi cơ, thổ phi và quân đội đều cưỡi ngựa. Các tướng lãnh cao cấp từ sư trưởng trở lên, các thốt ngựa của họ được cho ăn rất đầy đủ, do những người chăn ngựa phụng dưỡng. Đó gọi là “*bàng sanh hưởng phước báo*”. Voi tại Ấn Độ rất khổ, phải chở nặng rất nhiều, nhưng có những con voi có phước báo, đặc biệt là “*huong tượng quai anh lạc*”, có hàm nghĩa ấy!

Tuy có phước báo ấy, kẻ đó vẫn rơi vào quỷ đạo, đại lực quỷ vương là như thế đó. Các loại chúng sanh như vậy, trong đời hiện tại chẳng có thiện căn sanh thiên. [Kinh văn nói đến] Sắc Giới và Vô Sắc Giới tức là sanh thiên, họ chẳng có phước đức ấy. Ngay cả phước đức kém cõi mà còn chẳng có, làm sao có thể gieo thiện căn Thanh Văn, Độc Giác, và Vô Thượng Thừa cho được? Cho đến chúng tử thiện căn của trí Nhất Thiết Trí, những kẻ đó chẳng có thiện căn Phật pháp, chẳng có thiện căn Thanh Văn và Độc Giác. Vô thượng thừa, vô công dụng, trí Nhất Thiết Trí, các chúng tử thiện căn ấy càng chẳng có. Đồng thời, do báng pháp trong đời hiện tại, khiến cho những kẻ đó bị bệnh lưỡi, vì báng pháp đều là do miệng hủy báng. Khi gặp phải quả báo, sẽ “*vị bệnh sở hại, đa nhật dạ kết thiết bất ngôn*” (bị mắc bệnh trong nhiều ngày đêm, đờ lưỡi chẳng nói được), nói chẳng nên lời. “*Thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhân, mạng chung định đương sanh u Vô Gián đại địa ngục trung*” (chịu các nỗi khổ độc, đau đớn cùng cực, khó thể chịu đựng, mạng chung nhất định sẽ sanh trong đại địa ngục Vô Gián), sau khi chết sẽ đọa địa ngục!

***(Kinh) Thị cố, Như Lai từ bi lân mẫn nhất thiết chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Thú-đạt-la đấng, nhược nam, nhược nữ, linh đặc trường dạ lợi ích an lạc, ân cần, khẩn thiết, tác như thị ngôn: “Nhữ đấng ưng đương u quy ngã pháp, thể trừ tu phát, bị phiến ca-sa, xuất gia nhân sở, thận vật nã loạn, cơ ha, trích phạt. Ư ngã sở thuyết tam thừa chánh giáo, thận vật báng hủy, chương tế, ẩn một. Nhược vi ngã ngôn, nhi cố tác giả, sở hoạch tội báo như tiên quang***

*thuyết.*

(經)是故，如來慈悲憐愍一切真善剎帝利王，乃至真善戍達羅等，若男若女，令得長夜利益安樂，慇懃懇切作如是言：「汝等應當於歸我法，剃除鬚髮、被片袈裟，出家人所，慎勿惱亂，譏呵謫罰。於我所說三乘正教，慎勿謗毀、障蔽、隱沒。若違我言，而故作者，所獲罪報如前廣說。

*(Kinh: Vì vậy, Như Lai từ bi thương xót hết thảy các vua chân thiện Sát-đế-lợi cho đến chân thiện Thú-đạt-la v.v... dù nam hay nữ, khiến cho họ được lợi ích, an lạc trong đêm dài, bèn ân cần, khẩn thiết, nói như thế này: “Đối với người xuất gia quy y pháp của ta, cạo bỏ râu tóc, khoác một mảnh ca-sa, các người hãy nên cẩn thận, đừng nã loạn, chê bai, quở trách, trừng phạt. Đối với chánh giáo tam thừa do ta đã nói, hãy cẩn thận, đừng hủy báng, chướng lấp, ẩn giấu. Nếu trái lời ta, cố ý làm, sẽ mắc tội báo như đã nói rộng trong phần trên”).*

Trong chủng tánh thấp hèn, cũng có người phát tâm, nhưng kẻ tánh ác chẳng phát tâm. Cũng có chân thiện Thú-đạt-la tốt lành, tuy đời này, họ đọa vào chủng tánh thấp hèn. Trong số đó, cũng có người làm nghề đồ tể, nhưng họ giác ngộ hết thảy, buông dao mổ xuống, chẳng làm nghề ấy nữa. Bữa trước, chúng tôi có nói mười nhà thổ bằng một tiệm rượu, mở khách sạn bán rượu, người ấy đổi nghề chẳng làm khách sạn nữa, đã tỉnh ngộ. Nhưng chuyện này rất khó, đã hãm vào đó, mà còn có thể giác ngộ, rất khó! Ất cần phải do cái nhân lành trong đời trước đã chín muồi! Đối với những người đó, bất luận nam hay nữ, đều làm cho họ vĩnh viễn thọ dụng lợi ích và yên vui.

Do vậy, đức Phật ân cần, khẩn thiết nói với họ: “*Nhữ đấng ung đương u quy ngã pháp, thế trừ tu phát, bị phiến ca-sa, xuất gia nhân sở, thận vật nã loạn, cơ ha, trích phạt*” (Đối với người xuất gia, quy y pháp của ta, cạo bỏ râu tóc, khoác một mảnh ca-sa, các người hãy nên cẩn thận đừng nã loạn, chê bai, quở trách, trừng phạt): Ngàn vạn lần đừng nên nã hại những người ấy. Đối với chánh pháp tam thừa do ta đã nói, “*thận vật báng hủy, chướng tế, ẩn một*” (hãy cẩn thận, đừng hủy báng, chướng lấp, ẩn giấu). Nếu như trái nghịch lời dạy của ta, “*nhĩ cố tác giả*” (cố ý làm), “*sở hoạch tội báo như tiền quảng thuyết*” (sẽ mắc tội báo như đã nói rộng trong phần trước), tức là không chỉ chuốc lấy tội báo đọa địa ngục trong vị lai, mà còn trong đời này, hoặc là lưỡi chẳng

thể nói được, cho đến bị đứt mất chân tay, các thứ bệnh khổ.

*(Kinh) Sở dĩ giả hà? Thử quy ngã pháp, thể trừ tu phát, bị xích ca-sa, xuất gia hình tướng, nữ thị quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, Bồ Tát đại bi thân lực chi sở hộ trì. Thử thể tu phát, bị xích ca-sa, xuất gia oai nghi, thị chư hiền thánh giải thoát tràng tướng, diệc thị nhất thiết Thanh Văn Thừa nhân thọ dụng giải thoát pháp vị tràng tướng, diệc thị nhất thiết Độc Giác Thừa nhân thọ dụng giải thoát pháp vị tràng tướng, diệc thị nhất thiết Đại Thừa chi nhân thọ dụng giải thoát pháp vị tràng tướng. Như Lai sở thuyết tam thừa chánh pháp, diệc thị tam thể chư Phật, Bồ Tát đại bi thân lực chi sở hộ trì, thị chư hiền thánh giải thoát y chỉ, diệc thị nhất thiết Thanh Văn Thừa nhân thọ dụng giải thoát pháp vị y chỉ, diệc thị nhất thiết Độc Giác Thừa nhân thọ dụng giải thoát pháp vị y chỉ, diệc thị nhất thiết Đại Thừa chi nhân thọ dụng giải thoát pháp vị y chỉ.*

(經)所以者何？此歸我法，剃除鬚髮、被赤袈裟，出家形相，乃是過去、未來、現在諸佛菩薩，大悲神力之所護持。此剃鬚發、被赤袈裟，出家威儀，是諸賢聖解脫幢相，亦是一切聲聞乘人，受用解脫法味幢相。亦是一切獨覺乘人，受用解脫法味幢相，亦是一切大乘之人，受用解脫法味幢相。如來所說三乘正法，亦是三世諸佛菩薩，大悲神力之所護持，是諸賢聖解脫依止，亦是一切聲聞乘人，受用解脫法味依止，亦是一切獨覺乘人，受用解脫法味依止，亦是一切大乘之人，受用解脫法味依止。

*(Kinh: Vì có sao vậy? Những người ấy quy y pháp của ta, cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa đỏ, mang hình tướng xuất gia, được thân lực đại bi của quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, Bồ Tát hộ trì. Những người có oai nghi xuất gia, cạo râu tóc, mặc ca-sa đỏ ấy là tràng tướng giải thoát của các vị hiền thánh, cũng là pháp vị giải thoát tràng tướng được thọ dụng bởi hết thảy những người thuộc Thanh Văn Thừa, cũng là pháp vị giải thoát tràng tướng được thọ dụng bởi hết thảy những người thuộc Độc Giác Thừa, cũng là pháp vị giải thoát tràng tướng được thọ dụng bởi hết thảy những người thuộc Đại Thừa. Chánh pháp tam thừa do Như Lai đã nói cũng được thân lực đại bi của tam thể chư Phật và Bồ Tát hộ trì, là chỗ y chỉ để giải thoát cho các vị hiền thánh, cũng là chỗ y chỉ để thọ*



## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Kỳ – Quyển 2***

*dụng pháp vị giải thoát cho hết thảy những người thuộc Thanh Văn Thừa, cũng là chỗ y chỉ để thọ dụng pháp vị giải thoát cho hết thảy những người thuộc Độc Giác Thừa, cũng là chỗ y chỉ để thọ dụng pháp vị giải thoát cho hết thảy những người thuộc Đại Thừa).*

Vì sao ta phải nói như vậy? “*Thử quy ngã pháp, thế trừ tu phát, bị xích ca-sa xuất gia hình tướng*” (Những người ấy quy y pháp ta, cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa đỏ, có hình tướng xuất gia). Kiểu hình tướng ấy thể hiện tướng trạng của vị Tăng xuất gia. Oai nghi, hành động, cho đến một mảnh ca-sa của các vị xuất gia đắp ca-sa, cạo bỏ râu tóc ấy chính là “*giải thoát tràng tướng*”. Tướng pháp tràng có nghĩa là “*tạo lập chánh pháp*”. Quý vị trông thấy những người ấy, bèn nghĩ tới Phật, nghĩ tới Pháp. Đức Phật thuyết pháp nhằm dạy chúng ta giải thoát, chẳng phải là trói buộc. Hiện thời, thân tâm của chúng ta có đủ thứ trói buộc, nhất là những thứ trói buộc nơi thân đặc biệt nghiêm trọng, chẳng thể giải thoát được! Tham, sân, si, mạn, nghi, Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến, Tà Kiến, cho đến giết, trộm, dâm, dối, các thứ ấy đều trói buộc thân thể chúng ta, chẳng thể đạt được giải thoát!

Nếu là “*Đại Thừa chi nhân thọ dụng giải thoát pháp vị tràng tướng*” (Là tràng tướng để người Đại Thừa thọ dụng pháp vị giải thoát): Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, Thiền Định, trí huệ, những pháp ấy đều là tràng tướng của Đại Thừa. Nếu y theo đó, quý vị sẽ có thể giải thoát, có thể trở thành Bồ Tát. Nếu y theo Khô, Tập, Diệt, Đạo để tu hành, sẽ có thể trở thành Thanh Văn. Quán hết thảy các pháp sanh khởi, quán hết thảy các pháp hoàn diệt, quán hết thảy các pháp tuần hoàn thiện ác nhân quả báo ứng trong thế giới, sẽ thuộc vào pháp Độc Giác Thừa. Pháp thuộc mỗi thừa đều có thể khiến cho quý vị đạt được giải thoát. Nếu thật sự thọ trì, quý vị sẽ có cảm giác giải thoát thù thắng. Giống như ăn uống, bản thân quý vị sẽ ham mê một loại hương vị nào đó, ăn vào sẽ cảm thấy khoái trá. Nếu quý vị chẳng ham mê hương vị ấy, ăn vào sẽ chẳng cảm thấy thoải mái. Có những người không ăn ớt được, nếu cho họ dùng một chén đồ ăn nếm ớt, họ sẽ khổ chết luôn, chẳng cảm thấy thích hợp! Người ta là pháp khí Tiểu Thừa mà quý vị lại nói pháp Đại Thừa với người ấy, sẽ rất không thích hợp.

Hiện thời, quốc độ này đều nói pháp Đại Thừa, nói pháp Tiểu Thừa không ai nghe. Quý vị nêu ra hết thảy các hiện tượng trong cuộc sống khách quan, họ chẳng nghe lọt tai. Thậm chí nói theo giới luật, nói theo biệt biệt giải thoát giới (别解脱戒), họ cảm thấy quá trói buộc,

chẳng thích hợp. Vì sao họ lại tin pháp Đại Thừa? Họ chẳng phải thật sự tin, mà vì pháp Đại Thừa thuận tiện. Chúng ta là đệ tử Phật phải nên biết: Hết thấy các pháp do đức Phật đã nói đều là đối ứng căn cơ mà nói, tức là [người nghe thuộc] căn cơ gì bèn nói cho họ pháp ấy. Chẳng đúng với căn cơ thì là sai lầm. Làm thế nào để có thể đúng với căn cơ? [Trong thời Mạt Pháp], từ bản thân người đó (người giảng kinh, thuyết pháp), từ chướng ngại ngôn ngữ và văn tự của người đó, lại còn thêm chướng ngại về pháp, người đó chẳng biết đối với đối tượng này thì phải nên nói pháp gì. Vì vậy, người đó chỉ có thể giảng bộ kinh này. Nếu quý vị nghe pháp này mà thọ dụng, tức là quý vị tương ứng với pháp này. Chẳng thọ dụng, quý vị có thể không nghe. Vì sao có tình huống như vậy? Vì phước báo của mọi người đều mỏng tanh!

Thuở đức Phật tại thế, chúng ta chẳng gặp gỡ. Cho đến sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, hãy còn có các vị đại A La Hán trụ thế, chúng ta cũng chẳng hề gặp gỡ! Tới lúc Mạt Pháp, thứ gì cũng đều chẳng có! Bất quá còn cảm được thời Mạt Pháp, còn có tượng Phật, kinh sách, còn có người xuất gia đắp y ca-sa. Nếu trải qua hai ngàn năm nữa, chẳng cần tới một vạn năm, chỉ sợ hai ngàn năm sau, những [hình tượng ấy] cũng đều chẳng có, dần dần bị đoạn tuyệt.

Hiện thời, kỹ thuật ấn loát rất phát triển, chúng ta ấn loát nhiều kinh sách ngàn ấy, lẽ nào sẽ chẳng có? Tới lúc đó, các kinh sách sẽ tự biến mất, do nghiệp chướng cảm vời, mở ra toàn là kinh bỗn không có chữ, đều biến thành Vô Tự Thiên Thư (sách trời không có chữ)! Vì sao chẳng có chữ? Hoặc là do vì khí hậu, hoặc vì ẩm ướt, bị mục nát, chữ chẳng còn nữa! Hoặc do mực in dính cả vắn lem luốc. Chuyện này liên quan tới phước báo.

***(Kinh) Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, cầu giải thoát giả, ung dương thân cận, cung kính, cúng dường chư quy ngã pháp, thế trừ tu phát, bị xích ca-sa, xuất gia chi nhân. Ứng tiên tín kính Thanh Văn Thừa pháp. Nhược tự thính thọ, giáo tha thính thọ, nhược tự độc tụng, giáo tha độc tụng, nhược tự thư tả, giáo tha thư tả, nhược tự thí dĩ, giáo tha thí dĩ, nhược tự tuyên thuyết, giáo tha tuyên thuyết, tư duy tu hành, quảng linh lưu bố. Như thị tín kính Độc Giác Thừa pháp. Nhược tự thính thọ, giáo tha thính thọ, nhược tự độc tụng, giáo tha độc tụng, nhược tự thư tả, giáo tha thư tả, nhược tự thí dĩ, giáo tha thí dĩ, nhược tự tuyên thuyết, giáo tha tuyên thuyết, tư duy, tu hành, quảng linh lưu bố. Như thị tín kính u Đại Thừa pháp, nhược tự***

*thính thọ, giáo tha thính thọ, nhược tự độc tụng, giáo tha độc tụng, nhược tự thư tả, giáo tha thư tả, nhược tự thí dữ, giáo tha thí dữ, nhược tự tuyên thuyết, giáo tha tuyên thuyết, tư duy tu hành, quảng linh lưu bố. Nhược phi khí giả, bất ưng tự thính, vật giáo tha thính, nãi chí quảng thuyết.*

(經)善男子！以是義故，求解脫者應當親近，恭敬供養諸歸我法，剃除鬚髮、被赤袈裟出家之人。應先信敬聲聞乘法。若自聽受、教他聽受，若自讀誦、教他讀誦，若自書寫、教他書寫，若自施與、教他施與，若自宣說、教他宣說，思惟修行，廣令流佈。如是信敬獨覺乘法。若自聽受、教他聽受，若自讀誦、教他讀誦，若自書寫、教他書寫，若自施與、教他施與，若自宣說、教他宣說，思惟修行，廣令流佈。如是信敬於大乘法，若自聽受、教他聽受，若自讀誦、教他讀誦，若自書寫、教他書寫，若自施與、教他施與，若自宣說、教他宣說，思惟修行，廣令流佈。若非器者，不應自聽，勿教他聽，乃至廣說。

(Kinh: *Này thiện nam tử! Do vì nghĩa này, kẻ cầu giải thoát hãy nên thân cận, cung kính, cúng dường những vị xuất gia quy y pháp của ta, cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa đỏ. Trước hết, hãy nên tín kính pháp Thanh Văn Thừa. Hoặc là tự nghe nhận, dạy người khác nghe nhận. Hoặc tự đọc tụng, dạy người khác đọc tụng. Hoặc tự biên chép, dạy người khác biên chép. Hoặc tự trao tặng, dạy người khác trao tặng. Hoặc tự tuyên nói, dạy người khác tuyên nói, tư duy tu hành, lưu truyền rộng rãi. Cũng giống như thế, hãy tín kính pháp Độc Giác Thừa. Hoặc là tự nghe nhận, dạy người khác nghe nhận. Hoặc tự đọc tụng, dạy người khác đọc tụng. Hoặc tự biên chép, dạy người khác biên chép. Hoặc tự trao tặng, dạy người khác trao tặng. Hoặc tự tuyên nói, dạy người khác tuyên nói, tư duy tu hành, lưu truyền rộng rãi. Cũng như thế, hãy tín kính Đại Thừa pháp. Hoặc là tự nghe nhận, dạy người khác nghe nhận. Hoặc tự đọc tụng, dạy người khác đọc tụng. Hoặc tự biên chép, dạy người khác biên chép. Hoặc tự trao tặng, dạy người khác trao tặng. Hoặc tự tuyên nói, dạy người khác tuyên nói, tư duy, tu hành, lưu truyền rộng rãi. Nếu chẳng phải là pháp khí, đừng nên tự nghe, đừng dạy người khác nghe, cho đến rộng nói).*

Đối với người xuất gia cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa, phải nên tin tưởng, kính trọng họ; đồng thời cũng nên tin kính pháp Thanh Văn Thừa. Khổ, Tập, Diệt, Đạo, quả thật lợi ích cho cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Quý vị hãy quán tưởng cho nhiều, những thứ ta lãnh nhận có phải là khổ hay không, khổ do đâu mà có? Do chính quý vị cảm vùi, do chính quý vị tụ tập, “*tập*” (集) có nghĩa là “*tu tập*”. Chính quý vị cảm vùi, tụ tập, chính mình hứng chịu. Đó là nhân quả thế gian, là hai Đé Khổ và Tập, là nhân quả thế gian, chiêu cảm bởi các nghiệp do quý vị đã tạo, trong ấy có vui sướng, nhưng đau khổ chiếm đa số. Suy ngẫm cuộc sống hiện thực của chúng ta, dẫu có của cải, quý vị chẳng thể tránh khỏi ốm đau, mà cũng chẳng thể khiến cho tư tưởng của quý vị rất vui sướng được. Có kẻ của cải rất nhiều, quý vị nói chuyện với kẻ đó, [sẽ thấy] kẻ đó hoàn toàn chẳng vui sướng. Trong tâm kẻ ấy chẳng giải thoát, đó gọi là “*đầy tớ của tiền tài*”, chẳng phải là chủ nhân của tiền tài. Ngạn ngữ Trung Hoa có cách nói “*thần giữ của*”, kẻ đó bảo vệ tiền tài, chính mình cũng chẳng dám dùng. Đối với cha mẹ, vợ con đều chẳng dám bỏ ra. Thần giữ của là như vậy đó! Kẻ đó còn có thể thí xả cho người ngoài được sao? Chẳng thể nào!

Nghe pháp cũng là chẳng thể nghĩ bàn! Nếu quý vị muốn lìa khổ, “*lìa khổ được vui*”, phải tu đạo xuất ly. Tu đạo sẽ có thể chứng đắc, chứng đắc gì vậy? Chứng đắc tịch diệt, đó là “*lìa khổ*”. Chứng đắc Đạo Đé và Diệt Đé, tức là nhân quả xuất thế gian. Loại pháp này rất tốt đối với đời hiện tại của chúng ta. Đối với Lục Độ, vạn hạnh, cho đến Bát Nhã Ba La Mật, dường như gieo thiện căn thì còn có thể, chứ chẳng thọ dụng được. Vì sao? Nếu là người có phước đức, có trí huệ, sẽ thọ dụng được; kẻ chẳng có trí huệ sẽ không thể thọ dụng được. Trong pháp Nhị Thừa, có rất nhiều công phu Thiên Định. Nếu quý vị tọa Thiền, thân tâm của quý vị hết sức an định. Quý vị chẳng dễ dàng tiến nhập Đại Thừa Thiên Định. Vì sao chẳng thể nhập Đại Thừa Thiên Định? Trong cuộc sống hằng ngày, bất cứ quý vị làm chuyện gì, đều phải dùng công phu Thiên Định. Theo kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, công phu Thiên Định là niệm nào cũng đều chẳng rời Tam Bảo. Đó là Định. Có thể niệm nào cũng đều chẳng rời [Tam Bảo] thì là Định. Hễ rời, sẽ chẳng phải là Định, đã xuất Định rồi! Xuất Định thì sẽ là làm chuyện khác, sẽ làm chuyện thế gian. Chuyện thế gian có thiện, ác, và vô ký (無記, không thiện, không ác). Quý vị chẳng làm chuyện thương tổn người khác thì là không thiện, không ác. Làm thiện sự, người khác được lợi ích, thì gọi là

thiện. Quý vị làm chuyện ác, khiến kẻ khác mắc hại thì là ác. Thông thường, dùng điều này để phán đoán. Đại Thừa Định là “*Na Già thường tại Định*” (Đức Phật luôn ở trong Định), Na Già Định chẳng dễ dàng, chẳng phải do đã gieo thiện căn trong vô lượng kiếp, sẽ rất khó đắc Định!

Trong pháp Đại Thừa, chúng ta cần phải bái sám, bất luận bái sám theo nghi thức nào, đều là Đại Thừa. Bất luận kinh luận nào, hễ lúc nào nói tới bái sám, quý vị phải quán tưởng hồi hướng pháp giới chúng sanh. Đây là pháp thuộc về Đại Thừa. Hễ có thể tham gia bái sám, Đại Bi Sám cũng thế, mà Dược Sư Sám, Chiêm Sát Sám, đối với bất cứ pháp sám nào, nếu chẳng đã từng gieo thiện căn nơi vô lượng chư Phật, quý vị sẽ chẳng gặp được. Khi quý vị bái sám, cũng sẽ chẳng dừng mãi tham gia, lạy xong rồi thôi, ba ngày đánh cá, hai ngày phơi lưới, có ý nghĩa như thế đó! Nhưng lạy một lần thì được công đức một lần, lạy lâu ngày sẽ được giải thoát, chẳng có chướng ngại, nhưng đây là chuyện rất khó khăn. Vẫn chẳng thể nói tương lai là như thế nào, nhưng ngay trong hiện tại, trong khi quý vị bái sám, có thể nảy sanh rất nhiều chướng ngại. Quý vị muốn bái sám, nhưng không thể chăm sóc người trong nhà, phải chăm sóc con cái. Đã ấn định thời gian bái sám, nhưng rồi quý vị phải làm cơm, phải đưa con đến trường! “Không được, ta phải bái sám”. Vậy là làm không được, mà bái sám cũng chẳng thành, trong nhà quý vị sẽ nảy sanh chướng ngại. Ất phải thuận theo pháp thế gian, lại có thể tu pháp xuất thế gian, khiến cho hết thảy nhân duyên đều chín muồi, thiện căn ấy chẳng dễ dàng!

Tôi nói điều này chắc mọi người không tin. Quý vị thấy các sư phụ hòa thượng và tỳ-kheo-ni chúng tôi có phải là dừng mãi, tinh tấn tu hành hay không? Lấy ngay tôi để nói, tôi chẳng phải là như thế, tôi làm không được. Chính mình có nên tu hay không? Đáng nên phải tu, vì sao chẳng làm? Nghiệp chướng. Luôn luôn có rất nhiều duyên lôi kéo khiến cho quý vị chẳng làm được! Quý vị muốn làm cái kia, lại bỏ mất cái này. Nếu quý vị có thể bái sám, đó là phước đức đã gieo từ vô lượng kiếp trước. Hiện thời, trên địa cầu này có hơn sáu mươi ức người, người có thể làm được những chuyện [bái sám] này có bao nhiêu người? Thiện chủng yếu ớt, ác chủng hưng thịnh. Đến thời Mạt Pháp, ác thịnh, thiện yếu, sức mạnh của cường quyền to lực, sức của người tu thiện nhỏ nhoi! Chẳng phải là có nhiều thần hộ pháp ngàn ấy ư? Thần hộ pháp chẳng cự nổi ác lực! Chúng ta nói “*quỷ sợ kẻ ác*”, đồ tể cầm dao mổ, quỷ đều sợ, ngay cả quỷ thần cũng đều chẳng dám thân cận kẻ đó. Hiểu đạo lý này,

quý vị sẽ biết!

*(Kinh) Hựu ưng viễn ly nhất thiết ác pháp, ưng xả ác hữu, ưng thân thiện hữu, ưng cần tu tập Lục Đáo Bỉ Ngạn, ưng sở sám hối nhất thiết ác nghiệp, ưng tùy sở nghi cần phát chánh nguyện. Nhược năng như thị, tư hữu thị xứ, hiện thân đắc thành Thanh Văn Thừa khí, hoặc Độc Giác Thừa chủng tử bất thoái, hoặc phục Đại Thừa chủng tử bất thoái. Thị cố tam thừa giai ưng tu học, bất ưng kiêu ngạo, vọng hiệu Đại Thừa, báng hủy Thanh Văn, Độc Giác Thừa pháp. Ngã tiên duy vị Đại Thừa pháp khí kiên tu hành giả, thuyết như thị ngôn: “Duy tu Đại Thừa, năng đắc cứu cánh”. Thị cố, kim tích thuyết bất tương vi!*

(經)又應遠離一切惡法，應舍惡友，應親善友，應勤修習六到彼岸，應數懺悔一切惡業，應隨所宜勤發正願。若能如是，斯有是處，現身得成聲聞乘器，或獨覺乘種子不退，或復大乘種子不退。是故三乘皆應修學，不應憍傲，妄號大乘，謗毀聲聞、獨覺乘法。我先唯為大乘法器堅修行者，說如是言：「唯修大乘，能得究竟」。是故，今昔說不相違」。

*(Kinh: Lại nên xa lìa hết thảy ác pháp, nên bỏ bạn ác, nên thân cận bạn lành, nên siêng tu tập Lục Đáo Bỉ Ngạn, nên nhiều lượt sám hối hết thảy ác nghiệp, hãy nên thuận theo cơ nghi mà siêng năng phát nguyện chánh đáng. Nếu có thể làm như thế, thì chắc chắn là thân trong đời hiện tại sẽ trở thành pháp khí của Thanh Văn Thừa, hoặc chủng tử Độc Giác Thừa bất thoái, hoặc lại là chủng tử Đại Thừa bất thoái. Vì thế, đều nên tu học tam thừa, chớ nên kiêu ngạo, xằng bậy xưng là Đại Thừa, hủy báng pháp Thanh Văn và Độc Giác Thừa. Trước kia, ta chỉ vì làm cho người thuộc pháp khí Đại Thừa tu hành kiên cố, mà nói như thế này: “Chỉ có tu Đại Thừa thì mới có thể đạt được rốt ráo”. Do vậy, lời nói xưa kia và hiện thời chẳng mâu thuẫn!)*

Những người ấy phải nên xa lìa các ác pháp ấy, hãy nên bỏ bạn ác, thân cận bạn lành. Đối với những kẻ không nghe [lời dạy của đức Phật], chuyên môn gây chướng ngại, ngàn vạn phần quý vị đừng nên đàn đúm với họ. Đàn đúm với họ, quý vị sẽ bị họ nhuốm bản, họ sẽ lôi kéo quý vị, quý vị không nghe theo cũng không được. Có ý nghĩa như thế đó. Có những gia đình, vợ tin mà chồng không tin, hoặc chồng tin, vợ chẳng tin,

luôn luôn là giằng co với nhau. Nếu chẳng nói chuyện để cảm thông với nhau, mà vẫn chẳng xảy ra cảnh giằng co với nhau, rất hiếm có! Thường là luôn giằng co, tạo chướng ngại cho nhau!

Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiền Định, trí huệ, sáu môn ấy, quý vị đạt được bất cứ một môn nào đều được, nhưng phải kiên trì tu hành. Cùng tu cả sáu môn lại càng tuyệt diệu! Nhưng hiện thời, đối với Lục Ba La Mật, chúng ta phạm phải một khuyết điểm. Khuyết điểm gì vậy? Chẳng tinh tấn, giải đãi, bất cứ môn nào cũng đều chẳng tu thành công. Chúng ta chẳng có tín tâm, vì sao? Người có tín tâm tinh tấn, vừa nghe pháp này bèn kiên quyết thực hiện, lại còn có thể trừ khử hết thảy chướng ngại, thà xả thân mạng vẫn luôn hành, như thế thì mới có thể coi là có tín tâm kiên định. Nếu không, chẳng thể coi là có tín tâm được. Hễ gặp những thử thách, người ấy chẳng làm, chẳng có tín tâm. Tín tâm vẫn là sợi lông mong manh, gió vừa thổi bèn chao đảo. Hễ có tín tâm, người ấy sẽ bài trừ hết thảy các chướng ngại.

Lúc mỗi người xuất gia đều phải trải qua khá nhiều khó khăn. Qua khứ lẫn hiện tại đều là như thế, râu tóc chẳng dễ rơi rụng như thế, nói xuất gia bèn xuất gia được liền, sẽ có khá nhiều chướng ngại. Sau khi đã xuất gia, còn có rất nhiều chướng duyên, khiến cho quý vị hoàn tục. Nghiệp chướng phát hiện như thế đó, quý vị không muốn hoàn tục cũng không được. Nó sẽ khiến cho chính quý vị cũng bằng lòng hoàn tục. Đã xuất gia, đã học nhiều pháp như vậy, vì sao còn muốn hoàn tục? Đó là vì nghiệp chướng phát hiện. Nghiệp chướng đã phát hiện, sẽ thoái đạo. Chớ nên thân cận những kẻ đó! Do vậy, tu tập Lục Ba La Mật, siêng tu Lục Ba La Mật, có thể đến được bờ kia, có thể siêu thoát, liễu sanh tử.

Chúng ta luôn mong có thần thông. Để có thần thông thì phải nghĩ phương tiện, bèn tìm một bí quyết để có thần thông. Nghe nói được truyền một bài chú nào mà hễ niệm thì sẽ có thần thông; lại nghe nói ở nơi nào đó lại có phương pháp chi đó khiến cho quý vị phát tài, khiến cho thân thể quý vị khỏe mạnh, quý vị đến liền. Kết quả là mắc lõm, chẳng ra gì cả! Chính quý vị cầu, tự mình cũng cầu được, cầu đạt được thần thông, nhưng đã có thần thông mà bị đọa lạc, sẽ bị mất đi. Lục thông tiên nhân tại Ấn Độ là ngoại đạo, chẳng phải là Phật đạo. Trước kia, khi họ đến ứng cúng đều bay từ không trung xuống. Có một lần quốc vương cúng dường họ, thỉnh các tiên nhân ấy. Quốc vương vừa nghĩ muốn dâng lên các vật cúng, vừa cầu khẩn, tiên nhân các nơi đều bay đến. Quốc vương tính thử đạo lực của họ, liền sai cung nữ đến đánh lễ họ. Vừa tiếp xúc, có ngoại đạo rất kiên định, tu hành khá, chẳng có

vấn đề gì, trong tâm chẳng động niệm, [nhận cúng dường rồi] bay đi. Có ngoại đạo, khi các cung nữ đánh lễ ôm chân kẻ đó, do tay các cô rất mềm mại, kẻ đó động niệm. Vừa động niệm, chẳng thể bay lên được, lập tức mất thần thông!

Mọi người đều biết tôn giả A Nan. Có một hôm Ngài đi khát thực, tới một đêm xá, cô Ma Đăng Già nhìn trúng Ngài. Vì hai người có nhân duyên trong năm trăm đời quá khứ, cô ta không gả cho Ngài sẽ không cam lòng, bèn yêu cầu mẹ mình dùng tà chú. Mẹ cô ta nói: “Chớ nên! Đây là đệ tử của đại sư. Hơn nữa, A Nan rất nổi tiếng, chú thuật của ta không được, phải dùng chú của Phạm Thiên”. Con gái cứ một mực cầu khẩn; nếu không, sẽ tự sát. Mẹ cô ta bất đắc dĩ, dùng chú khiến cho A Nan mê muội. Ngài vừa mê, đức Phật biết ngay, sai Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đến đó, trì chú Lăng Nghiêm, cũng là thần chú Lăng Già. Đối với bài chú ấy, quý vị niệm một câu “*tất đất đa bát đất ra*” là được rồi, không cần phải thuộc lòng toàn bộ chú ấy. Nhớ trọn hết thì quý vị không nhớ nổi, chỉ niệm chú tâm “*tất đất đa bát đất ra*”. Nếu trì linh nghiệm, thần chú này sẽ phá tà chú kia. Đây là vì nhân duyên trong quá khứ của Ngài đã chín muồi, cho nên có biểu hiện như vậy. Cô Ma Đăng Già theo Ngài đến trước Phật thưa: “Tôi chẳng có chàng, sẽ chết, Phật phải độ tôi”. Đức Phật liền thuyết pháp cho cô ta, “*quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường*”. Vừa nói pháp ấy, cô ta tâm khai ý giải, lập tức chứng đắc A La Hán.

Từ thân phận dâm nữ mà có thể chứng đắc A La Hán, lại càng chẳng cần nói tới chuyện long nữ trong kinh Pháp Hoa thành Phật ngay trong thân rồng. Đó là do cô ta đã tích lũy thiện căn trong quá khứ. Nếu chỉ nhìn vào tình huống hiện thực, sẽ cho rằng đó là chuyện không thể, vì quý vị chẳng thấy rõ tình huống hiện thực. Nếu quý vị mong tu thần thông, muốn niệm một bài chú, bẻ quan một trăm ngày, chỉ cầu thần thông. Đây là có phương pháp, nhưng phương pháp ấy tôi chẳng muốn học! Thần thông thật sự là gì? “*Thần*” là gì? Thần là cái tâm tự nhiên, cũng là một niệm tâm hiện tiền của quý vị. “*Thông*” là trí huệ mở mang. Thông là huệ tánh. Thần là nói về thiên tâm (天心, tâm tự nhiên), Thông là nói về huệ tánh, tức là cái tâm của chính quý vị mở mang trí huệ, nghiệp chướng tiêu mất, sẽ thông suốt. Sự thông suốt ấy chính là “*chân thông*”.

Nếu tu Lục Ba La Mật, phải nên tu như thế nào? Phải nên sám hối! Sám hối là sám, chẳng phải là một, hai lượt, phải sám hối nhiều lượt. Sám hối ác nghiệp cho thanh tịnh, thiện nghiệp sẽ sanh trưởng, phải



nên tùy nghi siêng năng phát chánh nguyện. Phát chánh nguyện cầu thành Phật, cầu lợi ích chúng sanh. Niệm phẩm Tịnh Hạnh, phẩm Phạm Hạnh, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên chính là học tập phát nguyện. Chánh nguyện: Khá nhiều nguyện đều chẳng lìa mười đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát. Rất nhiều bài phát nguyện văn đều trích lục từ đó. Nếu có thể phát nguyện như vậy thì mới có thể có nhập xứ, mới có thể thành tựu. Thân hiện tại có thể thành tựu pháp khí của Thanh Văn Thừa, thành tựu pháp khí Độc Giác Thừa, thành tựu chủng tử bất thoái của Độc Giác Thừa, hoặc chủng tử bất thoái của Đại Thừa. Độc Giác Thừa sâu hơn [Thanh Văn Thừa], Đại Thừa càng sâu hơn nữa. Chúng ta gieo thiện căn, gieo chủng tử đó, có thể khiến cho chúng ta chẳng thoái thất. Trong đời hiện tại, có thể chứng đắc quả vị tam thừa, quý vị hãy khéo tu, khéo học, đời này chưa chứng đắc thì đời vị lai có thể chứng đắc.

Phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc, quý vị chớ nên thoái tâm. Ngay trong đời này, đời sau, hoặc đời sau nữa, sẽ nhất định có thể vãng sanh, vì có sáu phương Phật hộ trì quý vị vãng sanh. Quyển tám mươi một trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên dẫn về Cực Lạc, mọi người tụng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên sẽ là thượng phẩm thượng sanh. Ai tụng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, sẽ sanh về thế giới Cực Lạc thượng phẩm thượng sanh.

Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo khi giảng đến quyển hạ có nói “*cảnh giới Nhất Thật, hai thứ quán đạo*”. Tu chẳng thành, sẽ chẳng tiến nhập. Làm thế nào? Như thế này thì sẽ tốt đẹp! Quý vị thật sự chẳng có cách nào niệm danh hiệu của ta (Địa Tạng Bồ Tát) [theo cách quán đạo] thì mỗi ngày niệm một vạn câu, ta sẽ khiến cho quý vị thành tựu. Điều này có thể làm được, đây mới là phương tiện thiện xảo. Chớ nên tìm tà môn ngoại đạo! Theo tà môn ngoại đạo, sẽ chẳng thể tiến nhập được. Không chỉ chẳng tiến nhập được, mà còn có thể bị ma dựa! Hễ bị ma dựa, sẽ khổ sở, đọa lạc vào đường ma!

Tam thừa tu hành như thế đó, “*bất ưng kiêu ngạo, vọng hiệu Đại Thừa, báng hủy Thanh Văn, Độc Giác Thừa pháp. Ngã tiên duy vị Đại Thừa pháp khí kiên tu hành giả*” (chớ nên kiêu ngạo, xằng bậy xưng là Đại Thừa, hủy báng pháp Thanh Văn và Độc Giác Thừa. Trước kia, ta chỉ vì người thuộc pháp khí Đại Thừa tu hành kiên cố): Đây là Phật tự nói, Ngài bảo: “Vì sao trước kia ta chỉ đề xưng pháp khí Đại Thừa? Là vì loại căn cơ này, ta mới nói như thế. Nay ta chẳng nói mâu thuẫn, thậm chí pháp tam thừa đều nói, hoàn toàn chẳng mâu thuẫn, mà là đúng với căn cơ!”

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: “Đối chư đại chúng tiền, Kim Cang Tạng vấn ngã, vân hà khuyến cúng dường, phá giới ác bất-sô? Thất đồ-đa công đức, si ác kiến sở trì, phi pháp khí, ô đạo, nhi bất thính trích phạt? Phục thuyết tụng bỉ văn, tam thừa vi diệu pháp, chân giải thoát lương dược, thú tịch tĩnh Niết Bàn? Hà cố dư kinh ngôn, nhất Đại Thừa giải thoát, giá học Nhị Thừa pháp, kim phục thuyết tam thừa? Ai mãn chư hữu tình, linh xả tà ác nghiệp, đắc lợi ích an lạc, nguyện vị thuyết trừ nghi. Vị ích Sát-đế-lợi, nãi chí Thú-đạt-la, bất thính não bất-sô, khủng bỉ nhiễm đại tội. Thế phát, bị ca-sa, chư Phật pháp tràng tướng, chư Phật đẳng hộ trì, giải thoát đạo chi phục”.*

(經)爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「對諸大眾前，金剛藏問我，云何勸供養，破戒惡苾芻？失杜多功德，癡惡見所持，非法器污道，而不聽謫罰？復說從彼聞，三乘微妙法，真解脫良藥，趣寂靜涅槃？何故餘經言，一大乘解脫，遮學二乘法，今復說三乘？哀愍諸有情，令舍邪惡業，得利益安樂，願為說除疑。為益剎帝利，乃至戍達羅，不聽惱苾芻，恐彼染大罪。剃髮被袈裟，諸佛法幢相，諸佛等護持，解脫道之服。」

*(Kinh: Lúc bấy giờ, để nêu rõ lại nghĩa này, đức Thế Tôn bèn nói kệ tụng rằng: “Đối trước các đại chúng, Kim Cang Tạng hỏi ta, có sao khuyến cúng dường, ác bất-sô phá giới? Mất công đức đầu-đà, si ác kiến nắm giữ, ô đạo, phi pháp khí, lại chẳng cho trùng phạt? Lại bảo nghe họ giảng, pháp vi diệu tam thừa, thuốc lành, chân giải thoát, đến tịch tĩnh Niết Bàn? Vì sao kinh khác nói, chỉ Đại Thừa giải thoát, gần học pháp Nhị Thừa, nay lại nói ba thừa? Thương xót các hữu tình, khiến bỏ tà ác nghiệp, được lợi ích an lạc, xin hãy nói trừ nghi. Vì lợi ích Sát-lợi, cho đến Thú-đạt-la, cảm não loạn bất-sô, sợ nhuộm phải tội lớn. Cạo tóc, đắp ca-sa, tướng pháp tràng chư Phật, chư Phật đều hộ trì, y phục đạo giải thoát”).*

Đức Phật lại trùng tuyên ý nghĩa này một phen. Đối trước đại chúng, Kim Cang Tạng Bồ Tát thưa hỏi đức Phật. Kim Cang Tạng Bồ Tát hỏi như thế nào? “Vân hà khuyến cúng dường, phá giới ác bất-sô”, tức là hỏi đức Phật vì sao lại khuyến mọi người hãy cúng dường tỳ-kheo

phá giới? “*Thất đễ-đa công đức*” (Đánh mất công đức đầu-đà): Diệt trừ Trần Sa phiền não thì gọi là “*đễ-đa*”. “*Đễ-đa*” (Dhuta, đầu-đà) là một loại khổ hạnh, tức là một loại khổ hạnh của người tu đạo. “*Si ác kiến sở trì*” (Bị tri kiến si ác nắm giữ): Các tỳ-kheo ấy chẳng phải là pháp khí, đã khiến cho đạo, tức đạo mà họ tu, cho đến những lời đức Phật dạy, đều bị ô nhiễm, chẳng thanh tịnh. “*Nhi bất thính trích phạt*” (Nhưng chẳng cho phép trừng phạt): Vì sao ta bảo quý vị chớ nên trừng phạt những tỳ-kheo ấy, lại còn phải cúng dường họ? Trong phần trước đã giải thích. Trong các ô đạo sa-môn ấy, cũng có người có thể thuyết pháp. Do vậy, từ họ, quý vị cũng có thể nghe pháp vì diệu tam thừa, nghe rồi sẽ có thể giải thoát. Đó là lương dược giải thoát, là con đường tốt lành để tiến hướng Niết Bàn tịch tĩnh, cũng là Bồ Đề đạo. Do vậy, đối với ô đạo sa-môn, chẳng cần lựa chọn để cúng dường là do nguyên nhân này! Các kinh khác chẳng nói như vậy.

“*Hà cố dư kinh ngôn, nhất Đại Thừa giải thoát, giá học Nhị Thừa pháp, kim phục thuyết tam thừa? Ai mãn chư hữu tình, linh xả tà ác nghiệp*” (Vì sao các kinh khác chỉ nói một đạo Đại Thừa giải thoát, ngăn cấm học pháp Nhị Thừa, nay Phật lại nói tam thừa? Do thương xót các hữu tình, khiến cho họ bỏ nghiệp tà ác): Có những chỗ (trong các kinh khác) nói đạo Nhất Thừa Đại Thừa là giải thoát, khi ngăn che quý vị học các thừa khác là vì ngăn chặn loại căn khí ấy (căn khí Đại Thừa) đừng rơi vào Nhị Thừa. Trong quá khứ, kinh dạy như vậy, còn hiện thời ta lại nói tam thừa, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát Thừa đều cùng nói, là vì thương xót các hữu tình, khiến cho hết thảy các chúng sanh đều bỏ các nghiệp tà ác, “*đắc lợi ích an lạc*”, cho nên bằng lòng vì họ nói, hòng trừ nghi hoặc của họ.

“*Vị ích Sát-đế-lợi, nãi chí Thú-đạt-la, bất thính não bạt-sô, khủng bỉ nhiễm đại tội*” (Vì lợi ích Sát-đế-lợi cho đến Thú-đạt-la, chẳng cho phép những người ấy nào loạn bạt-sô, sợ họ nhiễm đại tội): Ta không cho bọn họ kể lỗi tỳ-kheo vì sợ phạm phải tội to lớn. “*Thế phát, bị ca-sa, chư Phật pháp tràng tướng*” (Cạo tóc, đắp ca-sa, đó là tướng pháp tràng chư Phật): Chỉ cần người nào cạo râu tóc, hiện tướng tỳ-kheo, đây chính là tướng pháp tràng của chư Phật. “*Chư Phật đấng hộ trì, giải thoát đạo chi phục*” (Chư Phật đều hộ trì y phục của đạo giải thoát): Ta hộ trì kẻ đó là vì hộ trì tràng tướng của đạo giải thoát, hộ trì ca-sa đồ.

***(Kinh) Tuy phá chư luật nghi, phi vĩnh giá giải thoát, năng xả chư ác kiến, đương túc thú Niết Bàn. Như hủ bại lương dược, do năng***

*liệu chúng bệnh, như thị phá luật nghi, diệt năng diệt tha khổ. Bất thính bỉ bất-sô, tại bố-tát, yết-ma, hứa vị tha thuyết pháp, câu hoạch phước vô nghi. Nhược quy kính Tam Bảo, xưng ngũ vi đại sư, năng khí xả chúng ác, thẳng chư ngoại đạo chúng. Như đọa La Sát tử, thương chúng tất kinh hoàng, các chấp thủ nhất mao, độ hải đắc miễn nạn. Như thị phá giới giả, ly chư ác tà kiến, do nhất tín vi nhân, thoát phiền não La Sát. Do hộ giải thoát tướng, chư Phật đấng hộ trì, bất nào phá giới Tăng, năng ly chư trọng ác. Chư lạc đa phước nhân, hân cầu chân giải thoát, đấng hộ khí, phi khí, chứng giải thoát vô nan. Si mạn hiệu Đại Thừa, bỉ vô hữu trí lực, thượng mê Nhị Thừa pháp, huống năng giải Đại Thừa? Thí như khuyết hoại nhãn, bất năng kiến chúng sắc, như thị khuyết hoại tín, bất năng giải Đại Thừa. Vô lực ẩm trì hà, cự năng thôn đại hải? Bất tập Nhị Thừa pháp, hà năng học Đại Thừa? Tiên tín Nhị Thừa pháp, phương năng tín Đại Thừa. Vô tín, tụng Đại Thừa, không ngôn, vô sở ích!*

(經)雖破諸律儀，非永遮解脫，能舍諸惡見，當速趣涅槃。如腐敗良藥，猶能療眾病，如是破律儀，亦能滅他苦。不聽彼苾芻，在布薩羯磨，許為他說法，俱獲福無疑。若歸敬三寶，稱我為大師，能棄舍眾惡，勝諸外道眾。如墮羅剎渚，商眾悉驚惶，各執獸一毛，渡海得免難。如是破戒者，離諸惡邪見，由一信為因，脫煩惱羅剎。由護解脫相，諸佛等護持，不惱破戒僧，能離諸重惡。諸樂多福人，欣求真解脫，等護器非器，證解脫無難。癡慢號大乘，彼無有智力，尚迷二乘法，況能解大乘？譬如闕壞眼，不能見眾色，如是闕壞信，不能解大乘。無力飲池河，詎能吞大海？不習二乘法，何能學大乘？先信二乘法，方能信大乘。無信誦大乘，空言無所益！

(*Kinh*: Tuy phá các luật nghi, chẳng mãi ngăn giải thoát. Xả được các ác kiến, sẽ mau chứng Niết Bàn. Như thuốc tốt hư nát, vẫn trị lành các bệnh. Phá luật nghi cũng thế, vẫn diệt khổ kẻ khác. Chẳng cho bất-sô đó, làm bố-tát, yết-ma. Vẫn được phép thuyết pháp, đều được phước chẳng nghi. Nếu quy kính Tam Bảo, xưng ta là đại sư, vứt bỏ các điều ác, hơn hẳn các ngoại đạo. Như đọa chôn La Sát, các thương nhân kinh hoàng, mỗi người nắm lông thú, vượt biển, được thoát nạn. Như kẻ phá

giới kia, lia các tà kiến ác, do lòng tin làm nhân, thoát phiền não La Sát. Tướng giải thoát như thế, chư Phật cùng hộ trì, chẳng nào phá giới Tăng, xa rời các ác nặng. Người có nhiều phước lạc, vui cầu chân giải thoát, hộ trì khí, phi khí, chừng giải thoát khó gì. Si, mạn, xưng Đại Thừa, chẳng hề có trí lực, còn mê pháp Nhị Thừa, hiểu Đại Thừa sao nổi? Ví như kẻ mắt mù, chẳng thể thấy các sắc. Khuyết hoại tín như thế, chẳng thể hiểu Đại Thừa. Không sức uống ao, sông; sao nuốt được biển cả? Chẳng tu pháp Nhị Thừa, sao học Đại Thừa được? Trước tin pháp Nhị Thừa, mới tin nổi Đại Thừa. Chẳng tin, tụng Đại Thừa, nói suông, chẳng ích gì!)

“Tuy phá chư luật nghi, phi vĩnh giá giải thoát” (Tuy phá các luật nghi, vĩnh viễn chẳng ngăn che giải thoát): Quý vị đừng thấy kẻ đó nay đang phá giới, chẳng tu đạo, là phùng ác đạo, ô đạo! Kẻ đó chẳng phải là vĩnh viễn không giải thoát, kẻ đó nhất định có thể giải thoát. Khi nào kẻ đó buông xả ác kiến, sẽ nhanh chóng tiến hướng Bồ Đề, nhất định sẽ chứng đắc quả Bồ Đề rất nhanh. Giống như thuốc tốt lành, dầu mục nát, vẫn có thể trị các bệnh. Tỳ-kheo phải tìm trong đồng rác để kiếm thuốc uống, uống thuốc đã hư, đây là do Phật chế định: “Tỳ-kheo có bệnh, kiếm thuốc hư nát để uống”. Uống thuốc hư nát, nhờ Phật lực gia trì, sẽ lành bệnh.

“Nhu thị phá luật nghi, diệt năng diệt tha khổ” (Kẻ chẳng giữ luật nghi như thế, cũng có thể diệt khổ cho người khác): Quý vị đừng thấy kẻ đó là ô đạo sa-môn, kẻ đó vẫn có thể diệt khổ cho người khác. Người khác vẫn có thể gieo phước điền nơi kẻ đó. “Bất thính bỉ bạt-sô, tại bố-tát, yết-ma” (Chẳng cho phép bạt-sô đó tham dự bố-tát, yết-ma): Tuy là kẻ đó không được nghe tỳ-kheo tụng giới, không được hưởng sự cúng dường dành cho đại chúng Tăng, nhưng vẫn cho phép kẻ đó thuyết pháp cho chúng sanh. Vì sao? Khi kẻ đó thuyết pháp, sẽ đạt được phước đức, tiêu trừ nghiệp chướng. Người nghe cũng có phước đức. Đây là điều quyết định, chẳng nghi ngờ chi nữa!

“Nhuộc quy kính Tam Bảo, xưng ngã vi đại sư, năng khí xả chúng ác, thắng chư ngoại đạo chúng” (Nếu quy kính Tam Bảo, xưng ta là đại sư, có thể bỏ các ác, hơn hẳn các ngoại đạo): Chỉ cần quy y ta, kẻ đó xưng tụng ta là đại sư, buông xả các điều ác, thì sẽ mạnh mẽ hơn các ngoại đạo rất nhiều. “Nhu đọa la sát chủ, thương chúng tất kinh hoàng” (Như đọa vào bờ bên của La Sát, các thương nhân đều kinh hoàng): Các thương nhân đi [vào biển] thuyền bảo vật, đến làm chỗ La Sát, sợ gần

chết. Nếu “*các chấp thú nhất mao, độ hải đắc miễn nạn*” (nếu mỗi người nắm lấy lông con thần thú, sẽ vượt khỏi biển, thoát nạn): Con thú ấy rất lớn, chỉ cần nắm lấy một sợi lông của nó, cũng có thể nổi trên biển để thoát ra. “*Như thị phá giới giả, ly chư ác tà kiến, do nhất tín vi nhân, thoát phiền não La Sát*” (Kẻ phá giới cũng giống như thế, do lìa các tà kiến ác, dùng lòng tin làm nhân, thoát khỏi phiền não La Sát): “*Nhất tín*” là kẻ đó còn có tín tâm. Do có tín tâm như vậy, cho nên cũng có thể giải thoát.

“*Như thị giải thoát tướng, chư Phật đặng hộ trì*” (Tướng giải thoát như thế, chư Phật đều cùng hộ trì): Kẻ đó đắp ca-sa, hiện ra tướng giải thoát như thế, hết thấy chư Phật đều hộ trì tướng giải thoát ấy. “*Bát não phá giới Tăng, năng ly chư trọng ác*” (Chẳng nào loạn Tăng phá giới, có thể lìa khỏi các điều ác nặng nề): Quý vị chớ nên nào loạn tỳ-kheo phá giới thì cũng có thể lìa thoát biển khổ.

“*Chư lạc đa phước nhân, hân cầu chân giải thoát, đặng hộ khi phi khi*” (Người có nhiều phước lạc, ưa thích cầu giải thoát chân thật, sẽ bình đẳng hộ trì pháp khí và phi pháp khí): Bình đẳng hộ trì, bất luận là pháp khí hay phi pháp khí. Quý vị mong cầu sự giải thoát chân chánh, hãy bình đẳng đối đãi tỳ-kheo phá giới và giữ giới. Chỉ có kinh này nói như vậy, các kinh khác rất ít nói như thế. Nếu học giới kinh, sẽ thấy hoàn toàn bất đồng.

Kinh Đại Tập Thập Luân chính là kinh đặc biệt từ bi của Địa Tạng Bồ Tát. “*Thí như khuyết hoại nhân*” [nghĩa là ví như] kẻ nhân căn bị hư hoại, “*bất năng kiến chúng sắc*” (chẳng thể thấy các sắc): Sắc gì mắt cũng chẳng thấy! “*Như thị khuyết hoại tín, bất năng giải Đại Thừa*” (Cũng vậy, kẻ lòng tin khuyết hoại, sẽ chẳng thể hiểu Đại Thừa): Tín tâm đã chẳng có, lẽ nào có thể tin Đại Thừa cho được?

“*Vô lực ẩm trì hà, cự năng thôn đại hải?*” (Không có sức uống cạn ao, sông, làm sao có thể nuốt biển cả?): Ngay cả nước sông còn nuốt không nổi, làm sao có thể nuốt sạch nước đại dương? Chẳng thể nào được! Nếu “*bất tập Nhị Thừa pháp, hà năng học Đại Thừa?*”, [nghĩa là] quý vị chẳng học pháp Nhị Thừa, học ngay vào pháp Đại Thừa, làm sao có thể học được? Phải là “*tiên tín Nhị Thừa pháp, phương năng tín Đại Thừa*” (trước hết là tin pháp Nhị Thừa thì mới có thể tin pháp Đại Thừa): Đây là theo thứ tự. “*Vô tín tụng Đại Thừa, không ngôn vô sở ích*” (Không có tín tâm mà đọc tụng Đại Thừa thì là nói suông, chẳng có lợi ích): Tín tâm đã chẳng có, quý vị tụng kinh điển Đại Thừa có lợi ích gì?

*(Kinh) Nội chân hoại Đoạn Kiến, vọng tự hiệu Đại Thừa, bất hộ tam nghiệp tội, hoại loạn ngã chánh pháp. Bĩ nhân mạng chung hậu, định đọa Vô Gian ngục. Cố ưng quán cơ thuyết, vật vị phi khí giả. Kiêu ngạo, vô từ bi, bạo ác, chí hạ liệt. Trí giả ưng đương tri, thị hoại Đoạn Kiến giả. Phi Thanh Văn Duyên Giác, diệc phi Đại Thừa khí. Siểm hủy, báng chư Phật, tất đọa Vô Gian ngục. Trì giới nhạo huyền não, xan pháp, úy khổ ác. Trí giả ưng đương liễu. thị danh Thanh Văn Thừa. Nhạo thí, quán sanh diệt, thường hân độc tĩn xứ. Trí giả ưng đương liễu, thị danh Độc Giác Thừa. Cự túc chư thiện căn, thủ hộ từ bi bản. Thường nhạo nhiếp lợi vật, thị danh vi Đại Thừa. Xả thân mạng hộ giới, bất nã hại chúng sanh. Tinh tấn cầu Không pháp, ưng tri thị Đại Thừa. Tâm kham nhẫn chư pháp, thiện ngôn vô bí lạn. Ư pháp thường hân nhạo, ưng tri thị Đại Thừa. Pháp khí, phi pháp khí, lợi lạc tâm bình đẳng. Bất nhiễm chư thế pháp, ưng tri thị Đại Thừa. Thị cố hữu trí giả, phổ kính thuyết tam thừa. Bất nã ngã Tăng đồ, tức thành Vô Thượng Giác.*

(經)內真懷斷見，妄自號大乘，不護三業罪，壞亂我正法。彼人命終後，定墮無間獄。故應觀機說，勿為非器者。憍傲無慈悲，暴惡志下劣。智者應當知，是壞斷見者。非聲聞緣覺，亦非大乘器。諂毀謗諸佛，必墮無間獄。持戒樂喧鬧，慳法畏苦惡。智者應當了，是名聲聞乘。樂施觀生滅，常欣獨靜處。智者應當了，是名獨覺乘。具足諸善根，守護慈悲本。常樂攝利物，是名為大乘。舍身命護戒，不惱害眾生。精進求空法，應知是大乘。心堪忍諸法，善言無秘密。於法常欣樂，應知是大乘。法器非法器，利樂心平等。不染諸世法，應知是大乘。是故有智者，普敬說三乘。不惱我僧徒，速成無上覺。

*(Kinh: Trong tâm đây Đoạn Kiến, dối trá xưng Đại Thừa, chẳng phòng tam nghiệp tội, hoại loạn Phật chánh pháp. Kẻ đó mạng chung rồi, quyết định đọa Vô Gian. Vì thế, nên quán cơ, đừng vì phi khí nói. Kiêu ngạo, chẳng từ bi, bạo ác, chí kém hèn. Bậc trí hãy nên biết, là kẻ hoại Đoạn Kiến. Chẳng Thanh Văn, Duyên Giác, chẳng phải bậc Đại Thừa. Siểm hủy báng chư Phật, ắt đọa ngục Vô Gian. Trì giới, thích huyền não, tiếm pháp, sợ khổ ác. Bậc trí hãy nên hiểu. Đó gọi là Thanh*

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

*Văn Thừa. Ưa thí, quán sanh diệt, thường thích chỗ riêng tĩnh, bậc trí hãy nên biết, đó gọi là Độc Giác Thừa. Trọn đủ các thiện căn. Hộ trì gốc từ bi, thường thích nhiếp lợi vật. Đó gọi là Đại Thừa. Xả thân mạng giữ giới. Chẳng nỡ hại chúng sanh, tinh tấn cầu Không pháp, nên biết là Đại Thừa. Tâm kham nhẫn các pháp, lời lành chẳng giấu tiếc. Thường ưa thích các pháp, nên biết là Đại Thừa. Pháp khí, phi pháp khí, tâm lợi lạc bình đẳng, chẳng nhiễm pháp thế gian, nên biết là Đại Thừa. Vì thế, người có trí, cung kính nói tam thừa. Chẳng nỡ hại chư Tăng, mau thành Vô Thượng Giác).*

“*Nội chân hoại Đoạn Kiến*” (Trong tâm thật sự ôm giữ Đoạn Kiến): Trong tâm chấp giữ tâm lý Đoạn Kiến, tức là học lý Không mà chẳng thấu đáo, đâm ra trở thành Đoạn Diệt Kiến. Cái Không trong Bát Nhã chẳng phải là rỗng không như hư không, chẳng phải là Đoạn Kiến Không! “*Vọng tự hiệu Đại Thừa*” (Xăng bậy, tự xưng là Đại Thừa): Kẻ học pháp Đại Thừa ấy, cho rằng hết thấy các pháp như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, như chớp, đối với chuyện ăn thịt, uống rượu, lấy vợ, lập gia đình, tự nhận là chẳng có vấn đề gì, ta là Đại Thừa mà, không vướng, không mắc, [không cần câu nệ giới luật nữa]. Ăn thịt, uống rượu có sao đâu? Thân thể này vướng mắc, đây là nói tỷ dụ. Trong tâm kẻ đó ôm giữ tư tưởng Đoạn Kiến, vẫn cứ nói chính mình là Đại Thừa. “*Bất hộ tam nghiệp tội, hoại loạn chánh pháp*” (Chẳng ngăn ngừa tội lỗi nơi ba nghiệp, hoại loạn chánh pháp của ta): Đối với ba nghiệp thân, khẩu, ý, Thập Ác nghiệp, trọn chẳng ngăn ngừa tí nào, tạo nghiệp Thập Ác, phá hoại chánh pháp. Người ấy sau khi mạng chung, nhất định đọa vào ngục Vô Gián.

“*Cố ưng quán cơ thuyết, vật vị phi khí giả*” (Cho nên phải quán sát căn cơ mà nói pháp, đừng nói với kẻ chẳng phải là pháp khí): Đối với pháp Đại Thừa, quý vị phải xét xem người ấy có phải là pháp khí hay không, phải quán cơ! Khi chúng ta nói pháp, chúng ta chẳng thể quán cơ, chẳng biết mấy trăm năm hay bao nhiêu đại kiếp trước, kẻ đó đã tạo thiện căn nào, chẳng thể quán cơ. Làm như thế nào đây? Trước hết, phải sám hối. Trước tiên, hãy quán tưởng đây là Thích Ca Mâu Ni Phật nói, là đức Phật đang nói, chẳng phải ta đang nói. Mỗi khi hồi hướng, sám hối tội lỗi, nhất định phải kèm thêm một điều: “Con thuyết pháp sẽ được Phật gia trì, là Phật đến nói, chẳng phải là con nói”. Nhất định phải quán tưởng. Sau đó, sám hối tội lỗi, sám hối gì vậy? Đã nói sai, người ta chẳng đạt được lợi ích, nghe pháp mà vẫn chưa thể giải thoát, tức là ta có tội.



Người nói có tội, chẳng liên quan gì đến người nghe.

“*Kiêu ngạo vô từ bi, bạo ác, chí hạ liệt*” (Kiêu ngạo, chẳng từ bi; bạo ác, chí kém hèn): Rất kiêu ngạo, chẳng có tâm từ bi. Thuyết pháp cần phải trọn đủ tâm từ bi. Mục đích thuyết pháp là khiến cho người khác đạt được giải thoát, muốn người khác nghe rồi sẽ khai ngộ, tối thiểu là gieo thiện căn, nhất định phải trọn đủ! Nếu quý vị kiêu ngạo, lại chẳng có tâm từ bi, đây là khinh thường chúng sanh, chí hướng kém hèn. Do vậy, người có trí huệ phải nên biết, ôm giữ Đoạn Kiến là gì, như thế nào mới là ôm giữ Đoạn Kiến?

“*Kiêu ngạo vô từ bi, bạo ác chí hạ liệt, trí giả đương ưng tri, thị hoài Đoạn Kiến giả, phi Thanh Văn, Duyên Giác, diệc phi Đại Thừa khí, siểm hủy báng chư Phật, ất đọa Vô Gián ngục*” (Kiêu ngạo, chẳng từ bi, bạo ác, chí kém hèn, người trí hãy nên biết, kẻ ôm giữ Đoạn Kiến, chẳng phải là Thanh Văn hay Duyên Giác, mà cũng chẳng phải là pháp khí Đại Thừa. Kẻ đó siểm nịnh, hủy báng chư Phật, ất đọa địa ngục Vô Gián): Quý vị chẳng phải là Thanh Văn, Duyên Giác, mà cũng chẳng phải là Đại Thừa, tam thừa đều chẳng phải! Chỉ là kẻ nịnh hót ác quốc vương, nịnh nọt các đại thần, hủy báng Phật pháp, ất đọa vào địa ngục Vô Gián. Có các tể quan trong tâm họ chẳng muốn hủy báng Đại Thừa, nhưng vì thế lực của ác pháp, ác quốc vương bức bách, sai khiến họ, khiến cho họ chẳng thể không làm như vậy. Họ làm như vậy vì lợi ích, cầu an lạc trong đời hiện tại mà hủy báng, tố giác người khác. Do chỉ nghĩ đến lợi ích, vì lợi dưỡng, tội ấy bèn nặng nề!

“*Trì giới nhạo huyền não, xan pháp, úy khổ ác, trí giả ưng đương liễu, thị danh Thanh Văn Thừa*” [nghĩa là]: Người đó muốn trì giới, ất phải đến chỗ thanh tịnh, chỗ tịch tĩnh, chẳng dám ở nơi đô thị. Nếu huyền não, người đó chỉ sợ trì giới chẳng thành, mở mắt cũng phạm giới, tai nghe thấy cũng là âm nhạc tà ác, xem TV đều phạm giới, chỗ nào cũng đều là phạm giới! Làm thế nào đây? Đến chỗ không có dấu vết con người, xa lìa ồn náo. “*Xan pháp, úy khổ ác*” (Tiếc pháp, sợ khổ ác): Người ấy chẳng chịu thuyết pháp, sợ gì vậy? Sợ bị kẻ khác cảm nhiễm, sợ thuyết pháp sẽ thọ khổ. “*Trí giả ưng đương liễu*” (Người trí hãy nên biết rõ): Người có trí huệ sẽ biết Thanh Văn là như thế đó!

“*Nhạo thí, quán sanh diệt, thường hân độc tĩn xứ, trí giả ưng đương tri, thị danh Độc Giác Thừa*” (Thích bố thí, quán sanh diệt. Thường thích ở một mình nơi thanh vắng. Người trí hãy nên biết. Đó gọi là Độc Giác Thừa): Độc Giác Thừa cũng thích bố thí, quán pháp sanh diệt, hết thấy các pháp vô thường, quán sanh diệt là quán nhân duyên;

nhưng họ cũng thích tu tập một mình. Vì sao gọi là Độc Giác? Tĩnh tọa một mình, đó gọi là Độc Giác Thừa. “*Cụ túc chư thiện căn, thủ hộ từ bi bốn*” (Trọn đủ các thiện căn, thủ hộ gốc từ bi): Đây là tâm đại từ đại bi, thủ hộ từ bi. “*Thường nhạo nhiếp lợi vật, thị danh vi Đại Thừa*” (Thường thích nhiếp thọ, lợi lạc chúng sanh, đó gọi là Đại Thừa): Thường luôn hoan hỷ nhiếp thọ chúng sanh, dùng Tứ Nhiếp Pháp để lợi ích chúng sanh. “*Xả thân mạng hộ giới, bất não hại chúng sanh*” (Xả thân mạng để hộ trì giới, chẳng não hại chúng sanh): Thà xả thân mạng để hộ trì giới cấm của Phật. “*Tinh tấn cầu Không pháp, ưng tri thị Đại Thừa*” (Tinh tấn cầu pháp Không, nên biết đó là Đại Thừa): Cầu trí huệ Bát Nhã, do hết thấy các pháp hữu vi đều chẳng thể Không, bèn tu pháp vô vi, trọn chẳng não hại chúng sanh.

“*Tâm kham nhẫn chư pháp, thiện ngôn vô bí lận, ư pháp thường hân nhạo, ưng tri thị Đại Thừa*” (Tâm kham nhẫn các pháp, chẳng giấu tiếc lời lành, thường ưa thích các pháp, nên biết là Đại Thừa): Tâm kham nhẫn, “*nhẫn*” (忍) có nghĩa là “*thừa nhận*”, hết thấy các pháp đều thiện. Bồ Tát thì ngay cả pháp thế gian cũng chẳng xả. Chẳng có pháp thế gian, thì cũng chẳng có Phật pháp. Vì sao ta thuyết pháp thường dùng pháp thế gian để tỷ dụ? Pháp xuất thế gian thì chúng sanh sẽ chẳng tiến nhập được, bèn nói pháp thế gian cho họ, chúng sanh hiểu pháp thế gian, dùng pháp thế gian để hiển lộ pháp xuất thế gian, như thế thì họ sẽ có thể tiến nhập! Chớ nên keo tiếc. Pháp chẳng có bí mật, nói Phật pháp là bí mật thì là sai lầm. Phật pháp chẳng có bí mật, chẳng có một pháp nào không thể nói với chúng sanh, mà là đều có thể nói; nhưng nếu không đúng căn cơ thì đối với chúng sanh này là Mật, đối với chúng sanh khác sẽ là Hiển. Mật là Hiển, Hiển là Mật, phải hiểu đạo lý này. Trong hết thấy các giáo pháp do đức Phật đã nói, phải thường luôn sanh khởi tâm tin ưa, tâm hoan hỷ. Đây là Đại Thừa.

“*Pháp khí, phi pháp khí, lợi lạc tâm bình đẳng*” (Tâm bình đẳng lợi lạc pháp khí lẫn phi pháp khí): Không vì đây là pháp khí, hoặc chẳng phải pháp khí, người thông minh có đại đệ tử trí huệ bèn hết sức vui thú, đối với các đệ tử ngu si, hồ đồ, bèn sanh lòng ghét bỏ, thậm chí khinh thường. Đây chẳng phải là Bồ Tát. Pháp khí cũng thế, đối với họ bèn bình đẳng lợi lạc, mà phi pháp khí cũng thế, đều bình đẳng lợi lạc họ. Tâm bình đẳng lợi lạc chúng sanh. “*Bất nhiễm chư thế pháp*” (Chẳng nhiễm các pháp thế gian): Tuy chẳng đắm nhiễm các pháp thế gian, nói Bồ Tát làm hết thấy công đức mà chẳng có công đức. Vì sao chẳng có công đức? Họ chẳng đắm nhiễm tướng công đức. Đây là Đại Thừa.

“Thị có hữu trí giả, phổ kính thuyết tam thừa, bất nã ngã Tăng đồ, tốc thành Vô Thượng Giác” (Vì thế, người có trí huệ sẽ cung kính nói trọn khắp ba thừa, chẳng nã hại các đệ tử Tăng của ta, mau chóng thành Vô Thượng Giác): Đừng nã hại đệ tử của ta, đừng nã hại Tăng nhân phá giới!

*(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi, chân thiện Bà-la-môn, chân thiện tể quan, chân thiện cư sĩ, chân thiện trưởng giả, chân thiện sa-môn, chân thiện Phiệt-xá, chân thiện Thú-đạt-la, nhược nam, nhược nữ, thành tựu thập chủng Hữu Y Hạnh Luân. Ư hiện thân trung, tốc năng chủng thực Thanh Văn Thừa chủng, linh bất thoái thất, hoặc ư hiện thân thành Thanh Văn Thừa chư thánh pháp khí, phi Độc Giác Thừa, Đại Thừa thánh khí. Hà đẳng vi thập? Nhất giả, cụ túc tịnh tín, tín hữu nhất thiết thiện ác nghiệp quả. Nhị giả, cụ túc tâm quý, viễn ly nhất thiết ác hữu, ác kiến. Tam giả, an trụ luật nghi, viễn ly sát sanh, nãi chí ẩm tửu. Tứ giả, an trụ Từ tâm, viễn ly nhất thiết sân khuể, phân nã. Ngũ giả, an trụ bi tâm, cứu bạt nhất thiết luy nhược hữu tình. Lục giả, an trụ hỷ tâm, viễn ly nhất thiết ngữ tứ ác nghiệp. Thất giả, an trụ xả tâm, viễn ly nhất thiết xan tham, tật đố. Bát giả, cụ chánh quy y, viễn ly nhất thiết vọng chấp cát, hung, chung bất quy y tà thần, ngoại đạo. Cửu giả, cụ túc tinh tấn, kiên cố, dũng mãnh tu chư thiện pháp. Thập giả, thường nhạo tịch tĩnh, tư cầu pháp nghĩa, hoan duyệt vô quyện.*

(經)復次，善男子！若有真善剎帝利、真善婆羅門、真善宰官、真善居士、真善長者、真善沙門、真善筏舍、真善戍達羅，若男若女，成就十種有依行輪。於現身中，速能種植聲聞乘種，令不退失，或於現身成聲聞乘諸聖法器，非獨覺乘、大乘聖器。何等為十？一者、具足淨信，信有一切善惡業果。二者、具足慚愧，遠離一切惡友惡見。三者、安住律儀，遠離殺生乃至飲酒。四者、安住慈心，遠離一切瞋恚忿惱。五者、安住悲心，救拔一切羸弱有情。六者、安住喜心，離遠一切語四惡業。七者、安住舍心，遠離一切慳貪嫉妒。八者、具正歸依，遠離一切妄執吉凶，終不歸依邪神外道。九者、具足精進，堅固勇猛修諸善法。十者、常樂寂靜

，思求法義，歡悅無倦。

*(Kinh: Lại này thiện nam tử! Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi, chân thiện Bà-la-môn, chân thiện tể quan, chân thiện cư sĩ, chân thiện trưởng giả, chân thiện sa-môn, chân thiện Phiệt-xá, chân thiện Thú-đạt-la, dù nam hay nữ, thành tựu mười thứ Hữu Y Hạnh Luân, thì trong thân hiện tại sẽ có thể nhanh chóng gieo trồng chủng tử Thanh Văn Thừa chẳng thoái thất, hoặc là trong thân hiện tại, sẽ thành pháp khí của các địa vị thánh nhân trong Thanh Văn Thừa, chẳng phải là pháp khí của Độc Giác Thừa và Đại Thừa. Những gì là mười? Một là trọn đủ tịnh tín, tin có hết thấy nghiệp quả thiện và ác. Hai là trọn đủ hổ thẹn, xa lìa hết thấy bạn ác và ác kiến. Ba là an trụ luật nghi, xa lìa sát sanh, cho đến uống rượu. Bốn là an trụ từ tâm, xa lìa hết thấy sân khúe, phẫn não. Năm là an trụ bi tâm, cứu bạt hết thấy hữu tình suy yếu. Sáu là an trụ hỷ tâm, xa lìa hết thấy bốn ác nghiệp nơi lời ăn tiếng nói. Bảy là an trụ xả tâm, xa lìa hết thấy keo, tham, ghen ghét. Tám là có sự quy y chân chánh, xa lìa hết thấy chấp trước cát hung hư vọng, trọn chẳng quy y tà thần, ngoại đạo. Chín là trọn đủ tinh tấn, kiên cố, dùng mãnh tu các thiện pháp. Mười là thường ưa tịch tĩnh, suy nghĩ, tìm cầu pháp nghĩa, vui thích không mệt).*

Vô Y Hạnh Luân có mười món, Hữu Y Hạnh Luân cũng có mười món. Trong đời hiện tại, có thể nhanh chóng gieo trồng chủng tử Thanh Văn Thừa, khiến cho chủng tử ấy chẳng bị thoái thất, hoặc là trong đời hiện tại bèn thành tựu pháp khí của các địa vị thánh nhân trong Thanh Văn Thừa. Các địa vị thánh nhân chính là Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, và Tứ Quả, [nhưng người ấy] chẳng phải là pháp khí cho các địa vị thánh nhân trong Độc Giác và Đại Thừa, mà cũng chẳng phải là pháp khí của Độc Giác Thừa!

“*Hà đẳng vi thập? Nhất giả, cụ túc tịnh tín*” (Những gì là mười? Một là trọn đủ lòng tin thanh tịnh), tức là tin thiện ác nhân quả. “*Nhị giả, cụ túc tâm quý*” (Hai là trọn đủ hổ thẹn): Thường cảm thấy chính mình chưa đủ, [tức là] tu hành chẳng trọn đủ, nghe pháp cũng chẳng đủ, trí huệ cũng chẳng có. Đối với ác hữu, ác kiến, quý vị nhất định phải xa lìa. “*Tam giả, an trụ luật nghi*” (Ba là an trụ trong luật nghi): “*An trụ luật nghi*” là xa lìa sát sanh, cho đến uống rượu. Tối thiểu là an trụ trong Tam Quy, Ngũ Giới.

“*Tứ giả, an trụ Từ tâm*” (Bốn là an trụ trong Từ tâm): Phải có tâm

đại bi. “*Từ*” là mong dẹp trừ hết thảy đau khổ của chúng sanh. Thấy họ khổ chính là ta khổ, cũng là một loại tâm “*thay thế*”, tức mong thay họ chịu khổ. Trong nguyện hồi hướng thuộc mười đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, [Bồ Tát đã] nguyện vì chúng sanh chịu hết thảy các khổ nạn, khiến cho họ được giải thoát. Đây là tâm đại bi của Bồ Tát, xa lìa hết thảy sân khuê, phẫn hận, nã hại. Tiểu Thừa chỉ cần chính mình chẳng sân khuê, chẳng phẫn nã, chẳng nã hại chúng sanh. Từ tâm như thế là được rồi! Nhưng nay mười thiện luân này là Hữu Y Sở (有依所, có chỗ nương cậy để sanh khởi thiện căn, phước đức), được gọi là Hữu Y Luân (有依輪). Hữu Y Luân dựa trên Thập Luân, cả ba thừa đều có, tùy thuộc quý vị dùng cái tâm gì. Tâm Đại Thừa sẽ tín ngưỡng Đại Thừa, lòng từ bi rộng lớn. Lòng từ bi của Nhị Thừa chẳng rộng lớn bằng.

“*Ngũ giả, an trụ bi tâm*” (Năm là an trụ trong bi tâm): Cứu vớt chúng sanh suy yếu.

“*Lục giả, an trụ hỷ tâm*” (Sáu là an trụ trong hỷ tâm): Xa lìa hết thảy bốn ác nghiệp nơi lời ăn, tiếng nói. Lúc nói năng, chớ nên nói dối, chớ nên dối gạt người khác, chớ nên ăn nói thô ác tổn thương người khác. Cổ nhân nói: “*Lương ngôn nhất cú thâm Đông noãn*” (Một lời tốt lành khiến người nghe đầu trời Đông giá lạnh vẫn cảm thấy ấm áp): Nghe một lời tốt lành, trong lòng rất khoan khoái, rất an ủi, rất ấm áp. “*Ác ngữ thương nhân lục nguyệt hàn*” (Lời ác tổn thương người nghe, khiến họ rét buốt dù đang là tháng Sáu): Tháng Sáu nóng như vậy, một câu nói của quý vị tổn thương người ta như xối một thùng nước đá lên đầu người ta, lạnh run, sẽ tổn thương người ta, có ý nghĩa ấy! Đây là chuyên nói về ngữ nghiệp trong thập ác nghiệp. Chớ nên nói thêu dệt, nói lời vô ích đối với người khác. Những chuyện như tà ngữ, hoặc biểu diễn Tướng Thanh<sup>7</sup> đã tạo nghiệp rất nhiều.

---

<sup>7</sup> Tướng Thanh (相聲) có thể tạm hiểu như Tấu Hài của người Việt, nhưng phức tạp hơn. Hình thức biểu diễn này xuất hiện từ đời Thanh tại Bắc Kinh. Người biểu diễn được gọi là Tượng Sinh (像生). Thoạt đầu, các nghệ nhân mô phỏng ngôn ngữ và hành vi của người khác để châm biếm, chọc cười. Về sau, đơn giản là dùng kỹ năng chọc cười, bằng các biện pháp nhân nhá, châm biếm, hý lộng, tạo những nút thắt, và cách giải quyết thông minh để gây ngạc nhiên, tán thưởng cho khán thính giả, nên gọi là Khẩu Tướng Thanh. Người biểu diễn có thể là một hay nhiều người, có thể là đối đáp, khích bác lẫn nhau, tận dụng tối đa các hình thức chơi chữ, câu đối, điển tích, kèm theo hát xướng, ngâm thơ để tạo hiệu quả tốt hơn. Nghệ nhân phải thông hiểu kinh sách, điển cố để vận dụng linh hoạt, tạo hiệu ứng kinh ngạc, cảm thán cho

“*Thất giả, an trụ xả tâm*” (Bảy là an trụ trong tâm xả): Thường có cái tâm xả ly. Cái tâm xả ly ấy chính là tâm xả ly thể gian. Nếu Đại Thừa thì xả ly Nhị Thừa, còn [“xả ly” như chánh kinh đã nói thì là] xa lìa hết thảy keo kiệt, tham lam, ghen ty. Những điều này đều nói theo Nhị Thừa.

“*Bát giả, cụ chánh quy y*” (Tám là quy y chân chánh): Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng là “*chánh quy y*”. Xa lìa hết thảy chấp trước cát hung xằng bậy, trợn chẳng quy y tà thần, ngoại đạo.

“*Cửu giả, cụ túc tinh tấn, kiên cố, dũng mãnh, tu chư thiện pháp*” (Chín là trọn đủ tinh tấn, kiên cố, dũng mãnh, tu các pháp lành): Đối với Thập Thiện Nghiệp, chúng tôi nói một điều là chẳng ác ngữ. Quý vị vĩnh viễn chẳng nói ác ngữ, tức là nói lời tán dương, giữ vững một hạnh là được. Không chỉ là trong một đời, mà là vô lượng đời, đều giữ vững một hạnh.

“*Thập giả, thường nhạo tịch tĩnh, tư cầu pháp nghĩa*” (Mười là thường ưa tịch tĩnh, suy nghĩ, tìm cầu pháp nghĩa): Thường ưa thích tịch tĩnh; ở đây chính là cái tâm tịch tĩnh, chẳng phải là cầu hoàn cảnh tịch tĩnh. [Chỉ tìm cầu] hoàn cảnh tịch tĩnh thì vẫn chưa được? Mong ở trong núi để được tịch tĩnh ư? Trên núi vẫn chẳng tịch tĩnh! Một người tu đạo ở trong lều cỏ trên núi rừng, khi đang nhập Định, trong tâm rất tĩnh. Chim nhỏ ở bên ngoài kêu chao chác, ríu rít, người đó sanh khởi ác niệm: “Ta mai sau sẽ biến thành loại chim ung trọc đầu chuyên ăn thịt những con chim ấy”. Công đức của người ấy chuyển hướng toàn bộ. Một niệm sân tâm dậy, ác niệm nổi lên, trăm vạn cửa chướng mở, người đó liền đọa lạc, biến thành con chim ung đầu trọc (bald eagle), chuyên ăn thịt chim nhỏ. Ở trong núi rừng có tạo tội hay không? Ý niệm hết sức trọng yếu!

***(Kinh) Thiện nam tử! Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Thủ-đạt-la đấng, nhược nam, nhược nữ, thành thử thập chủng Hữu Y Hạnh Luân, u hiện thân trung, tốc năng chủng thanh Văn Thừa chủng, linh bất thoái thất.***

**(經) 善男子！若有真善剎帝利王，乃至真善成達羅等，若男若女，成此十種有依行輪，於現身中，速能種植聲聞乘**

---

người nghe, nhất là vận dụng điển cố kinh sách Nho gia theo kiểu hiểu lệch lạc, xuyên tạc ý nghĩa.

種，令不退失。

*(Kinh: Đây thiện nam tử! Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến chân thiện Thú-đạt-la v.v... dù nam hay nữ, thành tựu mười loại Hữu Y Hạnh Luân này, nơi thân hiện đời, có thể nhanh chóng gieo trồng chủng tử Thanh Văn Thừa, khiến cho chẳng thoái thất).*

Chúng tánh Thanh Văn Thừa ấy chẳng bị thoái thất, cũng có thể chứng đắc tất cả thánh pháp của Thanh Văn Thừa trong đời hiện tại. Mười loại Hữu Y Luân này được nói theo Thanh Văn Thừa. Vừa rồi [trong chánh kinh] có mấy câu nói trực tiếp về pháp khí thuộc các thánh vị (địa vị thánh nhân) trong Thanh Văn Thừa, chẳng phải là Độc Giác Thừa, chẳng phải là chứng pháp Đại Thừa, [bởi lẽ, do mười Hữu Y Luân trên đây sẽ] chẳng thể chứng đắc [pháp Đại Thừa được], mà [hành nhân] cũng chẳng trở thành pháp khí của Độc Giác và Đại Thừa.

*(Kinh) Hoặc ở hiện thân, chứng Thanh Văn Thừa sở hữu thánh pháp, thành Thanh Văn Thừa chư thánh pháp khí, phi chứng Độc Giác, Đại Thừa thánh pháp, phi thành Độc Giác, Đại Thừa thánh khí. Ứng tri thử trung Độc Giác, Đại Thừa, giai như thị thuyết. Thiện nam tử! Như thị thập chủng Hữu Y Hạnh Luân, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát, chư Phật Như Lai, giai đồng cộng hữu.*

(經)或於現身，證聲聞乘所有聖法，成聲聞乘諸聖法器，非證獨覺，大乘聖法，非成獨覺，大乘聖器。應知此中獨覺，大乘，皆如是說。善男子！如是十種有依行輪，一切聲聞、獨覺、菩薩、諸佛如來，皆同共有。

*(Kinh: Hoặc là trong thân hiện tại chứng đắc tất cả thánh pháp thuộc Thanh Văn Thừa, trở thành pháp khí của các địa vị thánh nhân thuộc Thanh Văn Thừa, chẳng chứng các thánh pháp thuộc Độc Giác hay Đại Thừa, chẳng phải là pháp khí cho các địa vị thánh nhân thuộc Độc Giác hay Đại Thừa. Hãy nên biết đối với Độc Giác và Đại Thừa ở trong ấy, đều nói như thế. Đây thiện nam tử! Mười loại Hữu Y Hạnh Luân như thế, hết thảy Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát, và chư Phật Như Lai đều cùng có).*

Ý nghĩa của đoạn kinh văn này hoàn toàn chẳng phải là nói đối ứng với Thanh Văn Thừa.

*(Kinh) Thiện nam tử! Phục hữu thập chủng Hữu Y Hạnh Luân, bất cộng Thanh Văn, duy dữ Độc Giác, Bồ Tát, Như Lai, giai đồng cộng hữu. Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, nãi chí chân thiện Thú-đạt-la đấng, nhược nam, nhược nữ, thành thử thập chủng Hữu Y Hạnh Luân, u hiện thân trung, tốc năng chủng thực Độc Giác Thừa chủng, linh bất thoái thất. Hoặc u hiện thân, chứng Độc Giác Thừa sở hữu thánh pháp, thành Độc Giác Thừa chư thánh pháp khí. Hà đấng vi thập? Nhất giả, tu hành thanh tịnh thân, ngữ, ý nghiệp. Nhị giả, cụ túc tâm quý, yếm hoạn tự thân. Tam giả, u Ngũ Thủ Uẩn, thâm sanh bố úy. Tứ giả, kiến sanh tử hà, cực vi nan độ. Ngũ giả, thường nhạo tịch tĩnh, ly chư hội náo. Lục giả, nhạo A Luyện Nhã, bất cơ tha thất. Thất giả, thủ hộ chư căn, tâm thường tịch định. Bát giả, thiện quán duyên khởi, thâm sát nhân quả. Cửu giả, thường nhạo cần tu Đẳng Trì, Tĩnh Lự. Thập giả, u tập khởi pháp, năng thiện trừ diệt.*

*(經)善男子！復有十種有依行輪，不共聲聞，唯與獨覺、菩薩、如來，皆同共有。若有真善剎帝利王，乃至真善成達羅等，若男若女，成此十種有依行輪，於現身中，速能種植獨覺乘種，令不退失。或於現身，證獨覺乘所有聖法，成獨覺乘諸聖法器。何等為十？一者、修行清淨身語意業。二者、具足慚愧。厭患自身。三者、於五取蘊，深生怖畏。四者、見生死河，極為難渡。五者、常樂寂靜，離諸憤鬧。六者、樂阿練若，不譏他失。七者、守護諸根，心常寂定。八者、善觀緣起，審察因果。九者、常樂勤修等持靜慮。十者、於集起法，能善除滅。*

*(Kinh: Này thiện nam tử! Lại có mười thứ Hữu Y Hạnh Luân chẳng chung với Thanh Văn, chỉ có Độc Giác, Bồ Tát, Như Lai là đều cùng chung có. Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương, cho đến chân thiện Thú-đạt-la v.v... dù nam hay nữ, thành tựu mười loại Hữu Y Hạnh Luân này, sẽ ngay trong thân hiện thời có thể mau chóng gieo trồng chủng tử Độc Giác Thừa khiến cho chẳng thoái thất. Hoặc là ngay trong thân hiện tại, chứng tất cả thánh pháp thuộc Độc Giác Thừa, trở thành các pháp khí thuộc thánh vị của Độc Giác Thừa. Những gì là mười? Một là tu hành thân, ngữ, ý nghiệp thanh tịnh. Hai là trọn đủ hổ thẹn, chán nhàm thân mình. Ba là sanh lòng sợ hãi sâu xa đối với Ngũ Thủ Uẩn.*



## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Kỳ – Quyển 2***

*Bốn là thấy sông sanh tử tội bậc khó vượt. Năm là thường thích tịch tĩnh, lià các ồn náo. Sáu là thích A Luyện Nhã, chẳng chê bai lỗi lầm của người khác. Bảy là thủ hộ các căn, tâm thường tịch định. Tám là khéo quán duyên khởi, xét kỹ nhân quả. Chín là thường thích siêng tu Đẳng Trì, Tĩnh Lự. Mười là đối với các pháp nhóm họp, dấy lên, có thể khéo trừ diệt).*

Phần trước nói về mười loại Hữu Y Hạnh của Thanh Văn Thừa; tiếp đó, [trong phần này] nói về Độc Giác Thừa. Hữu Y Hạnh Luân trong phần này chuyên nói về Độc Giác Thừa và Bồ Tát, thiên trọng Duyên Giác và Bồ Tát, khác với A La Hán. Mười thứ luân trong phần trước (các luân được nói trong phẩm thứ hai), Đại Thừa Bồ Tát và Độc Giác Thừa đều trọn đủ. Lại còn có mười loại Hữu Y Hạnh Luân mà Độc Giác Thừa, Bồ Tát, và Như Lai đều cùng trọn đủ. Nếu có quốc vương là bậc thiện thuận, cũng cầu pháp giải thoát, cho đến chủng tánh thấp nhất (Thú-đà-la) trong bốn loại chủng tánh, dù là nam hay nữ, nếu có thể thành tựu mười loại luân này, thì trong cuộc sống hiện thời, người ấy có thể gieo trồng chủng tánh Độc Giác Thừa khiến cho chẳng thoái thất, mà cũng nương vào Duyên Giác Thừa để nhập pháp, ngộ đạo. Đây là Trung Thừa.

Thanh Văn Thừa là Tiểu Thừa, Bồ Tát là Đại Thừa; hoặc là trong đời hiện tại, người ấy có thể chứng đắc, hoặc chẳng chứng đắc trong đời hiện tại, nhưng vị lai cũng sẽ chứng đắc. Gieo chủng tử sẽ thành pháp khí thánh nhân trong Độc Giác Thừa, [pháp khí] cũng tức là dụng cụ chứa đựng pháp. “*Hà đẳng vi thập?*” (Những gì là mười?): Mười loại luân nào vậy?

“*Nhất giả, tu hành thanh tịnh thân, ngữ, ý nghiệp*” (Một là tu hành thân, ngữ, ý nghiệp thanh tịnh): Thân nghiệp là chẳng có hành vi giết, trộm, dâm. Ngữ nghiệp là chẳng có hành vi “nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói thô ác”. Ý niệm chẳng dấy lên tham, sân, si. Đây gọi là “*thanh tịnh thân, ngữ, ý*”.

“*Nhị giả, cụ túc tâm quý, yếm hoạn tự thân*” (Hai là trọn đủ hồ thẹn, chán ghét tự thân): Luôn cảm thấy chính mình cách thánh đạo rất xa, chẳng thể thanh tịnh, chẳng thể giải thoát phiền não của thế gian, chán lià thân tâm của chính mình. Người đó chán nhàm thân tâm của chính mình, chẳng buông lung nơi ăn, mặc, cư xử.

“*Tam giả, ư Ngũ Thủ Uẩn, thâm sanh bố úy*” (Ba là sanh lòng sợ hãi Ngũ Thủ Uẩn sâu xa): Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, những điều ấy

gọi là Ngũ Thủ Uẩn. Do năm loại ấy, người ta sẽ giữ lấy điều ác, chẳng làm lành. Đối với Sắc pháp, cũng chính là đối với hết thảy các thứ hình sắc bèn tham cầu. Tâm pháp là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, bốn pháp ấy đều thuộc về tâm pháp. Đây là Hữu Y Luân thứ ba.

“*Tứ giả, kiến sanh tử hà, cực vi nan độ*” (Bốn là thấy sông sanh tử, tội bậc khó vượt): Khi người đó nương vào loại thứ tư này để quan sát, [đã nhận biết] biển khổ sanh tử rất khó vượt qua. Giống như chúng ta chìm nổi trong dòng sông sanh tử, chết đây, sanh kia, đã chết rồi lại sanh, sanh rồi lại chết. Nếu bắt tử, sẽ bắt sanh; nếu bắt sanh, sẽ bắt tử. Biển sanh tử ấy rất khó vượt qua, sẽ chìm đắm trong biển sanh tử!

“*Ngũ giả, thường nhạo tịch tĩnh, viễn ly hội náo*” (Năm là thường thích tịch tĩnh, xa các ồn náo): Kẻ đó thường mong cầu tịch tĩnh, tâm lia ồn ào, náo nhiệt, ở trong trần thế mà muốn tìm đến núi rừng, tìm đến chốn thanh nhàn.

“*Lục giả, nhạo A Luyện Nhã, bất cơ tha thất*” (Sáu là thích chốn A Luyện Nhã, chẳng chê gièm lỗi lầm của người khác): Vì phản đối sự ồn náo, người ấy mong mọi A Luyện Nhã (A Lan Nhã) tức là chỗ tịch tĩnh. Do vậy, đối với sai lầm của kẻ khác, người ấy không chê gièm, chẳng hủy báng, chẳng châm chích người khác!

“*Thất giả, thủ hộ chư căn, tâm thường tịch định*” (Bảy là gìn giữ, bảo vệ các căn, tâm thường tịch định): Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, phải thường luôn thủ hộ kỹ càng, đừng để phạm sai lầm. Tâm thường trụ trong vắng lặng, ở trong Định, chẳng phập phều, mà cũng chẳng hôn trầm.

“*Bát giả, thiện quán duyên khởi, thẩm sát nhân quả*” (Tám là khéo quán duyên khởi, xét kỹ nhân quả): Khởi tu như vậy, khéo quan sát duyên khởi của các pháp, nhưng vị này là Độc Giác, xuất sanh vào lúc chẳng có Phật tại thế, thì là Độc Giác. Khi có Phật xuất thế thì vị này gọi là Duyên Giác, nương vào mười hai nhân duyên để quán pháp mười hai nhân duyên, quán sự sanh khởi và tiêu mất của chúng. Vì sao một năm có bốn mùa? Vì sao cây cối Xuân sanh, Hạ trưởng, Thu giảm thiểu, Đông ẩn tàng? Quán các duyên khởi ấy. Vì lẽ nào mà chúng có thể sanh trưởng? Vì lẽ nào mà chúng tiêu mất? Quán hết thảy nhân quả báo ứng trong đời người, báo ứng thiện ác, nhân quả. Do nhân nào mà kết thành quả nào. Chúng ta gieo thiện nhân, tuyệt đối sẽ đắc thiện quả. Gieo ác nhân, quý vị tuyệt đối phải hứng chịu khổ báo. Quan sát vì sao người này khổ như vậy? Vì sao người kia có phước báo tốt đẹp dường ấy? [Nói] “*vì sao*” hàm ý quan sát. Nhìn vào điều người ấy đã làm, đã thực

hiện; điều ấy chỉ có thể nói theo đời hiện tại. Độc Giác Thừa nhập Định trong núi, có thể thấy tám vạn đại kiếp, có bao nhiêu chuyện trong vạn vạn năm, vạn ức năm. Từ trong Định, Ngài có thể thấy trong nhiều đời người ấy đã làm gì, đều có thể thấy rõ; nhưng Ngài có một khuyết điểm là chẳng độ chúng sanh, chẳng nói cho người khác biết!

“*Cửu giả, thường nhạo cần tu, Đẳng Trì, Tĩnh Lự*” (Chính là thường ưa thích siêng tu Đẳng Trì, Tĩnh Lự): Tĩnh Lự là Định, người ấy có thể bình đẳng duy trì, khiến cho Định chẳng mất. Định có nhiều loại, Định của người ấy là Đẳng Trì, chẳng hạn như tu đạo Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, bèn thường luôn siêng năng [hành trì], chẳng giải đãi!

“*Thập giả, u tập khởi pháp, năng thiện trừ diệt*”: “Tập” (集) có nghĩa là “tụ tập”. Khi bậc Độc Giác tu đạo, từ trong thân tâm, sanh khởi các thứ nhân. Đối với các nhân, Ngài có thể tiêu diệt, trừ diệt. Ác nhân nhất định phải tiêu diệt, thiện nhân phải khiến cho tăng trưởng.

***(Kinh) Thiện nam tử! Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Thú-đạt-la đẵng, nhược nam, nhược nữ, thành thử thập chủng Hữu Y Hạnh Luân. Ư hiện thân trung, tốc năng chủng thực Độc Giác Thừa chủng, linh bất thoái thất, hoặc u hiện thân, chứng Độc Giác Thừa sở hữu thánh pháp, thành Độc Giác Thừa chư thánh pháp khí. Thiện nam tử! Thị danh nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Hữu Y Hạnh Luân. Nhất thiết Thanh Văn, cập chư Độc Giác, y chỉ thử luân, tốc năng siêu độ tam hữu đại hải, tốc năng thú nhập Bát Niết Bàn thành.***

(經)善男子！若有真善剎帝利王，乃至真善戍達羅等，若男若女，成此十種有依行輪。於現身中，速能種植獨覺乘種，令不退失，或於現身，證獨覺乘所有聖法，成獨覺乘諸聖法器。善男子！是名一切聲聞、獨覺有依行輪。一切聲聞及諸獨覺，依止此輪，速能超渡三有大海，速能趣入般涅槃城。

***(Kinh:)*** *Này thiện nam tử! Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến chân thiện Thú-đạt-la v.v... dù nam hay nữ, thành tựu mười loại Hữu Y Hạnh Luân này, thì trong thân hiện tại, sẽ có thể mau chóng chứng tất cả thánh pháp thuộc Độc Giác Thừa, thành pháp khí cho các thánh vị trong Độc Giác Thừa. Này thiện nam tử! Đó gọi là Hữu Y Hạnh*

**Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2**

*Luân của hết thầy Thanh Văn và Độc Giác. Hết thầy Thanh Văn và các Độc Giác y chỉ luân này, sẽ có thể mau chóng vượt thoát biển cả tam hữu, có thể mau chóng tiến nhập tòa thành Bát Niết Bàn).*

“*Thiện nam tử*” là danh xưng đức Phật dùng để gọi Kim Cang Tạng Bồ Tát. Pháp này do Kim Cang Tạng Bồ Tát thỉnh vấn. Nếu có quốc vương tốt đẹp, cho đến bốn loại chúng tánh tốt lành, bất luận người ấy là nam hay nữ, nếu thành tựu mười loại Hữu Y Hạnh Luân này, trong khi người ấy tu hành, hoặc là trong cuộc sống, có thể tiêu diệt tội nghiệp và Hoặc (phiền não) của người ấy, có thể gieo trồng chúng tánh Độc Giác Thừa, khiến cho chúng tánh ấy chẳng bị thoái thất, đời này chưa thành tựu đạo quả Độc Giác Thừa, thì trong vị lai, sẽ có thể chứng đắc. Hoặc là trong đời này, có thể trở thành pháp khí của các địa vị thánh nhân, hoặc có thể chứng đắc [các địa vị ấy] trong đời này.

“*Thiện nam tử! Thị danh nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Hữu Y Hạnh Luân*” (Này thiện nam tử! Đó gọi là Hữu Y Hạnh Luân của hết thầy Thanh Văn và Độc Giác): Hết thầy Thanh Văn và các Độc Giác y chỉ luân này, sẽ có thể mau chóng vượt qua biển cả Tam Hữu (tam giới), có thể mau chóng tiến nhập thành Bát Niết Bàn, tức là có thể đạt tới địa vị bất sanh, bất tử, chứng đắc Niết Bàn. Niết Bàn ấy chẳng rốt ráo, chẳng phải là Niết Bàn rốt ráo của đức Phật, cho nên có sai biệt!

***(Kinh) Thiện nam tử! Hữu Y Hạnh Luân thị hà cú nghĩa? Ngôn Hữu Y giả, danh hữu chấp thủ, hữu ngã sở y, hữu sở nhiếp thọ, hữu sở hệ thuộc. Hạnh vị Uẩn Hạnh, Giới Hạnh, Xứ Hạnh, Hữu Hệ Thuộc Hạnh. Luân vị giáo thọ, giáo giới chi luân. Như Chuyển Luân Vương sở thừa xa luân, hoặc thủ hành luân. Như thị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, y chỉ thử luân, cầu Niết Bàn đạo. Cố thử nhị chủng phi Đại Thừa khí. Sở dĩ giả hà? Do bỉ y chỉ hạ liệt hạnh cố, phi Đại Thừa khí. Do bỉ chấp thủ tự chư Uẩn Hạnh, kinh bố, yếm hoạn, tự cầu giải thoát nhất thiết ưu khổ, bất cầu giải thoát nhất thiết hữu tình nhi tu hành cố, phi Đại Thừa khí. Do bỉ y chỉ tự chư Giới Hạnh, kinh bố, yếm hoạn, tự cầu giải thoát nhất thiết ưu khổ, bất cầu giải thoát nhất thiết hữu tình nhi tu hành cố, phi Đại Thừa khí. Do bỉ nhiếp thọ tự chư Xứ Hạnh, kinh bố, yếm hoạn, tự cầu giải thoát nhất thiết ưu khổ, bất cầu giải thoát nhất thiết hữu tình nhi tu hành cố, phi Đại Thừa khí. Do bỉ hệ thuộc hữu hệ thuộc hạnh, tự chư hữu tình, bất nhạo nhiếp thọ, vô hữu từ bi, hữu hệ thuộc cố, phi Đại Thừa khí. Do***

*bỉ quán tha cụ thọ chúng khổ, xả nhi bất cứu, dẫn vị tự thân cầu giải thoát cố, phi Đại Thừa khí. Do bỉ tự đoạn chư phiền não thủ, bất nhạo đoạn trừ nhất thiết hữu tình chư phiền não thủ, phi Đại Thừa khí. Do bỉ bất năng ngự Đại Thừa luân, thú Bồ Đề cố, phi Đại Thừa khí. Do bỉ bất năng tùy đại quang luân thú Bồ Đề cố, phi Đại Thừa khí. Do bỉ hỷ nhạo độc nhất vô lưỡng, nhập Niết Bàn thành nhi tu hành cố, phi Đại Thừa khí.*

(經)善男子！有依行輪是何句義？言有依者，名有執取、有所攝受、有所繫屬。行謂蘊行、界行、處行、有系屬行。輪謂教授教誡之輪，如轉輪王所乘車輪，或首行輪。如是一切聲聞、獨覺，依止此輪求涅槃道。故此二種非大乘器。所以者何？由彼依止下劣行故，非大乘器。由彼執取自諸蘊行，驚怖厭患，自求解脫一切憂苦，不求解脫一切有情而修行故，非大乘器。由彼依止自諸界行，驚怖厭患，自求解脫一切憂苦，不求解脫一切有情而修行故，非大乘器。由彼攝受自諸處行，驚怖厭患，自求解脫一切憂苦，不求解脫一切有情而修行故，非大乘器。由彼系屬有系屬行，於諸有情不樂攝受，無有慈悲，有系屬故，非大乘器。由彼觀他具受眾苦，舍而不救，但為自身求解脫故，非大乘器。由彼自斷諸煩惱首，不樂斷除一切有情諸煩惱首，非大乘器。由彼不能馭大乘輪趣菩提故，非大乘器。由彼不能隨大光輪趣菩提故，非大乘器。由彼喜樂獨一無侶，入涅槃城而修行故，非大乘器。

(*Kinh*: *Này thiện nam tử! Hữu Y Hạnh Luân là cú nghĩa như thế nào? Nói Hữu Y thì gọi là có chấp giữ, có cái để ngã nương tựa, có cái để nhiếp thọ, có cái hệ thuộc. Hạnh là Uẩn Hạnh, Giới Hạnh, Xứ Hạnh, Hữu Hệ Thuộc Hạnh. Luân là sự chuyển vận “răn dạy, truyền dạy”, như bánh xe (Luân Bảo) được Chuyển Luân Vương ngự lên, hoặc thủ hành luân (hành luân đứng đầu). Hết thầy Thanh Văn, Độc Giác như thế nương theo cái luân này để cầu đạo Niết Bàn. Do vậy, hai loại [căn khí] này chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Vì có sao vậy? Do họ y chỉ hạnh kém hèn, nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Do họ chấp giữ các Uẩn Hạnh của chính mình rồi sợ hãi, chán ghét, tự cầu giải thoát hết thầy ưu*

*khổ, chẳng cầu giải thoát hết thấy hữu tình mà tu hành, nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Do họ y chỉ các Giới Hạnh của chính mình để rồi sợ hãi, chán ghét, tự cầu giải thoát hết thấy ưu khổ, chẳng cầu giải thoát hết thấy hữu tình mà tu hành, cho nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Do họ nhiếp thọ các Xứ Hạnh của chính mình rồi sợ hãi, chán ghét, tự cầu giải thoát hết thấy ưu khổ, chẳng cầu giải thoát hết thấy hữu tình mà tu hành, nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Do họ bị trói buộc, phụ thuộc vào Hữu Hệ Thuộc Hạnh (hạnh có hệ thuộc), đối với các hữu tình chẳng thích nhiếp thọ, chẳng có lòng từ bi, do có hệ thuộc, cho nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Do họ quán kể khác chịu đủ mọi thứ khổ mà bỏ mặc chẳng cứu, chỉ vì cầu giải thoát cho chính mình, nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Do họ tự đoạn các phiền não đầu sỏ, chẳng thích đoạn trừ các phiền não đầu sỏ cho hết thấy hữu tình, nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Do họ chẳng thể cưỡi bánh xe Đại Thừa để tiến nhập Bồ Đề, nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Do họ chẳng thể nương theo đại quang luân tiến hướng Bồ Đề, nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Do họ vui thích đơn độc, không bè bạn, tiến nhập thành Niết Bàn để tu hành, cho nên chẳng phải là căn khí Đại Thừa.*

“Thiện nam tử! Hữu Y Hạnh Luân thị hà cú nghĩa?” (Này thiện nam tử! Hữu Y Hạnh Luân là cú nghĩa<sup>8</sup> như thế nào?): Danh cú ngôn ngữ ấy có ý nghĩa như thế nào? “Ngôn Hữu Y giả” (Nói là Hữu Y): Đối với từ ngữ Hữu Y Hạnh Luân, trước hết giảng về Hữu Y. Hữu Y là gì? Là “chấp thủ” (執取), tức là chấp trước lấy hay bỏ. Trước hết phải có Ngã, sau đó mới có pháp để ta “y” (nương dựa) vào, tức là cảnh. Pháp nào tốt đẹp bèn nhiếp thọ (攝受, thân tóm, nắm giữ), “hữu sở nhiếp thọ, hữu sở hệ thuộc” (có cái được nhiếp thọ, có cái trói buộc, phụ thuộc). Điều ấy được gọi là Hữu Y. Hữu Y là gì? Nương theo sự chấp trước, giữ lấy của người ấy, sẽ có Ngã (tức là cái Ta để làm chủ thể cho hành động nắm giữ). Hễ có Ngã, bèn có Ngã Sở (我所, cái thuộc về ta), Ngã Sở còn được gọi là Ngã Sở Y (我所依). Chẳng hạn như cuộc sống của chúng ta chẳng lìa khỏi ăn mặc, cư trú, đi lại. Mùa Đông lạnh lẽo, chúng ta cần phải giữ ấm, điều này gọi là Hữu Y trong cuộc sống. Chỉ vì chấp trước các thứ ấy, bèn tham luyến, [cho nên sẽ] có cái nhiếp thọ, có cái hệ thuộc. Các thứ ấy trói buộc, khiến cho quý vị chẳng thể thoát ly được.

---

<sup>8</sup> Theo Phật Học Từ Điển của Đinh Phước Bảo, Cú Nghĩa là giải thích ý nghĩa, nghĩa lý của từng câu.

Giải thích đơn giản về chữ “*Hạnh*”. Trong Hữu Y Hạnh, Hạnh là gì? [Hạnh bao gồm] Uẩn Hạnh, Giới Hạnh, Xứ Hạnh, Hữu Hệ Thuộc Hạnh. Uẩn (蘊) là Ngũ Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Năm loại ấy thường xuyên vận động không ngừng, đó là Hạnh. “*Hạnh*” có nghĩa là “*vận động*”, thường xuyên không ngừng vận động. Hết thấy các sự là cảnh, kể cả thân thể của quý vị. Thân thể của quý vị do bốn đại chủng (Địa, Thủy, Hỏa, Phong) hợp thành, hết thấy động tác nơi thân thể đều chẳng rời Ngũ Uẩn.

Thọ (受) có nghĩa là “*tiếp nhận*”. Cảnh giới bên ngoài đã chẳng có, nhưng nội tâm lãnh nạp cảnh giới từ Pháp Trần của chính mình, cùng nó tiếp xúc; đó là Uẩn Hạnh. Giới là mười tám giới. Mười tám giới bao gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý (đó là lục căn, 六根), Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp (đây gọi là lục trần, 六塵), Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý Thức (gọi là lục thức, 六識). Sáu căn, sáu trần, sáu thức, ba loại ấy gộp chung lại, ba nhân sáu thành mười tám. “*Giới*” (界) nghĩa là mỗi pháp đều có phạm vi, có giới hạn của nó. Xứ (處) là mười hai chỗ, tức mắt quán sắc, tai nghe tiếng, lưỡi biết vị, thức thân nhiếp pháp. Mỗi cảnh giới [bao gồm] sáu trần tiếp xúc với sáu thức, đó gọi là Thập Nhị Xứ. Trần và Thức tiếp xúc với Căn, tức lục căn. Lục căn và lục trần tiếp xúc, đó là chỗ Thức hoạt động.

Hữu Hệ Thuộc là gì? Có nghĩa là “*trói buộc*”. Lại có Vô Hệ Thuộc Hạnh, tức là đã giải thoát thì không hệ thuộc. Trong mỗi hạnh, lại có rất nhiều “*quyến thuộc*” phụ thuộc. Nói tới sắc ngoài thân, giống như thân thể của chúng ta vốn thuộc vào chính mình, nhưng các sắc ở ngoài thân chúng ta thì chính là [đối tượng] để chúng ta thọ dụng. Có những thứ là hệ thuộc, có những thứ là chán lia. Tức là những sắc nào quý vị không ưa thích bèn chán lia nó, thuộc loại yêu, ghét. Hễ yêu thích bèn mong giữ làm thứ của riêng mình; hễ chán ghét bèn mong thoát khỏi nó. Đây là “*có hệ thuộc*”; điều này được gọi là Hữu Y Hạnh.

Luân là “*giáo thọ, giáo giới chi luân*” [nghĩa là] đức Phật thuyết pháp cho chúng ta, dạy bảo, răn dạy chúng ta phải nên làm như thế nào. Điều này giống như cái bánh xe (Luân Bảo) mà Chuyển Luân Thánh Vương ngự lên [để bay khắp bốn bộ châu], cũng giống như chúng ta ngồi xe hơi, nó có thể vận chuyển chúng ta. Nhưng Luân có công năng nghiền nát. Hễ dưới bánh xe có chướng ngại chi đó, hễ là thứ nhỏ thì nó có thể nghiền nát. Hết thấy Thanh Văn và Độc Giác nương vào Hữu Y Hạnh Luân, sẽ có thể chứng đắc Niết Bàn đạo.

“*Hoặc thủ hành luân*” nghĩa là gì? “*Thủ*” (首) có nghĩa là “*đầu*”, tức là đoạn phiền não. Đây là chặt đầu phiền não, đoạn dứt các phiền não, khéo cầu đắc Niết Bàn. Hai loại [Hữu Y Hạnh Luân] này thuộc về Thanh Văn và Duyên Giác. Kinh vốn chỉ nói về Độc Giác; ở đây, đã đem Thanh Văn trong phần trước nói gộp chung lại. Người hành Hữu Y Hạnh Luân này chẳng phải là pháp khí Đại Thừa, chẳng phải là Bồ Tát, chẳng phải là dụng cụ chứa đựng Đại Thừa, mà là Tiểu Thừa. Khí lượng của họ chỉ to chừng ấy. Vì sao nói như vậy? “*Do bỉ y chỉ tự chư Giới Hạnh, kinh bố, yếm hoạn*” (Do họ y chỉ các Giới Hạnh của chính mình bèn sợ hãi, chán ghét): Người ấy y chỉ Hữu Y Hạnh Luân, chỉ nghĩ đến chính mình, chẳng mong để cho các thứ khổ, lạc trôi buộc mình, chẳng muốn để cho các thứ đau khổ ràng buộc mình. Đối với sanh, lão, bệnh, tử, yêu thương phải chia lìa, oán ghét phải gặp gỡ, cầu chẳng được, người ấy rất kinh sợ, chán ghét các khổ nạn ấy. Đặc biệt là bệnh, rất chán ghét bệnh. Lại còn “*câu chẳng được*”, quý vị mong cầu mà chẳng đạt được, muốn buông bỏ lại bỏ chẳng nổi! Yêu thương phải chia lìa, oán ghét phải gặp gỡ, người ấy muốn giải thoát các nỗi ưu khổ ấy, nhưng chỉ cầu mong giải thoát cho chính mình. “*Bất cầu giải thoát nhất thiết hữu tình nhi tu hành*” (Chẳng cầu giải thoát cho hết thảy hữu tình mà tu hành): Người ấy vì giải thoát chính mình mà tu hành, chẳng phải vì hết thảy hữu tình mà xuất ly.

“*Phi Đại Thừa khí*” (Chẳng phải là pháp khí Đại Thừa), chẳng thuộc về Bồ Tát Thừa, chẳng phải là pháp khí của Đại Thừa. Người ấy hệ thuộc Hành, Uẩn, Giới, Xứ, mong đoạn diệt chúng. Kẻ ấy chẳng màng hết thảy hữu tình ưu khổ. Thấy hết thảy hữu tình chịu thống khổ, người ấy đều chẳng cứu độ, cho nên phải đến ở nơi tịch tĩnh, thậm chí xa cách mọi người. Người ấy “*bất cầu giải thoát nhất thiết hữu tình nhi tu hành*” (chẳng cầu giải thoát hết thảy hữu tình mà tu hành), cho nên nói người ấy “*phi Đại Thừa khí, do bỉ hệ thuộc Hữu Hệ Thuộc Hạnh*” (chẳng phải căn khí Đại Thừa, do người ấy phụ thuộc hạnh có hệ thuộc): Sự hệ thuộc này liên quan đến duyên niệm, tức là sự tin ưa của người ấy có hệ thuộc, vì đối với điều gì người ấy không tin ưa, sẽ bài xích. “*Chẳng hệ thuộc*” thì đối với các chúng sanh khác, họ chẳng nhiếp thọ, chẳng chịu giáo dục họ, chẳng chịu giúp đỡ người khác khiến cho họ thoát lìa đau khổ. “*Vô hữu từ bi*” (Chẳng có lòng từ bi), vì sao? Người ấy chỉ cầu chính mình giải thoát khỏi ưu khổ, đó gọi là “*có hệ thuộc*”, bị trôi buộc, “*chẳng phải là căn khí Đại Thừa*”.



“Do bị quán tha cụ thọ chúng khổ, xả nhi bất cứu” [nghĩa là] người ấy thấy hết thấy chúng sanh chịu đựng rất nhiều khổ nạn, nhưng chẳng cứu độ, mà cũng chẳng chịu thuyết pháp hồng lợi ích chúng sanh, chỉ cầu tự liễu thoát. Do chẳng muốn ở trong trần thế, cho nên “phi Đại Thừa khí” (chẳng phải căn khí Đại Thừa). Do người ấy tự mình “đoạn phiền não thủ”. “Thủ” (首) là hình dung từ, [“đoạn phiền não thủ”] là chặt đầu phiền não, chặt đứt phiền não, đoạn sạch phiền não.

“Bất nhạo đoạn trừ nhất thiết hữu tình chư phiền não thủ” (Chẳng thích đoạn trừ hết thấy đầu mọi phiền não cho hết thấy hữu tình): Chẳng chịu đoạn phiền não cho các chúng sanh, mà cũng chẳng chịu giúp đỡ chúng sanh, không thuyết pháp nhằm lợi lạc người khác. Vì thế, chúng tôi nói “niệm kinh, trì chú, lễ bái, phát nguyện đều hồi hướng cho hết thấy chúng sanh”; đây là Bồ Tát.

Hàng Thanh Văn Nhị Thừa làm gì? Họ chỉ hồi hướng cho chính mình, trọn chẳng nghĩ tới chúng sanh, cho đến lục thân quyền thuộc của chính mình, họ cũng chẳng độ. Do vậy, mọi người cho rằng người xuất gia vô tình, tu hành ắt phải giống như cục gỗ, giống như tảng đá; nhưng điều này chẳng đúng. Họ không chịu cứu độ chúng sanh, thấy chết mà chẳng cứu, dầu chúng sanh đang ở trong biển khổ sanh tử. Họ đã thành đạo, chẳng hạn như đạt được sáu loại thần thông, đắc Lưu Tận Thông, phải nên thuyết pháp cho chúng sanh, nhưng họ không chịu, tự mình trụ trong Thiền Định hưởng thụ vui sướng. Do vậy, họ chẳng phải là căn khí Đại Thừa.

“Bất năng ngự Đại Thừa luân, thú Bồ Đề đạo” (Chẳng thể ngự trên bánh xe Đại Thừa để tiến hướng Bồ Đề đạo): Chẳng thể điều khiển Đại Thừa luân. “Luân” có nghĩa là nghiền nát. Đại Thừa luân cũng có công năng chuyên chở. Đại Thừa luân vận chuyển [hành nhân] tiến vào Đại Thừa, Đại Thừa thì phải lợi ích chúng sanh. Do vậy, cảnh giới tự chứng của Đại Thừa và Tiểu Thừa đại khái đều giống nhau, nhưng một đằng là chịu đem cảnh giới do chính mình tự chứng bố thí chúng sanh, một đằng là chẳng chịu bố thí, sợ rơi vào hầm phiền não. Họ tự độ mình còn chưa xong, đối với chuyện độ người khác họ chẳng dám léo hánh! Họ “bất năng tùy đại quang luân thú” (chẳng thể theo đại quang luân để tiến nhập): “Đại quang luân” là trí huệ, có nghĩa là Bát Nhã. Hàng Độc Giác Thừa và hàng Thanh Văn Thừa chẳng thể nương theo đại quang luân để tiến nhập Bồ Đề đạo, hồng đạt tới Niết Bàn rốt ráo, chứng quả. Cho nên “chẳng phải là căn khí Đại Thừa”.

Độc Giác Thừa rất cô độc, họ cũng chẳng kết hợp với đạo hữu.

Độc Giác là như thế nào? Họ tự mình tĩnh tu, quán tướng sanh diệt của hết thấy các pháp. Từ trong tướng sanh diệt, tìm ra lý bất sanh bất diệt, đã tìm được cái “*chẳng sanh diệt*” thì sanh trụ dị sẽ diệt. Do vậy, bảo họ chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Trong phần trên, chúng ta đã nói đến hai loại Thập Y Luân, tức Thập Hữu Y Luân, một đảng là Thanh Văn, một đảng là Độc Giác. Các pháp ấy có phải là tốt đẹp hay không? Có phải là pháp để chúng ta trực tiếp tiến hướng Đại Thừa hay chẳng?

*(Kinh) Thiện nam tử! Hữu chư chúng sanh, u Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa pháp, vị tác cù lao, chánh cần tu học, như thị chúng sanh, căn cơ vị thực, căn cơ hạ liệt, tinh tấn vi thiếu. Nhược hữu vị thuyết vi diệu, thậm thâm Đại Thừa chánh pháp, thuyết thính nhị nhân, câu hoạch đại tội, diệc vi vi nghịch nhất thiết chư Phật. Sở dĩ giả hà? Nhược chư chúng sanh u Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa pháp, vị tác cù lao, chánh cần tu học, căn cơ vị thực, căn cơ hạ liệt, tinh tấn vi thiếu, nhi tiện thính thọ vi diệu, thậm thâm Đại Thừa chánh pháp. Như thị chúng sanh thật thị ngu si, tự vị thông duệ, hãm đoạn diệt biên, trụ diên cuồng tưởng, chấp vô nhân luận. Ư chư nghiệp quả, sanh đoạn diệt tướng, bát vô nhất thiết thiện tác, ác tác, vọng thuyết Đại Thừa, hoại loạn ngã pháp, phi pháp thuyết pháp, pháp thuyết phi pháp. Thật phi sa-môn, thuyết thị sa-môn; thật thị sa-môn, thuyết phi sa-môn; thật phi Tỳ Nại Da, thuyết thị Tỳ Nại Da; thật thị Tỳ Nại Da, thuyết phi Tỳ Nại Da.*

(經)善男子！有諸眾生，於聲聞乘、獨覺乘法，未作劬勞正勤修學，如是眾生根機未熟，根機下劣，精進微少。若有為說微妙甚深大乘法，說聽二人俱獲大罪，亦為違逆一切諸佛。所以者何？若諸眾生，於聲聞乘、獨覺乘法，未作劬勞正勤修學，根機未熟，根機下劣，精進微少，而便聽受微妙甚深大乘法。如是眾生實是愚癡，自謂聰睿陷斷滅邊，墜顛狂想執無因論。於諸業果生斷滅想，撥無一切善作、惡作，妄說大乘，壞亂我法，非法說法，法說非法。實非沙門，說是沙門；實是沙門，說非沙門；實非毗奈耶，說是毗奈耶；實是毗奈耶，說非毗奈耶。

*(Kinh: Này thiện nam tử! Có các chúng sanh đối với pháp Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa, chưa nhọc nhằn, siêng năng chánh đáng*

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Kỳ – Quyển 2***

*tu học. Hạng chúng sanh như thế, căn cơ chưa chín muồi, căn cơ kém hèn, tinh tấn ít ỏi. Nếu có người vì kẻ ấy nói chánh pháp Đại Thừa vi diệu rất sâu, người nói lẫn kẻ nghe đều mắc tội lớn, mà cũng là trái nghịch hết thấy chư Phật. Vì có sao vậy? Nếu các chúng sanh đối với pháp Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa chưa vất vả, siêng năng chánh đáng tu học, căn cơ chưa chín muồi, căn cơ kém hèn, tinh tấn ít ỏi, mà liền nghe nhận chánh pháp Đại Thừa vi diệu rất sâu, chúng sanh như thế thật là ngu si, tự cho là thông tuệ, bị hãm trong đoạn diệt, rơi vào suy tưởng điên cuồng, chấp trước luận thuyết “không có cái nhân”, đối với các nghiệp quả, sanh ý tưởng đoạn diệt, bài bác “không có hết thấy chuyện làm lành hay làm ác”, xằng bậy nói Đại Thừa, hoại loạn pháp của ta, phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, Thật sự chẳng phải là sa-môn mà nói là sa-môn, thật sự là sa-môn mà nói là chẳng phải sa-môn, thật sự chẳng phải là Tỳ Nại Da mà nói là Tỳ Nại Da, thật sự là Tỳ Nại Da mà nói chẳng phải là Tỳ Nại Da).*

Đức Phật nói về cách dạy bảo sai lầm [của các vị giảng sư]: Nếu khi [người nghe] còn chưa biết đi, mà đã bảo họ chạy, [người nghe] sẽ bị vấp ngã. Do vậy, có các chúng sanh chưa từng đổ công dốc sức nơi Khổ, Tập, Diệt, Đạo, và mười hai nhân duyên, “*vị tác cù lao*” (chưa từng vất vả), tức là chưa hề đổ công dốc sức, chẳng khéo dụng công tu hành. Pháp ấy chưa tu thành, căn khí Đại Thừa vẫn chưa chín muồi. Chúng sanh như thế chưa tu pháp Nhị Thừa, mà trực tiếp học pháp Đại Thừa, sẽ chẳng thể được!

“*Căn cơ hạ liệt, tinh tấn vi thiếu*” (Căn cơ hèn kém, tinh tấn ít ỏi): Nếu đời này chẳng nghe pháp Đại Thừa, kẻ đó sẽ sanh khởi hủy báng. Căn cơ chưa chín muồi, kẻ ấy căn cơ kém cỏi. Lại còn cái tâm tinh tấn tu đạo rất ít, mà cũng chẳng chịu tinh tấn, cứ giải đãi, tham đắm ngũ dục thế gian. Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ chính là năm cội rễ của địa ngục. Kẻ đó tham cầu cảnh giới ngũ dục, ăn, ở, ngủ nghỉ chiếm rất nhiều thời gian trong một ngày. Chúng ta nghĩ xem: Bận bịu vì cái ăn, cái mặc, đã mệt nhoài thì phải ngủ nghỉ. Hai mươi bốn tiếng đồng hồ trong một ngày trôi qua, quý vị còn được bao nhiêu thời gian để học đạo? Còn như niệm kinh, chúng ta tu tập cách niệm kinh, giữa người tại gia và kẻ xuất gia. đương nhiên là chẳng thể so sánh được! Người xuất gia tu hành năm tiếng đồng hồ là quá ít! Trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, quý vị chỉ tu năm tiếng đồng hồ, mười chín tiếng đồng hồ còn lại quý vị làm gì? Ngủ nghỉ chiếm thời gian rất nhiều. Trong một đời người,

ngủ nghề chiếm thời gian quá nhiều. Có những kẻ ngủ tám tiếng đồng hồ, vẫn cho là không đủ!

Nay chúng ta bái sám, kể cả bái sám thánh hiệu lần tĩnh tọa, cũng chỉ một tiếng đồng hồ là xong, mọi người bèn tán gẫu. Đương nhiên tán gẫu thì cũng là bàn luận Phật pháp. Bàn gì đi nữa, thì cũng phải bận bịu ăn uống. Từ mười giờ rưỡi đến mười một giờ rưỡi, suốt một tiếng đồng hồ, sau đó là nghỉ ngơi một chặp, gần như một tiếng đồng hồ, thế là hai tiếng đồng hồ tùy tiện trôi đi! Thức dậy lại bận bịu chuyện nhà. Nếu quý vị sắp xếp thời gian, quả thật là [thời gian] tinh tấn rất ít! Người như vậy mà giảng cho họ chánh pháp Đại Thừa vi tế rất sâu, khiến cho họ nhập quán, khiến cho họ tham cứu, khiến cho họ tu hành, lãnh hội, sẽ chẳng thể được! Kẻ nói lẫn người nghe đều mắc tội lớn! Vì sao? Người nói chẳng biết căn cơ, người nghe sẽ có thể sanh khởi tội báng pháp. Làm như thế là đã trái nghịch hết thủy chư Phật, chẳng phù hợp lời dạy của chư Phật. Từ Tiểu Thừa đến Đại Thừa, quý vị trước hết cần biết thế gian này là khổ, nỗi khổ ấy do đâu mà có? Do chúng ta tạo nghiệp, tức là Tập (集, nhóm họp các nghiệp). Khổ và Tập là nhân quả thế gian. Diệt, Đạo: Phải biết tịch diệt là vui sướng, là thành tựu. Quý vị phải biết, phải quan sát, đây là tu Đạo hòng chứng Niết Bàn, là nhân quả xuất thế gian. Đó là hai tầng nhân quả. Nói theo Tiểu Thừa, pháp này vốn là pháp Tứ Đế, là Tiểu Thừa, nhưng do người ấy lợi ích chúng sanh, cho nên gọi là Đại Thừa. Không chỉ là chính mình phải tu đạo, chứng Niết Bàn, chính mình chẳng tạo nghiệp nữa, chẳng còn thọ khổ quả, [mà còn phải] khiến cho chúng sanh đều biết. Đây là Đại Thừa.

Pháp chẳng có lớn hay nhỏ, quý vị chính là người thọ pháp. Quý vị nghe Đại Thừa nói “*các pháp là Không, nhân quả thiện ác chẳng tồn tại, căn bản là chẳng có*”, [nếu không liễu giải], quý vị sẽ đọa nhập Đoạn Diệt Không. Vậy thì sẽ thuận theo cảnh giới ngũ dục, phương diện này dường như đã trống không, phương diện kia xác thực hoàn toàn chẳng không. Do vậy, nói pháp Đại Thừa thì sợ rằng kẻ đó [nghe xong], sẽ rơi vào Đoạn Kiến, cũng chẳng rơi vào Thường Kiến. Nếu coi Niết Bàn là Thường Kiến, coi nghĩa Không là Đoạn Kiến; đó là sai lầm!

Do vậy, có một hạng chúng sanh, chưa hề chánh thức tu Thanh Văn hay Độc Giác Thừa, chẳng hề dụng công, chẳng nhọc nhằn tu tập, chẳng tinh tấn, căn cơ còn chưa chín muồi. “*Căn cơ hạ liệt*” (Căn cơ kém hèn), chỉ có tinh tấn đôi chút, đừng tới nghe nhận chánh pháp Đại Thừa rất sâu. Nhưng kẻ đó cho rằng chính mình là căn khí Đại Thừa, tự cho mình là thông tuệ, có trí huệ, nhưng [nghe xong] chỉ hãm vào Đoạn

Diệt, tức là Đoạn Kiến. Đoạn Kiến là kẻ đó nói đến Không, [làm tướng] “hết thấy các pháp đều Không, vậy thì có gì là khổ hay lạc để đạt được nữa? Trên thực tế, chúng vốn chẳng có mà!” Khi chúng tôi giảng kinh Chiêm Sát, nửa quyển hạ là nói “*hai bên (Có và Không) đều chẳng lập*”, nhưng kẻ đó rơi vào phía Đoạn Kiến. Do tham đắm cảnh giới ngũ dục, kẻ đó rất tinh tấn, nhưng đối với chuyện tu Lục Ba La Mật, kẻ đó rất giải đãi, tinh tấn ít ỏi. Như thế là rơi vào “*điên cuồng tưởng*”.

“*Chấp vô nhân luận*” (Chấp vào luận thuyết “chẳng có cái nhân”) tức là chẳng tin nhân quả. Đối với hết thấy nghiệp quả, làm ác nghiệp sẽ mắc khổ báo, làm thiện nghiệp sẽ được thiện báo, sanh lên trời hưởng thụ vui sướng, cho đến thành đạo. Kẻ chẳng tin nhân quả, bèn sanh khởi suy tưởng đoạn diệt, bài bác hết thấy chuyện làm lành, làm ác, hư vọng tự xưng là Đại Thừa. Kẻ đó học Đại Thừa, coi pháp Đại Thừa là Đoạn Diệt Tướng, vương nơi Không, chấp trước Không, coi hết thấy chuyện làm lành, làm ác, làm chuyện xấu, làm chuyện tốt của Phật pháp đều giống y hết như nhau [vì hiểu lầm ý chỉ] “Đại Thừa luôn nói bình đẳng, diệt cả hai bên”. Trong kinh Duy Ma Cật, Văn Thù Bồ Tát hỏi cư sĩ Duy Ma Cật: “*Giới, Định, Huệ là như thế nào?*” Cư sĩ Duy Ma Cật đáp: “*Dâm, nộ, si*”. Đây có nghĩa là gì? Dâm, nộ, si chẳng có thật thể. Giới, Định, Huệ cũng chẳng có thật thể, cùng là bản thể của Pháp Thân, cũng là bản thể của pháp tánh. “*Đáp*” chính là đối ứng. Vị này nói nửa này, vị kia nói nửa kia, chẳng có thiện hay ác. Giả sử quý vị chẳng tu hành Khổ, Tập, Diệt, Đạo, lại chứng đắc nghĩa Không ấy, sẽ rơi vào Đoạn Diệt Không, sẽ bài bác là “chẳng có nhân quả!” Bài bác chẳng có nhân quả, phá hoại, rối loạn pháp của Phật, rốt cuộc đối với Phật pháp bèn nói đúng thành sai! Dâm, nộ, si là phi pháp, kẻ đó nói là đúng, nói chánh pháp thành phi pháp, phi pháp nói thành chánh pháp!

“*Hoại loạn ngã pháp*” (Phá hoại, rối loạn pháp của ta): Vốn chẳng phải là Phật pháp, kẻ đó lại nói là Phật pháp. Vốn là Phật pháp, kẻ đó lại nói “chẳng phải là Phật pháp”. Vốn chẳng phải là người xuất gia, chẳng phải là sa-môn thật sự, lại nói là sa-môn. Đối với sa-môn thật sự, bèn nói chẳng phải là sa-môn. Đây là điên đảo. Thật sự chẳng phải là Tỳ Nại Da, tức chẳng phải giới luật, như đối với Phật pháp tại Đông Độ, các quy củ trong chùa miếu chẳng phải là giới luật, mà là do tổ sư quy định. Những điều ấy được gọi là Thanh Quy (清規), lại nói đó là giới luật. Do vậy, [có kẻ làm lạc chủ trương] chẳng học giới luật do đức Phật truyền lại, học kỹ Thanh Quy là được rồi. Đây đều là “*pháp nói là phi pháp*”, thật sự chẳng phải là Tỳ Nại Da lại nói là Tỳ Nại Da, thật sự là Tỳ Nại

Da lại bảo chẳng phải là Tỳ Nại Da.

*(Kinh) Ngu si, điên đảo, kiêu mạn, tật đố, bằng đảng chi tâm, u Đại Thừa pháp xung tán, ủng vệ, linh quảng lưu bố. Ư Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa pháp, báng hủy, chướng tế, bất linh lưu bố, bất năng như thật y Thanh Văn Thừa, hoặc Độc Giác Thừa, hoặc Vô Thượng Thừa xả tục, xuất gia, thọ Cụ Túc Giới, thành bất-sô tánh, diệc bất như thật tu tập nhất thiết thiện pháp nhân duyên. Ư ngã đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, vị cần tu hành Học, Vô Học hạnh, nãi chí chứng đắc tối hậu cực quả chân thiện dị sanh, trì giới, phá giới, vô giới giả sử, chủng chủng hủy mạ, ha trách, não loạn, đoạt kỳ y bát, bất thính thọ dụng chư tư sanh cụ, hệ phược, cấm bế.*

(經)愚癡顛倒、憍慢、嫉妒、朋黨之心，於大乘法，稱讚擁衛，令廣流佈。於聲聞乘、獨覺乘法，謗毀障蔽，不令流佈，不能如實依聲聞乘，或獨覺乘，或無上乘，舍俗出家，受具足戒，成苾芻性，亦不如實修集一切善法因緣。於我弟子，或是法器，或非法器，謂勤修行學無學行，乃至證得最後極果真善異生，持戒、破戒、無戒者所，種種毀罵，呵嘖惱亂，奪其衣鉢，不聽受用諸資生具繫縛禁閉。

*(Kinh: Tâm ngu si, điên đảo, kiêu căng, ngạo mạn, ghen tỵ, bè đảng. Đối với pháp Đại Thừa, bèn xung dương, tán thán, ủng hộ, bảo vệ, khiến được lưu truyền rộng rãi. Đối với pháp thuộc Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa, bèn hủy báng, chướng lấp, chẳng cho lưu truyền. Chẳng thể như thật nương theo Thanh Văn Thừa, hoặc Độc Giác Thừa, hoặc Vô Thượng Thừa để xả tục, xuất gia, thọ Cụ Túc Giới, thành bất-sô tánh, cũng chẳng đúng như thật tu tập nhân duyên của hết thảy các thiện pháp. Đối với các đệ tử của ta, hoặc là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, khuyên họ siêng năng tu tập Học và Vô Học hạnh, cho đến đối với bậc chân thiện dị sanh chứng đắc cực quả tối hậu, trì giới, hay phá giới, kẻ không có giới, mà dùng đủ cách hủy báng, chửi rủa, quở trách, não loạn, đoạt y bát của họ, chẳng cho hưởng dụng các thứ vật cần dùng trong cuộc sống, trói buộc, nhốt kín).*

“Ngu si, điên đảo, kiêu mạn, tật đố, bằng đảng chi tâm” (Cái tâm ngu si, điên đảo, kiêu căng, ngạo mạn, ghen tỵ, kết bè kéo đảng): Chùa này hủy báng chùa kia, chùa kia hủy báng chùa này. Nhóm cư sĩ này hủy

báng nhóm cư sĩ kia. Rốt cuộc ai đúng, ai sai? Điên đảo đúng sai! Kẻ học pháp Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa bèn hủy báng Đại Thừa. Kẻ học pháp Đại Thừa hủy báng, ngăn chướng pháp Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa, chẳng cho lưu truyền, [khăng khăng] “đấy là pháp Tiểu Thừa, chẳng để cho nó tồn tại”. Chẳng thể đúng như thật nương theo pháp Thanh Văn Thừa, hoặc Độc Giác Thừa, hoặc Vô Thượng Thừa để xả tục, xuất gia. Sau khi nghe pháp, sẽ nhập đạo. Kẻ chẳng thể làm như vậy, đương nhiên là chẳng thể xuất gia, chẳng thể thọ Cụ Túc Giới, chẳng thể trở thành tỳ-kheo, chẳng thể trở thành bậc xuất gia.

*“Diệc bất như thật tu tập nhất thiết thiện pháp nhân duyên”* (Cũng chẳng như thật tu tập hết thảy nhân duyên thiện pháp): Tu tập các nhân duyên thiện pháp bèn làm chuyện tốt lành. Đối với hết thảy thiện pháp, chớ nên vì điều thiện ấy nhỏ nhặt [mà không làm]. Chúng ta bỏ một đồng cho người cùng khổ, hoặc cúng cho pháp hội trong chùa miếu, quý vị quyên tặng một đồng cũng được. Đó gọi là tùy hỷ. Đã chẳng hiến tặng, lại còn hủy báng, tức là chẳng như thật tu tập hết thảy nhân duyên thiện pháp. *“U ngã đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí”* (Đối với các đệ tử của ta, hoặc là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí): Người tu hành khéo học như thế, sẽ là dụng cụ chứa đựng pháp. *“Hoặc phi pháp khí”* là kẻ phá giới. Phá giới sẽ chẳng tốt! Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di như thế ấy, tức tứ chúng đệ tử [như thế ấy], sẽ chẳng thể gọi là siêng năng tu hành. *“Cần tu hành”* (勤修行) là tinh tấn siêng ròng tu hành.

*“Học, Vô Học hạnh”* (Hạnh Hữu Học và Vô Học): Tức là địa vị Hữu Học và Vô Học. Địa vị Vô Học là đã chứng quả A La Hán. Địa vị Hữu Học là gì? Bảy địa vị đều là địa vị hữu học, tức Sơ Quả Hướng, Sơ Quả, Nhị Quả Hướng, Nhị Quả, Tam Quả Hướng, Tam Quả, Tứ Quả Hướng, đều gọi là địa vị Hữu Học. Chứng đắc quả A La Hán là địa vị Vô Học, cho đến *“chân thiện dị sanh chứng đắc cực quả tối hậu”*; đây là chứng đắc quả A La Hán, đoạn Kiến Tư Hoặc. Đó là pháp khí.

Hoặc là kẻ phá giới, *“trì giới, phá giới, vô giới giả sở”* (trì giới, phá giới, kẻ chẳng có giới): Có kẻ là trì giới, có kẻ là phá giới, hoặc ngay cả giới gì cũng đều chẳng có. Đấy là [nói các loại người] học pháp Đại Thừa. Ở đây là nói về chân thiện Sát-đế-lợi vương, chân thiện Thú-đạt-la, tức là bốn chủng tánh đối với tỳ-kheo phá giới, tỳ-kheo trì giới, hoặc tỳ-kheo chẳng có giới nào, đều chẳng phân biệt, cứ nhất loạt chửi bới, hủy báng, rửa xả, quở trách, não loạn, thậm chí còn tước đoạt y bát chẳng cho họ thọ dụng. Hết thảy những vật dụng cần thiết trong cuộc

sống của họ đều bị tước đoạt, họ còn có thể sống sót hay chẳng? Họ sẽ chẳng thể sống sót, cho đến còn bị giam cầm trong tù ngục.

*(Kinh) Như thị bát vô nhất thiết nhân quả Đoạn Diệt Luân giả, tuy tại nhân trung, thật thị La Sát, u đương lai thế, vô số đại kiếp, nan đắc nhân thân. Ninh tại địa ngục, thọ vô lượng khổ, bất xử nhân trung, khởi Đoạn Diệt Kiến. Như thị si nhân, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, u đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn. Mạng chung, định sanh Vô Gián địa ngục. U chư ác thú, luân chuyển vãng lai, thọ chư khổ não, nan khả cứu tế, đa bách thiên kiếp, nan phục nhân thân. Tuy quá vô lượng, vô số kiếp dĩ, hoàn đắc nhân thân, nhi sanh ngũ trước, vô Phật thế giới, sanh manh, sanh lung, ám, á, vô thiệt, chủng chủng trọng bệnh, thường sở anh triền, hoặc thân toa xú, nhân bất hỷ kiến. Ngôn từ chuyết nột, nhĩ sở ác văn. Tâm thường mê loạn, vô sở giải liễu, sanh bản cùng gia, chủng sự khuyết pháp, bất phùng thiện hữu, tùy ác hữu hành, nhạo tác ác nghiệp, háo chấp ác kiến, tạo Vô Gián tội, phục hoàn trùng đọa Vô Gián địa ngục, chuyển luân ác thú, nan hữu xuất kỳ.*

(經)如是撥無一切因果斷滅論者，雖在人中，實是羅剎，於當來世無數大劫難得人身。寧在地獄受無量苦，不處人中起斷滅見。如是癡人，不久便當肢體廢缺，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍。命終定生無間地獄。於諸惡趣輪轉往來，受諸苦惱難可救濟，多百千劫難復人身。雖過無量無數劫已，還得人身，而生五濁無佛世界，生盲生聾，瘖啞無舌，種種重病常所嬰纏，或身矬醜，人不喜見。言詞拙訥，耳所惡聞。心常迷亂，無所解了，生貧窮家，眾事闕乏，不逢善友，隨惡友行，樂作惡業，好執惡見，造無間罪，復還重墮無間地獄，轉輪惡趣難有出期。

*(Kinh: Kể bài bác không có hết thầy nhân quả, tin theo Đoạn Diệt Luân như thế, tuy ở trong loài người, thật sự là La Sát. Trong đời tương lai, vô số đại kiếp, khó được làm người. Thà ở trong địa ngục chịu vô lượng khổ, chẳng làm người mà dậy lên Đoạn Diệt Kiến! Kể si như thế, chẳng lâu sau sẽ bị tứ chi tàn phế, thiếu khuyết, trong nhiều ngày đêm, bị đờ lưỡi, chẳng thể nói được. Hứng chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Mạng chung, chắc chắn sanh vào địa ngục Vô*



*Gián. Luân chuyển qua lại trong các đường ác, chịu các khổ não, khó thể cứu vớt, nhiều trăm ngàn kiếp, khó lại được làm thân người. Tuy trải qua vô lượng vô số kiếp sau, sẽ lại được làm người, nhưng sẽ sanh trong thế giới ngũ trược, không có Phật, mù điếc từ lúc lọt lòng, ngọng, câm, không lưỡi, đủ thứ bệnh nặng thường ràng buộc tâm thân, hoặc thân thể lùn tịt, xấu xí, người khác chẳng thích thấy, lời lẽ vụng về, lấp bắp, tai nghe điều xấu, tâm thường mê loạn chẳng hiểu biết gì. Sanh trong nhà bần cùng, các sự thiếu khuyết, chẳng gặp bạn lành, hành theo bạn ác, thích tạo ác nghiệp, thích chấp ác kiến, tạo tội Vô Gián rồi lại đọa vào địa ngục Vô Gián, luân chuyển trong đường ác, khó có thuở thoát ra).*

“*Bát vô nhất thiết nhân quả, Đoạn Diệt Luân giả*” (Bài bác không có hết thảy nhân quả, tin theo Đoạn Diệt Luân): [Tức là kẻ luôn khẳng khái cho rằng] “ta làm như vậy chẳng phạm sai lầm, chẳng mắc quả báo”. Đây là Đoạn Diệt Luân. “*Tuy tại nhân trung, thật thị La Sát*” (Tuy ở trong loài người mà thật ra là La Sát): Tuy kẻ đó sanh trong loài người, nhưng đây là ma vương giết người, mà cũng là quỷ La Sát. “*Ư đương lai thế, vô số đại kiếp, nan đắc nhân thân*” [nghĩa là] sau đời này, trải qua thời gian rất dài về sau, muốn khôi phục thân người, sẽ rất khó khăn. Phải chịu vô lượng khổ trong địa ngục. Vì sao người ấy phải phá pháp, hủy báng Tăng và Phật như vậy? Vì người ấy sanh khởi Đoạn Diệt Kiến, hiểu sai bét nghĩa Không của Đại Thừa. Tiếp đó, chúng ta sẽ giải thích vấn đề này.

“*Như thị si nhân bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết*” (Kẻ si như thế chẳng bao lâu sau, tứ chi sẽ tàn phế, thiếu khuyết): Tuy kẻ ấy chẳng tin nhân quả, nhân quả sẽ tìm tới kẻ đó; khi [nhân quả] tìm đến, kẻ đó sẽ chịu khổ. Hạng người ngu si ấy chẳng có trí huệ, thân thể trong đời này sẽ “*bất cứu chi thể phế khuyết*” (chẳng lâu sau, chi thể tàn phế, thiếu khuyết), hoặc là do sanh bệnh mà tàn phế, thiếu khuyết, hoặc là như trong hiện tại, bị tai nạn xe cộ, hoặc gặp thiên tai, thủy tai, hỏa hoạn, đều có thể khiến cho tứ chi của người ấy tàn khuyết, nhưng người tàn phế vì bệnh tật thì nhiều. Trong một thời gian rất dài, “*u đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn*” (trong nhiều ngày đêm, bị đờ lưỡi chẳng thể nói): Lại còn chẳng thể nói được! Do nguyên nhân nào? Bệnh khổ khiến cho người ấy thành ra như vậy. Nghiệp báo chuyển đến thân người ấy; đó gọi là báo ứng do khởi Đoạn Diệt Kiến, khiến cho người ấy đau khổ sâu đậm, rất khó chịu đựng nổi. Sau khi mạng chung, nhất định sanh vào địa ngục Vô Gián.

“*U chur ác thú, luân chuyển vãng lai*” (Luân chuyển qua lại trong các đường ác): “*Ác thú*” (惡趣) là ba ác đạo, tức địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. “*Thọ chur khổ não, nan khả cứu tế*” (Chịu các khổ não, khó thể cứu vớt), trải qua bao nhiêu kiếp? “*Đa bách thiên kiếp*” (Nhiều trăm ngàn kiếp): Chẳng phải là một trăm ngàn kiếp, hai trăm ngàn kiếp, mà là rất nhiều trăm ngàn kiếp. Nếu muốn khôi phục thân người, tức là được đầu thai làm người trong nhân gian, chẳng dễ dàng! Ất cần phải trải qua thời gian vô lượng kiếp dài ngàn ấy thì mới có thể được làm thân người. Đối với con số vô số kiếp ấy, nếu nói theo tiêu kiếp thì cũng là bao nhiêu vạn vạn năm. Vô số kiếp nếu dùng thời gian trong nhân gian để tính toán thời hạn thì rất khó tính đếm. “*Nhi sanh ngũ trược, vô Phật thế giới*” (Nhưng sanh trong thế giới ngũ trược, không có Phật): Đây là Ngũ Trược, ác thế Kiếp Trược, Kiến Trược, Phiền Não Trược, Chúng Sanh Trược, và Mạng Trược. Tới khi ấy, [sẽ sanh vào] thế giới chẳng có Phật, tức là sanh vào thời kỳ giống như chúng ta trong hiện thời.

“*Sanh manh, sanh lung*” (Mù bẩm sanh, điếc bẩm sanh): Sanh ra đã là kẻ mù hay kẻ điếc, chẳng được, trọn chẳng phải là về sau bị bệnh [mới mù hay điếc]. Kẻ đó vừa sanh ra đã mù, hoặc sanh ra đã câm, hay không có lưỡi, hoặc lưỡi ngắn, hoặc lưỡi đặc biệt to, nói năng chẳng rõ ràng, lại còn mắc phải đủ thứ bệnh nặng. Hoặc là lúc còn thơ ấu đã bị đủ loại bệnh tật quán trối. Hiện thời, có đứa trẻ còn chưa sanh mà đã bị nạo thai, vì thai đã chết trong bụng mẹ. Đó là do túc nghiệp trong quá khứ của nó.

“*Hoặc thân toa xú*” nghĩa là vừa lùn, vừa xấu xí. “*Nhân bất hỷ kiến*” (Người khác chẳng thích gặp): Trong tâm kẻ khác chẳng ưa thích, không muốn trông thấy, hoặc nói chuyện với người đó. “*Ngôn từ chuyết nột*”, “*nột*” (訥) là nói lúng búng trong miệng, thường gọi là “*nói lắp*”. Chẳng biết kẻ đó đang nói gì, nói không rõ ràng, một câu phải nói cả buổi, vẫn chẳng thể nói rõ được. Đó là cà lăm!

“*Nhĩ sở ác vãn*” [nghĩa là] tai chẳng nghe thấy, ý thức mê loạn, tinh thần phân liệt. Có kẻ tinh thần phân liệt từ bé. Tôi đã gặp rất nhiều kẻ như vậy, cầu niệm Địa Tạng Bồ Tát gia trì cho họ, cũng có người được lành, có người dẫu niệm, vẫn chẳng lành. Lứa năm ba tuổi cũng có, hoặc mười mấy tuổi cũng có, vì đủ mọi nguyên nhân như kinh hoảng v.v... khiến cho tâm kẻ ấy thường mê loạn, thứ gì cũng đều chẳng biết, tinh thần phân liệt mà! Lại còn sanh vào gia đình nhất định là gia đình nghèo khổ. Các vật dụng cần thiết trong cuộc sống “*chúng sự khuyết*

pháp” (các thứ thiếu thốn), [nghĩa là] thiếu ăn, thiếu mặc!

Người như vậy sanh trong tình huống như vậy, lại còn có đủ thứ nhân duyên [chẳng tốt đẹp], há còn có thể gặp gỡ người tốt lành ư? “*Bất phùng thiện hữu*” (Chẳng gặp bạn lành), chẳng có nhân duyên ấy. Chẳng gặp bạn lành, bèn gặp bạn ác, chơi với bạn bè toàn là bạn ác, cùng những kẻ đó làm chuyện ác. “*Nhạo tác ác nghiệp*” (Thích làm nghiệp ác), “*háo chấp ác kiến*” (ưa chấp trước ác kiến): Kẻ đó giải thích, nhìn nhận vấn đề hết sức sai lầm, hết sức lệch lạc, nhưng chấp trước chẳng buông bỏ được. Tọa tội Ngũ Vô Giá như thế đó!

Ngũ Vô Giá rất nhiều, chịu khổ chẳng gián đoạn, thời gian không gián đoạn. Thời gian chịu khổ rất dài, chẳng như trong nhân gian, từ lúc bị bệnh cho đến lúc lành bệnh chỉ có một khoảng thời gian, tức là hữu gián (có gián đoạn). Thời gian chịu khổ hữu gián, [chẳng hạn như] ở trong tù cũng có thể ra khỏi tù. Thời gian thi hành án đã đủ, cũng có thể thoát ra; đó đều là hữu gián. Ngục Vô Giá chẳng có gián đoạn. Như trong địa ngục đó, có một cái giường lớn, to hơn tám vạn dặm. Một người nằm trên giường đó thọ tội, thấy thân hình đầy chật cả giường. Một vạn người cũng là thân đầy chật cả giường. Đó là ý nghĩa “*chẳng gián đoạn*”. Đã tạo loại tội này, sau khi sanh vào nhân gian, thọ mạng của người như vậy vẫn chẳng dài, sau khi chết đi, lại vào địa ngục Vô Giá, tức là trở lại luân chuyển trong đường ác, có thể từ địa ngục Vô Giá thoát ra, chuyển làm người, vẫn còn đỡ. Nếu chẳng chuyển sanh làm người, chắc là chuyển sang làm súc sanh, hay chuyển sang ngạ quỷ đạo!

*(Kinh) Như thị ngu si Đoạn Diệt Luận giả, hoại loạn, hủy diệt ngũ chi chánh pháp, bức não, trích phạt ngũ chư đệ tử trì giới, phá giới, cập vô giới giả, giai linh bất an tu chư thiện phẩm. Do thị nhân duyên, đa bách thiên kiếp, một chúng ác thú, từng ám nhập ám, nan hữu xuất kỳ. Như thị chúng sanh sở hữu tội báo, giai vi vị cầu thỉnh tập Thanh Văn, Độc Giác Thừa pháp, tiên cầu thỉnh tập vi diệu, thậm thâm Đại Thừa chánh pháp. Như thị ngu si Đoạn Diệt Luận giả, hạ liệt nhân thân, thượng nan khả đắc. Huống đương năng thành hiện thánh pháp khí? Thượng bất năng đắc Thanh Văn, Độc Giác sở chứng Niết Bàn, huống đắc quảng đại thậm thâm Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề? Như thị chúng sanh sở hữu quá thất, giai do vị học Thanh Văn Thừa pháp, Độc Giác Thừa pháp, tiên nhập Đại Thừa.*

(經)如是愚癡斷滅論者，壞亂毀滅我之正法，逼惱謫罰

我諸弟子，持戒、破戒及無戒者，皆令不安修諸善品。由是因緣，多百千劫沒眾惡趣，從閻入閻，難有出期。如是眾生所有罪報，皆為未求聽習聲聞、獨覺乘法，先求聽習微妙甚深大乘正法。如是愚癡斷滅論者，下劣人身尚難可得。況當能成賢聖法器？尚不能得聲、聞獨覺所證涅槃，況得廣大甚深無上正等菩提？如是眾生所有過失，皆由未學聲聞乘法、獨覺乘法，先入大乘。

*(Kinh: Kẻ ngu si, theo Đoạn Diệt Luận như thế phá hoại, rối loạn, hủy diệt chánh pháp của ta, bức bách, não hại, trừng phạt các đệ tử trì giới, phá giới, và không có giới của ta, đều khiến cho họ chẳng an ổn tu các thiện phẩm. Do nhân duyên ấy, trải qua nhiều trăm ngàn kiếp, chìm đắm trong các đường ác, từ chốn tối tăm vào chỗ tối tăm, khó có thuở thoát ra. Tất cả tội báo của chúng sanh như thế đều vì chưa cầu nghe giảng, tu tập pháp Thanh Văn và Độc Giác, mà trước đó đã cầu nghe giảng, tu tập chánh pháp Đại Thừa vi diệu rất sâu. Kẻ ngu si theo Đoạn Diệt Luận như thế, thân người hèn kém còn khó thể được, huống hồ là sẽ có thể trở thành pháp khí hiện thánh ư? Còn chẳng thể đắc Niết Bàn do Thanh Văn hay Độc Giác đã chứng, huống hồ đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề rộng lớn rất sâu ư? Tất cả lầm lỗi của chúng sanh như thế đều là do chưa học pháp Thanh Văn Thừa và pháp Độc Giác Thừa mà đã nhập Đại Thừa trước).*

“*Như thị ngu si Đoạn Diệt Luận giả*” (Kẻ ngu si theo Đoạn Diệt Luận như thế): Đây là kẻ tin theo Đoạn Diệt Luận, bài bác không có nhân quả. “*Hoại loạn, hủy diệt ngã chi chánh pháp*” (Phá hoại, gây rối loạn, hủy diệt chánh pháp của ta), khiến cho chánh pháp của đức Phật bị hủy diệt. Nếu hủy diệt tức là diệt pháp nhân của chúng sanh, mọi người sẽ chẳng có chánh pháp để có thể nghe. Kẻ đó ngăn trở rất nhiều người, chướng ngại người khác tin tưởng con đường của đức Phật. “*Bức não, trích phạt ngã chư đệ tử trì giới, phá giới, cập vô giới giả*” (Bức bách, não hại, trừng phạt các đệ tử trì giới, phá giới, và không có giới của ta), đối với đệ tử của ta, bất luận trì giới, phá giới, và không có giới, kẻ đó đều khiến cho họ chẳng thể an tâm, tu tập thiện phẩm, chẳng thể tin tưởng nhân quả, hành đạo, lễ Phật, bái sám. Các nhân duyên ấy đều chẳng có. Kẻ ác ấy vì nhân duyên trừng phạt, phá hoại Phật pháp, hủy Tăng, báng đạo, “*đa bách thiên kiếp, một chúng ác thú*” (trong nhiều

trăm ngàn kiếp, chìm đắm trong các đường ác), thường chịu khổ trong ba ác đạo. “*Tùng ám nhập ám*” (Từ chôn tối tăm vào chỗ tối tăm): Từ chỗ hắc ám vẫn là vào chỗ hắc ám, dầu sanh vào nhân gian, người ấy cũng vẫn chẳng phải là một người hoàn bị, mù, điếc, câm, ngọng, mắc phải đủ thứ bệnh tật ngặt nghèo.

“*Tùng ám nhập ám, nan hữu xuất kỳ*” (Từ tối tăm vào tối tăm, khó có thở thoát ra): Mong thoát ly loại khổ nạn ấy rất ư là khó. Tất cả tội báo của chúng sanh như thế, như trong phần trên đã nói tội báo nhiều ngàn ấy, họ trót phạm sai lầm, hứng chịu nỗi khổ và quả báo, đều vì “*vị cầu thánh tập Thanh Văn, Độc Giác Thừa pháp, tiên cầu thánh tập vi tế thậm thâm Đại Thừa chánh pháp*” (chưa cầu nghe giảng, tu tập pháp Thanh Văn và Độc Giác Thừa, mà đã cầu nghe, tu tập trước chánh pháp Đại Thừa vi tế, rất sâu). Đối với cái quả báo ấy, bèn nêu ra cái nhân, nhân gì vậy? Do còn chưa nghe chánh pháp Tiểu Thừa, chẳng nghe pháp Nhị Thừa, mà trước hết đã nghe chánh pháp Đại Thừa.

Tôi nhớ thuở đầu, vào Phật Học Viện, lão pháp sư Từ Châu<sup>9</sup> buổi sáng giảng Tứ Phần Giới, buổi chiều giảng kinh Hoa Nghiêm, một đấng là pháp Tiểu Thừa, là pháp Tiểu Thừa nhỏ nhất, một đấng là pháp Đại Thừa viên mãn nhất, Đại Thừa và Tiểu Thừa kết hợp! Học pháp Tiểu Thừa nhằm kiểm điểm các việc quý vị đã làm trong suốt một ngày. Đối với các việc làm nơi thân, tâm, tâm quý vị nghĩ những điều gì? Thân thể

---

<sup>9</sup> Pháp sư Từ Châu (1877-1958), pháp danh là Phổ Hải, pháp tự Từ Châu, người huyện Tuy, tỉnh Hồ Bắc, là một vị danh tăng thời cận đại. Ngài được coi là một nhà giáo dục lỗi lạc trong Phật giáo Trung Hoa. Sư sanh trong một gia đình tin Phật, cha lẫn mẹ đều là cư sĩ Phật giáo thuần thành. Sư đã từng dạy học. Đến năm 1910, Sư cùng vợ đều xuất gia với lão hòa thượng Nguyên Chiếu tại chùa Phật Hoàn ở quê nhà. Sau đó, Sư nhập chúng tu học tại chùa Trường Sanh ở Dương Châu rồi quải đơn tại chùa Giang Thiên ở Trấn Giang. Năm 1914, Sư xin vào Hoa Nghiêm Đại Học do pháp sư Nguyệt Hà sáng lập. Sau khi tốt nghiệp, Sư dành trọn năm năm tham bái Phổ Đà và Cửu Hoa. Năm 1920, Sư giúp các pháp sư Giới Trần và Liễu Trần kế thừa di học của ngài Nguyệt Hà, kiến lập Hoa Nghiêm Đại Học tại chùa Cửu Liên ở Hán Khẩu. Năm sau, lập Pháp Giới Học Viện tại chùa Hưng Phước ở Thường Thục. Năm 1928, Sư sáng lập Trúc Lâm Phật Học Viện tại chùa Trúc Lâm ở Trấn Giang. Năm 1929, nhận lời thỉnh của tổ Ấn Quang và hòa thượng Chân Đạt, Sư làm trụ trì chùa Linh Nham. Năm 1931, Sư lại nhận lời mời của hòa thượng Hư Vân đến lập Pháp Giới Học Viện tại chùa Dũng Tuyên ở Phước Châu rồi mở Pháp Giới Học Viện tại chùa Pháp Hải ở Phước Châu vào năm 1936. Năm 1952, Sư làm trụ trì chùa Nam Phổ Đà. Sư từng làm hội trưởng hội Phật giáo Trung Quốc vào năm 1956, rồi làm Xử Lý Thường Vụ của hội vào năm 1957.

đã làm những gì? Có thể kết hợp với kinh Hoa Nghiêm hay không? Nếu chẳng thể kết hợp thì làm như thế nào? Phải sám hối! Học pháp Tiểu Thừa thì phải sám hối tội lỗi, cảnh giác, răn nhắc thân tâm của chính mình chớ nên buông lung, chớ nên cuồng vọng tự đại; nhưng điều ấy chưa đủ, ắt cần phải học pháp Đại Thừa thì mới có thể liễu sanh tử, mới có thể hoàn tất hai mươi loại Đoạn, chứng Niết Bàn rốt ráo của Phật. Nếu học pháp Đại Thừa, phải nhận biết nhân quả thiện ác chẳng sai một mảy. Chớ nên vì học Đại Thừa bèn coi nhân quả thế gian và xuất thế gian đều diệt mất. [Nếu cho là như vậy], sai lầm mất rồi! Nếu quý vị học pháp Đại Thừa thì đối với cái quả Niết Bàn chứng đắc trong pháp Thanh Văn Thừa và pháp Độc Giác Thừa, vẫn phải hoăng dương rộng lớn, lại còn phải khuyên hết thầy chúng sanh học tập.

Chúng ta học kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, những điều nói trong nửa quyển đầu và nửa quyển sau quả thực là hai việc khác nhau. Nửa quyển đầu nói về thiện ác, nhân quả. Chiêm sát thiện ác nhân quả, tức là xét coi quý vị làm lành nhiều, hay làm ác nhiều, hãy tự mình chiêm nghiệm một phen! Thân, khẩu, ý của quý vị đều tồn tại khá nhiều ác nghiệp. Quý vị đương nhiên biết đời hiện tại, nhưng đời quá khứ chẳng biết! Phải chiêm nghiệm xem trong đời quá khứ vô lượng kiếp trước đã làm những gì? Chiêm nghiệm đời sau, trong tương lai sẽ sanh vào chỗ nào? Đây là xét từ định nghiệp của quý vị, nó sẽ chuyển hóa bởi sự tu hành của quý vị, chẳng do định số ấy. Có thể chiêm nghiệm Chiêm Sát Luân bất cứ lúc nào. Hôm nay, lúc chiêm sát, quý vị thấy mình có thể phải chịu khổ báo. Hằng ngày sám sấm, sáng ngày một lại chiêm sát, có thể là [sẽ thấy] tội nghiệp tiêu mất, khổ báo đã xong rồi, chẳng còn nữa! Chiêm Sát là ý nghĩa này!

***(Kinh) Thiện nam tử! Thí như hoại bình, đa chur hà khích, thịnh du, nhũ đẳng, tận giai sấm lậu. Năng thịnh, sở thịnh, nhị câu hoại thất. Sở dĩ giả hà? Khí hữu thất cố. Như thị chúng sanh, u Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa pháp, vị tác cù lao, chánh cần tu học, căn cơ vị thực, căn cơ hạ liệt, tinh tấn vi thiếu. Nhược hữu vị thuyết vi diệu, thậm thâm Đại Thừa chánh pháp, thuyết thính nhị nhân, câu hoạch đại tội, diệt vị vi nghịch nhất thiết chur Phật, sở hữu quá thất, quảng thuyết như tiền. Thí như thế gian khổ tạng đời huyệt, trí chur bảo hóa, đa hữu tán thất. Như thị chúng sanh, u Nhị Thừa pháp, báng hủy bất tín, bất hằng tu học, vị thuyết Đại Thừa, bất như thật giải, nhân thử tạo tội, luân chuyển vô cùng. Thí như châu thuyền,***

*đa chur tiết lậu, bất nhậm thừa tải, phiếm u đại hải.*

(經)善男子！譬如壞瓶多諸瑕隙，盛油乳等盡皆滲漏。能盛所盛，二俱壞失。所以者何？器有失故。如是眾生，於聲聞乘、獨覺乘法，未作劬勞正勤修學，根機未熟，根機下劣，精進微少。若有為說微妙，甚深大乘正法，說聽二人俱獲大罪，亦為違逆一切諸佛，所有過失廣說如前。譬如世間庫藏頹穴，置諸寶貨多有散失。如是眾生，於二乘法，謗毀不信，不肯修學，為說大乘不如實解，因此造罪輪轉無窮。譬如舟船多諸泄漏，不任乘載泛於大海。

(*Kinh: Này thiện nam tử! Ví như cái bình hư hoại, có nhiều vết rạn, kẽ nứt, đựng dầu, sữa v.v... sẽ đều bị rò rỉ hết. Đồ chứa đựng và thứ để chứa đựng, cả hai đều hư mất. Vì có sao vậy? Do vì đồ đựng có khuyết điểm. Chúng sanh cũng giống như thế, đối với các pháp thuộc Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa chưa nhọc nhằn, siêng năng tu học chánh đáng, căn cơ chưa chín muồi, căn cơ kém hèn, tinh tấn ít ỏi. Nếu có người vì kẻ đó nói chánh pháp Đại Thừa vi diệu rất sâu, người nói lẫn kẻ nghe, hai đảng đều mắc tội lớn, mà cũng trái nghịch hết thầy chur Phật, tất cả làm lỗi như đã nói rộng trong phần trên. Ví như kho chứa trong thế gian cũ nát, có hang hóc, thì các thứ của báu, hàng hóa chứa trong ấy, phần nhiều sẽ bị thất tán. Chúng sanh cũng giống như thế, hủy báng chẳng tin pháp Nhị Thừa, chẳng chịu tu học, mà vì họ nói Đại Thừa, họ sẽ chẳng hiểu đúng như thật. Do vậy bèn tạo tội, luân chuyển vô cùng. Ví như tàu, thuyền, có nhiều chỗ bị rò rỉ, chẳng thể chuyên chở, vượt qua biển cả được).*

“*Thiện nam tử! Thí như hoại bình*” (Này thiện nam tử! Ví như cái bình đã hư hoại). “*Hoại bình*” là cái bình còn chưa nung, còn chưa nắn kỹ, còn có những lỗ thủng, kẽ nứt, kẽ hở. [Cái bình] như vậy mà quý vị dùng để đựng dầu, đựng sữa, có bị chảy mất hay không? “*Tận giai sám lậu*” (Đều bị rò rỉ hết)! Vì lẽ nào? Chẳng phải là đồ đựng [thích hợp] để chứa đựng, chẳng phải là đồ đựng rất tốt, đựng gì rồi cũng sẽ mất đi. Dụng cụ chứa đựng ấy cũng hư hoại, đó là món đồ ấy có khuyết điểm. Cũng có nghĩa là người thuyết pháp đối với người thọ pháp, phải xét xem kẻ nghe là căn khí nào, đáng nên nói pháp nào, như thế thì kẻ ấy sẽ có thể tiếp nhận. Nếu kẻ ấy chẳng phải là căn khí ấy, mà là [căn khí]

Thanh Văn hay Độc Giác Thừa, chẳng nói cho họ nghe chánh pháp Thanh Văn hay Độc Giác Thừa, lại ngược ngạo nói chánh pháp Đại Thừa. Đó gọi là “*phi khí*” (chẳng phải là căn khí).

Nêu một thí dụ, như Thiên Tông Trung Hoa, do thời đại bức bách, chẳng có kinh luận để có thể học. Vào thời Tam Vũ diệt Phật, riêng mình Thiên Tông hưng thịnh vì kinh nào cũng chẳng phải học, mà cũng chẳng cần niệm Phật. [Nghe ngài Triệu Châu nói] “*niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày*” [bèn tưởng rằng thật sự phải làm như thế, vì niệm Phật sẽ làm] cho miệng chẳng sạch sẽ suốt ba ngày! Hàm nghĩa chẳng phải là như vậy! [Ngài Triệu Châu nói như vậy], vì đó là thuần túy Đại Thừa [dùng tự lực để tu], chẳng cậy vào một tí phương tiện nào. Đó là tham cứu để đốn ngộ, minh tâm kiến tánh. Nhưng điều này đã dưỡng thành thói quen gì? Từ đời Đường cho đến nay, người ở trong Thiên Đường rất ít học pháp. Quý vị giảng kinh tại đó, họ cũng chẳng nghe, cũng chẳng đến Niệm Phật Đường. Họ ở lý trong Thiên Đường, ngoài ăn no, ngủ kỹ ra, vẫn là ngủ kỹ, ăn no, cứ mịt mờ như thế. Thậm chí tụng niệm công khóa, quá đường, họ đều trốn tránh, chuyện gì cũng đều chẳng tin. Đó là rất nguy hiểm. Vẫn chẳng bằng niệm Phật trong Niệm Phật Đường, hoặc học giáo lý trong học đường, vẫn tốt hơn!

Khi học giáo nghĩa, vị pháp sư nào dạy quý vị, cũng đều là dạy từ Tiểu đến Đại. Chẳng phải là vừa mới học bèn học ngay Đại Thừa. Quý vị ở trong Phật Học Viện, cũng phải nói tám thức, phân tích ý niệm của quý vị, cho đến điều phục tốt đẹp ba nghiệp thân, khẩu, ý của quý vị thì mới có thể tiến nhập Đại Thừa. Nếu không, sẽ giống như cái bình nứt, còn mong đựng thứ gì được nữa? Cái bình đã hư rồi, đồ đựng cũng mất đi. Do vậy nói: Khi chúng sanh “*ư Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa pháp, vị tác cù lao, chánh cần tu học*” (đối với pháp Thanh Văn Thừa và pháp Độc Giác Thừa, chưa vất vả siêng năng chánh đáng tu học), căn cơ chưa chín muồi, căn cơ hèn kém, lại chẳng có sức tinh tấn, nếu nói đại pháp vi diệu rất sâu cho họ, “*thính thuyết nhị nhân, câu hoạch đại tội*” tức là người nói lẫn kẻ nghe đều có tội. “*Diệc vị vi nghịch nhất thiết chư Phật*” (Cũng là trái nghịch hết thầy chư Phật), tất cả lỗi lầm đã nói căn kẽ như trong phần trước. Ví như nhà kho trong thế gian mà hư nát, có hang hốc, thì những thứ quý báu, hàng hóa đặt trong ấy sẽ phần nhiều bị thất lạc. Căn nhà quý vị dành để đựng hàng hóa [mà rách nát như vậy thì] không chỉ là bảo thạch cất giữ mà lương thực cũng bị mất, vì trong ấy có hang hốc, người khác có thể tiến vào. Nơi ấy đã hư nát rồi!

“*Ư Nhị Thừa pháp, báng hủy, bất tín, bất khăng tu học*” (Đối với



pháp Nhị Thừa, hủy báng, chẳng tin, không chịu tu học): Đối với pháp Nhị Thừa đã chẳng tin, mà cũng chẳng tu học. Nói với họ pháp Đại Thừa, họ có thể tiếp nhận u? Chẳng thể lãnh hội được! Vì vậy, tào tội, luân chuyển trong tam ác đạo, chịu khổ vô cùng. “*Thí như châu thuyền, đa chur tiết lậu*” (Ví như tàu, thuyền, có nhiều chỗ rò rỉ), thuyền đã thủng, chẳng còn là một chiếc thuyền tốt. “*Bất nhậm thừa tải, phiếm u đại hải*” (Chẳng thể chuyên chở, vượt biển cả được): Nếu nhờ chiếc thuyền ấy để vượt đại dương, quý vị sẽ vùi thân trong biển cả!

*(Kinh) Như thị chúng sanh, đa hoài xan tật, u Nhị Thừa pháp, vị tăng tu học, vọng hiệu Đại Thừa, thật hoài Đoạn Kiến, kiêu mạn, siểm khúc, thành tiết lậu thân, bất kham bằng nhập Nhất Thiết Trí hải. Thí như hữu nhân, kỳ mục manh cổ, bất kham trình thị chủng chủng trân bảo. Như thị chúng sanh kiêu mạn, phóng dật, chấp trước Không kiến, bất học Nhị Thừa, manh vô huệ mục, bất nhậm hiển thị vô thượng Đại Thừa công đức trân bảo. Thí như hữu nhân, kỳ thân xú uế, tuy dĩ chủng chủng thượng diệu hương đồ, nhi cánh bất năng linh thân hương khiết. Như thị chúng sanh, ngu si, kiêu mạn, u Nhị Thừa pháp, bất nhạo cần tu, bất đoạn sát sanh, nãi chí tà kiến. Tuy cần thỉnh thọ vô thượng Đại Thừa, nhi cánh bất năng giải thâm thâm pháp. Thí như thạch điền, tuy thực hảo chủng, cần gia doanh nậu, chung vô quả thật. Như thị chúng sanh, u Nhị Thừa pháp, kiêu mạn, giải đãi, bất nhạo cần tu, tham cầu ngũ dục, tăng vô yếm quyền, tuy u bỉ thân, thực Đại Thừa chủng, tinh tấn cần khổ, chung vô sở thành. Thí như ung khí, tiên trử độc dược, đầu thiếu thạch mật, bất nhậm thực dụng. Như thị chúng sanh, u Nhị Thừa pháp, bất khăng tu học, chấp vô nhân luận, vị thuyết Đại Thừa, chung bất năng thành tự tha lợi ích.*

(經)如是眾生多懷慳嫉，於二乘法未曾修學，妄號大乘，實懷斷見，憍慢諂曲成泄漏身，不堪憑入一切智海。譬如有人，其目盲瞽，不堪呈示種種珍寶。如是眾生憍慢放逸，執著空見，不學二乘，盲無慧目，不任顯示無上大乘功德珍寶。譬如有人，其身臭穢，雖以種種上妙香塗，而竟不能令身香潔。如是眾生愚癡憍慢，於二乘法不樂勤修，不斷殺生乃至邪見。雖勤聽受無上大乘，而竟不能解甚深法。譬如石

田，雖植好種，勤加營耨，終無果實。如是眾生於二乘法，憍慢懈怠，不樂勤修，貪求五欲，曾無厭倦，雖於彼身植大乘種，精進勤苦，終無所成。譬如甕器，先貯毒藥，投少石蜜，不任食用。如是眾生於二乘法不肯修學，執無因論，為說大乘，終不能成自他利益。

*(Kinh: Chúng sanh như thế, trong tâm có nhiều điều keo kiệt, ghen ghét, chưa từng tu học pháp Nhị Thừa, xằng bậy xưng là Đại Thừa, thật sự ôm giữ Đoạn Kiến, kiêu căng, ngạo mạn, siểm khúc, trở thành cái thân rò rỉ, chẳng kham tiến nhập biển Nhất Thiết Trí. Ví như có người, con mắt đui mù, chẳng thể chỉ cho người đó thấy các thứ trân bảo. Cũng giống như thế, chúng sanh kiêu mạn, buông lung, chấp trước Không Kiến, chẳng học Nhị Thừa, mù lòa, không có con mắt Huệ, chẳng kham hiển thị công đức trân bảo Đại Thừa vô thượng. Ví như có người, thân thể hôi bẩn, tuy dùng các thứ hương tốt đẹp nhất để bôi lên, trộn chẳng thể khiến cho thân thể thơm sạch được. Cũng giống như thế, chúng sanh ngu si, kiêu căng, ngạo mạn, chẳng thích siêng tu pháp Nhị Thừa, chẳng đoạn sát sanh, cho đến tà kiến. Tuy siêng năng nghe, nhận Đại Thừa vô thượng, nhưng trộn chẳng thể hiểu pháp rất sâu. Ví như ruộng toàn đá, dẫu gieo hạt giống tốt, siêng năng chăm bón, cày cuốc, trộn chẳng có quả hạt. Cũng giống như thế, chúng sanh đối với pháp Nhị Thừa mà kiêu mạn, giải đãi, chẳng ưa siêng tu, tham cầu ngũ dục, chưa từng chán mệt. Nơi thân người ấy, tuy đã gieo chủng tánh Đại Thừa, tinh tấn, siêng khổ, trộn chẳng thành tựu. Ví như cái vò, trước đó đã chứa thuốc độc, bỏ thêm chút thạch mật, chẳng thể dùng để ăn được. Cũng giống như thế, chúng sanh chẳng chịu tu học pháp Nhị Thừa, chấp trước luận thuyết “không có cái nhân”, dẫu vì kẻ đó nói Đại Thừa, trộn chẳng thể thành tựu lợi ích cho mình lẫn người).*

Người học pháp ấy “đa hoài xan tật, ư Nhị Thừa pháp” (tâm nhiều keo kiệt, ghen tỵ, đối với pháp Nhị Thừa) người ấy chẳng tu học. “Vọng hiệu Đại Thừa” tức là hư vọng, tự xưng là Đại Thừa. Trên thực tế là “thật hoài Đoạn Kiến” (thật sự ôm ấp tri kiến Đoạn Diệt), Đoạn Diệt Kiến thì chẳng tin tưởng nhân quả. Vì Thanh Văn, Duyên Giác phải nói về nhân quả, nói về báo ứng. Pháp tắc Đại Thừa là nói Không Kiến, bất quá Không Kiến của kẻ đó thật ra là Đoạn Diệt Không Kiến, tức là Đoạn Kiến, chẳng phải là Không Kiến thật sự. Vì sao đức Phật thuyết

pháp, có lúc chẳng nói Hữu, mà nói đến Phi Hữu? Có lúc nói về Không thì chẳng nói là Không, mà nói là Phi Không? Dụng ý là để quý vị đừng chấp trước. Quý vị đừng nên chấp trước Hữu; cái Hữu ấy là phi hữu. Cũng đừng nên chấp trước Không, cái Không ấy là Phi Không, như vậy bèn cũng Có cũng Không. Đó gọi là tứ cú (bốn câu): “*Không, có; chẳng phải có chẳng phải không; cũng có cũng không*”; bốn câu như thế đó. Hết thầy các pháp do đức Phật đã nói đều lìa khỏi bốn câu, vì những câu ấy đều chẳng chánh xác!

Giống như kẻ mù, quý vị bày đủ thứ trân bảo trước mặt kẻ đó, kẻ đó vẫn chẳng trông thấy, chẳng thể tiếp nhận. Hàng Nhị Thừa khi chưa tu học, toan dùng cái thân toàn là Lậu Hoặc để mong tiến vào biển Nhất Thiết Trí, sẽ chẳng thể được! Người như thế giống hệt như kẻ mù, ngay cả trân bảo cũng chẳng thể nhận biết. Chúng sanh như thế tự ôm lòng kiêu căng, ngạo mạn, vốn thuộc loại “*vô học bất thuật*” (chẳng có học thức mà cũng chẳng có tài năng gì), vẫn cứ ngỡ chính mình trác tuyệt, cứ buông lung, lười nhác.

“*Chấp trước Không Kiến, bất học Nhị Thừa*”: Chấp trước Không Kiến thì Không có rất nhiều loại. “*Manh vô huệ mục*” (Mù lòa, chẳng có con mắt Huệ): Chẳng hiển thị công đức trân bảo Đại Thừa vô thượng. Quý vị cho kẻ đó trân bảo Đại Thừa, tức pháp Đại Thừa, kẻ đó chẳng nhận biết! “*Thí như hữu nhân, kỳ thân xú uế, tuy dĩ chủng chủng thượng diệu hương đồ, nhi cánh bất linh kỳ thân hương khiết*” (Ví như có kẻ thân thể hôi bẩn, tuy dùng các thứ hương tốt nhất để bôi, trộn chẳng thể khiến cho thân thể thơm sạch): “*Xú uế*” là do ghê lở hoặc chảy mủ, tuy quý vị cho người ấy xức cả đồng nước hoa, vẫn chẳng có cách nào!

“*Bất đoạn sát sanh, nữ chí tà kiến*” (Chẳng đoạn sát sanh, cho đến tà kiến): Kẻ đó nói “sát sanh chẳng có tội”. Lại giống như có người nói “lợn, dê sanh ra để làm thức ăn cho con người”. Đó gọi là “*tà kiến*”. Cho đến nói “quý vị làm ác, hại người, nhất định thọ báo, hại người rốt cuộc là hại mình”. Chúng ta nói như vậy, kẻ đó chẳng tin! Hẳn chỉ thấy người sống hưởng lạc, chẳng thấy người chết chịu tội! Kẻ đó chẳng có trí huệ, làm sao có thể thấy cho được? Điều này thuộc về tà kiến. Tuy kẻ đó vẫn nghe Đại Thừa rất siêng năng, nhưng “*bất năng giải thâm thâm pháp*” tức là chẳng thể hiểu pháp nghĩa rất sâu, cho nên chẳng ngộ được!

“*Thí như thạch điền*” (Ví như thửa ruộng toàn đá): Đất ruộng toàn là đá lồi nhon, làm sao có thể gieo hạt giống cho nổi? Nếu quý vị gieo xuống, chẳng thể nào kết hạt được! Do vậy, “*chúng sanh u pháp Nhị*

*Thừa, kiêu mạn, giải đãi, bất nhạo cần tu*” (chúng sanh đối với pháp Nhị Thừa mà kiêu căng, ngạo mạn, lười nhác, chẳng thích siêng tu): Vì sao chẳng thích siêng tu? *“Tham câu ngữ dục”*: Tham luyện cảnh giới ngữ dục, kẻ đó sẽ giải đãi, cũng chẳng phiền chán, cũng chẳng siêng tu. *“Tuy ư bỉ thân thực Đại Thừa chủng”* ý nói quý vị đã gieo chủng tử Đại Thừa cho các chúng sanh ấy, nhưng họ toàn là ruộng đá, chẳng thể sanh trưởng, mà họ cũng chẳng siêng ròng tu học. *“Chung vô sở thành”* (Trọn chẳng thành tựu): Từ đầu đến cuối chẳng có thành tựu. Chẳng hạn như chúng ta đọc kinh Địa Tạng, chúng ta cho rằng kinh Địa Tạng là Đại Thừa hay Tiểu Thừa? Nói là Đại Thừa, thì kinh toàn giảng về nỗi khổ trong địa ngục. Nói là Tiểu Thừa thì Địa Tạng Bồ Tát chuyện gì cũng đều gia trì quý vị. Tam thừa đạo quả, quý vị đều có thể đạt được từ kinh Địa Tạng. Do vậy, kinh ấy chẳng phải Đại, mà cũng chẳng phải Tiểu, mà cũng là Đại, cũng là Tiểu, tùy thuộc người lãnh hội, tùy thuộc quý vị có suy nghĩ như thế nào, thuộc loại pháp khí nào?

Chúng ta nói Tam Quy, Ngũ Giới. Bước đầu tiên để nhập Phật môn là phải thọ Tam Quy, Ngũ Giới. Tam Quy, Ngũ Giới thuộc Đại Thừa hay Tiểu Thừa? Trọn chẳng có ai phán định Tam Quy, Ngũ Giới là Tiểu Thừa, mà cũng chẳng có ai phán định Tam Quy, Ngũ Giới là Đại Thừa. Nếu quý vị thọ Tam Quy, Ngũ Giới, mãi cho đến khi phát Bồ Tát tâm lợi ích chúng sanh, thì sẽ là Đại Thừa. Sau khi quý vị đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, chán lìa thế gian, mong cầu xuất ly, trước hết chỉ lo cho chính mình, chẳng quan tâm tới ai khác, thì sẽ là Tiểu Thừa. Hết thầy các pháp chẳng có lớn hay nhỏ, chỉ tùy thuộc dụng tâm như thế nào? Nhưng ở đây, theo thứ tự, xét theo giáo nghĩa của đức Phật, như kinh A Hàm là Tiểu Thừa, kinh Bát Nhã là Đại Thừa. Kinh A Hàm cũng có ý nghĩa Đại Thừa, nhưng chúng ta chẳng lãnh hội được. Đức Phật thuyết pháp chẳng đơn thuần, trọn chẳng phải là Tiểu thì tuyệt đối Tiểu, Đại thì tuyệt đối là Đại, chẳng phải như vậy! Phật pháp chẳng có pháp cố định, dựa theo tâm mà lập, chiếu theo cái tâm chúng sanh của những người học Phật như chúng ta để lập ra pháp Đại Thừa hay Tiểu Thừa.

*“Thí như ung khí, tiên trừ độc dục, đầu thiếu thạch mật, bất nhậm thực dụng”* (Ví như cái vò, trước đó đã chứa độc dục, bỏ vào chút thạch mật, sẽ chẳng thể dùng để ăn): Hoặc là một cái bát, cái vò, hoặc là một cái lu, tùy tiện lấy một món đồ đựng nào đó, trong quá khứ đã chứa thuốc độc, nếu quý vị chẳng rửa sạch, lại bỏ thạch mật vào đó. Thạch Mật (石蜜) là đường phèn, tuy đã biến đổi, nhưng vẫn chẳng thể ăn. Ăn vào, sẽ bị trúng độc. Giải quyết vấn đề như thế nào? *“Nhu thị*

*chúng sanh, u Nhị Thừa pháp, bất khăng tu học, chấp vô nhân luận”* (Cũng giống như thế, chúng sanh đối với pháp Nhị Thừa chẳng chịu tu học, chấp trước luận thuyết “chẳng có cái nhân”), tức là chẳng nói nhân quả, [đó là] Vô Nhân Luận. Quý vị nói pháp Đại Thừa cho người như vậy, người ấy có thể thành tựu lợi ích cho mình lẫn người hay không? Không chỉ là chẳng thể lợi ích cho người khác, mà ngay cả chính mình cũng chẳng đạt được lợi ích!

*(Kinh) Thí như ung khí, tiên trừ thạch mật, đầu thiếu độc dược, bất nhậm thực dụng. Như thị chúng sanh, tinh cần tu học Nhị Thừa chánh pháp do vị thành tựu, vị thuyết Đại Thừa, nhị câu hoại thất. Thí như hữu nhân, si cuồng, tâm loạn, vị tác âm nhạc, bất năng liễu tri. Như thị chúng sanh u Nhị Thừa pháp, vị tăng tu học, tham, sân, si đặng mãnh lợi phiền não, nhiều loạn kỳ tâm, chấp trước vô nhân, cập Đoạn Diệt Luận, căn cơ vị thực, vị thuyết Đại Thừa, tuy kinh đa thời, nhi bất năng giải. Thí như hữu nhân bất trước giáp trụ, bất trì đao, trượng, triếp nhập trận trung, tất tảo thương hại, thọ chư khổ não. Như thị chúng sanh, u Nhị Thừa pháp, vị tăng tu học, trí huệ hiệp liệt, căn khí vị thành, vị thuyết Đại Thừa, tất sanh vọng chấp. Do thử triển chuyển, tạo ác vô cùng. Như thị si nhân, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, u đa nhật dạ, kết thiệt bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gian địa ngục, u chư ác thú, luân chuyển vãng lai. Ứng tri như tiên thứ đệ quảng thuyết.*

(經)譬如甕器，先貯石蜜，投少毒藥，不任食用。如是眾生精勤修學，二乘法猶未成就，為說大乘，二俱壞失。譬如有人癡狂心亂，為作音樂不能了知。如是眾生於二乘法未曾修學，貪瞋癡等猛利煩惱擾亂其心，執著無因及斷滅論，根機未熟，為說大乘，雖經多時而不能解。譬如有人不著甲冑，不持刀杖，輒入陣中，必遭傷害受諸苦惱。如是眾生於二乘法未曾修學，智慧狹劣，根器未成，為說大乘，必生妄執。由此展轉造惡無窮。如是癡人，不久便當肢體廢缺，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間地獄，於諸惡趣輪轉往來。應知如前次第廣說。

*(Kinh: Ví như cái vò chứa, trước đó chứa thạch mật, bỏ vào một chút độc dược, chẳng dùng để ăn được. Chúng sanh cũng như thế, siêng*

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

ròng tu học chánh pháp Nhị Thừa vẫn chưa thành tựu, mà vì họ nói Đại Thừa, thì hai đảng đều hư hoại, mất đi. Ví như có người, si cuồng, loạn tâm, vì kẻ đó mà tấu âm nhạc thì kẻ đó chẳng thể hiểu biết. Chúng sanh cũng như thế, chưa từng tu học pháp Nhị Thừa, phiền não tham, sân, si v.v... mạnh mẽ, nhiều loạn cái tâm, chấp trước không có cái nhân và Đoạn Diệt Luận, căn cơ chưa chín muồi, vì họ mà nói Đại Thừa, dẫu trải qua nhiều thời gian, họ vẫn chẳng thể hiểu. Ví như có người chẳng mặc giáp trụ, chẳng cầm đao, gậy, xông bừa vào trận, ắt bị tổn thương, chịu các khổ não. Chúng sanh cũng như thế, chưa từng tu học pháp Nhị Thừa, trí huệ hẹp kém, chưa thành căn khí, mà vì họ nói Đại Thừa, họ ắt sanh chấp trước xằng bậy. Do vậy, xoay vần tạo ác vô cùng. Kẻ si như thế chẳng lâu sau, sẽ bị tứ chi tàn phế, thiếu khuyết, trong nhiều ngày đêm, đờ lơỉ chẳng thể nói, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó nhẫn. Mạng chung, nhất định sanh vào địa ngục Vô Gián, ở trong các đường ác, luân chuyển qua lại. Hãy nên biết như trong phần trên đã theo thứ tự nói cặn kẽ).

“Thí như ung khí, tiên trừ thạch mật” (Ví như cái vò, trước hết chứa thạch mật): Quý vị cho vào đó một tí thuốc độc, một chút là được rồi, quý vị vẫn chẳng thể ăn được, ăn vào sẽ bị trúng độc chết. “N hư thị chúng sanh, tinh cần tu học Nhị Thừa chánh pháp, do vị thành tựu” (Chúng sanh như thế, siêng ròng tu học chánh pháp Nhị Thừa, vẫn chưa thành tựu): Cũng giống như có hạng chúng sanh tu pháp Nhị Thừa, vì giải đãi, tu gì cũng đều chẳng thành tựu. Nếu lại nói pháp Đại Thừa cho họ, Nhị Thừa đã hỏng rồi, Đại Thừa cũng hư luôn, hai đảng họ đều chẳng thể thành tựu được! “Thí như hữu nhân, si cuồng tâm loạn, vị tác âm nhạc, bất năng liễu tri” (Ví như có người, si cuồng, tâm loạn, vì kẻ ấy tấu âm nhạc, [kẻ đó] chẳng thể hiểu biết): Tâm kẻ đó đã loạn rồi, quý vị gảy đàn hoặc ca hát cho kẻ đó nghe, thứ gì cũng đều chẳng lọt tai. Giống như chúng sanh chưa từng tu học pháp Nhị Thừa, tham, sân, si rất mạnh mẽ, phiền não nhiều loạn cái tâm kẻ đó. Kẻ đó “chấp trước vô nhân” (chấp trước “chẳng có cái nhân”), quý vị nói gì, kẻ đó cũng chẳng nghe, vì kẻ đó chấp trước Đoạn Diệt Luận. Đối với người như vậy, quý vị nói pháp gì cũng chẳng thành. Dẫu quý vị nói bao lâu đi nữa, kẻ đó cũng chẳng thể lý giải!

“Thí như hữu nhân, bất trước giáp trụ, bất trì đao, trượng, triếp nhập trận trung, tất tạo thương hại, thọ chư khổ não” (Ví như có người chẳng mặc giáp trụ, chẳng cầm đao, gậy, xông bừa vào trận, ắt bị tổn

thương, chịu các khổ não): Đây là nói trong lúc chiến tranh, ra trận, đều phải khoác khôi giáp, bên trong còn mặc thêm áo giáp. “*Tru*” (冑) là thứ mặc bên trong. “*Khải giáp*” (鎧甲) là thứ khoác bên ngoài. Tôi ở Tây Tạng, thấy hằng năm vào tiết Xuân, họ đua ngựa, bắn cung, đều đội thiết khôi<sup>10</sup>, đeo thiết giáp khá nặng. Ngựa hiện thời căn bản là chẳng chịu nổi. Bộ thiết khôi thiết giáp ấy nặng cả trăm cân, lại thêm thân người nặng một trăm cân nữa, còn phải có người tới giúp thì mới mặc được, đều bằng sắt thật sự. Họ diễn tuồng vẫn chỉ là hình dung. Tây Tạng diễn tuồng sử dụng thiết khôi, thiết giáp thật sự để kéo cung, bắn tên. Nếu ngay cả những thứ này mà quý vị chẳng phòng hộ kỹ càng, trong tay chẳng có đao, mà cũng chẳng có cung tên, chỉ là hai nắm tay trống rỗng mà xông vào trận đánh nhau, không được rồi! Hiện thời, càng không thể! Hiện thời dùng súng ống, lại khác hẳn thời ấy!

Do vậy, nói pháp Đại Thừa cho kẻ đó, hẳn chẳng rơi vào Đoạn Diệt Kiến, thì cũng rơi vào Thường Kiến, sẽ chấp trước hai bên. Do vậy mà lần lượt tạo ác vô cùng, tạo ra rất nhiều sai trái. Kẻ cuồng si không có trí huệ như thế, chẳng lâu sau sẽ bị tứ chi tàn phế, thiếu khuyết. Do hủy báng Tam Bảo, mờ mịt nhân quả. “*U đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn*” (Trong nhiều ngày đêm, bị đờ lưỡi, chẳng thể nói được, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng). Sau khi mạng chung, nhất định sanh vào địa ngục Vô Gián. “*U chư ác thú, luân chuyển vãng lai, ung tri như tiên, thứ đệ quảng thuyết*” (Luân chuyển qua lại trong các đường ác, hãy nên biết như đã nói cận kề theo thứ tự trong phần trước): Những điều này trong phần trước đều đã nói rồi, ở trong địa ngục chịu khổ, chịu khổ vô cùng tận.

***(Kinh) Thiện nam tử! Thị cố trí giả, tiên ưng quán sát nhất thiết chúng tâm, nhiên hậu thuyết pháp. Tiên đương khởi phát từ tâm, bi tâm, hỷ tâm, ích tâm, bất giải đãi tâm, năng nhẫn thọ tâm, bất kiêu mạn tâm, bất tật đố tâm, bất xan lận tâm, đẳng dẫn định tâm, nhiên hậu vị tha tuyên thuyết chánh pháp, chung bất linh tha chư chúng sanh loại, văn sở thuyết pháp, luân chuyển sanh tử, đọa đại hiểm nạn. Thị cố, Như Lai thiện đạt nhất thiết chúng sanh tâm tướng, dĩ Vô Trần Cấu, Vô Thủ Hành Luân, vị thuyết chánh pháp. Cụ đại giáp trụ nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, vị tha thuyết pháp, diệt phục như thị. Do bi mãn cố, vị linh đoạn diệt chư phiền não cố, vị linh siêu độ***

<sup>10</sup> Khôi (盔) là loại mũ che kín đầu bằng sắt hoặc đồng để chắn, tên đạn.

*tam hữu hải cố, vị chư chúng sanh ư tam thừa trung, tùy tâm sở nhạo, tùy thú Nhất Thừa, tốc viên mãn cố, vị thuyết chánh pháp, chung bất linh kỳ luân chuyển sanh tử, đọa đại hiểm nạn.*

(經)善男子！是故智者先應觀察一切眾心，然後說法。先當發起慈心、悲心、喜心、益心、不懈怠心、能忍受心、不憍慢心、不嫉妒心、不慳吝心、等引定心，然後為他宣說正法，終不令他諸眾生類，聞所說法，輪轉生死，墮大險難。是故，如來善達一切眾生心相，以無塵垢、無取行輪，為說正法。具大甲冑一切菩薩摩訶薩眾，為他說法亦復如是。由悲愍故，為令斷滅諸煩惱故，為令超渡三有海故，為諸眾生於三乘中隨心所樂，隨趣一乘速圓滿故，為說正法，終不令其輪轉生死，墮大險難。

(*Kinh: Nay thiện nam tử! Vì thế, người có trí, trước hết hãy nên quan sát cái tâm của hết thầy mọi người, sau đây thuyết pháp. Trước hết, hãy nên phát khởi từ tâm, bi tâm, hỷ tâm, tâm lợi ích, tâm chẳng giải đãi, tâm có thể chịu đựng, tâm chẳng kiêu mạn, tâm chẳng ghen ghét, tâm chẳng bủn xỉn, tâm đảnh dẫn định. Sau đây, vì họ tuyên thuyết chánh pháp, trọn chẳng để các loài chúng sanh khác nghe pháp đã nói mà luân chuyển sanh tử, đọa vào hiểm nạn to lớn. Vì thế, Như Lai khéo thông đạt tâm tướng của hết thầy chúng sanh, dùng Vô Trần Cấu, Vô Thủ Hành Luân vì họ nói chánh pháp. Hết thầy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ giáp trụ, vì người khác thuyết pháp cũng giống như thế. Do thương xót, do muốn khiến cho chúng sanh đoạn diệt các phiền não, vì khiến cho họ vượt thoát biển ba cõi, vì để các chúng sanh từ trong ba thừa, tùy lòng ưa thích mà chọn lựa tiến theo một thừa, sẽ mau được viên mãn, vì nói chánh pháp trọn chẳng để cho chúng sanh luân chuyển sanh tử, đọa vào trong hiểm nạn to lớn).*

Người có trí huệ trước hết phải quan sát chúng sanh, quan sát xem tâm niệm của họ là gì? Chuyện này ắt cần phải đắc Tha Tâm Thông và Túc Mạng Thông. Nếu không trọn đủ [các món thần thông ấy], sẽ làm như thế nào? Trước hết, quý vị phải phát tâm. “*Phát Từ tâm*”: Từ tâm là ban cho chúng sanh hết thầy sự vui sướng, dẹp trừ đau khổ cho chúng sanh. “*Đại bi tâm*” là thấy chúng sanh đau khổ giống hết như chính mình đau khổ. Đó gọi là phát Bồ Đề tâm. Trọn đủ nhiều loại tâm như



vậy, sanh khởi tâm hoan hỷ, vui mừng đối với pháp, vui mừng đối với chúng sanh. Sanh “*ích tâm*”, tức là nhất định tạo lợi ích cho chúng sanh. “*Bất giải đãi tâm*”: Tu pháp, thuyết pháp đều phải tinh tấn, có thể chịu đựng sự náo hại của chúng sanh, dù mọi thứ hủy báng đều có thể chịu đựng, vì sẽ tiêu tai. “*Bất kiêu mạn tâm*”: Chúng sanh và ta đều bình đẳng. Nếu thoát ly chúng sanh, quý vị sẽ chẳng thể thành Phật. Hôm nào đó, tôi đã cùng mọi người nói đến chuyện báo đáp tứ trọng ân, có biết tứ trọng ân là gì hay không? Chúng ta chỉ biết cha, mẹ, Phật, chẳng biết ân chúng sanh. Báo tứ trọng ân, điều thứ nhất là báo chúng sanh ân. Chẳng có chúng sanh, quý vị sẽ chẳng thể thành Phật. Từ bi hỷ xả đối với ai? Chúng sanh thành tựu Phật đạo cho quý vị. Có thể chịu đựng, chẳng kiêu căng, ngạo mạn, lại còn chẳng ganh tỵ, chẳng bủn xỉn!

“*Đẳng dẫn định tâm*”: Phải trọn đủ nhiều tâm ngàn ấy! Do định lực, dẫn khởi sự vui sướng nơi thân tâm, thân tâm an tịnh. Đó gọi là “*đẳng dẫn*” (等引). Sau đó, vì người ấy tuyên thuyết chánh pháp, nói đại pháp, chẳng khiến cho người ấy vì nghe thuyết pháp mà luân chuyển sanh tử. Chỉ cần được nghe pháp, sẽ khiến cho người ấy đoạn tuyệt con đường sanh tử, tôi thiếu là đoạn tuyệt nỗi khổ nơi ba ác đạo. Trước kia, tôi giảng Hoa Nghiêm, giảng Pháp Hoa. Thoạt đầu, học pháp, đã trải qua hai Phật Học Viện, năm năm đầu học Hoa Nghiêm tại Cô Sơn. Năm năm sau là ở Trạm Sơn Tự, học tứ giáo với lão pháp sư Đàm Hư, tức là lấy kinh Pháp Hoa làm chủ. Sau khi đã tới Mỹ, đổi sang học kinh Địa Tạng, bèn giảng Địa Tạng Tam Kinh. Nếu ai có thể niệm kinh Địa Tạng, tin kinh Địa Tạng, thấy tượng Địa Tạng Bồ Tát, thờ tượng Địa Tạng, sẽ tuyệt đối đoạn dứt tam đồ, hiểm nạn chẳng còn nữa. Đức Phật nói như thế đó. Tôi cho rằng giảng pháp này, chúng sanh sẽ không còn luân chuyển sanh tử, đọa trong khổ não to lớn. Sau đó, có khi còn giảng Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, giảng ba phẩm kinh Hoa Nghiêm, cũng giảng Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta khéo dùng cái tâm như thế nào. Chúng ta chỉ cần biết dụng tâm là được rồi. Khéo dùng cái tâm, sẽ đoạn hết thảy ác. Quý vị biết dụng tâm, gặp điều gì sẽ phát nguyện điều gì, nguyện cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật.

“*Như Lai thiện đạt nhất thiết chúng sanh tâm tướng, dĩ Vô Trần Cấu, Vô Thủ Hành Luân, vị thuyết chánh pháp*” (Như Lai khéo thông đạt tâm tướng của hết thảy chúng sanh, dùng Vô Trần Cấu, Vô Thủ Hành Luân để nói chánh pháp cho họ): Tiếp đó, nói đến Phật luân, ý nghĩa của mấy đoạn kinh văn này rất sâu, quý vị phải chú ý nghe. “*Cụ đại giáp trụ nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát chúng*” (Hết thảy các vị Bồ Tát

Ma Ha Tát trọn đủ giáp trụ): Người ấy ở trong chúng sanh mà chẳng bị chúng sanh tiêm nhiễm, ở trong chiến trận đội khô, mặc giáp, chẳng bị thương tổn, là bậc đại Bồ Tát, như vậy thì mới có thể thuyết pháp cho người khác. Đây là “*do bi mãn cố, vị linh đoạn diệt chư phiền não cố*” (do vì thương xót, vì muốn đoạn diệt các phiền não): Thương xót hết thảy chúng sanh, khiến cho hết thảy chúng sanh đoạn trừ các phiền não ấy. “*Vị linh siêu độ tam hữu hải*” (Vị khiến cho họ vượt thoát biển ba cõi): Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới được gọi chung là Tam Hữu. Thông thường, “*tam hữu*” là nói đến điều này!

“*Vị chư chúng sanh ư tam thừa trung, tùy tâm sở nhạo, tùy thú nhất thừa*” (Vị khiến cho các chúng sanh từ trong tam thừa, tùy lòng ưa thích, sẽ tiến hướng theo một thừa), tức là thuyết pháp trọn khắp, cả ba thừa đều nói. Chúng sanh có duyên với thừa nào, học thừa ấy sẽ rất tốt, cho nên cả ba thừa “*đại, trung, tiểu*” đều nói. “*Tốc viên mãn cố*” (Vị mau chóng viên mãn): Nếu tùy theo căn cơ mà thuyết pháp, người ấy do tương ứng căn cơ, sẽ đắc độ. Như thế thì sẽ khiến cho người ấy viên mãn rất nhanh chóng. “*Vị thuyết chánh pháp, chung bất linh kỳ luân chuyển sanh tử, đọa đại hiểm nạn*” (Vị họ nói chánh pháp, trọn chẳng khiến cho họ luân chuyển sanh tử, đọa vào hiểm nạn to lớn): Mục đích thuyết pháp là khiến cho chúng sanh lìa khổ, được vui, chẳng còn đọa trong hiểm nạn. “*Hiểm nạn*” chính là sự hiểm nạn trong tam đồ.

**(Kinh) Vân hà danh Vô Trần Cấu Hành Luân? Vô Trần Cấu giả, vị thuyết pháp thời, bất vị hữu Uẩn, bất vị hữu Xứ, bất vị hữu Giới, bất vị hữu Dục Giới, bất vị hữu Sắc Giới, bất vị hữu Vô Sắc Giới, bất vị hữu thử thế, bất vị hữu tha thế, bất vị hữu chư Hành, bất vị hữu Thọ, bất vị hữu Tướng, bất vị hữu Tư, bất vị hữu Xúc, bất vị hữu tác ý, bất vị hữu vô minh, nãi chí bất vị hữu lão tử, bất vị hữu hành, cập bất hành cố. Vị chư chúng sanh tuyên thuyết chánh pháp, duy vị nhất thiết chư Uẩn, Xứ, Giới, quảng thuyết nãi chí hành dữ bất hành, giai tịch diệt cố, vị chư chúng sanh tuyên thuyết chánh pháp. Dĩ thị nghĩa cố, danh Vô Trần Cấu. Hành giả, sở vị vị năng vĩnh đoạn tử thử, sanh bỉ, vị chư chúng sanh tuyên thuyết chánh pháp. Sở vị: Vị năng vĩnh đoạn chư Uẩn, Xứ, Giới, quảng thuyết nãi chí vị năng vĩnh đoạn hành dữ bất hành, vị chư chúng sanh tuyên thuyết chánh pháp. Thị danh vị Hành. Luân giả, sở vị như mãn nguyệt quang, thanh lương vô ngại, biến mãn hư không, chiếu xúc nhất thiết vô chướng cảnh giới. Như thị Như Lai, cập chư Bồ Tát, sở hữu thân thông, ký thuyết, giáo giới,**

*tam chủng thắng luân tác dụng vô ngại, biến chư thế giới, lợi lạc nhất thiết sở hóa chúng sanh, linh chư chúng sanh bất dị quy thú, bất cộng nhất thiết thế gian chúng sanh, bất cộng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, năng linh chúng sanh đoạn diệt sanh tử chư khổ não pháp, chứng đắc an lạc Bồ Đề Niết Bàn. Thị danh vi Luân. Như thị danh vi chư Phật, Bồ Tát Vô Trần Cấu Hành Luân.*

(經)云何名無塵垢行輪？無塵垢者，謂說法時，不為有蘊，不為有處，不為有界，不為有欲界，不為有色界，不為有無色界，不為有此世，不為有他世，不為有諸行，不為有受，不為有想，不為有思，不為有觸，不為有作意，不為有無明，乃至不為有老死，不為有行及不行故。為諸眾生宣說正法，唯為一切諸蘊、處、界，廣說乃至行與不行皆寂滅故，為諸眾生宣說正法。以是義故，名無塵垢。行者，所謂為能永斷死此生彼，為諸眾生宣說正法。所謂：為能永斷諸蘊處界，廣說乃至為能永斷行與不行，為諸眾生宣說正法。是名為行。輪者，所謂如滿月光，清涼無礙徧滿虛空，照觸一切無障境界。如是如來及諸菩薩所有神通、記說、教誡三種勝輪，作用無礙徧諸世界，利樂一切所化眾生，令諸眾生不異歸趣，不共一切世間眾生，不共一切聲聞、獨覺，能令眾生斷滅生死諸苦惱法，證得安樂菩提涅槃。是名為輪。如是名為諸佛菩薩無塵垢行輪。

(Kinh: Thế nào là Vô Trần Cấu Hành Luân? Vô Trần Cấu tức là khi thuyết pháp, chẳng vì có Uẩn, chẳng vì có Xứ, chẳng vì có Giới, chẳng vì có Dục Giới, chẳng vì có Sắc Giới, chẳng vì có Vô Sắc Giới, chẳng vì có đời này, chẳng vì có đời khác, chẳng vì có các Hành, chẳng vì có Thọ, chẳng vì có Tưởng, chẳng vì có Tư, chẳng vì có Xúc, chẳng vì có tác ý (dấy khởi ý niệm), chẳng vì có vô minh, cho đến chẳng vì có già, chết, chẳng vì có hành và bất hành. Vì các chúng sanh tuyên nói chánh pháp, chỉ vì hết thấy các Uẩn, Xứ, Giới, nói rộng là cho đến hành và bất hành đều tịch diệt, vì các chúng sanh tuyên nói chánh pháp. Do vì nghĩa ấy, gọi là Vô Trần Cấu. Hành tức là có thể vĩnh viễn đoạn dứt “chết đây, sanh kia”. Vì các chúng sanh tuyên nói chánh pháp, tức là có thể vĩnh viễn đoạn các Uẩn, Xứ, Giới, nói rộng là cho đến có thể vĩnh viễn đoạn

*hành và bất hành, vì các chúng sanh tuyên nói chánh pháp. Đây gọi là Hành. Luân tức là như ánh trăng tròn, trong mát, vô ngại, trọn khắp hư không, chiếu chạm hết thấy cảnh giới chẳng chướng ngại. Như Lai và các vị Bồ Tát cũng như thế, tất cả ba loại luân thù thắng là thần thông, kỹ thuyết (thuyết pháp ứng với sự mong mỏi, nghĩ nhớ của chúng sanh), giáo giới (răn dạy) tác dụng vô ngại, trọn khắp các thế giới, lợi lạc hết thấy chúng sanh được giáo hóa, khiến cho các chúng sanh chẳng quy hướng theo đường khác, nhưng chẳng giống như hết thấy chúng sanh trong thế gian, chẳng chung với hết thấy Thanh Văn và Độc Giác, có thể khiến cho chúng sanh đoạn diệt các pháp sanh tử khổ não, chúng đắc an lạc Bồ Đề Niết Bàn. Đây gọi là Luân. Như thế gọi là Vô Trần Cấu Hành Luân của chư Phật, Bồ Tát).*

Điều này gọi là Vô Trần Cấu Luân (無塵垢輪), là nghĩa Không. [Trong đoạn trước] vừa mới nói [thuyết pháp không đúng căn cơ, sẽ khiến cho người nghe] đọa vào Đoạn Diệt Kiến, nhưng ở đây là thuyết pháp vi diệu, mà chẳng khiến cho kẻ nghe đọa vào Đoạn Diệt Kiến. “*Hữu*” là sắc pháp, bao gồm tâm pháp. “*Hữu uẩn*” là Ngũ Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. “*Bất vị hữu Xứ*” (Chẳng vì có Xứ) là mười hai Xứ. “*Bất vị hữu Giới*” (Chẳng vì có Giới) là mười tám Giới. Lại nói riêng về một điều, “*bất vị hữu Dục Giới*”, “*bất vị hữu Sắc Giới*”, “*bất vị hữu Vô Sắc Giới*” (chẳng vì có Dục Giới, chẳng vì có Sắc Giới, chẳng vì có Vô Sắc Giới), tức là tam giới. “*Bất vị hữu thủ thế*”, “*bất vị hữu tha thế*” (Chẳng vì có đời này, chẳng vì có đời khác), “*thủ thế*” là đời này, “*bất vị tha thế*” là nói tới tương lai. “*Bất vị hữu chư hành, bất vị hữu Thọ, bất vị hữu Tưởng, bất vị hữu Tư, bất vị hữu Xúc, bất vị hữu tác ý*” (Chẳng vì có các Hành, chẳng vì có Thọ, chẳng vì có Tưởng, chẳng vì có Tư, chẳng vì có Xúc, chẳng vì có tác ý): Đây là Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

“*Bất vị hữu vô minh*” (Chẳng vì có vô minh), cho đến chẳng vì có già, chết. Đây là mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên thì Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Xứ, cho đến già chết.

“*Bất vị Ngũ Thủ Uẩn*” (Chẳng vì Ngũ Thủ Uẩn), Ngũ Thủ Uẩn<sup>11</sup> là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, [cùng với] mười tám Giới, mười hai

---

<sup>11</sup> Nếu nói chi tiết hơn, Ngũ Thủ Uẩn chính là phiền não phát sanh từ Ngũ Uẩn. Theo Duy Thức, Thủ ở đây là tên gọi khác của phiền não. Gọi là Ngũ Thủ Uẩn do dựa

Xứ, chẳng có Tác Ý, Tư, Tướng, Thọ, Hành, hết thấy đều chẳng tồn tại, như mộng, huyễn, bọt, bóng, cho đến Vô Trần Cấu Hành, cho đến đối với hành và bất hành, các thứ ấy đều nhằm hiển thị nghĩa Trung Đạo, chẳng rơi vào hai bên Đoạn và Thường.

Đoạn kinh văn tiếp đó nhằm nhắc lại, vì sao phải nhắc lại? Vì ý nghĩa này chẳng dễ hiểu! Đức Phật thuyết pháp là thanh tịnh, “*thanh tịnh luân trần cấu*” là những gì đã làm, những điều giáo hóa đã nói đều là thanh tịnh. Trong khi thuyết pháp, chẳng chấp trước cái này, mà cũng chẳng chấp trước cái kia. Hết thấy đều chẳng chấp trước, chẳng có đây và kia. Đây và kia đều là đối đãi. Hễ có đối đãi, bèn có trần cấu, cho nên pháp chẳng có đối đãi. Lìa khỏi hai bên, hiển lộ Trung Đạo, ly tứ cú, tuyệt bách phi.

Muốn đoạn sanh tử, phải hành Vô Trần Cấu Luân này, khiến cho hết thấy đều tịch diệt, đều thanh tịnh. Những điều chúng ta vừa đọc trên đây đều là vì tịch diệt, nói chánh pháp cho chúng sanh. Do vì nghĩa ấy, nên gọi là Vô Trần Cấu. Hành giả, nếu làm như vậy, sẽ có thể vĩnh viễn đoạn dứt “*chết đây, sanh kia*”, đó gọi là Hành. Vô Trần Cấu ắt cần phải đạt đến vĩnh viễn dứt sanh tử, chúng Niết Bàn rốt ráo. Đây là chánh pháp, chánh pháp rốt ráo, vĩnh viễn đoạn các Uẩn, Xứ, Giới, Ngũ Uẩn, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới.

Nếu nói rộng, hết thấy hành và bất hành đều phải đoạn tuyệt, chẳng có hành, mà cũng chẳng có bất hành, đây mới gọi là Vô Trần Cấu Luân. Vô Trần Cấu Luân là như vậy, chẳng có hành, mà cũng chẳng có bất hành. Hành tức là bất hành, bất hành tức là hành. Các pháp do đức Phật đã nói đều không có khởi đầu, không có kết thúc. Do vậy gọi là Viên. Quý vị tìm cái khởi đầu sẽ chẳng có, tìm cái kết thúc cũng chẳng có. Đó là ý nghĩa Viên. Hiện thời, dùng điều này để hiển thị Vô Trần Cấu Luân. Trong ấy, có mười loại giáp trụ luân. Luân là nói tỷ dụ, tỷ dụ gì vậy? Ví như pháp, dùng bánh xe để nói. Bánh xe có thể nghiền nát hết thấy các vật chướng ngại ở dưới nó. Trong Phật giáo, sánh ví những điều đức Phật đã nói giống như Luân. Luân ấy giống như trăng Rằm, quang minh chiếu trọn khắp. Nếu là mùa Hạ, ban đêm ánh trăng vừa chiếu bèn

---

theo ba ý nghĩa:

1. Ngũ Uẩn do phiền não mà sanh khởi.
  2. Do vì có Ngũ Uẩn mà có các phiền não hệ thuộc.
  3. Ngũ Uẩn làm cơ sở để sanh khởi phiền não.
- Cách hiểu thứ ba phổ biến nhất.

rất trong mát. Ý nghĩa của việc sánh ví [những điều Phật dạy] như quang minh nhằm thuyết minh [những pháp ấy] không bị chướng ngại. Quang minh hiển hiện trong không trung, chẳng có chướng ngại, cũng tức là tương cảnh giới vô chướng ngại. Đây là hình dung tất cả tác dụng thù thắng của [ba thứ thuyết pháp luân là] thần thông, ký thuyết, và giáo giới của Phật và đại Bồ Tát cũng đều vô ngại.

Còn đối với thần thông, nơi sáu căn của đức Phật, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều biến thành thần thông. Vậy thì thiên nhãn, thiên nhĩ, [đối với mỗi căn] đều thêm một chữ Thiên. Thiên (天) [ở đây] có nghĩa là tự nhiên. Khi quý vị chứng đắc, đã hiểu rõ, đã khai ngộ, khôi phục bản thể vốn có, các cảnh giới bị mê hoặc hay bị chướng ngại đều tiêu mất, sẽ có thần thông. Thần thông là bản tánh trí huệ của quý vị. Cái Thể của thần thông là trí huệ. “Thần” (神) là chẳng dựa vào sự nghĩ bàn. Người khác thấy một sự kiện [kỳ diệu], bèn nói người ấy là chân thần. Chân thần giống như ảo thuật, có cảm giác người ấy là thần. Hoặc là nuốt đao, phun lửa, quý vị cảm thấy [người làm được như vậy] đúng là rất thần dị, vì quý vị chẳng thể làm. Quý vị thấy họ làm, cảm giác rất thần dị. Thần thông của Phật rất tự nhiên. Ngài trông thấy chúng sanh, biết chúng sanh tướng, biết đời quá khứ của chúng sanh, đáng nên nói pháp gì cho họ, khiến cho họ có thể khai ngộ. [Đó là thần thông]. Còn “*ký thuyết*” (記說) là đại Bồ Tát hoặc chư Phật, đối với những điều chúng sanh nghĩ nhớ trong tâm, các Ngài đều ghi nhớ, tức là ghi nhớ những điều thuộc về tu nhân và tác dụng của cái tâm người ấy trong khi tu nhân, để thuyết pháp [tương ứng với điều họ nghĩ nhớ ấy]. Đó gọi là “*ký thuyết*”. “*Giáo giới*” (教誡, răn dạy): Phạm là pháp do đức Phật đã nói đều gọi là “*giáo giới*”. Như khi chúng ta thỉnh cầu giáo giới từ thượng sư, [giáo giới] có nghĩa là “*răn nhắc, khích lệ, giáo hóa*” quý vị. Giáo giới có nghĩa là thuyết pháp. Vốn là vị thầy răn dạy quý vị về giới luật, dạy quý vị nên làm như thế nào.

Ba loại pháp luân thù thắng ấy có tác dụng vô chướng ngại, tức là tác dụng chẳng bị trở ngại, chẳng phải là chỉ độ cho một chúng sanh nào đó, chẳng độ chúng sanh khác, hoặc độ trong thế giới này, chẳng thể độ trong thế giới khác. [Nếu như thế] thì là có phân biệt! Do vậy nói [Phật pháp] lợi lạc hết thảy chúng sanh, tức là lợi lạc hết thảy chúng sanh được hóa độ, khiến cho các chúng sanh ấy tam thừa cùng tu chẳng sai khác. Chỉ cần quý vị tu hành theo giáo pháp do đức Phật đã dạy, khởi đầu bằng Tam Quy là được rồi! Dùng lòng tin Đại Thừa để tu Tam Quy, cái

mà quý vị quy hướng chính là cái để quý vị nương cậy, quy về cái tâm của chính mình. Đó là rốt ráo.

Hết thầy các pháp đã đạt đến chỗ rốt ráo, tức là một niệm tâm bình thường của quý vị trong hiện tiền chính là rốt ráo nhất. “*Quy thú*” (歸趣) là quy y cái tâm của quý vị, quy hướng tam thừa đạo quả, hoặc là quy y Phật quả. Đây là chỗ riêng biệt (bất cộng) so với hết thầy chúng sanh trong thế gian. Điều này chuyên nói về Phật, Bồ Tát, không chỉ riêng biệt so với hết thầy chúng sanh trong thế gian, mà đối với hết thầy chúng sanh thuộc Thanh Văn Thừa và Duyên Giác Thừa thuộc xuất thế gian cũng khác biệt. Đức Phật đại từ đại bi, vô lượng từ, bi, hỷ, xả, chẳng giống như hàng Nhị Thừa. Vì sao chẳng cùng chung (bất cộng)? Tiếp đó, [chánh kinh] nói về hàng Nhị Thừa. Nhị Thừa chỉ vì chính mình, chẳng vì chúng sanh. Chúng sanh đau khổ, họ chẳng quản, mà cũng chẳng cứu độ. Vì Phật, Bồ Tát có thể đoạn diệt hết thầy khổ não sanh tử cho chúng sanh, sanh tử là do phiền não của chúng sanh mà dậy lên. Trong sanh tử luân hồi, chúng sanh có vô lượng vô biên khổ não. [Chư Phật, Bồ Tát] khiến cho họ ngưng dứt, đoạn diệt sanh tử khổ luân, chẳng xoay vần trong lục đạo luân hồi. Như thế thì sẽ chứng đắc điều gì? Chúng đắc Niết Bàn an lạc Bồ Đề. Bồ Đề là giác, vì đã giác ngộ, vì đã bất sanh, bất diệt. Niết Bàn là bất sanh, bất diệt, đạt được an lạc rốt ráo, đó gọi là Luân. Tôi giải thích chữ Luân này chính là “thuyết pháp”. Đó mới gọi là rốt ráo, đã đạt tới Vô Trần Cấu. Vô Thủ Hành, Hành thì chẳng có năng hành và sở hành (chẳng có người làm và việc được làm), chẳng chấp giữ. Đó gọi là “chứng đắc”. An lạc như vậy, “*nư thị giả, danh vi chư Phật, Bồ Tát Vô Trần Cấu Hành Luân*” (như thế bèn gọi là Vô Trần Cấu Hành Luân của chư Phật và Bồ Tát).

*(Kinh) Vân hà danh vi Vô Thủ Hành Luân? Vị ư chư pháp, vô sở quái ngại. Do như nhật quang phổ chiếu nhất thiết, tam thừa căn khí, tùy kỳ sở nghi, tuyên thuyết chánh pháp, vô sở chấp trước. Vị chư Như Lai vị chư chúng sanh thuyết như thị pháp, do như hư không, vô sai biệt tướng, dĩ vô lượng Định du hý tự tại trang nghiêm trụ trì, vị chư chúng sanh thuyết vi diệu pháp, vô sở chấp trước. Cụ đại giáp trụ nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, vị tha thuyết pháp, diệt phục như thị, vị thuyết chư pháp phi hữu, phi không, phi tức sắc không, phi lý sắc không, nãi chí phi tức thức không, phi lý thức không, phi tức nhãn không, phi lý nhãn không, nãi chí phi tức ý không, phi lý ý không, phi tức sắc không, phi lý sắc không, nãi chí phi tức pháp*

không, phi ly pháp không, phi tức nhãn thức không, phi ly nhãn thức không, nãi chí phi tức ý thức không, phi ly ý thức không, phi tức Dục Giới Không, phi ly Dục Giới Không, nãi chí phi tức Hư Không Vô Biên Xứ Không, phi ly Hư Không Vô Biên Xứ Không, phi tức Thức Vô Biên Xứ Không, phi ly Thức Vô Biên Xứ Không, phi tức Vô Sở Hữu Xứ Không, phi ly Vô Sở Hữu Xứ Không, phi tức Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Không, phi ly Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Không, phi tức Tứ Niệm Trụ Không, phi ly Tứ Niệm Trụ Không, nãi chí phi tức bát chi thánh đạo không, phi ly bát chi thánh đạo không, phi tức duyên khởi pháp không, phi ly duyên khởi pháp không, phi tức Tam Bất Hộ Không, phi ly Tam Bất Hộ Không, phi tức Tứ Vô Sở Úy Không, phi ly Tứ Vô Sở Úy Không, phi tức Thập Lực Không, phi ly Thập Lực Không, phi tức Thập Bát Bất Cộng Pháp Không, phi ly Thập Bát Bất Cộng Pháp Không, phi tức đại từ đại bi đại hỷ đại xả không, phi ly đại từ đại bi đại hỷ đại xả không, phi tức Niết Bàn không, phi ly Niết Bàn không. Thị danh Như Lai cập chư Bồ Tát, vị chư chúng sanh tuyên thuyết xứ trung vi diệu chánh pháp.

(經)云何名為無取行輪？謂於諸法無所罣礙。猶如日光普照一切，三乘根器隨其所宜，宣說正法，無所執著。謂諸如來，為諸眾生說如是法，猶如虛空無差別相，以無量定遊戲自在莊嚴住持，為諸眾生說微妙法，無所執著。具大甲冑一切菩薩摩訶薩眾，為他說法，亦復如是，謂說諸法非有，非空，非即色空，非離色空，乃至非即識空，非離識空，非即眼空，非離眼空，乃至非即意空，非離意空，非即色空，非離色空，乃至非即法空，非離法空，非即眼識空，非離眼識空，乃至非即意識空，非離意識空，非即欲界空，非離欲界空，乃至非即虛空無邊處空，非離虛空無邊處空，非即識無邊處空，非離識無邊處空，非即無所有處空，非離無所有處空，非即非想非非想處空，非離非想非非想處空，非即四念住空，非離四念住空，乃至非即八支聖道空，非離八支聖道空，非即緣起法空，非離緣起法空，非即三不護空，非離三不護空，非即四無所畏空，非離四無所畏空，非即十力空，非離十力空，非即十八不共法空，非離十八不共法空，非



即大慈大悲大喜大舍空，非離大慈大悲大喜大舍空，非即涅槃空，非離涅槃空。是名如來及諸菩薩，為諸眾生宣說處中微妙正法。

*(Kinh: Vô Thủ Hành Luân là như thế nào? Tức là trong các pháp chẳng vương mắc, ví như ánh sáng mặt trời chiếu trọn khắp hết thấy. Đối với căn khí tam thừa, tùy theo căn cơ thích đáng mà tuyên nói chánh pháp, chẳng chấp trước. Tức là các đức Như Lai vì các chúng sanh nói pháp như thế. Ví như hư không chẳng có tướng sai biệt, dùng vô lượng định du hí tự tại trang nghiêm để trụ trì, vì các chúng sanh thuyết vi diệu pháp chẳng chấp trước. Hết thấy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ giáp trụ, vì người khác thuyết pháp cũng giống như thế. Tức là nói các pháp chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải chính là sắc không, chẳng phải là lìa sắc không, cho đến chẳng phải chính là thức không, chẳng phải là lìa thức không, chẳng phải chính là nhãn không, chẳng phải là lìa nhãn không, cho đến chẳng phải chính là ý không, chẳng phải là lìa ý không, chẳng phải chính là sắc không, chẳng phải là lìa sắc không, cho đến chẳng phải chính là pháp không, chẳng phải là lìa pháp không, chẳng phải chính là nhãn thức không, chẳng phải là lìa nhãn thức không, cho đến chẳng phải chính là ý thức không, chẳng phải là lìa ý thức không, chẳng phải chính là Dục Giới Không, chẳng phải là lìa Dục Giới Không, cho đến chẳng phải chính là Hư Không Vô Biên Xứ Không, chẳng phải là lìa Hư Không Vô Biên Xứ Không, chẳng phải chính là Thức Vô Biên Xứ Không, chẳng phải là lìa Thức Vô Biên Xứ Không, chẳng phải chính là Vô Sở Hữu Xứ Không, chẳng phải là lìa Vô Sở Hữu Xứ Không, chẳng phải chính là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Không, chẳng phải là lìa Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Không, chẳng phải chính là Tứ Niệm Trụ Không, chẳng phải là lìa Tứ Niệm Trụ Không, cho đến chẳng phải chính là bát chi thánh đạo không, chẳng phải là lìa bát chi thánh đạo không, chẳng phải chính là duyên khởi pháp không, chẳng phải là lìa duyên khởi pháp không, chẳng phải chính là Tam Bất Hộ Không, chẳng phải là lìa Tam Bất Hộ Không, chẳng phải chính là Tứ Vô Sở Ủy Không, chẳng phải là lìa Tứ Vô Sở Ủy Không, chẳng phải chính là Thập Lực Không, chẳng phải là lìa Thập Lực Không, chẳng phải chính là Thập Bát Bất Cộng Pháp Không, chẳng phải là lìa Thập Bát Bất Cộng Pháp Không, chẳng phải chính là đại từ đại bi đại hỷ đại xả không, chẳng phải là lìa đại từ đại bi đại hỷ đại xả không, chẳng phải chính là Niết Bàn Không, chẳng phải là lìa Niết Bàn*

*Không. Đấy gọi là Như Lai và các Bồ Tát vì các chúng sanh tuyên thuyết vi diệu chánh pháp nơi các Xứ).*

“*Vân hà danh vi Vô Thủ Hành Luân?*” (Thế nào gọi là Vô Thủ Hành Luân?): [Trong phần trước], gộp chung hai điều ấy để nói; nay tách ra. Trước tiên nói về Vô Trần Cấu Hành Luân. Kế đó, nói về Vô Thủ Hành Luân.

“*Vị u chư pháp vô sở quái ngại, do như nhật quang phổ chiếu nhất thiết*” (Tức là chẳng vướng mắc nơi các pháp, ví như ánh sáng mặt trời chiếu trọn khắp hết thảy): Trong phần trước, dùng ánh trăng để hình dung sự tiêu trừ nhiệt nã của chúng ta. Trong phần này, dùng ánh nắng để hình dung sự tiêu trừ hắc ám. Ánh sáng mặt trời chiếu khắp hết thảy. Đối với tất cả Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, và Bồ Tát Thừa, kẻ đó đáng dùng pháp gì để đắc độ, bèn nói pháp đó, thích ứng với căn cơ. Pháp nào tương ứng với kẻ đó, bèn nói pháp đó. Hết thảy chúng sanh cho đến Thanh Văn, Duyên Giác đều có chấp trước. Thanh Văn và Duyên Giác chẳng còn Ngã Chấp, đã đoạn Ngã Chấp, nhưng hãy còn Pháp Chấp. [Họ cho rằng] “Ngã là giả, Pháp là thật”. Do vậy, trong kinh Kim Cang, đức Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: “*Tri ngã thuyết pháp, như phiệt dụ giả, pháp thượng ưng xả, hà hướng phi pháp*”, [nghĩa là] ông hãy biết các pháp do ta đã nói cho ông trước kia là để độ ông liễu sanh tử, giống như chiếc thuyền để vượt sông. Đã vượt sông xong rồi, chẳng cần thuyền nữa, còn chấp trước để làm chi?

Nói tới chánh pháp, đứng theo căn cơ mà thuyết pháp thì [các pháp đã nói ấy] đều là chánh pháp, khiến cho họ đắc độ thì gọi là chánh pháp. Chẳng đứng căn cơ, dẫu quý vị nói chánh pháp nhiều cỡ nào đi nữa, vẫn chẳng trừ khử nổi chấp trước, chẳng trừ khử khổ não, đấy vẫn chẳng phải là chánh pháp! Vì họ (người nghe) chẳng lý giải. [Chánh pháp là pháp] khiến cho chúng sanh chẳng chấp trước nữa! Chư Phật Như Lai vì các chúng sanh, nói pháp như thế, pháp gì vậy? Kế đó, [kinh văn liệt kê] các pháp như thế do đức Phật đã nói. “*Như thị*” là từ ngữ để chỉ pháp, nhằm chỉ các thứ gì đó. Những pháp như thế chính là các pháp nào vậy? Pháp ấy dường như hư không, chẳng có tướng sai biệt. “*Tướng*” chính là hết thảy các thứ được kiến lập trong hư không. Bản thân hư không chẳng có tướng sai biệt. Đối với tất cả chúng sanh thuộc các đường trong tam thừa, đức Phật đều nói vô lượng loại Định. Có vô lượng thứ Định. Định chẳng phải là ngồi im chẳng nói năng gì, sáu căn bất động thì mới là Định! Trọn chẳng phải là như thế! Định là hết thảy

các hành động đều ở trong Định. Chư Phật, Bồ Tát thấy các chúng sanh huyễn hóa, pháp do đức Phật đã nói cũng là pháp huyễn hóa. Khi đó chúng sanh giống như chúng ta đang chơi đùa (“*du hí*”). Chơi đùa gì vậy? “*Tự tại trang nghiêm trụ trì*” tức là Phật thuyết pháp để trụ trì, trụ trì ngay nơi pháp, trang nghiêm pháp ấy, nhưng trên thực tế, chẳng có pháp ấy!

“*Vì chư chúng sanh thuyết vi diệu pháp, vô sở chấp trước, cụ đại giáp trụ*” (Vì các chúng sanh nói pháp vi diệu, chẳng chấp trước, trọn đủ đại giáp trụ): “*Trọn đủ đại giáp trụ*” là khi chiến đấu với phiền não của chúng sanh, chẳng hề sợ hãi, chẳng bị chúng sanh ô nhiễm. Nếu công phu không sâu, chẳng có định lực, vốn là độ chúng sanh, đến cuối cùng lại đâm ra giống hệt như chúng sanh, đã bị chúng sanh nhuộm bản! Nếu khởi chấp trước đối với pháp, hoặc dấy chấp trước đối với tướng chúng sanh, đó chẳng phải là liễu nghĩa rốt ráo. Lúc thoát đầu, nếu [nói ngay] như thế thì không được, phải biết vào lúc nào, sẽ thuyết pháp nào!

Vô Trần Cấu Luân là như thế nào? Phật hành Vô Hạnh Luân. Vô Hạnh Luân chính là Vô Thủ Hành Luân, [nghĩa là] chẳng giữ lấy hết thấy các pháp, tức là từ ngay trong sự vận động của nó, Hành là “vận động”, trong hết thấy tác dụng của nó, trí huệ phương tiện thiện xảo chẳng phải là căn bản, mà là huyễn hóa. Loại phương tiện thiện xảo ấy chính là pháp vi diệu.

Pháp vi diệu là gì? Tiếp đó, [chánh kinh] giải thích pháp vi diệu. Điều gì cũng chẳng chấp trước, chẳng có gì để chấp trước. “*Cụ đại giáp trụ*” (Trọn đủ giáp trụ lớn): Đại giáp trụ là gì? Nghĩa Không, hết thấy vô tác! Do vậy nói Bồ Tát Ma Ha Tát, tức là Đại Bồ Tát, [nói theo tiếng Phạn] là Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha dịch nghĩa là Đại, khi độ chúng sanh, hoặc lợi ích chúng sanh, tâm từ bi hỷ xả của Ngài lớn nhất, lớn nhất trong các pháp, nên gọi là Thế Tướng. Chúng sanh có thể hiểu rõ cái tâm của chính mình, [hiểu rõ] thế tướng của tự tâm, sẽ thuyết pháp cho chúng sanh, tức là nói (thuyết pháp) như thế đó. [Do vậy chánh kinh ghi là] “*diệt phục như thị*” (cũng giống như thế đó).

“*Thuyết chư pháp phi hữu, phi không, phi tức sắc không, phi ly sắc không, nãi chí phi tức thức không, phi ly thức không*” (Nói các pháp chẳng có, chẳng không, chẳng phải chính là sắc không, chẳng phải là lìa sắc không, cho đến chẳng phải chính là thức không, chẳng phải là lìa thức không): Pháp do đức Phật đã nói chẳng chấp trước tướng. Nói Có thì chúng sanh liền chấp trước Có. Nói Không, thật sự khô, tam khô, bát khô, cho đến vô lượng các khô, sanh, lão, bệnh, tử khô, yêu thương phải

chia lìa, ngũ ấm lừng lẫy, cầu chẳng được, chuyện quý vị mong cầu chẳng đạt được mục đích, khổ vì chết. Mỗi cá nhân đều có nỗi khổ vì cầu chẳng được! Sanh khổ, bệnh khổ. [Chúng sanh] đã quên mất sanh khổ. Đối với nỗi khổ lúc được sanh ra, quý vị đều mê mờ, chẳng nhớ. Nỗi khổ vì qua lại luân chuyển, quý vị chẳng nhớ. Lại nói tới các pháp Có; nếu nói là Có, chúng sanh bèn chấp trước. Đức Phật chẳng nói Có, trong giáo nghĩa Đại Thừa đều nói “*phi Hữu*”. Cái Hữu ấy chẳng phải là Hữu (phi Hữu), phi Hữu chẳng phải là Không! Phi Không thì chẳng phải là Hữu! Chẳng phải vậy! Đây là nói đến nghĩa Không. Cái Không ấy chẳng phải là rỗng không như quý vị chấp trước. Do đối ứng với sự chấp trước [cái Không] của quý vị mà nói là phi Không; đối với sự chấp trước cái Có của quý vị mà nói là phi Hữu.

Hết thấy các pháp đều có hai khía cạnh là Hữu và Không, phi Hữu phi Không là Trung Đạo. Chẳng nói quyết định là Có, mà cũng chẳng nói quyết định là Không. Không tức là Có, Có tức là Không. Không ở trong Hữu, Hữu ở trong Không. Đây mới là “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc*”; đó là nói chung. Nói chung thì “*các pháp chẳng phải Có, chẳng phải Không*”.

Tiếp đó, nói phân biệt từng điều. Trước tiên là nói đến Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chúng ta không nói tới Ngũ Uẩn. Pháp Ngũ Uẩn cũng là Không. Bản thân Sắc là Không, đúng chưa? Đã lìa Sắc thì ở nơi Sắc bèn nói là Không ư? Hay là từ lìa Sắc mà nói là Không? Ở nơi Sắc mà nói là Không thì nó vốn là Có. Chẳng hạn như đóa hoa này, chúng ta nói đóa hoa này là Không chứ gì? Không là Có, nhưng nó chẳng thật sự tồn tại, vì chẳng có tự thể. Nói nó là “*phi Hữu*”, tức là từ ngay nơi Hữu mà nói là “*phi Hữu*”, nói “*phi Hữu*” chính là Không, nhưng phi Không! Hiện thời còn có sự thật cụ thể tồn tại, có sao là Không? Đối với vấn đề này, quý vị phải ngộ, phải tham cứu!

Như thân thể này của chúng ta, có hay không? Xác thực là có. Danh tự và hình tướng của một người đều là có, nhưng người ấy chẳng phải là một thứ gì thật sự tồn tại, vì có thể biến hóa, chẳng có thể tánh của chính nó. Thân thể của chúng ta do Tứ Đại Chủng hợp thành, tức Địa, Thủy, Hỏa, Phong. Kinh Lăng Nghiêm nói bảy đại, tức là kèm thêm Không, Căn, và Thức. Địa, Thủy, Hỏa, Phong thành tựu thân thể, chẳng Không thì cũng không được? Mọi người có thể nói xem: Thân thể của chúng ta vì sao có chỗ trống không? Trong bụng quý vị, giữa ngũ tạng, lục phủ đều có những kẽ hở, giữa khí quan này và khí quan kia đều có khoảng trống. Nếu chẳng có khoảng trống, dính chặt với nhau thành một

khỏi, mỗi khí quan sẽ đánh mất tác dụng. Địa, Thủy, Hỏa, Phong tách lia. Nếu trong bụng chẳng có không khí, quý vị còn có thể sống sót hay chẳng? Không có nước thì chẳng thứ gì tồn tại được. Nếu chẳng có không khí, quý vị sẽ lập tức tắt thở! Khi con người đến lúc tử vong cuối cùng, người ấy cũng chẳng ăn, cũng chẳng uống, vẫn có thể sống mấy ngày, nhưng đã đoạn khí thì sẽ chết. Do vậy, Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Căn, và Thức [được gọi chung là Thất Đại]. “Căn” là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, tức sáu căn, còn có Thức, thân thể tuy đã hoại, thức thứ tám bất hoại.

Vì thế, đối với hết thảy các pháp, trước tiên nêu ra Sắc pháp. Sắc pháp là Không ư? Sắc pháp chẳng phải là Không, mà cũng chẳng phải là Có, là “*Sắc tức là Không*”, hay “*Không tức là Sắc*”? Hai đặng điên đảo! Sắc ấy có phải là Không hay chẳng? Vẫn chẳng thể nói như thế được! Sắc chẳng phải “chính là Không”, mà Không cũng chẳng phải “chính là Sắc”! Không là Không, Sắc là Sắc; Sắc là Sắc, Không là Không. Chẳng phải chỉ Sắc pháp là như thế, mà Thọ, Tưởng, Hành, Thức [cũng như thế], [chánh kinh] nói lược ba món Tưởng, Hành, Thức. “*Nãi chí*” có ý nghĩa “lược bớt”.

“*Phi tức Thọ không, phi tức Hành không, phi tức Tưởng không*” (Chẳng phải “chính là Thọ không”, chẳng phải “chính là Hành không”, chẳng phải “chính là Tưởng không”): Đối với những điều này chẳng lặp lại. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều là như thế. Nói tới Uẩn, chẳng phải Uẩn chính là Không, mà cũng chẳng phải Không chính là Uẩn, có ý nghĩa như thế đó. Đây là Ngũ Uẩn Sắc pháp. [Như vậy thì] khi Tức (chính là) thì là Không, hay khi Ly (lia khỏi) mới là Không? “*Tức*” cũng chẳng đúng, mà “*Ly*” cũng chẳng đúng! Chẳng phải Tức, chẳng phải Ly. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, tức là lại nói tới lục căn, như vậy thì “*phi tức Nhãn Không, phi ly Nhãn Không*”, “*nãi chí*” là lại nói lược bớt [để nói thẳng vào] “*phi tức Ý Không, phi ly Ý Không*”. Lược bớt gì vậy? Lược bớt bốn căn trung gian, tức là lược bớt tai, mũi, lưỡi và thân, dùng “*nãi chí*” để [thể hiện ý nghĩa] “nói lướt qua”. Đối với mỗi nhóm pháp, đều nói theo kiểu như vậy. Kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển nói qua, nói lại, xoay vần như vậy. Do chẳng giản lược, chẳng có từ ngữ “*nãi chí*”, cả sáu điều đều nêu ra, bày ra từng pháp; cho nên văn tự trong kinh văn [Đại Bát Nhã] rất nhiều. Có ý nghĩa như thế đó.

Trong các kinh khác, Ngài dùng hai chữ “*nãi chí*” để nói đại lược. Do vậy, trong đoạn kinh văn này, quý vị hiểu một ý nghĩa trong ấy, bèn hiểu toàn bộ, “*phi Tức, phi Ly*”, đó là nghĩa Trung Đạo. “*Tức*” cũng

chẳng phải, mà Ly cũng chẳng phải! Quý vị đọc kinh điển Đại Thừa, ly tứ cú, tuyệt bách phi<sup>12</sup>, nói như thế nào cũng không đúng. Tứ Cú là “*có, không, chẳng phải có chẳng phải không, cũng có cũng không*”. Đó gọi là Tứ Cú. Tức “*Sắc là Không*” chẳng đúng, “*liạ Sắc chính là Không*” cũng chẳng đúng, “*liạ Thức chính là Không*” cũng chẳng đúng, “*Thức chính là Không*” cũng chẳng đúng. Đó là ý nghĩa “*ly tứ cú*” (liạ khỏi bốn câu). “*Phi tức Sắc không, phi ly Sắc không*”, cho đến “*phi tức Pháp không, phi ly Pháp không*”, vì sao lại nói một lần nữa? Chẳng nói tới Sắc Tâm pháp (tức Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp). Trước tiên nói về Sắc pháp (Sắc, Thanh, Hương, Vị), sau đó nói về Tâm pháp (Pháp). Tâm là Pháp, nói đến tâm pháp, cũng đều là “*phi Tức, phi Ly*”. Sau đó lại nói đến Lục Thức, “*phi tức Nhãn Thức không, phi ly Nhãn Thức không*”. Kế đó lại nói lược bớt, cho đến Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, sáu thức, “*nãi chí phi tức Ý Thức không, phi ly Ý Thức không*”: “*Ly*” chẳng thể, mà “*Tức*” cũng chẳng thể. Đó cũng là ý nghĩa “*phi Tức phi Ly*”.

“*Phi tức Dục Giới không, phi ly Dục Giới không, nãi chí phi tức Hư Không Vô Biên Xứ Không*”, trong ấy đã nói đại lược khá nhiều. Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới đều lược đi. Dục Giới sáu tầng trời, Sắc Giới mười tám tầng trời đều bị lược đi, nói ngay vào Tứ Không Thiên, tức là Thức Vô Biên Xứ Thiên, Vô Sở Hữu Xứ Thiên, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên, và Không Vô Biên Xứ Thiên. Tứ Không Thiên cũng chẳng phải là Không, mà cũng chẳng phải là Hữu. Tứ Không Thiên kiến lập trong hư không, phải nên là Không ư? Chẳng phải vậy! Vì họ (chư thiên) trụ trong tầng trời ấy, có ý thức. Họ cho là không có, nhưng trên thực tế thì vẫn là có! Vô Sở Hữu Xứ vốn chẳng có, nhưng thêm vào một chữ Xứ, [hàm nghĩa] là “*còn có*”. Vô Sở Hữu là không có, thêm vào chữ Xứ vì họ cho rằng sanh lên trời thì vẫn là có xứ sở, giống như chúng ta có chỗ cư trụ. Tứ Không Thiên là ngoại đạo thiên, nhưng [các vị đã chứng] quả A La Hán cũng ở tại Tứ Không Thiên. Trụ trong các cõi trời

---

<sup>12</sup> “*Bách phi*” là một trăm kiểu phủ định, cũng hàm nghĩa “*phủ định hết thảy các chấp trước*”. Bách phi được triển khai từ tứ cú. Tức là đối với “*có, không, chẳng phải có chẳng phải không, cũng có cũng không*”, mỗi câu trong ấy đều có đủ bốn câu, hợp thành bốn lần bốn, tức là mười sáu câu. Mười sáu câu ấy lại ghép với ba thời (quá khứ, vị lai, hiện tại) thành  $16 \times 3 = 48$  câu. 48 câu ấy lại ghép với hai điều “*đã khởi, chưa khởi*” thành  $48 \times 2 = 96$  câu. 96 câu ấy cộng với tứ cú căn bản (có, không, chẳng phải có chẳng phải không, cũng có cũng không) thành một trăm câu, gọi là “*bách phi*”.

khác nhau, họ nhập môn Định ấy là trụ trong chánh định, còn Tứ Thiên Bát Định thì ở trong Thức Vô Biên Xứ Định, Vô Sở Hữu Xứ Định... Người nhập môn Định nào bèn tới tầng trời đó. [Tứ Thiên Bát Định và Định của A La Hán] được gọi [gộp chung] là Cửu Thứ Đệ Định.

Trong các pháp Hữu, đã nêu ra nhiều thí dụ như vậy. Ở đây là nêu lên thánh đạo, tức pháp do đức Phật thuyết như Tứ Niệm Xứ, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề (Thất Giác Chi), Bát Chánh Đạo, ba mươi bảy đạo phẩm, đầy đều là Bồ Đề thánh pháp. [Chánh kinh nói đại lược] “*tức Tứ Niệm Xứ Không, hoặc ly Tứ Niệm Xứ Không*”, kể đó dùng chữ “*nãi chí*” để lược bớt, [nói ngay vào] “*bát chi thánh đạo không, ly bát chi thánh đạo không*” tức là lược bớt [các pháp trung gian. Nói cụ thể] thì Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề đều lược bớt, chẳng nói cặn kẽ. Pháp do đức Phật thuyết cũng như thế. Không chỉ các pháp thế gian là Không, mà pháp do đức Phật nói cũng là Không, nhưng chẳng thế thiên chấp bên Không. Hễ thiên lệch về Không bèn là Đoạn Kiến. Thiên lệch về Hữu bèn là Thường Kiến. Không phải là chấp Thường, thì sẽ là chấp Đoạn. Chẳng phải chấp Có thì là chấp Không. Đầy đều là ý nghĩa Bát Nhã.

Kinh Thập Luân vốn giảng về Có, giảng về Không, muốn cho quý vị chán lìa. Chẳng thế phán định một bộ kinh tuyệt đối là Đại Thừa hay Tiểu Thừa. Trong ấy, sẽ dính líu một phần. Chẳng hạn như trong kinh Bát Nhã, trong ấy đều là từ “*chẳng Có, chẳng Không*” mà lãnh hội. Nêu lên các tướng ấy vì đức Phật đã nói các pháp ấy, thế gian có các tướng ấy, tam giới hai mươi lăm Hữu đều có các tướng ấy! Phải hiểu rõ Tức và Ly từ trong ấy. Tức là từ nơi Sắc mà nói là Không, từ nơi Không mà nói là Sắc. Lìa Sắc và Không, tức Sắc và Không. Lìa khỏi Tứ Niệm Trụ Không, hoặc “*tức Tứ Niệm Trụ Không*” đều chẳng đúng. Hiểu ý nghĩa này là được rồi! Đó gọi là diệu pháp. Do vậy, người học Phật pháp, phải nên hiểu ý nghĩa viên mãn. Quý vị chấp trước như thế nào cũng đều chẳng đúng. Đây là để phá chấp trước, bèn nói cho họ pháp chấp trước.

Chúng ta thường nói tới pháp duyên khởi. Các pháp duyên khởi, duyên sanh vô tự tánh. Pháp duyên khởi là Không, là Có. Như vậy “*phi tức duyên khởi pháp không*”, chẳng phải bản thân pháp duyên khởi là Không, mà cũng chẳng phải “*ly duyên khởi pháp không*”. Hiểu tánh không duyên khởi. Những điều ấy đều là nói về tánh Không, nói rất nhiều điều, đều là tánh Không. Vì sao có duyên khởi? Duyên khởi là các thứ nhân duyên, do nhiều thứ duyên hợp thành. Hễ thiếu một duyên, pháp ấy chẳng thành, có ý nghĩa như thế đó. Nếu quý vị hiểu đạo lý

duyên khởi tánh không, sẽ đều hiểu các đạo lý này. Chuyên nói về duyên khởi tánh không còn có mấy bộ kinh nữa! Pháp duyên khởi, tức pháp duyên khởi là không, lìa pháp duyên khởi là không. Trước mỗi pháp, đều thêm một chữ Phi (chẳng phải) là như quý vị nói “*chỉ có ngôn thuyết, chẳng có thật nghĩa*”. Pháp ngôn thuyết chẳng phải là pháp. Rời lìa ngôn thuyết thì là Có ư? Rời lìa ngôn thuyết còn có gì để hiển thị? Chẳng hiển thị được! Nói đến Chân Như, nói đến rốt ráo, chẳng có ngôn thuyết.

“*Chỉ có ngôn thuyết, đều chẳng có thật nghĩa*”: Chỉ cần nói ra, nói thứ gì cũng đều chẳng phải là thứ ấy, nhưng chẳng phải là vọng ngữ. Đừng quan tâm đến thứ ấy, đó chẳng phải là nói lời hư giả, chẳng phải vậy! Quý vị nói đến điều gì thì cũng đều chẳng phải [thật sự] là điều đó! Nói tới một thứ gì đó, thì đó chỉ là một cách biểu thị, là một ký hiệu. Chẳng hạn như chúng ta nói tới Hòa, Hòa [trong lời nói của quý vị] tuyệt đối chẳng phải là Hòa [thật sự]. Nếu có Hòa trong câu nói ấy, nó sẽ đốt cháy quý vị. Hãy nên hiểu hàm nghĩa này, quý vị nói đến thứ gì cũng đều chẳng phải là thứ đó. Quý vị nói tới Trương Tam, thì Trương Tam là tượng trưng. “Trương Tam” [trong câu nói của quý vị] chẳng phải là bản thân Trương Tam, chỉ là ký hiệu về ông ta. Đã là ký hiệu thì Trương Tam cũng được, mà Trương Tứ cũng có thể, sửa thành Trương Ngũ cũng được luôn, sửa thành thứ gì cũng đều được. Ký hiệu có thể tùy tiện thay đổi, chẳng phải là thật thể. Từ điều này, quý vị có thể lãnh hội được!

Bản tâm, chân tâm của chúng ta, hết thảy các ngôn ngữ đều chẳng thể biểu hiện được. Đó gọi là “*ly Chân Như*”. Đại Thừa Khởi Tín Luận, kinh điển Đại Thừa đều gọi là “*ly ngôn Chân Như*”, lìa “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xứ diệt*”. Muốn suy nghĩ, quan sát [thì sẽ thấy] đều là chẳng có. Hễ quan sát là sai mất rồi, “*bách phi*” tức là ý nghĩa này. Chỉ cần quý vị dấy động ý niệm, đã sai lầm mất rồi. Ý nghĩa này rất sâu, chẳng phải là bốn nghĩa của kinh này!

[Từ ngữ] Tam Bất Hộ chỉ là nói về đức Phật, tức là: Thân, khẩu, ý ba nghiệp của đức Phật thuần thiện. Ngài tùy tiện làm như thế nào, thân làm như thế nào cũng đều là thiện, đạt tới chân, thiện, mỹ, rốt ráo thanh tịnh, vĩnh viễn xa lìa lỗi lầm, chẳng cần phải ngăn ngừa, gìn giữ nữa. “*Hộ*” (護) [trong Tam Bất Hộ] có nghĩa là “gìn giữ, ngăn ngừa”. Phật chẳng cần ngăn ngừa gìn giữ, nhưng A La Hán và Bồ Tát vẫn phải ngăn ngừa, gìn giữ. Thân, ngữ, ý nghiệp đều phải chú ý, vì thân, ngữ, ý [của A La Hán và Bồ Tát] vẫn còn có vô minh, tập khí vi tế.

Khi xưa, tại Ấn Độ có một vị tôn giả, tập khí từ vô lượng kiếp đến



nay hết sức nặng nề. Vì từ vô lượng đời đến nay, Ngài nếu chẳng phải là quốc vương, thì là bậc đại trưởng giả, nhiệm thành thói quen ăn nói trong vô lượng kiếp, gọi người khác là “*tiểu tỳ*” (小婢, đưa tớ gái hèn mọn). Ngài hoàn toàn chẳng phải là kiêu mạn, mà là do thói quen. Ngài gặp Phật, nghe pháp, chứng đạo, có sức thần thông. Long vương, trời, quỷ thần đều hộ trì Ngài. Khi Ngài qua sông, chẳng qua được, bèn hô: “Tiểu tỳ! Ngăn dòng chảy lại”, bảo long vương ngăn dòng chảy lại. Long vương biết Ngài đã chứng đắc A La Hán, liền ngăn dòng nước cho Ngài đi qua. Ngài cũng chẳng một chữ cảm ơn, đi luôn! Long vương bèn đến mách với đức Phật, nói vị tôn giả ấy quá sức bất lịch sự, quá kiêu ngạo, tự mãn. Đức Phật bảo long vương, tôn giả chẳng có tâm coi thường, mà là do tập khí trong quá khứ. Tuy đã chứng quả A La Hán, chỉ có thể đoạn Kiến Tư Hoặc hiện hành, đoạn tuyệt thô Hoặc, nhưng tế Hoặc chẳng đoạn, hãy còn tập khí. Chúng ta muốn đoạn tập khí rất khó, tập khí từ nhiều đời bao kiếp vẫn mang theo. Người tu đạo vừa thấy liền biết tập khí của quý vị. Ai nấy đều biết rõ tập khí của chính mình, nhưng sửa đổi tập khí rất khó. Đức Phật liền bảo long vương: “Được rồi! Để ta bảo ông ta xin lỗi với ông, bảo ông ta sám hối với ông”. Liền bảo vị A La Hán ấy đến sám hối với long vương. Vị A La Hán ấy lại nói: “Tiểu tỳ đừng giận”. Ha, ha! Ở trước mặt đức Phật, vẫn còn gọi người khác là “*tiểu tỳ*”. Đức Phật bảo đây là tập khí của vị ấy, chẳng có cách nào thay đổi. Nếu vị ấy thay đổi được tập khí ấy, sẽ là đại Bồ Tát.

Chúng ta có rất nhiều vấn đề, mỗi người đều khác nhau. Một mẹ sanh chín con, chín con khác nhau. Mỗi người có tập khí riêng biệt, chủng tử khác nhau, tuyệt đối chẳng giống nhau. Do vậy, người tu đạo phải gìn giữ ba nghiệp. Đó gọi là Tam Bất Hộ. “*Tam Bất Hộ không*”: Tam Bất Hộ chẳng có. Ba nghiệp của Phật chẳng có. Chẳng Tức, cũng chẳng Không, cũng là chẳng Ly. Do đã lìa ba thứ Bất Hộ, nên nói là Không. Quý vị nói xem Không gì vậy? Rời lìa thật thể, còn nói Không chi nữa? Tức là Tam Bất Hộ là Không. Tam Bất Hộ Không là ba nghiệp thân, khẩu, ý của Phật. Thân, khẩu, ý nghiệp của đức Phật thanh tịnh. Vì thế, Tứ Vô Sở Úy, Thập Lực, Thập Bát Bất Cộng Pháp, cho đến đại từ, đại bi, hỷ, xả đều như thế, cho đến Phật chứng đắc Niết Bàn. Niết Bàn bất sanh, bất diệt, chẳng phải là Không ư? Đó là “*tức Niết Bàn không, ly Niết Bàn không*”, Tức chẳng thể, mà Ly cũng chẳng thể. Bản thân Niết Bàn là “bất không, bất diệt”, “bất sanh, bất diệt”, chẳng nhiễm, chẳng tịnh.

Đây chính là chánh pháp vi diệu do hết thầy Như Lai và đại Bồ

Tát tuyên nói cho chúng sanh. Đó gọi là Vô Trần Cấu Luân. Tùy thuận chấp trước, thì sẽ chẳng thanh tịnh, sẽ có trần cấu. Do vậy, chư Phật, Bồ Tát độ chúng sanh mà chẳng thấy chúng sanh, suốt ngày độ chúng sanh mà chẳng có chúng sanh nào để có thể độ. Suốt ngày thuyết pháp, mà cũng chẳng nói pháp nào, chẳng nói một câu nào, bao hàm ý nghĩa như thế đó. Đây chẳng phải là đốn nghĩa. “Đốn nghĩa” là ly ngôn thuyết, nhưng có ngôn thuyết thì chẳng phải là Đốn Giáo. Dùng Vô Thủ Hành Luân này để nói pháp vi diệu. Hễ nói đến pháp vi diệu thì Tức cũng chẳng thể, mà Ly cũng chẳng thể, nói Không chẳng thể, mà nói Có cũng chẳng thể!

*(Kinh) Thiện nam tử! Như thị Như Lai vị chư chúng sanh, dĩ Vô Trần Cấu Hành Luân thuyết pháp, như mãn nguyệt quang, thanh lương vô ngại, biến mãn hư không, chiếu xúc nhất thiết vô chướng cảnh giới, nãi chí quảng thuyết. Hựu dĩ Vô Thủ Hành Luân thuyết vi diệu pháp, u nhất thiết pháp vô sở quái ngại, do như nhật quang phổ chiếu nhất thiết, tam thừa căn khí, tùy kỳ sở nghi, tuyên thuyết chánh pháp, vô sở chấp trước. Vị chư Như Lai vị chư chúng sanh thuyết như thị pháp, do như hư không, vô sai biệt tướng, dĩ vô lượng Định du hí tự tại trang nghiêm trụ trì, vị chư chúng sanh thuyết vi diệu pháp, vô sở chấp trước, linh u tam thừa tùy nghi thú nhập. Cụ đại giáp trụ nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, vị tha thuyết pháp diệc phục như thị, linh chư chúng sanh, văn thử tối thắng thậm thâm pháp dĩ, u tam thừa trung, tùy kỳ sở nhạo, tùy thú nhất thừa, chủng chủng thiện căn, giai đắc thành thực, tùy u nhất thừa, cực thiện an trụ, chung bất linh kỳ u sanh tử trung, tăng trưởng chủng chủng ác bất thiện pháp, linh u Niết Bàn kiên cố bất thoái.*

(經)善男子！如是如來為諸眾生，以無塵垢行輪說法，如滿月光，清涼無礙徧滿虛空，照觸一切無障境界，乃至廣說。又以無取行輪說微妙法，於一切法無所罣礙，猶如日光普照一切，三乘根器隨其所宜，宣說正法，無所執著。謂諸如來，為諸眾生說如是法，猶如虛空無差別相，以無量定遊戲自在莊嚴住持，為諸眾生說微妙法，無所執著，令於三乘隨宜趣入。具大甲冑一切菩薩摩訶薩眾，為他說法，亦復如是，令諸眾生，聞此最勝甚深法已，於三乘中隨其所樂，隨

趣一乘，種種善根皆得成熟；隨於一乘，極善安住，終不令其於生死中，增長種種惡不善法，令於涅槃堅固不退。

*(Kinh: Đây thiện nam tử! Cũng như thế, Như Lai vì các chúng sanh dùng Vô Trần Cấu Hành Luân để thuyết pháp, như ánh sáng trăng tròn, trong mát vô ngại, trọn khắp hư không, chiếu chạm hết thảy cảnh giới chẳng chướng ngại, cho đến nói rộng là lại dùng Vô Thủ Hành Luân để nói pháp vi diệu. Trong hết thảy các pháp, đều chẳng vương mắc, ví như ánh mặt trời chiếu trọn khắp hết thảy. Đối với căn khí tam thừa, tùy theo từng căn khí thích đáng mà tuyên nói chánh pháp chẳng chấp trước. Tức là các Như Lai vì các chúng sanh nói pháp như thế, ví như hư không chẳng có tướng sai khác, dùng vô lượng Định du hý tự tại trang nghiêm trụ trì, vì các chúng sanh nói pháp vi diệu chẳng chấp trước, khiến cho tam thừa tùy theo căn khí thích đáng mà tiến nhập. Hết thảy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ đại giáp trụ vì người khác thuyết pháp cũng giống như thế, khiến cho các chúng sanh nghe pháp tối thắng rất sâu này xong, từ trong tam thừa, sẽ tùy lòng ưa thích mà tiến nhập một thừa, các thứ thiện căn đều được chín muồi, tốt khéo an trụ trong một thừa, trọn chẳng khiến cho họ tăng trưởng các thứ pháp ác, bất thiện trong sanh tử, khiến cho họ kiên cố bất thoái đối với Niết Bàn).*

Do Vô Trần Cấu Hành Luân giống như ánh trăng: Trăng tròn trong mát, vô ngại, ánh trăng đầy khắp hư không, chiếu chạm hết thảy cảnh giới không chướng ngại. Ánh trăng chiếu sáng ngời, trăng chẳng khởi ý tưởng chiếu sáng ngời, mà tự nhiên là như thế. Người tiếp nhận cũng chẳng suy nghĩ mà tiếp nhận, cũng chẳng phải là có ý nghĩ mong tiếp nhận. Pháp vi diệu, trong hết thảy các pháp không vương mắc, không chấp trước. Không vương mắc, chẳng ngăn ngại, tức là “*chẳng phải có, chẳng phải không, chính là có, chính là không*” đều chẳng thế. “*Do như nhật quang phổ chiếu nhất thiết*” (Ví như ánh sáng mặt trời, chiếu trọn khắp hết thảy): Mặt trời mọc lên, sự tối tăm trên đại địa đều tiêu mất. Đức Phật đối với căn khí tam thừa, tức Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát, tùy theo pháp mà họ nương cậy, đức Phật thuyết pháp chẳng phải vì Ngài muốn thuyết pháp, mà vì chúng sanh cần đến. Căn cơ đã chín muồi, sẽ được Phật tuyên thuyết chánh pháp. Mỗi pháp nói ra đều là “*chẳng thỉnh sẽ không nói*”, đều có nhân duyên. Vì được thỉnh, đức Phật mới nói; lại có trợ duyên, chư đại Bồ Tát đến giúp giáo hóa. Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm Bồ Tát các Ngài đều cần nghe pháp,

nhưng họ tới giúp đức Phật hoàng dương giáo hóa, đến chứng minh: Sở dĩ các Ngài thành đạo là vì đã tu hành, chứng đắc [các pháp được nói ấy].

“*Vô sở chấp trước*”: Đối với hết thảy các pháp, chẳng chấp trước. Vì các chúng sanh mà nói pháp như thế. Pháp như thế “*do như hư không, vô sai biệt tướng*” (giống như hư không, chẳng có tướng sai biệt). Từ các pháp do đức Phật nói, chúng ta biết có nhân quả thế gian, nhân quả xuất thế gian, quả báo thiện ác. Đây đều là nói tương ứng với căn cơ. Trong hư không, chẳng có tướng này, chẳng có tướng kia. Có tướng thì chính là bản thân của cái tướng ấy.

“*Dĩ vô lượng Định du hí tự tại trang nghiêm trụ trì*” là dùng vô lượng môn Định để trang nghiêm tự tại trụ trì. Trụ trì gì vậy? Trụ trì diệu pháp này, trụ trì mà chẳng trụ trì! “*Trang nghiêm chúng sanh, thật phi trang nghiêm. Thị danh trang nghiêm*” (Trang nghiêm chúng sanh mà thật sự chẳng trang nghiêm. Đó gọi là trang nghiêm): Đây là sử dụng một câu nói trong kinh Kim Cang. Chớ nên chấp trước văn tự trong đoạn kinh này. Đối với giải thoát, có trói buộc thì mới giải thoát. Chẳng bị trói buộc, sẽ chẳng thể nói đến giải thoát. Không trói buộc thì không tháo gỡ. Chẳng có trói buộc, sẽ chẳng có giải thoát! Chúng sanh đoạn phiền não, chứng Bồ Đề. Có phiền não để có thể đoạn hay không? Chẳng có phiền não để đoạn, há có Bồ Đề để có thể chứng? Cư sĩ Trương Vô Tận<sup>13</sup> đã

---

<sup>13</sup> Cư sĩ Trương Thương Anh (1043-1121), tự Thiên Giác, hiệu Vô Tận Cư Sĩ, người xứ Tân Tân, thuộc Thục Châu (nay là tỉnh Tứ Xuyên). Ông đậu Tiến Sĩ đời Tống Nhân Tông, làm quan đến chức Thượng Thư Hữu Thừa Chuyển Tả Thừa. Ông có tài hùng biện, nói thẳng không e ngại, thông hiểu Phật giáo, thường thích trao đổi Phật pháp với Tăng chúng, được người đời xưng tụng là Tướng Công Thiền. Các bài văn như Hộ Pháp Luận, Tục Thanh Lương Truyện của ông đều được đánh giá chẳng khác gì khí vận của một bậc Thiền Tăng. Thoạt đầu, ông không tin Phật, còn ưa chỉ trích Phật giáo. Một hôm, ông đến chùa chơi, thấy Đại Tạng Kinh được khắc chữ vàng trên bia, bực bội nói: “Sách đạo Khổng của ta còn chẳng được trân trọng bằng giáo pháp của người Hồ, sao người ta lại trân trọng Phật giáo đến thế?” Trở về, ông liền khởi sự viết Vô Phật Luận để bài xích Phật giáo. Một hôm, đến chơi nhà một đồng liêu, thấy trên khám thờ Phật có để một quyển kinh Duy Ma Cát, ông tiện tay lật xem. Đọc đến câu “*thử bệnh phi Địa Đại, diệt bất ly Địa Đại*” (bệnh này chẳng phải là Địa Đại, mà cũng chẳng lìa Địa Đại), dường như có cảm ngộ, than thở: “*Lời của người Hồ mà cũng được như thế này ư?*” bèn mượn về nhà đọc tiếp. Bà vợ bảo: “Ông đọc kỹ kinh này rồi hãy viết Vô Phật Luận”. Ông ngạc nhiên, thôi viết luận bài xích, lưu tâm đọc kỹ kinh Phật. Vào năm Nguyên Hựu thứ nhất (1086), khi giữ chức đề điểm hình ngục ở Hà Đông, ông triều bái núi Thanh Lương, được Văn Thủ Bồ Tát

nói hai câu như sau: “*Đoạn trừ phiền não trừng tăng bệnh*”, tức là nói quý vị mong đoạn phiền não, sẽ lại tăng thêm một tăng bệnh nữa! Tăng thêm gì vậy? Đoạn phiền não. Sự “đoạn” ấy là bệnh. “*Thú hương Chân Như diệt thị tà*”, tà tri tà kiến! Quý vị muốn thú hương (hương về, tiến nhập) Chân Như để chứng Thật Tướng thì đều là tà kiến. Đó là đạt đến liễu nghĩa rất ráo. Chỉ cần mở miệng thì đã sai lầm, lia tứ cú, tuyệt bách phi. Chẳng nói năng chi hết thì có đúng hay không? Vì sao đức Phật lại quở trách hạng Tăng dê câm? Tăng dê câm rất cuộc chẳng biết nên làm như thế nào! Có nhập thì mới biết được.

Đấy đều là nghĩa Thật Tướng trong Đại Thừa liễu nghĩa mà quý vị phải chứng. Ý nghĩa của diệu pháp là khiến cho quý vị chẳng chấp trước gì, nhằm đạt đến mục đích như thế ấy! Khiến cho chúng sanh nghe điều gì, cũng đều chẳng chấp trước; đối với điều gì, cũng đều chẳng chấp trước. Khi đức Phật thuyết pháp, có vô lượng ức chúng sanh tới nghe pháp. Có người hỏi tôi: “Thưa pháp sư! Thuở đó tại Ấn Độ có bao nhiêu nhân khẩu?” Tôi nói: “Tôi cũng không biết, làm sao tôi biết Ấn Độ có bao nhiêu nhân khẩu? Tôi thiếu là chẳng nhiều như hiện thời!” Người đó lại hỏi: “Trong hội thuyết pháp của đức Phật có nhiều người ngàn ấy hay sao?” Tôi nói: “Đấy chẳng phải là người!” Người đó hỏi: “Chẳng phải là người thì là gì?” “Chư thiên, Bồ Tát từ các thế giới ở phương khác đến, ở trên hư không”. “Thế giới này dung nạp nổi sao?” Tôi nói: “Đó là cách nhìn của quý vị”. Lý giải như vậy hoàn toàn là sai, đó gọi là chấp trước. Đức Phật thuyết pháp trong hư không, pháp âm do Ngài nói ra trọn khắp hết thảy mọi chỗ.

Có một vị pháp sư thuyết pháp, chỉ cần có năm người trở lên, vị ấy sẽ không nói nữa. Chúng tôi ở chùa Pháp Nguyên, khi các vị lão hòa thượng thuyết giới, cứ năm mươi người là một đàn [truyền giới], vẫn

---

hóa hiện trên hư không, liền vẽ lại hình tượng của Ngài. Bức tranh ấy được thờ tại đó. Trong niên hiệu Đại Quán, do hạn hán lâu ngày, Thương Anh được vua sai cầu mưa. Ông ba lần vào Ngũ Đài cầu mưa đều được ứng nghiệm. Năm Nguyên Hựu thứ sáu (1091), khi giữ chức Tào Vận Sứ ở Giang Tây, ông tham yết Đông Lâm Chiếu Giác Thường Tông thiền sư thuộc thiền phái Hoàng Long Huệ Nam, được Thiền Sư ấn khả. Tuy đắc Thiền chỉ, ông vẫn chuyên tâm niệm Phật. Liên Trì đại sư ca ngợi: “*Trương Vô Tận lãnh ngộ chân chỉ của Thiền Tông, vẫn nhất tâm nhất ý phụng trì Tịnh Độ, xác thực là bậc trí sáng vô cùng*”. Khi mất, ông an tường ngồi xếp bằng, bảo mọi người “kinh Pháp Hoa nói từ đất vọt lên tháp báu của Phật Đa Bảo, [Phật Đa Bảo] chia tòa với Phật Thích Ca. Đó là chuyện chẳng hư dối”. Nói xong, ông đọc kệ thị tịch, cúi đầu qua đời.

chẳng kịp thời gian. Cách làm như vậy chẳng hợp pháp. Thông thường là một đối một. Quý vị thấy các vị đại đức như thật khai ngộ, đều là một đối một truyền giới. Giới sư hỏi người ấy, nói đúng với căn cơ của người ấy (người thọ giới). Chúng ta chẳng có bản lãnh “thích hợp khắp ba căn” như đức Phật. Trong thời đức Phật, đức Phật nói một đoạn pháp, sẽ có rất nhiều người khai ngộ, chúng quá, cho đến phát Bồ Đề tâm. Chúng ta nói rất nhiều lần mà cũng chẳng có ai phát Bồ Đề tâm, mà có phát Bồ Đề tâm, quý vị cũng không biết, nhưng cũng chẳng phải là thật sự phát. Đạt tới Sơ Trụ thì mới có thể phát Bồ Đề tâm thật sự. Đó gọi là “*tùy nghi thuyết pháp*”.

“*Vị tha thuyết pháp, diệc phục như thị, linh chư chúng sanh văn thử tối thắng thậm thâm pháp dĩ*” (Vì người khác thuyết pháp cũng giống như thế, khiến cho các chúng sanh nghe pháp tối thắng rất sâu này xong): Pháp thù thắng sâu nhất chính là tâm pháp. Đối với “*phi tức, phi ly*” như vừa nói trên đây, chớ nên suy nghĩ nơi văn tự, mà phải là cái tâm ta thấu đạt. Quý vị nói xem, cái tâm của quý vị có hình dạng thật sự là gì? Tư duy thì chẳng phải là cái tâm ấy, rời lìa tư duy thì tâm ta lại ở nơi đâu? Quý vị phải lìa tâm ý thức để tham cứu. Hễ tham cứu bèn khai ngộ. Dùng cái tâm phân biệt, quý vị đến chỗ lão hòa thượng, thỉnh Ngài khai thị, suốt đời quý vị sanh khởi cái tâm phân biệt, Ngài sẽ đánh quý vị. Đó là diệu nghĩa rất sâu!

Như hòa thượng Câu Chi, người ta đến thỉnh vấn Ngài, bắt luận là ai thỉnh vấn, Ngài đều dùng một ngón tay để dạy Thiên, ai đến hỏi cũng khai ngộ. Bắt luận ai thỉnh pháp, Ngài đều giơ một ngón tay, người tìm đến liền khai ngộ, liền khấu đầu lễ bái, cảm tạ Ngài. Có một hôm Ngài không ở nhà, chỉ có một tiểu đồ đệ có mặt. Người khác tới hỏi pháp, [đồ đệ] nói sư phụ không ở nhà, người ấy bèn thỉnh vấn: “*Như thế nào là ý của tổ sư từ phương Tây sang?*” Vị tiểu đồ đệ bèn duỗi tay ra. Ôi! Người đó lại rất cao hứng, khấu đầu lễ tạ, rời đi, đã khai ngộ rồi! Sư phụ trở về, hỏi: “Có ai đến hay không?” Đồ đệ thưa: “Có người đến thỉnh pháp”. Sư phụ lại nói: “Con trả lời như thế nào?” Tiểu đồ đệ thưa: “Con bắt chước thầy. Ông ta hỏi như thế nào là ý của tổ sư từ phương Tây sang, con liền làm như thế này...” Sư phụ lại hỏi: “Biểu thị của ông ta như thế nào?” “Ông ta khấu đầu cảm ơn, nói đã khai ngộ rồi”. Hòa thượng Câu Chi hỏi: “Con có ngộ hay không?” “Con không biết”. “Được! Ta hỏi con, như thế nào là ý của tổ sư từ phương Tây sang?” Đồ đệ bèn giơ một ngón tay lên, thầy liền một đao chém đứt phăng ngón tay ấy! Đau đến nỗi đồ đệ vừa gào, vừa rên. [Thầy mắng]: “Người đừng có

kêu gào nữa, làm lại!” Tiểu đồ đệ cố nhin đau, hòa thượng Câu Chi lại hỏi: “Như thế nào là ý của tổ sư từ phương Tây sang?” Đồ đệ liền khai ngộ, mà cũng chẳng đau!

Mọi người có ngộ hay không? Ngộ được gì? Trước là Có, sau là Không, chẳng phải Không, chẳng phải Có. Chẳng phải Có, không có chi hết, bèn nói là Không. Không thì còn nói gì nữa! Đã là không có, còn nói tới Không chi nữa! Chúng ta cứ thông thả tham cứu đi! Trong phần diễn tả trên đây, đã nói ra rất nhiều lý do, chẳng có lý do nào để có thể nói. Nếu nói, sẽ rơi vào Đệ Nhị Nghĩa, Đệ Tam Nghĩa, vĩnh viễn làm lỡ, chẳng thể ngộ được. Làm như thế nào? Dựa theo giáo lý, dựa theo kinh bôn để xem. Như thế sẽ rất nhọc nhằn, vừa đọc tụng, vừa lễ bái, vừa sám hối. Nếu thật sự có bản lãnh, sẽ lập tức hoá nhiên đại ngộ. Dầu đã ngộ, vẫn phải học từ đầu. Tuy đã ngộ, nhưng chưa có bản lãnh, vẫn chưa phải là Phật, đó gọi là “ngộ được Lý Tức Phật”.

Trong tam thừa, tùy lòng ưa thích, “*tùy thú nhất thừa, chủng chủng thiện căn, giai đắc thành thực*” (tùy ý tiến hướng theo một thừa nào, các thứ thiện căn đều được chín muồi): Các thiện căn đã gieo trong quá khứ đều đã chín muồi. “*Tùy u nhất thừa, cực thiện an trụ*” nghĩa là: Thừa nào cũng được, tột bậc khéo an trụ, tức là người ấy có thể đoạn Hoặc, chứng Chân, an trụ bất động, chẳng còn thọ sanh tử luân hồi nữa!

*(Kinh) Thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát vị đoạn vô lượng, vô số chúng sanh sanh tử lưu chuyển, vị tha thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác dẫn vị tự đoạn sanh tử lưu chuyển, vị tha thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vị linh vô lượng, vô số chúng sanh độ tứ bậc lưu, vị tha thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác dẫn vị linh kỹ độ tứ bậc lưu, vị tha thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vị trừ vô lượng, vô số chúng sanh chư phiền não bệnh, vị tha thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác dẫn vị tự trừ chư phiền não bệnh, vị tha thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vị đoạn chúng sanh chư Uẩn phiền não tập khí tương tục linh tận vô dư, vị tha thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác dẫn vị tự đoạn chư Uẩn phiền não tập khí tương tục hữu dư bất tận, vị tha thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vị thành đại bi đẳng lưu quả cố, đại bi vi nhân, vị tha thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác bắt vị đại bi đẳng lưu quả cố, vô đại bi nhân, vị tha thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vị tức nhất thiết tha chúng sanh khổ, vị tha thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác dẫn vị*

*tự tức kỹ sở hữu khổ, vị tha thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vị mãn nhất thiết chúng sanh pháp vị, vị tha thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác dẫn vị tự mãn kỹ thân pháp vị, vị tha thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vị chư chúng sanh đắc thắng pháp minh, vị tha thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác dẫn vị tự kỹ đắc thắng pháp minh, vị tha thuyết pháp.*

(經)善男子！菩薩摩訶薩，為斷無量無數眾生生死流轉，為他說法。聲聞、獨覺，但為自斷生死流轉，為他說法。菩薩摩訶薩，為令無量無數眾生渡四瀑流，為他說法。聲聞、獨覺，但為令己渡四瀑流，為他說法。菩薩摩訶薩，為除無量無數眾生諸煩惱病，為他說法。聲聞、獨覺，但為自除諸煩惱病，為他說法。菩薩摩訶薩，為斷眾生諸蘊煩惱，習氣相續令盡無餘，為他說法。聲聞、獨覺，但為自斷諸蘊煩惱，習氣相續有餘不盡，為他說法。菩薩摩訶薩，為成大悲等流果故，大悲為因，為他說法。聲聞、獨覺，不為大悲等流果故，無大悲因，為他說法。菩薩摩訶薩，於諸眾生有所顧念，而為說法。聲聞、獨覺，於諸眾生無所顧念，而為說法。菩薩摩訶薩，為息一切他眾生苦，為他說法。聲聞、獨覺，但為自息己所有苦，為他說法。菩薩摩訶薩，為滿一切眾生法味，為他說法。聲聞、獨覺，但為自滿己身法味，為他說法。菩薩摩訶薩，為諸眾生得勝法明，為他說法。聲聞、獨覺，但為自己得勝法明，為他說法。

(*Kinh*: *Này thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát vì đoạn sanh tử lưu chuyển của vô lượng, vô số chúng sanh, mà vì người khác thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác chỉ vì đoạn sanh tử lưu chuyển của chính mình mà vì người khác thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vì khiến cho vô lượng vô số chúng sanh vượt qua bốn dòng thác mà vì người khác thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác chỉ vì chính mình vượt qua bốn dòng thác mà vì người khác thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vì trừ các bệnh phiền não của vô lượng vô số chúng sanh mà vì người khác thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác chỉ vì trừ các bệnh phiền não của chính mình mà vì người khác thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vì đoạn trừ hết sạch chẳng*



*còn thừa sót các tập khí phiền não liên tục nơi các Uẩn của chúng sanh mà vì người khác thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác chỉ vì đoạn trừ tập khí liên tục nơi các Uẩn phiền não của chính mình hãy còn thừa sót, chẳng tận, mà vì người khác thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vì thành tựu quả đại bi đấng lưu, dùng đại bi làm nhân, mà vì người khác thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác chẳng vì quả đại bi đấng lưu, chẳng dùng đại bi làm nhân, mà vì người khác thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát do quan tâm các chúng sanh mà vì họ thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác chẳng quan tâm tới chúng sanh mà vì họ thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vì dứt khổ cho hết thấy các chúng sanh khác mà thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác chỉ vì dứt tất cả các khổ của chính mình mà vì người khác thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vì khiến cho hết thấy chúng sanh viên mãn pháp vị mà thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác chỉ vì viên mãn pháp vị của chính mình mà vì người khác thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát vì khiến cho các chúng sanh đạt được pháp minh thù thắng mà vì người khác thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác chỉ vì chính mình đắc pháp minh thù thắng mà vì người khác thuyết pháp).*

Chúng ta thường nói hàng Nhị Thừa cũng ôm bát khát thực, người ta thỉnh họ thuyết pháp, họ cũng thuyết pháp; nhưng mục đích của họ chỉ nhằm đoạn sanh tử, ngưng dứt sanh tử lưu chuyển của chính mình. Họ thuyết pháp chẳng nhằm khiến cho chúng sanh đoạn trừ sanh tử. Đây là sự khác biệt giữa hàng Nhị Thừa và Bồ Tát. Hết thấy mọi chuyện họ (hàng Nhị Thừa) đã làm đều vì chính mình, chẳng phải vì độ vô lượng chúng sanh đang ở trong khổ luân sanh tử lưu chuyển mà thuyết pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát khiến cho hết thấy vô lượng vô số chúng sanh vượt bốn dòng thác mà vì họ thuyết pháp. Bốn dòng thác là bốn loại căn bản của sanh tử, cho đến loại cuối cùng là “*vô minh bộc lưu*” (dòng thác vô minh). Thanh Văn và Độc Giác chẳng phải vậy, họ chỉ vì vượt thoát bốn dòng thác của chính mình. Họ thuyết pháp cho chúng sanh nhằm mục đích thuần vì chính mình, chẳng vì người khác.

Bồ Tát thuyết pháp chưa từng nghĩ tới chính mình. Hết thấy mọi chuyện của Bồ Tát đều vì độ chúng sanh. Chúng ta niệm phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, hoặc niệm phẩm Tịnh Hạnh, [sẽ thấy] Ngài gặp một chuyện nào, cũng đều nghĩ tới Phật pháp, tức là nghĩ tới chúng sanh, chỉ mong chúng sanh được thành Phật. Mỗi câu đều là như thế, hễ gặp chuyện gì cũng đều “*đương nguyện chúng sanh*” (nguyện cho chúng sanh), nguyện họ đoạn phiền não, chúng Bồ Đề, đều là nguyện cho họ

cắt đứt dòng sanh tử, nhập Nhất Thiết Trí, đều là như vậy. Thanh Văn và Độc Giác chẳng phải vậy.

Bồ Tát Ma Ha Tát vì trừ khử các bệnh phiền não của vô lượng vô số chúng sanh mà vì họ thuyết pháp. Bồ Tát thuyết pháp nhằm mục đích khiến cho chúng sanh đều đoạn Hoặc, chứng Chân, chẳng còn luân chuyển trong sanh tử. “*Thanh Văn, Độc Giác đản vị tự trừ chư phiền não bệnh, vị tha thuyết pháp*” [nghĩa là] Bồ Tát vì trừ bệnh phiền não cho chúng sanh mà thuyết pháp, chẳng vì chính mình, còn Độc Giác và Thanh Văn là vì trừ bệnh phiền não của chính mình mà vì người khác thuyết pháp. “*Bồ Tát Ma Ha Tát vị đoạn chúng sanh chư Uẩn phiền não tập khí tương tục linh tận vô dư, vị tha thuyết pháp*” (Bồ Tát Ma Ha Tát vì đoạn các tập khí phiền não liên tục nơi các Uẩn của chúng sanh khiến cho hết sạch, chẳng còn sót, mà vì người khác thuyết pháp): Tuy chính mình chưa thành Phật, mà Ngài làm cho chúng sanh đều thành Phật. Địa Tạng Bồ Tát một mực ở địa vị Bồ Tát, nhưng các chúng sanh được Ngài hóa độ có rất nhiều vị đã thành Phật. Trong kinh Địa Tạng, chư Phật đến từ mười phương [tham dự pháp hội trên cung trời Đao Lợi] đều do Địa Tạng Vương Bồ Tát hóa độ, giáo hóa thành Phật. Chính Ngài vẫn là Bồ Tát, đây là chủng tánh đại Bồ Tát. Không chỉ khiến cho chúng sanh đoạn phiền não, đoạn các Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, Ngũ Uẩn phiền não, mà còn mong đoạn tập khí, chẳng để cho tập khí tiếp nối, chẳng để cho phiền não tiếp nối, khiến cho hết thảy phiền não đều hết sạch, chẳng còn thừa sót. Ngài thuyết pháp cho chúng sanh như thế đó!

“*Bồ Tát Ma Ha Tát vị thành đại bi đẳng lưu quả cố*” (Bồ Tát Ma Ha Tát vì thành tựu quả đại bi đẳng lưu): Đại bi làm nhân, vì người khác thuyết pháp. Tâm đại bi của Ngài bình đẳng. “*Lưu*” (流): Cùng loại là Lưu, [hàm ý] khiến cho hết thảy chúng sanh đều giống như Ngài, đều thành tựu viên mãn Bồ Đề. Ngài dùng cái tâm đại bi làm nhân, hy vọng hết thảy chúng sanh đều phát đại bi tâm, vì độ hết thảy chúng sanh mà thuyết pháp cho họ. Thanh Văn, Độc Giác thuyết pháp chẳng phải vì đại bi đẳng lưu quả. Họ chẳng phải vì đẳng lưu. “*Đẳng lưu*” (等流) có nghĩa là làm cho hết thảy chúng sanh đều bình đẳng với ta, đều thành cùng một loại. “*Lưu*” là một loại. Bồ Tát Ma Ha Tát vì nghĩ tưởng các chúng sanh mà thuyết pháp. “*Cố niệm*” (顧念) là “*gia hộ, gia trì, nhiếp thọ*”, dùng cái tâm đại bi, từ bi hỷ xả để nhiếp thọ chúng sanh. Nhiếp thọ họ như vậy, thuyết pháp cho họ; còn Thanh Văn, Độc Giác thì sao? Họ vì chính mình, chẳng có tâm đại từ đại bi, chẳng nghĩ nhớ, chẳng giống Phật. Sau

khi Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, hễ gặp vị đại Bồ Tát nào, Ngài cũng đều dặn dò vị ấy: “Sau khi ta nhập Niết Bàn, đối với các đệ tử của ta trong thời Mạt Pháp, đừng bỏ sót một ai, đều vì ta độ họ, khiến cho họ lìa khỏi sanh tử”. Đối với mỗi vị đại Bồ Tát, đều dặn dò như thế, bất luận Quán Âm, Địa Tạng, Văn Thù, Phổ Hiền, Ngài đều là nhắc nhở như vậy. Đồng thời, lập ra đủ loại pháp phương tiện để dạy quý vị duyên niệm Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Thanh Văn và Duyên Giác chẳng quan tâm như thế. Bồ Tát vì dứt diệt khổ não cho hết thảy chúng sanh, dứt diệt thống khổ của hết thảy chúng sanh mà thuyết pháp cho họ, khiến cho họ đạt được thanh lương. Thanh Văn và Độc Giác vì diệt tất cả sự khổ của chính mình mà thuyết pháp cho kẻ khác, chẳng phải vì người khác, mà vì chính mình. Họ làm chuyện cần làm [để giúp chính mình giải thoát] như thế đó. Vì ai? Vì chính mình!

“*Bồ Tát Ma Ha Tát vị mãn nhất thiết chúng sanh pháp vị, vị tha thuyết pháp*” (Bồ Tát vì khiến cho hết thảy chúng sanh viên mãn pháp vị mà vì họ thuyết pháp): Chúng ta ăn thứ gì, cũng đều tham đắm vị ngon của nó. Pháp có pháp vị, tức là hương vị của pháp. Chư đại Bồ Tát chỉ dạy chúng ta sao cho quý vị có thể học pháp tinh tấn, hoan hỷ, sung sướng, tức là đã đạt được pháp vị, đạt được thanh lương. Đã đạt được thanh lương, sẽ trừ khử nhiệt não và đói kém cho quý vị. Hễ đã có pháp vị, chúng ta sẽ có pháp. Bồ Tát thuyết pháp như thế đó. Còn Thanh Văn và Độc Giác chỉ nhằm thỏa mãn pháp vị của chính mình, chẳng phải vì chúng sanh, họ vì thỏa mãn pháp vị của chính mình mà thuyết pháp cho chúng sanh.

“*Bồ Tát Ma Ha Tát vị chư chúng sanh đắc thắng pháp minh*” (Bồ Tát Ma Ha Tát vì làm cho chúng sanh đạt được pháp minh thù thắng): Từ nơi pháp, sanh ra quang minh trí huệ thù thắng. “*Minh*” là giác ngộ, giác có nghĩa là minh. Tam giác viên minh, tức là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Đối với ba loại giác ấy, nay chúng ta chỉ cầu tự giác là được rồi. Chúng ta không có minh, chẳng đủ sức! Khi Bồ Tát thuyết pháp cho chúng sanh, sẽ khiến cho hết thảy chúng sanh đều đạt được pháp thù thắng, có thể sanh ra quang minh trí huệ. Vì như thế mà thuyết pháp cho chúng sanh. Thanh Văn và Độc Giác chỉ vì chính mình đạt được pháp minh thù thắng mà vì người khác thuyết pháp.

***(Kinh) Thiện nam tử! Dĩ yếu ngôn chi, Bồ Tát Ma Ha Tát vô lượng luật nghi, phổ vị trừ diệt nhất thiết chúng sanh đại vô minh ám, đại bố úy sự, nhất thiết suy tổn, đắc đại quang minh, cập đại danh***

*xưng, như thật giác ngộ Nhất Thiết Trí trí, vị tha thuyết pháp. Thanh Văn, Độc Giác thiếu phần luật nghi, dẫn vị diệt trừ tự vô minh ám, đắc tiểu quang minh, cấp tiểu danh xưng, như thật giác ngộ thiếu phần pháp trí, vị tha thuyết pháp. Thiện nam tử! Thanh Văn, Độc Giác, vô hữu u tha thật hoài cố niệm, vô hữu u tha thật hoài bi trắc, vô hữu u tha thật bất khinh lộng, vô hữu u tha thật vi lợi ích, vô hữu u tha thật vi bạt tế, vô hữu u tha thật hành tiến cử, vô hữu u tha thật dục xưng thán, vô hữu u tha thật vô siểm khúc, nhi hành tán mỹ, vô hữu u tha bất cố kỹ thân, linh bỉ an lạc, vô hữu u tha bất khởi ngộ thất thân, ngữ, ý nghiệp. Thiện nam tử! Trụ Đại Thừa giả vô hữu u kỳ, thật hoài cố niệm, quảng thuyết nãi chí vô hữu u tha phát khởi ngộ thất thân, ngữ, ý nghiệp!*

(經)善男子！以要言之，菩薩摩訶薩無量律儀，普為除滅一切眾生大無明闇、大怖畏事、一切衰損，得大光明及大名稱，如實覺悟一切智智，為他說法。聲聞、獨覺，少分律儀，但為滅除自無明闇，得小光明及小名稱，如實覺悟少分法智，為他說法。善男子！聲聞、獨覺，無有於他，實懷顧念，無有於他，實懷悲惻，無有於他，實不輕弄，無有於他，實為利益，無有於他，實為拔濟，無有於他，實行薦舉，無有於他，實欲稱嘆，無有於他，實無諂曲而行讚美，無有於他，不顧己身令彼安樂，無有於他，不起誤失身語意業。善男子！住大乘者，無有於己，實懷顧念，廣說乃至無有於他，發起誤失身語意業。

(*Kinh*: *Này thiện nam tử! Nói tóm lại, vô lượng luật nghi của Bồ Tát Ma Ha Tát đều vì trừ diệt trọn khắp vô minh tối tăm to lớn, chuyện sợ hãi to lớn, hết thảy suy tổn của hết thảy chúng sanh, khiến cho họ đạt được quang minh to lớn và danh xưng to lớn, đúng như thật giác ngộ trí Nhất Thiết Trí, bèn vì người khác thuyết pháp. Chút phần luật nghi của Thanh Văn và Độc Giác chỉ nhằm diệt trừ tối tăm vô minh của chính mình, đạt được quang minh nhỏ và danh xưng nhỏ nhoi, đúng như thật giác ngộ chút phần pháp trí, vì người khác thuyết pháp. Này thiện nam tử! Thanh Văn và Độc Giác chẳng thật sự ôm lòng quan tâm người khác, chẳng thật sự ôm lòng xót thương, trắc ẩn người khác, chẳng thật sự không khinh rẻ, chọc gheo người khác, chẳng thật sự tạo lợi ích cho*

*người khác, chẳng thật sự vì cứu vớt người khác, chẳng thật sự làm những chuyện tăng tấn người khác, chẳng thật sự muốn khen ngợi người khác, chẳng thật sự không siểm khúc khen ngợi người khác, chẳng hề không màng chính mình mà khiến cho người khác an lạc, chẳng hề không dấy lên thân, ngữ, ý nghiệp làm lạc đối với người khác. Đây thiện nam tử! Người trụ Đại Thừa chẳng vì nghĩ nhớ chính mình, nói rộng là cho đến chẳng phát khởi thân ngữ ý nghiệp làm lạc đối với người khác).*

Trí Nhất Thiết Trí là nói đến Phật, chỉ có Phật thì mới có thể gọi là “*trí Nhất Thiết Trí*”. “*Dĩ yếu ngôn chi*” tức là nói tóm gọn. Nói chung, Bồ Tát Ma Ha Tát tuân hành vô lượng luật nghi. “*Luật*” là giới điều, “*nghi*” là bốn oai nghi, đi, đứng, ngồi, nằm. Nghi là phương tiện của luật. Vậy thì hết thấy các pháp, hết thấy luật nghi của các Ngài đều nhằm mục đích trừ khử vô minh hắc ám cho hết thấy chúng sanh, cho đến khiến cho chúng sanh vĩnh viễn chẳng kinh sợ. Người sống trong hắc ám, dễ nảy sanh sợ hãi; ở trong quang minh, sẽ chẳng nảy sanh sợ hãi. Nếu có đại trí huệ, bất luận chuyện gì cũng đều thấy thấu suốt, sẽ chẳng có cảm giác sợ hãi. Nếu chẳng thấy thấu suốt, sẽ chẳng đạt được trí huệ, vẫn phải mò mẫm trên con đường hắc ám. Phía trước có phải là hầm bẫy hay không, quý vị chẳng biết. Đi trên đường, sẽ nảy sanh sợ hãi, sẽ có chuyện đáng sợ, cho đến bị tổn giảm, tức là sợ thiện nghiệp bị tổn giảm, chỉ sợ ác nghiệp sẽ tăng trưởng.

Nghe pháp nhằm mục đích khiến cho chính mình có thể đạt được đại quang minh, cho đến danh xưng tốt đẹp. Nói theo khía cạnh xã hội, cái danh chính là sanh mạng thứ hai. Nếu quý vị có danh tiếng tốt đẹp, ai trông thấy cũng đều cung kính, đều tán thán, đều tùy hỷ. Tiếng ác lan xa, quý vị sẽ gặp trở ngại. Đúng như thật giác ngộ trí Nhất Thiết Trí, khiến cho hết thấy chúng sanh đều có thể giác ngộ thành Phật. Thuyết pháp cho họ như vậy, Bồ Tát muốn cho hết thấy chúng sanh đều thành Phật, sẽ khiến cho hắc ám, vô minh dần dần suy tổn, quang minh trí huệ và danh xưng [tăng trưởng], khiến cho họ giác ngộ, rốt ráo tăng trưởng cho đến thành tựu trí Nhất Thiết Trí.

Đối với chút phần luật nghi của Thanh Văn và Độc Giác, [nếu nhìn theo sự tương], chúng ta chỉ biết giới điều của Bồ Tát là mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh như kinh Phạm Võng đã nói. Đây là luật nghi của Bồ Tát. [Trong khi đó], giới tỳ-kheo gồm hai trăm năm mươi điều, tám vạn tế hạnh, còn có tám vạn điều nơi ý, giới căn bản là hai trăm năm mươi điều. Nếu [dựa theo sự tương đó], cho rằng giới Bồ Tát

rất ít, còn tỳ-kheo Thanh Văn, Duyên Giác có rất nhiều giới cấm, lý giải như thế là sai lầm. Mỗi điều giới trong kinh Phạm Võng bao hàm vô lượng vô số giới. Ngoài Chỉ ra, còn có Tác. Trong giới luật của tỳ-kheo, rất nhiều điều là Tác Trì, tức là những chuyện phải nên làm. Do vậy, phải biết, đối với Bồ Tát luật nghi, hễ phát Bồ Đề tâm, sẽ thọ Tam Tu Tịnh Giới:

1) Tất cả các luật nghi đều được bao gồm trong Nhiếp Luật Nghi Giới. Chỉ cần đức Phật dạy chuyện gì chẳng được phép làm thì đều là Luật.

2) Đối với Nhiếp Thiện Pháp Giới, chuyện gì đức Phật muốn quý vị thực hiện, đó là chuyện đáng nên làm, quý vị đều phải thực hiện. Sự nghiệp lợi ích chúng sanh và hết thảy thiện pháp quý vị đều phải thực hiện. Bất luận là pháp Thập Thiện, cho đến Tam Quy, Ngũ Giới, cho đến pháp Thanh Văn, quý vị đều phải thực hiện. Trong hết thảy các pháp, chỉ cần là thiện pháp thì đều phải làm. [Đó là Nhiếp Thiện Pháp Giới].

3) Khó thực hiện nhất là Nhiều Ích Hữu Tình Giới, tức là khiến cho hết thảy chúng sanh đều đạt được lợi ích.

Thanh Văn và Duyên Giác chẳng phải là như vậy, chỉ vì chính mình, diệt trừ tối tăm vô minh, tức là diệt trừ vô minh của chính mình, đạt được quang minh nhỏ nhoi. Vì tâm lượng của họ chẳng lớn, cho nên đạt được lợi ích rất nhỏ.

“*Tiểu danh xưng*”: Danh tiếng chẳng lớn. Trong tam thiên đại thiên thế giới và các quốc độ ở phương khác, vô lượng thế giới đều biết tới các vị đại Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi, Địa Tạng Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát; đó gọi là “*đại danh xưng*”. Chẳng phải là tiếng tăm trong thế gian này, tiếng tăm trong thế gian này rất bé! “*Như thật giác ngộ thiếu phần pháp trí*” (Đúng như thật giác ngộ chút phần pháp trí): Họ chẳng phải là trí Nhất Thiết Trí (tức Nhất Thiết Chứng Trí), mà là Nhất Thiết Trí. “*Thiếu phần pháp*” là gì vậy? Khổ, Tập, Diệt, Đạo, mười hai nhân duyên. Họ có trí huệ đối với pháp ấy, bèn nói cho chúng sanh pháp như vậy!

“*Thiện nam tử! Thanh Văn, Độc Giác vô hữu u tha thật hoài cố niệm*” (Này thiện nam tử! Thanh Văn và Độc Giác chẳng thật sự quan tâm đến người khác): Thanh Văn và Độc Giác chẳng quan tâm chúng sanh, chỉ quan tâm chính mình.

“*Vô hữu u tha thật hoài bi trắc*” (Chẳng thật sự có lòng xót thương, trắc ẩn đối với người khác): Cái tâm trắc ẩn ai nấy đều có, đó là tâm đại bi. Thanh Văn đối đãi với chúng sanh chỉ vì sanh tử của chính

mình, chẳng quan tâm đến chúng sanh.

*“Vô hữu u tha thật bất khinh lộng, vô hữu u tha thật vi lợi ích”* (Chẳng thật sự không khinh thường, trào lộng người khác, chẳng thật sự tạo lợi ích cho người khác): Bồ Tát thật sự chẳng khinh bỉ, chẳng trào lộng người khác, chẳng nỡ hại chúng sanh. La Hán chẳng vậy, nói theo tâm lý, họ đối với chúng sanh chẳng thuyết pháp đúng thật. Chẳng chân thật bồi dưỡng người khác, mà là chân thật bồi luyện chính mình. Công đức do tu hết thấy các pháp đều chuyên nhằm hồi hướng cho chính mình, chẳng hồi hướng cho người khác. Có rất nhiều đạo hữu, niệm kinh xong, hoặc bái sám xong, chỉ hồi hướng cho chính mình. Bảo họ hồi hướng cho pháp giới chúng sanh, họ nói: “Đợi cho đến khi tôi đã tự độ rồi mới nói sau”.

Tôi gặp rất nhiều người như vậy, [luôn mang tâm lý]: “Tôi hồi hướng cho họ thì lại được gì cơ chứ? Nhọc nhằn niệm, nhọc nhằn lạy, hồi hướng hết cho họ ư?” Chẳng thể hồi hướng như vậy thì là cái tâm Tiểu Thừa. Nhưng họ cũng biết hồi hướng, hồi hướng cho chính mình trong tương lai, [cứ nghĩ] hồi hướng cho người khác có lợi ích chi đâu? Chẳng có! Họ cũng biết: Khi họ khát thực, có người cúng dường thức ăn cho họ, thì họ cũng hồi hướng cho người ta. Đức Phật đã dạy như vậy. Chẳng hồi hướng thì không được. Họ cũng phải hỏi người ấy: “Quý vị cúng dường thức ăn cho tôi, có mong cầu gì, muốn làm gì? Quý vị nói ra, tôi sẽ thuyết pháp cho quý vị, sẽ hồi hướng cho quý vị”. Đây là La Hán. Bồ Tát sẽ chẳng như vậy! Bồ Tát nhận vật cúng dường của quý vị, sẽ có thể hồi hướng, mãi cho đến khi quý vị thành Phật, chẳng do đạt được chút ít đã cho là đủ!

*“Vô hữu u tha thật hành tiên cử, vô hữu u tha thật dục xưng thán, vô hữu u tha thật vô siểm khúc, nhi hành tán mỹ”* (Chẳng thật sự giúp người khác tăng tấn, chẳng thật sự muốn khen ngợi người khác, chẳng thật sự không siểm khúc, ca ngợi người khác): Thanh Văn chẳng làm chuyện này! *“Vô hữu u tha bất cố kỹ thân, linh bỉ an lạc”* (Chẳng vì người khác mà chẳng màng thân mình, khiến cho họ được an lạc): Chúng ta thường nói, chẳng vì cầu an lạc cho chính mình, chỉ mong chúng sanh được lìa khổ. Đây là đại Bồ Tát, chẳng phát nguyện hư dối. Còn có mười đại nguyện vương của Phổ Hiền hồi hướng chúng sanh, nguyện chịu khổ thay cho hết thấy chúng sanh. Như Ngài ngài tù, “ta vô tù, quý vị thoát ra”. Quý vị bị bệnh, “ta thay quý vị gánh chịu, quý vị được khoẻ mạnh”, các vị đại Bồ Tát xác thực là có thể làm được [như thế ấy].

Có rất nhiều đạo hữu đã phát cái nguyện ấy; về sau, bị lửa thiêu thân, quý vị phát nguyện thay người khác bị bệnh, người đó lành bệnh. Khi mắc bệnh, quý vị đừng nên ôm lòng oán hận. Lúc đó, ta hành Bồ Tát đạo mới thành công, hành Bồ Tát đạo sẽ có thành tựu. Nếu không, quý vị có muốn thay thế, chỉ sợ chẳng thay nổi! Mọi người đều biết Tuyên Hóa thượng nhân. Sư là người Đông Bắc, lúc mười bảy tuổi, mẹ Sư mất, Sư giữ đạo hiệu bên mộ mẹ suốt ba năm. Thuở đó, vùng Đông Bắc tuyết rơi nhiều, rất lạnh. Vào lúc chúng tôi còn trẻ, [mùa Đông, trời lạnh] hai ba chục độ âm. Sư là người ở huyện Ngũ Thường, thuộc miền Bắc của Cáp Nhĩ Tân (Harbin), rất lạnh. Sư giữ mộ tại đó, có rất nhiều cảm ứng. Do vậy, cả một vùng Cáp Nhĩ Tân, rất nhiều huyện đều biết tiếng, gọi Sư là “*Bạch thiện nhân*”<sup>14</sup>. Tới năm 1946, 1947, Sư từ vùng Đông Bắc mới nhập Phật pháp. Đây là vì “*tha nhân*” (người khác), tuy là vì mẹ của chính mình, nhưng mẹ của chính mình cũng là tha nhân, vì tha nhân mà chẳng màng thân thể của chính mình, khiến cho người khác an lạc. Đây là Bồ Tát. Chuyện gì cũng chẳng suy nghĩ cho chính mình, hễ ta có chuyện gì tốt đẹp đều dâng tặng cho chúng sanh, bất luận là ai. Đặc biệt là cừu nhân của ta, ta đều nhường cho kẻ ấy. Từ đây về sau, kẻ ấy chẳng kết oán cừu với quý vị nữa. Oan nghiệp giữa quý vị và kẻ đó nhờ vậy mà tiêu mất. Bất luận người ấy có tiếp nhận hay không, oán nghiệp giữa quý vị và người đó đã tiêu mất. Đó gọi là hành Bồ Tát đạo.

“*Vô hữu u tha bất khởi ngộ thất thân, ngữ, ý nghiệp*” (Chẳng khởi lên làm lỗi nơi thân, ngữ, ý nghiệp đối với người khác): Thân, miệng, ý đều làm cho người khác hoan hỷ, khiến cho người khác vui sướng. Thân, miệng, ý trọn chẳng tổn thương người khác, chẳng khởi lên, chẳng phạm sai lầm ấy. Thật sự là Đại Thừa Bồ Tát, đối với chính mình từ trước đến nay chưa hề bận tâm đến chính mình, luôn chiếu cố người khác. Thân, ngữ, ý nghiệp của chính mình có thể làm lạc đối với chính mình, nhưng đối với chúng sanh, trọn chẳng phạm sai lầm. Đối với chuyện này, chúng ta sai phạm rất nhiều, đặc biệt là đối với người thân cận càng trái phạm

---

<sup>14</sup> Hòa thượng Tuyên Hóa (1918-1995), tục danh là Bạch Ngọc Thư, còn có tên là Ngọc Hỷ. Năm 19 tuổi, hòa thượng xuất gia tại chùa Tam Duyên, cầu thỉnh lão hòa thượng Thường Trí làm thế độ sư, được ban pháp danh An Từ, pháp tự Độ Luân. Tới năm 1946, Sư gặp hòa thượng Hư Vân, năm 1947 Sư mới thọ Cụ Túc Giới, cho đến năm 1948 mới được hòa thượng Hư Vân ấn khả, ban cho đạo hiệu Tuyên Hóa, trở thành truyền nhân đời thứ chín của tông Quy Ngưỡng trong nhà Thiền, được xếp vào hàng ngũ mười đại đệ tử của hòa thượng Hư Vân, cho nên lão pháp sư Mộng Tham mới nói “*cho đến năm 1946, 1947, thượng nhân mới vào cửa Phật*”.



đặc biệt nhiều. Đối với người thân nhất của chính mình hay vợ chồng là dễ phạm nhất, đối với con cái càng dễ phạm: “Tao nuôi này, mày là con trai, mày là con gái tao, mày không nghe lời tao, nghe ai?” Đây là phạm sai lầm nơi thân nghiệp và ngữ nghiệp đối với chúng sanh. Đánh, chửi lại càng chẳng nên!

*(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Hữu chư chúng sanh bảm tánh bạo ác, ngôn từ thô quánh, thật thị ngu si, hoài thông minh mạn, bất đoan sát sanh, nãi chí tà kiến, u tha sở đắc lợi dưỡng, cung kính, thế sở xưng dự, thâm sanh tật đố, thường tự truy cầu lợi dưỡng, cung kính, thế sở xưng dự, tăng vô yếm quyen, hằng tự tán dự, khinh hủy u tha, bất tự phòng hộ thân, ngữ, ý nghiệp, thường nhạo tập hành nhất thiết ác hạnh, nội hành sảo độc, vô hữu bi mẫn, vô tâm, vô quý, hỷ xúc nã tha, u chư phước điền, háo giản thẳng liệt, u quy ngã pháp chư xuất gia nhân, thường nhạo tỷ cầu sở hữu hà khách. Tài đắc thiếu tướng, vị thãm chân hư, tức tiện khinh hủy, ha mạ, trích phạt. Kỳ tâm cương cường, ngân lệ mê loạn, thường hỷ xúc nã tha, bất tỉnh kỷ quá, niệm cơ tha khuyết. Tuy văn tán thán Đại Thừa công đức, phát ý thú cầu, nhi tâm háo vi chư trọng ác sự, tăng vị tịch tĩnh. Cuống hoặc tha cố, u Đại Thừa pháp, hiện tự thính văn, giáo tha thính văn, hiện tự độc tụng, giáo tha độc tụng, vị tự tiến cử, lãng phục tha cố. U Đại Thừa pháp, cung kính tán mỹ, tự u Đại Thừa chư hành cảnh giới, bất tăng tu học, vị năng ngộ giải, nhi tự xưng hiệu “ngã thị Đại Thừa”, dụ khuyến tha nhân, phụ kỷ tu học, quy cầu danh lợi, dĩ tự hoạt mạng.*

(經)復次，善男子！有諸眾生，稟性暴惡，言辭粗獷，實是愚癡，懷聰明慢，不斷殺生乃至邪見，於他所得利養恭敬、世所稱譽，深生嫉妒，常自追求利養恭敬、世所稱譽，曾無厭倦，恆自讚譽，輕毀於他，不自防護身語意業，常樂習行一切惡行，內行殄毒，無有悲愍，無慚無愧，喜觸惱他，於諸福田好簡勝劣，于歸我法諸出家人，常樂伺求所有瑕隙。才得少相未審真虛，即便輕毀呵罵謫罰。其心剛強，佞戾迷亂，常喜觸惱諸出家人，不省己過，念譏他闕。雖聞讚歎大乘功德發意趣求，而心好為諸重惡事，曾未寂靜。誑惑他故，於大乘法，現自聽聞、教他聽聞，現自讀誦、教他讀

誦，為自薦舉陵伏他故。於大乘法，恭敬讚美，自於大乘諸行境界不曾修學，未能悟解，而自稱號「我是大乘」，誘勸他人附己修學，規求名利以自活命。

*(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Có các chúng sanh bầm tánh bạo ác, ngôn từ thô lỗ, tục tằn, thật sự là ngu si, tự phụ thông minh, chẳng đoan sát sanh, cho đến tà kiến. Đối với chuyện người khác đạt được lợi dưỡng, cung kính, được cõi đời khen ngợi, bèn sanh lòng ghen tỵ sâu xa, thường tự truy cầu lợi dưỡng, cung kính, và sự ngợi khen trong cõi đời chưa từng chán mệt. Luôn tự ca ngợi, khinh miệt, hủy báng người khác, chẳng tự gìn giữ thân, ngữ, ý nghiệp. Thường thích thực hiện hết thấy ác hạnh. Trong lòng xấu xa, ác độc, chẳng có lòng bi mẫn, chẳng hổ, chẳng thẹn, thích xúc phạm, não loạn người khác. Đối với các phước điền, thích phân biệt hơn, kém. Đối với những người xuất gia quy y pháp của ta, thường thích moi tìm tỳ vết của họ. Hễ tìm được chút tướng, chẳng tra xét thật giả, liền lập tức khinh miệt, hủy báng, quở trách, chửi mắng, trừng phạt. Tâm kẻ đó ương ngạnh, hung tợn, mê loạn, thường chuộng xúc phạm, não loạn các vị xuất gia, chẳng nhận biết lỗi mình, chỉ luôn nghĩ tưởng, chê cười sai sót của kẻ khác. Tuy nghe tán thán công đức Đại Thừa bèn sanh lòng tìm cầu, nhưng tâm chuộng làm các chuyện ác nặng nề, chưa từng tịch tĩnh. Vì lừa dối kẻ khác, bèn tự làm ra vẻ nghe nhận pháp Đại Thừa, dạy người khác lắng nghe, làm ra vẻ tự đọc tụng, dạy người khác đọc tụng. Vì tự đề cao mình, lấn hiếp, chèn ép người khác, bèn cung kính, khen ngợi Đại Thừa, nhưng tự mình đối với các cảnh giới sở hành của Đại Thừa chưa từng tu học, chẳng thể ngộ giải, lại tự rêu rao “ta là Đại Thừa”, khuyến dụ kẻ khác nương theo mình tu học để gom cầu danh lợi, hòng tự nuôi thân).*

“Tà kiến” là ngu si, là vô minh, luôn dùng tà kiến để thay thế. “Phục thứ” (Lại nữa), đức Phật lại nói tiếp: Có chúng sanh bầm tánh thô bạo, ác tánh chẳng đời, rất thô bạo, ăn nói không ra thể thống gì, thường xuyên muốn động thủ đánh người. Chửi người khác không lại, hoặc bị người khác chửi bới ngược lại, sẽ chẳng chịu được. Kẻ đó chửi rủa người khác, nếu người khác chửi ngược lại, sẽ động thủ đánh người! “*U tha sở đắc lợi dưỡng, cung kính, thể sở xung dự, thâm sanh tật đố*” (Thấy người khác đạt được lợi dưỡng, cung kính, cõi đời khen chuộng, sanh lòng ghen ghét sâu xa): Đây là biểu hiện chẳng có trí huệ. Kẻ đó có tâm ghen tỵ, cũng rất thông minh [theo kiểu] thông minh mạn. Thấy

người khác đạt được đôi chút tốt lành, như được tiếng tăm tốt đẹp, hoặc được cúng dường, buôn bán có lời, kẻ đó sẽ nghĩ phương cách phá hoại! Nếu là cùng nghề thì sẽ là oan gia.

“*Thường tự truy cầu lợi dưỡng, cung kính*”: Điều kẻ đó mong cầu chính là tiếng tăm và lợi dưỡng. “*Thế sở xưng dự, tăng vô yếm quyền*” (Đối với lời khen ngợi trong cõi đời, chưa từng chán mệt): Đối với chuyện này, kẻ đó rất tinh tấn. Tuy người khác chẳng khen ngợi, kẻ đó cũng tự mình ca ngợi chính mình, khen mình, chê người! Đối với thân, miệng, ý của chính mình, kẻ đó chẳng gìn giữ, ngăn ngừa, cứ chằm chập cạnh chừng thân, miệng, ý của kẻ khác, quở kẻ khác ăn nói chẳng đúng, thân thể làm chuyện không đúng, thường uốn nắn thân, miệng, ý của kẻ khác, còn thân, miệng, ý của chính mình thì chẳng gìn giữ, ngăn ngừa!

Những điều kẻ ấy mong mỏi, tập luyện là gì? Hết thấy ác hạnh, toàn làm ác, chẳng làm việc thiện. “*Nội tâm sảm độc*”: Chữ “*sảm*” (殄) này có nghĩa là gì? Xấu ác, hỗn loạn. Đó là độc. Độc gì vậy? Là chất độc của ác hạnh. Một tí tâm bi mẫn người khác cũng chẳng có. Mẫn (愍) kém hơn [bi] một chút, tức là thương xót người khác. Bi là đại bi, lớn hơn. Chúng ta thường xuyên hình dung con người như thế này: “*Cái tâm trặc ản ai nấy đều có*”. Câu kinh này cho thấy không phải ai cũng đều là như vậy! Có những kẻ hung ác, quen thói thô bạo, chưa từng có tâm trặc ản. Không chỉ đối với người ngoài, mà đối với vợ con của hấn, vẫn là như vậy. Chẳng hổ, không thẹn! Trong lòng hấn ưa thích chuyện gì? Gây phiền não cho kẻ khác, luôn muốn làm cho người khác hứng chịu khổ não. Nếu có chuyện hơi tốt đẹp, muốn làm chuyện phước đức, hấn sẽ quấy phá. Có rất nhiều kẻ như vậy, cầm tiền của kẻ khác để làm chuyện tốt, chính kẻ đó chẳng có công đức, cứ ngỡ chính mình đã chiếm tiện nghi, thật ra, kẻ đó đang tạo tội. Tại Đại Lục, kẻ [làm như vậy] được gọi là “*thiện trùng tử*” (善蟲子, con sâu làm rầu thiện sự, con sâu ăn bằm thiện sự), chuyên môn nuốt trắng tiền tài của hòa thượng hoặc cư sĩ. Hạng người như thế được gọi là “*thiện trùng tử*”, là thứ ký sanh trùng, tức ký sanh trùng nơi thiện sự, chiếm lợi ích của người khác để tạo lợi ích cho riêng mình.

Có một kẻ rêu rao rùm beng chính mình là hiếu tử. Mẹ hấn ngã bệnh, hấn muốn cắt thịt để bồi bổ mẹ. Bất quá, hấn chẳng cắt thịt của chính mình. Người khác đợi sẵn ở nhà vệ sinh, khi hấn đang tiêu tiểu, bèn vung dao chém hấn, hấn chẳng kêu ầm lên hay sao? Người khác nói: “*Người đừng kêu. Cắt thịt dâng mẹ là lòng hiếu lớn nhất. Sao người vẫn*

còn kêu?” Mọi người nghe xong cảm thấy chuyện này như thế nào? Tuy là chuyện cười, nhưng xác thực là có kẻ như thế đấy. Đối với hết thầy phước điền, hẳn cứ kén chọn cái nào là tốt, ta nên làm; cái nào chẳng tốt, ta không nên làm. Phước đức đã bị giảm khinh, thiện căn này rất bé, thiện căn kia rất to, to thì ta nên làm, nhỏ nhoi ta chớ nên làm!

Khi Lưu Bị phó thác con côi [cho các đại thần], đã dặn Lưu Thiện<sup>15</sup> phải nhớ kỹ hai câu: “*Vật dĩ ác tiểu nhi vi chi*”, nghĩa là đừng thấy chuyện rất nhỏ nhặt, tuy là chuyện xấu rất nhỏ, chẳng có ảnh hưởng gì, người cũng đừng nên làm. “*Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi*”, chớ vì điều thiện này rất nhỏ mà chẳng làm. Nếu người làm, sẽ sanh khởi công đức to lớn. Giống như thí xả cho kẻ khác một ít tiền, một đồng, một xu, tâm quý vị một mực từ bi, cung kính, đích thân đưa cho người ta, công đức vô lượng. Nếu là quốc vương, hoặc đại thần, bố thí cho kẻ cùng khổ, hoặc ăn mày, đích thân an ủi, bất luận tiền bao nhiêu, công đức của người ấy hơn hẳn cúng dường vô lượng Hằng hà sa chư Phật. Kinh Địa Tạng dạy như thế đó.

Đối với người xuất gia trong pháp của ta, kẻ đó thường chuộng tìm cầu các tỳ vết. Kẻ đó chẳng làm gì khác, chỉ ráo riết bới lông tìm vết. Hễ thấy lỗi của người xuất gia, kẻ đó tìm được một chút, “*tài đắc thiếu tướng*” (mới tìm được một chút), hẳn chẳng kiềm nghiệm là thật hay giả, liền “*khinh hủy, ha mạ, trích phạt*” (khinh miệt, hủy báng, chửi mắng, trừng phạt). Sai lầm mất rồi, đây là đại ác! Kẻ như thế chẳng nghe người khác khuyên bảo, cái tâm cứng cõi, khó thể điều phục. “*Hận lệ mê loạn*” tức là hung tàn, bạo ác, tâm rất mê loạn. Do vậy, mục đích của kẻ đó “*thường hỷ xúc nảo chư xuất gia nhân*” (thường chuộng xúc phạm, nảo loạn những người xuất gia): Thấy các hòa thượng và người xuất gia phiền nảo, kẻ đó rất khoái chí, mục đích của hắn là thường mong tìm lỗi của người xuất gia, khiến cho quý vị phiền nảo, khiến cho quý vị tu chẳng thành. Đó là ma quỷ. Con cái của ma vương Ba Tuần đến nảo loạn người xuất gia. Sau đó, hắn cũng xuất gia, mặc y phục xuất gia, chẳng làm Phật sự, mà càng phá hoại mạnh hơn!

---

<sup>15</sup> Lưu Thiện, tên tự là Công Tự và Thăng Chi, tên gọi thuở bé là A Đầu, con trai của Lưu Bị và Cam Mai (Chiêu Liệt Hoàng Hậu). Về sau, Lưu Thiện nối ngôi Lưu Bị (Hán Chiêu Liệt Đế). Sử thường gọi Lưu Thiện là Thục Hán Hậu Chúa. Khi Tôn Quyền sai người đón Tôn phu nhân về lại Đông Ngô đã bắt cóc Lưu Thiện theo, phải nhờ Triệu Vân (Triệu Tử Long) dũng mãnh đột phá mới cướp Lưu Thiện trở về được. Về sau, nhà Thục Hán bị Tào Ngụy thôn tính, Lưu Thiện bị bắt đưa về kinh đô Lạc Dương của nước Ngụy, giữ chức vị bù nhìn là An Lạc Huyện Công.

Hạng người này rất nhiều, làm thiện trùng tử chẳng thành, bèn vào tận bên trong [Phật giáo], đục ruỗng từ trong ra ngoài. Vào trong Phật giáo để phá hoại Phật giáo, hủy diệt Phật giáo, vĩnh viễn chẳng nghĩ đến sai trái của chính mình. Luôn chê bai, hủy báng kẻ khác, tìm khuyết điểm của người ta. Nghe tán thán công đức của Đại Thừa, hẳn cũng biết đây là chuyện tốt. Vừa nghe người ta tán thán công đức của Đại Thừa, hẳn cũng phát tâm mong cầu Đại Thừa, muốn tìm cầu. Nhưng trong tâm hẳn ưa chuộng giết, trộm, dâm, dối, chưa hề tịch tĩnh, chẳng ngưng dứt tạo lỗi ác, chẳng tĩnh được chính mình, hết sức tán loạn! Vì sao? Nghiệp khiến cho hẳn mê loạn. Nghiệp chướng mà! Đó gọi là nghiệp chướng thật sự. Quý vị thấy những kẻ đó nghiệp chướng rất nặng, nhưng chẳng thể khuyên họ. Nếu quý vị khuyên họ, họ sẽ tức giận, gây phiền não cho quý vị. Do đó, Thích Ca Mâu Ni Phật đã bảo vua Diêm La: “*Chúng sanh trong thế giới Sa Bà này ương ngạnh, khó điều phục, tập khí rất sâu nặng*”. Làm ác sự trọng đại, trước nay chưa hề tĩnh lặng, lừa dối gạt gẫm người khác, toàn là giả vờ bày trò!

“*Ư Đại Thừa pháp, hiện tự thính thọ*” (Đối với pháp Đại Thừa, tự làm ra vẻ nghe nhận): Đối với pháp Đại Thừa, kẻ đó tự nghe, mà cũng dạy người khác nghe. “*Hiện tự độc tụng, giáo tha độc tụng. Vị tự tiên cử, lãng phục tha cố. Ư Đại Thừa pháp, cung kính tán mỹ. Tự ư Đại Thừa pháp chư hành cảnh giới, vị tăng tu học, bất năng ngộ giải, nhi tự xưng hiệu ngã thị Đại Thừa, dụ khuyến tha nhân*” (Làm ra vẻ tự đọc tụng, dạy kẻ khác đọc tụng, nhằm đề cao chính mình, lãn hiếp, chế phục kẻ khác. Cung kính, khen ngợi pháp Đại Thừa, nhưng chính mình đối với các cảnh giới sở hành của Đại Thừa, chưa từng tu học, chẳng thể ngộ giải, mà tự xưng “ta là Đại Thừa”, khuyên dụ kẻ khác): Khuyên dụ người khác tin tưởng, nương theo hẳn tu học. Hai câu đầu, quý vị nghe thấy tốt lắm. Phần sau chẳng phải vậy, có dụng tâm khác, dụng tâm chẳng đúng! Kẻ đó nói: “Tôi đã nghe rồi, bộ kinh này hay lắm, quý vị hãy theo tôi đi nghe. Nay tôi đang đọc tụng kinh chi đó, quý vị có đọc tụng hay không? Tôi đề cử, hướng dẫn quý vị, nhưng quý vị phải nghe theo tôi”. Đây chính là dối gạt người ta.

Lãn hiếp, chèn ép người khác vì để hàng phục kẻ khác. Đối với pháp Đại Thừa, tán dương, cung kính, đó là giả tướng, giả vờ tán thán, cung kính. Đối với các hạnh và tướng cảnh giới trong Đại Thừa, trước nay hẳn chưa hề tu học, có học cũng chẳng vô, khỏi bàn đến chuyện ngộ giải! Làm sao thấu hiểu cho nổi! Nhưng kẻ đó tự thổi phồng “ta là người học Đại Thừa”, khuyên mọi người hãy theo học với ta, nghe lời ta. Thật

ra, kẻ đó giả dối hòng “*quy cầu danh lợi*”, tức là nhằm mục đích muốn cầu danh kiếm lợi để tự nuôi sống cái thân. Đó gọi là “*sống bằng tà mạng*”. Kẻ đó mạo nhận pháp Đại Thừa, dưới lớp ngụy trang ấy, kẻ đó bèn theo đuổi danh lợi. Một mình còn chưa thỏa, lại còn kéo bè kết đảng, lập băng vầy nhóm!

*(Kinh) Thí như phá giới, ác trì luật sư, tự phạm Thi La, nhạo hành ác hạnh. Vị danh lợi cố, dụ khuyến tha nhân, linh cần tu học Tỳ Nại Da Tạng. Như thị siểm khúc, hư trá chúng sanh, hạ tiện nhân thân, thượng đương nan đắc, thoái thất thiện thú, Nhị Thừa Niết Bàn, hưởng đắc Đại Thừa? Chung vô thị xú! Đương đọa ác thú, nan hữu xuất kỳ. Chư hữu trí nhân, bất ưng thân cận, nhi vô tầm quý, u đại chúng trung, tự hiệu Đại Thừa, như sư tử hồng. Vị danh lợi cố, dụ cuồng ngu si, linh thân phụ kỷ, cộng vi bằng đảng. Thí như hữu sư, phi sư tử bì, nhi tiện tự vị dĩ vi sư tử. Hữu nhân dao kiến, vị chân sư tử. Cập chí minh dĩ, giai thức thị sư, hàm cộng thóa ngôn: “Thử phi sư tử, thị thực bất tịnh, chân tộ ác sư”, chủng chủng ha sát, giai cộng xả khứ. Ngã thuyết như thị Bồ Đặc Già La thường nhạo tập hành thập ác nghiệp đạo, thiêu diệt nhất thiết nhân thiên chủng tử, thượng thoái Thanh Văn, Độc Giác Thừa pháp, hưởng u Đại Thừa năng thành pháp khí? Ngu si, kiêu mạn, tự hiệu Đại Thừa, cuồng hoặc tha nhân, chiêu tập lợi dưỡng.*

(經)譬如破戒惡持律師，自犯尸羅，樂行惡行。為名利故，誘勸他人，令勤修學毗奈耶藏。如是諂曲虛詐眾生，下賤人身尚當難得，退失善趣二乘涅槃，況得大乘？終無是處！當墮惡趣，難有出期。諸有智人不應親近，而無慚愧，於大眾中自號大乘如師子吼。為名利故，誘誑愚癡令親附己，共為朋黨。譬如有驢披師子皮，而便自謂以為師子。有人遙見，謂真師子。及至鳴已」皆識是驢，咸共唾言：「此非師子，是食不淨真弊惡驢」，種種呵叱，皆共舍去。我說如是補特伽羅，常樂習行十惡業道，燒滅一切人天種子，尚退聲聞、獨覺乘法，況於大乘能成法器？愚癡憍慢，自號大乘，誑惑他人，招集利養。

*(Kinh: Ví như luật sư phá giới, ác trì, tự phạm giới luật, thích làm ác hạnh. Do vì danh lợi, khuyến dụ kẻ khác để họ siêng năng tu học Tỳ*

*Nại Da Tạng. Kẻ siểm khúc, dối trá như thế, thân người hạ tiện còn khó có được, thoái thất đường lành, Nhị Thừa Niết Bàn, hưởng hồ đắc Đại Thừa ư? Trọn chẳng có lẽ ấy, mà sẽ đọa vào đường ác, khó có thuở thoát ra. Những người có trí chớ nên thân cận [kẻ ấy], mà gã đó chẳng hổ thẹn, ở trong đại chúng, tự xưng là Đại Thừa, như sư tử rống. Do vì danh lợi, dụ dỗ, gạt gẫm kẻ ngu si, khiến cho họ quy phục hẳn, kết thành bè đảng. Ví như có con lừa, khoác da sư tử, bèn tự cho mình là sư tử. Có người nhìn từ xa, ngỡ là sư tử thật, đến khi nó kêu, ai nấy đều biết nó là lừa, đều cùng thóa mạ: “Đấy chẳng phải là sư tử, mà là con lừa ăn đồ bất tịnh, thật sự tệ ác”, đủ mọi thứ chửi bới, trách mắng, đều cùng bỏ đi. Ta nói Bồ Đặc Già La như thế thường thích thực hành thập ác nghiệp đạo, đốt cháy hết thầy chúng tử trời, người, đối với pháp Thanh Văn và Độc Giác Thừa còn bị thoái thất, hưởng hồ có thể trở thành pháp khí Đại Thừa ư? Ngu si, kiêu mạn, tự xưng là Đại Thừa, dối gạt, mê hoặc người khác để tom góp lợi dưỡng).*

“*Thí như phá giới, ác trì luật sư*”, luật sư<sup>16</sup> là giả, kẻ đó phá giới, “*ác trì*” (惡持) là hành trì theo điều ác. Hẳn trì ác pháp, chẳng hành giới pháp. Hạng luật sư như vậy tự mình phạm giới, tức là phạm Thi La. “*Nhạo hành ác hành*” (Thích làm hạnh ác): Vì danh lợi, lại còn khuyên dụ kẻ khác, “*linh cần tu Tỳ Nại Da Tạng*” tức là khuyên người khác siêng tu giới luật, làm ra vẻ ta đây là một người học Giới, khuyên người khác đều phải học Giới, trì Luật, nhưng chính mình đã phạm Thi La. Đã thế, lại còn siểm khúc, chẳng thật. “*Như thị siểm khúc, hư trá chúng sanh*”, tức là hư dối chẳng thật, lừa gạt chúng sanh, kẻ như vậy “*hạ liệt nhân thân thượng đương nan đắc*”, [ý nói] mong làm thân người thấp hèn [còn chẳng được]. Một khi thân người đã mất đi, mong được làm thân người thấp hèn, rất khó! Cổ nhân nói: “*Trước cửa địa ngục, Tăng, đạo đông*”, có nghĩa là như thế đó. Kẻ đó chẳng phải là Tăng nhân chân chánh, cũng chẳng phải là người tu đạo chân chánh.

Vì sao? Kẻ đó vì danh, vì lợi, lừa gạt, vờ vĩnh. Đức Phật thấy rõ thời Mạt Pháp: Trong thời Chánh Pháp, người thành đạo nhiều, nhưng Mạt Pháp thì quý vị chẳng thấy người thành đạo. Kẻ [phá giới, dối trá] như vậy, quý vị chẳng mở mắt nhìn thì không thấy, hễ mở mắt liền thấy, nhưng nói theo phía bản thân chúng ta, dầu thấy mà coi như chẳng phát

---

<sup>16</sup> Vị Tăng tinh thông, chuyên hành trì giới luật tinh nghiêm, có đủ tư cách dạy dỗ, truyền giới luật cho Tăng chúng thì gọi là Luật Sư.

hiện, phải nhẫn thọ, cứ coi kẻ đó như thánh tăng. Quý vị làm theo như vậy, sẽ đạt được phước đức, đạt được phước đức của bậc thánh tăng. Quý vị coi thánh tăng thành phàm phu tăng, trở thành tỳ-kheo phá giới, thì điều gì cũng chẳng đạt được. Dầu người đó là thánh tăng, quý vị cũng chẳng đạt được. Cho nên giống như hòa thượng Tế Điền, gặp vị hòa thượng phá giới ấy, điều gì quý vị cũng chẳng đạt được, vì quý vị không có cái tâm ấy.

Do đó người như vậy rốt cuộc phải đọa vào ác thú. “*Nan hữu xuất kỳ*” (Khó có lúc thoát ra): Chẳng đạt được thân người thấp hèn! Vì sao? Đã đọa vào địa ngục, đến lúc làm người, sẽ làm thân người thấp hèn, các chi thể chẳng vẹn toàn. Hoặc là điên rồ, hoặc là lục căn chẳng trọn đủ. “*Chư hữu trí nhân bất ưng thân cận*” (Những người có trí chẳng nên thân cận): Người có trí huệ chớ nên thân cận kẻ đó, kẻ đó là phường không hổ thẹn. Kẻ đó ở trong đại chúng “*tự hiệu Đại Thừa*” (tự xưng là Đại Thừa), giống như “*su tử rống*”, thật ra, chỉ vì danh lợi. “*Dụ cuống ngu si, linh thân phụ kỹ*” (Dụ dỗ, gạt gẫm kẻ ngu si, thân cận, quy phục chính mình), khiến cho kẻ khác thân cận hẳn, cùng hẳn kết bè kéo cánh, hẳn làm người cầm đầu.

Bản thân hẳn chẳng tu hành, mà cũng chẳng lý giải, chẳng có trí huệ, chỉ vì tiếng tăm, lợi dưỡng, khiến cho kẻ khác thân cận, quy thuộc hẳn, hẳn liền đạt được mục đích. Đức Phật nói tỷ dụ, loại người ấy giống như con lừa trong loài súc sanh. Con lừa thì tài khéo gì cũng đều chẳng có. Trong quá khứ, có câu nói [ví von] là “*Kiểm lư chi kỹ*” (黔驢之技, tài nghệ của con lừa đất Kiếm). Kiếm (黔) là tỉnh Quý Châu. Có người ở địa phương khác, mua một con lừa chở về. Cọp ở Quý Châu chưa từng thấy lừa, hoảng sợ trước con vật to lớn, chẳng dám quấy rối nó. Lâu ngày, cọp thấy nó cũng chẳng có gì đặc biệt, chẳng có bản lãnh gì, liền thử quấy rối lừa, cọp kéo đuôi lừa, lừa bèn lấy chân đá. Cọp trông thấy, nói: “Tài nghệ của người chỉ đến thế. Bản lãnh của người chỉ lớn chừng đó”. Cọp liền ăn thịt lừa!

Điều bất đồng là kẻ đó chẳng có hổ thẹn, lại chẳng chịu học, cho rằng chính mình học pháp Đại Thừa, thậm chí giải nói cho kẻ khác, cho rằng chính mình cũng đang *su tử hồng*, cũng *su tử hồng* giống như Phật, nhưng kẻ đó có một khuyết điểm “*vì danh lợi*”. Nếu chẳng vì danh lợi, kẻ đó sẽ chẳng làm như vậy. Dụ dỗ người khác, dẫn dắt những kẻ chẳng khác gì hẳn cho mây, đều là phường ngu si, thậm chí còn ngu si hơn kẻ đó. “*Cộng vi băng đảng*” (Cùng kết thành băng đảng): Giống như trong



hiện thời, kết thành một bang, một phái, có khác chi con lừa? Tự cho là sư tử thật sự, nhưng chẳng có bản lãnh thật sự của sư tử, đợi cho đến khi hấn rống lên, tiếng lừa rống và tiếng sư tử rống hai đằng sai khác quá xa! “*Thử phi sư tử, thị thực bất tịnh*” (Đây chẳng phải là sư tử, mà là thứ ăn đồ bất tịnh). “*Thực bất tịnh*” có thể giải thích bằng hai cách. Xét theo Phật giáo để giải thích, những gì kẻ đó đã làm đều chẳng thanh tịnh, chẳng phải là hạnh môn thanh tịnh. Đó là giả dạng, giả trá, là con lừa xấu ác. Mọi người sau khi đã nhận biết bèn chửi mắng hấn, chẳng chung bè chung phái với hấn, lia bỏ hấn!

“*Ngã thuyết như thị Bồ Đặc Già La thường nhạo tập hành thập ác nghiệp đạo*” (Ta nói Bồ Đặc Già La như thế thường thích tập tành thập ác nghiệp đạo): Đức Phật nói loại chúng sanh ấy trong quá khứ đã tiêm nhiễm rất sâu. Những chuyện kẻ đó làm toàn là chuyện thuộc thập ác đạo, thích làm thập ác đạo nghiệp, miệng ưa nói dối, nói thêu dệt, nói thô ác, nói đôi chiều, trong lòng mơ tưởng tham, sân, si, thân thể tạo tác giết, trộm, dâm. Đây là thập ác nghiệp. Thiêu hủy hết thầy chùng tử làm người, cho đến chùng tử sanh lên trời. Nhân thiên còn chẳng thể làm, há còn có thể có pháp Thanh Văn hay Duyên Giác chi nữa? Hoặc là pháp Duyên Giác, pháp Thanh Văn đã học trong đời quá khứ đều thoái thất, thứ gì cũng chẳng còn. Đối với Đại Thừa, kẻ ấy chẳng trở thành pháp khí Đại Thừa.

Kẻ đó tự nói là Đại Thừa, chứng tỏ hấn chẳng phải là Đại Thừa! Tất cả những gì kẻ đó có là “*ngu si, kiêu mạn*”, tự mình nguy trang. Hiện thời, bất luận là tứ chúng đệ tử, luôn cho rằng pháp mình đang học rất tuyệt diệu, bất luận là Hiển pháp hay Mật pháp, nhưng hoàn toàn chẳng thật sự tu. Nhìn từ hiện tượng, dường như là tu tập, hiện thời đương nhiên đều là Đại Thừa, đều tự xưng là Đại Thừa. Hiện thời, bất luận vị nào cũng đều [vỗ ngực xưng mình] viên dung, chẳng có ai nói ta tu Khô, Tập, Diệt, Đạo. [Người nói chính mình tu tập Khô, Tập, Diệt, Đạo] ít lắm!

Hiện thời, lại còn có một nguyên nhân khác: Sau khi kẻ đó xuất gia, bèn thoát ly giáo nghĩa. Vừa vào chùa, được tiếp cận sư phụ, đặc biệt là chùa Thiên Tông, hoặc chùa Tịnh Độ tại Đại Lục, ngay cả Đại Thừa cũng chẳng thừa nhận! Thật ra, đây là vì các tổ sư trong quá khứ đã nói như vậy, họ đều là bất chước nói theo [nhưng chẳng hiểu thâm ý, dụng ý khuyên nhất tâm, “chuyên tinh hành trì, đừng tham đắm đa văn khi chưa đạt chuyên tâm, thấu hiểu pháp môn chính mình đang tu” của chư Tổ], cứ nhai nhai: “*Niệm một câu A Di Đà Phật, theo chiều dọc*

cùng tột tam giới, theo chiều ngang bao trùm tám giáo, thứ gì cũng đều trọn đủ. Niệm một câu A Di Đà Phật là đủ rồi”. Hàng Bồ Tát mới vừa xuất gia, mới vừa phát ý, thứ gì cũng đều chẳng biết, chỉ biết niệm một câu A Di Đà Phật, như thế bèn rất kiêu ngạo: “Ta niệm một câu A Di Đà Phật, so với người học kinh Hoa Nghiêm bao nhiêu năm có ích gì hay chẳng? Kinh Pháp Hoa chẳng cần phải học! Ta niệm một câu A Di Đà Phật đều có”. Thế nhưng [họ quên rằng] kinh Di Đà chẳng nói như vậy, kinh Vô Lượng Thọ cũng chẳng nói như vậy. Cho nên kẻ đó chẳng học Giáo, mà cũng chẳng thâm nhập! Nếu thật sự niệm đến mức nhất tâm bất loạn thì công đức của A Di Đà Phật quả thật chẳng thể nghĩ bàn, nhưng [sơ cơ hành nhân] chẳng làm được!

Ngoài ra, có rất nhiều kẻ tọa Thiền, thứ gì cũng chẳng biết, nhưng rất kiêu ngạo, tánh tình rất nóng nảy. Vì kẻ đó chẳng tu, chẳng nhập Định, sẽ phát triển theo cá tánh. Chẳng học tập giáo nghĩa, do có sự thiếu hụt này, kẻ ấy chẳng nhận thức chính mình, mà cũng chẳng nhận thức người khác, càng chẳng biết đức Phật dạy bảo, truyền dạy chúng ta những gì. Đức Phật quả trách hạng người này là “ngu si mạn”. Tự xưng là Đại Thừa, cho rằng chính mình ghê gớm lắm, lại còn lường gạt người khác nhằm mục đích tom góp lợi dưỡng!

*(Kinh) Thí như si mạn, vô thủ túc nhân, dục hưng chiến phạt, nhập u đại trận, đồ thiết công hiệu, chung vô khắc thành. Trá hiệu Đại Thừa, diệc phục như thị. Tín thủ, giới túc, vô hữu nhất toàn, bất tự nhai quỹ sở kham hạnh nghiệp, dục hưng chiến phạt phiến não đại trận, đồ thiết công hiệu, chung vô khắc thành! Ngã thuyết thị nhân bất hộ tam nghiệp, chuyên hành ác hạnh, vọng hiệu Đại Thừa, thật u tam thừa, giai phi pháp khí, nhi dục phá hoại nhất thiết chúng sanh dũng kiện, kiên lao phiến não đại trận, dục giai hiển thị nhất thiết chúng sanh bát chi thánh đạo, linh nhập vô úy Niết Bàn chi thành, chung vô thị xứ! Sở dĩ giả hà? Thiện nam tử! Phù Đại Thừa giả, thọ trì đệ nhất thanh tịnh luật nghi, tu hành đệ nhất vi diệu thiện hạnh, cụ túc đệ nhất kiên cố tâm quý, thâm kiến, thâm úy hậu thế khổ quả, viễn ly sở hữu nhất thiết ác pháp, thường nhạo tu hành nhất thiết thiện pháp, từ bi thường biếu nhất thiết hữu tình, hằng phổ vị tác lợi ích an lạc, cứu tế, độ thoát nhất thiết hữu tình, sở hữu ách nạn, sanh tử chúng khổ, bất cố tự thân sở hữu an lạc, duy cầu an lạc nhất thiết hữu tình. Như thị danh vi trụ Đại Thừa giả.*

(經)譬如癡慢無手足人，欲興戰伐入於大陣，徒設功效

，終無克成。詐號大乘，亦復如是。信手、戒足，無有一全，不自崖揆所堪行業，欲興戰伐煩惱大陣，徒設功效，終無克成！我說是人，不護三業，專行惡行，妄號大乘，實於三乘皆非法器，而欲破壞一切眾生勇健堅牢煩惱大陣，欲皆顯示一切眾生八支聖道，令入無畏涅槃之城，終無是處。所以者何？善男子！夫大乘者，受持第一清淨律儀，修行第一微妙善行，具足第一堅固慚愧，深見深畏後世苦果，遠離所有一切惡法，常樂修行一切善法，慈悲常徧一切有情，恆普為作利益安樂，救濟度脫一切有情，所有厄難生死眾苦，不顧自身所有安樂，唯求安樂一切有情。如是名為住大乘者。

*(Kinh: Ví như kẻ si mạn, chẳng có chân tay, muốn đi chiến đấu, chinh phạt, vào trong trận lớn, mưu toan lập công, trọn chẳng thành công. Kẻ dối trá xưng là Đại Thừa, cũng giống như thế. Tay Tín, chân Giới, không một thứ gì vẹn toàn, chẳng tự suy xét, cân nhắc hạnh nghiệp có thể làm, muốn chiến đấu, chinh phạt trong đại trận phiền não, mưu toan lập công, trọn chẳng thành công! Ta nói người như thế chẳng bảo vệ ba nghiệp, chuyên hành ác hạnh, hư vọng xưng là Đại Thừa, quả thật đều chẳng phải là pháp khí trong tam thừa, mà muốn phá hoại đại trận phiền não cứng chắc, dùng mãnh của hết thầy chúng sanh, muốn đều hiển thị tám chi thánh đạo của hết thầy chúng sanh, khiến cho họ đều vào tòa thành Niết Bàn không sợ hãi, trọn chẳng có lẽ ấy! Vì có sao vậy? Nay thiện nam tử! Phàm Đại Thừa là thọ trì luật nghi thanh tịnh bậc nhất, tu hành thiện hạnh vi diệu bậc nhất, trọn đủ hộ then kiên cố bậc nhất, thấy sâu xa và sợ sâu xa khổ quả trong đời sau, xa lìa tất cả hết thầy ác pháp, thường thích tu hành hết thầy thiện pháp, thường từ bi trọn khắp hết thầy hữu tình, luôn tạo lợi ích an lạc, cứu tế, độ thoát trọn khắp tất cả các thứ khổ và ách nạn sanh tử của hết thầy hữu tình, chẳng màng tất cả an lạc của chính mình, chỉ cầu an lạc hết thầy hữu tình. Như thế thì gọi là người trụ trong Đại Thừa).*

Ví như có một người tay lẫn chân đều không có, còn muốn tham gia chiến trận, muốn đánh giặc, [đó là ý nghĩa của câu] “*dục hưng chiến phạt nhập ư đại trận*”, có thể thành công hay không? Bản lãnh gì cũng đều không có, trông trơn, công hiệu gì cũng đều chẳng có. Vậy thì có thể thành tựu nổi không? “*Chung vô khắc thành*” (Trọn chẳng thể thành):

Quý vị chẳng thể nào chiến thắng địch nhân, chỉ bị địch nhân tiêu diệt. Giống như chính mình chẳng có học vấn lẫn tài nghệ, ngay cả phiền não Kiến Tư Hoặc nông cạn nhất cũng chẳng thể đoạn, làm sao có thể làm chuyện lợi ích hết thảy chúng sanh cho được? Đây là dối trá xưng là Đại Thừa!

Người học Phật trong hiện thời chiến đấu với ai? Chính mình chiến đấu với bản thân, quý vị phải chiến đấu với phiền não và tập khí của chính mình. Khởi đầu trước hết từ Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Cảnh giới ngũ dục ấy quý vị chẳng khắc phục được. Người ta chửi quý vị hai câu, quý vị bị lửa giận xông cao ba trượng. Đó là chuyện bé tí, bé tẹo, quý vị chẳng thể đối trị nổi, làm sao có thể lợi ích hết thảy chúng sanh? Thậm chí đặt Ngã Kiến vào vị trí bậc nhất, chuyện gì cũng đều suy tính cho chính mình. Như thế thì quý vị làm sao có thể liễu sanh tử cho nổi? Nói là Đại Thừa, thế mà ngay cả liễu sanh tử còn chẳng thể! Quý vị mong đoạn phiền não, có thể đạt thanh tịnh đôi chút, thế mà ngay cả điều rất thô thiển, quý vị cũng chẳng đạt được! Rất hời hợt, xáo động, rất bộp chộp, rất nông nổi, suốt ngày luôn tán loạn, bảo đó là Đại Thừa thì ai mà tin được? Ai cũng chẳng thể tin nổi!

“*Tín thủ, Giới túc, vô hữu nhất toàn*” (Tay Tín, chân Giới, không một điều nào vẹn toàn): Tín tâm ví như tay, trì giới ví như chân. Vậy thì quý vị chẳng có tín tâm, lại chẳng giữ giới thanh tịnh, tức là “không tay, không chân”. Chẳng có tín tâm, lại chẳng có giới hạnh, thứ gì cũng đều chẳng đầy đủ!

“*Bất tự nhai quỹ*” [nghĩa là] vì chẳng biết tự lượng sức. Chính mình hãy tự cân nhắc bản thân, quý vị có công đức gì? Có đức hạnh gì? Chẳng biết tự lượng sức mình, quý vị đối với hạnh nghiệp mà chính mình có thể kham thực hiện, hãy học theo hạnh đó, hoặc là Thanh Văn Thừa, hoặc là Duyên Giác Thừa, quý vị có thể làm được hay không? Người ta nói “*thông minh bất quá nạp tử*” (thông minh chẳng hơn tăng sĩ), “*nạp tử*” (衲子, kẻ mặc áo bằng các mụn vải chằm lại) là nói đến người xuất gia. Quý vị chớ nên thấy người xuất gia chẳng làm chuyện gì! Họ học điều gì, hiểu điều đó, hết sức thông minh. Kẻ có Thế Trí Biện Thông, vừa học liền hiểu ngay. Nếu có đôi chút Định lực gia trì, bất luận học điều gì, sẽ hiểu rất nhanh. Nếu ngay cả chút trí huệ ấy cũng không có, quý vị làm chuyện gì cũng đều chẳng nên hôn, tùy tiện làm một tí chuyện gì cũng đều là chân tay vụng về!

Đời Thanh, Ngọc Lâm quốc sư<sup>17</sup> ở chùa Niêm Hoa, đó là ngôi chùa mà tôi được thọ giới. Sư làm Phương Trượng tại đó. Hoàng đế đến chùa thăm viếng, Sư giữ hoàng đế lại thọ trai. Nhưng giấy dán cửa sổ nơi trai phòng bị rách, gió lùa vang tiếng ù ù, Ngọc Lâm quốc sư bèn gấp mấy hạt cơm trong chén để lên bàn. Chú tiểu sa-di liền bước đến cầm mấy hạt cơm và tờ giấy dán chỗ rách. Vua Càn Long<sup>18</sup> thờ dài, đứng là khá quá, “*thông minh bất quá nạp tử*”. Ngọc Lâm quốc sư bèn khen ngợi hoàng đế: “*Linh lợi bất quá đế vương*”. Tuy đây là chuyện cũ, quý vị thấy tiểu hòa thượng có rất nhiều chuyện chúng ta nghĩ không ra, chú bé thay quý vị làm rất tốt. Đó là thông minh bề ngoài. Mặt khác, nếu có trí huệ thật sự, có hòa thượng biểu hiện ngu xuẩn, đần độn gần chết, tướng mạo rất xấu xí, thô kệch. Có rất nhiều hòa thượng có dị tướng, quý vị thấy họ rất xấu, chẳng hạn như thiền sư Đạo An<sup>19</sup>. Vào đời Tấn,

---

<sup>17</sup> Ngọc Lâm Thông Tú (1614-1675), thường được gọi là Ngọc Lâm quốc sư, người huyện Giang Âm, tỉnh Giang Tô, là một vị cao tăng thuộc tông Lâm Tế đời Thanh. Ngài thọ Cụ Túc Giới với ngài Khánh Sơn Viên Tu, từng làm trụ trì chùa Báo Ân ở Vũ Khang, tỉnh Chiết Giang. Về sau, Ngài vâng chiếu vào kinh truyền pháp, được phong hiệu là Đại Giác thiền sư. Năm Thuận Trị thứ mười bảy (1660), khi vợ yêu của Thuận Trị là Đồng Ngạc Phi qua đời sau một thời gian bệnh tật vì sanh nở, Thuận Trị chán ngán thế sự, muốn xuất gia, ngài Ngọc Lâm cực lực can ngăn. Nghe lời, Thuận Trị sai người thay mình xuống tóc, tôn ngài Ngọc Lâm làm bốn sư. Do chuyện này, khi Thuận Trị mất sớm, các nhà tiểu thuyết Trung Hoa đã bịa ra chuyện vua giả chết, trốn khỏi hoàng cung, lên núi Ngũ Đài tu hành.

<sup>18</sup> Ở đây, có lẽ lão pháp sư nói nhầm, vì ngài Ngọc Lâm mất năm 1675, khi đó là năm Khang Hy thứ mười bốn, mà Càn Long (Hoảng Lịch) mãi đến năm 1711 mới sanh ra đời. Hoặc vì là một truyền thuyết trong dân gian, cho nên đã nêu danh tánh hoàng đế không chính xác.

<sup>19</sup> Thích Đạo An (312-385) họ Vệ, người xứ Phù Liễn, Thường Sơn (nay là huyện Kỳ, tỉnh Hà Bắc), là vị cao tăng trú danh thời Tấn. Ngài là thầy của sơ tổ Huệ Viễn của Tịnh Độ Tông. Sư là người tiên phong đề xướng nghiên cứu Trung Quán Bát Nhã tại Trung Hoa. Ngài Cưu Ma La Thập từng gọi ngài Đạo An là Đông Phương Thánh Nhân. Cha mẹ mất sớm, phải nhờ người anh họ nuôi đến trưởng thành. Sư hình dạng xấu xí, thấp chùn, nhưng cực kỳ thông minh. Bảy tuổi đã có thể đọc sách trôi chảy và làm thơ, viết văn, sức ghi nhớ rất mạnh. Sư xuất gia lúc 12 tuổi. Quyển kinh đầu tiên là Biện Ý Kinh rất mỏng, quyển kinh thứ ba là Thành Cụ Quang Minh có hơn một vạn chữ, Sư nhớ không sai một chữ (khi đó, Sư mới 15 tuổi). Thầy của Sư mới kinh dị, lưu tâm bồi dưỡng, cho Ngài thọ Cụ Túc Giới. Về sau, Sư tham học với ngài Phật Đồ Trùng. Ngài Phật Đồ Trùng hết sức yêu quý, nhưng đại chúng vẫn coi thường vì ngài Đạo An quá xấu xí. Do vậy, mỗi lần giảng kinh xong, ngài Phật Đồ Trùng sai ngài Đạo An giảng lại một lượt, ai cũng kinh ngạc. Sau khi ngài Phật Đồ Trùng viên tịch, do tình hình bất ổn thời ấy, Sư phải lênh đênh khắp nơi, không

Sư lúc còn bé mười mấy tuổi đã vào chùa. Sư phụ của Ngài coi thường: “Người gì mà vừa xấu, vừa lùn, mặt lại rỗ”. Không chỉ đen thủi đen thui, một bên mặt lại rỗ, lại lùn tịt, các sư huynh trong chùa đều coi thường Ngài. Ngài chỉ đành đi trồng trọt, làm rất lâu. Có một hôm, Sư thưa cùng thầy: “Sư phụ cũng nên cho con một quyển kinh để niệm”. “Người muốn niệm kinh há? Được thôi!” Thuận tay lấy một quyển kinh mỏng tanh cho Sư. Vào vườn, Sư còn phải làm việc. Đại khái là vào lúc tạm nghỉ, bèn cầm kinh đọc. Buổi tối quay về, thưa với thầy: “Thầy đổi cho con quyển khác”. “Người có xem không đó?” Sư thưa: “Con có xem, xem xong hết rồi”. Thầy cũng lười nói với Sư, lại lấy ra một quyển dày gấp ba quyển trước, Sư lại cầm đi. Tối hôm sau, quay về, lại thưa với thầy: “Thầy lại đổi cho con quyển khác”. Thầy rất ngạc nhiên: “Vì sao người lại đổi nữa?” Sư thưa: “Con đọc xong rồi!” Thầy bèn từ phần sau quyển kinh ấy, tùy tiện lấy bất cứ đoạn kinh văn nào để hỏi, Sư cũng đều đọc lâu lâu; thầy mới phát hiện ra chỗ kỳ đặc của Sư. Pháp sư Đạo An là một vị đại đức có thành tựu sớm nhất tại Trung Hoa.

Chớ nên xét đoán con người qua tướng mạo, nhưng người ấy thật sự có bản lãnh đó! Không chỉ là tín tâm kiên định, mà giới hạnh cũng thanh tịnh, đều có tài năng chân thật, nhưng chính mình rất khiêm hư. Phạm là người thật sự có đức hạnh, sẽ đều rất khiêm hư, chẳng cho là chính mình tuyệt diệu, trọn chẳng thể như thế. Vì [người ấy biết mình] còn kém Phật rất xa, ngay cả Phật cũng rất khiêm tốn. Đức Phật coi hết thấy chúng sanh là thầy. Mọi người thầy phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có nói: “*Nếu chẳng có chúng sanh, một vị Phật cũng chẳng thành được!*” Do vậy, muốn báo ân chúng sanh thì phải độ chúng sanh. Nếu chẳng có loại bản lãnh ấy, chính mình ngay cả tay lẫn chân đều không có, còn muốn đánh trận ư? Quý vị vẫn chưa phát khởi tín tâm, vẫn chưa có cái tâm tín kính Tam Bảo, giới cũng chẳng trì, như thế thì còn nói là

---

có chỗ trụ cố định. Dầu bốn ba vẫn tụ tập đại chúng tu học, giảng kinh. Mãi đến năm 365, Sư đến Tương Dương mới an cư. Ngài là người đầu tiên đề xướng tư tưởng vãng sanh Đâu Suất Nội Viện để làm đệ tử Di Lạc Bồ Tát, chờ đến khi Phật Di Lạc giáng thế, sẽ trở lại nhân gian hóa độ chúng sanh. Ngài soạn bộ Tổng Lý Chúng Kinh Mục Lục, tác phẩm này được coi như là sách thông kê kinh Phật đầu tiên tại Trung Hoa. Ngài chế định Tăng Ni Quy Phạm và Phật Pháp Hiền Chương, lập ra những quy định về các tự viện Phật giáo, đề nghị tăng ni đều lấy chữ Thích làm họ trước pháp danh (tức là coi mình là con cháu của Phật Thích Ca), đặt quy cách thống nhất cho Tăng phục, cũng như đề xướng tiêu chí trong phiên dịch kinh Phật, góp phần hoàn thiện cách phiên dịch và giải thích kinh điển.

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

Đại Thừa nổi gì? Tiểu Thừa cũng chẳng có, nhân thiên thừa cũng chẳng bảo đảm!

Hạng người như thế chẳng thể bảo vệ thân, miệng, ý của chính mình, tùy tiện buông lung thân, miệng, ý. “*Buông lung*” là chuyên làm ác hạnh, chuyên làm chuyện xấu. Chính hấn vẫn hư vọng tự xưng là Đại Thừa. Học pháp Đại Thừa, Thanh Văn, Duyên Giác Thừa, tam thừa đều chẳng phải là pháp khí. Kẻ đó chẳng phải là một người học pháp, mà là kẻ phá hoại người khác học pháp. Kẻ đó kết bè, kéo đảng, hấn có thể giúp đỡ đạo hữu và đệ tử của hấn trừ khử phiền não hay không? Phiền não của chúng sanh giống như chiến trường vậy! Phiền não ấy kiên cố, dững mãnh, giống như một mặt trận lớn, khi quý vị muốn vào đó chiến đấu, tuy chẳng hoàn toàn thất bại, nhưng quý vị vẫn vui mình trong phiền não!

Đoạn kinh văn này bao hàm các ý nghĩa ấy. Đức Phật nói đoạn kinh này theo kiểu thí dụ. Tức là có những kẻ xằng bậy xưng là Đại Thừa, mà chính mình ngay cả Khổ, Tập, Diệt, Đạo đều chẳng đoạn, chẳng tu, nhân quả thế gian đều chẳng tu. Suốt ngày làm ác hạnh, đó là Tập. Tập (集) là “cảm vời”, tức cảm vời khổ quả. Căn bản là kẻ đó chẳng tu trì đạo Nhị Thừa, đạo xuất thế. Không chỉ chẳng tu, mà tín tâm cũng chẳng trọn đủ. Đã có tín tâm, kẻ đó sẽ chẳng dám tạo tội, sẽ luôn luôn phòng thủ, bảo vệ ý niệm, chẳng dám khởi lên ý niệm xấu, há còn dám thật sự làm ư? Quý vị thấy chuyện lợi ích trước mắt, tuyệt đối chẳng nẩy lòng tham, vì biết hễ tham, sẽ phải nhận lãnh chuyện không tốt đẹp, chẳng thể tiêu tai nổi! Kẻ đó ngay cả cái tâm còn chẳng có, Bát Thánh Đạo lẫn Thất Bồ Đề đều chẳng có, mong vào thành Niết Bàn sẽ chẳng thể được, trọn chẳng có lẽ ấy! Bất luận lúc nào cũng đều chẳng thể làm được!

Thật sự là pháp khí Đại Thừa, hành trì luật nghi thanh tịnh là nói đến bậc tỳ-kheo Bồ Tát. Không chỉ là giới tỳ-kheo thanh tịnh, mà giới Bồ Tát cũng thanh tịnh. Hoặc là thọ giới tỳ-kheo, hai trăm năm mươi giới đều thanh tịnh. Thọ Bồ Tát giới chẳng dễ dàng, vì mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh là giới Phạm Võng. Giới Phạm Võng có yêu cầu rất sâu, rất rộng. Giới Phạm Võng được thọ trì bởi địa vị Bồ Tát nào? Chính là Đẳng Địa Bồ Tát, từ Hoan Hỷ Địa cho đến Pháp Vân Địa. Khi nói giới này, chẳng do Thích Ca Mâu Ni Phật nói, mà là do [Báo Thân] Lô Xá Na Phật nói. Đây là giới do Báo Thân Phật nói. Khi Lô Xá Na Phật nói giới này, chính là nói cho một ngàn vị Thích Ca Mâu Ni Phật. Đại hóa thân là Lô Xá Na Phật, ngồi trên hoa sen trăm ngàn cánh.

Mỗi tòa [của mỗi vị Phật Thích Ca] ở trên một cánh sen, tức là trên mỗi cánh sen [nơi tòa liên hoa của Lô Xá Na Phật] có một vị Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài có trăm ức quốc độ, trăm ức tiểu hóa Thích Ca Mâu Ni Phật, còn Lô Xá Na Phật là đại hóa. Như thế tức là [Báo Thân Lô Xá Na Phật của Pháp Thân] Tỳ Lô Giá Na Phật nói giới Phạm Võng cho một ngàn vị Phật Thích Ca, mỗi vị trong một ngàn vị Phật Thích Ca do Ngài (Tỳ Lô Giá Na Phật) tương ứng biến hiện. Đó là “*thiên bách ức*” Thích Ca, tức là một trăm ức lần trăm ức Phật Thích Ca. Như vậy là Ngài nói giới Phạm Võng cho một trăm ức Phật Thích Ca. [Mỗi vị trong số] một trăm ức Phật Thích Ca lại vào trong quốc độ của chính mình giáo hóa, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đã ở trong Diêm Phù Đề của chúng ta mà nói giới Phạm Võng.

Do vậy, trì giới Phạm Võng là có thể trì mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh. Thấy pháp tánh, tâm niệm, và Pháp Thân của chính mình. Pháp tánh tương hợp, có tương hợp một phần thì mới có thể trì giới được! [Các vị Bồ Tát thuộc] địa vị Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng) đều chẳng dám nói “đã trì giới thanh tịnh”, đặc biệt là đối với phương diện lợi ích chúng sanh và độ chúng sanh. Phương tiện thiện xảo huệ chẳng trọn đủ, sẽ chẳng dám nói là “*thọ trì thanh tịnh giới*”. Ở đây nói “*thọ trì*” thì không chỉ trì thanh tịnh, mà còn là bậc nhất, vượt hơn hẳn các loại thọ trì thông thường. Không chỉ là địa vị Thập Tín, mà địa vị Thập Trụ, địa vị Thập Hạnh, địa vị Thập Hồi Hướng, Đẳng Địa, đạt tới mức độ ấy, thì mới có thể thọ trì thanh tịnh giới. Hết thấy các thiện hạnh do người ấy đã làm đều vi diệu, như vậy thì trì thanh tịnh giới chính là Nhiếp Luật Nghi Giới trong Tam Tụ Tịnh Giới. Vi diệu pháp là Nhiếp Thiện Pháp Giới. Đức Phật nói hết thấy các pháp, không chỉ là trong hết thấy các pháp do đức Phật đã nói, mà đối với hết thấy các pháp trong thế gian, người ấy đều là bậc nhất. Phải có công, xảo, minh. Bồ Tát có Công Xảo Minh (Sīlpāsthāna-vidyā).

Trì thanh tịnh giới, học vi diệu pháp rất khó! Vì sao vi diệu thiện hạnh chẳng dễ dàng? Muốn khiến cho chúng sanh có thể đắc độ, khi cơ duyên chín muồi, sẽ hóa độ họ. Có khi thị hiện nghịch hạnh để độ họ, như giết, trộm, dâm, đày là nghịch hạnh, phải thực hiện nghịch hạnh để độ kẻ đó. Chẳng có trí huệ, chẳng chứng đắc, quý vị chẳng thấy nỗi căn cơ của người khác, sẽ chẳng thể thực hiện ôn hòa. Nếu quý vị vẫn cứ làm như thế, sẽ là phạm giới. Đó gọi là vi diệu. Nếu nói Bồ Tát chẳng thể uống rượu, càng chẳng thể bán rượu. Tội ác do bán rượu lớn hơn tội uống rượu rất nhiều. Có lúc Bồ Tát vì lợi ích chúng sanh bèn uống rượu.



Té Công luôn uống rượu, điên điên khùng khùng, dùng rượu để độ người. Ngài uống rượu để độ người khác, chúng ta chẳng làm được. Đó gọi là vi diệu hạnh của Bồ Tát. Ngài làm như vậy là trì thanh tịnh giới.

“*Cụ túc đệ nhất kiên cố tầm quý*” (Trọn đủ hồ thẹn kiên cố bậc nhất): Kiên cố tầm quý chẳng dễ dàng. Có hai loại thanh tịnh:

- Một loại là kiên cố chẳng phạm, kiên định chẳng phạm. Đó là thanh tịnh, căn bản là thanh tịnh.

- Loại kia là hễ phạm liền sám, vừa phạm liền sám hối, chẳng giấu giếm khuyết điểm của chính mình, luôn bộc lộ, trọn đủ cái tâm hồ thẹn, luôn cảm thấy chính mình chẳng có trí huệ, chẳng có đức, trong quá khứ chẳng tu. Luôn cảm thấy chính mình cần hướng về chúng sanh sám hối, hướng về chư Phật sám hối. Nếu làm chuyện xấu, sẽ thấy khổ quả hết sức đáng sợ, đọa địa ngục khổ lắm!

“*Thâm kiến*” là thấy rất sâu, thấy được chuyện trong rất nhiều kiếp. “*Thâm úy*” (Sợ hãi sâu xa) là thấy chúng sanh chịu khổ nạn trong địa ngục, chính người ấy sẽ chẳng dám làm chuyện xấu.

“*Viễn ly sở hữu nhất thiết ác pháp*” (Xa lìa tất cả hết thảy ác pháp): Đòi chút điều ác nhỏ nhất, người ấy cũng xa lánh chẳng làm, lại còn tránh thật xa! “*Thường nhạo tu hành nhất thiết thiện pháp*” (Thường thích tu hành hết thảy các thiện pháp): Đây là Nhiếp Thiện Pháp Giới, trong ấy, trọn đủ Tam Tự Tịnh Giới của Bồ Tát như đức Phật đã dạy. Nhiếp Luật Nghi Giới là luật nghi thanh tịnh. Nhiêu Ích Hữu Tình Giới là dùng vi diệu pháp để độ thoát hết thảy chúng sanh, sợ khổ quả trong đời sau sâu xa! Nhiêu Ích Hữu Tình là thường thích tu hành hết thảy thiện pháp, thường từ bi trọn khắp hết thảy hữu tình. Từ bi là bình đẳng đại bi, trong tâm chẳng có ý niệm sai khác. Tâm sai biệt của chúng ta rất nhiều! Người này rất thông minh, bèn bằng lòng giáo hóa nhiều hơn. Kẻ nọ rất ngu si, ta chẳng muốn dạy hắn. Hắn quá đần, dạy một trăm lần, hắn vẫn chẳng hiểu, lại còn rất rườm rà, quý vị bèn phiền chán. Đây chẳng phải là Bồ Tát. Bồ Tát là người có ái tâm bậc nhất, hết sức từ bi, có lòng đại bi. Đại bi có rất nhiều ý nghĩa: Có từ, có nghĩa, có Thê, có tướng, thì mới là đại bi thật sự.

“*Từ bi thường biến nhất thiết hữu tình, hằng phổ vị tác lợi ích, an lạc*” (Thường từ bi trọn khắp hết thảy hữu tình, luôn tạo lợi ích, an lạc trọn khắp): Khiến cho hết thảy chúng sanh đều được an lạc, đều được vui sướng. Cứu tế, độ thoát tất cả hết thảy hữu tình chúng sanh đang mắc ách nạn trong sanh tử, trừ khử hết thảy các khổ cho chúng sanh. Trong khi chúng sanh đang hứng chịu khổ nạn, chính là lúc dễ độ nhất. Quý vị

nói, họ sẽ chịu tin. Vào trong tù ngục thuyết pháp, vào trong bệnh viện thuyết pháp cho bệnh nhân đang nằm bẹp giường, trong khi họ đang bị khô đau hành hạ, quý vị bảo họ niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, họ sẽ chịu niệm. Niệm Địa Tạng Bồ Tát, khi đó họ đang rất khổ, cũng sẽ niệm thử một phen. Nhưng khi ấy có một điều nguy hiểm, quý vị chớ nên lo lắng cho sự an vui của chính mình. Hễ quý vị lo lắng cho sự an vui của chính mình, sẽ độ chẳng thành. Có khi quý vị đến nơi đó sẽ rất nguy hiểm, đến chỗ bệnh nhân, có thể sẽ mang theo bệnh trở về! Nếu quý vị muốn chịu khổ thay cho họ, sẽ thật sự thay thế. Chẳng giả đâu nhé. Nếu quý vị nguyện rất chân thật, xác thực là sẽ có thể chịu thay, nhưng hễ xảy ra nơi thân quý vị, đừng nên ảo não, hối hận!

Chúng tôi không nói to lớn chi cả. Tại Nữ Ước có rất nhiều đoàn thể trợ niệm. Hễ có người vãng sanh, họ sẽ đến tham dự [trợ niệm]. Đương nhiên, trong số ấy có khi là đệ tử Phật, có khi chẳng phải là đệ tử Phật, hoặc bản thân họ là đệ tử Phật, khi quyến thuộc của họ sắp chết, bèn mời đoàn thể trợ niệm đến. Trợ niệm đoàn cũng phát cái nguyện ấy. Đến đó, thường là đem theo oán nghiệp của người ấy trở về. Quý vốn muốn tìm người ấy tính sổ, sẽ tìm người [trợ niệm ấy] để tính sổ. Người đó trở về bèn phát sốt, hoặc là bị chi đó! Vì người ấy hoàn toàn chẳng phải là hàng ngày tự niệm, cũng chẳng tu hành chi hết, chẳng có sức mạnh đề kháng. Do vậy, quý vị tham gia trợ niệm, hành Bồ Tát đạo, trước hết phải xem xét sức lực của chính mình là như thế nào? Vì sao hàng Nhị Thừa chẳng dám làm? Họ hiểu sức của chính mình chẳng đủ, chẳng dám phát đại tâm. Khá nhiều đạo hữu của chúng ta là đạo hữu Từ Tế<sup>20</sup>, đến bố thí, chẳng ngán người khác bản thủ, hoặc nơi chốn rất tẻ, chẳng thanh khiết, quý vị đến đó để hành Bồ Tát đạo.

Trong phẩm thứ mười của kinh Địa Tạng, Địa Tạng Bồ Tát đã xin đức Phật chỉ dạy: “Vì sao trên thế giới này, phước đức do bố thí khác

---

<sup>20</sup> Từ Tế là tổ chức từ thiện phi chính phủ của Đài Loan do ni sư Chứng Nghiêm sáng lập từ năm 1966. Tổ chức này thường được biết đến dưới tên Tzu Chi Foundation (Từ Tế Cơ Kim Hội). Họ tham gia cứu trợ thiện nguyện trong các lãnh vực y tế, thiên tai, bảo vệ môi trường. Thoạt đầu chỉ có mình ni sư Chứng Nghiêm và ba mươi phụ nữ tự nguyện mỗi ngày để dành 50 xu tạo thành quỹ giúp các gia đình nghèo khó trong vùng. Cho tới năm 1986, tổ chức này có hơn tám ngàn hội viên và mở bệnh viện đầu tiên vào năm 1986 tại thành phố Hoa Liên. Năm 1994, mở Từ Tế Y Học Viện (tức trường cao đẳng y khoa), cho đến năm 2000 chuyển thành Từ Tế Đại Học, bao gồm các phân khoa Y Khoa, Giáo Dục, và các ngành nhân văn. Cho tới năm 2013, tổ chức này có khoảng 10 triệu hội viên và có chi nhánh trên 47 quốc gia.

biệt rất lớn như vậy?” Đức Phật dạy: Quý vị dùng cái tâm gì để bố thí? Trong khi quý vị hành bố thí, tâm thái của quý vị là gì? Dùng thái độ gì? Luôn liên quan rất lớn với tâm thái, tác phong, và lời ăn tiếng nói. Đương nhiên là quý vị cho người khác vật này nọ, người đó trong tâm hoan hỷ, trong tâm cũng [cảm thấy] được cứu độ. Có khi quý vị cho người ta thứ này thứ nọ, mà người nhận rất bực bội vì quý vị xem thường người khác. Khi đi ăn xin, họ vẫn có lòng tự trọng. Quý vị phải rất tôn kính họ, đưa đồ tận tay họ; sau đó, còn phải nói mấy câu an ủi. Nếu là Phật tử, hãy nói thêm vài câu Phật pháp cho người ấy, sẽ càng tốt hơn!

Do vậy, khi chúng sanh có khổ nạn, quý vị đừng nên bận tâm cho sự an vui của chính mình. Bồ Tát phát nguyện “*chẳng cầu an lạc cho chính mình, chỉ mong chúng sanh được lìa khổ*”. Hàm nghĩa là như thế đó. “*Duy cầu an lạc nhất thiết hữu tình, như thị danh vi trụ Đại Thừa giả*” (Chỉ cầu an lạc hết thảy hữu tình. Như thế thì gọi là người trụ trong Đại Thừa). Đây là thật sự trụ Đại Thừa, là Bồ Tát thật sự!

*(Kinh) Thiện nam tử! Hữu hà đẳng tướng, danh Thanh Văn Thừa? Vị chư chúng sanh thường cần tinh tấn, an trụ chánh niệm, nhạo Đẳng Dẫn Định, ly chư siểm cuồng, tín tri nghiệp quả, bất trước ngũ dục, thể gian bát pháp sở bất năng nhiễm, tu thiện dững mãnh, như cứu đầu nhiên, thường thâm đế quán chư Uẩn, Giới, Xứ, hằng nhạo an trụ sở hữu thánh chủng. Cụ thử tướng giả, danh Thanh Văn Thừa! Như thị chúng sanh, thượng vị năng thành Độc Giác Thừa khí, hướng phục năng thành Đại Thừa pháp khí? Thiện nam tử! Hữu hà đẳng tướng danh Độc Giác Thừa? Vị chư chúng sanh cụ thượng Thanh Văn nhất thiết công đức, phục năng u bỉ Ngũ Thủ Uẩn trung, sở sở an trụ tùy Vô Thường Quán, sở sở an trụ tùy Sanh Diệt Quán, phổ u nhất thiết duyên sanh pháp trung, năng thâm đế quán giai thị diệt pháp. Cụ thử tướng giả, danh Độc Giác Thừa. Như thị chúng sanh, phi Đại Thừa khí.*

(經)善男子！有何等相名聲聞乘？謂諸眾生，常勤精進，安住正念，樂等引定，離諸諂誑，信知業果，不著五欲，世間八法所不能染，修善勇猛如救頭燃，常審諦觀諸蘊、界、處，恆樂安住所有聖種。具此相者，名聲聞乘！如是眾生，尚未能成獨覺乘器，況復能成大乘法器？善男子！有何等

相名獨覺乘？謂諸眾生，具上聲聞一切功德，復能於彼五取蘊中，數數安住隨無常觀，數數安住隨生滅觀，普於一切緣生法中，能審諦觀皆是滅法。具此相者，名獨覺乘。如是眾生，非大乘器」。

*(Kinh: Nay thiện nam tử! Có các tướng nào thì gọi là Thanh Văn Thừa? Tức là các chúng sanh thường siêng tinh tấn, an trụ chánh niệm, thích Đăng Dẫn Định, lìa các siểm nịnh, dối trá, tin biết nghiệp quả, chẳng chấp trước ngũ dục, chẳng bị nhiễm tám pháp thế gian, tu thiện dững mãnh như cứu đầu cháy, thường quan sát cận kề, chắc thật các Uẩn, Giới, Xứ, luôn thích an trụ trong tất cả thánh chủng. Có các tướng ấy thì gọi là Thanh Văn Thừa. Chúng sanh như thế còn chưa thể thành căn khí Độc Giác Thừa, huống còn có thể trở thành pháp khí Đại Thừa ư? Nay thiện nam tử! Có các tướng nào thì gọi là Độc Giác Thừa? Tức là các chúng sanh đã trọn đủ hết thấy công đức trên đây của Thanh Văn, lại có thể đối với Ngũ Thủ Uẩn nhiều lượt an trụ thuận theo Vô Thường Quán, nhiều lượt an trụ thuận theo Sanh Diệt Quán, vì khắp hết thấy các pháp duyên sanh mà có thể quán cận kề, chắc thật, đều là diệt pháp. Có các tướng ấy, thì gọi là Độc Giác Thừa. Chúng sanh như thế chẳng phải là pháp khí Đại Thừa).*

Pháp Thanh Văn là gì? Trụ Thanh Văn Thừa là gì? Thanh Văn Thừa là nói học theo đạo Tiểu Thừa, học quả A La Hán. Tâm lượng của họ chẳng lớn, nhưng họ có chánh niệm, có chánh lạc, có Định lực, có thể từ Định lực dẫn khởi các niềm vui sướng. Đối với các loại Định, đều bình đẳng dẫn khởi các sự vui sướng. Người ấy chẳng có tâm siểm khúc, chẳng có tâm lừa dối. Người ấy biết nghiệp quả thiện ác, lòng tin rất khẩn thiết. Có lúc nghe dường như là chuyện đùa, nhưng trên thực tế, quả thật là như vậy! Tại Nữ Ước, chúng tôi có một vị đạo hữu thấy ở lề đường có hai mươi đồng Mỹ Kim, chẳng biết do ai đánh rơi, ông ta nghĩ: “Ta nhặt lấy, chẳng phạm tội trộm cắp”. Ông ta tính nhặt lên, nhặt rồi lại nghĩ: “Ta phải làm sao với hai mươi đồng này? Vạn nhất phạm sai lầm thì sao?” Rốt cuộc, ông ta không nhặt, bèn đi qua. Người phía sau cũng thấy, cho rằng ông ta không thấy, thật ra ông ta có thấy, chỉ là không nhặt. Khi người phía sau đã nhặt rồi, vị đạo hữu ấy cảm thấy mình đã bỏ lỡ, bèn quay đầu lại nói: “Đó là tiền tôi đánh rơi”. Về sau, ông ta đến sám hối với tôi: “Thưa sư phụ! Con nói con đánh rơi là sai trái. Con đã nghĩ sai rồi!” Tính nhặt rồi lại chẳng nhặt, tín tâm không kiên định! Phải

thật sự đối với hết thảy mọi sự đều chẳng băn khoăn. Khi đi đường, thứ gì cũng đều chẳng màng, có lợi ích hay không lợi ích, đều chẳng trông thấy! Ông ta thưa: “Sau đây, con nghĩ tới mấy cách, con nhật lên để cho người nghèo, chẳng phải là rất tốt hay sao? Con lại làm công đức”. Tôi nói: “Ông chẳng có công đức, đó là công đức của người làm mất tiền!”

Khi gặp cảnh giới, quý vị biết đó có phải là hư giả hay không, tín tâm có chân thật hay không? Nếu quý vị tin tưởng quả báo thiện ác, đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, sẽ chẳng tham luyến. Mọi người mỗi sáng, lúc phải thức dậy, chẳng bò dậy nổi, vẫn mong ngủ thêm một chút, tối thiểu là phải ườn ra một chút, năm phút cũng được, chẳng phải là vừa tỉnh giấc bèn lập tức ngồi dậy. Trước nay, chẳng hề cảm thấy chính mình ngủ rất nhiều, luôn có cảm giác ngủ không đủ; đây là dục vọng. Khi ăn, thứ nào vừa mắt bèn ăn sạch; thứ nào thấy không ngon, sẽ chẳng thèm nhìn tới. Đây là ngũ dục. Nữ đạo hữu cũng yêu thích mua sắm. Chúng tôi sang Hương Cảng, có mấy nữ đạo hữu cùng đi, mê mua sắm lắm! Đi mua sắm suốt cả ngày, trở về luôn luôn là bao này, túi nọ. Cứ trông thấy là muốn mua! Bản thân việc mua sắm là tâm tham. Nhân căn dẫn khởi ý thức của quý vị tham luyến, dọn cả công ty bách hóa về nhà quý vị, vẫn chẳng thỏa lòng! Vì cứ sau một hai năm, vật chất, y phục đều thay đổi, những thứ quý vị khuân về trước kia đều lỗi thời rồi! Mở công ty bách hóa, chẳng thể ứ đọng hàng hóa, hàng hóa ứ đọng sẽ lỗ tiền! Do vậy, cảnh giới ngũ dục chẳng phải là dễ dàng đâu nhé!

Chúng tôi cho rằng: Nếu tín tâm rất tốt, tin Phật rất thành khẩn, đến khi dục cảnh hiện tiền, quý vị quờ quạng bất định, có thể chẳng thuận theo cảnh giới ngũ dục hay không? Chúng ta khi bái sám, hằng ngày niệm: Đối với tám pháp của thế gian, vọng tâm chẳng động. Tám pháp thế gian chính là xung, cơ, khổ, lạc, ái, tăng, hủy, dự (khen, chê, khô, vui, yêu, ghét, hủy báng, ca ngợi). Bốn thứ là tốt, bốn thứ là xấu. Khen ngợi quý vị, châm chọc quý vị, hủy báng quý vị! Trước kia, Tô Đông Pha viết trên bàn “*bát phong xuy bất động*” (tám gió thổi chẳng động). Thiên sư Phật Ấn đến chỗ ông ta, trông thấy bèn viết hai chữ “*phóng thí*” (放屁, thả rắm). Ông Tô trở về, thấy thế, nổi giận đùng đùng. Phủ nha của ông ta ở bờ bên này Tây Hồ tại Hàng Châu, còn chùa Tịnh Từ ở bên kia Tây Hồ. Tô Đông Pha không nhìn được, ngồi thuyền vượt sông, tìm thiên sư Phật Ấn, đến chỗ thiên sư Phật Ấn để tranh cãi cho ra lẽ! Tô Đông Pha hỏi: “Cớ sao đối với câu ‘*bát phong xuy bất động*’, người viết là thả rắm?” Thiên sư Phật Ấn hỏi: “Đúng vậy hả?” Tô Đông

Pha cự nự: “Làm sao mà không đúng cho được, người còn dựa vào đâu [mà dám chê bai]?” Thiên sư Phật Ân bèn nói: “Đúng thì đúng, nhưng thật ra, Ngài đã tám gió đều động! Tôi thả rắm một cái đã lòi Ngài qua sông!” Tô Đông Pha cứng họng! Tám gió thổi bất động, Phóng Thích vẫn là giả, vẫn chẳng phải là thật, chỉ là văn tự. Nếu là thật, quý vị phải nên làm gì? Còn có những kẻ tự nhận đạo lực dường như rất sâu, tám gió đều chẳng thổi động được. Chẳng cần đến tám gió, tùy tiện chửi một câu, quý vị lập tức nổi lòi đình!

“*Thường thâm để quán*” tức là thường suy nghĩ, xem xét, đối chiếu một phen. Các Uẩn, Giới, Xứ dùng gì để đối chiếu? Ngũ Uẩn, Thập Bát Giới, Thập Nhị Xứ, trong khi Thức đối ứng Sắc, khi có Thanh tiếp xúc với Thức, quý vị phải nên đối chiếu đôi chút. Âm thanh đẹp đẽ, hay âm thanh chửi rửa, hoặc âm thanh quý vị không thích nghe. Chẳng hạn khi chúng ta tọa Thiền, tĩnh tọa, tiếng xe hơi sẽ khiến cho quý vị bực bội. Tọa Thiền là tìm chỗ tịch tĩnh, quý vị chẳng có loại Định lực ấy, sẽ cảm thấy âm thanh ồn ào. Ở nơi đô thị ồn ào, bèn mong vào sống nơi rừng núi. Núi rừng cũng chẳng thanh tịnh. Núi rừng có rất nhiều âm thanh, như tiếng thú kêu. Nhắm lúc quý vị ở trong sơn động, ngay cả rắn cũng kêu. Tiếng dế, tiếng của các loại trùng, quý vị sẽ đều nghe thấy. Đặc biệt là con ve vào mùa Hè, quý vị cảm thấy ồn gần chết. Quả thật chẳng thể tĩnh tọa nổi. Đây là cái tâm của quý vị bất an, quý vị ở đó cũng chẳng trốn được! Tiếng gió thổi, tiếng gió lùa rung cây, đặc biệt là vào mùa Đông, tiếng gió lùa qua những cành cây khô khốc trụi lá, đêm nghe xào xạc, xào xạc, quý vị ngỡ quỷ đến! Nếu quý vị chẳng chấp trước hết thảy âm thanh, âm thanh sẽ chẳng thể quấy nhiễu quý vị được!

Có đôi câu đối: “*Phong thanh, vũ thanh, chung khánh thanh, thanh thanh tự tại*” (tiếng gió, tiếng mưa, tiếng chuông khánh, tiếng nào cũng tự tại). Khi chẳng đạt đến cảnh giới đó, quý vị ở trong chùa cũng thấy phiền. Hằng ngày đều gõ chuông. Chùa lớn còn có chuông U Minh. Suốt ngày đêm hai mươi bốn tiếng đồng hồ đều phải gõ. Trước kia, tại Hiền Tông Tự có một vị lão hòa thượng. Ngài phụ trách thỉnh chuông, thỉnh chuông suốt bốn mươi năm. Ngài kê một cái giường bên cạnh chuông, ngủ luôn tại đó. Ngày đêm, Ngài đều ngủ tại đó, thỉnh chuông. Tôi hỏi: “Hằng ngày thầy ngủ được bao lâu?” Ngài đáp: “Tôi luôn ngủ”. Tôi hỏi: “Chuông thì sao?” Ngài đáp: “Chuông vẫn cứ gõ!” Ngài đã dưỡng thành thói quen. Ngài ngủ ngay tại đó ngay trong khi chuông đang ngân “boong”! Ngài biết thuận theo tiếng chuông, đợi khi tiếng chuông vừa dứt, lại gõ một tiếng. Âm thanh ngừng lại bèn gõ một tiếng.

Đó gọi là chuông U Minh.

“*Hằng nhạo an trụ sở hữu thánh chủng*” (Luôn thích an trụ trong tất cả các thánh chủng): Lìa khỏi Uẩn, Giới, Xứ, an trụ trong thánh chủng, biết là vô thường, biết hết thảy các pháp đều là Khổ, Không. Cái Không ấy là Nhị Thừa Không, Không trong “*Pháp Bất Không, Ngã Không*”, đó gọi là “*thánh chủng*”. “*Thánh chủng*” là nói tới gì? “*Cụ thứ tướng giả, danh Thanh Văn Thừa*” (Có đủ các tướng ấy thì gọi là Thanh Văn Thừa): Có kẻ tự xưng là Đại Thừa, coi thường Tiểu Thừa: “Đó là pháp Thanh Văn Thừa, ta không cần học!” Quý vị ngay cả hình dáng Thanh Văn Thừa còn chưa đạt được nữa kia! Đạt tới cảnh giới ấy là cảnh giới A La Hán. Thanh Văn Thừa lại kém hơn Độc Giác Thừa. “*Thượng vị năng thành Độc Giác Thừa khí*” (Vẫn chưa thể thành pháp khí của Độc Giác Thừa): Chỉ có thể là pháp khí của Thanh Văn Thừa, chẳng phải là pháp khí Độc Giác Thừa. Ngay cả pháp khí Độc Giác Thừa còn chưa đạt, sao có thể thành pháp khí của Đại Thừa?

Pháp khí của Độc Giác Thừa lại là hình trạng ra sao? “*Vị chư chúng sanh cụ thượng Thanh Văn nhất thiết công đức*” nghĩa là công đức của Thanh Văn quý vị đều trọn đủ, nhưng tiến nhập lại sâu hơn họ, có thể đối với Ngũ Thủ Uẩn “*sổ sở an trụ*” (nhiều lượt an trụ). Có thể an trụ trong Ngũ Thủ Uẩn, tức là có thể biết hết thảy các pháp vô thường. Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức Ngũ Uẩn đều là pháp vô thường, chẳng giữ lấy, chẳng chấp trước. Vô Thường Quán là quán các pháp vô thường, người ấy cũng có thể thâm nhập quán chiếu. Tùy sanh, tùy diệt, vô thường quán, chẳng phải là Đoạn Kiên, chẳng giống ngoại đạo. Tùy thời sanh diệt, đây là pháp sanh diệt. Hết thảy các pháp Ngũ Thủ Uẩn đều là pháp sanh diệt, đều là vô thường, nhưng trong vô thường, người ấy lại duyên theo hết thảy các pháp. Do duyên khởi mà người ấy có thể nhận biết Lý của chúng. Tánh của các pháp duyên khởi là Không, Thế là Không. Có thể quan sát suy xét kỹ càng [các pháp ấy] đều là diệt pháp. Diệt thì sẽ thành đạo, như vậy thì mới có thể đạt được Độc Giác Thừa, tiến hơn Thanh Văn một bước, nhưng hạng chúng sanh ấy chẳng phải là Đại Thừa. Quý vị thấy Thanh Văn Thừa là hình trạng như thế nào? Độc Giác Thừa là hình trạng như thế nào? Quý vị có chứng đắc hay chẳng? Ngay cả pháp khí của Thanh Văn Thừa, quý vị còn chưa đủ trình độ, ngay cả pháp khí của Độc Giác Thừa cũng chẳng đủ trình độ, làm sao nói quý vị là Đại Thừa cho nổi? Có hàm nghĩa như thế đó!

**(Kính) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng**

*viết: - Nhược chân thiện nhân Sát-đế-lợi, nãi chí chân thiện Thú-đạt-la, tu Tín đẳng thập Hữu Y Luân. Ư Thanh Văn Thừa tốc thành khí. Cầu Độc Giác Thừa tam nghiệp tịnh. Cụ túc tám quý, bố chư Uẩn. Tri quá, nhạo tĩnh, trụ không nhàn. Niệm thủ chư căn, tâm tịch định. Thiện quán duyên khởi, tu Tĩnh Lự. Chư Uẩn, Giới, Xứ xảo năng quán. Cụ thử thập hạnh Hữu Y Luân, thành thắng thừa khí độ Hữu hải. Tu cộng tam thừa Nhị Thừa luân, tự cầu giải thoát phiền não khổ. Bất độ hữu tình, bất xả tập, thử nhân câu phi Đại Thừa khí. Ngu si, giải đãi, căn hạ liệt. Ư Nhị Thừa pháp bất cần tu. Định bất năng cụ Đại Thừa luân. Cố phi Đại Thừa quảng đại khí.*

(經)爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「若真善人剎帝利，乃至真善戍達羅，修信等十有依輪。於聲聞乘速成器。求獨覺乘三業淨。具足慚愧怖諸蘊。知過樂靜住空閑。念守諸根心寂定。善觀緣起修靜慮。諸蘊界處巧能觀。具此十行有依輪，成勝乘器度有海。修共三乘二乘輪，自求解脫煩惱苦。不度有情不舍習，此人俱非大乘器。愚癡懈怠根下劣。於二乘法不勤修。定不能具大乘輪。故非大乘廣大器。

(*Kinh*: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn trùng tuyên lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - Nếu chân thiện nhân Sát-đế-lợi, cho đến chân thiện Thú-đạt-la, tu mười Hữu Y Luân như Tín... Mau thành pháp khí Thanh Văn Thừa. Cầu Độc Giác Thừa ba nghiệp tịnh, trọn đủ hổ thẹn, sợ các Uẩn. Biết lỗi, chuộng tĩnh, trụ thanh vắng. Niệm giữ các căn, tâm tịch định. Khéo quán duyên khởi, tu Tĩnh Lự. Các Uẩn, Giới, Xứ khéo quán tưởng. Hành trọn mười món Hữu Y Luân, thành thắng thừa khí, vượt biển Hữu. Tu chung ba thừa Nhị Thừa luân, tự cầu giải thoát phiền não khổ. Chẳng độ hữu tình, xả tập khí, người ấy chẳng phải Đại Thừa khí. Ngu si, giải đãi, căn kém hèn. Chẳng siêng tu tập pháp Nhị Thừa. Quyết chẳng thể trọn Đại Thừa luân. Chẳng phải Đại Thừa quảng đại khí).

“Nhược chân thiện nhân Sát-đế-lợi, nãi chí chân thiện Thú-đạt-la” (Nếu là bậc chân thiện Sát-đế-lợi, cho đến chân thiện Thú-đạt-la): Chân thiện Sát-đế-lợi, chân thiện Bà-la-môn, chân thiện Phiệt-xá, chân thiện Thú-đạt-la, bốn chủng tánh ấy “tu Tín đẳng thập Hữu Y Luân” (tu mười Hữu Y Luân như Tín v.v...): Mười Hữu Y Luân ấy ngoại trừ Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, vẫn phải tu. Đây là năm địa vị đầu trong Thập Tín. Trong Hữu Y Luân, có mười pháp. Phải tu mười luân ấy thì mới có



thể mau chóng trở thành pháp khí của Thanh Văn Thừa. Tiến hơn bước nữa, cầu Độc Giác Thừa thì tam nghiệp thanh tịnh, trọn đủ lòng hổ thẹn, đối với hết thảy các Uẩn và Giới, sanh khởi cảm giác sợ hãi, chẳng dấy khởi tham đắm. Biết sức lực của chính mình là như thế nào, chính mình phải trụ nơi thanh vắng, ở nơi vắng lặng, gìn giữ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của chính mình, khiến cho cái tâm của quý vị có thể tịch định. Tức là đối với pháp Độc Giác Thừa, tu Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Danh Sắc, cho đến sanh, lão, tử khổ, đều phải khéo quán duyên khởi!

Độc Giác Thừa chẳng giống Đại Thừa. Duyên khởi của Đại Thừa là biết hết thảy nhân duyên sanh khởi của hết thảy các pháp: Nhân duyên khởi, nhân duyên diệt, pháp duyên khởi chẳng có tự tánh. Bản thể của pháp tự tánh duyên khởi chính là Không. Đây là nghĩa Không trong Đại Thừa, chẳng giống với nghĩa Không của hàng Nhị Thừa. Đây chỉ là khéo quán duyên khởi để tu Định, tu tam-muội. Tĩnh Lự là Định, tức là quý vị tĩnh lặng. Sự suy tư ấy thoát đầu vẫn phải tìm tòi, vẫn phải trải qua rất nhiều quá trình thì quý vị mới có thể định được!

Như Sở Túc Quán được nói trong bộ kinh này, nếu quý vị tu Sở Túc Quán, phải khéo quán duyên khởi để tu môn Định ấy, khéo có thể quán Uẩn, Xứ, Giới, quán Ngũ Uẩn, quán mười tám Giới, quán mười hai Xứ. Do có phương tiện huệ thiện xảo để quan sát, quan sát các pháp ấy đều là pháp duyên khởi. Hết thảy Ngũ Uẩn, Thập Bát Giới, Thập Nhị Xứ đều là pháp duyên khởi, duyên khởi tánh Không. Tánh Không là Đại Thừa. Duyên khởi là Duyên Giác. Quán pháp duyên khởi, cũng đạt đến nghĩa Không. Cái Không ấy chẳng giống như cái Không trong Đại Thừa. Cái Không ấy (Không trong Đại Thừa) chẳng phải là Không [theo kiểu rỗng không], cái Không ấy là Chân Không. Chân Không là chứng đắc một nửa Chân Không. Cái Không của Bồ Tát được gọi là Phi Không, Phi Không chẳng phải là Không. Chẳng phải là Không thì là gì? Diệu Hữu. Diệu Hữu chẳng phải là Có, phi Hữu, đó là Chân Không. Hàm nghĩa của Chân Không bao gồm ý nghĩa lợi ích hết thảy chúng sanh.

Nhị Thừa đã đạt tới nghĩa Không, đã được an lạc trong ấy. Họ vì cầu an lạc cho chính mình, trụ trong Tĩnh Lự, trụ trong môn Định ấy. Đó là điểm bất đồng [giữa Nhị Thừa và Đại Thừa]. Họ đã vượt biển sanh tử, độ thoát tam giới. Họ là pháp khí của thừa thù thắng, tức là Nhị Thừa thù thắng. Thừa này cao hơn nhân thiên thừa, có thể vượt biển Hữu (vượt thoát tam giới), tu tam thừa luân chung cho cả ba thừa. Đây là cộng đạo (共道, đạo chung) của tam thừa, nhưng họ chỉ có thể tu Nhị Thừa Luân,

chẳng thể tu Đại Thừa Luân.

“*Tự cầu giải thoát phiền não khổ*”, vì sao có thể biết họ là Nhị Thừa Luân? Họ chỉ cầu chính mình giải thoát. Giải thoát gì vậy? Giải thoát phiền não, có thể trừ bỏ phiền não. Họ gặp gì cũng chẳng khởi phân biệt, cho đến ý niệm tiếp xúc Pháp Trần, vẫn chẳng sanh khởi phân biệt, đoạn dứt Tư Hoặc, ý niệm chẳng dấy Hoặc. Đó gọi là giải thoát nổi khổ phiền não. Đã chẳng có nổi khổ phiền não thì nổi khổ sanh tử cũng chẳng có. Nhưng khuyết điểm của họ là gì? “*Bất độ hữu tình, bất xả tập*” (Chẳng độ hữu tình, chẳng xả tập khí): Tập khí vẫn tồn tại! Kiến Tư Hoặc đã không còn, nhưng Trần Sa Hoặc vẫn tồn tại. Tập khí nhiều như cát bụi, rất khó đoạn, vì họ chẳng xả tập khí, chẳng độ chúng sanh. Cho nên, họ chẳng phải là pháp khí Đại Thừa. Do vậy, Thanh Văn và Độc Giác đều chẳng phải là khí cụ chứa đựng Đại Thừa.

“*Ngu si, giải đãi, căn hạ liệt. Ư Nhị Thừa pháp bất cần tu, Định bất năng cụ Đại Thừa Luân. Cố phi Đại Thừa quảng đại khí*” (Ngu si, biếng nhác, căn cơ kém hèn, chẳng siêng tu tập pháp Nhị Thừa. Định chẳng thể trọn đủ Đại Thừa luân. Do vậy, chẳng phải là pháp khí rộng lớn của Đại Thừa): Chẳng phát tâm Bồ Đề. Đức Phật quả trách hàng Nhị Thừa là vì họ căn khí kém hèn, giải đãi. Chẳng thể tu pháp Nhị Thừa thì làm sao có thể cầu Đại Thừa? Kẻ đối với pháp Nhị Thừa chẳng siêng năng tu hành, chẳng chứng quả Nhị Thừa, căn cơ hèn kém, làm sao có thể cầu Đại Thừa cho được? Đức Phật dạy: Chúng ta phải chiếu theo giáo nghĩa để đoán định, họ chẳng thể trọn đủ Đại Thừa Luân, tức là họ chẳng thể ngồi trên cỗ xe ấy, chẳng ngự trên cái Luân ấy (Đại Thừa Luân) được. Luân có nghĩa là xe lăn bánh, Thừa là có công năng vận chuyển. Thừa có Đại Thừa và Tiểu Thừa. Tiểu Thừa ngồi trên cỗ xe nhỏ, như chiếc xe dê trong kinh Pháp Hoa, sức kéo của xe dê rất yếu nhẹ. Trung Thừa là xe kéo bằng nai, có sức mạnh hơn xe dê. Đại bạch ngưu xa là Đại Thừa, trong thí dụ của kinh Pháp Hoa, Đại Thừa Luân cách biệt Nhị Thừa Luân rất xa. Vì thế nói [pháp khí Nhị Thừa] chẳng phải là pháp khí rộng lớn của Đại Thừa.

***(Kinh) Ngu si độc nhất cầu giải thoát. Liệt ý, hạ hạnh, vô từ bi. Nhạo trước Đoạn Kiến, hướng ác thú. Khí xả chánh pháp, thuyết phi pháp. Hủy báng Nhị Thừa, xả luật hạnh. Thọ Cụ Túc Giới, hiệu Đại Thừa. Phá loạn ngã pháp, hoặc chúng sanh. Do thử nhân thân nan phục đắc. Não loạn ngã pháp chư hiền thánh, trích phạt bị xích ca-sa nhân. Ha mạ, giả đoạt y bát đẳng, trường thời thoái thất nhân thiên***

*thú.*

(經)愚癡獨一求解脫。劣意下行無慈悲。樂著斷見向惡趣。棄舍正法說非法。毀謗二乘舍律行。受具足戒號大乘。破亂我法惑眾生。由此人身難復得。惱亂我法諸賢聖，謫罰被赤袈裟人。呵罵遮奪衣鉢等，長時退失人天趣。

(*Kinh: Ngu si, độc nhất cầu giải thoát. Ý hèn, hạnh kém, chẳng từ bi. Ham chuộng Đoạn Kiến, hướng đường ác. Vứt bỏ chánh pháp, nói phi pháp. Hủy báng Nhị Thừa, bỏ luật hạnh. Thọ Cụ Túc Giới, xưng Đại Thừa. Phá loạn pháp ta, rối chúng sanh. Do vậy, khó lại được làm người. Nỗ loạn pháp ta và hiền thánh, trừng phạt người mặc ca-sa đỏ. Quả mạng, ngăn đoạt y và bát... Lui mất đường trời người dài lâu).*

“Ngu si độc nhất cầu giải thoát, liệt ý, hạ hạnh, vô từ bi” (Ngu si, độc nhất cầu giải thoát, ý hèn, hạnh kém, chẳng từ bi): Đức Phật phê bình hàng Nhị Thừa là ngu si, không có trí huệ, chẳng cầu Bồ Đề đạo, chỉ cầu giải thoát cho chính mình, chẳng giải trừ thống khổ cho người khác (đó là ý nghĩa của câu “*độc nhất cầu giải thoát*”). Người khác có thống khổ, căn bản là họ chẳng quan tâm. Họ phát tâm rất kém hèn, chẳng thù thắng, hạnh chẳng rộng, chẳng có tâm từ bi.

“*Nhạo trước Đoạn Kiến, hướng ác thú. Khí xả chánh pháp, thuyết phi pháp*” (Đắm chuộng Đoạn Kiến, hướng đường ác. Vứt bỏ chánh pháp, nói phi pháp): Đại Thừa là gì? Họ mong cầu nghĩa Không của Đại Thừa, [do chẳng hiểu thâm nghĩa] “*các pháp đều là Không, không tu, không chứng*”, bèn chấp giữ Đoạn Kiến, chẳng biết khi Bồ Tát lợi ích chúng sanh thì hết thấy các pháp đều phải tu. Nếu đắm chuộng Đoạn Kiến, [cho rằng] chết rồi là hết, cần phải tu để làm gì cơ chứ? Họ lấy rất nhiều câu trong Đại Thừa để che đậy [sự lười nhác của bản thân]. Chẳng hạn như kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Hà tạ cù lao, khảng hệ tu chứng?*” [nghĩa là] tu chứng là giả, cần gì phải phí công phu. Họ dùng ngay câu kinh ấy để ra vẻ “ta đã chứng đắc”. [Chẳng biết hai câu ấy nhằm nói đến] bậc đại Bồ Tát đã chứng đắc pháp tánh, trực tiếp ngộ được pháp tánh, hiểu các pháp duyên khởi đều chẳng có thật tánh. Bản thân các pháp duyên khởi đã trọn đủ thật tánh. Đối với “*duyên khởi tánh Không*”, chỉ giữ lấy “tánh Không” thì gọi là Đoạn Kiến, hay Đoạn Diệt Kiến. Như thế thì chẳng thể gọi là Đại Thừa được! Kẻ đó thuộc về đường ác, sẽ tiến hướng đọa lạc trong ba đường ác, đọa lạc trong địa ngục.

“*Khí xả chánh pháp, thuyết phi pháp*” (Vứt bỏ chánh pháp, nói

phi pháp): Pháp Nhị Thừa là chánh pháp, Thập Thiện Đạo là chánh pháp. Thập Thiện có sâu và cạn. Thanh Văn và Duyên Giác cũng hành Thập Thiện, đại Bồ Tát cũng hành Thập Thiện, chư Phật đều hành Thập Thiện. Tam Bất Hộ là thân, miệng, ý của Phật hoàn toàn thanh tịnh, chẳng cần phải bảo vệ. Hàng Nhị Thừa và Bồ Tát vẫn phải gìn giữ thân, miệng, ý, luôn ngăn giữ thân, miệng, ý. Thân, miệng, ý là mười nghiệp. Luôn bảo vệ mười nghiệp, chẳng để sai trái. “*Hủy báng Nhị Thừa, xả luật hạnh*” là không trì giới. Nhị Thừa chuyên nói tới trì giới. Hai trăm năm mươi giới đều trì thanh tịnh, chứng đắc quả A La Hán. Nếu chúng ta chẳng trì thanh tịnh, sẽ chẳng thể chứng đắc. Kẻ hủy báng pháp Nhị Thừa sẽ chẳng học giới luật Nhị Thừa, chẳng thọ trì giới luật, thậm chí đã thọ Cụ Túc Giới mà vẫn chẳng hành trì. Thọ Cụ Túc Giới, vừa thọ xong, bèn nói chính mình là Đại Thừa, [nại có ấy, để khỏi tuân thủ giới luật].

“*Phá loạn ngã pháp, hoặc chúng sanh*”: Đây là mê hoặc chúng sanh, hủy báng, phá hoại chánh pháp của Phật. “*Do thử nhân thân nan phục đắc*” (Do vậy, khó lại được làm người): Kẻ hủy báng như thế đọa vào Đoạn Kiến, cho đến phá loạn Phật pháp. Những kẻ ấy sau khi xả báo, lại muốn được làm người, sẽ rất khó, chẳng đạt được!

“*Nã loạn ngã pháp chư hiền thánh, trích phạt bị xích ca-sa nhân*” (Nã loạn các vị hiền thánh trong pháp của ta, trừng phạt người mặc ca-sa đỏ): Quở trách người đắp y ca-sa, cho đến hủy báng, nã loạn. Trong ấy có thánh nhân và hiền nhân. Trước khi A La Hán nhập Định, Ngài ở chung với phàm phu Tăng, vị nào là thánh nhân? Vị nào là phàm nhân? Vị nào chứng thánh quả? Quý vị chẳng biết, chẳng phân biệt rõ ràng. Do vậy, [nã loạn Tăng chúng sẽ là] nã loạn các vị hiền thánh trong Phật pháp. “*Hiền nhân*” là nói tới bảy địa vị [trong Nhị Thừa], tức Sơ Quả Hưóng, Sơ Quả, Nhị Quả Hưóng, Nhị Quả, Tam Quả Hưóng, Tam Quả, Tứ Quả Hưóng. Chứng quả A La Hán thì mới gọi là thánh nhân. Nói theo pháp Nhị Thừa là như thế đó. Do vậy, nếu quở trách, chửi bới, khiển trách, ô nhục người đắp ca-sa, trong ấy sẽ có hiền mà cũng có thánh. Nếu quở trách, mắng chửi họ, cho đến ngăn trở, tước đoạt y và bát của họ. “*Trường thời thoái thất nhân thiên thú*” [nghĩa là] kẻ đó mong tái sanh trong nhân đạo, hoặc sanh lên thiên đạo, đều chẳng thể được.

**(Kinh) Thị cố, nhược dục phục nhân thân, bất hoạn thiệt cảm nhi xả mạng, thường nhạo trị ngộ chư Phật giả, phổ ưng hoàng hộ**

*tam thừa pháp, dục đắc tam thừa tối thượng thừa. Ứng thiện quán sát tam thừa pháp, hoan hỷ vị tha phổ khai thị, đương đắc thành Phật định vô nghi. Phá giới, xan tật, hoài kiêu mạn. Tự tán, hủy tha, hiệu Đại Thừa. Xả ly thử nhân, y trí giả, định đương thành Phật, độ tam giới. Ư tam thừa khí tùy sở nghi, từ bi vị thuyết tam thừa pháp. Tùy nguyện linh mãn vô xan tật, đương đắc thành Phật định vô nghi.*

(經)是故，若欲復人身，不患舌舐而舍命，常樂值遇諸佛者，普應弘護三乘法，欲得三乘最上乘。應善觀察三乘法，歡喜為他普開示，當得成佛定無疑。破戒慳嫉懷憍慢。自讚毀他號大乘。舍離此人依智者，定當成佛度三界。於三乘器隨所宜，慈悲為說三乘法。隨願令滿無慳嫉，當得成佛定無疑。

(*Kinh: Vì thế, mong lại được thân người, chẳng bị đờ lưỡi mà xả mạng, thường thích gặp gỡ với chư Phật, hồng hộ trọn khắp pháp tam thừa, mong đắc tam thừa tối thượng thừa. Nên khéo quán sát pháp tam thừa. Hoan hỷ vì họ khắp khai thị, sẽ được thành Phật quyết chẳng ngờ. Phá giới, keo, ghen, thường kiêu mạn. Khen mình, chê người, xưng Đại Thừa. Xả lia người ấy, nương bậc trí, quyết sẽ thành Phật vượt tam giới. Tam thừa pháp khí thuận cơ nghi, từ bi vì họ nói tam thừa, khiến được mãn nguyện, chẳng keo, ganh. Sẽ được thành Phật, quyết chẳng nghi).*

“Thị cố, nhược dục phục nhân thân, bất hoạn thiết cảm nhi xả mạng” (Vì thế, nếu muốn lại được làm người, chẳng bị đờ lưỡi, xả tánh mạng): Quý vị mong lại được làm thân người, có hai tình huống:

1) Tuy vẫn được làm thân người, nhưng rất khó có thân thể toàn vẹn. Một loại [khuyết tật] là lưỡi. Lưỡi quá ngắn, hoặc quá dài, chẳng thể nói được. Có miệng mà chẳng thể nói. Đó là một trường hợp.

2) Hoặc là xả mạng, sanh vào nhân gian chẳng bao lâu đã chết, lại xả thân người. Xả xong bèn vào địa ngục.

Nếu có lưỡi [mà chẳng nói được], sẽ sống lâu hơn một chút. Chẳng có lưỡi, thọ mạng sẽ ngắn hơn! Vì kẻ đó tiếp tục làm ác, mới từ địa ngục thoát ra, rất khó tăng trưởng thiện căn. Đã quen thói làm ác, rất khó sửa đổi tập khí. Đoạn Kiến Tư Hoặc còn dễ, chứ sửa đổi tập khí rất khó. Phá giới thì sám hối có thể thay đổi, chứ phá Kiến thì chẳng có cách nào, Phật cũng chẳng thể cứu kẻ đó. Kiến tức là tri kiến. Kẻ đó nhìn nhận vấn đề luôn khác với mọi người, đặc biệt lệch lạc, đặc biệt hẹp hòi,

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

luôn chẳng phù hợp pháp, báng bỏ chánh pháp là phi pháp, nói phi pháp là chánh pháp. Hễ ai có loại kiến giải ấy, sẽ chẳng dễ độ. Tập khí nơi tri kiến mang theo từ vô lượng đời. “*Thường nhạo trị ngộ chư Phật giả*” (Thường thích gặp gỡ chư Phật): Nếu quý vị mong thường gặp chư Phật, phải hoằng dương pháp tam thừa.

“*Dục đắc tam thừa tối thượng thừa, ưng thiện quán sát tam thừa pháp*” (Nếu muốn đắc pháp tối thượng thừa trong tam thừa, hãy nên khéo quán sát pháp tam thừa): Nếu quý vị mong đạt được pháp Đại Thừa, hãy khéo quán sát pháp tam thừa. Pháp tam thừa rốt cuộc là nói đến điều gì? “*Hoan hỷ vị chúng sanh phổ khai thị*” (Hoan hỷ vì chúng sanh khai thị trọn khắp). Ở đây, chữ Phổ (普, trọn khắp) là đừng chọn lựa, đừng nên chỉ khai thị cho kẻ có tiền, có thế; chẳng khai thị cho kẻ không tiền, không thế. Đôi khi chúng ta thấy súc sanh, khuyên mọi người hãy niệm Tam Quy cho nó. [Quý vị cứ nghĩ] chúng nó không hiểu, [dẫu nói Tam Quy] chẳng có tác dụng ư? Quý vị thọ quán đảnh, có hiểu hay không? Vì sao quý vị muốn thọ quán đảnh? Đó gọi là “*gieo chủng tử*”. Có khá nhiều người thọ quán đảnh, căn bản là chẳng hiểu. Đã thọ đại quán đảnh thật sự, họ vẫn chẳng biết. Mỗi phép quán đảnh, đều có một bài chú chủ yếu. Đã thọ quán đảnh, nhất định phải niệm chú. Tối thiểu là niệm mười vạn biến, thường thọ trì, niệm cho nhiều. Có người thọ quán đảnh xong, tôi hỏi người ấy: “Quý vị có thọ trì hay không?” Người ấy hỏi: “Thọ trì gì vậy?” Tôi nói: “Quý vị thọ quán đảnh gì vậy?” “Tôi cũng không biết”. Như vậy thì có công đức hay không? Có một ít, gieo chủng tử mà thôi!

Bất luận loại súc sanh nào, quý vị niệm Tam Quy cho nó. Quý vị đối trước chó, cho đến những con cá ta phóng sanh, chúng đều mở mắt rất to ngó quý vị. Quý vị nói Tam Quy cho chó, chó liền mở to mắt nhìn quý vị. Bất luận nó hiểu hay không, quý vị đã gieo chủng tử cho nó, có ý nghĩa như vậy. Nhất định phải làm như vậy, hãy nên khéo quán sát pháp tam thừa.

“*Hoan hỷ vị tha phổ khai thị, đương đắc thành Phật định vô nghi*” (Hoan hỷ vì người khác khai thị trọn khắp, sẽ được thành Phật, chắc chắn chẳng nghi ngờ): Người có thể làm như vậy, đây mới là Đại Thừa thật sự, nhất định có thể thành Phật.

“*Phá giới, xan, tật, hoài kiêu mạn, tự tán, hủy tha, hiệu Đại Thừa*” (Phá giới, keo kiệt, ghen ghét, ôm lòng kiêu mạn, tự khen mình, chê người, mà xưng là Đại Thừa): Không chỉ chẳng phải là Đại Thừa, Tiểu Thừa cũng chẳng phải, chẳng nhập Phật môn, ngay cả mấp mé Phật

pháp cũng chẳng có, chẳng cần để ý đến hạng người như thế. “*Xả ly thứ nhân y trí giả, định đương thành Phật độ tam giới*” (Hãy li bỏ kẻ ấy, nương theo người trí huệ, chắc chắn sẽ thành Phật, độ tam giới): Hạng người phá giới, keo kiệt, ghen tỵ, lại ôm lòng kiêu căng, ngạo mạn như thế, tán thán chính mình, hủy báng người khác. Hễ hủy báng người khác, tất nhiên là sẽ có hơi hướng tán thán chính mình! Hãy li bỏ người như thế, nương cây bậc có trí huệ, nhất định sẽ thành Phật, độ thoát tam giới, thoát khỏi tam giới.

“*U tam thừa khí tùy sở nghi, từ bi vị thuyết tam thừa pháp*” (Đối với các pháp khí tam thừa, hãy tùy thuận cơ nghi, từ bi vì họ nói pháp tam thừa): Đối với người thuộc tam thừa, người ấy thuộc loại căn cơ nào, “*nghi*” (宜) có nghĩa là “đáng nên”, tức là người ấy đáng nên tiếp nhận pháp nào, quý vị bèn từ bi nói cho người ấy pháp đó. “*Tùy nguyện linh mãn vô xan, tật, đương đắc thành Phật định vô nghi*” (Thuận theo ý nguyện khiến cho họ được thỏa mãn, chẳng keo kiệt, ghen ghét, thì sẽ thành Phật chắc chắn chẳng nghi ngờ): Tùy theo ý nguyện của người ấy, khiến cho người ấy thỏa mãn. Ngàn vạn phần chớ nên bủn xỉn pháp! [Nếu] bủn xỉn, tham lam, ghen ghét đối với pháp, quý vị sẽ mắc quả báo đờ lười, chẳng thể nói được!

**(Kinh) Tri Uẩn, Giới, Xứ giai không tịch, vô sở y trụ thí hư không, thuyết pháp đẳng nhiếp chư hữu tình, đương hoạch diệu giác vô biên trí. Phá giới, ý nhạo hoài ác tâm, văn thuyết Đại Thừa thắng công đức, trá hiệu Đại Thừa vị danh lợi, như tặc lư phi sư tử bì. Ngã kim phổ cáo nhất thiết chúng, nhược dục tật đắc thắng Bồ Đề, đương thiện tu trì Thập Thiện Nghiệp, hộ trì ngã pháp, vật hủy hoại!**

(經)知蘊界處皆空寂，無所依住譬虛空，說法等攝諸有情，當獲妙覺無邊智。破戒意樂懷噁心，聞說大乘勝功德，詐號大乘為名利，如弊驢披師子皮。我今普告一切眾，若欲疾得勝菩提，當善修持十善業，護持我法勿毀壞！

**(Kinh: Biết Uẩn, Giới, Xứ đều không tịch, chẳng hề nương trụ như hư không, thuyết pháp bình đẳng nhiếp hữu tình, sẽ đắc diệu giác vô biên trí. Phá giới, ý ưa ôm lòng ác, nghe công đức Đại Thừa thù thắng, vờ xưng Đại Thừa vì danh lợi, như lừa ác khoác da sư tử. Ta nay bảo khắp hết thầy chúng, nếu muốn mau đạt thắng Bồ Đề, hãy khéo tu trì Thập Thiện Nghiệp, hộ trì pháp ta, đừng hủy hoại!)**

Ngũ Uẩn, Thập Bát Giới, Thập Nhị Xứ đều là duyên khởi, chẳng có tự tánh. Tánh thể của chúng là không tịch. “*Không*” là chẳng có tướng trụ, chẳng đến, chẳng đi. Biết hết thấy các pháp như Ngũ Uẩn, Thập Bát Giới đều là không tịch, đó là đạt được công phu. Nếu quý vị có thể học Duy Thức Tam Thập Luận, có thể hiểu rõ Ngũ Uẩn, Thập Bát Giới, Thập Nhị Xứ, đều chẳng phải là chuyện dễ! Sau đó, quý vị lại quán, quán tưởng gì? Các pháp ấy căn bản là chẳng có. Sáu thức Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý là hư vọng, như mộng, huyễn, bọt, bóng. Bên ngoài thì đối ứng với sáu trần, tức Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp cũng là rỗng không, hư huyễn như mộng, huyễn, bọt, bóng. Căn đối ứng với Trần thành mười hai Xứ, đều là tịch tĩnh, chẳng đến, chẳng đi, bất sanh, bất diệt. Do bản tánh thường tịch tĩnh, do các pháp như huyễn, đều chẳng y chỉ. Vì chẳng y chỉ, hư không nương vào đâu? Hư không chẳng nương vào thứ gì cả! Nói loại pháp này để nhiếp thọ các hữu tình; đây mới là diệu nghĩa Đại Thừa, khiến cho hết thấy chúng sanh đều đạt được trí huệ diệu giác vô biên, đạt được Không Huệ. Cái Không ấy chính là Bát Nhã, chính là cái Không mà Quán Tự Tại Bồ Tát dùng để chiếu “*Ngũ Uẩn đều không*”, mười tám Giới đều không, mười hai Xứ đều không. Cái Không của Bát Nhã ấy là không mà phi không. “*Không phi không*” chính là Chiếu.

“*Phá giới, ý nhạo hoại ác tâm*” (Phá giới, ý thích ôm lòng độc ác): Phạm là kẻ phạm giới, phá giới, tâm kẻ đó chẳng tốt lành, nhất định là ác tâm. Nghe nói công đức Đại Thừa to lớn, chính kẻ đó cũng lừa dối người khác, nói: “Ta cũng là Đại Thừa”. [Đó là] “*trá hiệu Đại Thừa*” (dối trá xưng là Đại Thừa). Công đức của Đại Thừa to lớn, tâm mọi người đều hướng đến, đặc biệt là chúng ta thích hướng về Đại Thừa, hướng về Mật, hướng về viên mãn, hướng về rốt ráo. Nếu nói pháp này chẳng rốt ráo, ta sẽ chẳng học pháp này, ta muốn học pháp rốt ráo. Khá lắm! Học pháp rốt ráo, chí hướng khá lắm, nhưng [nếu người học] chẳng phải là căn khí, thì sẽ liên quan đến danh lợi!

“*Như tỳ lư phi sư tử tử*” (Giống như con lừa tỳ hại, khoác da sư tử): Giống như thí dụ đã nói trong phần trước. Chỉ là một con lừa tỳ hại, khoác da sư tử, ngụy trang làm sư tử, bị người khác biết tông tông tông! “*Ngã kim phổ cáo nhất thiết chúng, nhược dục tạt đắc thắng Bồ Đề*” (Nay ta bảo trọn khắp hết thấy đại chúng, nếu muốn nhanh chóng đạt được Bồ Đề thù thắng): Nay ta nói cùng mọi người, quý vị nếu muốn chúng đắc quả Bồ Đề rất nhanh chóng, hãy khéo tu trì Thập Thiện Nghiệp, hãy khéo tu tập Thập Thiện Nghiệp. Thập Thiện Nghiệp tu



thành, có thể khiến cho Phật pháp chẳng bị hủy hoại.

*(Kinh) Ngã tích chư dư Khế Kinh thuyết, ưng cầu đại giác, hành Đại Thừa, xả ly Thanh Văn, Độc Giác Thừa, vị thanh tịnh giả thuyết tư pháp. Tăng cúng vô lượng câu-chi Phật, đoạn ác, cần lao tu tịnh tâm. Ngã vị khuyến tấn bỉ chúng sanh, cố thuyết Nhất Thừa, vô đệ nhị. Kim thử chúng cụ tam thừa khí, hữu đản kham trụ Thanh Văn Thừa, tâm cực ưu bố, đa sự nghiệp. Bỉ phi thượng diệu Bồ Đề khí. Hữu si nhạo tĩnh, trụ Độc Giác, bỉ phi thượng diệu Bồ Đề khí. Hữu kham an trụ thượng diệu trí. Cố tùy sở nhạo, thuyết tam thừa. Cụ tịnh công đức, nhạo giải thoát. Văn thuyết Đại Thừa đoạn ác thú, như bệnh đàm âm, giáo phục nhũ. Thử tăng độc hại, phi trừ tật. Như thị phi khí Thanh Văn Thừa, văn thuyết Đại Thừa tâm mê loạn, tiện khởi Đoạn Kiến, đoạn ác thú. Cố ưng thuyết pháp, thẩm quán cơ.*

*(經)我昔諸餘契經說，應求大覺行大乘，舍離聲聞獨覺乘，為清淨者說斯法。曾供無量俱胝佛，斷惡勤勞修淨心。我為勸進彼眾生，故說一乘無第二。今此眾具三乘器，有但堪住聲聞乘，心極憂怖多事業。彼非上妙菩提器。有癡樂靜住獨覺，彼非上妙菩提器。有堪安住上妙智。故隨所樂說三乘。具淨功德樂解脫。聞說大乘墮惡趣，如病痰癢教服乳。此增毒害非除疾。如是非器聲聞乘，聞說大乘心迷亂，便起斷見墮惡趣。故應說法審觀機」。*

*(Kinh: Ta xưa trong các Khế Kinh nói, nên cầu đại giác, hành Đại Thừa, lìa bỏ Thanh Văn, Độc Giác Thừa, vì bậc thanh tịnh thuyết pháp ấy. Từng cúng vô lượng câu-chi Phật, đoạn ác, siêng năng, tu tịnh tâm. Ta vì khuyến khích chúng sanh ấy, chỉ nói nhất thừa, không thừa khác. Nay đại chúng đủ căn cơ tam thừa, có người chỉ kham Thanh Văn Thừa, tâm cực lo sợ, lắm sự nghiệp. Chẳng phải Bồ Đề thượng diệu khí! Kẻ si, chuộng tĩnh, trụ Độc Giác, chẳng phải Bồ Đề thượng diệu khí. Kẻ kham an trụ trí thượng diệu, tùy lòng họ thích, nói ba thừa. Đủ tịnh công đức, chuộng giải thoát.*

*Nghe nói Đại Thừa, đoạn đường ác. Như bị ghen đàm, dạy uống sữa. Tăng thêm độc hại, chẳng trừ bệnh. Căn khí Thanh Văn, phi Đại Thừa, nghe nói Đại Thừa tâm mê loạn, liền dấy Đoạn Kiến, đoạn đường ác. Nói pháp phải nên quán căn cơ).*

“Ngã tích chư dư Khế Kinh thuyết, ưng cầu đại giác, hành Đại Thừa” (Ta xưa kia trong các Khế Kinh khác nói: “Hãy nên cầu đại giác, hành Đại Thừa”): Trong các kinh khác, ta nói như vậy, khuyên mọi người, khuyên hết thảy chúng sanh đều nên học Đại Thừa, hành pháp Đại Thừa, đại giác cầu thành Phật. “Xả ly Thanh Văn, Độc Giác Thừa” (Lìa bỏ Thanh Văn và Độc Giác Thừa): Chẳng cần học pháp Thanh Văn và Độc Giác Thừa. Ta nói pháp ấy là vì những người thanh tịnh mà nói, “vị thanh tịnh giả thuyết tư pháp” (vì những người thanh tịnh mà nói pháp này). Câu này nhằm trả lời câu hỏi của Kim Cang Tạng Bồ Tát.

Trước kia, trong các kinh điển Đại Thừa khác, [đức Phật] đã từng nói như thế này: “Đều phải nên học Đại Thừa, chẳng cần học Thanh Văn và Độc Giác Thừa”. Đó là vì Ngài nói với những người thanh tịnh. Vì những người ấy đều đã cúng dường vô lượng câu-chi Phật, “đoạn ác, cần lao tu tịnh tâm” (đoạn ác, siêng khổ tu tịnh tâm), tịnh tâm phải tu đến mức thành tựu kha khá. “Ngã vị khuyến tấn bỉ chúng sanh, cố thuyết nhất thừa, vô đệ nhị” (Ta vì khuyến tấn các chúng sanh ấy, cho nên nói nhất thừa, chẳng có thừa thứ hai): Kinh Pháp Hoa nói như vậy. “Chỉ thử thị nhất thật, dư nhị tắc vi chân” (Chỉ có pháp này là duy nhất chân thật, hai thừa khác đều chẳng thật) nhằm nói cho những người ấy, tức là thuyết pháp đúng với căn cơ.

“Kim thử chúng cụ tam thừa khí, hữu đản kham trụ Thanh Văn Thừa” (Nay trong đại chúng này có đủ căn cơ tam thừa, có những người chỉ có thể trụ trong Thanh Văn Thừa): Nay ta chỉ nói trọn khắp cho người trong tam thừa. Kinh Đại Tập Thập Luân nói trọn khắp tam thừa. Nay trong đại chúng này, có những người chỉ có thể trụ trong Thanh Văn Thừa. Trong tâm người ấy sợ hãi rất nhiều chuyện, họ chẳng phải là căn khí Bồ Đề thượng diệu. Hàng Độc Giác trụ tịch tĩnh, “bỉ phi thượng diệu Bồ Đề khí” (kẻ đó chẳng phải là pháp khí của Bồ Đề thượng diệu). “Hữu kham an trụ thượng diệu trí, cố tùy sở nhạo thuyết tam thừa” (Có kẻ có thể an trụ trí thượng diệu; vì thế, tùy theo lòng ưa thích của họ mà nói tam thừa): Có người thích Đại Thừa, thuộc căn khí ấy, có thể trụ trong Đại Thừa, có trí huệ màu nhiệm ấy, ta liền nói cho người ấy pháp Đại Thừa. “Cụ tịnh công đức nhạo giải thoát, văn thuyết Đại Thừa đọa ác thú” [nghĩa là] còn có hạng người khác, họ mong cầu giải thoát thanh tịnh [chẳng có tâm phổ độ chúng sanh], nghe nói Đại Thừa, lại đâm ra đọa vào đường ác.

Tiếp đó nói tỷ dụ: “Nhu bệnh đàm ám giáo phục nhũ, thử tăng độc hại, phi trừ tật” (Nhu mắc bệnh nghẹn đờm, bảo kẻ đó uống sữa, sẽ

tăng độc hại, chẳng trừ bệnh tật): Kẻ đó chỉ mong cầu lìa khỏi nỗi khổ trong ba đường ác, hoặc chỉ mong cầu lìa khỏi nỗi khổ trong tam giới, người ấy đã trọn đủ công đức của hai trăm năm mươi giới, mong giải thoát gì vậy? Giải thoát nhân gian, cầu đạt được sự tịch tĩnh của Nhị Thừa. Nếu ta nói pháp Đại Thừa cho kẻ đó, kẻ đó không chỉ chẳng tiếp nhận, mà còn sẽ hủy báng, nhất định đọa vào ác đạo. Như người mắc bệnh đàm, ẩm đàm (癆痰) là chứng bệnh cổ họng không thoải mái (viêm họng), cho người ấy uống sữa, yết hầu càng nóng thêm, viêm nặng hơn. Đó là độc hại, hoàn toàn chẳng phải là trừ khử bệnh cho người đó. Uống chút nước hoàng liên sẽ đỡ hơn nhiều. Đó là cắt thuốc đúng bệnh.

“*Như thị phi khí Thanh Văn Thừa, văn thuyết Đại Thừa tâm mê loạn*” (Kẻ thuộc Thanh Văn Thừa, chẳng phải là pháp khí Đại Thừa, nghe nói Đại Thừa, tâm sẽ mê loạn): Đối với kẻ chẳng phải là pháp khí Đại Thừa, [nghe giảng Đại Thừa], nhất định sẽ mê loạn. Kẻ chẳng phải là pháp khí Nhị Thừa, nếu nói pháp Nhị Thừa cho người ấy, họ cũng chẳng thể chứng nhập, vì họ là căn khí Đại Thừa. Đối với hạng pháp khí Thanh Văn Thừa, nói pháp Đại Thừa cho người ấy, họ nghe xong, tâm sẽ loạn, ngay cả Thanh Văn Thừa cũng chẳng đạt được. Ngược lại, họ sẽ dấy khởi Đoạn Kiến, đọa vào ác thú Không. Không chỉ chẳng thể lãnh ngộ nghĩa Không, mà còn đọa vào Ác Thú Không, đọa vào đường ác. “*Có ưng thuyết pháp thâm quán cơ*” nghĩa là khi thuyết pháp, nhất định phải cẩn thận, nhất định phải xem xét căn cơ cẩn thận.

### *V. Sám hối - Phẩm Đệ Ngũ*

#### *懺悔品第五*

*(Phẩm thứ năm: Sám Hối)*

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn thuyết thị tụng dĩ, u chúng hội trung, hữu vô lượng bách thiên chúng sanh tăng ngộ văn pháp, mậu sanh Không giải, bát vô nhân quả, đoạn diệt thiện căn, vãng chư ác thú, văn thuyết thử kinh, hoàn đắc chánh kiến, tức tùng tòa khởi, dẫn lễ Phật túc, u Thế Tôn tiền, thâm sanh tâm quý, chí thành sám hối, hiệp chưởng, cung kính, nhi bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng bốn tại Thanh Văn Thừa trung, tăng chủng thiện căn, vị năng thành thực Thanh Văn Thừa khí. Hậu phục ngộ văn Độc Giác Thừa pháp, mê hoặc bất liễu, tiện sanh Không kiến, bát vô nhân quả. Do thị nhân duyên, tạo thân, ngữ, ý vô lượng tội nghiệp, vãng chư ác thú.*

*Ngã đẳng kim giả, u Thế Tôn tiền, văn thuyết thử kinh, hoàn đắc chánh kiến, thâm tâm tầm quý, phát lộ sám hối, bất cảm phú tàng, nguyện tất trừ diệt. Tùng kim dĩ vãng, vãng bất phục tác, phòng hộ đương lai sở hữu tội chướng. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn nhiếp thọ, linh ngã đẳng tội giai tất tiêu diệt, u đương lai thế, vãng bất cánh tạo. Duy nguyện Thế Tôn, ai mãn tế bạt ngã đẳng đương lai ác thú khổ báo. Ngã đẳng kim giả, hoàn nguyện thọ hành tiên sở tu tập Thanh Văn Thừa hạnh. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn giáo thọ”.*

(經)爾時，世尊說是頌已，於眾會中有無量百千眾生，曾誤聞法，謬生空解撥無因果，斷滅善根，往諸惡趣。聞說此經，還得正見，即從座起，頂禮佛足，於世尊前深生慚愧，至誠懺悔，合掌恭敬，而白佛言：「大德世尊！我等本在聲聞乘中曾種善根，未能成熟聲聞乘器。後復遇聞獨覺乘法，迷惑不了，便生空見撥無因果。由是因緣，造身語意無量罪業往諸惡趣。我等今者於世尊前，聞說此經還得正見，深心慚愧，發露懺悔，不敢覆藏，願悉除滅。從今已往永不復作，防護當來所有罪障。唯願世尊，哀愍攝受，令我等罪皆悉銷滅，於當來世永不更造。唯願世尊，哀愍濟拔我等當來惡趣苦報。我等今者，還願受行先所修習聲聞乘行。唯願世尊，哀愍教授」。

(*Kinh*: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài tụng ấy xong, trong chúng hội, có vô lượng trăm ngàn chúng sanh từng nghe lầm pháp, lầm lạc sanh khởi kiến giải rộng không, bài bác “chẳng có nhân quả”, đoạn diệt căn lành, đi vào đường ác, nghe nói kinh này, lại được chánh kiến, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, đối trước đức Thế Tôn, sanh lòng hổ thẹn sâu xa, chỉ thành sám hối, chắp tay, cung kính, bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con vốn từng gieo thiện căn trong Thanh Văn Thừa, nhưng chưa thể thành thực pháp khí Thanh Văn Thừa. Sau đó lại được gặp gỡ, nghe pháp Độc Giác Thừa, bèn mê hoặc, chẳng hiểu rõ, liền sanh tri kiến rộng không, bài bác chẳng có nhân quả. Do nhân duyên ấy, tạo vô lượng tội nghiệp nơi thân, ngữ, ý, vào trong các đường ác. Chúng con nay ở trước đức Thế Tôn nghe nói kinh này, lại được chánh kiến, sanh lòng hổ thẹn sâu xa, bày tỏ sám hối, chẳng dám giấu giếm, nguyện trừ diệt hết. Từ nay trở đi, vãng

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

*viễn chẳng tái phạm, sẽ ngăn ngừa các tội chướng mai sau. Kính mong đức Thế Tôn xót thương nhiếp thọ, khiến cho tội của chúng con thấy đều tiêu diệt. Trong đời mai sau, vĩnh viễn chẳng còn tạo nữa. Kính mong đức Thế Tôn xót thương cứu giúp khỏi báo nơi đường ác của chúng con trong mai sau. Chúng con nay vẫn mong tiếp nhận, hành trì các hạnh thuộc Thanh Văn Thừa đã tu tập trước kia. Kính mong đức Thế Tôn xót thương dạy bảo”).*

Đức Phật hễ thuyết pháp, sẽ trừ khử những đau khổ của đại chúng tham dự pháp hội. Vì sao đức Phật nói các pháp ấy? Đây là thuyết pháp đúng theo căn cơ. Vì trong hội Đại Tập này, có các chúng sanh lầm lạc sanh khởi kiến giải rối rắm không, trong quá khứ họ đã phạm sai lầm ấy. “*Bát vô nhân quả, đoạn diệt thiện căn*” (Bài bác “chẳng có nhân quả”, đoạn diệt căn lành), cho nên đi vào các đường ác, đọa trong ba ác đạo. Nay “*văn thuyết thử kinh*” (nghe nói kinh này), tức là được nghe đức Phật nói kinh Đại Tập Thập Luân, “*hoàn đắc chánh kiến*” (lại được chánh kiến), tức là lại khôi phục chánh kiến của họ. Họ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, đối trước đức Thế Tôn, sanh lòng hổ thẹn sâu xa mà sám hối.

Đây là phẩm thứ năm, tức phẩm Sám Hối. Khi chúng ta đọc đoạn kinh văn này, hãy ngẫm xem chính mình có phạm sai lầm ấy hay không? Nếu có, hãy tùy hỷ sám hối một phen. Chẳng có, quý vị có thể chẳng cần tùy hỷ. Bất quá, ai nấy nhất định sẽ phạm sai lầm, hoặc nhiều hay ít đó thôi, đều phải nên sám hối. Họ đánh lễ dưới chân đức Phật, sám hối. “*Hiệp chưởng cung kính, nhi bạch Phật ngôn*” (Chắp tay, cung kính mà bạch cùng đức Phật rằng), cung kính thưa: “*Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng bôn tại Thanh Văn Thừa trung, tăng chủng thiện căn*” (Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con vốn từng gieo thiện căn trong Thanh Văn Thừa): Đã tu đạo, nhưng chẳng thành thực căn khí của Thanh Văn Thừa, chẳng chứng đạo, chẳng đạt được thành quả. “*Hậu phục ngộ Độc Giác Thừa pháp*” (Về sau lại gặp pháp Độc Giác Thừa), liền mê hoặc, sanh khởi Không kiến. Hễ Không kiến đã sanh, liền “*bát vô nhân quả*” (bài bác “chẳng có nhân quả”), chẳng tin quả báo thiện ác. Vì nhân duyên ấy, tạo “*thân, ngữ, ý, vô lượng tội nghiệp*” (tạo vô lượng tội nghiệp nơi thân, ngữ, ý), làm rất nhiều chuyện làm lỗi. Do đã làm sai, bèn đọa vào đường ác. Nay chúng con đối trước đức Thế Tôn, “*văn thuyết thử kinh*” (nghe nói kinh này) mới khôi phục chánh kiến. “*Thâm tâm tâm quý*” (Sanh lòng hổ thẹn sâu xa), cảm thấy trong quá khứ đã sai trái, nay hướng về

đức Thế Tôn phát lộ sám hối. “*Bát cảm phú tàng*” (Chẳng dám giấu giếm), thỉnh cầu đức Thế Tôn chứng minh, “*nguyên tất trừ diệt*” (nguyên trừ diệt hết sạch) các tội ấy của con. Đồi trước đức Thế Tôn sám hối xong, [các tội ấy] sẽ trừ diệt. “*Tùng kim dĩ vãng, vĩnh bất phục tạo*” (Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng làm nữa): Chẳng còn tạo các tội ấy nữa, chẳng còn đọa vào ác kiến nữa. “*Phòng hộ đương lai sở hữu tội chướng*” (Ngăn ngừa tất cả tội chướng trong mai sau): Con đã sám hối xong; trong tương lai, những tội ấy lại đưa đến, con sẽ nhận biết ngay, sẽ chẳng đọa lạc lần nữa!

“*Duy nguyện Thế Tôn ai mãn nhiếp thọ, linh ngã đặng tội giai tất tiêu diệt*” (Kính mong đức Thế Tôn thương xót nhiếp thọ, khiến cho tội của chúng con thấy đều tiêu diệt): Nay chúng con hướng về đức Phật đã sám hối xong, Phật sẽ gia trì chúng con, khiến cho tội cấu ấy đều tiêu diệt. “*Ư đương lai thế, vĩnh bất cánh tạo*” (Trong đời mai sau, vĩnh viễn chẳng tạo nữa): Chẳng còn tạo tội này nữa! “*Duy nguyện Thế Tôn, ai mãn tế bạt ngã đặng đương lai ác thú khổ báo*” (Kính mong đức Thế Tôn xót thương cứu vớt khổ báo nơi đường ác của chúng con trong mai sau): Nếu con không sám hối, trong tương lai, nhất định phải hứng chịu quả báo ấy.

“*Kim giả hoàn nguyện thọ hành tiên sở tu tập Thanh Văn Thừa hạnh*” (Nay chúng con vẫn mong tiếp nhận, hành trì các hạnh thuộc Thanh Văn Thừa đã tu tập trước kia): Họ là căn khí Thanh Văn Thừa. Họ nói: Hiện thời, họ chẳng hâm mộ Độc Giác Thừa, vẫn muốn tu hành pháp Thanh Văn. “*Duy nguyện Thế Tôn ai mãn giáo thọ*” [nghĩa là] xin đức Phật lại vì chúng con nói pháp Thanh Văn lần nữa!

**(Kinh) Thế Tôn cáo viết: “Thiện tai! Thiện tai! Nhữ đặng nãi năng như thị tầm quý, phát lộ sám hối. Ư ngã pháp trung, hữu nhị chủng nhân, danh vô sở phạm: Nhất giả, bảm tánh chuyên tinh, bổn lai bất phạm. Nhị giả, phạm dĩ tầm quý, phát lộ sám hối. Thử nhị chủng nhân, ư ngã pháp trung, danh vi dũng kiện, đắc thanh tịnh giả”. Ư thị, Thế Tôn tùy kỳ sở nhạo, phương tiện vị thuyết Tứ Thánh Đế pháp. Ư bỉ chúng trung, hữu đắc hạ phẩm Nhãn giả, hữu đắc trung phẩm Nhãn giả, hữu đắc thượng phẩm Nhãn giả, hữu đắc thế gian đệ nhất pháp giả, hữu đắc Dự Lưu quả giả, hữu đắc Nhất Lai quả giả, hữu đắc Bát Hoàn quả giả. Ư trung, phục hữu bát vạn tứ thiên bát-sô, chư lậu vĩnh tận, tâm đắc giải thoát, ý thiện thanh tịnh, thành A La Hán, hoan hỷ lễ Phật, hoàn phục bổn tòa.**

(經)世尊告曰：「善哉！善哉！汝等乃能如是慚愧，發露懺悔。於我法中，有二種人，名無所犯：一者、稟性專精，本來不犯。二者、犯已慚愧，發露懺悔。此二種人，於我法中，名為勇健得清淨者」。於是，世尊隨其所樂，方便為說四聖諦法。於彼眾中，有得下品忍者，有得中品忍者，有得上品忍者，有得世間第一法者，有得預流果者，有得一來果者，有得不還果者。於中，復有八萬四千苾芻，諸漏永盡，心得解脫，意善清淨，成阿羅漢，歡喜禮佛，還復本座。

(*Kinh: Đức Thế Tôn bảo rằng: “Lành thay! Lành thay! Các ông có thể hổ thẹn và bày tỏ sám hối như vậy. Trong pháp của ta, có hai loại người được gọi là chẳng phạm lỗi gì: Một là người bẩm tánh chuyên ròng, vốn chẳng hề phạm. Hai là người đã phạm bèn hổ thẹn, phát lộ sám hối. Hai loại người ấy ở trong pháp của ta, được gọi là người dũng mãnh, mạnh mẽ, đạt được thanh tịnh”. Ngay khi đó, đức Thế Tôn bèn thuận theo lòng ưa thích của họ, phương tiện nói cho họ pháp Tứ Thánh Đế. Trong số những người ấy, có người đắc hạ phẩm Nhân, có người đắc trung phẩm Nhân, có người đắc thượng phẩm Nhân, có người đắc pháp đệ nhất trong thế gian, có người đắc quả Dự Lưu, có người đắc quả Nhất Lai, có người đắc quả Bất Hoàn. Trong ấy, lại có tám vạn bốn ngàn bát-sô vĩnh viễn hết sạch các lậu, tâm được giải thoát, ý thiện thanh tịnh, thành A La Hán, hoan hỷ lễ Phật, trở về chỗ ngồi của chính mình).*

Đức Phật liền bảo: “*Thiện tai! Thiện tai!*”, hay lắm! “*Nhữ đẳng nữ năng như thị tầm quý, phát lộ sám hối*” [nghĩa là] như các ông hổ thẹn, phát lộ sám hối như vậy, các ông phải nhận biết trong Phật pháp: “*Hữu nhị chủng nhân, danh vô sở phạm*” (Có hai loại người được gọi là “không phạm lỗi gì”), cũng là thanh tịnh. “*Nhất giả, bẩm tánh chuyên tinh*” (Một là bẩm tánh chuyên ròng): Người ấy có tánh tình giữ giới rất tốt đẹp, chuyên ròng trì giới, vốn chẳng vi phạm. “*Nhị giả, phạm dĩ tầm quý*” tức là hề đã phạm giới, bèn dấy lên cái tâm hổ thẹn. “*Phát lộ sám hối*” thì cũng sẽ thanh tịnh. Loại người ấy “*u ngã pháp trung, danh vi dũng kiện, đắc thanh tịnh giả*” (loại người ấy ở trong pháp của ta, được gọi là người dũng mãnh, mạnh mẽ, đạt được thanh tịnh), hết thấy tội ác đều sám trừ thanh tịnh.

“*U thị, Thế Tôn tùy kỳ sở nhạo*” (Do vậy, đức Thế Tôn thuận theo lòng ưa thích của họ): Tâm họ ưa thích điều gì? “*Phương tiện vị thuyết Tứ Thánh Đế pháp*” (Phương tiện nói pháp Tứ Thánh Đế cho họ): Pháp Tứ Thánh Đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, gồm hai tầng nhân quả. Tập là cái nhân thế gian, Khổ là cái quả thế gian. Đạo là cái nhân xuất thế gian, Diệt là cái quả xuất thế gian. Cái nhân xuất thế gian và cái quả xuất thế gian, do tu Đạo bèn có thể thoát lia. Do đức Phật nói như thế, ở trong hội ấy, “*hữu đắc hạ phẩm Nhân giả, hữu đắc trung phẩm Nhân giả, hữu đắc thượng phẩm Nhân giả, hữu đắc thế gian đệ nhất pháp giả*” (có người đắc hạ phẩm Nhân, có người đắc trung phẩm Nhân, có người đắc thượng phẩm Nhân, có người đắc thế gian đệ nhất pháp): Đó gọi là bốn địa vị Noãn (煖), Đảnh (頂), Nhẫn (忍), Thế Đệ Nhất (世第一), bèn chứng Sơ Quả, tu hành đã được Noãn khí (暖氣, hơi ấm). Khi mới vừa tu hành, chẳng có một tí hơi ấm nào, cũng tức là chẳng nhập môn. Đã có thể tiến nhập, hoặc là Định cũng thế, hoặc là đọc tụng Đại Thừa cũng thế, hoặc là có cảm giác vui thích. Đây là Hạ Nhẫn.

“*Trung Nhẫn*” lại tiến hơn một bước nữa. Có thể nói Đảnh (頂) là “*đã tiếp nhận*”. Sau đó, đạt đến địa vị Thế Đệ Nhất, tức là đỉnh điểm trong pháp thế gian. Sau đó là pháp xuất thế gian. Xuất thế gian là chứng Sơ Quả. Chứng Sơ Quả là pháp xuất thế gian. Đây là hết thầy các địa vị thuộc Tiểu Thừa. “*Hữu đắc Dự Lưu quả giả*” (Có người đắc quả Dự Lưu): Tiến thêm bước nữa, sẽ thành tựu địa vị này. Dự Lưu quả là Sơ Quả, dự vào dòng thánh nhân. Tiểu Thừa là Dự Lưu, còn Đại Thừa thì Tín vị (địa vị Thập Tín) đã dự vào dòng thánh. Có người đắc quả Nhất Lai, Nhất Lai là Nhị Quả. Quả vị trước đó là Tu Đà Hoàn, còn quả này là Tu Đà Hàm. Có người đắc quả Bất Hoàn, tức A Na Hàm, là Tam Quả.

“*U trung, phục hữu bát vạn tứ thiên bát-sô*” (Trong ấy lại có tám vạn bốn ngàn bát-sô): Trong phần trước, chẳng nói đến số lượng, [“*tám vạn bốn ngàn*”] ở đây hàm ý “*rất nhiều*”. Trong đại chúng hiện diện, còn có tám vạn bốn ngàn vị xuất gia, đắp y ca-sa đỏ. “*Chư lậu vĩnh tận*” (Vĩnh viễn hết sạch các lậu): Chẳng còn bị luân hồi trong tam giới, bèn chứng đắc quả A La Hán. “*Chư lậu vĩnh tận, tâm đắc giải thoát*” (Vĩnh viễn hết sạch các lậu, tâm được giải thoát): Kiên Tu Hoặc vừa đoạn, tâm đã được giải thoát. “*Ý thiện thanh tịnh, thành A La Hán, hoan hỷ lễ Phật, hoàn phục bốn tòa*” (Ý thiện thanh tịnh, thành A La Hán, hoan hỷ lễ Phật, trở về chỗ ngồi của chính mình): Các chúng sanh ấy đều rất hoan hỷ, vì họ thoát lia biên khổ, cũng đã sám hối thanh tịnh.



Đọc kinh điển Đại Thừa, sẽ vượt qua Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất, [sự giác ngộ] hơn hẳn Thanh Văn Thừa, nhưng đoạn Hoặc chẳng bằng Thanh Văn Thừa! Tân phát ý Bồ Tát vừa phát Bồ Đề tâm, sẽ vượt hơn họ (Thanh Văn Thừa). Tuy vẫn thuộc địa vị phàm phu, nhưng có thể làm chuyện của Bồ Tát, bất luận khi hoàng pháp, tu đạo, hay lợi ích chúng sanh, quán tưởng, điểm xuất phát [của Bồ Tát] là chẳng vì chính mình, hết thảy đều vì người khác. Dẫu làm sai, vấn đề cũng chẳng to lớn! Nếu vì chính mình, tuy quý vị làm rất đúng, rất mỹ mãn, nhưng do xen tạp danh lợi, vấn đề cũng rất to, quý vị hoàn toàn chẳng đạt được lợi ích!

*(Kinh) Thời, chúng hội trung, phục hữu ngũ thập thất bách thiên na-dữu-đa chúng sanh, tăng ngộ văn pháp, mậu sanh Không giải, bất vô nhân quả, đoạn diệt thiện căn, vãng chư ác thú. Văn thuyết thử kinh, hoàn đắc chánh kiến, tức tùng tòa khởi, danh lễ Phật túc, u Thế Tôn tiền, thâm sanh tâm quý, chí thành sám hối, hiệp chướng, cung kính, nhi bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng bôn tại Độc Giác Thừa trung, tăng chủng thiện căn, vị năng thành thực Độc Giác Thừa khí, hậu phục ngộ văn thuyết Đại Thừa pháp, tuy sanh ái nhạo, nhi bất năng giải, ngu minh nghi hoặc, tiện sanh Không kiến, bất vô nhân quả. Do thị nhân duyên, tạo thân, ngữ, ý, vô lượng tội nghiệp. Thừa thử nghiệp duyên, u vô lượng kiếp, đọa chư ác thú, thọ chủng chủng khổ, sở độ nan nhân. Ngã đẳng kim giả, u Thế Tôn tiền, văn thuyết thử kinh, hoàn đắc chánh kiến, thâm tâm tâm quý, phát lộ sám hối, bất cảm phú tàng, nguyện tất trừ diệt. Tùng kim dĩ vãng, vĩnh bất phục tác, phòng hộ đương lai sở hữu tội chướng. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn nhiếp thọ, linh ngã đẳng tội giai tất tiêu diệt, u đương lai thế, vĩnh bất cánh tạo. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn té bạt ngã đẳng đương lai ác thú khổ báo. Ngã đẳng kim giả, hoàn nguyện thọ hành tiên sở tu tập Độc Giác Thừa hạnh. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn giáo thọ”.*

(經)時，眾會中，復有五十七百千那庾多眾生，曾誤聞法，謬生空解撥無因果，斷滅善根，往諸惡趣。聞說此經，還得正見，即從座起，頂禮佛足，於世尊前深生慚愧，至誠懺悔，合掌恭敬，而白佛言：「大德世尊！我等本在獨覺乘中曾種善根，未能成熟獨覺乘器，後復遇聞說大乘法，雖生

愛樂而不能解，愚冥疑惑，便生空見撥無因果。由是因緣，造身語意無量罪業。乘此業緣，於無量劫墮諸惡趣，受種種苦，楚毒難忍。我等今者於世尊前，聞說此經還得正見，深心慚愧，發露懺悔，不敢覆藏，願悉除滅。從今已往永不復作，防護當來所有罪障。唯願世尊，哀愍攝受，令我等罪皆悉消滅，於當來世永不更造。唯願世尊，哀愍濟拔我等當來惡趣苦報。我等今者，還願受行先所修集獨覺乘行。唯願世尊，哀愍教授」。

*(Kinh: Lúc ấy, trong chúng hội lại có năm mươi bảy trăm ngàn na-dữu-đa chúng sanh từng nghe làm pháp, làm lạc sanh kiến giải rộng không, bài bác chẳng có nhân quả, đoạn diệt căn lành, tiến vào các đường ác, nghe nói kinh này, lại được chánh kiến, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, đối trước đức Thế Tôn, sanh lòng hổ thẹn sâu xa, chỉ thành sám hối, chấp tay, cung kính mà bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con vốn từng gieo căn lành trong Độc Giác Thừa, nhưng chưa thể thành thực pháp khí Độc Giác Thừa. Về sau lại gặp gỡ, nghe nói pháp Đại Thừa, tuy sanh lòng yêu thích, nhưng chẳng thể hiểu, ngu si, tối tăm, ngờ vực, liền sanh Không kiến, bài bác chẳng có nhân quả, tạo vô lượng tội nghiệp nơi thân, ngữ, ý. Nương theo nghiệp duyên ấy, trong vô lượng kiếp, đọa vào các đường ác, chịu đủ thứ nỗi khổ, đau đớn khó nhẫn. Chúng con nay đối trước đức Thế Tôn, nghe nói kinh này, lại được chánh kiến, sanh lòng hổ thẹn sâu xa, bày tỏ sám hối, chẳng dám giấu giếm, nguyện đều trừ diệt. Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng làm nữa, ngăn ngừa tất cả tội chướng trong đời mai sau. Chỉ mong đức Thế Tôn xót thương nhiếp thọ, khiến cho tội của chúng con thấy đều tiêu diệt. Trong đời mai sau, vĩnh viễn chẳng tạo nữa. Kính mong đức Thế Tôn xót thương cứu vớt khổ báo trong đường ác mai sau của chúng con. Chúng con nay vẫn mong được tiếp nhận, hành trì hạnh Độc Giác Thừa đã tu tập trước kia. Kính mong đức Thế Tôn xót thương dạy bảo”).*

Phẩm này là phẩm Sám Hối. Lúc đó, đại chúng tham gia pháp hội đông đúc ngàn ấy, trong hội Đại Tập này, các thành phần nhóm họp rất phức tạp, có vô lượng, vô biên chúng sanh. Trước tiên, họ nói rõ khi mới bắt đầu nghe pháp, nhưng chẳng cung kính Tam Bảo, cho đến nghe pháp

rồi sanh hiểu lầm. Sự hiểu lầm này đều xét theo tánh Không, ở đây là Ác Thú Không (do chấp trước Không là rỗng không, không tin nhân quả, nên đọa vào đường ác). Có người nghe giảng kinh Kim Cang, [thấy kinh nói] “*hết thấy đều là Không*”, kẻ đó bèn thứ gì cũng chẳng học, cứ tạo ác nghiệp. Thiện nghiệp Không, nhưng ác nghiệp chẳng Không, tạo rất nhiều tội.

Trong hội này, phần trên nói về Thanh Văn Thừa, ở đây nói về Độc Giác Thừa. Trong đại chúng nhóm họp ấy, có bao nhiêu chúng sanh? Có năm mươi bảy trăm ngàn na-dữu-đa, tức là năm mươi bảy trăm ngàn mười triệu chúng sanh, họ cùng nhau đến nghe pháp, hướng về đức Phật, thỉnh cầu sám hối. Vì trong quá khứ, họ đã nghe lầm pháp. “*Nghe lầm pháp*” hoàn toàn chẳng phải là “*thuyết pháp sai lầm*”, mà là do người ấy [nghe pháp xong], lý giải sai lầm. Thật ra, cũng chẳng phải là họ lý giải sai lầm, mà là vì trong quá khứ, người ấy chẳng có nhiều thiện căn dường ấy, do chẳng tiếp nhận được, bèn sanh khởi Không kiến sai lầm. Rất khó phá trừ Không kiến ấy. Nếu sanh khởi Hữu kiến, tội nghiệp kiểu ấy dễ đoạn. Sanh khởi Không kiến, tội nghiệp loại này chẳng dễ đoạn. Vì lúc sanh khởi Hữu kiến, người ấy vẫn tin tưởng nhân quả, chấp trước nhân quả. Bất quá, cả hai đảng đều chẳng đúng. Kinh Phật cũng dạy, có rất nhiều tội nghiệp chẳng sám hối được. Trong đời trước, chúng ta đã tạo cái nhân, đời này nhất định phải thọ báo. Có khá nhiều cách nói sai lầm, [như nghe nói] “*chẳng thể sám hối*” bèn lập luận rằng “*phải vĩnh viễn mang theo tội ấy, nhất định sẽ đọa địa ngục*”. Đó là Hữu kiến sai lầm!

Trong phần trước, đã nói có hai loại người. Một là hạng người bảm tánh chuyên rỗng. Về căn bản, người ấy chẳng phạm tội. Hai là người đã phạm bèn hổ thẹn, tức là hổ thẹn, sám hối, thì cũng là dũng mãnh, can đảm. Đức Phật nói hai loại người ấy đều là thanh tịnh. Đã sai lầm khi nghe pháp, lại khăng khăng chẳng chịu sám hối, chẳng hổ thẹn. Hiện thời, có rất nhiều người học Phật pháp, quý vị nói với họ: “*Bạn đi theo con đường ấy chẳng đúng. Bạn có thể dùng Thánh Giáo Lượng như đức Phật đã dạy hoặc do thánh nhân đã dạy để đối chiếu đôi chút, sẽ biết là đúng hay không*”. Nhưng họ đâu có chịu sửa sai, vẫn cho chính mình là đúng, chấp trước điều gì đó, chấp trước điều được nói trong kinh chi đó chẳng sai. [Họ khăng khăng]: “*Kinh dạy ‘hết thấy các pháp đều là Không’, kinh Kim Cang dạy như thế đó!*” Nhưng Không nghĩa là gì? Họ chẳng lãnh hội, cũng là do nghe pháp rồi nảy sanh hiểu lầm, lý giải sai lầm đối với Không.

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

Lấy kinh Kim Cang làm thí dụ. Kinh ấy dạy hàng Nhị Thừa trụ trong Niết Bàn và lý Không mà họ đã chứng đắc đều chẳng phải là rốt ráo. Nghĩa Không ấy cũng là do họ tu nhân khế hợp quả mà đạt được, chẳng phải là không có nhân quả. Đặc biệt là trong Thiên Tông Trung Hoa, có người học Thiên bèn hiểu lầm, hiểu sai “*tham Thiên để minh tâm kiến tánh*” thành “*bất cứ thứ gì cũng đều chẳng cần phải học*”. Thậm chí chẳng tin nhân quả, chỉ cần minh tâm kiến tánh là được rồi! Chẳng kiến tánh thì sẽ như thế nào? Quý vị tạo tội, vẫn phải thọ báo y hệt! Những người ấy sau khi nghe pháp có thể uốn nắn các sai lầm; trong quá khứ vì nghe pháp này đã lý giải nghĩa Không sai lạc! “*Bát vô nhân quả*” (Bài bác chẳng có nhân quả), đoạn diệt thiện căn, tạo ác hạnh! Làm ác thì tự nhiên phải chịu ác báo. Nay trong pháp hội này, được nghe đức Phật nói kinh Đại Tập Thập Luân, nay đã hiểu rõ, liền khôi phục chánh kiến.

Trước kia đã có chánh kiến, về sau, do bạn ác hướng dẫn, hoặc là tin lầm lời kẻ khác nói, mới đánh mất chánh kiến. Có bao nhiêu người như thế? Có năm mươi bảy trăm ngàn mười triệu người như vậy, từ chỗ ngồi đứng dậy, hướng về đức Phật đánh lễ, đối trước đức Thế Tôn, sanh lòng hổ thẹn sâu xa, chí thành sám hối. Sám hối gì vậy? Trong quá khứ, chúng con tu pháp Độc Giác Thừa, từng gieo thiện căn, nhưng chẳng thể thành thực pháp khí Độc Giác Thừa, cũng chẳng chứng đắc sự giác ngộ trong Độc Giác Thừa. Sau đó, lại được nghe pháp Đại Thừa, liền sanh khởi hoan hỷ, tin ưa, cầu Đại Thừa, nhưng chẳng thể hiểu. Chẳng lý giải thấu đáo nghĩa lý Đại Thừa, ngu si, tối tăm, ngờ vực. “*Ngu minh*” (愚冥) là chẳng có trí huệ, ở trong tăm tối, do ngờ vực bản thân liền giống như đang ở trong tăm tối. Hiện thời, chúng con có rất nhiều hoài nghi. Chương ngại lớn nhất trong việc học pháp là hoài nghi, chẳng thể tin tưởng nổi. Học bất cứ pháp gì, đều phải có tín. Có tín thì mới có thể sanh khởi giải, giải là lý giải. Tức là trong khi học, quý vị muốn tu một pháp nào, trước hết phải hiểu rõ ràng pháp ấy, thứ tự tu trì, dụng công và quán tưởng như thế nào!

Quý vị hiểu rõ thứ tự tu hành, sẽ chẳng đi lầm đường! Giống như chúng ta muốn tới một chỗ nào đó, quý vị ắt phải thông thuộc đường lối tới nhà bạn bè. Nếu chẳng quen thuộc, người ta ở phương Nam, quý vị lại lái xe đi theo phương Bắc. Như thế thì vĩnh viễn cũng chẳng đến được, càng đi càng xa! Quý vị ắt cần phải quen thuộc hàm nghĩa được nói trong pháp ấy là gì? Đừng hiểu lầm! “*Không*” trong Đại Thừa chẳng phải là Ác Thủ Không, mà là trí huệ. Như quý vị học Tâm Kinh, “*Quán*

*Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không*”: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều chẳng tồn tại, cũng chẳng có gì là thiện, cũng chẳng có gì là ác. Nếu quý vị làm ác, tức là trái nghịch Pháp Tánh, cũng vĩnh viễn chẳng đạt được cái Không. Nếu làm lành, sẽ dần dần cũng chẳng chấp trước điều lành, quý vị sẽ nhập Không nghĩa ấy. Chẳng lý giải điều này, sẽ là “*bát vô nhân quả*” (bác chẳng có nhân quả).

Do nhân duyên bài bác không có nhân quả, nơi thân, ngữ, ý của kẻ đó gây tạo mười ác nghiệp rất nhiều, tạo vô lượng tội. Nương cái duyên tạo nghiệp ấy, vô lượng kiếp đọa trong đường ác, đọa nhập ba ác đạo. “*Ác thú*” (惡趣) là ba ác đạo, chịu sự đau khổ rất lớn. Chón khổ sở ấy rất khó chịu đựng, “*khô độc*” (苦毒) là các hình phạt phải hứng chịu. Nay chúng con nghe đức Phật nói như vậy, được khôi phục trí kiến, giác ngộ trước kia chúng con đã sai trái, bèn phát lộ sám hối các tội ác do chúng con đã trót tạo, chẳng dám giấu giếm nữa. Nguyên đức Thế Tôn gia trì chúng con, [khiến cho các tội ấy] đều trừ diệt. Sau này, sẽ chẳng làm như thế nữa, vĩnh viễn chẳng tạo nữa, hòng ngăn ngừa tội chướng trong tương lai, chẳng còn tái phạm nữa. Tội trước kia đã làm, chỉ mong đức Thế Tôn xót thương cứu vớt, cứu giúp, che chở chúng con. Cứu vớt khổ báo trong đường ác của chúng con trong mai sau, nay chúng con vẫn phát nguyện “*thọ hành tiên sở tu tập Độc Giác Thừa hạnh*” (tiếp nhận, hành trì hạnh Độc Giác Thừa đã tu tập trước kia), học tập pháp nhân duyên. “*Duy nguyện Thế Tôn ai mãn giáo thọ*” [nghĩa là] nay chúng con đều quên sạch pháp nhân duyên, xin đức Phật dạy răn chúng con lần nữa!

*(Kinh) Thế Tôn cáo viết: “Thiện tai! Thiện tai! Nhữ đẳng nãi năng như thị tầm quý, phát lộ sám hối. Ư ngã pháp trung, hữu nhị chủng nhân, danh vô sở phạm: Nhất giả, bỉnh tánh chuyên tinh, bỗ lai bất phạm. Nhị giả, phạm dĩ tầm quý, phát lộ sám hối. Thử nhị chủng nhân, ư ngã pháp trung, danh vi dũng kiện, đắc thanh tịnh giả”. Ư thị, Thế Tôn tùy kỳ sở nhạo, phương tiện vị thuyết chư duyên khởi pháp, linh bỉ nhất thiết tu Duyên Giác Thừa tiệm thứ viên mãn, giai tất chứng đắc Tràng Vương Duyên Định, ư Độc Giác Thừa, đắc bất thoái chuyển, hoan hỷ lễ Phật, hoàn phục bổn tòa.*

(經)世尊告曰：「善哉！善哉！汝等乃能如是慚愧，發露懺悔。於我法中，有二種人，名無所犯：一者、稟性專精

，本來不犯。二者、犯已慚愧，發露懺悔。此二種人，於我法中，名為勇健得清淨者」。於是，世尊隨其所樂，方便為說諸緣起法，令彼一切修緣覺乘漸次圓滿，皆悉證得幢相緣定，於獨覺乘得不退轉，歡喜禮佛，還復本座。

*(Kinh: Đức Thế Tôn bảo rằng: “Lành thay! Lành thay! Các ông có thể hổ thẹn, phát lộ sám hối như thế. Trong pháp của ta, có hai loại người được gọi là không phạm lỗi gì. Một là bảm tánh chuyên ròng, vốn chẳng trái phạm. Hai là phạm rồi bèn hổ thẹn, phát lộ sám hối. Hai loại người ấy ở trong pháp của ta được gọi là người dũng mãnh, mạnh mẽ, đạt được thanh tịnh”. Ngay khi đó, đức Thế Tôn thuận theo lòng ưa thích của họ, phương tiện nói cho họ các pháp duyên khởi, khiến cho hết thấy lần lượt tu Duyên Giác Thừa viên mãn, thấy đều chứng đắc Tràng Tướng Duyên Định, chẳng thoái chuyển trong Độc Giác Thừa. Họ hoan hỷ lễ Phật, trở về chỗ ngồi của chính mình).*

*“Thế Tôn cáo viết: - Thiện tai! Thiện tai!” (Đức Thế Tôn bảo: - Lành thay! Lành thay): Các vị nói rất hay, có tâm sám hối rất tốt. “Nhữ đẳng nãi năng như thị tầm quý, phát lộ sám hối” (Các ông có thể hổ thẹn, phát lộ sám hối như thế): Hổ thẹn chính mình đã làm những chuyện như thế. Sám hối là sửa lỗi, sửa chữa những gì chính mình đã làm trước kia. “Hối” (悔) là về sau chẳng còn làm chuyện như thế nữa! “U ngã pháp trung, hữu nhị chủng nhân, danh vô sở phạm: Nhất giả, bảm tánh chuyên tinh, bôn lai bất phạm. Nhị giả, phạm dĩ tầm quý, phát lộ sám hối” (Trong pháp của ta, có hai loại người được gọi là không phạm lỗi gì! Một là bảm tánh chuyên ròng, vốn chẳng trái phạm. Hai là đã phạm bèn hổ thẹn, phát lộ sám hối): Hai hạng người ấy được gọi là “bậc dũng mãnh, mạnh mẽ đạt được thanh tịnh”. Đã sám hối thì vẫn là thanh tịnh.*

Họ thỉnh cầu đức Thế Tôn nói pháp nhân duyên cho họ. Đoạn kinh văn này chẳng nói tường tận, chỉ nói đại lược. Đức Thế Tôn “tùy kỳ sở nhạo”, tức là dựa theo sự tin ưa của họ, phương tiện giảng cho họ pháp “chư duyên” (các pháp duyên khởi). Độc Giác Thừa và Duyên Giác Thừa [khác biệt ở chỗ], khi có Phật tại thế thì gọi là Duyên Giác, lúc chẳng có Phật tại thế thì gọi là Độc Giác, do các Ngài một mình quán chiếu sự sanh thành, tồn tại, biến hóa của hết thấy các sự vật. Vì sao đóa hoa này nở? Nghiên cứu cái duyên của nó! Nếu nói đến mười hai nhân duyên thì Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Danh Sắc... Pháp duyên

khởi do Ngài đã nói chính là pháp duyên khởi sơ bộ, còn “*tánh không duyên khởi*” của Đại Thừa là pháp duyên khởi theo Đại Thừa. Đối với duyên khởi ấy, nếu quý vị lý giải sai lầm, sẽ biến thành Đoạn Diệt Không, bài bác “*chẳng có nhân quả*”, vì chẳng biết Đại Thừa phải theo thứ tự mà đạt được. Do vậy, đức Phật nói pháp duyên khởi, dạy họ tu Duyên Giác Thừa.

“*Tiệm thứ viên mãn*” (Lần lượt viên mãn) thì mới có thể chứng đạo. “*Giai tất chứng đắc Tràng Tướng Duyên Định*” (Đều cùng chứng đắc Tràng Tướng Duyên Định): Tu Định nơi duyên khởi, người ấy chẳng thoái chuyển. “*Hoan hỷ lễ Phật, hoàn phục bốn tọa*” (Hoan hỷ lễ Phật, trở về chỗ ngồi của chính mình).

*(Kinh) Thời, chúng hội trung, phục hữu bát thập bách thiên na-dữu-đa chúng sanh, tăng ư quá khứ chư Phật pháp trung, hủy báng Phật giáo, hạ chí nhất tụng. Do thị nhân duyên, đọa chư ác thú, thọ chúng khổ báo. Sơ phục nhân thân, sanh tiện ẩm á, thường hoạn thiệt cảm, khẩu bất năng ngôn. Văn thuyết thử kinh, hoàn đắc chánh kiến, tức tụng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, ư Thế Tôn tiền, thâm sanh tâm quý, chí thành sám hối túc thế ác nghiệp, hiệp chưởng, cung kính, chiêm ngưỡng Thế Tôn. Phật thân lực cố, giai tất năng ngữ.*

(經)時，眾會中，復有八十百千那庾多眾生，曾於過去諸佛法中，毀謗佛教下至一頌。由是因緣墮諸惡趣，受眾苦報。初復人身，生便瘖啞，常患舌舐，口不能言。聞說此經，還得正見，即從座起，頂禮佛足，於世尊前深生慚愧，至誠懺悔宿世惡業，合掌恭敬，瞻仰世尊。佛神力故，皆悉能語。

*(Kinh: Khi ấy, trong chúng hội lại có tám mươi trăm ngàn na-dữu-đa chúng sanh đã từng ở trong pháp của quá khứ chư Phật, hủy báng Phật giáo, dẫu chỉ một bài tụng. Do nhân duyên ấy, đọa trong các đường ác, hứng chịu các khổ báo, mới lại được làm thân người, bèn sanh ra đã câm ngọng, thường bị cứng lưỡi, miệng chẳng thể nói được. Họ nghe nói kinh này, lại được chánh kiến, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, đối trước đức Thế Tôn, sanh lòng hổ thẹn sâu xa, chí thành sám hối ác nghiệp trong đời trước, cung kính, chấp tay, chiêm ngưỡng đức Thế Tôn. Do thân lực của đức Phật, họ đều có thể nói được).*

Những người này tội ác lớn hơn những người trước. “*Hủy báng nãi chí nhất tụng*” (Hủy báng dẫu chỉ một bài tụng), hoặc là hủy báng rất ít, nhưng do nhân duyên hủy báng ấy, “*đọa chư ác thú, thọ chủng khổ báo*” (đọa vào các đường ác, chịu các khổ báo): Tuy đã thọ hết khổ báo, lúc sanh ra, chẳng thể nói năng, “*thường hoạn thiệt cảm*” (thường bị cứng lưỡi): Lưỡi chẳng thể nói được, chẳng thể phát ra tiếng được, miệng cũng chẳng thể nói được. Loại người này cũng tham gia pháp hội, nghe nói kinh này bèn “*hoàn đắc chánh kiến*”, tức là khôi phục chánh tri chánh kiến trước kia. “*Tức tụng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, ư Thế Tôn tiền, thâm sanh tâm quý, chí thành sám hối túc thế ác nghiệp*” (Liên từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, sanh lòng hổ thẹn sâu xa, chí thành sám hối ác nghiệp trong đời trước): Trong đời trước, họ có ác nghiệp gì vậy?

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tri nhi cố vấn: “Nhữ đẳng túc thế, tác hà ác nghiệp, kim xử chúng trung, khẩu bất năng ngữ?” Bĩ chư nhân chúng, câu thời bạch Phật. Ư trung, nhất loại tác như thị ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích ư Tỳ Bát Thi Như Lai pháp trung, hoặc ngôn hủy báng Đại Thừa chánh pháp, hoặc ngôn hủy báng Độc Giác Thừa pháp, hoặc ngôn hủy báng Thanh Văn Thừa pháp, hạ chí nhất tụng. Ngã đẳng do thị ác nghiệp chướng cố, cửu thập nhất kiếp lưu chuyển sanh tử, thường xử địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, âm á, vô thiệt, đồ bất năng ngôn, thọ chư khổ độc, thông thiết nan nhân. Thử ư kim thế, đắc phục nhân thân, nhi do âm á, thường hoạn thiệt cảm, mông Phật thần lực, phương thử năng ngôn, phục năng ức niệm tự quá khứ thế sở hữu nhân duyên chư ác nghiệp chướng”.*

(經)爾時，世尊知而故問：「汝等宿世作何惡業，今處眾中，口不能語？」。彼諸人眾俱時白佛。於中，一類作如是言：「大德世尊！我等往昔於毗鉢尸如來法中，或言譏謗大乘正法，或言譏謗獨覺乘法，或言譏謗聲聞乘法，下至一頌。我等由是惡業障故，九十一劫流轉生死，常處地獄，傍生、餓鬼，瘖啞無舌，都不能言，受諸苦毒，痛切難忍。始於今世得復人身，而猶瘖啞，常患舌舐，蒙佛神力，方始能言，復能憶念自過去世所有因緣諸惡業障」。

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn biết mà cố ý hỏi: “Đời trước,*



*các ông đã làm ác nghiệp gì, nay ở trong đại chúng, miệng chẳng thể nói được?” Những người ấy đều cùng bạch Phật. Trong số ấy, có một loại người thưa như thế này: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con xưa kia ở trong pháp của Tỳ Bát Thi Như Lai, hoặc thốt lời hủy báng chánh pháp Đại Thừa, hoặc thốt lời hủy báng pháp Độc Giác Thừa, hoặc thốt lời hủy báng pháp Thanh Văn Thừa, dẫu chỉ một bài tụng. Chúng con do ác nghiệp chướng ấy, chín mươi một kiếp lưu chuyển sanh tử, thường ở trong địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, cầm, ngọng, không lưỡi, luôn chẳng thể nói, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực, khó thể chịu đựng. Bắt đầu từ đời này mới lại được thân người, vẫn còn cầm, ngọng, thường bị cứng lưỡi, nhờ thần lực của đức Phật mới có thể nói được, lại có thể nghĩ nhớ tất cả nhân duyên và các ác nghiệp chướng trong đời quá khứ”.*

Đức Phật thấy những người ấy sám hối, đánh lễ, biết trong quá khứ họ đã tạo nghiệp gì, đức Phật muốn họ tự nói ra, tuy biết rõ mà vẫn cố ý hỏi. Ngài hỏi: “Trong đời quá khứ, các vị đã làm ác nghiệp gì mà ở trong đại chúng, miệng chẳng thể nói được?” “*Bi chú nhân chúng, câu thời bạch Phật. Ư trung, nhất loại tác như thị ngôn*” (Những người ấy đều cùng bạch Phật. Trong số đó, có một loại người thưa như thế này), hoàn toàn chẳng phải là toàn thể, chỉ dẫn lời của thiểu số nói. “*Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích ư Tỳ Bát Thi Như Lai pháp trung, hoặc ngôn hủy báng Đại Thừa chánh pháp*” (Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con xưa kia đã ở trong pháp của Tỳ Bát Thi Như Lai, thốt lời hủy báng chánh pháp Đại Thừa): Tỳ Bát Thi Phật là chính là Tỳ Bà Thi Phật (Vipasyin) trong năm mươi ba vị Phật thường được bái sám.

Trong thời Tỳ Bát Thi Phật, chúng con đã báng bỏ chánh pháp Đại Thừa, “*hoặc ngôn hủy báng Độc Giác Thừa pháp, hoặc ngôn hủy báng Thanh Văn Thừa pháp*” (hoặc thốt lời hủy báng pháp Độc Giác Thừa, hoặc nói hủy báng pháp Thanh Văn Thừa), cho tới hủy báng một kệ tụng. Tuy hủy báng rất ít, tội ác vẫn rất lớn. Chúng con do tội nghiệp ấy, tức tội hủy báng kinh điển Đại Thừa, kinh điển Độc Giác Thừa, kinh điển tam thừa, cũng tức là hủy báng kinh điển trọn cả ba thừa, hủy báng Pháp Bảo, trải qua chín mươi một kiếp lưu chuyển sanh tử, đọa địa ngục kể từ thời Tỳ Bát Thi Phật.

Từ địa ngục thoát ra, hoặc là biến thành súc sanh, hoặc biến thành ngạ quỷ. Vì họ hủy báng pháp, cho nên chẳng thể nói năng. Nhưng họ sám hối, vì được đức Phật gia trì, họ lại có thể nói. Điều này biểu thị nghiệp đã thanh tịnh một phần, nay lại có thể ở trong pháp hội này, lại

được thần lực của Phật gia trì, có thể đắc Túc Mạng Thông. Có thể nghĩ nhớ thì ắt phải đạt được Túc Mạng Thông. Nếu không, làm sao biết được? Thật ra, họ có thể tham gia pháp hội ấy, tức là nghiệp chướng còn nhẹ hơn chúng ta. Chúng ta vẫn chưa thể tham gia. Nếu chúng ta thấy Phật, có lẽ sẽ có thể khai ngộ. Có lẽ những vị ấy là bậc đại quyền thị hiện, ở trong hội ấy thị hiện cho người khác thấy. Do vậy, đức Phật nói mỗi bộ kinh điển đều có rất nhiều nhân duyên. Có người tuy chẳng mắc lầm lỗi ấy, nhưng họ lại thị hiện phạm lầm lỗi ấy. Đây là nêu bày nhằm cảnh tỉnh các chúng sanh khác trong pháp hội!

*(Kinh) Phục hữu nhất loại, tác như thị ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích u Thi Khí Như Lai pháp trung, hoặc ngôn hủy báng Đại Thừa chánh pháp”, các tùy bản duyên, như tiền quảng thuyết. Phục hữu nhất loại, tác như thị ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích u Tỳ Nhiếp Phù Như Lai pháp trung, hoặc ngôn hủy báng Đại Thừa chánh pháp”, các tùy bản duyên, như tiền quảng thuyết. Phục hữu nhất loại, tác như thị ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích u Yết Lạc Ca Tôn Đà Như Lai pháp trung, hoặc ngôn hủy báng Đại Thừa chánh pháp”, các tùy bản duyên, như tiền quảng thuyết. Phục hữu nhất loại, tác như thị ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích u Yết Nặc Ca Mâu Ni Như Lai pháp trung, hoặc ngôn hủy báng Đại Thừa chánh pháp”, các tùy bản duyên, như tiền quảng thuyết.*

(經)復有一類作如是言：「大德世尊！我等往昔於尸棄如來法中，或言譏謗大乘法」，各隨本緣，如前廣說。復有一類作如是言：「大德世尊！我等往昔於毗攝浮如來法中，或言譏謗大乘法」，各隨本緣，如前廣說。復有一類作如是言：「大德世尊！我等往昔於羯洛迦孫馱如來法中，或言譏謗大乘法」，各隨本緣，如前廣說。復有一類作如是言：「大德世尊！我等往昔於羯諾迦牟尼如來法中，或言譏謗大乘法」，各隨本緣，如前廣說。

*(Kinh: Lại có một loại nói như thế này: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con xưa kia ở trong pháp của Thi Khí Như Lai, hoặc thốt lời hủy báng chánh pháp Đại Thừa”, mỗi người tùy theo duyên của chính mình như trên đã rộng nói. Lại có một loại nói như thế này: “Bạch đại đức*

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

*Thế Tôn! Chúng con xưa kia ở trong pháp của Tỳ Nhiếp Phù Như Lai, hoặc thốt lời hủy báng chánh pháp Đại Thừa”, mỗi người tùy theo duyên của chính mình như trên đã rộng nói. Lại có một loại nói như thế này: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con xưa kia ở trong pháp của Yết Lạc Ca Tôn Đà Như Lai, hoặc thốt lời hủy báng chánh pháp Đại Thừa”, mỗi người tùy theo duyên của chính mình như trên đã rộng nói. Lại có một loại nói như thế này: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con xưa kia ở trong pháp của Yết Nặc Ca Mâu Ni Như Lai, hoặc thốt lời hủy báng chánh pháp Đại Thừa”, mỗi người tùy theo duyên của chính mình như trên đã rộng nói).*

Loại ấy nói xong, lại có một loại, tức là một loại người khác sám hối thưa bày: “*Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích ư Thi Khí Như Lai pháp trung*” (Bạch đại đức Thế Tôn! Xưa kia chúng con ở trong pháp của Thi Khí Như Lai): Sau Tỳ Bà Thi Phật là Thi Khí Phật (Śikhin). Vị Phật này cũng thuộc vào bốn vị Phật cuối cùng của Trang Nghiêm Kiếp. “*Phục hữu nhất loại tác như thị ngôn: - Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích ư Tỳ Nhiếp Phù Như Lai, hoặc ngôn hủy báng Đại Thừa chánh pháp, các tùy bốn duyên, như tiền quảng thuyết. Phục hữu nhất loại tác như thị ngôn: - Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích ư Yết Lạc Ca Tôn Đà Như Lai pháp trung*” (Lại có một loại, nói như thế này: - Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con xưa kia ở trong pháp của Tỳ Nhiếp Phù (Viśvabhu, Tỳ Xá Phù) Như Lai, hoặc thốt lời hủy báng chánh pháp Đại Thừa. Mỗi người tùy theo cái duyên của chính mình, như trên đã rộng nói. Lại có một loại nói như thế này: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con xưa kia ở trong pháp của Yết Lạc Ca Tôn Đà Như Lai): Đây là Câu Lưu Tôn Phật (Krakucchanda), hoặc là ở trong pháp của Như Lai mà hủy báng chánh pháp Đại Thừa. “*Các tùy bốn duyên, như tiền quảng thuyết*” (Ai nấy đều tùy theo cái duyên của chính mình, như đã nói rộng trong phần trước): Lời sám hối đều là lời lẽ tương đồng, cho nên trong khi đức Phật thuyết pháp đã lược đi. “*Phục hữu nhất loại tác như thị ngôn: - Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích ư Yết Nặc Ca Mâu Ni Như Lai pháp trung*”; Đây cũng là Câu Na Hàm Mâu Ni (Kanakamuni) Phật, “*hoặc ngôn hủy báng Đại Thừa chánh pháp*” (hoặc thốt lời hủy báng chánh pháp Đại Thừa), như thế thì “*các tùy bốn duyên, như tiền quảng thuyết*” (mỗi người tùy theo cái duyên của chính mình như trong phần trước đã rộng nói).

*(Kinh) Phục hữu nhất loại, tác như thị ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vãng tích ư Ca Diếp Ba Như Lai pháp trung, hoặc ngôn hủy báng Đại Thừa chánh pháp, hoặc ngôn hủy báng Độc Giác Thừa pháp, hoặc ngôn hủy báng Thanh Văn Thừa pháp, hạ chí nhất tụng”.*

(經)復有一類作如是言：「大德世尊！我等往昔於迦葉波如來法中，或言毀謗大乘正法，或言毀謗獨覺乘法，或言毀謗聲聞乘法，下至一頌。

*(Kinh: Lại có một loại, nói như thế này: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con xưa kia ở trong pháp của Ca Diếp Ba Như Lai, hoặc thốt lời hủy báng chánh pháp Đại Thừa, hoặc thốt lời hủy báng pháp Độc Giác Thừa, hoặc thốt lời hủy báng pháp Thanh Văn Thừa, dầu chỉ một bài kệ tụng”).*

Câu Lưu Tôn Phật, Ca Diếp Phật (Kāśyapa, Ca Diếp Ba), Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, và Thích Ca Mâu Ni Phật là bốn vị Phật trong một ngàn vị Phật thuộc Nhân Hiền Kiếp. Vì sao chúng ta hễ xưng niệm bèn niệm “*thất Phật*”, vì mỗi vị trong số bảy vị Phật ấy kế tiếp nhau [xuất thế]. Sau Ca Diếp Phật là Thích Ca Như Lai. Sau Thích Ca Mâu Ni Phật là Di Lặc Bồ Tát. Trước Ca Diếp Phật là Câu Na Hàm Mâu Ni Phật. Trước Câu Na Hàm Mâu Ni Phật là Câu Lưu Tôn Phật. Khoảng cách giữa hai vị Phật dài hay ngắn tùy thuộc vào nhân duyên của chúng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật và Phật Di Lặc cách nhau năm mươi sáu ức vạn năm, chúng ta cảm thấy rất dài, Đại Phạm Thiên thấy rất ngắn!

Một trăm năm trong nhân gian là một ngày một đêm trên Tứ Vương Thiên. Năm trăm năm trên Tứ Vương Thiên bằng một ngày đêm nơi Đao Lợi Thiên. Một ngàn năm trên Đao Lợi Thiên bằng một ngày đêm trên Dạ Ma Thiên. Cứ hướng lên trên để tính, cho tới khi quý vị tính đến Đại Phạm Thiên, nhân gian có bao nhiêu vạn năm, cứ tăng lên gấp mười. Chúng ta thấy thời gian rất dài, nhưng chư thiên thấy rất ngắn, mà Thích Ca Mâu Ni Phật không chỉ là một vị Thích Ca Mâu Ni Phật! Trong truyện ký về Đạo Tuyên luật sư có chép, Đạo Tuyên luật sư được một vị trời dâng cúng. Vị trời ấy mỗi ngày dâng cúng [thực phẩm cho] pháp sư Đạo Tuyên. Pháp sư Đạo Tuyên bèn hỏi vị trời ấy: “Nay Thích Ca Mâu Ni Phật đã nhập diệt, Ngài đến nơi đâu?” Vị trời hỏi ngược lại: “Thầy hỏi vị Thích Ca Mâu Ni Phật nào?” Từ câu hỏi của vị trời ấy, ta biết có rất nhiều Thích Ca Mâu Ni Phật. Vị ấy hỏi ngược lại Đạo Tuyên

luật sư: “Vị Thích Ca Mâu Ni Phật nào?” “Tôi hỏi vị Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế giới này”. Ông ta đáp: “Vị Thích Ca Mâu Ni Phật này chưa nhập diệt. Ngài còn đang thuyết pháp trong thế gian, nhưng các vị chẳng nhìn thấy”. Từ cuộc vấn đáp ấy, có thể biết: Chỉ là do nghiệp chướng của chúng ta mà thôi! Mỗi vị Phật đều như thế, vì Thích Ca Mâu Ni Phật là hiện tại, cho nên họ chẳng nói đến Thích Ca Mâu Ni Phật. Đấy đều là những người đã tạo ác nơi sáu đức Phật trước đó. Hướng về đức Thích Ca Mâu Ni Phật nào để sám hối?

Hoặc nói: “Con tử trong Độc Giác Thừa hủy báng pháp Thanh Văn, hoặc tử trong Thanh Văn Thừa hủy báng pháp Độc Giác, hoặc tử trong Đại Thừa, hủy báng Độc Giác và Thanh Văn Thừa”, sám hối lẫn nhau. Tùy thuộc mỗi người hủy báng như thế nào, mỗi loại đều khác nhau, lời lẽ hủy báng không nhất định. Hoặc là pháp Tiểu Thừa, gộp chung Thanh Văn lẫn Duyên Giác lại để nói. Hoặc là đối với Khổ, Tập, Diệt, Đạo, nói kẻ [tu theo pháp ấy] là tu nhân thiên thừa, ta là Bồ Tát, chẳng có gì là khổ! Kẻ đó quán Khổ, Tập, Diệt, Đạo như mộng, huyễn, bọt, bóng, liền bài bác “chẳng có nhân quả”, cứ như vậy mà hủy báng người khác!

Có lúc đối với căn khí Đại Thừa, đức Phật quở trách pháp Tiểu Thừa. Ngài nhằm đối ứng với loại căn cơ ấy mà nói, chẳng phải là hủy báng. Đó là uẩn tàng Tiểu Thừa, chứ Ngài chẳng báng Duyên Giác Thừa, chỉ là “quý vị nói pháp ấy thì chưa phải là rốt ráo”. Kinh Pháp Hoa nói như thế đó. Có lúc, đức Phật nói hàng Nhị Thừa là “*tiêu nha, bại chủng*” (焦芽敗種, mầm cháy, hạt lép). Ngài nói hoàn toàn đúng, “*tiêu nha*” tức là không có mầm Bồ Đề, chẳng có chủng tử Bồ Đề, người ấy chẳng thể thành Phật. Nếu người ấy phát Bồ Đề tâm, sẽ thành Phật đúng như thế đó. Hàm nghĩa là như thế đó.

***(Kinh) Ngã đẳng do thị ác nghiệp chướng cố, tùng nhĩ dĩ lai, lưu chuyển sanh tử, thường xử địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh, ám, á, vô thiệt, đô bất năng ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn. Thị u kim thể, phục đắc nhân thân, nhi do ám á, thường hoạn thiệt cảm, môn Phật thần lực, phương thử năng ngôn.***

(經)我等由是惡業障故，從爾以來，流轉生死，常處地獄、傍生、餓鬼，瘖啞無舌都不能言，受諸苦毒，痛切難忍。始於今世，得復人身，而猶瘖啞，常患舌舂，蒙佛神力，方始能言。

*(Kinh: Chúng con do ác nghiệp chướng ấy, từ đó trở đi, lưu chuyển sanh tử, thường ở trong địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh, cầm, ngọng, không lưỡi, đều chẳng thể nói, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Tới đời này mới lại được thân người, nhưng vẫn câm, ngọng, thường bị cứng lưỡi, nhờ thần lực của đức Phật mới bắt đầu có thể nói).*

Do hủy báng pháp tam thừa, kể từ lúc hủy báng, bèn lưu chuyển trong sanh tử, chẳng phải là đọa trong địa ngục thì ở trong bàng sanh, hay ngạ quỷ, một mực câm, ngọng, không có lưỡi, chẳng thể nói năng. Loại này là chuyên nói về kẻ chẳng thể nói. Chắc là các đạo hữu thấy người đông ngàn ấy, rất ít thấy người câm, bèn nghĩ [kẻ câm] chẳng nhiều như vậy. Đó là chúng ta không ở giữa bọn họ. Quý vị vào trong loài bò, vào trong loài dê, lại còn có kiên, kiên đều là câm, chẳng có cách nào trò chuyện được!

*(Kinh) Phục năng ỨC NIỆM TỰ QUÁ KHỨ THỂ, SỞ HỮU NHÂN DUYÊN CHƯ ÁC NGHIỆP CHƯỚNG. NGÃ ĐẲNG KIM GIẢ, Ư THẾ TÔN TIỀN, VĂN THUYẾT THỬ KINH, HOẠCH ĐẮC CHÁNH KIẾN, THÂM TÂM TÂM QUÝ, PHÁT LỘ SÁM HỐI, BẤT CẢM PHÚ TÀNG, NGUYỆN TẮT TRỪ DIỆT. TÙNG KIM DĨ VĂNG, VĨNH BẤT PHỤC TÁC, PHÒNG HỘ ĐƯƠNG LAI SỞ HỮU TỘI CHƯỚNG. DUY NGUYỆN THẾ TÔN AI MÃN NIỆP THỌ, LINH NGÃ ĐẲNG TỘI GIAI TẮT TIÊU DIỆT. Ư ĐƯƠNG LAI THỂ, VĨNH BẤT CÁNH TẠO. DUY NGUYỆN THẾ TÔN AI MÃN TẾ BẠT NGÃ ĐẲNG ĐƯƠNG LAI ÁC THỨ KHỔ BÁO. DUY NGUYỆN THẾ TÔN AI MÃN NGÃ ĐẲNG, VỊ THUYẾT CHÁNH PHÁP.*

(經)復能憶念自過去世，所有因緣諸惡業障。我等今者於世尊前，聞說此經，獲得正見，深心慚愧，發露懺悔，不敢覆藏，願悉除滅。從今以往永不復作，防護當來所有罪障。唯願世尊，哀愍攝受，令我等罪皆悉銷滅。於當來世永不更造。唯願世尊，哀愍濟拔我等當來惡趣苦報。唯願世尊，哀愍我等，為說正法」。

*(Kinh: Lại có thể nghĩ nhớ tất cả nhân duyên, các ác nghiệp chướng trong đời quá khứ của chính mình. Nay chúng con đối trước đức Thế Tôn, nghe nói kinh này, đạt được chánh kiến, tâm hổ thẹn sâu xa, bày tỏ sám hối, chẳng dám giấu giếm, nguyện đều trừ diệt. Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng làm nữa, ngăn ngừa tất cả tội chướng trong mai sau.*

Kính mong đức Thế Tôn xót thương nhiếp thọ, khiến cho tội của chúng con thấy đều tiêu diệt. Trong đời tương lai, vĩnh viễn chẳng tạo nữa. Kính mong đức Thế Tôn xót thương cứu vớt khổ báo nơi đường ác của chúng con trong mai sau. Kính mong đức Thế Tôn thương xót chúng con, vì chúng con nói chánh pháp).

Lại có thể nghĩ nhớ nhân duyên chính mình đã tạo trong đời quá khứ. “Chư ác nghiệp chướng, ngã đẳng kim giả u Thế Tôn tiền, văn thuyết thử kinh” (Các ác nghiệp chướng, chúng con nay đối trước đức Thế Tôn, nghe nói kinh này) mới đạt được tri kiến chánh xác, trong tâm hết sức hổ thẹn, “phát lộ sám hối, bất cảm phú tàng” (bày tỏ sám hối, chẳng dám giấu giếm), “nguyện tất trừ diệt. Tùng kim dĩ vãng, vĩnh bất phục tác” (nguyện đều trừ diệt. Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng làm nữa). Từ nay về sau, chúng con chẳng dám làm như thế nữa, ngăn ngừa tất cả tội trạng trong mai sau. Phần này giống hết như trong phần trước.

**(Kinh) Thế Tôn cáo viết: “Thiện tai! Thiện tai! Nhữ đẳng nữ năng như thị tầm quý, phát lộ sám hối. Ư ngã pháp trung, hữu nhị chủng nhân, danh vô sở phạm: Nhất giả, bảm tánh chuyên tinh, bổn lai bất phạm. Nhị giả, phạm dĩ tầm quý, phát lộ sám hối. Thử nhị chủng nhân, u ngã pháp trung, danh vi dũng kiện, đắc thanh tịnh giả”. Ư thị, Thế Tôn tùy kỳ sở nhạo, phương tiện vị thuyết chủng chủng chánh pháp, các tùy sở nghi, giai đắc lợi ích, hoan hỷ lễ Phật, hoàn phục bổn tòa.**

(經)世尊告曰：「善哉！善哉！汝等乃能如是慚愧，發露懺悔。於我法中，有二種人，名無所犯：一者、稟性專精，本來不犯。二者、犯已慚愧，發露懺悔。此二種人，於我法中，名為勇健得清淨者」。於是，世尊隨其所樂，方便為說種種正法，各隨所宜，皆得利益，歡喜禮佛，還復本座。

(Kinh: Đức Thế Tôn bảo rằng: “Lành thay! Lành thay! Các ông có thể hổ thẹn, phát lộ sám hối như thế. Ở trong pháp của ta, có hai loại người được gọi là không trái phạm gì. Một là bảm tánh chuyên ròng, vốn chẳng trái phạm. Hai là phạm rồi bèn hổ thẹn, phát lộ sám hối. Hai hạng người ấy ở trong pháp của ta, được gọi là người dũng mãnh, mạnh mẽ, đạt được thanh tịnh”. Liền đó, đức Thế Tôn bèn thuận theo ý thích của mỗi người, phương tiện vì họ nói các thứ chánh pháp, ai nấy tùy theo căn cơ đều được lợi ích, hoan hỷ lễ Phật, trở về chỗ ngồi của chính

mình).

Thuyết pháp đúng với căn cơ. Ở đây là những người thuộc về tam thừa hướng về đức Phật sám hối cùng tụ tập rất nhiều. Đức Phật có thể nói cho từng nhóm như thế nào? Với số lượng nhiều như thế, nếu nói kinh Đại Tập Thập Luân [cho từng nhóm], chỉ sợ suốt bốn mươi chín năm cũng nói chẳng xong! “*Phật dĩ nhất âm diễn thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải*” (Đức Phật dùng một âm để diễn nói pháp, chúng sanh tùy theo từng loài đều được hiểu): Người Đại Thừa nghe đức Phật nói pháp Đại Thừa, Thanh Văn Thừa nghe đức Phật nói pháp Thanh Văn, Độc Giác Thừa nghe đức Phật nói pháp Độc Giác, “*tùy loại các đắc giải*” (tùy theo từng loại đều hiểu) chính là đạo lý này.

Hiện thời có một tình hình có thể chứng thực loại cảnh giới này. Giống như trong hội nghị quốc tế, quý vị có thể nghe đủ loại tiếng từ máy phát âm cá nhân. Quý vị là người Hoa, máy sẽ nói tiếng Hoa với quý vị. Quý vị nói tiếng Đài Loan, nó có thể nói tiếng Đài Loan. Đối với người nói tiếng Anh thì máy nói tiếng Anh. Một trăm bảy mươi, tám mươi quốc gia trên thế giới này, quý vị nói ngôn ngữ của quốc gia nào, khi hội họp, máy đều có thể phát ra ngôn ngữ đó. Chuyện này giống như đức Phật dùng một âm thanh mà tùy theo từng loài đều hiểu, chính họ nghe đức Phật nói với họ; thật ra, đức Phật nói trọn khắp. Loại thần thông này được gọi là ngữ ngôn tam-muội, hoặc ngữ ngôn đà-la-ni. Loại thần thông này là “*báo đặc*”.

Có người khi còn là trẻ thơ đã có thể học ngôn ngữ của tám nước. Tôi đã gặp một đứa bé chưa đầy mười tuổi có thể nói ngôn ngữ của tám nước. Đây là báo đặc thông. Có những người sanh ra biết được quá khứ, biết khá nhiều đời, không chỉ là một đời. Đôi khi biết một đời thì chẳng có gì là hiếm lạ! Người ấy có thể biết khá nhiều đời, nhưng chẳng dám nói. Nói ra, sẽ bị trời phạt, vì quỷ thần sẽ không chế kẻ đó, sợ kẻ đó “*yêu ngôn hoặc chúng*”. Quý vị nói ra chẳng có ai tin tưởng, mọi người đều chẳng có loại năng lực ấy, điều đó kỳ quái lắm! Kinh nói “*bất khả thuyết, bất khả thuyết*”, đó là chuyện chẳng thể nói được. Nói ra, sẽ phiền phức lắm, sẽ đem lại phiền toái cho quý vị. Hiểu ý nghĩa này là được rồi!

***(Kinh) Thời, chúng hội trung, phục hữu vô lượng bách thiên Thanh Văn, cập vô lượng bách thiên na-dữu-đa Bồ Tát, văn thuyết thử kinh, ức tích sở tạo chư ác nghiệp chướng, tức tùng tòa khởi,***



*đảnh lễ Phật túc. Ư Thế Tôn tiền, thâm sanh tâm quý, chí thành sám hối, hiệp chưởng, cung kính, giai bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng ức tích tăng vô lượng chư Phật pháp trung, hoặc hữu thuyết ngôn: Ngã đẳng u bỉ chư Phật đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, đa hành phần hận, ha mạ, hủy nhục, cơ thích, khinh tiếu, chủng chủng phỉ báng, ẩn thiện, dương ác”.*

(經)時，眾會中，復有無量百千聲聞，及無量百千那庾多菩薩，聞說此經，憶昔所造諸惡業障，即從座起，頂禮佛足。於世尊前，深生慚愧，至誠懺悔，合掌恭敬，皆白佛言：「大德世尊！我等憶昔曾於無量諸佛法中，或有說言：我等於彼諸佛弟子，或是法器，或非法器，多行忿恨，呵罵毀辱，譏刺輕誚，種種誹謗，隱善揚惡。

(*Kinh: Lúc bảy giờ, trong hội có vô lượng trăm ngàn Thanh Văn, và vô lượng trăm ngàn na-dữu-đa Bồ Tát nghe nói kinh này, nhớ lại các ác nghiệp chướng đã tạo xưa kia, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân đức Phật, đối trước đức Thế Tôn, sanh hổ thẹn sâu xa, chí thành sám hối, chắp tay, cung kính, đều bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con nhớ xưa kia đã từng ở trong pháp của vô lượng chư Phật, hoặc có người nói rằng: Chúng con đối với đệ tử của các đức Phật ấy, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải là pháp khí, thường làm nhiều chuyện phần hận, quả trách, chửi bới, hủy nhục, chê bai, châm chọc, khinh thường, coi rẻ, đủ mọi cách phỉ báng, ẩn giấu điều thiện, phô phang điều ác”.*)

Có đạo hữu nói: “Đã sai lầm rồi thì phải nên tốt khoe, xấu che!” Tôi nói: “Kẻ bình phàm đã nói sai rồi, nói như thế chẳng đúng”. Kẻ đó sám hối tội lỗi của chính mình, nhưng chẳng nói chuyện tốt của người khác, giấu giếm chuyện tốt của người ta, cứ tận lực nói những chỗ xấu của kẻ khác! [Các vị Thanh Văn và Bồ Tát ấy thưa bày]: Chúng con đối với Phật sự, đối với đệ tử Phật, có người là pháp khí, có kẻ chẳng phải là pháp khí, là phùng phá giới, chúng con sanh khởi cái tâm phần hận, tâm oán hận, cho đến quả trách, chửi bới, hủy nhục, chê bai, khinh miệt bọn họ.

“*Khinh tiếu*” (輕誚) là khinh miệt, nói lời dè bieu, đủ mọi cách hủy báng, chẳng nói chuyện tốt đẹp của họ, ẩn giấu đạo đức của họ, chuyên môn kể ra những khuyết điểm của họ.

Giống như trong phần nói về lỗi của các tỳ-kheo trong phần trước, có những kẻ chẳng hề thấy lỗi làm của chính mình. Con mắt họ trộn to đùng, chuyên môn chú ý kẻ kia có khuyết điểm như thế nào, người này lại như thế nào, lại còn ghi chép sơ lược! Đặc biệt là kẻ làm trong công sở đã lâu, biết những chuyện riêng tư của người khác, bèn viết thành đôi chút “tâm đắc”! Trong sổ tay của kẻ đó ghi chép rất nhiều chuyện riêng tư của kẻ khác, dùng đó để dọa dẫm. Kẻ đó nói: “Người đã làm khá nhiều chuyện xấu, hai người chúng ta phải thảo luận đôi chút. Nếu người hỏi lộ ta đôi chút, ta sẽ không nói. Nếu không, ta sẽ đăng báo”. Người khác sợ bị tiết lộ, tiết lộ sẽ bẽ mặt lắm, bèn dúi cho kẻ đó chút tiền. Nhưng đâu có phải là hết chuyện, đến khi hấn xài hết tiền rồi, hoặc là thua bạc, lại đến kiếm quý vị! Nếu từ đầu quý vị thẳng thừng sám hối, căn bản là chẳng cần nhét tiền cho hấn, chẳng cần phải nghe hấn nói. Đó gọi là kẻ xảo trá, loại người này rất đông!

Trong xã hội quá khứ, có một loại người gọi là “*đao bút tà sanh*” (刀筆邪生), mỗi chữ, mỗi cái chấm của hấn có thể đẩy quý vị vào chỗ chết, mà cũng do một cái chấm đó có thể cứu sống quý vị. Quý vị tốn rất nhiều tiền mới mua nổi chút lập luận đó. Có lần tôi dùng cơm với một đạo hữu, tôi nói: “*Quốc ưu, dân sâu, vương bất xuất đầu, thùy vi chủ?*” (Nước đáng lo, dân sâu, vua không ra mặt, ai làm chủ?) Chỉ là một cái chấm, tức trên đầu chữ Vương (王) thêm một chấm, sẽ thành chữ Chủ (主). Câu ông ta đổi lại ý nghĩa cũng khá lắm, bỏ một điểm đi, “*thiên hàn, địa đông, thủy vô nhất điểm thành băng*” (trời lạnh, đất đông cứng, nước thiếu một điểm sẽ thành băng)<sup>21</sup>. Đó là một chấm!

Còn có một ví dụ về “*đao bút tà sanh*”. Có một gia đình, trong nhà mấy đời đều là độc đinh. Đứa nhỏ ấy bị thổ phi bắt cóc. Thổ phi lôi nó theo bọn chúng đi ăn cướp. Đứa nhỏ đó ngo ngáo, tự mình thừa nhận có cướp đoạt. Thật ra, nó chẳng cướp, nhưng bọn thổ phi ấy từ cửa lớn tiến vào cướp đoạt đồ đạc. Trong nhà đứa nhỏ ấy có tiền, liền thuê một vị *đao bút tà sanh*: “Nếu ông có thể cứu sống con ta, tôi sẽ trả ông bao nhiêu tiền!” Ông ta bèn đem cáo trạng về nghiên cứu, nghiên cứu mấy ngày, liền hiểu rõ, bảo: “Tôi chỉ cần một cái chấm là được rồi!” Đối với câu “*tùng đại môn nhi nhập*” (từ cửa lớn tiến vào), đối với chữ Đại (大) thêm một chấm [tức là chữ Khuyến (夬)], trở thành “*tùng khuyến môn nhi nhập*” (từ lỗ chó mà vào), tức là trộm vặt, thường xử lý rất nhẹ, từ

<sup>21</sup> Đây là cách chơi chữ, bên cạnh chữ Băng (冰) có hai chấm, trong khi những chữ thuộc bộ Thủy (水) sẽ có ba chấm, chẳng hạn như chữ Tương (湘).

vài năm là được thả! Từ cửa lớn xông vào, tội cướp đoạt nặng nề, có thể là tử tội, hoặc là bị tù chung thân!

Bữa đó, tôi nhớ lại câu chuyện ấy, nghĩ đến đôi câu đối ấy, cũng dính líu đến một cái chám! Khá nhiều mối quan hệ của chúng ta cũng là một cái chám, sẽ là một đấng mê, một đấng ngộ, là kiểu tốt khoe, xấu che. Điên đảo như thế đó đều là tội ác. Chúng ta phải biết đạo lý này, chớ nên vì nói sai một câu, do một câu mà quý vị có thể phải chịu đau khổ vô lượng kiếp! Người ta đang tu pháp Thanh Văn, tu đã sắp thành tựu, quý vị nói: “Quý vị học Phật pháp kiểu này là pháp Tiểu Thừa, học làm gì chớ! Tôi có pháp Đại Thừa, pháp của tôi là Mật Tông, Du Già Mật (Yoganiruttaratantra), quý vị thọ quán đánh sẽ thành Phật”. Người ấy thọ quán đánh xong, chẳng thành tựu pháp Thanh Văn, ngược lại còn bỏ mất. Người đó nói: “Ta đã thọ quán đánh, ta chẳng sợ chi hết!” Chuyện gì xấu cũng đều làm, vậy là lại đọa vào địa ngục Vô Gian. Ác hữu và thiện hữu, quý vị phải phân biệt rõ ràng! Còn có ác sự và thiện sự, khi người ấy chỉ dạy quý vị, tuy là chiếu theo thứ tự để dạy, tuy hơi chậm một chút, nhưng ít bị nguy hiểm. Loại khác tuy nhanh chóng, rất nguy hiểm!

*(Kinh) Ngã đẳng do thử ác nghiệp chướng cố, kinh vô lượng kiếp, đọa chư ác thú, thọ chư trọng khổ, sở độ nan nhân, hậu đắc trị ngộ vô lượng chư Phật, giai tăng thân cận, thừa sự, cúng dường. Hựu đắc trị ngộ vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, diệc giai thân cận, thừa sự, cúng dường. Ư nhất nhất Phật, nhất nhất Bồ Tát Ma Ha Tát tiền, giai thâm tâm quý, phát lộ sám hối chư ác nghiệp chướng. Ư nhất nhất Phật, nhất nhất Bồ Tát Ma Ha Tát sở, giai đắc thánh thọ vô lượng pháp môn, tinh cần hộ trì, tu học vô lượng nan hành khổ hạnh. Do bỉ nghiệp chướng hữu dư vị tận, linh ngã đẳng bối vị năng chứng đắc an lạc Niết Bàn, vị năng chứng đắc tam-ma-địa môn thù thắng công đức. Ngã đẳng kim giả, ư Thế Tôn tiền, văn thuyết thử kinh, phục thâm tâm quý, phát lộ sám hối, bất cảm phú tàng, nguyện tất trừ diệt. Tùng kim dĩ vãng, vĩnh bất phục tác, phòng hộ đương lai sở hữu tội chướng. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn nhiếp thọ, linh ngã đẳng tội, giai tất trừ diệt. Ư đương lai thế, vĩnh bất cánh tạo. Duy nguyện Thế Tôn, ai mãn tế bạt, ngã đẳng đương lai ác thú khổ báo. Ngã đẳng kim giả, thừa Phật oai lực, nguyện tùy sở nhạo, tốc năng chứng đắc an lạc Niết Bàn, hoặc năng chứng đắc tam-ma-địa môn thù thắng công đức.*

(經)我等由此惡業障故，經無量劫墮諸惡趣，受諸重苦，楚毒難忍，後得值遇無量諸佛，皆曾親近承事供養。又得值遇無量菩薩摩訶薩眾，亦皆親近承事供養。於一一佛、一一菩薩摩訶薩前皆深慚愧，發露懺悔諸惡業障。於一一佛、一一菩薩摩訶薩所，皆得聽受無量法門，精勤護持，修學無量難行苦行。由彼業障有餘未盡，令我等輩，未能證得安樂涅槃，未能證得三摩地門殊勝功德。我等今者，於世尊前聞說此經，復深慚愧，發露懺悔，不敢覆藏，願悉除滅。從今以往永不復作，防護當來所有罪障。唯願世尊，哀愍攝受，令我等罪皆悉除滅。於當來世永不更造。唯願世尊，哀愍濟拔我等當來惡趣苦報。我等今者承佛威力，願隨所樂，速能證得安樂涅槃，或能證得三摩地門殊勝功德」。

(*Kinh: Chúng con do ác nghiệp chướng ấy, trải qua vô lượng kiếp đọa trong các đường ác, chịu các nỗi khổ nặng nề, khổ sở khó thể chịu đựng, sau đó được gặp gỡ vô lượng chư Phật, đều từng thân cận, thừa sự, cúng dường. Lại được gặp gỡ vô lượng các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng đều thân cận, thừa sự, cúng dường. Đối trước mỗi đức Phật, mỗi vị Bồ Tát Ma Ha Tát, đều hổ thẹn sâu xa, phát lộ sám hối các ác nghiệp chướng. Đối trước mỗi đức Phật, mỗi vị Bồ Tát Ma Ha Tát, đều được nghe nhận vô lượng pháp môn, siêng rông hộ trì, tu học vô lượng khổ hạnh khó làm. Do nghiệp chướng ấy còn sót thừa chưa hết, khiến cho chúng con chưa thể chứng đắc Niết Bàn an lạc, chưa thể chứng đắc công đức thù thắng của tam-ma-địa môn. Nay chúng con đối trước đức Thế Tôn, nghe nói kinh này, lại càng hổ thẹn sâu xa, phát lộ sám hối, chẳng dám giấu giếm, nguyện đều trừ diệt. Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng làm nữa, ngăn ngừa tất cả tội chướng trong tương lai. Kính mong đức Thế Tôn xót thương nhiếp thọ, khiến cho tội của chúng con đều được trừ diệt. Trong đời tương lai, vĩnh viễn chẳng dám tạo nữa. Kính mong đức Thế Tôn, xót thương cứu vớt khổ báo nơi đường ác của chúng con trong tương lai. Chúng con nay nương theo oai lực của Phật, nguyện tùy theo lòng ưa thích, sẽ mau chóng chứng đắc Niết Bàn an lạc, hoặc có thể chứng đắc công đức thù thắng của tam-ma-địa môn).*

Vô lượng kiếp, chẳng phải là một, hai ngày, vô lượng kiếp là khá

hiều vạn vạn năm, rất khó tính toán nổi! Trải qua vô lượng kiếp như vậy, “*kiếp*” ở đây không phải là nói đến số năm có hạn lượng, mà có nghĩa là “trải qua vô lượng”. Bao nhiêu tội nghiệp trả hết rồi thì mới coi như tiêu trừ. Đọa trong đường ác như vậy, chịu hết các khổ nạn, khó thể chịu đựng nổi! Chịu hết [quả báo] do tội lỗi trong vô lượng kiếp xong, lại “*trị ngộ vô lượng chư Phật*” (gặp gỡ vô lượng chư Phật). Các vị Thanh Văn, Bồ Tát, chúng con đều thân cận, thừa sự, cúng dường. Sau đó, còn gặp gỡ các thiện hữu, vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát là đại Bồ Tát, cũng đều “*thân cận, thừa sự, cúng dường. U nhất nhất Phật, nhất nhất Bồ Tát Ma Ha Tát tiền, giai thâm tâm quý, phát lộ sám hối chư ác nghiệp chướng*” (thân cận, thừa sự, cúng dường. Đối trước mỗi đức Phật, mỗi vị Bồ Tát Ma Ha Tát, đều hổ thẹn sâu xa, phát lộ sám hối các nghiệp chướng ác). Chúng con sám hối tội ấy rất nhiều lần, vì chúng con đã làm chuyện sai trái trải qua hai vô lượng kiếp. Đối với tội [đã trót tạo] trong vô lượng kiếp, bèn vô lượng kiếp sám hối, cũng tức là đối trước Phật, Bồ Tát, chúng con đều phát lộ, sám hối.

“*U nhất nhất Phật, nhất nhất Bồ Tát Ma Ha Tát sở, giai đắc thánh thọ vô lượng pháp môn*” (Nơi mỗi vị Phật, mỗi vị Bồ Tát Ma Ha Tát, đều được nghe nhận vô lượng pháp môn): Lại học lần nữa vô lượng chánh pháp. “*Tinh cần hộ trì*” (Siêng rông hộ trì): Tinh tấn hộ trì pháp này. “*Tu học vô lượng nan hành khổ hạnh*” (Tu học vô lượng khổ hạnh khó làm): Pháp môn để tu hành rất nhiều, chuyện rất khó làm được, chúng con cũng đều làm, nhưng nghiệp chướng ấy vẫn chẳng hoàn toàn tiêu trừ. Khi quý vị tạo nghiệp thì rất dễ dàng, tùy tiện nói mấy câu bèn tạo vô lượng nghiệp. Nếu muốn sám trừ tội ấy, rất khó! Giống như tờ giấy trắng, quý vị vẩy mực lên tờ giấy trắng, mong khôi phục tờ giấy trắng nõn như cũ, rất khó! Làm như thế nào đây? Đối một tờ khác là được rồi, chứ tờ giấy trước đó chẳng có cách nào hết! Chúng ta làm như thế nào? Phải làm cho vọng tâm ngưng dứt. Hễ nó ngưng dứt thì là Bồ Đề. Thay đổi cái tâm, đổi thành tâm gì vậy? Đổi thành tâm Chân Như. “*Không thân*” huyễn hóa, chẳng có thật thể. Huyễn hóa Không thân chính là Pháp Thân. Nếu đã chứng đắc Pháp Thân, quý vị có tội nghiệp gì cũng đều thanh tịnh.

Đây là liễu nghĩa Đại Thừa rất ráo, chúng ta thường nói “*chẳng thể chuyển định nghiệp*”, cũng là như những điều vừa nói trên đây. Chúng ta bị hướng dẫn sai lầm: “Tội của quý vị sám hối chẳng được! Không thể nào chẳng đọa địa ngục, quý vị bèn đọa ngay đọa địa ngục!” [Người tạo nghiệp nghe nói như vậy, bèn nghĩ]: “Chẳng thể chuyển thì

chúng ta còn học Phật làm chi nữa? Có học thì vẫn chẳng thể lay chuyển được! Học rồi vẫn phải đọa địa ngục, chẳng học cũng đọa địa ngục, học Phật để làm gì cơ chứ?” [Lý luận kiểu đó] sẽ là đoạn dứt thiện căn của người khác, chẳng tốt. Có người nói: “Quý vị đã phạm tội, tội ấy chẳng sám hối được!” Đó là dọa cho quý vị sợ, đừng phạm tội lỗi. Đến khi quý vị đã trót phạm tội, lại cho phép quý vị sám hối. Đối với định nghiệp chẳng thể chuyển, thì do sức tam-muội gia trì, tức là nói tu Định, tu Không quán, cũng có thể quán Không, tội nghiệp của quý vị đều được sám trừ thanh tịnh. “*Tội tánh bốn Không, duy tâm tạo. Tâm nhược vong thời, tội diệt vong. Tâm vong, tội diệt, lưỡng câu không. Thị tắc danh vi chân sám hối*” (Tội tánh vốn là Không, chỉ do tâm tạo. Khi tâm đã mất thì tội cũng mất. Tâm mất, tội diệt, hai đằng đều Không. Đó gọi là sám hối chân thật). Nhưng cách sám hối ấy rất khó, phải ngộ tánh Không, chứng đắc Không lý. Tội nghiệp đã thanh tịnh, quý vị vẫn phải khởi tu. Chẳng tu hành, sẽ không thể thành Phật được.

Thành tựu Pháp Thân Phật, Pháp Thân lý thể, chúng ta đều có sẵn [Pháp Thân ấy]. Pháp Thân thanh tịnh, nhưng quý vị chẳng có phương tiện thiện xảo, lợi ích chúng sanh bằng cách nào? Chẳng lợi ích chúng sanh, chẳng có tướng công đức, ngay cả ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo nơi Hóa Thân cũng đều chẳng có. Như báo thân viên mãn của Báo Thân Phật, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, vẫn phải tu hành. Nay chúng ta có tội, tội vẫn chưa hết, vì sao? Vì chẳng chứng đắc Niết Bàn rốt ráo. “*Niết Bàn an lạc*” chính là Niết Bàn rốt ráo, bất sanh, bất diệt.

“*Vị năng chứng đắc tam-ma-địa môn thù thắng công đức*” (Chưa thể chứng đắc công đức thù thắng của tam-ma-địa môn): Trụ trong tam-ma-địa, trụ trong tam-muội thù thắng ấy, vì chẳng chứng đắc [Thủ] Lăng Già [Ma] tam-muội (tức Thủ Lăng Nghiêm tam-muội) trong bộ kinh này. Trong phần trước đã nói một trăm lẻ tám môn tam-muội, chứng đắc tam-ma-địa ấy là tốt rồi! Nay chúng con “*ư Thế Tôn tiền, văn thuyết thử kinh, phục thâm tâm quý, phát lộ sám hối, bất cảm phú tàng, nguyện tất trừ diệt*” (đôi trước đức Thế Tôn, nghe nói kinh này, lại hồ thẹn sâu xa, phát lộ sám hối, chẳng dám giấu giếm, nguyện đều trừ diệt), đối với nghiệp chướng chưa sám trừ sạch, cũng sẽ sám trừ cho sạch. Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng làm nữa!

“*Phòng hộ đương lai sở hữu tội chướng. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn, nhiếp thọ, linh ngã đẳng tội giai tất trừ diệt. Ư đương lai thế, vĩnh bất cánh tạo. Duy nguyện Thế Tôn, ai mãn tế bạt, ngã đẳng đương lai ác*

*thú khổ báo*” (Ngăn ngừa tất cả tội chướng trong tương lai. Kính mong đức Thế Tôn xót thương, nhiếp thọ, khiến cho tội của chúng con thầy đều trừ diệt, trong đời mai sau vĩnh viễn chẳng tạo nữa. Kính mong đức Thế Tôn, xót thương cứu vớt khổ báo trong đường ác của chúng con trong mai sau). Đây là nêu gương cho chúng sanh. Nơi mỗi đức Phật, mỗi vị Bồ Tát, họ đều thừa sự, há còn phải đọa vào địa ngục nữa ư? Chẳng thế nào!

Bọn họ biết đó đại quyền thị hiện, nêu gương, cũng chấp thuận cho họ nói những chuyện đã từng trải qua. Khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn là chúng sanh, Ngài cũng đã phạm rất nhiều sai lầm. Từ kinh Hiền Ngu Nhân Duyên, ta thấy [tiền thân của] đức Phật có lúc cũng rất ngu si. Cho đến khi trừ khử ngu si, có trí huệ, Ngài thành Phật, chẳng còn ngu si! Vị Phật nào cũng đều là như thế. Phật sanh từ chúng sanh, đều như thế. Quý vị chỉ cần tu, hộ thẹn. Hộ thẹn thì sức công đức bèn tăng trưởng, chẳng kiêu mạn, tự mãn!

*(Kinh) Phục hữu thuyết ngôn: “Ngã đẳng u bỉ chư Phật đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, dĩ thô ác ngôn, kỳ khắc bách hiếp. Ngã đẳng do thử ác nghiệp chướng cố, kinh vô lượng kiếp, đọa chư ác thú, ưng tri như tiền, thử đệ quảng thuyết”. Phục hữu thuyết ngôn: “Ngã đẳng u bỉ chư Phật đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, đã bỗng thương hại. Ngã đẳng do thử ác nghiệp chướng cố, kinh vô lượng kiếp, đọa chư ác thú, ưng tri như tiền thử đệ quảng thuyết”. Phục hữu thuyết ngôn: “Ngã đẳng u bỉ chư Phật đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, xâm đoạt y bát. Ngã đẳng do thử ác nghiệp chướng cố, kinh vô lượng kiếp, đọa chư ác thú, ưng tri như tiền thử đệ quảng thuyết”.*

(經)復有說言：「我等於彼諸佛弟子，或是法器，或非法器，以粗惡言期克迫脅。我等由此惡業障故，經無量劫，墮諸惡趣，應知如前次第廣說」。復有說言：「我等於彼諸佛弟子，或是法器，或非法器，打棒傷害。我等由此惡業障故，經無量劫，墮諸惡趣，應知如前次第廣說」。復有說言：「我等於彼諸佛弟子，或是法器，或非法器，侵奪衣鉢。我等由此惡業障故，經無量劫，墮諸惡趣，應知如前次第廣說」。

(**Kinh:** Lại có người nói rằng: “Chúng con đối với đệ tử của các đức Phật ấy, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải là pháp khí, dùng lời thô ác, chèn ép, bức hiếp. Chúng con do ác nghiệp chướng ấy, trải qua vô lượng kiếp, đọa vào các đường ác, hãy nên biết như trong phần trước đã nói cặn kẽ theo thứ tự”. Lại có người nói rằng: “Chúng con đối với các đệ tử của các đức Phật ấy, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải là pháp khí, đánh đập, tổn thương. Chúng con do ác nghiệp chướng ấy trải qua vô lượng kiếp, đọa vào các đường ác, hãy nên biết như trong phần trước đã nói cặn kẽ theo thứ tự”. Lại có người nói rằng: “Chúng con đối với đệ tử của các đức Phật ấy, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải là pháp khí mà xâm đoạt y bát. Chúng con do ác nghiệp chướng ấy, trải qua vô lượng kiếp, đọa trong các đường ác, hãy nên biết như trong phần trước đã nói cặn kẽ theo thứ tự”).

Chúng con do vì ác nghiệp chướng duyên ấy, “*kinh vô lượng kiếp, đọa chư ác thú, ưng tri như tiền thứ đệ quảng thuyết*” (trải qua vô lượng kiếp, đọa vào các đường ác, hãy nên biết như trong phần trước đã nói cặn kẽ theo thứ tự). Đây là một loại người khác sám hối. Họ đối với pháp khí, tức là tỳ-kheo trì giới thanh tịnh, cũng như phi pháp khí, tức là tỳ-kheo phá giới, chẳng trì giới. Chúng con nói lời thô ác đối với họ, mắng chửi, vũ nhục, lại còn bức hiếp, chèn ép họ. Chuyện bức hiếp rất nhiều, thậm chí vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la nhốt tù quý vị, mười năm hay mười lăm năm mới thả ra. Đó gọi là “*định kỳ bách hiếp*” (定期迫脅). Vì con đã tạo ác nghiệp chướng ấy, nên trải qua vô lượng kiếp, đọa trong đường ác, [chi tiết cụ thể] giống như đã nói trong phần trước.

“*Phục hữu thuyết ngôn*” (Lại có người thưa rằng), lại có một loại người khác sám hối: “*Ngã đẳng u bi chư Phật đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, đã tổn thương hại*” (Chúng con đối với đệ tử của các đức Phật ấy, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải pháp khí, đánh đập, tổn thương). Đây là trường hợp khác, con không chửi họ, cũng không nói gì họ, nhưng con đánh họ. Các loại tình huống khác nhau! Chúng con do ác nghiệp chướng ấy, “*kinh vô lượng kiếp đọa chư ác thú, ưng tri như tiền thứ đệ quảng thuyết*” (trải qua vô lượng kiếp, đọa vào các đường ác, hãy nên biết như trong phần trước đã theo thứ tự nói cặn kẽ), đều lặp lại! Như lúc bái sám, mọi người đều rất quen thuộc văn bản bái sám ấy. Chiếu theo sám văn đề tu Quán, toàn bộ đều bao gồm trong ấy, vượt ra ngoài kinh Đại Tập Thập Luân.



Hết thảy các kinh luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều được bao gồm trong đó. Trong ấy có mấy câu: “*Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp, giai do vô thí tham, sân, si. Tùng thân, ngữ, ý chi sở sanh, nhất thiết ngã kim giai sám hối*” (Xưa kia đã tạo bao ác nghiệp, đều do vô thí tham, sân, si. Từ thân, miệng, ý phát sanh ra, hết thảy con nay đều sám hối). Cách [sám hối] này bao gồm vô lượng kiếp, tất cả các ác nghiệp đã tạo, hết thảy con nay đều sám hối, đều bao gồm.

Chúng ta còn phát nguyện. Đối ứng với điều đó, ta phát nguyện mong thành Phật. “*Nguyện dĩ thử công đức, trang nghiêm Phật Tịnh Độ, thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ*” (Nguyện dùng công đức này, trang nghiêm Phật Tịnh Độ, trên đền bốn ân nặng, dưới cứu khổ tam đồ): “*Tam đồ khổ*” là nga quý, súc sanh, và địa ngục. “*Tứ trọng ân*”: Báo ân Phật, báo ân chúng sanh, lại còn báo ân quốc gia, ân đất đai đều phải báo; nhưng lấy báo ân chúng sanh làm chánh yếu. Báo ân chư Phật, Bồ Tát chỉ dạy chúng ta, báo ân chúng sanh, còn có ân cha mẹ. Có khi báo là báo bảy trọng ân; ở đây, chúng ta nói là tứ trọng ân. Phép sám hối này đã bao gồm trọn hết. Còn ở đây, các vị ấy biệt sám (別懺, sám hối từng tội riêng biệt): Thốt lời ác, nói lời thô ác. Có người nói: “Tôi trọn chẳng thốt lời ác, nhưng đả thương họ”. Có người nói: “Bất luận kẻ ấy là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, tôi cướp đoạt y bát của họ”. Do ác nghiệp ấy, trải qua vô lượng kiếp, đọa vào các đường ác.

**(Kinh) Phục hữu thuyết ngôn:** “*Ngã đẳng u bỉ chư Phật đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, xâm đoạt chủng chủng tư sanh chúng cụ, tuyệt kỳ ẩm thực. Ngã đẳng do thử ác nghiệp chướng cố, kinh vô lượng kiếp, đọa chư ác thú, ưng tri như tiên, thứ đệ quảng thuyết*”. **Phục hữu thuyết ngôn:** “*Ngã đẳng u bỉ vô lượng chư Phật xuất gia đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, thoái linh hoàn tục, thoát kỳ ca-sa, khóa thuế dịch sử. Ngã đẳng do thử ác nghiệp chướng cố, kinh vô lượng kiếp, đọa chư ác thú, ưng tri như tiên, thứ đệ quảng thuyết*”. **Phục hữu thuyết ngôn:** “*Ngã đẳng u bỉ vô lượng chư Phật xuất gia đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, hoặc hữu tội phạm, hoặc vô tội phạm, già tửa hệ phược, cầm bế lao ngục. Ngã đẳng do thử ác nghiệp chướng cố, kinh vô lượng kiếp, đọa chư ác thú, ưng tri như tiên, thứ đệ quảng thuyết*”. **Phục hữu thuyết ngôn:** “*Ngã đẳng u bỉ vô lượng chư Phật xuất gia đệ tử, hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, khởi khinh mạn tâm, chủng chủng xúc não, linh bất an lạc*”.

(經)復有說言：「我等於彼諸佛弟子，或是法器，或非法器，侵奪種種資生眾具，絕其飲食。我等由此惡業障故，經無量劫，墮諸惡趣，應知如前次第廣說」。復有說言：「我等於彼無量諸佛出家弟子，或是法器，或非法器，退令還俗，脫其袈裟，課稅役使。我等由此惡業障故，經無量劫墮諸惡趣，應知如前次第廣說」。復有說言：「我等於彼無量諸佛出家弟子，或是法器，或非法器，或有罪犯，或無罪犯，枷鎖繫縛，禁閉牢獄。我等由此惡業障故，經無量劫墮諸惡趣，應知如前次第廣說」。復有說言：「我等於彼無量諸佛出家弟子，或是法器，或非法器，起輕慢心，種種觸惱，令不安樂。

*(Kinh: Lại có người nói rằng: “Chúng con đối với đệ tử của các đức Phật ấy, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải là pháp khí, xâm đoạt các thứ vật dụng cần thiết cho cuộc sống, đoạn tuyệt lương thực của họ. Chúng con do ác nghiệp chướng ấy, trải qua vô lượng kiếp, đọa vào các đường ác, hãy nên biết như trên đã nói cận kề theo thứ tự”. Lại có người nói rằng: “Chúng con đối với đệ tử của các đức Phật ấy, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải là pháp khí, ép họ hoàn tục, lột y ca-sa, đánh thuế, sai khiến họ làm phu phen. Chúng con do ác nghiệp chướng ấy, trải qua vô lượng kiếp, đọa vào các đường ác, hãy nên biết như trên đã nói cận kề theo thứ tự”. Lại có người nói rằng: “Chúng con đối với đệ tử của các đức Phật ấy, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải là pháp khí, dù là có phạm tội, hay chẳng phạm tội, đều gông, xiềng, trói buộc, nhốt chặt trong ngục. Chúng con do ác nghiệp chướng ấy, trải qua vô lượng kiếp, đọa vào các đường ác, hãy nên biết như trên đã nói cận kề theo thứ tự”. Lại có người nói rằng: “Chúng con đối với đệ tử của các đức Phật ấy, hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải là pháp khí, dấy lòng khinh mạn, đủ mọi cách xúc phạm, nhiễu loạn, khiến cho họ chẳng an lạc”).*

*“Phục hữu thuyết ngôn: Ngã đẳng ư bỉ vô lượng chư Phật xuất gia đệ tử” (Lại có người nói rằng: “Chúng con đối với đệ tử xuất gia của các đức Phật ấy”): Lời sám hối của mỗi người mỗi khác, nhưng sự tình đều như nhau, chỉ thay đổi đôi chút vài câu. “Hoặc thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, thoái linh hoàn tục” (Hoặc là pháp khí, hoặc chẳng phải pháp khí, buộc họ hoàn tục): Loại đệ tử này trong quá khứ nhất định là*

có quyền thế. Loại người sám hối này, nếu chẳng phải là quốc vương, làm sao có quyền lực bức ép người khác hoàn tục? “*Thoái linh hoàn tục, thoát kỳ ca-sa*” (Ép buộc hoàn tục, lột y ca-sa), cho đến đánh thuế. Hòa thượng chẳng đóng thuế, vì họ không có thu nhập, chẳng cần nộp thuế.

Phàm là kẻ bắt hòa thượng đóng thuế, đánh thuế chùa miếu, hoặc là sai khiến họ cưỡng bức lao động, trong tương lai, sẽ đọa địa ngục. Quý vị nói với các quan chức thu thuế: “Được thôi! Quý vị thu thuế hòa thượng, sẽ đọa địa ngục”. Trong kinh Đại Tập Thập Luân, đức Phật đã nói như thế, đó gọi là “*bách hại*” (迫害, bức hại). Nhưng đối với tỳ-kheo phá giới, có thể có hai cách nói: Họ kiếm tiền, đi làm, đương nhiên là phải đánh thuế. Họ kinh doanh, mở cửa tiệm, đương nhiên là phải nộp thuế. Hiện thời, quý vị tới đây hóa duyên cũng phải nộp thuế. Quý vị thu được bao nhiêu, hóa duyên được bao nhiêu, cũng phải nộp thuế. Đó gọi là “*khóa dịch*” (課役, đánh thuế, bắt đi làm lao dịch). Cho đến bức ép quý vị làm lao dịch, cũng là do quý vị không có tiền, nghèo rớt mòng toi! Làm phu phen nặng nhọc, làm việc khổ sở, làm việc nặng mà chẳng trả tiền. Đó gọi là “*cưỡng bức lao động*”.

“*Phục hữu thuyết ngôn: Ngã đẳng ư bỉ vô lượng chư Phật xuất gia đệ tử*” (Lại có người nói rằng: “Chúng con đối với các đệ tử xuất gia của vô lượng chư Phật”): “*Vô lượng*” là nói rất nhiều đệ tử Phật trong quá khứ, bất luận người đó là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí cũng thế, “*khởi khinh mạn tâm, chủng chủng xúc não*” (dây tâm khinh mạn, đủ mọi cách xúc phạm, não loạn), chẳng bức hại họ, chẳng chửi mắng họ, cũng chẳng đánh họ, cũng chẳng đánh thuế họ, nhưng làm cho họ chẳng an vui, luôn khiến cho họ sanh khởi phiền não.

*(Kinh) Ngã đẳng do thử ác nghiệp chương cổ, kinh vô lượng kiếp, thọ chư trọng khổ, sở độc nan nhân, hậu đắc trị ngộ vô lượng chư Phật, giai tăng thân cận, thừa sự, cúng dường. Hựu đắc trị ngộ vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, diệc giai thân cận, thừa sự, cúng dường. Ư nhất nhất Phật, nhất nhất Bồ Tát Ma Ha Tát tiên, giai thâm tâm quý, phát lộ sám hối chư ác nghiệp chương. Ư nhất nhất Phật, nhất nhất Bồ Tát Ma Ha Tát sở, giai đắc thỉnh thọ vô lượng pháp môn, tinh cần hộ trì, tu học vô lượng nan hành khổ hạnh. Do bỉ nghiệp chương hữu dư vị tận, linh ngã đẳng bởi vị năng chứng đắc an lạc Niết Bàn, vị năng chứng đắc tam-ma-địa môn thù thắng công đức. Ngã đẳng kim giả, ư Thế Tôn tiên, văn thuyết thử kinh, phục thâm*

*tàm quý, phát lộ sám hối, bất cảm phú tàng, nguyện tất trừ diệt. Tùng kim dĩ vãng, vĩnh bất phục tác, phòng hộ đương lai sở hữu tội chướng. Duy nguyện Thế Tôn, ai mãn nhiếp thọ, linh ngã đẳng tội giai tất tiêu diệt, ư đương lai thế, vĩnh bất cánh tạo. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn tế bạt ngã đẳng đương lai ác thú khổ báo. Ngã đẳng kim giả thừa Phật thần lực, nguyện tùy sở nhạo, tốc năng chứng đắc an lạc Niết Bàn, hoặc năng chứng đắc tam-ma-địa môn thù thắng công đức.*

(經)我等由此惡業障故，經無量劫受諸重苦，楚毒難忍，後得值遇無量諸佛，皆曾親近承事供養。又得值遇無量菩薩摩訶薩眾，亦皆親近承事供養。於一一佛、一一菩薩摩訶薩前，皆深慚愧，發露懺悔諸惡業障。於一一佛、一一菩薩摩訶薩所，皆得聽受無量法門，精勤護持，修學無量難行苦行。由彼業障有餘未盡，令我等輩，未能證得安樂涅槃，未能證得三摩地門殊勝功德。我等今者，於世尊前聞說此經，復深慚愧，發露懺悔，不敢覆藏，願悉除滅。從今以往永不復作，防護當來所有罪障。唯願世尊，哀愍攝受，令我等罪皆悉消滅，於當來世永不更造。唯願世尊，哀愍濟拔我等當來惡趣苦報。我等今者承佛神力，願隨所樂，速能證得安樂涅槃，或能證得三摩地門殊勝功德」。

(*Kinh*: Chúng con do ác nghiệp chướng ấy, trải qua vô lượng kiếp, chịu các nỗi khổ nặng nề, khổ sở khó thể chịu đựng. Sau đây, được gặp gỡ vô lượng chư Phật, đều từng thân cận, thừa sự, cúng dường. Lại được gặp gỡ vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, cũng đều thân cận, thừa sự, cúng dường. Đối trước mỗi vị Phật, mỗi vị Bồ Tát Ma Ha Tát, đều hổ thẹn sâu xa, phát lộ sám hối các nghiệp chướng ác. Nơi mỗi vị Phật, mỗi vị Bồ Tát Ma Ha Tát, đều được nghe nhận vô lượng pháp môn, siêng rông hộ trì, tu học vô lượng khó hạnh khó hành. Do nghiệp chướng ấy còn sót thừa chưa hết, khiến cho chúng con chưa thể chứng đắc Niết Bàn an lạc, chưa thể chứng đắc công đức thù thắng của tam-ma-địa môn. Chúng con nay đối trước đức Thế Tôn, nghe nói kinh này, lại hổ thẹn sâu xa, phát lộ sám hối, chẳng dám giấu giếm, nguyện đều trừ diệt. Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng làm nữa, ngăn ngừa tất cả tội chướng mai sau. Kính xin đức Thế Tôn xót thương nhiếp thọ, khiến cho tội của chúng con thấy đều tiêu diệt. Trong đời mai sau, vĩnh viễn chẳng

*tạo nữa. Kính xin đức Thế Tôn xót thương, cứu vớt khổ báo trong đường ác của chúng con nơi đời mai sau. Chúng con nay nương vào thần lực của Phật, tùy theo lòng ưa thích, sẽ có thể mau chứng đắc Niết Bàn an lạc, hoặc có thể chứng đắc công đức thù thắng của tam-ma-địa môn).*

Chính là do trong hiện tại, “*văn thuyết thử kinh, phục thâm tâm quý, phát lộ sám hối*” (nghe nói kinh này, lại hổ thẹn sâu xa, phát lộ sám hối), trước kia tuy đã từng sám hối, nay nghe đức Phật nói bộ kinh này, càng cảm thấy hổ thẹn, phát lộ sám hối. Đối với các nghiệp đã làm, không chỉ sám hối một hai lần, mà là sám hối vô lượng lần. Từ nay trở đi, “*phòng hộ đương lai sở hữu tội chướng*” (ngăn ngừa tất cả tội chướng trong tương lai), chẳng dám tái phạm!

*(Kinh) U thị, Thế Tôn phổ cáo Thanh Văn, Bồ Tát chúng viết: “Thiện tai! Thiện tai! Nhữ đẳng nãi năng như thị tâm quý, phát lộ sám hối. Hữu nhị chủng nhân, danh vô sở phạm: Nhất giả, bảm tánh chuyên tinh, bổn lai bất phạm. Nhị giả, phạm dĩ tâm quý, phát lộ sám hối. Thử nhị chủng nhân, u ngã pháp trung, danh vi dũng kiện, đắc thanh tịnh giả. Hựu thiện nam tử! Như thị nã loạn Phật đệ tử tội, tỷ tiền sở thuyết Cận Vô Gian tội, bỉ dẫn hữu danh, vị túc xưng tội. Nhiên thử nã loạn Phật đệ tử tội, diệc quá tiền thuyết Ngũ Vô Gian tội vô lượng bội số. Sở dĩ giả hà? Nhược chư bát-sô hủy phá cấm giới, tác chư ác pháp, do năng thị đạo vô lượng bách thiên câu-chi na-dữu-đa chúng sanh, thiện thú Niết Bàn, vô điên đảo lộ, dữ chư chúng sanh, tác đại công đức, trân bảo phục tạng như tiền quảng thuyết, huống trì cấm giới, tu thiện pháp giả? Dĩ thị nghĩa cố, nhược hữu nã loạn Phật đệ tử chúng chư xuất gia nhân, đương tri tác vi đoạn Tam Bảo chủng, diệc tác danh vi khiêu hoại nhất thiết chúng sanh pháp nhân, diệc vi hủy diệt ngã cứu cần khổ sở đắc chánh pháp, dữ chư chúng sanh tác đại suy tôn. Thị cố, nã loạn Phật đệ tử tội, quá tiền sở thuyết ngũ Vô Gian tội vô lượng bội số”.*

(經)於是，世尊普告聲聞、菩薩眾曰：「善哉！善哉！汝等乃能如是慚愧，發露懺悔。有二種人，名無所犯：一者、稟性專精，本來不犯。二者、犯已慚愧，發露懺悔。此二種人，於我法中，名為勇健得清淨者。又善男子！如是惱亂佛弟子罪，比前所說近無間罪，彼但有名，未足稱罪。然此

惱亂佛弟子罪，亦過前說五無間罪無量倍數。所以者何？若諸苾芻毀破禁戒，作諸惡法，猶能示導無量百千俱胝那庾多眾生，善趣涅槃無顛倒路，與諸眾生作大功德珍寶伏藏，如前廣說，況持禁戒修善法者？以是義故，若有惱亂佛弟子眾諸出家人，當知則為斷三寶種，亦則名為挑壞一切眾生法眼，亦為毀滅我久勤苦所得正法，與諸眾生作大衰損。是故，惱亂佛弟子罪，過前所說五無間罪無量倍數。

*(Kinh: Ngay khi đó, đức Thế Tôn bảo khắp các vị Thanh Văn và Bồ Tát rằng: “Lành thay! Lành thay! Các ông có thể hổ thẹn, phát lộ sám hối như thế. Có hai hạng người gọi là không sai phạm gì: Một là bảm tánh chuyên rỗng, vốn chẳng trái phạm. Hai là phạm rồi hổ thẹn, phát lộ sám hối. Hai loại người ấy ở trong pháp của ta được gọi là người dùng mãnh, mạnh mẽ, đạt được thanh tịnh. Lại này, thiện nam tử! Tội nào loạn đệ tử của đức Phật như thế, so với tội Cận Vô Gian đã nói trong phần trước thì tội trước đó chỉ có danh xưng, chưa đáng gọi là tội, nhưng cái tội nào loạn đệ tử đức Phật này cũng nặng hơn tội Ngũ Vô Gian đã nói trước đó vô lượng lần. Vì có sao vậy? Như các bát-sô hủy phá giới cấm, tạo các ác pháp, vẫn có thể chỉ dạy vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa chúng sanh con đường lành, con đường chẳng điên đảo hướng đến Niết Bàn, tạo công đức to lớn cho các chúng sanh, là kho tàng trân bảo như đã rộng nói trong phần trước, hướng hồ người giữ giới cấm, tu các pháp lành ư? Do vì nghĩa này, nếu có kẻ nào loạn những người xuất gia là đệ tử đức Phật, hãy nên biết chính là đã đoạn diệt chúng tánh Tam Bảo, cũng gọi là chọc mù pháp nhãn của hết thầy chúng sanh, mà cũng là hủy diệt chánh pháp do ta siêng khổ đã lâu mới đạt được, tạo sự suy tổn to lớn cho các chúng sanh. Vì thế, tội nào loạn các đệ tử của đức Phật nặng hơn tội Ngũ Vô Gian đã nói trong phần trước vô lượng lần).*

Những lời thưa trình như vậy tuy khác nhau, nhưng ý nghĩa giống hệt như nhau. Đức Phật bảo mọi người: “*Lành thay! Lành thay! Các ông (tức các chúng sanh đã nói trên đây) có thể hổ thẹn, phát lộ sám hối như thế*”. Có hai loại chúng sanh được gọi là không trái phạm, một loại là “*bảm tánh chuyên tinh, bốn lai bất phạm*” (bảm tánh chuyên rỗng, vốn chẳng trái phạm), tức là người trì giới thanh tịnh. Loại thứ hai thì sao? Tuy đã phạm, vẫn có thể hổ thẹn, vẫn có thể sám hối, muốn sửa đổi. Hai

loại người này được gọi là người dũng mãnh, mạnh mẽ trong pháp của ta.

Sám hối tội lỗi rất khó! Ở trước mặt rất nhiều người, nói ra chuyện sai lầm do chính mình đã phạm phải, rất xấu hổ, đúng không? Chẳng mở miệng nói! Khoe công đức, ca ngợi chính mình để nói hơn nhiều. Chỉ có một tí tẹo, kẻ đó có thể nói thành to đùng. Trái lại, sám hối tội lỗi của chính mình, chẳng muốn nói! Làm như thế nào? Đối trước Phật, Bồ Tát nói, quý thần sẽ chứng minh cho quý vị, thần hộ pháp sẽ chứng minh cho quý vị. Đối trước mặt mọi người để nói mà gương lắm thì quý vị có thể đối trước tượng Phật sám hối, thưa bày. Khi chúng ta bái sám, vì sao phải lạy riêng? Người đông, sám hối chỉ nói những câu ấy, ai nấy đều như nhau. Câu [văn sám hối] xướng lên tuy rất viên mãn, nhưng tội ác do quý vị đã tạo thì thật ra khác nhau. Khi quý vị về nhà, đối trước tượng Phật, bèn cầu nguyện: “Con đã phạm các tội ấy”. Vì sao mọi người nói ta chẳng tốt. Ta làm một tí chuyện tốt bèn bị người khác phá hoại, đây là do nguyên nhân nào? Đại khái là trong đời quá khứ, mình đã nói người ta chẳng tốt. Quý vị hãy suy ngẫm, tâm quý vị [nghĩ xấu cho người khác] cho đến móc rìa, hủy báng, khinh miệt kẻ khác, quý vị đã làm bao nhiêu? Đặc biệt là đối với người xuất gia, hoặc đối với đạo hữu. Chúng ta [phạm lỗi với] người xuất gia có lẽ còn ít, chứ giữa các ưu-bà-tắc hoặc ưu-bà-di với nhau, chuyện kiêu này quá nhiều, đặc biệt là ưu-bà-di, phải đặc biệt chú trọng! Giữa các đạo hữu với nhau, chẳng thấy sở trường của người khác, toàn thấy khuyết điểm. Sở trường của người khác bèn ỷ giầu, còn khuyết điểm thì bà ta rêu rao cùng khắp: “Ôi trời ơi! Quý vị thấy đó, cư sĩ X... hôm nay lấy trái cây trong chùa nè!” Bà ta chẳng biết trái cây đó là do sư phụ cho [vị cư sĩ đó].

Tôi đã thấy chuyện kiêu này! Sau đó, lại có người đến khóc lóc, kể lể, mách tội kẻ khác. Tôi nói: “Đây là tôi cho bà ta!” Quý vị đừng bận tâm, tội nghiệp của quý vị [do bị bà ta bươi móc] như thế sẽ tiêu trừ. Chớ nên bực bội, chẳng có chuyện gì hết. Do bà ta hủy báng, quý vị mắc tội đáng lẽ đọa địa ngục bèn thoát khỏi. Tôi chẳng nói tùy tiện đâu nhé, kinh Kim Cang dạy như thế đó. Mọi người đọc kinh Kim Cang, hãy xem thử, có phải là đúng như thế hay chẳng? Như vậy thì [hễ người nào bị kẻ khác hủy báng] sẽ rất vui thích. Nếu chẳng giải thích như vậy, trong tâm [người đó] bèn sanh phiền não, có phải là [tự mình chuốc lấy] phiền não hay không? Đặc biệt là chúng ta học rất kiên thành, rất sợ kẻ khác nói mình không tốt. Nếu ai vừa nói ta không tốt, nổi nóng ngay! Sau đó, giữa các đạo hữu với nhau, một chuyện dính thành hai chuyện, dính

dáng rất nhiều! Quý vị không có [những điều xấu ấy], chớ sợ! Mặc kệ kẻ đó nói như thế nào đi nữa, kẻ đó cũng chẳng tổn hại quý vị tí nào, vô dụng! [Hãy tâm niệm]: “Người nói nhằm khiến cho ta nghe xong sẽ sanh khỏi phiền não. Người báng bỏ thế nào đi nữa, ta chẳng nghe người nói chi hết!” Bởi lẽ, những chuyện này mỗi đạo hữu cũng đều có; hề đừng phải thì quý vị làm như thế nào? Quý vị hãy hờ thẹn! Quý vị chẳng có đức hạnh to dường ấy, mong người khác đừng nói động đến mình, chẳng thể nào được! Thích Ca Mâu Ni Phật mà còn bị kẻ khác nói nặng nhẹ, còn có kẻ mạo phạm Ngài, còn có người tính vượt hơn Ngài. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng chẳng nói gì, nhưng kẻ tạo nhân quả ấy đối với Ngài, đọa vào địa ngục, chịu khổ! Có kẻ thọ báo ngay trong hiện đời, “*dựng sào bèn thấy bóng*” đó mà!

Giúp đỡ người khác, giúp đỡ người đó tiến hơn bước nữa, người đó biết chính mình đạo đức chẳng đủ, vì sao người ta nói chúng ta này nọ? Vì bản thân chúng ta chẳng đủ đạo đức! Quý vị phải hờ thẹn. Hễ nghe thấy, quý vị phải sám hối. Nếu nói đời này tôi tốt lắm, đời trước thì sao? Vô lượng đời thì sao? Kẻ hủy báng quý vị là vì trong quá khứ quý vị đã nói xấu người ta. Vì sao quý vị chẳng sám hối? Vì hiện thời quý vị chẳng trông thấy. Nếu tất cả mọi người đều có thần thông, biết vốn là chuyện như vậy, sẽ tâm bình khí hòa. Do chẳng biết quá khứ, chỉ nhìn vào hiện tại. Nhìn vào hiện tại, sẽ chẳng thể giải quyết vấn đề. Lúc học kinh, đừng nghĩ những câu kinh ấy lặp đi lặp lại, quý vị nắm lấy mấy điểm là được rồi! Chúng tôi luôn cảm thấy bất luận lúc nào cũng đều đang sám hối, ngay cả Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn đang sám hối. Bản thân quý vị hãy khéo cầu nơi chính mình, hướng ra ngoài cầu cạnh, sẽ cầu chẳng được! Hãy cầu nơi cái tâm của chính mình.

Tôi kể một câu chuyện cũ, thiền sư Phật Ấn và Tô Đông Pha hai người đến chùa. Tô Đông Pha hỏi thiền sư Phật Ấn: “Quán Thế Âm Bồ Tát cầm tràng hạt để làm gì?” Thiền sư Phật Ấn đáp: “Để niệm”. “Ngài niệm ai?” “Ngài niệm Quán Thế Âm Bồ Tát!” Tô Đông Pha nói: “Lẽ nào Quán Thế Âm Bồ Tát niệm Quán Thế Âm Bồ Tát?” Thiền sư Phật Ấn nói: “Ngài không niệm chính mình thì niệm ai?” Đây là điều thứ nhất. Tô Đông Pha lại hỏi: “Ngài có đánh lễ không?” Thiền sư Phật Ấn nói: “Lạy chứ!” Tô Đông Pha nói: “Lạy ai?” Thiền sư Phật Ấn nói: “Quán Thế Âm Bồ Tát lạy Quán Thế Âm Bồ Tát!” Qua vài lượt hỏi đáp, thiền sư Phật Ấn bảo Tô Đông Pha: “Ông đã khai ngộ”.

Mọi người ngẫm xem [chúng ta] có khai ngộ hay không? Sợ rằng chúng ta vẫn chẳng khai ngộ, biết điều này có nghĩa là gì? Tâm của mỗi



vị Phật chính là cái tâm của quý vị. Quý vị chỉ cần niệm nào cũng là Quán Thế Âm, hay niệm nào cũng là chính mình cũng thế. Chớ nên niệm sắc thân của chính mình! Sắc thân của quý vị có thể tạo tội, hãy niệm Pháp Thân của chính mình. Pháp Thân ấy bao gồm hết thầy chư Phật, [niệm Pháp Thân của chính mình] là niệm hết thầy chư Phật, niệm hết thầy Bồ Tát, một tức là hết thầy, có hàm nghĩa này! Vì sao nói như vậy? Đức Phật bèn giải thích cho họ. Phát lộ sám hối có hai loại người, ở trong pháp của ta, “*danh vi dũng kiện đắc thanh tịnh giả*” (được gọi là kẻ dũng mãnh, mạnh khỏe, đạt được thanh tịnh).

Nếu “*thiện nam tử! Như thị nã loạn Phật đệ tử tội, tử tiền sở thuyết Cận Vô Gian tội*” (thiện nam tử! Cái tội nã loạn đệ tử của đức Phật như thế, so với tội Cận Vô Gian đã nói trong phần trước) còn nặng hơn! [Bởi lẽ, tội Cận Vô Gian] chỉ có danh xưng, chưa kể là tội. Tức là tội Cận Ngũ Vô Gian vẫn chưa tính là tội được! Nhưng cái tội nã loạn đệ tử của đức Phật “*diệc quá tiền thuyết Ngũ Vô Gian tội vô lượng bội số*” (cũng nặng hơn tội Ngũ Vô Gian đã nói trong phần trước vô lượng lần), còn nặng hơn tội Ngũ Vô Gian. Do vậy, đọa vào địa ngục, tức là đọa vào địa ngục vô Gian, thời gian để thoát ra đặc biệt lâu dài.

Vì lẽ nào vậy? “*Nhược chư bất-sô hủy phá cấm giới, tác chư ác pháp, do năng thị đạo vô lượng bách thiên câu-chi na-dữu-đa chúng sanh, thiện thú Niết Bàn, vô điên đảo lộ*” (Như các bất-sô phá hủy giới cấm, tạo các ác pháp, vẫn có thể chỉ dạy đường lành hướng đến Niết Bàn, là con đường chẳng điên đảo cho vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa chúng sanh). Tuy kẻ đó phá giới, là tỳ-kheo bại hoại, nhưng ông ta vẫn có thể thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa chúng sanh nhiều ngàn ấy, khiến cho họ có thể đạt tới Niết Bàn, [chỉ cho họ] con đường chẳng điên đảo. Lại còn “*chúng sanh tác đại công đức, trân bảo phục tàng*” (làm kho báu đại công đức cho chúng sanh), nghĩa là ông ta là kho báu như trong phần trước đã rộng nói; huông hồ một vị [tỳ-kheo] trì giới cấm, tu pháp lành [càng có công đức to lớn hơn ư]? Trong phần trước, đối với tình hình này, đức Phật đã nói rất nhiều. Trong phần kinh văn trước đó, [đức Phật đã bảo] tỳ-kheo phá giới vẫn là kho tàng báu chứa đựng trân bảo cho hết thầy chúng sanh, có thể sử dụng chẳng cùng tận; huông hồ những vị gìn giữ giới cấm tốt đẹp, lại còn tu thiện pháp! Kẻ nã loạn các vị như thế, tội còn to hơn nữa!

Vì sao ta (đức Phật) nói tội ác lớn dường ấy? Kẻ hủy báng, phá diệt, cho đến phá pháp, phá tỳ-kheo Tăng, đã chọc mù pháp nhãn của hết thầy chúng sanh, mà cũng là hủy diệt chánh pháp do ta siêng khổ trong

vô lượng ức kiếp mới đạt được. “*Dữ chư chúng sanh tác đại suy tổn*” (Tạo sự suy tổn to lớn cho các chúng sanh): Tôn thương công đức pháp tạng của chúng sanh. “*Thị cố, nã loạn Phật đệ tử tội, quá tiền sở thuyết Ngũ Vô Gian tội vô lượng bội số*” (Vì thế, cái tội nã loạn đệ tử Phật vượt hơn tội Ngũ Vô Gian đã nói trong phần trước vô lượng lần).

*(Kinh) Thị cố, nhữ đẳng kim u ngã tiền, khởi chí thành tâm, tăng thượng tâm quý, ân cần khẩn thiết, phát lộ sám hối vãng tích sở tạo chư ác nghiệp chướng, ngã kim từ bi nhiếp thọ nhữ đẳng, linh ác nghiệp chướng tiệm đắc tiêu diệt. Ư thử Phật độ, Đại Hiền Kiếp trung, hữu thiên Như Lai xuất hiện u thế, nhữ đẳng u bỉ chư Như Lai tiền, diệt đương chí thành phát lộ sám hối, chư ác nghiệp chướng, phòng hộ đương lai sở hữu tội cửu. Ư thử Hiền Kiếp thiên Như Lai trung, tối hậu Như Lai danh viết Lô Chí Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc Già Phạm, thập hiệu cụ túc. Nhữ đẳng u bỉ Lô Chí Phật tiền, diệt đương chí thành phát lộ sám hối chư ác nghiệp chướng, nãi đắc diệt tận, vô hữu di dư.*

(經)是故，汝等今於我前，起至誠心、增上慚愧，懇勤懇切發露懺悔往昔所造諸惡業障，我今慈悲攝受汝等，令惡業障漸得消滅。於此佛土大賢劫中，有千如來出現於世，汝等於彼諸如來前，亦當至誠發露懺悔諸惡業障，防護當來所有罪咎。於此賢劫千如來中，最後如來名曰盧至如來、應正等覺、明行圓滿、善逝、世間解、無上丈夫、調御士、天人師、佛、薄伽梵，十號具足。汝等於彼盧至佛前，亦當至誠發露懺悔諸惡業障，乃得滅盡無有遺餘」。

*(Kinh: Vì thế, các ông nay đối trước ta, dấy lòng chí thành, hô thẹn tăng thượng, ân cần, khẩn thiết, phát lộ sám hối các ác nghiệp chướng đã tạo xưa kia. Ta nay từ bi nhiếp thọ các ông, khiến cho ác nghiệp chướng dần dần tiêu diệt. Nơi cõi Phật này, trong Đại Hiền Kiếp, có một ngàn đức Như Lai xuất hiện trong cõi đời, các ông đối trước các đức Như Lai ấy, cũng nên chí thành phát lộ sám hối các ác nghiệp chướng, ngăn ngừa tất cả tội lỗi trong tương lai. Trong một ngàn vị Như Lai thuộc Hiền Kiếp này, vị Như Lai cuối cùng tên là Lô Chí Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian*

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

*Giải, Vô Thượng Trọng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc Già Phạm, mười hiệu trọn đủ. Các ông đối trước Lô Chí Phật cũng nên chỉ thành phát lộ sám hối các ác nghiệp chướng cho đến diệt tận chẳng còn thừa sót).*

Hồ thẹn chưa đủ, còn phải là “*tăng thượng tâm quý*”. Chúng ta học pháp nhằm mục đích tăng thượng cái tâm, khiến cho chúng ta phát tâm, khiến cho chúng ta phát nguyện, khiến cho sự sám hối tội ác của chúng ta luôn được tăng thượng. Vì sao chúng ta phải nghe kinh? Nghe xong một buổi giảng kinh, quý vị sẽ tăng thượng một phần tâm. Nếu chẳng nghe, quý vị sẽ chẳng có cái tâm ấy, [cái tâm ấy] chẳng dễ dàng sanh khởi! Trong Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Luận, đặc biệt chú trọng tăng thượng duyên; nhưng xét theo tội nghiệp thì cũng là tăng thượng nghiệp. Ác duyên tăng thượng, tội nghiệp của quý vị cũng tăng thượng. Hàm nghĩa của “*tăng thượng*” là như thế đó, phải tăng thượng hồ thẹn, ân cần, khẩn thiết.

Nếu có thể phát khởi sám hối, quý vị đau đớn khóc lóc, tối thiểu là khắp thân toát mồ hôi đầm đìa, thậm chí rơi lệ, sám hối đến chảy cả máu mắt thì mới là thật sự sám hối thanh tịnh. Thật sự nhận biết tội ác đúng là đáng sợ. Có kẻ nói nổi khổ địa ngục là do đức Phật dọa dẫm chúng ta, thật sự có nổi khổ địa ngục hay không? Đợi tới khi quý vị chịu khổ, sẽ biết, trễ mất rồi! Giả sử lúc ấy chẳng có thiện căn, quý vị niệm một tiếng thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát: “Địa Tạng Bồ Tát hãy mau tới cứu con! Con đang ở trong địa ngục”. Địa ngục lập tức thành không, đáng tiếc là lúc đó đã sớm quên bằng Địa Tạng Bồ Tát mất rồi, căn bản là chẳng nghĩ nổi!

Khi chúng ta nằm mộng thấy được ác duyên bèn tỉnh mộng, hãy nghĩ xem vì sao chúng ta chẳng niệm Phật? Trong mộng, hoảng sợ thân đầm mồ hôi. Đây là lúc bình thường không có công sức, tới khi phải vận dụng, chẳng vận dụng được! Điện trong nhà quý vị đứt cầu chì, vì quý vị không học [cách sửa chữa], chẳng biết ở chỗ nào, tìm không thấy! Có thấy cũng chẳng biết, quý vị chẳng chuyên chú nơi đó, [cho nên] chẳng biết, mỗi việc đều là như vậy. Thoạt nhìn chuyện rất đơn giản, [thế nhưng] quý vị chẳng hiểu, mà cũng chẳng biết. Do vậy, ắt cần phải tăng thượng hồ thẹn, khéo sám hối, hoặc là cầu Phật từ bi gia trì. Đây là chẳng thể nghĩ bàn!

Chẳng hạn như mời thợ, quý vị thấy là chuyện rất đơn giản. Kẻ đó làm nhoay nháy là xong, lại đòi rất nhiều tiền. Quý vị nghĩ không ra:

“Chỉ cần làm mấy bước mà đòi mình lắm tiền như vậy?” Tôi kể cho quý vị nghe một câu chuyện: Tôn Trung Sơn (Tôn Văn) ở Thượng Hải, khi đó, chỗ ông ta ở đã có hệ thống nước máy. Vòi nước bị hư, tắt cũng không được. Kêu thợ đến sửa, ông Tôn thấy người thợ vặn hai ba cái, sờ nắn thêm một tí nữa là xong, nước không chảy nữa. Tôn tiên sinh hỏi: “Tính bao nhiêu tiền?” Người đó nói: “Hai mươi đồng”. Vào lúc đó, hai mươi đồng khá lớn! Tôn tiên sinh hỏi: “Sao mà anh tính mắc quá vậy, đòi nhiều tiền dữ vậy?” Người đó đáp: “Mắc hả? Không mắc đâu! Tôi tính cho ngài coi. Tôi học từ Tiểu Học tới Trung Học, tốt nghiệp Cao Trung (cấp ba), tôi đi học kỹ thuật. Tốn công mấy năm tôi mới học hiểu. Đây chẳng phải là đáng tiền ư?” Tôn tiên sinh suy nghĩ, có lý! Ta chỉ nghĩ là anh ta tính mắc, chẳng nghĩ người ta phải học như thế nào mới có được tay nghề đó!

Giống như Tề Bách Lâm (Ferdinand A. von Zeppelin) phát minh ra tàu bay<sup>22</sup>. Ông ta bán sạch ruộng vườn, trang trại. Cuối cùng, khi hỏa lực chẳng đủ, phàm những gì trong nhà có thể đốt được đều quăng vào lò luyện thép. Cuối cùng, lực thân quyền thuộc đều lia bỏ ông ta, thứ gì cũng đều chẳng còn, chỉ còn lại một mình ông ta! Rốt cuộc ông ta đã phát minh ra phi đĩnh (飛艇, thuyền bay), cái phi đĩnh ấy được gọi bằng danh xưng Zeppelin. Tôi thấy câu chuyện ấy, bèn nói: “Quý vị phải hiểu, mỗi phần kiến thức là mỗi phần công sức, bất luận ngành nghề nào! Huống hồ quý vị mong học Phật, làm đệ tử đức Phật, muốn liễu đạo thành Phật, đoạn vô lượng kiếp sanh tử, cứ tà tà mà có thể đạt được ư?” Nhất định phải nhận thức như thế, cái tâm hổ thẹn của quý vị mới có thể sanh khởi được! Mong đoạn khổ, được vui, quý vị thấy người ta đạt được phú quý dễ ợt, đừng nên ganh tỵ, họ có nhân duyên của họ! Quý vị đừng thấy làm quan là tốt. Đó là tiêu tiền để chịu tội! Đợi đến khi người

---

<sup>22</sup> “Tàu bay” là từ ngữ dùng để tạm dịch chữ Airship (phát minh của ông Zeppelin, người Hoa gọi là “phi đĩnh” hay “phi thuyền”, trong khi các loại phi thuyền như Appollo sẽ được gọi là Thái Không Phi Thuyền hoặc Vũ Trụ Phi Thuyền khi cần phân biệt rõ) để phân biệt với các loại phi cơ sau này. Đây là một loại khinh khí cầu có khung cứng. Mỗi chiếc Zeppelin có hình dạng thon dài trông như một điếu xì gà, có khung bằng kim loại (thường là hợp kim bằng đồng và nhôm), bọc vải dầu. Bên trong chứa những túi đựng khí hydrogen để giúp Zeppelin có thể bay lên, có động cơ để điều khiển sức đẩy và định hướng. Phía dưới cái khung ấy có khoang chứa hành khách. Zeppelin được sử dụng để chở hành khách tại Âu Châu trước Thế Chiến thứ nhất. Thời Thế Chiến thứ nhất, Đức đã dùng Zeppelin để ném bom các nước Đồng Minh.

ấy hứng chịu, ăn năn, kẻ đó mới biết. Giương chiêu bài “*vì nhân dân phục vụ*”, đợi đến khi nắm được quyền lực, kẻ đó chẳng nghĩ tới nhân dân, chẳng làm chuyện tốt cho dân chúng, mà chỉ nghĩ tới chính mình!

“*U thử Phật độ, Đại Hiền Kiếp trung*” (Trong Đại Hiền Kiếp nơi cõi Phật này): Trong Nhân Hiền Kiếp, tức Đại Hiền Kiếp, “*hữu thiên Như Lai xuất hiện u thế*” (có một ngàn vị Như Lai xuất hiện trong cõi đời): Hiền thời đã qua bốn vị Phật, hãy còn chín trăm chín mươi sáu vị. Ở chỗ các đức Như Lai ấy, tức là đối trước mỗi vị Phật trong một ngàn vị Phật, đối trước mỗi vị Phật đó, quý vị đều phải nên chí thành sám hối. Các ác nghiệp chướng quý vị trót tạo, “*phòng hộ đương lai sở hữu tội cữu*” (ngăn ngừa tất cả tội lỗi trong tương lai), do sẽ phải thọ báo, do tội lỗi mà mắc quả báo. Quý vị phải khéo ngăn ngừa. Nếu sám hối, sẽ chẳng phải hứng chịu. Mọi nợ tội chướng ấy, quý vị có thể tránh khỏi. “*U thử Hiền Kiếp thiên Như Lai trung, tối hậu Như Lai danh viết Lô Chí Như Lai*” (Trong một ngàn vị Như Lai thuộc Hiền Kiếp này, vị Như Lai cuối cùng tên là Lô Chí Như Lai): Đây là Hộ Pháp Vi Đà, Ngài thành Phật cuối cùng.

“*Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc Già Phạm*”, [đó là] mười hiệu của Như Lai. Mỗi vị Phật đều có đủ mười hiệu ấy. Các ông hãy nên đối trước Lô Chí Phật giống như hiện thời đối trước ta vậy! “*Phát lộ sám hối, chư ác nghiệp chướng*” (Bày tỏ sám hối các nghiệp chướng ác). Khi ấy mới có thể “*diệt tận vô hữu di dư*” (diệt hết sạch, chẳng còn sót thừa), vẫn có thể đối trước Lô Chí Phật sám hối tất cả nghiệp chướng của quý vị. Sau đó, sẽ thanh tịnh, vĩnh viễn chẳng còn nữa. Điều này được gọi là “*thọ ký*”. Phật sẽ “*thọ ký biệt*” cho người ấy, chẳng phải là thọ ký thành Phật, đó là chuyện trong tương lai. Trước hết, thọ ký biệt cho người ấy, đây là [nội dung của] kinh Đại Ký Biệt. Bộ kinh ấy có tên là Đại Ký Biệt, chẳng phải là hứa nguyện, mà nhằm bảo họ: Quý vị phải làm như thế nào để trong tương lai quý vị sẽ có thể thanh tịnh.

**(Kinh) Thời, chư Thanh Văn, cập Bồ Tát chúng, câu thời bạch Phật: “Duy nhiên Thế Tôn! Ngã đẳng thẩm đương u bỉ tối hậu Lô Chí Phật sở, hoạch đắc chánh kiến, ly chư tà kiến, chư ác nghiệp chướng tận diệt vô dư, giải thoát nhất thiết chúng khổ não giả. Nhược linh ngã đẳng u Đại Hiền Kiếp, thường xử Vô Gian đại địa ngục trung, hằng thọ chủng chủng cực trọng khổ não, diệc năng kham nhẫn”.**

**Thế Tôn cáo viết:** “Thiện tai! Thiện tai! Nhữ đẳng nãi năng như thị dũng mãnh. Như đẳng do thử kiên cố tinh tấn tự thệ nguyện lực, định năng u bỉ Lô Chí Phật tiền, tức thể sở tập chư ác nghiệp chướng giai tất tiêu diệt, định năng phát khởi tăng thượng tín kính, thân cận, cúng dường Lô Chí Như Lai, định năng vĩnh đoạn nhất thiết phiền não, thành A La Hán, hoặc định năng chứng tam-ma-địa môn thù thắng công đức”. Thời, chư Thanh Văn cập Bồ Tát chúng, hoan hỷ lễ Phật, hoàn phục bốn tòa.

(經)時諸聲聞及菩薩眾，俱時白佛：「唯然世尊！我等審當於彼最後盧至佛所，獲得正見，離諸邪見，諸惡業障盡滅無餘，解脫一切眾苦惱者。若令我等於大賢劫，常處無間大地獄中，恆受種種極重苦惱，亦能堪忍」。世尊告曰：「善哉！善哉！汝等乃能如是勇猛。汝等由此堅固精進自誓願力，定能於彼盧至佛前，宿世所集諸惡業障皆悉消滅，定能發起增上信敬親近供養盧至如來，定能永斷一切煩惱成阿羅漢，或定能證三摩地門殊勝功德」。時，諸聲聞及菩薩眾，歡喜禮佛，還復本座。

(**Kinh:** Khi ấy, các vị Thanh Văn và Bồ Tát cùng lúc bạch Phật: “Kính vâng đức Thế Tôn! Chúng con chắc chắn sẽ ở nơi vị Phật Lô Chí tối hậu, đạt được chánh kiến, lìa các tà kiến, diệt sạch các ác nghiệp chướng chẳng sót, giải thoát hết thảy các khổ não. Dẫn cho chúng con trong Đại Hiền Kiếp, thường ở trong đại địa ngục Vô Gian, luôn thọ các thứ khổ não cực nặng, cũng có thể kham chịu”. Đức Thế Tôn bảo rằng: “Lành thay! Lành thay! Các ông có thể dũng mãnh như thế. Các ông do sức tự thệ nguyện kiên cố tinh tấn này, chắc chắn sẽ ở nơi Lô Chí Phật, các nghiệp chướng ác đã tích tập trong đời trước thảy đều tiêu diệt, chắc chắn sẽ phát khởi lòng tín kính tăng thượng, thân cận, cúng dường Lô Chí Như Lai, chắc chắn sẽ có thể vĩnh viễn đoạn trừ hết thảy phiền não, thành A La Hán, hoặc chắc chắn có thể chứng công đức thù thắng nơi tam-ma-địa môn”. Khi ấy, các Thanh Văn và các vị Bồ Tát hoan hỷ lễ Phật, trở về chỗ ngồi của chính mình).

Chúng ta hãy khéo suy xét, nhất định phải quan sát như vậy, phải làm như vậy. Đối trước Lô Chí Phật, tức vị Phật cuối cùng [trong Hiền Kiếp] mà sám hối thanh tịnh. “Hoạch đắc chánh kiến, ly chư tà kiến,

*chư ác nghiệp chướng tận diệt vô dư*” (Đạt được chánh kiến, lia các tà kiến, các nghiệp chướng ác đều tận diệt, chẳng còn sót), tiêu diệt hết sạch tất cả các ác nghiệp chướng, chẳng còn tồn tại nữa. “*Vô dư*” (無餘) là chẳng còn gì nữa. “*Giải thoát nhất thiết chúng khổ não già*” (Giải thoát hết thảy các khổ não): Các nỗi khổ trong tam đồ, cho đến Kiến Tư phiền não, Trần Sa đều có thể giải thoát, nhưng vẫn chưa đoạn vô minh. “*Diệc năng kham nhẫn*” nghĩa là có thể chịu đựng, có thể tiếp nhận hết thảy các pháp sanh vô lượng nghĩa. Khi đó, sẽ thật sự trở thành đại pháp khí. Phải tới khi Lô Chí Phật xuất thế thì mới sám hối hết sạch, họ mới có thể thành Phật.

Đối với công đức của mỗi vị Phật được nói trong phẩm Xung Phật Danh Hiệu của kinh Địa Tạng, nếu nói riêng từng vị sẽ rất dài. Chúng ta lễ lạy hằng ngày, mỗi ngày tối thiểu lạy một lượt, quý vị phải khéo hồi hướng, phải phát nguyện, đừng nên bỏ lỡ. Mỗi vị Phật đều như thế, đều có nhân duyên để gọi bằng danh hiệu Đại Thông Như Lai<sup>23</sup>, quý vị có thể thấy vô lượng ức Phật thọ ký cho quý vị cho đến khi thành Phật.

Đây là chúng ta bái sám vị Phật cuối cùng [trong phẩm kinh ấy], tức Đại Thông Như Lai, phải nên tác ý. “*Tác ý*” là quý vị phải nên quan sát, phải tư duy, phải suy tưởng, đối với công đức đáng đạt được, đừng nên bỏ lỡ. Khi đáng nên sám hối tội lỗi, cũng đừng nên bỏ lỡ. Đây là công đức. Hơn nữa, tội ác và công đức hai đằng đều không có, phép Quán ấy là Bát Nhã Quán. Các pháp đều là duyên khởi, duyên khởi tánh không. Xét theo bản thể hoặc pháp tánh, chúng đều chẳng tồn tại. Nhiệm là nói đối lập với tịnh, tội ác là nói đối lập với công đức. Cũng chẳng có công đức, mà cũng chẳng có tội ác. Các pháp tương đối ấy trọn chẳng có, nhưng quý vị ắt cần phải chứng đắc địa vị ấy thì mới có thể nói như thế! Chẳng đạt tới mức độ ấy, [nói suông kiểu đó] sẽ là rỗng tuếch. Tôi tát quý vị mấy cái nỏ đom đóm, chửi quý vị dăm câu, quý vị chẳng thể nào coi là Không được! Có Không nổi hay chẳng? Không chẳng nổi! Nếu ba ngày chúng tôi chẳng cho quý vị ăn cơm, quý vị đói bụng, một mực kêu gào âm ỉ; vài ngày không uống nước, quý vị chịu nổi hay

---

<sup>23</sup> Danh hiệu đầy đủ của vị Phật này là Đại Thông Sơn Vương Như Lai. Đúng ra, vị Phật cuối cùng trong phẩm kinh ấy là Nguyệt Diện Phật, nhưng vì Ngài được nói gộp chung với Tịnh Nguyệt Phật, Sơn Vương Phật, Trí Thắng Phật, Tịnh Danh Vương Phật, Trí Thành Tựu Phật, Vô Thượng Phật, Diệu Thanh Phật, Mãn Nguyệt Phật cho nên không nói riêng. Đại Thông Sơn Vương Phật là vị Phật cuối cùng được nói riêng công đức.

không? Quý vị nói Không, thân thể của ta đều là Không, tới lúc đó, quán chẳng thành, Không chẳng nổi! Đã chẳng Không được, sẽ chịu khổ liền! Phải hiểu đạo lý này, lấy ngay chuyện này làm tỷ dụ. Quý vị đã phạm tội, hoặc là hiện thời phải thọ báo, chẳng “chích ngừa”, đến lúc đó, nhất định sẽ phải hứng chịu. Vì sao Đại Bồ Tát đến hóa độ chúng sanh? Các Ngài chẳng bị chúng ta huân nhiễm, đã “chích ngừa”, đã phòng thủ cái tâm kỹ càng! Tâm các Ngài là Không, đây mới là Chân Không, trọn chẳng phải là cái Không như kiểu chúng ta. Pháp Đại Thừa là liễu nghĩa, nhưng khi quý vị chưa chứng đắc, sẽ chẳng đầy lên tác dụng, quý vị chẳng thể sử dụng được. Vì chẳng dùng được, quý vị mới ăn nói lớn lối!

Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng thể làm chủ cho những người ấy, nói “được lắm, các vị sám hối với tôi là được rồi. Tội nghiệp của quý vị đã thanh tịnh”? Ngài trọn chẳng nói như thế. Ngài biết quý vị cần phải rèn giũa dần dần, vì quý vị hoàn toàn chẳng đạt tới cảnh giới đó.

Như chúng ta, ngay cả tín tâm cũng chẳng trọn đủ, phải tu từ từ. Sở dĩ tôi nói “tu từ từ” là vì quý vị quá tinh tấn! Chúng ta hãy nói “tinh tấn tu”, [bèn lập tức hiểu lầm] là chuyện gì cũng chẳng làm, cứ bái sám mà thôi! Ai cho quý vị cơm ăn? Hòa thượng tự mình ở trong sơn động tu hành, chẳng lợi ích người khác, cũng chẳng giúp đỡ người khác, làm sao người khác giúp quý vị cho được? Đều là trao đổi lẫn nhau! Tuy chẳng phải là [đổi chác] ngang giá, nhưng tự nhiên có ý nghĩa này! Tăng nhân phải làm công đức, ngay cả ăn cơm cũng phải hồi hướng cho người ta. Ăn uống, ngủ nghỉ, bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, cũng đều phải nghĩ tới kẻ khác, luôn hồi hướng cho họ. Nói đến chuyện đi vệ sinh, chớ nên hồi hướng ư? Đi vệ sinh càng phải cần [làm như thế]. Khi bước vào phòng vệ sinh, quý vị bèn phát nguyện “*đương nguyện chúng sanh, khí tham, sân, si, quyên trừ tội pháp, nhất thiết thanh tịnh*” (nguyện cho chúng sanh, bỏ tham, sân, si, trừ sạch tội pháp, hết thảy thanh tịnh). Khi tiến vào đó, tội ác gì ta cũng đều bỏ sạch, nguyện cho hết thảy chúng sanh đều vứt bỏ tham, sân, si, chúng đắc Niết Bàn. Ngay cả ở nơi đó, vẫn chẳng buông lung. Đi, đứng, nằm, ngồi, suốt ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ, bất cứ lúc nào cũng đều phát nguyện, nguyện cho chúng sanh thành Phật, luôn luôn sám hối, sám hối tội nghiệp!

Nguyện thứ tư trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có nói: Nếu tội của chúng ta mà có hình tướng, thế giới này chẳng thể chứa đựng nổi. Hư không đều nứt vỡ. Còn may là tội chẳng có hình tướng, là Không. Hãy hiểu đạo lý này. Do vậy, khi sám hối tội lỗi, ắt phải dựa theo đại



nguyện vương thứ tư trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện để sám hối; tùy hỷ công đức thì phải dựa theo đại nguyện thứ năm để tùy hỷ.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: - Thiện nam tử! Ngã dĩ Phật nhãn quán chư thế gian, kiến vị lai thế, thử Phật độ trung, hữu vô lượng, vô số bách thiên câu-chi na-dữu-đa Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la, tể quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, sa môn Chiên-đồ-la, Phiệt-xá Chiên-đồ-la, Thú-đạt-la Chiên-đồ-la, nhược nam, nhược nữ, thiếu chủng thiện căn, tuy đắc nhân thân, nhi tùy ác hữu, khởi chư tà kiến, tạo chư ác hạnh, hoại ngã thậm thâm vô thượng chánh pháp. Ư ngã sở thuyết vô hữu xí nhiên, diệt xí nhiên pháp, bất sanh tín nhạo, hoặc ư ngã thuyết dữ Thanh Văn Thừa tương ứng chánh pháp, phỉ báng, khinh hủy, chướng tế, ẩn một, bất linh lưu bố. Hoặc ư ngã thuyết dữ Độc Giác Thừa tương ứng chánh pháp, phỉ báng, khinh hủy, chướng tế, ẩn một, bất linh lưu bố. Hoặc ư ngã thuyết dữ Vô Thượng Thừa tương ứng chánh pháp, phỉ báng, khinh hủy, chướng tế, ẩn một, bất linh lưu bố. Hoặc ư quy ngã chư xuất gia nhân, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, đa hành phần hận, ha mạ, hủy nhục, cơ thích, khinh tiếu, chủng chủng phỉ báng, ẩn thiện, dương ác, quảng thuyết nãi chí khởi khinh mạn tâm, chủng chủng xúc não. Như thị chư nhân, phi thánh pháp khí, tự thật ngu si, hoại thông minh mạn, từng thử mạng chung, đọa tam ác thú, thọ vô lượng chủng tăng thượng mãnh lợi, nan nhân khổ độ, kinh ư vô lượng bách thiên câu-chi na-dữu-đa kiếp nan phục nhân thân, như tiền quảng thuyết.*

*(經)爾時，世尊告金剛藏菩薩摩訶薩言：「善男子！我以佛眼觀諸世間，見未來世此佛土中，有無量無數百千俱胝那庾多剎帝利旃荼羅、婆羅門旃荼羅、宰官旃荼羅、居士旃荼羅、長者旃荼羅、沙門旃荼羅、苾舍旃荼羅、戍達羅旃荼羅，若男若女，少種善根，雖得人身，而隨惡友，起諸邪見，造諸惡行，壞我甚深無上正法。於我所說無有熾然，滅熾然法，不生信樂，或於我說與聲聞乘相應正法，誹謗輕毀，障蔽隱沒，不令流佈。或於我說與獨覺乘相應正法，誹謗輕毀，障蔽隱沒，不令流佈。或於我說與無上乘相應正法，誹*

謗輕毀，障蔽隱沒，不令流佈。或于歸我諸出家人，若是法器，若非法器，多行忿恨，呵罵毀辱，譏刺輕誚，種種誹謗，隱善揚惡，廣說乃至起輕慢心種種觸惱。如是諸人，非聖法器，自實愚癡，懷聰明慢，從此命終墮三惡趣，受無量種增上猛利難忍苦毒，經於無量百千俱胝那庾多劫難復人身，如前廣說。

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn bảo Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: - Nay thiện nam tử! Ta dùng Phật nhãn xem các thế gian, thấy trong đời vị lai, nơi cõi Phật này, có vô lượng vô số trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la, tể quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, sa môn Chiên-đồ-la, Phiệt-xá Chiên-đồ-la, Thú-đạt-la Chiên-đồ-la, dù nam hay nữ, ít gieo căn lành, tuy được làm người, nhưng theo bạn ác, dấy lên các tà kiến, tạo các ác hạnh, phá hoại chánh pháp vô thượng rất sâu của ta. Đối với các pháp “[khiến cho phiền não] chẳng hưng hực, diệt [phiền não] hưng hực” của ta chẳng sanh lòng tin ưa, hoặc đối với chánh pháp tương ứng Thanh Văn Thừa do ta đã nói, bèn phỉ báng, khinh miệt, hủy hoại, chướng lấp, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền. Hoặc đối với chánh pháp tương ứng Độc Giác Thừa do ta đã nói, bèn phỉ báng, khinh miệt, hủy hoại, chướng lấp, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền. Hoặc đối với chánh pháp tương ứng Vô Thượng Thừa do ta đã nói, bèn phỉ báng, khinh miệt, hủy hoại, chướng lấp, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền. Hoặc đối với những người xuất gia quy y pháp của ta, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, thường làm nhiều chuyện phẫn hận, quở trách, chửi bới, hủy nhục, gièm chê, châm chọc, khinh rẻ, coi thường, đủ thứ phỉ báng, ẩn giấu điều thiện, phô phang thói ác. Nói rộng là cho đến dấy lòng khinh mạn, đủ mọi cách xúc phạm, não loạn. Những kẻ như thế chẳng phải là pháp khí của các địa vị thánh nhân, tự mình thật sự ngu si, tự phụ thông minh, từ đó cho đến khi mạng chung, đọa vào ba đường ác, hứng chịu vô lượng thứ khổ độc tăng thượng, mạnh mẽ, khó thể chịu đựng, trải qua vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa kiếp khó lại được thân người như trong phần trước đã nói cặn kẽ).*

Trong phần trước đã nói: Hễ tạo nghiệp hủy báng Tam Bảo, báng bỏ pháp do đức Phật đã nói, có khi là Đại Thừa, có khi là Độc Giác Thừa, có khi là Thanh Văn Thừa. Hủy báng lẫn nhau, cho đến đối với

người xuất gia, hoặc là bậc trì giới, tu hành tốt đẹp, hoặc kẻ chẳng tu hành, phá giới, đầu não hại họ, sanh khởi đủ cách hãm hại. Như thế thì sẽ tạo rất nhiều ác nghiệp; trong phần trên đã có rất nhiều loại chúng sanh hướng về đức Phật sám hối. Đức Phật liền thọ ký cho họ, nói: Các vị sám hối, phải cho đến khi đối trước Phật Lô Chí [là vị Phật cuối cùng] trong một ngàn vị Phật [thuộc Hiền Kiếp] thì mới có thể sám hối thanh tịnh các ác nghiệp đã tích tụ trong đời trước. Trong thế gian này, thời gian một ngàn vị Phật [lần lượt xuất thế] cũng rất dài. Trong phần trước, tôi đã nhắc đến tam thiên đại thiên thế giới và tiểu kiếp, trung kiếp, một đấng là nói về nơi chốn, một đấng nói về thời gian. Còn có một cách nói nữa: Hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp. Tức là [mỗi giai đoạn] “thành, trụ, hoại, không” đều kéo dài hai mươi tiểu kiếp. Trụ là hai mươi tiểu kiếp, Hoại là hai mươi tiểu kiếp, Không là hai mươi tiểu kiếp. Cấu tạo của địa cầu hoàn toàn chẳng thể hình thành trong thời gian ngắn ngủi được!

Các nhà khoa học hiện thời nói tinh cầu là do các tinh vân (Nebula) sanh khởi tác dụng giao kết mà hình thành. Tác dụng giao kết ấy nếu thành tựu thì gọi là Thành Kiếp, cần thời gian dài bao lâu? Kinh Phật nói là hai mươi tiểu kiếp. Các nhà khoa học trọn chẳng nói cần bao nhiêu kiếp; tùy thuộc địa cầu ấy dần dần từ bé đến lớn. Từ bé đến lớn, [phát triển dần dần] như thế đó. Vì sao khi địa cầu này đã thành tựu, nhìn từ bên ngoài, tức là nhìn từ phi thuyền vũ trụ thì tinh cầu là màu lam. “Không” đương nhiên là chẳng có. Không thì họ chẳng thấy, Không thì căn bản là chẳng có hình tướng. Vì sao quả địa cầu của chúng ta là màu lam? Địa cầu bao quanh bằng nước, địa cầu xoay chuyển. Xét theo toàn thể, chỉ có thể thấy biển, chỉ trông thấy nước. Do vậy, nhìn từ bên ngoài, sẽ là màu lam. Đối với “thành, trụ, hoại, không”, nay chúng ta đang thuộc Trụ Kiếp, [do địa cầu] đã sớm thành tựu từ lâu rồi. Dầu động đất, thủy tai, hỏa hoạn rất nhiều, hiện thời vẫn chưa đến lúc địa cầu hư hoại, những thứ ấy là tiểu tam tai. Lúc có đại tam tai, địa cầu sẽ bắt đầu hư hoại.

Kinh Địa Tạng dạy: Tạo tội nghiệp trên quả địa cầu này, khi địa cầu hư hoại, có phải là ta chẳng chịu khổ quả trong địa ngục nơi địa cầu nữa ư? Chẳng phải vậy, [tội nhân đang chịu khổ trong địa ngục] sẽ dời sang thế giới ở phương khác. Ai dời? Nghiệp của chính quý vị chuyển dời. Thế giới đó hư hoại rồi, lại chuyển sang thế giới khác. Đợi cho đến khi thế giới này thành tựu, vì quý vị thuộc vào thế giới này, tạo tội thì vẫn phải trở về thế giới này. Vậy là thành, trụ, hoại, không, mỗi giai

đoạn đều trải qua hai mươi tiểu kiếp. “Kiếp” được luận đoán như thế nào? Cũng là dựa theo thọ mạng của con người để luận đoán. “Thành” cũng chẳng phải là thành ngay lập tức, mà Hoại cũng chẳng phải là hoại ngay lập tức, mỗi giai đoạn đều trải qua quá trình hai mươi tiểu kiếp. Nếu dùng số lượng năm để tính toán, sẽ cần thời gian bao nhiêu ức triệu năm? Nếu chúng ta đã sám hối tội thanh tịnh rồi, sẽ có thể tăng thượng tín tâm. Nay chúng ta đang thuộc giai đoạn tăng thượng tín tâm, chỉ có thể nói là tín, chỉ có thể tùy thời gia tăng tín tâm của chúng ta. Nhưng tín tâm của chúng ta chẳng kiên định, vẫn chẳng có cội rễ. Tín tâm ấy có thể bị phá hoại bất cứ lúc nào, chẳng cần đợi đến đời sau.

Hiện thời, có rất nhiều đạo hữu mà tín tâm của họ có thể bị phá hủy bất cứ lúc nào, nảy sinh biến hóa, chẳng sanh khởi cái tâm tín kính, tức là chẳng gặp gỡ thiện tri thức. Tuy Phật, Bồ Tát, La Hán vẫn ở trong thế giới này, nhưng quý vị vô duyên, do vô duyên nên chẳng thấy được. Vì chúng ta ở trên thế giới này, trong năm mươi, sáu mươi ức nhân khẩu, chúng ta có khả năng tiếp xúc hoặc quen biết bao nhiêu người? Mọi người [hiện diện ở nơi đây] đều từ Đài Loan tới, Đài Loan có hai ngàn ba trăm vạn nhân khẩu, quý vị quen biết bao nhiêu người? Quý vị tính toán xem, chẳng được bao nhiêu! Vì sao? Họ vô duyên với quý vị. Tuy cùng ở trên địa cầu, thuộc cùng một điều kiện sanh tồn, nhưng vô duyên, tức là chẳng có duyên tiếp xúc với họ. Ngay cả mèo, chó, súc sanh, hoặc lũ kiến, quý vị trông thấy đều là hữu duyên! [Các chúng sanh] quý vị chẳng thấy quá nhiều! Ngay cả cái duyên trông thấy cũng chẳng có. Ngay cả cái duyên nghe thấy cũng chẳng có. Kinh Địa Tạng đã dạy rất nhiều, khi người khác thọ khổ vì tội nghiệp, quý vị chẳng trông thấy. Vì quý vị chẳng có duyên với người ấy, quý vị cũng chẳng nghe thấy. Ngay cả cái duyên thấy hay nghe cũng đều chẳng có. Vì sao? Vì quý vị chẳng có cái nghiệp ấy. Quý vị nghĩ chúng ta có cái nghiệp ấy, mong trốn tránh, nhưng trốn chẳng thoát, tuyệt đối chẳng thể trốn thoát nổi!

Vào thời điểm Đại Lục nội chiến, có một nhóm người tới Đài Loan, có người không rời đi. Người trong cùng một nhà, có người đến đây một hai người, có một nửa ở lại Đại Lục, những điều ấy cũng đều là có nhân duyên. Có người đã sắp lên thuyền, sắp tới nơi, thuyền chìm! Tôi có một đạo hữu, rất tin Phật. Trước kia ông ta làm chuyên viên ở Ninh Ba, về sau làm chủ tịch tỉnh Liêu Ninh. Cả chiếc thuyền ấy toàn là người của Quốc Dân Đảng, đều là các nhân vật từ cấp sảnh trưởng<sup>24</sup> trở

<sup>24</sup> Sảnh trưởng (廳長, đúng ra phải đọc là Thính Trưởng, nhưng do thói quen ta vẫn

lên, mang theo rất nhiều tài sản. Có thể là đem theo quá nhiều vàng, thuyền chở quá nặng, vừa ra khỏi cảng Thượng Hải, đến chỗ tiếp giáp với Ninh Ba thì đã bị chìm lìm! Tôi đến Bắc Kinh tìm em trai của người ấy, tôi hỏi chuyện, người ấy bảo tôi: “Cả nhà anh tôi, ngay cả chị dâu tôi dẫn theo con cái toàn bộ đều chết chìm hết”. Em trai ông ta chẳng đi, do chẳng đi, bèn ở lại Bắc Kinh. Nhân duyên ấy là do vận mạng của họ khác nhau!

Có lúc tôi bảo các đạo hữu: “Quý vị sanh chín đứa con, một mẹ sanh chín con, chín đứa con mỗi đứa mỗi khác. Mỗi đứa có vận mạng riêng, chẳng cần phải quá bận tâm”. Vì chẳng có cái duyên ấy, quý vị có miễn cưỡng cũng chẳng được! Hễ có cái duyên ấy, tự nhiên sẽ thành thực. Nghiệp duyên ấy, nếu quý vị sám hối, tội lỗi thanh tịnh, đức Phật thọ ký những người ấy đến lúc Lô Chí Phật (Rucika) xuất thế, sám trừ tội lỗi sạch sẽ, có thể đoạn phiền não. Đã đoạn phiền não rồi bèn thành tựu quả A La Hán, hoặc chứng đắc công đức thù thắng của tam-ma-địa. Các vị Thanh Văn và Bồ Tát ấy hoan hỷ lễ Phật, được thọ ký, họ vui mừng, chẳng còn đọa vào tam đồ nữa! Vì mỗi vị Phật xuất thế, họ nhất định sẽ được gặp gỡ; nếu không, đức Phật sẽ chẳng nói. Một ngàn vị Phật xuất thế, nơi mỗi đức Phật, quý vị đều sám hối như thế, cũng đều nói như thế.

Đức Phật thọ ký cho những người ấy xong, lại bảo Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát: “Thiện nam tử! Ta dùng Phật nhãn, thấy nơi cõi Phật này trong đời vị lai, có vô lượng vô số trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương nhiều ngàn ấy. [Số lượng] trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa ấy, không chỉ riêng Chiên-đồ-la vương, tức ác vương, mà còn có ác Bà-la-môn, ác tể quan, ác cư sĩ, ác trưởng giả, cho đến ác sa-môn, phá giới sa-môn, bại hoại sa-môn, sa-môn chửi bới sa-môn càng dữ dằn hơn, sa-môn phá hoại chùa miếu càng khốc liệt hơn. Những kẻ đó là ma con, ma cháu do Ba Tuần phái đến. Bọn chúng đến phá hoại Phật giáo, tận lực phá hoại! Trước mắt, nhìn vào các đảng phái, thậm chí là trong Phật giáo chúng ta, khi đảng phái hoặc tổ chức, tập đoàn nào đó bị sụp đổ thì họ bị sụp đổ như thế nào? Trong tập đoàn của họ thối nát trước rồi mới bị hư hoại, hoàn toàn chẳng phải là do bên

---

quen đọc là Sảnh Trưởng), là người đứng đầu một cơ quan hành chánh trực thuộc cấp tỉnh, hoặc thành phố, tương đương với ty trưởng. Sảnh trưởng cũng là chức vụ đứng đầu các phân ban chuyên môn trực thuộc Quốc Vụ Viện (phủ Thủ Tướng) theo quy chế của Hoa Lục, tương đương chức cục trưởng.

ngoài [nhúng tay]. [Nội bộ] công kích lẫn nhau, sau đó là thói ruồng. Phật giáo cũng như thế. Khi Phật giáo sắp tới lúc bị tiêu diệt, ai diệt? Chính đệ tử Phật hủy diệt! Tứ chúng đệ tử đều có phần, phá hoại lẫn nhau. Tới lúc đó, Phật pháp chẳng còn nữa. Do vậy nói tới những gã Chiên-đồ-la cũng chẳng hiếm có tí nào cả, luôn luôn hiện hữu! Thậm chí giới thương nhân trong bốn chúng tánh, Phiệt-xá là thương nhân hoặc nông dân, Thú-đạt-la làm nghề đồ tể, cho đến tạo ác nghiệp, tức những kẻ tạo ác nghiệp, bất luận nam hay nữ, thiện căn rất ít, hoàn toàn chẳng phải là tuyệt đối không có. Gieo thiện căn ít ỏi, người gieo thiện căn, trước sau đều khác nhau. Nếu là đạo hữu tại gia, thưở đầu chẳng ăn mặn, có những người sanh ra đã chẳng ăn mặn, hoặc là sau khi xuất gia, kiêng ăn mặn, chẳng ăn nữa, đến tuổi già lại ăn mặn!

Có rất nhiều người tu hành, bình thường rất tinh tấn dụng công, tới lúc sắp viên tịch, nghiệp chướng gì cũng đều phát hiện, mà cũng chẳng trì giới. Rất nhiều sự nghiệp đều không làm! Do bị bệnh khổ hành hạ, nghe người ta nói ăn thịt có thể trị lành bệnh, người đó liền ăn thịt. Muốn người đó làm gì, người đó liền phạm ngay! Đối với nghiệp, chẳng tự chủ được, chính mình chẳng làm chủ được. Tôi thấy rất nhiều đạo hữu, suốt đời khổ tu trong núi, tới lúc lâm chung, vẫn không buông xuống được, nghiệp chướng gì cũng đều phát hiện. Đó gọi là “*vứt sạch công lao trước kia*”. Tuy đã gieo chủng tử, đã gieo công đức, nhưng vứt sạch công lao trước kia, chuyện này chẳng phải hiếm hoi, lạ lùng tí nào! Dùng Phật nhãn để quán, [sẽ thấy] khi tới đời Mạt, thiện căn của những người đó chẳng đầy đủ, chẳng sâu, lại còn gieo [thiện căn] quá ít. Tuy được làm thân người, chuyển thế làm người, vẫn có thể trở thành đệ tử của Tam Bảo.

Trong đời Mạt Pháp, trong Tam Bảo, đặc biệt là trong tứ chúng đệ tử, tức tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, những vị thật sự phát tâm Bồ Tát thì chính là bậc đại Bồ Tát, cũng có người thật sự phát tâm Thanh Văn, thành A La Hán, cũng có người thật sự là A Tu La. Họ khuấy nháo nhào thiện nghiệp, lôi quý vị đọa xuống, lôi quý vị đọa lạc tam đồ, biến thành ma vương. Vì sao họ lôi kéo ngay trong Tam Bảo? Vì kẻ thuộc vào Tam Bảo, ít nhiều đều có thiện căn, cho đến lúc tuổi già, khi suy hoại, vẫn còn có phước báo, phước báo do tu tập trước kia vẫn còn có, kẻ đó có thể chẳng đọa vào tam đồ, chuyển sang ma vương giới, trở thành ma tử, ma tôn (ma con, ma cháu), tăng thêm đội ngũ cho hắn (Ba Tuần). Hắn chỉ tìm kiếm đệ tử trong Tam Bảo, vì những kẻ đó mới có tư cách sanh lên cõi trời. Muốn sanh vào đội ngũ của Ba Tuần, cũng

cần phải có Thập Thiện Nghiệp. Chẳng có Thập Thiện Nghiệp, sẽ chẳng thể sanh về đó được. Tuy là ma, ma cũng phải có phước. Chẳng có phước thì làm sao có thể hưởng thụ cho được? Hiểu đạo lý này là được rồi!

Bởi lẽ, mục đích tu hành của chúng ta là chẳng làm ác. Ta suốt đời làm việc thiện, tới lúc lâm chung lại làm ác, hoặc là bị bạn ác dụ dỗ, hoặc là lục thân quyến thuộc của quý vị trong quá khứ, họ có ác nghiệp rất nặng. Những kẻ đó có thể lôi kéo quý vị, muốn kéo quý vị vào đường đó để cùng sum vầy với họ. Tuy được làm thân người, nhưng bị kẻ ác xoay chuyển, sanh khởi tà tri, tà kiến. Có rất nhiều người trong các đệ tử chúng ta, bất luận tại Đài Loan hay Đại Lục, cũng đều là như thế! Gặp lúc có quan hệ lợi hại, trong lúc phải chọn lựa, họ dùng con mắt thịt để xem xét, đi theo đường nào sẽ có lợi, [họ chẳng do dự, chọn ngay con đường đó]: Câu kết với kẻ quyền thế, câu kết với kẻ có tiền có thế, câu kết quan lại, ức hiếp hòa thượng tốt lành. Chuyện kiểu này, kể từ khi tôi xuất gia tới nay, đã thấy quá u là nhiều. Kẻ đó có thể làm rất nhiều ác hạnh, tạo ác nghiệp, phá hoại chánh pháp vô thượng rất sâu của đức Phật. Phật pháp thì bất luận pháp nào cũng đều là liễu sanh tử, đều là “liạ khổ, được vui”, đều là đoạn phiền não. Đối với các pháp do đức Phật đã nói, quý vị đều chẳng phân biệt gì, Hiền, Mật, Đại, Tiểu, chỉ cần quý vị đạt được đôi chút, nương theo pháp ấy để làm, quý vị sẽ có thể đạt được, có thể giải thoát, có thể đoạn phiền não!

Dẫu Phật pháp sâu xa, tốt đẹp đến mấy, nếu vẫn chẳng hành được, một tí thọ dụng cũng chẳng có, thì sẽ chẳng mấy may nào dính líu tới quý vị. Làm như thế nào để có thể thực hiện được? [Ngay cả] niệm một tiếng Phật hiệu mà quý vị cũng chẳng thể làm được, luôn chẳng thể kiên trì một dạ, còn nói đến quán tưởng rất sâu chi nữa! Cho đến tu hành, làm sao tu cho nổi? Tín tâm kiểu ấy chẳng thể vun bồi được, chẳng thể thành tựu tín tâm! Vậy thì sẽ như thế nào? Pháp do đức Phật đã nói chẳng thể sanh khởi tươi tốt, chỉ có thể khiến cho Phật pháp dần dần bị diệt mất, chẳng thể hưng thịnh. Chánh pháp giống như lửa, hễ hừng hực sẽ khiến cho người khác cảm thấy ấm áp. Nếu dần dần diệt mất, sau khi đã bị diệt rồi, sẽ khiến cho quý vị chẳng nảy sanh lòng tin ưa. Đã chẳng có tín tâm thì cái tâm vui sướng cũng chẳng thể dấy lên được.

*“Hoặc u ngã thuyết dữ Thanh Văn Thừa tương ứng chánh pháp, phi báng, khinh hủy”* (Hoặc đối với chánh pháp tương ứng với Thanh Văn Thừa do ta đã nói mà phi báng, khinh hủy): Có những người nghe Khổ, Tập, Diệt, Đạo, liền phát tâm. Họ nghe, thấy thế gian là khổ. Khổ

do đâu mà có? Do quý vị đã tạo nghiệp, do quý vị đã tạo ra cái nhân gây khổ. Ác nhân của quý vị ngưng dứt, khổ sẽ ngừng. Nếu quý vị tận lực làm (tạo nghiệp), khổ sẽ vĩnh viễn chẳng ngừng. Đạo lý này rất đơn giản, ai nấy đều biết, nhưng thực hiện rất khó khăn. Thanh Văn Thừa là như thế, mà Duyên Giác Thừa cũng như thế. Trong phần trước, [kinh Đại Tập] đã nói rất rõ ràng, đặc biệt là đối với phi pháp khí bèn có sự lựa chọn. Kim Cang Tạng Bồ Tát nói phi pháp khí đã là phá hoại, có sao đức Phật dạy vẫn phải cung kính họ? Vẫn muốn cho hết thảy mọi người cung kính, cúng dường những kẻ đó? Vì những kẻ đó vẫn có thể làm công đức.

Trong thời đại Mạt Pháp, muốn tìm một vị tỳ-kheo thanh tịnh, chẳng tìm được! Ngẫu Ích đại sư đã nói như thế, mà pháp sư Hoằng Nhất cũng nói như thế. Ngẫu Ích đại sư đã thoái giới tỳ-kheo, thọ giới lần nữa. Thật ra, lần đầu tiên Ngài không đắc giới, cho nên cũng chẳng có cái gọi là “*thoái giới*”. Vào cuối thời Minh, đầu đời Thanh, muốn tìm năm vị tỳ-kheo thanh tịnh, sẽ chẳng thể tìm được. Phải có đủ năm vị thuyết giới thì quý vị mới có thể đắc giới. Ngẫu Ích đại sư còn nói: “*Từ thời Nam Tống trở đi, chẳng có năm vị tỳ-kheo thanh tịnh*”, có nghĩa là thời đại của chúng ta khá ác!

Đức Phật nói trong đời tương lai, trong cõi Phật này, sẽ có vô lượng, vô số, con số khá nhiều, trên cả ức triệu. Không chỉ là trong thế giới này, không chỉ là Nam Thiệm Bộ Châu, mà còn có rất nhiều thế giới Sa Bà, rất nhiều bộ châu. “*Phật độ*” trong chánh kinh là nói tới cõi Phật nào? Thế giới Sa Bà Phật độ, chẳng phải là một cuộc đất bé tí Nam Thiệm Bộ Châu của chúng ta, cho nên mới có nhiều như vậy. Tính toàn bộ người trên Nam Thiệm Bộ Châu, một triệu cũng không có, vì một triệu là mười ức, có con số mười ức [Chiên-đồ-la vương] hay không? Ngài nói đến vua Chiên-đồ-la, mỗi nước chỉ có một Chiên-đồ-la vương. Vậy mà hấn phá hoại chánh pháp. Đối với tam thừa, bất luận là Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, hay Vô Thượng Thừa, hấn đều phỉ báng, khinh hủy, chướng lạp, ản giấu, chẳng cho lưu truyền. Thậm chí đối với người xuất gia trong pháp của ta, dù là pháp khí hay chẳng phải pháp khí, “*đa hành phần hận, ha mạ, hủy nhục, cơ thích, khinh tiếu, chùng chùng phỉ báng, ản thiện, dương ác*” (làm nhiều chuyện phần hận, quở trách, chửi bới, hủy nhục, gièm chê, châm chích, khinh rẻ, đủ loại phỉ báng, ản giấu điều lành, phô bày điều ác).

Những kẻ ấy vốn rất ngu si. “*Ngu si*” ở đây có nghĩa là họ chẳng hiểu biết Phật pháp. Đó là ngu si. Họ cho rằng chính mình rất thông



minh. Đối với pháp thế gian, họ gây tạo âm mưu, quỷ kế, đầu đá chánh tri, tự nghĩ chính mình rất thông minh, nhưng đối với Phật pháp, họ chẳng thông minh! Vì thế, “*ngu si*” là nói theo kiểu đó. Vì lẽ đó, họ phá hoại Tam Bảo, hủy diệt Tam Bảo. Cho đến sau khi họ mạng chung, đọa vào ba ác đạo, hứng chịu vô lượng thứ khổ sở dữ dội tăng thượng, khó thể chịu đựng! Các thứ hình cụ thọ khổ số đến vô lượng. Mọi người niệm kinh Địa Tạng sẽ biết. Quý vị nói chúng ta chịu khổ trong nhân gian đủ loại, đủ cách. Tuy vậy, chúng ta chẳng có cảnh đao chặt, lửa đốt, chẳng khổ sở kiểu ấy! Chúng ta quán chiếu đôi chút nỗi đau khổ trong nội tâm của chính mình, bất luận là ai, trừ phi quý vị đã đoạn phiền não. Đoạn Kiến Hoặc, thì vẫn còn đau khổ vì Tư Hoặc. Tư Hoặc đã đoạn hết, thì còn có nỗi thống khổ của Trần Sa và Vô Minh. Có ai chẳng khổ? Chỉ có Phật và Phật mới chẳng khổ, đạt được vui sướng rốt ráo; ngoài ra, toàn là khổ. Hàng Nhị Thừa chịu nỗi khổ Phần Đoạn Sanh Tử, tức là thọ mạng có từng giai đoạn một, chết đây, sanh kia, [rồi lại] sanh đây, chết kia, đây gọi là nỗi khổ Phần Đoạn Sanh Tử. Hàng Nhị Thừa sau khi đã chứng quả, thì có nỗi khổ Biến Dịch Sanh Tử, trong Chân Thường hãy còn sót lại vô minh. Hắc ám, Biến Dịch Sanh Tử khổ, ắt cần phải đoạn hai mươi loại khổ theo thứ tự, lên bờ Tam Đức, thì mới có thể thật sự chứng đắc Pháp Thân, sự khổ ấy mới có thể diệt. Nếu không, sẽ luôn ở trong Khô.

Do vậy, hứng chịu vô lượng các thứ khổ. Theo cái quả [của các sự khổ] ấy, càng trong lúc khổ, thì càng khó thể làm lành. Khi con người bị khổ sở bức bách, thiện tâm chẳng thể sanh khởi nổi, chỉ có thể nghĩ cách giải trừ thống khổ: “Ta muốn giải trừ thống khổ, ắt cần phải giá họa cho người khác!” Ở trong nhà tù, chúng ta nghĩ như vậy đó. Có những kẻ hằng ngày rình rập trình báo [cho cai ngục] để làm gì? Kẻ đó mong giải trừ thống khổ của chính mình, tính đem người khác thay thế. Ở nơi đó, có một khẩu hiệu: “Nếu người muốn tạo dựng hạnh phúc thì phải tạo lập trên nỗi đau khổ của kẻ khác. Nếu không, sẽ chẳng thể tạo dựng được!” Chúng tôi đã nói, những kẻ đó ba ngày mà không hại được ai, sẽ đi lại ủ rũ, cơm cũng chẳng thể nuốt trôi nổi, nói không nên lời! Kẻ đó chẳng hại người, sẽ chẳng có cách nào hết, tinh thần ủ dột. Hành vi ác hắc đã tập quen thành tánh. Như thế bèn chịu khổ, hứng chịu vô lượng sự khổ độc mạnh mẽ khó thể chịu đựng. Phải mất thời gian bao lâu? Vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa kiếp, nhiều ngàn ấy! Chúng tôi không nói là đại kiếp, dầu tính bằng tiểu kiếp thì thời gian ấy cũng cực dài! Trong thời gian dài ngàn ấy, mong khôi phục thân người, khó lắm! Chẳng thể khôi

phục nôi. Trong phần trước đã nói rất nhiều, đã nói cặn kẽ, chẳng nhắc lại nữa!

***(Kinh) Thiện nam tử! Như thị chúng sanh, ninh xử Vô Giác đại địa ngục trung, thọ chư trọng khổ, bất thọ như thị bỉ ác nhân thân, kiêu mạn, cống cao, tùy thuận ác hữu, tạo tác như thị ác bất thiện nghiệp, lưu chuyển sanh tử, nan khả tế độ, thường xử sanh tử, thọ chư khổ não!***

**(經)善男子！如是眾生，寧處無間大地獄中受諸重苦，不受如是鄙惡人身，憍慢貢高，隨順惡友，造作如是惡不善業，流轉生死，難可濟度，常處生死，受諸苦惱」。**

***(Kinh: Này thiện nam tử! Chúng sanh như thế thì ở trong đại địa ngục Vô Giác chịu các sự khổ nặng nề, chẳng nhận lấy thân người hèn ác, kiêu mạn, ngạo nghễ như thế, tùy thuận bạn ác, tạo tác các nghiệp ác, bất thiện như thế, lưu chuyển sanh tử, khó thể tế độ, thường ở trong sanh tử, chịu các khổ não).***

Giả sử từ ngục giam thoát ra, nhưng sáu căn chẳng vẹn toàn, cho đến sanh ra, suốt đời toàn là hại người, toàn là tạo nghiệp. Tạo tội xong rồi lại phải trở về, tức là quay lại địa ngục. Chúng ta thường nói “*chẳng có địa ngục*”, nhưng do nghiệp của kẻ đó cảm vơi, kẻ đó sẽ thấy là có! Tại vùng Đông Bắc Trung Hoa, đã phát sanh sự kiện như thế này: Khi đó, tôi còn rất nhỏ, cũng theo người khác đến xem. Có một đũa nhỏ, chẳng lớn cho lắm, chỉ mười tám, mười chín tuổi, bỗng đứng ở trong nhà của chính mình chạy qua, chạy lại, ai kêu cũng không chịu ra. Đợi đến khi nó chạy xong rồi, ngã nhào xuống đất. Thoạt nhìn, nửa thân dưới của nó đã cháy rộp lên, đáng sợ lắm! Sau đó, nó mới nói cuộc đất ấy, chúng tôi cũng chỉ thấy là một cuộc đất bình thường, thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng nó thấy toàn là lửa, làm cách nào cũng không chạy ra khỏi được! Đến khi nó thật sự hết sạch sức lực, ngã quỵ xuống đất, lửa cũng chẳng còn! Người khác lôi nó ra, toàn thân đều bị đốt phỏng rộp lên, đốt đen thui luôn. Đây là nghiệp gì vậy? Chẳng thể lý giải. Huyện của chúng tôi không quá lớn; thủa đó, Thảm Dương được gọi là Phụng Thiên<sup>25</sup>. Ký giả

---

<sup>25</sup> Thảm Dương là tỉnh lỵ của tỉnh Liêu Ninh. Sở dĩ có tên là Thảm Dương là vì thành phố nằm ở phía Bắc sông Thảm Thủy. Đến đời Thanh, khi Thanh Thái Tổ (Hoàng Thái Cực) lập ra vương triều Hậu Kim, đã chọn nơi đây làm kinh đô, gọi là

của báo Phụng Thiên Tân Văn đến đó phỏng vấn, cũng chẳng biết do nguyên nhân nào, bèn viết như thế.

Chúng ta thấy kinh Phật ghi lại rất nhiều chuyện. Nếu quý vị đến nhiều nơi, thì rất nhiều chuyện trong kinh Phật, quý vị có thể chứng thực. Chẳng hạn như vùng giáp ranh giữa Tây Tạng với các tỉnh Thanh Hải, Tứ Xuyên, và Cam Túc, chẳng ai quản tới. Tại vùng ấy, Di tộc, Tạng tộc, Hắc Sơn tộc, riêng Di tộc có chín mươi sáu loại, chẳng phải chỉ đơn thuần một loại, họ bao gồm Hắc Di, Bạch Di, Hoa Di, khá nhiều bộ tộc. Những kẻ đó hoàn toàn chẳng hiểu đạo lý làm người, cách nói của họ khác với chúng ta. Nếu làm người dân ở nơi đó, sống tại nơi đó, họ cứ tiếp tục đánh nhau. Tộc này đánh tộc kia, chẳng có ngày nào không đánh. Nhà này đánh với nhà kia, đánh đến mức thành oan gia. Hễ đánh đám bèn kéo dài cả mấy trăm năm, vẫn đang đánh, chẳng chấm dứt!

Làm thế nào biết kẻ ấy là oan gia của ta? Nếu tôi giết chết một người trong nhà quý vị, đầu tiên là xung đột, giữa chừng có tộc khác đến hòa giải, sẽ không đánh lộn nữa! Do vậy, bèn bồi thường, trả rất nhiều tiền, nhưng có những món đồ vật mà giá trị chẳng lớn, như một cây dù, một cái chén gỗ, lại còn có thứ gì đó để tẩy rửa. Sau đó, đưa cho họ ba món ấy. Nhà ấy bèn giữ kỹ cái chén gỗ, cái dù gỗ ấy. Về sau, sanh ra con cái, bất luận nam hay nữ, đều nói với nó: “Con phải nhớ kỹ kẻ sát hại chú hay ba của con, lớn lên phải báo cừu!” Như vậy là từ thế hệ này sang thế hệ khác, giết qua, giết lại, mỗi nhà đều góp nhặt rất nhiều chén gỗ, chất đống trong tủ, dùng như công cụ giáo dục, tăng trưởng tâm lý cừu hận.

Hạng người như thế khi làm người khổ nạn vô cùng, vĩnh viễn chẳng biết từ địa ngục bò ra bằng cách nào? Sau đó, ngay lập tức lại quay vào. Quý vị muốn làm người như vậy, tức hạng người tệ ác như vậy, có gì đáng để kiêu căng, ngạo mạn ư? Người như thế đều thuận theo bạn ác, “*phương dĩ loại tu, vật dĩ quần phân*” (các phương pháp chia thành từng loài, các sự vật phân chia theo từng đặc tánh). Thấy quý vị đàn đúm với hạng người nào, dường như là chuyện tất nhiên, con người

---

Thịnh Kinh. Đến thời Thanh Thế Tổ (Thuận Trị) đã đổi vùng này thành Phụng Thiên Phủ. Do vậy, Thẩm Dương được gọi là Phụng Thiên, hay gọi theo tiếng Mãn Châu là Mukden. Tới năm 1929, chính quyền quân phiệt Trương Học Lương đã dựa theo danh xưng đời Liêu (Thẩm Châu Thành) để đổi Phụng Thiên thành Thẩm Dương. Thành phố này đã có từ thời Chiến Quốc, được coi là một trọng trấn của nước Yên.

tự nhiên phân chia như thế đó. Các đảng, các phái đều là như thế đó; hắc đạo, bạch đạo đều là như thế. Hạng người ác sẽ làm chuyện ác, đều là nghiệp bất thiện. Nghiệp bất thiện đương nhiên sẽ lưu chuyển trong sanh tử, khó thể tế độ, thường ở trong sanh tử, chịu các khổ não. Đức Phật nói hạng người như vậy, Phật chẳng có cách nào cứu độ họ! “*Nan khả tế độ, thường xử sanh tử, thọ chư khổ não*” (Khó thể tế độ, thường ở trong sanh tử, chịu các khổ não). Những điều này đều nhằm hình dung Địa Tạng Bồ Tát đã phát nguyện to lớn, vì rất nhiều kẻ khó độ, Ngài đều phát nguyện đến độ. Do vậy, Ngài vào địa ngục. Có những kẻ đọa địa ngục, đã thoát khỏi địa ngục rồi lại quay về. Ác hạnh của họ chồng chất, chẳng có cách nào tính toán được. Địa Tạng Bồ Tát xuống địa ngục độ họ, cho nên gọi là kinh Địa Tạng Đại Tập Thập Luân. Nếu mọi người xem kinh Địa Tạng, kinh Chiêm Sát, kinh Đại Tập Thập Luân, phải biết cảm ơn, cảm nhận ân đức đặc biệt to lớn của Địa Tạng Bồ Tát đối với chúng ta.

*(Kinh) Nhĩ thời, hội trung hữu vô lượng vô số đại huệ hữu tình, tùng tòa nhi khởi, dẫn lễ Phật túc, hiệp chưởng, hướng Phật, bi khắp đọa lệ, nhi bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Đế quán như thị thế gian chúng sanh, tuy giai hoạch đắc nan đắc nhân thân, nhi viễn ly chánh tín, viễn ly chánh nguyện, viễn ly chánh ý nhạo, viễn ly chánh kiến, viễn ly thiện tri thức, viễn ly hảo thời, viễn ly hảo xứ, viễn ly tịnh giới, viễn ly chánh định, viễn ly chánh huệ. Như thị chúng sanh, tuy giai hoạch đắc nan đắc nhân thân, nhi do ngu si, kiêu mạn lực cố, tạo tác như tiền sở thuyết trọng tội, hủy báng Thế Tôn sở thuyết chánh pháp, xúc não Thế Tôn xuất gia đệ tử. Ngã đẳng kim giả, đối Thế Tôn tiền, dĩ chí thành tâm, phát chân thệ nguyện: Ngã đẳng tùng kim lưu chuyển sanh tử, nãi chí vị đắc giải thoát dĩ lai, thường nguyện bất ngộ như thị ác duyên, quyết định bất tạo như thị trọng tội, chung bất hủy báng chư Phật chánh pháp, diệc bất xúc não chư xuất gia nhân, tất bất khiêu hoại chúng sanh pháp nhân, diệc bất đoạn diệt Tam Bảo chủng tánh. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn nhiếp thọ ngã đẳng sở phát như thị thệ nguyện”.*

(經)爾時，會中有無量無數大慧有情，從座而起，頂禮佛足，合掌向佛，悲泣墮淚，而白佛言：「大德世尊！諦觀如是世間眾生，雖皆獲得難得人身，而遠離正信，遠離正願，遠離正意樂，遠離正見，遠離善知識，遠離好時，遠離好

處，遠離淨戒，遠離正定，遠離正慧。如是眾生，雖皆獲得難得人身，而由愚癡憍慢力故，造作如前所說重罪，譏謗世尊所說正法，觸惱世尊出家弟子。我等今者對世尊前，以至誠心發真誓願：我等從今流轉生死，乃至未得解脫已來，常願不遇如是惡緣，決定不造如是重罪，終不譏謗諸佛正法，亦不觸惱諸出家人，必不挑壞眾生法眼，亦不斷滅三寶種性。唯願世尊，哀愍攝受我等所發如是誓願」。

*(Kinh: Lúc bảy giờ, trong hội có vô lượng, vô số đại huệ hữu tình, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, chấp tay, hướng về đức Phật, buồn khóc rơi lệ, mà bạch với đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Quán kỹ chúng sanh trong thế gian như thế, tuy đều đạt được thân người khó được, nhưng xa lìa chánh tín, xa lìa chánh nguyện, xa lìa chánh ý nhạo, xa lìa chánh kiến, xa lìa thiện tri thức, xa lìa thời tốt đẹp, xa lìa chỗ tốt đẹp, xa lìa tịnh giới, xa lìa chánh định, xa lìa chánh huệ. Chúng sanh như thế tuy đều đạt được thân người khó được, nhưng do sức ngu si, kiêu mạn, tạo tác trọng tội như trên đây đã nói, hủy báng chánh pháp do đức Thế Tôn đã nói, xúc phạm, nhiễu loạn các đệ tử xuất gia của đức Thế Tôn. Chúng con nay đối trước đức Thế Tôn, dùng tâm chí thành, phát ra thế nguyện chân thật: Chúng con từ nay lưu chuyển sanh tử cho đến trước khi được giải thoát, thường nguyện chẳng gặp ác duyên như thế, quyết định chẳng tạo trọng tội như thế, trọn chẳng hủy báng chánh pháp của chư Phật, cũng chẳng xúc phạm, nhiễu loạn những người xuất gia, ắt chẳng chọc mù pháp nhãn của chúng sanh, cũng chẳng đoạn diệt chủng tánh Tam Bảo. Kính mong đức Thế Tôn xót thương, nhiếp thọ thế nguyện đã phát như thế của chúng con”).*

Những tội đã nói trên đây là do người nào tạo ra? Trong hội này, có vô lượng, vô số, chẳng phải là trăm vị, ngàn vị, vạn vị, mà là vô lượng, vô số. Cho nên có một nhóm các hữu tình có đại trí huệ, đương nhiên là họ đều đã phát Bồ Đề tâm. Các chúng sanh ấy từ chỗ ngồi đứng lên, hướng về đức Phật đánh lễ, khóc lóc đau xót. Có ai thương tâm mà chẳng rơi lệ? Buồn khóc còn thâm hơn chỉ khóc lóc! Vì thế, rơi lệ thì vẫn là hữu tình chúng sanh. Hữu tình có nước mắt; hễ động lòng, bèn tuôn nước mắt. Tâm sân hận nổi lên, bốc hỏa đùng đùng, tức sùi bọt mép. Tình cảm sâu nặng bèn tuôn nước mắt. Hai loại ấy đều chẳng tốt, chẳng tự nhiên!

Các vị ấy do thương xót chúng sanh, thấy trên đây đức Phật đã nói nhiều kẻ ác thọ tội như vậy, [bèn thưa rằng]: Chúng con để quán, tức là đúng lý quan sát, quan sát suy xét chắc thật, thì gọi là Đệ. Quan sát theo Đệ lý, quan sát từ thể tánh, nương theo giáo nghĩa do đức Phật đã giáo hóa để đúng lý quan sát tất cả chúng sanh trong thế gian, [bèn thấy rằng] tuy họ đạt được thân người khó có như thế. Đức Phật nói một phen được làm thân người khó khăn cỡ nào? Đức Phật nói một tỷ dụ: “*Thất nhân thân như đại địa thổ, đắc nhân thân như trảo thượng trần*”. Tức là quý vị một phen được làm thân người giống như bụi đất bám vào kẽ móng tay, ít ỏi như thế đó; đánh mất thân người thì nhiều như đất trong đại địa. Chư vị đạo hữu! Vì sao chúng ta được làm thân người? Trong nhiều đời bao kiếp, đã có nhân duyên nhất định đối với Tam Bảo, tức là đời này chúng ta có dịp gặp gỡ ở nơi đây, mọi người cùng nhau học tập, trọn chẳng phải chỉ là một đời, mà là mười đời, trăm đời đã gieo thiện căn nơi khá nhiều đức Phật.

Quý vị dùng tình cảnh hiện thực để đối chiếu với lời đức Phật dạy, đối chiếu với những điều người có trí huệ đã nói như thế nào, [sẽ nhận biết] thân người khó được dường ấy, [thế mà nay chúng ta] lại coi chẳng đáng một đồng, hồng bét mất rồi! Đánh mất thân người lần này, mong lại được làm người, chẳng giống như chúng ta nói, hoặc như kẻ khác nói “*chết rồi là chẳng còn gì nữa*”. Đâu có chuyện tiện nghi như thế, chết rồi chẳng còn gì nữa ư? Giết người, phóng hỏa, tạo ác nghiệp nhiều ngàn ấy, quý vị chẳng phải hứng chịu [hậu quả], chẳng có [hậu quả] ư? Chẳng thể được! Do vậy, người trên thế gian này, vì sao có kẻ giàu to, tiền bạc rủng rỉnh? Có người hưởng thụ ngàn ấy, có người nghèo túng ngàn ấy? Họ đã phí phạm cái thân người khó có này! Nếu thật sự phá hỏng hơn nữa, thì họ dùng tâm thân để tạo nghiệp, tạo nghiệp gì vậy? Tự mình tạo địa ngục, địa ngục đều là do chính mình tạo ra!

Như vậy thì quý vị đối với thời điểm tốt đẹp và nơi chốn tốt đẹp đều xa lìa. Thời điểm tốt đẹp là gì? Lúc đức Phật xuất thế, quý vị chưa sanh ra. Lúc đức Phật tại thế, Phật sanh ở nơi đâu, quý vị chẳng sanh về chỗ đó. Nơi thiện tri thức đến, quý vị chẳng đến đó. Quý vị cách các Ngài rất xa, sanh vào vùng biên cương, chẳng nghe Phật pháp, chẳng nghe chánh pháp. Sau đó, lại tạo nghiệp. Điều này giống như trong phần trước đã nói, diệt Phật, diệt Pháp, diệt Tăng, bức hại pháp khí và chẳng phải pháp khí, hủy báng chánh pháp do đức Phật đã nói, xúc phạm, náo loạn đệ tử xuất gia của đức Thế Tôn, nay chúng ta có cảm giác rất hoảng sợ!

(Kinh) Thời, chúng hội trung, phục hữu vô lượng bách thiên câu-chi na-dữu-đa thông huệ hữu tình, tùng tòa nhi khởi, đánh lễ Phật túc, hiệp chướng, cung kính nhi bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng kim giả, đối Thế Tôn tiền, dĩ chí thành tâm, phát chân thệ nguyện: Ngã đẳng tùng kim lưu chuyển sanh tử, nãi chí vị đắc Pháp Nhân dĩ lai, u kỳ trung gian, thường nguyện bất xử chư đế vương vị, thường nguyện bất xử chư tể quan vị, thường nguyện bất xử chư quốc sư vị, thường nguyện bất xử thành, ấp, tụ lạc, trấn la trưởng vị, thường nguyện bất xử chư quân tướng vị, thường nguyện bất xử chư thương chủ vị, thường nguyện bất xử nhất thiết từ tự tự quán chủ vị, thường nguyện bất xử trưởng giả, cư sĩ, sa-môn chủ vị, thường nguyện bất xử chư sư trưởng vị, thường nguyện bất xử gia trưởng vị, thường nguyện bất xử đoán sự giả vị, thường nguyện bất xử nãi chí nhất thiết phú quý tôn vị. Nãi chí vị đắc Pháp Nhân dĩ lai, ngã đẳng nhược xử như thị chư vị, tắc u Phật pháp danh ác nhân duyên, tạo chư trọng tội, hủy báng chư Phật sở thuyết chánh pháp, xúc não chư Phật xuất gia đệ tử, tất đương khiêu hoại chúng sanh pháp nhân, diệt vi đoạn diệt Tam Bảo chủng tánh, diệt vi tổn não vô lượng hữu tình. Do thị định đọa Vô Gián ngục, luân chuyển ác thú, nan hữu xuất kỳ. Duy nguyện Thế Tôn, ai mãn nhiếp thọ ngã đẳng sở phát như thị thệ nguyện”.

(經)時，眾會中，復有無量百千俱胝那庾多聰慧有情，從座而起，頂禮佛足，合掌恭敬，而白佛言：「大德世尊！我等今者對世尊前，以至誠心發真誓願：我等從今流轉生死，乃至未得法忍已來於其中間，常願不處諸帝王位，常願不處諸宰官位，常願不處諸國師位，常願不處城邑聚落鎮邏長位，常願不處諸軍將位，常願不處諸商主位，常願不處一切祠祀寺觀主位，常願不處長者、居士、沙門主位，常願不處諸師長位，常願不處諸家長位，常願不處斷事者位，常願不處乃至一切富貴尊位。乃至未得法忍已來，我等若處如是諸位，則於佛法名惡因緣，造諸重罪，謾謗諸佛所說正法，觸惱諸佛出家弟子，必當挑壞眾生法眼，亦為斷滅三寶種性，亦為損惱無量有情。由是定當墮無間獄，輪轉惡趣，難有出期。唯願世尊，哀愍攝受我等所發如是誓願」。

(**Kinh:** Khi ấy, trong chúng hội lại có vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa hữu tình thông huệ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, chấp tay, cung kính bạch với đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con nay đối trước đức Thế Tôn, dùng tâm chí thành, phát ra thệ nguyện chân thật: Chúng con từ nay trở đi, lưu chuyển trong sanh tử, cho đến khi chưa đắc Pháp Nhân, trong khoảng giữa ấy, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị đế vương, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị tể quan, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị quốc sư, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị đứng đầu thành, ấp, xóm làng, thị trấn, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị tướng lĩnh trong quân đội, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị chủ quản kinh thương, thường nguyện chẳng giữ hết thảy các ngôi vị đứng đầu các nơi cúng tế, chùa chiền, đạo quán, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị đứng đầu giới trưởng giả, cư sĩ, sa-môn, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị sư trưởng, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị gia trưởng, thường nguyện chẳng giữ các ngôi vị xử đoán, cho đến thường nguyện chẳng giữ hết thảy các ngôi vị phú quý tôn quý. Cho đến khi chưa đắc Pháp Nhân, nếu chúng con giữ các ngôi vị như thế, sẽ gọi là ác nhân duyên trong Phật pháp, tạo các trọng tội, hủy báng chánh pháp do chư Phật đã nói, xúc phạm, nhiễu loạn các đệ tử xuất gia của chư Phật, ắt sẽ chọc mù pháp nhãn của chúng sanh, cũng sẽ đoạn diệt chủng tánh Tam Bảo, cũng tổn hại, nhiễu loạn vô lượng hữu tình. Do vậy, chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián, luân chuyển trong đường ác, khó có thở thoát ra. Kính mong đức Thế Tôn xót thương, nhiếp thọ các thệ nguyện do chúng con đã phát ra như thế”).

Những người trong đại hội mong mỗi làm gì? Đừng làm đế vương! Hoàn toàn tương phản với kẻ bình phàm. Có rất nhiều kẻ đòi sau mong làm quốc vương, còn các vị này hoàn toàn tương phản, mong mỗi đừng làm quốc vương, mong đừng làm tể quan, mong đừng làm quốc sư. Người xuất gia làm thầy của hoàng đế thì gọi là “quốc sư”. “Thường nguyện bất xử thành, ấp, tụ lạc, trấn la trưởng vị” [nghĩa là] hương trưởng (trưởng làng), thôn trưởng, cho đến khu trưởng, cho đến huyện trưởng, các địa vị ấy ta đều không mong muốn. “Thường nguyện bất xử chư quân tướng vị” (Thường nguyện chẳng giữ địa vị tướng lĩnh trong quân đội): Ngàn vạn lần đừng cầm quân, cũng chẳng làm tướng quân. Vì sao? Trong quá khứ đã có bài thơ nói về kẻ làm tướng quân: “Nhất tướng công thành, vạn cốt khô”, [tức là] quý vị làm tướng quân, cho đến



khi đạt được địa vị tướng quân, sẽ tạo rất nhiều nghiệp. Nói “*vạn*” là nói số lượng đại khái mà thôi, chẳng biết phải giết bao nhiêu người! Nghiệp ấy rất lớn, cho nên chẳng mong địa vị làm tướng quân.

Cũng “*thường nguyện bất xử chư thương chủ vị*”, [tức là] đừng làm chủ doanh nghiệp. Ở nơi đây, có mấy vị đạo hữu là thương chủ (chủ xí nghiệp, doanh nghiệp); vì sao chẳng muốn thuộc địa vị thương chủ? Chúng ta có thể nghĩ đến điều này! Chúng ta có các quyền thuộc làm ông bà chủ, ở đây cũng có mấy vị làm chủ doanh nghiệp, quý vị ngẫm xem, làm chủ doanh nghiệp quá khổ sở! Chưa kể là hắc đạo (bọn giang hồ, xã hội đen) quấy nhiễu quý vị, quan quyền hạch sách, hiếp đáp quý vị. Hòa thượng hóa duyên cũng tìm đến quý vị, vì quý vị có tiền, khổ càng nhiều hơn!

Mọi người còn biết có chuyện cưỡng ép hóa duyên nữa cơ! Miền Đông Bắc, tu bỏ các ngôi đại tự. Mọi người đã xem Ảnh Trần Hồi Úc Lục thì biết. Có lão tướng quân Châu Tử Kiêu, trong quá khứ đã làm tướng quân tại Hắc Long Giang. Tới thời Dân Quốc, ông ta chỉ làm ủy viên trưởng trong Chân Tế Ủy Viên Hội, ông ta đòi Tướng Giới Thạch cho mình giữ địa vị ấy. Ông ta nói là muốn làm sự nghiệp từ thiện, nhưng hóa duyên theo kiểu cưỡng ép. Cưỡng ép như thế nào? Các bạn bè lâu năm của ông ta đều bị hóa duyên đến nỗi sợ xanh mặt! Ông ta sửa chùa cũng nhiều, cứu tế tai nạn cũng nhiều. Dân bị tai nạn nhiều ngàn ấy! Có lần Hoàng Hà gây nên nạn lụt, ông liền đến cứu trợ. Tại vùng Đông Bắc Trung Hoa, ông ta hóa duyên Trương Học Lương<sup>26</sup>, hóa duyên bao nhiêu *vạn* gánh cao lương. Người ta cần ăn, ông chuyển đến từng người một. Con số hóa duyên của ông ta rất lớn, ông ta sang Thượng Hải hóa duyên các đạo hữu. Có chuyện buồn cười là ông ta ngồi đợi ở phòng khách nhà bạn, chủ nhà ngồi lì trong phòng vệ sinh không dám ra. Làm cách nào đây? Ông ta đến tận phòng vệ sinh, rống lên: “Ông ra ngay đi! Tôi quyền số tiền đâu có nhiều! Chỉ là một *vạn* đồng!

---

<sup>26</sup> Trương Học Lương (1901-2001), tự Hán Khanh, hiệu Nghị Am, tên cúng cơm là Song Hỷ, quê ở Hải Thành thuộc Phụng Thiên, là quân phiệt vùng Phụng Thiên, vốn là con trưởng của quân phiệt Trương Tác Lâm. Ông từng làm Tổng Tư Lệnh Bảo An vùng Đông Bắc. Về sau, ông theo Quốc Dân Đảng. Trương Học Lương từng làm đến cấp bậc thượng tướng trong quân đội Đài Loan, nhưng do từng trở cò bắt giam Tướng Trung Chánh (Tướng Giới Thạch) tại Tây An, ông bị nghi kỵ, bị giam lỏng suốt năm mươi năm tại nhà riêng cho đến khi Lý Đăng Huy làm tổng thống Đài Loan mới được trả tự do hoàn toàn.

Một vạn đồng là được rồi, có thể đuổi tôi đi được rồi!” Thuở đó, một vạn đồng đại dương<sup>27</sup> rất lớn!

Có lúc ông ta hóa duyên rất nhiều, nhưng ông ta rất nghèo, thứ gì cũng chẳng có. Là một người rất có đạo đức, chuyện bất cứ ai không dám làm, ông ta sẽ làm. Vợ ông ta lớn hơn chồng mười lăm tuổi, mọi người nghĩ chuyện ấy chẳng thể nào được! Vợ ông ta chính là nha hoàn trong nhà. Nhà ông ta cha mẹ mất sớm, ông ta là con một, người khác đều bỏ đi hết rồi, cô nha hoàn ấy nuôi ông. Tới khi ông trưởng thành, tính toán cho nha hoàn như thế nào? Ông bảo: “Tôi và cô kết hôn là xong!” Nha hoàn nói: “Chuyện này làm sao có thể được! Tôi lớn hơn cậu quá nhiều!” Ông ta nói: “Nếu không, tôi chẳng thể báo đáp cô!” Sau đấy, ông ta lại yêu cầu nha hoàn kết hôn với ông. Đã kết hôn, ông ta tuyệt đối chẳng hai lòng, lại còn sanh con cái rất đông!

Nói về đạo đức cá nhân của người này. Trong quá khứ, khi ông ta làm tướng quân, được gọi là “*Châu đồ phu*” (朱屠夫, gã đồ tể họ Châu). Mọi người có biết vì sao bị gọi là “*Châu đồ phu*” hay không? Tên ông ta là Châu Khánh Nam, hiệu là Châu Tử Kiêu, giết người quá nhiều! Về sau, ông ta sám hối, buông dao đồ tể, ngay lập tức thành Phật. Ông ta nói: “Tôi có thể giết người, mà cũng có thể cứu người”. Ông ta cứu trợ tai nạn, chẳng biết đã cứu trợ bao nhiêu người. Về sau, ông ta thân thiết với lão pháp sư Đàm Hư nhất. Ông ta và chúng tôi có thể nói chuyện thoải mái với nhau. Ông ta nói: “Tôi cứu người nhiều hơn giết người, có thể chuộc lỗi được!” Chúng tôi bảo ông ta: “Chuộc không nổi! Kinh Phật cũng chẳng nói có thể chuộc! Tức là ông giết những kẻ đó thì phải đền trả từng người một; ông cứu những người khác, thì mỗi người trong bọn họ sẽ báo đáp ông. Chẳng có chuyện chuộc!” “Có phương pháp nào thì mới có thể chuộc được?” Tôi nói: “Ông tu Không Quán. Đã là

---

<sup>27</sup> Đại Dương (大洋) là đồng tiền tròn đúc bằng bạc thời Dân Quốc, còn gọi là Ngân Viên, Ngân Nguyên, Viên Ngân, Ngân Bính, Ngân Tiền, Ngân Dương, Dương Ngân, Đại Dương Tiền, Dương Điền, hay Quang Dương. Đồng Đại Dương thời Dân Quốc đúc bằng bạc, nặng 26 gr, thường là một mặt ghi chữ Nhất Viên (壹圓, một đồng), mặt kia đúc nổi hình Tôn Văn, hay chân dung lãnh tụ chính quyền quân phiệt nơi đồng bạc lưu hành. Đồng tiền này thật ra là hợp kim bạc pha đồng, và được thay thế bằng một hình thức tiền tệ mới gọi là Pháp Tệ (法幣) vào năm 1935. Tuy vậy, theo thói quen, đơn vị tiền tệ vẫn gọi là Viên (圓, Yuan, đôi khi viết thành 元, Nguyên), và danh xưng này được dùng tại Đài Loan cho đến ngày nay tuy đã sử dụng tiền giấy (và từ năm 1949, chính quyền Đài Loan đã phát hành đồng tiền mới là Tân Đài Tệ, nhưng mọi người vẫn quen gọi đơn vị tiền tệ là Viên hoặc Nguyên).

Không, sẽ chẳng có gì là người được cứu và kẻ cứu. Đã không có người được cứu thì người giết lẫn kẻ bị giết đều không có, đều được giải quyết! Thứ gì cũng đều chẳng có”. Đây là nó về tâm sám (心懺, sám hối bằng cái tâm), vạn pháp duy thức. Duy tâm, quý vị phải dùng điều này để quán tu, hết thấy tội đều chẳng tồn tại, rỗng không, tội tánh vốn Không, chỉ do tâm tạo.

Phép Quán này chẳng dễ tu, nói rất dễ dàng. Chúng tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiệt Ác Nghiệp Báo, quyển hạ giảng về phép Quán này. Mọi người hãy xem thử phép Quán này tu khó hay dễ? Bất quá chẳng khăn yếu, có một phương pháp. Cuối cùng, Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta một phương pháp, niệm danh hiệu của Ngài, sẽ có thể tu thành phép Quán ấy. Niệm nào quý vị cũng quán Địa Tạng Bồ Tát là Không, là cái tâm của chính mình, thế là được rồi! Nay lại nói về chỗ mình không muốn đến, trước hết nói về khổ đã. Nỗi khổ vẫn xảy tới, làm thế nào để lìa khổ? Các vị ấy nói: Con chẳng muốn giữ địa vị sư trưởng, cũng chẳng làm thương chủ, chẳng muốn kinh doanh to lớn, hoặc làm ông chủ, cũng chẳng làm miếu chủ cai quản từ đường, cũng chẳng làm Đương Gia trong tự viện, những thứ ấy con đều không cần. Lại còn chẳng muốn giữ các địa vị cầm đầu bọn trưởng giả, cư sĩ, sa-môn!

Người xuất gia chúng ta phát nguyện làm pháp sư<sup>28</sup> rất ít. Từ những người tốt nghiệp Phật Học Viện, tìm một hai vị pháp sư rất khó. Làm pháp sư rất khó khăn, nghiệp rất nhiều. Nói sai một câu, bài bác “chẳng có nhân quả”, sẽ bị đọa lạc. Quý vị chẳng biết nói sai như thế nào ư? Nhưng chính mình đã có kiến thức to lớn dường ấy, lại làm như thế nào đây? Giả sử ai nấy đều chẳng hoằng dương Phật pháp, chẳng phải là pháp bị đoạn tuyệt ư? Pháp bị đoạn tuyệt, hết thấy chúng sanh chẳng được độ, do chẳng có pháp nhân. Tội ác như thế chẳng to lớn ư? Tội do hoằng pháp mà phạm tội và cái tội chính mình đọa địa ngục [vì đã xuất gia mà không hoằng pháp], tội ác nào lớn hơn? Khi ấy, tôi đã suy xét cả hai đàng, “trước cửa địa ngục, Tăng, đạo đông”, vì sao? Mọi người có thể tưởng tượng được, tôi chẳng nói nữa!

---

<sup>28</sup> “*Pháp sư*” ở đây là những vị thật sự có khả năng thuyết pháp, thông thuộc, thâm nhập Kinh Tạng, có chánh kiến, giảng pháp tối thiểu không trái nghịch với tinh thần của Phật và chư tổ, chẳng phải là người có khẩu tài, khéo biện bác, lập ra dị thuyết, mà cũng chẳng phải là danh xưng thông thường để gọi các vị xuất gia như thường sử dụng tại Trung Hoa và Đài Loan.

Đời Tống, Chân Hiết thiền sư làm phương trượng chùa Dũng Tuyền tại Cổ Sơn, giảng kinh, hoàng pháp, đạo đức rất cao. Hơn ngàn người nghe kinh, tối thiểu là mấy trăm người, công đức rất lớn. Về sau, khi Ngài bị bệnh, chuyển qua ở trong một gian nhà gần chỗ hỏa táng. Cũng có thể nói gian nhà ấy là chỗ để quàn xác chết. Phàm quý vị bệnh nặng, chữa không được, chẳng thể nào sống sót, liền khiêng sang đó. Được khiêng vào đó, hơi lạnh khiến Ngài tỉnh lại, thấy chính mình đang ở Niết Bàn Đường, Niết Bàn Đường là bất sanh bất diệt; khiêng tới đó, chờ thiêu hóa. Sau đó, Ngài lành bệnh, bèn làm một bài thơ hồng dạy bảo những người thuyết pháp: “*Giảng đạo, luận pháp thật khả thương*” (Giảng đạo, luận pháp, thật đáng thương), [nghĩa là] giảng kinh, thuyết pháp, bàn đạo lý, nói đạo lý rành mạch, nhưng chính mình chẳng chứng đắc thì là chuyện thật sự đáng thương tâm. “*Chung báo thân ngộ Niết Bàn Đường*” (Sắp chết nằm mọp Niết Bàn Đường): Từ sáng đến tối chờ chết ở Niết Bàn Đường. “*Môn vô quá khách, song vô chi*” (Cửa không khách tới, song không giấy): Khi quý vị làm đại pháp sư, đệ tử rất đông, người này đến thăm, người nọ đến viếng. Hễ tới Niết Bàn Đường, sẽ chẳng có ai hết. Một người khách cũng không có. Cửa sổ phát giấy, khi ấy nhằm thời Tống, toàn là dùng giấy dán cửa sổ để che gió (gọi là “phát giấy”). Gió lùa thổi rách giấy dán cửa sổ, cũng chẳng có ai tới dán cửa sổ Niết Bàn Đường. Gian nhà chứa người chết thì dán để làm gì? Chẳng có ai quản, cho nên gió lùa vào tận nơi! “*Lô hữu hàn hôi, tịch hữu sương*” (Tro lạnh đầy lò, chiếu nhuốm sương): Niết Bàn Đường phải nhóm lò, rất lạnh, nhưng không có ai đến nhóm lửa, toàn là tro lạnh ngắt. Còn chiếu thì do cửa sổ chẳng phát giấy, gió thổi lồng lộng, cuốn theo sương ướt đầm chiếu.

“*Bệnh tòng thi tri thân thị khổ*” (Bệnh rồi mới biết thân đau khổ): Đợi đến khi quý vị bị bệnh, mới biết thân mình khổ nhất, có cái thân là khổ sở nhất! “*Kiện thời đô vị tha nhân mang*” (Lúc khỏe luôn vì người khác bận): Lúc thân thể khỏe mạnh, quý vị chẳng tu hành, cứ đi giúp người này, gia trì cho người này, cầu cảm ứng cho kẻ kia, niệm kinh hoặc bái sám cho kẻ nọ, luôn bận bịu vì chuyện người khác. Có đúng như thế hay không? Đúng! Vào lúc ấy, Ngài thốt lời thương tâm, bảo ban những người giảng đạo, luận pháp, đừng quên khuấy chính mình, có ý nghĩa như thế đó. Hai câu cuối nhằm nói: Ngài đã làm được, cho nên về sau gọi là Chân Hiết (真歌, thật sự ngưng nghỉ). “*Lão tăng tự hữu an tâm pháp*”: Ta luôn có phương pháp để an cái tâm. “*Bát khổ giao tiên tông bất phương*” (Tám khổ cùng nung chẳng ngại gì): Tám sự khổ đều

ùa đến, chẳng sao cả! Hai câu này nói Ngài đã ngộ đạo trong Niết Bàn Đường.

Vì lẽ ấy, các vị đại đức trông thấy tình huống kiểu ấy, bèn nói ngàn vạn lần đừng làm sư trưởng, ngàn vạn lần đừng làm người đứng đầu. Thậm chí bất luận quý vị làm gì, làm thủ lãnh của sa-môn, hay đứng đầu hoặc lãnh đạo các cư sĩ đều chẳng làm, phát nguyện như vậy. Còn có hết thảy các địa vị sư trưởng, trưởng giả, cho đến xét xử, phán đoán công bằng hay không, đây có thể là nói đến chức vụ luật sư [hay quan tòa]. “*Thường nguyện bất xử đoán sự giả vị*” (Thường nguyện chẳng giữ địa vị làm người xử đoán): Hoặc làm phán quan xử án, xét xử, cho đến các địa vị phú quý cao sang. Nói chung, phạm là địa vị tôn quý, được kẻ khác cung kính, ta đều chẳng muốn. Trước khi ta đắc Pháp Nhãn, khi chưa thành đạo, nếu giữ các địa vị ấy, nhất định sẽ sanh ra ác nhân duyên trong Phật pháp, sẽ tạo đủ loại tội. Do vậy, ta chẳng mong đoạn diệt chủng tánh Tam Bảo, chẳng mong hủy diệt chánh pháp của Phật, cũng chẳng mong tổn hại vô lượng hữu tình. “*Do thị định đương đọa Vô Gian địa ngục, luân chuyển ác thú, nan hữu xuất kỳ, duy nguyện Thế Tôn*” (Do vậy, nhất định sẽ đọa vào địa ngục Vô Gian, luân chuyển trong đường ác, khó có thể thoát ra. Kính mong đức Thế Tôn) hãy từ bi nhiếp thọ chúng con, khiến cho chúng con được thỏa mãn nguyện đã phát này! Con sẽ làm một kẻ tu hành bình phạm, tín phụng Tam Bảo. Đó là một loại người nữa!

*(Kính) Nhĩ thời, nhất thiết chư lai đại chúng, thiên, long, Dược Xoa, Kiện Đạt Phước, nhân phi nhân đẳng, giai tùng tòa khởi, đánh lễ Phật túc, bi hào, cảm thiết, thể lệ giao lưu, hiệp chưởng, cung kính, nhi bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đẳng vô thí sanh tử dĩ lai, ngu si, kiêu mạn, khởi chư ác nghiệp, hoặc thân ác nghiệp, hoặc ngữ ác nghiệp, hoặc ý ác nghiệp, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ, như thị chư tội, kim đối Phật tiền, giai thâm tâm quý, phát lộ sám hối, bất cảm phú tàng, nguyện tất trừ diệt. Tùng kim dĩ vãng, vĩnh bất phục tác, phòng hộ đương lai sở hữu tội cũ”. Đệ nhị, đệ tam diệt như thị thuyết. “Ngã đẳng chí thành phát chân thệ nguyện: Tùng kim nãi chí sanh tử hậu tế, u kỳ trung gian, thường nguyện bất phùng chư ác tri thức, diệt nguyện bất ngộ chư ác nhân duyên. Thiết đương phùng ngộ, nguyện bất tùy thuận, quyết định bất tạo như tiền sở thuyết chư ác tội nghiệp, vật linh ngã đẳng trường dạ thọ khổ. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn, nhiếp thọ ngã đẳng, sở phát như thị thệ nguyện”.*

(經)爾時，一切諸來大眾，天、龍、藥叉、健達縛、人非人等，皆從座起，頂禮佛足，悲號感切，涕淚交流，合掌恭敬，而白佛言：「大德世尊！我等無始生死已來，愚癡憍慢，起諸惡業，或身惡業，或語惡業，或意惡業，自作教他，見聞隨喜。如是諸罪，今對佛前，皆深慚愧，發露懺悔，不敢覆藏，願悉除滅，從今以往永不復作，防護當來所有罪咎」。第二第三，亦如是說：「我等至誠，發真誓願：從今乃至生死後際，於其中間，常願不逢諸惡知識，亦願不遇諸惡因緣。設當逢遇願不隨順，決定不造如前所說諸惡罪業，勿令我等長夜受苦。唯願世尊，哀愍攝受我等，所發如是誓願」。

(*Kinh: Lúc bảy giờ, hết thầy các đại chúng đến dự pháp hội, trời, rồng, Dược Xoa, Kiện Đạt Phục (Càn Thát Bà), nhân phi nhân v.v... đều từ chỗ ngồi đứng lên, đánh lễ dưới chân đức Phật, buồn than, cảm xúc thiết tha, nước mắt ràn rụa, chắp tay, cung kính bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Chúng con từ vô thủy sanh tử đến nay, ngu si, kiêu căng, ngạo mạn, dấy lên các ác nghiệp, hoặc ác nghiệp nơi thân, hoặc ác nghiệp nơi ngữ, hoặc ác nghiệp nơi ý, tự làm, dạy người khác làm, thấy nghe bèn tùy hỷ, các tội như thế đối trước đức Phật đều hồ thẹn sâu xa, phát lộ sám hối, chẳng dám giấu giếm, nguyện đều trừ diệt. Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng làm nữa, ngăn ngừa tất cả tội lỗi trong mai sau”. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế. “Chúng con chỉ thành phát ra thệ nguyện chân thật, từ nay cho đến hết sanh tử trong đời mai sau, trong khoảng ấy, thường nguyện chẳng gặp các ác tri thức, cũng nguyện chẳng gặp các ác nhân duyên. Dầu có gặp gỡ, nguyện chẳng thuận theo, quyết định chẳng tạo các ác tội nghiệp như đã nói trên đây, chẳng khiến cho chúng con chịu khổ trong đêm dài. Kính mong đức Thế Tôn xót thương, nhiếp thọ thệ nguyện do chúng con đã phát ra như thế”).*

Đây là khóc ra tiếng. “Hào” (號) là khóc lớn. “Thế lệ giao lưu, hiệp chưởng, cung kính nhi bạch Phật ngôn: - Đại đức Thế Tôn, ngã đẳng vô thủy sanh tử dĩ lai, ngu si, kiêu mạn, khởi chư ác nghiệp, hoặc thân ác nghiệp, hoặc ngữ ác nghiệp, hoặc ý ác nghiệp” (Nước mắt ràn rụa, chắp tay, cung kính mà bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế

Tôn! Chúng con từ vô thủy sanh tử đến nay, ngu si, kiêu căng, ngạo mạn, dấy lên các ác nghiệp, hoặc ác nghiệp nơi thân, hoặc ác nghiệp nơi miệng, hoặc ác nghiệp nơi ý”): Ba nghiệp toàn là tạo ác, chính mình đã tạo ác thì thôi, lại còn chỉ dạy kẻ khác! “*Kiến văn tùy hỷ, như thị chư tội, kim đối Phật tiền, giai thâm tâm quý, phát lộ sám hối, bất cảm phú tàng, nguyện tất trừ diệt, tùng kim dĩ vãng, vĩnh bất phục tác*” (Thấy nghe vui theo, các tội như thế, nay đối trước Phật, đều hổ thẹn sâu xa, phát lộ sám hối, chẳng dám giấu giếm, nguyện đều trừ diệt. Từ nay trở đi, vĩnh viễn chẳng làm nữa): Phát nguyện chẳng còn làm những điều ác ấy. “*Phòng hộ đương lai sở hữu tội cửu*” (Ngăn ngừa tất cả tội lỗi trong mai sau), “*đệ nhị, đệ tam, diệt như thị thuyết*” (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế). “*Như thị*” là mỗi loại đều phát nguyện như thế, cũng là họ phát nguyện gần giống như nhau, phần lớn đều giống nhau. Đại khái là khi pháp sư Huyền Trang phiên dịch, những chỗ tương đồng, Ngài chẳng dịch lặp lại quá nhiều, bèn thêm chữ “*đệ nhị, đệ tam*”, đại ý là có ý nghĩa như thế! Nguyện gì vậy? Nguyện chúng con ngàn vạn lần đừng gặp ác tri thức, bọn chúng sẽ kéo chúng con vào địa ngục. Chẳng muốn gặp các nhân duyên ác như thế đó. “*Thiết đương phùng ngộ, nguyện bất tùy thuận*” (Nếu như gặp gỡ, nguyện chẳng thuận theo): Quyết định chẳng tạo các tội nghiệp xấu ác như đã nói trong phần trước. “*Vật linh ngã đẳng trường dạ thọ khổ. Duy nguyện Thế Tôn ai mãn nhiếp thọ ngã đẳng, sở phát như thị thế nguyện*” (Đừng để chúng con chịu khổ trong đêm dài. Kính mong đức Thế Tôn xót thương nhiếp thọ thế nguyện do chúng con đã phát như thế).

**(Kinh) Nhữ thời, Thế Tôn phổ cáo nhất thiết chư lai đại chúng:**  
“**Thiện tai! Thiện tai! Nhữ đẳng nữ năng ư hậu thế khổ, thâm kiến bố úy, phát lộ sám hối. Nhữ đẳng kim giả, dục độ sanh tử thâm quảng bực lưu, dục nhập vô úy Niết Bàn chi thành, phát như thị nguyện. Chư thiện nam tử! Hữu thập chủng pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, hoạch đắc vô tội, chánh lộ Pháp Nhân. Hà đẳng vi thập? Chư thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước nội thân, bất trước ngoại thân, bất trước nội ngoại thân, bất trước quá khứ thân, bất trước vị lai thân, bất trước hiện tại thân, danh đệ nhất pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân**”.

(經)爾時，世尊普告一切諸來大眾：「善哉！善哉！汝

等乃能於後世苦，深見怖畏，發露懺悔。汝等今者，欲度生死深廣瀑流，欲入無畏涅槃之城，發如是願。諸善男子！有十種法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪，正路法忍。何等為十？諸善男子！若諸菩薩摩訶薩等，不著內身，不著外身，不著內外身，不著過去身，不著未來身，不著現在身，名第一法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪正路法忍。

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn bảo khắp hết thấy các đại chúng đến tham dự: “Lành thay! Lành thay! Các ông có thể đối với sự khổ trong đời sau, trông thấy bèn sợ hãi sâu xa, phát lộ sám hối. Nay các ông muốn vượt thoát khỏi dòng thác sanh tử sâu rộng, muốn vào tòa thành Niết Bàn không sợ hãi, bèn phát nguyện như thế. Nay các thiện nam tử! Có mười loại pháp có thể khiến cho hàng Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhãn. Những gì là mười? Nay các thiện nam tử! Nếu các vị Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp nội thân, chẳng chấp ngoại thân, chẳng chấp trước trong ngoài thân, chẳng chấp thân quá khứ, chẳng chấp thân vị lai, chẳng chấp thân hiện tại, thì gọi là pháp thứ nhất có thể khiến cho hàng Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhãn”).*

Trên đây có nhiều loại chúng sanh như vậy, đối với từng loại một, đức Phật đều tổng kết: “*Thiện tai! Thiện tai*”, [ý nói] các vị phát nguyện đều rất hay! “*Nhữ đẳng nãi năng ư hậu thế khổ, thâm kiến bố úy*”, [nghĩa là] các vị đối với sự khổ trong đời sau đều có thể hiểu rõ, lại còn quán chiếu rất sâu sắc, phát sanh tâm kinh sợ. Cho nên “*phát lộ sám hối*”. Hiện thời, “*nhữ đẳng kim giả dục độ sanh tử thâm quảng bộc lưu*” (nay các ông muốn vượt dòng thác sanh tử sâu rộng): Biền khổ sanh tử vừa sâu lại vừa rộng, giống như dòng thác chảy xiết, mong tiến nhập “*vô úy Niết Bàn chi thành*” (tòa thành Niết Bàn chẳng sợ hãi): Chẳng có sợ hãi, tiến nhập tòa thành Niết Bàn, tức là thành đạo, thành Phật sẽ chẳng sợ hãi. Do vậy, “*phát như thị nguyện. Chư thiện nam tử! Hữu thập chủng pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhãn*” (phát nguyện như thế. Nay các thiện nam tử! Có mười loại pháp, có thể khiến cho hàng Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhãn): Chúng ta có muốn đắc Pháp Nhãn hay không? Đây là con đường chánh đáng để đạt được Pháp Nhãn, đạt đến thành đạo.



“Hà đẳng vi thập? Chư thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát, bất trước nội thân, bất trước ngoại thân, bất trước nội ngoại thân, bất trước quá khứ thân, bất trước vị lai thân, bất trước hiện tại thân, danh đệ nhất pháp” (Những gì là mười? Đây các thiện nam tử! Nếu các vị Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp nội thân, chẳng chấp ngoại thân, chẳng chấp trước trong ngoài thân, chẳng chấp thân quá khứ, chẳng chấp thân vị lai, chẳng chấp thân hiện tại, thì gọi là pháp thứ nhất): Chớ nên chấp trước thân thể của quý vị. Thân thể của quý vị là vô thường. Dùng thân để đại diện cho những gì? Đại diện sắc pháp. Hết thấy các thứ hữu hình, hữu tướng, sẽ đều tiêu diệt. Đặc biệt là chúng sanh do Ngã Kiến quá nhiều, đều coi chính mình là chánh yếu. Vì sao? Thân thể này của ta cần phải hưởng thụ, thân thể của ta phải thoải mái, luôn luôn là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, đều vì cái thân thể này! Trước hết, đoạn trừ Thân Kiến. Trong thân, ngoài thân, hết thấy các thân đều phải đoạn. Đây là phương pháp thuộc loại thứ nhất, tức là đoạn Thân Kiến. Đây là sắc pháp.

Vì trong phần sau, sẽ nói đến Thọ, Tướng, Hành, Thức. Sẽ nói đến Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, cho đến Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức. Nêu ra Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức làm đại diện. Đó là pháp thứ nhất. Sau đó, lại đoạn trừ tam giới, tức Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, tổng cộng là mười pháp, bao gồm các pháp ấy. “*Năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhãn*” (Có thể khiến cho Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhãn). Đây là pháp thứ nhất, khiến cho hết thấy Bồ Tát đều có thể thành Phật.

***(Kinh) Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước nội thọ, bất trước ngoại thọ, bất trước nội ngoại thọ, bất trước quá khứ thọ, bất trước vị lai thọ, bất trước hiện tại thọ, danh đệ nhị pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhãn. Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước nội tướng, bất trước ngoại tướng, bất trước nội ngoại tướng, bất trước quá khứ tướng, bất trước vị lai tướng, bất trước hiện tại tướng, danh đệ tam pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhãn. Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước nội hành, bất trước ngoại hành, bất trước nội ngoại hành, bất trước quá khứ hành, bất trước vị lai hành, bất trước hiện tại hành, danh đệ tứ pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhãn. Hựu thiện nam tử!***

*Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đấng, bất trước nội thức, bất trước ngoại thức, bất trước nội ngoại thức, bất trước quá khứ thức, bất trước vị lai thức, bất trước hiện tại thức, danh đệ ngũ pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đấng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân.*

(經)又善男子！若諸菩薩摩訶薩等，不著內受，不著外受，不著內外受，不著過去受，不著未來受，不著現在受，名第二法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪正路法忍。又善男子！若諸菩薩摩訶薩等，不著內想，不著外想，不著內外想，不著過去想，不著未來想，不著現在想，名第三法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪正路法忍。又善男子！若諸菩薩摩訶薩等，不著內行，不著外行，不著內外行，不著過去行，不著未來行，不著現在行，名第四法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪正路法忍。又善男子！若諸菩薩摩訶薩等，不著內識，不著外識，不著內外識，不著過去識，不著未來識，不著現在識，名第五法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪正路法忍。

*(Kinh: Lại này thiện nam tử! Nếu các vị Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp nội thọ, chẳng chấp ngoại thọ, chẳng chấp nội ngoại thọ, chẳng chấp quá khứ thọ, chẳng chấp vị lai thọ, chẳng chấp hiện tại thọ, gọi là pháp thứ hai, có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Lại này thiện nam tử! Nếu các vị Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp nội tướng, chẳng chấp ngoại tướng, chẳng chấp nội ngoại tướng, chẳng chấp quá khứ tướng, chẳng chấp vị lai tướng, chẳng chấp hiện tại tướng, gọi là pháp thứ ba, có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Lại này thiện nam tử! Nếu các vị Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp nội hành, chẳng chấp ngoại hành, chẳng chấp nội ngoại hành, chẳng chấp quá khứ hành, chẳng chấp vị lai hành, chẳng chấp hiện tại hành, được gọi là pháp thứ tư, có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Lại này thiện nam tử! Nếu các vị Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp nội thức, chẳng chấp ngoại thức, chẳng chấp nội ngoại thức, chẳng chấp quá khứ thức, chẳng chấp vị lai thức, chẳng chấp hiện tại thức, thì gọi là pháp thứ năm, có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhân).*

“*Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước nội thọ, bất trước ngoại thọ, bất trước nội ngoại thọ, bất trước quá khứ thọ, bất trước tương lai thọ, bất trước hiện tại thọ, danh đệ nhị pháp*” (Lại này thiện nam tử! Nếu các vị Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp nội thọ, chẳng chấp ngoại thọ, chẳng chấp nội ngoại thọ, chẳng chấp quá khứ thọ, chẳng chấp vị lai thọ, chẳng chấp hiện tại thọ, gọi là pháp thứ hai): Đây là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Năm món này đều đã nói trong phần trước; bất quá, vẫn tự biến hóa đôi chút. Trong ấy bao gồm tám thức, tôi chỉ giảng tổng quát đôi chút. Đối với những cái được gọi là Ngũ Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, Quán Tự Tại Bồ Tát do đã hành Bát Nhã sâu xa, soi thấy Ngũ Uẩn đều Không, tức là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức [đều Không]. Nay đức Phật dạy chúng ta: Chỉ cần quý vị chẳng chấp trước, đó gọi là “*tu Quán*”. Đồng thời, quý vị cũng đừng nên chấp trước sắc này, đừng nên chấp trước sắc kia, như vậy thì quý vị sẽ có thể dần dần đạt được thành tựu. Đó gọi là “*chánh lộ Pháp Nhân*”.

Tuy quý vị có thể chẳng chấp trước Ngũ Uẩn, nhưng dùng trí huệ chiếu Không, chúng ta vẫn chưa đạt được! Vì quý vị ắt cần phải tiên thêm một bước nữa, biết Ngũ Uẩn đều không. Như thế nào thì mới có thể chẳng chấp trước, chẳng tham đắm? Quý vị phải tu Không Quán. Đây chính là một ý nghĩa khác. Quý vị dùng Quán Chiếu như trong phần trên đã nói. Kinh Đại Tập Thập Luân dạy chúng ta tu Quán, Sở Tức Quán, hãy khéo tu thì sẽ có thể đạt được!

***(Kinh) Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước thử thế, danh đệ lục pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước tha thế, danh đệ thất pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước Dục Giới, danh đệ bát pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước Sắc Giới, danh đệ cửu pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước Vô Sắc Giới, danh đệ thập pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân.***

(經)又善男子！若諸菩薩摩訶薩等，不著此世，名第六

法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪正路法忍。又善男子！若諸菩薩摩訶薩等，不著他世，名第七法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪正路法忍。又善男子！若諸菩薩摩訶薩等，不著欲界，名第八法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪正路法忍。又善男子！若諸菩薩摩訶薩等，不著色界，名第九法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪正路法忍。又善男子！若諸菩薩摩訶薩等，不著無色界，名第十法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪正路法忍。

*(Kinh: Lại này thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp đời này, thì gọi là pháp thứ sáu, có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Lại này thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát, chẳng chấp đời khác, thì gọi là pháp thứ bảy, có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Lại này thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp Dục Giới, thì gọi là pháp thứ tám, có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Lại này thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp Sắc Giới thì gọi là pháp thứ chín, có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Lại này thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp Vô Sắc Giới, thì gọi là pháp thứ mười, có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhân).*

“Thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng bất trước thử thế” (Này thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp trước đời này): Đời này chuyện gì quý vị cũng đều chẳng chấp trước, “bất trước” (不著) là không chấp trước. Đó là pháp thứ sáu. “Năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng bất trước tha thế” (Có thể khiến cho các Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhân. Lại này thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp trước đời khác): Chẳng chấp đời này, mà đời khác cũng chớ nên chấp trước. Quá khứ cũng vậy, mà tương lai cũng thế, đều chớ nên chấp trước. Đó gọi là “chẳng chấp ba đời”. Quá khứ, vị lai: Quá khứ đã qua, chẳng cần nghĩ tới nữa, hiện tại có được hay không? [Hiện tại thì] ngay lập tức lại trở thành quá khứ, biến thành ba đời đều Không! Tương lai thì tương lai còn

chưa đến, quý vị nghĩ tới nó để làm gì? Rốt cuộc là như thế nào? Chuyện gì cũng đều phải lập kế hoạch. Đó là sai lầm! Kế hoạch chẳng do quý vị hoạch định! Quý vị chẳng biết nghiệp quả của chính mình được an bài như thế nào, ai cũng đều chẳng thể an bài cho chính mình. Dường như là chính mình an bài cho chính mình, nhưng thật ra, quý vị mù quáng bần lòng, đã sớm an bài sẵn rồi!

Quý vị làm như thế nào, sẽ hứng chịu như thế ấy. Trừ phi hiện tại đang chuyển biến, chuyển biến như thế nào? Quý vị đã nghe Phật pháp, lại còn có thể hành. Nay quý vị mỗi ngày niệm Địa Tạng Bồ Tát, coi Ngài như vị cứu mạng vương xuất hiện, lại nắm chặt Ngài không buông, niệm như thế đó! Chuyển biến tối thiểu là chẳng thọ tam đồ! Nghe danh hiệu Địa Tạng Vương, sẽ chẳng rơi vào tam đồ. Có người nói “đang nằm mộng mà niệm Địa Tạng Bồ Tát sẽ chẳng linh!” Chẳng phải là niệm trong mộng không linh, mà là khi quý vị tỉnh đã niệm chẳng linh, do quý vị chẳng niệm bằng cái tâm. Hễ niệm bằng tâm, sẽ linh. Trong khi ngủ mà niệm thì cảnh trong mơ chẳng còn, [do niệm Bồ Tát] mà mong liễu sanh tử còn được, hưởng hồ nằm mơ! Phải tin tưởng!

*“Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước Dục Giới, danh đệ bát pháp”* (Lại này thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp trước Dục Giới thì gọi là pháp thứ tám): Thế giới chúng ta đang sống được gọi là Dục Giới. Dục Giới có sáu tầng trời và nhân gian, lại còn có súc sanh, ngạ quỷ, và địa ngục, các cõi ấy đều thuộc về Dục Giới. *“Bất trước Sắc Giới”*: [Sắc Giới] có mười tám tầng trời, [chẳng chấp trước Sắc Giới] được gọi là pháp thứ chín. *“Năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhãn. Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng, bất trước Vô Sắc Giới”* (Có thể khiến cho các Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhãn. Lại này thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chấp trước Vô Sắc Giới). Vô Sắc Giới là Không. Vô Sắc Giới đã là Không, còn làm chi nữa? Đã đạt tới Vô Sắc Giới Thiên, chính là La Hán Định. La Hán Định chẳng phát Bồ Đề tâm. Đến một lúc nhất định, họ sẽ dao động, lại phát Bồ Đề tâm.

Vì thế, chớ nên chấp trước Vô Sắc Giới. *“Danh vi đệ thập pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhãn”* (Được gọi là pháp thứ mười, có thể khiến cho các Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ pháp nhãn), có thể thành Phật. Nếu ngay cả tam giới đều không chấp trước, đương nhiên là sẽ thành tựu, chẳng chịu khổ.

*(Kinh) “Chư thiện nam tử! Thị danh thập pháp, năng linh Bồ Tát Ma Ha Tát đẳng hoạch đắc vô tội chánh lộ Pháp Nhân”. Thế Tôn vị chúng thuyết thứ pháp thời, ư chúng hội trung, hữu thất thập nhị bách thiên câu-chi Bồ Tát Ma Ha Tát đồng thời chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân. Phục hữu bát thập tứ bách thiên na-dữu-đa Bồ Tát chứng đắc Tùy Thuận Pháp Nhân. Phục hữu vô lượng bách thiên Thanh Văn, nãi chí vĩnh đoạn nhất thiết phiền não, thành A La Hán. Phục hữu bách thiên na-dữu-đa chúng sanh, tiên vị phát tâm, kim phát Vô Thượng Chánh Đẳng Giác tâm, ư Như Lai trí, trụ bất thoái địa. Phục hữu vô lượng, vô số chúng sanh, tiên vị phát tâm, ư kim nãi phát Độc Giác Thừa tâm. Phục hữu vô lượng, vô số chúng sanh, tiên vị phát tâm, ư kim nãi phát Thanh Văn Thừa tâm.*

(經)諸善男子！是名十法，能令菩薩摩訶薩等，獲得無罪正路法忍」。世尊為眾說此法時，於眾會中，有七十二百千俱胝菩薩摩訶薩，同時證得無生法忍。復有八十四百千那庾多菩薩，證得隨順法忍。復有無量百千聲聞，乃至永斷一切煩惱成阿羅漢。復有百千那庾多眾生，先未發心，今發無上正等覺心，於如來智住不退地。復有無量無數眾生，先未發心，於今乃發獨覺乘心。復有無量無數眾生，先未發心，於今乃發聲聞乘心。

*(Kinh: “Các thiện nam tử! Đó gọi là mười pháp có thể khiến cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được vô tội chánh lộ Pháp Nhân”. Khi đức Thế Tôn vì đại chúng nói pháp này, ở trong chúng hội, có bảy mươi hai trăm ngàn câu-chi Bồ Tát Ma Ha Tát đồng thời chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân. Lại có tám mươi bốn trăm ngàn na-dữu-đa Bồ Tát chứng đắc Tùy Thuận Pháp Nhân. Lại có vô lượng trăm ngàn Thanh Văn, cho đến vĩnh viễn đoạn tuyệt hết thấy phiền não, thành A La Hán. Lại có trăm ngàn na-dữu-đa chúng sanh, trước kia chưa phát tâm, nay phát Vô Thượng Chánh Đẳng Giác tâm, trụ địa vị bất thoái chuyển nơi trí Như Lai. Lại có vô lượng vô số chúng sanh, trước kia chưa phát tâm, nay bèn phát tâm Độc Giác Thừa. Lại có vô lượng vô số chúng sanh, trước kia chưa phát tâm, nay bèn phát tâm Thanh Văn Thừa).*

Khi đức Phật nói pháp ấy, có bảy mươi hai trăm ngàn câu-chi Bồ Tát Ma Ha Tát đồng thời chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân, tức là đẳng địa

(chứng Sơ Địa). Nghe nói như thế, mọi người bèn cầu gia trì. Các vị ấy đã dâng địa, nay chúng ta vẫn chưa nhập, tin nổi hay không? Hy vọng mọi người tin tưởng, chúng ta tin Vô Sanh Pháp Nhân, hoàn toàn chẳng phải là nhập. Chúng ta có thể tin Vô Sanh Pháp Nhân, trong tương lai nhất định có thể chứng nhập. Tín là mẹ của hết thảy các công đức. Có thể tin thì sẽ có thể tiến nhập.

Ngoài ra còn có tám mươi bốn trăm ngàn na-dữu-đa Bồ Tát, đặc Tỳ Thuận Pháp Nhân. “*Phục hữu bách thiên vô lượng Thanh Văn, nãi chí vĩnh đoạn nhất thiết phiền não, thành A La Hán. Phục hữu bách thiên na-dữu-đa chúng sanh, tiên vị phát tâm, kim phát Vô Thượng Chánh Đẳng Giác tâm*” (Lại có vô lượng trăm ngàn Thanh Văn, cho đến vĩnh viễn đoạn diệt hết thảy các phiền não, thành A La Hán. Lại có trăm ngàn na-dữu-đa chúng sanh trước kia chưa phát tâm, nay phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Giác): Ta cũng mong thành Phật, đây là phát tâm. Bồ Tát mới vừa phát tâm Bồ Đề, “*ư Như Lai trí, trụ bất thoái địa*” (trụ địa vị bất thoái chuyển nơi trí của Như Lai): Người nào phát tâm, cũng đều có thể trụ trong địa vị Bất Thoái Chuyển. Trí huệ của Như Lai là địa vị chẳng thoái chuyển, đạt tới Sơ Trụ sẽ bất thoái. Nếu đạt đến Thất Trụ, Thất Trụ là Vị Bất Thoái. Sơ Trụ là Tâm Bất Thoái, Thất Trụ là Vị Bất Thoái, tức là địa vị Bất Thoái. Họ tin tưởng hết thảy trí huệ của đức Phật, ta nhất định có thể thành đạo.

Còn có vô lượng vô số chúng sanh nay mới phát tâm, phát tâm gì vậy? Chẳng phải là thành Phật. “*Phát Độc Giác Thừa tâm. Phục hữu vô lượng vô số chúng sanh, tiên vị phát tâm*” (Phát tâm Độc Giác. Lại có vô lượng vô số chúng sanh, trước kia chưa phát tâm), đến nay bèn phát tâm, phát gì vậy? Ta liễu sanh tử là được rồi, tức là phát “*Thanh Văn tâm*”.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo đại chúng: “Nhược chư hữu tình dĩ đắc Pháp Nhân, xử Sát-đế-lợi quán danh vương vị, thọ dụng chủng chủng thắng đại tài nghiệp, cập xử chủng chủng phú quý tôn vị, thị ngã sở hứa, phi dư hữu tình”. Kim Cang Tạng Bồ Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược chư hữu tình vị đắc Pháp Nhân, ư Sát-đế-lợi quán danh vương vị, thọ dụng chủng chủng thắng đại tài nghiệp, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị, định bất hứa xử, vi diệc hứa da?”*

(經)爾時，世尊復告大眾：「若諸有情已得法忍，處剎帝利灌頂王位，受用種種勝大財業，及處種種富貴尊位，是

我所許，非餘有情」。金剛藏菩薩白佛言：「世尊！若諸有情未得法忍，於剎帝利灌頂王位，受用種種勝大財業，及餘種種富貴尊位，定不許處，為亦許耶？」

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo đại chúng: “Nếu các hữu tình đã đắc Pháp Nhãn, ở ngôi vua Sát-đế-lợi quán đảnh, thọ dụng các thứ đại tài nghiệp thù thắng, và thuộc các ngôi vị phú quý sang cả, thì ta chấp thuận, chẳng phải các hữu tình khác”. Kim Cang Tạng Bồ Tát bạch đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Nếu các hữu tình chưa đắc Pháp Nhãn, đối với vương vị Sát-đế-lợi quán đảnh, thọ dụng các thứ đại tài nghiệp thù thắng, và các thứ địa vị sang cả phú quý, sẽ là chắc chắn chẳng được phép, hay cũng được phép?”)*

Đã đắc Pháp Nhãn, “xử Sát-đế-lợi quán đảnh vương vị, thọ dụng chủng chủng thắng đại tài nghiệp, cập xử chủng chủng phú quý tôn vị, thị ngã sở hứa, phi dư hữu tình” (ở ngôi vua Sát-đế-lợi quán đảnh, thọ dụng các thứ tài sản to lớn thù thắng, và thuộc các ngôi vị phú quý sang cả, thì ta chấp thuận, chẳng phải các hữu tình khác): Làm Sát-đế-lợi, ngoại trừ những gã vua chúa Chiên-đồ-la tạo nghiệp, còn có những vị đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, là bậc đẳng địa Bồ Tát. Các vị ấy muốn thị hiện, hóa hiện, liền ở ngôi vua quán đảnh. Họ nhận vương vị ấy, đáng nên hưởng thụ, ta (đức Phật) cho phép điều ấy, chứ các hữu tình khác sẽ chẳng thể! Kim Cang Tạng Bồ Tát liền hỏi đức Phật: “Thế Tôn! Nhược chư hữu tình vị đắc Pháp Nhãn, ư Sát-đế-lợi quán đảnh vương vị, thọ dụng chủng chủng thắng đại tài nghiệp, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị, định bất hứa xử” (Bạch đức Thế Tôn! Nếu các hữu tình chưa đắc Pháp Nhãn, đối với vương vị Sát-đế-lợi quán đảnh, thọ dụng các thứ tài sản to lớn thù thắng, và các thứ địa vị sang cả phú quý, sẽ là chắc chắn chẳng được phép): Nhất định chẳng cho phép, “vi diệc hứa da?”, hay cũng có thể được phép. Tức là trừ những vị đã đắc Pháp Nhãn, Phật cũng cho phép ư? Nếu chưa đắc Pháp Nhãn, còn có phương tiện nào để cho phép họ ở ngôi vua quán đảnh Sát-đế-lợi hay chẳng?

*(Kinh) Thế Tôn cáo viết: - Nhược chư hữu tình, vị đắc Pháp Nhãn, hữu năng thọ hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, diệc khuyến chúng sanh linh thọ học giả, ngã diệc thỉnh hứa xử Sát-đế-lợi quán đảnh vương vị, thọ dụng chủng chủng thắng đại tài nghiệp, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị. Nhược chư hữu tình vị đắc Pháp Nhãn,*



*diệt bất thọ hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, cấp khuyến chúng sanh lĩnh cần thọ học, dĩ cường thế lực, xử Sát-đế-lợi quán đánh vương vị, thọ dụng chúng chúng thắng đại tài nghiệp, cấp xử chúng chúng phú quý tôn vị, danh Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, cấp dư chúng chúng phú quý tôn vị Chiên-đồ-la vương, ngu si, kiêu mạn, hủy hoại, nhiễu loạn ngã thậm thâm pháp, diệt chánh pháp đấng, đoạn Tam Bảo chúng. Ư ngã xuất gia chư đệ tử chúng, chúng chúng não loạn, chủy khảo, hình phạt, đoạt kỳ y bát, cơ nghiệp tài sản, thoái linh hoàn tục, khóa thuế, dịch sử, hệ bế lao ngục, nãi chí đoạn mạng. Ư ngã sở thuyết vi diệu pháp nghĩa, phỉ báng, khinh hủy, chướng tế, ẩn một, bắt linh lưu bố, đoạt Tốt-đổ-ba cấp Tăng Kỳ vật. Như thị chư nhân giai đương đọa Vô Giám địa ngục, thọ chư kịch khổ, luân chuyển ác thú, nan hữu xuất kỳ.*

(經)世尊告曰：「若諸有情未得法忍，有能受行十善業道，亦勸眾生令受學者，我亦聽許處剎帝利灌頂王位，受用種種勝大財業，及餘種種富貴尊位。若諸有情未得法忍，亦不受行十善業道，及勸眾生令勤受學，以強勢力處剎帝利灌頂王位，受用種種勝大財業，及處種種富貴尊位，名剎帝利旃茶羅王，及餘種種富貴尊位旃茶羅王，愚癡憍慢，毀壞擾亂我甚深法，滅正法燈，斷三寶種。於我出家諸弟子眾，種種惱亂，捶拷刑罰，奪其衣鉢、基業、財產，退令還俗，課稅役使，係閉牢獄，乃至斷命。於我所說微妙法義，誹謗輕毀，障蔽隱沒，不令流佈，奪奪堵波及僧祇物。如是諸人，皆當墮無間地獄，受諸劇苦，輪轉惡趣，難有出期」。

(Kinh: Đức Thế Tôn bảo rằng: - Nếu các hữu tình chưa đắc Pháp Nhãn, mà có thể hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, cũng khuyến chúng sanh lĩnh nhận, học theo, ta cũng cho phép họ giữ ngôi vua quán đánh Sát-đế-lợi, thọ dụng các thứ đại tài nghiệp thù thắng, và các thứ địa vị phú quý sang cả khác. Nếu các hữu tình chưa đắc Pháp Nhãn, mà cũng chẳng lĩnh nhận, thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo, và chẳng khuyến chúng sanh siêng năng lĩnh nhận, học theo, dùng thế lực mạnh mẽ để nắm giữ ngôi vua Sát-đế-lợi quán đánh, thọ dụng các thứ đại tài nghiệp thù thắng, và nắm giữ các địa vị sang cả phú quý, [thì những kẻ ấy] được gọi là Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương và các thứ địa vị Chiên-đồ-la

*vương sang cả phú quý khác. [Bọn chúng] ngu si, kiêu mạn, hủy hoại, nhiễu loạn pháp rất sâu của ta, diệt đèn chánh pháp, đoạn diệt chủng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của ta, [bọn chúng dùng] đủ mọi cách nã loạn, đánh đập, tra khảo, trừng phạt, đoạt y bát, cơ nghiệp, tài sản của họ, buộc họ hoàn tục, đánh thuế, bắt làm lao dịch, giam cầm trong tù, cho đến đoạn mạng. Đối với pháp nghĩa vi diệu do ta đã nói, bèn khinh miệt, hủy phá, chướng lấp, ẩn giấu, chẳng cho lưu truyền, đoạt vật dụng của Tốt-đô-ba (tháp) và Tăng chúng. Những kẻ như thế sẽ đều đọa vào địa ngục Vô Gian, chịu các nỗi khổ cùng cực, luân chuyển trong đường ác, khó có thể thoát ra).*

“*Thế Tôn cáo viết: Nhược chư hữu tình vị đắc Pháp Nhân*” (Đức Thế Tôn bảo rằng: “Nếu các hữu tình chưa đắc Pháp Nhân”): Kẻ đó chẳng chúng đắc Vô Sanh Pháp Nhân, chưa dự lên địa vị ấy, nhưng kẻ đó có thể tiếp nhận, hành trì Thập Thiện Nghiệp Đạo. Chúng ta đều có thể làm được điều này, chứ Vô Sanh Pháp Nhân chúng ta vẫn chưa làm được. Dùng Thập Thiện Nghiệp Đạo để ngăn giữ ba nghiệp thân, miệng, ý của quý vị, hoàn toàn chẳng phải là cầm điếc, không nói năng! Có người nói: “Ta chẳng nói chi hết, sẽ gìn giữ khẩu nghiệp”. Nhưng kẻ cầm, hoặc loại Tăng dề cầm có thể thành đạo hay không? Cầm thì chẳng tạo nghiệp, nói không nên lời thì làm sao nói năng gì được nữa? Chẳng phải là ý nghĩa ấy! Đừng nói lời sai trái, hãy nói lời tán dương Tam Bảo. Quý vị nói nhiều lời tốt lành, đối với ai cũng đều đừng nói lời ác, như vậy là được rồi. Chẳng phải là không nói năng, hãy nói nhiều kinh Phật. Đối với người khác, hãy nói nhiều về Tam Bảo và nhân quả.

Còn nữa, quý vị có thể thấy phiền não của chúng sanh, hoặc là từ các bộ phim tình ái, [sẽ thấy] phiền não ái tình đặc biệt nặng nề, hướng theo con đường tử vong. Nghiệp lại còn hết sức sâu, chính mình chẳng dẹp trừ nổi tham dục. Quý vị nhìn từ góc độ nào, đeo cặp kính nào, sẽ hiện ra như thế ấy, đó là tuyệt đối. Đeo kính màu để nhìn, đương nhiên là [thấy mọi vật đều] có màu ấy! Do vậy, “*thọ hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, diệc khuyến chúng sanh linh thọ học giả, ngã diệc thỉnh hứa xử Sát-đế-lợi quán đánh vương vị, thọ dụng chủng chủng thắng đại tài nghiệp, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị. Nhược chư hữu tình vị đắc Pháp Nhân, diệc bất thọ hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, cập khuyến chúng sanh linh cần thọ học, dĩ cường thế lực*” (lãnh nhận, hành trì Thập Thiện Nghiệp Đạo, cũng khuyến chúng sanh lãnh nhận, học theo Thập Thiện Nghiệp Đạo, ta cũng cho phép người đó ở ngôi vua Sát-đế-lợi

quán đảnh, thọ dụng các thứ đại tài nghiệp thù thắng và các địa vị sang cả phú quý khác. Nếu các hữu tình chưa đắc Pháp Nhẫn, mà cũng chẳng lãnh nhận, thực hành Thập Thiện Nghiệp Đạo và khuyên chúng sanh siêng năng lãnh nhận, học theo, dùng thế lực mạnh mẽ): Thế lực ấy là thế lực gì? Tăng trưởng quý vị sanh thiên, thậm chí thành đạo, thậm chí trong tương lai làm người, đời đời kiếp kiếp đều học. Đức Phật cũng chấp nhận họ hưởng thụ các loại đại tài nghiệp (các tài sản, của báu to lớn) thù thắng. [Kẻ như vậy] làm vua quán đảnh, chẳng có vấn đề gì, kẻ đó sẽ chẳng tạo nghiệp, có thể hưởng các loại phú quý.

Trái lại, nếu Sát-đế-lợi, “*Chiên-đồ-la vương, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị Chiên-đồ-la vương, ngu si, kiêu mạn, hủy hoại, nhiều loạn ngã thậm thâm pháp, diệt chánh pháp đấng, đoạn Tam Bảo chủng*” ([Sát-đế-lợi] Chiên-đồ-la vương và các loại địa vị Chiên-đồ-la vương sang cả phú quý khác, ngu si, kiêu căng, ngạo mạn, hủy hoại, nhiều loạn pháp rất sâu của ta, diệt đền chánh pháp, đoạn chủng tánh Tam Bảo): Pháp ấy giống như đèn trí huệ trong xã hội, có ngọn đèn ấy thì mới có thể tỏa ra quang minh, trừ khử hắc ám. Kẻ đó đã đoạn dứt chủng tánh Tam Bảo. “*Ư ngã xuất gia chư đệ tử chúng, chủng chủng nã loạn, chủy khảo, hình phạt, đoạt kỳ y bát*” (Đối với các đệ tử xuất gia của ta, đủ mọi cách nã loạn, đánh đập, tra khảo, hành hình, trừng phạt, tước đoạt y bát của họ): Những dụng cụ cần thiết cho cuộc sống của người tu đạo là cơ nghiệp của họ, đều tước đoạt hết, họ làm sao sống sót nổi? Hoặc buộc họ hoàn tục, hoặc đánh thuế, bắt họ lao dịch. “*Hệ bệ lao ngục, nãi chí đoạn mạng. Ư ngã sở thuyết vi diệu pháp nghĩa, phi báng, khinh hủy, chướng tế, ản một, bất linh lưu bố*” (Giám cầm trong tù ngục, cho đến đoạn mạng. Đối với pháp nghĩa vi diệu do ta đã nói bèn phi báng, khinh miệt, hủy hoại, chướng lấp, ản giấu, chẳng cho lưu truyền). Tót-đỏ-ba (Stupa) dịch là tháp, hoặc chùa miếu, cùng với Tăng Kỳ vật (vật dụng của Tăng chúng thường trụ) đều bị cướp đoạt. “*Thượng Tăng Kỳ vật*” (搶僧祇物) chính là cướp đoạt vật dụng thuộc chùa miếu. “*Như thị chư nhân, giai đương truy đọa Vô Gian địa ngục, thọ chư kịch khổ*” (Những kẻ như thế, sẽ đều đọa lạc địa ngục Vô Gian, chịu các nỗi khổ tột cùng): Đây chẳng phải là vấn đề nhỏ nhặt, nhất định phải chịu khổ cùng cực, xoay vần trong đường ác, khó có lúc thoát ra. Mong thoát ra rất khó!

***(Kinh) Thời, Kim Cang Tạng Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: -  
Thế Tôn! Nhược chư hữu tình, vị đắc Pháp Nhẫn, diệt bất thọ hành  
Thập Thiện Nghiệp Đạo, cập khuyến chúng sanh linh cần thọ học, dĩ***

*cường thế lực, xử Sát-đế-lợi quán đảnh vương vị, thọ dụng chúng chúng thắng đại tài nghiệp, cấp dư chúng chúng phú quý tôn vị, phủ hữu biệt duyên, đắc phương tiện cứu, linh kỳ miễn đọa Vô Gian địa ngục, cấp dư ác thú, thọ chư khổ phủ?*

(經)時，金剛藏菩薩復白佛言：「世尊！若諸有情未得法忍，亦不受行十善業道，及勸眾生令勤受學，以強勢力處剎帝利灌頂王位，受用種種勝大財業，及餘種種富貴尊位，頗有別緣，得方便救，令其免墮無間地獄及餘惡趣，受諸苦不？」

(*Kinh: Khi ấy, Kim Cang Tạng Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật: - Bạch Thế Tôn! Nếu các hữu tình chưa đắc Pháp Nhân, cũng chẳng tiếp nhận, hành trì Thập Thiện Nghiệp Đạo, và khuyên chúng sanh siêng năng tiếp nhận, học theo, do thế lực mạnh mẽ mà giữ vương vị Sát-đế-lợi quán đảnh, thọ dụng các thứ đại tài nghiệp thù thắng, và các thứ địa vị sang cả phú quý khác, há có duyên nào khác để phương tiện cứu vớt, khiến cho họ khỏi đọa vào địa ngục Vô Gian và các đường ác, hứng chịu các nỗi khổ hay chăng?*)

Còn có nguyên nhân gì để cứu họ hay không? “*Linh kỳ miễn đọa Vô Gian địa ngục, cấp dư ác thú, thọ chư khổ phủ?*” (Khiến cho họ khỏi đọa vào địa ngục Vô Gian và các đường ác, hứng chịu các nỗi khổ hay chăng?)

(*Kinh) Thế Tôn cáo viết: - Diệc hữu biệt duyên, đắc phương tiện cứu, vị hữu chúng sanh, xử Sát-đế-lợi quán đảnh vương vị, cấp dư chúng chúng phú quý tôn vị, tuy phục vị đắc thành tựu Pháp Nhân, Thập Thiện Nghiệp Đạo, nhi hữu tín lực tôn kính Tam Bảo, u Phật sở thuyết tam thừa tương ứng chư xuất yếu pháp, hạ chí nhất tung, chung bất bánh hủy, chướng tế, ẩn một, bất linh lưu bố. U Phật xuất gia chư đệ tử chúng, trì giới, phá giới, hạ chí vô giới, thế trừ tu phát, bị ca-sa giả, giai bất não loạn, chủy khảo, trích phạt, xâm đoạt y bát, cơ nghiệp, tài sản, thoái linh hoàn tục, khóa thuế, dịch sử, hệ bế lao ngục, nãi chí đoạn mạng, diệc bất xâm đoạt Tốt-đồ-ba vật, cấp Tăng Kỳ vật, giá chế, tội phục chư bạo ác nhân, bất linh não loạn chư xuất gia chúng, bất linh xâm đoạt Tam Bảo tài vật. U Phật sở thuyết tam thừa tương ứng chư xuất yếu pháp, cung kính thỉnh thọ. Kỳ thỉnh thọ*

*dĩ, tinh tấn tu hành pháp tùy, pháp hành. Ư ngã tam thừa hiền thánh đệ tử, cung kính cúng dường, thân cận, thừa sự. Ư Đại Thừa trung, thế nguyện kiên cố, chung vô nghi nan, thoái khuất chi tâm, diệc thường khuyến đạo an trí chúng sanh, linh ư Đại Thừa tín thọ, tu học. Thử Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị Chiên-đồ-la vương, quá khứ chư Phật, giai cộng thỉnh hứa xử đế vương vị, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị, tuy phục thọ dụng chủng chủng quốc độ, thành, ấp, tụ lạc thắng đại tài nghiệp, nhi đắc miễn đọa Vô Gian địa ngục, cập dư ác thú. Ngã diệc thỉnh hứa xử đế vương vị, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị, tuy phục thọ dụng chủng chủng quốc độ, thành, ấp, tụ lạc, nhi đắc miễn đọa Vô Gian địa ngục, cập dư ác thú. Nhược chư hữu tình, dục đắc sám hối, trừ diệt nhất thiết chư ác nghiệp chướng, linh vô dư giả, ư ngã sở thuyết như thị pháp môn, đương cần tu học, vật linh phế vong, hữu năng như thử hiện tiền đại chúng, tầm quý sám hối chư ác nghiệp giả, tiên thế sở tạo nhất thiết ác nghiệp, giai đắc tiêu diệt, vô hữu di dư.*

(經)世尊告曰：「亦有別緣，得方便救，謂有眾生處剎帝利灌頂王位，及餘種種富貴尊位，雖復未得成就法忍、十善業道，而有信力尊敬三寶，於佛所說三乘相應諸出要法，下至一頌，終不謗毀、障蔽、隱沒，不令流佈。於佛出家諸弟子眾，持戒、破戒下至無戒，剃除鬚髮、被袈裟者，皆不惱亂捶拷謫罰，侵奪衣鉢、基業、財產，退令還俗，課稅役使，係閉牢獄乃至斷命，亦不侵奪宰堵波物及僧祇物，遮制摧伏諸暴惡人，不令惱亂諸出家眾，不令侵奪三寶財物。於佛所說三乘相應諸出要法，恭敬聽受。既聽受已，精進修行，法隨法行。於我三乘賢聖弟子，恭敬供養，親近承事。於大乘中誓願堅固，終無疑難退屈之心，亦常勸導安置眾生，令於大乘信受修學。此剎帝利旃荼羅王，及餘種種富貴尊位旃荼羅王，過去諸佛皆共聽許處帝王位，及餘種種富貴尊位。雖復受用種種國土、城邑、聚落、勝大財業，而得免墮無間地獄及餘惡趣。我亦聽許處帝王位，及餘種種富貴尊位，雖復受用種種國土、執邑、聚落，而得免墮無間地獄及諸惡趣。若諸有情，慾得懺悔，除滅一切諸惡業障，令無餘者，

於我所說如是法門，當勤修學，勿令廢忘。有能如此現前大眾，慚愧懺悔諸惡業者，先世所造一切惡業皆得銷滅，無有遺餘。

*(Kinh: Đức Thế Tôn bảo rằng: - Cũng có duyên khác để phương tiện cứu độ, tức là có chúng sanh ở ngôi vị Sát-đế-lợi quán đánh vương và các địa vị sang cả phú quý khác, tuy vẫn chưa thành tựu Pháp Nhân và Thập Thiện Nghiệp Đạo, nhưng có tín lực, tôn kính Tam Bảo. Đối với các pháp xuất thế trọng yếu tương ứng với tam thừa do đức Phật đã nói, dẫu chỉ một bài tụng, trọn chẳng hủy báng, chướng láp, ẩn giấu, chẳng ngăn cấm lưu truyền. Đối với các vị đệ tử xuất gia của Phật, dẫu là trì giới, phá giới, thậm chí kẻ chẳng có giới, cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa, đều chẳng não loạn, đánh đập, tra khảo, trừng phạt, cướp đoạt y bát, cơ nghiệp tài sản, ép buộc hoàn tục, đánh thuế, lao dịch, giam cầm trong tù ngục, cho đến đoạn mạng, cũng chẳng cướp đoạt vật từ tháp và vật dụng của Tăng Kỳ, ngăn trở, chế phục, dẹp yên những kẻ bạo ác, chẳng cho chúng nó não loạn các vị xuất gia, chẳng để cho chúng nó cướp đoạt tài vật của Tam Bảo. Cung kính nghe nhận các pháp xuất thế trọng yếu tương ứng với tam thừa do đức Phật đã nói. Đã nghe nhận rồi bèn tinh tấn tu hành pháp tùy, pháp hành. Đối với các đệ tử thuộc tam thừa hiền thánh của ta, cung kính cúng dường, thân cận, thừa sự. Trong Đại Thừa, thế nguyện kiên cố, trọn chẳng có tâm ngờ vực, lui sụt, cũng thường khuyên dạy, đặt yên chúng sanh, khiến họ tin nhận, tu học Đại Thừa. Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la ấy và các vua Chiên-đồ-la thuộc địa vị sang cả phú quý được quá khứ chư Phật đều cùng cho phép ở ngôi vua và các địa vị sang cả phú quý khác, tuy lại thọ dụng các thứ đại tài nghiệp thù thắng nơi quốc độ, thành, ấp, xóm làng, mà thoát khỏi đọa vào địa ngục Vô Gián và các đường ác. Ta cũng cho phép họ ở ngôi vua và các địa vị sang cả phú quý khác, tuy lại thọ dụng các thứ quốc độ, thành, ấp, xóm làng, mà thoát khỏi đọa vào địa ngục Vô Gián và các đường ác. Nếu các hữu tình muốn được sám hối, trừ diệt hết thảy các ác nghiệp chướng, khiến chẳng còn sót, thì đối với pháp môn do ta đã nói như thế này, hãy siêng năng tu học, đừng bỏ phế, quên mất. Có kẻ nào hồ thẹn, sám hối ác nghiệp như hiện tiền đại chúng thì hết thảy ác nghiệp đã tạo trong đời trước sẽ được tiêu diệt, chẳng còn thừa sót).*

Phương tiện thiện xảo nhằm cứu độ họ. Có các chúng sanh ở ngôi vị Sát-đế-lợi quán đánh, hoặc là các thứ địa vị sang cả phú quý khác,

không nhất định là địa vị nào, nói chung là các địa vị cao sang phú quý, tuy chẳng thành tựu Vô Sanh Pháp Nhân, hoặc chẳng thành tựu [các môn] Pháp Nhân khác, hoặc chẳng thành tựu Thập Thiện Nghiệp Đạo, nhưng kẻ đó có tín tâm. Chỉ cậy vào sự tin tưởng, ngưỡng mộ, cung kính, tôn kính Tam Bảo. Đối với các pháp xuất thế trọng yếu tương ứng với Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa, và Đại Thừa, họ cung kính nghe nhận. Pháp xuất yếu chính là phương pháp quan trọng nhất để xuất ly sanh tử, là đạo pháp thiện xảo phương tiện trọng yếu nhất. “*Hạ chí nhất tụng*” tức là chỉ nói một bài kệ tụng. Các điều khác chẳng nói, chỉ biết nói “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ diệc như điện, ung tác như thị quán*” (hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương cũng như chớp, hãy nên quán như thế): Bài kệ tụng ấy tuyệt diệu thay! Đó chính là yếu nghĩa của toàn bộ kinh Kim Cang. Quý vị nói với người khác, “*hết thấy các pháp hữu vi đều là khổ, đều là không, vô thường huyễn hóa*”, ta còn tham đắm chi nữa? Họ liền chứng đạo, giải thoát, công đức của quý vị to lớn!

Vào thời Chánh Pháp là như thế đó, chỉ cần nghe một bài kệ tụng liền khai ngộ. Một trong năm vị tỳ-kheo được đức Phật độ đầu tiên là tỳ-kheo Mã Thắng (A Thuyết Thị, Ásvajit), ngài Xá Lợi Phất thấy oai nghi của tỳ-kheo Mã Thắng bèn hỏi: “*Sư phụ của Ngài là ai? Sư phụ của Ngài nói pháp gì?*” Tỳ-kheo Mã Thắng đáp: “*Tôi chỉ nói cho ông hai câu: Chư hành vô thường, là pháp sanh diệt*”. Ngài Xá Lợi Phất liền chứng đắc quả A La Hán. Đây là một bài kệ chỉ gồm hai câu thôi! Lục Tổ Huệ Năng nghe người khác tụng kinh Kim Cang đến câu “*ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (đừng nên trụ vào đâu mà sanh cái tâm), Ngài liền khai ngộ, thành tựu, một câu thôi! Bất quá, người tụng kinh Kim Cang hoàn toàn chẳng khai ngộ, người nghe kinh khai ngộ! Tôi giảng kinh ở đây, tôi chẳng khai ngộ, các vị khai ngộ; đây là công đức của quý vị, tôi cũng có phần.

Người như thế, đức Phật cũng chấp thuận cho họ hưởng thụ các của cải ấy. Vì sao? Vì kẻ đó chẳng hủy báng, không ỷ diệt, tức là không hủy báng, không ỷ diệt thánh pháp, không ngăn cấm lưu truyền. Đối với các vị đệ tử xuất gia, trì giới, phá giới, cho đến kẻ chẳng có giới, chỉ cần cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa, người đó chẳng nảo loạn, đánh đập, tra khảo, trừng phạt, cướp đoạt y bát là tài sản cơ nghiệp của họ. “*Thoái linh hoàn tục, khóa thuế, dịch sử, hệ bé lao ngục, nãi chí đoạn mạng*” (Buộc họ hoàn tục, đánh thuế, bắt làm phu phen, bắt giam vào tù, cho đến đoạn mạng): Kẻ đó sẽ chẳng làm [những chuyện ấy]. Đây là vua

Sát-đế-lợi có tín tâm. Còn như đoạn mạng, “*diệc bất xâm đoạt Tốt-đổ-ba vật, cập Tăng Kỳ vật*” (cũng chẳng cướp đoạt vật dụng của tháp thờ và vật dụng của Tăng chúng), kẻ đó chẳng làm. Đối với tài sản của Tốt-đổ-ba hoặc chùa miếu, người đó chẳng dính dáng tí nào, mà cũng chẳng cướp đoạt. Người đó có thể ngăn trở, chế phục, dẹp tan những đũa bạo ác, cũng chẳng để cho chúng nó nã loạn người xuất gia, cũng chẳng để chúng nó cướp đoạt tài vật của Tam Bảo. Vua Sát-đế-lợi có quyền lực, đối với các pháp xuất yếu tương ứng với tam thừa, đều có thể cung kính nghe nhận. Đã nghe nhận, lại còn có thể chiếu theo đó mà thực hiện, tinh tấn tu hành, tu hành pháp tùy và pháp hành.

Thế nào là pháp tùy, pháp hành? Chẳng hạn như đối với pháp sanh diệt, người ấy chẳng nói, chỉ nương theo sự vật, thấy chúng hư hoại, vì sao hư hoại? Vô thường! Đó gọi là tùy thuận. Người ấy chẳng biết đến Phật pháp, nhưng có thể biết hàm nghĩa ấy, đó gọi là “*tùy thuận Phật pháp*”. Trái nghịch Phật pháp thì sao? Đức Phật nói vô thường, người ấy bèn diễn giải thành đoạn diệt, bảo đó là do chính Thích Ca Thế Tôn đã nói. Đối với câu “*chư hành vô thường*”, [bèn hiểu lệch lạc] vô thường là không có. Như thế là chẳng tùy thuận pháp. Cùng một câu nói, hễ tùy thuận bèn có thể thành đạo, phước đức vô lượng. Chẳng tùy thuận, tội nghiệp vô biên. Đây là tùy thuận pháp, chúng ta thường lý giải sai lầm, cho nên nói là kẻ ấy chẳng tùy thuận pháp này. Đối với pháp xuất yếu tương ứng với tam thừa do đức Phật đã nói, hãy cung kính nghe nhận. Đã nghe nhận rồi bèn có thể “*tinh tấn tu hành*”, đó là “*pháp tùy, pháp hành*”. Tùy thuận pháp tam thừa thì chúng ta nói Không, Không theo ý nghĩa “*hiển lộ Diệu Hữu*”. Các kho công đức của Như Lai chẳng không. “*Không*” là “*đoạn sạch hết thấy phiền não*”, kho công đức của các vị Như Lai chẳng không. Thật sự trông thấy Pháp Thân, chư Như Lai Tạng cũng không. Nhưng tùy thuận pháp, tùy thuộc quý vị nói như thế nào, “*ư ngã tam thừa hiển thánh đệ tử, cung kính cúng dường, thân cận, thừa sự*” (đối với các đệ tử thuộc tam thừa hiển thánh của ta, bèn cung kính cúng dường, thân cận, thừa sự).

Nhưng từ đầu đến cuối, đối với thế nguyện Đại Thừa, chắc chắn trọn chẳng hoài nghi, hoặc là nguy nan, hoặc là thoái khuất, cái tâm ấy chưa bao giờ hoài nghi, tức là “*chung vô nghi nan, thoái khuất chi tâm*” (trọn chẳng có tâm nghi nan hoặc lui sụt), chẳng vì pháp khó khăn, chẳng vì con đường tu hành dài lâu mà ôm lòng sợ hãi, lui xuống Nhị Thừa! Đại Thừa kiên cố, “*diệc thường cần đạo, an trí chúng sanh, linh ư Đại Thừa tín thọ tu học*” (cũng thường siêng năng hướng dẫn, đặt yên



chúng sanh, khiến cho họ tin nhận, tu học Đại Thừa): Khiến cho hết thầy chúng sanh tin pháp Đại Thừa, khéo tu, khéo học. “*Thử Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị Chiên-đồ-la vương, quá khứ chư Phật giai cộng thính hứa*” (Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la ấy và các địa vị vua Chiên-đồ-la phú quý sang cả khác đều được quá khứ chư Phật cùng chấp thuận): Nói đến vua ác này, cũng cho phép ông ta, chỉ cần ông ta sửa đổi, chẳng làm ác nữa, [chư Phật] cho phép ông ta ở ngôi vị đế vương. Quá khứ chư Phật đều cho phép như thế. “*Cập dư chủng chủng phú quý tôn vị, tuy phục thọ dụng chủng chủng quốc độ, thành, ấp, tụ lạc thắng đại tài nghiệp*” (Và các thứ địa vị sang cả phú quý khác, tuy vẫn thọ dụng các thứ đại tài nghiệp thù thắng nơi quốc độ, thành, ấp, xóm, làng): Tất cả của cải trong nước, kẻ đó được hưởng thụ mà chẳng đọa vào địa ngục Vô Gián. Đây là được đức Phật cho phép, sẽ chẳng đọa vào các đường ác khác! Ta còn “*thính hứa xử đế vương vị, cập dư chủng chủng phú quý tôn vị, tuy phục thọ dụng chủng chủng quốc độ, thành, ấp, tụ lạc, nhi đắc miễn đọa Vô Gián địa ngục cập chư ác thú*” (cho phép kẻ đó ở ngôi vị đế vương và các địa vị sang cả phú quý khác, tuy vẫn thọ dụng các thứ quốc độ, thành, ấp, tụ lạc, mà được thoát khỏi địa ngục Vô Gián và các đường ác), tức là ác vương chỉ cần sám hối thì cũng được hứa khả!

Tại Ấn Độ, Đề Bà Đạt Đa và vua Vô Yếm Túc (A Xà Thế), một người hại Phật, một người giết vua cha, phạm tội ngũ nghịch, cả hai đều đáng đọa vào địa ngục. Sau này, vua Vô Yếm Túc sám hối, hộ trì Phật pháp, hộ trì Tam Bảo, đức Phật cũng chấp thuận cho ông ta sám hối, đạt được thanh tịnh. Do vậy, các hữu tình có thể sám hối là được, có thể trừ diệt hết thầy ác nghiệp và nghiệp chướng.

“*Ư ngã sở thuyết như thị pháp môn, đương cần tu học*” (Đối với pháp môn do ta đã nói như thế, hãy nên siêng tu học): Ta nói ra hai mươi pháp ấy, phải khéo tu học, một đấng là tu pháp Thập Thiện Nghiệp, chúng ta thực hiện pháp Thập Thiện Nghiệp được! Thật ra, Thập Thiện Nghiệp là chánh lộ Pháp Nhân, mọi người hãy thấu hiểu đôi chút. Thập Thiện Nghiệp là công đức do quý vị thực hiện, có cạn và sâu. [Chẳng hạn như đối với] “chẳng giết”, không chỉ là ta chẳng giết, mà còn khuyên hết thầy mọi người đừng giết. Thập Thiện Nghiệp ấy sẽ chẳng phải là Thập Thiện Nghiệp bình phàm. Ta không chỉ chẳng uống rượu, mà còn khuyên hết thầy chúng sanh không uống rượu. Vì sao không uống rượu? Hãy nói rõ với bọn họ. Chẳng giết, chẳng trộm v.v... Đó là Ngũ Giới.

Có đạo hữu sợ thọ Ngũ Giới, nói là “sợ thọ vì lỡ phạm thì làm thế nào đây?” Đã phạm thì đương nhiên là sai lầm. Đã phạm, hãy sám hối. Hễ phạm, liền sám hối ngay. Nhưng quý vị có hiểu công đức thọ Ngũ Giới hay không? Quý vị thọ Ngũ Giới, chẳng mất thân người, có biết hay không? Quý vị chẳng biết điều này! Chỉ nghĩ tới phương diện bất lợi, vì sao chẳng suy xét phương diện có lợi? Quý vị thọ Ngũ Giới, sẽ có hai mươi lăm vị thần hộ pháp thủ hộ quý vị. Quý vị toan phạm giới, họ sẽ ngăn chặn, khiến cho quý vị chẳng phạm. Nay quý vị chẳng thọ giới, đối với năm loại tội, [hễ vi phạm], vẫn có tội báo y hệt! Quý vị giết người, chẳng phạm tội ư? Có thể thoát tội hay không? Quý vị đã thọ giới, sau đó giết người, đối trước Phật, sám hối, niệm kinh chú gia trì, dùng sức mạnh khác để giúp đỡ quý vị, đừng nên sanh khởi tà tri, tà kiến.

Đã thọ giới mà phạm giới thì biết làm sao đây? Tri kiến ấy chẳng chánh xác. Vì sao lại phạm? Tuy quý vị chẳng thọ các giới ấy, hễ phạm, vẫn mắc tội. Đức Phật chế giới, dạy quý vị đừng nên phạm các giới ấy. Tôi lại nói một loại công đức của giới. Giới có sức gia trì, tức là gia trì khiến cho quý vị chẳng làm. Giết, trộm, dâm, tôi nghĩ không một chúng sanh nào chẳng phạm, nhưng quốc gia vẫn chấp nhận cho phạm. Giống như trách nhiệm thuộc về công việc mà người ấy phải chấp hành. Quý vị nói đây là sát sanh, giết lợn, giết dê, phạm tội gì? Ai định tội cho kẻ đó? Trong quan hệ vợ chồng, nếu bảo đó là phạm giới dâm thì loài người đều đoạn tuyệt! Có thể nói như vậy hay không? Chẳng thể nào! Không được! Người ấy (người đã thọ giới) có sức gia trì. Chẳng phải là nói [thọ giới, sợ sẽ] vi phạm. Quý vị phải suy xét từ phương diện công đức của thọ giới. [Cũng giống như] học Phật pháp, nghe nói có nhiều địa ngục đường ấy, [bèn tự nhủ] “ta không học Phật thì tốt hơn!” Đúng hay không? Ta ngay cả địa ngục cũng chẳng biết, ta cũng chẳng tin tưởng [có địa ngục, phải đền trả quả báo], nhưng tội đã làm thì quý vị vẫn phải chịu! Ta không tin, sẽ chẳng phải chịu tội ư? Đâu có tiện nghi như thế! Quý vị không tin, vẫn phải chịu tội. Bất quá, đức Phật nói ra thì có lợi [vì người nghe thấy các thứ tội báo, sẽ kinh sợ chẳng dám phạm tội], đừng nên hiểu lầm ý nghĩa. Chẳng phải là tôi xúi quý vị thọ Ngũ Giới. Nếu quý vị cảm thấy “ta chẳng thọ giới được”, vẫn chẳng cần phải thọ. Bất quá, quý vị phải nghĩ đến công đức gia trì do thọ Ngũ Giới [để suy xét]!

Sau này, tôi nghĩ lại, kể từ sau khi xuất gia, đã thọ giới tỳ-kheo, tôi nói: “Nguy hiểm quá! Hở ra là phạm lỗi. Hai trăm năm mươi giới, từng giới điều một, tám vạn bốn ngàn oai nghi, Thanh Quy Giới Luật

nhiều ngàn ấy”. Lúc đó, thật sự muốn xả giới hoàn tục cho rồi, kham chẳng nổi! Điều này chẳng thể làm, điều kia chẳng thể làm! Đối với bốn oai nghi, tùy tiện quý vị làm điều gì, ở trong chùa miếu, lúc mới xuất gia, cử chỉ động tác, không có gì chẳng phạm sai lầm! Tôi nhớ khi quải đơn, thuở đó vẫn chưa có đèn. Trong đêm tối, ra nhà vệ sinh quá xa. Nhà vệ sinh cũng chẳng có đèn, không thể đi. Ban đêm thức dậy tiểu tiện, làm thế nào đây? Vị thầy tri khách đặt dưới cửa sổ mấy cái thùng chứa nước tiểu để mọi người giải quyết tại đó. Khi đó, vị thầy tri khách nói: “Vị này nhất định là mới tới quải đơn”. Tôi nói: “Thầy tri khách này có thần thông, làm sao ổng biết là mình vậy kia?” Hóa ra vì tôi đi tiểu, chẳng tiểu đúng cách. Mọi người có biết nghĩa là sao hay không? Tiểu tiện chẳng thể vang ra tiếng. Hễ có tiếng, sẽ kinh động người khác! Ăn cơm, tiểu tiện, cho đến hết thầy các hành động, không có chỗ nào chẳng có Thanh Quy Giới Luật. Kẻ mới xuất gia vừa mới thọ Sa Di làm sao giữ cho đúng hết được?

*“Sám hối trừ diệt nhất thiết chư ác nghiệp chướng, linh vô dư giả, u ngã sở thuyết thị pháp môn”* (Sám hối trừ diệt hết thầy các ác nghiệp chướng khiến cho chẳng thừa sót, đối với pháp môn do ta đã nói như thế), nếu quý vị khéo tu học, vậy thì *“tiên thế sở tạo nhất thiết ác nghiệp, giai đắc tiêu diệt vô hữu di dư”* (hết thầy ác nghiệp đã tạo trong đời trước đều được tiêu diệt, chẳng còn thừa sót), người ấy đối trước Phật sám hối chẳng còn sót. Nay chúng ta đã nghe kinh Đại Tập Thập Luân, lúc bái sám, quý vị liền lạy ba lạy, niệm thầm: “Con nghe kinh Đại Tập Thập Luân, đức Phật giảng phẩm Sám Hối, con đều trọn đủ [các tội lỗi ấy]. Con cũng phát nguyện như thế, hy vọng Phật sẽ gia trì con, hy vọng Địa Tạng Bồ Tát gia trì”. Quý vị cũng sẽ trọn đủ giống như những người đó. Tôi nói như vậy, quý vị chẳng tin cũng được! Chẳng phạm lỗi gì!

## **VI. Thiện Nghiệp Đạo - Phẩm Đệ Lục**

### **善業道品第六**

*(Phẩm thứ sáu: Thập Thiện Nghiệp Đạo)*

*(Kinh) Nhữ thời, Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát phục bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát vân hà u Thanh Văn Thừa, đắc vô ngộ thất? Vân hà u Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, đắc vô ngộ thất? Vân hà u Độc Giác Thừa, đắc vô ngộ thất? Vân hà u Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, đắc vô ngộ thất? Vân hà u Đại Thừa, đắc vô*

*ngộ thất? Vân hà u Đại Thừa Bồ Đặc Già La, đắc vô ngộ thất? Vân hà thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh? Vân hà u chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất? Vân hà u Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển? Vân hà lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng? Vân hà u nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhẫn, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển? Vân hà thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành? Vân hà thường đắc bất ly kiên nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận cúng dường chúng Tăng? Vân hà u chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc? Vân hà thường u Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc?”*

(經)爾時，金剛藏菩薩摩訶薩復白佛言：「大德世尊！菩薩摩訶薩，云何於聲聞乘，得無誤失？云何於聲聞乘補特伽羅，得無誤失？云何於獨覺乘，得無誤失？云何於獨覺乘補特伽羅，得無誤失？云何於大乘，得無誤失？云何於大乘補特伽羅，得無誤失？云何常能熾然三寶種姓？云何於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失？云何於大乘法，常得升進，無有退轉？云何利慧勝福，常得增長？云何於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉？云何常得值遇諸善知識，隨順而行？云何常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧？云何於諸善根常精進求，心無厭足？云何常於菩提種種行願，心無厭足？」

(*Kinh*: Lúc bấy giờ, Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát làm thế nào chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa? Làm thế nào chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La? Làm thế nào chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa? Làm thế nào chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La? Làm thế nào chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa? Làm thế nào chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La? Làm thế nào để chủng tánh Tam Bảo thường rạng rỡ? Làm thế nào chẳng phạm sai lầm đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí,

*thậm chí đối với hết thầy kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc? Làm thế nào để thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển nơi pháp Đại Thừa? Làm thế nào để trí huệ nhạy bén và phước thù thắng thường được tăng trưởng? Làm thế nào để mau được tự tại, chẳng thoái chuyển nơi hết thầy các Định, các Đà-la-ni, các Nhân, các Địa? Làm thế nào để thường được gặp gỡ các thiện tri thức hòng làm theo họ? Làm thế nào để thường được chẳng lìa thấy hết thầy Phật, và các vị Bồ Tát, cùng đệ tử Thanh Văn, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận cùng đường chúng Tăng? Làm thế nào để thường tinh tấn cầu các thiện căn, tâm không chán đủ? Làm thế nào để đối với các thứ hạnh nguyện nơi Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ?”)*

Phẩm này giảng về Thiện Nghiệp Đạo. Đã sám hối xong, bèn tu hành. Sau khi đã sám trừ nghiệp chướng, sẽ tu gì vậy? Tu thiện nghiệp. Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát là người phát khởi. Ngài hướng về đức Phật thỉnh cầu: “Đại đức Thế Tôn! Con còn có thắc mắc”. Bồ Tát Ma Ha Tát là bậc đại Bồ Tát trong các vị Bồ Tát. Khi Ngài muốn hoằng pháp lợi sanh, nếu gặp căn cơ Thanh Văn, đối với Thanh Văn Bồ Đặc Già La, Ngài sẽ chẳng nói pháp Độc Giác Thừa, cũng chẳng nói pháp Đại Thừa. Pháp nghĩa của mỗi pháp có giới hạn rạch ròi, chẳng phải là luông tuông! Kế đó, đối với mỗi loại Bồ Đặc Già La hữu tình chúng sanh, họ thuộc loại pháp khí nào, là căn khí gì, sẽ nói với họ pháp ấy, chẳng hề phạm sai lầm.

Nay chúng ta thuyết pháp, chẳng cần biết là đúng căn cơ hay không, chúng tôi giảng bộ kinh này, chẳng phải là căn cơ, họ cũng đến nghe. Đúng căn cơ cũng tới nghe. Đây gọi là “[thuyết pháp] chẳng đúng căn cơ”. Đã chẳng đúng căn cơ, đối với pháp Thanh Văn mà chẳng sai lầm sẽ rất khó, hoặc là chẳng sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng sai lầm đối với Bồ Tát Thừa, tức là chẳng sai lầm đối với pháp tam thừa. Nếu nói theo căn cơ, [nói pháp] chẳng đúng căn cơ, chẳng đúng với [căn tánh của mỗi loại] Bồ Đặc Già La (Pudgala, hữu tình chúng sanh), [đáng lẽ] quý vị phải nói pháp Thanh Văn, lại nói thành pháp Độc Giác, hoặc nói thành pháp Đại Thừa, đó gọi là “ngộ thất” (誤失, sai lầm). Hễ có sai lầm, người nói sẽ chịu trách nhiệm nhân quả.

Nay đang thời Mạt Pháp, thiếu khuyết năng lực khéo quan sát, khi thuyết pháp, chính mình phải phát nguyện, mong cầu sám hối phát nguyện: “Con là một chúng sanh bình phàm, chẳng nhập thánh quả,

thuyết pháp nhất định sẽ có sai lầm. Bất luận xét theo căn cơ, hay xét theo pháp, đều phạm sai lầm!” Nếu đã thọ Bồ Tát giới, phát đại tâm, [nếu sợ thuyết pháp sai lầm rồi chẳng thuyết pháp] thì sẽ là đoạn diệt chủng tánh Tam Bảo. Quý vị phải cân nhắc giữa hai đặng: Cái nào là trọng yếu, cái nào chẳng trọng yếu! Tuy là phạm sai lầm đối với họ (người nghe pháp), họ vẫn có thể gieo thiện căn. Nếu hoàn toàn chẳng có ai nói, pháp chẳng còn nữa, có thể gặp gỡ mà không sai lầm hay không, họ cũng chẳng thể biết!

Cá nhân tôi mỗi khi gặp dịp thuyết pháp, đều cầu Phật, Bồ Tát gia trì, hoặc là tụng kinh, hoặc sám hối, cầu Phật, Bồ Tát gia trì, khiến cho lời tôi nói chẳng trái nghịch ý Phật. Nói cách khác, gia trì tôi khi thuyết pháp bèn có tri kiến chánh xác. Tri kiến như thế nào sẽ là chánh xác hay chẳng chánh xác? Nương theo pháp do đức Phật đã dạy để nói, tri kiến ấy sẽ là chánh đáng. Đức Phật có ba pháp ấn [dành cho pháp Nhị Thừa, tức vô thường, khổ, và vô ngã], và cũng có một pháp ấn [dành cho pháp Đại Thừa, tức Thật Tướng]. Khi thuyết pháp, chẳng lìa Thật Tướng, đối với mỗi chúng sanh đều nói “*chẳng lìa Thật Tướng*”, khiến cho chúng sanh biết đạo lý “*vạn pháp duy tâm*”. Khi nói pháp Thanh Văn Thừa, nhất định phải biết pháp Tứ Đế, tức Khổ, Tập, Diệt, Đạo; đây là Tứ Thánh Đế. Các pháp Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, ba mươi bảy Đạo Phẩm, tam thừa đều cùng chung có. Quý vị nói như thế nào cũng đều được, rốt cuộc chẳng vượt ra ngoài pháp tam thừa. Chớ nên nói chánh kiến thành tà kiến, [nếu nói thành tà kiến], sẽ là điên đảo, phạm sai lầm. Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa, và Đại Thừa là pháp tam thừa nhằm đối ứng căn cơ tam thừa, cũng như tam thừa Bồ Đặc Già La. Đối với pháp chẳng có sai lầm, mà cũng chẳng sai lệch, chẳng hỗn loạn thị phi; đối với Bồ Đặc Già La, tức là đối với người [nghe pháp], cũng chẳng sai lầm! Đây là hạng người nào? Chính là Bồ Tát Ma Ha Tát, đại Bồ Tát tuyệt đối có thể làm được!

Lại nữa, làm thế nào để khiến cho chúng tánh Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo hưng thịnh, thường sung mãn, khiến cho chúng tánh Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo vĩnh viễn chẳng đoạn, vĩnh viễn trụ trong thế gian? Lại làm như thế nào để phân biệt các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai là pháp khí hay chẳng phải pháp khí? Cho đến đối với kẻ khoác một mảnh ca-sa, bèn chẳng phạm sai lầm? Kẻ “*vô giới*” kém cõi hơn pháp khí và phi pháp khí, vì kẻ đó giả mạo người xuất gia. Kẻ đó vốn là tội phạm, kiếm được một mảnh ca-sa bèn đeo lên người, mong tiêu tai, thoát

nạn, làm như thế đó. Đối với hạng người như thế đó, cũng đều chẳng phạm sai lầm!

Đối với pháp Đại Thừa, khiến cho pháp ấy vĩnh viễn hưng thịnh, đừng từ Đại Thừa thoái chuyển thành Nhị Thừa. Có những người nếu nói pháp Đại Thừa với họ, họ sẽ dũng mãnh tiến lên, chiếu theo pháp Đại Thừa để tu tập. Có những người cảm thấy tu pháp Đại Thừa để độ chúng sanh quá khó khăn, vì chúng sanh ương ngạnh, khó điều phục. Đừng nói là phạm phu độ chúng sanh, ngay như Thanh Văn đã chứng quả A La Hán muốn độ chúng sanh cũng rất khó khăn. Cho nên họ sợ hãi, thoái đọa địa vị Nhị Thừa, nhập Thiên Không Định. Những trường hợp giống như vậy rất nhiều, ngay cả một vị A La Hán như ngài Xá Lợi Phất, trí huệ bậc nhất, vẫn lui xuống Nhị Thừa như vậy! Ngài mong phát Bồ Đề tâm, vừa mới phát tâm bèn lui sụt. Câu chuyện này chắc là mọi người đều biết: Ngài Xá Lợi Phất vừa phát Bồ Đề tâm, Đê Thích Thiên bèn hóa hiện đến thử thách Ngài. Ông ta thị hiện làm một cô bé, ngồi khóc ở ven đường. Ngài Xá Lợi Phất đến trước cô bé, hỏi: “Con đừng nên bi ai, có khó khăn gì, ta có thể giúp con giải quyết. Hãy kể cho ta biết”. Bé gái thưa: “Điều con mong cầu, Ngài giải quyết không nổi đâu. Ngài đâu có tâm Bồ Đề lớn dường ấy!” Ngài nói: “Ta vừa mới phát Bồ Đề tâm”. Cô bé nói: “Được rồi! Con nói với Ngài. Mẹ con nay bị một loại bệnh đặc biệt, tìm thuốc uống, thuốc thì có, nhưng chất dẫn thuốc chẳng có”. “Chất dẫn thuốc chẳng khó lắm, con cứ tìm đi, hoặc là mua”. Cô bé nói: “Mua không được! Chất dẫn thuốc này cần đến tròng mắt”. Ngài Xá Lợi Phất nói: “Ta mới vừa phát Bồ Đề tâm, nay gặp gỡ, ta đáng nên phát đại tâm. Được! Ta bố thí một con mắt vậy!”

Ngài liền móc một con mắt trao cho cô bé. Cô bé nói: “Con mắt này không đúng!” “Vì sao chẳng đúng?” “Con cần mắt trái, mà Ngài móc ra mắt phải”. Ngài Xá Lợi Phất phiền não: “Sao con không nói sớm? Thôi được! Nếu ta đã muốn phát đại tâm thì cũng móc luôn con mắt trái, cả hai con đều cho con”. Cô bé cảm lấy ngừi, rồi chê: “Con mắt này tanh hôi quá! Làm sao có thể bỏ vào thuốc cho được?” Quãng bệt xuống đất, lấy chân giẫm lên, vừa giẫm lên, liền nghe tiếng vỡ đánh bụp một cái! Ngài Xá Lợi Phất liền ngã lòng, nói Bồ Tát đạo khó hành, gặp phải kiểu chúng sanh như vậy, chẳng có cách nào, thoái thất Bồ Đề tâm!

Thật ra, A La Hán đều có thần thông. Có một vị A La Hán dẫn theo một Sa Di đi trên đường. Chú Sa Di ấy do thấy trên cánh đồng có con chim sẻ đang ăn những con trùng dưới đất. Những con trùng ấy do

bị lưỡi cày lật đất lên [mà lộ ra], chim sẻ liền mổ ăn. Chú bèn phát tâm: “Chúng sanh quá khổ! Ta phải phát Bồ Đề tâm để lợi ích hết thảy chúng sanh”. Khi ấy, chú đang quảy y bát của thầy, trong túi đựng đầy ắp. Vị A La Hán ấy kêu chú: “Con đứng lại!” Đồ đệ đứng lại. “Tiểu Sa Di lại đây, đưa đây cho ta đeo”. Thầy đeo rồi, đồ đệ cũng chẳng biết là chuyện gì, liền đi tiếp. Chú Sa Di ấy lại nghĩ: “Độ chúng sanh bằng cách nào đây? Bồ Tát đạo rất khó hành, dài dằng dặc, xa xôi quá! Mình vẫn nên cầu được liễu sanh tử, mình liễu sanh tử trước rồi mới lại nói!” Tâm chú vừa tác ý như thế, thầy lại bỏ cái dây xuống, hô: “Đứng lại! Con vẫn đeo cái dây này đi”. Lần đầu tiên, lần thứ hai, chú đồ đệ vẫn không cảm thấy gì, lại đi tiếp. Chú Sa Di ấy lại nghĩ: “Không được rồi! Phải thành Phật, phải phát đại tâm, phải rớt ráo thì mới được!” Chú chẳng phát tâm lui sụt xuống hàng Nhị Thừa, không được! Vẫn phải nên phát đại Bồ Đề tâm, chớ nên nao núng! Thầy lại kêu: “Đứng lại! Đứng lại!” Chú đứng lại, “giao đây cho thầy đeo”. Chú tiểu Sa Di mới biết là có chuyện rồi, mới hỏi: “Sur phụ! Thầy có bị bệnh tâm thần hay không? Thầy điên rồi! Một chốc con đeo, chốc lát lại thầy đeo. Rốt cuộc là chuyện gì thế?” Thầy bảo: “Con đã phát Bồ Đề tâm, là đại Bồ Tát, ta chỉ là A La Hán. Cho nên thầy chẳng dám sai Bồ Tát quảy dây cho thầy, đưa cho thầy thì hơn! Con vừa mới phát tâm, lại thoái tâm, lại thoái chuyển, mong liễu sanh tử. Ta đã liễu sanh tử, con vẫn chưa, con chỉ phát tâm mà thôi. Được rồi, vẫn là để cho con đeo. Giao qua, giao lại là như thế đó. Vì con vừa khởi tâm động niệm, ta biết ngay”.

Bậc A La Hán như thế rất khó có! Vì sao? Ngài có Tha Tâm Thông, chẳng cần nhập Định. Có những vị A La Hán trong cuộc sống thường nhật, Tha Tâm Thông, lục thông đều trọn đủ như thế! Có vị A La Hán cần phải tu Định thì Lục Thông mới hiển hiện; có vị chẳng cần mà vẫn có thể hiển hiện. Những vị giống như vậy đều là bậc Đại A La Hán, đều giống như trong một ngàn hai trăm năm mươi vị Thường Tùy Chúng [của đức Phật], mười vị đại đệ tử<sup>29</sup> đứng đầu thường luôn ở trong Định.

---

<sup>29</sup> Thông thường, theo truyền thống Nam Truyền, dựa trên kinh Trường Lão, thập đại đệ tử là Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, Đại Ca Chiên Diên, Đại Câu Hy La (Mahākotṭhita), Đại Kiếp Tân Na (Mahākappina), Đại Thuần Đà (Mahācunda), A Nậu Lô Đà, Ly Bà Đa (Revata), và Nan Đà (Nanda). Nhưng theo Bắc Truyền Phật giáo (chẳng hạn như kinh Duy Ma Cật), thập đại đệ tử là Xá Lợi Phất (Śāriputra), Mục Kiền Liên (Maudgalyāyana), Đại Ca Diếp (Mahākāśyapa), Tu Bồ Đề (Subhūti), Phú Lô Na (Pūrṇa Maitrāyaniputra), Ma Ha Ca Chiên Diên (Mahākātyāyana), A Na



Vì thế, khiến cho Đại Thừa thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển, rất khó! Mọi người hằng ngày phát Bồ Đề tâm, nhưng hằng ngày chẳng làm chuyện Bồ Đề, thì cái tâm đã phát ấy giả trá, phỏng theo người khác mà phát đó thôi! Khi bái sám cũng phát, phát đại nguyện “*độ tận hết thảy chúng sanh*”, cũng như “*chịu khổ thay cho chúng sanh*”. Quý vị chẳng xâm chiếm lợi ích của chúng sanh là được rồi, còn “*chịu khổ thay cho chúng sanh*” thì làm thế nào để thực hiện? Chúng ta bất cứ lúc nào, kể cả mọi người chúng ta đều chẳng có ngoại lệ, đều luôn xâm chiếm lợi ích của chúng sanh! Chúng ta có thể chịu khổ thay cho chúng sanh hay không? Chẳng có! Quý vị làm chánh trị cũng thế, mà làm kinh tế cũng thế, bất cứ quý vị làm gì, hãy ngẫm xem tất cả lợi ích của quý vị do đâu mà có? Từ chúng sanh! Đều là của chúng sanh, rất khó!

Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni xuất gia, đáng lẽ phải tốt đẹp lắm chứ! Tứ chúng đệ tử, Sa Di, Sa Di Ni, nếu liễu đạo thì tốt. Nếu chưa liễu đạo, các thứ quý vị hưởng thụ đều là máu và mồ hôi của người ta! Thậm chí, trong số đó, cũng có những thứ do lừa gạt, cũng có thứ phi pháp! Quý vị tiêu trừ các tai họa ấy bằng cách nào? Vì sao quy định người xuất gia có hai đường công khóa sáng tối? Nhằm để tiêu tai! Quý vị chẳng tu hành chi khác, lên đại điện tụng niệm công khóa sáng tối để trả nợ, có thể miễn trừ tai nạn! Vì sao tứ chúng đệ tử đều có công khóa hằng ngày? Bất luận quý vị tụng một quyển Phổ Môn Phẩm, tụng phẩm Phổ Môn là để hồi hướng cho người ta. Như thế thì ăn, mặc, đi, ở, quý vị sống trong căn nhà do người ta [phát tâm cúng dường, kiến tạo], cái ăn của quý vị do người khác cúng dường. Quý vị chẳng tự kiếm được một đồng nào! Phải hiểu đạo lý này! Cần phải luôn luôn phát Bồ Đề tâm! Nếu có thể thường luôn phát Bồ Đề tâm, trí huệ của quý vị có thể tăng trưởng. Phước đức thù thắng như vậy sẽ thường có thể tăng trưởng. Phước đức thù thắng và trí huệ nhảy bén sanh từ chỗ nào? Phải cậy vào Tam Bảo. Tam Bảo là chủng tử của hết thảy. Như thế nào thì mới có thể khiến cho trí huệ nhảy bén và phước thù thắng của chính mình thường tăng trưởng, chẳng lui sụt? Đây là một vấn đề!

Kim Cang Tạng Bồ Tát hỏi đức Phật: Làm thế nào để giữ vững các điều ấy? “*Vân hà ư nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhẫn, chư Địa?*” (Làm thế nào để đối với hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhẫn, các Địa?) Đây là nói theo Thập Địa và Thập Nhẫn trong kinh Hoa

Nghiêm, chúng tôi không nói cặn kẽ, chỉ nêu đại lược đôi chút. Mau chóng đạt được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Trong hết thấy các Định, đều có thể tự tại: Muốn nhập Định liền nhập Định, muốn xuất Định liền xuất Định. Từ địa vị Định này tiến nhập Nhẫn vị. Từ Nhẫn vị đến Sơ Địa, từ Sơ Địa, Nhị Địa, cho đến Thập Địa. “*Vân hà thường đắc tri ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành?*” (Làm thế nào để thường được gặp gỡ các vị thiện tri thức, tùy thuận mà hành?): Như thế nào thì mới có thể vĩnh viễn chẳng lìa thiện tri thức, làm theo lời chỉ dạy của thiện tri thức?

“*Vân hà thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử?*” (Làm thế nào để thường chẳng rời thấy hết thấy chư Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử?): Các vị đệ tử Thanh Văn ấy đã thành đạo, cho đến “*bất ly văn pháp, bất ly thân cận cúng dường chúng Tăng*” (chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận cúng dường các vị Tăng): Tăng ở đây là phạm phu Tăng. Phạm phu Tăng cũng bao gồm các hạng người như trong phần trước đức Phật đã dạy, [đối với kẻ] khoác một mảnh ca-sa, là Tăng sĩ giả mạo, chúng ta vẫn coi họ như thánh Tăng.

“*Vân hà ư chư thiện căn thường tinh tấn?*” (Làm thế nào để thường tinh tấn nơi các thiện căn?): Cầu thiện căn thường tinh tấn. Tinh tấn là chẳng giải đãi, vun trồng thiện căn của chúng ta. Làm thế nào thì mới có thể vun trồng thiện căn? Thiện căn càng tăng trưởng càng tốt, càng nhiều càng tốt. Trong tâm, chẳng có chán đủ, chẳng có chán phiền, chẳng có thỏa mãn! Cái chúng ta thiếu hụt chính là chẳng thể tinh tấn. Bất luận bái sám, bất luận nghe kinh, bất luận chính quý vị niệm kinh, đầy đều là các nghiệp thù thắng; nhưng luôn tìm một cái cớ để bào chữa! “Hôm nay tôi bận việc, tôi xin kiếu. Ngày mai sẽ lại làm bù!” Bù bằng cách nào? Hễ đoạn liền bị chặt đứt! Một ngày đoạn, hai ngày đoạn, đoạn lâu ngày, kẻ đó sẽ chẳng nghĩ thực hiện nữa!

Người ta nói: “*Học đạo như thuyền bơi ngược nước, chẳng tiến, ắt lùi*”. Cái thuyền đó, khi chèo ngược dòng, chẳng tiếp tục tiến lên, sẽ bị nước đẩy lùi ngược lại, sẽ bị sóng đánh giạt lui xuống! Tại gia tu hành đều là như vậy, “*Thục sơn vô tận, cần vi lộ*” (Núi Thục vô tận, phải siêng lên đường)<sup>30</sup>. Biển khổ chẳng có bờ bến. Đòi người trong biển khổ

---

<sup>30</sup> Ở đây, người ghi lại lời giảng đã viết sai, câu đúng ra phải là “*Thục sơn hữu lộ, cần vi kính; học hải vô nhai, khổ tác châu*” (Núi sách có đường, phải siêng năng tạo

to lớn, quý vị phải siêng khổ. Giống như đi học. Đi học giống như trèo lên núi, chẳng có đường! Quý vị chỉ cần mong cầu tri thức, mong cầu đạo lý phong phú, đã phải siêng ròng; huống hồ tu pháp xuất thế ư? Trong tâm vĩnh viễn chẳng có lúc thỏa mãn. Đã đạt tới vô cầu, đã đạt tới Bát Địa Bồ Tát, sẽ tùy tâm, cũng chẳng có tinh tấn, mà cũng chẳng có giải đãi!

“*Vân hà thường ư Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc?*” (Làm thế nào để thường đối với các hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ?): Phát lên rất nhiều hạnh nguyện Bồ Đề, nếu giống như mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, sẽ bao gồm trọn vẹn. “*Mười*” tức là trùng trùng vô tận. Mỗi vị Bồ Tát phát nguyện đều là trùng trùng vô tận. Đây là nói các vị đại Bồ Tát, vĩnh viễn luôn phát nguyện, vĩnh viễn vô tận, tâm chẳng chán đủ, mà cũng vĩnh viễn chẳng có lúc phiền chán, cho là đủ rồi! Kim Cang Tạng Bồ Tát thưa hỏi đức Phật như vậy, “*làm như thế nào thì mới có thể đạt tới những điều con đã thưa hỏi trên đây?*” Khi Bồ Tát Ma Ha Tát lợi ích chúng sanh, làm như thế nào thì mới có thể miễn trừ những lầm lỗi ấy? Đức Phật bèn trả lời Ngài.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: - Thiện nam tử! Hữu Bồ Tát Ma Ha Tát thập luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành thử thập luân, ư Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, ư Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, ư Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, ư Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, ư kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, ư kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xả nhiên Tam Bảo chủng tánh. Ư chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. Ư Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển. Lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. Ư nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhân, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ư chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường ư Bồ Đề chủng chủng*

---

thành đường tiến vào. Biên học không bờ bến, phải dùng cần cù làm thuyên). Đó là đôi câu đối do Hàn Dũ viết và được chép trong bộ Tăng Quảng Hiền Văn.

*hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Thường u nhất thiết tiên sở tạo tác ác bất thiện nghiệp, dĩ thánh kim cang, kiên lợi pháp trí, tồi hoại, tán diệt, linh vô dư di, bất thọ quả báo. Cánh bất tạo tâm ác bất thiện nghiệp, tâm vô yếm quyện, tốc năng chứng đắc vô thượng pháp luân. Thường cần tu tập Thất Giác Phần bảo, tâm vô yếm quyện. Thường năng trừ diệt nhất thiết chúng sanh chư phiền não bệnh, tâm vô yếm quyện. Nhất thiết chúng sanh y chỉ tồn hoạt.*

(經)爾時，世尊告金剛藏菩薩摩訶薩言：「善男子！有菩薩摩訶薩十輪。若菩薩摩訶薩成此十輪，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種姓。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉。利慧勝福，常得增長。於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，心無厭足。常於一切先所造作惡不善業，以聖金剛堅利法智，摧壞散滅，令無遺餘，不受果報。更不造新惡不善業，心無厭倦，速能證得無上法輪。常勤修習七覺分寶，心無厭倦。常能除滅一切眾生諸煩惱病，心無厭倦。一切眾生，依止存活。

(*Kinh*: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn bảo Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: - Nay thiện nam tử! Có thập luân của Bồ Tát Ma Ha Tát. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu mười luân ấy, sẽ chẳng sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, sẽ chẳng sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, sẽ chẳng sai lầm đối với Độc Giác Thừa, sẽ chẳng sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, sẽ chẳng sai lầm đối với Đại Thừa, sẽ chẳng sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La, thường có thể khiến cho chúng tánh Tam Bảo hưng thịnh. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, thậm chí đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng

phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén, phước thù thắng, thường được tăng trưởng. Trong hết thấy các Định, các Đà-la-ni, các Nhẫn, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các vị thiện tri thức, để tùy thuận làm theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thấy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận cúng dường chúng Tăng. Trong các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các hạnh nguyện Bồ Đề tâm chẳng chán đủ. Thường đối với hết thấy các nghiệp ác bất thiện đã tạo tác trước kia, dùng pháp trí thánh kim cương cứng chắc, nhạy bén để phá tan diệt mất, khiến cho chẳng còn thừa sót, chẳng thọ quả báo. Lại còn chẳng tạo nghiệp ác bất thiện mới, tâm chẳng chán mệt, mau có thể chứng đắc vô thượng pháp luân, thường siêng tu tập báu Thất Giác Phần, tâm chẳng chán mệt. Thường có thể trừ diệt hết thấy các bệnh phiền não cho chúng sanh, tâm chẳng chán mệt. Hết thấy chúng sanh nương cậy để sống sót).

Ông đã hỏi các vấn đề ấy, nếu muốn chẳng sai lầm, hãy học theo mười luân này. [Do học luân này, đối với] tam thừa hữu tình, đều có thể chẳng phạm sai lầm, chủng tánh Tam Bảo sẽ vĩnh viễn hưng hực. Đồng thời, “*ư chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiến ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất*” (đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, thậm chí đối với hết thấy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng sai lầm), để dạy bảo họ chẳng phạm sai lầm thì phải nương theo thập luân này. Các phần kinh văn trước đó vẫn chưa nói tới thập luân, đợi đến khi đã nói xong công đức của thập luân ấy thì mới nói thập luân.

“*Ư nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhẫn, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển*” (Trong hết thấy các Định, các Đà-la-ni, các Nhẫn, các Địa, nhanh chóng được tự tại, chẳng bị thoái chuyển), chẳng phải là ông đã hỏi như thế hay sao? Đức Phật bèn nhắc lại nguyên văn [lời hỏi] lần nữa, dùng thập luân để giải quyết những vấn đề Bồ Tát đã hỏi, có ý nghĩa như vậy đây!

Cũng có thể “*thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ư chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường ư Bồ Đề*

*chúng chúng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc*” (thường được gặp gỡ các vị thiện tri thức, tùy thuận hành theo. Thường được chẳng lia thấy hết thấy chư Phật, và các vị Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử. Chẳng lia nghe pháp, chẳng lia thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ): Hạnh và nguyện chẳng chán đủ. Hạnh và nguyện hai thứ vốn kết hợp lại, hạnh tức là nguyện, nguyện tức là hạnh, nhưng nói theo phía chúng ta thì chúng bị tách rời. Có khi chúng ta phát nguyện suông, nguyện toàn là rỗng tuếch, chẳng có hạnh phối hợp với nguyện. Có khi chúng ta có hạnh, lại chẳng có nguyện, chẳng biết phát nguyện, nguyện của người ấy hết sức nhỏ bé, chẳng tương hợp với pháp!

Mỗi lần đến mừng Một, Rằm, người thắp hương rất nhiều, hoặc người bái sám cũng rất nhiều, họ liền thực hiện. Tuy làm, nhưng chẳng biết phát nguyện, chẳng biết vận dụng quán tưởng. Kẻ đó thắp một nén hương là một nén hương, dâng một đĩa hoa là một đĩa hoa, chẳng biết dùng nguyện lực để tăng nhiều hơn, cũng chẳng biết hoa là nhân. Khi chúng ta cúng hoa, nguyện ta đắc quả, hoa là Bồ Đề nhân, ta nguyện đắc Bồ Đề quả. Người ấy chẳng tương như thế, chẳng có tâm lượng như vậy, căn bản là chẳng biết!

Mọi người học Phật pháp đã rất lâu, đã biết. Hãy nhớ lại xem, khi quý vị cúng Phật, có phải là mỗi niệm đều vận dụng Bồ Đề tâm, vận dụng Phổ Hiền cúng (sự cúng dường của Phổ Hiền Bồ Tát) hay không? Có các đạo hữu, chúng ta cũng là cùng nhau dâng cúng, tức là cúng trọn khắp. Cúng dường mười phương hết thấy chư Phật, cúng dường mười phương hết thấy tôn pháp, cúng dường hết thấy thánh hiền Tăng. Bất luận trong nước hay ngoài nước, Tây Tạng, Ấn Độ đều tính gộp vào đó, cho đến hiền thánh đại chúng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới Liên Trì Hải Hội đều được bao gồm trong ấy, có từng nghĩ tâm lượng của quý vị lớn cỡ nào hay không? Quý vị tưởng lớn cỡ nào, công đức sẽ to cỡ đó. Nguyện và hạnh giống như hai cái chân của mỗi người, một chân ngắn hơn, hay thiếu chân đều không được, sẽ chẳng thể đạt được hiệu quả to lớn. Đây đều là nhắc lại những lời thưa hỏi của Kim Cang Tạng Bồ Tát.

Đức Phật dạy: Nếu nương theo thập luân của Bồ Tát Ma Ha Tát thì những gì ông đã hỏi sẽ đều đạt được. Trong các điều [được nêu ra] tiếp đó, [có những điều] chẳng thuộc trong lời hỏi của Ngài. Như “*cầu các thứ hạnh nguyện, tâm chẳng chán đủ*” thì vẫn là lời hỏi của Kim

Cang Tạng Bồ Tát. Đức Phật nhắc lại, có thể thỏa mãn [ước nguyện ấy], nhưng điều sau đó chẳng phải: “*Thường ư nhất thiết tiên sở tạo tác ác bất thiện nghiệp*” (Thường đối với hết thảy các nghiệp ác bất thiện đã tạo tác trước kia): Nghiệp ác bất thiện, tức nghiệp bất thiện đã tạo trong quá khứ. Điều ác đã tạo như thế đó. Đối với điều ác ấy, sám hối như thế nào? Diệt trừ như thế nào? “*Di thánh kim cang kiên lợi pháp trí*” (Dùng pháp trí thánh kim cang cứng chắc, nhạy bén), tức là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, chúng ta thường nói là kinh Kim Cang. Trí huệ Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật chính là trí Bát Nhã. Trí huệ Bát Nhã kiên cố như kim cang, chẳng bị hết thảy phá hoại. Sắc bén như kim cang, chẳng bị hết thảy các thứ khác bẻ gãy. Trí huệ từ pháp Bát Nhã có thể phá hủy toàn bộ các nghiệp ác bất thiện đã tạo ấy, “*linh vô di dư*” (khiến cho chẳng còn sót thừa). Không chỉ phá hủy, mà còn chẳng có tí nào sót lại! Phá hủy sạch sành sanh, phá hủy sạch sẽ chẳng còn sót, chẳng thừa sót tí nào, chẳng thọ quả báo!

Đối với nghiệp đã tạo trong vô lượng kiếp quá khứ, quý vị nương vào thập luân này, ngay lập tức, các nghiệp kiên cố ấy đều bị phá hủy. Dùng gì vậy? Dùng trí Bát Nhã, trí huệ Bát Nhã kiên cố, lại còn “*chẳng thọ quả báo*”. “*Cánh bất tạo tân ác bất thiện nghiệp*” (Lại chẳng tạo thêm nghiệp ác bất thiện mới): Nghiệp cũ đã sám hối xong, chẳng tạo nghiệp mới nữa! Vì sao? Nương theo mười luân của Bồ Tát Ma Ha Tát, nương theo mười luân ấy, sẽ chẳng tạo, có thể mau chóng “*chứng đắc vô thượng pháp luân*”. Nương theo thập luân ấy, sẽ rất nhanh chóng chứng thành quả Phật, có thể chuyển đại pháp luân, thường siêng năng tu tập pháp Thất Giác Chi, tức “*Thất Giác Chi Phần bảo*”, tâm chẳng chán mệt! “*Thường năng trừ diệt nhất thiết chúng sanh chư phiền não bệnh, tâm vô yếm quỵện*” (Thường có thể diệt trừ các bệnh phiền não của hết thảy chúng sanh, tâm chẳng chán mệt). Bệnh phiền não của chúng ta quá nhiều, tám vạn bốn ngàn phiền não. Đức Phật đã nói tám vạn bốn ngàn pháp môn để đối trị, có tổng phiền não và căn bản phiền não. Tổng phiền não là vô minh. “*Nhất thiết chúng sanh y chỉ tồn hoạt*” (Hết thảy chúng sanh nương cậy vào đó để sống sót), tức là do thập luân của Bồ Tát Ma Ha Tát. Nếu hết thảy chúng sanh muốn thành tựu Pháp Thân huệ mạng, nương theo Pháp Thân huệ mạng ấy, Pháp Thân vĩnh viễn thường tồn tại, [thì phải nương vào thập luân ấy], có hàm nghĩa như thế đó. Đoạn này nhằm nói Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ thập luân, nương theo mười luân ấy để giữ toàn vẹn Pháp Thân huệ mạng, nhưng vẫn chưa giảng

thập luân là gì. Nói thật ra, ai nấy đều biết thập luân cả rồi, nó cũng chính là Thập Thiện Nghiệp.

*(Kinh) Thiện nam tử! Như Chuyển Luân Vương cụ túc thất bảo. Phạm sở hành động, luân bảo đạo tiền, dư bảo tùy hậu, tuần tứ đại châu, phổ năng trừ diệt nhất thiết chúng sanh thân tâm trược uế, phổ năng sanh trưởng nhất thiết chúng sanh thân tâm an lạc. Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị, thành tựu thập luân, u Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, quảng thuyết nãi chí nhất thiết chúng sanh y chỉ tồn hoạt. Thiện nam tử! Như đại xa lộ, cụ túc tứ luân, đa nhân thừa chi, du hành đại lộ. Ư kỳ lộ thượng, thổ khối, ngổa, lịch, thảo mộc, căn, hành, chi, diệp, hoa, quả vị luân sở triển, giai tất tồi hoại, bất nhậm thọ dụng. Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị, thành tựu thập luân, tất năng tồi hoại chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, linh bất thọ báo.*

(經)善男子！如轉輪王具足七寶。凡所行動，輪寶導前，餘寶隨後，巡四大洲，普能除滅一切眾生身心濁穢，普能生長一切眾生身心安樂。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，於聲聞乘得無誤失，廣說乃至一切眾生，依止存活。善男子！如大車輅具足四輪，多人乘之遊行大路。於其路上，土塊、瓦礫、草木、根、莖、枝、葉、華、果為輪所輾，皆悉摧壞，不任受用。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，悉能摧壞諸煩惱障、諸有情障、一切法障，令不受報。

*(Kinh: Đây thiện nam tử! Như Chuyển Luân Vương trọn đủ bảy báu, phạm khi đi chuyển, luân bảo dẫn đường đằng trước, các báu khác theo sau, tuần du khắp bốn đại châu, có thể trừ diệt trọn khắp trược uế nơi thân tâm của hết thảy chúng sanh. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu mười luân, đối với Thanh Văn Thừa chẳng phạm sai lầm, nói rộng là cho đến hết thảy chúng sanh dựa vào đó mà sống sót. Đây thiện nam tử! Như cỗ xe lớn trọn đủ bốn bánh, nhiều người ngồi trên đó, rong ruổi trên đường lớn. Các hòn đất, ngổa, sỏi, rễ, thân, cành, lá, hoa, quả của thảo mộc trên đường bị bánh xe nghiền qua, thảy đều tan nát, chẳng thể còn có tác dụng nữa. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu mười luân, thảy đều có thể phá tan các phiền não, các hữu tình chướng, hết thảy pháp chướng khiến chẳng thọ báo).*



Tượng bảo, mã bảo, mỹ nữ bảo, châu bảo, trân châu bảo đều được luân bảo dẫn đường. Trong các Chuyển Luân Thánh Vương, Thiết Luân Vương hễ xuất hành thì thiết luân tự nhiên hiện tiền, do phước báo cảm vời. Có Đồng Luân Vương cai quản hai châu, đồng luân hiện tiền. [Ngân Luân Vương] cai quản ba châu thì ngân luân hiện tiền. [Kim Luân Vương] cai quản tứ đại bộ châu thì kim luân hiện tiền. Hễ ông ta xuất hành, bèn có kim luân hiện tiền. Ở đây, [chánh kinh] nói về kim luân bảo.

“*Tuần tứ đại châu*” tức là Nam Thiệm Bộ Châu (Jambu-dvīpa), Bắc Câu Lô Châu (Uttara-kuru), Tây Ngưu Hạ Châu (Apara-godānīya), và Đông Thắng Thần Châu (Pūrva-vidēha), cả bốn đại châu đều có thể tuần tra, đều có thể diệt trừ hết thảy trược uế nơi thân tâm của chúng sanh, và có thể sanh trưởng sự an lạc nơi thân tâm cho trọn khắp hết thảy chúng sanh trong bốn đại châu. Chuyển Luân Thánh Vương có công đức ấy. Ông ta đến bốn đại châu, thuyết pháp cho bốn đại bộ châu, dùng mạng lệnh của quốc vương để chế định chánh sách nơi bốn bộ châu, khiến cho chúng sanh ấy đều được an lạc.

“*Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị*” (Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế): Đây là nói tỷ dụ. Trước nêu tỷ dụ, sau đó thuyết pháp, cũng là pháp và dụ (喻, thí dụ) hòa hợp. Ta nói Bồ Tát Ma Ha Tát, “*thành tựu thập luân*” giống như Chuyển Luân Thánh Vương. Khi Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, thập luân hiện tiền. Vận dụng thập luân, sẽ chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, nói rộng là đúng như Kim Cang Tạng Bồ Tát đã nói. “*Quảng thuyết nãi chí nhất thiết chúng sanh y chỉ tồn hoạt*” (nói rộng thì cho đến hết thảy chúng sanh đều dựa vào đó để sống sót), tức là nói rộng ra thì như trong kinh văn phần trước đã vừa nhắc lại, chẳng lặp lại nữa!

“*Thiện nam tử, như đại xa lộ*” (Ví như cỗ xe ngựa lớn): “*Đại xa lộ*” (大車路) là cỗ xe lớn. “*Cụ túc tứ luân*” (Trọn đủ bốn bánh), xe hiện thời đều có bốn bánh. “*Đa nhân thừa chi, du hành đại lộ*” (Nhiều người ngồi trên đó rong ruổi trên đường lớn): Lái xe trên đường, hòn đất, ngói, sỏi, thảo mộc, cành, lá, hoa, quả “*vị luân sở triển*” (bị bánh xe nghiền qua), sẽ đều bị nghiền nát. “*Giai tất tột hoại*” (Thầy đều tan nát), tức là Bồ Tát thành tựu mười luân này, bất luận cái bánh xe nào cũng đều có công năng này: Phá tan tất cả chướng ngại trên đường. Dầu phiền não ngăn chướng, chẳng bị phiền não xoay chuyển, thọ dụng và tác dụng của phiền não đều chẳng còn nữa, đều bị tiêu mất. Bồ Tát Ma Ha Tát là như

vậy đó, có thể “*thành tựu thập luân, tất năng tồ hoại chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, linh bất thọ báo*” (thành tựu thập luân, thấy đều có thể phá tan các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, khiến chẳng thọ báo): Lật ngược nhân quả, hết thấy các pháp chướng, và các chướng ngại đều chẳng chấp trước, chẳng có Không nghĩa, khiến cho chẳng thọ báo, tức là người ấy đã tự chứng đắc tánh Không, chẳng thọ báo. Nhưng mọi người hãy nên thường xuyên quán tưởng mười luân ấy, nói “*định nghiệp chẳng thể chuyển*” là nói về luật nhân quả. Quý vị đã tạo cái nhân nào, nhất định phải thọ báo ấy.

Nếu bị chuyển, sẽ chẳng có nhân quả, luật nhân quả chẳng tồn tại. Vì vậy, định nghiệp chẳng thể chuyển, sức tam-muội gia trì chính là định lực gia trì. Định lực gia trì môn Định nào vậy? Môn Định ấy chính là “*hết thấy các pháp đều Không*”. Chẳng có định nghiệp, nhân quả vốn cũng chẳng có. Nói như vậy thì rất dễ rơi vào Đoạn Diệt, rất nhiều người tạo nghiệp. Đó gọi là “*hữu ngộ thất*” (有誤失, có sai lầm). Quý vị có thể nói như vậy với Đại Thừa Bồ Tát, chứ đối với Thanh Văn, đối với kẻ khoác một mảnh ca-sa, đối với các pháp khí chẳng thuộc loại pháp khí Đại Thừa, [nhất là đối với] kẻ chẳng phải là pháp khí, càng chẳng thể nói như vậy được! Nếu nói với như vậy với họ, sẽ là sai lầm. Nếu muốn chẳng sai lầm, thì phải nói “*các pháp do nhân duyên sanh, ta nói chính là Không, cũng là giả danh, cũng là nghĩa lý Trung Đạo*”. Đây là một loại cảnh giới khác được nói trong một loại kinh điển khác. Còn ở đây là nói gồm chung các pháp tam thừa, nói chung về tam thừa.

Vì thế, nói hết thấy các phiền não chướng đã chẳng có, pháp chướng đã chẳng có, phiền não chướng đã chẳng có, Kiến Tư phiền não chướng đã chẳng có. Pháp chướng đã chẳng có, Pháp Chấp và Ngã Chấp đã chẳng có. Pháp Chấp là nói hàng Nhị Thừa có Pháp Chấp. A La Hán đều có Pháp Chấp. Họ nói: “*Ngã chẳng có, Ngã đã Không, phiền não không, nhưng pháp chẳng không*”. Họ cho rằng pháp do đức Phật đã nói chẳng không. Đó gọi là Pháp Chướng, tức là đã bị pháp hạn cuộc, còn ở đây là hết thấy các chướng ngại đã hoàn toàn tiêu mất. Vì sao chẳng thọ báo? Do các pháp duyên khởi tánh Không; cho nên chẳng bị chướng, mà cũng chẳng thọ báo.

***(Kinh) Thiện nam tử! Như lợi kiếm luân, tài nhất đầu xé, năng trảm oán địch thủ cập chi tiết, linh vô thể dụng. Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị, thành tựu thập luân, năng phá nhất thiết ngũ thú***

*lao ngục, sanh tử đại khổ, vĩnh đoạn nhất thiết phiền não ác nghiệp, linh bất thọ báo. Thiện nam tử! Như hỏa tai khởi, ngũ nhật xuất thời, biến tứ đại châu, nhất thiết hà, hải, thủy giới, tân nhuận, vô bất khô kiệt. Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị, thành tựu thập luân, nhất thiết tứ nhân, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, khổ báo căn bản, tất giai khô kiệt. Thiện nam tử! Như phong tai khởi, tứ phương mãnh phong, câu thời đốn phát, nhất thiết thế giới, đại tiểu chư sơn, cập chư đại địa, tất giai tán diệt. Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị, thành tựu thập luân, thế gian tứ đảo, kiêu mạn chư sơn, vô bất băng hoại. Nhất thiết chúng sanh chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, khổ báo căn bản, tất giai tán diệt.*

(經)善男子！如利劍輪才一投擲，能斬怨敵首及支節，令無勢用。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，能破一切五趣牢獄，生死大苦，永斷一切煩惱惡業，令不受報。善男子！如火災起，五日出時，遍四大洲一切河、海、水界、津潤，無不枯竭。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，一切四因諸煩惱障、諸有情障、一切法障、苦報根本，悉皆枯竭。善男子！如風災起，四方猛風俱時頓發，一切世界大小諸山及諸大地，悉皆散滅。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，世間四倒憍慢諸山，無不崩壞。一切眾生諸煩惱障、諸有情障、一切法障、苦報根本，悉皆散滅。

(Kinh: *Này thiện nam tử! Như vàng gương sắc vừa mới rút ra, có thể chém phẳng dầu và tứ chi của oán địch, khiến họ trở thành vô dụng. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu mười luân, có thể phá hết thủy nổi khổ sanh tử to lớn trong lao ngục năm đường, vĩnh viễn đoạn dứt hết thủy các ác nghiệp phiền não, khiến chẳng thọ báo. Này thiện nam tử! Như lúc hỏa tai dậy lên, năm mặt trời mọc, trọn khắp bốn đại châu, hết thủy sông, biển, các chỗ có nước, những nơi ẩm ướt, không đâu chẳng bị khô cạn. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu mười luân, hết thủy bốn nhân, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thủy pháp chướng, căn bản khổ báo, thủy đều khô cạn. Này thiện nam tử! Như lúc phong tai dậy lên, gió mạnh từ bốn phương cùng lúc dậy lên, trong hết thủy các thế giới, các núi lớn, nhỏ, và các đại địa, thủy đều tan diệt. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu thập*

*luân, các núi bốn diên đảo, kiêu căng, ngạo mạn, không gì chẳng nứt sụn. Các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thầy pháp chướng, khổ báo căn bản của hết thầy chúng sanh, thầy đều tan diệt).*

Đức Phật lại nêu thí dụ. “*Như lợi kiếm luân*” [nghĩa là] luân ấy giống như grom báu sắc bén nhất. Grom báu “*tài nhất đầu xé*” (vừa mới rút ra), hết sức mau chóng, vừa mới vung lên, đã chặt đứt phăng đầu và tứ chi của oán địch, khiến họ vô dụng. Đó là ý nghĩa của câu “*linh vô thế dụng*”. Có các đề tài trong tiểu thuyết đã căn cứ theo [các thí dụ] trong kinh Phật để viết. Tôi có đọc một quyển tiểu thuyết, người đó tìm một vị sư phụ thường thất bại. Vì ông ta vĩnh viễn thất bại, cho nên gọi là Thiên Bại (千敗, ngàn lần thất bại). Ông ta tôn vị ấy làm thầy, học gì từ sư phụ? Chẳng có gì kỳ lạ, đặc biệt, tức là [học sao cho] hễ rút grom báu sẽ thật nhanh, vung grom cái roẹt, một phát là xong! Tôi nghĩ công phu ấy chính là như các hòa thượng chúng tôi gọi là “*tác ý*”. Tâm đến đâu, pháp tới đó. Tâm đến đâu, kiếm tới đó, vung grom lấy đầu đối thủ, có ý nghĩa như thế đó. Ông ta rút grom nhanh đến nỗi địch nhân chẳng có cách nào thấy ông ta ra tay, cũng chẳng thấy ông ta rút kiếm! Nói về chiêu thức thì ông ta chẳng có chiêu thức, một chiêu như vậy thôi! Chiêu gì vậy? Vung grom, sọ quý vị rơi phập xuống, quý vị còn chờ tôi xem quý vị ra chiêu chi nữa? Ta khéo đỡ một chiêu, chẳng có chuyện ấy, chỉ là một nhát kiếm, quý vị chẳng đỡ nổi! Hiểu được đạo lý này, sẽ biết ngay!

Cái được sử dụng ở đây là huệ kiếm, tức cái tâm trí huệ của quý vị, đến nơi ấy, hắc ám bị phá nát. Chẳng có trí huệ, nếu muốn làm chuyện phương tiện, sẽ càng bị ràng buộc chặt hơn. Do vậy, người có trí huệ sẽ càng thuận tiện, càng giải thoát. Vì thế, “*hữu huệ, phương tiện giải; vô huệ, phương tiện phược*” (có huệ thì phương tiện là giải thoát. Không có trí huệ, sẽ bị phương tiện trói buộc). Chẳng có trí huệ, quý vị đừng tạo phương tiện loạn xạ. Làm lung tung tức là đầu óc có vấn đề! Người có trí huệ, tùy tiện như thế nào, cũng đều có thể vận dụng! Quý vị luyện Bát Quái Kiếm, hay Thái Cực Kiếm chi chi nữa, tùy tiện quý vị luyện loại kiếm nào, người ta rút kiếm, một phát chém phăng sọ quý vị, chẳng chờ quý vị thi triển! Quý vị thi triển bằng cách nào? Căn bản là chẳng có đường nào khác để thi triển! Có ý nghĩa như thế đó.

Bồ Tát Ma Ha Tát “*thành tựu thập luân*”, sức mạnh ấy lớn đến nỗi có thể phá tan nỗi khổ sanh tử to lớn trong lao ngục năm đường, sanh tử liền bị đoạn diệt. “*Vĩnh đoạn nhất thiết phiền não ác nghiệp*” (Vĩnh

viễn đoạn dứt hết thảy ác nghiệp phiền não). Các nghiệp phiền não ấy Bồ Tát Ma Ha Tát đều đoạn trừ, khiến cho chẳng thể thọ báo. Nghiệp là báo, “*ngiệp báo*” là quả báo của nghiệp, đoạn nghiệp thì đều chẳng còn nữa, báo cũng chẳng có! Khi hỏa tai phát sanh trong thế giới này, khi cảm vời nghiệp báo, một vàng thái dương xuất hiện, hai vàng thái dương xuất hiện, ba vàng thái dương xuất hiện, bốn vàng thái dương xuất hiện, năm vàng thái dương xuất hiện. Một vàng thái dương xuất hiện, chúng ta cảm thấy là mùa Hè. Ngay lúc mặt trời chiếu giữa Ngọ, quý vị đều chịu không nổi. Nếu là năm mặt trời, tăng gấp năm lần! Nhiệt độ [mùa Hè thông thường là] ba mươi chín độ, ba lần năm là mười lăm, ba lần chín là hai mươi bảy, tức là [năm nhân ba mươi chín] sẽ là một trăm bảy mươi bảy độ. Một trăm bảy mươi bảy độ chiếu xuống, quý vị bốc hơi, có thể tồn tại nổi ư? Do vậy, sông, biển, những nơi có nước, những chỗ ẩm ướt đều khô cạn.

“*Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị, thành tựu thập luân*” (Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu mười luân), tiêu trừ bốn cái nhân và các phiền não chướng của hết thảy chúng sanh. Bốn căn bản phiền não là bốn cái nhân. Bốn căn bản phiền não là ngã si, ngã kiến, ngã mạn, và ngã ái. Đó là cơ bản. Nhưng nói sâu hơn chút nữa, sẽ là Kiến phiền não, Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não. Các thứ phiền não ấy làm nhân, cảm vời quả báo, cũng rất nhiều. Hết thảy các phiền não, ác nghiệp đều tiêu mất, cạn hay sâu, cho đến vi tế, cho đến chủng tử, chủng tử phiền não dùng vô minh làm căn bản. Vì chứng đắc Không tánh, đã lý giải, nói pháp chướng, nghiệp chướng, khổ chướng của hết thảy hữu tình, thọ khổ là khổ báo, quả báo và cái nhân cũng đã tiêu mất. Đó là quả!

“*Tất giai khô kiệt*” (Thảy đều khô cạn), giống như năm vàng thái dương xuất hiện. Năm vàng thái dương nhằm hình dung trí huệ của quý vị đã dẹp tan, cạn khô phiền não chướng, đợi cho đến khi Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thập luân, sẽ cạn khô toàn bộ biển cả phiền não, biển khổ sanh tử. Các núi bốn điên đảo, kiêu căng, ngạo mạn trong thế gian đều bị sụp vỡ. Đảo kiến (倒見, tri kiến điên đảo) có thể nói chính là “*ngã si, ngã mạn, ngã ái, ngã kiến*”. [Bảo là] điên đảo, vì chẳng phải là ngã mà chấp là ngã. Đây là điên đảo kiến! Si là vô minh, chuyển biến vô minh thành trí huệ, chuyển tà tri tà kiến thành chánh kiến, chuyển thành trí huệ, chuyển ngã mạn thành nhẫn nhục, chuyển ngã ái thành từ bi. Đại từ đại bi chuyển thành trí huệ ái. “*Nhất thiết chúng sanh chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, khổ báo căn bản,*

tất giai tán diệt” (Các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thầy pháp chướng, căn bản khổ báo của hết thầy chúng sanh thầy đều tan diệt), đều diệt trừ sạch.

*(Kinh) Thiện nam tử! Như sư tử vương, hồng thanh nhất phát, nhất thiết cầm thú tất giai kinh bố, phi lạc, tẩu phục, vô cảm triếp động. Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị, thành tựu thập luân, pháp âm nhất chấn, nãi chí nhất thiết ngoại đạo, dị học, ác tri thức đặng, tất giai kinh bố, vong thất ngôn biện, vô cảm thù kháng.*

(經)善男子！如師子王，吼聲一發，一切禽獸悉皆驚怖，飛落走伏，無敢輒動。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，法音一震，乃至一切外道，異學，惡知識等，悉皆驚怖，忘失言辯，無敢酬抗。

*(Kinh: Này thiện nam tử! Như sư tử chúa vừa rống một tiếng, hết thầy cầm thú thầy đều kinh sợ, đang bay bị rơi xuống, chạy núp, chẳng dám tùy tiện động đậy. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu mười luân, pháp âm vừa vang rền, cho đến hết thầy ngoại đạo, dị học, ác tri thức v.v... thầy đều kinh sợ, quên sạch nói năng, biện bác, chẳng dám chống đối).*

“Như sư tử vương hồng thanh nhất phát” (Như sư tử chúa rống một tiếng), “nhất thiết cầm thú tất giai kinh bố, phi lạc tẩu phục, vô cảm triếp động” (hết thầy cầm thú thầy đều kinh sợ, đang bay bị rơi xuống, chạy tìm chỗ ẩn núp, chẳng dám động đậy), “phi lạc” (飛落, đang bay bị rơi xuống) là nói đến loài chim bay. Sư tử rống khiến chúng nó chân động, đều bay trốn đi. “Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị, thành tựu thập luân, pháp âm nhất chấn, nãi chí nhất thiết ngoại đạo, dị học, ác tri thức đặng tất giai kinh bố, vong thất ngôn biện” (Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu thập luân, pháp âm vừa vang rền, cho đến hết thầy ngoại đạo, dị học, ác tri thức v.v... thầy đều kinh sợ, quên mất nói năng, biện luận): Lúc họ tính biện luận với quý vị, [quý vị] dùng chánh pháp âm nói ra, họ muốn mở miệng mà chẳng thể mở được. Tà tri, tà kiến đều bị phá hủy. Đó là hàm nghĩa của câu “vô cảm thù kháng” (chẳng dám đối kháng), “thù” (酬) là chống đối, “kháng” (抗) nghĩa là kháng biện (抗辯), đối kháng, tức là tranh luận, biện hộ với quý vị.

*(Kinh) Thiện nam tử! Như Thiên Đế Thích dữ A Tổ Lạc tương dục chiến thời, thiên quân vi nhiễu, thủ chấp kim cang, bôn thú trận địch, chư A Tổ Lạc kinh bố, thoái tán. Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị, thành tựu thập luân, nhất thiết đảo kiến ngoại đạo, dị học, ác tri thức đặng, kinh bố thoái tán. Thiện nam tử! Như Như Ý châu, trí cao tràng thượng, năng vũ chủng chủng thượng diệu trân bảo, cấp thí nhất thiết bần pháp chúng sanh. Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị, thành tựu thập luân, xử tịnh giới tràng, vũ đại pháp vũ, cấp thí nhất thiết vô lượng chúng sanh. Thiện nam tử! Như ám dạ phần, thế gian u minh, đô vô sở kiến, mê thất chánh đạo. Mãn nguyệt xuất dĩ, chư ám giai trừ, chư thất đạo giả, giai kiến chánh lộ. Bồ Tát Ma Ha Tát diệt phục như thị, thành tựu thập luân, nhược chư chúng sanh, vô minh hôn ám, do thử mê thất bát chi thánh đạo. Bồ Tát vị kỳ tuyên thuyết chánh pháp, trừ vô minh ám, sanh pháp quang minh, khai thị, hiển hiện bát chi thánh đạo, linh đoạn chư lậu, tận chư khổ tế.*

(經)善男子！如天帝釋，與阿素洛將欲戰時，天軍圍繞，手執金剛，奔趣陣敵，諸阿素洛驚怖退散。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，一切倒見外道，異學，惡知識等，驚怖退散。善男子！如如意珠置高幢上，能兩種種上妙珍寶，給施一切貧乏眾生。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，處淨戒幢，兩大法雨，給施一切無量眾生。善男子！如闇夜分，世間幽冥都無所見，迷失正道。滿月出已，諸闇皆除，諸失道者皆見正路。菩薩摩訶薩亦復如是，成就十輪，若諸眾生無明昏闇，由此迷失八支聖道。菩薩為其宣說正法，除無明闇，生法光明，開示顯現八支聖道，令斷諸漏，盡諸苦際。

*(Kinh: Này thiện nam tử! Như Thiên Đế Thích và A Tổ Lạc lúc sắp giao chiến, quân trời vây quanh, tay cầm kim cang, xông vào trận của địch quân, các A Tổ Lạc kinh sợ, tan chạy. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu thập luân, hết thấy ngoại đạo tri kiến điên đảo, dị học, ác tri thức v.v... kinh sợ tan chạy. Này thiện nam tử! Như Như Ý châu đặt trên tràng cao, có thể tuôn ra các thứ trân bảo thượng diệu, thí cho hết thấy chúng sanh nghèo thiếu. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu thập luân, đặt trên tràng tịnh giới, tuôn mưa pháp to, thí*

cho hết thấy vô lượng chúng sanh. Nay thiện nam tử! Như trong đêm tối tăm, thế gian đen tối, trọn chẳng thấy gì, mê mất đường chánh. Trăng tròn vừa mọc, các tối tăm đều trừ, những kẻ lạc đường đều thấy đường chánh. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu thập luân, nếu các chúng sanh vô minh tăm tối; do vậy, mê mất đường tám chi thánh đạo. Bồ Tát vì họ tuyên nói chánh pháp, trừ tối vô minh, sanh pháp quang minh, khai thị, hiển hiện tám chi thánh đạo, khiến đoạn các lậu, hết sạch các khổ).

“Thiện nam tử, như Thiên Đế Thích dữ A Tổ Lạc, tương dục chiến thời, thiên quân vi nhiều, thủ chấp kim cang, bôn thú trận địch” (Nay thiện nam tử! Như Thiên Đế Thích và A Tổ Lạc lúc sắp giao chiến, quân trời vây quanh, tay cầm kim cang<sup>31</sup>, xông vào trận của địch quân), tức là vào trong chiến trận của A Tổ Lạc (A Tu La).

“Chư A Tổ Lạc, kinh bố thoái tán” (Các A Tổ Lạc kinh sợ, tan chạy), Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như vậy. Nếu “thành tựu thập luân, nhất thiết đảo kiến ngoại đạo, dị học, ác tri thức đặng, kinh bố thoái tán. Thiện nam tử! Như Như Ý Châu trí cao tràng thượng” (thành tựu thập luân, hết thấy ngoại đạo tri kiến điên đảo, dị học, ác tri thức v.v... kinh sợ tan chạy. Nay thiện nam tử! Như Như Ý châu đặt trên tràng cao), lại tỷ dụ, Như Ý bảo châu đặt trên chỗ rất cao. Nếu khô hạn, bèn đem bảo châu đặt trên chỗ cao, bảo châu ấy có thể tuôn ra các loại mưa. Mưa ấy là mưa trên bảo thượng diệu, bố thí hết thấy chúng sanh nghèo thiếu, bọn họ liền được cứu.

“Bồ Tát Ma Ha Tát diệc phục như thị, thành tựu thập luân, xử tịnh giới tràng” (Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu mười luân, ở trên tràng tịnh giới): Trì giới thanh tịnh. Giới thanh tịnh giống như tràng cao. Mưa đại pháp vũ là thuyết pháp, chẳng phải là trần bảo, còn tốt đẹp hơn trần bảo. Thuyết pháp là mưa pháp vũ, mang ý nghĩa mưa ra pháp mà chúng sanh yêu thích. Mưa có thể trừ diệt tai nạn, chuyển đại pháp luân. “Pháp vũ” là từ ngữ hình dung thuyết pháp cho họ, hướng về hết thấy chúng sanh để nói, đáng nên dùng pháp gì để độ được, liền nói cho họ pháp đó.

“Thiện nam tử, như ám dạ phần” (Nay thiện nam tử! Như trong đêm đen), trời tối đen, như trong lúc ấy, thế gian tối tăm, “u minh” (幽冥) có nghĩa là hắc ám. “Đô vô sở kiến” (Đều chẳng trông thấy): Trong

---

<sup>31</sup> Kim cang ở đây là kim cang xứ (vajra), vũ khí của Thiên Đế Thích.



tối tăm, mắt chúng ta mắt tác dụng. Mắt chúng ta thấy sáng, chẳng thấy tối. Lúc đó, quý vị chẳng thấy vật gì, chẳng trông thấy để biết nên đi đường nào, liền bị lạc mất nẻo chánh. Đợi cho đến khi trăng Rằm, “*mãn nguyệt*” là vàng trắng tròn ngày Rằm, khi trăng tròn, nó sẽ trừ tối tăm, các tối tăm đều tiêu mất. Quý vị sẽ thấy đường rõ ràng. Kẻ chẳng trông thấy chính là kẻ lạc đường, chẳng tìm ra con đường đúng, ngay lúc ấy bèn trông thấy, quang minh vừa chiếu, kẻ đó sẽ tìm được đúng lối.

Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như vậy, thành tựu thập luân, nêu các chúng sanh vô minh tăm tối, bị lạc mất tám chi thánh đạo, chẳng đi theo con đường chánh. Như thế thì Bồ Tát sẽ tuyên nói chánh pháp, trừ bỏ tối vô minh, sanh khởi ánh sáng pháp cho kẻ đó, khai thị, hiển hiện tám chi thánh đạo. “*Linh đoạn chư lậu*” (Khiến đoạn các lậu), bao gồm lậu tam giới, cho đến lậu nhị tử, lậu Biến Dịch Sanh Tử. Những thứ ấy đều là “*khổ tế*” (苦際, ngăn mé khổ), cũng là “*chư lậu tận chư khổ tế*”. Điều này bao gồm hết thấy Bồ Tát. Bồ Tát hãy còn ở trong nỗi khổ Biến Dịch Sanh Tử, hãy còn có Trần Sa và Vô Minh Hoặc, sẽ đều đoạn trừ cho họ!

*(Kinh) Thiện nam tử! Như đại nhật điện xuất hiện thế gian, nhất thiết miêu giá, tất giai tăng trưởng, nhất thiết hoa diệp tất giai phu vinh, nhất thiết xú uế tất giai trừ diệt, chư cốc, quả, dược, tất giai thành thực, Tuyết sơn tiêu lưu, chư hà sung dật, tiệp thứ chuyển chú, mãn đại hải. Bồ Tát Ma Ha Tát diệp phục như thị, thành tựu thập luân, y chỉ tăng thượng bồ thí, điều phục, tịch tĩnh, Thi La, an nhàn, chánh cần, Tĩnh Lự, Bát Nhã, phương tiện, từ bi, biện tài công đức, giai tất xí thịnh, vị chư chúng sanh, tuyên thuyết chánh pháp, do pháp oai quang, linh chư chúng sanh, chủng chủng tăng thượng thiện căn miêu giá tất giai tăng trưởng, chủng chủng tăng thượng diệp hạnh hoa diệp tất giai phu vinh, chủng chủng phiền não, ác nghiệp, ác hạnh, tất giai trừ diệt, thiện thú Niết Bàn, chư cốc, quả, dược, tất giai thành thực, tà kiến mạn sơn tất giai tiêu lưu, chủng chủng chánh tín, giới, văn, xả, huệ, cập chư định hà, vô bất sung dật, tiệp thứ doanh mãn đại Niết Bàn hải, linh chư hữu tình tùy ý sở nhạo, thú nhập vô úy Niết Bàn chi thành.*

(經)善男子！如大日殿出現世間，一切苗稼悉皆增長，一切華葉悉皆敷榮，一切臭穢悉皆除歇，諸谷果藥悉皆成熟，雪山銷流，諸河充溢，漸次轉註，滿於大海。菩薩

摩訶薩亦復如是，成就十輪，依止增上佈施、調伏、寂靜、尸羅、安忍、正勤、靜慮、般若、方便、慈悲、辯才功德，皆悉熾盛，為諸眾生宣說正法，由法威光，令諸眾生，種種增上善根苗稼悉皆增長，種種增上妙行華葉悉皆敷榮，種種煩惱惡業惡行悉皆除歇，善趣涅槃，諸谷果藥悉皆成熟，邪見慢山悉皆銷流，種種正信戒聞舍慧及諸定河無不充溢，漸次盈滿大涅槃海，令諸有情隨意所樂，趣入無畏涅槃之城。

*(Kinh: Nay thiện nam tử! Như cung điện mặt trời to lớn xuất hiện trong thế gian, hết thấy lúa mạ thấy đều tăng trưởng, hết thấy hoa, lá thấy đều sum suê, hết thấy thối dơ thấy đều trừ dứt, các loại ngũ cốc, trái cây, dược thảo, thấy đều chín muồi, Tuyết sơn tan chảy, các dòng sông tràn đầy, lần lượt chảy rót vào nhau, chan chứa biển cả. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế, thành tựu thập luân, y chỉ tăng thượng bố thí, điều phục, tịch tĩnh, Thi La, an nhẫn, chánh căn, Tĩnh Lự, Bát Nhã, phương tiện, từ bi, biện tài công đức, thấy đều hùng hực, vì các chúng sanh tuyên nói chánh pháp. Do oai quang của pháp, khiến cho các thứ lúa mạ thiện căn tăng thượng của các chúng sanh thấy đều tăng trưởng, các loại hoa lá diệu hạnh tăng thượng thấy đều sum suê, các loại phiền não, ác nghiệp, ác hạnh, thấy đều trừ dứt, các loại ngũ cốc, trái cây, dược thảo khéo hướng đến Niết Bàn thấy đều chín muồi, núi tà kiến, ngạo mạn thấy đều tan chảy, các loại sông chánh tín, Giới, Văn, Xả, Huệ và các Định không gì chẳng tràn đầy, lần lượt đầy ắp biển đại Niết Bàn, khiến cho các hữu tình tùy lòng ưa thích, tiến nhập tòa thành Niết Bàn không sợ hãi).*

“Nhật điện” (日殿) chính là thái dương cung điện. “Điện” (殿) có nghĩa là “cung điện”. “Đại nhật điện” là cung điện xuất hiện trong vầng mặt trời. Hết thấy vạn vật chẳng được ánh sáng mặt trời bồi bổ, lúa mạ sẽ chẳng thể tăng trưởng. Ánh mặt trời vun bồi, chẳng nói là “đại nhật”, mà nói là “đại nhật điện”, chẳng nói là “nguyệt xuất” (月出, trăng mọc), mà nói là “mãn nguyệt” (滿月, trăng tròn). Giống như “ôn thất” (溫室, greenhouse), khiến cho hết thấy chúng tử đều có thể tăng trưởng. “Nhất thiết hoa diệp, tất giai phu vinh” (Hết thấy hoa, lá, thấy đều sum suê), nở xòe, trở hoa tươi tốt, hết thấy hôi thối thấy đều trừ dứt, trở thành

thơm tho. “*Chư cốc, quả, dược, tất giai thành thực*” (Các loại ngũ cốc, trái cây, dược vật, thầy đều chín muồi), ngũ cốc, hoa màu thầy đều kết quả, “*dược*” (藥) là dược thảo.

“*Tuyết sơn tiêu lưu*” (Tuyết sơn tan chảy): Lúc đó, năm vàng mặt trời [cùng xuất hiện], núi Tuyết vạn năm cũng tan chảy. Nam Băng Dương, Bắc Băng Dương đều chẳng còn. Một quả núi Tuyết vừa tan chảy, khiến cho các dòng sông đều tràn ngập, đều có thể tưới tắm, khiến cho hết thầy vạn vật sanh trưởng. Sau đó, sông đổ vào biển cả. Do vậy, các sanh vật phối hợp tăng trưởng tốt đẹp. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng như thế.

“*Thành tựu thập luân, y chỉ tăng thượng bố thí, điều phục, tịch tĩnh, Thi La, an nhĩn, chánh cần, Tĩnh Lự, Bát Nhã, phương tiện, từ bi, biện tài công đức, giai tất xí thịnh*” (Thành tựu mười luân, nương vào tăng thượng bố thí, điều phục, tịch tĩnh, Thi La, an nhĩn, chánh cần, Tĩnh Lự, Bát Nhã, phương tiện, từ bi, biện tài công đức, thầy đều hùng hực): Bố thí là bố thí Bát Nhã. “*Điều phục*” là điều phục cái tâm của chúng ta, điều phục cũng là quán chiếu. Như Tứ Niệm Xứ, là khi chúng ta mới bắt đầu tu Định, dùng Sở Tức Quán. Sở Tức Quán có thể điều phục cái tâm tán loạn của quý vị. Nó điều phục cái tâm tán loạn, khiến cho chẳng hôn trầm. Sau đó, đạt được tịch tĩnh, sẽ nhập Định. Tịch tĩnh là Chi. Thi La có các ý nghĩa “*ngăn giữ, thanh tịnh*”. Thi La là Giới. “*An nhĩn*”: Nếu quý vị muốn bình an, mong vui sướng, trước hết phải nhĩn nhục. Hễ nhĩn thì trăm sự đều tiêu mất. Phải cầu nhĩn, nhĩn chẳng dễ dàng, đặc biệt là người có quyền thế. Nhĩn đúng là chẳng dễ dàng!

Trước kia, có một vị Tể Tướng. Khi ông ta làm Tể Tướng, con ông ta vẫn còn ở quê nhà. Vị Tể Tướng ấy tốt lắm. Nếu chẳng tốt, con ông ta đã sớm hoành hành ngang ngược. Vì đất nhà ông ta bị hàng xóm chiếm mất một phần. Người hàng xóm xây tường, chiếm rất nhiều đất của nhà ông ta. Vì thế, đưa con liền viết thư cho cha, xin cha gửi thư đến quan huyện ở quê nhà, yêu cầu quan huyện phán xử trả lại đất. Vị Tể Tướng ấy trả lời con mình như thế nào? “*Thiên lý tu thư chỉ vì tường*” (Ngàn dặm đưa thư chỉ vì tường), xa xôi như vậy mà người viết một lá thư chỉ vì bị người khác xây một bức tường chiếm một vài thước đất! “*Nhượng tha kỷ xích hựu hà phương?*” (Nhường người vài thước có sao đâu?): Nhường cho hắn vài thước đất thôi, cần gì phải tranh giành? “*Vạn Lý Trường Thành kim do tại*” (Vạn Lý Trường Thành còn mãi đó), người có thấy chẳng, Vạn Lý Trường Thành hãy còn đó. “*Bất kiến*

đương niên Tàn Thủy Hoàng” (Thủy Hoàng giờ đã mất tăm rồi). Ai là ai? Ba mươi năm Hà Đông, ba mươi năm Hà Tây, cái gì là của người, của ta? Nước nhân chìm, lửa đốt rụi, ai cũng đều chẳng tồn tại!

Tài sản trong thế gian là của chung năm nhà, mất đi, quý vị đừng áo nảo. Nếu bị lừa gạt, quý vị hãy nên sanh tâm hoan hỷ! Đó là ta trả nợ. Thứ chẳng đáng nên thuộc về hẩn, [mà hẩn gạt ta], đó là hẩn thiếu nợ ta, ta cũng đừng nầy sanh ý tưởng đòi nợ! Nếu muốn đòi nợ, quý vị còn phải sanh vào thế giới này, đến chỗ nào để đòi? Kẻ đó là chủng tử địa ngục, hẩn lừa gạt, dối trá người khác, sẽ đến thế giới này chịu khổ! Quý vị cũng theo hẩn vào trong thế giới này chịu tội với hẩn ư? Hãy quên đi, bỏ thí cho hẩn. Đó là bỏ thí, đó là nhẫn. Nhẫn cơn nóng giận một lúc, có thể tránh khỏi tai họa cả trăm ngày! Ất cần phải thường ngày quán tưởng điều này. Nếu không, lỡ có lúc gặp phải, làm sao có thể chịu đựng cho nổi? Đúng không? Ngay cả một câu mà còn chẳng nhẫn nổi! Kẻ đó vũ nhục ta, hoặc là nói động tới người trong gia tộc, hoặc nói đến chính ta, nói rất nhiều chuyện xấu của quý vị, bất luận quý vị có hay không. Hễ có, quý vị nghe xong, rất hoan hỷ, người ấy là thiện tri thức của ta, dập đầu lễ người ấy ba lượt. Ôi chao! Quý vị vạch ra sai lầm ấy cho tôi, tôi cảm ơn quý vị, tôi tiêu nghiệp, tôi nhất định phải sám hối. Kẻ ấy sẽ chẳng thể nói nữa! Nếu kẻ đó nói sai sự thật. Kinh Kim Cang dạy kẻ khác hủy báng, vũ nhục quý vị, sau khi đã chịu nhin, quý vị vốn đáng phải đọa địa ngục, do nghiệp chướng, nghiệp báo ấy, [tội đọa địa ngục] liền tiêu mất, cũng là trọng nạn mà chịu báo nhẹ, cũng phải nên nhẫn. An nhẫn, chánh cần, phải siêng năng học tinh tấn, phải học theo chuyện hữu ích, đối với chuyện vô ích thì chớ nên rất siêng năng, chịu khó!

Chúng ta vì câu lợi, ngày đêm chẳng ngủ nổi, vắt óc suy nghĩ, ta làm thế nào thì mới có thể đạt được? Làm thế nào để thắng cử? Ta lôi kéo ai? Chúng ta bỏ ra bao nhiêu tiền, ai cũng không biết. Đây chẳng phải là hối lộ để trúng cử, thì cũng là tránh chuyện hối lộ bằng cách bỏ tiền ra mua phiếu bầu! Há có chuyện tiện nghi như vậy ư? Chẳng hề có! Siêng năng, mong được yên tĩnh, Tĩnh Lự tư duy quán sát, nhìn vào chuyện gì, cũng đều phải quan sát chánh xác. Bát Nhã là Căn Bản Trí, phương tiện là thiện xảo, từ bi là đại từ đại bi. Đây là cái tâm lợi ích chúng sanh của bậc đại Bồ Tát, biện tài vô ngại. Biện tài thì quý vị phải học; quý vị chẳng học thì làm sao ra biện tài cho được? Có trí huệ thì mới có biện tài, chẳng có trí huệ thì quý vị biện luận gì đây?

“*Công đức*”: “*Công*” là hạnh. “*Đức*” là quý vị làm các chuyện như thế, đạt được nơi tâm, phải từ tâm phát sanh. Đó là công đức chẳng

thể nghĩ bàn, sẽ đều hừng hực. “*Xí thịnh*” (熾盛) là có nghĩa là hình thể hừng thịnh, to tát. “*Vị chư chúng sanh, tuyên thuyết chánh pháp, do pháp oai quang, linh chư chúng sanh chủng chủng tăng thượng thiện căn miêu giá tất giai tăng trưởng*” (Vì các chúng sanh tuyên nói chánh pháp. Do oai quang của chánh pháp, khiến cho đủ loại lúa mạ thiện căn tăng thượng của các chúng sanh thấy đều tăng trưởng). Các tỷ dụ vừa nêu trên đây đều là dùng pháp để kết hợp thành.

“*Chủng chủng tăng thượng diệu hạnh hoa diệp, tất giai phu vinh*” (Các thứ hoa lá diệu hạnh tăng thượng thấy đều sum suê): Nở xòe hết sức tươi tốt. “*Chủng chủng phiền não, ác nghiệp, ác hạnh, tất giai trừ diệt*” (Các thứ phiền não, ác nghiệp, ác hạnh, thấy đều trừ dứt): Đều ngưng dứt. “*Thiện thú Niết Bàn*” (Khéo hướng đến Niết Bàn), đây là sự tiến hướng rất tốt đẹp. Quả hạt bất sanh, bất diệt, “*chư cốc, quả, dược tất giai thành thực*” (các loại ngũ cốc, trái cây, dược thảo, thấy đều chín muồi): Đây là đã thành tựu. Thiện nghiệp là các thứ ngũ cốc, trái cây, dược thảo, đã thành tựu, bèn khéo tiến nhập Niết Bàn. Tà kiến, ngã mạn giống như núi cao, “*tất giai tiêu lưu*” (thấy đều tan chảy), giống như núi băng bị tan chảy. Phiền não của chúng ta là nghiệp chướng, giống như núi nằng bị tan rã. “*Linh chư hữu tình tùy ý sở nhạo, thú nhập vô úy Niết Bàn chi thành*” nghĩa là khiến cho hết thấy hữu tình đều có thể chúng đắc bất sanh, bất diệt, bất sanh, bất tử, đạt đến Niết Bàn rốt ráo.

*(Kinh) Thiện nam tử! Vân hà danh Bồ Tát Ma Ha Tát thập luân? Thiện nam tử! Thử thập luân giả, phi dư pháp dã, đương tri tức thị Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thành tựu như thị thập chủng luân cố, đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã. Ư nhất thiết ác, giai năng giải thoát, nhất thiết thiện pháp tùy ý thành tựu, tốc năng doanh mãn đại Niết Bàn hải, dĩ đại thiện xảo phương tiện trí quang, thành thực nhất thiết chúng sanh chi loại, giai linh hoạch đắc lợi ích an lạc. Sở dĩ giả hà? Thiện nam tử! Quá khứ nhất thiết chư Phật Thế Tôn, giai tất viễn ly thập ác nghiệp đạo, giai tất xưng dương, tán thán như thị Thập Thiện Nghiệp Đạo sở đắc quả báo. Thị cố, nhược năng u thử sở thuyết Thập Thiện Nghiệp Đạo, tùy thủ hộ nhất, nãi chí mạng chung, cứu cánh vô phạm, tất hoạch nhất thiết thù thắng quả báo, như tiền sở thuyết.*

(經)善男子！云何名菩薩摩訶薩十輪？善男子！此十輪者，非餘法也，當知即是十善業道。成就如是十種輪故，得名菩薩摩訶薩也。於一切惡皆能解脫，一切善法隨意

成 就，速 能 盈 滿 大 涅 槃 海，以 大 善 巧 方 便 智 光，成 熟 一 切 眾 生 之 類，皆 令 獲 得 利 益 安 樂。所 以 者 何？善 男 子！過 去 一 切 諸 佛 世 尊，皆 悉 遠 離 十 惡 業 道，皆 悉 稱 揚 讚 歎 如 是 十 善 業 道 所 得 果 報。是 故，若 能 於 此 所 說 十 善 業 道，隨 守 護 一，乃 至 命 終 究 竟 無 犯，必 獲 一 切 殊 勝 果 報，如 前 所 說。

*(Kinh: Này thiện nam tử! Thế nào là thập luân của Bồ Tát Ma Ha Tát? Này thiện nam tử! Mười luân ấy chẳng phải là pháp nào khác, hãy nên biết chính là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Do thành tựu mười loại luân như thế, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát. Trong hết thấy các ác, đều có thể giải thoát, hết thấy các thiện pháp tùy ý thành tựu, có thể mau chóng tràn đầy biển đại Niết Bàn, dùng quang minh trí huệ đại thiện xảo phương tiện để thành thực hết thấy các loài chúng sanh, khiến cho họ đều đạt được lợi ích an lạc. Vì có sao vậy? Này thiện nam tử! Hết thấy chư Phật Thế Tôn trong quá khứ thấy đều xa lìa thập ác nghiệp đạo, thấy đều xưng dương, tán thán quả báo đạt được do Thập Thiện Nghiệp Đạo như thế. Do vậy, nếu có thể tùy ý thủ hộ một điều trong Thập Thiện Nghiệp Đạo đã nói như thế, cho đến lúc mạng chung, rốt ráo chẳng phạm, ắt sẽ đạt được hết thấy quả báo thù thắng như đã nói trong phần trước).*

“Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát Ma Ha Tát thập luân?” (Này thiện nam tử! Thế nào là thập luân của Bồ Tát Ma Ha Tát?) Nói cả buổi, bây giờ mới nói đến thập luân. Thế nào là thập luân? “Phi dư pháp dã” [nghĩa là] chẳng phải phương pháp nào khác! “Đương tri tức thị Thập Thiện Nghiệp Đạo” (Hãy nên biết chính là Thập Thiện Nghiệp Đạo): Chúng ta có lúc chẳng gìn giữ cẩn thận thân, miệng, ý, cho đó là chuyện nhỏ nhặt. Đây chẳng phải là chuyện nhỏ nhặt, mà là căn bản để thành Phật, là căn bản của hết thấy các thiện nghiệp. Đức Phật nói nửa buổi như thế, trong phần trước, Ngài đã nêu ra nhiều tỷ dụ cũng vậy, mà thuyết pháp cũng vậy, nay mới nêu ra Thập Luân là gì? Thập Thiện Nghiệp Đạo là mười loại luân. [Do trọn đủ] mười luân ấy, sẽ được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát. Mười luân trọn đủ, quý vị là đại Bồ Tát trong các vị Bồ Tát, được giải thoát hết thấy các điều ác!

“Nhất thiết thiện pháp tùy ý thành tựu” (Hết thấy các thiện pháp tùy ý thành tựu): Thành tựu Thập Luân thì đương nhiên đều thành tựu. Đối với khẩu nghiệp, chẳng hạn như nói chúng ta chẳng nói dối, chẳng

nói lời thô ác, chẳng mắng chửi người khác, chẳng nói thêu dệt, chẳng rủa ròi người khác, chẳng nói lời không có nguyên do, chẳng nói đôi chiều, cũng chẳng khuấy đảo thị phi. Chúng ta thường nói mười nghiệp như thế, nhưng quý vị khuyên mỗi chúng sanh đều làm như vậy, đấy là đại Bồ Tát. Ngay cả chúng ta cũng chẳng gìn giữ tốt đẹp, làm sao có thể khuyên người khác cho được? Chính mình phải làm gương! Nêu một thí dụ, năng lực của bản thân chúng ta chẳng đủ, vậy thì lại nên làm như thế nào? Mắt bớt thấy, tai bớt nghe, miệng bớt nói, tối thiểu là bớt nói các lời lẽ rời lìa Tam Bảo. Khi các đệ tử chúng ta bàn luận với nhau, bèn nói nhiều chuyện thuộc Phật pháp. Đoạn Hoặc bằng cách nào? Chúng Chân bằng cách nào? Tôi nghĩ như thế đó. Bác sĩ bảo chúng ta vận động nhiều, đi lại nhiều. Khi đi, lúc Định lực chưa thành tựu thì khi đi, dễ bị tán loạn. Quý vị hãy nghĩ xem, khi tĩnh thì chẳng tán loạn, hay là lúc đi thì chẳng tán loạn? Tôi cũng biết, các đạo hữu khuyên tôi là vì ý tốt: “Su phụ, con đưa thầy ra ngoài đi lại đôi chút, hoạt động đôi chút. Thầy cứ ở trong phòng miết, như vậy, sẽ sanh bệnh rất nhanh!” Chẳng phải vậy, sanh bệnh thuộc về nghiệp. Có nghiệp thì mới bệnh, chẳng có nghiệp thì sẽ không! Người ta đều khuyên quý vị, đạo hữu khuyên bảo lẫn nhau, quý vị hãy lắng lòng, vận dụng công phu Tĩnh Lực cho nhiều. Các vị chẳng biết ai là người tốt, ai là kẻ xấu. Quý vị nói tôi, nói tốt thì “Được! Được! Tôi nghe thì nghe vậy, tôi vẫn chẳng thuận theo quý vị”!

Như thế nào là bị cuốn theo quý vị? Tại tôi xoay chuyển theo lời nói của quý vị! Đi thôi! Càng đi, càng buông lung. Chẳng phải là ra siêu thị, thì là dạo công viên nhìn ngó. Vậy thì người nào sẽ đi đến chỗ đó? Người ta nhàn rồi, có tiền, buông lung ngũ dục. Chúng ta thâm nhiếp thân tâm. Thân, tâm, và miệng của chúng ta lúc nào cũng phải thâm nhiếp, lúc nào cũng chỉ thấy cảnh. Nếu chẳng có định lực to dường ấy, tâm sẽ chuyển theo cảnh. Chúng ta vẫn chưa thể đạt tới “*tâm có thể chuyển cảnh*”. Tâm có thể chuyển cảnh, liền giống Như Lai. “*Tâm bị cảnh chuyển*” là chúng sanh. Trong các đạo hữu, giữ gìn thân, miệng, ý cho nhiều, ít buông lung, trốn tránh còn chẳng kịp, còn muốn tới đó làm chi? Nơi đó là chôn náo nhiệt!

Nói đến đây, tôi nhắc nhở mọi người đôi chút, hảo ý của quý vị tôi chỉ có thể tâm lãnh. Các vị chẳng biết, thầy của quý vị chẳng có đạo lực to ngàn ấy, sẽ không đến chỗ đó! Chỗ nào không khí tốt đẹp? Trong tâm quý vị, không khí tốt nhất. Quý vị tĩnh lặng, không khí sẽ tốt nhất. Chúng ta đối với thân, miệng, ý của chính mình, phải tuyệt đối gìn giữ được một thứ. Trong mười nghiệp, quý vị có thể giữ được một nghiệp,

chẳng phạm tí nào, thậm chí cho đến khi mạng chung xả mạng, ta chẳng phạm giới ấy. Nếu chẳng sát sanh, chưa hề sát sanh, chẳng chiếm tiện nghi của người khác, nhất định là quý vị sẽ đạt được quả báo thù thắng. Quả báo gì vậy? Quý vị cũng chẳng bị bệnh, mà cũng chẳng đoạn mạng, chẳng bị nghiệp ấy. Nếu quý vị chẳng trộm cắp, nhiều đời chẳng trộm cắp của người khác, sẽ chẳng bị mất đồ. Tôi đã tự mình thí nghiệm điều này. Từ bé xuất gia, cho đến bây giờ, chẳng có ai ăn trộm đồ của tôi. Cửa phòng chúng tôi chưa hề khóa, bất luận như thế nào, phòng của tôi chưa hề khóa. Trước kia, tôi đã phát nguyện, ai muốn lấy gì, tôi sẽ bố thí cúng dường. Tôi tự mình có thể làm được, nhưng hai hoặc ba người cùng ở chung thì không được!

Mọi người phải biết: “*Mạn tàng hối đạo, trị dung hối dâm*” (Giấu kỹ xui người trộm, làm đẹp dụ người dâm), quý vị cũng sẽ cảm vui. Quý vị trang điểm đẹp đẽ, người khác tham ái. Quý vị càng cất giấu kỹ lưỡng, càng dễ bị mất. Két an toàn cũng bị phá vỡ. Thuê một cái két an toàn ở bưu điện hay ngân hàng, khu vực Nữ Ước đã bị mất rất nhiều két bảo hiểm. Hoàn toàn chẳng phải là dùng chìa khóa để mở, bọn chúng có dụng cụ chạy bằng điện, tự nhiên cắt ra. Chẳng phải là quý vị đặt tất cả các thứ [quý giá] trong két bảo hiểm hay sao? Được! Đều mất sạch. Tôi đọc báo thấy đăng tải có rất nhiều lần [tin két an toàn bị phá], làm thế nào để khéo gìn giữ? Chẳng ăn trộm đồ vật của người khác, chính là gìn giữ tốt đẹp. Không chỉ là trong một đời chẳng mất, mà là đời đời đều chẳng mất. Kẻ trộm lấy mất, lửa đốt, quốc vương tịch thu, thổ phỉ cướp đoạt, quý vị có thể gìn giữ nổi hay không? Cái sợ của quý vị còn chẳng giữ nổi, huống hồ vật ngoài thân, làm sao có thể bảo vệ được? Quý vị hành Thập Thiện Nghiệp, sẽ gìn giữ được. Ta chẳng trộm cắp đồ đạc của người ta, người khác cũng chẳng trộm cắp của ta. Tôi tin tưởng tuyệt đối là như thế.

Tôi chẳng hề giết người khác, người khác cũng chẳng thương tổn tôi, cũng chẳng giết tôi. Đó gọi là nghiệp báo, điều này cũng chẳng dễ dàng! Nếu có thể tin khẩn thiết, mọi người đều nỗ lực, đây mới thật sự là chỗ đáng để chúng ta nỗ lực. Nếu thành tựu Thập Thiện Nghiệp Đạo, “*đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã. Ư nhất thiết ác, giai năng giải thoát*” (được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, đều có thể giải thoát hết thảy các điều ác). Hoàn toàn giải thoát tất cả các ác nghiệp. Ác là nói về quả, chúng ta có thể chẳng bị kẻ khác trói buộc. Làm thế nào để chẳng bị trói buộc? Thành tựu Thập Thiện Nghiệp. Thập Thiện Nghiệp đã đạt đến rốt ráo. Giết, trộm, dâm, tham, sân, si, nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói lời



ác, mười ác nghiệp hoàn toàn thanh tịnh, như thế thì sẽ thành tựu, thành tựu Bồ Tát Ma Ha Tát.

Cho đến khuyên hết thấy chúng sanh đều làm như thế, do quý vị tràn trề đại trí huệ, giải thoát hết thấy các điều ác, hết thấy các thiện pháp đều có thể tùy ý thành tựu, có thể mau chóng tràn đầy biển đại Niết Bàn, chứng đắc “*bất sanh, bất diệt*” thật sự. Dùng quang minh trí huệ phương tiện đại thiện xảo để thành thực hết thấy chúng sanh, đều làm cho họ đạt được lợi ích, an lạc. Vì sao tôi nói như vậy? Vì lẽ nào vậy? Có ý nghĩa gì, khơi gợi: Đạo lý ở chỗ nào? Hết thấy chư Phật thành Phật bằng cách nào? Các Ngài xa lìa thập ác nghiệp đạo, chẳng dám tiếp cận. “*Giai tất xưng dương, tán thán như thị Thập Thiện Nghiệp Đạo*” (Thấy đều xưng dương, tán thán Thập Thiện Nghiệp Đạo), đạt được quả báo nhỏ thì là quả báo nhân thiên. Thập Thiện Nghiệp là “miệng nói Bồ Đề đạo, trong tâm tưởng nhớ Bồ Đề đạo, thân thể thực hiện Bồ Đề đạo”. Tham, sân, si đã chẳng còn, sẽ là Giới, Định, Huệ, sẽ chẳng có các quả báo ấy. Có thể thường nói như thế, phải tán thán Thập Thiện Nghiệp Đạo, phải xa lìa Thập Ác Nghiệp Đạo, như thế thì quý vị mới có thể đạt được Thập Thiện Nghiệp Đạo.

“*Sở đắc quả báo, thị cố, năng u thử sở thuyết Thập Thiện Nghiệp Đạo, tùy thủ hộ nhất*”, [nghĩa là] tuy chẳng thể gìn giữ cả mười điều, chỉ cần gìn giữ một điều, “*nãi chí mạng chung, cứu cánh vô phạm*” (cho đến mạng chung, rốt ráo chẳng phạm), có thể gìn giữ tuyệt đối thanh tịnh. Ta suốt đời chẳng ăn trộm của người khác, hoặc suốt đời chẳng lừa dối người khác, hoặc cả đời chẳng thốt lời dối trá. Dối trá bao gồm cả lường gạt. Nếu ta vô tình nói sai, ta nằm mộng, hoặc là do cảm vờ mà hiểu sai, bèn nói ta đã chứng quả, các trường hợp ấy chẳng phạm giới. Đối với hết thấy giới luật, nếu quý vị chẳng vì danh lợi, chính mình vì Bồ Đề đạo, những gì ta đã làm, sẽ chuyển thành chuyện thuộc Bồ Đề đạo, chẳng phải là chuyện thuộc về tam nghiệp đạo. Vậy thì gìn giữ một thiện nghiệp đạo mãi cho đến khi mạng chung, trọn chẳng trái phạm, quý vị nhất định đạt được quả báo thù thắng. Quý vị phải hiểu điều này, “*một chính là hết thấy, thâm nhập một môn, mười ác nghiệp đều tiêu mất*”. Do cái tâm mạnh mẽ, nhạy bén thù thắng của quý vị, những thứ ấy (ác nghiệp) đều tiêu mất.

“*Như tiên sở thuyết*”: Trong phần trước đã từng nói, trong phần sau sẽ lại nói, sẽ giải thích như dưới đây.

*(Kinh) Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát năng tận hình thọ, viễn ly sát sanh, tức thị thí dữ nhất thiết chúng sanh vô kinh, vô bố, linh chư chúng sanh bất sanh ưu khổ, ly ma thụ úy. Do thử thiện căn, tốc đắc thành thực, sở hữu tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà, nhân sát sanh cố, tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư thọ mạng chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ. Do thử viễn ly sát sanh luân cố, giai tất triển hoại, tồi diệt vô dư, bất thọ quả báo. U hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng, giai cộng thân ái, vô hữu sai lự, thân tâm an lạc, thọ mạng trường viễn. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết, sở ái thê tử, quyến thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma vương sứ, duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín.*

(經)善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽遠離殺生，即是施與一切眾生無驚無怖，令諸眾生不生憂苦，離毛豎畏。由此善根速得成熟，所有前際輪轉五趣，沒生死河，因殺生故，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸壽命障，自作、教他、見聞隨喜。由此遠離殺生輪故，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等皆共親愛，無有猜慮，身心安樂，壽命長遠。將命終時，身心不為憂苦逼切，所愛妻子，眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剋魔王使，唯見可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。

*(Kinh: Này thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng, xa lìa sát sanh, tức là thí cho hết thấy chúng sanh chẳng kinh sợ, khiến cho các chúng sanh chẳng sanh ưu khổ, lìa nỗi sợ rờn lông tóc. Do vậy, thiện căn ấy mau được chín muồi, trong tất cả các lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử trước kia, do vì sát sanh, tạo các nghiệp chướng ác nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các thọ mạng chướng, tự làm, dạy người, thấy, nghe tùy hỷ. Do cái luân “xa lìa sát sanh” này, [các thứ chướng ấy] thấy đều bị nghiền nát, phá tan chẳng sót, chẳng chịu quả báo. Trong thân hiện tại, các hàng trời người đều cùng thân mến, chẳng lo ngại, thân tâm an lạc, thọ mạng dài lâu. Khi sắp*

*mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, vợ con yêu mến, quyền thuộc vây quanh. Khi lâm chung, chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy bậc vừa ý, điều phục thành tựu các thiện pháp, trọn giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, thân tâm vui sướng, sanh lòng kính tin sâu xa).*

Quý vị chẳng sát sanh, “*tận hình thọ*” (盡形壽) là từ lúc sanh ra cho đến khi chết, chẳng hề sát sanh. Sau khi đã nghe pháp, ta chẳng sát sanh, xa lìa sát sanh. “*Tức thị thí dữ nhất thiết chúng sanh vô kinh, vô bố*” (Tức là thí cho hết thảy chúng sanh không kinh sợ): Thập Thiện Nghiệp ở đây khác với [Thập Thiện Nghiệp được nói trong kinh khác, ở chỗ không chỉ] chẳng sát sanh, mà còn phải quán tưởng. Không chỉ chẳng sát sanh, mà còn bố thí “*không sát sanh*” cho chúng sanh. Vì sao chúng sanh sợ hãi? Có ai chẳng sợ chết? Chúng sanh cũng sợ chết. Nếu quý vị bắt một con chim sẻ, nó sẽ bay trốn lẹ. Con lợn biết sắp bị mổ, nó sẽ gào lên âm ỉ. Quý vị dùng hết sức lôi nó, nó sẽ trì lại chẳng đi, vì nó biết sắp bị chết, kinh hoảng! “*Linh chư chúng sanh bất sanh ưu khổ, ly mao thụ úy*” (Khiến cho các chúng sanh chẳng sanh ưu khổ, lìa nỗi sợ rụng lông tóc): Khi chúng ta kinh hoảng, sẽ rụng lông tóc, toát mồ hôi lạnh, kinh nghiệm ấy ai cũng có. Có kẻ suốt đời chẳng sợ hãi, chưa hề rụng lông tóc, nhưng nhận biết chuyện ấy, tuy kẻ đó chẳng kinh sợ! Nếu bị bắt, có những người rất cứng cỏi, dầu bị bắt chẳng sao hết! Nếu bị bắn chết, chỉ là chuyện nhỏ, hai mươi năm sau ta sẽ trở lại. Đó gọi là “*thế giới Sa Bà*”, chúng sanh ương ngạnh, khó điều phục, chẳng sợ hãi, rất hung ác, cho nên mới có nỗi sợ hãi. Có những người thiện nghiệp đã thành tựu, do vì thiện nghiệp mới chẳng bị sợ hãi. Đó là hai cực đoan. Đây là nói về thiện nghiệp.

“*Do thử, thiện căn tốc năng thành thực*” (Do vậy, thiện căn có thể mau chóng chín muồi): Tất cả “*tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà*” (những lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử trước kia), “*tiền tế*” (前際) là quá khứ. Trong quá khứ, đã lưu chuyển trong sông sanh tử, “*nhân sát sanh cố*” tức là vì sát sanh mà “*tạo thân, ngũ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư thọ mạng chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ*” (tạo thân, ngũ, ý, các nghiệp chướng ác, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thảy pháp chướng, các thọ mạng chướng, tự làm, dạy người khác làm, thấy nghe vui theo). Vì sao thọ mạng có dài hay ngắn? Đây là do nghiệp sát sanh. Trong nghiệp sát sanh, bao gồm thân, tức là có lúc ra tay giết, hoặc là dùng chân đá chết

người khác, đều tính [thành tội sát sanh nơi thân]. Dùng miệng cắn chết người khác, dùng đầu húc chết người khác. Có kẻ đã học công phu “*dao chùy quán đảnh*” (vung búa đập đầu không bị tổn thương, tức thiết đầu công), có thể dùng đầu húc chết người khác, bất cứ bộ vị nào trên thân thể quý vị cũng đều có thể giết người. Thân, ngữ, ý đều có thể tạo ác nghiệp. Khi sắp bị giết, còn chửi bới, sắp chết còn hô khẩu hiệu, tin cái này, ủng hộ cái kia. Đây là khẩu nghiệp. Sắp chết mà vẫn còn tạo nghiệp!

Hết thầy chướng ngại thầy đều tiêu trừ. Do các ác nghiệp đã tạo nơi thân, ngữ, ý, tất cả các phiền não, hết thầy hữu tình chằng néo lẫn nhau không rõ ràng. Cha, mẹ, con cái, vợ chồng, quan hệ ái tình, đều là hữu tình. Hữu tình chướng ngại khá nhiều! Hết thầy các pháp chướng, pháp chướng là nói theo hết thầy các pháp. Quý vị hủy báng hết thầy các pháp, dùng khẩu nghiệp hủy báng. Đối với pháp tam thừa, đều hủy báng, nghiệp của quý vị càng to hơn nữa. “*Thọ mạng chướng*”: Nếu quý vị mong tu đạo, mà thọ mạng đã hết, sẽ chẳng thể tu thành công được! Chúng tôi giảng kinh cũng phải phát nguyện. Trước khi giảng, bèn phát nguyện: Bộ kinh này đừng bị gián đoạn nửa chừng, đừng ngã bệnh, đừng bị gián đoạn vài ngày, cũng đừng giảng một nửa đã chết. Vậy là xong, giảng chẳng được! Đó gọi là “*gián đoạn nửa chừng*”, đó là nghiệp chướng. Khi quý vị mong làm chuyện tốt, mong chuộc lỗi, chẳng chờ quý vị chuộc xong, mạng đã hết rồi, chẳng còn kịp nữa. Đây là chướng ngại!

Chính quý vị giết như thế, dạy người ta giết, tự làm, dạy người khác. Chính mình chẳng giết, xúi người khác giết, đó gọi là “*giá họa cho kẻ khác*”. Ta cùng kẻ khác có cừ hận, muốn giết chết kẻ đó, lại sợ phạm pháp, bèn hoặc là dùng tiền, hoặc là châm ngòi ly gián. Châm ngòi đến nỗi kẻ đó nổi cơn thịnh nộ, bèn thêm thắt chút sự thật, giữa hai kẻ đó lại có hiềm oán, bèn giết phăng đi. Quý vị ở bên cạnh ngó thấy hiệu quả, đã báo cừ được rồi, nhưng quý vị hoàn toàn chẳng ra tay, tội ấy cũng rất lớn. Tội lỗi dạy người khác giết cũng to như tội tự tay giết. Mướn hung thủ, mướn lũ đâm thuê chém mướn, cho rằng chính mình chẳng có tội, đến thuở vị lai, quý vị mới biết, khi thọ báo, quý vị mới biết! Thấy kẻ khác giết lợn, có lúc đi coi náo nhiệt, đừng xem chuyện sát sanh, [bởi lẽ], thấy nghe tùy hỷ, quý vị cũng có phần, quý vị cứ đi xem đi nhé!

Do vậy, chúng ta nói “*thọ Bát Quan Trai Giới, chẳng có ý đi xem, nghe*” là do ý nghĩa này. Nếu chẳng có chuyện của quý vị, quý vị tới xem náo nhiệt làm chi? Kẻ thấy sẽ có phần, quý vị phải hiểu! Đặc biệt là

nơi pháp trường xử bắn, rất nhiều người đi xem, quý vị sẽ có một phần! Trường hợp ấy, cũng đừng nên đi, thấy nghe tùy hỷ mà! “*Do thử viễn lý sát sanh luân cố*” (Do cái luân “xa lìa sát sanh” này): Phải rời xa sát sanh. Đã chẳng giết, mà còn phải luôn nghiền nát nó. “*Triển hoại, tôi diệt vô dư*” (Nghiền nát, phá tan chẳng còn sót): Dùng bất sát luân, tức “chẳng giết” trong Thập Thiện Luân để nghiền nát hết thầy giết chóc và nghiệp báo của nó. Như thế thì sẽ “*chẳng thọ quả báo*”.

“*U hiện thân trung, chư nhân thiên đấng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự*” (Trong thân hiện tại, các hàng trời người đều cùng thân ái, chẳng lo ngại): Chẳng lo ngại, ngại vực quý vị, do biết quý vị sẽ chẳng thương tổn người khác, vì quý vị sợ phạm giới. Bản khoản chính mình trong tương lai sẽ đọa địa ngục, chẳng phải là quý vị không muốn làm, mà là chẳng dám làm. Vì sao chẳng dám làm? Sợ đọa địa ngục, sợ nổi khổ trong địa ngục, cho nên chẳng dám sát sanh. Chúng ta thấy loài chim bay, hoặc là tiêu động vật, muốn nuôi chơi, hoặc là nuôi chó, nuôi mèo, nuôi chim nhỏ, nuôi vẹt, nuôi nhồng, quý vị bắt chúng nó nhốt vào lồng, trong tương lai, quý vị cũng sẽ bị nhốt. Quý vị nhốt chúng nó bao lâu, sẽ phải trả gấp bội, chúng nó trọn chẳng vui sướng. Quý vị tưởng chúng nó vui sướng hay sao? Giống như chúng tôi bị nhốt vào tù, nói không chừng là trong đời quá khứ, tôi nuôi động vật đã nhốt nó rất lâu, cũng chắc là như thế đó. Quý vị thấy cọp bị nhốt trong sở thú, nhốt trong lồng, nó nôn nóng đi qua đi lại trong ấy. Dã thú quen sống trong rừng núi, chúng ta mong chính mình tự do, nhưng lại hạn chế tự do của các động vật khác. Quả báo ấy cứ suy nghĩ khắc biết!

“*Nhất thiết pháp chương, chư thọ mạng chương, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ*” (Hết thầy pháp chương, các thọ mạng chương, tự làm, dạy người khác, thấy nghe vui theo): Trong hiện thời, hàng trời, người v.v... đều cùng thân ái, chẳng ngại vực. “*Thân tâm an lạc*”, thọ mạng cũng lâu dài. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị “*ưu khổ bức thiết*” (sầu khổ bức bách), chánh niệm hiện tiền, sanh về Cực Lạc cũng nắm chắc. “*Sở ái thể tử, quyển thuộc vi nhiều, lâm mạng chung thời*” (Vợ con yêu mến, quyển thuộc vây quanh. Khi lâm chung), chẳng có hiện tượng Diêm La Vương khủng bố!

***(Kinh) Ký mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc. Tùy sở sanh xứ, vô bệnh, trường thọ, đoan chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc. Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, y bỉ tu học, ly***

*sát sanh pháp, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, ly chư binh khí, vô hữu “oán hại, đấu chiến” chi danh, tuyệt chư bố úy, an ổn, khoái lạc, nhất thiết vô bệnh, trường thọ hữu tình, lai sanh kỳ quốc. Như Lai tự thọ vô lượng, vô biên, vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cửu trụ, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ nhất viễn ly sát sanh luân dã.*

(經)既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足。隨所生處，無病長壽，端正聰明，安隱快樂。復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學，離殺生法，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入深廣智海，乃至證得無上菩提。所居佛土，離諸兵器，無有怨害斗戰之名，絕諸怖畏，安隱快樂，一切無病，長壽有情來生其國。如來自壽無量無邊，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情。善男子！是名菩薩摩訶薩第一遠離殺生輪也。

(*Kinh: Đã mạng chung rồi, lại sanh làm người, các căn viên mãn, chi thể đầy đủ. Sinh ở bất cứ nơi đâu, đều không bệnh, sống lâu, đoạn chánh, thông minh, an ổn, vui sướng. Lại gặp bậc đẹp ý, điều phục, thành tựu các thiện pháp, đủ giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức. Nương theo người ấy tu học, lìa pháp sát sanh, có thể đoạn hết thấy pháp ác, bất thiện, có thể thành tựu hết thấy pháp thiện căn thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở, lìa các binh khí, chẳng có danh xưng “oán hại, chiến đấu”, dứt các sợ hãi, an ổn, vui sướng. Hết thấy hữu tình không bệnh, sống lâu, sanh về cõi đó. Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, vô biên, vì các hữu tình thuyết pháp đúng theo căn cơ. Sau khi Ngài nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Đây thiện nam tử! Đó gọi là cái luân thứ nhất “xa lìa sát sanh” của Bồ Tát Ma Ha Tát).*

“*Ký mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc, tùy sở sanh xứ*” (Đã mạng chung rồi, vẫn sanh làm người, các căn viên mãn, chi thể trọn đủ, sanh ở bất cứ nơi đâu), lại còn chẳng bị bệnh khô, lại sống lâu, tướng mạo đoan chánh, ai nấy đều ưa thích, lại còn thông minh, lanh lợi. “*An ổn, khoái lạc*” (An ổn, vui sướng) còn có thể gặp người vừa ý, gặp gỡ thiện tri thức, gặp thiện pháp, gặp gỡ “*cụ giới, phú đức, chân thật phước điền*” (bậc đủ giới, giàu đức, ruộng phước chân thật) làm thiện tri thức cho quý vị, theo họ “*tu học ly sát sanh pháp*” (tu học pháp “liã sát sanh”). Đó là bước đầu tiên, tức “*không sát sanh*” trong Thập Thiện Nghiệp, cho đến chẳng có ý niệm giết chóc. Bất luận quý vị tắm rửa, bất luận quý vị làm gì, đối với những loài trùng nơi thân thể của chính mình, đều phải bảo vệ chúng, Điều này rất vi tế, rất khó!

“*Năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp*” (Có thể đoạn hết thảy các pháp ác, bất thiện, có thể thành tựu hết thảy thiện pháp thù thắng). Có thể thành tựu hết thảy pháp nghĩa Đại Thừa. Vì sao chúng ta có thể nghe pháp Đại Thừa mà chẳng tin được? Có chướng ngại. Cũng có thể tu tập “*nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh*” (hết thảy hạnh nguyện của Bồ Tát), Bồ Tát phát nguyện như thế nào? “*Tiêm thứ thú nhập thâm quảng trí hải*”, tức là dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng. Do vậy, “*chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề*”, bèn thành Phật. “*Sở cư Phật độ, ly chư binh khí*”, [nghĩa là] nơi quý vị sống, ngay cả vũ khí cũng đều chẳng có. Không chỉ chẳng có vũ khí, ngay cả những danh xưng “*oán hại, chiến đấu*” cũng đều chẳng có. “*Tuyệt chư bố úy*” (Dứt sạch các sợ hãi): Còn có cảm giác hoảng sợ hay chẳng? Chẳng có!

“*An ổn, khoái lạc, nhất thiết vô bệnh, trường thọ hữu tình lai sanh kỳ quốc*” (An ổn, vui sướng, hết thảy các hữu tình không bệnh, sống lâu sanh vào cõi ấy): Những ai không bệnh, sống lâu, đều sanh vào trong quốc độ của quý vị. Thọ mạng của Như Lai là vô lượng vô biên, chẳng như Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ có một trăm năm. “*Vị chư hữu tình, như ung thuyết pháp*” (Vì các hữu tình thuyết pháp đúng với căn cơ): Đáng nên dùng căn cơ nào để đắc độ, bèn nói cho người ấy pháp đó. Như vậy sẽ khiến chánh pháp tồn tại lâu dài, có thể lợi ích an lạc vô lượng hữu tình, khiến cho vô lượng hữu tình đều đạt được vui sướng. Này thiện nam tử! Đó gọi là cái luân thứ nhất “*xa liã sát sanh*” của Bồ Tát Ma Ha

Tát, tức là chẳng giết. Bồ Tát Ma Ha Tát phải thành tựu cái luân “chẳng sát sanh” này!

*(Kinh) Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân cố, u Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, u Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. U chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. U Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển, lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. U nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhân, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc tri ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. U chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc, thường u Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo, quảng như tiền thuyết.*

(經)菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘法得無誤失，於其大乘法補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟，剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉，利慧勝福，常得增長。於一切定，諸陀羅尼，諸忍，諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛，及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近，供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足，常於菩提種種行願，心無厭足。所得果報，廣如前說。

*(Kinh: Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu luân này, không phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, không phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, không phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa, không phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, không*



## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

*phạm sai lầm đối với Đại Thừa, không phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La, thường có thể hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, thậm chí đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén và phước thù thắng thường được tăng trưởng. Trong hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhân, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức, tùy thuận hành theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thảy Phật và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử. Chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ. Đạt được quả báo như trên đã rộng nói).*

Đoạn kinh văn này toàn là nhắc lại, trùng tuyên những điều đã nói trong phần trước, hòng mong chúng ta hãy suy xét cho nhiều: Không chỉ là ngôn ngữ, văn tự, mà là mong chúng ta hãy thực hiện. Quý vị mắc bệnh, tìm bác sĩ vô dụng! Chỉ cần chẳng giết chóc, ngưng dứt sát nghiệp; cho đến phóng sanh. Không chỉ là chẳng giết, mà còn cứu chúng sanh. Chúng ta nói “ăn một tí thịt có sao đâu”, có sao nhiều lắm đấy! Tuy quý vị chẳng giết, nhưng quý vị thuận theo chuyện giết chóc, tán thán giết chóc. Nếu nói “sát sanh chẳng sao hết, ăn thịt chẳng ăn nhằm gì”, nói “các động vật là để cho chúng ta ăn. Cá, ba ba, tôm, cua dành cho con người ăn”; tôi nói: “Mỗi người quý vị vẫn là để dành cho gấu chó, cọp, beo, sói ăn!” Có thể nói như vậy hay không? Chỉ là gặp nhân duyên ấy, quý vị có thể bị chúng nó ăn thịt. Chẳng có nhân duyên, quý vị chẳng ăn nó được! Đừng tạo nghiệp! Đó là luân thứ nhất “*chẳng sát sanh*” trong Thập Luân.

Mười thiện luân này, mọi người có thể xem một lượt. Nói chung, từ “chẳng giết” cho đến điều cuối cùng là “chẳng si”. Thập Thiện là nói đối lập với Thập Ác. Vì sao phải nói lặp đi lặp lại như vậy? Mọi người thấy toàn bộ kinh văn giống hệt như nhau, tức là chẳng giết, chẳng trộm, chẳng tà dâm, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói dối... Văn tự thay đổi đôi chút, những điều khác đều y hệt như nhau. Dụng ý của đức Phật là khiến cho chúng sanh chú ý nhiều hơn, khiến cho chúng ta quán tưởng nhiều hơn, tư duy nhiều hơn. Nói một lần không được, nói mười lần thì có thể. Có hàm nghĩa như thế đó! Đây là nguyên nhân khiến Ngài nhắc lại.

Giảng bộ kinh này, chẳng thể nói từng điều một, như thế sẽ quá trùng lặp. Quá trùng lặp, sẽ sanh cảm giác chán ngán. Chúng ta nghe kinh Kim Cang, sẽ cảm thức trực tiếp, thỏa đáng hơn, ưa muốn nghe. Những loại kinh như thế, có các danh từ là điểm độc đáo riêng biệt của bộ kinh ấy, mọi người hiểu ý nghĩa là được rồi. Chúng tôi vẫn là giảng một lượt, trong các luân kế tiếp, sẽ chẳng giảng cạn kẽ từng điều nữa!

*(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát, năng tận hình thọ, ly bất dữ thủ, tức thị thí dữ nhất thiết chúng sanh vô kinh, vô bố, vô hữu nhiệt nã, diệc vô nhiều động. Ư tự sở đắc như pháp tài lợi, hỷ túc nhi trụ, chung bất hy cầu phi pháp tài lợi. Do thử thiện căn, tốc đắc thành thực. Sở hữu tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà, nhân bất dữ thủ, tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư tài bảo chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ. Do thử viễn ly bất dữ thủ luân, giai tất triển hoại, tồ diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự, thân tâm an lạc, tài bảo cụ túc. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết, sở ái thê tử, quyền thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma Vương sứ. Duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín.*

(經)復次，善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽離不與取，即是施與一切眾生無驚無怖，無有熱惱，亦無擾動。於自所得如法財利，喜足而住，終不希求非法財利。由此善根，速得成熟。所有前際輪轉五趣，沒生死河，因不與取，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸財寶障，自作、教他、見聞隨喜。由此遠離不與取輪，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等皆共親愛，無所猜慮，身心安樂，財寶具足。將命終時，身心不為憂苦逼切，所愛妻子，眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剋魔王使。唯見可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。

*(Kinh: Lại này thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng, là “chẳng cho mà lấy”, tức là thí cho hết thấy chúng sanh chẳng kinh sợ, chẳng có nhiệt não, mà cũng chẳng bị nhiễu động. Đối với các tài lợi đạt được đúng pháp, vui mừng cho là đủ, trọn chẳng mong cầu tài lợi phi pháp. Do vậy, thiện căn có thể mau thành thực. Trong tất cả các lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử trước kia, do chẳng cho mà lấy, tạo thành các nghiệp chướng ác nơi thân, miệng, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các chướng ngại nơi tiền của, tự làm, dạy người khác làm, thấy nghe tùy hỷ. Do cái luân “xa lìa chẳng cho mà lấy” này, [các nghiệp chướng ấy] sẽ đều bị nghiền nát, đập tan chẳng còn sót, chẳng nhận lãnh quả báo. Trong đời hiện tại, các hàng trời người đều cùng thân ái, chẳng hề lo ngại, thân tâm an lạc, của cải trọn đủ. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh, chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy bậc vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, chân thật phước điền làm thiện tri thức, thân tâm vui sướng, sanh lòng tin kính sâu xa).*

Đây là điều thứ hai trong Thập Thiện Nghiệp Đạo: Chẳng trộm cắp. “*Bất dũ thủ*” (不與取) tức là người khác chẳng cho quý vị, quý vị cứ cầm lấy. Đó là Đạo (盜, trộm cắp). Nếu sau khi quý vị nghe pháp, có thể “*tận hình thọ*” (盡形壽, suốt cả đời) chẳng trộm cắp, “*hình*” (形) là thân thể của quý vị, “*thọ mạng*” vô hình, nhưng hình thể là hữu hình, tức là cho đến khi quý vị mạng chung, mãi cho đến lúc tử vong, trọn chẳng phạm giới “*không cho mà lấy*”, cũng chẳng phạm giới trộm cắp! Khi chúng ta thọ Ngũ Giới, chỉ cần chẳng trộm cắp là được rồi. Chẳng phạm giới ấy, là đã thanh tịnh. Công đức đạt được, sẽ là chẳng bị người khác trộm cắp, cho đến đối với giới ấy, quý vị chẳng phạm sai lầm. Nhưng còn có một hàm nghĩa sâu xa hơn, vì Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ mười luân, chẳng phải chỉ là “*chẳng trộm cắp*” như đối với phàm phu. Hàm nghĩa của mỗi pháp từ Tiểu đến Đại, từ phàm phu mãi cho đến địa vị Phật, hàm nghĩa [trong mỗi địa vị] bất đồng, danh từ như nhau, nhưng chúng ta [là phàm phu], chẳng giết thì là tuyệt đối chẳng thể giết. Hễ giết liền phạm giới, lại còn là nói theo ý nghĩa “*giết người*”.

[Giới chẳng] trộm cắp là chẳng trộm cắp hết thấy các vật chất của con người, chẳng trộm vật có chủ. Vật phẩm ấy hễ có chủ [mà tự tiện lấy dùng], sẽ là phạm giới trộm cắp. Vật vô chủ rất khó nói. Như núi rừng,

chúng ta cho là vô chủ, nhưng thật ra là có chủ, tức quốc gia. Trong biên cảnh của quốc gia ấy, [mọi vật] đều coi là vật có chủ. Ở trên đường, người ta làm rớt vật chi đó, ta không trộm cắp, mà do người khác đánh rơi. Ta thấy đồ vật, hoặc là tiền, hoặc là món gì đó, quý vị nhặt lên, khi chúng ta đã thọ giới, tức Ngũ Giới, hoặc những giới khác [mà nhặt lấy những vật đó], đều chẳng coi là phạm giới trộm cắp. Nhưng đối với tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni thì không được, vì họ chẳng được phép cầm vàng, bạc, của báu, chẳng cầm tiền. Hễ cầm, cũng là phạm giới. Bồ Tát càng không được, trong thế giới này, chẳng có thứ gì vô chủ. Nếu nói vật ấy do chúng sanh làm rơi, ta nhặt được, Bồ Tát cũng phạm giới “*chẳng cho mà lấy*”.

Đồng thời, Bồ Tát ắt cần phải quán tưởng, chính mình chẳng trộm cắp, cũng mong sao hết thấy chúng sanh đừng trộm cắp. Ta không sát sanh, trì giới cấm “*chẳng giết*” đến cùng, ta đem giới ấy bố thí cho chúng sanh. Chúng ta tuyệt đối chẳng thể nghĩ tới điều này. Chẳng trộm cắp, ta không chỉ chẳng ăn trộm, mà còn mong bố thí cho chúng sanh, bố thí gì vậy? Bố thí khiến cho họ không sợ hãi, chớ nên sợ hãi, chớ nên nhiệt não (nóng nảy, bứt rứt). Nếu chúng ta lấy trộm của họ thứ chi đó, hoặc là cầm đi, họ bị mất, nhất định sẽ bứt rứt, nóng ruột. Hoặc là món đồ ấy có liên quan đến sanh mạng của họ, họ sẽ sanh khởi cảm giác sợ hãi. Chẳng hạn như ăn trộm công văn, hoặc lấy trộm khế ước đất đai, ăn trộm báo cáo thâm nhập của người khác, đối với quý vị chẳng có vấn đề gì, nhưng người ấy có thể bị tổn thất to lớn. Không chỉ tâm bất an, mà thân cũng chẳng an. Sau khi họ đánh mất, tìm kiếm khắp nơi! Trộm có nhiều loại, cướp đoạt đồ vật của người khác, đó gọi là Thương (搶, cướp) và cũng bao gồm Đạo (盜, trộm). Ăn trộm thì gọi là Đạo, tức cường đạo. Hoặc là khéo bày ra đủ loại phương pháp lừa dối, gạt gẫm, thì cũng phạm giới trộm cắp. Nếu nói đến Trộm Cắp thì có rất nhiều loại. Hoặc là dùng ngôn từ, phương thức rất khéo léo, [nại có] “*chẳng phải là tôi trộm của quý vị, mà là quý vị cho tôi*”, nhưng vẫn tính vào giới trộm cắp. Vì đó là lường gạt, dối trá, hoặc là mượn mà không trả, cũng tính là trộm cắp. Cái tội trộm cắp [kiểu ấy] càng nặng hơn. Khi nói tới giới trộm cắp, giới tướng hết sức cặn kẽ, hết sức vi tế, nhưng ở đây, kinh văn chẳng nói [cặn kẽ như vậy]!

Đức Phật bảo là Bồ Tát Ma Ha Tát “*tận hình thọ*” (cho đến hết thọ mạng), chớ nên trộm cắp. Người ta chẳng cho, chẳng thể lấy. Trái lại, ta chẳng trộm cắp, mà còn mong bố thí cho chúng sanh! Bố thí gì vậy? Khiến cho họ chẳng kinh sợ, chẳng có nhiệt não, mà cũng chẳng bị

nhiều động. Đối với tài lợi đạt được đúng pháp, hợp pháp của chính quý vị, giống như chúng ta làm việc kiếm tiền, hoặc là bất luận như thế nào, đó là món tiền chúng ta nên có. Hễ đạt được, phải nên vui mừng, thỏa mãn, chớ nên tham cầu. “*Bất trụ*” có nghĩa là “vẫn cứ truy cầu”. Mặt khác, phạm là tài lợi phi pháp, ta chẳng nên có, thì đừng mưu cầu, mà cũng đừng mong cầu. Không chỉ ta đích thân chẳng làm, mà tâm cũng chẳng suy tưởng, miệng càng chẳng nên nhắc tới. Có những thứ tài vật là do miệng lừa được, có tình huống này. Do chẳng trộm cắp như thế, thiện căn chín muồi rất nhanh chóng, vì chẳng có duyên có trộm cắp, chẳng có tâm trộm cắp.

Như vậy thì nghiệp đã tạo trong quá khứ, tiền tế, hậu tế (後際, vị lai), trung tế (中際) là hiện tại, quá khứ là tiền tế (前際). Do tội ác trộm cắp, quý vị đáng nên vào trong năm đường. Năm đường chính là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người, A Tu La [được tính chung vào bốn đường kia, ngoại trừ địa ngục]. Do vì ăn trộm, luân chuyển sanh tử trong ấy, sanh tử giống như con sông dài, vĩnh viễn chìm chìm trong ấy, chẳng thoát ra được, “*một sanh tử hà*” (chìm trong sông sanh tử), vây phủ trong con sông sanh tử! Vì không cho mà lấy, tạo thành thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp, các ác nghiệp chướng, “*chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư tài bảo chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ*” (các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các chướng ngại nơi của cải, tự làm, dạy người khác, thấy nghe tùy hỷ): Đó là nghiệp quý vị đã tạo trong quá khứ. Nghiệp ấy vì trộm cắp mà tạo thành các ác nghiệp chướng nơi thân, ngữ, ý, tức là ta cướp đoạt, dùng thân thể để cưỡng đoạt, hoặc dùng miệng lừa gạt, hoặc dùng ý niệm bày cách. Các ác nghiệp đã tạo nơi thân, ngữ, ý đều thuộc loại trộm cắp. Phạm những gì thuộc loại này đều là trộm cắp. Do như thế, gây phiền não cho chính mình, gây phiền não cho người khác, ngăn chướng đạo nghiệp tu đạo của quý vị.

Nếu chúng ta buôn bán chẳng thuận lợi, hoặc là tài nguyên không thuận lợi, các dụng cụ cần thiết cho cuộc sống thiếu thốn, quý vị chẳng oán trời, hờn người, mà hãy oán chính mình, quá khứ đã tạo các nghiệp ấy, cho nên quý vị có các chướng ngại đó. Đối với hết thấy các pháp, quý vị đều chẳng thể tiến nhập, bị ngăn chướng. Của cải quý vị cũng chẳng trọn đủ. Vì thế liền sanh ra các chướng ngại ấy. Không chỉ là chính mình trộm cắp, hoặc là dạy người khác trộm cắp, tự mình làm, dạy người khác trộm cắp, cho đến thấy kẻ khác trộm cắp, quý vị cao hứng,

mừng rỡ, thấy nghe tùy hỷ, chẳng phải là tùy hỷ thiện nghiệp, mà là tùy hỷ ác nghiệp.

Nếu nay quý vị xa lìa các tội chướng “*chẳng cho mà lấy*”, chẳng trộm cắp, cách nó rất xa. “*Xa lìa*” có nghĩa là chẳng tạo tác nữa. “*Giai tất triển hoại*” (Thầy đều nghiên nát): Do cái luân trong hiện tại, hiện tại là cái luân gì vậy? Chính là cái luân “*xa lìa chẳng cho mà lấy*”. Trong quá khứ, do mê muội, hồ đồ, do nghiệp chướng, đã làm những chuyện như vậy. Từ nay về sau, phát nguyện chẳng trộm cắp, cũng xác thực là chẳng trộm cắp, cũng tức là nay chúng ta chẳng tạo, tiêu mất nghiệp quá khứ, dẹp tan chẳng còn sót, chẳng nhận lãnh quả báo. Do vậy, phải nên sám hối. Đã sám hối xong; sau đây, sẽ chẳng làm nữa!

“*U hiện thân trung, chư nhân thiên đấng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự*” (Trong thân hiện tại, các hàng trời, người đều cùng thân ái, chẳng có ngờ lo): Người khác đối với quý vị chẳng ngờ vực, lo ngại. Hễ mất đồ, họ chẳng hoài nghi quý vị lấy, có ý nghĩa như thế đó. Chẳng ngờ vực, lo ngại, họ bị mất đồ tuyệt đối chẳng hề ngờ vực quý vị, chẳng hoài nghi quý vị nhảm nhúa. Nếu không, trong nhà này có mấy người, người nào đó mất đồ, sẽ hoài nghi: “Nhà này chỉ có mấy người, chẳng phải Trương Tam thì chắc là Lý Tứ”. Nhưng do quý vị chẳng có nghiệp này, họ sẽ chẳng hoài nghi quý vị là hạng người như thế đó!

Còn có kẻ trộm vật của quý thần. Quý thì chúng ta còn có thể trộm được thứ gì đó, thần thì chúng ta cũng chẳng thể trộm được. Chẳng phải vậy! Phạm là trong miếu thờ, bất cứ đồ vật, tiền tài, trong miếu thờ thổ địa, quý vị đừng có lấy, đó là xúc phạm quý thần. Phạm là những thứ trong chùa, thứ gì sư phụ cho quý vị thì có thể lấy, đó là vật dụng tư nhân. Nhưng nếu ông ta lấy thứ gì thuộc Tam Bảo, hoặc lấy vật thuộc thập phương thường trụ làm quà tặng, thì ông ta phạm lỗi, chứ quý vị chẳng phạm. Trong Phật đường, sư phụ trao cho quý vị thứ chi đó, quý vị chẳng phạm lỗi, mà ông ta cũng chẳng phạm. Ông ta nói những thứ đó là của ông ta, chẳng phải là của thập phương thường trụ. Vì sao ông ta phải ở trong tinh xá, không ở trong chùa lớn? Điều này có nguyên nhân, ông ta sợ phạm tội! Ở trong chùa, quý vị tùy tiện nhất cử nhất động, đều phải suy xét. Đây là của Tam Bảo, ăn sai một miếng cũng chẳng được! Do vì như vậy, người ta chẳng ngờ vực, lo ngại quý vị, thân tâm an lạc. Quý vị chẳng trộm cắp, sẽ chẳng gặp cảnh khôn cùng. Quý vị cảm cái quả ấy, của cải trọn đủ. Tới khi quý vị lâm chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, cảm thấy rất nhẹ nhàng, rất tự tại.

Trong mười luân ấy, hễ luân nào được thành tựu, các thứ khác đều kém quan trọng hơn! Kẻ mạnh chẳng thể chèn ép kẻ yếu được! Thập luân thành tựu, dầu thành tựu một luân cũng được, lúc lâm chung, quý vị cũng chẳng thấy sứ giả của vua Diêm Ma. Trong đoạn kinh văn trên đây, có một câu “*sở ái thể tử, quyến thuộc vi nhiều*” (vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh): Đây là “*thọ chung chánh tâm*”. “*Chánh tâm*” (正寢) là gì? Chết ở trong nhà của chính mình, chết ngay trong nhà, thi thể quàn ở trong nhà. Đó gọi là “*thọ chung chánh tâm*” (壽終正寢). Chết ở bên ngoài, chuyển xác về, chẳng thể coi là “*thọ chung chánh tâm*”. Trong quá khứ, cổ nhân nói: Quý vị tạo rất nhiều nghiệp, làm rất nhiều chuyện xấu, chết ở bên ngoài, sẽ chẳng được coi là “*thọ chung chánh tâm*”. [Hiện thời] chết tại nhà rất khó, trong quá khứ rất nhiều. Hiện thời “*thọ chung chánh tâm*” rất ít, vì thọ chung ở bệnh viện chiếm đại đa số. Khi lâm chung, quý vị chẳng thấy vua Diêm La, ông ta cũng chẳng sai người đến cầu hôn quý vị, chẳng thể. Chỉ thấy những người khiến cho quý vị đẹp ý, hoặc thấy quang minh, ngửi mùi thơm. Nếu quý vị là người tin Phật, sẽ thấy thánh tượng. Quý vị chẳng tin Phật, nhưng do là người chẳng trộm cắp, sẽ được thiện thân, hộ pháp, sẽ trông thấy thiện thân. Phạm là [trông thấy người] hợp ý, như vậy thì sẽ thành tựu điều hòa thiện pháp của quý vị, đó là những người thiện pháp trọn đủ, trọn giới, giàu đức. “*Thiện pháp điều thành*” (Điều hòa thành tựu thiện pháp) tức là thuận theo thiện pháp.

“*Cụ giới, phú đức*” (Đủ giới, giàu đức) là trì giới thanh tịnh, có oai đức. Hay là chân thật phước điền, phước điền Tăng, hoặc là phước điền cư sĩ, hoặc là phước điền ưu-bà-tắc, ưu-bà-di làm thiện tri thức cho quý vị. Khi lâm chung, sẽ có thể trông thấy họ. Quý vị thấy rồi, “*thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín*” (thân tâm vui sướng, sanh lòng kính tin sâu xa): Do có loại tâm tình ấy, chết đi sẽ “*hoàn sanh nhân trung*” (lại sanh trong loài người), hoặc sanh lên cõi trời.

***(Kinh) Ký mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc. Tùy sở sanh xứ, cụ đại tài bảo, đoạn chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc, bất dữ ngũ gia cộng chư tài bảo. Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, y bỉ tu học “ly bất dữ thủ”, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô***

**Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, chúng bảo trang nghiêm, bảo thụ, bảo trì, bảo đài, điện đảnh, vô bất sung bị. Ly ngã, ngã sở, vô sở nhiếp thọ, nhất thiết cụ túc nghiêm sức hữu tình, lai sanh kỳ quốc. Như Lai tự thân thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ nhị viễn ly bất dữ thủ luân.**

(經)既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足。隨所生處，具大財寶，端正聰明，安隱快樂，不與五家共諸財寶。復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學離不與取，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入深廣智海，乃至證得無上菩提。所居佛土，眾寶莊嚴，寶樹、寶池、寶台殿等，無不充備。離我、我所，無所攝受，一切具足嚴飾有情，來生其國。如來自身壽命無量，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情。善男子！是名菩薩摩訶薩第二遠離不與取輪。

(Kinh: Đã mạng chung xong, lại sanh làm người, các căn viên mãn, chi thể trọn đủ. Sinh ở bất cứ nơi đâu, trọn đủ của cải lớn lao, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng, chẳng có chung tài sản với năm nhà. Lại gặp bậc đáng mến, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, chân thật phước điền làm thiện tri thức. Nương theo người ấy tu học, là “chẳng cho mà lấy”, có thể đoạn hết thấy ác pháp bất thiện, có thể thành tựu hết thấy các thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở, các thứ báu trang nghiêm, cây báu, ao báu, đài báu, cung điện v.v... không gì chẳng trọn đủ. Các hữu tình là ngã, ngã sở, không có gì nhiếp thọ, trọn đủ hết thấy trang nghiêm, sanh về cõi ấy. Bản thân đức Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình thuyết pháp đúng với căn cơ. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Nay thiện nam tử! Đó gọi là luân thứ hai “chẳng cho mà lấy” của Bồ Tát Ma Ha Tát).



“*Chư căn viên mãn, chi thể cụ túc, tùy sở sanh xứ, cụ đại tài bảo, đoan chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc*” (Các căn viên mãn, chi thể trọn đủ, sanh ở bất cứ nơi đâu cũng đều trọn đủ của cái, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng). Đoạn này giống như kinh văn trong phần trước. Chỉ phần giữa nói về trộm hay giết khác nhau, những điều khác giống nhau: Lại được sanh làm người, sáu căn trọn đủ, tứ chi cũng trọn đủ. Sanh ở nơi đâu, cũng đều trọn đủ các của cái. Đương nhiên là gia tộc của quý vị cũng rất giàu có. Sanh vào gia đình tốt đẹp, đoan chánh, thông minh, tướng mạo rất tốt, ai thấy cũng đều thích, thông thái, lanh lợi, an ổn, vui sướng.

“*Bất dữ ngũ gia cộng chư tài bảo*” (Chẳng cùng chung tài sản với năm nhà): Hết thầy của cái trong thế gian là của chung năm nhà. Quý vị chẳng trộm cắp thì chính quý vị sẽ làm chủ. Chẳng cùng chung với năm nhà, năm nhà nào vậy?

- 1) Quốc gia tịch thu, hoặc là trưng dụng.
- 2) Hoặc là đạo tặc cướp đoạt. Chúng nó cướp đoạt, quý vị chẳng đề phòng nổi, hoặc là bị kẻ trộm lấy cắp. Đây là hai nhà.
- 3) Nước nhấn chìm, lũ lụt cuốn trôi mất đi.
- 4) Lửa đốt, đó là bốn nhà.
- 5) Lợi hại nhất là “*cướp nhà khó phòng*”, tức con cháu bất hiếu, quý vị chẳng có cách nào cả!

Hết thầy tài sản trong thế gian là của chung năm nhà đó. Quý vị có thể an ổn, vui sướng. Tài sản [của quý vị] chẳng phải là của chung năm nhà, chỉ có phước báo của quý vị do quý vị cảm vời. Ai cũng chẳng tịch thu của quý vị được! Con cháu của quý vị đều thiện lương, chẳng sanh ra con cháu ngỗ nghịch.

“*Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức*” (Lại gặp bậc đẹp ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, chân thật phước điền làm thiện tri thức): Sẽ nương theo người như vậy để tu học, theo người đó tu hành, học đạo, xa lìa “không cho mà lấy”, giữ giới này thanh tịnh, chẳng còn trộm cắp nữa! Hết thầy các pháp bất thiện như đã nói, quý vị đều có thể đoạn. Tuy chỉ trì một giới này, chín điều thiện kia quý vị cũng có thể trọn đủ. Có một điều đề đột phá, những điều khác cũng trọn đủ. “*Năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập thâm quang trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, chúng bảo trang nghiêm, bảo thụ, bảo trì, bảo đài, điện đảnh, vô bất*

*sung bị*” (Có thể thành tựu hết thảy các thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thảy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thảy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở, các thứ báu trang nghiêm, cây báu, ao báu, đài báu, cung điện v.v... không gì chẳng trọn đủ): Điều này giống như Tây Phương Cực Lạc thế giới. Mọi người niệm kinh A Di Đà đều biết, sanh vào thế giới nào, cũng đều giống nhau. Sanh vào quốc độ ấy, sanh thiên cũng là như thế. Quý vị đến cõi Phật ấy, bản thân Phật Thế Tôn Như Lai thọ mạng vô lượng, vì hết thảy hữu tình thuyết pháp đúng với căn cơ, quý vị đến đó có thể nghe pháp. Sau khi đức Phật diệt độ, trong thế giới ấy, “*chánh pháp cửu trụ, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ nhị viễn ly bất dữ thủ luân*” (chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Đây thiện nam tử! Đó gọi là luân thứ hai “chẳng cho mà lấy” của Bồ Tát Ma Ha Tát).

*(Kinh) Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thủ luân cố, u Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, u Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. U chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiến ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. U Đại Thừa pháp, thường đắc thắng tấn, vô hữu thoái chuyển, lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. U nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhân, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. U chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường u Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo, quảng thuyết như tiền.*

(經)菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若

是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉，利慧勝福，常得增長。於一切定，諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，心無厭足。所得果報，廣說如前。

*(Kinh: Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu luân ấy, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La, thường có thể hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, thậm chí đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén, phước thù thắng, thường được tăng trưởng. Trong hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhân, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức, tùy thuận hành theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thảy Phật và các vị Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử. Chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ. Đạt được quả báo như đã nói rộng trong phần trên).*

Người thuộc tam thừa, Bồ Đặc Già La (Pudgala) là người, là hữu tình. Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa, Đại Thừa. Ba loại người ấy thọ trì pháp tam thừa, quý vị thuyết pháp cho họ, dạy họ, đều chẳng phạm sai lầm, họ cũng sẽ chẳng phạm sai lầm, sẽ nói đúng như pháp. Đó là Bồ Tát Ma Ha Tát. Ngài (Kim Cang Tạng Bồ Tát) hỏi Bồ Tát Ma Ha Tát làm thế nào để có thể thành tựu đại Bồ Tát đạo? Hóa độ chúng sanh bằng cách nào? Đức Phật liền bảo ngài Kim Cang Tạng có thập luân. Nói xong mười luân này, trong phần sau, còn có Thập Giáp Trụ Luân. Đó cũng là những việc phải làm của Bồ Tát. Do vậy quý vị thấy thập luân là nhắc lại, kinh Đại Tập Thập Luân chuyên nói về thập luân.

Dần dần thăng tấn nơi pháp Đại Thừa, mãi cho đến khi thành Phật. Từ đây về sau, chẳng hề thoái chuyển. “*Lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng*”, [ý nói]: Trí huệ sắc bén, trí huệ giống như kim cang, phước đức thù thắng, vĩnh viễn tăng trưởng; đồng thời, cũng có thể đạt được Giới, Định, Huệ. Bản thân xa lìa trộm cắp, xa lìa “*chẳng cho mà lấy*”, đó là Giới. Khi quý vị tu Định, hết thấy các tam-muội đều có thể đạt được. Cho đến khi thành Phật, sẽ đạt được Thập Nhẫn, Thập Địa, cũng có thể đạt được tự tại, chẳng bị thoái chuyển, thường được gặp gỡ các vị thiện tri thức để tùy thuận làm theo, thường gặp được danh sư chỉ điểm, hướng dẫn quý vị. Quý vị hành theo lời vị ấy nói, người ấy làm như thế nào, quý vị cũng làm như thế đó, hành thuận theo, chẳng trái nghịch. Thường được chẳng lìa thấy hết thấy các vị Phật, thường được chẳng lìa thấy hết thấy các vị Bồ Tát, thường được chẳng lìa thấy hết thấy Thanh Văn, thường được chẳng lìa thấy chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, thường được chẳng lìa nghe pháp. Nơi quý vị ở, thường luôn có các hội thuyết pháp, thường có thể nghe pháp, lại còn có thể thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đây là Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, quý vị thường chẳng tách rời, thường được thân cận.

“*Ư chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc*” (Thường tinh tấn cầu các thiện căn, tâm chẳng chán đủ): Đây là vun bồi phước đức, vun bồi thiện căn, tinh tấn chẳng lười nhác, chẳng thỏa mãn, tức là chẳng cảm thấy làm lành đã đủ. Đối với ác thì một niệm chẳng sanh. Đó là một niệm thành Phật. “*Thường ư Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc*” (Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ): Phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Đề hạnh, phát Bồ Đề nguyện, chẳng chán đủ, đạt được quả báo như trong phần trước đã rộng nói.

**(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát, năng tận hình thọ, ly dục tà hạnh, tức thị thí dữ dục lưu sở phiêu nhất thiết chúng sanh vô kinh, vô bố, vô tật, vô hại, vô hữu nhiệt nã, diệc vô nhiều động. Ư kỹ thể thất, hỷ túc nhi trụ, chung bất hy cầu phi pháp sắc dục. Do thử thiện căn, tốc đắc thành thực. Sở hữu tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà, nhân dục tà hạnh, tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư thất gia chướng, tự tác, giáo tha, kiên văn tùy hỷ. Do thử viễn ly dục tà hạnh luân, giai tất triển hoại, tồi diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự, thân tâm an lạc, thể thất trình lương. Tương**

mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết, sở ái thê tử, quyền thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma Vương sứ, duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vì thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín. Ký mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc. Tùy sở sanh xứ, cụ chư quyền thuộc, đoan chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc. Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vì thiện tri thức, y bỉ tu học, ly dục tà hạnh, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, vô chư nữ nhân, ly chư dâm dục, cụ tục đệ nhất phạm hạnh hữu tình lai sanh kỳ quốc. Nhất thiết hữu tình giai thọ hóa sanh, bất xử bào thai xú uế bất tịnh. Như Lai tự thân thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích, an lạc, vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ tam viễn ly dục tà hạnh luân.

(經)復次，善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽離欲邪行，即是施與欲流所漂一切眾生無驚無怖，無嫉無害，無有熱惱，亦無擾動。於己妻室喜足而住，終不希求非法色慾。由此善根速得成熟。所有前際輪轉五趣沒生死河，因欲邪行，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸室家障，自作、教他、見聞隨喜。由此遠離欲邪行輪，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等皆共親愛，無所猜慮，身心安樂，妻室貞良。將命終時，身心不為憂苦逼切，所愛妻子眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剋魔王使，唯見可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足。隨所生處，具諸眷屬，端正聰明，安隱快樂。復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學離欲邪行，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，

漸次趣入深廣智海，乃至證得無上菩提。所居佛土，無諸女人，離諸淫慾，具足第一梵行有情來生其國。一切有情皆受化生，不處胞胎臭穢不淨。如來自身壽命無量，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情。善男子！是名菩薩摩訶薩，第三遠離欲邪行輪。

*(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng lìa dục tà hạnh, tức là đã thí “không kinh sợ, không ghen ghét, không não hại, không nhiệt não”, cũng như “không nhiều loạn” cho hết thấy chúng sanh trôi giạt trong dòng dục. Trụ trong sự vui đủ đối với vợ mình, trọn chẳng mong cầu sắc dục phi pháp. Do vậy, thiện căn mau được thành thực. Trong tất cả những lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử thuở quá khứ, do dục tà hạnh, tạo các ác nghiệp chướng nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các chướng ngại về gia đình, tự làm, dạy người khác làm, thấy nghe tùy hỷ. Do cái luân “xa lìa dục tà hạnh” này, [các thứ chướng ấy] sẽ đều bị nghiền nát, phá tan chẳng còn sót thừa, chẳng nhận lãnh quả báo. Trong thân hiện tại, các hàng trời người đều cùng thân ái, chẳng ngờ vực, lo ngại, thân tâm an lạc, thê thiếp trinh lương. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách. Vợ con yêu mến, quyến thuộc vây quanh. Khi sắp mạng chung, chẳng thấy sự giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy người đẹp ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, chân thật phước điền làm thiện tri thức, thân tâm vui sướng, sanh lòng kính tin sâu xa. Đã mạng chung rồi lại sanh làm người, các căn viên mãn, chi thể trọn đủ, sanh ở bất cứ nơi đâu, quyến thuộc đầy đủ, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng, lại gặp người vừa ý, thành tựu điều phục các thiện pháp, đủ giới, giàu đức, chân thật phước điền làm thiện tri thức, nương theo người ấy tu học, lìa dục tà hạnh, có thể đoạn hết thấy các pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy sống, không có các nữ nhân, lìa các dâm dục, hữu tình trọn đủ phạm hạnh bậc nhất sanh về nước ấy. Hết thấy hữu tình đều được hóa sanh, chẳng ở trong bào thai hôi thối, bất tịnh. Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình thuyết pháp đúng theo căn cơ. Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích,*

*an lạc vô lượng hữu tình. Nay thiện nam tử! Đó gọi là luân thứ ba “xa lìa dục tà hạnh” của Bồ Tát Ma Ha Tát).*

[Giữ giới chẳng] tà dâm, “*tức thị thí dữ dục lưu sở phiêu, nhất thiết chúng sanh vô kinh, vô bố*” (tức là thí chẳng kinh sợ cho hết thầy chúng sanh đang trôi giạt trong dòng dục), giống như giới trộm cắp, đây cũng là bố thí cho chúng sanh. Tất cả những kẻ đang chìm đắm trong dòng dục, tham đắm dâm dục, hạng chúng sanh ấy chìm nổi trong ba đường ác. Bố thí cho hết thầy chúng sanh đang trôi giạt, an ủi, khiến cho họ không sợ hãi, không kinh hoàng, giống hệt như trong phần trước [đã nói]. “*Vô tật, vô hại, vô hữu nhiệt nã*” (Chẳng ghen ghét, chẳng não hại, chẳng có nhiệt não), cũng chẳng nhiều loạn. “*U kỳ thê thất, hỷ tức nhi trụ*” (Trụ nơi vui đủ với vợ mình): Quan hệ vợ chồng là chánh đạo trong nhân gian, cho nên đã thọ Ngũ Giới hay thọ [tại gia] Bồ Tát Giới, sẽ chẳng gây trở ngại cho chánh đạo trong nhân gian. Nếu đã thọ tỳ-kheo Bồ Tát giới thì không được [có quan hệ dâm dục]. Hàng Bồ Tát thuộc Tín vị phải đoạn hết thầy các dục. Chúng ta cảm thấy lập gia đình sanh nở, nuôi dưỡng con cái, nối dõi tông đường là chuyện bình thường trong nhân gian, nhưng điều ấy có đúng hay không? Chẳng đúng!

Như khi tôi ở chùa Chánh Giác thuộc Trung Nam Hải tại Bắc Kinh, có một vị giáo sư đại học đến công viên Bắc Hải chơi, trông thấy một ngôi chùa, liền bước vào. Trong công viên lại có chùa, ông ta cảm thấy rất lạ lùng. Có thể là lần đầu tiên ông ta bước vào. Ngôi chùa trong công viên Bắc Hải do đế vương nhà Mãn Thanh xây dựng; trước kia, chùa hoàn toàn chẳng mở cửa cho công chúng. Bởi lẽ, ngôi chùa ấy chuyên dành cho các vị Lạt-ma ở, chẳng dành cho các hòa thượng ở. Thời đó, các hoàng đế đều quy y Lạt-ma, mượn sức người Mông Cổ, mượn sức người Tây Tạng để giúp đỡ biên cương [an ổn].

Vị giáo sư ấy đến đó, thấy bọn hòa thượng chúng tôi, ông ta chẳng cung kính đối với tượng Phật, cũng chẳng lễ bái, lên giọng răn dạy chúng tôi: “Nếu ai nấy đều giống như các ngươi, nhân gian sẽ chẳng còn ai hết, bị tuyệt chủng cả rồi!” Ông ta nói với tôi rất nhiều, tôi chỉ nêu ra vấn đề liên quan đến chuyện đang nói hôm nay (tức là chuyện đoạn dục). Lúc đó, tôi đáp lời ông ta: “Đều giống như chúng tôi thì cũng được lắm, đều đoạn dục, tuyệt chủng rồi. [Ông cho rằng] đều giống như chúng tôi là không được, nhưng tôi có thể nói mấy chỗ, chẳng hạn như thế giới Cực Lạc chẳng có nữ nhân, họ chẳng tuyệt chủng, người trong mười phương thế giới đều đến đó”. Tôi nói: “Đại Phạm Thiên chẳng tuyệt

chúng! Ở cõi trời ấy, chẳng có tướng nữ nhân, mà cũng chẳng có nữ nhân, chỉ sáu tầng trời trong cõi Dục thì có, chứ Đại Phạm Thiên tuyệt đối chẳng có. Mười phương thế giới đều sanh về đó, họ chẳng bị tuyệt chủng”. Ông ta đáp: “Tôi chẳng thấy chuyện ấy, tôi không tin. Tôi chỉ tin tưởng chuyện thấy trước mắt. Có sự thật thì tôi mới tin tưởng. Những điều ấy chẳng phải là sự thật, toàn là chuyện do Phật giáo mấy ông bịa ra!” Tôi nói: “Tôi nói một chút sự thật vậy. Đều giống như chúng tôi thì không được, vậy thì đều giống như giáo sư nhà ông thì có được hay không?” “Có gì là không được? Tôi có thể dạy dỗ người khác”. Tôi nói: “Ông có ăn uống hay không? Có mặc quần áo hay không? Quần áo của ông từ đâu mà có? Là do giáo sư làm ra? Hay do học giả làm ra? Lương thực ông ăn do các vị giáo sư như ông trông trọt à? Đều giống như tôi [đương nhiên] là chuyện chẳng thể. Nhưng nếu đều giống như ông thì cũng chẳng được! Nếu đều giống như ông thì thế giới này cũng chẳng có, đều chết đói hết rồi! Ông cũng chẳng cần mặc quần áo, mà cũng chẳng cần ăn cơm nữa, ông còn muốn đến chơi chỗ này thì chẳng thể nào được!”

Giả sử nói thế giới này đều giống như Phật, đó là chuyện chẳng thể nào! Chỉ có thể nói là Phật quả. Đều giống như Phật, thế giới này sẽ chẳng có, toàn thể thanh tịnh. Đây là chuyện tuyệt đối chẳng thể có. Đó là đã phạm sai lầm căn bản [trong khi biện luận]. Bất luận quý vị nêu lên một pháp nào, nếu đều là một pháp, thứ gì cũng đều chẳng có, chỉ có một pháp là chứng đắc tánh Không. Ai nấy đều trọn đủ tánh Không, nhưng [kẻ bình phàm] ai nấy đều chẳng chứng được! Người chứng đắc [tánh Không] rất ít, cho nên [người chứng đắc tánh Không] mới thành Phật. Vật gì hiếm thì quý! Trong nhân loại, hễ có một vị A La Hán đoạn phiền não, chứng Bồ Đề, vị ấy sẽ tôn quý khôn cùng, có ý nghĩa như thế đó.

Vị Bồ Tát này cho đến hết thọ mạng đều có thể rời lìa [dục tà hạnh], vì Bồ Tát có tại gia Bồ Tát và xuất gia Bồ Tát, cho nên các Ngài lìa dục tà hạnh. Nếu toàn thể [chúng sanh đều] là Bồ Tát, sẽ đều là chánh hạnh ly dục, chẳng thể nào tà hạnh. Thế nhưng nếu quý vị chẳng có dục niệm, thì đối với hết thảy chúng sanh, chính là đã cúng dường, bỏ thí cho họ “chẳng kính sợ, chẳng ghen ghét, chẳng nào hại”. Tà dục là ghen ty, do gian dâm sanh ra sát hại. Hễ phá giới này, sát giới cũng phá, mà cũng có thể giới uống rượu bị phá luôn, mà cũng có thể là giới trộm cắp cũng phạm. Giết, trộm, dâm, dối, chỉ cần phá một điều, sẽ có mối liên quan, cũng có thể phá sạch cả năm giới. Do vậy, chớ nên ghen ty. “*Vô hữu*



*niệt nã, diệc vô nhiễm động, ư kỳ thể thất, hỷ túc nhi trụ*” (Chẳng có nhiệt nã, cũng chẳng nhiễm loạn, có thể trụ trong vui đủ với vợ của chính mình), phải nên vui thỏa [với những gì mình đang có]. Dục vọng là thứ không có chừng hạn!

“*Chung bất hy cầu phi pháp sắc dục*” (Trợn chẳng mong cầu sắc dục phi pháp), tức là chẳng tham cầu sắc dục trái pháp. Chẳng hợp pháp, chẳng qua các thủ tục [kết hôn], thì đều gọi là “*phi pháp sắc dục*”. Hiện thời, chẳng có cách nào! Hằng ngày xem báo chí, [sẽ thấy] sắc dục phi pháp quá nhiều. Nếu Bồ Tát có thể cho đến hết thọ mạng, luôn xa lìa [dục tà hạnh]; do điều này mà thiện căn nhất định có thể chín muồi! Trong tất cả những lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử trước kia, do dục tà hạnh, tạo ra các nghiệp chướng ác nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các chướng ngại về gia đình, [những thứ chướng sẽ đều bị trừ diệt]. Có gia đình là có chướng ngại.

Mọi người thấy chữ Gia (家), phía trên có một chữ giống như cái lọng bấu (tức bộ Miên, 宀), khóa chặt lại, chẳng thể có cách nào thoát ra. Chờ gì vậy? Chờ bị tàn sát, chờ đến khi chết ngắc trong nhà. Hiện thời, thật sự chết ở trong nhà vẫn là “*chánh tâm*”, nếu chết ở bên ngoài thì “*phiêu lưu*” (trôi giạt).

“*Tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ. Do thử viễn ly dục tà hạnh luân*” (Tự làm, dạy người khác làm, thấy nghe tùy hỷ. Do cái luân “xa lìa dục tà hạnh” này), khi quý vị xem TV, gặp những màn ấy, quý vị phải phát nguyện, nguyện cho hết thấy chúng sanh đoạn tà dục, nhất định phải phát nguyện. Quý vị nhìn những cảnh ấy, lại nhìn vào thế giới động vật, quý vị nói xem, con người và động vật khác nhau bao nhiêu? Đều là lo kiếm ăn, tàn sát lẫn nhau. Mấy hôm nay, tôi xem TV mới biết gấu chó ăn cá. Gấu chó<sup>32</sup> ở Bắc Cực phải dựa vào cá để sống. Thứ gì cũng đều chẳng có, trời băng đất tuyết, nó phải bắt cá. Đó gọi là tàn sát lẫn nhau. Trả nợ mạng thay cho nhau. Trông thấy những việc ấy, ngàn vạn phần chớ nên tùy hỷ! Quý vị nói xem, giữa con người với nhau, giữa súc sanh với nhau, có gì khác biệt? Trung Hoa cổ đại đã có câu tục ngữ:

---

<sup>32</sup> Cầu hùng (狗熊, nguyệt hùng, hắc hạt hùng, gấu chó, Asian black bear, người Việt lại thường gọi chúng là gấu ngựa) tức loại gấu có mõm giống như mõm chó, thường có lông màu đen, có tên khoa học là *Ursus Thibetanus*. Trong khi gấu Bắc Cực là chủng loại khác (có tên khoa học là *Ursus Maritimus*). Do chúng có hình dáng giống nhau, chỉ khác màu lông, người Hoa vẫn gọi lẫn lộn cả hai loại đều là Cầu Hùng.

“*Nhân chi dị ư cầm thú giả cơ hy*” (Con người khác với cầm thú rất ít). Rất ít! Con người xét theo lý, trong cảnh giới ngũ dục, chúng ta một vừa hai phải, chớ nên quá phận. Chữ Dâm (淫) có ba chấm thủy, Dâm là quá mức, [theo nghĩa gốc là] mưa dầm quá lâu, một mực chẳng ngừng. Mưa lâu liên sanh ẩm ướt. Dâm có nghĩa là “quá mức”, càng quá mức thì khác biệt với động vật càng nhỏ!

Quý vị có thể quan sát, bò câu, chim sẻ, chuột, dục niệm của chúng đúng là chẳng có chừng hạn. Phải nên biết điều này! Do “*viễn ly dục hạnh luân*” sẽ “*giai tất triển hoại, tồ diệt vô dư, bất thọ quả báo. U hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng giai cộng thân ái, vô sở sai lự*” (thầy đều nghiên nát, phá tan chẳng còn sót, chẳng nhận lãnh quả báo. Trong thân hiện tại, các hàng trời, người đều cùng thân ái, chẳng có ngờ vực, lo ngại): Trời, người đối với quý vị chẳng ngờ vực, lo ngại. Quý vị đã rời lìa dục niệm, nữ nhân chẳng phải đề phòng quý vị, vì tuyệt đối chẳng phát sanh chuyện cường bạo. Do chính quý vị nhận biết mình đã lìa dục, hết thầy nữ nhân sẽ chẳng sanh khởi cái tâm tham ái đối với quý vị, vì “*điện quang*”, từ trường phóng ra từ tinh thần của quý vị chẳng tương ứng, chẳng khởi tác dụng đối với họ.

Vấn đề này rất lớn. Thập Thiện Nghiệp Đạo, nói dễ hiểu thì là nhân thiên thừa, nói lớn hơn thì Thanh Văn Thừa cũng chưa làm được, họ chỉ có thể làm được một phần. Cho đến hàng Bồ Tát Ma Ha Tát cũng chỉ có thể làm được một phần. Chỉ có Phật với Phật thì mới có thể rỏ ráo thành tựu Thập Thiện Nghiệp Đạo Luân, mỗi pháp đều là như thế. Quả báo đạt được sẽ là nơi thân hiện tại, các hàng nhân thiên đều cùng thân ái, chẳng ngờ vực, lo ngại quý vị, thân tâm của chính mình cũng an lạc. “*Thê thất trinh lương*”, theo như kinh Phật đã nói, dường như chủ nghĩa đại nam nhân rất nặng. [Nếu chấp trước văn tự, sẽ hiểu] “*thê thất trinh lương*” dường như [chỉ cần vợ trinh lương], mặc kệ chồng, chồng có thể tùy tiện [lãng nhãng] chứ gì? Nam nữ đều như nhau, đều chẳng thể! Thường nói là “*thê thất trinh lương*”, nhưng nam nhân cũng phải làm như vậy!

Trong quá khứ, vào thời Chiến Quốc, anh của ông Liễu Hạ Huệ<sup>33</sup> nước Lỗ, thân bất nhị sắc (người chung thủy với một nữ nhân duy nhất).

---

<sup>33</sup> Liễu Hạ Huệ (720-621 trước Công Nguyên) họ Cơ, tên là Hoạch, biểu tự là Cầm, còn có một tên khác là Quý. Ông là hậu duệ của Công Tử Triển (con cháu của Lỗ Hiếu Công). Liễu Hạ là tên thực ấp (đất phong) của ông ta, Huệ là thụy hiệu (tên đặt sau khi mất). Do vậy, khi nhắc tới ông người ta thường gọi là Liễu Hạ Huệ, hay Liễu

Xưa nay, mọi người đê xướng, chung thủy với vợ, nam giới chớ nên lẹo tẹo với nữ nhân nào khác. Nữ nhân chớ nên tăng tịu với nam nhân nào khác [ngoài chồng mình]. Có khi là suốt đời thanh tịnh, suốt đời chẳng lập gia đình. Rất nhiều người thời cổ là như vậy. Có người khi phê phán, đã cho rằng hạng người ấy là ngu si, chẳng có trí huệ. [Họ lập luận] “ăn uống và sắc dục là bản tánh. Thế mà người như thế ngay cả ăn uống lẫn sắc dục đều không hiểu; đây là ngu si”, [đâu có biết] chỉ có thánh nhân mới làm được như thế! Người như Liễu Hạ Huệ, [nữ nhân] ngồi trong lòng mà tâm vẫn chẳng loạn, “*Lỗ nam tử*”<sup>34</sup> là một nam nhân ở nước Lỗ như thế! Ông ta thân bất nhị sắc, suốt đời gìn giữ thanh tịnh. Đó là chuyện chẳng dễ dàng! Phải hiểu đạo lý này!

Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh. Khi lâm chung, “*bất kiến khả bố Diêm La Vương sứ, duy kiến khả ý thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức*” (chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm La, chỉ thấy người vừa ý, điều phục thành tựu thiện căn, đủ giới, giàu đức, chân thật phước điền làm thiện tri thức): Đoạn này giống như kinh văn trong phần trước. Như vậy thì sẽ “*y bi tu học ly dục tà hạnh*” (nương theo người ấy tu học lìa dục tà hạnh), câu kinh văn này khác biệt. Trong đoạn kinh văn trước đó thì là “*ly bất dữ thủ*” (lìa chẳng cho mà lấy), còn ở đây là ly dục, các điều khác đều giống nhau. Trong đoạn thứ nhất nơi phần trước là “*ly bất sát*” (lìa chẳng giết). “*Năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiệm thứ thú nhập thâm quảng trí hải*” (Có thể đoạn hết thấy các pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng): Dần dần có thể thành Phật, “*nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề*” (cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề). “*Sở cư Phật độ, vô chư nữ nhân*”, [nghĩa là]

---

Hạ Quý. Ông làm quan đại phu nước Lỗ, là người cương trực, đạo đức, rất được Mạnh Tử khen ngợi. Theo truyền tụng, ông ra ngoài thành, thấy có một cô gái bị lạnh sắp ngất xỉu, ông ôm trong lòng để giữ ấm cho cô ta khỏi chết rét, không nảy sanh dục niệm, không có hành động sàm sỡ nào.

<sup>34</sup> Lỗ nam tử là Nhan Thúc Tử người nước Lỗ thời Xuân Thu. Ông sống một mình. Một hôm, do có người nữ hàng xóm bị mưa gió làm sụp nhà, xin tá túc. Từ chối không được, ông bèn thấp đèn ngồi ngoài phòng khách suốt đêm để tránh ty hiêm. Người đương thời gọi ông là Lỗ nam tử.

quý vị sanh vào cõi Phật ấy, trì giới “*chẳng tà dâm*” trong Ngũ Giới thì quý vị sẽ sanh vào cõi Phật chẳng có nữ nhân.

“*Ly chư dâm dục, cụ túc đệ nhất phạm hạnh*” (Lìa các dâm dục, trọn đủ phạm hạnh bậc nhất): Phạm hạnh bậc nhất là thanh tịnh hạnh. Người sanh về cõi Phật ấy đều trọn đủ phạm hạnh thanh tịnh, đều lìa các dâm dục. Thế giới Cực Lạc là như vậy. Thế giới của Đông Phương Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, và thế giới của Bất Động Như Lai ở thượng phương cũng như vậy. Phạm là cõi Phật thanh tịnh đều là như thế. Vậy thì sẽ chẳng còn thọ sanh [trong thai bào], thọ sanh đều là hóa sanh. Cõi Phạm Thiên đều là hóa sanh, thế giới Cực Lạc là liên hoa hóa sanh. Như vậy, sẽ chẳng có tình huống “*ở trong thai mẹ, thai bào xú uế bất tịnh*”. Phật Như Lai trong thế giới ấy thọ mạng vô lượng. “*Vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp, bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích an lạc, vô lượng hữu tình*” (Vì các hữu tình thuyết pháp đúng như căn cơ. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình), ý nghĩa như đã nói trong phần trước đã xong. Đây là “*thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ tam viên ly dục tà hạnh luân*” (này thiện nam tử! Đó gọi là cái luân thứ ba “*xa lìa dục tà hạnh*” của Bồ Tát Ma Ha Tát). Đây là cái luân thứ ba.

**(Kinh) Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thứ luân cố, u Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, u Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. U chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. U Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển. Lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. U nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhẫn, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. U chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường u Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo, quảng thuyết như tiền.**

(經)菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉。利慧勝福，常得增長。於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，心無厭足。所得果報，廣說如前。

*(Kinh: Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu luân ấy, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La. Thường có thể hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, thậm chí đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén, phước thù thắng, thường được tăng trưởng. Trong hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhân, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức, tùy thuận hành theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thảy Phật và các vị Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ. Đạt được quả báo như đã nói rộng trong phần trên).*

Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, Kim Cang Tạng Bồ Tát hỏi đức Phật, làm như thế nào mới chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa? Làm như thế nào chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La? “*Ư Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất? Ư Độc*

*Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất? Ư kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất? Ư kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất?*” (Chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa? Chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La? Chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa? Chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La?), cũng thường khiến cho Tam Bảo hưng thịnh, chủng tánh Tam Bảo thường có thể tồn tại. Nếu có thể thành tựu cái luân “*xa lìa dục tà hạnh*”, có thể thành tựu cái luân “*chẳng giết chóc*”, có thể thành tựu cái luân “*xa lìa chẳng cho mà lấy*”, thì sẽ đều như nhau. Như thế thì đối với pháp tam thừa, đối với người thuộc tam thừa, sẽ có thể chẳng sai lầm. Khi đại Bồ Tát đang thuyết pháp, khi nương theo pháp để khơi gợi chúng sanh, đối với người thuộc Thanh Văn Thừa, sẽ nói cho họ pháp Thanh Văn thừa, sẽ chẳng làm lạc nói pháp Đại Thừa cho họ. Đối với người Đại Thừa, cũng chẳng nói pháp Thanh Văn. Đây là đối với tam thừa bèn thuyết pháp tương ứng căn cơ, đều chẳng sai lầm. Như thế thì chánh pháp sẽ tồn tại lâu dài.

Trên đây đã nói, sau khi mỗi vị Phật bát Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, có ý nghĩa như thế ấy. Đối với đệ tử xuất gia, “*nhược thị pháp khí, hoặc phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, vô hữu ngộ thất*” (dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, thậm chí đối với hết thầy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, chẳng phạm sai lầm): Không chỉ chẳng phạm sai lầm đối với người thuộc tam thừa. Chỉ cần kẻ ấy khoác một mảnh ca-sa [cũng chẳng phạm sai lầm đối với kẻ ấy]. Quý vị phải biết vì sao người ấy có thể khoác một mảnh ca-sa này, đó gọi là “*tri căn vô ngộ*” (biết tận cội rễ thì sẽ chẳng làm), tuyệt đối chẳng sai lầm! Như thế thì pháp Đại Thừa thường được thăng tấn; nếu không, sẽ bị thoái chuyển. “*Lợi huệ, thắng phước*” (Trí huệ nhạy bén, phước thù thắng) do vậy “*thường đắc tăng trưởng, u nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhẫn, chư Địa, tốc đắc tự tại vô hữu thoái chuyển, thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành*” (thường được tăng trưởng, đối với hết thầy các Định, các Đà-la-ni, các Nhẫn, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức, tùy thuận mà hành). Những điều này giống như trong phần trước. “*Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận cúng dường chúng Tăng*” (thường được chẳng lìa thấy hết thầy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận cúng dường chúng Tăng): Đối với Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo thường được thân cận.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát, năng tận hình thọ, ly hư cuống ngữ, nhất thiết chúng sanh thường cộng ái kính, sở xuất ngôn từ giai thành đế lượng, văn tất kính phụng, vô sở sai nghi. Do thử thiện căn, tốc đắc thành thực. Sở hữu tiền tế luân chuyên ngữ thú, một sanh tử hà, nhân hư cuống ngữ, tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư tín ngôn chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ, do thử viễn ly hư cuống ngữ luân, giai tất triển hoại, tội diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự, thân tâm an lạc, sở xuất ngôn từ, tha giai tín phụng. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết. Sở ái thể tử, quyến thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma Vương sứ, duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín. Kỳ mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc, tùy sở sanh xứ, sở ngôn thành đế, đoan chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc. Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, y bỉ tu học, ly hư cuống ngữ, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, nhất thiết chân thật, ly chư hư ngụy, diệu hương khiết vật chi sở trang nghiêm, vô siểm, vô cuống, tâm hạnh chánh trực, hy cầu thuần tịnh thiện pháp hữu tình lai sanh kỳ quốc, hương khiết diệu phục, bảo sức trang nghiêm. Như Lai tự thân thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ tứ viễn ly hư cuống ngữ luân.

(經)復次，善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽離虛誑語，一切眾生常共愛敬，所出言詞皆誠諦量，聞悉敬奉，無所猜疑。由此善根速得成熟。所有前際輪轉五趣沒生死河，因虛誑語，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸信言障，自作、教他、見聞隨喜，由此遠離虛誑語輪，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中

，諸人天等皆共親愛，無所猜慮，身心安樂，所出言詞他皆信奉。將命終時，身心不為憂苦逼切。所愛妻子眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剋魔王使，唯見可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足，隨所生處，所言誠諦，端正聰明，安隱快樂。復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學離虛誑語，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入深廣智海，乃至證得無上菩提。所居佛土，一切真實，離諸虛偽，妙香潔物之所莊嚴，無諂無誑，心行正真，希求純淨善法有情來生其國，香潔妙服，寶飾莊嚴。如來自身壽命無量，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情。善男子！是名菩薩摩訶薩，第四遠離虛誑語輪。

*(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng lia lời hư dối, hết thấy chúng sanh sẽ thường cùng yêu kính, lời lẽ nói ra đều trở thành chắc thật, đúng lý, người nghe đều kính trọng, vâng theo, chẳng ngờ vực. Do vậy, thiện căn có thể mau chín muồi. Tất cả các nghiệp chướng nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các chướng ngại khiến cho lời nói chẳng đáng tin do lời hư dối tạo ra khi luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử trong quá khứ, tự mình làm, dạy người khác làm, sẽ do cái luân “xa lia lời nói hư dối” này mà đều bị nghiền nát, phá tan chẳng còn thừa sót, chẳng nhận lãnh quả báo. Nơi thân hiện tại, các hàng trời, người đều cùng thân ái, chẳng ngờ vực, lo ngại gì. Thân tâm an lạc, lời lẽ nói ra, người khác đều tin tưởng, vâng theo. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, vợ con yêu mến, quyến thuộc vây quanh. Khi lâm chung, chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy người đáng mến, thành tựu điều phục thiện pháp, đủ giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, thân tâm vui vẻ, sanh lòng kính tin sâu xa. Đã mạng chung, lại sanh làm người, các căn viên mãn, chi thể đầy đủ, sanh ở bất cứ nơi đâu, lời nói chân thành, chắc thật, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng. Lại*



*gặp người vừa ý, thành tựu điều phục thiện pháp, trọn giới, giàu đức, phước đức chân thật làm thiện tri thức, nương theo người đó tu học, là lời hư dối, có thể đoạn hết thấy pháp ác, bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở, hết thấy chân thật, là các hư ngụy, trang nghiêm bằng các vật thơm sạch màu nhiệm. Các hữu tình không siểm nịnh, không dối gạt, tâm hạnh chánh trực, mong cầu thiện pháp thuần tịnh sanh về cõi ấy. Các thứ y phục màu nhiệm thơm sạch, các thứ trang sức báu trang hoàng. Bản thân của Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình thuyết pháp đúng với căn cơ. Sau khi Phật bát Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Nay thiện nam tử! Đó gọi là luân thứ tư “xa là lời hư dối” của Bồ Tát Ma Ha Tát).*

“Hư” (虛) là lời nói rỗng tuếch, giả dối, “cuống” (誑) là lời lẽ gạt người, đều phải xa lìa. “Nhất thiết chúng sanh thường cộng ái kính, sở hữu ngôn từ giai thành đế lượng” (Hết thấy chúng sanh thường cùng yêu kính, tất cả lời lẽ đều trở thành chắc thật, đúng lý). “Lượng” (量) có nghĩa là “như lý” (如理, đúng lý), Đế (諦) là lý, còn Lượng là “như lý”. Hết thấy lời nói đều là chân thật, sự chân thật ấy phù hợp pháp tánh. Những lời chúng ta nói đều chẳng chân thật, chẳng đúng lý, chẳng phải là sự thật, chứa đựng những yếu tố lừa gạt, dụ hoặc. Lời lẽ dối gạt bao gồm rất nhiều thứ. Đối với chúng ta, chỉ cần [lời nói] chẳng vì danh lợi, chẳng phải vì chính mình có lợi, [thì dầu không chân thật] cũng tạm chấp nhận được; nhưng đối với Bồ Tát thì không thể. Yêu cầu của Bồ Tát rất nghiêm ngặt: Bồ Tát chỉ được phép nói dối nếu vì hành Bồ Tát đạo!

Chẳng hạn như khi đức Phật còn tu nhân, có một con đĩ quyên bị thợ bẫy chim làm bị thương. Con đĩ quyên ấy bay đến bên đức Phật. Đức Phật liền giấu nó trong ngực. Gã thợ bẫy chim tới đó nhìn ngó, thấy có một người như vậy, bèn hỏi: “Tao vừa đánh bẫy được một con chim, mày có thấy hay không?” “Tôi không thấy”. Đó chẳng gọi là nói dối. Ngài giấu con đĩ quyên trong ngực áo, vẫn nói chẳng trông thấy. Điều này chẳng phạm giới, Ngài vì lợi ích chúng sanh, chính là phương tiện thiện xảo của Phật. Các pháp do đức Phật đã nói đều là phương tiện. Do vậy, trong kinh Kim Cang, đức Phật đã bảo ngài Tu Bồ Đề: “Tri ngã thuyết pháp, như phiệt dụ giả, pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp”

(Hãy biết pháp do ta đã nói ví như thuyền bè. Pháp còn nên xả, hướng hồ phi pháp). Đó là phương tiện, do là phương tiện thiện xảo độ chúng sanh, cho nên mới nói như thế. Thật ra, chẳng có hết thấy các pháp. Hết thấy các pháp đều chẳng thành lập, đó gọi là “*hư cuốn, vọng ngữ*”. Vì lợi ích chúng sanh, cho nên đối với giới sát, giới trộm, giới dâm, đều nói như thế. Chúng ta thờ tượng Đề Lam Quán Âm (提籃觀音, Quán Âm cầm giỏ), Đề Lam Quán Âm<sup>35</sup> chính là Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện thân nữ nhân, kết hôn với người khác. Ngài có phạm giới hay không? Phạm giới! Ngài vì lợi ích các chúng sanh ấy, nhưng hôm Ngài kết hôn bèn chết. Đã kết hôn, hoàn thành hôn lễ, tối hôm đó Ngài chết. Ngày dạy người đó niệm phẩm Phổ Môn, hoặc là niệm mấy phẩm. Về sau, còn dạy họ tụng thuộc lòng kinh Pháp Hoa. Chàng họ Mã ấy suốt ngày từ sáng đến tối học kinh Pháp Hoa, Ngài gả cho anh ta, nhưng đến tối đó bèn chết. Chàng họ Mã thấy vậy, [cảm ngộ] đòi người vô thường như thế đó, xinh đẹp như vậy để làm gì, dù gì đi nữa thì cũng phải chết, anh ta cũng xuất gia, tức là Bồ Tát đã độ anh ta! Đại Bồ Tát hành nghịch hạnh. Hành nghịch hạnh tức chẳng phải là thuận hạnh, trái nghịch giới luật nhà Phật. Tuy hành nghịch hạnh, nhưng thật sự là thuận, chân thuận! Ngài làm đúng như lý, hiểu đạo lý này là được rồi. Nếu không, hãy còn có rất nhiều mê hoặc. Các chúng sanh như vậy, người khác cung kính họ, họ bèn lia khỏi, chẳng lừa gạt, toàn nói lời chân thật. Như thế thì người

---

<sup>35</sup> Theo Quán Âm Linh Cảm Truyện, tại bãi Kim Sa thuộc vùng Thiểm Hữu, có một cô gái rất xinh đẹp, thường xách giỏ đi bán cá. Các chàng trai chưa vợ trong thôn đều muốn lấy cô làm vợ. Cô gái nói: “Nếu ai có thể thuộc lòng phẩm Phổ Môn, tôi sẽ gả cho người đó”. Hôm sau, có hai mươi người thuộc lòng phẩm Phổ Môn. Cô gái lại gieo hến: “Ai có thể trong một đêm thuộc lòng kinh Kim Cang, tôi sẽ gả cho người đó”. Hôm sau, vẫn có mười người thuộc. Cô gái lại nói: “Nếu ai có thể thuộc toàn bộ kinh Pháp Hoa trong vòng ba ngày, tôi sẽ gả cho người đó”. Khi đó, chỉ có chàng họ Mã thuộc. Lễ cưới liền tiến hành. Vừa rước dâu qua cửa, cô ngã lãn ra chết, xác chết rữa nát ngay, phải chôn liền. Mấy hôm sau, có một tăng sĩ dẫn chàng họ Mã đào quan tài lên để xem xét, chỉ thấy một miếng xương đòn bằng vàng trong quan tài. Tăng sĩ nói: “Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện hóa độ các người tin Phật”. Nói xong, vị Tăng nhân cũng bay lên hư không, biến mất. Từ đó, các vùng tại tỉnh Thiểm Tây đều tín phụng Quán Âm. Thân thị hiện này được gọi là Đề Lam Quán Âm, hay Ngự Lam Quán Âm. Trong Tây Du Ký, Ngô Thừa Ân đã bịa chuyện để xuyên tạc: “Cá chép trong ao sen của Quán Thế Âm Bồ Tát trốn xuống trần gian làm yêu quái, bắt cóc, toan ăn thịt Đường Tăng. Tôn Ngộ Không sang núi Phổ Đà mách, Quán Thế Âm Bồ Tát vội vàng chặt trúc tía, đan thành cái giỏ, xuống trần gian bắt yêu quái! Khi Ngài bay lên, mọi người họa hình thờ, gọi là Ngự Lam Quán Âm”.

khác đối với lời nói của người đó, chẳng có chỗ nào làm căn cứ để có thể ngờ vực, lo ngại, cho nên chẳng hoài nghi, có thiện căn ấy, đã chín muồi.

“*Chư tín ngôn chướng*”: Do kẻ khác chẳng tin, lời nói của người đó sẽ bị chướng ngại. Nếu một kẻ [ăn nói dối trá], khiến cho người khác chỉ trích, thì dầu kẻ đó nói cả trăm lượt, ta vẫn chẳng tin. Chuyện này rất khó khăn! Tức là quý vị thốt lời dối gạt quá nhiều, nói dối quá mức, ai còn tin nổi quý vị? Gạt người khác một lần, hai lần, ba lần, năm lần, mười lần, ba mươi lần thì còn có thể. Chứ quý vị nói một trăm lần, vì quý vị thốt lời dối trá, nói rồi chẳng làm, xài chi phiếu lung, vậy là xong đời rồi! Chẳng có cách nào kinh doanh được nữa!

Do vì thiện căn đã chín muồi, dầu trong quá khứ, khi luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử, đã trót thốt lời dối trá, sanh ra đủ thứ chướng ngại, [các chướng ngại ấy do thiện căn “lià lời dối trá”] sẽ đều tiêu mất. Cái luân “*xa lia hư dối*” sẽ đều nghiền nát, xa lia [các thứ chướng ấy], chẳng còn nói lời hư giả nữa. “*Tội diệt vô dư*” (Phá tan chẳng còn sót thừa), đối với [các nghiệp] đã tạo trước kia sẽ “*bất thọ quả báo. U hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng, giai cộng thân ái*” (chẳng nhận lãnh quả báo. Nơi thân hiện tại, các hàng trời người đều cùng thân ái): Mọi người đều thân ái quý vị; bởi lẽ, nếu quý vị rất thành thật, bất luận buôn bán với ai, họ đều mong qua lại với quý vị. Kể ra, chẳng có kẻ nào là thành thật, nhưng ai nấy đều mong kẻ khác thành thật. Có hiểu ý nghĩa này hay chẳng? Tôi nghĩ mỗi đạo hữu đều hiểu. Quý vị đã thấy nghe, luôn hy vọng kẻ khác đừng lừa gạt ta, ta có thể lường gạt người khác. Đó là tâm lý của mọi người. Nếu hy vọng “mọi người đều lừa gạt ta, ta trọn chẳng lừa gạt người khác. Ai lừa gạt ta, ta đều bằng lòng chịu bị gạt” thì là bậc đại Bồ Tát.

Hết thầy chúng sanh giết ta, ta đều có thể chịu đựng, ta bằng lòng cúng dường chúng sanh, nhưng ta chẳng nỡ hại một chúng sanh nào, kể cả loài kiến. Tôi ở Nữ Uớc, [chỗ ở] có gián và chuột, có một đệ tử hỏi: “Làm thế nào đối với gián và kiến?” Lại chẳng thể đập chúng, lại chẳng thể dùng nước sôi rưới nó, lại chẳng thể rải thuốc. Tin tưởng Phật, tôi nói: “Quý vị thuyết pháp cho nó”. “Nó có thể hiểu hay không?” Tôi nói: “Tôi thuyết pháp cho quý vị, cũng có những điều quý vị không hiểu! Tôi xem kinh, có những chỗ kinh nói tôi không hiểu, rất nhiều thứ chẳng hiểu! Quý vị chớ vì nó không hiểu mà chẳng nói. Quý vị hãy thử xem, sẽ thật sự linh”. Người đó nói: “Linh thiệt”. Nhà người ấy chẳng có [gián, kiến] nữa!

Chuyện kiêu này rất nhiều, hễ quý vị tin tưởng thì sẽ thành tựu. Chẳng tin, thứ gì cũng không linh. Hễ tin tưởng bèn linh. Kinh Địa Tạng Bồ Tát dạy: Niệm danh hiệu ta là được, nhưng quý vị vẫn chẳng niệm! Niệm ư? Tôi cảm thấy tôi chẳng thể ngày ngày niệm như thế được! Mỗi ngày niệm một vạn câu, chẳng làm được! Nhưng đạo hữu của tôi, có rất nhiều người làm được! “Vì sao tôi chẳng làm được? Chẳng có thời gian!” Đó toàn là viện cớ! Tín lực vẫn chưa đủ! “Tôi giảng kinh là đủ rồi!” Luôn đổ vấy cho nguyên nhân khác khiến cho mình chẳng thể làm! Nếu thật sự chẳng giải đãi, bất luận là chương ngại nào, tôi mỗi ngày niệm danh hiệu Ngài một vạn câu, Địa Tạng Vương Bồ Tát sẽ tiếp dẫn quý vị. Để niệm một vạn tiếng, quý vị vẫn phải mất ba năm. Có khi đã thất thì niệm một trăm vạn tiếng! Như thế thì mỗi ngày niệm một ngàn câu, phải niệm bao lâu mới được một trăm vạn câu? Mỗi ngày niệm một ngàn câu, một tháng là ba vạn câu, một năm mới hơn ba mươi vạn câu. Quý vị muốn niệm một trăm vạn câu, phải niệm ba năm. Khi quý vị tinh tấn, dũng mãnh, quý vị liền niệm một trăm vạn câu. Niệm xong, lại giải đãi ba năm, ba năm sau, lại niệm một trăm vạn câu nữa. Làm kiêu ấy cũng được, ta đặt kế hoạch như vậy. Hết một năm, ta đã thất, niệm một trăm vạn câu, hoặc nhiều hơn. Nói là “niệm một trăm vạn câu”, thật ra là niệm một trăm mười vạn câu, vì sao? Có lúc đầy vọng tưởng, niệm hơn mười vạn tiếng để bổ sung những câu niệm xen tạp vọng tưởng. Biết chẳng? Khi chúng ta niệm kinh, phải niệm nhiều hơn một chút, đầy vọng tưởng chẳng sao hết! Sau đây, quý vị bổ sung, chuyện này thật sự có thể bổ sung. Khi niệm, ta niệm một ngàn câu, quý vị phải niệm thêm một trăm câu nữa. Vì ở trong ấy, đã đầy vọng tưởng, hoặc là lần chuỗi đếm sai, cũng có khi đếm số chẳng chuẩn xác. Niệm nhiều chẳng ít, các chương ngại trên đây sẽ đều đoạn trừ.

Xa lìa hư dối, quý vị phải nên làm như thế nào để đối trị? Nói lời chân thật. Nói năng tuyệt đối phải suy nghĩ một phen rồi mới nói. Đừng mở miệng thốt lời luông tuồng, hãy suy xét một phen rồi mới nói. Người ta vừa hỏi liền đáp ngay, sẽ dễ sai lầm. [Người ta chê trách] “*cứ mở miệng là phun ào ào*” là vì ý nghĩa này. Diệt tan quả báo trong quá khứ, sẽ chẳng lãnh nhận quả báo nữa. “*U hiện thân trung, chư nhân thiên đấng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự. Thân tâm an lạc, sở xuất ngôn từ, tha giai kính phụng*” (Trong thân hiện tại, các hàng trời người đều cùng thân ái, chẳng ngờ vực, lo ngại. Thân tâm an lạc, lời lẽ nói ra, người khác đều kính trọng, vâng theo): Người khác đều tin lời quý vị nói, làm theo lời quý vị nói. Hoặc là ai nấy đều tuân hành lời nói của quý vị, đó

chính là sự tín nhiệm đối với quý vị. Người trong nước, ai nấy đều tin nhận vị Tổng Thống này toàn nói lời thành thật, họ sẽ tuyệt đối làm theo chánh sách do ông ta đã nói. Chánh sách do quốc gia định ra sẽ chẳng trở thành “ăn nói hai lời, toàn là lừa gạt!”

Giết chóc quá nặng, nước nhà sẽ tồn tại chẳng lâu, chẳng thể tồn tại một trăm năm. Nhà Nguyên tồn tại ngắn nhất, [vương triều của] Lý Tự Thành càng ngắn ngủi hơn, mười tám ngày! Tới ngày thứ mười tám, nhà Mãn Thanh vào trong quan ải, đuổi ông ta chạy dài. Ông ta toàn nói lời giả dối, giết người quá nhiều. [Người lừa lời dối trá], khi mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh. Khi lâm chung, chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma. Vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh, mọi người ở đó đều nói lời chân thật, đều tiễn ông ta đi, khiến cho ông ta thật sự chẳng lưu luyến. Điều này rất quan trọng. Khi sắp chết, đối trước cửa ải tình ái, nếu khóc sụt nước mắt, thần thức của người đó đã bị quý vị cầm giữ, rất khó siêu thoát!

Học tập lừa dối. Chắc là mọi người nói: “Lừa dối lừa dối mà còn phải học à?” Vì mọi người chẳng học giới kinh. Học giới kinh thì [sẽ biết] mỗi một giới đều phải học. Như thế nào là phạm phải tội nói hư vọng? Như thế nào là chẳng phạm tội nói hư vọng? Cái nhân của lời hư vọng, cái duyên của lời hư vọng, [hợp thành những điều kiện để xét đoán có phạm] giới hư vọng [hay không]. Còn nữa, lừa gạt để cầu danh lợi, lừa gạt người ta, người ta bị tổn thất, là đã thành phạm giới. Tùy tiện lừa gạt đứa bé [khi nó quấy khóc], đại khái là do chuyện ấy chẳng phạm thì không gọi là phạm giới ăn nói hư vọng. Bất quá, quý vị lừa trẻ nhỏ như vậy, sẽ có điều gì không tốt? Đứa bé học theo cha mẹ nó, lớn lên sẽ nói láo! Vì từ thuở bé đã học rồi, cha mẹ đều nói như vậy, dỗ suông trẻ nhỏ: “Con đừng có khóc, ta sẽ cho con bánh hoặc kẹo”. Chờ tới khi nó không khóc, muốn nhận lấy thì chẳng có. Đứa trẻ biết bị gạt, nó cũng sẽ lừa quý vị. Hiểu đạo lý này là được rồi! Quý vị ắt cần phải học, chẳng học sẽ vẫn không hiểu! Học tập xa lừa dối như thế nào, xa lừa dối thì hãy nói lời thật cho nhiều. “*Năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập thâm quảng trí hải*” (Có thể đoạn hết tất cả các pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết tất cả thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết tất cả pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết tất cả nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiên nhập biển trí sâu rộng), dần dần có thể thành Phật.

“*Nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ*” (Cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở): Trong cõi Phật ấy, “*nhất thiết chân thật*” (hết thảy chân thật), chẳng có cõi Phật nào không chân thật, nhưng cõi Phật này của Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng chân thật, vì sao? Vì đây là hóa thân [trong cõi đời] chẳng phải là tịnh, mà là đời ác ngũ trược. Đức Phật đã nói thế giới này chẳng chân thật, hư huyền. Thích Ca Mâu Ni Phật ở trong cõi Phật này để chuyên hóa độ những kẻ nói lời hư dối; do vậy, Ngài đến nơi đây. Địa Tạng Bồ Tát chuyên tới địa ngục, các cõi Phật khác chẳng có địa ngục. Thế giới Cực Lạc hoặc các thế giới khác chẳng có địa ngục, chẳng có tam đồ. Không chỉ là chẳng có tam đồ, mà cũng chẳng có lục đạo, chỉ có người hóa sanh. Những người đó đều là Bồ Tát. Dần dần tiến nhập biên trí sâu rộng, chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở toàn là chân thật, lià các dối trá, trang nghiêm bằng các vật thanh khiết, thơm tho nhiệm mầu. Hữu tình chúng sanh không siểm nịnh, không lường gạt, toàn là đốn chánh, tâm hạnh chánh trực, mong cầu thiện pháp thuần tịnh thì mới có thể sanh về quốc độ ấy.

Chúng ta toàn nói vọng ngữ, có thuần tịnh hay không? Quý vị làm việc thiện, có phải thật sự là làm việc thiện hay không? Chúng ta ngỡ chúng ta đang làm việc thiện, làm chuyện tốt, nhưng trong ấy, luôn xen tạp rất nhiều thứ chẳng thuần, chẳng thanh tịnh! Chẳng hạn như phóng sanh, mỗi người có cách nghĩ khác nhau, tuy chẳng thuần tịnh, vẫn có công đức. Phóng sanh có thuần tịnh hay không? Chẳng thuần tịnh. Vì sao? Trong tâm tưởng gì, chính mình biết ngay! Chúng ta làm hết thảy mọi chuyện đều xen tạp các điều kiện kèm theo! Chẳng hạn như cho người khác mượn tiền, phải có chứng cứ, hoặc ra ngân hàng vay tiền, phải dùng bất động sản để thế chấp, đều cần phải có thứ gì đó! Chúng ta đều luôn cần thứ gì đó bảo đảm, mong mỗi được hồi báo. Ta phóng sanh, thấy các súc sanh đó bơi trở lại, trong lòng rất cao hứng, giống như nó quay lại báo đáp, luôn có sự mong cầu ấy. Nếu nó chẳng quay lại hồi báo mà bỏ đi luôn, [sẽ lầm bầm]: “Thứ vô tình, vô nghĩa. Ta cứu nó, mà nó vẫn vô tình vô nghĩa!” Chuyện kiểu này rất nhiều. Chúng ta làm hết thảy mọi chuyện, trong tâm luôn xen tạp rất nhiều thứ. Niệm một bộ kinh, niệm kinh, niệm Phật, trong ấy có rất nhiều thứ xen tạp. Sau đó, phát nguyện cầu cái này, nguyện cầu cái kia. “Bồ Tát ơi! Ngài vì con gia trì cho ai đó”, giống như khi quý vị cầu thì Phật, Bồ Tát phải gia trì vậy! Đợi tới khi Phật, Bồ Tát gia trì xong, hết chuyện rồi, chẳng tìm Phật, Bồ Tát làm chi nữa! Như thế đó! Sau đây [có chuyện], lại ôm chân Phật. Đó

là cái tâm chúng sanh, đó là chẳng thuần tịnh. Nếu quý vị mong cầu thiện pháp thuần tịnh, hữu tình sanh về cõi ấy ắt cần phải tinh thuần. Muốn sanh về cõi Phật, phải suy tưởng tinh thuần, đừng nói lời giả, đừng nói dối!

*(Kinh) Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân cố, u Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, u Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. U chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. U Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển. Lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. U nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhân, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc tri ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. U chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường u Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo, quảng thuyết như tiền.*

(經)菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉。利慧勝福，常得增長。於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，心無厭足。所得果報，廣說如前。

*(Kinh: Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu luân ấy, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn*

*Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La, thường có thể hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, thậm chí đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường đắc thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén, phước thù thắng thường được tăng trưởng. Trong hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhẫn, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức, tùy thuận hành theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thảy Phật và các vị Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ. Đạt được quả báo như đã nói rộng trong phần trên).*

Thiện căn khoác một mảnh ca-sa khác với thiện căn trì thanh tịnh giới, mà cũng chẳng giống với kẻ phá giới, thiện căn của họ bất đồng. Quý vị chỉ khoác một mảnh ca-sa, do tâm gì mà khoác? Đấy đều là có nguyên nhân; hết thảy các pháp đều có nhân. Phạm giới cũng cần phải xét theo cái nhân, nhân gì? Duyên gì? Hễ có một nhân, sẽ thành phạm giới. Có một nhân khác, sẽ thành chẳng phạm.

***(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát, năng tận hình thọ, ly ly gián ngữ, nhất thiết chúng sanh thường cộng ái kính, sở phát ngôn từ giai linh hòa thuận, văn tất kính phụng, vô sở sai nghi. Do thử, thiện căn tốc đắc thành thực. Sở hữu tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà, nhân ly gián ngữ, tạo thân, ngữ, ý chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư hòa kính chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ, do thử “viên ly ly gián ngữ” luân, giai tất triển hoại, tồ diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự, thân tâm an lạc, sở phát ngôn từ, giai linh hòa thuận. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết, sở ái thể tử, quyến thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma Vương sứ, duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, thân***



*tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín. Kỳ mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc. Tùy sở sanh xứ, sở ngôn hòa thuận, đoan chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc.*

(經)復次，善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽離離間語，一切眾生常共愛敬，所發言詞皆令和順，聞悉敬奉，無所猜疑。由此善根速得成熟。所有前際輪轉五趣，沒生死河，因離間語，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸和敬障，自作、教他、見聞隨喜，由此「遠離離間語」輪，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等皆共親愛，無所猜慮，身心安樂，所發言詞皆令和順。將命終時，身心不為憂苦逼切，所愛妻子眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剝魔王使，唯見可意成調善法，具戒富德，真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足。隨所生處，所言和順，端正聰明，安隱快樂。

(*Kinh*: *Lại này, thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng, lìa lời ly gián, hết thấy chúng sanh thường cùng yêu kính, ngôn từ nói ra đều khiến cho mọi người hòa thuận, nghe rồi đều kính vâng, chẳng ngờ vực, lo ngại. Do vậy, thiện căn có thể mau chóng được thành thực. Trong tất cả các lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử trước, do ly gián ngữ mà tạo các nghiệp chướng ác nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các chướng ngại đối với sự hòa kính, tự làm, dạy người khác làm, thấy nghe tùy hỷ, do cái luân “lìa lời ly gián” này, [các chướng ấy] thấy đều bị nghiền nát, phá tan chẳng còn sót, chẳng nhận lãnh quả báo. Nơi thân hiện tại, các hàng trời, người đều cùng thân ái, chẳng ngờ vực, lo ngại, thân tâm an lạc, lời lẽ nói ra đều khiến mọi người hòa thuận. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh. Lúc lâm chung, chẳng thấy sự giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy người đẹp ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, thân tâm vui mừng, sanh lòng tin kính sâu xa. Đã mạng chung rồi, vẫn sanh trong loài người, các căn viên mãn, chi thể đầy đủ. Sanh ở*

*bất cứ nơi đâu, lời lẽ hòa thuận, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng).*

“*Ly gián ngữ*” là nói đôi chiều, châm ngòi ly gián. Mọi người bị ly gián sẽ thay đổi, cừ hận lẫn nhau, còn có thể kính yêu lẫn nhau nữa hay không? Nếu lia ly gián ngữ, chẳng khác động thị phi, khi mọi người tiếp xúc với nhau, sẽ tôn kính lẫn nhau, những ngôn từ thốt ra đều là hòa thuận, chẳng phải là bạo lực. Châm ngòi ly gián, sẽ chẳng hòa thuận. Đối trước Trương Tam, chúng ta kể tội Lý Tứ, đối trước Lý Tứ, kể tội Trương Tam, chuyện châm ngòi ly gián quá nhiều. Trong giới hòa thượng, giữa người xuất gia với nhau, thì gọi “*phá hòa hợp Tăng*”, còn trong những người bình phàm, ly gián ngữ được gọi là “*châm ngòi ly gián*”. Nhưng có kẻ [làm như vậy] để đạt được lợi ích cho chính mình, lại có kẻ khuấy đảo cho người khác đấu đá, nhưng bản thân kẻ đó chẳng được lợi ích gì, chỉ là kẻ đó rất vui thú, thích thấy người khác đấu đá, thích khuấy đảo cho người khác đấu đá. Loại quả báo này khi hứng chịu sẽ rất thảm, giữa người với người là như thế, giữa các nước với nhau cũng là như thế.

Ly gián ngữ, ác ngữ: “*Ác ngữ thương nhân lục nguyệt hàn*”, [ý nói] trời tháng Sáu cực nóng, quý vị nói lời quá mức kích thích người khác, người ấy mẫn cảm, dù trời rất nóng cũng chẳng thể toát mồ hôi nổi, rón cả da gà, đông cứng luôn! Nếu nói lời êm tai, dầu trời đang rét mướt, “*luong ngôn nhất cú tam đông noãn*”. Tức là trời đang lạnh buốt, tâm quý vị cảm thấy rất thoải mái. Hiểu đạo lý này là được rồi. Do vậy, chúng ta đừng nên nói lời ly gián.

Lại này, thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát cho đến hết thọ mạng, có thể lia ly gián ngữ, thì hết thấy chúng sanh sẽ thân ái với nhau, toàn nói những lời hòa thuận, mọi người đều kính vâng theo. Nghe những gì quý vị nói, đều là “người này tốt đẹp, người này trước nay chưa hề lá mặt lá trái”. Chớ nên trước người này nói thế này, trước kẻ kia nói thế khác. Trong một hội nghị, bất luận đảng Cộng Hòa hay đảng Dân Chủ... cho đến có thêm một đảng mới, động tác của họ là như thế nào? Khuấy chọc cho họ bất hòa để chúng ta ở giữa thủ lợi! Phiếu của ta nhiều hơn, phiếu của người nhất định giảm bớt. Ta nắm quyền, các người phải nghe theo ta, ta chẳng cần nghe theo bọn người! Mục đích là như thế đó, thấy rất rõ ràng! Chỉ là lia khỏi hội nghị từ ngoài nhìn vào [mới thấy], chứ trong hội nghị sẽ chẳng thấy! Đó là gì? Ly gián lẫn nhau, quấy rối lẫn nhau!

Hôm nay mới vừa mở hội nghị tại Quốc Hội, buổi họp đầu tiên đã đấu đá nhau. Thường ngày châm ngòi ly gián đã thành thực, khúc mắc ấy khó tháo gỡ, cuộc họp vừa mở ra bèn tranh chấp, vừa họp liền đấu đá nhau, làm sao có thể tốt đẹp cho nổi? Nói “tôi vì dân chúng, tôi cũng là vì nhân dân. Quý vị bầu cho tôi một phiếu, trong tương lai, tôi sẽ cho quý vị hưởng lợi ích như thế này, như thế nọ”. Mọi người bầu cho bọn họ xong, bọn họ tới Quốc Hội, quên bém phiếu bầu, quên sạch lợi ích của nhân dân, lo tranh chấp! Chúng tôi giảng kinh Đại Tập Thập Luân, muốn nói về Thập Thiện Luân và Thập Ác Luân. Ai nấy đều đoạn Thập Ác Luân, hành Thập Thiện Luân, thì không chỉ trên thế giới này, mà ngay cả A Tu La và chư thiên cũng chẳng đánh nhau. Chẳng cần phải đánh, không cần thiết, như thế sẽ tốt lắm! Hiện thời, có thể lia xa các chướng ngại ấy. Nếu không, sẽ chẳng xa lia được! Vì ly gián ngữ tạo ra các nghiệp chướng ác nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thầy pháp chướng, chướng ngại sự hòa kính, hoặc là tự làm, hoặc dạy người khác làm, thầy nghe tùy hỷ. Chúng ta thấy kẻ khác đánh nhau, đừng sanh tâm hoan hỷ. Trông thấy tranh đấu, bèn sanh tâm chán lia. Vì sao phải làm như vậy? Bất luận họ viện ra lý do nào, đều chẳng phải là lý do! Quý vị đã muốn đánh đấm, đánh rồi thì chẳng có lý do chi hết, còn có lý do chi nữa? Vẫn muốn tìm lý do, bản thân chuyện tìm lý do ấy đã sai lầm rồi! Đạo lý cần phải dựa vào đấu đá thì mới có thể giải quyết ư? Do vậy, người ta dùng hỏa tiễn tấn công quý vị là chánh đáng, lý do gì vậy? “Tao đánh mày, vì tao có thể mạnh”. Đó chẳng gọi là công lý, đó gọi là “*cường quyền*”.

Nói đến bình đẳng, ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật là bình đẳng nhất, Ngài đối xử với mọi người đều như nhau, [ai cũng] đều có thể thành Phật. Đức Phật nói, quý vị và tôi giống hệt như nhau, bản tánh của quý vị sẵn có, có cùng một Thể với tôi, mọi người đều như nhau, nhưng tôi đã trừ sạch nghiệp chướng, quý vị hãy còn có nghiệp chướng. [Trừ khử] nghiệp chướng là lia chướng ngại nơi ngôn ngữ. Nếu quý vị lia ly gián ngữ, nghiệp chướng sẽ diệt trừ. Đó là cái luân “*lia ly gián ngữ*” đã nghiền nát, phá hủy các chướng ấy. “*Tôi diệt vô dư, bất thọ quả báo*” (Đẹp tan chẳng còn sót, chẳng nhận lấy quả báo). Đức Phật giảng đoạn kinh văn này là nói theo phía phàm phu, từ phàm phu cho đến Thanh Văn, Bồ Tát, đạt đến thành Phật, đều bắt đầu từ làm người. Do vậy, mỗi đoạn kinh văn đều khởi đầu bằng chuyện làm người.

(Kinh) Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vì thiện tri thức, y bỉ tu học ly ly gián ngữ, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, nhất thiết kiên mật, nan khả phá hoại. Chư mỹ diệu vật chi sở trang nghiêm. Vô vi, vô cạnh, thiện hòa tránh tụng, hy cầu thuận chất, thiện pháp hữu tình, lai sanh kỳ quốc, thường tu hòa kính, thính văn chánh pháp. Như Lai tự thân thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình, như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ ngũ viên ly ly gián ngữ luân. Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân cố, ư Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, ư Thanh Văn Thừa Bồ Đắc Già La đắc vô ngộ thất, ư Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, ư Độc Giác Thừa Bồ Đắc Già La đắc vô ngộ thất, ư kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, ư kỳ Đại Thừa Bồ Đắc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. Ư chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. Ư Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển. Lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. Ư nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhẫn, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ư chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường ư Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo, quảng thuyết như tiền.

(經)復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學離離間語，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入深廣智海，乃至證得無上菩提。所居佛土，一切堅密，難可破壞。諸美妙物之所莊嚴。無違無競，善和諍訟，希求淳質善法有情來生其國，常修和敬，聽聞正法。如來自身壽命無量，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情。善男子！是名菩薩摩訶薩，第五「遠離

離間語」輪。菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉。利慧勝福，常得增長。於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，心無厭足。所得果報，廣說如前。

*(Kinh: Lại gặp bậc vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức. Nương theo người đó tu học, lià ly gián ngữ, có thể đoạn hết thấy ác pháp bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí rộng sâu, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở, hết thấy cứng chắc, chặt chẽ, khó thể phá hoại, được trang nghiêm bằng các vật đẹp đẽ màu nhiệm. Hữu tình chúng sanh không chống trái, không đua tranh, khéo hòa giải các tranh chấp và kiện cáo, mong cầu thiện pháp thuần chất, sẽ sanh về cõi ấy. Họ thường tu hòa kính, lắng nghe chánh pháp. Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình thuyết pháp đúng với căn cơ. Sau khi Phật bát Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Đây thiện nam tử! Đó gọi là cái luân thứ năm “xa lià lời ly gián” của Bồ Tát Ma Ha Tát. Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu luân này, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La. Thường có thể hưng thịnh chúng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, thậm chí đối với hết thấy kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được thắng*

*tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén và phước thù thắng thường được tăng trưởng. Trong hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhân, các Địa, nhanh chóng được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức để tùy thuận làm theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thảy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ, đạt được quả báo như trên đây đã rộng nói).*

Được làm người, thường xuyên gặp gỡ thiện tri thức, gặp họ để làm gì? Học lìa ly gián ngữ. Học tập sao cho đừng nói những lời châm ngòi ly gián. Châm ngòi ly gián gây hại khá lớn. Nếu quý vị đâm thọc người khác, thì cũng là đâm thọc chính mình! Quý vị thường xuyên khuấy động người khác, chẳng có ai nói lời tốt đẹp với quý vị. Đây chẳng phải là mắc quả báo ư? Nếu lìa khỏi ly gián ngữ, có thể đoạn hết thảy pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thảy các thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thảy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thảy hạnh nguyện của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, sẽ thành Phật. Cõi nước người ấy ở, “*nhất thiết kiên mật, nan khả phá hoại*” (hết thảy cứng chắc, chặt chẽ, khó thể phá hoại). Ly gián ngữ chẳng thể phá hoại được!

Cơ chế nội bộ của chúng ta chẳng kiện toàn, ly gián ngữ sẽ dễ nảy sanh tác dụng. Chính quý vị đã đấu đá, cho đến khi kẻ bên ngoài châm ngòi ly gián, sẽ càng đấu đá hung hăng hơn! Chính mình chẳng chịu thua kém, hằng ngày cứ cãi cọ là do chính mình chẳng chịu thua kém, đừng trách ai khác! Một điều ác cũng chẳng có, sẽ có thể thành tựu hết thảy các thiện pháp thù thắng, có thể thành tựu pháp nghĩa Đại Thừa, những điều ấy đều có thể thành tựu. Chúng ta trừ khử các nghiệp bất thiện, trừ khử nghiệp bất thiện, sẽ là thiện nghiệp, cho nên có thể thâm nhập biển trí, cho đến chứng Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật ta đang ở sẽ cứng chắc, chặt chẽ, “*nan khả phá hoại. Chư mỹ diệu vật chi sở trang nghiêm. Vô vi, vô cạnh, thiện hòa tránh tụng, hy cầu thuần chất*” (khó thể phá hoại. Trang nghiêm bằng các vật đẹp để màu nhiệm. Không chống trái, không tranh đua, khéo hòa giải các tranh chấp và thừa kiện, mong cầu thuần chất): “*Thuần chất*” có ý nghĩa giống như “*thuần tịnh*”.

Khi Bồ Tát Ma Ha Tát giáo hóa hết thảy chúng sanh, đối với pháp và đối với mọi người, đều chẳng phạm sai lầm. Pháp chẳng sai lầm, mà

đôi với người cũng chẳng sai lầm, chẳng nhận sai căn cơ, coi Tiểu Thừa thành Đại Thừa. Đối với kẻ chẳng chán ghét Ngũ Nghịch, chẳng tin Phật pháp, mà lại nói pháp Đại Thừa, thì người nói phạm sai lầm, phải thọ báo.

*(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát, năng tận hình thọ, ly thô ác ngữ, nhất thiết chúng sanh thường cộng ái kính. Sở phát ngữ ngôn giai linh hoan duyệt, văn tất kính phụng, vô sở sai nghi. Do thử, thiện căn tốc đắc thành thực. Sở hữu tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà, nhân thô ác ngữ, tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư điều thiện chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ, do thử viễn ly thô ác ngữ luân, giai tất triển hoại, tội diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự, thân tâm an lạc, sở xuất ngôn từ, giai linh hoan duyệt. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết. Sở ái thể tử, quyền thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma Vương sứ, duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín. Kỳ mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc. Tùy sở sanh xứ, sở ngôn nhu nhuyễn, đoan chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc.*

(經)復次，善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽離粗惡語，一切眾生常共愛敬。所發語言皆令歡悅，聞悉敬奉，無所猜疑。由此善根速得成熟。所有前際輪轉五趣沒生死河，因粗惡語，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸調善障，自作、教他、見聞隨喜，由此遠離粗惡語輪，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等皆共親愛，無所猜慮，身心安樂，所出言詞皆令歡悅。將命終時，身心不為憂苦逼切。所愛妻子眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剋魔王使，唯見可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足。隨所生處，所言柔軟，端正聰明，安隱快樂。

*(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng lia lời thô ác, hết thấy chúng sanh thường cùng yêu kính, lời lẽ nói ra đều khiến cho mọi người hoan hỷ, nghe rồi đều kính trọng, vâng theo, chẳng ngờ vực, lo ngại. Do vậy, thiện căn mau chóng chín muồi. Trong tất cả những lúc luân chuyển năm đường, chìm trong sông sanh tử thuở trước, do thô ác ngữ, tạo các nghiệp chướng ác nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các chướng ngại nơi điều phục thiện sự, tự làm, dạy người, thấy nghe vui theo, do cái luân “xa lia lời thô ác” này, [các nghiệp chướng ấy] thấy đều bị nghiền nát, phá tan, chẳng còn sót, chẳng thọ quả báo. Trong thân hiện đời, các hàng trời người đều cùng thân ái, chẳng có ngờ vực, lo ngại, thân tâm an lạc, lời lẽ nói ra đều khiến cho người khác vui mừng. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh. Khi lâm chung, chẳng thấy sự giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, trọn giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, thân tâm vui mừng, sanh lòng kính tin sâu xa. Đã mạng chung, lại sanh làm người, các căn viên mãn, chi thể trọn đủ. Sanh ở bất cứ nơi đâu, lời nói mềm mỏng, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng).*

“Thô ác ngữ” là nói lời ác, lời nói khó nghe! Chửi người khác thì lời lẽ thốt ra thường bản thiêu. Nếu là người Tứ Xuyên, hễ mở miệng ra bèn nói “cách lão tử”. “Cách lão tử” là gì? “Cách lão tử” (格老子)<sup>36</sup> là câu cửa miệng của họ, gặp ai cũng gọi người ta là “tiểu bối” (小輩, bọn nhỏ). Tôi có tranh luận với thầy tôi về chuyện này, thầy nói đó là tập khí của họ. Tôi nói: “Tập khí ư? Có sao họ đối với Phật chẳng dám gọi là “tiểu bối”, mà gọi là Thế Tôn. Họ thấy quốc vương, làm sao dám gọi là “tiểu bối”! Tập khí gì vậy? Tập khí có thể sửa đổi, câu cửa miệng của

---

<sup>36</sup> Theo người Tứ Xuyên chữ Cách này không có ý nghĩa gì, chỉ là một chữ cảm thán. Cái tật của họ là hay dùng chữ Cách như ta nói “nè, e hèm”. Về sau chữ Cách này được hiểu như từ ngữ chỉ ngôi thứ nhất, Cách Lão Tử là “ông nội mày đây”. Do vậy, đối với người ngoài Tứ Xuyên nghe xưng là Cách Lão Tử sẽ rất khó chịu, vì giống như nghe họ nói: “Ông nội mày”. Cái tật này nặng đến nỗi mở miệng ra là “cách lão tử” dù chẳng cần phải nói như vậy. Có chuyện kể rằng: Một người Sơn Đông sang Tứ Xuyên mua hàng, hỏi: “Giá cá đông tây đa thiếu tiền?” (Món đồ này bao nhiêu tiền?) Người bán hàng trả lời: “Cách lão tử, ngữ thập khối tiền” (Ông nội mày, năm mươi đồng). Người mua dùng dùng nỗi giận: “Tao mua đồ của mày, mày chẳng cảm ơn thì chớ, còn dám chửi ông nội tao hả?”



họ, thậm chí thấy ai cũng đều gọi là “*quy nhi tử*” (龜兒子, đồ con rùa). Tôi nói: “Họ thấy quan địa phương, thấy cảnh sát, đâu có dám gọi những người đó là đồ con rùa!” Phạm là đôi với hết thấy thói quen, [nếu quan niệm] có sửa hay không cũng chẳng sao, hỏng bét rồi! Hết thấy thói quen sanh hoạt, hoặc là lời lẽ thô ác, cứ để mặc như vậy, cho là chẳng có vấn đề gì! Khi kinh Phật dạy về giới, chẳng nói [cặn kẽ] như thế sẽ không được. Khi đó, những điều [giới kinh] nói ra, [hễ vi phạm] đều tính là phạm giới. Giới luật ắt phải nói như sự thật, nêu rõ sự thật. Trừ giới luật ra, đều chẳng thể nói lời thô ác.

Không nói lời thô ác, hãy nói lời mềm mỏng. Từ ngữ mềm mỏng, nói những lời đáng mến, khiến cho người khác thích nghe. Mềm mỏng là âm điệu rất nhu hòa, đừng ăn nói thô bạo, hoặc là lớn tiếng, gắt gỏng, mặt cũng đỏ bừng, mắt cũng trợn trừng trừng. Quý vị còn chưa nói gì, người ta trông thấy đã phiền não. Nếu quý vị thốt ra lời, đương nhiên càng tệ hơn thế. Chuyện kiêu này rất nhiều, đều là biểu hiện chẳng đoan chánh, chẳng thông minh. Khi người đang nổi giận, tương mạo hết sức khó coi!

*(Kinh) Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vì thiện tri thức, y bử tu học ly thô ác ngữ, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, viễn ly nhất thiết bất khả ý thanh, chủng chủng thượng diệu, như ý hòa nhã, chư ý lạc thanh, kết tập pháp thanh, sung mãn kỳ độ. Cụ túc niệm huệ, phạm âm thanh triệt, điều thiện hữu tình, lai sanh kỳ quốc. Thường dĩ nhuễn ngữ, cánh tương khuyến tấn. Như Lai tự thân thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình, như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ lục “viễn ly thô ác ngữ” luân. Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân cố, ư Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, ư Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, ư Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, ư Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, ư kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, ư kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. Ư chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ*

chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. Ư Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển. Lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. Ư nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhẫn, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ư chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường ư Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo, quảng thuyết như tiền.

(經)復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學離粗惡語，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入深廣智海，乃至證得無上菩提。所居佛土，遠離一切不可意聲，種種上妙、如意、和雅諸意樂聲、結集法聲，充滿其土。具足念慧，梵音清徹，調善有情來生其國。常以軟語，更相勸進。如來自身壽命無量，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情。善男子！是名菩薩摩訶薩，第六「遠離粗惡語」輪。菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉。利慧勝福，常得增長。於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，心無厭足。所得果報，廣說如前。

(Kinh: Lại gặp bậc vừa ý, thành tựu điều phục thiện pháp, đủ giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, nương theo người ấy tu học, lìa lời thô ác, có thể đoạn hết thảy các pháp ác, bất

thiện, có thể thành tựu hết thấy các thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy đang ở, xa lìa hết thấy tiếng chẳng đẹp ý, các thứ thượng diệu, như ý, hòa nhã, các thứ tiếng khiến đẹp lòng, tiếng kết tập pháp, đầy ấp cõi ấy. Các hữu tình chúng sanh trọn đủ niệm huệ, phạm âm trong treo, thấu triệt, điều hòa thuận thiện, sanh về cõi ấy. Thường dùng lời lẽ mềm mỏng để khuyên lơn, sách tấn lẫn nhau. Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình thuyết pháp đúng với căn cơ. Sau khi Phật bát Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Nay thiện nam tử! Đó gọi là luân thứ sáu “xa lìa lời thô ác” của Bồ Tát Ma Ha Tát. Do Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, sẽ chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La. Thường có thể hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, thậm chí đối với hết thấy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén và phước thù thắng thường được tăng trưởng. Trong hết thấy các Định, các Đà-la-ni, các Nhân, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển, thường được gặp gỡ các thiện tri thức tùy thuận hành theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thấy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ. Đạt được quả báo như trên đây đã rộng nói).

“Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vi thiện tri thức, y bỉ tu học” (Lại gặp người vừa ý, thành tựu điều phục thiện pháp, trọn giới, giàu đức, phước điền chân thật, nương theo người đó tu học): Phải học như thế nào thì mới có thể lìa lời thô ác? Chuyện này lại bất đồng, khác với những điều trước đó. Âm thanh “*chủng chủng thượng diệu*” (các thứ thượng diệu), sanh vào thế giới Cực Lạc, ngay cả tiếng chim kêu đều là đang thuyết pháp, há còn có lời thô ác? Đã chẳng có, cho nên hết thấy [các chúng sanh] tâm

tình điều phục, hiền lành, ăn nói mềm mỏng, âm thanh vi diệu, đều sanh về cõi Phật ấy.

“*Thường dĩ nhuễn ngữ cánh tương khuyến tấn*” (Thường dùng lời lẽ mềm mỏng để khuyến lơn, khích lệ lẫn nhau), phải tinh tấn tu hành. Điều gì được coi là có trí huệ? Điều gì có thể khiến cho chúng sanh đạt được lợi ích? Cho đến “*sắc bén, chẳng bị hết thấy chướng ngại tối tăm ngăn trở*”. Đó là trí huệ. Đây là huệ kiếm, huệ kiếm chém diệt ma! Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật chính là [trí huệ ấy]. Trí huệ ấy kiên cố như kim cương, sắc bén như kim cương, có thể trừ khử hết thấy các Hoặc. Đó gọi là “*lợi huệ*”. Có thể nói lợi huệ chính là kim cương trí huệ, cũng gọi là trí Bát Nhã. “*Thắng phước*” là gì? Chẳng chấp trước. Bồ Tát làm hết thấy các sự, độ hết thấy chúng sanh, chẳng có phước đức. Ngài Tu Bồ Đề ngạc nhiên, làm nhiều như vậy mà chẳng có phước đức ư? Bồ Tát tạo phước đức, nhưng chẳng chấp trước, đây là phước đức lớn nhất. Khi chúng ta làm hết thấy các chuyện tốt mà chẳng chấp trước, chuyện tốt ấy biến thành rất lớn. Lợi huệ và phước đức có thể lý giải theo nhiều cách, thường được tăng trưởng.

*(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát năng tận hình thọ ly tạp uế ngữ, nhất thiết chúng sanh thường cộng ái kính, sở phát ngôn từ giai hữu nghĩa lợi, văn tất kính phụng, vô sở sai nghi. Do thử thiện căn tốc đắc thành thực. Sở hữu tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà, nhân tạp uế ngữ, tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư nghĩa lợi chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ, do thử viễn ly tạp uế ngữ luân, giai tất triển hoại, tội diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự, thân tâm an lạc, sở phát ngôn từ, giai thành nghĩa lợi. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết, sở ái thể tử, quyến thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma Vương sứ, duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vì thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín. Kỳ mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc, tùy sở sanh xứ, ngôn tất nhiều ích, đoan chánh, thông minh, an ổn khoái lạc.*

(經)復次，善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽離雜穢語，一切眾生常共愛敬，所發言詞皆有義利，聞悉敬奉，

無所猜疑，由此善根速得成熟。所有前際輪轉五趣沒生死河，因雜穢語，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸義利障，自作、教他、見聞隨喜，由此遠離雜穢語輪，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等皆共親愛，無所猜慮，身心安樂，所發言詞皆成義利。將命終時，身心不為憂苦逼切，所愛妻子眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剋魔王使，唯見可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足，隨所生處，言必饒益，端正聰明，安隱快樂。

*(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng, lìa lời tạp uế, hết thấy chúng sanh sẽ thường cùng yêu kính, lời lẽ nói ra đều có nghĩa lợi, người nghe đều tôn kính, vâng theo, chẳng nghi ngờ, lo ngại. Do vậy, thiện căn mau được chín muồi. Trong tất cả các lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử thuở trước, đã do lời lẽ tạp uế mà tạo các nghiệp chướng ác nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các chướng ngại đối với nghĩa lợi. Do cái luân “xa lìa lời tạp uế” này, [các nghiệp chướng ấy] đều bị nghiền nát, phá tan, chẳng còn sót, chẳng nhận lấy quả báo. Nơi thân hiện tại, các hàng trời, người đều cùng thân ái, chẳng ngờ vực, lo ngại, thân tâm yên vui. Lời lẽ thốt ra đều trở thành nghĩa lợi. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách. Vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh. Khi lâm chung, chẳng thấy sự giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy người vừa ý, thành tựu điều phục thiện pháp, trọn giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, thân tâm vui sướng, sanh lòng kính tin sâu xa. Đã mạng chung, lại được sanh làm người, các căn viên mãn, chi thể trọn đủ, sanh vào bất cứ nơi đâu, cũng đều nói lời lợi ích, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng).*

Tạp uế ngữ là món cuối cùng trong ngữ nghiệp. [Chúng ta đã thảo luận về] hư cuồng ngữ, thô ác ngữ, ly gián ngữ, loại thứ tư trong ngữ nghiệp là tạp uế ngữ, cũng chính là ý ngữ. “Ý ngữ” (綺語) là thốt ra lời lẽ vô ích. “Uế” (穢) có nghĩa là “bất tịnh”; nói đúng ra, chính là cái kiểu

chuyện gẫu, tán nhảm thông thường của chúng ta! Có mấy người ngồi với nhau, tán gẫu sẽ là [tình hình] như thế này: Chuyện gì cũng nói được, đó chính là tạp uế! Do người nói lời tạp uế chẳng được chúng sanh cung kính, chúng sanh chẳng muốn cung kính, vì họ ăn nói chẳng có “nghĩa lợi” (義利, nghĩa lý, lợi ích), tức là như chúng ta nói “ngôn ngữ nhạt phèo, nhìn mặt chán ghét!” Nếu lia tạp uế ngữ, [lời nói] sẽ có ý nghĩa. Hết thấy chúng sanh đều muốn thân cận, cung kính, kính mến người ấy. Như thế thì lia khỏi lời tạp uế, lời người ấy nói có đạo lý, có lợi ích cho chúng sanh, người khác nghe thấy sẽ cung kính quý vị, sẽ chẳng ngờ vực, lo ngại. Nếu quý vị ăn nói mà người ta cứ phải “trừ hao” [những điều khoác lác, nhảm nhí, vô bổ] thì hãy ngẫm xem, lời nói của quý vị còn có ý nghĩa gì cơ chứ? Đây chính là “sai nghi” (猜疑, ngờ vực, lo ngại), chẳng thể hoàn toàn tin lời quý vị, sẽ nảy sanh nghi hoặc đối với lời nói của quý vị. Nếu lia khỏi tạp uế ngữ, sẽ khiến cho quý vị mau chóng được thành thực, thành thực gì vậy? Thành thực tịnh nghiệp. Trong quá khứ trước kia, đã luân chuyên trong năm đường, chìm đắm trong sông sanh tử, quả báo ấy có liên quan đến tạp uế ngữ, đồng thời tạo rất nhiều [nghiệp nơi] thân, ngữ, ý, “chư ý nghiệp cố” (do các ý nghiệp), có ý nghĩa ấy!

[Nếu quý vị] đọc phẩm Phạm Hạnh [của kinh Hoa Nghiêm] đều biết “ngữ” là ngữ nghiệp, cũng có hàm nghĩa như thế. “Ý” là ý nghiệp, “thân” là thân nghiệp. Thân và thân nghiệp khác nhau, vì lời nói chẳng có ý nghĩa khiến cho các nghiệp đã làm và tất cả tác dụng nơi thân, khẩu, ý của quý vị đều trở thành chướng ngại. Khi quý vị giáo hóa, độ chúng sanh, cùng học tập với chúng sanh, [các nghiệp đã tạo nơi thân, ngữ, ý] đều trở thành chướng ngại, cũng tức là người khác chẳng muốn quan tâm quý vị. Vì có chướng ngại ấy, hoặc là do chính mình thốt lời tạp uế, cho đến dạy kẻ khác nói lời tạp uế, hoặc là nghe kẻ khác thốt lời tạp uế, quý vị đều tán thán, tùy hỷ. Nơi trà đình, tửu quán, tiệm ăn, phòng khiêu vũ, ngôn ngữ thuộc loại này quá nhiều. Đối với chuyện này, quý vị chớ nên nảy sanh thái độ “thấy, nghe tùy hỷ”, phải xa lia! Nếu xa lia tạp uế ngữ, luân này sẽ thành tựu. Xa lia tạp uế ngữ nghiệp luân có mười luân. Đây là luân cuối cùng trong mười luân. Do cái luân nghiền nát tạp uế ngữ này, hết thấy ngữ nghiệp tạp uế trong quá khứ của quý vị sẽ bị phá nát chẳng còn sót thừa, chẳng chịu quả báo. Chẳng chịu quả báo thuộc về “tiền tế” (前際, quá khứ), còn “hiện tế” (現際, hiện tại) là “u hiện thân

*trung, chư thiên nhân đấng giai cộng thân cận”* (nơi thân hiện tại, các hàng thiên nhân đều cùng thân cận).

Nếu trời, người đều cùng thân cận quý vị, thì đối với cá nhân của quý vị, họ chẳng phải lo ngại, suy đoán, rà xét lời lẽ của quý vị, mà sẽ tin ưa chân thành, khẩn thiết, thân tâm của quý vị cũng an lạc. Tất cả ngôn từ “*giai thành nghĩa lợi*” (đều thành nghĩa lợi), chẳng phải là ngôn từ không có nghĩa lý và vô ích. Tất cả ngôn từ khiến cho hết thảy hữu tình chúng sanh đều có thể đạt được lợi ích. Nếu lúc quý vị sắp mạng chung, thân tâm đều chẳng bị ưu sầu, buồn bã, khổ não trói buộc, cũng chẳng bị khổ nạn vùi dập, bức bách. Sự khổ sở mang tánh chất bức bách khiến cho thân tâm của quý vị chẳng được an lạc. Thân tâm đạt được an lạc, sẽ chẳng có tánh chất bức bách. Mỗi cá nhân đều hy vọng khi chết, lục thân quyên thuộc của chính mình, vợ con yêu mến đều vây quanh bên mình. Những lời này thoạt nhìn rất đơn giản, rất nhiều người khi chết, chẳng có vợ con hiện diện, hoặc là chết vì tai nạn xe cộ, hoặc chết nơi đất khách quê người. Có thể “*thọ chung chánh tâm*”, khi chết, người thân yêu nhất ở bên cạnh, đây cũng là rất hạnh phúc, ra đi cũng rất thoải mái. Tuy cuối cùng vẫn biệt ly, vẫn là biệt ly rất tốt đẹp. Quý vị cũng chẳng trông thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma, Hắc Vô Thường, Bạch Vô Thường. Họ là câu hồn sứ giả, câu hồn quý vị đi. Quý vị cũng chẳng trông thấy.

Trong khi mạng chung mà trông thấy những kẻ ấy, sẽ sanh lòng hoảng sợ. Bất quá, quý vị trông thấy toàn là thiện tri thức vừa ý, điều thuận thiện pháp, toàn thấy các vị phước điền chân thật, đủ giới, giàu đức, khiến cho thân tâm của quý vị rất hoan hỷ, rất vui sướng. Đồng thời, đối với vị thiện tri thức ấy, sanh lòng kính tín sâu xa. Như thế thì khi quý vị ra đi, sẽ ra đi rất tốt đẹp. Nếu quý vị chẳng tu hành, chỉ do một hạnh lìa lời tạp uế này, do đã thành tựu nghiệp này, quý vị còn có thể sanh làm người, sẽ chẳng [phải lâm vào tình cảnh khốn khổ] như đã nói trong Thập Ác Nghiệp Luân thuộc phần trước, tức là hễ sanh làm người, các căn thiếu sót, tứ chi không đầy đủ! Mà sẽ là sanh trong loài người, các căn viên mãn, tứ chi trọn vẹn. “*Tùy sở sanh xứ, ngôn tất nhiều ích*” (Sanh ở bất cứ nơi đâu, lời nói ắt tạo lợi ích): Quý vị sanh ở bất cứ nơi đâu, hễ tới chỗ nào, nói năng đều có thể tạo lợi ích cho người khác. Ai nấy đều sanh tâm hoan hỷ, tướng mạo của quý vị là “*đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng*”.

***(Kinh) Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, y bỉ tu học ly tạp uế ngữ, năng***

đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập thâm quang trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, viễn ly nhất thiết vô nghĩa lợi thanh, chủng chủng thượng diệu Bồ Tát tạng nhiếp, đại pháp âm thanh châu biến quốc độ, thành tựu vô biên đại nguyện diệu trí, năng thiện biện thuyết chủng chủng pháp nghĩa, như thị hữu tình lai sanh kỳ quốc. Như Lai tự thân thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ thất viễn ly tạp uế ngữ luân. Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân cố, ư Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, ư Thanh Văn Thừa Bồ Đắc Già La đắc vô ngộ thất, ư Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, ư Độc Giác Thừa Bồ Đắc Già La đắc vô ngộ thất, ư kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, ư kỳ Đại Thừa Bồ Đắc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. Ư chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. Ư Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển. Lợi huệ, thắng phước thường đắc tăng trưởng. Ư nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhân, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ư chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường ư Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo, quảng thuyết như tiền.

(經)復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學離雜穢語，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入深廣智海，乃至證得無上菩提。所居佛土，遠離一切無義利聲，種種上妙菩薩藏攝大法音聲週徧國土，成就無邊大願妙智，能善辯說種種法義，如是有情來生其國。如來自身壽命無量，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情。善男子！是名菩薩摩訶薩，第七遠離雜穢語輪。菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失



，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉。利慧勝福，常得增長。於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，心無厭足。所得果報，廣說如前。

*(Kinh: Lại gặp người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, nương theo người đó tu học là lời tạp uế, có thể đoạn hết thấy pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở xa là hết thấy tiếng chẳng có nghĩa lợi, âm thanh to lớn thuộc về các loại Bồ Tát Tạng thượng diệu trọn khắp cõi nước, thành tựu vô biên đại nguyện diệu trí, có thể khéo biện luận, giảng giải các thứ pháp nghĩa. Hữu tình như thế sanh về nước ấy. Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình thuyết pháp đúng như căn cơ. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Nay thiện nam tử! Đó gọi là cái luân thứ bảy “xa là lời tạp uế” của Bồ Tát Ma Ha Tát. Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu luân này, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La, thường có thể hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, cho đến đối với hết thấy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén và phước thù thắng thường được tăng trưởng. Trong hết thấy các Định, các Đà-la-ni, các Nhân, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái*

*chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức để tùy thuận hành theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thấy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử. Chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Tát, tâm chẳng chán đủ. Đạt được quả báo như đã nói rộng trong phần trước).*

Đây là nói quý vị lại sanh trong nhân gian, cũng giống như khi lâm chung [đã nói] trong phần trước, cũng gặp gỡ hàng thiện tri thức vừa ý. Vị ấy đã điều phục ác pháp, chẳng có ác pháp, đều biến thành thiện pháp, trọn đủ giới thanh tịnh, phước đức dồi dào, có trí huệ. “*Phước điền chân thật*” chính là nói đến bậc phước điền xuất thế. Phước điền chân thật là nói phước điền lý tánh của chính mình, chẳng phải là phước điền hư vọng. Bậc thiện tri thức như thế đến làm bậc y chỉ cho quý vị, quý vị sẽ học tập điều gì từ họ? Học tập lìa tạp uế ngữ, tức là chẳng nói những lời không có ý nghĩa. Đây là đối chiếu giữa Thập Ác Nghiệp và Thập Thiện Nghiệp. Hãy khéo học tập Thập Thiện Nghiệp, Thập Ác Nghiệp liền biến thành Thập Thiện Nghiệp. Học tập Thập Thiện Nghiệp tốt đẹp, Thập Ác Nghiệp sẽ chẳng còn nữa, bị đoạn dứt.

Trong quá khứ, chúng ta cứ ngỡ Thập Thiện Nghiệp chỉ là phước báo nhân thiên. Nếu tiến thêm bước nữa, dùng Thập Thiện Nghiệp làm cơ sở để tiến lên, hết thấy các thiện pháp đều có thể tăng trưởng, hết thấy các ác pháp đều có thể tách rời. Quý vị có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, bao gồm Tứ Đế, mười hai duyên, Lục Độ. Khi ấy, nếu quý vị cầu pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu Bồ Tát nguyện, phát Bồ Tát nguyện, hành Bồ Tát hạnh, sẽ dần dần tiến nhập trí huệ Bát Nhã, thâm nhập biển trí sâu rộng, cho đến thành Phật, chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy thì trong cõi Phật quý vị đang ở, sẽ xa lìa hết thấy các âm thanh chẳng có nghĩa lợi, chẳng nghe thấy các ngôn ngữ không có nghĩa lợi. Như thế thì [các âm thanh được nghe] toàn thuộc về Bồ Tát Tạng thượng diệu, luôn được nghe các pháp nghĩa vi diệu, đều thuộc loại Đại Thừa Bồ Tát. “*Đại pháp âm thanh châu biến quốc độ*” (Âm thanh đại pháp trọn khắp cõi nước): Pháp âm như vậy trọn khắp cả nước, trọn khắp cõi Phật quý vị đang ở. Quốc độ ấy chẳng phải là một tiểu châu, mà là một thế giới Phật, [chẳng hạn như] thế giới Sa Bà của chúng ta, toàn thể pháp âm trọn khắp thế giới Sa Bà. “*Thành tựu vô biên đại nguyện diệu trí*” là chỉ nói Đại Thừa. Có đôi khi, đức Phật nói Đại Thừa mà hàm nhiếp Nhị Thừa. [Chánh kinh nói] “*hữu tình như thế sanh vào cõi ấy*”

để hình dung quốc độ ấy có hình dạng như thế nào? Cõi Phật ấy hết sức trang nghiêm, hoàn toàn thuộc về Đại Thừa. Thế giới Cực Lạc cũng thế, đến nơi đó là sẽ tiến thẳng đến thành Phật, nhưng trong ao hoa sen ấy cũng có Thanh Văn, cũng có Duyên Giác, đều là tiến nhập Đại Thừa, hoàn toàn chẳng phải là các Thanh Văn đoạn chủng tử Bồ Đề trong thế giới Sa Bà, mà là hàng Thanh Văn có chủng tử Bồ Đề.

Thọ mạng của đức Phật thì sao? Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, “*Như Lai*” chính là A Di Đà Phật trong thế giới Cực Lạc, thọ mạng vô lượng. Mỗi vị Phật trong vô lượng các tịnh Phật quốc độ đều có thọ mạng vô lượng. “*Vị chư hữu tình như ứng thuyết pháp*” [nghĩa là] họ thuộc căn cơ gì, bèn nói cho họ pháp [tương xứng] căn cơ ấy. Sau khi đức Phật trong cõi ấy nhập Niết Bàn, “*chánh pháp cứu trụ, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình*” (chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, yên vui vô lượng hữu tình). Chẳng có Tượng Pháp và Mạt Pháp, Chánh Pháp vĩnh viễn trụ trong thế gian.

“*Ư chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc*” (Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ): Vun bồi thiện căn, vĩnh viễn chẳng chán đủ, mãi cho đến khi thành Phật. “*Thường ư Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc*” (Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ): Trăm ngàn vạn ức nguyện, trăm ngàn vạn ức hạnh, vĩnh viễn chẳng chán đủ. Vì thế, Địa Tạng Vương Bồ Tát vẫn đang phát nguyện, Thập Địa Bồ Tát vẫn đang phát nguyện, các Ngài phát nguyện lợi ích chúng sanh. “*Sở đắc quả báo quảng như tiền thuyết*” (Đạt được quả báo rộng như đã nói trong phần trước): Những điều ấy đã nói tới lần thứ bảy rồi, tổng cộng sẽ nói mười lượt.

Thân nghiệp gồm giết, trộm, dâm, khẩu nghiệp bao gồm nói hư cuống (虛誑, giả dối, lừa gạt), tức là vọng ngữ. Những danh từ được phiên dịch trong kinh này có đôi chút biến hóa, “*hư cuống ngữ*” là vọng ngữ, “*ly gián ngữ*” là lưỡng thiệt. Ngài (pháp sư Huyền Trang) không dùng danh xưng lưỡng thiệt mà gọi là “*ly gián ngữ*”. Ngài gọi ác khẩu là “*thô ác ngữ*”, gọi ý ngữ là “*tạp uế ngữ*”. Tuy danh xưng bất đồng, nhưng ý nghĩa như nhau. Mọi người phải nên biết: Danh từ trong các kinh tuy bất đồng, nhưng ý nghĩa của chúng như nhau. Dưới đây còn có ba luân, [những câu chữ được sử dụng trong ba luân ấy] đều là trùng lặp.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát năng tận hình thọ, viễn ly tham dục, nhất thiết chúng sanh thường sở ái trọng, kỳ tâm thanh tịnh, ly chư nhiễm trước. Do thứ, thiện căn tố đắc thành thực. Sở hữu tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà, nhân tham dục cố, tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư vô tham chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ. Do thứ viễn ly tham dục luân cố, giai tất triển hoại, tồ diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự, thân tâm an lạc. Kỳ tâm thanh tịnh, ly chư nhiễm trước. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết, sở ái thê tử, quyền thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma vương sứ, duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vì thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín. Ký mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc, tùy sở sanh xứ, kỳ tâm thanh tịnh, ly chư nhiễm trước, đoạn chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc. Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vì thiện tri thức, y bỉ tu học ly tham dục pháp, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiệm thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, địa bình như chưởng, chúng bảo sung mãn, chủng chủng bảo thụ hàng liệt trang nghiêm, chủng chủng bảo y, bảo trang nghiêm cụ, bảo tràng, phan, cái, kim, ngân, châu, la võng đẳng thụ, xứ xứ giai hữu, thậm khả ái nhạo, viễn ly kiêu mạn, nhan mạo đoan nghiêm, chư căn vô khuyết, kỳ tâm bình đẳng. Như thị hữu tình lai sanh kỳ quốc, vô tham công đức, viên mãn trang nghiêm. Như Lai tự thân thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ bát viễn ly tham dục luân dã.

(經)復次，善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽遠離貪慾，一切眾生常所愛重，其心清淨，離諸染濁。由此善根速得成熟。所有前際輪轉五趣沒生死河，因貪慾故，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸無貪

障，自作、教他、見聞隨喜。由此遠離貪慾輪故，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等皆共親愛，無所猜慮，身心安樂。其心清淨，離諸染濁。將命終時，身心不為憂苦逼切，所愛妻子眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剋魔王使，唯見可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足，隨所生處，其心清淨，離諸染濁，端正聰明，安隱快樂。復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學離貪慾法，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入深廣智海，乃至證得無上菩提。所居佛土，地平如掌，眾寶充滿，種種寶樹行列莊嚴，種種寶衣、寶莊嚴具、寶幢幡蓋、金、銀、真珠、羅網等樹，處處皆有，甚可愛樂，遠離憍慢，顏貌端嚴，諸根無缺，其心平等。如是有情來生其國，無貪功德圓滿莊嚴。如來自身壽命無量，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情。善男子！是名菩薩摩訶薩，第八遠離貪慾輪也。

*(Kinh: Lại này thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng, xa lìa tham dục, hết thấy chúng sanh sẽ thường yêu mến, kính trọng. Tâm vị ấy thanh tịnh, lìa các nhiễm trược. Do vậy, thiện căn có thể mau chóng thành thực. Trong những lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử trước kia, vì tham dục đã tạo các nghiệp chướng ác nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các chướng ngại đối với vô tham, tự làm, dạy người khác làm, thấy nghe tùy hỷ. Do cái luân “xa lìa tham dục” này, [các nghiệp chướng ấy] đều bị nghiền nát, tan diệt chẳng còn sót, chẳng nhận lãnh quả báo. Trong thân hiện tại, các hàng trời người đều cùng thân ái, chẳng ngờ vực, lo ngại, thân tâm yên vui. Tâm vị ấy thanh tịnh, lìa các nhiễm trược. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách. Vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh. Khi lâm chung, chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy người vừa*

ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, thân tâm vui sướng, sanh lòng kính tin sâu xa. Đã mạng chung rồi, lại được làm người, các căn viên mãn, chi thể trọn đủ. Sanh ở bất cứ chỗ nào, tâm cũng thanh tịnh, lìa các đăm nhiễm, ô trược, đoạn chánh, thông minh, an ổn, vui sướng. Lại gặp người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, trọn giới, đủ đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, nương theo người ấy tu học pháp lìa tham dục, có thể đoạn hết thấy các pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở, đất bằng phẳng như lòng bàn tay, các thứ báu đầy ắp, các thứ cây báu bày hàng trang nghiêm, các thứ áo báu, vật trang hoàng báu, tràng, phan, lọng báu, các thứ cây được phủ lưới mảnh vàng, bạc, châu châu v.v... thật đáng yêu thích, nơi nơi đều có. Xa lìa kiêu mạn, vẻ mặt đoan nghiêm, các căn chẳng khuyết, tâm người ấy bình đẳng. Hữu tình như thế sanh vào nước ấy, công đức “chẳng tham” viên mãn trang nghiêm. Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình thuyết pháp đúng với căn cơ. Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài trong cõi đời, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Nay thiện nam tử! Đó gọi là luân thứ tám “xa lìa tham dục” của Bồ Tát Ma Ha Tát).

Lìa tham dục rất khó. Lìa tham dục đến mức lìa tham dục rốt ráo, chính là đoạn trừ vô minh. Tham dục chia ra rất nhiều tầng cấp. Khi nghiệp của chúng ta rất nặng, khi duyên niệm Tam Bảo, [làm như thế] là đúng, nhưng rốt cuộc, duyên niệm Tam Bảo cũng trở thành chướng ngại. Duyên niệm Tam Bảo vẫn là hữu pháp, nếu đạt đến cái Không rốt ráo (tất cánh Không), thiện pháp lẫn ác pháp đều chẳng có. Thiện pháp Tam Bảo, Tam Bảo là học Giới, Định, Huệ, vì cung kính Tam Bảo mà học Giới, Định, Huệ, trừ diệt tham, sân, si, đối trị tham dục. Tham, sân, si đã chẳng còn, quý vị cũng đừng chấp trước Giới, Định, Huệ. Nếu vẫn chấp trước, sẽ thành bệnh, thuộc loại bệnh chấp trước. Chẳng hạn như chúng ta lập một gian Phật đường, nếu chúng ta thỉnh một bức tượng Phật, cung kính tột bậc, vốn chỉ có một bức tượng vẽ trên giấy được thờ tại đó, vẫn [cung kính] y hết, cho đến cúng mấy vạn đồng, hoặc là mười vạn đồng đều biểu thị tôn kính. Trong ấy có thiện tham niệm. Có những lúc chúng ta cũng giống như vậy, tham niệm kiểu này rất nặng, phải khắc

phục tham niệm ấy; [nếu không], niệm Phật, lạy Phật, luôn mong số lượng cho nhiều, chẳng cầu nội tâm thanh tịnh.

“*Phật*” là Giác. Ý nghĩa của Giác là trừ bỏ. Luôn cho rằng ta niệm số lượng càng nhiều, thì sức gia trì của Phật sẽ càng lớn. Niệm thánh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát một vạn câu chẳng được, niệm mười vạn câu chẳng được, vậy thì niệm một trăm vạn câu, trong ấy có sự chiết khấu. Ta niệm mười vạn câu ấy, trong đó có rất nhiều vọng tưởng. Ta niệm một trăm vạn câu, trong ấy cũng có vọng tưởng. Như thế thì một trăm vạn câu niệm của ta đã chiết khấu thành mười vạn niệm thanh tịnh, mười vạn câu chiết khấu thành một vạn niệm thanh tịnh, một vạn câu chiết khấu thành một ngàn thanh tịnh niệm, một ngàn chiết khấu thành một trăm, đáng phải là như vậy! Nếu một trăm niệm thanh tịnh cũng chẳng có, mười tiếng thì cũng được, có được một câu niệm thanh tịnh thì sẽ là chẳng thể nghĩ bàn. Đó là ý nghĩa “*dùng nhiều hồng đạt được cái ít*”.

Mong cầu tham dục rất nhiều, [vận dụng] trí huệ Bát Nhã chân chánh sẽ triệt để đoạn dứt [cái tâm mong cầu ấy], rốt ráo thanh tịnh, nhưng hiện thời vẫn chưa được. Vì để đối trị sự tham dục này, khi quý vị lìa khỏi sự đắm nhiễm, ô trược, thiện căn đã chín muồi. Do vậy, trong quá khứ, khi luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử, đã vì tham dục làm duyên [mà tạo các nghiệp chướng]; đây là căn bản của sanh tử. Thập Luân được nói trong kinh Đại Tập Thập Luân đều là bình đẳng. Tạp uế ngữ chính là ý ngữ, giới luật chế định vốn rất nhẹ. Chẳng có chuyện gì, ngay cả khi chỉ đứng đó nói chuyện gẫu thì trong mỗi câu tán gẫu đã chứa đựng sự thị phi. Quý vị đến Phật đường, nhìn vào các đạo hữu luôn thấy cái này chẳng đúng, cái kia chẳng đúng, bàn luận người khác, đó chính là lưỡng thiệt. Hoặc là đối với ai cũng chẳng nghị luận, chỉ lượn qua lượn lại tại đó. Lượn qua lượn lại thì chẳng hợp Phật pháp, chẳng hợp nghĩa lý! Hễ chuyện gì chẳng liên quan đến Phật pháp thì đều gọi là tạp uế ngữ. Rất dễ phạm sai lầm này!

Trên thực tế, đối với chúng ta, cái khó đoạn nhất là tham dục. Vì quý vị lìa tham dục, thân tâm an lạc, cái tâm thanh tịnh, lìa các đắm nhiễm, ô trược. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh. Lúc lâm chung, quý vị cũng chẳng trông thấy tiểu quỷ sai của vua Diêm Ma, hoặc câu hồn sứ giả Hắc Bạch vô thường sẽ chẳng tới. “*Duy kiến khả ý*” (Chỉ thấy người vừa ý), [những người] khiến cho tâm ý vui thích đều có thể trông thấy, chẳng thấy những kẻ không ưa thích. “*Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vi thiện tri thức, y bỉ học*

*tập, ly tham dục pháp*” (Chỉ thấy người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, trọn giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, nương theo người ấy học tập pháp lìa tham dục): Đây là học tập pháp lìa tham dục từ thiện tri thức, và cũng có thể đoạn trừ hết thấy các pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng. Chỉ có kinh Đại Tập Thập Luân nói như thế, các kinh khác chẳng có ý nghĩa như vậy!

Tham dục là căn bản phiền não, còn nghiêm trọng hơn so với tạp uế ngữ và thô ác ngữ. Giết, trộm, dâm chỉ là trong đời hiện tại, tham đã bao gồm hết. Mười nghiệp đều lấy tham dục làm gốc. Quý vị ngẫm xem, tất cả đều nói lời tạp uế, nói đã quen miệng rồi, nói đã quen nét, sẽ trở thành tập khí. Do tập khí tham dục, cứ thuận miệng đứng ở đâu, đâu chẳng có chuyện gì cũng phải nói. Có những kẻ nói quá nhiều, chẳng có ai nghe họ nói, họ bèn ở trong nhà tự nói chuyện với mình. Có chuyện như thế đấy! Chúng ta gọi những kẻ đó là “*thuyết quỷ thoại*”. “*Thuyết quỷ thoại*” là như thế nào? Chẳng có ai nói chuyện với kẻ đó, kẻ đó bèn tự nói với mình. Nhất là mấy bà cụ đã cao tuổi, đặc biệt đông dài! Quý vị nghe họ chót chét suốt ngày! Đó là tập khí căn bản.

Kinh Đại Tập Thập Luân đối đãi bình đẳng với Thập Ác Nghiệp, văn tự đều giống hệt như nhau, các kinh khác chẳng vậy. Kinh này nói về Thập Ác Luân, tức Thập Ác Nghiệp Ác Luân. Thập Thiện Nghiệp Thiện Luân đã được hoàn toàn nêu bày danh tự trong phần trước, nói một lượt là được rồi! Vì sao kinh này đã nói lần này qua lần khác, nói từng lần một, cả mười lần đều như thế? Đây là vì sợ quý vị chẳng chú ý. Đó là lòng đại từ của đức Phật. Nếu giảng bài cho đệ tử trong Phật Học Viện, chẳng thể giảng như vậy. Trong mỗi khóa học tại Phật Học Viện, toàn là giảng về nghĩa lý, rất ít khi giảng kinh. Thời gian giảng nghĩa lý thì nhiều, thời gian giảng kinh ít. Giảng về luận, Nhiếp Đại Thừa Luận, Hiện Quán Trang Nghiêm Luận, Đại Thừa Khởi Tín Luận, Đại Trí Độ Luận, Du Già Sư Địa Luận. Giảng luận, chẳng giảng kinh, rất ít giảng kinh. Kinh nhằm dạy quý vị thực hiện, còn Luận để biện luận, nhằm khai trí huệ. Phật Học Viện là học sự hiểu biết, Thiên Đường chẳng phải vậy. Thiên Đường là quý vị ít nói, tham cứu là được rồi. Niệm Phật Đường thì quý vị cũng ít nói, chỉ niệm A Di Đà Phật là được rồi! Học Giới thì suốt ngày làm Yết Ma, bày giới tướng ra, hằng ngày học tập, quý vị làm thế nào để giữ giới thanh tịnh? Trong một từng lâm, hay trong một ngôi chùa lớn, trừ Học Giới Đường, Niệm Phật Đường, Thiên Đường, và Học



Đường ra, còn có Như Ý Liâu<sup>37</sup>. Khi quý vị sợ hãi, có thể tiến vào Như Ý Liâu.

Những điều được giảng trong kinh Thập Luân chuyên vì đại chúng trong hội Đại Tập mà giảng. Trong pháp hội ấy, từ Bồ Tát cho đến phàm phu đều có. Rất nhiều phàm phu phạm sai lầm này. Do vậy, đức Phật phải nhắc đi, nhắc lại, dặn tới, dặn lui. Thông thường, đức Phật căn dặn ba lượt là được rồi, còn kinh Đại Tập Thập Luân là mười lượt, dùng ngôn ngữ, lời lẽ giống hệt nhau, đều bình đẳng diễn nói để nhắc lại, là do ý nghĩa này! Có phải là hễ nói mười lượt thì sẽ ghi nhớ hay chăng? Tâm chẳng để vào đó thì một trăm lần vẫn là như vậy! Học pháp thì phải học từ trong tâm. Đây là soi gương. Quý vị hãy soi để biết trong Thập Luân, chính mình có mấy luân. Có người được toàn bộ, có người chỉ có hai ba luân. Như thế thì quý vị là thiện tri thức. Nếu biết nghiệp chướng của chính mình chẳng nặng, chính quý vị có thể đối chiếu đôi chút, toàn thể vẫn tự trong đoạn này đều tương đồng. Trong phần trước đã nói hai lần; từ đây trở đi, chẳng nói nữa!

Nói “*năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiệp thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ địa bình như chướng, chúng bảo sung mãn, chủng chủng bảo thụ, hàng liệt trang nghiêm, chủng chủng bảo y, bảo trang nghiêm cụ, bảo tràng, phan, cái, kim, ngân, chân châu đẳng thụ, xú xú giai hữu*” (có thể thành tựu hết thảy các thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thảy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thảy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí rộng sâu, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở, đất bằng phẳng như lòng bàn tay, các thứ báu đầy ắp, các thứ cây báu bày hàng trang nghiêm, các thứ y báu, vật trang nghiêm báu, tràng, phan, lọng, báu, các thứ cây báu phủ lưới mảnh bằng vàng, bạc, chân châu v.v... nơi đều có). Đây là thế giới Cực Lạc, các cõi Phật thanh tịnh đều là như thế.

“*Thậm khả ái nhạo*” (Hết sức đáng ưa thích), quý vị còn tham chi nữa! Vì quý vị ắt phải lìa tham dục, phá hủy tham dục luân, sau đó mới có thể đạt được quả báo này!

“*Viễn ly kiêu mạn, nhan mạo đoan nghiêm, chư căn vô khuyết, kỳ tâm bình đẳng. Như thị hữu tình, lai sanh kỳ quốc*” (Xa lìa kiêu căng, ngạo mạn, hình mạo đoan nghiêm, các căn chẳng khuyết, cái tâm bình

---

<sup>37</sup> Như Ý Liâu là nơi dành cho các vị tăng bị bệnh an dưỡng trong một ngôi tùng lâm.

đẳng. Hữu tình như thế sanh vào cõi ấy): Chúng sanh trong quốc độ ấy đều là như thế, chẳng kiêu căng, chẳng ngạo mạn. Tướng mạo của mỗi người chẳng sai biệt cho lắm, cũng không có ai xấu xí chẳng ra sao, mà đều là dung mạo đoan chánh. Xinh đẹp có mấy loại, người xinh đẹp mà có đức hạnh thì ai trông thấy cũng đều sanh tâm cung kính, chẳng có tâm khinh mạn, chẳng có tâm vũ nhục! Nói đến phụ nữ có đức thì trong quá khứ, chúng ta nói đến những cô tiểu thư khuê các, hễ có phước đức thì cũng rất đoan trang, mà cũng rất mỹ lệ! Nhưng đem so với một kỹ nữ xinh đẹp thì tuyệt đối chẳng thể nói là tương đồng được, chẳng ai nẩy sanh tâm khinh mạn đối với các cô!

Xưa kia, Địa Tạng Vương Bồ Tát làm một cô gái Bà-la-môn cũng thế, mà khi là cô Quang Mục cũng thế. Ai trông thấy các cô ấy, cũng đều sanh lòng cung kính. Ngay cả quỷ trông thấy cô ta đều nẩy sanh tâm cung kính. Đó là đức (đức hạnh). Như chúng ta thấy Quán Thế Âm Bồ Tát và thấy một vị mỹ nữ, tuyệt đối là hai tâm thái khác nhau! Chúng ta thấy Quán Thế Âm Bồ Tát, bất luận quý vị tin Phật hay không, sẽ đối với Ngài sanh tâm cung kính, chẳng có tâm giải đãi, ngạo mạn. Đừng nói Phật, Bồ Tát, ngay như thiên nhân, Ma Tổ (Thiên Hậu Nguyên Quân)<sup>38</sup> là một cô bé, tổ miếu tại Bồ Điền, tỉnh Phước Kiến. Các bức tượng của Ma Tổ trong huyện ấy, vẽ rất xinh đẹp, chẳng có ai dám sanh

---

<sup>38</sup> Ma Tổ là một vị thần bảo hộ cho những người sống bằng nghề biển hoặc dân cư ven biển, đặc biệt được sùng bái tại Hoa Nam, nhất là các tỉnh Phước Kiến, Quảng Đông, Hải Nam. Theo chân người Hoa, miếu thờ của bà xuất hiện khắp vùng Đông Nam Á, thậm chí tại Nhật Bản cũng có miếu thờ. Bà húy là Lâm Mặc, người huyện Bồ Điền, sanh năm Kiến Long nguyên niên (960) tại đảo My Châu, thông minh, lanh lợi, nhưng ít nói. Sau khi chết, bà hiển linh cứu giúp dân chài hoặc những người vượt biển. Nổi tiếng nhất là khi sứ đoàn của Lộ Doãn Dịch đi sứ Cao Ly, gặp nạn sóng thần, đoàn thuyền tám chiếc chìm hết bảy, riêng thuyền của ông Lộ được bà hiển linh cứu vớt. Do vậy, khi trở về ông Lộ đã xin triều đình sắc phong cho bà. Thoạt đầu bà chỉ được sắc phong là Sùng Phước Phu Nhân, rồi Linh Huệ phu nhân. Đến đời Nguyên, Hốt Tất Liệt sắc phong bà là Thiên Phi, đến đời Thanh, vua Khang Hy sắc phong bà là Thiên Hậu. Trải các đời, phong hiệu của bà đã trở thành Hộ Quốc Tỳ Dân Diệu Linh Chiêu Ứng Hoàng Nhân Phổ Tế Phước Hựu Quần Sanh Thành Cảm Hàm Phù Hiển Thần Tán Thuận Thùy Từ Đốc Hộ An Lan Lợi Vận Trạch Đàm Hải Vũ Diêm Ba Tuyên Huệ Đạo Lưu Diển Khánh Tĩnh Dương Tích Chỉ Ân Châu Đức Phổ Vệ Tào Thái Chấn Vũ Tuy Cương Thiên Hậu Chi Thần. Bà thường được gọi bằng danh xưng Thiên Hậu Nguyên Quân, hay Thiên Hậu Thánh Mẫu. Chữ Ma Tổ vốn là từ ngữ người huyện Hưng Hóa tỉnh Phước Kiến dùng để tôn xưng tổ tiên thuộc phái nữ.

tâm khinh mạn đối với Ngài. Còn có một câu chuyện tại miếu thờ Cửu Thiên Huyền Nữ Nương Nương, Ân Trụ Vương<sup>39</sup> đến dâng hương tại miếu đó. [Trông thấy] tượng Cửu Thiên Huyền Nữ<sup>40</sup> tạc khéo quá, vua sanh khởi tâm ô nhiễm, sanh khởi tâm tham dục. Vị thần ấy phẫn nộ, chứ Bồ Tát chẳng hề! Cửu Thiên Huyền Nữ liền sai hồ ly tinh chín đuôi [đến phá hoại nhà Ân], hồ ly tinh chín đuôi liền biến thành Đất Kỳ. Do một niệm [tham ái, Trụ Vương] đã chôn vùi giang sơn!

Người có đức, công đức viên mãn; cho nên lục căn toàn vẹn. “*Nhan mạo đoan nghiêm, chư căn vô khuyết, kỳ tâm bình đẳng*” (Dung mạo đoan nghiêm, các căn chẳng khuyết, cái tâm bình đẳng), ý nghĩa được bao hàm ở đây chính là “người ấy chẳng có tham dục”. Đó là công đức của người ấy, quốc độ nơi người ấy sanh vào đều [được trang nghiêm bởi] công đức chẳng tham dục, tức là “*viên mãn trang nghiêm*”. Công đức chẳng tham dục, bản thân “*chẳng tham dục*” đã là công đức. Bản thân “*chẳng nói lời tạp uế*” đã là công đức. Như Lai trong cõi Phật ấy thọ mạng vô lượng. Tất cả các đức Như Lai nơi các quốc độ được nói trong cả mười luân đều là thọ mạng vô lượng, [nói thọ mạng vô lượng] chẳng phải là [nói đến thọ mạng của] Báo Thân, mà là [thọ mạng của] Hóa Thân.

“*Vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cửu trụ*” (Vì các hữu tình, thuyết pháp đúng căn cơ. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài): Cũng chẳng có Tượng Pháp và Mạt Pháp. “*Lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ bát viên ly tham dục luân dã*” (Lợi ích, an lạc vô

---

<sup>39</sup> Trụ Vương chính là tên miệt thị của nhà Châu để gọi Đế Tân (?-1046 trước Công Nguyên), là con trai của Đế Ất. “Trụ” (紂) có nghĩa là miếng da che mông ngựa, dẫn khởi thành ý nghĩa “hung ác, tàn nhẫn”. Ông tên thật là Tử Thọ, là vị vua cuối cùng của nhà Thương. Ông được mô tả là người cao lớn, có sức mạnh, có thể chống lại cả trăm người. Sau khi lên ngôi, ông đóng đô tại Mạt Ấp (sau đó đổi tên thành Triều Ca). Do say mê mở rộng lãnh thổ, chinh chiến liên miên khiến quốc khố trống rỗng, lại đam mê tử sắc, bỏ bê triều chính, nên nhà Thương bị diệt vong. Do tổ tiên của Trụ Vương là Bàn Canh (Tử Tuần, cháu chín đời của vua Thành Thang) đã dời đô về Ân Khư (nay là huyện An Dương tỉnh Hà Nam), nhà Thương thường được gọi là nhà Ân.

<sup>40</sup> Cửu Thiên Huyền Nữ, còn gọi là Cửu Thiên Huyền Mẫu, là một vị nữ thần đã được người Hoa tôn sùng từ thời cổ. Bà thường được hình dung đầu người mình chim, đã truyền binh pháp cho Hoàng Đế đánh bại Si Vương. Đạo giáo coi bà là môn đệ của Tây Vương Mẫu, chế ra bùa Lục Nhâm Lục Giáp, chế ra pháp ấn Ché Yêu Thông Linh Ngũ Minh Ấn, cũng như là thần bảo hộ của những người làm hương.

lượng hữu tình. Nay thiên nam tử! Đó gọi là luân thứ tám “*xa lìa tham dục*” của Bồ Tát Ma Ha Tát).

*(Kinh) Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân cố, u Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, u Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. U chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. U Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển. Lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. U nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhân, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. U chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường u Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo quảng thuyết như tiền.*

(經)菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘法得無誤失，於其大乘法補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉。利慧勝福，常得增長。於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，心無厭足。所得果報，廣說如前。

*(Kinh: Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu luân này, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng*

phạm sai lầm đối với Đại Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La, thường có thể hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, cho đến đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén và phước thù thắng thường được tăng trưởng. Đối với hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhân, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức để tùy thuận làm theo. Thường được chẳng lìa thấy hết thảy các đức Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử. Chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ. Đạt được quả báo như đã nói rộng trong phần trước).

Ở đây chỉ nói tới ly tham dục luân; sau đó, hãy còn hai luân nữa!

**(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát, năng tận hình thọ, viễn ly sân khuể, nhất thiết chúng sanh thường sở ái trọng, kỳ tâm thanh tịnh, ly chư cấu uế. Do thử, thiện căn tốc đắc thành thực. Sở hữu tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà, nhân sân khuể cố, tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư vô minh chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ. Do thử viễn ly sân khuể luân cố, giai tất triển hoại, tồi diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng giai cộng thân ái, vô sở sai lự. Kỳ tâm thanh tịnh, ly chư cấu uế. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết, sở ái thê tử, quyến thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma vương sứ. Duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vi thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín. Kỳ mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc, tùy sở sanh xứ, kỳ tâm thanh tịnh, ly chư cấu uế, đoan chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc.**

(經)復次，善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽遠離瞋恚，一切眾生常所愛重，其心清淨離諸垢穢。由此善根速得成熟。所有前際輪轉五趣，沒生死河，因瞋恚故，造身

語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸無明障，自作、教他、見聞隨喜。由此遠離瞋恚輪故，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等皆共親愛，無所猜慮。其心清淨，離諸垢穢。將命終時，身心不為憂苦逼切，所愛妻子眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剋魔王使，唯見可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足，隨所生處，其心清淨，離諸垢穢，端正聰明，安隱快樂。

*(Kinh: Lại này thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng, xa lìa nóng giận, hết thấy chúng sanh sẽ thường yêu mến, kính trọng, tâm vị ấy thanh tịnh, lìa các cấu uế. Do vậy, thiện căn mau được thành thực. Trong những lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử thuở trước, do sân khuê, đã tạo các nghiệp chướng ác nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các vô minh chướng, tự làm, dạy người khác, thấy nghe tùy hỷ. Do cái luân “xa lìa sân khuê” này, [các nghiệp chướng ấy] đều bị nghiền nát, phá tan chẳng còn sót, chẳng nhận lãnh quả báo. Trong thân hiện tại, các hàng nhân thiên đều cùng thân ái, chẳng ngờ vực, lo ngại. Cái tâm thanh tịnh, lìa các cấu uế. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách, vợ con yêu mến, quyến thuộc vây quanh. Khi lâm chung, chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, trọn đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, thân tâm vui sướng, sanh lòng kính tín sâu xa. Đã mạng chung, lại sanh làm người, các căn viên mãn, chi thể trọn đủ, hễ sanh vào nơi đâu, cái tâm thanh tịnh, lìa các cấu uế, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng).*

Đoạn kinh văn này có thêm một câu, tức là phá tan “chư vô minh chướng”. Sân hận có lớn và nhỏ. Sân khuê thì có người nếu nổi nóng, cấu giận, sẽ có khá nhiều người bị mắc họa! Như quốc vương, đại thần, tướng quân, do một niệm sai lầm, sẽ tạo rất nhiều nghiệp. Như tướng Bạch Khởi đời Tần, khi nước Tần giao tranh với nước Triệu, đã ra lệnh đào hầm chôn sống bốn mươi vạn tù binh nước Triệu do hắn bắt được trong trận chiến Trường Bình! Bản thân hắn mắc quả báo húng chịu bắt

tận! Có một năm nọ, báo chí Thượng Hải đăng tin, có một con lợn nơi chỗ da dưới bụng nó có đề tên màu đỏ “*Bạch Khởi*”. Đây là Phật, Bồ Tát chỉ bày cảnh tỉnh chúng ta. Lại còn có một người họ Trình, chúng tôi không nói tên người ấy, ông ta làm chuyên viên, đã thụt két, nuốt gọn mấy vạn lạng bạc trắng, cũng bị biến thành lợn. Con lợn nái có thai lần ấy, đẻ ba con lợn con, dưới bụng đều có ghi tên, một là Bạch Khởi, hai là tên của gã họ Trình, còn con lợn kia cũng đề tên của một người đã từng sống tại vùng Thượng Hải. Đó là nghiệp báo, ở dưới bụng, có đề tên màu đỏ chót, đề rành rành là Bạch Khởi. Đó là gì? Đây là quả báo. Báo chí Thượng Hải bèn đăng tải để giáo dục mọi người.

Từ thuở đó cho đến hiện thời đã bao nhiêu năm, thời gian ấy vẫn còn rất ngắn, hấn vẫn phải thọ báo. Một cuộc chiến thành công, cả vạn bộ hài cốt khô. Không chỉ là một vạn bộ hài cốt, thuở ấy có đến bốn mươi vạn người. Từ xưa đến nay, bất luận ở nơi đâu cũng đều chẳng giết hàng binh, hễ đầu hàng thì thôi, buông vũ khí là xong! Hấn dùng thủ đoạn lừa gạt, đem họ chôn sống. Trên thực tế, nếu người ta thật sự liều mạng, cũng rất khó đánh! Sau khi đã lừa được họ buông vũ khí xuống, liền đào hầm chôn sống họ, đương nhiên là hấn có các thứ nghiệp! Tôi còn nhớ có một bài thơ: “*Ô nha thất kỳ mẫu*” (Quạ đen bị mất mẹ), khi con quạ đen chết, tức quạ già chết, quạ non mất mẹ. “*Kinh niên thủ cố lâm*” (Bao năm giữ rừng cũ), trong quá khứ đã ở trong rừng cây ấy. “*Dạ dạ bất ly khứ, duy báo niệm mẫu ân*” (Hàng đêm chẳng lìa khỏi, chỉ nghĩ báo ơn mẹ): Mỗi đêm nó đều kêu như thế, chẳng chịu bay đi. “*Tích hữu Ngô Khởi giả*” (Xưa có gã Ngô Khởi), có một gã tên là Ngô Khởi<sup>41</sup>, chẳng phải là Bạch Khởi. “*Mẫu táng, mộ bất lâm*” (Mẹ mất, chẳng

---

<sup>41</sup> Ngô Khởi (440-381 trước Công Nguyên) là một nhà quân sự cuối thời Xuân Thu Chiến Quốc. Ông này thông thạo quân sự, từng làm tướng cho ba nước Lỗ, Ngụy và Sở, giúp cho Ngụy Văn Hầu thành tựu bá nghiệp. Khi làm quan tại nước Sở, ông ta đã đề ra nhiều cải cách khiến giới quý tộc bất mãn. Vì thế, sau khi Sở Điệu Vương mất đi, họ đã tạo binh biến, giết chết Ngô Khởi. Binh pháp của ông nổi tiếng ngang với binh pháp của Tôn Vũ. Ông nổi tiếng tàn nhẫn, chỉ mong đạt mục đích, bất cần phương tiện. Khi còn trẻ, ông ta đã hao phí gia tài để cầu cạnh được làm quan, nhưng không thành công. Xóm làng có kẻ cười chê, cho nên khi ông ta thành công, đã giết ba mươi mấy người trong số ấy. Về sau, ông theo học với Tăng Thân là con của Tăng Sâm (cao đồ của Khổng Tử) để học đạo Nho, nghe tin mẹ chết tại nước Vệ, ông ta vẫn tiếp tục học, chẳng thèm về viếng tang. Tăng Thân chê là kẻ bất hiếu, đuổi đi, không dạy nữa. Khi sang nước Lỗ, để được Lỗ Mục Công trọng dụng làm tướng, nhưng do vợ ông ta là người nước Tề, cho nên vua cũng có lòng ngờ. Ngô Khởi liền giết vợ để đoạn sạch quan hệ với nước Tề.

viếng mộ): Mẹ hấn đã chết, ngay cả mộ địa cũng chẳng thềm đến viếng. “*Ta thán tư đồ bối, kỳ tâm bất như cầm*” (Than ôi! Hạng người đó, tâm chẳng bằng loài chim). So sánh giữa con người và cầm thú, có khi con người vẫn chẳng khác gì cầm thú! Khi tôi còn ở trong tù, có một bác sĩ, đưa con ruột của ông ta cưỡng hiếp mẹ nó, bị phán tù mười tám năm. Vào thời quá khứ, tôi ấy bị “*ngũ mã phân thi*” (năm ngựa xé xác), hoặc “*ngũ ngưu phân thi*” (năm con trâu xé xác). Đó là đại tội nghịch, chẳng bằng cầm thú! Ngựa tuyệt đối chẳng giao phối với ngựa mẹ, còn dê khi sắp bú sữa, nhất định sẽ quỳ xuống, quỳ để bú sữa. Đó là báo ân.

Hễ nói tới ác nghiệp, đều xen tạp phiền não. Phiền não là tâm tham, tâm sân hận. Phật giáo chúng ta chú trọng tâm sân hận nhất. Tất cả công đức do quý vị tích lũy, “*một niệm sân hận khởi, cháy rụi rừng công đức*”. Hễ nổi cơn lôi đình, quý vị cứ tưởng chỉ là nóng giận một trận rồi thôi ư? Đặc biệt phải đối trị tâm sân hận, nó có thể đem lại cho quý vị rất nhiều họa hoạn. Đối với tâm sân hận, quý vị cho rằng nổi nóng chẳng nhằm nhò gì! Gia đình thường vì một hai trận giận dữ mà vợ chồng bất hòa, hoặc là như trong hiện thời, do căm thù mà giết hại nhau, gia đình tan vỡ. Đối với tầm quan trọng của một niệm tâm sân hận, tôi phải nói nhấn mạnh đôi chút như vậy để mọi người tham khảo, những điều khác đều giống như kinh văn trong phần trước. Đây là nói về sân khuê luân. Quý vị thấy người ta nổi nóng, thấy người ta đánh nhau, rất nhiều kẻ bu lại xem náo nhiệt. Chớ nên xem sự náo nhiệt ấy! Nếu quý vị bu lại coi, không chừng bị ngộ thương, họ đánh lầm quý vị, chớ nên xem náo nhiệt!

***(Kinh) Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền vì thiện tri thức, y bỉ tu học, ly sân khuê pháp, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiệp thứ thú nhập thâm quảng trí hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, viễn ly nhất thiết trước uế phong vân, úc chung trần cấu, chư thô tộ vật, chúng bảo trang nghiêm, thậm khả ái nhạo, viễn ly kiêu mạn, nhan mạo đoan nghiêm, chư căn vô khuyết, tâm thường tịch định. Như thị hữu tình, lai sanh kỳ quốc. Từ bi công đức, viên mãn trang nghiêm. Như Lai tự thân thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình.***



*Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ cửu viễn ly sân khuể luân dã.*

(經)復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學離瞋恚法，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入深廣智海，乃至證得無上菩提。所居佛土，遠離一切濁穢風雲、郁蒸塵垢、諸粗弊物，眾寶莊嚴甚可愛樂，遠離憍慢，顏貌端嚴，諸根無缺，心常寂定。如有有情，來生其國。慈悲功德，圓滿莊嚴。如來自身壽命無量，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情。善男子！是名菩薩摩訶薩，第九遠離瞋恚輪也。

*(Kinh: Lại gặp người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, trọn giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức, nương theo người ấy tu học, lìa pháp sân khuể, có thể đoạn hết thấy các pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở xa lìa hết thấy dơ bẩn, gió mây, nung nấu các trần cấu, các vật thô tệ, được trang nghiêm bằng các món báu rất đáng ưa thích. Xa lìa kiêu căng, ngạo mạn, dung mạo đoan nghiêm, các căn chẳng khuyết, tâm thường tịch định, các hữu tình như thế sẽ sanh về cõi ấy. Từ bi công đức viên mãn trang nghiêm. Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình nói pháp thích ứng căn cơ. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình. Nay thiện nam tử! Đó gọi là luân thứ chín “xa lìa sân khuể” của Bồ Tát Ma Ha Tát).*

“Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức” (Lại gặp người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, trọn giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức): Nương theo vị thiện tri thức ấy, “tu học ly sân khuể pháp”. Nếu muốn lìa pháp sân khuể, phải làm như thế nào? Phải nhẫn nhục. Dựa trên sự rèn luyện hằng ngày của quý vị, khi sắp nổi nóng, quý vị hãy vào Phật đường. Hoặc nhằm lúc không có Phật đường, chính quý vị phải tĩnh tọa, đã tĩnh tọa rồi, niệm Phật cũng được, mà niệm kinh cũng được. Hề

niệm thì cái tâm của quý vị sẽ thanh lương, lửa giận sẽ dịu xuống! Khi đang nóng giận, ngàn vạn lần đừng xử trí công việc. Khi trong tâm quý vị chẳng thoải mái, cũng đừng nên đáp ứng chuyện gì, quý vị nhất định phải khắc phục. Quý vị rèn luyện dần dần như thế, đấy cũng là cách tu hành.

Đã nhẫn lại nhẫn nữa, Trương Công bách nhẫn<sup>42</sup>, viết một chữ Nhẫn mà chưa nhẫn được, bèn viết một chữ nữa, vẫn chẳng nhẫn được, lại viết một chữ nữa. Ất cần phải nhẫn! Nhẫn rất khó! [Nhẫn (忍) là] trên chữ Tâm (心) cắm một thanh đao bén (刃, đao bén), đau đớn lắm! Nhẫn có sức mạnh lớn như vậy! Đặc biệt là khi sanh khởi phiền não, quý vị sẽ tạo nghiệp. Không phải chỉ là thân quý vị tạo nghiệp! Trong tâm khởi lên [sân khuê], sẽ phát ra đặng miệng, chửi rủa người khác. Chửi hết mức bèn đánh, đánh đã rồi vung đao, hoặc nổ súng, đèo thêm cái nợ mạng, sẽ bị nhốt vào tù. Lúc đó, quý vị hối hận chẳng kịp, lại còn phải đền mạng. Nhất định phải nhẫn, mỗi luân đều là như vậy. Bất quá đối với sân luân này, đặc biệt nói nhiều một chút. Quý vị mong lìa khỏi nó rất khó. Người quen thói nổi nóng sẽ rất khó lìa khỏi!

Còn nữa, hễ nổi giận, trong lòng bực bội, trong gia đình, đặc biệt dễ nảy sanh [chuyện này nhất]: Quý vị bực mình với đứa con nào, hằng ngày chửi mắng nó. Nó làm gì, quý vị cũng lập tức xài xể, quở trách nó. Cứ như thế, dẫu là cha mẹ ruột, đâm ra đứa con cũng coi như oán thù! Hoặc là nó trưởng thành, sẽ lìa khỏi quý vị, hoặc là nó còn muốn báo thù. Tôi đã gặp rất nhiều trường hợp báo thù rồi! Chẳng cần nói quá nhiều, khi người khác sai lầm, đừng nóng giận, phải tha thứ cho người khác. Quý vị thường xuyên nghĩ như vậy, một hai lần không được, cứ cố gắng nhiều lần, dần dần sẽ được. Vì người khác chẳng phải là quý vị, dẫu [kẻ đó] do chính mình sanh ra, vẫn chẳng phải là có cùng một cái tâm với quý vị. Cách nghĩ của quý vị và cách nghĩ của họ phải khác nhau, nhất định phải nhẫn điều này. Học tập lìa pháp sân khuê như thế, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biển trí sâu rộng, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề.

Cõi Phật người ấy ở, “*viễn ly nhất thiết trước uế, phong vân, úc chung trần cấu, chư thô tệ vật, chúng bảo trang nghiêm, thậm khả ái nhạo*” (xa lìa hết thấy dơ bẩn, gió, mây, nung nấu trần cấu, các vật thô

---

<sup>42</sup> Đồi Đường, tại Vân Châu có ông Trương Công Nghệ, gia tộc chín đời cùng chung sống, hòa thuận, không hề có chuyện tranh chấp gì. Đường Cao Tông rất lạ lùng, triệu ông vào cung hỏi bí quyết. Ông bèn lấy một trang giấy viết một trăm chữ Nhẫn.

tệ, [lại được] các báu trang nghiêm rất đáng ưa thích). Đây là vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái, [môi trường hiện thời] dơ bẩn, đục ngầu, đặc biệt là nước bị ô nhiễm. Gió thổi qua, [các thứ bẩn thỉu] bị bốc lên không trung, ở trên không trung biến thành mây đen. Phàm là những thứ có màu đen là đã xen tạp vật bất tịnh. “*Chung*” (蒸) là khi mặt trời mọc, sẽ nung nóng, chúng liền bị bốc hơi. Đã bốc hơi xong, lại rơi xuống đất, hóa thành các vật thô tệ. Các vật thô tệ ấy nếu rơi xuống nước, hoặc các thực phẩm, cũng sẽ khiến cho chúng bị nhiễm độc. Khí oán kết dữ dội hơn bất cứ thứ độc hại nào, tức là như chúng tôi vừa mới nói “*phẫn nộ, oán độc*”. Oán độc thì ai gặp cũng sợ. Nếu quốc độ này, tàn sát nhân dân trên quy mô lớn, giống như đại chiến trường, chết một loạt mấy vạn người, mấy chục vạn người, loại oán khí ấy xông lên không trung, ngưng kết thành một loại oán khí mà hễ ai đi qua nơi đó, nếu chẳng né tránh, chạm phải, thần tiên cũng chẳng có cách nào cứu được!

Oán độc của chúng sanh hết sức dữ dội. Rất nhiều bộ kinh Phật nghiên cứu thứ này, đã nói oán độc nặng nề hơn bất cứ thứ gì khác. Vì thế, người ấy [do xa lìa sân khuê] đã chuyển hóa các vật thô tệ do các trần cấu nung nấu mà thành, chuyển biến các thứ đó thành “*chúng bảo trang nghiêm, thậm khả ái nạo*” (các báu trang nghiêm, rất đáng yêu mến). “*Viễn ly kiêu mạn, nhan mạo trang nghiêm, chư căn vô khuyết, tâm thường tịch định*” (Xa lìa kiêu căng, ngạo mạn, diện mạo trang nghiêm, các căn chẳng khuyết, tâm thường tịch định). Thêm vào “*tịch định*”, tức là trong tâm luôn an tĩnh, luôn lặng lẽ, an định, chẳng tán loạn, chẳng phiền não thì mới định được. Vì sao trong tâm chúng ta bứt rứt? Tuy chẳng nổi nóng, cội rễ trong ấy là do phiền não muốn bùng phát, mà chẳng phát ra được. Hoặc là do khắc chế, khiến cho nó chẳng bùng ra, trong tâm sẽ bứt rứt, chẳng thoải mái! Do vậy, cái tâm phải thường tịch định, đừng buồn bực, đừng bứt rứt. Quốc độ của người ấy (người đã xa lìa sân khuê) là như thế! Phàm những ai tâm thường tịch định, xa lìa kiêu mạn, sẽ sanh về cõi ấy, đều là “*từ bi công đức, viên mãn trang nghiêm*”. Trái nghịch với sân hận là từ bi. Do đó, đối với hết thảy chúng sanh, đều phải từ bi. Người tu Từ Bi Quán sẽ chẳng tức giận, mà cũng chẳng nổi cáu!

Còn có một loại nữa là Bồ Tát thị hiện: “Tánh tình nguoi quá nóng, ta còn nóng tánh hơn nguoi nữa! Nguoi còn lộn xộn nữa, ta giết nguoi luôn!” Quán Thế Âm Bồ Tát tại đất Hán rất từ bi; ở Tây Tạng Ngài chẳng phải là như vậy. Ngài thị hiện giống như ma vương, Mã Đầu

Kim Cang (Hayagriva)<sup>43</sup>, hoặc Đại Minh Kim Cang, hiện rất nhiều tướng Kim Cang. Tướng Kim Cang rất dữ tợn. Đây là từ bi thật sự, hàng phục phiền não của họ. Muốn hàng phục phiền não của họ, chúng ta làm không được! Chỉ có thể nhẫn nại đôi chút, chúng ta vẫn chưa có công lực ấy!

*(Kinh) Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân cổ, u Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thất, u Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thất, u Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thất, u kỳ Đại Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. U chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất. U Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển. Lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. U nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhân, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển. Thường đắc trị ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. U chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường u Bồ Đề, chủng chủng hạnh nguyện, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo, quảng thuyết như tiền.*

---

<sup>43</sup> Mã Đầu Kim Cang, còn gọi là Mã Đầu Quán Âm là thân phần nộ của Quán Thế Âm Bồ Tát, là một tôn vị trong Quán Âm Viện của Thai Tạng Giới Mạn Đà La, thuộc Lục Quán Âm (Thánh Quán Âm, Thiên Thủ Quán Âm, Mã Đầu Quán Âm, Thập Nhất Diện Quán Âm, Chuẩn Đề Quán Âm, và Như Ý Luân Quán Âm) đặc biệt được tôn sùng trong Mật Tông. Đây chính là Sư Tử Vô Úy Quán Âm trong Lục Quán Âm của tông Thiên Thai, là thân thị hiện cứu vớt chúng sanh trong súc sanh đạo. Ngài cũng là Minh Vương Bộ Chủ thuộc Liên Hoa Bộ trong Kim Cang Giới Mạn Đà La, cũng như được coi là Phần Nộ Thân của Vô Lượng Thọ Phật. Tượng Ngài có hai tay, bốn tay, cho đến sáu tay, thường có ba mặt, cổ đeo râu chuỗi bằng đầu lâu, lưng quán khố da hổ, mặt chính giữa có ba mắt. Sắc mặt giận dữ, nhe răng. Cổ tay, cổ chân, cổ và eo đều có rắn quấn, tay cầm các pháp khí như chén bằng sọ người (kappala), dây thừng, rắn, gậy đầu lâu. Trên đỉnh đầu có một hoặc ba đầu ngựa nhô ra. Tượng theo truyền thống Tây Tạng còn vẽ hoặc tạc Ngài có hai cánh xanh biếc, đầu đội mào có gắn đầu lâu (biểu thị từ trong phiền não mà chúng nhập Ngũ Trí Như Lai). Theo Mật Tông, Ngài có các công đức hàng phục quỷ mị, tà thần, tiêu trừ vô minh, trừ diệt ôn dịch, hạn hán, bệnh khổ, trừ diệt các tà chú ác độc...

(經)菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉。利慧勝福，常得增長。於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，心無厭足。所得果報，廣說如前。

*(Kinh: Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu luân này, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La. Thường có thể hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, cho đến đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được tăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén và phước thù thắng thường được tăng trưởng. Trong hết thảy các Định, các Đà-la-ni, các Nhẫn, các Địa, đều mau chóng tựu tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức, tùy thuận hành theo. Thường được chẳng lìa thấy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử. Chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Đề, tâm chẳng chán đủ. Đạt được quả báo như đã nói rộng trong phần trước).*

Người học pháp tam thừa, hoặc học pháp Nhị Thừa, nếu đối với pháp và người đều chẳng “ngộ thất”, tức là chẳng sai lầm. “Nhu ưng thuyết pháp, thường năng xả nhiên Tam Bảo chủng tánh” (Tùy theo căn cơ thích đáng mà thuyết pháp, thường có thể hưng thịnh chủng tánh Tam

Bảo): Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, bất luận là trong cõi Phật nào, đại đa số là nói tới quốc độ này của chúng ta. “*Nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí*” (Dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí), thế giới Cực Lạc chẳng có “*phi pháp khí*”, đương nhiên là nói đến cõi [Sa Bà] này. Phàm là những quốc độ tương tự như chúng ta, “*hạ chí nhất thiết bị phiền ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngộ thất*” (thậm chí đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm): Không chỉ là chẳng sai lầm đối với ba thừa, mà thậm chí đối với kẻ chỉ khoác một mảnh ca-sa, kẻ ấy nhất định có thiện căn, nhất định là có nhân duyên, phải quan sát quá khứ của kẻ đó.

*(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát năng tận hình thọ, viễn ly tà kiến, nhất thiết chúng sanh thường sở ái trọng, kỳ tâm thanh tịnh, ly tà phân biệt. Do thử, thiện căn tốc đắc thành thực. Sở hữu tiền tế luân chuyển ngũ thú, một sanh tử hà, nhân tà kiến cố, tạo thân, ngữ, ý, chư ác nghiệp chướng, chư phiền não chướng, chư hữu tình chướng, nhất thiết pháp chướng, chư chánh kiến chướng, tự tác, giáo tha, kiến văn tùy hỷ, do thử viễn ly tà kiến luân cố, giai tất triển hoại, tồi diệt vô dư, bất thọ quả báo. Ư hiện thân trung, chư nhân thiên đẳng, giai cộng thân ái, vô sở sai lự, thân tâm an lạc, kỳ tâm thanh tịnh, ly tà phân biệt. Tương mạng chung thời, thân tâm bất vị ưu khổ bức thiết, sở ái thể tử, quyến thuộc vị nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma vương sứ, duy kiến khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vị thiện tri thức, thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín. Kỳ mạng chung dĩ, hoàn sanh nhân trung, chư căn viên mãn, chi thể cụ túc, tùy sở sanh xứ, kỳ tâm thanh tịnh, ly tà phân biệt, đoan chánh, thông minh, an ổn, khoái lạc.*

(經)復次，善男子！若菩薩摩訶薩，能盡形壽遠離邪見，一切眾生常所愛重，其心清淨，離邪分別。由此善根速得成熟。所有前際輪轉五趣沒生死河，因邪見故，造身語意諸惡業障、諸煩惱障、諸有情障、一切法障、諸正見障，自作、教他、見聞隨喜，由此遠離邪見輪故，皆悉輾壞，摧滅無餘，不受果報。於現身中，諸人天等，皆共親愛，無所猜慮，身心安樂，其心清淨，離邪分別。將命終

時，身心不為憂苦逼切，所愛妻子眷屬圍繞。臨命終時，不見可怖剝魔王使，唯見可意成調善法，具戒富德，真實福田，為善知識，身心歡悅，深生敬信。既命終已，還生人中，諸根圓滿，支體具足，隨所生處，其心清淨，離邪分別，端正聰明，安隱快樂。

*(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng, xa lìa tà kiến, sẽ được hết thấy chúng sanh thường yêu kính, quý trọng. Tâm vị ấy thanh tịnh, lìa tà phân biệt. Do vậy, thiện căn mau được thành thực. Trong tất cả những lúc luân chuyển trong năm đường, chìm trong sông sanh tử thuở trước, do tà kiến mà tạo các ác nghiệp chướng nơi thân, ngữ, ý, các phiền não chướng, các hữu tình chướng, hết thấy pháp chướng, các chánh kiến chướng, tự làm, dạy người khác, thấy nghe tùy hỷ. Do cái luân “xa lìa tà kiến” này, [các nghiệp chướng ấy] thấy đều bị nghiền nát, tan diệt chẳng còn sót, chẳng nhận lãnh quả báo. Nơi thân hiện tại, các hàng trời người đều cùng thân ái, chẳng ngờ vực, lo ngại, thân tâm an lạc, cái tâm thanh tịnh, lìa tà phân biệt. Khi sắp mạng chung, thân tâm chẳng bị ưu khổ bức bách. Vợ con yêu mến và quyến thuộc vây quanh. Khi lâm chung, chẳng thấy sự giả đáng sợ của vua Diêm Ma, chỉ thấy người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, là bậc phước điền chân thật làm thiện tri thức, thân tâm vui sướng, sanh lòng kính tin sâu xa. Đã mạng chung, lại sanh làm người, các căn viên mãn, chi thể trọn đủ. Sanh ở bất cứ nơi đâu, cái tâm thanh tịnh, lìa tà phân biệt, đoan chánh, thông minh, an ổn, vui sướng).*

*“Phục thứ, thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát năng tận hình thọ, viễn ly tà kiến” (Lại này, thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể cho đến hết thọ mạng, xa lìa tà kiến):* Ngu si cũng là vô minh. Kẻ chẳng có trí huệ, sẽ nảy sanh tà kiến. Đức Phật nói kẻ phá kiến chẳng thể cứu độ. “Kiến” (見) là chấp trước. Có những kẻ chẳng xả chấp trước! Quý vị nói thiện pháp với họ, họ chẳng có cách nào nghe lọt tai được! “Tà tri, tà kiến”: Nếu kẻ đó vì đắc Thiên Nhân Thông, thấy bò sanh lên trời, bèn nói: “Làm bò là tốt nhất! Sau khi chết, có thể sanh lên trời!” Kẻ đó chẳng hiểu đời trước của con bò ấy như thế nào, chẳng biết nhân quả. Thần thông của kẻ đó chỉ thấy đời này, chẳng thấy tám vạn đại kiếp, càng chẳng thấy vô lượng đại kiếp, chỉ thấy trước mắt, bèn nói bò có

công đức to lớn. Do vậy, hằng ngày kẻ đó lạy bò, chẳng tin Phật. Đối trước tượng Phật, kẻ đó chẳng lễ bái, lại có thể lạy lục con bò!

Khi tôi sang Ca Nhĩ Cách Đáp (Calcutta) của Ấn Độ, có một con đường, chắc là tới cả ngàn con bò, to cỡ sọ, còn to gấp mấy lần chúng tôi! Đầu bò gắn một viên ngọc, khoác vải bông đủ màu. Còn có người dùng tơ vàng kết thành quả cầu đeo bên thân bò. Con bò đi trên phố, đi đến nhà nào, đại khái là nhà ấy đem đồ ăn cho nó ăn no, lấy nước lọc sạch nhất cho nó uống. Cả con đường ấy đều thờ phụng bò. Nếu quý vị chẳng biết, hoặc là đụng phải bò, thôi rồi! Người trên phố ấy sẽ liều mạng với quý vị. Khi tôi đến đó là năm 1940, thuở ấy, Đế Nhị Thế Chiến còn chưa chấm dứt, Ấn Độ chưa độc lập, vẫn bị Anh quốc thống trị. Người Anh cũng chẳng dám đụng tới lũ bò, vì biết sẽ chuốc lấy phiền toái. Nếu họ lái xe phải qua khu phố đó, sẽ lái theo đường vòng, chẳng lái thẳng vào con đường đó. Nếu chẳng thể không lái qua con đường ấy, họ sẽ lái chậm chậm, đợi con bò đi qua, đường thông rồi mới lái. Nếu bò vẫn chưa đi qua, quý vị chẳng thể đuổi nó đi được. Đó là tà tri tà kiến của ngoại đạo tín phụng, chẳng có cách nào hết! Nếu hiện thực hơn chút nữa, trong quốc độ này của chúng ta, kẻ tin tà tri tà kiến quá nhiều! Thế giới này có bao nhiêu ức người đều là tin theo tà tri tà kiến, chứ chánh tri chánh kiến khá ít. Đại Lục có mười ba ức người, được bao nhiêu người có chánh tri chánh kiến? Kể cả trong các tỷ-kheo và tỷ-kheo-ni, người chánh tri chánh kiến vẫn rất ít.

Nhưng trong Thập Luân, nói theo tà kiến thông thường, đều như nhau, tức là ngu si, chính là si trong tham, sân, si. Chúng ta mỗi ngày thấy chuyện gì cũng đều chẳng chánh xác, phán đoán sai lầm, đều là ngu si, chẳng thể liễu giải “*các pháp duyên khởi tánh Không*”. Đó là ngu si. Hết thấy các pháp sanh khởi từ “*duyên khởi tánh Không*”, phải mong hồi quy về duyên khởi tánh Không; đây là điều căn bản nhất trong khi học Phật. Điều ấy sẽ có thể đoạn tà kiến của quý vị. Nếu xa lìa các tà kiến, quả báo đạt được sẽ chín muồi, đó chính là “*viễn ly tà kiến luân*”.

Đối với tà phân biệt, nếu chẳng có Định lực, chẳng có trí huệ, trong tâm quý vị suy nghĩ, phân biệt, toàn là tà tri tà kiến. Tà tri tà kiến ấy hoàn toàn chẳng phải là tà tri tà kiến của ngoại đạo, mà là trong tâm quý vị, hễ chẳng an lạc, hễ chẳng thanh tịnh, thì đều thuộc về tà tri tà kiến. Sâu hơn một chút, sẽ là chẳng thấy pháp tánh, tâm vượt ra ngoài đạo, tâm vượt ra ngoài Bồ Đề đạo, nghĩ tưởng các thứ chẳng phải là Bồ Đề đạo, đó gọi là “*tà kiến*”. Đó là nói tới những cái chẳng chiếu theo lời chỉ dạy của đức Phật, chẳng thể đoạn Khô, Tập, Diệt, Đạo, chẳng thể



nương theo pháp Tứ Đế để tu, chẳng thể nương theo pháp mười hai nhân duyên để tu, chẳng thể nương theo pháp Lục Độ để tu, đó đều là tà kiến. Nếu xa lìa tà phân biệt, trong tâm tưởng chẳng sanh khởi tà kiến, luôn nương theo chánh kiến, nương theo lời Phật dạy để hành, như thế là lìa tà phân biệt, sẽ có kết quả tốt đẹp gì vậy? Khi mạng chung, thân tâm của quý vị chẳng bị đau khổ bức bách. “*Sở ái thế tử, quyền thuộc vi nhiều. Lâm mạng chung thời, bất kiến khả bố Diêm Ma vương sứ*” (Vợ con yêu mến và quyền thuộc vây quanh. Khi lâm chung, chẳng thấy sứ giả đáng sợ của vua Diêm Ma), chỉ thấy người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, trọn giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức cho quý vị. “*Thân tâm hoan duyệt, thâm sanh kính tín*” (Thân tâm vui sướng, sanh lòng tin kính sâu xa): Như thế thì sẽ an tường, nhân nhả chuyển thế. Sau khi mạng chung, lại sanh trong loài người.

*(Kinh) Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức, y bỉ tu học ly tà kiến pháp, năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập Đại Thừa đại hải, nữ chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Sở cư Phật độ, viễn ly nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác nhị thừa nhân pháp, viễn ly nhất thiết thiên ma đồ chúng, viễn ly nhất thiết ngoại đạo bằng đẳng, chúng bảo trang nghiêm, thậm khả ái nhạo, viễn ly nhất thiết vọng chấp cát hung, Thường Kiến, Đoạn Kiến, ngã, ngã sở kiến. Như thị hữu tình, lai sanh kỳ quốc, thọ mạng trường viễn, thọ dụng nhất vị, vị Đại Thừa vị. Như Lai tự thân, thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình, như ưng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích, an lạc, vô lượng hữu tình, thánh giáo nhất vị, vô hữu quai tránh, xí thịnh lưu thông, ly chư chướng nạn. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ thập viễn ly tà kiến luân dã.*

(經)復遇可意成調善法，具戒富德真實福田，為善知識，依彼修學離邪見法，能斷一切惡不善法，能成一切殊勝善法，能求一切大乘法義，能修一切菩薩願行，漸次趣入大乘大海，乃至證得無上菩提。所居佛土，遠離一切聲聞、獨覺二乘人法，遠離一切天魔徒眾，遠離一切外道朋黨，眾寶莊嚴甚可愛樂，遠離一切妄執吉凶、常見、斷見

、我、我所見。如是有情來生其國，壽命長遠，受用一味，謂大乘味。如來自身壽命無量，為諸有情如應說法。般涅槃後，正法久住，利益安樂無量有情，聖教一味，無有乖諍，熾盛流通，離諸障難。善男子！是名菩薩摩訶薩，第十遠離邪見輪也。

*(Kinh: Lại gặp người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức. Nương theo người đó tu học pháp lìa tà kiến, có thể đoạn hết thấy pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, lần lượt tiến nhập biên cả Đại Thừa, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Cõi Phật người ấy ở xa lìa hết thấy người và pháp thuộc hai thừa Thanh Văn và Độc Giác, xa lìa hết thấy đồ chúng thiên ma, xa lìa hết thấy bè đảng ngoại đạo, các thứ báu trang nghiêm rất đáng yêu thích, xa lìa hết thấy hư vọng chấp trước cát hung, Thường Kiến, Đoạn Kiến, ngã, và cái thấy của ta (ngã sở kiến). Hữu tình như thế sanh vào nước ấy, thọ mạng dài lâu, thọ dụng một vị, tức là Đại Thừa vị. Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình thuyết pháp đúng với căn cơ. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình, thánh giáo một vị chẳng hề chống trái, tranh chấp, lưu thông rạn vỡ, lìa các chướng nạn. Nay thiện nam tử! Đó gọi là luân thứ mười “xa lìa tà kiến” của Bồ Tát Ma Ha Tát).*

*“Phục ngộ khả ý, thành điều thiện pháp, cụ giới, phú đức, chân thật phước điền, vi thiện tri thức” (Lại gặp người vừa ý, điều phục thành tựu thiện pháp, đủ giới, giàu đức, phước điền chân thật làm thiện tri thức): Y chỉ vị thiện tri thức ấy, tu học cách lìa tà kiến như thế nào, tu pháp môn này bằng cách nào. “Năng đoạn nhất thiết ác bất thiện pháp, năng thành nhất thiết thù thắng thiện pháp, năng cầu nhất thiết Đại Thừa pháp nghĩa, năng tu nhất thiết Bồ Tát nguyện hạnh, tiêm thứ thú nhập Đại Thừa đại hải, nãi chí chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề” (Có thể đoạn hết thấy pháp ác bất thiện, có thể thành tựu hết thấy thiện pháp thù thắng, có thể cầu hết thấy pháp nghĩa Đại Thừa, có thể tu hết thấy nguyện hạnh của Bồ Tát, dần dần tiến nhập biên cả Đại Thừa, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề): Như thế thì cõi Phật nơi người ấy ở “viễn ly nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác nhị thừa nhân pháp, viễn ly*

*nhất thiết thiên ma đồ chúng, viễn ly nhất thiết ngoại đạo bằng đẳng, chúng bảo trang nghiêm, thậm khả ái nhạo*” (xa lìa hết thầy người và pháp thuộc hai thừa Thanh Văn và Độc Giác, xa lìa hết thầy đồ chúng thiên ma, xa lìa hết thầy bè đảng ngoại đạo, các thứ báu trang nghiêm rất đáng yêu thích): Chỉ có lìa tà kiến luân thì mới nói đến chuyện “*xa lìa hết thầy pháp Nhị Thừa Thanh Văn và Độc Giác*”, còn chín luân kia đều chẳng có. Đây mới gọi là “*chánh kiến*”.

Do ở đây nói đến tà kiến, “*viễn ly nhất thiết vọng chấp cát hung, Thường Kiến, Đoạn Kiến, ngã, ngã sở kiến. Như thị hữu tình, lai sanh kỳ quốc*” (xa lìa hết thầy hư vọng chấp trước cát hung, Thường Kiến, Đoạn Kiến, ngã, và cái thấy của ta. Hữu tình như thế sanh về nước ta): Sanh vào cõi Phật ấy, chẳng phải là bình phàm, được xa lìa hết thầy thiên ma đồ chúng tà kiến. Người ấy sẽ xa lìa hết thầy hư vọng chấp trước cát hung. Nêu chúng ta mong sanh về thế giới Cực Lạc, quý vị còn mong đoán mạng, xử quẻ hay không? Kinh Chiêm Sát khác hẳn. Quý vị muốn dùng Chiêm Sát Luân để hỏi: “Con có thể sanh về thế giới Cực Lạc hay không?” Quý vị chiêm sát một phen, Địa Tạng Chiêm Sát Luân sẽ nói: “Nếu người muốn sanh về thế giới Cực Lạc, vẫn phải dụng công”. Nếu nói là “có thể được vãng sanh”, vậy thì quý vị nắm chắc [chuyện vãng sanh], càng phải thêm dụng công, nhưng cơ hội chiêm sát được như vậy rất ít!

Chiêm sát luân rất ít khi sẽ nói ngay: “Quý vị có thể vãng sanh”, nhưng nếu muốn hỏi trong quá khứ quý vị đã sanh từ đường nào đến, chết rồi sẽ sanh vào đường nào, Chiêm Sát Luân sẽ trả lời chánh xác. Nếu quý vị sanh lòng sợ hãi, [sợ chính mình] sẽ sanh vào ba ác đạo, hãy gấp gấp tu tập! Chẳng phải là quý vị gieo [chiêm sát luân] hằng ngày ư? Hằng ngày lay, hằng ngày gieo, lay đến một mức độ nhất định, tam ác sẽ luân chuyển, quý vị sẽ có thể vãng sanh. Luân tướng ấy khác với cát, hung, họa, phước, Thường Kiến, Đoạn Kiến, ngã, ngã sở kiến, ngã kiến, toàn bộ đều thuộc vào tà kiến. Xa lìa chấp trước cát, hung, họa, phước hư vọng. Cát, hung, họa, phước chẳng thể biện luận cố định được, nó luôn luôn chuyển biến! Đặc biệt là đối với đệ tử Tam Bảo, đối với người học đạo, nó sẽ luôn chuyển biến. Tướng mạo của con người luôn chuyển biến. Nếu quý vị chú ý quan sát tướng mạo của một người, sẽ thấy trong một ngày, nó biến hóa vài lượt. Nếu cách vài hôm, nhìn lại người đó, tướng mạo lại thay đổi. Quý vị thấy người ấy rất phiền chán, diện mạo đáng ghét, ăn nói tẻ ngắt. Hai ngày sau, nhìn lại kẻ đó, quý vị sẽ sanh khởi tâm hoan hỷ, đó là vì người ấy có sự tu tập. Hiện thời, nếu một

người đả thát, niệm Phật một vài ngày, khi niệm đến tương ứng, tương mạo lập tức biến đổi. “*Biến*” chẳng phải là như trong thế gian, mặt mũi hồng hào, hoặc là trắng trẻo, hoặc là dễ coi, chẳng phải như vậy. Loại người có đạo đức ấy, sẽ khiến cho quý vị cảm ứng, khiến cho tâm quý vị hoan hỷ. Quý vị thấy một vị lão hòa thượng hay lão lật-ma nào đó, bộ dạng rất xấu xí, rất bản thủ, nhưng quý vị gặp vị ấy, sẽ sanh khởi tâm cung kính, đối với vị ấy đặc biệt cung kính. Đó là do đức của vị ấy!

Phải lìa khỏi hết thầy, lìa khỏi Thường Kiến và Đoạn Kiến. Thường Kiến là nói đến Thường, tức là luôn cho rằng bất tử, hoặc “chết rồi vẫn sanh làm người”, chẳng tin tưởng có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đó là tà kiến. Sau khi đã sanh, ta nhất định sanh lên trời, sanh lên tầng trời nào? Sanh đến chỗ chúa trời, sanh vào Phạm Thiên. Quý vị vẫn có chỗ cách biệt với thiên chúa và Phạm Thiên, chẳng đến đây để làm Đại Phạm Thiên Chúa, chỉ có thể làm thiên dân. Đó đều là những tri kiến chẳng chánh xác. Thường Kiến, Đoạn Kiến, hoặc là Ngã Kiến, Ngã Chấp Ngã Kiến, Ngã Sở Kiến là các thứ vật chất hoặc người mà ta chấp trước. Ngã Kiến và Ngã Sở Kiến là hai thứ. Ngã là năng kiến (chủ thể trông thấy), còn Ngã Sở Kiến là cái được Ngã trông thấy. Hữu tình như thể sanh vào nước ấy, quốc độ đó chẳng có kẻ tà kiến, “*thọ mạng trường viễn, thọ dụng nhất vị*” (thọ mạng dài lâu, thọ dụng một vị): Thọ dụng một vị gì vậy? Đại Thừa vị. “*Như Lai tự thân, thọ mạng vô lượng, vị chư hữu tình, như ứng thuyết pháp. Bát Niết Bàn hậu, chánh pháp cứu trụ, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình, thánh giáo nhất vị*” (Bản thân Như Lai thọ mạng vô lượng, vì các hữu tình thuyết pháp đúng theo căn cơ. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích, an lạc vô lượng hữu tình, thánh giáo một vị). Đây là điều bất đồng, trong phần trước là “*như ứng thuyết pháp*” (thuyết pháp thích hợp căn cơ), điều này bất đồng: Đức Phật dạy bảo một vị, chẳng có tranh luận Đại Thừa, hay tranh luận là Thanh Văn Thừa, hoặc Độc Giác Thừa, chủng tánh Tam Bảo đều là Đại Thừa. “*Xi tịnh lưu thông*” (Lưu truyền rạn rở), đều là Bồ Tát, hết thầy các chướng ngại đều chẳng có. “*Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát đệ thập viễn ly tà kiến luân*” (Này thiện nam tử! Đó là luân thứ mười “xa lìa tà kiến” của Bồ Tát Ma Ha Tát).

**(Kinh) Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân cố, u Thanh Văn Thừa đắc vô ngộ thát, u Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thát, u Độc Giác Thừa đắc vô ngộ thát, u Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La đắc vô ngộ thát, u kỳ Đại Thừa đắc vô ngộ thát, u kỳ Đại Thừa Bồ**

*Đặc Già La đắc vô ngũ thất, thường năng xí nhiên Tam Bảo chủng tánh. Ư chư Như Lai xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí nhất thiết bị phiến ca-sa, thế tu phát giả, đắc vô ngũ thất. Ư Đại Thừa pháp, thường đắc thăng tấn, vô hữu thoái chuyển. Lợi huệ, thắng phước, thường đắc tăng trưởng. Ư nhất thiết Định, chư Đà-la-ni, chư Nhân, chư Địa, tốc đắc tự tại, vô hữu thoái chuyển, thường đắc tri ngộ chư thiện tri thức, tùy thuận nhi hành. Thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ư chư thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm vô yếm túc. Thường ư Bồ Đề chủng chủng hạnh nguyện, Lục Ba La Mật Đa, tâm vô yếm túc. Sở đắc quả báo, quảng thuyết như tiền.*

(*經*)菩薩摩訶薩成就此輪故，於聲聞乘得無誤失，於聲聞乘補特伽羅得無誤失，於獨覺乘得無誤失，於獨覺乘補特伽羅得無誤失，於其大乘得無誤失，於其大乘補特伽羅得無誤失，常能熾然三寶種性。於諸如來出家弟子，若是法器，若非法器，下至一切被片袈裟、剃鬚發者，得無誤失。於大乘法，常得升進，無有退轉。利慧勝福，常得增長。於一切定諸陀羅尼，諸忍諸地，速得自在，無有退轉。常得值遇諸善知識，隨順而行。常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸善根，常精進求，心無厭足。常於菩提種種行願，六波羅蜜多，心無厭足。所得果報，廣說如前。

(*Kinh: Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu luân này, chẳng phạm sai làm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai làm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai làm đối với Độc Giác Thừa, chẳng phạm sai làm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai làm đối với Đại Thừa, chẳng phạm sai làm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La. Thường có thể hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo. Đối với các đệ tử xuất gia của các đức Như Lai, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, cho đến đối với hết thảy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đều chẳng phạm sai lầm. Đối với pháp Đại Thừa, thường được thăng tấn, chẳng bị thoái chuyển. Trí huệ nhạy bén và phước thù thắng thường được tăng trưởng. Trong hết thảy các Định, các Đà-la-ni,*

các Nhân, các Địa, mau được tự tại, chẳng bị thoái chuyển. Thường được gặp gỡ các thiện tri thức, tùy thuận hành theo. Thường được chẳng lìa thầy hết thầy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử. Chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các thiện căn, thường tinh tấn cầu, tâm chẳng chán đủ. Thường đối với các thứ hạnh nguyện Bồ Đề, Lục Ba La Mật Đa, tâm chẳng chán đủ. Đạt được quả báo như trên đã rộng nói).

**(Kinh) Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu như thị Thập Luân, năng tốc chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Sở dĩ giả hà? Ư quá khứ thế, nhất thiết Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, giai tất viễn ly Thập Ác Nghiệp Đạo, giai tất xưng dương, tán thán như thị Thập Thiện Nghiệp Đạo sở đắc quả báo, vị dục trưởng dưỡng nhất thiết chúng sanh lợi ích, an lạc Bồ Đề đạo cố, vị dục trừ diệt nhất thiết chúng sanh nghiệp phiền não khổ, linh vô dư cố, vị dục khô kiệt tam ác thú cố, vị dục thiệu long Tam Bảo chúng cố, vị dục đoạn trừ tam giới hữu cố, vị dục vĩnh đoạn Uẩn, Giới, Xứ cố, vị linh nhất thiết tốc nhập vô úy Niết Bàn thành cố, quảng thuyết như tiền, viễn ly thập chủng bất thiện nghiệp đạo, sở đắc quả báo. Thị cố, thiện nam tử! Nhược bất chân thật hy cầu như thị Thập Thiện Nghiệp Đạo sở chứng Phật quả, cập bất chân thật hạ chí thủ hộ nhất thiện nghiệp đạo, nãi chí mạng chung, nhi tự xưng ngôn: “Ngã thị chân thật hành Đại Thừa giả, ngã cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề”. Đương tri như thị Bồ Đặc Già La, thị cực hư trá, thị đại vọng ngữ, đối thập phương giới Phật Thế Tôn tiền, cuồng hoặc thế gian, vô tâm, vô quý, thuyết Không đoạn kiến, dụ cuồng ngu si, thân hoại mạng chung, đọa chư ác thú.**

(經)善男子！若菩薩摩訶薩成就如是十輪，能速證得阿耨多羅三藐三菩提。所以者何？於過去世一切如來、應、正等覺，皆悉遠離十惡業道，皆悉稱揚讚歎如是十善業道所得果報，為欲長養一切眾生利益安樂菩提道故，為欲除滅一切眾生業煩惱苦令無餘故，為欲枯竭三惡趣故，為欲紹隆三寶種故，為欲斷除三界有故，為欲永斷蘊、界、處故，為令一切速入無畏涅槃城故，廣說如前，遠離十種不善業道，所得果報。是故，善男子！若不真實希求如是

十善業道所證佛果，及不真實下至守護一善業道，乃至命終而自稱言：「我是真實行大乘者，我求無上正等菩提」。當知如是補特伽羅，是極虛詐，是大妄語，對十方界佛世尊前，誑惑世間，無慚無愧，說空斷見，誘誑愚癡，身壞命終，墮諸惡趣。

*(Kinh: Này thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu mười luân như thế, có thể mau chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Vì có sao vậy? Trong đời quá khứ, hết thấy Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác thấy đều xa lìa Thập Ác Nghiệp Đạo, thấy đều xưng dương, tán thán quả báo đạt được do Thập Thiện Nghiệp Đạo như thế, vì muốn trưởng dưỡng lợi ích cho hết thấy cùng sanh, an lạc Bồ Đề đạo, vì muốn trừ diệt nghiệp phiền não khổ chẳng còn sót thừa cho hết thấy chúng sanh, vì muốn khô cạn ba đường ác, vì muốn tiếp nối hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo, vì muốn đoạn trừ tam giới hữu, vì muốn đoạn vĩnh viễn Uẩn, Giới, Xứ, vì khiến cho hết thấy mau vào tòa thành Niết Bàn không sợ hãi. Nói rộng thì như quả báo đã đạt được do xa lìa mười thứ bất thiện nghiệp đạo đã nói trong phần trên. Do vậy, thiện nam tử! Nếu chẳng chân thật mong cầu Phật quả được chứng bởi Thập Thiện Nghiệp Đạo như thế, và chẳng chân thật tối thiểu là thủ hộ một thiện nghiệp đạo cho đến khi mạng chung, mà tự xưng là: “Ta là người thật sự hành Đại Thừa. Ta cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề”. Hãy nên biết Bồ Đặc Già La như thế là kẻ hư dối tốt bậc, là đại vọng ngữ, dối trước mười phương thế giới Phật Thế Tôn mà dối gạt, mê hoặc thế gian, không hổ, không thẹn, nói Đoạn Kiến rộng tuếch, dụ dỗ, lường gạt kẻ ngu si. Thân hoại, mạng chung, sẽ đọa vào các đường ác).*

Đây là nói chung. Quá khứ chư Phật có thể thành tựu Thập Luân, Bồ Tát Ma Ha Tát chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề rất nhanh chóng. Vì sao phải nói như vậy? Vì hết thấy các đức Như Lai sở dĩ có thể thành Phật, thành tựu Chánh Giác, là do xa lìa Thập Ác Nghiệp. Do vậy, thấy đều xưng dương, tán thán quả báo đạt được do Thập Thiện Nghiệp Đạo như thế. “*Vị dục trưởng dưỡng nhất thiết chúng sanh, lợi ích, an lạc Bồ Đề đạo cố*” [nghĩa là] khiến cho đạo Bồ Đề của chúng sanh có thể trưởng dưỡng, dần dần tăng trưởng, nuôi dưỡng dần dần. “*Vị dục diệt trừ nhất thiết chúng sanh nghiệp, phiền não, khổ, linh vô dư cố*” (Vì muốn trừ diệt nghiệp, phiền não, khổ chẳng còn sót cho hết thấy

chúng sanh): [Cái nhân của] nghiệp là Hoặc (phiền não). “Nghiệp” [ở đây] là nói đến các nghiệp do quý vị đã tạo. Phiền não là Hoặc, Khổ là cái quả [của nghiệp]. Do phiền não mà tạo nghiệp, vì tạo nghiệp mà gặt lấy khổ quả. Như vậy thì [do tu Thập Luân], sẽ khiến cho chúng chẳng còn thừa sót, thanh tịnh ba món Hoặc, Nghiệp, Khổ, khiến cho chúng thanh tịnh. Đồng thời, khiến cho ba đường ác khô kiệt. Vì phải khô kiệt ba đường ác thì mới có thể “*thiệu long*” (tiếp nối hưng thịnh) chủng tánh Tam Bảo. “*Thiệu*” (紹) là kế thừa, “*long*” (隆) là rạng rỡ, to lớn. Không chỉ tiếp tục kế thừa, mà còn khiến cho chủng tánh Tam Bảo Phật, Pháp, Tăng phát dương quang đại. “*Vị dục đoạn trừ tam giới hữu cố*” (Vì muốn đoạn trừ tam giới hữu). Tam giới có sanh tử, có phiền não, có khổ não, có nghiệp, [cho nên gọi là Hữu], đều đoạn tuyệt các thứ đó. Lại còn mong đoạn tuyệt, tức là vĩnh viễn đoạn dứt Ngũ Uẩn, Thập Bát Giới, Thập Nhị Xứ. “*Vị linh nhất thiết tức nhập vô úy Niết Bàn thành cố, quảng thuyết như tiền viễn ly thập chủng bất thiện nghiệp đạo, sở đắc quả báo*” (Vì khiến cho hết thảy mau chóng vào tòa thành Niết Bàn không sợ hãi, nói rộng là như quả báo sẽ đạt được do xa lìa mười loại bất thiện nghiệp đạo trong phần trước). Nói xong lại tổng kết một lượt. Trong phần trên, đối với mỗi luân đều đã nói rồi.

“*Thị cố, thiện nam tử! Nhược bất chân thật hy cầu như thị Thập Thiện Nghiệp Đạo sở chứng Phật quả, cập bất chân thật hạ chí thủ hộ nhất thiện nghiệp đạo*” (Vì thế, thiện nam tử! Nếu chẳng chân thật mong cầu Phật quả được chứng bởi Thập Thiện Nghiệp Đạo như thế, và chẳng tối thiểu là chân thật thủ hộ một thiện nghiệp đạo): Quý vị ngay cả một thiện nghiệp đạo vẫn chẳng thể chân thật thủ hộ. “*Nãi chí mạng chung*” (Cho đến mạng chung): Chẳng làm như vậy, nói dối! “*Nhi tự xưng ngôn: - Ngã thị chân thật hành Đại Thừa giả*” (Mà tự xưng là: “Ta là người hành Đại Thừa chân thật”): Đối với Thập Thiện Nghiệp Đạo, ngay cả một đạo mà quý vị còn chẳng làm được, vẫn nói chính mình chân thật hành Đại Thừa, hoặc nói chính mình cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề! Bồ Đề Già La ăn nói kiêu đó “*thị cực hư trá*” (tột bậc hư dối, lường gạt), dối trá, lừa gạt, “*thị đại vọng ngữ*”, nói dối tột bậc. “*Đối thập phương giới Phật Thế Tôn tiên, cuồng hoặc thế gian, vô tâm, vô quý, thuyết không đoạn kiến*” (Đối trước mười phương thế giới Phật Thế Tôn, dối gạt, mê hoặc thế gian, chẳng hổ, chẳng thẹn, nói đoạn kiến rỗng tuếch): Cái Đoạn Kiến rỗng tuếch ấy lấy gì làm tiêu chuẩn? Thập Thiện Nghiệp! Dùng [những lời lẽ dối trá đó] để “*dụ cuồng ngu si*” [tức là] lừa gạt, dụ dỗ, gạt gẫm kẻ không có trí huệ, cho đến nói “làm như vậy, nói



như vậy” người là kẻ ngu si nhất. Kẻ đó tự mình nói. Nếu “*thân hoại, mạng chung*”, kẻ đó sẽ trực tiếp đọa vào đường ác nhanh như tên bắn, sanh thẳng vào đường ác.

*(Kinh) Thiện nam tử! Nhược dẫn ngôn thuyết, cập dẫn thính văn, bất do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, năng đắc Bồ Đề, bát Niết Bàn giả, u nhất kiếp trung, hoặc nhất niệm khoảnh, khả linh thập phương nhất thiết Phật độ địa giới vi trần toán số chúng sanh, giai đẳng Chánh Giác, nhập bát Niết Bàn, nhiên vô thị sự. Sở dĩ giả hà? Thập Thiện Nghiệp Đạo thị Đại Thừa bản, thị Bồ Đề nhân, thị chứng Niết Bàn kiên cố thể đẳng. Thiện nam tử! Nhược dẫn phát tâm, phát thệ nguyện lực, bất do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, năng đắc Bồ Đề, bát Niết Bàn giả, u nhất kiếp trung, hoặc nhất niệm khoảnh, khả linh thập phương nhất thiết Phật độ địa giới vi trần toán số chúng sanh, giai đẳng Chánh Giác, nhập Bát Niết Bàn, nhiên vô thị sự. Sở dĩ giả hà? Thập Thiện Nghiệp Đạo, thị thể xuất thế thù thắng quả báo công đức căn bản. Thiện nam tử! Nhược bất tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, thiết kinh thập phương nhất thiết Phật độ vi trần số kiếp, tự hiệu Đại Thừa, hoặc thuyết, hoặc thính, hoặc dẫn phát tâm, hoặc phát thệ nguyện, chung bất năng chứng Bồ Đề Niết Bàn, diệc bất linh tha thoát sanh tử khô. Thiện nam tử! Yếu do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, thế gian phương hữu chư Sát-đế-lợi, Bà-la-môn đẳng, đại phú quý tộc, Tứ Đại Vương Thiên, nữ chí Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, hoặc Thanh Văn Thừa, hoặc Độc Giác Thừa, nữ chí Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, giai do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo phẩm loại sai biệt.*

*(經)善男子！若但言說，及但聽聞，不由修行十善業道能得菩提般涅槃者，於一劫中，或一念頃，可令十方一切佛土地界微塵算數眾生，皆登正覺，入般涅槃，然無是事。所以者何？十善業道，是大乘本，是菩提因，是證涅槃堅固梯蹬。善男子！若但發心，發誓願力，不由修行十善業道能得菩提般涅槃者，於一劫中，或一念頃，可令十方一切佛土地界微塵算數眾生，皆登正覺，入般涅槃，然無是事。所以者何？十善業道，是世出世，殊勝果報功德根本。善男子！若不修行十善業道，設經十方一切佛土微*

塵數劫，自號大乘，或說或聽，或但發心，或發誓願，終不能證菩提涅槃，亦不令他脫生死苦。善男子！要由修行十善業道，世間方有諸剎帝利、婆羅門等大富貴族，四大王天乃至非想非非想處，或聲聞乘，或獨覺乘，乃至無上正等菩提，皆由修行十善業道，品類差別。

*(Kinh: Này thiện nam tử! Nếu chỉ nói suông, và chỉ nghe, chẳng do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, mà có thể đắc Bồ Đề, bát Niết Bàn, trong một kiếp, hay trong một niệm, có thể khiến cho hết thấy chúng sanh nhiều như vi trần hay vi như toán số nơi cõi đất của hết thấy các cõi Phật đều có thể chứng Chánh Giác, nhập Bát Niết Bàn, chẳng có chuyện ấy. Vì có sao vậy? Thập Thiện Nghiệp Đạo là cái gốc của Đại Thừa, là cái nhân của Bồ Đề, là bậc thang kiên cố để chứng Niết Bàn. Này thiện nam tử! Nếu chỉ do sức phát tâm và phát thệ nguyện, chẳng do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, mà có thể đắc Bồ Đề, bát Niết Bàn, hoặc trong một kiếp, hay trong khoảng một niệm, có thể khiến cho chúng sanh nhiều như vi trần, toán số trong cõi đất thuộc hết thấy các cõi Phật đều có thể chứng Chánh Giác, nhập Bát Niết Bàn thì chẳng có chuyện ấy. Vì có sao vậy? Thập Thiện Nghiệp Đạo là căn bản của quả báo công đức thù thắng trong thế gian và xuất thế gian. Này thiện nam tử! Nếu chẳng tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, dẫu trải qua vi trần số kiếp trong hết thấy các cõi Phật khắp mười phương, tự xưng là Đại Thừa, hoặc nói, hoặc nghe, hoặc chỉ phát tâm, hoặc phát thệ nguyện, trọn chẳng thể chứng Bồ Đề Niết Bàn, mà cũng chẳng thể khiến cho người khác thoát khỏi nỗi khổ sanh tử. Này thiện nam tử! Phải do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo thì thế gian mới có các Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, dòng dõi cao quý giàu có v.v... Tứ Đại Vương Thiên, cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, hoặc Thanh Văn Thừa, hoặc Độc Giác Thừa, cho đến Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, đều là do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo theo từng phẩm loại sai khác).*

*“Thiện nam tử! Nhược đản ngôn thuyết, cập đản thính văn, bất do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, năng đắc Bồ Đề, bát Niết Bàn giả”* (Này thiện nam tử! Nếu chỉ nói suông, và chỉ nghe, chẳng do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo mà có thể đắc Bồ Đề, bát Niết Bàn); đây là chuyện chẳng thể được! Giả sử nói như thế này, nếu chỉ luận bàn, nghe nhận, chẳng do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, mà có thể chứng đắc

Bồ Đề, chứng đắc Niết Bàn; đây là chuyện chẳng thể nào! Hoặc là “*u nhất kiếp trung*” (trong một kiếp), được nghe như vậy, hoặc là trong khoảng một niệm, [nghe nói như vậy] mà “*khả linh thập phương nhất thiết Phật độ địa giới vi trần toán số chúng sanh, giai đặng Chánh Giác, nhập bát Niết Bàn, nhiên vô thị xứ*” (có thể khiến cho hết thảy chúng sanh nhiều như vi trần hay ví như toán số nơi cõi đất của hết thảy các cõi Phật đều có thể chứng Chánh Giác, nhập Bát Niết Bàn, chẳng có chuyện ấy): Nói kiểu ấy sẽ là chuyện không thể nào xảy ra được! Nói cách khác, nếu không do hành Thập Thiện Nghiệp, quý vị nói gì cũng đều chẳng thể!

Nếu xây tòa cao ốc trên bãi cát, sẽ bị sụp đổ, Thập Thiện Nghiệp mới là căn bản của hết thảy. Vì sao phải nói như thế? Thập Thiện Nghiệp là cái gốc của Đại Thừa. “*Thị Bồ Đề nhân, thị chứng Niết Bàn kiên cố thể đặng*” (Là cái nhân của Bồ Đề, là bậc thang kiên cố để chứng Niết Bàn): Giống như bậc thang để bước lên đài cao, từng bậc, từng bậc một, hợp thành chiếc thang. Thập Thiện Nghiệp chính là chiếc thang. “*Nhược dẫn phát tâm, phát thệ nguyện lực, bất do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, năng đắc Bồ Đề, bát Niết Bàn giả, u nhất kiếp trung, hoặc nhất niệm khoảnh, khả linh thập phương nhất thiết Phật độ địa giới vi trần toán số chúng sanh, giai đặng Chánh Giác, nhập Bát Niết Bàn, nhiên vô thị sự*” (Nếu chỉ do sức phát tâm và phát thệ nguyện, chẳng do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo mà có thể đắc Bồ Đề, bát Niết Bàn, hoặc trong một kiếp, hay trong khoảng một niệm, có thể khiến cho chúng sanh nhiều như vi trần, toán số trong cõi đất thuộc hết thảy các cõi Phật, đều có thể chứng Chánh Giác, nhập Bát Niết Bàn, thì chẳng có chuyện ấy): Đây là ăn nói lớn lối, nói suông, giả trá, rỗng tuếch! Nói cách khác, đều là do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo thì mới đắc quả thù thắng.

“*Nhiên vô thị sự. Sở dĩ giả hà? Thập Thiện Nghiệp Đạo, thị thể xuất thế thù thắng quả báo công đức căn bản. Thiện nam tử! Nhược bất tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, thiết kinh thập phương nhất thiết Phật độ vi trần số kiếp*” (Nhưng chẳng có chuyện ấy. Vì có sao vậy? Thập Thiện Nghiệp Đạo là căn bản của quả báo công đức thù thắng trong thế gian và xuất thế gian. Này thiện nam tử! Nếu chẳng tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, dầu trong vi trần số kiếp trải qua hết thảy các cõi Phật trong mười phương): Thời gian quá dài, trải qua [thời gian] bằng số lượng của vi trần trong mười phương, tức là đem mười phương cõi Phật mài nát thành vi trần, cứ một hạt vi trần coi là một kiếp, lâu dài cỡ nào? Trải qua

thời gian dài như thế, ăn nói lớn lối như thế, tự xưng là Đại Thừa, hoặc là nghe, hoặc tự mình nói, hoặc chỉ phát tâm, chỉ phát thệ nguyện mong thành Phật, thì vẫn chẳng thể chứng quả Bồ Đề. Không chỉ chính mình chẳng thể chứng đắc, mà quý vị mong làm cho người khác thoát khỏi nỗi khổ sanh tử, có làm được hay không? Chẳng thể nào!

Thiện nam tử! Do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, cho nên thế gian còn có quốc vương Sát-đế-lợi, còn có Bà-la-môn, học giả, còn có quý tộc giàu to. Người phú quý do đâu mà có? Do tu Thập Thiện Nghiệp Đạo. Còn có Tứ Đại Vương Thiên, “*nãi chí Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ*” (cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên), tất cả hết thảy thiên chúng, hoặc là Thanh Văn Thừa, hoặc là Độc Giác Thừa, “*nãi chí Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, giai do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo phẩm loại sai biệt*” (cho đến Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, đều do tu hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, phẩm loại sai khác): Mức độ khác nhau, quả vị bất đồng, cho đến quả báo nhân thiên bất đồng, cho đến quả báo thánh nhân khác nhau. Đây là tu Thập Thiện Nghiệp, tùy thuộc quý vị tu như thế nào! Phương pháp tu khác nhau, sẽ chứng đắc địa vị khác nhau. Nhưng ắt phải tu Thập Thiện Nghiệp thì mới có thể đạt được phú quý trong trời người, cho đến chứng quả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, cho đến thành Phật. Nếu không, sẽ tuyệt đối chẳng thể đạt được!

***(Kinh) Thị cố, thiện nam tử! Nhược dục tốc mãn Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề nguyện giả, đương tu như thị Thập Thiện Nghiệp Đạo dĩ tự trang nghiêm, phi trụ thập ác bất luật nghi giả năng mãn như thị Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề đại nguyện. Nhược cầu tốc ngộ Đại Thừa cảnh giới, tốc chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, tốc mãn nhất thiết thiện pháp nguyện giả, tiên ưng hộ trì Thập Thiện Nghiệp Đạo. Sở dĩ giả hà? Thập Thiện Nghiệp Đạo thị năng an lập nhất thiết thiện pháp công đức căn bản, thị thể xuất thế thắng quả báo nhân. Thị cố, ưng tu Thập Thiện Nghiệp Đạo.***

(經)是故，善男子！若欲速滿無上正等菩提願者，當修如是十善業道以自莊嚴，非住十惡不律儀者，能滿如是無上正等菩提大願。若求速悟大乘境界，速證無上正等菩提，速滿一切善法願者，先應護持十善業道。所以者何？十善業道，是能安立一切善法功德根本，是世出世勝果報因。是故，應修十善業道」。

*(Kinh: Vì thế, thiện nam tử! Nếu muốn mau chóng mãn nguyện Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, hãy nên tu Thập Thiện Nghiệp Đạo như thế để tự trang nghiêm, chẳng phải là kẻ trụ trong thập ác bất luật nghi mà có thể viên mãn đại nguyện Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề như thế. Nếu cầu mau ngộ cảnh giới Đại Thừa, mau chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, mau thỏa mãn hết thấy các nguyện thiện pháp, trước hết hãy nên hộ trì Thập Thiện Nghiệp Đạo. Vì có sao vậy? Thập Thiện Nghiệp Đạo là căn bản để đặt yên hết thấy thiện pháp công đức, là cái nhân của cái quả thù thắng thế gian và xuất thế gian. Vì thế, hãy nên tu Thập Thiện Nghiệp Đạo).*

Đã phát Bồ Đề nguyện, nếu quý vị muốn thỏa mãn nguyện ấy, “*đương tu như thị Thập Thiện Nghiệp Đạo dĩ tự trang nghiêm*” (hãy nên tu Thập Thiện Nghiệp Đạo như thế để tự trang nghiêm), như thế thì mới có thể thực hiện được, trang nghiêm chính quý vị, “*phi trụ Thập Ác, bất luật nghi giả, năng mãn như thị Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề đại nguyện*” (chẳng phải là trụ trong Thập Ác, chẳng giữ luật nghi mà có thể thỏa mãn đại nguyện Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề), chẳng hành Thập Thiện thì sẽ là Thập Ác. “*Nhược cầu tốc ngộ Đại Thừa cảnh giới, tốc chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, tốc mãn nhất thiết thiện pháp nguyện giả, tiên ưng hộ trì Thập Thiện Nghiệp Đạo*” (Nếu cầu mau ngộ cảnh giới Đại Thừa, mau chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, mau thỏa mãn hết thấy các nguyện thiện pháp, trước hết, hãy nên hộ trì Thập Thiện Nghiệp Đạo), đây là căn bản của hết thấy các pháp. “*Sở dĩ giả hà? Thập Thiện Nghiệp Đạo thị năng an lập nhất thiết thiện pháp công đức căn bản, thị thế xuất thế thắng quả báo nhân*” (Vì có sao vậy? Thập Thiện Nghiệp Đạo là căn bản để đặt yên hết thấy công đức thiện pháp, là cái nhân của quả báo thù thắng thế gian và xuất thế gian): Nếu muốn đạt được quả báo thù thắng, Thập Thiện Nghiệp Đạo chính là cái nhân của nó. Quý vị tu thâm nhập, sẽ chứng quả. “*Thị cố, ưng tu Thập Thiện Nghiệp Đạo*” (Vì thế, hãy nên tu Thập Thiện Nghiệp Đạo), đức Phật đã nói mười lượt vẫn sợ chúng sanh quên khuấy!

Do vậy, Ngài trùng tụng nghĩa này, trong phần trước đã nói mười lượt, đức Phật vẫn chẳng an tâm. Do vậy, đức Phật nói pháp nào, cuối cùng dặn dò vị Bồ Tát này, căn dặn vị Bồ Tát kia, vào thời Mạt Pháp, các đệ tử chẳng tin, các vị nhất định phải gánh vác trách nhiệm độ họ. Bộ kinh này giao phó cho Hư Không Tạng Bồ Tát, có kinh giao cho Văn Thù Bồ Tát, có kinh giao cho Di Lặc Bồ Tát. Di Lặc Bồ Tát là người kẻ

nhệm Phật, cho nên, đức Phật nói với Di Lặc Bồ Tát nhiều nhất. Vì thế, khi Di Lặc Bồ Tát thành Phật, trong ba hội Long Hoa, Ngài sẽ độ chúng sanh thời Mạt Pháp, độ chẳng sót một ai. Di Lặc Bồ Tát đã phát nguyện, Ngài sẽ độ.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Dục trừ chư hữu khổ, chứng đắc đại Bồ Đề, ưng tu thập thiện luân, tinh cần vật phóng dật. Tiện ư tam thừa pháp, cập Bồ Đặc Già La, nhất thiết xuất gia nhân, giai đắc vô ngộ thất. Tín thọ hành Đại Thừa, lợi lạc nhất thiết chúng, giác thắng pháp Tịnh Độ, tốc chứng đại Bồ Đề. Nhược ly ư sát sanh, nhất thiết giai ái kính, hằng vô bệnh trường thọ, thường nhạo bất hại pháp. Nhất thiết sở sanh xứ, hằng nhạo Phật sở hành, thường ngộ Phật, Pháp, Tăng, tốc thành Vô Thượng Giác.*

(經)爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「欲除諸有苦，證得大菩提，應修十善輪，精勤勿放逸。便於三乘法，及補特伽羅，一切出家人，皆得無誤失。信受行大乘，利樂一切眾，覺勝法淨土，速證大菩提。若離於殺生，一切皆愛敬，恆無病長壽，常樂不害法。一切所生處，恆樂佛所行，常遇佛法僧，速成無上覺。」

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - Muốn trừ khổ các cõi, chứng đắc đại Bồ Đề, hãy tu thập thiện luân, siêng rông, chớ buông lung. Sẽ với pháp tam thừa, và Bồ Đặc Già La, hết thấy người xuất gia, đều chẳng phạm sai lầm. Tín nhận, hành Đại Thừa, lợi lạc hết thấy chúng, giác Tịnh Độ thù thắng, mau chứng đại Bồ Đề. Nếu rời lìa sát sanh, hết thấy đều yêu kính, luôn không bệnh, sống lâu, thường thích pháp bất hại. Sanh bất cứ nơi đâu, luôn thích hành theo Phật, thường gặp Phật, Pháp, Tăng, chóng thành Vô Thượng Giác).*

Đạo lý này tuy đức Phật đã nói mười lượt, vẫn chẳng an tâm. Cuối cùng, Ngài lại nói kệ tụng, nhắc lại một phen, lại căn dặn một lượt. Đặc biệt là đối với Thập Thiện Nghiệp, “*dục trừ chư hữu khổ, chứng đắc đại Bồ Đề, ưng tu thập thiện luân, tinh cần, vật phóng dật*”, [ý nói]: Nếu quý vị muốn trừ hết thấy các khổ [trong các cõi], nếu muốn chứng đắc Phật quả, hãy nên tu Thập Thiện Nghiệp Đạo luân, phải siêng năng,

chuyên ròng tu tập, chớ nên buông lung! “*Tiên u tam thừa pháp, cập Bồ Đặc Già La*” [nghĩa là] đối với ba thừa, tức Thanh Văn, Độc Giác, Đại Thừa, cho đến Bồ Đặc Già La [thuộc ba thừa ấy], quý vị mới có thể dạy họ chẳng sai lầm. “*Nhất thiết xuất gia nhân, giai đắc vô ngộ thất*”, [ý nói]: Bất luận người ấy phá giới cũng thế, phạm giới cũng thế, cho đến hết thấy những kẻ khoác một mảnh ca-sa, quý vị đều chớ nên xử lý họ, [có ý nghĩa] như thế đó. [Tức là] chớ nên trách phạt, chớ nên đánh mắng, chẳng thể giam cầm họ.

“*Tín thọ hành Đại Thừa, lợi lạc nhất thiết chúng, giác thắng pháp Tịnh Độ, Niết Bàn, tốc chúng đại Bồ Đề. Nhược ly u sát sanh, nhất thiết giai ái kính*” (Tín nhận hành Đại Thừa, lợi lạc hết thấy chúng, giác Tịnh Độ thù thắng, mau chúng đại Bồ Đề. Nếu lìa khỏi sát sanh, hết thấy đều yêu kính): Nếu quý vị là người thật sự tín phụng Đại Thừa, lợi lạc hết thấy chúng sanh, quý vị mong giác ngộ, muốn thành tựu một cõi thanh tịnh, sẽ có thể chúng đắc Đại Bồ Đề rất nhanh chóng. Chúng ta mong tu đạo, trước hết phải có một gian tinh xá, có quan phòng để bề quan. Phật nếu muốn thành Phật, tự mình phải có một cõi Phật. Bất luận vị Phật nào, trước hết chính vị ấy phải phát nguyện kiến lập một quốc độ, phải hiểu ý nghĩa này! Thế giới của Lưu Ly Quang Như Lai là như thế, mà thế giới của A Di Đà Phật cũng là như vậy, Bất Động Như Lai là như vậy, thế giới của Đa Bảo Như Lai là như vậy, quốc độ của mỗi vị Phật khác nhau.

Nếu muốn tu đạo, phải có một gian lều tranh, ở trong sơn động, đều phải có một cái động. Nếu không, thứ gì cũng đều chẳng có. Do vậy, hết thấy chư Phật nếu mong tu một cõi Tịnh Độ của Phật, chúng đại Bồ Đề; điều thứ nhất là phải lìa sát sanh. Lìa sát sanh thì hết thấy đều yêu kính; quý vị lại chẳng có bệnh, sống lâu, thường luôn vui vẻ, ưa thích pháp bất hại, chẳng nào hại chúng sanh. Sát sanh bao gồm rất nhiều thứ. Con chó đang nằm úp sấp tại đó, quý vị muốn đi qua, cho rằng nó ngáng đường, hoặc là lấy đá phang nó một trận, hoặc dùng chân đá; đó gọi là “*não hại chúng sanh*”. Quý vị có thể đi vòng qua một chút, đừng cho là chúng sanh gây trở ngại cho chuyện của mình, đừng nên phương hại hết thấy chúng sanh. Vì sao khi quý vị đi đường, lại phải chú ý nhìn, đừng đạp lên ổ kiến, vì trên đó có trùng, quý vị phải chú ý đừng đạp chết nó. Trẻ nhỏ có lúc coi chuyện giẫm chết chúng sanh khác là chơi đùa, bắt chim sẻ con, thậm chí nào hại hết thấy chúng sanh: Dùng nước nóng xối vào hang kiến, hoặc là trong bếp lò có gián, bèn lấy nước nóng giội vào. Tuy chúng nó đều chết sạch, quý vị luôn phải trả nợ. Đó gọi là “*não hại*

chúng sanh”, sẽ rất khó chứng quả Đại Thừa. “*Nhất thiết sở sanh xứ, hằng nhạo Phật sở hành*” (Sanh ở hết chỗ các nơi, đều thích hành theo Phật): Bất luận quý vị sanh vào nơi đâu, đức Phật làm như thế nào, chính mình sẽ làm theo như thế ấy. Như vậy thì sao? Quý vị sẽ thường gặp Phật, Pháp, Tăng, mau thành Vô Thượng Giác.

*(Kinh) Nhược ly bất dữ thủ, trí giả giai ái kính, diệt tham sở sanh nghiệp, hoạch vô tham sở sanh. Sanh sanh thường cự phú, năng vi đại thí chủ, đắc chúng bảo trang nghiêm, khả ái tịnh Phật quốc. Nhược ly dục tà hạnh, diệt xú uế phiền não, khô kiệt tham ái hà, tốc đắc tịnh Phật quốc. Bạt chư chúng sanh loại, linh xuất dục ứ nê, an trí ư Đại Thừa, sử cần tu phạm hạnh. Nhược ly hư cuồng ngữ, đắc thánh tự tại trí, thường nhạo để thật ngôn, diệt hư vọng chúng khổ. Nhất ngôn vi chứng lượng, thường ngộ Phật, Pháp, Tăng, tốc đắc đại Bồ Đề, khuyến tu bất vọng ngữ. Nhược ly ly gián ngữ, thành chúng thiện pháp khí, thường ngộ Phật, Pháp, Tăng, bất quy ư đoạn diệt. Đắc thánh vô nhiễm trước, Đà-la-ni bảo tạng, đạt thâm pháp hải nguyên, tốc thành Vô Thượng Giác. Nhược ly thô ác ngữ, thường thuyết nhu nhuễn ngôn, chúng sanh giai ái kính, diệt tiên thế tội nghiệp. Linh chúng thường hoan duyệt, thành Bồ Tát đạo sư, tri chư Phật sở hành, siêu quá Đệ Thập Địa. Nhược ly tạp uế ngữ, trí giả giai ái kính, vị tha sở phát ngôn, cụ hoạch ngữ công đức. Thường thính thọ thánh ngôn, hằng hân cầu thánh đạo, viên mãn chư Phật hải, tốc đắc Nhất Thiết Trí.*

(經)若離不與取，智者皆愛敬，滅貪所生業，獲無貪所生。生生常巨富，能為大施主，得眾寶莊嚴，可愛淨佛國。若離欲邪行，滅臭穢煩惱，枯竭貪愛河，速得淨佛國。拔諸眾生類，令出欲淤泥，安置於大乘，使勤修梵行。若離虛誑語，得聖自在智，常樂諦實言，滅虛妄眾苦。一言為證量，常遇佛法僧，速得大菩提，勸修不妄語。若離離間語，成眾善法器，常遇佛法僧，不歸於斷滅。得聖無染著，陀羅尼寶藏，達深法海源，速成無上覺。若離粗惡語，常說柔軟言，眾生皆愛敬，滅先世罪業。令眾常歡悅，成菩薩導師，知諸佛所行，超過第十地。若離雜穢語，智者皆愛敬，為他所發言，具獲五功德。常聽受聖言，恆



欣求聖道，圓滿諸佛海，速得一切智。

*(Kinh: Là chẳng cho mà lấy, người trí đều kính yêu, diệt cái sanh bởi tham, đạt sanh bởi vô tham. Đòi đòi thường giàu lớn, làm bậc đại thí chủ, được các báu trang nghiêm, cõi Phật tịnh đáng mến. Nếu lia hạnh tà dục, diệt phiền não thôi bản, khô cạn sông tham ái, mau được cõi Phật tịnh. Cứu các loại chúng sanh, thoát bùn lầy ái dục, đặt yên nơi Đại Thừa, khiến siêng tu phạm hạnh. Nếu lia lời hư dối, được trí thánh tự tại, thường thích lời chắc thật, diệt các khổ hư vọng. Một lời làm chứng lượng, thường gặp Phật, Pháp, Tăng, mau đắc đại Bồ Đề, khuyên tu chẳng vọng ngữ. Nếu lia lời ly gián, thành các thiện pháp khí, thường gặp Phật, Pháp, Tăng, chẳng quy về đoạn diệt. Đắc thánh, chẳng đăm nhiệm, tặng báu Đà-la-ni, đạt nguồn biển pháp sâu, mau thành Vô Thượng Giác. Nếu lia lời thô ác, thường nói lời mềm mỏng, chúng sanh đều yêu kính, diệt tội nghiệp đời trước. Khiến chúng thường vui thích, thành Bồ Tát đạo sư, biết chư Phật sở hành, vượt hơn Đệ Thập Địa. Nếu lia lời tạp uế, người trí đều yêu kính, vì người khác thoát lời, trọn được năm công đức. Thường nghe, nhận thánh ngôn, luôn vui cầu thánh đạo, viên mãn biến các Phật, mau đắc Nhất Thiết Trí).*

“Nhược ly bất dữ thủ, trí giả giai ái kính, diệt tham sở sanh nghiệp, hoạch vô tham sở sanh” (Nếu lia “chẳng cho mà lấy”, người trí đều yêu kính, diệt cái được sanh ra bởi tham, đạt được cái sanh bởi vô tham): Chẳng ăn trộm của người khác, sẽ được người có trí yêu kính. Kẻ trộm cắp là tham, [đó là nghiệp] sanh ra bởi tham, đó là chuyện thuộc về tội nghiệp. Chẳng tham, do chẳng tham mà sanh ra Tịnh Độ. Chẳng tham thì “sanh sanh thường cự phú” (đòi đòi thường giàu to), đời nào, kiếp nào cũng đều là kẻ có tiền, đều trở thành trưởng giả đại phú. Tham và trộm đều chẳng được, càng ngày càng nghèo túng, càng chẳng có gì. Càng giàu có thì càng có thể bỏ thí. Càng có thể bỏ thí thì càng tích phước! Do vậy, người đó có thể trở thành bậc đại thí chủ. “Đắc chúng bảo trang nghiêm” (Được trang nghiêm bằng các báu) là cõi Phật thanh tịnh, rốt cuộc sanh vào cõi Phật thanh tịnh. “Nhược ly dục tà hạnh” (Nếu lia hạnh tà dục), tức là xa lìa cả ba thứ giết, trộm, dâm.

Luân thứ ba, “diệt xú uế phiền não”: Kinh Lăng Nghiêm dạy hết sức rõ ràng. Mọi người thấy ngài A Nan khi muốn tán thán đức Phật, đức Phật bèn hỏi ngài A Na thấy Phật như thế nào? Ngài trả lời: “Con thấy như thế này, con chán lia tham dục, nhưng chẳng chứng quả. Chẳng

chúng quả thì tham dục Hoặc vẫn chưa diệt trừ”. Ngài A Nan nói như thế nào? “*Nùng uế tạp loạn, vân hà năng sanh diệu minh tử kim quang tụ?*” (Mủ và chất bẩn lẫn lộn, làm sao có thể sanh ra khối sáng màu nhiệm có màu vàng tía?): Nam nữ sanh ra trẻ nhỏ, tinh cha, huyết mẹ chính là “*nùng uế*” (濃穢), tức máu mủ lẫn lộn. Làm sao có thể sanh khối quang minh màu nhiệm giống như khối quang minh có màu vàng tía trên thân đức Phật? Thân Phật kim sắc, ngài A Nan chẳng tin Phật do tinh cha huyết mẹ sanh ra. Đây là thân công đức, chứ các thứ kia chẳng thể nào sanh ra được! Do vậy, tham dục chẳng thể sanh [kim thân Phật], hiểu điều này là được rồi. Vì thế, phải lìa dục tà hạnh, [tà hạnh] chính là cái sanh bởi phiền não xú uế. “*Khô kiệt tham ái hà, tốc đắc tịnh Phật quốc, bạt chư chúng sanh loại, linh xuất dục ú nê, an trí u Đại Thừa, sử cần tu phạm hạnh*” (Khô cạn sông tham ái, mau được cõi Phật tịnh, cứu vớt các chúng sanh, thoát khỏi bùn lầy dục, đặt yên nơi Đại Thừa, khiến siêng tu phạm hạnh): Làm cho hết thấy chúng sanh đều là phạm hạnh thanh tịnh, đừng nên quá tham dục.

“*Nhược ly hư cuồng ngữ, đắc thánh tự tại trí, thường nhạo để thật ngôn, diệt hư vọng chúng khổ*” (Nếu lìa lời hư dối, được trí thánh tự tại, thường ưa lời chắc thật, diệt các khổ hư vọng): Nếu quý vị lìa hư vọng, chẳng lường gạt kẻ khác, sẽ có thể đạt được trí huệ tự tại, trí huệ thù thắng tự tại, lại ưa thích lời lẽ đúng sự thật, lời lẽ đúng với chân lý, diệt trừ nỗi khổ hư vọng! “*Nhất ngôn vi chứng lượng, thường ngộ Phật, Pháp, Tăng, tốc đắc Đại Bồ Đề, cần tu bất vọng ngữ. Nhược ly ly gián ngữ, thành chúng thiện pháp khí, thường ngộ Phật, Pháp, Tăng, bất quy u đoạn diệt, đắc thánh vô nhiễm trước. Đà-la-ni bảo tạng, đạt thâm pháp hải nguyên, tốc thành Vô Thượng Giác*” (Một lời làm chứng lượng, thường gặp Phật, Pháp, Tăng, mau đắc Đại Bồ Đề, siêng tu không vọng ngữ. Nếu lìa lời ly gián, thành các pháp khí tốt lành, thường gặp Phật, Pháp, Tăng, chẳng quy vào đoạn diệt, đạt được thánh vô nhiễm. Tạng báu Đà-la-ni, thấu đạt nguồn biển pháp sâu xa, mau thành Vô Thượng Giác): Lời ly gián có thể khuấy động người khác, châm ngòi ly gián, khiến cho mọi người chẳng thể hòa hợp, làm sao quý vị có thể gặp Phật, Pháp, Tăng cho được? Cho nên quý vị chẳng thành đạo! Muốn thành đạo, đắc thánh vô nhiễm, nếu mong đạt được tạng báu đà-la-ni, quý vị phải “*đạt thâm pháp hải nguyên, tốc thành Vô Thượng Giác. Nhược ly thô ác ngữ, thường thuyết nhu nhuễn ngôn, chúng sanh giai ái kính, diệt tiên thế tội nghiệp, linh chúng thường hoan duyệt, thành Bồ Tát đạo sư, tri chư Phật sở hành, siêu quá Đệ Thập Địa*” (thấu đạt

nguồn biển pháp sâu xa, mau thành Vô Thượng Giác. Nếu lìa lời thô ác, thường nói lời mềm mỏng, chúng sanh đều yêu kính, diệt tội nghiệp đời trước, khiến chúng thường vui sướng, thành Bồ Tát đạo sư, biết các sở hành của chư Phật, vượt hơn hẳn bậc Đệ Thập Địa). Lìa lời thô ác, có công đức to lớn ngàn ấy. “*Nhược ly tạp uế ngữ, trí giả giai ái kính, vị tha sở phát ngôn, cụ hoạch ngữ công đức*” (Nếu lìa lời tạp uế, người trí đều yêu kính, vì người khác thốt lời, đạt trọn năm công đức): Năm công đức ấy là năm loại công đức được nói trong Tịnh Độ Luận.

*(Kinh) Nhược ly u tham dục, bất phỉ báng thánh giáo, cúng dường phục ca-sa, hoằng tam thừa thánh đạo, đương sanh tịnh Phật quốc. Đạo sư chỉ sở cư, thừa u vô thượng thừa, tốc đắc tối thắng trí. Nhược ly u sân khuể, nhất hướng tu từ tâm, tốc tột chứng đẳng trì, nhạo chúng thánh hạnh xứ, đương sanh tịnh Phật độ, viễn ly chư quá ác, trụ bỉ chứng Bồ Đề, linh ly chư sân phần. Nhược ly u tà kiến, thuận tu tịnh tín tâm, nhạo khai thị tam thừa, diệc cúng dường chư Phật. Vĩnh thoát chư ác thú, ngộ chúng hiền thánh giả, cụ chư Bồ Tát đức, đãi đắc tối thượng trí. Ngã thuyết Thập Thiện Nghiệp, năng thú thắng Bồ Đề, sanh trưởng chư Đẳng Trì, Đà-la-ni, Nhân, Địa. Thủ luân đại oai đức, năng tột chư ác thú, phá hoại chư ác chướng, tốc chứng đại Bồ Đề.*

(經)若離於貪慾，不誹謗聖教，供養服袈裟，弘三乘聖道。當生淨佛國，導師之所居，乘於無上乘，速得最勝智。若離於瞋恚，一向修慈心，速疾證等持，樂眾聖行處。當生淨佛土，遠離諸過惡，住彼證菩提，令離諸瞋忿。若離於邪見，純修淨信心，樂開示三乘，亦供養諸佛。永脫諸惡趣，遇眾賢聖者，具諸菩薩德，速得最上智。我說十善業，能趣勝菩提，生長諸等持，陀羅尼忍地。此輪大威德，能摧諸惡趣，破壞諸惡障，速證大菩提。

*(Kinh: Nếu lìa khỏi tham dục, chẳng phỉ báng thánh giáo, cúng người mặc ca-sa, hoằng thánh đạo ba thừa, sẽ sanh cõi Phật tịnh, là chỗ đạo sư ở. Nương theo vô thượng thừa, mau được trí tối thắng. Nếu lìa khỏi sân khuể, một mực tu từ tâm, mau chóng chứng đẳng trì, ưa thích các thánh hạnh, sẽ sanh cõi Phật tịnh, xa lìa các lỗi ác, trụ đó, chứng Bồ Đề, khiến lìa các sân phần. Nếu lìa khỏi tà kiến, thuận tu tịnh tín tâm, ưa*

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

*khai thị ba thừa, cũng cúng dường chư Phật, mãi thoát các đường ác, gặp các vị thánh hiền. Đủ các Bồ Tát đức, bèn đắc tối thượng trí. Ta nói nghiệp Thập Thiện, hay nhập thắng Bồ Đề, sanh trưởng các Đăng Trì, Đà-la-ni, Nhân, Địa. Luân này oai đức lớn, hay dẹp các đường ác, phá hoại các ác chướng, chóng chứng đại Bồ Đề).*

“*Nhược ly u tham dục, bất phi báng thánh giáo, cúng dường phục ca-sa*” (Nếu lìa các tham dục, chẳng phi báng thánh giáo, cúng dường người mặc ca-sa): truyền y ca-sa, hồng dương tam thừa thánh đạo. “*Đương sanh tịnh Phật quốc, đạo sư chi sở cư. Thừa u vô thượng thừa*” (Sẽ sanh vào cõi Phật thanh tịnh, là chỗ ở của bậc đạo sư. Nương theo vô thượng thừa): Đức Phật ngự trong cõi Phật thanh tịnh, là vô thượng Đại Thừa. “*Tốc đắc tối thắng trí, nhược tuy u sân khuể, nhất hướng tu từ tâm, tốc tột chứng Đăng Trì, nhạo chúng thánh hành xứ*” (Mau được trí tối thắng, dẫu ở trong sân khuể, một mực tu tâm từ, mau chóng chứng Đăng Trì, thích hành xứ chúng thánh): Nếu lìa sân khuể, lìa tham, lìa sân, tu Từ Bi Quán, như thế thì mới có thể thành tựu Phật quả. Đăng Trì (Bình đẳng duy trì) hết thấy các pháp, trì vô lượng nghĩa. “*Đương sanh tịnh Phật độ, viễn ly chư quá ác, vãng bỉ chứng Bồ Đề, linh ly chư sân phần. Nhược ly u tà kiến, thuận tu tịnh tín tâm, nhạo khai thị tam thừa, diệc cúng dường chư Phật. Vĩnh thoát chư ác thú, ngộ chúng hiền thánh giả, cụ chư Bồ Tát đức, đãi đắc tối thượng trí*” (Sẽ sanh cõi Phật tịnh, xa lìa các lỗi ác, về đó chứng Bồ Đề, khiến lìa các sân phần. Nếu lìa các tà kiến, thuận tu tịnh tín tâm, ưa khai thị ba thừa, cũng cúng dường chư Phật. Mãi thoát các đường ác, gặp các bậc thánh hiền, đủ các Bồ Tát đức, bèn đắc trí tối thượng): Như thế thì mới có thể thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

“*Ngã thuyết Thập Thiện Nghiệp, năng thú thắng Bồ Đề, sanh trưởng chư Đăng Trì, Đà-la-ni, Nhân, Địa. Thử luân đại oai đức, năng tột chư ác thú, phá hoại chư ác chướng, tốc chứng đại Bồ Đề*” (Ta nói Thập Thiện Nghiệp, hay nhập thắng Bồ Đề, sanh trưởng các Đăng Trì, Đà-la-ni, Nhân, Địa. Luân này oai đức lớn, dẹp tan các đường ác, phá hoại các ác chướng, mau chứng đại Bồ Đề): Đây là nói tổng quát. Thập Thiện Luân là thành tựu cái nhân của Bồ Đề thù thắng, có thể sanh trưởng mười pháp vô lượng, đó là Đà-la-ni. Vô lượng pháp là Đăng Trì, là Đà-la-ni, là tam-muội. “*Đà-la-ni, Nhân, Địa*” là Thập Nhân, Thập Địa. Oai đức của luân này có thể phá tan các đường ác, phá hoại các ác chướng, mau chứng đại Bồ Đề.

VII. Phước Điền Tướng - Phẩm Đệ Thất

福田相品第七

(Phẩm thứ bảy: Tướng Phước Điền)

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát hữu thập Tài Thí Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Hà đẳng vị thập? Sở vị bố thí chủng chủng âm thực, y phục, bảo sức, tượng, mã, xa, thặng, cập dĩ tự thân thủ, túc, nhĩ, ty, đầu, mục, tủy, não, bì, cốt, huyết, nhục, quốc thành, thê, tử, nô tỳ, điền Trạch. Như thị nhất nhất hành bố thí thời, bất cố thân mạng, bất chuyên vị kỷ cầu u thế gian, xuất thế gian lạc, phát tâm bố thí; dẫn dục phổ vị nhất thiết hữu tình sanh trưởng đại từ, đại bi nha cố, phát tâm bố thí; vị dục dẫn phát thiện xảo phương tiện thù thắng trí cố, phát tâm bố thí; vị dục dẫn phát nhất thiết hữu tình an lạc sự cố, phát tâm bố thí; vị dục trừ diệt nhất thiết hữu tình khổ não sự cố, phát tâm bố thí; vô thắng tha tâm, vô thô quán tâm, vô tật đồ tâm, vô xan lận tâm, nhi hành bố thí. Ư sở thí vật, nhược đa, nhược thiếu, hạ chí nhất thực, chung bất hy cầu tự thọ quả báo, phát tâm bố thí; chung bất hy cầu Thanh Văn Thừa quả, phát tâm bố thí, chung bất hy cầu Độc Giác Thừa quả phát tâm bố thí. Ư sở thí vật, nhược đa, nhược thiếu, hạ chí nhất thực, dẫn vị hy cầu Nhất Thiết Chủng Trí, phát tâm bố thí.

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩，有十財施大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。何等為十？所謂佈施種種飲食、衣服、寶飾、象馬、車乘，及以自身手足耳鼻、頭目髓腦、皮骨血肉、國城、妻子、奴婢、田宅。如是一一行佈施時，不顧身命，不專為己求於世間、出世間樂，發心佈施；但欲普為一切有情生長大慈大悲芽故，發心佈施；為欲引發善巧方便殊勝智故，發心佈施；

為欲引發一切有情安樂事故，發心佈施；為欲除滅一切有情苦惱事故，發心佈施；無勝他心，無粗獷心，無嫉妒心，無慳吝心，而行佈施。於所施物若多若少，下至一食，終不希求自受果報，發心佈施，終不希求聲聞乘果，發心佈施；終不希求獨覺乘果，發心佈施。於所施物若多若少，下至一食，但為希求一切種智，發心佈施。

*(Kinh: Lại này thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát có mười Tài Thí Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể trừ dứt, vượt xa hết thấy Thanh Văn và Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn và Độc Giác làm ruộng phước lớn, hết thấy các vị Thanh Văn và Độc Giác đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Những gì là mười? Tức là bố thí các thứ thức ăn, quần áo, vật trang sức báu, voi, ngựa, xe cộ, cùng với tay, chân, tai, mũi, đầu, mắt, tủy, não, da, xương, máu, thịt của chính mình, quốc thành, vợ, con, nô tỳ, ruộng nương, nhà cửa. Khi hành bố thí mỗi thứ như thế, đều chẳng đoái hoài thân mạng, chẳng chuyên vì cầu sự vui thế gian hay xuất thế gian cho chính mình mà phát tâm bố thí; chỉ vì muốn sanh trưởng mầm đại từ đại bi cho hết thấy hữu tình mà phát tâm bố thí; vì muốn dẫn phát trí thiện xảo phương tiện thù thắng mà phát tâm bố thí; vì muốn dẫn phát sự an lạc cho hết thấy hữu tình mà phát tâm bố thí; vì muốn trừ diệt chuyện khổ não cho hết thấy hữu tình mà phát tâm bố thí; chẳng có tâm vượt hơn người khác, chẳng có tâm thô lỗ, tục tằn, chẳng có tâm ghen ghét, chẳng có tâm keo kiệt mà hành bố thí. Đối với các vật bố thí, dù nhiều hay ít, thậm chí một bữa ăn, trọn chẳng mong cầu quả Thanh Văn Thừa mà phát tâm bố thí, trọn chẳng mong cầu quả Độc Giác Thừa mà phát tâm bố thí. Đối với các vật bố thí, dù nhiều hay ít, thậm chí một bữa ăn, chỉ vì mong cầu Nhất Thiết Chứng Trí mà phát tâm bố thí).*

Nói xong phẩm Thập Thiện Nghiệp Đạo, phẩm này là phẩm Phước Điền Tướng. Thập Thiện Nghiệp Đạo là bảy chi nơi thân và miệng (tức giết, trộm, dâm, nói dối, nói dối chiều, nói thêu dệt, và nói thô ác), cộng thêm tham, sân, si. Đây là hữu vi, chỉ nói về pháp Thanh Văn Thừa và Duyên Giác Thừa. Nếu nói cao hơn bước nữa, Thập Thiện Nghiệp Đạo từ Nhân Thiên Thừa cho đến Bồ Tát Thừa đều trọn đủ, là pháp chung của năm loại người tu hành. Nếu dùng pháp Thập Thiện

Nghiệp Đạo để hiển thị và hóa độ chúng sanh, sẽ là Bồ Tát. Nếu là Thanh Văn và Duyên Giác, họ mong tu Khổ, Tập, Diệt, Đạo, mười hai nhân duyên, cũng ắt cần phải lấy Thập Thiện Nghiệp Đạo làm cơ sở. Chiếu theo kinh văn trong phần trước, sau khi đã chết, lại sanh trong nhân gian, đạt được phước đức to lớn; đây là phước đức đáng nên lãnh thọ của chính Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nếu trong tâm quý vị thâm nhập quán tưởng thì sẽ là Đại Thừa. Đó là pháp chung cho cả ba thừa, tùy thuộc loại căn cơ nào, sẽ có thể lãnh thọ pháp thuộc loại ấy.

Tướng phước điền khác nhau; [ở đây], tướng phước điền thuần túy nói theo Bồ Tát Ma Ha Tát. Phước điền để gieo phước, tức là ruộng nương để gieo phước chẳng thể nghĩ bàn. Mỗi đoạn [kinh văn] và mỗi luân đều có hai loại tướng: Một là tướng thế gian, hai là tướng xuất thế gian. Trong thế gian, Bồ Tát thuận theo chúng sanh để nói, hành Bồ Tát đạo như thế nào, khiến cho chúng sanh tích tụ phước điền. Phước điền của Bồ Tát là Không nghĩa, tức là “*phước điền mà chẳng có phước điền*”. Đây chính là ý nghĩa “*tướng chính là vô tướng*”. Nếu Bồ Tát mong hành Bồ Tát đạo, tức Lục Độ vạn hạnh trong Bồ Tát đạo, chính là dùng bố thí đứng đầu [trong các hạnh ấy]. Trước hết, nói về Tài Thí; kế đó, nói về Pháp Thí. Nếu chẳng dùng pháp để bố thí, chẳng dùng tài để bố thí, mà mong nhập chúng sanh giới, sẽ rất khó khăn. Để có thể chẳng bị ngũ dục xoay chuyển, chẳng theo chúng sanh trầm luân trong thế gian, phải trang bị đôi chút. Do vậy, chữ Trụ (冑) trong “*đại giáp trụ*” (大甲冑) có nghĩa là gì? Chính là Khôi (盔) che đầu (mũ sắt hay mũ da dầy). “*Giáp*” (甲) là đội khôi, mặc giáp. Bởi lẽ, quý vị muốn độ chúng sanh, Đồng Sự Nhiếp chúng sanh, thị hiện giống như chúng sanh, quý vị phải phòng hộ đôi chút.

Phòng hộ như thế nào? Tức là trang bị đôi chút nhằm bảo vệ chính mình. Dùng gì để bảo vệ? “*Giáp trụ*” là hình dung như đang ở trong chiến trận, phải đội khôi khoác giáp để khỏi bị địch nhân gây thương tích. Nếu quý vị vào trong chúng sanh giới độ chúng sanh, chẳng bị chúng sanh nhuốm bẩn, chẳng bị chúng sanh xoay chuyển, mà có thể chuyển chúng sanh. Đây là nói đến bậc Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng có nghĩa là đạo lực của Ngài rất sâu dầy. Vận dụng cái luân này, có thể diệt trừ nỗi đau khổ do nghèo túng, thiếu hụt của chúng sanh. Chẳng có tiền, sẽ rất đau khổ, cho nên phải dùng tài vật để bố thí. Nếu Bồ Tát thành tựu Tài Thí Đại Giáp Trụ Luân, từ lúc Ngài mới phát tâm, đã có thể đoạn trừ ngũ dục. Chuyện này đối với chúng tôi có đôi chút chẳng phù hợp! Tôi

xuất gia hơn sáu mươi năm, hiện thời vẫn chẳng thể hoàn toàn đoạn trừ ngũ dục, thế mà các vị Bồ Tát ấy vừa phát tâm bèn đoạn trừ ngũ dục, chẳng tham luyến thế gian. Nhưng các Ngài chẳng lìa thế gian, khác hẳn Thanh Văn và Duyên Giác. Vừa mới phát tâm, liền có thể đoạn trừ ngũ dục. Trong phần trước, chúng tôi đã nói về cảnh giới ngũ dục rất nhiều. Nói nông cạn, dễ hiểu là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Sở dĩ chúng ta chẳng thể dấy lên tinh tấn nổi, giải đãi, là vì bị ngũ dục lôi kéo, dẫn dắt! Khi chúng ta bố thí, luôn xen tạp rất nhiều ô nhiễm! Trong phần trước, khi nói về Thập Thiện Nghiệp Đạo, trong ấy đã xen tạp rất nhiều ô nhiễm, chẳng dùng cái tâm thanh tịnh để hành tài thí. Bất luận quý vị đang làm gì, cúng dường Tam Bảo cũng thế, mà cho đến khi cứu tế trong xã hội cũng thế, trong mỗi hành vi, đều xen tạp rất nhiều ý niệm chẳng thanh tịnh. Nhân địa chẳng chân thật, chuốc lấy cái quả cong queo. Tâm chẳng thanh tịnh, mà quý vị mong đạt được cái quả chân thật, sẽ là chuyện chẳng thể được!

Đoạn kinh văn này nói Bồ Tát Ma Ha Tát dùng Tài Thí làm công cụ để nghiên nát ngũ dục. Khi phát tâm, hành Bồ Tát đạo, khi tài bố thí, sẽ đoạn trừ ngũ dục. Hiện thời, vị ấy không chỉ đoạn trừ ngũ dục, mà Trần Sa vô minh cũng phá dần dần. Các vị Đấng Địa Bồ Tát ấy đoạn một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Do vậy, các Ngài vượt xa hết thầy các vị Thanh Văn và Độc Giác, làm phước điền to lớn cho trọn khắp hết thầy Thanh Văn và Duyên Giác. Hết thầy các vị thuộc hai thừa Thanh Văn và Duyên Giác đều phải nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ vị đại Bồ Tát này. Vì sao? Các Ngài lợi ích họ. Bồ Tát Ma Ha Tát có thể tạo lợi ích cho hết thầy Thanh Văn và Duyên Giác. Đây là nói tổng quát. Tiếp đó liền nói phân biệt những gì là Tài Thí Đại Giáp Trụ Luân?

“*Hà đấng vi thập?*” (Những gì là mười?) Mang ý nghĩa gạn hỏi, khơi gợi, nhằm giải thích khái quát một phen. “*Sở vị bố thí chủng chủng ẩm thực, y phục, bảo sức, tượng, mã, xa, thặng, cập dĩ tự thân thủ, túc, nhĩ, ty, đầu, mục, tủy, não, bì, cốt, huyết, nhục, quốc thành, thê, tử, nô tỳ, điền Trạch. Như thị nhất nhất hành bố thí thời, bất có thân mạng*” (Tức là bố thí các thứ thức ăn, y phục, vật trang sức báu, voi, ngựa, xe cộ, cùng với tay, chân, tai, mũi, đầu, mắt, tủy, não, da, xương, máu, thịt của chính mình, quốc thành, vợ, con, nô tỳ, ruộng nương, nhà cửa. Khi hành bố thí từng món như thế, chẳng đoái hoài thân mạng): Tài Thí [của Bồ Tát] chẳng giống như cách chúng ta thường bố thí. Do vậy, khi nêu tổng quát trong phần trước, đã nói là “*đại Bồ Tát*”. Ngài có thể vét cạn sức



lực để bố thí. Hành động bố thí ấy bao gồm bố thí các thứ thức ăn, y phục, cho đến bảo bối, voi, ngựa, xe cộ, đều là các thứ ngoài thân. Còn có bản thân của chính Ngài, cho đến lục căn đều có thể bố thí. Tay, chân, tai, mũi, đầu, mắt, tủy, não, da thịt, huyết nhục, quốc thành, vợ con, nô tỳ, ruộng nương, nhà cửa. Khi hành bố thí mỗi món như thế, đều chẳng màng đến sanh mạng của chính mình. Bồ Tát chẳng vì cầu an lạc cho chính mình, chỉ mong cho chúng sanh lìa khổ. Đây là bản ý của Bồ Tát. Do vậy, trở thành Bồ Tát chính là chúng sanh có đại đạo tâm, Ngài chuyên tạo lợi ích cho hết thảy hữu tình, chưa hề nghĩ tới chính mình. Cho thấy Ngã Chấp cũng đã đoạn! Nếu Pháp Chấp tồn tại, sẽ chẳng thể thí cùng tận được!

[Trong phần sau], còn có Pháp Thí Thập Luân, phần này nói về thế gian Thập Luân. Còn có xuất thế gian Thập Luân. Ngài chẳng vì cầu sự vui sướng thế gian hay xuất thế gian cho chính mình mà phát tâm bố thí. Nhân địa chân thật, cảm quả chân thật, có thể thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Trong khi bố thí, Ngài chẳng vì lợi ích thế gian, cho đến lợi ích xuất thế gian, Ngài cũng chẳng cầu. Tướng của phước điền ấy là tướng gì? Chính là Không tướng. Do vậy, trong kinh Kim Cang, đức Phật đã nói, khi Bồ Tát hành bố thí, cúng dường, làm hết thảy các thiện pháp, nhưng chẳng đạt được phước đức. Ngài Tu Bồ Đề liền rất hoài nghi, vì sao khi Bồ Tát hành Bồ Tát đạo lại chẳng có phước đức? Đức Phật nói Bồ Tát chẳng chấp trước phước đức ấy. Nếu Ngài chấp trước, sẽ chẳng phải là Bồ Tát. Do đó, Ngài chỉ là chẳng chấp trước đó thôi! Chẳng đoái hoài thân mạng, cho tới bố thí như thế, chỉ nhằm mục đích lợi ích chúng sanh. Tâm đại từ đại bi của Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, tu từ bi cũng chẳng phải là đơn giản mà có thể thực hiện được!

Vô Trước Bồ Tát mong thân cận Từ Thị Bồ Tát, tức là Di Lạc Bồ Tát. Ngài ở trong núi tu từ tâm tam-muội suốt mười năm. Mong thành Phật, mong dẹp trừ hết thảy đau khổ cho chúng sanh, cho nên gọi là từ tâm tam-muội. Tu đã mười năm, điều gì cũng chẳng đạt được, cũng chẳng thấy chi hết, dường như vô duyên, Ngài liền ngã lòng. Ngài xuống núi, xuống núi được nửa đường, gặp một bà cụ đang cầm một cái chày sắt rất to đang mài thành kim. Ngài hỏi: “Bà cụ ơi! Cụ đang làm gì vậy?” Bà cụ đáp: “Tôi mài kim”. “Cụ mài kim để làm gì?” Bà cụ bảo: “Con gái tôi sắp xuất giá, tôi mài kim để may quần áo cho nó làm đồ cưới”. Vô Trước Bồ Tát cười bảo: “Cụ mài thành kim, chỉ sợ con gái cụ chết rồi, làm sao có thể mài thành kim cho được?” Bà cụ bảo Ngài: “Hễ đổ công,

tự nhiên sẽ thành”. Ngài bỗng dung khai ngộ, nói: “Ta chẳng có công phu ấy, cho nên chẳng thể thấy Từ Thị Bồ Tát!” Ngài không đi, trở lại núi tu mười năm nữa, tổng cộng tu hai mươi năm, vẫn là chẳng có gì hết, ngay cả hình ảnh cũng chẳng thấy. Như chúng ta bái sám, niệm Phật, mong được giấc mộng tốt đẹp, cầu rất nhiều, đều thuộc về hữu tướng. Đây chẳng phải là Bồ Tát Ma Ha Tát phát tâm!

Do vậy, Ngài xuống núi lần thứ hai. Lần này Ngài hạ quyết tâm ra đi, cũng chẳng gặp cảnh giới gì. Xuống chân núi, bên cạnh một con sông, thấy một con chó. Con chó ấy da bụng bị một vết lở loét, đang rên siết, rất đau khổ. Trước khi xuất gia học đạo, ngài Vô Trước là thầy thuốc, chuyên trị các chứng bệnh ung thũng, nay đối trước cảnh này. Ngài tu từ tâm hai mươi năm, tính giúp nó chữa trị, nhưng con chó ấy bần quá. Ngài nghĩ: “Nếu con chó này là người, ta còn có thể chữa trị một phen”. Ngài nghĩ ngợi, bỏ đi một đoạn, lại nghĩ: “Sai rồi! Ta tu từ tâm tam-muội hai mươi năm. Tu từ tâm là bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh, vì sao lại có tâm phân biệt?” Ngài quay trở lại, đã đi rồi quay lại như thế, lặp lại mấy lần, chẳng hạ quyết tâm nổi. Cuối cùng, Ngài nghĩ: “Công phu hai mươi năm ta chớ nên lãng phí, vẫn phải giúp nó chữa trị”. Do vậy, bèn nhắm mắt hút mủ từ vết thương ấy. Vết thương ấy ắt cần phải dùng miệng hút. Ngài hút lấy, trong tâm nghĩ rất ghê tởm, chắc sẽ ói. Khi sắp ói, cảm thấy hương vị không đúng! Vết lở loét nung mủ chẳng thể có hương vị thơm ngon, hương vị thượng diệu thế này! Mở bừng mắt ra nhìn, chó đã chẳng còn, Từ Thị Bồ Tát xuất hiện. Vì thế, Ngài liền hỏi: “Thưa Bồ Tát! Con tu hai mươi năm, hằng ngày lạy Ngài, cầu Ngài, rớt cuộc Ngài vẫn thử thách con một phen!” Từ Thị Bồ Tát đáp: “Ta cũng rất sốt ruột, mọi ngày ta đều chuẩn bị gia trì ông, nhưng ông chẳng thềm đoái hoài tới ta”. Đó là vì trong ấy có nghiệp chướng!

Vì thế, chúng ta biết là dùng đại từ đại bi tâm để phát tâm Bồ thí, rất khó! Nếu chẳng có trí huệ thù thắng, mà mê mộng đại từ đại bi tâm của chúng ta sẽ chẳng thể nảy sanh được! Không phải là tôi khinh rẻ quý vị, mà đối với chính tôi cũng vậy! Cái tâm đại từ bi của chúng ta hết sức hữu hạn! Cái tâm trắc ẩn ai nấy đều có, nhưng trong tâm đại bi của chúng ta có ái kiến. Nếu là thân hữu của chính mình, hoặc nếu là người mà ta tôn kính, ta ưa thích, sẽ có tâm từ bi. Nếu gặp phải oán gia, hoặc là một con chó như đã nói trên đây, chẳng khởi tâm từ bi được, làm sao quý vị có thể Bồ thí, chẳng màng đến thân mạng, những gì chính mình vốn có đều cúng dường cho người khác được ư? Chẳng chịu! Chúng ta

có thể tự mình trải nghiệm điều này, thậm chí có lúc đã bố thí rồi mà lấy lại!

Cảnh giới trong kinh Đại Tập Thập Luân càng lúc càng sâu, dạy ta hành Bồ Tát đạo như thế nào? Khi cúng dường chúng sanh, đều coi như đang cúng dường Phật, đều đối đãi với chúng sanh như Phật. Vì Bồ Tát muốn thành Bồ Tát đạo, theo phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, nếu chẳng có chúng sanh, chúng ta sẽ chẳng thể thành Bồ Tát đạo! Ân chúng sanh khó báo, vì chúng sanh khiến cho chúng ta có thể thành Phật. Vì thế, đại Bồ Tát sau khi phát tâm bố thí, mục đích và nguyện vọng của Ngài là làm cho trọn khắp hết thấy hữu tình đều có thể thành Phật, khiến cho hết thấy hữu tình cũng có thể sanh khởi mầm mống đại từ đại bi. Vì duyên có như vậy, nên mới phát tâm bố thí. Đồng thời, vì muốn dẫn phát trí phương tiện thiện xảo thù thắng cho nên phát tâm bố thí. Dẫn dắt ai? Dẫn hết thấy chúng sanh cũng phát khởi cái tâm lợi ích chúng sanh, lần lượt dạy bảo nhau. Đồng thời, nói theo bản thân Bồ Tát, dẫn phát phương tiện trí lợi ích chúng sanh của chính mình. Phương pháp để lợi ích chúng sanh của các vị Bồ Tát chính là trí huệ phương tiện của Ngài. Phải học phương tiện trí ấy, chúng ta cũng mong giúp đỡ người khác. Nếu phương pháp chẳng đúng, không chỉ chẳng thể giúp đỡ được, mà chính mình còn chuốc lấy rất nhiều phiền não. Rất nhiều đạo hữu đã có kinh nghiệm này: Chẳng hạn như dựng chùa, ta mong làm chút công đức, lập Phật Học Viện để tạo công đức, nghe kẻ khác nói này nói nọ, cả một đồng bàn ra tán vào, [rớt cuộc] chùa nào cũng chẳng dựng, Phật Học Viện nào cũng chẳng lập! Họ đã thoái tâm bèn sanh hủy báng. Đối với chuyện này, tôi đã nghe quá nhiều, vì sao không dám nói? Chẳng kể lỗi Tam Bảo! Cho đến đối với ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cũng đều chẳng dám nói. Đừng nên kể lỗi của bốn chúng. Đây là phạm giới căn bản của Bồ Tát. Chẳng hợp tướng phước điền, phước ấy gieo xuống, căn bản là chẳng nảy mầm được, sẽ biến thành mầm cháy, hạt lép. Trong phần nói về Thập Thiện Nghiệp Đạo và Thập Ác Luân, đã nói hết sức rõ ràng. Như thế thì quý vị sẽ đọa địa ngục Vô Gián, cho đến địa ngục Cận Vô Gián. Báng Tam Bảo còn nặng hơn tội đọa địa ngục Vô Gián nữa!

Vì sao tin Phật khá nhiều năm, vẫn chẳng có thành tựu chi cả, do nguyên nhân nào? Chúng ta đã tạo ba nghiệp thân, miệng, ý quá nhiều! Quý vị chẳng biết là đang tạo nghiệp. Nếu đối chiếu một chút với kinh Đại Tập Thập Luân, quý vị mới biết mười nghiệp nơi thân, miệng, ý, Thập Thiện Nghiệp và Thập Ác Nghiệp, Thập Ác Luân và Thập Thiện Luân đặc biệt khó ngăn ngừa, bảo vệ. Chúng ta ngỡ dường như rất dễ

dàng, đó là cách nghĩ kiêu mạn, chẳng phải là chân thật! Do đó, Bồ Tát dùng trí phương tiện thiện xảo thù thắng để hành bố thí, khiến cho hết thảy chúng sanh đều có thể an lạc bố thí. Khi quý vị hành bố thí, phải phát tâm, phải phát nguyện, nhất định phải trọn đủ từ, bi, hỷ, xả, tứ vô lượng tâm.

Đồng thời, Bồ Tát dùng tài bố thí để trừ diệt khổ não của hết thảy chúng sanh, cho nên phát tâm bố thí. Lúc chúng sanh đang trong khổ nạn, quý vị phát tâm bố thí, ban tài thí cho họ, quý vị phải phát tâm thiện xảo phương tiện, phát tâm dẫn họ nhập pháp, hướng dẫn họ thành đạo, liễu thoát sanh tử. Quý vị còn phải buông xuống hết thảy, đầy bất quá là dùng tài vật để hướng dẫn họ đó thôi. Vì thế, Phật giáo nói, khi độ chúng sanh, trước hết dùng dục để lôi kéo, dần dần dẫn nhập Phật đạo. Tức là trước hết dùng các thứ họ ưa thích, hoặc thứ họ khuyết thiếu, để dẫn dụ họ, dần dần có thể dẫn vào Phật đạo, nhiếp thọ họ. Đồng thời, trong khi Bồ Tát phát tâm bố thí, chớ nên so sánh với người khác, chớ nên nói kẻ nọ bỏ ra nhiều tiền hơn, ta cần phải vượt hơn hẳn. Hẳn bỏ một vạn, ta phải bỏ ra hai vạn! Tài lực của người ta như thế nào, tài lực của quý vị ra sao, chẳng cần phải so sánh, chẳng cần mong vượt hơn người khác. Quý vị hành đạo của quý vị là được rồi, nghĩa là đừng có cái tâm phải thắng kẻ khác, chẳng có tâm thô lỗ, tục tằn. “*Tâm thô lỗ, tục tằn*” có nghĩa là tâm chẳng nhu hòa, chẳng thiện thuận, chẳng điều nhu.

Trong khi hành bố thí, của cải tuy to tát, nhưng xen tạp các thứ tâm chẳng tinh sạch, chẳng khiết tịnh. “*Tài đại khí thô*”<sup>44</sup> chẳng phải là cái tâm cứng dướng. Do vậy, trong kinh Địa Tạng, khi nói tới phẩm thứ mười, Địa Tạng Bồ Tát đã thỉnh đức Phật so sánh công đức, dạy về công đức bố thí của chúng sanh: Vì sao có người hưởng thụ một đời, có người hưởng thụ mười đời, có người hưởng thụ trăm ngàn ức đời chẳng hết? Tài vật như nhau, chẳng tăng nhiều hơn, nguyên nhân [khiến cho người bố thí hưởng phước khác nhau] là vì đâu? Cái tâm bất đồng! Ất phải dùng cái tâm Bồ Đề, tối thiểu là không có cái tâm muốn thắng người khác, không có thứ tâm thô ác ấy! Lại còn có tâm ghen tỵ. Rất nhiều kẻ có cái tâm ghen tỵ ấy, còn có những kẻ tâm bủn xỉn. Tuy bố thí, sau đó lại sanh lòng hối hận, luyến tiếc, keo kiệt, tham lam, ghen tỵ, lại còn tiếc

---

<sup>44</sup> “*Tài đại khí thô*” (財大氣粗) có hai ý nghĩa. Một là tài sản to lớn, nghĩa thứ hai là cậy vào tiền tài sẵn có, dư dả để ý thể khinh hiếp người khác. Từ ngữ này thường được dùng theo ý nghĩa xấu: Kẻ sẵn tiền, lắm của, sẵn sàng vung tay chi tiền cốt sao thỏa mãn thể diện.

re! Hành bố thí kiểu đó, bất luận vật được thí dù nhiều hay ít, “*hạ chí nhất thực*” (thậm chí một bữa ăn), cho đến bố thí bảy báu đầy cả một tam thiên đại thiên thế giới vào buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, ba thời đều hành bố thí như thế, vẫn chẳng đạt được phước đức to lớn. Thậm chí, còn có trường hợp ngay cả phước đức cũng chẳng có, đặc biệt là đối với Tam Bảo, mà đối với chúng sanh cũng là như thế. Bất luận bố thí nhiều hay ít, chớ nên cầu chính mình hưởng quả báo, thí mà chẳng mong mỗi được báo đáp. Nho gia Trung Hoa cũng nghĩ như thế (“*thi ân bất cầu báo*”)! Khi bố thí mà hy vọng được báo đền, tức là quý vị có ý đồ, đây chẳng phải là bố thí. Thậm chí tuy bố thí rất ít, vẫn hy vọng người khác báo đáp, vậy thì chẳng còn là bố thí nữa! [Cứ nghĩ] “ta làm chuyện tốt”, vậy là mục đích của quý vị chẳng thuần!

Nếu phát tâm bố thí, trọn chẳng mong cầu quả Thanh Văn Thừa mà phát tâm bố thí, đừng mong chứng đắc quả A La Hán. Phát tâm như vậy quá cục hạn, nhỏ bé. Chúng ta mong liễu sanh tử, đoạn Tập nhân thế gian; sau đó, tiêu diệt khổ quả thế gian, dùng cái nhân tu Đạo để chứng đắc Thiên Không Niết Bàn, chẳng phải là Niết Bàn chân không rốt ráo. Kiểu đó là cầu quả Thanh Văn. Mong liễu sanh tử, mong chứng đắc Đại Bát Niết Bàn, quý vị phát tâm cầu Phật quả, phát tâm cầu chứng đắc quả Bồ Đề. Phát cái tâm bố thí ấy chính là Bồ Đề tâm. Do vậy nói: Chẳng mong cầu quả vị Độc Giác Thừa mà phát tâm bố thí. Không chỉ chẳng mong cầu quả vị Thanh Văn Thừa, mà quả vị Độc Giác Thừa cũng chẳng mong cầu. Hợp cả hai đằng lại, tức là [chẳng mong cầu] quả vị Nhị Thừa. Đối với vật phẩm hoặc vật chất để thí, dù nhiều hay ít, “*hạ chí nhất thực, dẫn vị hy cầu Nhất Thiết Chúng Trí*” (thậm chí một bữa ăn, chỉ vì mong cầu Nhất Thiết Chúng Trí), tức là cầu thành Phật. Sau đó, đối với thiện sự bất luận lớn hay nhỏ, niệm nào cũng đều mong cầu thành tựu Nhất Thiết Chúng Trí, mong cầu thành Phật quả. Phát tâm như vậy là đúng!

*(Kinh) Thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu như thị thập chủng Tài Thí Đại Giáp Trụ Luân, từng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Sở dĩ giả hà? Thanh Văn, Độc Giác phát tâm bố thí, vô đại từ bi, dẫn vị kỹ thân xả bản cùng cố, dẫn vị kỹ thân thoát chúng khổ cố, dẫn vị kỹ thân đắc an lạc cố, dẫn vị kỹ thân chứng Niết Bàn cố, bất năng*

phổ vị nhất thiết hữu tình nhi hành bố thí. Bồ Tát Ma Ha Tát phát tâm bố thí hữu đại từ bi, phổ vị hữu tình xả bản cùng cố, phổ vị hữu tình thoát chúng khổ cố, phổ vị hữu tình đắc an lạc cố, phổ vị hữu tình chứng Niết Bàn cố, bất vị tự thân nhi hành bố thí. Dĩ thị nghĩa cố, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Bồ Tát Ma Ha Tát tu hành Tài Thí Ba La Mật Đa thời, u diệu ngũ dục, tâm vô nhiễm trước, tự sở nhiếp thọ nhất thiết lạc cụ, phổ năng thí dữ nhất thiết hữu tình. Y phổ nhiếp thọ chư hữu tình tâm, y tự nhẫn thọ nhất thiết khổ tâm, y diệt nhất thiết hữu tình khổ tâm, y dữ nhất thiết hữu tình lạc tâm, y dữ hữu tình đại Niết Bàn tâm, nhi hành bố thí. Dĩ thị nghĩa cố, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác đẳng, giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Thiện nam tử! Nhược u ngũ dục, tâm vô nhiễm trước, cụ đại từ bi nhi hành bố thí, thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã, diệc danh nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác chân thật phước điền. Nhược bất trừ đoạn thế gian ngũ dục, vô đại từ bi nhi hành bố thí, tuy xả vô lượng vô biên thí vật, nhi do bất đắc danh vi Bồ Tát Ma Ha Tát dã, diệc phi nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác chân thật phước điền. Thử thí bất mông thánh ấn sở ấn. Thị cố, ưng đoạn thế gian ngũ dục, cụ đại từ bi nhi hành bố thí. Nhược bất đoạn u thế gian ngũ dục, vô đại từ bi, nhi hành bố thí, bất danh Bồ Tát, phi chân phước điền. Thiện nam tử! Nhiễm trước ngũ dục, hành bố thí luân, thượng bất năng diệt tự thân sở hữu thiếu phần khổ não, huống năng trừ diệt nhất thiết hữu tình vô lượng khổ não?

(經)善男子！菩薩摩訶薩，成就如是十種財施大甲冑輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。所以者何？聲聞、獨覺發心佈施，無大慈悲，但為己身舍貧窮故，但為己身脫眾苦故，但為己身得安樂故，但為己身證涅槃故，不能普為一切有情而行佈施。菩薩摩訶薩發心佈施，有大慈悲，普為有情舍貧窮故，普為有情脫眾苦故，普為有情得安樂故，普為有情證涅槃故，不為自身而行佈施。以是義故，超勝一切聲聞

、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。菩薩摩訶薩，修行財施波羅蜜多時，於妙五欲心無染著，自所攝受一切樂具，普能施與一切有情。依普攝受諸有情心，依自忍受一切苦心，依滅一切有情苦心，依與一切有情樂心，依與有情大涅槃心而行佈施。以是義故，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。善男子！若於五欲心無染著，具大慈悲，而行佈施，是名菩薩摩訶薩也，亦名一切聲聞、獨覺真實福田。若不除斷世間五欲，無大慈悲，而行佈施，雖舍無量無邊施物，而猶不得名為菩薩摩訶薩也，亦非一切聲聞、獨覺真實福田。此施不蒙聖印所印。是故，應斷世間五欲，具大慈悲，而行佈施。若不斷於世間五欲，無大慈悲，而行佈施，不名菩薩，非真福田。善男子！染著五欲，行佈施輪，尚不能滅自身所有少分苦惱，況能除滅一切有情無量苦惱？」

*(Kinh: Này thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu mười thứ Tài Thí Đại Giáp Trụ Luân như thế, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt xa hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, làm ruộng phước lớn cho khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác. Hết thấy Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vì có sao vậy? Thanh Văn, Độc Giác phát tâm bố thí chẳng có đại từ bi, chỉ vì chính mình xả bần cùng, chỉ vì chính mình thoát các khổ, chỉ vì chính mình được an vui, chỉ vì chính mình chứng Niết Bàn, chẳng thể vì khắp hết thấy hữu tình mà hành bố thí. Bồ Tát Ma Ha Tát phát tâm bố thí có đại từ bi, vì xả trừ bần cùng cho trọn khắp các hữu tình, vì khiến cho trọn khắp hữu tình thoát các khổ, vì khiến cho trọn khắp các hữu tình được an lạc, vì khiến cho trọn khắp các hữu tình chứng Niết Bàn, chẳng vì chính mình mà hành bố thí. Do bởi nghĩa này, vượt xa hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Khi Bồ Tát Ma Ha Tát tu hành Tài Thí Ba La Mật Đa, đối với các ngũ dục tốt đẹp, tâm chẳng nhiễm đắm, có thể thí trọn khắp*

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

*hết thấy các vật dụng vui thích thuộc về chính mình cho hết thấy hữu tình. Nương vào cái tâm nhiếp thọ trọn khắp các hữu tình, nương theo cái tâm tự chịu đựng hết thấy các khổ, nương vào cái tâm diệt khổ cho hết thấy hữu tình, nương vào cái tâm ban vui cho hết thấy hữu tình, nương vào cái tâm ban Đại Niết Bàn cho hữu tình mà hành bố thí. Do bởi nghĩa này, hơn hẳn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước rộng lớn. Hết thấy Thanh Văn, Độc Giác đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Đây thiện nam tử! Nếu đối với ngũ dục, tâm chẳng nhiễm đắm, trọn đủ đại từ bi mà hành bố thí, thì gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng gọi là ruộng phước chân thật cho hết thấy Thanh Văn, Độc Giác. Nếu chẳng đoạn trừ ngũ dục thế gian, chẳng có lòng đại từ bi mà hành bố thí, tuy xả vô lượng vô biên vật để thí, vẫn chẳng được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng chẳng phải là ruộng phước chân thật của Thanh Văn, Độc Giác. Sự bố thí ấy chẳng được thánh ấn in vào. Vì thế, hãy nên đoạn ngũ dục thế gian, trọn đủ đại từ bi mà hành bố thí. Nếu chẳng đoạn ngũ dục thế gian, chẳng có đại từ bi mà hành bố thí, chẳng gọi là Bồ Tát, chẳng phải là ruộng phước chân thật. Đây thiện nam tử! Đắm nhiễm ngũ dục, hành bố thí luân còn chẳng thể diệt chút phần khổ não vốn có của chính mình, huống hồ có thể trừ diệt vô lượng khổ não của hết thấy hữu tình ư?)*

Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu mười loại Tài Thí Đại Giáp Trụ Luân như thế, từ lúc mới phát tâm, “nhất thiết ngũ dục giai năng đoạn trừ” (hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ), vừa phát tâm liền có thể đoạn trừ. Thanh Văn, Duyên Giác Thừa chẳng làm được! Điều này cho thấy hàng Bồ Tát vượt xa hết thấy Thanh Văn, Duyên Giác, cho nên các Ngài có thể làm ruộng phước lớn cho Thanh Văn, Độc Giác Thừa. Đối với bậc thiện tri thức như vậy, hết thấy Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều phải nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vì có sao vậy? Thanh Văn, Độc Giác phát tâm bố thí, nhưng chẳng có lòng đại từ bi, chẳng có tâm từ bi, vì họ chẳng phát Bồ Đề tâm. Từ bi thuộc về Bồ Đề tâm. Đại từ bi được nói ở đây là đại từ bi như thế nào? Chúng ta giúp đỡ, cứu tế người khác, phải giúp triệt để! Cứu một người mà chỉ cứu người ấy thoát khỏi tử nạn thì vẫn chưa tính là triệt để. Phải dùng lời Phật dạy khiến cho người ấy thành Phật thì mới là triệt để.

Có tâm đại từ bi, độ hết thấy chúng sanh, đều mong mỗi họ thành Phật, như thế là có lòng đại từ bi. Chỉ vì xả sự bận rộn của chính mình, vì sao ta chịu khổ? Do trong quá khứ ta chẳng bố thí. Do bố thí, bèn đạt



được phước báo. Vì chẳng gieo phước ấy, cho nên nghèo cùng. Phàm vì chính mình chứng Niết Bàn, liễu sanh tử, mong tự mình vượt thoát tam giới, trông thấy đời ác ngũ trược rất khổ, sanh lòng chán lìa; đây đều là sự phát tâm của hàng Nhị Thừa. Bồ Tát phát Bồ Đề tâm thì cái tâm thứ nhất là tâm chán lìa, tức là tâm xuất ly. Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Luận có nói về tâm xuất ly, nhưng [Bồ Tát] đã phát tâm xuất ly, chán lìa thế gian, lại chẳng rời lìa thế gian, vì sao? Vì hết thấy chúng sanh còn chưa đắc độ. Bồ Tát muốn làm cho hết thấy chúng sanh đều hiểu rõ cái tâm xuất ly. Phát tâm như nhau, trình độ của hai người (Bồ Tát và Nhị Thừa) khác nhau! Bồ Tát vì hết thấy chúng sanh được yên vui, chẳng cầu an lạc cho chính mình, mong mỗi hết thấy chúng sanh đều có thể trọn đủ tâm xuất ly, không chỉ vì riêng mình có tâm xuất ly. Do chính mình đã hiểu rõ, biết hết thấy thế gian là khổ, thế giới là Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, nhưng Ngài biết chẳng thể buông xả sự nghiệp độ chúng sanh, phải phát đại Bồ Đề tâm. Bồ Tát Ma Ha Tát phát tâm bồ thí có lòng đại từ bi, chẳng giống Thanh Văn. Thanh Văn chẳng thể vì trọn khắp hết thấy hữu tình mà hành bố thí. Khi Bồ Tát phát tâm bồ thí, Ngài có tâm đại từ bi, không chỉ cứu tế cái thân người khác, mà còn muốn cứu tế cái tâm của họ, khiến cho họ thành Phật, khiến cho họ phát Bồ Đề tâm. Không chỉ vì khiến cho hết thấy hữu tình thoát lìa nghèo cùng, khôn khổ mà thôi, Ngài nguyện làm cho trọn khắp hết thấy hữu tình thoát lìa hết thấy các khổ!

“*Chúng khổ*” (Các nỗi khổ) bao gồm Phần Đoạn sanh tử và Biên Dịch sanh tử. Không phải chỉ vì chúng Hữu Dư Niết Bàn, mà còn là chúng đắc Cứu Cánh Vô Dư Niết Bàn, vì khiến cho trọn khắp hết thấy chúng sanh được yên vui. Sự an lạc ấy chính là an lạc rốt ráo. Như khi chúng ta bái sám, đã niệm bài kệ: “*Phổ vị chúng sanh đắc an lạc, đản nguyện chúng sanh viễn ly khổ não*” (Vì khắp chúng sanh được an lạc, chỉ nguyện chúng sanh xa lìa khổ não). Nhưng quý vị phải chú ý cái nhân: Sự an lạc ấy do đâu mà có? Ất cần phải phát tâm, phải chú trọng cái nhân khiến cho hết thấy được an lạc. Có thể xả cái khổ bằng cách nào? Khổ do đâu mà có? Phải chú trọng cái nhân tạo ra khổ. Đây mới là đại từ bi. Vì lợi ích hữu tình như thế, khiến cho hữu tình có thể chúng đắc cứu cánh Niết Bàn. Họ hành bố thí, chẳng phải vì chính mình bèn hành bố thí, mà vì hết thấy chúng sanh hành bố thí. Như thế là lại đem “*công đức do vì hết thấy chúng sanh mà hành bố thí*” để bố thí cho chúng sanh, tức là bố thí và cúng dường công đức [mà chính mình] đã đạt được cho chúng sanh. Do vậy, chúng ta làm đôi chút sự nghiệp, đều

phải hồi hướng pháp giới hữu tình. Vì có như thế thì công đức ấy mới vĩnh viễn chẳng đoạn, vì pháp giới trọn khắp, pháp giới vĩnh viễn chẳng đoạn diệt.

“*Dĩ thị nghĩa cố, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác*” (Do bởi nghĩa ấy, vượt xa hết thầy Thanh Văn, Độc Giác): Do vậy mà vượt hẳn hết thầy hữu tình. Bồ Tát Ma Ha Tát là “*nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền*” (làm ruộng phước lớn cho hết thầy Thanh Văn, Độc Giác), có tư cách làm đại phước điền cho họ. Vì thế, hết thầy Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều phải nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Đồng thời, khi Bồ Tát Ma Ha Tát tu hành Tài Thí Ba La Mật, sẽ có thể đạt đến bờ kia. Ba La Mật (Pāramitā) có nghĩa là “*đáo bỉ ngạn*” (到彼岸, đạt đến bờ kia). Lão pháp sư Năng Hải giải thích “*Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ Đề tát bà ha*” (Gate, Gate, Pāragate, Pārasaṃgate, Bodhi Svāhā) có nghĩa là “*thành Phật, thành Phật, chúng sanh đều thành Phật*”. Nhưng trong quá khứ, có đại đức giải thích là “*đến bờ kia, đến bờ kia, hết thầy chúng sanh đều đến bờ kia*”. Cách giải thích tuy bất đồng, nhưng hàm nghĩa như nhau! Khi Bồ Tát Ma Ha Tát hành Tài Thí, đối với ngũ dục vi diệu, tâm Ngài đều chẳng nhiễm đắm, ngũ dục vi diệu bèn đặc biệt thù thắng. Như ngũ dục vi diệu trên cõi trời, cho đến ngũ dục vi diệu đối với sở hành và sở chứng của Bồ Tát đều là chẳng thể nghĩ bàn. Nơi tâm lý, những thứ như âm nhạc cũng là ngũ dục vi diệu. Như Tứ Ý tiếp xúc, nghe thấy toàn là hảo sắc. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, năm thứ cảnh giới ấy, cho đến hết thầy công cụ để hưởng thụ ngũ lạc đều có thể thí cho trọn khắp hết thầy hữu tình.

“*Dĩ thị nghĩa cố, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác*” (Do bởi nghĩa ấy, vượt xa hết thầy Thanh Văn, Độc Giác), cho nên “*phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền*” (làm ruộng phước lớn cho trọn khắp hết thầy Thanh Văn và Độc Giác). Lại nói ở một mức cao hơn, cái nhân để làm ruộng phước lớn cho Thanh Văn, Duyên Giác là gì? Nói tới cái nhân ấy, thì hoặc là khi Bồ Tát thí cho hết thầy hữu tình, không chỉ là đối với thô ngũ dục, Ngài chẳng chấp trước; mà thậm chí đối với diệu ngũ dục, Ngài cũng chẳng đắm nhiễm. Tự Ngài có thể chịu đựng hết thầy các đau khổ, cũng chẳng khiến cho hết thầy chúng sanh thống khổ. Nói cách khác, Ngài trọn chẳng giá họa cho kẻ khác, mà mong cho chúng sanh lìa khổ, nguyện chịu khổ thay cho chúng sanh. Vì có thể chịu đựng hết thầy khổ, cho nên cũng có thể có tiêu diệt nỗi khổ của hết thầy hữu tình chúng sanh, khiến cho chúng sanh chẳng chịu khổ, tiêu diệt cái nhân gây ra nỗi khổ cho chúng sanh. Vì sao họ phải chịu

khổ? Vì họ đã tích tập. “*Tích tập*” chính là Tập trong Khổ, Tập, Diệt, Đạo, tức nhân quả thế gian do họ đã tích tập. Tích tập như thế nào? Miệng nói ra, thân tự làm, trong tâm suy nghĩ, tích tập như thế đó. Nghiệp bất thiện tích tập, đương nhiên là quý vị phải hứng chịu khổ quả! Tâm vui thích đối với hữu tình chính là tâm vui sướng, tâm tin ưa, cái tâm vui về ấy sanh khởi bằng cách nào? Nương theo pháp do đức Phật đã chỉ dạy, nương theo lời Phật chỉ dạy để phát tâm. Phát tâm cũng là lợi ích hết thảy hữu tình, khiến cho hết thảy chúng sanh đều hiểu bất sanh, bất diệt, chẳng khổ, chẳng vui, chẳng tự, chẳng tha. Đây là đại Niết Bàn tâm, là Bát Nhã trí tâm. Loại nghĩa lý ấy, “*dĩ thị nghĩa cố*” (do vì nghĩa ấy), vượt xa hết thảy Thanh Văn, Độc Giác, có thể có sức mạnh làm ruộng phước lớn cho Thanh Văn và Độc Giác.

“*Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đặng, giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Thiện nam tử! Nhược ư ngũ dục tâm vô nhiễm trước, cụ đại từ bi nhi hành bố thí, thí danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã*” (Hết thảy Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Này thiện nam tử! Nếu tâm chẳng đắm nhiễm đối với ngũ dục, trọn đại từ bi, hành bố thí, thì gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát). Đây mới là Bồ Tát thật sự. Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, hoặc chúng ta nói thô thiển là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, trong tâm chẳng nhiễm trước các thứ ấy, chẳng ham thích, lại còn chẳng chấp trước. Trọn đủ cái tâm đại từ bi như thế để bố thí, đây mới là Bồ Tát Ma Ha Tát chân chánh, nhưng loại Bồ Tát này thông thường là đã dự lên thánh địa, [tôi thiếu là] đã chứng Hoan Hỷ Địa (Sơ Địa).

Nhưng theo kinh Hoa Nghiêm, hễ đạt tới Sơ Trụ Bồ Tát, vừa phát Bồ Đề tâm, là đã có thể thành chánh quả. Phải viên mãn tâm Thập Tín, mới dự vào Sơ Trụ. Sơ Trụ được gọi là Phát Tâm Trụ. Ngài đã phát Bồ Đề tâm, bèn trụ trong Bồ Đề tâm, hết thảy việc làm đều là sự nghiệp Bồ Đề. Nhưng ở đây nói là Bồ Tát Ma Ha Tát, tức là bậc đại Bồ Tát, là Đẳng Địa Bồ Tát, thì mới có thể làm ruộng phước chân thật cho Thanh Văn và Độc Giác. Giả sử chẳng thể đoạn trừ ngũ dục thế gian, chẳng có lòng đại từ bi mà hành bố thí, tuy đã xả vô lượng vô biên tài vật để bố thí, cúng dường đủ loại các thứ, vẫn chẳng thể gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát. Chẳng thể gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát là vì người đó chẳng có tâm đại Bồ Tát, chẳng có tâm từ bi, mà cũng chẳng thể làm ruộng phước chân thật cho Thanh Văn và Duyên Giác.

Thêm hai chữ “*chân thật*” vào đây là có dụng ý! Trong quyển Hạ của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, đã nói về “*Chỉ Quán song*

vận”, đạt tới cảnh giới Nhất Thật. Tướng phước điền trong cảnh giới Nhất Thật là “*tướng vô tướng*”. Bồ Tát dùng Bồ Đề tâm để bố thí là tướng gì vậy? Tướng vô tướng! Khi bố thí là Diêu Hữ, Diêu Hữ chẳng phải là hữu, chẳng chấp trước. Diêu Hữ phi hữu là Chân Không. Đó gọi là “*Chỉ Quán song vận*”. Quán Huệ trọn đủ, thì mới có thể đạt đến phước điền chân thật. “*Thử thí bất mông thánh ấn sở ấn*” (Sự bố thí ấy chẳng được thánh ấn in vào). “*Ấn*” ở đây là nói đến Thật Tướng ấn của chư Phật. Do vậy, phải nên đoạn ngũ dục thế gian, trọn đủ đại từ bi để hành bố thí. Nếu chẳng đoạn ngũ dục thế gian, chẳng có đại từ bi mà hành bố thí, chẳng gọi là Bồ Tát. Không chỉ chẳng phải là Ma Ha Tát, mà Bồ Tát cũng chưa đạt mức! Hai chữ Bồ Tát chính là “*giác ngộ hữu tình*”, là chúng sanh có cái tâm mong thành tựu đại đạo. Chính người đó chẳng giác ngộ, làm sao có cái tâm giác ngộ chúng sanh cho được? Bồ Tát nói trọn đủ là Bồ Đề Tát Đỏa (Bodhisattva). Chữ Bồ là do lược đi chữ Đề, Tát là lược bớt chữ Đỏa, nói trọn đủ là Bồ Đề Tát Đỏa. Vì thế, người như vậy không chỉ chẳng gọi là Bồ Tát, mà cũng chẳng phải là phước điền thật sự. Đây là nói theo thâm nghĩa, trọn chẳng phải là nói “*đã bố thí, sẽ chẳng có phước điền*”. Đừng nên lý giải sai lầm!

Như chúng ta chẳng phải là đại Bồ Tát, chúng ta đã bố thí, cũng chẳng có phước điền. Đó là nói quý vị chẳng đạt được phước điền như Bồ Tát Ma Ha Tát. Bất quá, quý vị vẫn có phước điền, bố thí lẽ nào chẳng có phước điền? Bố thí có thể cứu tế bản cùng, đời sau quý vị giàu có. Nhưng khi quý vị tham đắm sự giàu có, quý vị luôn tạo nghiệp, tâm quý vị chẳng thanh tịnh, quý vị đến nhân gian, có tiền mà vẫn chẳng tạo nghiệp ư? Quá khư tích phước, đời này có địa vị, có tiền, quý vị tạo ác nghiệp càng lớn hơn nữa. Chiên-đà-la vương, Chiên-đà-la Bà-la-môn, Chiên-đà-la tể quan [như đã nói] trong phần trước mang ý nghĩa này. Vì thế, chớ nên đắm nhiễm ngũ dục. “*Thượng bất năng diệt tự thân sở hữu thiếu phần khổ não*” (Còn chẳng thể diệt chút phần khổ não vốn có nơi bản thân). Nếu chẳng diệt ngũ dục, do tham đắm ngũ dục mà hành bố thí, đó là có mục đích. Bản thân quý vị hưởng thụ ngũ dục, ngay cả một tí khổ não của chính mình còn chẳng tránh được, làm sao có thể diệt trừ vô lượng khổ não cho hết thầy hữu tình? Đây là chuyện chẳng thể nào xảy ra được!

**(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Thành tựu tài thí luân, trí giả tịnh ý nhạo, tận ly u ngũ dục, an lạc chư hữu tình. Vị lạc chư hữu tình, bất cầu tự quả báo. Tuy hành**

*thiểu phần thí, nhi danh chân phước điền. Tuy phục thí chúng đa, nhi y chỉ ngũ dục, phi thánh ấn sở ấn, trụ Bất Định Tự trung. Tuy hành thiểu phần thí, nhi bất y ngũ dục, danh Thanh Văn, Độc Giác, chân thật lương phước điền. Cố ung xả ngũ dục, thường hành thanh tịnh thí, an lạc hữu tình chúng, thành chân thật phước điền.*

(經)爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「成就財施輪，智者淨意樂，盡離於五欲，安樂諸有情。為樂諸有情，不求自果報。雖行少分施，而名真福田。雖復施眾多，而依止五欲，非聖印所印，住不定聚中。雖行少分施，而不依五欲，名聲聞獨覺，真實良福田。故應舍五欲，常行清淨施，安樂有情眾，成真實福田。」

(*Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - Thành tựu tài thí luân, bậc trí tịnh ý thích, lìa hết khỏi ngũ dục, an lạc các hữu tình. Vì lợi lạc hữu tình, chẳng cầu hưởng quả báo. Tuy bố thí chút phần, gọi là chân phước điền. Tuy lại thí rất nhiều, nhưng nương theo ngũ dục, thánh ấn chẳng in vào, trụ trong Bất Định Tự. Tuy bố thí chút phần, chẳng nương vào ngũ dục, là ruộng phước chân thật, của Thanh Văn, Độc Giác. Hãy nên xả ngũ dục, thường bố thí thanh tịnh, an lạc các hữu tình, thành phước điền chân thật).*

Nếu thành tựu môn Bồ Tát Bố Thí Giáp Trụ Luân này, người có trí huệ sẽ có thể thanh tịnh. Sự tin ưa và ý niệm suy nghĩ của người ấy đều có thể lìa khỏi ngũ dục, chẳng tham đắm ngũ dục, có thể an lạc hết thảy hữu tình chúng sanh. Vì muốn an lạc hết thảy hữu tình, cho nên người ấy chẳng cầu quả báo cho chính mình. Cái tâm bố thí là thanh tịnh thì vật dùng để bố thí cũng thanh tịnh. Do chúng ta xen tạp rất nhiều thứ ô uế, tuy bố thí, cúng dường, mà tâm chẳng thanh tịnh, người nhận bố thí sẽ được lợi ích rất ít, cũng chẳng thanh tịnh. Họ nhận vật bố thí từ quý vị, có thể là vẫn tạo nghiệp. Loại phản ứng dây chuyền này có mối quan hệ lợi hại to lớn dường ấy. Do vậy, khi bố thí, trong tâm nhất định phải thanh tịnh, chẳng cầu quả báo cho chính mình. Dầu bố thí chút phần, mà được gọi là phước điền chân thật. Khi Bồ Tát hành bố thí, Ngài sẽ chẳng cầu lợi ích cho chính mình chút nào, tất cả đều bố thí cho chúng sanh, thì mới có thể làm phước điền thật sự cho chúng sanh.

“*Tuy phục thí chúng đa, nhi y chỉ ngũ dục, phi thánh ấn sở ấn, trụ Bất Định Tự trung*” (Tuy bố thí rất nhiều, nhưng nương theo ngũ dục,

thánh ấn chẳng in vào, trụ trong Bất Định Tu): Tuy bố thí rất nhiều thứ, rất nhiều vật chất, thậm chí pháp sư còn thuyết pháp cho người khác, nhưng nếu tâm của chính mình chẳng thanh tịnh, quý vị thuyết pháp có ô nhiễm, người nghe cũng chẳng thể thanh tịnh được!

Ngoài ra, khi bố thí, quý vị phải quán cơ (觀機, xem xét căn cơ). Trong phần trước, chúng ta đã nói: Chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa, chẳng phạm sai lầm đối với người thuộc căn cơ Thanh Văn Thừa. Chẳng sai lầm đối với căn cơ, tức là căn cơ và pháp phải ăn khớp. Nếu căn cơ không đúng với pháp, pháp chẳng có tác dụng. Pháp chẳng đúng với căn cơ, thì pháp ấy cũng chẳng có tác dụng. Nếu y chỉ ngũ dục để hành bố thí, đức Phật chẳng ân khả chuyện ấy. Quý vị sẽ thuộc vào đâu? Phước đức bố thí của quý vị rốt cuộc sẽ thành thánh quả, hay vẫn thành phàm phu? Chẳng nhất định. Vì chẳng biết ý nguyện bố thí như thế nào? “*Bất Định Tu*” tức là chẳng biết quý vị là Đại hay Tiểu, có hàm nghĩa như thế đó. Thí nhiều mà y chỉ ngũ dục thì không được! Nếu thí ít, “*tuy hành thiếu phần thí, nhi bất y ngũ dục*” (tuy bố thí chút phần, nhưng chẳng nương theo ngũ dục): Tuy người ấy xả rất ít vật chất, nhưng chẳng thuận theo ngũ dục, chẳng mong cầu ngũ dục. Đây mới là thành tựu phước điền chân thật cho Thanh Văn và Độc Giác.

“*Cố ưng xả ngũ dục, thường hành thanh tịnh thí, an lạc hữu tình chúng, thành chân thật phước điền*” (Hãy nên xả ngũ dục, thường bố thí thanh tịnh, an lạc các hữu tình, thành phước điền chân thật): Quý vị dâng tặng bố thí, cúng dường chúng sanh, trở thành phước điền chân thật. Chúng sanh được quý vị bố thí, được quý vị cúng dường, họ cũng có thể dùng các tài vật của quý vị, trong tâm cũng thanh tịnh, cũng có thể quy y, kính tín Tam Bảo.

***(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát hữu thập Pháp Thí Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, từng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, tốc năng hoạch đắc Nhật Đăng Quang Định, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Hà đẳng vi thập? Vị chư Như Lai sở thuyết chánh pháp, hoặc Thanh Văn Thừa tương ứng chánh pháp, hoặc Độc Giác Thừa tương ứng chánh pháp, hoặc dữ Đại Thừa tương ứng chánh pháp, hoặc thế gian pháp, hoặc xuất thế gian pháp, hoặc hữu lậu pháp, hoặc vô lậu pháp, hoặc hữu vi pháp, hoặc vô vi pháp, hoặc***

*bất nhị pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát u thử thập pháp thâm tín, kính trọng, nhất thiết thính văn, tùy lực sở năng, thâm để lãnh thọ, tư duy, quán sát, cứu cánh thông lợi, tùy kỳ sở nghi, vị tha diễn thuyết. Ư thuyết pháp thời, vô tật đồ tâm, vô xan lận tâm, vô kiêu mạn tâm, vô cầu lợi tâm, vô khinh tha tâm, vô tự cử tâm, hữu cung kính tâm, hữu nhiều ích tâm, hữu đại từ tâm, hữu đại bi tâm. Vị Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La thuyết Thanh Văn pháp, bất vị bỉ thuyết Độc Giác Thừa pháp, cập Đại Thừa pháp. Vị Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La thuyết Độc Giác pháp, bất vị bỉ thuyết Thanh Văn Thừa pháp, cập Đại Thừa pháp. Vị u Đại Thừa Bồ Đặc Già La thuyết Đại Thừa pháp, bất vị bỉ thuyết Thanh Văn Thừa pháp, Độc Giác Thừa pháp. Tùy chư hữu tình căn khí sở năng, vị thuyết chánh pháp. Phi căn khí giá, chung bất vị thuyết. Ư kỳ Đại Thừa chư hữu tình sở, chung bất khuyến tu Độc Giác Thừa hạnh, Thanh Văn Thừa hạnh. Ư Độc Giác Thừa chư hữu tình sở, hoặc thời khuyến bỉ tu Đại Thừa hạnh. Ư Thanh Văn Thừa chư hữu tình sở, hoặc thời khuyến tu Độc Giác Thừa hạnh, cập Đại Thừa hạnh. Ư chư Như Lai sở thuyết chánh pháp, hạ chí nhất tụng, nãi chí bán cú, thâm tín, kính trọng, chung bất hủy báng, chướng tế, ẩn một. Ư thuyết pháp sư, khởi Thế Tôn tướng. Ư thính pháp chúng, khởi bệnh giả tướng. Ư sở thuyết pháp, khởi lương dục tướng, đoạn trừ ngũ dục, vô sở hy cầu, tuyên thuyết chánh pháp. Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát thập chủng Pháp Thí Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, năng đoạn ngũ dục, tốc năng hoạch đắc Nhật Đăng Quang Định, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, giai ung cúng dường, thừa sự, thủ hộ.*

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩有十法施大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，速能獲得日燈光定，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。何等為十？謂諸如來所說正法，或聲聞乘相應正法，或獨覺乘相應正法，或與大乘相應正法，或世間法、或出世間法，或有漏法、或無漏法，或有為法、或無為法，或不二法。菩薩摩訶薩於此十法，深信敬重一切聽聞，隨

力所能審諦領受，思惟觀察究竟通利，隨其所宜為他演說。於說法時，無嫉妒心，無慳吝心，無憍慢心，無求利心，無輕他心，無自舉心，有恭敬心，有饒益心，有大慈心，有大悲心。為聲聞乘補特伽羅，說聲聞法，不為彼說獨覺乘法及大乘法。為獨覺乘補特伽羅，說獨覺法，不為彼說聲聞乘法及大乘法。為於大乘補特伽羅，說大乘法，不為彼說聲聞乘法、獨覺乘法。隨諸有情根器所能，為說正法。非根器者，終不為說。於其大乘諸有情所，終不勸修獨覺乘行、聲聞乘行。於獨覺乘諸有情所，或時勸彼修大乘行。於聲聞乘諸有情所，或時勸修獨覺乘行及大乘行。於諸如來所說正法，下至一頌乃至半句，深信敬重，終不毀謗、障蔽、隱沒。於說法師起世尊想。於聽法眾起病者想。於所說法起良藥想，斷除五欲，無所希求，宣說正法。善男子！是名菩薩摩訶薩，十種法施大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，能斷五欲，速能獲得日燈光定，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護」。

(*Kinh*: Lại này, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát có mười Pháp Thí Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thầy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, có thể mau chóng đạt được Nhật Đăng Quang Định, vượt hơn hết thầy Thanh Văn, Độc Giác, làm ruộng phước lớn cho trọn khắp hết thầy Thanh Văn, Độc Giác. Hết thầy các Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Những gì là mười? Chính là chánh pháp do đức Như Lai đã nói, hoặc chánh pháp tương ứng Thanh Văn Thừa, hoặc chánh pháp tương ứng Độc Giác Thừa, hoặc chánh pháp tương ứng Đại Thừa, hoặc là pháp thế gian, hoặc là pháp xuất thế gian, hoặc là pháp hữu lậu, hoặc là pháp vô lậu, hoặc là pháp hữu vi, hoặc là pháp vô vi, hoặc là pháp bất nhị. Đối với mười pháp ấy, Bồ Tát Ma Ha Tát tin sâu, kính trọng, hết thầy nghe nhận, tùy theo năng lực mà suy xét chắc thật, lãnh nhận, tư duy, quan sát, rót ráo thông lợi, tùy theo lẽ đáng nên mà vì người khác diễn thuyết. Trong khi thuyết pháp, chẳng có tâm ghen tỵ, chẳng có tâm keo tham, chẳng có tâm kiêu căng, ngạo mạn, chẳng có tâm cầu lợi,



## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

*chẳng có tâm khinh rẻ kẻ khác, chẳng có tâm tự đề cao, có tâm cung kính, có tâm tạo lợi ích, có tâm đại từ, có tâm đại bi. Vì Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La nói pháp Thanh Văn, chẳng vì họ nói pháp Độc Giác Thừa và pháp Đại Thừa. Vì Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La nói Độc Giác pháp, chẳng vì họ nói pháp Thanh Văn Thừa và pháp Đại Thừa. Vì các Đại Thừa Bồ Đặc Già La nói pháp Đại Thừa, chẳng vì kẻ đó nói pháp Thanh Văn Thừa và pháp Độc Giác Thừa. Tùy theo căn khí của các hữu tình có thể tu tập mà nói chánh pháp cho họ. Đối với kẻ chẳng phải căn khí, sẽ trọn chẳng nói. Nơi các hữu tình Đại Thừa, trọn chẳng khuyên họ tu hạnh Độc Giác Thừa hay hạnh Thanh Văn Thừa. Nơi các hữu tình Độc Giác Thừa, hoặc có lúc khuyên họ tu hạnh Đại Thừa. Nơi các hữu tình Thanh Văn Thừa, hoặc là có lúc khuyên họ tu hạnh Độc Giác Thừa và hạnh Đại Thừa. Đối với chánh pháp do các đức Như Lai đã nói, dấu chỉ một bài kệ tụng, cho đến nửa câu, đều tin sâu, kính trọng, trọn chẳng hủy báng, chướng lấp, ẩn giấu. Đối với vị thầy thuyết pháp, tưởng như đức Thế Tôn; đối với người nghe pháp, tưởng như người bệnh. Đối với pháp nói ra, tưởng như là thuốc lành, đoạn trừ ngũ dục, chẳng có mong cầu, tuyên nói chánh pháp. Này thiện nam tử! Đó gọi là mười loại Pháp Thí Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát Ma Ha Tát. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, có thể đoạn ngũ dục, có thể mau chóng đạt được Nhật Đăng Quang Định, vượt hơn hết thầy Thanh Văn, Độc Giác, vì trọn khắp hết thầy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước to lớn. Hết thầy Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ).*

Đây là Pháp Thí, câu trước nói về Tài Thí. Pháp Thí Đại Giáp Trụ Luân. “*Đại giáp trụ luân*” là cách nói hình dung, hình dung cái tâm thanh tịnh của Bồ Tát. Trong khi quý vị làm một việc gì đó, trước hết phải lắng lòng: Chuyện này phải nên phát tâm như thế nào? Phải phát Bồ Đề tâm. Do cái tâm Bồ Đề ấy, sẽ có thể sanh khởi trí huệ phương tiện. Khi quý vị lợi sanh, sẽ có thể quán thời gian và căn cơ để bố thí, chẳng nẩy sanh sai lầm lệch lạc, chẳng nẩy sanh lầm lộn. Nếu lúc đại Bồ Tát thành tựu luân này, tức Pháp Thí Đại Giáp Trụ Luân, sẽ giống như khi Ngài mới vừa phát tâm trong phần trước: Ngũ dục đều có thể đoạn dứt. Đoạn dứt ngũ dục, sẽ đạt được công đức, công đức gì vậy? Đắc một môn Định, tức Nhật Đăng Quang Định. Môn Định này là một môn trong một trăm lẻ tám tam-muội, thuộc loại Lăng Già Định. Nhật là “*nhật quang*” (ánh sáng của mặt trời), Đăng là “*đăng quang*” (ánh sáng của đèn), tức là

hình dung vị ấy có thể phá trừ hắc ám cho chúng sanh, mà cũng phá trừ hắc ám của chính mình. Có quang minh chiếu soi, có trí huệ, đó là điều mà hết thầy Thanh Văn, Độc Giác đều chẳng có. Do vậy nói Ngài vượt xa hết thầy Thanh Văn và Độc Giác, cho nên có thể làm ruộng phước lớn cho Thanh Văn và Độc Giác, hết thầy Thanh Văn và Độc Giác đều phải nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. “*Thừa sự*” có nghĩa là đệ tử [phụng sự] đối với bậc thượng sư, hoặc đối với bậc đại thiện tri thức.

Đây là nói tổng quát, tiếp đó bèn nói phân biệt. Bất quá, trong phẩm Phước Điền Tướng, trong phần trước, đức Phật đã nói đại lược mười tài luân (Tài Thí Đại Giáp Trụ Luân), nói gộp chung lại. Những gì là mười? Bó thí thức ăn, xe cộ, voi, ngựa, tay, chân của chính mình, cũng là mười loại. Hễ trọn đủ cái tâm đại bi là được rồi. Pháp Thí trong hiện thời cũng giống như thế, người ấy từ khi mới phát tâm, đắc Nhật Đăng Quang Định, hơn hẳn hết thầy Thanh Văn, Duyên Giác. Khi người ấy thuyết pháp, tức thánh pháp do đức Như Lai đã dạy, [hễ căn cơ của người nghe] tương ứng Thanh Văn Thừa bèn nói pháp Thanh Văn Thừa, tức là đối ứng với căn cơ Thanh Văn Thừa. “*Tương ứng*” là Du Già. Hiện thời, nói đến “*Du Già*” thì chính là “*tương ứng*” trong tiếng Hán. Khi tương ứng, chính là pháp và căn cơ tương ứng. Vừa nghe pháp, người ấy có thể tu hành. Tu hành có thể đắc đạo, có thể nhập Định. Nếu chẳng tương ứng, người ấy là [căn cơ] Thanh Văn Thừa, quý vị lại nói pháp Độc Giác Thừa, nói pháp nhân duyên, hoặc là nói pháp Lục Độ của Đại Thừa, người ấy sẽ chẳng nắm được, sẽ cho rằng Phật pháp vô ích đối với mình, cho nên quý vị chỉ có thể nói Thập Thiện Nghiệp cho người ấy. Quý vị giảng kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật cho người ấy, người ấy chẳng thể hiểu. Nếu nói với người ấy, “*Phật pháp là Không*”, từ đây về sau, người ấy sẽ sanh khởi Đoạn Diệt Không, chuyện gì cũng đều chẳng làm! Ngược lại, còn tạo nghiệp. Đó là “*chẳng đúng căn cơ*”. Chẳng đúng căn cơ, sẽ chẳng đạt được lợi ích, chánh pháp do Như Lai đã nói đối với người nghe sẽ trở thành tà pháp. Người ấy không chỉ đạt được lợi ích, mà còn sanh khởi tội lỗi báng pháp!

Tương ứng với Thanh Văn Thừa thì sao? Nói chung là pháp Tứ Đế. Tương ứng với Độc Giác Thừa thì sao? Pháp nhân duyên, tức pháp mười hai nhân duyên. Chánh pháp tương ứng với Đại Thừa thì sao? Chính là pháp Lục Độ. Điều này bao gồm rất nhiều thứ, hoặc là pháp thế gian, hoặc là pháp xuất thế gian, hoặc là pháp hữu lậu, hoặc là pháp vô lậu. Pháp thế gian là hữu lậu, pháp xuất thế gian là vô lậu. Hai thứ này, mỗi thứ đều có hàm nghĩa; trong mỗi đoạn sau, sẽ đều có giải thích.

Hoặc là pháp hữu vi, hoặc pháp vô vi, hoặc pháp bất nhị. Pháp bất nhị chính là pháp rốt ráo. Nếu mọi người đã từng nghe kinh Duy Ma Cật, [hãy biết] đó là pháp môn Bất Nhị. Nói chung là “*nhiễm và tịnh chẳng hai*”. Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều là bất nhị, như trong kinh Duy Ma Cật, Văn Thù Bồ Tát hỏi cư sĩ Duy Ma Cật: “*Như thế nào là pháp môn Bất Nhị?*” Cư sĩ Duy Ma Cật đáp: “*Hành dâm, nộ, si là pháp môn Bất Nhị*”. Dâm, nộ, si chính là Giới, Định, Huệ.

Trong một đoạn khác, khi Văn Thù Bồ Tát hỏi Duy Ma Cật về pháp môn Bất Nhị, cư sĩ chẳng nói lời nào! Mọi người nói rất nhiều pháp môn Bất Nhị, khi hỏi tới Ngài, Ngài chẳng mở miệng. Văn Thù Bồ Tát liền tán thán: “*Đấy mới là pháp môn Bất Nhị chân chánh!*” Pháp môn Bất Nhị là gì? Ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xú diệt. Chẳng thể tư duy, chẳng thể dùng ngôn ngữ để biểu đạt. Đó là pháp môn Bất Nhị. Nếu đối với mười pháp này, sanh lòng tin tưởng, kính trọng sâu xa, hết thầy người nghe tùy theo khả năng của chính mình. Quý vị là căn cơ gì, có thể làm được bao nhiêu, sẽ lãnh hội bấy nhiêu. Chúng ta suy xét, tư duy cẩn kẽ, quán sát đúng lý, suy xét chắc thật rồi lãnh thọ trong tâm. “*Thọ*” là trong tâm nhận lãnh. Tư duy, quán sát như thế, thì mới có thể thông suốt rốt ráo, mới có thể thông đạt! Nghe mà chẳng suy nghĩ, sẽ quên bẵng. Quên bẵng thì có khác gì chẳng học, chẳng nghe! Suy nghĩ mà không hành, sẽ biếng nhác. Suy nghĩ mà chẳng thực hiện thì cũng như không!

Chẳng hạn như chúng ta tu tập kinh Thập Luân, phải tu hành pháp Thập Luân. Nếu chúng ta tu hành pháp Tịnh Độ, nghe kinh Vô Lượng Thọ, hoặc kinh A Di Đà xong, nghe rất nhiều, quý vị chẳng làm, vô dụng! Đa Phật Thất thì được. Giống như lão pháp sư Diệu Cảnh đến chùa Quán Âm đả Phật Thất, tham gia Phật Thất là được rồi, “*hành*” là thực hiện, “*thực hiện*” là tu hành. Nhưng quý vị phải chú ý, niệm Phật phải từ tâm khởi, niệm rồi phải trở về tâm. Niệm nào cũng từ tâm khởi, niệm nào cũng đều quy vào tâm. Đó chính là pháp môn Bất Nhị như chúng tôi đã nói. A Di Đà Phật là ta, ta là A Di Đà Phật, ắt phải quán như thế. Đấy cũng là pháp môn Bất Nhị. Tự và tha chẳng hai, năng niệm (người niệm Phật) là ta, sở niệm (đối tượng được niệm) là A Di Đà Phật. Năng niệm và sở niệm cùng một Thể, cùng một Pháp Thân. Lão pháp sư Từ Châu khai thị về niệm Phật, đã phối hợp với mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát: “*Niệm một câu A Di Đà Phật bèn tương ứng với mười đại nguyện Phổ Hiền*”. Đấy là vào năm 1940, Ngài đã khai thị như thế trong một Phật Thất. Đó là pháp môn Bất Nhị.

“*Bồ Tát Ma Ha Tát ư thủ thập pháp, thâm sanh kính trọng*” (Bồ Tát Ma Ha Tát sanh lòng kính trọng sâu xa đối với mười pháp này): Quý vị có trí huệ to cỡ nào, có thể sanh khởi bao nhiêu quán chiếu, có Định lực to cỡ nào? Có thể tiếp nhận được bao nhiêu? Tư duy là Định, quan sát là Huệ; phải cùng vận dụng Định và Huệ, như thế thì mới có thể đạt đến rốt ráo. Nếu quý vị sanh vào thế giới Cực Lạc sẽ thông suốt, thế giới Cực Lạc ở ngay trong cái tâm của quý vị. A Di Đà Phật là quý vị, quý vị có thể thành tựu như thế. Đó gọi là “*tùy kỳ sở nghi*”. Bồ Tát Ma Ha Tát dùng mười pháp này để giáo hóa hết thảy chúng sanh; đây là pháp cúng dường, dùng pháp để bố thí. Đây gọi là Pháp Thí. Nhưng khi thuyết pháp, chớ nên có tâm ghen tỵ, chớ nên mang tâm bủn xỉn, chớ nên có tâm kiêu mạn, chẳng thể có tâm cầu lợi, chẳng thể có tâm khinh thường người khác. Còn phải biết quán cơ thuyết pháp. Tôi đã phạm lỗi lầm ấy, vì tôi không biết xem xét căn cơ, chẳng có đức hạnh ấy, chẳng có thần thông ấy. Tôi có ý niệm gì? Chỉ cần khi tôi cùng mọi người học tập, quý vị tới nghe thì là hữu duyên. Nếu quý vị muốn nghe kinh Đại Tập Thập Luân, đó là hữu duyên. Quý vị tới nghe, tôi nói với quý vị, vậy là chẳng sai lầm! Quý vị nghe giảng mà chẳng thích nghe, hai người chúng ta vô duyên, quý vị rời đi, tôi cũng chẳng phạm sai lầm, quý vị cũng chẳng phạm sai lầm! Quý vị một mực nghe đến hết, có thể đạt được đôi chút lợi ích, đối với tôi mà nói, tôi cũng chẳng có công đức gì, nhưng nói về phía quý vị, quý vị thật sự đạt được lợi ích. Đây là có thể nhập Phật môn.

Mỗi vị đạo hữu chúng ta khi hoằng dương Phật pháp, hướng về người khác tuyên truyền, đối diện với thân hữu vây quanh, khuyên họ niệm một câu A Di Đà Phật, quý vị cũng là đang nói chánh pháp. Khá nhiều đạo hữu hỏi tôi: “Con có thể giúp người khác bằng cách nào? Làm thế nào để có thể độ người khác?” Tôi đáp: “Quý vị có thể hành Bồ Tát đạo”. “Con có thể hành Bồ Tát đạo ư?” Tôi nói: “Quý vị cứ làm theo thế này là được, quý vị có biết niệm Phật hay không?” “Biết ạ!” Tôi nói: “Quý vị có thể nói cho người khác biết lợi ích do niệm Phật hay không?” “Có thể ạ!” Tôi bảo: “Đây là hành Bồ Tát đạo!” Về phần nghĩa lý rất sâu, tôi là chuyên nghiệp, quý vị là dân không chuyên. Quý vị có thể làm như vậy, còn mạnh hơn tôi, quý vị cũng chẳng vì danh, vì lợi, chẳng phải vậy hay sao?

Bất luận vị đạo hữu nào giúp đỡ người khác, ngàn vạn lần phải chú ý, điều thứ nhất: Chẳng vì danh, chẳng vì lợi. Chỉ “*chẳng vì danh, chẳng vì lợi*” thì vẫn chưa đủ, còn phải chớ nên có tâm kiêu mạn, chẳng

có tâm bần xỉn, chẳng có tâm cầu lợi, chẳng có tâm khinh rẻ người khác: “Người không hiểu! Ta nói cho người thì hay hơn!” Đó là tâm khinh mạn. Tuy quý vị chẳng biểu đạt thành lời, dường như chính mình cũng chẳng khinh mạn, nhưng nói người ta không hiểu thì chính là khinh mạn! Bồ Tát thuyết pháp, đối với lợi căn hay độn căn đều bình đẳng, sẽ chẳng vì chúng sanh này rất ngu si, nói một lần không hiểu, nói hai lần vẫn không hiểu, nói mười lần vẫn không hiểu [bèn khinh thường, buông bỏ], mà kẻ lợi căn thì chỉ cần nói một lần đã hiểu [bèn yêu mến, trân trọng]. Nhìn từ phía Bồ Tát, hai đẳng đều bình đẳng, sẽ chẳng vì người này là lợi căn mà đặc biệt tốt hơn một chút, đối với kẻ độn căn sẽ chẳng thêm quan tâm, vì kẻ đó phiền quá! Có đạo hữu hay hỏi là vì họ chẳng biết thì mới hỏi nhiều một tí, quý vị đừng nghĩ là quá phiền toái, sanh tâm phiền chán. [Nếu sanh tâm phiền chán], tức là trong ấy đã chứa đựng cái tâm khinh mạn kẻ đó.

“*Vô tự cử tâm*” (Không có tâm tự đề cao): “*Tự cử*” (自舉) là tuyên dương chính mình. “*Tuyên dương*” bằng cách nào? Hiện thời quá nhiều. Chúng tôi chẳng cần nêu thí dụ mà [quý vị] vẫn có thể biết. Luôn làm cho mọi người biết ưu điểm của chính mình. Vậy thì người khác đều chẳng ra sao, chỉ có ta rất tốt. “*Tự cử*” là khinh người khác, khinh người khác nhằm thể hiện chính mình. Đó là sai lầm, chỉ sợ chúng sanh phạm [lỗi này] rất nhiều! Trong lúc vô tình hay hữu ý, rất dễ phạm. Đó là chẳng có tâm cung kính người khác. Cung kính người khác, sẽ chẳng nghĩ đến chính mình, trong ấy có chứa đựng ý nghĩa như vậy. Phải có tâm nhiều ích (饒益, tạo lợi ích cho người khác), có tâm đại từ, có tâm đại bi, có cái tâm ấy, như thế thì từ cái tâm cung kính, sẽ cung kính hết thảy chúng sanh, “*họ là vị lai Phật*”, thường quán tưởng như thế. Tất cả mọi người biết Lục Tổ đại sư nghe người khác niệm kinh Kim Cang, Ngài khai ngộ, nhưng người niệm kinh Kim Cang ấy chưa từng được nhắc đến! Đương nhiên là người ấy chẳng ngộ, nhưng Lục Tổ nghe rồi khai ngộ, nhất định phải hiểu đạo lý này. Chỉ vì đây là bậc đại căn khí, tức là nói đến bậc Bồ Tát Ma Ha Tát, khi các Ngài hành Pháp Thí, sẽ có đạo đức, có Tha Tâm Thông. Đối với người thuộc Thanh Văn Thừa, Ngài sẽ tuyệt đối chẳng nói pháp Độc Giác Thừa, cũng chẳng nói pháp Đại Thừa. Đối với người thuộc Độc Giác Thừa, cũng chẳng nói pháp Thanh Văn Thừa cho họ, cũng chẳng nói pháp Đại Thừa. Đối với người thuộc căn khí Đại Thừa, tức là đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La, sẽ không nói với họ pháp Thanh Văn, hoặc nói pháp Độc Giác. Tùy theo căn khí của hữu tình, họ có thể tiếp nhận, có thể lãnh ngộ pháp nào, bèn thuyết chánh

pháp cho họ. Pháp tam thừa đều là chánh pháp, nhưng kẻ chẳng phải là căn khí, chẳng có thiện căn ấy, cũng chẳng thể lãnh hội nổi!

“*U kỳ Đại Thừa chư hữu tình sở*” (Đối với các hữu tình Đại Thừa): Những người thuộc căn khí Đại Thừa, quý vị đừng khuyên họ tu theo phương pháp tu hành của Độc Giác Thừa, cũng đừng khuyên họ tu theo phương pháp của Thanh Văn Thừa. Nhưng trong ba thừa, trong phần trước, khi nói về Thập Thiện Nghiệp Đạo Luân, đã có nói “*chẳng phạm sai lầm đối với Thanh Văn Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Độc Giác Thừa Bồ Đặc Già La, chẳng phạm sai lầm đối với Đại Thừa Bồ Đặc Già La*”, pháp tam thừa và người thuộc tam thừa tuyệt đối chẳng thể lẫn lộn, [phải biết rõ] đối với căn cơ nào thì phải nói pháp nào! Như thế thì đối với loại chúng sanh nào, sẽ khuyên họ tu loại pháp nào [thích hợp]; pháp tam thừa là nói chung. Như tôi nói suốt ba tháng, cũng chẳng nói được mấy câu là chánh pháp. Pháp là chánh, nhưng con người tôi dường như chẳng chứng đắc chánh tri chánh kiến, vẫn chẳng hoàn toàn là chánh, có khi còn lệch lạc, sai lầm. Đó là điều đáng nên sám hối. Nhưng pháp là chánh, quý vị hãy y pháp, đừng y người! Quý vị đối với người thuyết pháp là cái tâm gì, đối với người ấy tưởng như thế nào, nếu quý vị có thể sanh khởi tâm niệm tưởng người ấy như Thế Tôn, quý vị sẽ là Phật, Bồ Tát. Quý vị là tâm Phật. Nếu quý vị thấy kẻ tham danh, yêu lợi, chắc quý vị cũng có đôi chút vấn đề đối với danh lợi!

Có một câu chuyện cũ, mọi người có thể nghe tử dụ này. Khi Tô Đông Pha và thiền sư Phật Ấn hai người cùng tản bộ, Tô Đông Pha liền hỏi thiền sư Phật Ấn: “Thầy thấy tôi như thế nào?” Thiền sư Phật Ấn đáp: “Ông mập mạp, lại có phước báo, còn là quan lại, giống như một vị Phật”. Tô Đông Pha trong lòng rất khoái trá, rất thỏa mãn, rất sung sướng. Tiếp tục đi, đi một hồi lâu, Tô Đông Pha hỏi thiền sư Phật Ấn: “Sao thầy không hỏi tôi, thầy giống như gì?” Sư đáp: “Tôi chẳng cần hỏi ông, tôi chẳng có gì muốn hỏi ông”. Ông ta nói: “Thầy phải nên hỏi tôi chứ!” Sư đáp: “Được rồi! Tôi hỏi ông, ông thấy tôi giống như gì?” Tô Đông Pha nói: “Tôi thấy thầy giống như một bãi cứt chó!” Thiền sư Phật Ấn cười xòa, cũng chẳng nói gì, chuyện ấy kết thúc. Về nhà, Tô Đông Pha kể lại với cô em gái. Tô tiểu muội là người có trí huệ. Ông ta khoe: “Hôm nay anh chiến thắng hòa thượng, trước nay chưa hề thắng ông ta”. Tô tiểu muội liền hỏi: “Anh chiến thắng như thế nào? Có thể kể cho em nghe hay không?” Ông ta kể lại đầu đuôi. Tô tiểu muội nói: “Anh thua chắc rồi, anh thua hoàn toàn!” “Ừa! Sao anh thua được?” “Tâm người ta là Phật tâm, thấy anh giống như Phật. Còn tâm anh là cứt chó, cho nên

thấy người ta giống như cút chó!” Những lời ấy rất có ý nghĩa! Mỗi người thấy khác nhau. Vì sao thấy khác nhau? Vì quý vị chỉ có trí huệ lớn chừng ấy! Trong chúng ta còn có những người từ đầu đến cuối chẳng thể liễu giải Phật pháp. Vì sao chẳng thể liễu giải? Mới vừa học một chút, đã mong thâm nhập Phật pháp, chẳng thể nào! Tôi nói lời này vì chính mình đã tự thể nghiệm. Tôi xuất gia đến nay đã sáu mươi bốn năm, vẫn chẳng liễu giải như thế nào! Tôi thường nghĩ đến Lư Sơn trong một bài thơ của Tô Đông Pha: “*Hoành khán thành lãnh, trác thành phong, viễn cận cao đê các bất đồng, bất thức Lư Sơn chân diện mục, chỉ duyên thân tại thử sơn trung*” (Nhìn ngang thành lãnh, dọc thành chỏm, cao, thấp, gần, xa mỗi khác nhau. Chẳng biết Lư Sơn chân diện mục, vì thân vẫn ở trong non này). Chúng ta đọa trong cái hố bùn lầy ấy, làm sao có thể nhận thức Phật pháp? Ngay cả pháp thế gian còn chẳng nhận thức! Có thể thật sự thiện xảo nhận biết pháp thế gian, thì quý vị sẽ thoát khỏi nó. Nếu quý vị nhận biết, chiếu theo lời Phật mà tin tưởng kiên cố, chẳng đổi dời. Ta luôn kiên cố tin tưởng lời đức Phật nói, chẳng đổi dời. Đức Phật nói đây là ngũ trực ác thế, quý vị còn tham luyến chi nữa? Quý vị còn muốn tìm kiếm vui sướng trong cõi này nữa ư? Chẳng có vui sướng! Do vậy, chớ nên tham ngũ dục! Thiện nam tử! Đây là mười loại Pháp Thí Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát Ma Ha Tát.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Trí giả tu pháp thí, tùy khí thuyết tam thừa, bất vị thuyết dư thừa, khùng văn nhi báng pháp. Xưng căn khí thuyết pháp, bất vị phi căn khí, các tùy kỳ sở nhạo, khuyến tấn linh hoan hỷ. Chung bất khuyến Đại Thừa, linh tu Nhị Thừa hạnh, hoặc thời khuyến bỉ nhị, tấn tu trung thượng thừa. Thường cung kính văn pháp, thâm tín bất hỷ báng, cúng dường thuyết pháp sư, như Phật Thế Tôn tướng. Khuyến văn diệu pháp dược, linh trừ phiền não bệnh, xả lợi dưỡng, danh dự, nhi tuyên thuyết chánh pháp.*

(經)爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「智者修法施，隨器說三乘，不為說餘乘，恐聞而謗法。稱根器說法，不為非根器，各隨其所樂，勸進令歡喜。終不勸大乘，令修二乘行，或時勸彼二，進修中上乘。常恭敬聽法，深信不毀謗，供養說法師，如佛世尊想。勸聞妙法藥，令除煩惱病，舍利養名譽，而宣說正法。」

## **Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2**

(**Kinh:** Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - Bạc trí tu Pháp Thí, tùy cơ nói tam thừa, chẳng vì nói thừa khác. Sợ nghe rồi báng pháp. Thuyết pháp xứng căn khí, chẳng vì sai căn khí, tùy lòng họ ưa thích, khuyến khích sanh hoan hỷ. Trọn chẳng khuyên Đại Thừa, tu theo hạnh Nhị Thừa. Có lúc khuyên Nhị Thừa, tấn tu trung thượng thừa. Thường cung kính nghe pháp, tin sâu, chẳng hủy báng. Cúng dường thầy thuyết pháp, tưởng như Phật Thế Tôn. Khuyến nghe thuốc diệu pháp, khiến trừ bệnh phiền não, bỏ lợi dưỡng, danh dự, mà tuyên nói chánh pháp).

Trong khi đức Phật đang nói pháp, thường xuyên có trùng tụng. Trong kinh có ghi chép hàm nghĩa của trùng tụng: Mỗi khi đức Phật thuyết pháp, sợ mọi người chẳng nhớ được, hoặc có khi nói xong, quý vị lại bỏ sót. Hoặc là khi nghe, quý vị chưa nghe thấy, hoặc có lúc quý vị đi xa, nghe có cơ hội đức Phật thuyết pháp bèn tìm đến, do phần Trường Hàng đã giảng xong, đức Phật bèn nhắc lại một lượt. Cho nên gọi là Trùng Tụng (重頌, Geya, Kỳ Dạ). Lại còn Cô Khởi Tụng, khác hẳn. Cô Khởi Tụng là đức Phật hoàn toàn dùng thể tài kệ tụng để thuyết pháp. Do chẳng có phần kinh văn Trường Hàng, nên gọi là Cô Khởi (孤起, Gāthā, Già Đà). Ở đây là Trùng Tụng.

“*Trí giả tu Pháp Thí, tùy khí thuyết tam thừa*” (Bạc trí tu Pháp Thí, tùy cơ nói ba thừa): Nếu người có trí huệ muốn học tập, vận dụng Pháp Bồ Thí để thuyết pháp cho hết thấy chúng sanh, khi bồ thí [pháp] cho chúng sanh, sẽ tùy theo căn khí của chúng sanh mà nói pháp Thanh Văn, Độc Giác, hay Đại Thừa. Tùy theo căn cơ, tùy thuộc người ấy là loại pháp khí đáng nhận lãnh pháp nào, bèn nói cho người ấy pháp thuộc thừa đó. “*Bất vị thuyết dư thừa*” (Chẳng vì người đó nói pháp thuộc thừa khác), đối với người đáng nhận lãnh Thanh Văn Thừa, sẽ không nói cho người đó pháp Đại Thừa. Đối với kẻ đáng nhận lãnh pháp Đại Thừa thì cũng chẳng nói cho họ nghe pháp Thanh Văn Thừa hay Độc Giác Thừa. Vì sao phải làm như vậy? “*Khủng văn nhi báng pháp*” (Sợ nghe rồi sẽ báng pháp): Vì họ nghe thấy xong, không chỉ chẳng tin, mà còn hủy báng. Do vậy, không chỉ là chẳng độ chúng sanh, mà ngược lại còn tăng thêm tội nghiệp cho chúng sanh.

“*Xứng căn khí thuyết pháp, bất vị phi căn khí, các tùy kỳ sở nhạo, khuyến tấn linh hoan hỷ*” (Xứng căn khí thuyết pháp, chẳng vì kẻ chẳng phải căn khí mà nói, đều thuận theo lòng ưa thích của mỗi người mà khuyến khích, khiến cho họ hoan hỷ): Thuyết pháp đúng với căn khí.



Đúng với căn khi cũng chính là đúng với căn cơ. Nếu người ấy chẳng phải là căn cơ, chẳng phải là căn khí của pháp ấy, quý vị tùy duyên là được rồi, tùy thuộc người ấy thích gì, bèn nói cho người ấy pháp đó. Người ấy chẳng phải là căn khí Đại Thừa, quý vị liền nói pháp Nhị Thừa, nói Khổ, Tập, Diệt, Đạo, nói thế giới này đều là khổ. Quý vị phải biết Khổ, đoạn Tập. Khéo nói thì thậm chí nếu họ chẳng biết, quý vị bèn thuận theo pháp thế gian, nói pháp thế gian cho khéo. Giảng giải nhân, nghĩa, lễ, trí, tín cũng được, nói về đạo lý làm người, nói “làm người thì phải trọn tư cách làm người, chẳng thể giống như súc sanh”. Dường như là đối với người như thế nào, bèn thuyết pháp như thế đó. Đối với kẻ tham ngữ dục, quý vị chẳng thể thuận theo họ nói về ngữ dục, mà ắt phải nói lỗi hại của ngữ dục, khiến cho họ đoạn lìa ngữ dục, mãi cho đến khi họ hoan hỷ mới thôi!

“*Chung bất khuyến Đại Thừa, linh tu Nhị Thừa hạnh. Hoặc thời khuyến bỉ nhị, tấn tu trung thượng thừa*” (Trọn chẳng khuyến người căn khí Đại Thừa tu theo hạnh Nhị Thừa. Hoặc có lúc khuyến người thuộc hai thừa kia, hãy tấn tu theo trung thừa và thượng thừa): Đối với người chẳng phải là căn khí, chẳng phải là căn cơ Đại Thừa, quý vị sẽ chẳng buộc họ tu Đại Thừa. Nếu là căn khí Đại Thừa, quý vị có nên khuyến họ tu Nhị Thừa hay không? Đây chẳng phải là căn khí. “*Hoặc thời khuyến bỉ nhị, tấn tu trung thượng thừa*”, [nghĩa là] trọn chẳng khuyến căn khí Thanh Văn Thừa tu trung thừa (Độc Giác Thừa), căn khí Độc Giác Thừa tu thượng thừa tức Đại Thừa. Hoặc là đối với căn khí Độc Giác Thừa cũng trọn chẳng khuyến họ tu Đại Thừa, mà cũng chẳng khuyến họ tu Thanh Văn Thừa. “*Hoặc thời khuyến bỉ nhị*”, “*bỉ nhị*” tức là nói đến Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa.

“*Thường cung kính thỉnh pháp, thâm tín bất hủy báng*” (Thường cung kính nghe pháp. Tin sâu, chẳng hủy báng): Bất luận quý vị là pháp Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa, hay Đại Thừa, đều phải nên cung kính nghe pháp, đừng nên sanh lòng hủy báng. Đối với pháp, phải nên tin sâu chẳng nghi, trong ấy có rất nhiều vấn đề. Chẳng hạn như chúng ta nói đến Địa Tạng Tam Kinh, kinh Địa Tạng là Đại Thừa hay Tiểu Thừa? Đa số cho rằng đây là kinh Tiểu Thừa, vì toàn là nói về địa ngục và quỷ. Nội dung kinh vẫn cũng nói về địa ngục rất nhiều. Nhưng đại chúng trong pháp hội ấy được nói trên trời Đạo Lợi, khởi đầu là do đức Phật nói với Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Phẩm thứ hai do Địa Tạng Vương Bồ Tát thừa thỉnh Phật. Phẩm thứ ba là phu nhân Ma Da thừa chuyện với đức Phật, mỗi phẩm đều là như thế.

Hơn nữa, nghe danh tự của Địa Tạng Bồ Tát, sẽ có thể chẳng đọa tam đồ, cho đến khi sanh vào quốc độ ở phương khác, đều có thể đến các quốc độ thanh tịnh. Đây chẳng phải là Tiểu Thừa. Nghe danh tự của Địa Tạng Vương Bồ Tát, cho đến cuối cùng, trong phẩm mười hai, đức Phật căn dặn Quán Thế Âm Bồ Tát, và cuối cùng dặn dò Hư Không Tạng Bồ Tát. Cuối kinh Đại Tập Thập Luân, vị được căn dặn vẫn là Hư Không Tạng Bồ Tát. Đây là các vị Đại Bồ Tát xướng họa lẫn nhau. Chúng ta nhất định phải nhận biết, hãy từ nhiều phương diện mà nhận biết hàm nghĩa trong một bộ kinh, có như vậy thì quý vị mới sẽ chẳng nghe kẻ khác nói gì bèn nghe theo lời kẻ đó nói, hoặc bảo sao nghe vậy, dễ tạo tội nhất! Do vậy, trong hết thảy các kinh, Địa Tạng Tam Kinh đồng thời hoằng dương tam thừa. Quý vị là [căn khí] nhân thiên, thì cũng có thể dùng pháp Nhân Thiên Thừa để giải thích cho quý vị, nhưng chỉ cần quý vị chẳng hủy báng là được! Chớ nên hủy báng, phải cung kính nghe pháp, hãy tin sâu, đừng sanh hủy báng.

“*Cúng dường thuyết pháp sư*”: Bất luận vị nào thuyết pháp, phải hiểu ý nghĩa của “*pháp sư*”. Nếu quý vị lấy pháp làm thầy, đó là pháp sư. Trong ấy, cũng bao hàm hai chúng tại gia nam nữ. Có đôi khi gọi là Cận Sư, có lúc gọi là Cận Trụ. Cận Sư (近事) nghĩa là “*thân cận Tam Bảo*”. Đó là người có thể nầy sanh tâm cung kính đối với Tam Bảo, đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới. Cận Trụ (近住) khác hẳn. Cận Trụ là ở ngay chỗ Tam Bảo, thọ Bát Quan Trai Giới, ở ngay trong chùa. Chỉ cần những điều họ nói là chánh pháp thì đều có thể là pháp sư. Pháp sư chẳng phải là người chuyên vì lợi ích, mà cũng chẳng phải giảng kinh thì mới là pháp sư. Hễ đứng tại đó, nói với quý vị vài câu pháp, khuyên quý vị tin Phật, niệm Phật, quý vị cũng có thể coi người ấy là pháp sư. Nghe một bài kệ mà xả thân mạng. [Người khác] nói với người đó bốn câu, người ấy liền xả thân mạng, nghe một bài kệ bèn khai ngộ. Tôn giả Xá Lợi Phất gặp tỳ-kheo Mã Thắng, thấy tỳ-kheo oai nghi trang nghiêm, Ngài liền hỏi: “Ngài tôn vị nào làm thầy?” [nghĩa là] ai là sư phụ của Ngài? Ngài trước hết nói cho tôi một bài kệ là được rồi! Tỳ-kheo Mã Thắng nói một bài kệ, ngài Xá Lợi Phất liền khai ngộ, dẫn các đệ tử của Ngài đến quy y đức Phật. Do vậy, quý vị đứng căn cơ, nói một câu, tuy quý vị chẳng khai ngộ, nhưng người khác khai ngộ.

Khi niệm kinh Kim Cang, Lục Tổ đứng lúc đến bán củi, đứng dưới nhà người ta, nghe trong nhà có người niệm kinh Kim Cang, Tô nghe đến câu “*ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” liền khai ngộ. Tôi niệm kinh Kim Cang mấy chục năm, chẳng biết đã niệm bao nhiêu lần, mỗi

lần niệm đều nghĩ “có người vừa nghe liền khai ngộ, tôi niệm nhiều lượt ngàn ấy vẫn chẳng thể ngộ được!” Do nguyên nhân nào? Nghiệp chướng sâu nặng, đây là nghiệp. Ngộ và mê chỉ là lật ngược lại như vậy, tức là úp hay ngửa bàn tay! Do vậy, nếu quý vị chẳng đạt được lý giải thù thắng, chẳng khai ngộ, cũng đừng nên tạo tội, hãy cung kính nghe pháp, chớ nên hủy báng, lại càng chớ nên hủy báng vị thầy thuyết pháp.

Trong Thập Thiện Nghiệp Đạo thuộc phần trước, đã nói lễ kính Tam Bảo rất nhiều. Thậm chí oai lực do khoác một mảnh ca-sa, kẻ đó vẫn chưa phải là người xuất gia, quốc vương muốn đưa kẻ đó vào vùng mả hoang cho quỷ ăn. Kẻ đó nghe rồi sanh lòng sợ hãi, cạo sạch tóc trên đầu. Sau đó, tìm ca-sa. Chỗ nào có? Từ trong các tấm vải rách bị vứt đi, hấn lượm được một mảnh ca-sa màu đỏ, vẫn chưa phải là tấm ca-sa trọn vẹn, đeo lên người, lũ quỷ ấy chẳng dám ăn kẻ đó, bèn vây quanh, tán thán kẻ đó. Quý La Sát mẹ và con đông ngàn ấy tán thán người đó, điều đó bộc lộ oai lực của Tam Bảo. Vì thế, chúng ta chớ nên sanh khởi lòng hủy báng Tam Bảo. Vị pháp sư nào cũng đều tốt! Đối với kẻ khoác một mảnh ca-sa, đều coi kẻ ấy là pháp sư, có thể làm phước điền cho chúng sanh. Lũ quỷ ấy thấy kẻ đó, vây quanh, coi kẻ đó như thánh tăng mà cung kính, coi kẻ ấy như thánh tăng phước điền.

Nếu chúng ta hiểu đạo lý “*vạn pháp duy tâm*”, trong hết thầy mọi nơi, hết thầy thời, tâm chính là Phật. Hãy nên thường quán như thế, có thể khuyên hết thầy mọi người nghe diệu pháp như thế. Đây là phương pháp. Giống như chúng ta có bệnh thì phải uống thuốc, thuốc vào, bệnh hết. Nay chúng ta mắc bệnh gì? Có bệnh sanh tử, có bệnh ngũ dục, có tham, sân, si, có các chứng bệnh ấy, cho nên đức Phật mới nói pháp ấy. Khéo phù hợp là quý vị uống thuốc ấy, bệnh sẽ diệt trừ, khiến cho quý vị chẳng phiền não. Căn bệnh của chúng ta, nói chung là bệnh phiền não, phải buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng, chớ nên vì tiếng tăm, lợi dưỡng mà thuyết pháp. Bình thời, cái tâm tham dục rất nặng, lòng tham đối với cảnh giới ngũ dục và tài vật thế gian rất nặng, quý vị phải nên thường quán tưởng. Đó là độc, quý vị phải thường nên quán tưởng. Hằng ngày nghĩ như thế, tự nhiên sẽ chẳng tham dục. Quý vị luôn nghĩ tham dục có lợi ích; thật ra, nó đem lại tai hại. Chiến tranh thế giới cũng thế, quý vị mong tranh giành điều gì? Chẳng phải là tranh giành tiếng tăm, lợi dưỡng hay sao? Nhìn vào những gì người thế gian đang làm trong hiện tại là biết ngay! Giữa các nước với nhau, giữa người và người với nhau, tranh giành tiếng tăm, lợi dưỡng. Đệ tử Tam Bảo chúng ta, điều thứ nhất là phải buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng, vì đây chẳng phải là chuyện

tốt. Nó sẽ lôi quý vị xuống địa ngục. Quý vị thường xuyên suy tưởng, đây là điều khiến cho chúng ta chịu khổ, quý vị phải chuẩn bị tâm lý. Sau đó, lại nói chánh pháp với người ta, những gì quý vị đã nói đều là pháp đoạn ngũ dục, trọn chẳng tuyên dương ngũ dục.

*(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vân hà Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân? Thiện nam tử! Bồ Tát tịnh giới hữu nhị chủng tướng: Nhất giả, cộng; nhị giả, bất cộng. Vân hà Bồ Tát Cộng Tịnh Giới Luân? Vị chư tại gia Cận Sự, Cận Trụ sở thọ luật nghi, hoặc phục xuất gia, cập thọ Cụ Túc Biệt Giải Thoát Giới, như thị luật nghi biệt giải thoát giới. Thị danh Bồ Tát cộng tịnh giới luân, cộng chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng. Bồ Tát bất do thử tịnh giới luân, năng trừ nhất thiết hữu tình phiền não, chư ác kiến thủ, cập năng giải thoát nghiệp chướng sanh tử. Thử bất danh vi Đại Giáp Trụ Luân, diệc bất do thử danh vi Bồ Tát Ma Ha Tát dã, cập danh nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác chân thật phước điền.*

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩復有淨戒大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。云何淨戒大甲冑輪？善男子！菩薩淨戒，有二種相：一者、共，二者、不共。云何菩薩共淨戒輪？謂諸在家、近事、近住所受律儀，或復出家及受具足別解脫戒。如是律儀、別解脫戒，是名菩薩共淨戒輪，共諸聲聞、獨覺乘等。菩薩不由此淨戒輪，能除一切有情煩惱、諸惡見趣及能解脫業障生死。此不名為大甲冑輪，亦不由此名為菩薩摩訶薩也，及名一切聲聞、獨覺真實福田。

*(Kinh: Lại này thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt xa hết thấy Thanh*

*Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn và Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cùng đường, thừa sự, thủ hộ. Thế nào là Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân? Nay thiên nam tử! Tịnh giới của Bồ Tát có hai loại tướng: Một là cùng chung, hai là chẳng cùng chung. Thế nào là tịnh giới luân cùng chung của Bồ Tát? Tức là các luật nghi do hàng tại gia Cận Sự, Cận Trụ đã thọ, hoặc là Cụ Túc Biệt Giải Thoát Giới do hàng xuất gia đã thọ. Luật nghi và biệt giải thoát giới như thế, được gọi là tịnh giới luân cùng chung của Bồ Tát, do cùng chung với Thanh Văn và Độc Giác Thừa. Bồ Tát chẳng do tịnh giới luân ấy mà có thể trừ phiền não, các đường ác kiến của hết thấy hữu tình, hoặc có thể giải thoát nghiệp chướng sanh tử. Điều này chẳng được gọi là Đại Giáp Trụ Luân, và cũng chẳng do vậy mà được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng như gọi là phước điền chân thật của hết thấy Thanh Văn và Độc Giác).*

Luật nghi được thọ bởi hàng tại gia Cận Sự, Cận Trụ chính là thọ Tam Quy, Ngũ Giới, hoặc thọ Bát Quan Trai Giới. Cận Sự là Tam Quy, Ngũ Giới, Cận Trụ là Bát Quan Trai Giới. “*Hoặc phục xuất gia*” (Hoặc lại xuất gia), xuất gia thọ Cụ Túc Giới. Xuất gia mà chưa thọ Cụ Túc Giới, liền thọ mười giới của Sa Di. “*Cập thọ Cụ Túc Giới*” (Và thọ Cụ Túc Giới): Cụ Túc Giới là Biệt Giải Thoát Giới. Trọn đủ một giới, sẽ giải thoát như nhau. Trì một giới, bèn giải thoát y hệt. Hai trăm năm mươi giới đều trì thanh tịnh, sẽ đều giải thoát, chứng đắc quả A La Hán. “*Như thị luật nghi biệt giải thoát giới, thị danh Bồ Tát cộng tịnh giới luân*” (Biệt giải thoát giới luật nghi như thế gọi là cộng tịnh giới luân của Bồ Tát): “*Cộng*” (共) ở đây có nghĩa là gì? Có Bồ Tát như Địa Tạng Bồ Tát, hiện tướng tỳ-kheo, Ngài cùng [thọ trì giới luật và oai nghi tỳ-kheo] chung với Thanh Văn và Độc Giác. Ngài vừa là Bồ Tát, vừa là tỳ-kheo, nên gọi là “*Bồ Tát tỳ-kheo*”. Đó gọi là “*cộng tịnh giới*”, Ngài vừa thọ giới tỳ-kheo, vừa thọ giới Bồ Tát. Giới tỳ-kheo cũng thanh tịnh, giới Bồ Tát cũng thanh tịnh; điều này có cùng đặc điểm với Thanh Văn và Độc Giác Thừa. Có phải là Bồ Tát sẽ nhờ vào tịnh giới luân này để có thể nghiền nát hết thấy phiền não hay không? Khiến cho hết thấy phiền não và đường ác của chúng sanh đều đoạn tuyệt u? Có thể hay không? Chẳng thể! Vì Thanh Văn và Độc Giác chẳng phát cái tâm ấy. Bồ Tát dùng giới này đạt được tịnh giới luân, trừ sạch hết thấy phiền não, hết thấy ác kiến, tà tri tà kiến của hữu tình. Dùng điều đó để giải thoát nghiệp chướng sanh tử. Dùng các điều ấy để giải thoát sanh tử nghiệp

chương. “*Sanh tử*” ở đây là nói đến rốt ráo, đó chẳng phải là Đại Giáp Trụ Luân, chẳng phải là Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân, cũng chẳng phải do vậy mà được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát. Đây là điều cùng chung với Thanh Văn và Độc Giác, thuộc về Thanh Văn và Độc Giác, chẳng thể gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, chẳng thể làm phước điền chân thật cho hết thầy Thanh Văn và Độc Giác.

*(Kinh) Vân hà Bồ Tát Bất Cộng Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân? Vị chư Bồ Tát phổ u thập phương nhất thiết hữu tình, khởi bình đẳng tâm, vô nhiễm động tâm, vô oán hận tâm, hộ trì tịnh giới, phổ u nhất thiết trì giới, phạm giới, bố thí, xan tham, từ bi, phân khuể, tinh tấn, giải đãi, hạ, trung, thượng phẩm chư hữu tình sở, vô sai biệt tâm, vô sai biệt tướng, hộ trì tịnh giới. Phổ u tam giới nhất thiết hữu tình, vô khuể, vô phân, cập chư ác hạnh, hộ trì tịnh giới. Phổ u tam hữu Uẩn, Giới, Xứ trung, vô sở phân biệt, hộ trì tịnh giới; bất y Dục Giới hộ trì tịnh giới; bất y Sắc Giới hộ trì tịnh giới; bất y Vô Sắc Giới hộ trì tịnh giới; bất quán chư hữu nhất thiết quả báo, hộ trì tịnh giới; bất y nhất thiết đắc dữ bất đắc, hộ trì tịnh giới; bất y chư hành, hộ trì tịnh giới. Thị danh Bồ Tát bất cộng Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân. Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành thử Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã. Siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ.*

(經)云何菩薩不共淨戒大甲冑輪？謂諸菩薩，普於十方一切有情，起平等心、無擾動心、無怨恨心，護持淨戒；普於一切持戒犯戒、佈施慳貪、慈悲忿恚、精進懈怠、下中上品諸有情所，無差別心，無差別想，護持淨戒。普於三界一切有情，無恚無忿，及諸惡行，護持淨戒。普於三有蘊、界、處中，無所分別，護持淨戒；不依欲界，護持淨戒；不依色界，護持淨戒；不依無色界，護持淨戒；不觀諸有一切果報，護持淨戒；不依一切得與不得，護持淨戒；不依諸行，護持淨戒。是名菩薩不共淨戒大甲冑輪。善男子！若菩薩摩訶薩成此淨戒大甲冑輪，從初發心，

一切五欲皆能除斷，得名菩薩摩訶薩也。超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護」。

*(Kinh: Thế nào là Bất Cộng Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát? Tức là các Bồ Tát đã vì trọn khắp hết thấy hữu tình trong mười phương, dấy lên tâm bình đẳng, tâm chẳng nhiễu loạn, tâm không oán hận mà hộ trì tịnh giới, vì khắp hết thấy các hữu tình trì giới, phạm giới, bỏ thí, keo tham, từ bi, sân hận, tinh tấn, giải đãi, hạ, trung, thượng phẩm, chẳng có tâm sai biệt, không có ý tưởng sai biệt mà hộ trì tịnh giới. Vì khắp hết thấy hữu tình trong tam giới, không nóng giận, không sân hận, và chẳng có các ác hạnh mà hộ trì tịnh giới. Vì chẳng phân biệt trọn khắp Uẩn, Xứ, Giới trong tam hữu mà hộ trì tịnh giới, chẳng nương theo Dục Giới để hộ trì tịnh giới, chẳng nương theo Sắc Giới để hộ trì tịnh giới, chẳng nương theo Vô Sắc Giới để hộ trì tịnh giới, chẳng quán hết thấy quả báo trong các hữu mà hộ trì tịnh giới, chẳng nương theo hết thấy đắc và bất đắc để hộ trì tịnh giới, chẳng nương theo các hành để hộ trì tịnh giới. Đó gọi là Bất Cộng Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát. Nay thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân này, từ sơ phát tâm, sẽ đều có thể đoạn trừ hết thấy ngũ dục, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát; vượt xa hết thấy Thanh Văn và Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn và Độc Giác làm ruộng phước lớn, hết thấy hàng Thanh Văn và Độc Giác đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ).*

Đấy là Bồ Tát Giới. Bồ Tát Giới là “tam tụ tịnh giới”, gồm có sáu giới trọng và hai mươi tám giới khinh [theo kinh Ưu Bà Tắc Giới Kinh], hoặc mười bốn giới trọng và bốn mươi tám giới khinh [theo kinh Phạm Võng]. Đấy là giới Bồ Tát, chẳng cùng chung với Nhị Thừa, cho nên gọi là “bất cộng tịnh giới”. Do luân này thì mới có thể độ hết thấy hữu tình, vì sao? Các Ngài đối với chúng sanh chẳng oán, bình đẳng. “Nếu chúng sanh nào hại ta, ta sẽ chẳng độ kẻ đó”, chẳng phải là như vậy! Cái tâm phải bình đẳng, quý vị nào hại các Ngài một vạn lần, hại các Ngài bao nhiêu lần, các Ngài vẫn coi quý vị như cha mẹ, tưởng như chư Phật, Bồ Tát. Các Ngài vẫn cung kính quý vị y hết. Đó là cái tâm Bồ Tát chân chánh. Định lực của Ngài hết sức mạnh mẽ, chẳng bị tướng cảnh giới xoay chuyển. Tâm có thể chuyển cảnh, chẳng có tâm oán hận. Như vậy thì sẽ không có trả thù, chẳng khổ, chẳng oán, các Ngài chẳng trả thù.

Hộ trì tịnh giới của Bồ Tát như thế đó. Đối với giới, kẻ trì giới là pháp khí, kẻ phá giới chẳng phải là pháp khí. Trì giới và phá giới là pháp tương đối. Bồ thí và keo tham, chẳng chịu bố thí, từ bi và phân khuê, sân tâm hết sức mạnh mẽ, tinh tấn và giải đãi, [đó là các pháp đối đãi]. Đối với hết thấy hữu tình thuộc ba phẩm thượng, trung, hạ, chẳng có tâm sai biệt. Không chỉ chẳng có cái tâm ấy, mà ngay cả suy tưởng cũng chẳng có, chẳng có ý tưởng sai biệt mà hộ trì tịnh giới.

Đối với Trì Thanh Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân này, phần trước là Cộng. “Cộng” tức là cả ba thừa đều cùng có. Phần này là bất cộng với Thanh Văn và Duyên Giác (tức là Thanh Văn và Duyên Giác hoàn toàn chẳng có các pháp này). Đối với hết thấy chúng sanh trong tam giới, chẳng phiền não, chẳng sân hận, chẳng phẫn nộ, thấy chúng sanh đều là hư vọng. Quán thể tánh của chúng sanh vốn là Không, cho nên kinh Kim Cang mới nói: “*Khi chư Phật độ chúng sanh, hoặc chư đại Bồ Tát độ chúng sanh, chẳng thấy chúng sanh tướng, biết chúng sanh là huyễn hóa*”. Các Ngài làm sao sanh khởi sân khuê, ghét hận cho được? Vì chúng ta chẳng thấy lý Không, nói chuyện chẳng hợp lẽ, cho nên trong mối quan hệ giữa người và người với nhau, lại có rất nhiều chỗ phẫn nộ! Đồng thời, trong tâm của chính mình cũng chẳng thanh tịnh, cũng chẳng rốt ráo thanh tịnh. Các vị đại Bồ Tát ấy hộ trì tịnh giới như thế nào? Các Ngài quán hết thấy chúng sanh như huyễn, như hóa. Đối với chúng sanh, chẳng sanh khởi một tí tâm phiền não nào. Tâm khuê nộ là chút phần, chứ cái tâm phiền não bao gồm quá nhiều thứ!

Phần thuộc trong mười ba món cầu. Bồ Tát hộ trì tịnh giới là hộ trì như thế đó. Đối với hết thấy hữu tình chúng sanh trong tam giới, họ nào hại ta như thế nào, Bồ Tát đều chẳng dấy lòng sân hận. Chẳng sanh khởi tâm sân hận, đương nhiên là chẳng có tâm tổn hại chúng sanh, trì giới thanh tịnh như thế đó. Khi trì giới thanh tịnh, các Ngài lìa hai bên (Có và Không), hiển thị ý nghĩa Trung Đạo. Thế nào mới là giới thanh tịnh? Ngài chẳng nương vào Tam Hữu, tức Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Phạm là có lưu chuyển sanh tử, Ngũ Uẩn, mười tám giới, mười hai Xứ, hết thấy các pháp đều chẳng có phân biệt, chẳng dấy lên phân biệt. Nói cách khác, không thấy chúng sanh nào là tốt, chúng sanh nào làm thiện nghiệp, chúng sanh nào tạo ác nghiệp. Tạo ác nghiệp, quý vị liền chán ghét, có khuê, có phẫn. Đối với người thiện, tâm cảm nhận phải hộ trì họ. Đó là tâm phân biệt, đó gọi là “*có phân biệt*”. “*Cứu cánh trì thanh tịnh giới*” (Trì giới thanh tịnh rốt ráo): Giới ở đây chính là tâm giới. Những điều được nói phân biệt kể đó chính là [nói chi tiết về] tâm giới.



Sau đây, bèn nói hộ trì tịnh giới, chẳng chấp trước hết thấy tướng Có, tịnh giới chẳng chấp tướng. Kế đến là chẳng nương vào tam giới, tức Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, cho đến chẳng quán quả báo trong hết thấy các cõi mà hộ trì tịnh giới. Trì giới là nhân, cái quả đạt được trong tương lai là quả báo. Trì tịnh giới thanh tịnh, chứng quả A La Hán, chứng đắc Phật quả. Các Ngài hoàn toàn chẳng xét tới [điều ấy], chẳng vì trong tương lai sẽ đạt được quả báo, hoặc là trong tương lai đạt được lợi ích thì mới hộ trì tịnh giới.

Lại còn, “*bất y nhất thiết đắc dữ bất đắc hộ trì tịnh giới*” (chẳng nương vào hết thấy đắc và bất đắc mà hộ trì tịnh giới): Trì giới có công đức, phá giới chôn vùi công đức, có tội ác. Như vậy, khi Bồ Tát trì tịnh giới, như thế nào thì mới là trì thanh tịnh giới? Tâm tịnh, cõi Phật tịnh. Hết thấy chúng sanh tịnh, hết thấy các pháp tịnh, họ hộ trì tịnh giới như vậy. “*Bất y chư hành hộ trì tịnh giới*” (Chẳng nương vào các hành mà hộ trì tịnh giới), “*hành*” là tu hành, tu mười tướng, cho đến tu Duy Tâm Thức Quán, những pháp ấy đều kể như là trụ tâm. Chẳng phải vì những điều ấy mà trì tịnh giới, đây mới là Bất Cộng Tịnh Giới Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát. Bất Cộng Tịnh Giới chẳng cùng chung với Thanh Văn và Độc Giác. Những gì chung với Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa? Như Ngũ Giới, như Bát Quan Trai Giới, như hai trăm năm mươi giới của tỳ-kheo, Nhiếp Thiện Pháp Giới, và Nhiếp Luật Nghi Giới, đó là Bồ Tát Cộng Nhiếp Luật Nghi Giới. Có chỗ Bồ Tát giới “*bất cộng*” (chẳng chung với) Nhị Thừa, tức là Nhiều Ích Hữu Tình Giới thì bất cộng với Nhị Thừa. Vì Bồ Tát ấy trì thanh tịnh giới luân, trong phần trước đã nói, có hai loại tướng, một loại là cộng tướng, hai là bất cộng tướng. Trong phần trước nói đến cộng tướng, còn phần này hoàn toàn nói về bất cộng tướng.

Do vậy, Ngài có thể đoạn trừ hết thấy ngũ dục, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát. Mà đại Bồ Tát trong các vị Bồ Tát chính là giác hữu tình, giác ngộ hết thấy chúng sanh, làm cho hết thấy chúng sanh đều giác ngộ, có thể trì thanh tịnh giới. Do loại trì giới thanh tịnh này, tâm tịnh, chẳng chấp trước giới tướng. Vì vậy, Ngài vượt hơn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, cho nên mới có thể làm ruộng phước lớn cho Thanh Văn và Độc Giác. Hết thấy các vị thuộc Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa đều phải nên cúng dường vị Bồ Tát Ma Ha Tát này, đều phải nên thừa sự, học tập tịnh giới với Ngài. Thế nào mới là tịnh giới?

***(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa nhi thuyết tụng***

*viết: - Trụ tại gia luật nghi, xuất gia giải thoát giới, dữ Nhị Thừa đẳng cộng, bất danh Ma Ha Tát. Trí giả tu Không pháp, bất y chư thế gian, diệt bất y chư hữu, hộ trì thanh tịnh giới, ly thủ tướng Thi La, vô nhiễm, vô chư lậu. Hộ trì như thị giới, danh chân thật phước điền.*

(經)爾時，世尊重顯此義而說頌曰：「住在家律儀，出家解脫戒，與二乘等共，不名摩訶薩。智者修空法，不依諸世間，亦不依諸有，護持清淨戒，離取相尸羅，無染無諸漏。護持如是戒，名真實福田。」

(*Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - Trụ tại gia luật nghi, xuất gia giải thoát giới, chung với hàng Nhị Thừa. Chẳng gọi Ma Ha Tát. Người trí tu pháp Không, chẳng nương các thế gian, cũng chẳng nương các hữu, hộ trì giới thanh tịnh, lìa chấp tướng Thi La, vô nhiễm, không các lậu. Hộ trì giới như thế, gọi là phước điền chân thật).*

“*Tại gia luật nghi*” là Ngũ Giới và Bát Quan Trai Giới. Còn như sáu giới trọng và hai mươi tám giới khinh trong Bồ Tát Giới, khi mới học luật nghi, sẽ nương theo hữu tướng để tiến nhập vô tướng, giống như trong đoạn trên đã nói tới pháp vô tướng. Đây là điều cùng chung với Nhị Thừa, tức là nương theo giới luật hữu tướng để thọ trì giới tướng, tức là nương theo tướng để thọ trì. Điều đó gọi là “*dữ Nhị Thừa cộng*” (chung với Nhị Thừa). Hễ chung với Nhị Thừa thì chẳng gọi là đại Bồ Tát, mà là Bồ Tát bình phàm. Hoặc là sơ phát ý Bồ Tát, người trí tu pháp Không, tức là tu Duy Tâm Thức Quán, tu Không Quán. Người có trí huệ bèn tu Không Quán. Ở trong thế gian mà lìa rời tướng thế gian, chẳng nương vào thế gian mà hành hết thấy các pháp, cũng chẳng nương vào các hữu, tức là chẳng nương vào tam giới để hộ trì thanh tịnh giới. Hễ chấp tướng, sẽ chấp trước luật, Thi La là Giới hay Luật. Đã lìa khỏi, chẳng chấp trước tướng. Trì giới mà chẳng có giới tướng của trì giới; đó là tâm địa pháp môn, vô nhiễm, chẳng có các lậu. Tất cả trì luật nghi, trì tỳ-kheo giới trong Nhị Thừa vẫn là pháp có nhiễm. Vì họ nói đến Tịnh thì cái Tịnh ấy là do nói đối lập với Nhiễm. Giới tỳ-kheo của Nhị Thừa chỉ nhằm đối trị Kiến Tư phiền não, chẳng thể dính lúu tới thể tánh. Có trí huệ bèn tu Không Pháp, tức là tánh thể.

Trong phần trước, đã nhắc đến Duy Tâm Thức Quán. Những điều được nói trong Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đối chiếu với bộ kinh này thì phù hợp khít khao với nửa phần sau. Mười đại giáp trụ luân

trong đoạn này đều là pháp rốt ráo của Bồ Tát Ma Ha Tát Đại Thừa, đều là tu Không Quán. Quán hết thấy các pháp đều là Không, giới luật cũng là Không. Phạm là pháp tương đối, pháp tương đối đều chẳng có thật thể. Phải hộ trì giới như thế, chẳng rơi rớt tam giới, cho đến hết thấy vô minh lậu, trần sa lậu, đều được coi là hữu lậu. Vì hàng Nhị Thừa còn có nỗi khổ Biến Dịch Sanh Tử, vẫn coi như là hữu lậu, chẳng phải là lậu rốt ráo của chư Phật. Đây chỉ là chẳng rơi rớt trong tam giới mà thôi! Nếu có thể hộ trì giới như vậy, chẳng giữ lấy tướng chấp trước. Hễ có lấy thì là chấp trước. Hễ có lấy, nhất định có xả, không giữ lấy tướng cũng là vô xả. Đây mới là có thể làm phước điền chân thật cho Nhị Thừa.

*(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu An Nhân Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục, giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vân hà An Nhân Đại Giáp Trụ Luân? Thiện nam tử! Bồ Tát an nhân hữu nhị chủng tướng: Nhất giả, thế gian. Nhị giả, xuất thế gian. Vân hà Bồ Tát thế gian an nhân? Vị hữu lậu nhân, duyên chư hữu tình, hữu thủ, hữu tướng, y chư quả báo, y chư phước nghiệp, sở phát khởi nhân, y tứ chư Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, sở phát khởi nhân, hữu phát thú nhân, vô kham năng nhân, lực luy liệt nhân, khí chúng sanh nhân, hữu cuồng trá nhân, kiêu duyệt tha nhân, bất vị lợi lạc chư hữu tình nhân. Thị danh Bồ Tát thế gian an nhân. Như thị an nhân, cộng chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng; thử bất danh vi Đại Giáp Trụ Luân, diệc bất do thử danh vi Bồ Tát Ma Ha Tát dã, cập danh nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác chân thật phước điền.*

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩復有安忍大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。云何安忍大甲冑輪？善男子！菩薩安忍，有二種相：一者、世間。二者、出世間。云何菩薩世間安忍？謂有漏忍，緣諸有情有取有相，依諸果報，依諸福業所發起忍，依自諸色、聲、香

、味、觸所發起忍，有發趣忍、無堪能忍、力羸劣忍、棄眾生忍、有誑詐忍、矯悅他忍、不為利樂諸有情忍。是名菩薩世間安忍。如是安忍，共諸聲聞、獨覺乘等；此不名為大甲冑輪，亦不由此名為菩薩摩訶薩也，及名一切聲聞、獨覺真實福田。

*(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có An Nhân Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt hơn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước to lớn. Hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. An Nhân Đại Giáp Trụ Luân là như thế nào? Đây thiện nam tử! An nhân của Bồ Tát có hai loại tướng: Một là thế gian, hai là xuất thế gian. Thế nào là an nhân thế gian của Bồ Tát? Tức là hữu lậu nhân, duyên theo các hữu tình, có giữ lấy, có tướng, nương theo các quả báo, nương theo các phước nghiệp mà phát khởi nhân, nương theo Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc của chính mình mà phát khởi nhân, có nhân phát khởi tiến hương, có nhân chẳng thể kham làm, có nhân sức yếu kém, có nhân vứt bỏ chúng sanh, có nhân dối gạt, có loại nhân mù quáng ra chuộng kẻ khác, có nhân chẳng vì lợi lạc các hữu tình. Đó gọi là an nhân thuộc loại thế gian của Bồ Tát. An nhân như thế cùng chung với các vị Thanh Văn và Độc Giác Thừa; đấy chẳng gọi là Đại Giáp Trụ Luân, cũng chẳng do các nhân ấy mà gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, và cũng chẳng gọi là ruộng phước chân thật của hết thấy Thanh Văn và Độc Giác).*

An Nhân Đại Giáp Trụ Luân là gì? “*Thiện nam tử! An nhân hữu nhị chủng tướng*” (Đây thiện nam tử! An nhân có hai loại tướng): Mỗi luân đều có hai loại tướng, một là tướng thế gian, hai là tướng xuất thế gian. Xuất thế gian là tướng “*vô tướng*”. An nhân thế gian là gì? Chữ Nhân (忍) ở đây chẳng thể hiểu là Nhân Nhục, mà phải hiểu theo ý nghĩa “*thừa nhận*”. Thừa nhận gì vậy? Thừa nhận tánh thể, thừa nhận pháp hữu lậu và pháp vô lậu. “*Vô lậu*” (無漏) có ý nghĩa là “*rốt ráo*”. Hữu lậu là chẳng rốt ráo. “*Duyên chư hữu tình*” (Duyên theo các hữu tình), Bồ Tát hành nhân là nhân, được hết thấy các hữu tình bên ngoài làm các duyên. Nhân là cái có thể sanh khởi, duyên là cái có thể giúp cho thành tựu. Nếu lúc Bồ Tát muốn thành tựu Nhân Nhục Ba La Mật, phải biết:

Trên thế gian chẳng có gì đạt tới rốt ráo, môn Nhẫn ấy của quý vị vẫn là hữu lậu, là bất liễu nghĩa nhẫn! Vì [môn Nhẫn ấy] duyên niệm hết thảy hữu tình, hữu tình làm trợ duyên cho nó. Tu môn Nhẫn ấy, sẽ có chấp lầy, có tướng. Nếu kẻ khác mắng ta, não hại ta, ta liền biết chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng, chịu đựng bị kẻ đó sỉ nhục. Đây là hữu tướng nhẫn.

Vô tướng thì sao? Chúng sanh về căn bản là Không, hết thảy các pháp đều là Không, thấy chúng sanh chẳng có tự thể, đều do duyên mà thành. Có các duyên nào mà thành vậy? Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức, do bảy đại ấy tạo thành. Hết thảy chúng sanh đều do bảy đại tạo thành. Kinh thường nói Tứ Đại, tức địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới. Hễ khi nào nói “*tứ đại giới*”, tức là nói tới bốn đại chủng địa, thủy, hỏa, phong. Hễ khi nào nhắc tới “*tam giới*” thì đương nhiên là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Như vậy là tứ đại giới bao gồm Dục Giới và Sắc Giới. Vô Sắc Giới là không, cho nên nói “địa, thủy, hỏa, phong, không” là đã bao gồm tứ đại chủng trong ấy. Vô Sắc Giới cũng được gộp vào Không. Sự an nhẫn của Bồ Tát chẳng phải là giữ lấy tướng, nhưng do thuận theo pháp thế gian, Ngài có chấp giữ, có tướng. Nương theo các quả báo thì phải tu, nhẫn nhục là tu phước tốt nhất. Người nhẫn nhục tướng mạo rất trang nghiêm, tướng mạo rất xinh đẹp, có tướng công đức. Nếu một người nổi giận, có tâm sân hận, tướng mạo sẽ xấu ác. Người mỹ lệ, tướng mạo rất trang nghiêm, nhưng hễ nổi nóng, lúc người ấy cáu giận, tướng mạo sẽ biến đổi, biến thành La Sát.

Do vậy, phải nên hiểu [thế gian nhẫn] có giữ lấy, có tướng, nhưng Bồ Tát hoàn toàn chẳng phải là như vậy. Ngài nương theo thế gian, nên có bộ dáng như vậy. Tu phước thế gian, vì Nhẫn sanh khởi bởi phước thế gian sẽ nương vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc để sanh ra nhẫn. Hoặc là quý vị đánh tôi, đó là Xúc. Xúc là Khổ Thọ. Quý vị cảm giác đau khổ, hoặc bị kẻ khác chửi bới, cảm thấy nhục nhã, đây đều là hữu tướng. Đối trước các hữu tướng ấy, quý vị chịu đựng, nhưng đối với việc liễu sanh tử, chẳng có cách giải quyết. Đây chỉ là nương theo thế gian. Giả sử liễu sanh tử thì cũng chỉ có thể chứng đắc sự sanh tử của Nhị Thừa. Đó gọi là Phần Đoạn Sanh Tử, chẳng phải là rốt ráo! Môn Nhẫn ấy (thế gian nhẫn) là nói theo hết thảy Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc. Đây là Ngũ Trần. Ngũ Trần tiếp xúc ngũ căn của quý vị bèn sanh khởi những điều chẳng vừa ý. Quý vị chịu đựng được thì gọi là “nương theo điều đó mà sanh ra Nhẫn”. Môn Nhẫn ấy chẳng phải là rốt ráo, do thuận theo tướng thế gian để phát tâm tiến hướng. Nếu đang ở trong tướng thế gian

mà muốn đoạn thế gian, đoạn tam giới cửu hữu<sup>45</sup>, Nhẫn ấy sẽ chẳng rốt ráo. Do vậy, nó được gọi là “*thế gian nhẫn*”.

“*Vô kham năng nhẫn*”: Nếu là người trong thế gian, họ sẽ chẳng thể nhẫn thọ (chịu đựng), nhưng nói theo người tu đạo thì sẽ có thể kham nhẫn, có thể chịu đựng. Hoặc là kẻ khí lực suy yếu, chẳng bằng người khác. Nếu so sánh với người khác, luôn kém cõi hơn, người ấy cho rằng như thế là chánh xác, chẳng có tâm tranh giành phần thắng với người khác. Đây đều là nói theo ý nghĩa “*có chấp lấy, có tướng*”.

“*Khí chúng sanh nhẫn*” (Môn nhẫn vứt bỏ chúng sanh): Chúng ta thấy Thanh Văn và Duyên Giác của Nhị Thừa chẳng độ chúng sanh. Chẳng độ chúng sanh chính là “*khí chúng sanh*” (棄衆生, vứt bỏ chúng sanh). Họ tu môn Nhẫn ấy chính là “*khí chúng sanh*”. Hoặc là có kẻ lừa dối, gạt gẫm quý vị, lường gạt quý vị, dối lừa quý vị, quý vị chẳng nhận biết đây là dối gạt, vẫn chấp nhận kẻ đó, mù quáng ưa chuộng kẻ đó, khiến cho hấn hoan hỷ, khiến cho hấn sung sướng. Chúng ta thừa nhận như thế, [tức là] “*bất vị lợi lạc chư hữu tình nhẫn*” (chẳng phải vì lợi lạc các hữu tình mà nhẫn). Đó gọi là an nhẫn thế gian của Bồ Tát, chẳng lợi lạc chúng sanh! Các môn Nhẫn ấy là “*thế gian nhẫn*”. Chính là môn nhẫn gì vậy? Là nhẫn của Thanh Văn và Duyên Giác. Nói cách khác, đều là pháp thuộc về Thanh Văn và Duyên Giác, tùy thuận thế gian. Đó là nhẫn pháp cùng chung với Thanh Văn và Độc Giác Thừa. Đây là an nhẫn thuộc loại thế gian của hàng Bồ Tát. Môn an nhẫn này có chung với Thanh Văn và Độc Giác Thừa, nương theo môn Nhẫn ấy để tu, sẽ chứng đắc môn Nhẫn ấy.

***(Kinh) Vân hà Bồ Tát xuất thế An Nhẫn Đại Giáp Trụ Luân? Vị vô lậu nhẫn, nhất thiết hiền thánh đại pháp quang minh, phổ vị lợi lạc nhất thiết hữu tình vô nhiễm trước nhẫn, vĩnh đoạn nhất thiết sở tác sự nghiệp, ngữ ngôn, nhân tướng, văn tự, âm thanh, hành y xứ an nhẫn. Tu thứ nhẫn cố, năng đoạn nhất thiết tam kết, tam thọ, tam tướng, tam thế, tam hữu, tam hạnh, tam bất thiện căn, tứ chủng bộc***

---

<sup>45</sup> Cửu Hữu là chín chỗ cư ngụ của hữu tình chúng sanh trong tam giới, tức là Dục Giới (bao gồm nhân gian và sáu tầng trời cõi Dục), Sơ Thiên Thiên, Nhị Thiên Thiên, Tam Thiên Thiên, Vô Tướng Thiên, Không Xứ Thiên, Thức Xứ Thiên, Vô Sở Hữu Xứ Thiên, và Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên. Nếu nói chi tiết hơn, tách ra từng tầng trời, cũng như kẻ thêm tam ác đạo sẽ thành hai mươi lăm Hữu. Do các cõi này đều có phiền não và tâm thức ràng buộc, nên gọi là Hữu.

*lưu, tứ ách, tứ thủ, tứ chủng thân hệ. Tu thử nhẫn thời, tâm ý tịch tĩnh. Thị danh Bồ Tát xuất thế An Nhẫn Đại Giáp Trụ Luân. Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành thử An Nhẫn Đại Giáp Trụ Luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ.*

(經)云何菩薩出世安忍大甲冑輪？謂無漏忍，一切賢聖大法光明，普為利樂一切有情，無染著忍，永斷一切所作事業，語言、因相、文字、音聲、行依處安忍。修此忍故，能斷一切三結、三受、三相、三世、三有、三行、三不善根、四種瀑流、四扼、四取、四種身系。修此忍時，心意寂靜。是名菩薩出世安忍大甲冑輪。善男子！若菩薩摩訶薩成此安忍大甲冑輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，得名菩薩摩訶薩也！超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護」。

(Kinh: Thế nào là xuất thế An Nhẫn Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát? Chính là vô lậu nhẫn, là quang minh nơi đại pháp của hết thầy hiền thánh, là vô nhiễm trước nhẫn (môn nhẫn không đắm nhiễm) lợi lạc trọn khắp hết thầy hữu tình, là môn nhẫn vĩnh viễn đoạn trừ hết thầy sự nghiệp đã làm, ngôn ngữ, tướng trạng của cái thân, văn tự, âm thanh, hành y xứ. Do tu môn nhẫn này, có thể đoạn hết thầy tam kết, tam thọ, tam tướng, tam thế, tam hữu, tam hạnh, tam bất thiện căn, bốn loại giòng thác, tứ ách, tứ thủ, bốn loại trói buộc nơi thân. Khi tu môn nhẫn này, tâm ý tịch tĩnh. Đó gọi là xuất thế An Nhẫn Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát. Đây thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu An Nhẫn Đại Giáp Trụ Luân này, từ sơ phát tâm, hết thầy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, vượt hơn hẳn hết thầy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thầy Thanh Văn, Độc Giác làm đại phước điền. Hết thầy các hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ).

Thế nào là xuất thế gian An Nhẫn Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát?

Môn nhãn này chẳng phải là Đại Giáp Trụ Luân, cũng chẳng phải là an nhãn rốt ráo, được gọi là Vô Lậu Nhãn. Không chỉ chẳng “lậu lạc” (rò rỉ, thừa sót) trong tam giới, mà cũng chẳng lậu lạc trong hết thảy các Hữu. “Lậu” là nói đến tập khí vô minh và trần sa. Loại nhãn này được gọi là Pháp Nhãn. Nếu thừa nhận pháp tánh thì được gọi là Vô Lậu Nhãn. Môn nhãn này sanh khởi từ quang minh nơi đại pháp của các bậc hiền thánh, tức cũng là từ trí huệ của họ. “Hiền” (賢) là nói tới địa vị Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng), [Thánh là nói tới Thập Địa]. Đây là bậc Bồ Tát chứng đắc địa vị hiền thánh, đạt được đại pháp quang minh trí huệ. Nhưng Ngài hoàn toàn chẳng vứt bỏ chúng sanh, mà lợi lạc hết thảy hữu tình. Tuy lợi lạc hữu tình, nhưng chẳng tham đắm, chẳng chấp lấy tướng của chúng sanh.

“*Phổ vị lợi lạc nhất thiết hữu tình vô nhiễm trước nhãn*” (Môn Nhãn vì lợi lạc trọn khắp hết thảy hữu tình mà chẳng đắm nhiễm): “*Vô nhiễm trước nhãn*” là do chấp nhận hết thảy chúng sanh, chẳng [chấp trước] có tướng chúng sanh, tức là “*vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*” như kinh Kim Cang đã dạy, cũng chẳng có cái ta có thể nhãn, cũng chẳng có pháp để có thể nhãn, chẳng có đối tượng để nhãn. Chẳng có cảnh, chẳng có ý cảnh, chẳng có pháp, chẳng có ngã, vĩnh viễn đoạn hết thảy các sự nghiệp đã làm. “*Đã vĩnh viễn đoạn sự nghiệp đã làm*” có nghĩa là chẳng chấp trước. “*Vĩnh viễn đoạn*” hoàn toàn chẳng phải là không làm gì, mà là làm hết thảy các sự, nhưng chẳng chấp trước hết thảy sự nghiệp.

“*Ngữ ngôn, nhân tướng, văn tự, âm thanh*”: Phàm các sự nghiệp quý vị đã làm đều chẳng thể lìa khỏi ngôn ngữ, cũng chẳng thể lìa khỏi văn tự, chẳng thể lìa khỏi tướng văn tự, chẳng lìa khỏi tướng ngôn ngữ, mà cũng chẳng thể lìa khỏi chúng sanh. Sự nghiệp mà quý vị có thể hành đều cạy vào hết thảy các duyên mà thành tự. Chẳng có trợ duyên, duyên đã bị diệt, thì sự nghiệp ấy cũng chẳng có! Nếu có thể đạt được môn Nhãn ấy, sẽ có thể đoạn “*tam kết, tam thọ, tam tướng, tam thể, tam hữu, tam hành, tam bất thiện căn, tứ chủng bộc lưu, tứ ách, tứ thủ, tứ chủng thân hệ. Tu thử nhãn thời, tâm ý tịch tĩnh*” (tam kết, tam thọ, tam tướng, tam thể, tam hữu, tam hành, tam bất thiện căn, bốn loại giòng thác, tứ ách, tứ thủ, bốn loại ràng buộc nơi thân. Khi tu môn Nhãn này, tâm ý tịch tĩnh). Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát tu An Nhãn Đại Giáp Trụ Luân này, từ lúc người ấy vừa mới phát tâm, sẽ có thể đoạn trừ ngũ dục.

“*Tam thọ*” là gì? “*Thọ*” (受) ở đây có nghĩa là “*lãnh nạp*” (領納, tiếp nhận). Bất luận thân thể quý vị tiếp xúc, cho đến ý niệm tiếp xúc, sẽ



có ba loại là Khổ Thọ, Lạc Thọ, và Bất Khổ Bất Lạc Thọ. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý của chúng ta gọi là Lục Căn. Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp ở bên ngoài, được gọi là Lục Trần. Khi Căn và Trần tiếp xúc, trong ấy bèn có Lục Thức, tức Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Ty Thức, Thân Thức, và Ý Thức. Ba món ấy (Căn, Trần, Thức) hợp thành Thập Bát Giới. Nếu Căn và Trần tiếp xúc, mà không có Thức, thứ gì quý vị cũng chẳng biết. Khi Căn và Trần tiếp xúc [mà chẳng có Thức], quý vị chẳng có cảm giác gì. Do có Thức sanh khởi tác dụng phân biệt, quý vị sẽ cảm nhận được. Cái cảm nhận ấy chính là Thọ. Thọ là có khổ, có lạc, lại còn một loại nữa là Bất Khổ Bất Lạc, có ba loại Thọ như thế. Tức là nói khi Căn đối đãi (tiếp xúc) ngoại cảnh, cộng thêm sự phân biệt của Thức, quý vị sẽ cảm nhận ba loại Thọ. Một loại là cảm giác đau khổ (Khổ Thọ), một loại nữa là cảm giác vui sướng (Lạc Thọ). [Ngoài ra, còn có một tình huống là] quý vị chẳng có cảm giác gì, tức là trọn chẳng có cảm giác khổ hay sướng. Chẳng khổ, chẳng lạc thì gọi là Xả Thọ (Bất Khổ Bất Lạc Thọ).

“*Tam kết*” là gì? “*Kết*” là Kết Sử (結使). Chúng ta ở trong Hoặc nghiệp giống như sợi thừng hoặc cái đai thắt nút chặt lại. Nay chúng ta đều dùng thắt lưng bằng da. Trong quá khứ, ở hương thôn, toàn dùng sợi thừng, hoặc dùng vải may thành đai lưng để buộc. Có khi thắt rất chặt, đặc biệt là lúc sử dụng Công Phu, sợ chẳng đủ chặt, nó sẽ bung ra, tuột mất, cho nên thắt rất chặt. Như vậy thì đương nhiên cũng có phiền toái: Lúc tháo ra, rất khó khăn! Điều này ví như chúng ta đang ở trong phiền não, mong tháo gỡ sự kết buộc ấy rất khó khăn. Cái nút thắt ấy là gì? Kiến Hoặc, [hay nói cụ thể hơn là] tám mươi tám món Sử thuộc Kiến Hoặc, khiến cho quý vị chịu tội, đó là Kiến Hoặc. Có khi Thân Kiến và Biên Kiến [trong Kiến Hoặc] đều lấy Ngã làm chủ, coi thân thể này của ta là chủ yếu, mang ý nghĩa “chủ quan của chính mình rất mạnh”. Đó gọi là “*hàng khởi Ngã Kiến*” (luôn dấy lên Ngã Kiến):

1) Ngã Kiến là Thân Tướng Kết, tức là đối với thân thể thì Ngã Kiến [có một loại kiến chấp] gọi là Thân Kiến Kết (身見結, sự vương mắc do kiến chấp đối với cái thân), mong bảo vệ thân thể, giống hệt như Kết Sử.

2) Cấm Thủ Kết: Cấm Thủ Kết (禁取結, kết sử về sự chấp giữ giới cấm hay kiêng kỵ nào đó) chính là tà kiến. Tà tri, tà kiến, tà giác quán. Đó là nói đến ngoại đạo.

3) Nghi Kết: Hoài nghi chánh lý, tức chánh lý chân chánh. Chẳng

hạn như đối với Duy Tâm Thức Quán, quý vị hoài nghi. Suy nghĩ và việc làm đều chẳng phù hợp đạo lý. Chúng ta nói “*chẳng hợp lý*” chẳng phải là nói theo đạo lý như thế gian đã nói. Trong Phật giáo, “*chẳng hợp lý*” là nói theo nội tâm của quý vị, chẳng tương ứng với chân tâm thì mới gọi là Mê. Chẳng hạn như chúng ta tin theo Phật giáo, người khác nói là [chúng ta] mê tín! Tôi đã từng hỏi một số người, tôi nói: “Quý vị hãy nói cho tôi biết, mê là gì? Tín là gì?” Họ chỉ biết nói theo người khác, người khác nói sao bèn nhắc lại như vậy. “*Mê*” là mơ hồ. Mơ hồ tin tưởng Phật giáo tức là đã mơ hồ, mê muội. Tôi nói: Đã mơ hồ, mơ màng mà còn tin ư? Giống như người mắc bệnh tâm thần phân liệt, mơ hồ, điều gì cũng chẳng tin, ngay cả chính mình cũng chẳng biết! Đã mê, sẽ tuyệt đối chẳng tin. Người tin, tuyệt đối chẳng mê! Ghép hai chữ Mê và Tín với nhau, chẳng thể được! Vì sao? Kẻ hoài nghi sẽ chẳng tin. Vì chúng ta đã tin, tin hết thấy các pháp chỉ do tâm thức biến hiện, [thường nói là] “*duy tâm sở hiện*”. Kẻ ấy đã chẳng tin, đã hoài nghi. Hễ đã nghi thì lòng tin chẳng thể bén rễ được. Đây cũng là một cái nút thắt, tức Nghi Kết.

Kinh Lăng Nghiêm dạy phải tháo gỡ nút thắt giữa Căn và Trần, nhưng cái nút thắt ấy rất khó tháo gỡ. Có lẽ các vị là bậc Bồ Tát đã tháo gỡ, chứ tôi chưa cởi bỏ được! Chẳng tháo nổi cái nút ấy là vì hoài nghi, chẳng thể sanh khởi tín tâm chân chánh. Tín tâm chân chánh là như thế nào? Nói theo phía chúng tôi, kinh văn trong nửa quyển sau của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đã giúp cho chúng tôi giảng kinh Đại Thừa Đại Tập Thập Luân rất nhiều. Chúng tôi giảng đến đoạn kinh văn này, tin vào chân tâm, tin vào Chân Như Thật Tướng của quý vị, tin thân của chúng ta và thân của chư Phật đều giống hệt nhau, bình đẳng, chẳng khiếm khuyết, nhưng vì sao ta chẳng đạt được? Chính là vì Tam Kết đã trói buộc, khiến cho quý vị chẳng thể tin nổi!

“*Tam tướng*” tức là Giả Danh Tướng, Pháp Tướng, và Vô Tướng Tướng. Đây là Tam Tướng. Hết thấy các pháp đều có ba tướng ấy.

1) Giả Danh là gì? Hư ngụy mà có giả danh, chẳng có thật thể. Chỉ có danh tự, mà chẳng có thật thể, có thể hư hoại. Hễ hư hoại, cái danh tự ấy cũng chẳng tồn tại, chẳng đại biểu cho điều gì được nữa. Giả Danh là bất cứ lúc nào cũng đều có thể thay đổi danh tự. Tôi ở trong tù chẳng có tên, bị gọi là “*thằng tù số 345*”. Có khi gọi là “*thằng tù số 178*”. Tức là tùy lúc [cai ngục] ban cho quý vị một con số. Hễ điều chỉnh buồng giam, lại cấp cho quý vị một số mới. Điều chỉnh sang chỗ khác, lại đổi thành số mới, chẳng để cho kẻ khác biết quý vị đang ở nơi nào! Nếu quý vị vào trong đó, chẳng có danh tự nữa, hễ nghe gọi con số thay thế ấy, liền biết

đó là mình. Không chỉ đối với phạm nhân, mà quân đội, cho đến các quan chức cao cấp của chánh phủ, đều dùng số hiệu làm đại biểu. Số nào ra số nấy, trong nội bộ sẽ biết đó là ai, người ngoài chẳng biết được! Các danh tự ấy chẳng phải là giả danh ư? Giả trá, chẳng có thật thể để có thể chấp trước. Có thể đặt cho tên gọi này, mà cũng có thể đặt tên bằng danh tự kia, hết thấy các tướng đều là giả tướng. Đối với giả tướng thì có thể đặt giả danh tương ứng với giả tướng như thế, biến hóa rất nhiều!

2) Loại thứ hai là Pháp Tướng. Pháp Tướng là tướng của các pháp, như chúng ta nói đến Ngũ Uẩn, Thập Bát Giới, các tướng ấy chẳng thật!

3) Loại thứ ba là Tướng Vô Tướng: Tướng vô tướng chính là đã lìa khỏi giả danh. Pháp Tướng lìa khỏi giả danh bèn là tướng gì vậy? Chân Như. Chân Như chẳng phải là thật, chỉ là tên gọi của pháp mà thôi! Nó lìa khỏi giả tướng. Trong danh từ Chân Như, danh từ Chân vẫn là giả, mà cũng chẳng thấy Chân Như là như thế nào! Chân Như rốt cuộc là như thế nào? Chúng ta cách chân tâm rất xa, một giây cũng chẳng gặp được! Nếu gặp gỡ trong một phút, quý vị sẽ khai ngộ trong một phút. Gặp gỡ một giây, quý vị sẽ khai ngộ trong một giây. Khi nghe giải thích, quý vị tin tưởng. Khi quý vị tiến nhập, là do theo giả danh mà tin, chẳng phải là thật sự đạt được niềm tin. Còn nữa, chúng tôi nói Dục Hữu, Sắc Hữu, Vô Sắc Hữu. Các thứ ấy đều là giả danh, đều là Tướng. Đây là pháp tướng.

“*Sanh tướng, Trụ tướng, Di tướng, Diệt tướng*”: Sanh, trụ, di, diệt vốn là Tứ Tướng. Trụ tướng và di tướng gộp lại, hợp thành một, hai tướng biến thành một. Chúng ta đang thuộc Trụ Tướng. Kể từ ngày được sanh ra đời, đã là Trụ Tướng. Nhưng trong khi đang trụ, lại di (異, đổi khác). Di là nói “*đổi khác*”, mỗi năm một thay đổi, biến đổi dần dần đến tử vong. Đây là Sanh Tướng, Di Tướng, và Diệt Tướng, đến cuối cùng tiêu mất, chẳng còn nữa. Điều này có thể hoại hết thấy các pháp. “*Diệt*” là tướng của hết thấy các pháp đều chẳng tồn tại. Đã diệt mà nói là “*vô sanh diệt*”, chẳng diệt thì sẽ chẳng sanh, chẳng sanh thì cũng chẳng diệt. Hai điều này tương phản, không thể cùng tồn tại. Nay chúng ta là Sanh Tướng, đến khi chúng ta tử vong, tức là đã diệt, chẳng còn nữa. Diệt Tướng, Diệt Tướng là tướng gì? Là chẳng còn nữa!

“*Tam thế*” dễ giải thích, tức là quá khứ, hiện tại, và tương lai.

“*Tam hữu*”: Dục Hữu, Sắc Hữu, Vô Sắc Hữu. Chúng sanh theo các nghiệp mà hứng chịu các quả báo, bèn có sanh tử.

“*Tam hành*”, “*hành*” có nghĩa là “*vận động*”, thứ gì đang vận

động? Thân, miệng, ý đang vận động. Tam hành là nói về thân, miệng, ý.

“*Tam bất thiện căn*” tức là tham, sân, si. Ba thứ ấy chẳng tốt đẹp, hễ có đôi chút [tham, sân, si] liền bại hoại, chẳng phải là thiện căn. Ba thứ ấy nhiễm đắm cảnh. Đối với cảnh bên ngoài, hễ vừa ý thì là thuận cảnh, quý vị liền vui thích. Chẳng vừa ý, sẽ là sân cảnh, quý vị liền phẫn nộ, phiền não gì cũng đều đưa đến. Đó gọi là chẳng có trí huệ. Chẳng có trí huệ, sẽ chẳng hiểu rõ Sự, Lý. Đây là “*tam bất thiện căn*”, là căn bản của hết thảy các điều ác.

“*Tứ chủng bộc lưu*” (Bốn dòng thác) tức là dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu, và vô minh bộc lưu. Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ cũng là giòng thác. Tham, sân, si, mạn, nghi cũng là giòng thác.

“*Tứ ách*”: [Cái ách] chẳng thường thấy. Ách (扼) là bộ phận đặt trên xe, chẳng phải là xe hơi hiện thời, mà là cái ách gắn trên xe trâu hay xe ngựa. Bộ phận ở chính giữa [nối vào thùng xe] để buộc ngựa, hai bên có chốt, đó là ách, cũng có nghĩa là buộc chặt con ngựa vào cái ách để nó kéo xe. Nó nhảy nhót cỡ nào cũng chạy không thoát, đã bị buộc chặt rồi, chẳng thoát ra được. Hết thảy bọn chúng sanh chúng ta ở trong sanh tử cũng chẳng thoát ra được. “*Dục ách đồng dục bộc lưu*” (Dục ách giống như dòng thác Dục), có hai mươi chín loại. “*Hữu ách đồng hữu bộc lưu*” (Hữu ách giống như dòng thác Hữu), có hai mươi tám loại. “*Kiến ách đồng kiến bộc lưu*” (Kiến ách giống như dòng thác về Kiến Hoặc), có ba mươi sáu loại. “*Tứ vô minh ách*” (Thứ tư là Vô Minh Ách), “*tứ vô minh bộc lưu*” (thứ tư là dòng thác Vô Minh) có mười lăm loại. “*Tứ ách*” chính là “*tứ bộc lưu*”, nhưng trong đó lại chia ra khá nhiều thứ. Vì sao chia ra nhiều như vậy? Do tư tưởng và hành vi của chúng ta có rất nhiều thứ, đức Phật nói ra từng thứ một. Quý vị phù hợp loại nào, nó sẽ khiến cho quý vị chẳng thể kiến tánh nơi loại đó, có ý nghĩa như thế đó!

“*Tứ thủ*” (Bốn thứ chấp giữ) là tên khác của phiền não. Tam giới có tám trăm phiền não, chia thành bốn loại riêng: Hữu Dục Thủ, Kiến Thủ, Giới Cấm Thủ, và Ngã Dữ Thủ. Ngã Dữ Thủ (我與取) là tất cả trói buộc trong thân, tức là Ngã Chấp dấy lên, cũng có nghĩa là ta làm chuyện gì đều nhằm biểu lộ cái Ngã. Biểu lộ cái Ngã có nghĩa là Ngã Kiến, cũng là một loại trong bốn loại bộc lưu.

“*Tứ chủng thân hệ*” (Bốn thứ trói buộc nơi thân) là tham sân, giới thủ, thật thể thủ (chấp trước bản thể các pháp là thật). Bốn thứ chấp trước ràng buộc.

“*Tam luật nghi*”: Biệt Giải Thoát Luật Nghi, Tịnh Sanh Luật Nghi, và Đạo Sanh Luật Nghi.

“*Tam giải thoát môn*” là Không, Vô Tướng, Vô Nguyên.

“*Tứ đoạn kiến*” chính là Tứ Chánh Cần.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - An nhẫn thuyết nhị chủng, vị hữu tướng, vô tướng. Hữu tướng nhẫn hữu trước. Trí giả bất xưng dự. Tu nhân y tam hành, y Uẩn, Giới, Xứ đẳng. Thệ danh hữu lậu nhân, phi Ma Ha Tát tướng. Vị diệt Tứ Diên Đảo, tu vô nhiễm trước nhân. Tịch tĩnh tam hạnh đẳng. Thử nhân khả xưng dự. Năng tịch tĩnh chư hành, ly nhất thiết phân biệt, tâm bình đẳng như không. Thử nhân khả xưng dự. Chư pháp đồng nhất thú, Không, Vô Tướng tịch diệt. Tâm vô sở trụ trước. Thử nhân thành đại lợi.*

(經)爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「安忍說二種，謂有相無相。有相忍有著。智者不稱譽。修忍依三行，依蘊界處等。是名有漏忍，非摩訶薩相。為滅四顛倒，修無染著忍。寂靜三行等。此忍可稱譽。能寂靜諸行，離一切分別，心平等如空。此忍可稱譽。諸法同一趣，空無相寂滅。心無所住著。此忍成大利。」

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - An nhẫn nói hai loại, hữu tướng và vô tướng. Hữu tướng nhẫn chấp hữu, người trí chẳng khen ngợi. Tu nhân nương tam hành, nương vào Uẩn, Giới, Xứ, gọi là hữu lậu nhân, vô Ma Ha Tát tướng. Vị diệt Tứ Diên Đảo, tu nhân không đắm nhiễm, tam hành đều tịch tĩnh. Nhân ấy đáng khen ngợi. Tịch tĩnh nơi các hành, lìa hết thảy phân biệt, tâm bình đẳng như không. Nhân ấy đáng khen ngợi. Các pháp cùng một nẻo, Không, Vô Tướng tịch diệt. Tâm chẳng hề trụ vương. Nhân ấy thành đại lợi).*

“*Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết*” (Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa ấy, bèn nói kệ tụng rằng): Đức Phật nhắc lại lần nữa các ý nghĩa bao hàm trong đoạn kinh văn trên đây. “*An Nhẫn thuyết nhị chủng, vị hữu tướng, vô tướng*” [nghĩa là] An Nhẫn có hai loại tướng, một là hữu tướng, hai là vô tướng. “*Hữu tướng nhẫn*” cùng chung cho cả ba thừa. “*Vô tướng nhẫn*” chỉ riêng cho Bồ

Tát. “*Trí giả bất xung dự*” (Người trí chẳng khen ngợi): Người có trí huệ chẳng tán thán Hữu Tướng Nhẫn.

“*Tu nhẫn y tam hành, y Uẩn, Giới, Xứ đẳng, thị danh hữu lậu nhẫn, phi Ma Ha Tát tướng*” (Tu nhẫn nương theo tam hành, nương theo Uẩn, Giới, Xứ v.v... thì gọi là hữu lậu nhẫn, chẳng phải là tướng Ma Ha Tát): Nương theo thân, miệng, ý (đó là tam hành), nương theo mười tám giới, mười hai xứ. Hành nhẫn, tu nhẫn như thế chẳng phải là tướng Ma Ha Tát, tức chẳng phải là tướng của đại Bồ Tát. “*Vì diệt Tứ Diên Đảo*” (Vì diệt Tứ Diên Đảo): Vô ngã, chấp ngã đều là diên đảo. Vốn chẳng có chấp trước. Hãy nhớ hễ có cái Ta, vốn chẳng phải là vui, mà là khổ, lại coi nó là lạc; đây là [diên đảo] của nhân sanh. Nêu một thí dụ, giống như chúng ta uống rượu trong tiệc rượu. Uống rượu là do mọi người rủ rê, khuyên dụ lẫn nhau, dường như rất vui sướng, uống say mềm, uống say lú tủy. Phải nên biết đây là khổ, lại còn khiến cho cái thân đau khổ. Năm xưa, khi tôi đến nơi đó, có một vị đạo hữu đến từ Đài Loan, ông ta uống rượu say sưa, té gục dưới chân bàn, gãy phần trước xương cổ. Hiện thời, cổ ông ta vẫn tổn hại như thế, tổn rất nhiều tiền trị liệu. Vốn là tìm khoái lạc, rốt cuộc hoàn toàn chẳng khoái lạc!

Giống như tại Đài Loan có nam bồi rượu, có nữ bồi rượu, nữ tìm nam bồi rượu, nam tìm nữ bồi rượu. Vốn là chuyện vui sướng, nhưng ghen tỵ lẫn nhau, thậm chí thù hận giết nhau! Tổn thất kinh tế chẳng cần nói, còn dẫn đến rất nhiều phiền toái. Lại còn “*tranh phong*” (tranh giành chiếm ưu thế), lại ghen tuông, rất nhiều nỗi đau khổ trong ấy. Quý vị nói xem, đây là khoái lạc hay là thống khổ? Vốn chẳng có chúng sanh, ngay cả Ngã đều chẳng có, sự khoái lạc ấy chẳng phải là khoái lạc. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh là Tứ Đức của chư Phật. Ngược lại thì gọi là Tứ Diên Đảo, coi khổ là vui, coi vô thường chính là thường, coi tịnh là bất tịnh. Thân thể của chúng ta vốn bất tịnh, vẫn chê cái này bất tịnh, cái kia cũng bất tịnh, quý vị có điếm nào sạch sẽ hay chẳng? Chính mình chẳng tu Quán, vì phía trên thân thể có hoành cách mô (Thoracic diaphragm), phía dưới lại có một cái hoành cách mô nữa, cho nên mùi hôi [từ trong nội tạng] mới không toát ra. Trước khi chúng ta lọt lòng mẹ, toàn là bất tịnh, ở ngay dưới sanh tạng và thực tạng<sup>46</sup> bản thiêu, ở ngay trong phần phân tiêu, lại còn phải hấp thụ những thứ ấy thì mới có thể sanh tồn. Sau khi được sanh ra, quý vị thấy thân thể này, chín lỗ thường tuôn chảy. Do

---

<sup>46</sup> Sanh tạng và thực tạng là từ ngữ chỉ chung bộ phận tiêu hóa, sanh tạng như thực quản, bao tử, thực tạng là phần ruột non, ruột già...

điên đảo, kẻ ấy thường cho rằng [chính mình] rất sạch sẽ, [chê bai] thứ này chẳng sạch sẽ, thứ kia cũng chẳng sạch sẽ. Kẻ đó cho rằng chính mình rất tốt đẹp, rất sạch sẽ; thật ra, rất bẩn thỉu!

Giả sử nói: Bất cứ lúc nào chúng ta tụ hội, luôn xách theo một túi phân, một bọc nước tiểu, gói thật kín để đem đi, chính quý vị cảm thấy rất nhơ bẩn. Dầu chẳng ai biết, cũng cảm thấy rất bẩn thỉu. Thật ra, chúng ta đem theo cái thân xác thịt này, quý vị nói xem có phải là giống hết như vậy hay chẳng? Đó đều là điên đảo. Sanh mạng này vốn có sanh, ắt có diệt, chẳng phải là thường hằng, nhưng chúng ta một mực cho là nó thường hằng, luôn muốn sống mấy trăm năm, sống một trăm năm, sống mấy chục năm! Khuyên người khác cũng như vậy, hãy trường thọ! Tôi khuyên mọi người tu Vô Thường Quán, luôn chú ý chính mình có thể chết bất cứ lúc nào. Có các đạo hữu không thích nghe nói như vậy, [càu nhàu] “mắc mớ gì mà nói đến chết chóc?” Đây là tôi lưu ý quý vị đôi chút, cực tốt, chẳng xấu đâu nhé! Nói chết liên chết ư? Chưa đến lúc chết, thì tôi có nói một trăm lần, quý vị cũng chẳng chết được. Tôi nói chết mỗi ngày, tôi vẫn còn sống nhăn! Tôi đã nói cả mấy chục năm là tôi muốn chết. Vì sao muốn chết? Tránh cho chính mình khỏi bùng lung! Quý vị lúc nào cũng nghĩ đến cái chết, nghĩ tới vô thường, thế gian còn có gì để tham luyến nữa? Do vậy, quý vị quán vô thường, tu vô thường như vậy, đó là ý nghĩa chẳng nhiễm đắm! Quý vị ắt cần phải thừa nhận như thế, “*nhẫn*” có nghĩa là “*thừa nhận*”. Nếu quý vị chẳng thừa nhận thì sẽ hưởng lạc, chẳng đạt được cái thân tịch tĩnh. Ba hạnh tịch tĩnh nơi thân, miệng ý, quý vị chẳng đạt được! Quý vị ắt cần phải thường xuyên quán tưởng điều này, phải lật ngược các điên đảo, phải là vô ngã, vô thường, khô, không, thường quán tưởng như thế. Vì diệt Tứ Diên Đảo, tu vô nhiễm trước nhãn, đối với hết thảy các pháp đều chẳng chấp trước. [Hay nói cặn kẽ hơn, sẽ là] đối với thân, miệng, ý, và hết thảy các pháp đều chẳng chấp trước. Đối với Thập Thiện Nghiệp thì [các nghiệp nơi] thân, miệng, ý đều là Thập Thiện Nghiệp, cũng chẳng chấp trước. [Thập Thiện Nghiệp] dường như là chuyện đáng nên làm, chẳng có gì đáng tham đắm!

Do nhẫn, có thể đạt được hết thảy các môn Định, tám trăm môn tam-muội đều có thể đạt được. Vì sao? Là hết thảy tướng phân biệt. “*Tâm bình đẳng như không*” (Tâm bình đẳng như hư không): Chúng ta coi Có và Chẳng Có đều là bình đẳng, coi khổ và vui là bình đẳng, coi thường và vô thường là bình đẳng, hết thảy chúng sanh hiền hay ngu, trí óc chậm lụt ngu độn và thông minh đều bình đẳng. Xét theo tánh thể,

đều bình đẳng. Vì sao? “*Chư pháp đồng nhất thú*” (Các pháp cùng một đường), tiến hướng đến điều gì? Không, vô tướng, tịch diệt. Tiến hướng không, vô tướng, tịch diệt. Không, Vô Tướng, Vô Nguyên là ba môn giải thoát. Hết thấy các pháp đều là Không, hết thấy các pháp đều vô tướng. Tướng ấy là giả danh, giả tướng, tâm chẳng trụ vào đâu! Cái tâm của quý vị chẳng chấp trước chút nào như vậy, môn nhãn ấy chính là môn nhãn của bậc trí huệ, có thể thành Phật.

*(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vân hà Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân? Thiện nam tử! Bồ Tát tinh tấn hữu nhị chủng tướng: Nhất giả, thế gian; nhị giả, xuất thế gian. Vân hà Bồ Tát thế gian tinh tấn? Vị chư Bồ Tát tinh tấn, dũng mãnh, cần tu tam chủng thế phước nghiệp sự. Hà đẳng vị tam? Nhất giả, thí phước nghiệp sự; nhị giả, giới phước nghiệp sự; tam giả, tu phước nghiệp sự. Tu thử tức danh tam chủng tinh tấn. Như thị tinh tấn, duyên chư chúng sanh hữu lậu, hữu thủ, y chư quả báo, y chư phước nghiệp. Thị danh Bồ Tát thế gian tinh tấn. Như thị tinh tấn, cộng chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, thử bất danh vi Đại Giáp Trụ Luân, diệc bất do thử danh vi Bồ Tát Ma Ha Tát dã, cập danh nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác chân thật phước điền.*

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩復有精進大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。云何精進大甲冑輪？善男子！菩薩精進，有二種相：一者、世間；二者、出世間。云何菩薩世間精進？謂諸菩薩精進勇猛，勤修三種世福業事。何等為三？一者、施福業事；二者、戒福業事；三者、修福業事。修此即名三種精進。如是精進，緣諸眾生有漏有取，依諸果報，依諸福業。是名菩薩世間精進。如是精進，共諸聲聞、獨覺乘等，此不名為大甲冑



輪，亦不由此名為菩薩摩訶薩也，及名一切聲聞、獨覺真實福田。

*(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt hơn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Thế nào là Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân? Đây thiện nam tử! Tinh tấn của Bồ Tát có hai loại tướng, một là thế gian, hai là xuất thế gian. Thế nào là tinh tấn thế gian của Bồ Tát? Tức là các Bồ Tát tinh tấn, dũng mãnh, siêng tu ba sự phước nghiệp thế gian. Những gì là ba? Một là thí phước nghiệp sự, hai là giới phước nghiệp sự, ba là tu phước nghiệp sự. Tu các điều ấy thì được gọi là “ba loại tinh tấn”. Tinh tấn như thế, duyên theo hữu lậu, có chấp lấy của chúng sanh, nương theo quả báo, nương theo các phước nghiệp. Đó gọi là tinh tấn thế gian của Bồ Tát. Tinh tấn như thế, sẽ cùng chung với các vị Thanh Văn, Độc Giác Thừa, chẳng gọi là Đại Giáp Trụ Luân, cũng chẳng do vì điều này mà gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng như gọi là ruộng phước chân thật cho hết thấy Thanh Văn và Độc Giác).*

Sự tinh tấn của Bồ Tát có hai loại tướng: Một là thế gian, hai là xuất thế gian. Tướng thế gian tinh tấn là gì? Chính là các Bồ Tát tinh tấn, dũng mãnh, siêng tu ba loại chuyện thuộc về phước nghiệp thế gian. Hành Thập Thiện, trì Ngũ Giới, đều là thế gian phước, bố thí cũng là phước thế gian. Như vậy là nói đến phước thế gian thì có ba loại tướng sự nghiệp. Ba loại tướng nào vậy?

1) Một là tướng sự nghiệp thuộc về thí phước, tức là nghiệp tướng bố thí, hành hết thấy hạnh bố thí. Nghiệp tướng [thứ nhất] như thế đó.

2) Thứ hai là giới, tức trì giới. Thọ Tam Quy, Ngũ Giới. Quý vị trì tốt đẹp, sự báo đáp tối thiểu là được sanh lên trời, vĩnh viễn thoát khỏi tam đồ. Trì Bát Quan Trai Giới thì quý vị đã thọ Bát Quan Trai Giới, trì một ngày, một đêm, chắc chắn được sanh lên trời. Phước đức và công đức của Bát Quan Trai Giới như thế đó. Nếu trì nhiều ngày, phước đức của quý vị sẽ tăng thượng. Quý vị vốn trì một ngày một đêm, đáng sanh lên trời Đao Lợi. Quý vị trì một trăm ngày thì hoặc là quý vị làm Đế Thích Thiên, hoặc làm thiên vương, sẽ chẳng làm thiên dân do phước đức càng lớn hơn nữa. Nếu chẳng tham đắm phước nghiệp, chẳng cầu

sanh lên trời, mà cũng chẳng cầu hưởng thụ, ta đều hồi thí cho hết thầy chúng sanh, sẽ là Bồ Tát Ma Ha Tát. Làm hết thầy mọi chuyện, tùy thuộc quý vị tướng như thế nào. Quý vị tướng gì, sẽ đạt được cái quả đó. Do cách nghĩ của quý vị khác nhau, quả báo cũng bất đồng. Hiểu đạo lý này, chúng ta làm một chút việc thiện, chẳng cầu chính mình được an lạc, chỉ mong chúng sanh được lia khổ. Thường nghĩ tới chúng sanh, công đức của quý vị liền to lớn, phước báo vô cùng, vô tận. Bồ thí là như thế, trì giới là như thế, mà tu phước nghiệp cũng như thế.

3) Chuyện tu phước rất nhiều, [chẳng hạn như] sửa cầu, đắp đường, tán thán, tùy hỷ. Chuyện gì ta cũng đều chẳng làm, nhưng thấy người khác làm, bèn vâng theo mười đại nguyện vương của đức Phổ Hiền mà tán thán, tùy hỷ, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Tôi có một phần trong chuyện ấy của quý vị, tôi cũng mong làm, tùy hỷ công đức, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn! Mọi người đọc phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, nguyện thứ năm là “*tùy hỷ công đức*”, phải tán thán, tùy hỷ. Công đức tán thán tùy hỷ chẳng thể nghĩ bàn. Mặt khác, quý vị hủy báng, hoặc cho rằng “có công đức chi đâu, ai chẳng làm được!” Nói suông thì ai cũng đều nói được, nhưng kẻ đó chẳng làm, thấy người khác làm bèn hủy báng, giảm thiểu lợi ích của người ta, kẻ đó sẽ thọ tội. Phước ấy to lớn, mà tội [hủy báng] cũng to lớn lắm!

Ba loại tinh tấn ấy, bất luận quý vị tu nhiều cỡ nào, tinh tấn như thế nào, ngày đêm chẳng ngủ nghỉ, phước đức đạt được chỉ là hữu lậu! Đây là [phước đức] hữu lậu, vì có rò rỉ, có chấp giữ, do nương theo các quả báo, do nương theo các phước, được gọi là tinh tấn thế gian của Bồ Tát. Tinh tấn như thế, sẽ chung với Thanh Văn và Độc Giác Thừa, chẳng phải là Đại Giáp Trụ Luân. Cũng chẳng do vì thế mà được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, chẳng thể; mà cũng chẳng thể làm ruộng phước chân thật cho Thanh Văn và Độc Giác Thừa.

Như thế nào mới là Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát? Thế nào là Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân xuất thế của Bồ Tát? Chính là các vị Bồ Tát dũng mãnh, tinh tấn, tâm tánh bình đẳng đối với các chúng sanh. Chúng ta rất khó làm được, vì tâm chúng ta phân biệt đặc biệt nặng nề, ai cũng chẳng tránh được! Tướng nam, tướng nữ, tướng người già, tướng trẻ nít; đối với trẻ nhỏ sẽ chẳng thể tôn kính như vậy! Tôi không nói điều này, nhưng chắc mọi người cũng có thể cảm nhận được! Người xuất gia tu đạo chúng ta chấp tướng rất nghiêm trọng, chẳng thể tiếp cận nữ nhân, mà nữ cũng chẳng thể tiếp cận nam nhân, tỳ-kheo-ni chẳng thể tiếp cận tỳ-kheo, [chấp trước] các thứ tướng như vậy có phải là bình đẳng hay

không? Như trong Hoa Nghiêm Sớ Sao, Thanh Lương quốc sư đã tự yêu cầu chính mình: “*Thân bất xúc cư sĩ chi tháp, túc bất lý ni sư chi trần, tọa bất bối pháp giới chi kinh*” (Thân chẳng chạm vào giường của cư sĩ, chân chẳng giẫm lên bụi của tỳ-kheo-ni, ngồi chẳng xoay lưng vào chỗ có kinh pháp), tức là sau chỗ Ngài ngồi mà có kinh sách thì tuyệt đối chẳng ngồi. Trước nay, Ngài chưa hề bước vào tự viện của tỳ-kheo-ni. Khi đó, tôi đã nói đùa với đạo hữu khác: “Thanh Lương quốc sư đã phạm giới”. Ông ta hỏi: “Phạm giới gì? Bậc đại đức như thế phạm giới gì?” Tôi nói: “Không giao tế với tỳ-kheo-ni”. Ông ta nói: “Người ta chẳng thỉnh Ngài”. Tôi bảo: “Có thỉnh, Ngài cũng sẽ chẳng đến. Ngài không tiến vào tự viện của tỳ-kheo-ni đứng chưa? Chân chẳng giẫm lên bụi của tỳ-kheo-ni mà! Cư sĩ muốn cúng dường Ngài, thân Ngài chẳng chạm giường của cư sĩ. Giường của cư sĩ, Ngài không thể nằm. Lại còn ‘*khẩu bất vị quá ngộ chi hào*’ (miệng chẳng ném thức ăn quá Ngộ). Đã quá Ngộ, nước trà cũng đều chẳng uống!”

Trì Ngộ là gì? Thật sự trì Ngộ thì nước có màu, sẽ chẳng thể uống; đó mới gọi là “trì Ngộ”. Nếu thọ Bát Quan Trai Giới, đối với giới “*quá Ngộ không ăn*”, quý vị phải chú ý, chẳng thể tùy tiện ăn được! Sở dĩ có các giới giống như Ngũ Giới, Bát Quan Trai Giới, nếu có thời gian, tôi sẽ nói để mọi người hiểu rõ rốt cuộc là chuyện như thế nào! Uống chén sữa bò, cứ cho đó chẳng phải là ăn quá Ngộ. Tôi đã nói với rất nhiều người, uống sữa là không được; hễ nước có màu thì là không được! Lại còn đối với chuyện dùng bữa điếm tâm, bất luận trời đã sáng hay chưa, ắt cần phải là lúc minh tướng (明相) xuất hiện. “*Minh tướng xuất hiện*” là gì? Trời đã sáng hẳn, trông thấy đường chỉ trên lòng bàn tay thì quý vị mới được ăn thứ này thứ nọ. Như chúng ta hiện thời dựa vào sự biểu hiện bên ngoài, trời chưa sáng, [mà đã ăn điếm tâm] sẽ không được! Đức Phật chế giới có giới hạn nhất định. Giới có nghĩa là “*ngăn dirt*”, chẳng phải là bất bình đẳng! Như Thanh Lương quốc sư viên dung như vậy, trong một vi trần có các cõi nước số lượng nhiều như vi trần. Quý vị thấy Ngài phê bình, chú giải kinh Hoa Nghiêm hết sức viên dung, nhưng yêu cầu đối với chính mình hết sức nghiêm khắc!

***(Kinh) Vân hà Bồ Tát xuất thế Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân? Vị chư Bồ Tát dũng mãnh, tinh tấn, u chư chúng sanh, kỳ tâm bình đẳng, trừ diệt nhất thiết phiền não nghiệp khổ. Như thị tinh tấn, nhất thiết hiện thánh cộng sở xưng dự. Vô lậu, vô thủ, vô sở y chỉ. Phổ u nhất thiết tinh tấn, giải đãi, bố thí, xan tham, trì giới, phá giới, từ bi,***

*phần khuể, hạ, trung, thượng phẩm chư chúng sanh sở, vô sai biệt tâm, vô sai biệt tướng, dũng mãnh, tinh tấn. Phổ u tam giới nhất thiết chúng sanh, bình đẳng, vô nhị, vị tác sự nghiệp, ngữ ngôn, tư duy, chư hành y xứ, vô sở trụ trước, dũng mãnh, tinh tấn. Phổ u tam hữu Uẩn, Giới, Xứ trung, vô sở phân biệt, dũng mãnh, tinh tấn. Bất y Dục Giới dũng mãnh tinh tấn. Bất y Sắc Giới dũng mãnh tinh tấn. Bất y Vô Sắc Giới dũng mãnh tinh tấn. Bất quán chư hữu nhất thiết quả báo dũng mãnh tinh tấn. Bất y nhất thiết đắc dữ bất đắc dũng mãnh tinh tấn. Bất y chư hành dũng mãnh tinh tấn. Bất y tam chủng thể phước nghiệp sự dũng mãnh tinh tấn. Cụ túc xuất thế tam phước nghiệp sự dũng mãnh tinh tấn. Thị danh Bồ Tát xuất thế Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân.*

(經)云何菩薩出世精進大甲冑輪？謂諸菩薩勇猛精進，於諸眾生其心平等，除滅一切煩惱業苦。如是精進，一切賢聖共所稱譽。無漏無取，無所依止。普於一切精進懈怠、佈施慳貪、持戒破戒、慈悲忿恚、下中上品諸眾生所，無差別心，無差別想，勇猛精進。普於三界一切眾生，平等無二，為作事業，語言思惟諸行依處，無所住著，勇猛精進。普於三有蘊界處中，無所分別，勇猛精進。不依欲界，勇猛精進。不依色界，勇猛精進。不依無色界，勇猛精進。不觀諸有一切果報，勇猛精進。不依一切得與不得，勇猛精進。不依諸行，勇猛精進。不依三種世福業事，勇猛精進。具足出世三福業事，勇猛精進。是名菩薩出世精進大甲冑輪。

(*Kinh*: Thế nào là xuất thế Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát? Tức là các Bồ Tát dũng mãnh, tinh tấn, đối với các chúng sanh, tâm Ngài bình đẳng, trừ diệt hết thấy phiền não, nghiệp, khổ. Tinh tấn như thế, hết thấy hiện thánh đều cùng ca ngợi. Vô lậu, chẳng chấp giữ, chẳng y chỉ vào đâu. Vì khắp hết thấy các chúng sanh dù tinh tấn, giải đãi, bỏ thí, keo tham, trì giới, phá giới, từ bi, phần khuể, thuộc các phẩm vị thượng, trung, hạ, tâm đều chẳng sai biệt, không suy tưởng sai biệt mà dũng mãnh tinh tấn. Vì trọn khắp hết thấy chúng sanh trong tam giới mà bình đẳng không hai, đối với chuyện thực hiện sự nghiệp, nói năng, tư duy, các chỗ nương cậy của các hạnh đều chẳng trụ vào. Đối với

*khấp các Uẩn, Giới, Xứ trong ba cõi, chẳng phân biệt mà dừng mãi tinh tấn. Chẳng nương vào Dục Giới mà dừng mãi tinh tấn. Chẳng nương vào Sắc Giới mà dừng mãi tinh tấn. Chẳng nương vào Vô Sắc Giới mà dừng mãi tinh tấn. Chẳng quán hết thấy quả báo trong các hữu mà dừng mãi tinh tấn. Chẳng nương theo hết thấy đắc và bất đắc mà dừng mãi tinh tấn. Chẳng nương theo các hành mà dừng mãi tinh tấn. Chẳng nương theo ba loại phước nghiệp sự thế gian mà dừng mãi tinh tấn. Trọn đủ ba loại phước nghiệp sự xuất thế gian mà dừng mãi tinh tấn. Đó gọi là xuất thế Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát).*

“U chur chúng sanh, kỳ tâm bình đẳng” (Tâm bình đẳng đối với chúng sanh) thì mới có thể trừ khử hết thấy nghiệp khổ phiền não; đây là tinh tấn. Bình đẳng là gì? Từ trong cái tâm của quý vị, sự bình đẳng này thuộc về Lý, chẳng phải là bình đẳng nơi hết thấy các Sự. Nơi Sự, sẽ chẳng thể bình đẳng được. Vĩnh viễn chẳng thể bình đẳng! Có người tranh cãi với tôi, cho rằng “nơi Sự cũng phải bình đẳng”. Tôi nói: Tuyệt đối chẳng thể bình đẳng được! Chẳng hạn như chúng ta ăn cơm trong phòng khách thì không được. Từ hôm nay, ra lệnh phải đến trai đường ăn, mỗi người ba chén. Người ta “*xuất pha*” (出坡, người trong tự viện ra ngoài lao động, canh tác), làm việc cực nhọc tại đó, thanh niên ba mươi tuổi thì ba chén chẳng đủ, cần đến năm chén. Chứ quý vị thì không được, chỉ có thể ăn ba chén. Các cụ già, ăn xong, khởi nhúc nhích luôn! Hoặc là họ ở nhà, suốt ngày ngồi tại đó, bắt họ đến đó ăn ba chén, có bóp chết họ cũng không ăn nổi! Không được rồi! Đây là bất bình đẳng, mỗi người ba chén mới là bình đẳng hay sao? Bình đẳng kiểu đó chính là chấp trước. Như thế nào thì mới được coi là bình đẳng? Bụng quý vị bình đẳng. Quý vị có thể ăn nhiều, bèn ăn nhiều. Đó gọi là bình đẳng. Chẳng thể nói “kẻ khác khiêng một trăm cân, khiêng hai trăm cân”, đều bắt [mọi người] bình đẳng khiêng hai trăm cân, rất nhiều người chẳng làm được! Bình đẳng nói như thế nào? Ta muốn nói “bình đẳng thì mọi người phải bình đẳng về của cải, chẳng thể có kẻ phú quý”, bèn san bằng mọi người, sung công tài sản của quý vị, sau đó chia đều ra. Tôi nói: “Phật giáo chẳng nói bình đẳng theo kiểu ấy!” “Thầy nói như thế nào?” Tôi nói: “Tự mình tạo nghiệp, chính mình hứng chịu. Trong quá khứ, kẻ đó đã tạo nghiệp ấy; đời này, gặp cảnh khốn cùng. Kẻ giàu có hưởng thụ là do đã tạo [phước nghiệp] trong quá khứ. Đó gọi là bình đẳng. Bình đẳng nơi phương diện tạo nghiệp”.

Chẳng hiểu rõ nhân quả, quý vị đòi bình đẳng, vĩnh viễn chẳng thể

bình đẳng được! Bình đẳng kiểu ấy là chuyện như thế nào? Tôi nói: “Hiện thời đều bất bình đẳng”. Kẻ đó nói: “Bất bình đẳng như thế nào?” Tôi nói: “Tôi bị nhốt lại. Quý vị ở bên ngoài, tự do như vậy. Đó là bình đẳng nổi gì? Bất bình đẳng, làm sao bình đẳng cho được!” “Thầy phạm pháp!” Tôi đáp: “Tôi phạm pháp, pháp ấy do ai định?” Bình đẳng, Phật giáo nói tới bình đẳng là nói theo Lý, Pháp Thân bình đẳng, đều bình đẳng. Chẳng sai! Đều là bình đẳng, nhưng quý vị chưa tu Pháp Thân, còn chừa Phật đã tu! Đại Bồ Tát đã tu, nhưng chưa thể thành Phật, ắt phải giống như ta, làm chưa được [do chưa đủ sức]! Đây là nguyện vọng của quý vị. Quý vị mong san bằng cho đều nhau: Quý vị đọa địa ngục, vẫn sợ người khác đều chẳng xuống địa ngục! Chẳng thể được! Có những kẻ oán hận, họ vốn rất khô, bèn oán người khác, thấy người khác giàu có bèn sanh tâm ghen tỵ. Chúng ta thường thấy chúng sanh oán điều gì, đều có thể quán tưởng từ Lý. Các oán hận ấy làm sao nói bình đẳng cho được? Đối trước các chúng sanh thuộc ba phẩm hạ, trung, thượng, “*vô sai biệt tâm, vô sai biệt tướng, dũng mãnh tinh tấn. Phổ u tam giới nhất thiết chúng sanh bình đẳng vô nhị*” (tâm chẳng sai biệt, ý tướng chẳng sai biệt, dũng mãnh tinh tấn. Vì khắp hết thấy chúng sanh trong tam giới mà bình đẳng, không hai). Nói theo Lý, đây là trừ diệt phiền não khổ cho chúng sanh. Khi Bồ Tát phát Bồ Đề tâm, bình đẳng đối với chúng sanh, trừ diệt phiền não của chúng sanh. Tinh tấn như thế là đại tinh tấn. Vô lậu, không chấp, vốn chẳng hữu lậu. Pháp Thân chưa hề hữu lậu, địa ngục cũng chẳng có lậu!

Khi giảng kinh Địa Tạng, tôi thường nói với mọi người “*chẳng có địa ngục*”, mọi người không tin! Có một đạo hữu thường nói với tôi: “Con thường xuyên suy nghĩ. Suốt cả đời này con cũng chẳng tu chi hết. Trong tương lai, chỉ sợ sẽ đọa địa ngục. Thầy có phương pháp gì giúp con hay không?” “Tôi không có phương pháp! Quý vị nhất định sẽ đọa địa ngục”. Người đó than: “Thầy cũng nói như vậy!” Tôi đáp: - Phải đấy! Chính quý vị luôn nghĩ như vậy. Tôi chẳng hề nói như vậy. Quý vị suốt ngày chẳng nghĩ chi khác, chỉ tưởng đọa địa ngục, dẫu chừa Phật xuất thế, cũng chẳng có cách nào cứu quý vị! Đức Phật mong quý vị nghĩ tới Phật pháp, quý vị chẳng nghĩ, cứ nghĩ tới địa ngục. Kinh Phật đã nói rất nhiều vấn đề, quý vị chẳng nghĩ tới, vì sao chuyên tưởng địa ngục? Vì sao quý vị nghĩ tới ngạ quỷ? Hoặc nghĩ tới tam đồ? Đối trước tam đồ, quý vị hãy nói chính mình chẳng có phần, thì sẽ chẳng có phần trong tam đồ! Trong tâm quý vị tưởng gì, sẽ tiến hướng về đó. Vì sao luôn nghĩ tới thế giới Cực Lạc? Tưởng thế giới Cực Lạc, chẳng có hai

niệm, ta đã quyết định, chớ nên hoài nghi. Ta chết đi, nhất định sanh về thế giới Cực Lạc. Quý vị sẽ sanh về đó.

“*Ngữ ngôn, tư duy, chư hành y xứ, vô sở trụ trước*” (Đối với ngôn ngữ, tư duy, và chỗ nương cậy của các hành, đều chẳng chấp trước): Bất luận hết thấy những gì quý vị đã làm, hết thấy những điều suy tưởng trong tâm, những điều đã thực hiện qua thân, ngữ, ý, bèn chẳng trói buộc, chẳng giải thoát, mà cũng chẳng chấp trước. Chẳng trói buộc là giải thoát, giải thoát là chẳng trói buộc. Chẳng trói buộc là không chấp trước hai bên. Chẳng chấp trước hai bên, đạo lý này sâu lắm, mà cũng chẳng có gì là tinh tấn, cũng chẳng có gì không tinh tấn! Tinh tấn là gì? Không tinh tấn là gì? Thật sự nói theo Lý, hết thấy hai bên đều chẳng thể có, nhưng hiện thời chúng ta chẳng thể nói như vậy được! Vì hiện thời chúng ta giải đãi. Giải đãi là đối lập của tinh tấn. Tinh tấn cũng là đối lập của giải đãi. Dừng mãi tinh tấn, trọn đủ ba phước nghiệp xuất thế là dừng mãi tinh tấn, được gọi là xuất thế Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát. “*Ba phước nghiệp*” chính là Phước, Tội, và Vô Động.

***(Kinh) Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành thử Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân, từ sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác. Phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ung cúng dường, thừa sự, thủ hộ.***

(經)善男子！若菩薩摩訶薩成此精進大甲胃輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，得名菩薩摩訶薩也，超勝一切聲聞、獨覺。普為一切聲聞、獨覺，作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護」。

***(Kinh:)*** *Này thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, vượt hẳn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác. Vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn, hết thấy các Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ).*

Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu Tinh Tấn Đại Giáp Trụ Luân, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ. Vừa phát tâm, bèn đoạn trừ ngũ dục. Đây là bậc đại Bồ Tát. Bồ Tát Ma

Ha Tát là bậc hữu tình đại giác ngộ như thế đó. Cho nên giáp trụ tinh tấn của Ngài vượt xa Thanh Văn, Độc Giác, có thể làm ruộng phước to lớn cho hết thấy Thanh Văn, Độc Giác. Hết thấy Thanh Văn và Độc Giác đều nên thân cận, cúng dường, thừa sự, học theo Ngài thực hiện đại giáp trụ tinh tấn luân này như thế nào?

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Ư lục căn nhiễm trước, phiêu ngu ngũ bộc lưu, tuy dừng mãnh tinh tấn, trí giả giai yếm hủy. Duyên chúng sanh tinh tấn, hữu lậu, cập hữu thủ, phi chân thật phước điền, bất danh Ma Ha Tát. Trí giả cần tinh tấn, viễn ly nhất thiết trước, tâm vô sở y chỉ, danh chân thật phước điền. Bất nhiễm trước danh sắc, ly Uẩn, Giới, Xứ đẳng, vị chúng tác quy y. Thị danh Ma Ha Tát. Hành thể như thủy nguyệt, tu tinh tấn cứu cánh. Thử luân năng vĩnh đoạn, chúng sanh phiền não phước.*

(經)爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「於六根染著，漂愚五瀑流，雖勇猛精進，智者皆厭毀。緣眾生精進，有漏及有取，非真實福田，不名摩訶薩。智者勤精進，遠離一切著，心無所依止，名真實福田。不染著名色，離蘊界處等，為眾作歸依，是名摩訶薩。行世如水月，修精進究竟。此輪能永斷，眾生煩惱縛。」

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - Nhiễm đắm nơi sáu căn, trôi ngu năm dòng thác, tuy dừng mãnh tinh tấn, kẻ trí đều chê chán. Duyên chúng sanh tinh tấn, hữu lậu và chấp trước, ruộng phước chẳng chân thật, chẳng gọi Ma Ha Tát. Người trí siêng tinh tấn, xa lìa hết thấy chấp, tâm không chỗ y chỉ, là ruộng phước chân thật. Chẳng đắm nhiễm danh sắc, lìa các Uẩn, Giới, Xứ, chúng sanh đều quy y, gọi là Ma Ha Tát. Đạo chơi trong cõi đời, như bóng trăng in nước. Tu tinh tấn rốt ráo, luân này vĩnh viễn đoạn, phiền não trôi chúng sanh).*

“Ngũ bộc lưu” (năm dòng thác) tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, [cộng thêm] ý, thành lục căn đắm nhiễm các trần cảnh Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Đó chính là trôi giạt trong ngũ dục, trôi giạt trong sanh tử, cũng có thể nói là trôi giạt trong lục đạo. Tuy dừng mãnh tinh tấn, vẫn chẳng thể đắc quả, chẳng đạt được rốt ráo. “Trí giả giai



*yếm hủy*” (Kẻ trí đều chán ngán, chê bai): Người có trí huệ sẽ chẳng làm như vậy. “*Duyên chúng sanh tinh tấn, hữu lậu cập hữu thủ, phi chân thật phước điền, bất danh Ma Ha Tát*” (Duyên theo chúng sanh để tinh tấn, hữu lậu và có chấp giữ, thì chẳng phải là ruộng phước chân thật, chẳng gọi là Ma Ha Tát): Có giữ lấy, có xả, tức là hữu lậu, chẳng thể đạt tới vô lậu. Hạng người ấy chẳng thể làm phước điền chân thật cho chúng sanh, càng chẳng thể làm phước điền cho Bồ Tát, Độc Giác [và Thanh Văn], cho nên chẳng gọi là đại Bồ Tát. “*Trí giả cần tinh tấn, viễn ly nhất thiết trước, tâm vô sở y chỉ, danh chân thật phước điền*” (Bậc trí siêng tinh tấn, xa lìa hết thảy chấp trước, tâm không y chỉ vào đâu, thì gọi là ruộng phước chân thật): Trong tâm chẳng nương theo hết thảy các tướng, chẳng chấp giữ chút nào, chẳng chấp trước hết thảy các pháp. Trong tâm chẳng y chỉ, y chỉ điều gì? Y chỉ mà không y chỉ là gì? Đó là Pháp Thân. Pháp Thân là vô y chỉ.

“*Bất nhiệm trước danh sắc, ly Uẩn, Giới, Xứ đẳng, vị chúng tác quy y, thị danh Ma Ha Tát*” (Chẳng đắm nhiễm danh sắc, lìa các Uẩn, Giới, Xứ v.v... Làm chỗ quy y cho đại chúng, thì gọi là Ma Ha Tát): Lìa hết thảy các pháp, chẳng chấp hết thảy các pháp, bèn nhiếp vô lượng nghĩa, tức là tổng trì vô lượng nghĩa, làm chỗ quy y cho chúng sanh, là nơi chúng sanh hướng về để nhờ cậy, cũng là bậc đại Bồ Tát khiến cho họ thoát khỏi biển khổ. “*Hành thế như thủy nguyệt, tu tinh tấn cứu cánh, thử luân năng vĩnh đoạn, chúng sanh phiền não phước*” (Đi trong cõi đời như trăng trong nước, tu tinh tấn rốt ráo. Luân này có thể đoạn vĩnh viễn các phiền não trói buộc của chúng sanh): Bồ Tát làm hết thảy các sự trên thế gian, giống như vầng trăng in bóng trong nước, rỗng không, chẳng có. Hết thảy các pháp như huyền, mộng, bọt, bóng. Tu tinh tấn như thế đó, vị Bồ Tát ấy rốt ráo tinh tấn thật sự, sẽ vĩnh viễn đoạn dứt luân chuyển sanh tử, dẹp tan các phiền não trói buộc chúng sanh.

***(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu Tỳnh Lự Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, từng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vân hà Tỳnh Lự Đại Giáp Trụ Luân? Thiện nam tử! Bồ Tát Tỳnh Lự hữu nhị chủng tướng: Nhất giả, thế gian; nhị giả, xuất thế gian. Vân hà Bồ Tát thế gian Tỳnh Lự? Vị chư Bồ Tát y trước chư Uẩn tu tập Tỳnh Lự, y trước chư***

Giới tu tập Tĩnh Lự, y trước chư Xứ tu tập Tĩnh Lự, y trước Dục Giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Sắc Giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Vô Sắc Giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Tam Luật Nghi tu tập Tĩnh Lự, y trước Tam Giải Thoát tu tập Tĩnh Lự, y trước Tứ Niệm Trụ tu tập Tĩnh Lự, y trước Tứ Chánh Đoạn tu tập Tĩnh Lự, y trước Tứ Thân Túc tu tập Tĩnh Lự, y trước Ngũ Căn tu tập Tĩnh Lự, y trước Ngũ Lực tu tập Tĩnh Lự, y trước Thất Đẳng Giác Chi tu tập Tĩnh Lự, y trước Bát Thánh Đạo Chi tu tập Tĩnh Lự, y trước Địa giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Thủy giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Hỏa giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Phong giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Không giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Thức giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Lạc Thọ tu tập Tĩnh Lự, y trước Khổ Thọ tu tập Tĩnh Lự, y trước Bất Khổ Bất Lạc Thọ tu tập Tĩnh Lự, y trước Hư Không Vô Biên Xứ tu tập Tĩnh Lự, y trước Thức Vô Biên Xứ tu tập Tĩnh Lự, y trước Vô Sở Hữu Xứ tu tập Tĩnh Lự, y trước Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ tu tập Tĩnh Lự, y trước thử thể tu tập Tĩnh Lự, y trước tha thể tu tập Tĩnh Lự, y trước tiểu tướng tu tập Tĩnh Lự, y trước đại tướng tu tập Tĩnh Lự, y trước vô lượng tướng tu tập Tĩnh Lự. Như thị Tĩnh Lự, hữu lậu, hữu thủ, hữu sở y trước, thị danh Bồ Tát thể gian Tĩnh Lự. Như thị Tĩnh Lự, cộng chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, thử bất danh vi Đại Giáp Trụ Luân, diệc bất do thử danh vi Bồ Tát Ma Ha Tát dã, cập danh nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác chân thật phước điền.

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩復有靜慮大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。云何靜慮大甲冑輪？善男子！菩薩靜慮，有二種相：一者、世間，二者、出世間。云何菩薩世間靜慮？謂諸菩薩依著諸蘊修習靜慮，依著諸界修習靜慮，依著諸處修習靜慮，依著欲界修習靜慮，依著色界修習靜慮，依著無色界修習靜慮，依著三律儀修習靜慮，依著三解脫修習靜慮，依著四念住修習靜慮，依著四正斷修習靜慮，依著四神足修習靜慮，依著五根修習靜慮，依著五力修習靜慮，依著七等覺支修習靜慮，依著八聖道支修習靜慮，依著地界修習靜慮，依著水

界修習靜慮，依著火界修習靜慮，依著風界修習靜慮，依著空界修習靜慮，依著識界修習靜慮，依著樂受修習靜慮，依著苦受修習靜慮，依著不苦不樂受修習靜慮，依著虛空無邊處修習靜慮，依著識無邊處修習靜慮，依著無所有處修習靜慮，依著非想非非想處修習靜慮，依著此世修習靜慮，依著他世修習靜慮，依著小想修習靜慮，依著大想修習靜慮，依著無量想修習靜慮。如是靜慮，有漏、有取、有所依著，是名菩薩世間靜慮。如是靜慮，共諸聲聞、獨覺乘等，此不名為大甲冑輪，亦不由此名為菩薩摩訶薩也，及名一切聲聞、獨覺真實福田。

*(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có Tĩnh Lực Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành trụ luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt hơn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Thế nào Tĩnh Lực Đại Giáp Trụ Luân? Đây thiện nam tử! Tĩnh Lực của Bồ Tát có hai loại tướng, một là thế gian, hai là xuất thế gian. Thế nào là Tĩnh Lực thế gian của Bồ Tát? Tức là các Bồ Tát nương vào các Uẩn để tu tập Tĩnh Lực, nương vào các Giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào các Xứ để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Dục Giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Sắc Giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Vô Sắc Giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Tam Luật Nghi để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Tam Giải Thoát để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Tứ Niệm Trụ để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Tứ Chánh Đoạn để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Tứ Thần Túc để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Ngũ Căn để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Ngũ Lực để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Thất Đăng Giác Chi để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Bát Thánh Đạo Chi để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Địa giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Thủy giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Hỏa giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Phong giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Không giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Thức giới để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Lạc Thọ để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Khổ Thọ để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Bất Khổ Bất Lạc Thọ để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Hư Không Vô Biên Xứ để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Thức Vô Biên Xứ để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Vô Sở Hữu Xứ để tu tập Tĩnh Lực, nương vào Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ để tu tập*

**Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2**

Tĩnh Lự, nương vào đời này để tu tập Tĩnh Lự, nương vào đời khác để tu tập Tĩnh Lự, nương vào tiểu tướng để tu tập Tĩnh Lự, nương vào đại tướng để tu tập Tĩnh Lự, nương vào vô lượng tướng để tu tập Tĩnh Lự. Tĩnh Lự như thế là hữu lậu, có chấp luyến, có cái để nương vào, thì gọi là Tĩnh Lự thế gian của Bồ Tát. Tĩnh Lự như thế cùng chung với hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa. Đó chẳng gọi là Đại Giáp Trụ Luân, chẳng do vì các thứ này mà được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, mà cũng chẳng gọi là ruộng phước chân thật của thầy Thanh Văn, Độc Giác).

“Phục thứ thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân” (Lại này thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân): Đây là Định. Tĩnh Lự là tư duy, cũng là tam-muội. “Tam-muội” (Samādhi) dịch thành Tĩnh Lự, cũng dịch là Định, còn dịch là Tư Duy Tu. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, Ngài mới vừa phát tâm, sẽ có thể đoạn trừ ngũ dục. “Siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền” (Vượt xa hết thầy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thầy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn): Hết thầy các Thanh Văn, Độc Giác đều nên cúng dường, thừa sự và thủ hộ Ngài. Ở đây là nhắc lại.

“Vân hà Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân? Thiện nam tử! Bồ Tát Tĩnh Lự hữu nhị chủng tướng: Nhất giả, thế gian, nhị giả xuất thế gian. Vân hà Bồ Tát thế gian Tĩnh Lự?” (Thế nào là Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân? Này thiện nam tử! Tĩnh Lự của Bồ Tát có hai loại tướng: Một là thế gian, hai là xuất thế gian. Thế nào là Tĩnh Lự thế gian của Bồ Tát?) Các Bồ Tát nương vào các Uẩn để tu tập Tĩnh Lự, nương vào Sắc để tu hành Tĩnh Lự, nương vào Thọ để tu tập Tĩnh Lự. Tĩnh Lự (靜慮) là lắng lòng quan sát. Chúng tôi nêu một thí dụ, nương vào Sắc, Sắc Tức tam-muội, Tâm Tức tam-muội, Nhất Hạnh tam-muội. Đối với Sắc, hết thầy các thứ hữu hình đều có sắc. Như vậy Tĩnh Lự là tư duy. Trong phần trước, chúng tôi đã có nói: Hết thầy các pháp vô thường, quán hết các pháp vô ngã, rỗng không! Môn Tĩnh Lự này là Tĩnh Lự của Nhị Thừa. Quý vị đắc nhân gian Định, Cửu Thứ Đệ Định, dựa trên thế gian này để tu Định, quý vị phải tu trước [các môn Định thế gian]. Giống như chúng tôi đã nói phép quán Sở Tức, quý vị dựa theo đó, đây cũng là Tĩnh Lự. Sở Tức Quán vẫn thuộc trong Tĩnh Lự thế gian. Đây là bước đầu của Tĩnh Lự thế gian, có thể khiến cho tâm quý vị tịch tĩnh. Trước hết, hãy tịch tĩnh rồi mới sanh khởi quán chiếu. Nương theo Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức

để quán chiếu đôi chút, sẽ có thể tịch tĩnh được. Quán chiếu là Huệ, có thể tĩnh chỉ, tịch tĩnh. Đó là Định.

Như chúng ta ở trong Dục Giới của tam giới, nương vào Dục Giới Tĩnh Lự, nương vào Sắc Giới Tĩnh Lự, hoặc nương vào Vô Sắc Giới Tĩnh Tự. Nương vào Tam Luật Nghi để tu tập Tĩnh Lự, nương vào Tam Giải Thoát để tu tập Tĩnh Lự, nương vào Tứ Niệm Trụ để tu tập Tĩnh Lự, nương vào Tứ Chánh Đoạn để tu tập Tĩnh Lự, nương vào Tứ Thần Túc để tu tập Tĩnh Lự, nương vào Ngũ Căn để tu tập Tĩnh Lự, nương vào Ngũ Lực để tu tập Tĩnh Lự, nương vào Thất Giác Chi và Bát Chánh Đạo để tu tập Tĩnh Lự.

*“Y trước Địa giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Thủy giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Hỏa giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Phong giới tu tập Tĩnh Lự, y trước Không giới tu tập Tĩnh Lự”* (Nương vào Địa giới tu tập Tĩnh Lự, nương vào Thủy giới tu tập Tĩnh Lự, nương vào Hỏa giới tập Tĩnh Lự, nương vào Phong giới tu tập Tĩnh Lự, nương vào Không giới tu tập Tĩnh Lự): Chỗ này cần phải nói đôi chút. “*Không*” vốn là chẳng có gì, sao có thể là niệm Tĩnh Lự cho được! Khi mọi người quán tưởng, nương vào Không để tu tập môn Tĩnh Lự nào? “*Không*” là hiển thị pháp, là cách nói hình dung. Nương vào Không thì mới có thể an trụ trong hết thảy các pháp. Vì Không, chúng ta mới có thể kiến tạo nhà cửa. Vì Không, nên mới chứa được Nam Thiệm Bộ Châu. Nam Thiệm Bộ Châu ở trong không trung. Phía dưới Nam Thiệm Bộ Châu là thủy luân. Chắc mọi người cho rằng phía dưới nền đất có thủy luân, chẳng phải vậy. Toàn thể địa cầu ở trong không trung, thủy luân cũng ở trong không trung. Trước kia, kinh Phật nói như thế, có một số người ngờ vực chẳng tin. Nay vệ tinh đã bay lên trời. Nhìn từ vệ tinh, địa cầu luôn có màu lam. Phía ngoài địa cầu là thủy luân. Thủy luân bao quanh địa cầu. Thoạt đầu, chúng tôi nghe đạo lý ấy, [đã thắc mắc] địa cầu ở trong nước, sao chẳng bị chìm? Phía dưới nước vẫn là gió, gió duy trì cái luân ấy. Toàn thể Hoa Tạng thế giới hải, phía dưới có một đại phong luân để duy trì. Phong luân có hai mươi loại, mỗi phong luân lại duy trì một phong luân [phía trên nó, mỗi phong luân] đều có danh tự [được nói cặn kẽ trong phẩm Hoa Tạng Thế Giới của kinh Hoa Nghiêm]. Ất cần phải do trí huệ của Phật thì mới có thể biết, chứ trí huệ của chúng ta không được! Tôi nói tổng quát về Tĩnh Lự đôi chút.

Nếu biết là Không, quý vị còn truy cầu chi nữa? Quý vị đã tĩnh, chẳng cần nói đã tương hợp với Chân Không. Dùng cái Không ấy, quý vị có thể đạt đến Không Vô Biên Xứ Định. Lúc quý vị tu Duy Tâm Thức

Quán, đạt được Thức Vô Biên Xứ và Không Vô Biên Xứ Định. Nương theo các pháp ấy để tu, nương vào Thức để tu Thức Vô Biên Xứ, nương vào Lạc Thọ để tu tập Tĩnh Lự, nương vào Khổ Thọ để tu tập Tĩnh Lự. Quý vị tưởng hết thấy khổ là vô thường, tánh thể của Khổ là gì? Chẳng có! Nếu thường tưởng như thế, hiệu quả sẽ có, nhưng quý vị trọn chẳng thường xuyên tưởng. Khổ thật sự đưa đến, quý vị tạm thời quán đôi chút, đương nhiên là có thể giảm bớt vài phần thống khổ. Quý vị tu Quán, dùng Không hoặc Vô Ngã, quý vị nói xem, ai sẽ chấp trước cái đau? Hoặc là trong tâm quý vị nghĩ đến một bên thì cũng được, do chuyển dời mục tiêu, sẽ có thể giảm bớt thống khổ rất nhiều. Hoặc là nếu thời gian quá dài, để tôi luyện nỗi khổ ấy, phải cậy vào tu Quán. Các cách tu Tĩnh Lự ấy đều là Thiên Định thế gian. Đó là tiểu tướng, chẳng phải là đại tướng. Đó gọi là “*nương vào tiểu tướng để tu tập Tĩnh Lự*”. Nương vào đại tướng, nương vào vô lượng tướng, sẽ chẳng dễ dàng! Tu tập Tĩnh Lự, nếu xét theo pháp thế gian, đại tướng cũng thế, mà tiểu tướng cũng thế, có sở y (所依, cái để nương vào), có sở trước (所着, có cái để chấp vào), có chấp tướng, thì đều gọi là Thế Gian Định. Nương vào thế gian Thiên Định để tu, vô tướng là gì? Xuất thế gian là gì? Tu Chân Không Tuyệt Tướng Quán, an lập hết thấy các tướng. Tu Không Quán, tu Giả Quán, hết thấy các pháp đều là giả, hết thấy các pháp đều là Không, đó là chẳng rốt ráo. Tuy thuộc địa vị Bồ Tát, nhưng chẳng rốt ráo. Phải tu Trung Quán, Trung Quán mới là rốt ráo nhất.

Kinh Hoa Nghiêm lại giải thích Trung Quán khác hẳn. “*Chân không tuyệt tướng quán*”, “*Lý Sự vô ngại quán*”, “*Sự Sự vô ngại quán*” như tôi vừa mới nói, Không và Hữu hai đằng hợp lại, Không là Lý, Hữu là Sự. Lý và Sự hai đằng hợp lại thành một Thể. Lý tức là Sự, Sự tức là Lý. Sự và Lý dung hợp, giáo lý ấy được gọi là Chung Giáo. Trong Trung Đạo thì Sự chính là Lý, Lý chính là Sự, Lý Sự vô ngại, được gọi là Lý Sự Vô Ngại Quán. Nhưng cuối cùng là có Châu Biên Hàm Dung Quán (周遍含融觀), tức là tùy tiện lấy một pháp, không pháp nào chẳng phải là pháp giới. Nó đã là pháp giới, hàm nhiếp vô lượng vô biên hết thấy các pháp, đều thuộc trong pháp giới. Mỗi pháp lại là một pháp giới, đó gọi là “*trùng trùng vô tận*”. Kinh Hoa Nghiêm đã lập ra Tam Quán như thế. Tứ Giáo kiến lập ba môn Quán là Không, Giả, Trung, còn Tam Luận Tông<sup>47</sup> chỉ lập một môn Trung Quán. Các tông phái nói khác nhau,

---

<sup>47</sup> Tam Luận Tông là một tông phái Đại Thừa trong Phật giáo, lập cước trên ba bộ luận, tức Trung Luận (Mūlamadhyamakārikā, do ngài Long Thọ biên soạn, ngài

nhưng cái để dấy lên quán chiếu thì giống nhau. Khi tu Tĩnh Lự, nương theo văn tự, nương theo thứ tự này, đó gọi là “*Thiền giác*”. Đó là Hữu Tướng Thiền, chẳng thuộc loại Vô Tướng Thiền thâm áo của Thiền Tông. Thần Tú đại sư ở phương Bắc nương theo hữu tướng, tinh tấn từng bước một. Huệ Năng đại sư ở phương Nam truyền dạy Vô Tướng Thiền, được gọi là Chân Không Tuyệt Tướng, chẳng chấp, chẳng vương mắc. Hai loại ấy đều có thể tu dần dần.

Đối với một loại đại học vấn như thế, khi quý vị muốn học, nếu muốn lý giải trọn hết các danh tướng, chúng tôi giảng hằng ngày cũng chẳng giảng rõ ràng được! Phải vừa dụng công, vừa học tập. Nếu quý vị học tập Tứ Thiền Bát Định rất lâu, đợi cho đến khi chúng tôi nói xong, lại bắt đầu giảng từ Sở Tức Quán. Nay chúng ta khởi sự tu tập, [các pháp Tĩnh Lự vừa nói trên đây] đều chẳng phải là pháp chúng ta đáng nên tu! Sở Tức Quán đơn giản lại rõ ràng. Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy chúng ta môn Sở Tức Quán, chiếu theo đó để tu, quý vị cũng có thể khế nhập. Đếm số mà còn chẳng biết ư? Đếm số cũng chẳng phải là đếm một, hai, ba, bốn, năm, sáu, mà là đếm hơi thở của quý vị: Tướng thở ra, tướng hít vào. Từ thô đếm tới tế. Đã tế, hơi thở chẳng còn; đã Chỉ, đã Định rồi! Đường như chẳng có hơi thở, hơi thở cũng ngừng, cũng chẳng có hơi thở ra, cũng chẳng có hơi thở hít vào. Đó gọi là Định. Nếu quý vị dùng ngón tay [đặt dưới mũi người đã nhập Định] để kiểm xem, [sẽ thấy người ấy] chẳng thở ra. Đem người ấy đi chôn sống, làm như thế đó, người ấy đã nhập Định cũng chẳng biết. Nghe nói: Nếu người ấy chẳng thở ra, tuyệt đối chẳng có hơi thở. Nếu không có ai đụng đến, dầu một đại kiếp, người

---

Curu Ma La Thập dịch sang tiếng Hán), Thập Nhị Môn Luận (Dvādaśanikāya Śāstra, do ngài Long Thọ biên soạn, ngài Curu Ma La Thập dịch sang tiếng Hán), và Bách Luận (Śataśāstra, do ngài Thánh Thiên soạn, cũng do ngài Curu Ma La Thập dịch). Học thuật của tông này thuộc giáo nghĩa Trung Quán. Sau này, một đệ tử người Cao Ly của ngài Gia Tường Cát Tạng là Huệ Quán đã truyền Tam Luận Tông sang Nhật Bản, trở thành Sơ Tổ Tam Luận Tông của Nhật Bản. Theo Bát Tông Cương Yếu, tông này đã tôn Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát làm cao tổ, Mã Minh là Nhị Tổ, Long Thọ là tam tổ, kế đó, lần lượt là các vị Long Trí, Thanh Biên, Trí Quang, Sư Tử Quang (đó là chi lưu thứ nhất). Chi lưu thứ hai tức là từ một đệ tử khác của ngài Long Thọ là Đề Bà, lần lượt truyền cho La Hầu La Đa, Sa Xa Vương Tử cho đến ngài La Thập. Do vậy, Tam Luận Tông Trung Hoa tôn ngài La Thập làm sơ tổ, truyền cho các vị Đạo Sanh, Tăng Triệu, Pháp Dung, Tăng Duệ, Đàm Anh, Đàm Tế. Đàm Tế truyền cho Đạo Lăng, Tăng Thuyên, Pháp Lăng, Cát Tạng... Riêng ngài Gia Tường Cát Tạng được coi là vị có công hoàn thiện và hệ thống giáo nghĩa Tam Luận Tông. Cuối đời Đường, Tam Luận Tông suy vi và bị dung nhập vào tông Thiên Thai.

ấy cũng không chết. Khi người ấy đã nhập Định, thân thể sẽ chẳng bị hư hoại. Đây là điều chẳng thể nghĩ bàn. Nếu quý vị dùng lửa đốt, đương nhiên là thân người ấy sẽ bị hư hoại. Nếu quăng xuống biển, nhất định sẽ bị ngấm nước trương phình. Đó là nói chuyện tu Định. Các môn Định ấy đều chẳng phải của Bồ Tát Ma Ha Tát. Các môn Định được nói trên đây đều là [các môn Định] chung với Nhị Thừa.

*(Kinh) Vân hà Bồ Tát xuất thế Tĩnh Lự? Vị chư Bồ Tát viễn ly chư Uẩn tu tập Tĩnh Lự, viễn ly chư Giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly chư Xứ tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Dục Giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Sắc Giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Vô Sắc Giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Tam Luật Nghi tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Tam Giải Thoát tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Tứ Niệm Trụ tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Tứ Chánh Đoạn tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Tứ Thần Túc tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Ngũ Căn tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Ngũ Lực tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Thất Đăng Giác Chi tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Bát Thánh Đạo Chi tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Địa giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Thủy giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Hỏa giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Phong giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Không giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Thức giới tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Lạc Thọ tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Khổ Thọ tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Bất Khổ Bất Lạc Thọ tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Hư Không Vô Biên Xứ tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Thức Vô Biên Xứ tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Vô Sở Hữu Xứ tu tập Tĩnh Lự, viễn ly Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ tu tập Tĩnh Lự, viễn ly thử thế tu tập Tĩnh Lự, viễn ly tha thế tu tập Tĩnh Lự, viễn ly tiểu tướng tu tập Tĩnh Lự, viễn ly đại tướng tu tập Tĩnh Lự, viễn ly vô lượng tướng tu tập Tĩnh Lự. Như thị Tĩnh Lự, năng phát hiện thánh quang đại quang minh, vô lậu, vô thủ, vô sở y trước. Thị danh Bồ Tát xuất thế Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân. Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành thử Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân, từng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ.*

*(經)云何菩薩出世靜慮？謂諸菩薩遠離諸蘊修習靜慮，遠離諸界修習靜慮，遠離諸處修習靜慮，遠離欲界修習靜慮，遠離色界修習靜慮，遠離無色界修習靜慮，遠離三律儀修習靜慮，遠離三解脫修習靜慮，遠離四念住修習靜*



慮，遠離四正斷修習靜慮，遠離四神足修習靜慮，遠離五根修習靜慮，遠離五力修習靜慮，遠離七等覺支修習靜慮，遠離八聖道支修習靜慮，遠離地界修習靜慮，遠離水界修習靜慮，遠離火界修習靜慮，遠離風界修習靜慮，遠離空界修習靜慮，遠離識界修習靜慮，遠離樂受修習靜慮，遠離苦受修習靜慮，遠離不苦不樂受修習靜慮，遠離虛空無邊處修習靜慮，遠離識無邊處修習靜慮，遠離無所有處修習靜慮，遠離非想非非想處修習靜慮，遠離此世修習靜慮，遠離他世修習靜慮，遠離小想修習靜慮，遠離大想修習靜慮，遠離無量想修習靜慮。如是靜慮，能發賢聖廣大光明，無漏無取，無所依著。是名菩薩出世靜慮大甲冑輪。善男子！若菩薩摩訶薩成此靜慮大甲冑輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，得名菩薩摩訶薩也，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺，作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護」。

*(Kinh: Thế nào là Bồ Tát xuất thế Tĩnh Lực? Tức là các Bồ Tát xa lìa các Uẩn tu tập Tĩnh Lực, xa lìa các Giới tu tập Tĩnh Lực, xa lìa các Xứ tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Dục Giới tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Sắc Giới tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Vô Sắc Giới tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Tam Luật Nghi tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Tam Giải Thoát tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Tứ Niệm Trụ tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Tứ Chánh Đoạn tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Tứ Thần Túc tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Ngũ Căn tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Ngũ Lực tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Thất Đẳng Giác Chi tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Bát Thánh Đạo Chi tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Địa giới tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Thủy giới tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Hỏa giới tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Phong giới tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Không giới tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Thức giới tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Lạc Thọ tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Khổ Thọ tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Bất Khổ Bất Lạc Thọ tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Hư Không Vô Biên Xứ tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Thức Vô Biên Xứ tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Vô Sở Hữu Xứ tu tập Tĩnh Lực, xa lìa Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ tu tập Tĩnh Lực, xa lìa đời này tu tập Tĩnh Lực, xa lìa đời khác tu tập Tĩnh Lực, xa lìa tiểu tướng tu tập Tĩnh Lực, xa lìa đại tướng tu tập Tĩnh Lực, xa lìa vô lượng tướng tu tập Tĩnh Lực. Tĩnh Lực như thế có thể phát sanh quang minh to lớn của*

**Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2**

*hiền thánh, vô lậu, chẳng chấp giữ, chẳng nương tựa. Đó gọi là Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân xuất thế của Bồ Tát. Nay thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể trừ dứt, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, vượt hơn hẳn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn, hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ).*

Chúng ta nói tới tu tập Tĩnh Lự bằng Duy Tâm Thức Quán, chẳng cần xem văn tự. Văn tự đều lìa tướng văn tự. Quý vị xem văn tự thì cũng chẳng nắm bắt được. Vì sao? Phải lìa hết thấy các tướng, lìa hết thấy các pháp để tu tập Tư Duy. Đó là Không Quán. Thoạt đầu, Không Quán của Đại Thừa và Nhị Thừa có khác biệt. Nhị Thừa cũng thành tựu Không Quán, nhập Niết Bàn tịch tĩnh. Họ cũng chứng đắc Niết Bàn, cũng bất sanh bất diệt. Họ cho rằng đã là Không, nhưng chẳng độ chúng sanh. Từ trong Không, chẳng thể xuất Hữu, từ Không nhập Giả, từ Giả nhập Không. Họ chẳng thấu hiểu đạo lý này; do vậy, [Thiền Định của Nhị Thừa] gọi là Thiền Định thế gian. Thế gian Nhị Thừa đều dựa theo thế gian để tu. Đại Bồ Tát chẳng nương theo thế gian để tu, mà nương theo môn “*năng phát hiện thánh quang đại quang minh*” (có thể phát ra quang minh rộng lớn của hiền thánh). Phạm là có tướng, có tướng, có chấp giữ, đều chẳng phải là cảnh giới của Bồ Tát. Đại Bồ Tát tu hành Tĩnh Lự Đại Giáp Trụ Luân xuất thế, vẫn chẳng phải là tu xuất thế Không Quán. Không Quán là chân không tuyệt tướng. Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo cũng do Địa Tạng Vương Bồ Tát nói. [Trong kinh ấy], Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy tu Quán, một là Duy Tâm Thức Quán, hai là Chân Như Thật Tướng Quán, nhập cảnh giới Thật Tướng. Một đấng là Quán, là Chiếu; một đấng là Định, là Chỉ. [Hay nói cách khác là] Xa Ma Tha (Śamatha, Chỉ) và Tỳ Bà Xá Na (Vipaśyanā, Quán). Bồ Tát tu Tỳ Bà Xá Na Quán. Quán và Huệ hai đấng hợp lại để tu. Chỉ có Định, chẳng có Huệ, thì thuộc về Thanh Văn. Nhị Thừa ắt cần phải Chỉ và Quán cùng vận dụng. Nếu có thể thành tựu môn Đại Giáp Trụ Luân này, từ lúc người ấy vừa mới phát tâm, ngũ dục đều có thể đoạn trừ. Như thế thì gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát.

**(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Vị xả kỷ trọng đảm, tu hữu sở đắc Định, câu đoạn tự phiền não, phi chân trí giả tướng. Y khí hữu sở quán, câu giải thoát tu Định, thử**

*trước thử bỉ ngạn, phi lợi lạc hữu tình. Vị lợi lạc hữu tình, tu Định xả trọng đảm, diệt nhất thiết phiền não, thị chân trí giả tướng. Vị nhuận chư hữu tình, tu vô y trước Định, vĩnh đoạn chư hữu ái, thị danh đại huệ giả. Vị giải chư hữu phược, linh trụ vô úy thành, tu hành Tịch Chỉ định, thị danh Ma Ha Tát.*

(經)爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「為舍己重擔，修有所得定，求斷自煩惱，非真智者相。依器有所觀，求解脫修定，取著此彼岸，非利樂有情。為利樂有情，修定舍重擔，滅一切煩惱，是真智者相。為潤諸有情，修無依著定，永斷諸有愛，是名大慧者。為解諸有縛，令住無畏城，修行寂止定，是名摩訶薩。

(*Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - Vì mình buông gánh nặng, tu Định có sở đắc, cầu mình đoạn phiền não, chẳng phải tướng chân trí. Nương thế gian để quán, cầu giải thoát tu Định, chấp tướng hai bên bờ, chẳng lợi lạc hữu tình. Vì lợi lạc hữu tình, tu Định buông gánh nặng, diệt hết tất cả phiền não, là tướng bậc chân trí. Vì nhuận ích hữu tình, tu Định không nương chấp, vĩnh viễn đoạn hữu ái, gọi là bậc đại huệ. Vì cởi các hữu phược, trụ trong thành vô úy, tu hành Tịch Chỉ Định, gọi là Ma Ha Tát).*

Gánh nặng ấy là gánh nặng gì vậy? Xả chính mình! Chỉ vì chính mình liễu thoát thì là hàng Nhị Thừa. Các thứ Định được nói trước đó đều là pháp tu của hàng Nhị Thừa. Bồ Tát thì ngược lại! Trong đoạn kinh văn trên đây, hoàn toàn chẳng nói Bồ Tát chuyên tu các pháp nào. Pháp chuyên tu của Ngài hoàn toàn trái ngược với Nhị Thừa, đó là pháp tu của Bồ Tát. Bồ Tát tu Không Quán là bất không. Bất không được hiển thị ở chỗ nào? Phải độ chúng sanh, khiến cho chúng sanh đều có thể hiểu rõ “thế gian này là khổ”, cho đến “thế gian cũng là chẳng khổ, chẳng lạc”. Hàng Nhị Thừa tức Tiểu Thừa khác hẳn! Bởi lẽ, họ vì buông xả gánh nặng của chính mình, tự cảm thấy gánh nặng ấy quá nặng nề, mong lìa bỏ nó, bèn tu hữu sở đắc Định, đắc gì vậy? Đắc Niết Bàn tịch tĩnh. Đó là Niết Bàn tịch tĩnh của hàng Nhị Thừa. Vĩnh viễn đoạn trừ phiền não của chính mình, đoạn Kiến Tư Hoặc. Đây chẳng phải là người có trí, chẳng phải là tướng trạng của bậc chân trí! Bậc trí chẳng tu như thế. “*Y khí hữu sở quán, cầu giải thoát tu Định, thử trước thử bỉ ngạn, phi lợi lạc hữu tình*” (Nương theo khí thế gian để có đối tượng quán, do cầu giải

thoát mà tu Định, chấp lấy bờ này và bờ kia, chẳng lợi lạc hữu tình): Đây cũng chẳng phải là cách tu của bậc Đại Thừa Bồ Tát.

Phép Quán ấy chẳng phải là trí huệ thật sự, do phải nương vào gì? Y chỉ chánh giác thế gian. Phép Quán ấy là chân quán, vì cầu giải thoát mà tu Định. Đây là nói theo Nhị Thừa: “Ta muốn giải thoát phiền não, bèn tu Định như vậy”. Chẳng có trí huệ, chẳng lợi ích chúng sanh. Trí huệ chẳng lớn, vì chấp giữ bờ này, bờ kia. Ta từ bờ này, muốn tới bờ kia. Lục Ba La Mật chẳng phải là đạt đến bờ kia hay sao? Đây là cách nói hình dung, dùng [bờ kia] làm tỷ dụ. Chẳng có bờ này, mà cũng chẳng có bờ kia! Nếu như quý vị mong cầu giải thoát, bèn tu Định, nắm giữ, chấp trước “ta đang ở bờ sanh tử, muốn tới bờ Niết Bàn”. Đây chẳng phải là lợi lạc hữu tình, mà cũng chẳng phải là Bồ Tát Ma Ha Tát.

*“Vì lợi lạc hữu tình, tu Định, xả trọng đảm”* (Vì lợi lạc hữu tình mà tu Định hòng bỏ gánh nặng): Ta vì lợi ích chúng sanh, khiến cho chúng sanh đều có thể đạt được lợi ích. Tu hành như thế, tức là tu Định để bỏ gánh nặng cho chúng sanh. Tu Định nhằm diệt trừ hết thảy phiền não của chúng sanh. Đây mới là tướng trạng của bậc trí huệ chân thật. Là đại Bồ Tát Ma Ha Tát vì nhuận ích các hữu tình bèn tu Vô Y Trước Định, vĩnh viễn đoạn sự yêu đắm trong các cõi (hữu ái), thì gọi là bậc đại huệ. Chẳng phải vì chính mình, tu Định cũng thế, thậm chí tu đôi chút động tác cũng thế, tất cả các Tinh Tấn Độ cũng đều như thế. Môn Định này chính là chẳng nương dựa, chẳng chấp trước. Đối với phương pháp tu Định, hoàn toàn chẳng phải là “ngồi thì mới có thể tu Định, chứ đứng chẳng thể tu Định”. *“Na Già thường tại Định”* (Đức Phật thường ở trong Định). Đi, đứng, ngồi, nằm, trong bốn oai nghi, quý vị đều có thể tu Định. Khi ngồi, tu Định có hai loại chương ngại: Một là tán loạn. Hễ vừa tĩnh lặng, chuyện cũ từ tám mươi năm trước đều nghĩ tới. Bóng dáng của chúng trời lên, suy nghĩ miên man khiến ngồi chẳng yên, sẽ nổi nóng. Nổi nóng với ai? Nổi nóng với chính mình. Lúc đó, [cứ lan man suy nghĩ, giá mà] ta đừng nên làm như vậy, cho đến bây giờ chịu thua thiệt. Quý vị hồi hận. Hễ tán loạn xảy đến, [sau khi dẹp được tán loạn], Định được rồi, lại bị hôn trầm. Có lúc, Định rồi ngủ thiếp đi một hai tiếng. Lúc tỉnh lại vẫn chẳng biết, quý vị thấy đã qua một khoảng thời gian rồi!

Chúng ta tĩnh tọa trong Thiên Đường. Trong vòng một cây hương to (trong khoảng thời gian cháy hết một cây hương), có người rất định, có người trong tâm xáo động khôn cùng, [kẻ ấy] càng ngó dáo dác, càng chịu không nổi! Cây hương ấy rất thô, dài ngắn ấy, tối thiểu cháy hai

tiếng rưỡi đồng hồ. Quý vị dòm lư hương: “Hương vẫn còn y nguyên, chẳng cháy bớt chút nào!” Thấy nó quả thật chẳng giảm. Có người căn bản là chẳng nhìn, cứ mặc kệ, bèn nhập Định, [thật ra], ngủ mất tiêu! Hai ba tiếng đồng hồ trôi đi, đợi nghe gõ bản (nhắc đại chúng xả Thiền), người đó tỉnh dậy, [thời khóa tọa Thiền] đã qua đi, làm gì cũng chẳng biết. Có lúc công phu tĩnh tọa của chúng ta tốt đẹp, chân cũng không đau. Bất quá, ngòi Thiền ngon lành [thật ra] là tẻ nhất, vì người ấy ngủ suốt hai ba tiếng đồng hồ. Quý vị thấy bộ dáng người ấy dường như đang nhập Định, thật ra, đang ngủ khò khò. Chuyện này phải do luyện tập mà thành, nhìn từ bên ngoài, sẽ nhìn chẳng ra. Kẻ đó đang ngủ, tự mình cảm thấy rất thoải mái. Sự khinh an khi nhập Định và ngủ giống nhau. Đạt được khinh an, thứ gì cũng chẳng suy nghĩ, thật sự buông xuống hết thảy, trụ trong sự khinh an ấy. Đó chẳng phải là khai trí huệ, ắt cần phải tinh tấn dũng mãnh.

Nếu vì tăng trưởng chúng sanh, tu môn Định này, không nương dựa, chẳng chấp trước, vĩnh viễn đoạn trừ các ái trong các Hữu thuộc tam giới, chẳng phải vì chính mình, mà nhằm lợi lạc chúng sanh, khiến cho các hữu tình không nương dựa, không chấp trước mà nhập Định, có thể vĩnh viễn đoạn tuyệt hết thảy ái phược (愛縛, trói buộc do yêu mến). Đây là người có trí huệ, “*vị giải chư hữu phược, linh trụ vô úy thành, tu hành Tịch Chỉ Định, thị danh Ma Ha Tát*” (vì tháo gỡ các trói buộc trong các Hữu nơi tam giới, khiến cho [các hữu tình] trụ trong tòa thành không sợ hãi, mà tu môn Định tịch tĩnh dứt bật, thì [người ấy] được gọi là Ma Ha Tát). Vì khiến cho hết thảy chúng sanh giải thoát tất cả triền phược, trói buộc, mà ở trong tòa thành không sợ hãi, tức tòa thành vô sanh, vô diệt. Tu Chỉ, tu Định như vậy, tức là Tịch Chỉ Định. Đây mới là bậc đại Bồ Tát. Nếu mọi người xem sách vở về Thiền Định, sẽ biết những điều ấy. Nay chúng ta chỉ nhận biết danh từ. Đó chẳng phải là pháp chúng ta sẽ tu. Đợi đến khi chúng tôi giảng xong [bộ kinh này, đại chúng] hãy khéo tu hành pháp Sở Tức Quán do Địa Tạng Vương Bồ Tát đã nói, đồng thời lại còn khéo niệm Phật. Người thật sự niệm Phật, tu Sở Tức Quán, sẽ giống hệt như công phu tu Tĩnh.

***(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thứ luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa***

đăng giai ứng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vân hà Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân? Thiện nam tử! Bồ Tát Bát Nhã hữu nhị chủng tướng: Nhất giả, thế gian; nhị giả, xuất thế gian. Vân hà Bồ Tát thế gian Bát Nhã? Vị chư Bồ Tát duy y độc, tụng, thư tả, thính văn, vị tha diễn thuyết tam thừa chánh pháp, dục cầu trừ diệt nhất thiết chúng sanh vô minh hắc ám, dục cầu phát khởi nhất thiết chúng sanh đại huệ quang minh, vị u Như Lai sở thuyết chủng chủng dữ Thanh Văn Thừa tương ứng chánh pháp, tinh cần độc tụng, thính văn, thư tả, vị tha diễn thuyết, khuyến chánh tu hành. Hoặc u Như Lai sở thuyết chủng chủng dữ Độc Giác Thừa tương ứng chánh pháp, tinh cần độc tụng, thính văn, thư tả, vị tha diễn thuyết, khuyến chánh tu hành. Hoặc u Như Lai sở thuyết chủng chủng dữ Vô Thượng Thừa tương ứng chánh pháp, tinh cần độc tụng, thính văn, thư tả, vị tha diễn thuyết, khuyến chánh tu hành. Bất cầu hiền thánh vô lậu đạo chi, bất cầu thánh đạo, bất cầu thánh đạo sở nhiếp giải thoát, bất hành tịch tĩnh chân thật Bát Nhã, thường hành hữu kiến, hữu tướng Bát Nhã. Như thị Bát Nhã, hữu thủ, hữu trước, thị danh Bồ Tát thế gian Bát Nhã. Như thị Bát Nhã, cộng chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, thủ bất danh vi Đại Giáp Trụ Luân, diệc bất do thủ danh vi Bồ Tát Ma Ha Tát dã, cập danh nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác chân thật phước điền. Vân hà Bồ Tát xuất thế Bát Nhã? Vị chư Bồ Tát tinh cần tu tập Bồ Đề đạo thời, tùy lực độc tụng, thính văn, thư tả, vị tha diễn thuyết tam thừa chánh pháp, nhi u kỳ trung, y vô sở đắc phương tiện nhi trụ, vô sở hành động, vô sở tư duy, vô hữu căn bản, dĩ như hư không tâm, phổ tịch diệt tâm, vô tăng giảm huệ, vô thủ trước tâm, vô sanh diệt tâm, vô thoái chuyển tâm, pháp bình đẳng tâm, Chân Như tâm, thật tế tâm, pháp giới tâm, vô ngã tâm, vô phân biệt tâm, tịch diệt an nhĩ ly phân biệt tâm, thiện xảo an trụ vô thành hoại địa, thiện xảo an trụ vô trụ vô trước thắng diệu huệ địa. Như thị Bát Nhã, vô thủ, vô trước, thị danh Bồ Tát xuất thế Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân.

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩復有般若大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。云何般若大甲冑輪？善男子！菩薩般若，有二種相：一者、世間；二者、出世間。云何菩薩世間般若？謂諸菩薩，唯依讀誦、書

寫、聽聞，為他演說三乘法，欲求除滅一切眾生無明黑暗，欲求發起一切眾生大慧光明，謂於如來所說種種與聲聞乘相應正法，精勤讀誦，聽聞書寫，為他演說，勸正修行。或於如來所說種種與獨覺乘相應正法，精勤讀誦，聽聞書寫，為他演說，勸正修行。或於如來所說種種與無上乘相應正法，精勤讀誦，聽聞書寫，為他演說，勸正修行。不求賢聖無漏道支，不求聖道，不求聖道所攝解脫，不行寂靜真實般若，常行有見有相般若。如是般若，有取有著，是名菩薩世間般若。如是般若，共諸聲聞、獨覺乘等，此不名為大甲冑輪，亦不由此名為菩薩摩訶薩也，及名一切聲聞、獨覺真實福田。云何菩薩出世般若？謂諸菩薩，精勤修習菩提道時，隨力讀誦、聽聞、書寫，為他演說三乘法，而於其中，依無所得方便，而住無所行動、無所思惟、無有根本，以如虛空心、普寂滅心、無增減慧、無取著心、無生滅心、無退轉心、法平等心、真如心、實際心、法界心、無我心、無分別心、寂滅安忍離分別心，善巧安住無成壞地，善巧安住無住無著勝妙慧地。如是般若，無取無著，是名菩薩出世般若大甲冑輪。

*(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt xa hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước to lớn. Hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Thế nào là Đại Giáp Trụ Luân của Bát Nhã? Đây thiện nam tử! Bồ Tát Bát Nhã có hai loại tướng: Một là thế gian, hai là xuất thế gian. Thế nào là Bát Nhã thế gian của Bồ Tát? Tức là các Bồ Tát chỉ nương vào đọc, tụng, biên chép, lắng nghe, vì người khác diễn thuyết chánh pháp tam thừa, muốn cầu trừ diệt vô minh hắc ám cho hết thấy chúng sanh, muốn cầu phát khởi quang minh đại huệ cho hết thấy chúng sanh, tức là đối với các thứ chánh pháp tương ứng với Thanh Văn Thừa do đức Như Lai đã nói, bèn siêng rông đọc tụng, lắng nghe, biên chép, vì người khác diễn nói, khuyên họ tu hành chánh đáng. Hoặc là đối với các*

*thứ chánh pháp tương ứng với Độc Giác Thừa do đức Như Lai đã nói, bèn siêng rông đọc tụng, lắng nghe, biên chép, vì người khác diễn nói, khuyên họ tu hành chánh đáng. Hoặc là đối với các thứ chánh pháp tương ứng với Vô Thượng Thừa do đức Như Lai đã nói, bèn siêng rông đọc tụng, lắng nghe, biên chép, vì người khác diễn nói, khuyên họ tu hành chánh đáng. Chẳng cầu vô lậu đạo chi của hiền thánh, chẳng cầu thánh đạo, chẳng cầu sự giải thoát được nhiếp thọ bởi thánh đạo, chẳng hành Bát Nhã chân thật tịch tĩnh, thường hành Bát Nhã có kiến, có tướng. Bát Nhã như thế nếu chấp giữ là có, thì gọi là Bát Nhã thế gian của Bồ Tát. Bát Nhã như thế cùng chung với các Thanh Văn, Độc Giác Thừa. Đó chẳng gọi là Đại Giáp Trụ Luân, cũng chẳng do đó mà gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng chẳng gọi là ruộng phước chân thật của hết thầy Thanh Văn, Độc Giác. Thế nào là Bát Nhã xuất thế của Bồ Tát? Chính là khi các Bồ Tát siêng rông tu tập Bồ Đề đạo, tùy sức mà đọc tụng, lắng nghe, biên chép, vì người khác diễn thuyết tam thừa chánh pháp, nhưng ở trong ấy, bèn trụ vào phương tiện “không có gì để đạt được”, không có hành động, chẳng có tư duy, chẳng có căn bản, dùng cái tâm như hư không, cái tâm tịch diệt trọn khắp, cái tâm trí huệ chẳng tăng giảm, không chấp giữ, tâm chẳng sanh diệt, tâm chẳng thoái chuyển, tâm pháp bình đẳng, tâm Chân Như, tâm thật tế, tâm pháp giới, tâm vô ngã, tâm chẳng phân biệt, tâm tịch diệt an nhiên là phân biệt, tâm thiện xảo an trụ địa vị chẳng thành hoại, thiện xảo an trụ địa vị trí huệ mâu nhiệm thù thắng vô trụ, không chấp trước. Bát Nhã như thế chẳng giữ lấy, chẳng chấp trước, gọi là Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân xuất thế của Bồ Tát).*

Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu trí huệ Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân này, từ khi Ngài mới phát tâm, đã có thể đoạn tuyệt ngũ dục. Đây là nói bậc Thập Trụ Bồ Tát phát tâm, hoàn toàn chẳng phải là nói về Sơ Tín. Như chúng ta cũng phát tâm, nhưng chẳng thể đoạn ngũ dục. Hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong địa vị Thập Trụ vừa phát Bồ Đề tâm, ngũ dục đều đoạn trừ, họ có thể nhanh chóng đoạn dứt. Lại còn vừa phát tâm, đã vượt xa Thanh Văn, Độc Giác, vượt xa A La Hán, hơn hẳn hàng Nhị Thừa. Do vậy, Ngài có thể làm ruộng phước to lớn cho hết thầy Thanh Văn và Độc Giác. Vì thế, hết thầy Thanh Văn và Độc Giác Thừa đều phải nên cúng dường, thừa sự, thân cận, thủ hộ Ngài. Đây là điều tương thông, vẫn tự giống như trong các đoạn trước.

Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân là gì? Trí huệ Bát Nhã của Bồ Tát có



hai loại tướng: Một loại là thể gian, loại kia là xuất thể gian, tức một loại là thể gian Bát Nhã, loại kia là xuất thể gian Bát Nhã. Thể gian Bát Nhã chung với Thanh Văn và Độc Giác, xuất thể gian Bát Nhã chẳng chung với Thanh Văn và Độc Giác. Sau khi Bồ Tát thành tựu luân này, khi thuyết pháp cho hết thấy chúng sanh, sẽ dựa vào đâu? Bồ Tát sẽ đọc, tụng, biên chép, lắng nghe. Khi Bồ Tát tu hành trong đời quá khứ, cũng dựa vào đọc tụng, biên chép, lắng nghe. Lắng nghe là Văn Tư, tức là nghe xong bèn suy nghĩ, suy nghĩ rồi có thể tu. Đọc tụng và biên chép là một cách thực hiện tu hành, khác với tĩnh tọa và tham Thiền. Một đặng là từ tướng mà vào, tiến nhập dần dần. Một đặng là từ Thể mà nhập, đốn ngộ. Chúng ta biết Huệ Năng đại sư chẳng đọc tụng, mà cũng chẳng biên chép. Ngài cũng chẳng biết chữ, [thế mà] Ngài đốn ngộ. Căn cơ của chúng ta chẳng giống Ngài. Nếu Ngài là loại căn cơ đó, mà lại nói pháp Thanh Văn Nhị Thừa cho Ngài, bảo Ngài đọc tụng, lắng nghe, thì sai lầm mất rồi! Trong phần trước, chúng tôi đã nói “*chẳng phạm sai lầm đối với tam thừa*”, nếu làm như vậy (thuyết pháp không đúng căn cơ) thì sẽ là sai lầm. Nếu đối với người thuộc loại căn cơ “*tiệm tiến*” (漸進, tiến nhập dần dần), mà chỉ nói pháp đốn ngộ, [dạy họ] tham cứu minh tâm kiến tánh thì hiện thời đối với loại căn cơ ấy, sẽ chẳng thích hợp.

Vì sao Bồ Tát làm như vậy? Ngài vì tu hành, tu hành vì chúng sanh. Đọc tụng, biên chép, lắng nghe, đều nhằm diễn thuyết chánh pháp tam thừa. Ở đây, thêm chữ Chánh, [ngụ ý những gì các Ngài đã làm đều] nhằm trừ diệt vô minh hắc ám của chúng sanh. Vô minh phiền não của chúng sanh phải dựa vào pháp này để giải cứu, phải mong trừ khử sự hắc ám nơi tâm lý của chúng sanh. Dựa vào pháp thì mới có thể diệt trừ, chẳng nhờ vào ánh sáng đèn, ánh sáng mặt trời, mặt trăng [để diệt trừ hắc ám]. Các thứ quang minh ấy (ánh đèn, hay ánh sáng nhật nguyệt) chẳng trừ được hắc ám của họ. Chúng có thể trừ khử sự hắc ám nơi hiện tượng. Nếu muốn trừ khử sự hắc ám nơi tâm lý thì phải học pháp, phải tu pháp, khiến cho họ sanh ra quang minh đại huệ vốn sẵn có của chính mình. Vì duyên có này, Bồ Tát phải quán cơ. Quán cơ (觀機) tức là xem xét [đối tượng được thuyết pháp] thuộc loại căn cơ nào để nói cho người ấy pháp thích đáng thuộc thừa đó.

Kế đó, [chánh kinh liệt kê] các thứ pháp. Nếu là chánh pháp tương ứng với Thanh Văn Thừa, bèn đối trước người thuộc Thanh Văn Thừa mà nói, khiến cho họ nghe pháp xong cũng có thể siêng rông tu học, “*thính văn, thư tả*” (lắng nghe, biên chép), khuyên họ tu hành. Sau khi [đối tượng] đã nghe pháp, sẽ khuyên họ tu hành. “*Vị tha diễn thuyết,*

*khuyến chánh tu hành*” (Vì người khác diễn thuyết, khuyên tu hành chánh đáng), chớ hành theo tà đạo. Mục đích nghe pháp của chúng ta là sợ chính mình hành trì chẳng phải là chánh hạnh. Nếu chẳng phải là công phu chân chánh, vận dụng sai lầm, [chẳng hạn như] học Khí Công cũng rất dễ đi vào ngõ rẽ. Nếu quý vị bị hướng dẫn theo công phu chẳng tốt, do tu chẳng tốt đẹp, sẽ dẫn khởi rất nhiều bệnh tật. Vì thế, đối với pháp này, cũng phải nói chánh pháp như thế; sau đó phải tinh tấn, chớ nên giải đãi. “*Cần*” (勤, siêng năng) là chẳng biếng nhác! Xét theo ý nghĩa của đọc tụng, Đọc là chiếu theo kinh văn để đọc, Tụng là đọc thuộc lòng. Đọc kinh phần lớn là chiếu theo kinh bản để đọc. Một bộ kinh Pháp Hoa, xét ra trí lực của chúng ta chẳng thể nào thuộc nằm lòng được. Kinh Hoa Nghiêm chúng ta cũng chẳng thể thuộc nằm lòng nổi; kinh Đại Bát Nhã chúng ta cũng không thể thuộc nổi! Một phần trong đó, như Tâm Kinh, thì chúng ta có thể thuộc. Quý vị thuộc nằm lòng, [có thể đọc không cần kinh bản] thì là Tụng. Chiếu theo kinh bản để đọc, hoặc chính mình sao chép, quý vị làm được điều này, nhưng khuyên kẻ khác tu hành chánh đáng thì chẳng làm được!

Tu Quán bèn quán chẳng được, như Quán Tự Tại Bồ Tát dạy quý vị tu, khơi mở trí huệ Bát Nhã của ta. Trí huệ ấy sanh ra đại huệ quang minh, quý vị mới có thể chiếu kiến “*Ngũ Uẩn đều là Không*”. Nếu không, lấy gì để chiếu kiến Ngũ Uẩn đều là Không? Chúng ta vẫn giúi mài nơi ngũ dục ư? Chẳng hiểu rõ năm mươi loại Âm Ma, căn bản là quý vị đang ở trong loài ma, vẫn cứ tưởng chính mình rất biết tu hành, sai lầm mất rồi! Vì sao phải thường xuyên đọc kinh? Dùng kinh để đối chiếu. Kinh giống như mặt gương. Trên mặt chúng ta có vết đen, chính mình chẳng trông thấy, quý vị vừa soi gương sẽ biết. Do vậy, khuyên họ phải tu hành chánh đáng. Nếu cảm nhận tu hành không đúng, hãy đối chiếu với kinh bản, coi đức Phật dạy như thế nào? Hãy đối chiếu một phen! Chiếu theo các thứ pháp do đức Như Lai đã nói, nếu là căn cơ Thanh Văn Thừa, hãy nói kinh A Hàm, hoặc luận Câu Xá cho người ấy, tức là chánh pháp tương ứng với Thanh Văn. Nếu là Độc Giác Thừa, hãy nói cho người ấy pháp nhân duyên, nói mười hai nhân duyên. Ba mươi bảy đạo phẩm, tức Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, những pháp ấy chung cho cả ba thừa. Quý vị có thể [giảng giải] sâu, mà cũng có thể cạn. Như thế thì Thanh Văn, Độc Giác, “*thính văn, thư tả, vị tha diễn thuyết, khuyến chánh tu hành*” (lắng nghe, biên chép, vì người khác diễn nói, khuyên họ tu hành chánh đáng).

“*Hoặc ư Như Lai sở thuyết chủng chủng dữ Vô Thượng Thừa tương ứng chánh pháp*” (Hoặc đối với các thứ chánh pháp tương ứng Vô Thượng Thừa do đức Như Lai đã nói): Nếu gặp chúng sanh cầu Vô Thượng Thừa, bèn khuyên họ tu hành chánh đáng, nói chánh pháp tương ứng với Vô Thượng Thừa, như kinh Bát Nhã, kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa, minh tâm kiến tánh. Đặc biệt là kinh Pháp Hoa, khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật, nói cho họ tri kiến của Phật. Kẻ Nhị Thừa chẳng thể tin nhận! Lấy ngay các đạo hữu trong hiện thời để nói, tôi đã gặp mấy kẻ, họ chẳng phân đối. Quý vị giảng kinh Pháp Hoa, họ cũng theo nghe đôi chút. Quý vị giảng kinh Hoa Nghiêm, họ cũng nghe. Như vậy là gieo thiện căn! Căn cơ Nhị Thừa đều chẳng có, họ chẳng thể chứng đắc thánh quả, chỉ là gieo thiện căn, nhưng họ có thể nghe danh tự của kinh, có thể lắng nghe, đều là do đã gieo thiện căn từ vô lượng kiếp đến nay! Nếu không, họ sẽ chẳng thể nghe nổi, đã ngồi xuống rồi lại đứng lên bỏ đi!

Khi tôi giảng kinh Hoa Nghiêm tại chùa Nam Phổ Đà ở Hạ Môn, giảng hơn nửa năm, có người nghe đôi chút bèn bỏ đi, chẳng thể nghe từ đầu đến đuôi. Học trò thì không được, chẳng nghe cũng không được, vì họ là học sinh tại Phật Học Viện, ắt phải nghe giảng bài. Họ chẳng phải là căn cơ ấy; chẳng phải là căn cơ ấy, thì kẻ như gieo thiện căn. Trong đời tương lai, họ sẽ dần dần thành tựu căn cơ ấy, đó là gieo nhân. Nhưng có thể gieo cái nhân này, là do có nhân duyên túc thế. Giống như đoạn kinh văn này đã nói, nếu chúng ta muốn thật sự đạt đến Bát Nhã chân thật, tức là như nay chúng tôi đang giảng nửa quyển sau kinh Chiêm Sát Thiệt Ác Nghiệp Báo, đang giảng về chân thật Bát Nhã thì những điều chúng tôi vừa nói chỉ là hữu tướng Bát Nhã. Hữu Tướng Bát Nhã khác hẳn Vô Tướng Bát Nhã. Hữu Tướng là “*hữu thủ, hữu trước*” (có giữ lấy, có chấp trước), còn Vô Tướng chẳng có.

Họ siêng rông đọc tụng Đại Thừa, lắng nghe, biên chép như thế, tức là sự “*chánh tu hành*” (tu hành chánh đáng) của họ chẳng giống như sự tu hành trong các phần trước, chẳng cầu trí huệ vô lậu của Nhị Thừa. “*Chẳng cầu thánh đạo*” là nói đến [thánh đạo] Nhị Thừa. Vô cầu, vô chứng, chẳng cầu sự giải thoát được nói trong thánh đạo [Nhị Thừa], chẳng hành tịch tĩnh chân hạnh Niết Bàn. Trái lại, đối với tịch tĩnh chân thật Bát Nhã, họ chẳng hành, như thế thì các điều họ đã hành toàn là Bát Nhã hữu tướng có thể thấy được. Đối với loại Bát Nhã ấy, có lấy, có bỏ, đó là có chấp trước tướng. Tu hành như thế thì môn Bát Nhã ấy chẳng phải là Bát Nhã chân thật, tức là chẳng hành tịch tĩnh chân thật Bát Nhã.

“Hành” là thấy, pháp được hành là hữu tướng Bát Nhã. Môn Bát Nhã ấy có lấy, có xả; đó chẳng phải là môn Bát Nhã thật sự rốt ráo của Bồ Tát. Đây là gì? Chính là thế gian Bát Nhã của Bồ Tát. Do vậy, đối với sự phân biệt, đối đãi trong pháp yếu tam thừa, chẳng phải là đức Phật nói vô sai biệt, bình đẳng hay sao? Đó là bình đẳng, [tương ứng với] pháp họ đáng nên lãnh thọ. Họ có thể tiếp nhận cỡ nào, quý vị sẽ nói cho họ chừng ấy. Họ chẳng thể tiếp nhận mà quý vị [chỉ dạy] vượt quá khả năng của họ, [họ sẽ hoàn toàn chẳng tiếp nhận]. Đây là bất bình đẳng!

Chuyện này có ý nghĩa giống như thí dụ ăn cơm tôi đã nêu trong phần trước. Chúng ta ấn định người ấy phải ăn ba chén. Người có thể ăn năm chén, sẽ không đủ no. Người chỉ có thể ăn một chén, ép họ ăn ba chén xong, họ chịu không nổi! Đây mới là bất bình đẳng! Người ấy là căn cơ gì, có thể nghe nói pháp gì, có thể biên chép pháp gì? Quý vị diễn nói cho người ấy, khuyên người ấy tu chánh đáng, chớ nên sai lầm. Kẻ chẳng phải là căn khí rất sâu, chẳng mong thành Phật, chẳng mong đạt tới quả vị rốt ráo, quý vị chẳng thể nói pháp rất sâu cho kẻ đó được! Kẻ đó có thể nghe pháp, cũng có thể lắng nghe, cũng có thể biên chép, nhưng mục đích của kẻ đó bất đồng. Họ tu tập giải thoát cũng khác, sự tu hành của người ấy luôn thuộc vào hữu tướng, hữu vi, chấp trước!

Giống như giới Bồ Tát và giới tỳ-kheo, giới tỳ-kheo và giới Sa Di, giới Sa Di và Bát Quan Trai Giới, Bát Quan Trai Giới và Ngũ Giới, đều khác nhau. Vì tâm lượng của người ấy chỉ to chừng đó. Đó là hữu tướng Bát Nhã. Môn Bát Nhã ấy còn có lấy, có bỏ, chấp trước “đây là nghiệp bất tịnh, ta chẳng thể làm”. Đó gọi là “*chấp trước*”. Bồ Tát thì vô trước (chẳng chấp trước), là thật sự bình đẳng. Nói Thanh Văn và Duyên Giác chấp trước, chẳng phải là họ chấp trước ngũ dục thế gian, mà chấp trước gì vậy? Họ chấp trước pháp. [Đối với họ], Ngã đã chẳng còn thì là đã tu thành công. Đã đoạn Ngã Chấp, nhưng Pháp Chấp vẫn chưa đoạn. Tuy người ấy có trí huệ, nhưng chỉ được một nửa, đó gọi là thế gian Bát Nhã của Bồ Tát. Bồ Tát phải trọn đủ hai loại Bát Nhã. Loại Bát Nhã này (thế gian Bát Nhã) cùng chung với Thanh Văn, Độc Giác. Họ cũng nương theo loại Bát Nhã này để học, cũng chứng đắc như thế. Bồ Tát tuy cũng nương theo pháp ấy để học, nhưng sau khi học xong, bèn lợi ích chúng sanh, chẳng vì để chính mình thọ dụng, mà là để cho người khác thọ dụng. Loại Bát Nhã này chẳng thể gọi là “*Đại Giáp Trụ Luân*”, do chẳng có sức mạnh của cái luân ấy, chẳng gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, chẳng thể coi là bậc đại Bồ Tát được, chẳng thể gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng chẳng thể làm ruộng phước chân thật cho Thanh Văn và Bồ

Tát. Đó là thể gian Bát Nhã của Bồ Tát.

Bát Nhã có hai loại tướng: Một là thể gian, hai là xuất thể gian. Xuất thể gian Bát Nhã của Bồ Tát, “*vị chư Bồ Tát tinh cần tu tập Bồ Đề đạo thời*” (tức là khi các Bồ Tát siêng ròng tu tập Bồ Đề đạo), nêu ra tiền đề khác biệt: Vị ấy tu hành Bồ Đề đạo, trong khi tu nhân, đã nương vào Bồ Đề đạo để tấn tu, nơi quả địa chứng đắc quả Bồ Đề. “*Tùy lực đọc, tụng, thính văn, thư tả*” (Tùy sức mà đọc tụng, lắng nghe, biên chép), tùy theo sức của vị ấy, tức là tùy theo sức trí huệ. Có sức trí huệ rất lớn, sẽ có thể học tập pháp ấy. Sau khi đã học xong, liền có thể lợi ích chúng sanh, diễn tam thừa chánh pháp cho chúng sanh.

“*Nhi u kỳ trung, y vô sở đắc phương tiện nhi trụ, vô sở hành động, vô sở tư duy, vô hữu căn bản, dĩ như hư không tâm, phổ tịch diệt tâm, vô tăng giảm huệ, vô thủ trước tâm, vô sanh diệt tâm, vô thoái chuyển tâm, pháp bình đẳng tâm, Chân Như tâm, Thật Tế tâm, pháp giới tâm, vô ngã tâm, vô phân biệt tâm, tịch diệt an nhẫn ly phân biệt tâm*” (Nhưng ở trong ấy, nương vào phương tiện chẳng có gì đạt được mà trụ, chẳng có hành động, chẳng tư duy, chẳng có căn bản, dùng cái tâm như hư không, tâm tịch diệt trọn khắp, trí huệ chẳng tăng giảm, tâm không chấp giữ, tâm chẳng sanh diệt, tâm chẳng thoái chuyển, tâm pháp bình đẳng, tâm Chân Như, tâm Thật Tế, tâm pháp giới, tâm vô ngã, tâm chẳng phân biệt, tâm tịch diệt an nhẫn là phân biệt). Tổng cộng có mười hai tâm. Bồ Tát chứng đắc Căn Bản Trí, nương theo Căn Bản Trí mà sanh khởi Hậu Đắc Trí. Bồ Tát phải có phương tiện thiện xảo, từ trong Căn Bản Trí, hàng Nhị Thừa chỉ chứng được một nửa, chẳng có phương tiện thiện xảo, vì họ chẳng thể độ chúng sanh, [cho nên] chẳng sanh ra các phương tiện thiện xảo.

Thể nào là phương tiện thiện xảo? Bồ Tát độ chúng sanh mà chẳng thấy tướng chúng sanh. Chúng sanh đáng nên dùng căn cơ nào để đắc độ, bèn hiện căn cơ ấy. Cho đến đối với chúng sanh ấy đáng nên bố thí một chút tiền tài, hoặc là nên bố thí đôi chút pháp, Bồ Tát hãy nên bố thí cho kẻ ấy đôi chút tiền tài hoặc pháp. Vậy là cũng chẳng thể cho kẻ ấy trì giới, cho kẻ ấy thọ giới, khiến cho kẻ ấy hành Đại Nhân Nhục Bát Nhã hạnh, kẻ đó chẳng làm được, vì chẳng có sức lớn như vậy. Tuy làm đủ mọi thứ, nhưng chẳng chấp trước, “*vô sở hành động*” có nghĩa là “*chẳng chấp trước*”. Độ chúng sanh mà chẳng thấy tướng chúng sanh, cũng chẳng biểu thị “chính mình có thể độ chúng sanh”, cũng chẳng có chúng sanh được ta độ, chẳng chấp trước. Đó gọi là “*tam luân thể không*”.

Các tâm sau đó đều nhằm hình dung cảnh giới độ sanh: Quý vị dùng cái tâm gì. Ngược lại thì sẽ là nương theo trí huệ Chân Như Bát Nhã. Chúng ta “*vô sở hành động*”, tức là chúng ta cũng chẳng độ chúng sanh. Hết thấy chúng sanh “*vô sở tư duy*” (chẳng dựa vào đâu để tư duy), tức là nghĩa Không, chúng đặc tịch diệt, đây là nghĩa Không. Tất cả các tư duy của chúng ta là chẳng có ư? Tư duy của chúng ta đều là hư vọng, chẳng thật! Chân tư duy của Bồ Tát là chẳng tư duy, nhưng chẳng phải là không có tư duy. Ý nghĩa trong Đại Thừa là như thế đó. Nói “*chẳng có căn bản*”, tức là nói người ấy chẳng nương vào đâu, chẳng chấp trước gì. Nói căn bản là như thế đó. Quý vị nghĩ xem, khi chư Phật thành đạo, các Ngài hoàn toàn chẳng nói nương vào Pháp Thân để tu hết thấy các hạnh hồng thành tựu Báo Thân, nương vào Báo Thân để thành tựu Hóa Thân. Hoàn toàn chẳng nói kiêu đó! Ngài là trí huệ hiển hiện. Vì sao? Tâm Ngài như hư không, chẳng có tác dụng. Hư không có tác dụng gì? Hư không chẳng có tác dụng.

“*Phổ tịch diệt tâm*”: Làm cho chúng sanh đều có thể đạt được tịch tĩnh, chẳng xáo động! Đối với Huệ, tại phạm chẳng giảm, nơi thánh chẳng tăng. Bát Nhã Huệ tại phạm chẳng giảm, [bởi lẽ, mỗi chúng sanh] vốn trọn đủ trí huệ Bát Nhã, vốn trọn đủ Pháp Thân đức tướng của chư Phật. Đã thành thánh quả, rốt ráo thành Phật, cũng chẳng thể tăng. Các vị đạo hữu! Chúng tôi giảng Tâm Kinh, quý vị đều biết “*bất tăng, bất giảm*” là tại phạm chẳng giảm, nơi thánh không tăng. Tâm trí huệ loại này chẳng có giữ lấy, chẳng chấp trước, chẳng chấp hết thấy các pháp. Người ấy không chỉ chẳng chấp Ngã, mà đối với hết thấy các pháp, cũng đều chẳng chấp trước. Đây là đã đạt tới cảnh giới màu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn, là diệu huệ địa. Quán hết thấy các pháp đều là vô sanh, vô diệt. Chúng ta quán hết thấy các pháp có sanh, có diệt, có tăng, có giảm, cho nên chúng ta chẳng thể tiến nhập. Khi chúng ta giúp đỡ người khác, chẳng thể giúp triệt để, chỉ có thể gieo thiện căn mà thôi, chẳng thể giải quyết vấn đề, chẳng thể khiến cho người ấy đoạn phiền não, mà cũng chẳng thể khiến cho người ấy chứng Bồ Đề. Vì tâm Bồ Tát như hư không, vĩnh viễn chẳng có thoái đạo. Đây là nói tới bậc Đẳng Địa Bồ Tát, đại Bồ Tát đã chứng Bát Nhã trí, vĩnh viễn chẳng thoái đạo. Bát Địa, tức Bất Động Địa, sẽ chẳng thoái đạo.

“*Pháp bình đẳng tâm*”: Hết thấy các pháp bình đẳng, vô nhiễm, vô tịnh, bất tăng, bất giảm, bất sanh, bất diệt. Đó là pháp bình đẳng tâm! Cái tâm ấy là chân thật, là Chân Như tâm. Chúng ta nói Thật Tế lý địa, danh từ ấy nhằm hình dung Pháp Thân, nhưng “*thật tế tâm*”, “*pháp giới*

tâm”, “vô ngã tâm”, đối với vô ngã tâm, còn có thêm một sự khu biệt: Hàng Nhị Thừa cũng đạt tới vô ngã, nhưng là Tiểu Vô Ngã. Vô Ngã cũng là chẳng có các cảnh thuộc về ta. Tâm có thể chuyển hết thấy các cảnh, tâm có thể chuyển hết thấy các pháp. Hết thấy các pháp đều vô ngã, chẳng có tâm phân biệt, chẳng có nhiễm, tịnh, lớn, nhỏ, chẳng có dài, ngắn, vuông, tròn. Tịch diệt an nhẫn, tịch tĩnh bất động, chẳng đến, chẳng đi, cho nên không có tâm phân biệt. “*Thiện xảo an trụ vô thành hoại địa*” (Thiện xảo an trụ nơi địa vị chẳng thành hay hoại): Rất phương tiện thiện xảo đối với thành hay hoại bình đẳng. “*Bình đẳng*” như vừa mới nói chính là đối với thành trụ và phá hoại, người ấy đều thấy hai thứ ấy bình đẳng.

Hễ còn có phân biệt kiêu ấy, đối với một thứ đã thành trụ, sẽ chẳng chịu phá hoại nó. Đó là có tâm phân biệt, chẳng thể thấy bình đẳng! Nếu đã thấy là bình đẳng, có cần phá hoại nữa chẳng? Bình đẳng thì càng chẳng phá hoại. Hết thấy các pháp an lập, nói “*thế pháp chư pháp vị, thế gian tướng thường trụ*”, tức là mỗi pháp sẽ ở đúng nơi bản vị của chúng, tướng ấy sẽ thường trụ. Hết thấy các pháp, đều chẳng phá hoại bản vị của nó, đó là tướng thế gian thường trụ. Ý nghĩa “*thường trụ*” hoàn toàn chẳng phải là hoa nở vĩnh viễn. “*Thường trụ*” ở đây là nối tiếp chẳng dứt, nối tiếp thường trụ! Do đó, kinh Kim Cang nói “*vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”, “*thọ giả*” là liên tục không ngừng, thọ mạng liên tục không ngừng, hoàn toàn chẳng phải là chúng ta sẽ sống một vạn ức năm, chẳng phải là ý nghĩa đó. Chúng ta từ đời này sang đời khác vĩnh viễn lưu chuyển trong tam giới chẳng ngừng. Có ý nghĩa như thế đó. “*Thiện xảo an trụ vô trụ vô trước thắng diệu huệ địa*” (An trụ trong địa vị trí huệ thù thắng, nhiệm màu, không trụ, không chấp), đây là Bát Nhã thật sự. Bát Nhã có hình dạng như thế nào? “*Vô thủ, vô trước. Thị danh Bồ Tát xuất thế Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân*” (Không giữ lấy, không chấp trước. Đó gọi là Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân xuất thế của Bồ Tát). Nếu Bồ Tát thành trụ luân này, kể từ lúc mới phát tâm, luân này đã có thể phá hủy hết thấy. Mỗi đoạn kinh văn đều nói như vậy. Mười Giáp Trụ Luân đều là như vậy.

***(Kinh) Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành thử Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng***

*cúng dường, thừa sự, thủ hộ.*

(經)善男子！若菩薩摩訶薩成此般若大甲冑輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，得名菩薩摩訶薩也，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。

(*Kinh*: *Này thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, vượt xa hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước to lớn. Hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ*).

Người ấy vừa phát tâm, có thể đoạn trừ ngũ dục Hoặc, “nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn” (hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ), đây là đại Bồ Tát, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát. Đại Bồ Tát khi vừa phát tâm, liền “siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác” (vượt xa hết thấy Thanh Văn, Độc Giác). Chuyện này ắt cần phải nói theo giáo nghĩa thì quý vị mới hiểu được! Vì vị ấy đã viên mãn tâm Thập Tín, tâm Thập Tín là cảnh giới gì? Là nguyện tâm, tức nguyện độ hết thấy chúng sanh thành Phật. Ngài không chỉ phát nguyện ấy, mà còn chiếu theo đó để làm. Do vậy, Ngài phát Bồ Đề tâm, độ hết thấy chúng sanh. Nói theo kinh Hoa Nghiêm, tâm Thập Tín rất sâu sắc. Phạm phu phát tâm, tâm niệm tối sơ là niệm nào cũng bất thoái, niệm nào cũng chẳng rời Tam Bảo. Nhận biết niệm trước khởi ác, liền dứt trừ niệm kế tiếp, chẳng cho nó khởi lên. Đó là Tín vị. Hữu tín Bồ Tát, thật sự phát khởi tín tâm, chúng ta có thể quan sát chính mình có phải là như vậy hay chăng? Nếu là như vậy thì đã thuộc Tín vị. Nhất tâm, nhị tâm, tam tâm, tứ tâm, bốn huệ tâm ấy, có nguyện tâm, có tâm hộ pháp, đạt tới Đệ Thất Tín là hộ pháp. Thế nào là hộ pháp? Nếu có kẻ hủy báng Tam Bảo, ta có thể xả thân mạng của chính mình để hộ trì Tam Bảo. Nghe thấy hủy báng Tam Bảo, bèn dùng thân mạng của chính mình để bảo vệ Pháp, bảo vệ Phật, chúng ta có làm được hay không? Đó là Đệ Thất Tín tâm. Thứ tám là Hồi Hướng Tâm, hồi hướng cho hết thấy chúng sanh. Chúng ta làm một tí chuyện nào cũng đều hồi hướng cho chúng sanh. Như thế cho đến khi đạt tới Phát Tâm Trụ, tức là dựa vào địa vị Sơ Trụ; đã viên mãn mười tín tâm bèn dựa vào Phát Tâm Trụ. Vừa phát tâm bèn phát đại tâm, có thể làm ruộng phước cho hết thấy Thanh Văn và Độc Giác, cũng có thể làm chỗ nương



tựa cho hết thầy Thanh Văn và Độc Giác, khuyên họ phát tâm Đại Thừa. Đây là Bát Nhã Đại Giáp Trụ Luân.

*(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vân hà danh vi Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân? Thiện nam tử! Bồ Tát thiện xảo phương tiện, hữu nhị chủng tướng: Nhất giả, thế gian; nhị giả, xuất thế gian. Vân hà danh vi Bồ Tát thế gian thiện xảo phương tiện? Vị chư Bồ Tát hoặc vị tự lợi, hoặc vị tha lợi, hoặc vị câu lợi, thường hoài bỉ thử, thị hiện chủng chủng công xảo kỹ thuật, vị tự cập tha đắc thành thực cố, thừa sự, cúng dường chư Phật Thế Tôn, hoặc chư Bồ Tát, hoặc chư Độc Giác, hoặc chư Thanh Văn, hoặc mẫu, hoặc phụ, hoặc chư bệnh giả, hoặc chư luy liệt vô y hỗ giả. Nhược kiến ách nạn, lâm bị hại giả, chủng chủng cần khổ phương tiện cứu tế, dĩ Tứ Nhiếp Sự thành thực hữu tình. Thị chư Bồ Tát tự trụ Đại Thừa, u chư Thanh Văn, cập Độc Giác Thừa, phi Đại Thừa khí, nhược chư Thanh Văn, cập Độc Giác Thừa, căn vị thực giả, vị thuyết vi diệu thậm thâm pháp giáo, linh kỳ tu học, hoặc khuyên cần tu chư thánh Tĩnh Lự, hoặc vị khai thị Tối Thắng Nghĩa Đế, khuyên linh tu hành, siêu Tứ Diên Đảo, giác ngộ tứ chủng vô đọa pháp tánh, hoặc linh thú nhập Tứ Vô Ngại Giải, hoặc phục nãi chí khuyên linh an trụ Tứ Niệm Trụ, Tứ Chánh Đoạn, Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Đẳng Giác Chi, Bát Thánh Đạo Chi, hữu dư, vô dư đạo, cập đạo quả, thú nhập xảo trí, linh kỳ thành thực. Nhược chư hữu tình tham cầu danh xưng, lợi dưỡng, phú quý, chư căn tháo nhiễu, thiện căn vị thực, khuyên linh độc tụng chư A Cấp Ma, cập Tỳ Nại Da, A Tỳ Đạt Ma. Hoặc khuyên độc tụng trừ Phật sở thuyết thuận giải thoát luận, linh kỳ thành thực. Nhược chư hữu tình bất nhạo bố thí, khuyên linh huệ xả chủng chủng trân tài, linh kỳ thành thực. Nhược chư hữu tình bạo ác bất nhân, khuyên linh tu học tứ chủng phạm trụ. Nhược chư hữu tình tâm đa phần khuể, khuyên linh tu nhân. Nhược chư hữu tình tâm đa giải đãi, khuyên tu Tĩnh Lự. Nhược chư hữu tình cụ túc ác huệ, vị thuyết chánh pháp, vị dĩ ký thuyết, giáo giới, phương tiện, linh kỳ*

thành thực. Nhược chư hữu tình bất kính Tam Bảo, cụ Vô Y Hạnh, khuyến thọ Tam Quy, linh kính Tam Bảo, hoặc khuyến thọ học Cận Sự luật nghi, hoặc khuyến thọ học Cận Trụ luật nghi, linh kỳ thành thực. Hoặc khuyến tu tập chủng chủng công xảo kỹ thuật nghiệp xứ, linh kỳ thành thực. Như thị đẳng Bồ Tát Ma Ha Tát chủng chủng thế gian xảo phương tiện trí, quá Cãng-già sa Bồ Tát Ma Ha Tát, dĩ thị nhất thiết thư luận, công xảo, kỹ thuật nghiệp xứ, gia hạnh, tinh tấn, xảo phương tiện trí, tồ phục nhất thiết ngoại đạo dị học. Như thị danh vi Bồ Tát thế gian thiện xảo phương tiện. Thử xảo phương tiện, cộng chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, diệc tác nhất thiết Phật pháp y nhân, diệc thị thiện xảo chư hành y xứ, diệc thị thiện xảo nhậm vận vô tư, diệt thoái đọa pháp.

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩復有善巧方便大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。云何名為善巧方便大甲冑輪？善男子！菩薩善巧方便，有二種相：一者、世間；二者、出世間。云何名為菩薩世間善巧方便？謂諸菩薩，或為自利，或為他利，或為俱利，常懷彼此示現種種工巧技術，為自及他得成熟故，承事供養諸佛世尊、或諸菩薩、或諸獨覺、或諸聲聞、或母、或父、或諸病者、或諸羸劣無依怙者。若見厄難臨被害者，種種勤苦方便救濟，以四攝事成熟有情。是諸菩薩自住大乘，於諸聲聞及獨覺乘非大乘器，若諸聲聞及獨覺乘根未熟者，為說微妙甚深法教令其修學，或勸勤修諸聖靜慮，或為開示最勝義諦，勸令修行超四顛倒，覺悟四種無墮法性，或令趣入四無礙解，或復乃至勸令安住四念住、四正斷、四神足、五根、五力、七等覺支、八聖道支，有餘無餘，道及道果，趣入巧智，令其成熟。若諸有情，貪求名稱、利養、富貴，諸根躁擾，善根未熟，勸令讀誦諸阿笈摩，及毗奈耶、阿毗達摩，或勸讀誦除佛所說順解脫論，令其成熟。若諸有情，不樂佈施，勸令惠舍種種珍財，令其成熟。

若諸有情，暴惡不仁，勸令修學四種梵住。若諸有情，心多忿恚，勸令修忍。若諸有情，心多懈怠，勸修精進。若諸有情，心多散亂，勸修靜慮。若諸有情，具足惡慧，為說正法，謂以記說，教誡方便，令其成熟。若諸有情，不敬三寶，具無依行，勸受三歸，令敬三寶，或勸受學近事律儀，或勸受學近住律儀，令其成熟。或勸修習種種工巧技術業處，令其成熟。如是等菩薩摩訶薩種種世間巧方便智，過殑伽沙菩薩摩訶薩以是一切書論、工巧、伎術業處，加行、精進巧方便智，摧伏一切外道異學。如是名為菩薩世間善巧方便。此巧方便，共諸聲聞、獨覺乘等，亦作一切佛法依因，亦是善巧諸行依處，亦是善巧任運無思，滅退墮法。

*(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt hơn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thấy các Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Thế nào là Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân? Đây thiện nam tử! Bồ Tát thiện xảo phương tiện có hai loại tướng: Một là thế gian, hai là xuất thế gian. Thế nào là thế gian thiện xảo phương tiện của Bồ Tát? Tức là các Bồ Tát hoặc vì tự lợi, hoặc vì lợi ích cho người khác, hoặc vì hai bên cùng có lợi, thường nghĩ đến đôi bên, thị hiện các thứ kỹ thuật hay khéo, vì để cho mình lẫn người được thành thực mà thừa sự, cúng dường chư Phật Thế Tôn, hoặc các vị Bồ Tát, hoặc các Độc Giác, hoặc các Thanh Văn, hoặc mẹ, hoặc cha, hoặc những người bệnh, hoặc những kẻ yếu đuối, không nơi nương cậy, Nếu thấy kẻ bị hại vì các thứ ách nạn, bèn siêng khổ dùng các phương tiện cứu giúp, dùng Tứ Nhiếp Sự để thành thực hữu tình. Các vị Bồ Tát ấy tự trụ Đại Thừa, đối với các Thanh Văn, và Độc Giác Thừa chẳng phải là căn khí Đại Thừa, nếu các Thanh Văn và Độc Giác Thừa căn cơ chưa chín muồi, sẽ vì họ nói pháp vi diệu rất sâu để dạy họ tu học. Hoặc khuyên siêng tu các thánh Tỉn Lự, hoặc vì họ khai thị Tối Thắng Nghĩa Đé, khuyên họ tu hành vượt khỏi Tứ Diên Đảo, giác ngộ bốn loại vô đọa pháp tánh, hoặc dạy họ tiến nhập Tứ Vô Ngại Giải, hoặc lại còn cho đến*

khuyên họ an trụ trong Tứ Niệm Trụ, Tứ Chánh Đoạn, Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Đăng Giác Chi, Bát Thánh Đạo Chi, đạo hữu dư, vô dư, và đạo quả, tiến nhập trí khéo, khiến cho họ thành thực. Nếu các hữu tình tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, phú quý, các căn xáo động, nhiễu loạn, sẽ khuyên họ đọc tụng các kinh A Cấp Ma, Tỳ Nại Da, và A Tỳ Đạt Ma. Hoặc khuyên đọc tụng các bộ luận thuận theo giải thoát luận chẳng do đức Phật nói, khiến cho họ thành thực. Nếu các hữu tình chẳng thích bố thí, khuyên họ thí xả rộng rãi các thứ tài vật quý báu, khiến cho họ thành thực. Nếu các hữu tình bạo ác, bất nhân, khuyên họ tu học bốn thứ Phạm Trụ. Nếu các hữu tình tâm lắm sân khuể, khuyên họ tu nhân. Nếu các hữu tình tâm lắm giải đãi, khuyên tu tinh tấn. Nếu các hữu tình tâm lắm tán loạn, khuyên tu Tĩnh Lự. Nếu các hữu tình trọn đủ ác huệ, sẽ vì họ nói chánh pháp, tức là dùng phương tiện như ký thuyết (thuyết pháp đúng với căn cơ và ước nguyện của họ) và giáo giới (răn dạy) để thành thực họ. Nếu các hữu tình chẳng kính Tam Bảo, trọn đủ Vô Y Hạnh, bèn khuyên họ thọ Tam Quy, khiến cho họ kính trọng Tam Bảo, hoặc khuyên thọ học Cận Sự luật nghi, hoặc khuyên thọ học Cận Trụ luật nghi, khiến cho họ thành thực. Hoặc khuyên tu tập các thứ nghiệp xử kỹ thuật hay khéo, khiến cho họ thành thực. Các thứ trí xảo phương tiện thế gian của các vị Bồ Tát Ma Ha Tát nhiều hơn cát sông Hằng như thế, dùng hết thấy các thứ trí xảo phương tiện nghiệp xử, sách vở, luận thuyết, kỹ thuật hay khéo, gia hạnh, tinh tấn ấy để dẹp tan dị học của hết thấy ngoại đạo. Như thế thì gọi là phương tiện thiện xảo thế gian của Bồ Tát. Phương tiện hay khéo ấy chung với các Thanh Văn và Độc Giác Thừa, và cũng là cái nhân để hết thấy Phật pháp nương vào, và cũng là chỗ nương tựa của các hạnh thiện xảo, và cũng là pháp thiện xảo tùy ý không suy nghĩ, diệt trừ thoái đạo).

Chỉ có trí Bát Nhã thì chưa được, còn phải có thiện xảo phương tiện. Đây là nói đến Ngũ Minh Bồ Tát. [Một loại trong] Ngũ Minh<sup>48</sup> của

---

<sup>48</sup> Ngũ Minh (Pañca-vidyā) là năm loại học vấn cần phải thấu đạt của hàng Bồ Tát:

1. Thanh Minh (Śabda-vidyā): Thông thạo ngôn ngữ, văn học, văn tự học, huấn hõ học, vừa thấu hiểu, vừa có thể viết lách, diễn giảng.

2. Nhân Minh (Hetu-vidyā): Thông thạo luận lý học, có khả năng biện luận dẹp sạch, chiết phục các luận thuyết của ngoại đạo, cũng như trình bày giáo nghĩa một cách hệ thống, khúc chiết, lập luận rõ ràng, khiến cho người nghe phát khởi tín tâm thâm nhập Phật pháp.

Bồ Tát là Công Xảo Minh; chẩn bệnh có phải là phạm giới hay không? Bồ Tát chẳng phải như vậy, Ngài có Y Phương Minh, có trí huệ, phương tiện thiện xảo, trí huệ không chấp trước, có minh, có đại trí huệ để làm các việc ấy. Khi thành tựu thiện xảo phương tiện luân, vừa phát tâm, ngũ dục đều bị đoạn trừ, sẽ vượt xa hết thầy Thanh Văn, Độc Giác, lại còn có thể làm ruộng phước lớn cho Thanh Văn và Độc Giác. Hai chữ “*thị hiện*” cho thấy chẳng phải là thật sự có, mà là thị hiện. Phương tiện thiện xảo cần đến kỹ thuật hay khéo. Sự hay khéo ấy là để thừa sự, cúng dường chư Phật Thế Tôn, hoặc cúng dường chư Phật, Bồ Tát, hoặc cúng dường Độc Giác, hoặc cúng dường Thanh Văn, hoặc cha mẹ của chính mình. “*Hoặc chư bệnh giả, hoặc chư luy liệt, vô y hỗ giả. Nhược kiến ách nạn lâm bị hại giả, chủng chủng cần khổ, phương tiện cứu tế*” (Hoặc là đối với người bệnh, hoặc kẻ suy yếu không nơi nương tựa. Nếu thấy người bị hại vì ách nạn, bèn dùng đủ mọi phương tiện để siêng khổ cứu giúp). Đây là phương tiện thiện xảo. Do vậy, dùng Tứ Nhiếp Pháp để thành thực hữu tình, Bồ Tát hiện đủ loại thân. Thứ nhất là bố thí, bố thí đến mức độ nào? Phải là nội thí, ngoại thí, trong lẫn ngoài đều thí. Các thứ tiền tài bình thường đều chẳng tính! Ngay cả vợ con đều có thể bố thí, huống hồ nhà cửa, cho đến ruộng vườn, đều có thể bố thí. Đây là “*ngoại thí*”. “*Nội thí*” là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý của chính mình đều có thể bố thí, bố thí cho chúng sanh. Đó gọi là Bố Thí.

“*Đồng sự*”: Thị hiện làm các chuyện giống như họ, hoặc là họ làm nhân viên công vụ, quý vị cũng làm nhân viên công vụ. Họ làm việc ở đó, quý vị cũng làm việc tại đó, thì mới có thể tiếp cận họ. Đó là “*thị hiện Đồng Sự Nhiếp*”. Bố Thí và Đồng Sự để làm chuyện có lợi cho hết thầy chúng sanh thì gọi là Lợi Hành. Còn phải nói Ái Ngữ, tức là đối với bất luận người nào, cũng đều chẳng thể ăn nói rất thô bạo, nặng nề. Gặp ai cũng đều nhiếp thọ bằng Ái Ngữ. Đó gọi là Tứ Nhiếp Pháp. Phải là đại Bồ Tát mới thực hiện rốt ráo Tứ Nhiếp Pháp. Văn Thù Bồ Tát bất cứ thứ gì cũng đều thị hiện, dê, trâu, ngựa... đều thị hiện. Mọi người xem Cảm Ứng Lục của các vị đại Bồ Tát, [sẽ thấy] các Ngài thị hiện [đủ loại] chúng sanh bất đồng. Đây là bậc Bồ Tát.

---

3. Nội Minh (Adhyātma-vidyā): Thông thạo triết học và giáo lý Phật pháp, thâm nhập Tam Tạng, đã tự mình tu hành, lại còn có thể giúp cho người khác khai ngộ.

4. Công Xảo Minh (Śilpa-karma-sthāna-vidyā): Thông thạo các nghề khéo và kỹ thuật thế gian như nghệ thuật, khoa học, toán học, công nghệ, nông nghiệp...

5. Y Phương Minh (Cikitsā-vidyā): Thông thạo y học và dược học, cho đến các loại chú thuật cần thiết để chữa bệnh hồng cứu giúp chúng sanh.

“*Tự trụ Đại Thừa*”: Đây chẳng phải là hề thấy chúng sanh nào, cũng đều nhiếp thọ kẻ đó trụ trong Đại Thừa. Chẳng thể nào! Chúng ta có các đạo hữu phát tâm chỉ hoằng dương kinh Hoa Nghiêm, không nói pháp tam thừa. Họ đến nghe, đó là căn cơ tìm đến tôi, chứ tôi không tìm căn cơ. Chúng sanh cầu tôi thì tôi nói cho họ nghe. Chẳng cầu tôi, tôi sẽ không nói; còn đã nói mà họ hiểu hay không là chuyện của họ, chẳng liên quan đến tôi. Hiện thời, tình huống hoằng pháp của chúng ta là tình huống như thế đó! Nhưng tình huống hoằng pháp của Bồ Tát chẳng như vậy. Bản thân Bồ Tát trụ trong Đại Thừa, đối với Thanh Văn và Độc Giác [là những người] chẳng phải là căn khí Đại Thừa, chẳng thể nào nói pháp vi diệu rất sâu cho họ được, hoặc dạy họ tu học được! Đối với những kẻ chẳng phải là căn khí Đại Thừa, căn khí còn chưa chín muồi, hoặc căn khí Thanh Văn và Độc Giác Thừa của họ đã chín muồi, chỉ có thể nói cho họ nghe pháp thuộc Thanh Văn Thừa hay Độc Giác Thừa. Nhưng khi căn khí Đại Thừa còn chưa chín muồi, khi họ còn chưa tiến nhập Đại Thừa, quý vị nói cho kẻ đó pháp vi diệu rất sâu, dạy kẻ đó tu học thì là sai lầm.

Bồ Tát sử dụng phương tiện thiện xảo như thế nào? Họ chẳng phải là căn khí Đại Thừa, quý vị mong chuyển họ vào Đại Thừa, thì phải dần dần từ từ, chẳng phải là có thể ngay lập tức chín muồi được! Đối với căn cơ Độc Giác Thừa, hoặc căn cơ Thanh Văn Thừa, [nhưng thật ra là căn khí Đại Thừa] còn chưa chín muồi, họ [thật sự] chẳng phải là Thanh Văn, mà cũng chẳng phải là Độc Giác, quý vị bèn từ từ khuyên dụ, nói cho họ pháp vi diệu rất sâu, dạy họ tu học, hoặc khuyên họ siêng tu các thánh Tịch Lự. Hết thấy bậc thánh nhân Sơ Quả đều được coi là thánh nhân. Trong Tiểu Thừa, Sơ Quả được coi là thánh nhân, Đại Thừa thì đầu Tứ Quả cũng chẳng coi là thánh nhân. Làm cho họ tu tập Định, tu tập tam-muội, cho đến Cửu Thứ Đệ Định, vì họ khai thị Tối Thắng Nghĩa Đé, dần dần khai thị Tối Thắng Nghĩa Đé. Tối Thắng Nghĩa Đé có mấy loại? Tứ Thánh Đé được coi như Tối Thắng Nghĩa Đé. Đối với pháp thế gian, khuyên họ tu hành, vượt khỏi bốn thứ điên đảo.

Tứ Điên Đảo: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh là Tứ Đức của Phật; nhưng chúng sanh điên đảo, coi vô thường là thường, chấp vô ngã là ngã, chấp bất lạc là lạc, chấp bất tịnh là tịnh. Khổ, không, vô thường như thế đó! Bốn thứ ấy (vô thường, vô lạc, vô ngã, bất tịnh) khiến cho họ điên đảo. Phải khuyên họ vượt khỏi bốn loại điên đảo ấy, vượt thoát phàm phu, đạt tới cảnh giới thánh nhân.

“*Tứ chủng vô đạo pháp tánh*” (Bốn loại pháp tánh chẳng đạo) có

mấy loại? Có bốn thứ hạnh môn của Bồ Tát, thứ nhất là đạt đến bờ kia, thần thông hạnh, thành thực hữu tình hạnh<sup>49</sup>, tức là bốn thứ đạo trong Bồ Tát hạnh, nhằm thành tựu lợi ích chúng sanh, làm cho họ tiến nhập tứ vô đạo tánh.

Ngoài ra là Tứ Vô Ngại Giải. Tứ Vô Ngại Giải là pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại, và biện tài vô ngại. Biện tài vô ngại là người ấy đối với hết thảy các pháp đều thông suốt. “Chẳng bị chướng ngại” nghĩa là không gì chẳng biết. Phương tiện thiện xảo của Bồ Tát đối với pháp thế gian cũng như thế. Do vậy, thoát đầu đức Phật nói bản tên, các nghề khéo, bất luận các thứ Công Xảo Minh trong thế gian, hết thảy các thứ nghề khéo [lúc Phật còn là Thái Tử, hoặc khi tu Bồ Tát hạnh] đều có thể làm, lại còn vượt xa chúng sanh, đều là bậc nhất!

Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Đoạn (Tứ Chánh Cần), Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Chi, Bát Chánh Đạo, các danh tướng ấy chúng tôi đã nói rất nhiều! “*Hữu dư, vô dư đạo quả*”: Hữu Dư, Vô Dư chính là Hữu Dư Niết Bàn và Vô Dư Niết Bàn. “*Đạo quả*” cũng rất nhiều. Sơ Quả cũng là đạo quả, cho đến đạo quả của Bồ Tát, Phật quả rất ráo. Nhưng Bồ Đề dùng trí phương tiện thiện xảo, khiến cho họ đều có thể thành thực. Họ thuộc loại căn cơ nào, bèn thành thực loại quả [thuộc căn cơ] ấy, dần dần khuyến dụ họ, nhưng ắt phải có phương tiện thiện xảo để nhiếp thọ chúng sanh.

“*Nhược chư hữu tình tham cầu danh xưng, lợi dưỡng, phú quý, chư căn tháo nhiễu, thiện căn vị thực*” (Nếu các hữu tình tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, phú quý, các căn xáo động, nhiễu loạn, thiện căn chưa chín muồi): Trong phần trước nói về những kẻ thiện căn đã chín muồi, còn ở đây là những ai thiện căn chưa chín muồi, cũng khuyên họ “*độc tụng chư A Cấp Ma*” (đọc tụng các kinh A Cấp Ma), tức là kinh A Hàm (Āgama), “*cập Tỳ Nại Da*” là Luật Tạng, A Tỳ Đạt Ma (Abhidharma) là Luận Tạng, khuyên họ đọc tụng Kinh Luật Luận Tam Tạng. Hoặc khuyên họ “*độc tụng trừ Phật sở thuyết thuận giải thoát luận, linh kỳ thành thực*”, có nghĩa là khuyên họ đọc tụng gì vậy? Các pháp thế gian thuận theo giải thoát luận do đức Phật đã nói. Ngoài những điều đức Phật đã dạy ra, các pháp thế gian tuy chẳng phải là Phật giáo, vẫn có thể cho họ học, khiến cho họ thành thực các nghề khéo.

---

<sup>49</sup> Không biết là hòa thượng nói thiếu, hay người ghi lại lời giảng chép thiếu, ở đây chỉ nêu ra ba loại hạnh môn.

Thọ Tam Quy là quy y Pháp, chẳng quy y sách vở của ngoại đạo. Vậy thì vị Bồ Tát ấy nói, đối với những điều chẳng do đức Phật nói, chỉ cần thuận theo lý luận giải thoát của [Phật giáo] chúng ta, luận thuyết ấy có ý nghĩa chẳng mâu thuẫn với sự giải thoát, cũng có thể đạt được giải thoát [thì có thể học]. Giống như trong thế gian có rất nhiều thứ, chẳng hạn như Đạo giáo cũng là một pháp tu hành, nói theo phương diện xã hội, chẳng gây trở ngại cho người khác. [Nho gia có câu cách ngôn] “*kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*” (điều gì chính mình chẳng muốn thì đừng thực hiện đối với người khác), có khác gì với lòng từ bi của Phật giáo chúng ta hay không? Chuyện quý vị chẳng mong muốn, đừng áp đặt lên thân người khác. Đó gọi là “*thuận giải thoát*”, nhưng chẳng phải do đức Phật nói. Chuyện kiêu này rất nhiều, khiến cho họ thành thực, sẽ hữu ích cho họ thành thực tu đạo. Điều này có nghĩa là khuyên bảo họ, họ học Phật mà chẳng tin được, bèn dùng pháp thế gian để khuyên dụ họ. Vị Bồ Tát này chẳng phải là xuất gia Bồ Tát, xuất gia Bồ Tát chẳng thể làm như vậy được. “*Bồ Tát*” bao gồm tứ chúng đệ tử, cho đến bao gồm hết thảy chúng sanh. Đại Bồ Tát thị hiện trong quỹ đạo rất nhiều. Trong phẩm thứ tám của kinh Địa Tạng, [có nói] Chủ Mạng quỹ vương mong thành Phật, đức Phật liền thọ ký cho vị ấy. Vị ấy là quý, đi vào đường ấy. Các trường hợp thị hiện như vậy rất nhiều.

Đối với kẻ chẳng thích bố thí, bèn khuyên họ bố thí. “*Khuyến linh huệ xả*” (Khuyên họ bố thí rộng rãi, hoặc khuyên họ xả thí tạo ân huệ): Quý vị phải xả, phải thí ân huệ cho chúng sanh. Điều này khác với cách nói của đức Phật. Đệ tử Phật bố thí, chẳng mong được báo đáp. Chứ người hiện thời khi quý vị bảo họ xả, họ sẽ có mong cầu. Làm chuyện tốt, khuyên họ “*làm lành thì sẽ được vui sướng nhất*”. Đây cũng là thuận giải thoát. Như vậy thì sẽ có thể khiến cho họ huệ xả (bố thí rộng rãi) các thứ vàng bạc, của cải, khiến cho họ dần dần thành thực. “*Nhược chư hữu tình bạo ác, bất nhân*” (Nếu các hữu tình bạo ác, bất nhân): Kẻ bạo ác, chẳng nhân từ, kẻ chẳng có chút từ tâm nào, như quốc vương thi hành chánh sách tàn bạo, làm trọn mọi sự bạo ác, bất nhân. Đối với những kẻ như thế, bèn khuyên họ học “*tứ chủng Phạm Trụ*” (bốn loại Phạm Trụ). Tứ Phạm Trụ là gì? Tứ Phạm Trụ chính là nói đến bốn loại hạnh thanh tịnh, bốn loại nào vậy? Từ, bi, hỷ, xả, cũng là Tứ Vô Lượng Tâm. Hễ tu lòng Từ, bạo ác sẽ chẳng nổi lên. Tu từ bi nhằm đối trị bạo ác.

“*Nhược chư hữu tình, tâm đa phần khuê*” (Nếu các hữu tình, tâm lắm phần hận, nóng giận): Người dễ dàng nổi nóng, bèn khuyên họ tu nhẫn nhục. “*Nhược chư hữu tình đa giải đãi*” (Nếu các hữu tình nhiều



giải đãi), phải khuyên họ tu tinh tấn. Chúng ta khuyên họ như vậy, họ sẽ tinh tấn hay không? Do vậy, bậc đại Bồ Tát phải có phương tiện thiện xảo. Các Ngài chẳng nói thẳng thừng như chúng ta. Trông thấy kẻ giải đãi, liền nói thẳng vào mặt: “Người phải tinh tấn, phải tu hành, niệm Phật cho nhiều thì mới có lợi!” [Nếu nói thẳng như vậy], những kẻ đó sẽ mặc kệ quý vị, sẽ trừng mắt ngó quý vị. Quý vị phải có phương tiện thiện xảo. Vì sao cần phải thiện xảo? Quý vị chẳng có thiện xảo, sẽ chẳng thể nhiếp thọ họ. Hiện thời có những người, thấy một kẻ vừa mới tin Phật, bèn khuyên kẻ đó xuất gia: “Tôi thân nhận quý vị, quý vị xuất gia thì mới có thể tinh tấn!” Như thế nào? Kẻ đã xuất gia chẳng tinh tấn quá nhiều! Đã xuất gia, kẻ đó ngỡ là chính mình có thành tựu, bèn giải đãi. Trong phần trước, chúng tôi đã nói: “*Có thể đắp y ca-sa, y ca-sa được Phật gia trì*”. Chẳng phải là nói theo cá nhân quý vị, chẳng phải là như trong phần trước chúng ta đã thấy, hễ đắp ca-sa liền đắc độ. Đắc độ ư? Vẫn đọa địa ngục y hệt! Người ta cung kính cái y ca-sa ấy, vì cái y ca-sa đại biểu cho Phật, đại biểu cho Pháp, đại biểu chúng Tăng. Quý vị đã lý giải sai lầm mất rồi! Khuyên người khác tu tinh tấn, ắt phải hành theo đường lối chánh đáng. Quý vị có phương tiện thiện xảo, hướng dẫn người ta, người ta sẽ tự nhiên tinh tấn. Đợi cho đến lúc căn khí chín muồi, người ấy xuất gia, sẽ có thể ngộ đạo.

Hiện thời, quý vị độ rất nhiều người xuất gia. Họ không chỉ chẳng ngộ đạo, mà trái lại còn bị lỡ làng, tạo các tội. Vì sau khi họ xuất gia, đã chẳng tu hành nên thân, đó là tạo tội! Vốn là thanh tịnh thường trụ, đâm ra khác hẳn! Ắt phải biết căn cơ, đối với kẻ giải đãi, khuyên họ tinh tấn là đúng. Nếu quý vị không tinh tấn, có sai lầm gì vậy? Quý vị làm một nửa! Nếu quý vị chẳng chuyên tâm thực hiện, chuyện gì cũng chẳng thành. Hướng hồ tu Phật pháp ư? Thông thả khuyên lon người đó như thế. Chẳng phải là nói suông mà có thể đả động kẻ đó được, chính mình còn phải dẫn đầu thực hiện! Bồ Tát độ chúng sanh, chúng sanh cũng giúp đỡ Ngài. Các vị quy y tôi, theo tôi bái sám, mọi người có thể giải đãi một lần, không đến lạy: “Hôm nay tôi mệt lắm, xin nghỉ một bữa vậy”. Trước nay, tôi chưa dám xin nghỉ. Ngày nào tôi không lạy, người khác cũng chẳng lạy. Nếu tôi chẳng lạy một bữa, mấy hôm chẳng lạy, mọi người đều chẳng lạy. Ở Nữ Ước và Tam Phiên (San Francisco) là như thế, nhưng tôi rất ít khi chẳng lạy, tự mình lập cái hạnh ấy, phải tinh tấn.

Có khi cái tâm của chúng ta lắm nổi tán loạn, tán loạn thì phải tu Định. Tu Định như thế nào? Đợi chúng tôi giảng xong, sẽ nói về Sở Tức

Quán. Quý vị tu từ đầu, sẽ có thể tiến nhập. Đừng nhìn tôi, [chắc là có người thắc mắc]: “Đếm hơi thở ra vào, có công đức gì?” Công đức ấy có thể to lắm, vì khi quý vị đắc Định, niệm Phật trong Định, đó là chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng tán loạn, chẳng hôn trầm, chẳng bị nhiễu loạn, quý vị niệm nhất tâm. Chẳng phải là chúng ta mong niệm đến mức nhất tâm bất loạn ư? Chẳng nói niệm đủ số mười vạn câu là được rồi, niệm đến một trăm vạn, một ngàn vạn câu, quý vị cũng chẳng sanh về thế giới Cực Lạc, phải niệm như thế nào? Nhất tâm bất loạn. Đối với kẻ tán loạn, phải khuyên kẻ đó tu Tĩnh Lự.

“*Nhược chư hữu tình cụ túc ác huệ*” (Nếu các hữu tình trọn đủ ác huệ): “*Ác huệ*” là tà tri, tà kiến, người ấy luôn có vấn đề bất đồng với người khác, có chênh lệch. Người khác nói Đông, kẻ đó nhất định phải nói Tây, bất đồng với quý vị. Nếu là kẻ tà tri tà kiến thì đối trị bằng cách nào? “*Nói chánh pháp*”, quý vị phải đem những lời răn dạy của đức Phật, các vị đại thiện tri thức, và các vị đại tổ sư, dùng phương tiện để dẫn dụ kẻ ấy, khiến cho kẻ ấy thành thực. “*Nhược chư hữu tình bất kính Tam Bảo*” (Nếu các hữu tình chẳng tôn kính Tam Bảo): Trong phần trước, chúng ta đã nói đến Vô Y Hạnh. Vô Y là không nương tựa; kẻ vô y là kẻ bất kính Tam Bảo. Chúng ta khuyên kẻ ấy thọ Tam Quy, phải quy y Tam Bảo, khiến cho kẻ ấy cung kính Tam Bảo, hoặc khuyên họ học Cận Sự luật nghi, tức Ngũ Giới, hay Tam Quy và Ngũ Giới, khuyên họ học Cận Trụ luật nghi cũng tức là Bát Quan Trai Giới. Bát Quan Trai Giới đáng lẽ là chín giới. Chúng ta thường cho rằng Bát Quan Trai Giới chỉ có tám giới. Nói theo Tây Du Ký, Trư Bát Giới theo Đường Tăng đi thỉnh kinh, đó là tám giới. Thật ra, ngoài tám giới, còn có một Trai, tức “*quá Ngọ không ăn*”. “*Trai*” (齋) có nghĩa là “*kỳ hạn*”. Cho nên [nói đúng ra] phải là chín. Vì sao đối với Bát Quan lại gọi là Quan (關, đóng lại)? Đóng cửa các đường ác. Quý vị thọ một ngày như thế, Bát Quan Trai Giới đóng chặt các đường ác.

Tôi thấy rất nhiều người thọ Bát Quan Trai Giới, có rất nhiều vị rất nghiêm cẩn, quá Ngọ cũng chẳng uống. Nước có màu, đức Phật chế định không thể uống. Không chỉ chẳng thể uống sữa bò, sữa đậu nành, mà ngay cả uống trà, uống nước trái cây đều chẳng phải là nước ư? Không được! Chỉ có thể uống nước. Nhưng trong ấy có khai duyên. Nếu thọ giới thì trước hết phải học khai duyên, chúng ta phải luôn tìm phương tiện. Chẳng hạn như chúng ta không thể chống đỡ được, thân thể yếu ớt, nếu chúng ta đã thọ giới “*quá Ngọ chẳng ăn*”, nhưng hề có bệnh liền khai duyên, quá Ngọ có thể uống các thứ nước ép.

“Hoặc khuyến tu tập chủng chủng công xảo kỹ thuật nghiệp xứ, linh kỳ thành thực” (Hoặc khuyến tu tập các thứ nghiệp xứ kỹ thuật hay khéo, khiến cho họ thành thực): Các việc đòi hỏi kỹ thuật cao, hoặc xây cất, phàm là hết thảy các kỹ thuật đều có thể [thực hiện]. Đó gọi là thế gian Công Xảo Minh của Bồ Tát. Công Xảo Minh là phương tiện trí của Bồ Tát. Các vị Bồ Tát trọn đủ phương tiện thiện xảo trí trong thế gian nhiều như cát sông Hằng. Các vị đại Bồ Tát đối với kỹ năng viết lách, luận thuyết, nghề hay khéo, đều có thể thực hiện, tăng trưởng các nghiệp ấy do tinh tấn xảo phương tiện trí. Các thứ ngoại đạo biết, chúng ta đều biết. Các vị đại Bồ Tát không chỉ biết, mà còn vượt xa họ thì họ mới có thể khâm phục quý vị. Họ biết làm chuyện gì, quý vị biết làm chuyện đó. Chuyện gì quý vị có thể làm cũng đều đạt đến bậc nhất thì họ sẽ học theo quý vị. Bậc đại Bồ Tát ắt phải có trí huệ phương tiện thiện xảo kiêu đó thì mới có thể hàng phục hết thảy ngoại đạo. Đó gọi là phương tiện thiện xảo thế gian của Bồ Tát.

Phương tiện thiện xảo này chung với Thanh Văn, Độc Giác Thừa. Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều có thể học, đều có thể làm được, cũng có thể làm như vậy. Đó gọi là làm cái nhân nương cây cho hết thảy Phật pháp, nương vào Phật, Pháp, Tăng để gieo cái nhân ấy. Hết thảy phương tiện thiện xảo là chỗ sở hành của Ngài, là chỗ nương cây, cũng là pháp tùy ý thiện xảo, không suy nghĩ để diệt sự thoái đọa. Điều này chẳng dễ dàng! Pháp không suy nghĩ, vĩnh viễn diệt trừ thoái đọa, pháp chẳng thoái đọa chính là phương tiện thiện xảo. “*Nhậm vận*” (任運, tùy ý) là tự nhiên, thấy hết thảy các pháp đang sanh diệt. Ngài có thể từ trong hết thảy các pháp, dẫn nhập trở về Lý Thể của pháp tánh, từ trong sanh diệt, dẫn người khác trở về không sanh diệt, đạt đến “chẳng sanh diệt” thì mới có thể chẳng thoái đọa. Những điều chẳng thể chấp thuận [đối với thiện xảo phương tiện thế gian] sẽ được nói dưới đây.

***(Kinh) Hựu thiện nam tử! Nhược chư Bồ Tát bất y minh sư, bất y thiện hữu, tu hành thế gian thiện xảo phương tiện, thị chư Bồ Tát ngu u thế gian thiện xảo phương tiện, hướng chư ác thú, bất năng tùy thuận an trụ xuất thế xảo phương tiện trí, diệc phi nhất thiết chân thật phước điền, bất năng thiện xảo tri chư hữu tình căn hành sai biệt. Dĩ u thiện xảo phương tiện ngu cố, vị chư Thanh Văn, cập Độc Giác Thừa, phi Đại Thừa khí, cập u Đại Thừa căn vị thực giả, tuyên thuyết Đại Thừa, linh kỳ tu học. Hựu vị Đại Thừa pháp khí hữu tình, tuyên thuyết Thanh Văn, Độc Giác Thừa pháp, linh tu Thanh Văn, Độc***

*Giác Thừa hạnh. Vị Độc Giác Thừa pháp khí hữu tình, thuyết Thanh Văn thừa, linh kỳ tu tập Thanh Văn Thừa hạnh. Vị Thanh Văn Thừa pháp khí hữu tình, thuyết sanh tử pháp, linh kỳ ái trước, bất vị tuyên thuyết yếm sanh tử pháp. Hựu u thiện xảo phương tiện ngu cố, nhược chư hữu tình nhạo hành sát sanh, quảng thuyết nãi chí chấp trước tà kiến, vị bỉ tuyên thuyết thậm thâm Đại Thừa, bất vị tuyên thuyết sanh tử lưu chuyển, tử thử, sanh bỉ, chúng khổ quả báo, linh kỳ yếm bố, ly chư ác pháp. Hựu u thiện xảo phương tiện ngu cố, nãi chí nhược chư hữu tình nhạo tu tịnh giới, linh tu bố thí. Nhược chư hữu tình nhạo tu an nhẫn, khuyến xả an nhẫn, linh tu tịnh giới. Nhược chư hữu tình nhạo tu tinh tấn, khuyến xả tinh tấn, linh tu an nhẫn. Nhược chư hữu tình nhạo tu Tĩnh Lự, khuyến xả Tĩnh Lự, linh tu tinh tấn. Nhược chư hữu tình nhạo tu Bát Nhã, khuyến xả Bát Nhã, linh tu Tĩnh Lự. Như thị Bồ Tát, ngu u thể gian thiện xảo phương tiện, bất năng chân thật lợi lạc hữu tình, dữ chư hữu tình vi ác tri thức. Thử xảo phương tiện y hữu sở đắc, hữu sở chấp trước, như thị danh vi Bồ Tát thể gian thiện xảo phương tiện. Như thị thể gian thiện xảo phương tiện, cộng chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, thử bất danh vi Đại Giác Trụ Luân, diệc bất do thử, danh vi Bồ Tát Ma Ha Tát dã, cập danh nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác chân thật phước điền.*

(經)又，善男子！若諸菩薩，不依明師，不依善友，修行世間善巧方便，是諸菩薩愚於世間善巧方便，向諸惡趣，不能隨順安住出世巧方便智，亦非一切真實福田，不能善巧知諸有情根行差別。以於善巧方便愚故，為諸聲聞及獨覺乘非大乘器，及於大乘根未熟者，宣說大乘，令其修學。又為大乘法器有情，宣說聲聞、獨覺乘法，令修聲聞、獨覺乘行。為獨覺乘法器有情，說聲聞乘，令其修習聲聞乘行。為聲聞乘法器有情，說生死法，令其愛著，不為宣說厭生死法。又於善巧方便愚故，若諸有情，樂行殺生，廣說乃至執著邪見，為彼宣說甚深大乘，不為宣說生死流轉，死此生彼，眾苦果報，令其厭怖離諸惡法。又於善巧方便愚故，乃至若諸有情，樂修淨戒，令修佈施。若諸有情，樂修安忍，勸舍安忍，令修淨戒。若諸有情，樂修精進，勸舍精進，令修安忍。若諸有情，樂修靜慮，勸舍靜慮，

令修精進。若諸有情，樂修般若，勸舍般若，令修靜慮。如是菩薩，愚於世間善巧方便，不能真實利樂有情，與諸有情為惡知識。此巧方便，依有所得，有所執著，如是名為菩薩世間善巧方便。如是世間善巧方便，共諸聲聞、獨覺乘等，此不名為大甲冑輪，亦不由此名為菩薩摩訶薩也，及名一切聲聞、獨覺真實福田。

*(Kinh: Lại nữa, thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát chẳng nương theo mình sư, chẳng nương theo bạn lành để tu hành phương tiện thiện xảo thế gian, các Bồ Tát ấy do ngu muội đối với phương tiện thiện xảo thế gian, hướng đến các đường ác, chẳng thể tùy thuận an trụ trong trí phương tiện thiện xảo xuất thế, cũng chẳng phải là hết thấy ruộng phước chân thật, chẳng thể thiện xảo biết căn và hạnh sai khác của các hữu tình. Do ngu muội đối với phương tiện thiện xảo, bèn vì các Thanh Văn, và Độc Giác Thừa, đối với kẻ chẳng phải căn khí Đại Thừa, và kẻ căn khí Đại Thừa chưa chín muồi, mà tuyên thuyết Đại Thừa, khiến họ tu học. Lại vì hữu tình thuộc pháp khí Đại Thừa, tuyên thuyết pháp Thanh Văn và Độc Giác Thừa, dạy họ tu các hạnh thuộc Thanh Văn và Độc Giác Thừa, vì hữu tình thuộc pháp khí Độc Giác Thừa nói Thanh Văn Thừa, khiến họ tu tập hạnh Thanh Văn Thừa, vì hữu tình thuộc pháp khí Thanh Văn Thừa nói pháp sanh tử, khiến cho họ yêu đắm, chẳng vì họ tuyên thuyết pháp chán sanh tử. Lại do ngu muội đối với phương tiện thiện xảo, nếu các hữu tình thích làm sát sanh, nói rộng là cho đến chấp trước tà kiến, bèn vì họ tuyên thuyết Đại Thừa rất sâu, chẳng vì họ tuyên thuyết sanh tử lưu chuyển, chết đây, sanh kia, các quả báo khổ, khiến cho họ chán ngán, sợ hãi, lìa các ác pháp. Lại do ngu muội nơi phương tiện thiện xảo, cho đến nếu các hữu tình thích tu tịnh giới, bèn dạy họ tu bố thí. Nếu các hữu tình thích tu an nhẫn, bèn khuyên họ bỏ an nhẫn, dạy tu tịnh giới. Nếu các hữu tình thích tu tinh tấn, lại khuyên họ bỏ tinh tấn, dạy tu an nhẫn. Nếu các hữu tình thích tu Tĩnh Lự, liền khuyên họ bỏ Tĩnh Lự, dạy tu tinh tấn. Nếu các hữu tình thích tu Bát Nhã, bèn khuyên họ bỏ Bát Nhã, dạy tu Tĩnh Lự. Bồ Tát như thế ngu muội đối với phương tiện thiện xảo thế gian, chẳng thể chân thật lợi lạc hữu tình, làm ác tri thức cho các hữu tình. Phương tiện hay khéo ấy nương vào cái có đạt được, có chấp trước, như thế, thì gọi là phương tiện thiện xảo thế gian của Bồ Tát. Phương tiện thiện xảo thế gian như thế cùng chung với các vị Thanh Văn, Độc Giác Thừa; đấy chẳng gọi là Đại Giáp Trụ Luân,*

*cũng chẳng do vậy mà gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng chẳng gọi là ruộng phước chân thật của Thanh Văn và Độc Giác).*

Trong phương tiện thiện xảo, chúng ta tùy thuận pháp thế gian mà có thể chuyển pháp thế gian. Quý vị tùy thuận pháp thế gian, lại bị pháp thế gian xoay chuyển. Như thế chẳng phải là đại Bồ Tát. Đối với trí phương tiện thiện xảo này, quý vị phải là người thật sự thông hiểu. Được gọi là “*người thông hiểu*” thì Kinh, Luật, Luận không pháp nào chẳng biết, không pháp nào chẳng hiểu. Thật sự thông đạt, đối với căn cơ nào, sẽ biết phải nhiếp thọ như thế nào, thì họ mới có thể nhập Phật đạo. Chuyện này giống như Bồ Tát trước hết dùng dục để lôi kéo, khiến cho họ dần dần nhập Phật đạo. Không chỉ là như thế, mà còn có thể dùng ngũ dục để dẫn dụ họ. Thế gian đều tham tài, mê sắc, hai thứ ấy là căn bệnh chung của hết thảy chúng sanh. Bồ Tát liền thị hiện thỏa mãn quý vị, lại thị hiện sanh diệt vô thường. Quý vị đã tham được rồi, lại chẳng có nữa, sẽ ngay lập tức tỉnh ngộ [thế gian vô thường]. Ngài độ quý như vậy đó, đại Bồ Tát mới có phương tiện thiện xảo này!

Như mọi người rất quen thuộc với thiên sư Đạo Tế (Tế Điền). Ngài điên điên cuồng cuồng, dùng rượu độ đời, dùng sự điên khùng để cứu đời. Ngài giả ngây giả dại để độ kẻ khác. Vì sao mọi người cung kính Ngài như vậy? Ngài nhận biết chỗ chân thật, lại còn có thể giải quyết hết thảy khó khăn của quý vị. Nếu quý vị chẳng có trí phương tiện thiện xảo, sẽ chẳng thể giải quyết sự thống khổ của chúng sanh. Trí phương tiện thiện xảo của quý vị liền hạ thấp thành ngu si! Đây chẳng phải là trí huệ, mà là phương tiện thiện xảo ngu muội, chẳng phải là trí phương tiện thiện xảo. Đây là hướng vào đường ác, chẳng phải là hướng vào đường lành, chẳng thể an trụ trong trí phương tiện thiện xảo xuất thế gian, chẳng thể tùy thuận trí phương tiện thiện xảo! Trong phần trước đã nói, quý vị nói các pháp cũng được, nhưng phải thuận theo Như Lai, có thể giống như Như Lai đã chỉ dạy, có thể đạt được giải thoát. Nếu quý vị trái nghịch những điều đó, sẽ là chẳng tùy thuận pháp tánh, sẽ chẳng thể thành tựu được! Quý vị cũng chẳng thể làm bậc thiện tri thức thật sự, mà cũng chẳng thể làm ruộng phước chân thật, chẳng thể có phương tiện thiện xảo. Quý vị chẳng có trí huệ ấy, chẳng biết chúng sanh có căn tánh khác biệt. Hết thảy các tướng sai biệt nơi hành vi của họ, quý vị đều chẳng biết, sẽ độ họ bằng cách nào đây? Chẳng có cách nào độ họ! Đó gọi là “*thiện xảo phương tiện ngu*” (ngu muội nơi phương tiện thiện xảo); tức là ngu trong ngu si! Đây chẳng phải là căn khí Đại Thừa, ngay

cả Thanh Văn và Độc Giác cũng chẳng thể thành tựu được!

Vì ngu muội đối với phương tiện thiện xảo, đối với căn cơ thuộc tam thừa, quý vị thuyết pháp điên đảo. Người ta là chúng tánh Thanh Văn, quý vị lại nói với họ về chuyện ân ái thế gian, chẳng nói “*biết khổ, đoạn diệt*”, chẳng nói pháp chán lìa sanh tử cho họ. Đối với căn cơ thuộc Duyên Giác Thừa, chẳng nói cho họ pháp nhân duyên, lại ngược ngạo nói cho họ pháp Đại Thừa. Đối với căn khí Đại Thừa, lại nói với họ pháp Thanh Văn và Duyên Giác, nói pháp sanh tử, Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Đây là chẳng thể! Đó gọi là điên đảo, cũng gọi là ngu muội đối với phương tiện thiện xảo, chẳng phải là phương tiện thiện xảo!

“*Nhược chư hữu tình nhạo hành sát sanh, quảng thuyết nãi chi chấp trước tà kiến*” (Nếu các hữu tình thích hành sát sanh, nói rộng là cho đến chấp trước tà kiến): Đây là giết, trộm, dâm, dối, uống rượu. Nếu nói Ngũ Giới, các hữu tình ấy có thể lý giải; đó là ngũ dục thế gian. Đối trước ngũ dục, quý vị hãy nên nói cho họ pháp đoạn dục, pháp liễu sanh tử, chẳng hạn như ngũ dục hại người như thế nào? Chẳng tốt đối với quý vị như thế nào? Các pháp ấy đúng với căn cơ của họ, [thế nhưng] quý vị nói cho họ pháp Đại Thừa quá sâu, chẳng tuyên nói pháp lưu chuyển sanh tử cho họ! “*Tử thử, sanh bỉ, chúng khổ quả báo*” (Chết đây, sanh kia, các quả báo đau khổ): Quý vị nói những điều này, họ [nghe xong] có thể chán lìa, sợ hãi. [Chứ nói] “các pháp quý vị nương cậy đều là Không” đúng là phù hợp với sự ưa thích của họ. Họ bảo “vốn là trống không” thì càng sốt sắng vi phạm, chấp trước cảnh giới ngũ dục. Đó chẳng phải là trí phương tiện thiện xảo, đó gọi là ngu muội đối với phương tiện thiện xảo, chẳng phải là trí huệ. Đối với các hữu tình ấy, họ thích giết, trộm, dâm, dối, quý vị phải nói với họ, [do các điều ấy] sẽ phải đọa địa ngục, phải lìa khỏi các ác pháp ấy. Như thế thì mới là đúng. Nhưng quý vị nói pháp Đại Thừa cho họ, nói “Không nghĩa” liễu nghĩa, sai bét mất rồi!

Cho đến trong Lục Độ, vạn hạnh, họ vốn thích trì giới, quý vị lại nói bố thí. Họ vốn thích tu Nhẫn, quý vị lại bảo họ trì tịnh giới. Đây là thuyết pháp chẳng đúng căn cơ. Nếu các hữu tình thích tu tinh tấn, khuyên họ xả tinh tấn, để tu an nhẫn. Người ta đang rất tinh tấn tu hành, quý vị khuyên họ hãy buông xuống, hãy nên tu nhẫn nhục. Đây là “*pháp mà nói là phi pháp, phi pháp mà bảo là pháp!*” Nếu các hữu tình thích tu Tĩnh Lự, mong tu Định, [quý vị lại ngược ngạo] khuyên họ xả Định, bảo họ tu tinh tấn. Nếu các hữu tình ưa thích tu Bát Nhã, khuyên họ bỏ Bát Nhã, bảo họ tu Tĩnh Lự. Họ muốn tu trí huệ, quý vị buộc họ học

Định, hai đấng đều chẳng thành. “*Như thị Bồ Tát ngu*” tức là vị Bồ Tát ấy khá ngu si, chẳng phải là Bồ Tát, đối với phương tiện thiện xảo thế gian, “*bất năng chân thật lợi lạc hữu tình*” (chẳng thể chân thật lợi lạc hữu tình). Phương tiện thiện xảo của Bồ Tát nhằm lợi ích chúng sanh. Hễ quý vị điên đảo như vậy, chúng sanh sẽ chẳng đạt được lợi ích. Đó chẳng phải là thiện tri thức của hữu tình, mà là ác tri thức của hữu tình. “*Thử xảo phương tiện y hữu sở đắc, hữu sở chấp trước*” (Phương tiện thiện xảo ấy nương vào có sở đắc, có chấp trước): [Nếu suy nghĩ] do nương vào phương tiện thiện xảo này, vì hành phương tiện thiện xảo này, sẽ có thể đắc đạo, tức là chấp trước phương tiện thiện xảo này. “*Như thị danh vi Bồ Tát thế gian thiện xảo phương tiện*” (Như thế gọi là phương tiện thiện xảo thế gian của Bồ Tát): Đây chẳng phải là phương tiện thiện xảo xuất thế gian! Hễ có được, bèn có mất; có được, thì sẽ có cái chẳng được. Đó là pháp tương đối. Do vậy, đó là sai lầm, chẳng gọi là Đại Giáp Trụ Luân, “*diệc bất do thử danh vi Bồ Tát Ma Ha Tát*” (cũng chẳng do vậy mà gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát). Đây chẳng phải là Bồ Tát Ma Ha Tát.

*(Kinh) “Vân hà danh vi Bồ Tát xuất thế thiện xảo phương tiện? Vị chư Bồ Tát dẫn vị lợi tha, bất vị tự lợi, thị hiện chủng chủng công xảo kỹ thuật, vị thành thực tha thừa sự, cúng dường chư Phật Thế Tôn, hoặc chư Bồ Tát, hoặc chư Độc Giác, hoặc chư Thanh Văn, hoặc mẫu, hoặc phụ, hoặc chư bệnh giả, hoặc chư luy liệt vô y hỗ giả. Nhược kiến ách nạn, lâm bị hại giả, chủng chủng cần khổ phương tiện cứu tế, dĩ Tứ Nhiếp Sự thành thực hữu tình, tùy kỳ ý nhạo, tùy kỳ căn khí, vị chư hữu tình tuyên thuyết chánh pháp. Hựu năng tiêm thứ khuyến chư Thanh Văn tu Độc Giác Thừa, khuyến chư Độc Giác tu tập Đại Thừa. Nhược u Thanh Văn cập Độc Giác Thừa căn vị thực giả, vị thuyết yếm ly sanh tử khổ pháp, linh kỳ tu học, yếm ly sanh tử, hân cầu Niết Bàn. Nhược chư hữu tình nhạo hành sát sanh, quảng thuyết nãi chí nhạo trước tà kiến, tùy kỳ căn tánh, hoặc vị tuyên thuyết sanh tử lưu chuyển, tử thử, sanh bỉ, chủng khổ quả báo, linh kỳ yếm bố, ly chư ác pháp. Hoặc vị tuyên thuyết dĩ Thanh Văn Thừa tương ứng chánh pháp, hoặc vị tuyên thuyết dĩ Độc Giác Thừa tương ứng chánh pháp, hoặc vị tuyên thuyết Vô Thượng Thừa trung thiên cận chi pháp, linh tiêm tu học. Nhược chư hữu tình dĩ nhạo bố thí, vị thuyết thắng thượng thọ trì tịnh giới, linh kỳ tu học, quảng thuyết nãi chí nhược chư hữu tình dĩ nhạo Tĩnh Lự, vị thuyết thắng thượng vô*



*lậu thánh đạo sở nhiếp Bát Nhã linh kỳ tu học. Thử xảo phương tiện y vô sở đắc, vô sở chấp trước. Như thị danh vi Bồ Tát xuất thế Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân. Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu như thị Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân, từng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dụng giai năng trừ đoạn, đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ”. Nhĩ thời, Thế Tôn dụng trùng hiển thứ nghĩa, nhi thuyết tụng viết: “Sở tu huệ hữu nhị: Thế gian, xuất thế gian. Thủ trước danh thế gian. Vô thủ trước, xuất thế. Tu thiện xảo phương tiện, y nhị chủng sai biệt, hữu sở đắc thế gian, vô sở đắc xuất thế. Nhược duy thuyết Nhất Thừa, thị danh ác thuyết pháp, bất năng tự thành thực, diệc bất năng độ tha. Nhất hướng ác chứng sanh, vị thuyết tam thừa giáo. Thị tác vi ngu si, bất danh Ma Ha Tát. Hữu kham thú tam thừa, hân cầu văn chánh pháp, vị thuyết nhạo sanh tử, phi vi trí giả tướng. Chuyên ý để tư duy, tùy căn dụng giáo hóa, thử thiện xảo phương tiện, trí giả sở xưng dụng. Chứng sanh tuy hữu ác, nhi kham nhập tam thừa, tùy căn khí giáo đạo, linh giải thoát chúng ác”.*

(經)云何名為菩薩出世善巧方便？謂諸菩薩，但為利他，不為自利，示現種種工巧技術，為成熟他，承事供養諸佛世尊、或諸菩薩、或諸獨覺、或諸聲聞、或母、或父、或諸病者、或諸羸劣無依怙者。若見厄難臨被害者，種種勤苦方便救濟，以四攝事成熟有情，隨其意樂，隨其根器，為諸有情宣說正法。又能漸次勸諸聲聞修獨覺乘，勸諸獨覺修習大乘。若於聲聞及獨覺乘根未熟者，為說厭離生死苦法，令其修學，厭離生死，欣求涅槃。若諸有情，樂行殺生，廣說乃至樂著邪見，隨其根性，或為宣說生死流轉，死此生彼，眾苦果報，令其厭怖離諸惡法。或為宣說與聲聞乘相應正法，或為宣說與獨覺乘相應正法，或為宣說無上乘中淺近之法，令漸修學。若諸有情，已樂佈施，為說勝上受持淨戒，令其修學，廣說乃至若諸有情，已樂靜慮，為說勝上無漏聖道所攝般若，令其修學。此巧方

便，依無所得，無所執著。如是名為菩薩出世善巧方便大甲冑輪。善男子！若菩薩摩訶薩成就如是善巧方便大甲冑輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，得名菩薩摩訶薩也，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護」。爾時，世尊欲重顯此義，而說頌曰：「所修慧有二：世間出世間。取著名世間。無取著出世。修善巧方便，依二種差別，有所得世間，無所得出世。若唯說一乘，是名惡說法，不能自成熟，亦不能度他。一向惡眾生，為說三乘教。是則為愚癡，不名摩訶薩。有堪趣三乘，欣求聞正法，為說樂生死，非為智者相。專意諦思惟，隨根欲教化，此善巧方便，智者所稱譽。眾生雖有惡，而堪入三乘，隨根器教導，令解脫眾惡。

*(Kinh: Thế nào gọi là phương tiện thiện xảo xuất thế của Bồ Tát? Tức là các Bồ Tát chỉ vì lợi ích người khác, chẳng vì tự lợi, thị hiện các thứ kỹ thuật hay khéo, vì thành thực người khác mà thừa sự, cúng dường chư Phật Thế Tôn, hoặc các Bồ Tát, hoặc các Độc Giác, hoặc các Thanh Văn, hoặc mẹ, hoặc cha, hoặc những người bệnh, hoặc những kẻ suy yếu không nơi nương cậy, hoặc thấy người bị hại bởi các ách nạn, sẽ dùng các phương tiện siêng khổ để cứu giúp. Dùng Tứ Nhiếp Sự thành thực hữu tình, tùy theo lòng yêu thích, tùy theo căn khí của họ, vì các hữu tình tuyên thuyết chánh pháp. Lại có thể lần lượt khuyên các Thanh Văn tu Độc Giác Thừa, khuyên các Độc Giác tu tập Đại Thừa. Nếu đối với Thanh Văn và Độc Giác Thừa căn khí chưa chín muồi, vì họ nói pháp chán lìa sanh tử, khiến họ tu học, chán lìa sanh tử, vui cầu Niết Bàn. Nếu các hữu tình thích hành sát sanh, nói rộng là cho đến đối với kẻ thích chấp trước tà kiến, sẽ tùy theo căn tánh, hoặc vì họ tuyên thuyết sanh tử lưu chuyển, chết đây, sanh kia, các thứ quả báo khổ sở, khiến cho họ chán sợ, lìa các ác pháp. Hoặc vì họ tuyên thuyết chánh pháp tương ứng với Thanh Văn Thừa, hoặc vì họ tuyên thuyết chánh pháp tương ứng với Độc Giác Thừa, hoặc vì họ tuyên thuyết các pháp thiên cận trong Vô Thượng Thừa để họ dần dần tu học. Nếu các hữu tình đã thích bố thí, vì họ nói thọ trì tịnh giới thù thắng bậc thượng, khiến cho họ tu học. Nói rộng là cho đến nếu các hữu tình đã thích Tỳ Lỵ, bèn vì*

*họ nói thánh đạo vô lậu thắng thượng bao gồm Bát Nhã, khiến cho họ tu học. Phương tiện hay khéo ấy chẳng nương vào “có đạt được”, chẳng chấp trước gì. Như thế thì gọi là phương tiện thiện xảo Đại Giáp Trụ Luân xuất thế của Bồ Tát. Đây thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu phương tiện thiện xảo Đại Giáp Trụ Luân như thế, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, vượt hẳn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thấy các Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: “Tu huệ có hai thứ, thế gian, xuất thế gian. Chấp giữ gọi thế gian; chẳng chấp giữ: Xuất thế. Tu phương tiện thiện xảo, nương hai thứ sai khác. Hữu sở đắc: Thế gian. Vô sở đắc: Xuất thế. Nếu chỉ nói Nhất Thừa, gọi là ác thuyết pháp, chẳng thể tự thành thực, cũng chẳng thể độ người. Chúng sanh chuyên làm ác, bèn giảng pháp tam thừa. Đó là kẻ ngu si, chẳng gọi Ma Ha Tát. Có kẻ kham tam thừa, ưa cầu nghe chánh pháp, nói pháp thích sanh tử, chẳng phải là bậc trí. Chuyên tâm, tư duy kỹ, tùy căn, dục giáo hóa. Phương tiện thiện xảo ấy, bậc trí đều khen ngợi. Chúng sanh tuy có ác, nhưng kham nhập ba thừa, theo căn khí chỉ dạy, khiến giải thoát các ác”).*

Phản trước đã nói về hai tầng quan hệ: Vì tự lợi và lợi tha (lợi ích người khác). Ở đây, chẳng phải vậy. Đây là phương tiện thiện xảo xuất thế gian của Bồ Tát, chuyên vì lợi ích người khác, chẳng vì tự lợi. Ngài cũng “*thị hiện chủng chủng công xảo kỹ thuật, vị thành thực tha, thừa sự, cúng dường chư Phật Thế Tôn*” (thị hiện các thứ kỹ thuật hay khéo, vì thành thực người khác, mà thừa sự, cúng dường chư Phật Thế Tôn). Như vậy thì các vị đại Bồ Tát ấy hoàn toàn vì lợi ích người khác, chẳng vì tự lợi, thị hiện các thứ kỹ thuật hay khéo, nhằm mục đích thừa sự, cúng dường chư Phật. Chẳng hạn như, chúng tôi thấy các lạt-ma ở Lạp Tát (Lhasa), bọn họ dùng bơ và tẩn-ba (tsampa, bột lúa mạch rang) có thể làm rất nhiều hoa, có thể tạo thành đàn tràng để tu đạo. Họ cũng chẳng có danh, chẳng có lợi chi cả. Đàn tràng được kiến lập tại đó, ai cũng chẳng biết là do vị lạt-ma nào làm! Chẳng có ghi tên, mà cũng chẳng đạt được tài lợi gì, thứ gì cũng đều chẳng có, làm việc cho tự viện. Làm việc mà chẳng được trả công. Nghề khéo kiểu này hoàn toàn vì lợi ích người khác, cúng dường chư Phật, mà cũng chẳng phải là lợi ích con người, đều là cúng dường chư Phật.

Hễ có ách nạn, vị đại Bồ Tát này liền thị hiện các thứ phương tiện siêng khổ để cứu vớt, và tiếp cận họ, khiến cho họ có thể thay đổi. Nhưng quý vị ắt phải có trí huệ. Quý vị chẳng có trí huệ, làm sao có thể thực hiện cho được! Như câu chuyện ngài Tế Công cứu gã bán thịt chó. Gã đó bán thịt chó, hằng ngày đều giết chó. Đối với mẹ, hấn hết sức bất hiếu, thường xuyên mắng mẹ, đánh mẹ. Có một hôm, khi sắp giết một con chó cái, không biết là quên thứ gì, hấn phải ra ngoài rồi trở lại, tìm cách nào cũng chẳng thấy con dao mổ chó. Tìm trong lẩn ngoài đều chẳng thấy, hấn liền chửi mắng, bắt mẹ cũng đi tìm. Mẹ hấn cũng đi tìm, căn bản là chẳng tìm thấy. Cuối cùng tìm được, đó là hấn thấy một con cún nằm úp sấp ngay trước mặt, bèn đá một cước, đá con cún chạy đi. Phía dưới con cún có con dao. Con cún đã dùng thân mình che giấu con dao. Lúc đó, hấn vẫn mổ thịt con chó cái ấy. Bất quá, trong lòng hấn rất hổ thẹn, nói: “Ta muốn giết mẹ nó. Con cún ấy giấu dao đi, dùng sanh mạng của nó che đậy. Ta là người, đối với mẹ bất hiếu dường ấy!” Hấn liền khấu đầu, sám hối với mẹ, thưa: “Mẹ ơi! Hôm nay con bán thịt chó xong, sẽ chẳng làm chuyện buôn bán này nữa, tìm nghề khác làm. Sau này, con sẽ hiếu kính mẹ đàng hoàng!”

Vốn hấn đáng phải chịu quả báo “*ngũ lôi oanh đảnh*”. Cái gọi là quả báo “*ngũ lôi oanh đảnh*” (五雷轟頂) tức là chết trong ngũ hành kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Khi hấn đẩy xe ra ngoài, muốn đi đại tiện, bèn dừng cái xe thịt chó ở bên đường, đại tiện thì phải tìm chỗ khuất. Hấn chạy đến chỗ có một bức tường bằng đất đắp, không ai trông thấy để ngồi xỏ đi đại tiện. Hấn vừa đi ngoài, vừa trông chừng xe thịt chó. Tế Công có thần thông, biết hấn sắp bị [tường sập] đè chết. Vì một niệm hiếu tâm, khiến cho tội ác của hấn tiêu mất; Tế Công đi tới, đẩy cái xe đi. Hấn nóng ruột: “Đây là lần [buôn bán] cuối cùng, có chút tiền vốn đó. Ông đẩy xe của ta đi, ta làm thế nào đây?” Hấn ngưng đại tiện, thất lung quần lại, đuổi theo: “Đại sư! Tôi cúng dường thịt chó cho Ngài, dừng lại đi. Đây là tiền vốn của tôi”. Hấn một mực la ầm lên, Tế Công dừng xe lại. Hấn nói: “Đại sư! Cảm ơn Ngài”. Nhưng lúc hấn vừa mới chạy đuổi theo, bức tường đất chỗ hấn vừa ngồi chồm hòm liền sụp xuống, hấn sợ tới mức đổ mồ hôi lạnh toàn thân, nói: “Sư phụ! Con phải cảm ơn Ngài! Con cho Ngài một nửa số thịt chó này”. Ngài nói: “Ta không cần thịt chó của người, ta chỉ giúp người bán”. Tế Công liền bán giúp hấn, người qua đường đều mua. Tế Công nói: “Hôm nay chúng ta bán giá cao gấp ba”. “Giá gấp ba có thể bán được hay không?” Tế Công bảo: “Người chớ lo! Ta bán được!” Tế Công vừa niệm chú, người đi qua nơi đó đều mua,

ngửi thấy mùi thịt chó thơm quá, họ liền mua, lập tức bán sạch xe thịt chó. Tiền thu được rất nhiều, nhiều gấp ba tiền vốn. Hấn nói: “Đại sư! Con tạ ơn thầy bằng cách nào?” Sư nói: “Người không cần cảm ơn ta. Một niệm hiếu tâm dấy lên, sáng hôm nay người đã sám hối với mẹ. Đây là do hiếu tâm cảm vời”.

Nếu quý vị chẳng có sự thiện xảo ấy, sẽ chẳng thể cứu người ta, khiến hấn bị tường sụp đè chết. Bị đè chết thì chẳng phải là đọa địa ngục ư? Còn chẳng đợi cho hấn sám hối nữa, sát nghiệp của hấn nặng như vậy mà! Bồ Tát độ chúng sanh có bản lãnh, phương tiện thiện xảo này chẳng phải là phương tiện thiện xảo mà chúng ta có. Sự thiện xảo của chúng ta [nói thật ra] chẳng phải là thiện xảo, nói đơn giản là vì tự lợi, chẳng phải vì lợi ích người khác, nhất định phải hiểu đạo lý này. Chớ nên viện cớ giúp đỡ đạo hữu khác, quý vị ôm cái tâm gì? Nếu quả thật thuần túy vì lợi ích người khác, chẳng có may mắn vì chính mình, thì đây là Bồ Tát thật sự phát tâm.

Chúng ta học như vậy, quý vị làm mỗi chuyện, nhất định phải quán chiếu cái tâm của chính mình, từ nơi nào phát sanh cái tâm ấy? Quý vị lia khỏi tham, sân, si, ái, đó là điều rất then chốt! Bồ Tát làm chuyện ngu si, “*chúng chúng cần khổ phương tiện, cứu tế nhất thiết chúng sanh*” (các thứ phương tiện siêng khổ, cứu giúp hết thảy chúng sanh), dùng Tứ Nhiếp Pháp thành thực hữu tình. Tứ Nhiếp Pháp là bố thí, đồng sự, lợi hành, ái ngữ, tùy thuận lòng ưa thích của chúng sanh, chẳng phải là thuận theo cái tâm của quý vị: Trong tâm quý vị muốn như thế nào, bèn mong làm như thế ấy! Nay vị Bồ Tát lợi ích chúng sanh Bồ Tát, nghĩ chính mình nên làm như thế nào, mọi người phải nghe theo ta; đây là hoàn toàn sai lầm mất rồi! Tuyên thuyết chánh pháp, phải tùy thuộc họ thích điều gì, bèn nói cho họ điều ấy. Do pháp ấy, họ có thể đắc độ, vì có thể dần dần khuyên lơn các vị Thanh Văn, Độc Giác Thừa, khuyên họ hồi Tiểu hướng Đại, khuyên các vị thuộc Độc Giác Thừa tu Đại Thừa, khuyên Thanh Văn Thừa phải tiến cao hơn tu Độc Giác Thừa. Nếu các Ngài là căn khí Thanh Văn Thừa, sẽ làm cho họ tu học, chán lìa sanh tử, mong cầu Niết Bàn, cầu bất sanh bất tử.

“*Nhược chư hữu tình nhạo hành sát sanh, quảng thuyết nãi chi nhạo trước tà kiến*” (Nếu các hữu tình thích hành sát sanh, nói rộng là cho đến ưa thích tà kiến): Giết, trộm, dâm, dối, đây là bốn căn bản. “*Tùy kỳ căn tánh*” (Tùy theo căn tánh của họ), vì họ tuyên thuyết sanh tử lưu chuyển. “*Tử thử, sanh bỉ*” (Chết đây, sanh kia): Các quả báo khổ sở khiến cho họ sanh khởi cảm giác sợ hãi, sanh cảm giác chán lìa, lìa khỏi

các ác pháp ấy. Quý vị bèn tuyên thuyết cho họ hết thảy chánh pháp tương ứng với Thanh Văn Thừa, hoặc chánh pháp tương ứng với Độc Giác Thừa. Căn cơ Đại Thừa thì *“hoặc vị tuyên thuyết Vô Thượng Thừa trung thiên cận chi pháp”* (hoặc vì họ tuyên nói các pháp thiên cận trong Vô Thượng Thừa), chẳng phải là lập tức có thể tiến nhập Đại Thừa! Từ sơ khởi, phải từ pháp nông cạn, gần gũi, cho đến những pháp tương đương với bậc trung, cuối cùng nói pháp Tối Thượng Thừa.

Mọi người khi đọc ba phẩm kinh Hoa Nghiêm, quý vị có thể cảm nhận phẩm Tịnh Hạnh ai cũng đều làm được: Thấy điều gì, bèn nghĩ đến gì, đó gọi là *“phát tâm”*. Phẩm Phạm Hạnh là nhập Chân Không thanh tịnh hạnh. Phạm hạnh là thanh tịnh hạnh, hết thảy những gì đã làm đều thanh tịnh. Hết thảy đều chẳng có, cho đến ngay cả Thập Lực của Phật cũng đều chẳng có. Đó là Không, thật sự Không. Nhưng vẫn chưa đủ, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện trùng trùng vô tận, từ Không xuất Hữu. Hữu là Diệu Hữu, Diệu Hữu phi hữu, tức là Không. Chân Không chẳng Không. Chẳng Không là Diệu Hữu. Hành Phổ Hiền Hạnh lật đi lật lại như thế đó, tức là có từng giai đoạn một. Nếu quý vị đọc kinh Hoa Nghiêm, tốt nhất là chọn lựa ba phẩm đó, như thế sẽ đều có. Từ Thiện Tài đồng tử sơ phát tâm, bắt đầu từ địa vị Thập Tín, mãi cho đến khi tham yết bậc Đẳng Giác. Đã tham yết xong, cho đến giai đoạn thành Phật, vẫn chưa đủ, lại trở về trước mặt Văn Thù Bồ Tát. Di Lặc Bồ Tát bảo Ngài trở lại tham yết Văn Thù Bồ Tát. Ngài lại trở về chỗ Văn Thù Bồ Tát, dùng Tín làm căn bản, *“Tín là nguồn đạo, mẹ công đức, trưởng dưỡng hết thảy các thiện căn”*. Trưởng dưỡng đã thành, lại quay về tự tâm. Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bảo Thiện Tài trở về tham yết Phổ Hiền Bồ Tát lần nữa, mới có thể rốt ráo thành tựu Pháp Thân Phật chẳng thể nghĩ bàn. Đó cũng là Báo Thân Phật. Phải như thế thì mới gọi là Bồ Tát trọn đủ phương tiện thiện xảo. Phương tiện thiện xảo ấy chẳng có gì chấp trước. Nói pháp thiên cận; sau đây, lại dần dần khiến cho họ tu học. Nếu chúng sanh ưa thích bố thí, chỉ bố thí thì không đủ, còn phải trì giới, còn phải tu nhẫn nhục. Nhẫn nhục chưa đủ, phải tu Thiền Định. Từng bước một, khiến cho họ tu Lục Ba La Mật, khiến cho họ chứng đắc, chỉ là vô sở đắc (chẳng có gì để đạt được), chẳng có gì chấp trước. Phương tiện thiện xảo xuất thế của Bồ Tát là như thế đó; đây mới là Đại Giáp Trụ Luân thật sự.

Nếu quý vị tu hành phương tiện thiện xảo, cũng nương theo hai loại sai biệt. Hễ có cái để đạt được (hữu sở đắc), thì là thế gian; vô sở đắc là xuất thế. Đối với thế gian mà chẳng có gì để đạt được, thì sẽ có

thể xuất thế gian. “*Nhược duy thuyết Nhất Thừa, thị danh ác thuyết pháp, bất năng tự thành thực, diệc bất năng độ tha*” (Nếu chỉ nói Nhất Thừa, thì gọi là ác thuyết pháp, chẳng thể tự thành thực, cũng chẳng thể độ người khác): Không nói pháp ba thừa, chỉ nói pháp Nhất Thừa của Đại Thừa. Thuyết pháp kiểu ấy là ác thuyết pháp, chẳng phải là thiện thuyết pháp, chính mình cũng chẳng thành thực được, mà cũng chẳng thể độ người khác. “*Nhất hướng ác chúng sanh, vị thuyết tam thừa giáo*” (Đối với chúng sanh một mực làm ác, vì họ nói giáo pháp tam thừa): Kẻ không có thiện căn, toàn là làm ác. Nếu quý vị nói cho họ pháp tam thừa, chẳng nói cho họ pháp quy y nông cạn, gần gũi, không dạy họ hành Thập Thiện Pháp, họ làm sao tiến nhập được? Đó gọi là ngu si.

“*Hữu kham thú tam thừa, hân cầu văn chánh pháp, vị thuyết nhạo sanh tử, phi vi trí giả tướng*” (Có người kham tiến nhập tam thừa, thích cầu nghe chánh pháp, [thê mà] vì họ nói [các pháp] thích sanh tử thì chẳng phải là bậc có trí huệ): Người ấy đã có thể, “*kham*” (堪) là có thể, tức là có thể thành tựu, tiến nhập Tiểu Thừa, Trung Thừa, Đại Thừa, hết sức vui thích, vui cầu nghe pháp chân chánh. Quý vị nói cho họ pháp sanh tử, vì họ nói ưa thích sanh tử. Nói pháp sanh tử [là nói các pháp tu tập để] sanh lên trời, làm người, gieo thiện căn. Đây là pháp sanh tử, là mười thiện pháp nhập môn. Đó chẳng phải là bậc trí, vì [thuyết pháp] chẳng đúng căn cơ. “*Chuyên ý để tư duy, tùy căn dục giáo hóa*” (Hãy chuyên tâm suy nghĩ kỹ càng, thuận theo căn cơ và ham muốn của họ để giáo hóa): Bồ Tát độ chúng sanh chẳng phải tùy tiện như vậy, phải suy nghĩ kỹ càng, suy nghĩ đúng lý. Nếu quý vị chẳng biết căn cơ của họ, thì có thể nghe họ nói. Quý vị nói chuyện với họ, họ sẽ biểu đạt, sẽ nói cho quý vị biết họ thuộc căn cơ nào. Cho nên khi quý vị nói chuyện với chúng sanh, tuy mỗi người chẳng đem điều mong cầu và suy nghĩ viết trên mặt, nhưng xác thực là từ vẻ mặt họ đã cho quý vị biết, họ muốn làm gì, họ cũng có những điều mong mỏi mà quý vị có thể nhận biết. Chuyện này phải khéo quan sát, phải khéo tư duy, tùy theo căn cơ và dục vọng của họ mà giáo hóa như thế. Đó mới là thật sự thiện xảo, đáng được bậc trí khen ngợi!

“*Chúng sanh tuy hữu ác, nhi kham nhập tam thừa*” (Chúng sanh tuy có điều ác, nhưng có thể nhập tam thừa): Các chúng sanh ấy làm ác, giống như trong câu chuyện tôi vừa kể, gã đó giết chó, tức là làm ác, lại bất hiếu với mẹ. Nhưng trong quá khứ, hắn có thiện căn, nay thiện căn của hắn chín muồi, có thể buông dao mổ xuống, có thể dấy lên một niệm thiện tâm. Thiện căn của hắn đã sanh trưởng, làm một thiện nhân. Còn

kẻ suốt đời làm lành, tới khi sắp chết, ác tánh chẳng đổi, đó là các điều ác trong đời quá khứ rất nặng, [tạo thành] nhân duyên chướng đạo. Có thể dùng phương tiện thiện xảo như vậy để quan sát căn cơ của chúng sanh. Tuy trong đời quá khứ họ là ác, nhưng hiện thời, họ có thể chứng nhập tam thừa. Quý vị phải chỉ dạy, nhiếp thọ người ấy, khiến cho người ấy giải thoát các điều ác. Nói “*buông dao mổ xuống, thành Phật ngay tại đó*” có hàm nghĩa như vậy. Chớ nên vì kẻ đó làm ác, mà chẳng nhiếp thọ họ, chẳng nói thiện pháp cho họ. Đây cũng là sai lầm, chẳng phải là trí huệ thiện xảo, chẳng quan sát thấy hiện tại [thiện căn của] họ đã chín muồi!

*(Kinh) “Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu Đại Từ Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vân hà Đại Từ Đại Giáp Trụ Luân? Thiện nam tử! Từ hữu nhị chủng: Vị pháp duyên từ, hữu tình duyên từ. Pháp duyên từ giả, danh vi đại từ, danh đại giáp trụ. Hữu tình duyên từ, bất danh đại từ, phi đại giáp trụ. Sở dĩ giả hà? Hữu tình duyên từ, cộng chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng. Thanh Văn, Độc Giác vị tự lợi lạc, bất vị hữu tình, tinh cần tu tập hữu tình duyên từ. Thanh Văn, Độc Giác vị tự tịch tĩnh, vị tự Niết Bàn, vị diệt tự Hoặc, vị diệt tự kết, bất vị hữu tình tinh cần tu tập hữu tình duyên từ. Thị cố, thử từ bất danh đại từ, phi đại giáp trụ. Kỳ pháp duyên từ, bất cộng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, duy chư Bồ Tát Ma Ha Tát chúng sở năng tu hành. Bồ Tát Ma Ha Tát phổ vị lợi lạc nhất thiết hữu tình, tinh cần tu tập thử pháp duyên từ. Bồ Tát Ma Ha Tát phổ vị nhất thiết hữu tình tịch tĩnh, cập đắc Niết Bàn, diệt phiền não kết, tinh cần tu tập thử pháp duyên từ. Thị cố, thử từ danh vi đại từ, thị đại giáp trụ. Hựu chư Bồ Tát tu pháp duyên từ, bất y chư Uẩn, bất y chư Xứ, bất y chư Giới, bất y Niệm Trụ, nãi chí bất y Đạo Chi, bất y Dục Giới, bất y Sắc Giới, bất y Vô Sắc Giới, bất y thử thế, bất y tha thế, bất y thử ngạn, bất y bỉ ngạn, bất y đắc, bất y bất đắc. Như thị Bồ Tát tu pháp duyên từ, siêu chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa địa, thị danh Bồ Tát pháp duyên Đại Từ Đại Giáp Trụ Luân. Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu Đại Từ Đại Giáp Trụ Luân, tùng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, đắc danh Bồ Tát*



*Ma Ha Tát dã, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ”. Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Thanh Văn cập Độc Giác, tu hữu tình duyên từ, tâm đời thập tam quá, duy cầu tự lợi lạc. Bồ Tát đại danh xưng, phổ vị chư hữu tình, tu bất cộng đại từ, tâm ly thập tam quá. Tâm trừ thập tam cấu, vị thú Đại Bồ Đề, tu pháp duyên đại từ, thành phước điền phi viễn. An trụ thập tam lực, xuất quá chư hữu tình, do như sư tử vương, siêu thắng chư cầm thú. Hàng phục thập tam oán, ly đoạn thường biên chấp, tâm vô hữu nhiễm trước, tức chứng Đại Bồ Đề.*

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩復有大慈大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。云何大慈大甲冑輪？善男子！慈有二種：謂法緣慈、有情緣慈。法緣慈者，名為大慈，名大甲冑。有情緣慈，不名大慈，非大甲冑。所以者何？有情緣慈，共諸聲聞、獨覺乘等，聲聞、獨覺為自利樂，不為有情，精勤修習有情緣慈。聲聞、獨覺為自寂靜，為自涅槃，為滅自惑，為滅自結，不為有情，精勤修習有情緣慈。是故，此慈不名大慈，非大甲冑。其法緣慈，不共聲聞、獨覺乘等，唯諸菩薩摩訶薩眾所能修行。菩薩摩訶薩普為利樂一切有情，精勤修習此法緣慈。菩薩摩訶薩普為一切有情，寂靜及得涅槃，滅煩惱結，精勤修習此法緣慈。是故，此慈名為大慈，是大甲冑。又諸菩薩，修法緣慈，不依諸蘊，不依諸處，不依諸界，不依念住，乃至不依道支，不依欲界，不依色界，不依無色界，不依此世，不依他世，不依此岸，不依彼岸，不依得，不依不得。如是菩薩修法緣慈，超諸聲聞、獨覺乘地，是名菩薩法緣大慈大甲冑輪。善男子！若菩薩摩訶薩成此大慈大甲冑輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，得名菩薩摩訶薩也，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。

一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護」。爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「聲聞及獨覺，修有情緣慈，心帶十三過，唯求自利樂。菩薩大名稱，普為諸有情，修不共大慈，心離十三過。心除十三垢，為趣大菩提，修法緣大慈，成福田非遠。安住十三力，出過諸有情，猶如師子王，超勝諸禽獸。降伏十三怨，離斷常邊執，心無有染濁，速證大菩提。

*(Kinh: “Lại này thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có Đại Từ Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt xa hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thấy các Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Thế nào là Đại Từ Đại Giáp Trụ Luân? Này thiện nam tử! Từ có hai loại, tức là pháp duyên từ và hữu tình duyên từ. Pháp duyên từ được gọi là đại từ, là đại giáp trụ. Hữu tình duyên từ chẳng gọi là đại từ, chẳng phải là đại giáp trụ. Vì có sao vậy? Hữu tình duyên từ cùng chung với hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa. Thanh Văn, Độc Giác vì lợi lạc cho chính mình, chẳng vì hữu tình mà siêng rông tu tập hữu tình duyên từ. Thanh Văn, Độc Giác vì sự tịch tĩnh của chính mình, vì Niết Bàn của chính mình, vì diệt Hoặc của chính mình, vì diệt kết phược của chính mình, chẳng vì hữu tình mà siêng rông tu tập hữu tình duyên từ. Vì thế, lòng Từ ấy chẳng gọi là đại từ, chẳng phải là đại giáp trụ. Pháp duyên từ chẳng cùng chung với hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa, chỉ có các vị Bồ Tát Ma Ha Tát là có thể tu hành. Bồ Tát Ma Ha Tát vì lợi lạc trọn khắp hết thấy hữu tình mà siêng rông tu tập pháp duyên từ này. Bồ Tát Ma Ha Tát vì làm cho trọn khắp hết thấy hữu tình đạt được tịch tĩnh và đắc Niết Bàn, diệt phiền não kết, mà siêng rông tu tập môn pháp duyên từ này. Vì thế, lòng Từ này được gọi là đại từ, là đại giáp trụ. Lại nữa, các Bồ Tát tu pháp duyên từ, chẳng nương theo các Uẩn, chẳng nương theo các Xứ, chẳng nương theo các Giới, chẳng nương theo Niệm Trụ, cho đến chẳng nương theo Đạo Chi, chẳng nương theo Dục Giới, chẳng nương theo Sắc Giới, chẳng nương theo Vô Sắc Giới, chẳng nương theo đời này, chẳng nương theo đời khác, chẳng nương theo bờ này, chẳng nương theo bờ kia, chẳng nương theo đấng, chẳng nương theo bất đấng. Bồ Tát tu pháp duyên từ như thế, vượt hẳn các địa vị Thanh*

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

*Văn, Độc Giác Thừa; được gọi là pháp duyên Đại Từ Đại Giác Trụ Luân của Bồ Tát. Nay thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu Đại Từ Đại Giác Trụ Luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, vượt hẳn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước to lớn, hết thấy Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa ấy, bèn nói kệ tụng rằng: - Thanh Văn và Độc Giác, tu hữu tình duyên từ, tâm mang mười ba lỗi, chỉ cầu lợi lạc riêng. Bồ Tát thanh danh lớn, vì khắp các hữu tình, tu bất cộng đại từ, tâm lìa mười ba lỗi. Tâm trừ mười ba cấu, tiến nhập Đại Bồ Đề, tu pháp duyên đại từ, thành phước điền chẳng xa. An trụ mười ba lực, vượt khỏi các hữu tình, ví như sư tử chúa, vượt xa các cầm thú. Hàng phục mười ba oán, lìa đoạn, thường, biên chấp. Tâm chẳng có nhiễm trước, mau chứng Đại Bồ Đề).*

Đại Từ Đại Giác Trụ Luân là gì? Giống như trong phần trước, Từ cũng có hai loại: Pháp duyên từ, và hữu tình duyên từ. Một đằng là xét theo người, một đằng là xét theo pháp. Xét theo pháp để nói, Từ là đại từ, là đại giác trụ. Nếu nói theo tình, thì chẳng gọi là đại từ, chẳng phải là đại giác trụ. Vì sao phải nói như vậy? “Sở dĩ giả hà?” (Vì có sao vậy?): [Câu này] mang ý nghĩa gạn hỏi. Tiếp đó liền nói: “Hữu tình duyên từ” là “chư Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng”, [nghĩa là lòng Từ] tương đương với họ. Vì sao? Do Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa vì lợi lạc chính mình, chẳng phải vì hữu tình. Họ tinh tấn tu tập, chẳng phải là duyên theo hết thấy hữu tình mà tu tâm đại từ bi. Họ vì tịch tĩnh, vì Niết Bàn của chính mình, vì diệt trừ Hoặc nghiệp và đoạn trừ Kết Sử của chính mình. Kết Sử Hoặc rất khó đoạn! Kết Sử khiến cho quý vị phiền não, khiến cho quý vị đọa lạc, vì cái nghiệp đã kết thành, sẽ chẳng thể giải thoát được! Thanh Văn, Duyên Giác Thừa chỉ mong diệt Kết Sử của chính mình, chẳng phải vì hữu tình mà siêng rông tu tập. Họ là hữu tình duyên từ. Chúng tôi lại nói đơn giản, Thanh Văn, Duyên Giác Thừa chẳng đẹp khổ cho chúng sanh. Ngay như tôn giả Mục Kiền Liên vì cứu mẹ mới đến địa ngục đưa cơm cho mẹ. Ngài trọn chẳng phát đại tâm đưa cơm cho hết thấy chúng sanh trong địa ngục. Tâm lượng của Ngài quá nhỏ, chỉ vì chính mình, chẳng có tâm đại từ bi. Thanh Văn Thừa chẳng thể đại từ, đại bi, chẳng thể vì hết thấy hữu tình mà siêng rông tu tập. Lòng từ ái của họ là tình kiến hữu ái. Ái là vô minh, lòng Từ kiêu ấy “bất danh đại từ” (chẳng gọi là đại từ).

“*Pháp duyên từ*” có hình trạng như thế nào? “*Bất cộng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, duy chư Bồ Tát Ma Ha Tát sở năng tu hành*” (Chẳng chung với Thanh Văn và Độc Giác Thừa, chỉ các vị Bồ Tát Ma Ha Tát là có thể tu hành): Đây là pháp tu hành của bậc đại Bồ Tát. Các Ngài tu hành như thế nào? Các Ngài vì lợi lạc trọn khắp “*nhất thiết hữu tình, lợi lạc nhất thiết hữu tình, tinh cần tu tập*” (hết thảy hữu tình, do lợi lạc hết thảy hữu tình mà siêng rông tu tập), chẳng vì chính mình. Đó gọi là Pháp Duyên Từ. Ngài duyên theo Pháp Thân, chữ Pháp [trong Pháp Duyên Từ] cũng có thể hiểu là Pháp Thân, vì có cùng một Thể với Pháp Thân. Ta và chúng sanh như nhau, do có cùng một Thể, ta phải độ họ. Chính mình cũng được bao gồm trong ấy. Đó là Pháp Duyên Từ. Chưa hề nghĩ tới chính mình, vì muốn lợi ích chúng sanh, khiến cho hết thảy chúng sanh đạt được tịch tĩnh, đắc Định rốt ráo, đạt được Niết Bàn, diệt hết thảy khúc mắc phiền não cho chúng sanh, tháo gút cho chúng sanh. Như trong kinh Lăng Nghiêm đã nói “*giải lục kết, việt tam không*” (tháo gỡ sáu cái gút thắt, vượt khỏi ba thứ không). Lục Kết chính là Lục Căn, tức là phiền não do Lục Căn đối ứng Lục Trần đều được tháo gỡ, quý vị bèn đạt tới cảnh giới Chân Không. Cảnh giới Chân Không bao gồm Nhị Thừa Không, Bồ Tát Không, Cứu Cánh Không, và Tất Cánh Không. Quý vị đạt tới địa vị rốt ráo ấy, diệt phiền não kết cho chúng sanh, siêng rông tu tập pháp Pháp Duyên Từ này. Đó gọi là đại từ, dẹp trừ hết thảy đau khổ cho chúng sanh.

Tam giới thuộc về sanh tử. “*Thử thế*” là đời này, “*tha thế*” là đời vị lai. Lòng đại từ bi của vị Bồ Tát ấy, bất luận là vị lai hay hiện tại, ba đời bình đẳng, tam giới bình đẳng, hết thảy các pháp là bình đẳng, chẳng có bờ này, mà cũng chẳng có bờ kia. Hễ có bờ này là sanh tử, thì bờ kia là Niết Bàn. Vì ưa thích Niết Bàn mà đoạn dứt sanh tử, vượt thoát biển khổ sanh tử. Phát tâm kiêu ấy không lớn. Sau khi đã diệt hết thảy các pháp, thì mới có thể kiến lập hết thảy các pháp. Đã không còn hết thảy các pháp rồi thì mới có thể bất không. Nếu nay chúng ta bất không, sẽ là chấp trước. Sau khi đã không, lại quay về, lại độ chúng sanh. Độ chúng sanh mà chẳng thấy tướng chúng sanh. Quý vị nghĩ chuyện này rất đơn giản, nhưng chúng ta chẳng chuyên được! Nếu chuyên được thì quá tốt, chúng ta đều thành Phật cả rồi, chuyện là như thế đó! Thoạt nhìn rất đơn giản! Phiền não và Bồ Đề, sanh tử và Niết Bàn, cỏ nhân hình dung, phiền não là lòng bàn tay, Bồ Đề là lưng bàn tay, chỉ là một bàn tay mà thôi, chẳng có chi khác! Quý vị thấu hiểu, sẽ chứng đắc. Chẳng hiểu rõ, sẽ bị làm lạc. Đến khi nào mới có thể hiểu rõ? Tùy thuộc sự tu tập của

mỗi người. Có đặc, có bất đặc, có đặc thì nhất định có bất đặc. Chẳng dựa theo đó mà khởi tâm đại từ bi, Pháp Duyên Từ là bình đẳng. Do vậy, chẳng nương theo đó mà đẩy lên tâm từ bi của ta. Đó gọi là Pháp Duyên Từ.

“*Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết*” (Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng), chúng ta đọc bài kệ này một lượt. “*Thanh Văn cập Độc Giác, tu hữu tình duyên từ, tâm đởi thập tam quá*” (Thanh Văn và Độc Giác, tu hữu tình duyên từ, tâm mang mười ba lỗi): Nếu tu hữu duyên từ, sẽ có mười ba món làm lỗi, vì chỉ cầu lợi lạc cho riêng mình, cầu lợi lạc cho chính mình. “*Bồ Tát đại danh xưng, phổ vị chư hữu tình, tu bất cộng đại từ*” (Bồ Tát thanh danh lớn, vì khắp các hữu tình, tu bất cộng đại từ): [Lòng từ ấy] chẳng cùng chung với Thanh Văn, Duyên Giác. “*Tâm ly thập tam quá*” (Tâm lìa mười ba lỗi): Chẳng có mười ba lỗi! “*Tâm trừ thập tam cấu, vị thú đại Bồ Đề, tu pháp duyên đại từ, thành phước điền phi viễn*” (Tâm trừ mười ba cấu, tiến nhập đại Bồ Đề, tu pháp duyên đại từ, thành phước điền chẳng xa): Nhất định sẽ thành phước điền rốt ráo, thành Phật chẳng xa, nhưng “*mười ba cấu*” rất khó trừ. “*An trụ thập tam lực, xuất quá chư hữu tình, do như sư tử vương, siêu thắng chư cầm thú*” (An trụ mười ba lực, vượt hơn các hữu tình, ví như sư tử chúa, vượt hẳn các cầm thú). Giống như sư tử vương, sư tử là vua các loài thú. “*Hàng phục thập tam oán, ly đoạn thường biên chấp*” (Hàng phục mười ba oán, lìa chấp đoạn và thường): Mười ba oán do các kiến chấp Đoạn và Thường sanh ra. Như vậy thì “*tâm vô hữu nhiễm trược, tốc chứng đại Bồ Đề*” (tâm chẳng có đắm nhiễm, ô trược, mau chứng đại Bồ Đề): Hàng Nhị Thừa Thanh Văn và Độc Giác tu từ bi là hữu duyên từ bi, có thể thoát ly “mười ba lỗi”. Mười ba lỗi thì trong quyển chín mươi chín của Du Già Sư Địa Luận, có nói mười lăm lỗi. Từ mười lăm lỗi ấy, chúng ta có thể ghép lại một hai điều [để hiểu mười ba lỗi]. Trước hết, chúng ta đọc mười lăm lỗi một lượt.

“*Nhất giả, tứ trùng quá thất*” (Một là bốn tầng làm lỗi), “*nhị giả, mãnh lực Thiên quá thất*” (hai là lỗi làm trong khi tu Thiên, dùng sức quá mạnh), “*tam giả, quĩ pháp bất túc hỷ quá thất*” (ba là lỗi làm thiếu sót, chẳng đủ hỷ), “*tứ giả, tha sở cơ quá thất*” (bốn là lỗi làm do bị người khác ràng buộc), “*ngũ giả, vô chánh tín bối linh bất tín*” (năm là khiến cho kẻ chẳng có chánh tín trái nghịch chẳng tin), “*lục giả, hữu chánh tín giả linh kỳ biến dị quá thất*” (sáu là lỗi làm khiến cho người có chánh tín đổi khác), hai điều năm và sáu có thể ghép thành một, tức là

khiến cho người có chánh tín chẳng thể tăng trưởng tín tâm, ngược lại khiến cho tín tâm của họ thoái chuyển. Đây là một thứ lỗi lầm. Quý vị làm các sự nghiệp, lòng từ bi của quý vị vốn là tốt đẹp, nhưng do người khác châm chọc quý vị, thậm chí còn có đồng đạo trách cứ quý vị. Quý vị vốn phát xuất từ tâm bi, người khác cho là quý vị còn có mục đích khác. Đó là một lỗi lầm. “*Đa tài bảo, đa chư sự nghiệp quá thất*” (Lỗi lầm do có lắm của cải, lắm sự nghiệp): Của cải quá nhiều, sẽ phạm tội. Sự nghiệp quá nhiều, cũng chẳng thể được. “*Nhiễm trước quá thất*” (Lỗi lầm đắm nhiễm), “*não tha quá thất*” (lỗi lầm não loạn người khác), “*phát khởi tật bệnh quá thất*” (lỗi lầm phát khởi tật bệnh), đây là điều chúng ta chẳng thể tránh được. Ai cũng chẳng muốn bị bệnh, nhưng quý vị nãy sanh bệnh tật. Vì sao chúng ta nãy sanh bệnh tật? Bệnh từ miệng vào, ăn quá nhiều! Ăn ít hơn thì được rồi. Loại bệnh này rất nhiều. “*Chướng vãng thiện thú quá thất*” (Lỗi lầm do chướng ngại tiến vào đường lành): Đôi khi chúng ta có cảm giác dường như Phật, Bồ Tát ở ngay trước mắt, trong tâm có lúc dụng công tương ứng, cảm thấy dường như Phật, Bồ Tát rất gần mình, trong tâm sanh khởi đại hoan hỷ. Có đôi khi quý vị dụng công, dụng công mười năm hay tám năm, dường như cách xa Phật, Bồ Tát vô biên. Niệm kinh cũng thế, trì chú cũng thế, dường như Phật, Bồ Tát chẳng gia trì, chính mình càng niệm càng mơ hồ. Đây là lỗi lầm chướng ngại quý vị tiến vào đường lành.

Có một lỗi lầm là đối với kẻ chẳng nên che chở, lại ngược ngạo che chở. Đạo lý này chỉ sợ ai cũng có, phải tránh hiềm nghi. Kẻ đáng nên che chở bèn che chở, kẻ không nên che chở sẽ chẳng che chở. Chúng tôi nêu thí dụ, Phật độ hết thầy chúng sanh, Bồ Tát độ hết thầy chúng sanh. Chúng sanh ấy do ác tâm mà tới, quý vị nói xem, chúng ta phải nên che chở hẩn, hay là chẳng nên che chở? Hẩn sanh khởi ác tâm, chẳng cầu pháp, quý vị có thần thông thì có thể biết. Chẳng có thần thông, quý vị làm sao biết được? Kẻ đó hai lòng, hoặc là muốn thử quý vị, hoặc muốn khảo đảo quý vị. Nếu quý vị làm chuyện lợi ích chúng sanh, phải nên làm như thế nào? Chẳng hạn như có chúng sanh hỏi: “Lão pháp sư, thầy tu hành bằng cách nào? Niệm kinh gì vậy?” Chuyện này có liên quan gì đến hẩn? Biết những chuyện đó để làm gì? Vị pháp sư ấy chắc là sẽ nãy sanh nghi vấn: “Quý vị hỏi tôi chuyện này để làm gì? Quý vị muốn trắc nghiệm công phu của tôi à?” Nhưng có nên che chở kẻ đó hay không? Tùy thuộc quý vị có trí huệ hay không? Có trí huệ thì sẽ chẳng che chở hẩn, sẽ giải thích cho hẩn đôi chút: “Chuyện này chẳng liên quan gì đến quý vị! Tôi tu, quý vị chẳng thấy tu thành công. Tôi tu,

quý vị tu chẳng thấy linh nghiệm, cũng chẳng có nghĩa là [quý vị thấy tôi tu tập pháp môn nào] quý vị hãy nên tu theo! Có những thứ là ‘thông’, ‘thông’ hiểu theo nghĩa ‘cùng chung, phổ cập’, [tức là những pháp mà] tôi tu, quý vị cũng có thể tu, [đó là Thông]. Nhưng có những pháp tôi tu mà quý vị không thể tu”. Giải thích rõ ràng cho kẻ đó là được rồi. Có các làm lỗi ấy, nếu khi quý vị muốn tạo lợi ích cho chúng sanh, sẽ phạm rất nhiều khuyết điểm. Chớ nên y chỉ mà lại làm y chỉ cho kẻ đó, đáng nên làm y chỉ mà quý vị lại ngược ngạo chẳng y chỉ; đó đều là làm lỗi. Đáng nên cung kính mà chẳng cung kính; chẳng nên cung kính mà quý vị lại ngược ngạo cung kính. Đây cũng là chẳng chánh xác.

Đối với “*mười ba lỗi*”, trong Du Già Sư Địa Luận nói “*mười lăm loại lỗi*”, [chẳng hạn như] đáng nên làm kho tàng mà chẳng làm kho tàng; chẳng đáng nên làm kho tàng, mà làm kho tàng. Đáng nên tu tập, mà quý vị chẳng tu tập. Chẳng đáng nên học tập, mà lại học tập. Có thể không cần giải thích hai loại này. Đây là mười ba lỗi. Do vậy, nếu quý vị phạm các sai lầm ấy, sẽ chẳng thể đạt tới đại từ đại bi. Đại từ đại bi thì phải nên như thế nào? Đối với hết thảy chúng sanh, chẳng vứt bỏ, chẳng có các lỗi lầm ấy. Nói cách khác, hễ có mười ba thứ ấy, thì là tu hữu duyên từ. Các lỗi lầm ấy sẽ sanh ra gì? Vì cầu lợi lạc cho chính mình, chỉ nghĩ lợi lạc cho chính mình, chẳng lợi ích người khác. Bồ Tát thì ngược lại. Bồ Tát có thanh danh to lớn, Ngài lợi ích trọn khắp hết thảy chúng sanh. Ngài tu bất cộng đại từ. “*Bất cộng*” là chẳng cùng chung với Thanh Văn, Duyên Giác (tức là Thanh Văn và Duyên Giác không thể có các phẩm đức ấy), nhưng cùng chung với hết thảy những người phát Bồ Đề tâm. Như vậy thì tu môn này (Đại Từ Đại Giáp Trụ Luân), sẽ chẳng có các lỗi lầm ấy, “*tâm trừ thập tam cấu*” (tâm trừ mười ba món cấu). Đối với “*mười ba cấu*”, trong Phật Học Từ Điển có “*thập tứ cấu*”, tôi đem mười bốn cấu ghép lại, sẽ là “mười ba cấu”. [Theo Phật Học Từ Điển], mười bốn cấu là Tứ Kết, Tứ Xứ, và Lục Tôn Tài Pháp<sup>50</sup>, gộp chung lại thành mười bốn món cấu.

Tứ Kết là gì? Chính là Kết Sử. Chúng ta thường đọc thấy [kinh luận nhắc đến] Kết Sử. Mấy loại khúc mắc ấy, nếu quý vị chẳng thể tháo gỡ được, chúng sẽ khiến cho quý vị tạo tội. Mấy loại nào vậy? Chính là giết, trộm, dâm, dối trong Ngũ Giới, đó là Tứ Kết Sử. Bốn loại ấy là căn

---

<sup>50</sup> Tứ Kết là sát sanh, trộm cắp, dâm dật, nói dối. Tứ Xứ là Dục Xứ, Khuê Xứ, Bó Xứ (sợ hãi), và Si Xứ. Lục Tôn Tài Pháp là mê đắm rượu chè, cờ bạc, phóng đăng, mê kỹ nhạc, chơi với bạn ác, và giải đọa (lười nhác mà đọa lạc).

bản. Cho đến khi thành Phật, mới đoạn tuyệt ngu si. Ngu si là vô minh, [thành Phật mới] đoạn hết vô minh. Lại còn có dục (ham muốn), khuể (恚, nóng giận), bố (怖, sợ hãi), si. Trong hết thấy cảnh giới, khởi tham dục. Trong hết thấy cảnh giới, dấy lên sân hận, dấy lên khuể. Khuể có nghĩa là nảo hại, cũng là “*tăng phần*” (憎忿, chán ghét, phần nộ), oán hận. Lại còn khủng bố (恐怖, kinh hoàng, sợ hãi), đó là ngu si. Nếu chẳng phải là kẻ ngu si, người ấy sẽ chẳng có tham dục, biết hết thấy các pháp như mộng, huyền, bọt, bóng. Người ấy chẳng dấy lên tham dục, [vì biết rõ] đó là cảnh giới huyền hóa, là gạt người. Có ái thì mới có khuể, chẳng có ái sẽ không có khuể, cũng là chẳng có tình. Nếu đối với nhân loại mà nói là vô tình, thì dường như kẻ đó là động vật máu lạnh, là vô tình. Đứng chưa? Chẳng đứng! Động vật máu lạnh cũng có tình, động vật máu lạnh hoàn toàn chẳng phải là không có tình. Như loài cá là động vật máu lạnh, sống trong biển, nó có tình cảm, đối với con cái do nó sanh ra, nó bảo vệ, tức là có tình cảm!

“*Vô tình*” có nghĩa là “đối với hết thấy các pháp, đều chẳng chấp trước”. Có kẻ cho rằng Phật giáo đòi chúng ta hãy tin theo Phật giáo, sẽ vô tình, chẳng cần đến tình cảm nữa. Vợ, chồng, cha, mẹ gì cũng đều chẳng cần. Đó là lời phê bình sai lầm, Phật chẳng vô tình. Người học Phật chẳng phải là vô tình, mà là đặc biệt trọng tình. Không chỉ đối riêng với một người nào, [tức là chẳng phải] đối với cha mẹ, vợ con bèn hữu tình, chẳng có tình cảm đối với người khác. Chẳng phải vậy! Đối với hết thấy chúng sanh, người ấy đều hữu tình. “*Đa tình nãi Phật tâm*” (Nhiều tình cảm là tâm Phật), người ấy sẽ cứu độ hết thấy chúng sanh. Nhưng chữ Tình ấy được giải thích bất đồng. Người ấy có trí huệ, chẳng chấp trước, chẳng dấy lên tham luyến. Như thế thì sẽ chẳng có các khuyết điểm!

Còn có câu nhiệm, tức là kẻ thích uống rượu sẽ làm lỗi rất nhiều chuyện! Vì sao đức Phật xếp giới uống rượu vào Ngũ Giới? Tại Ấn Độ, đã phát sanh loại chuyện như thế này: Vì uống rượu, phạm tội dâm dục. Vì có sân hận, sợ bị kẻ đó tố giác, liền giết người, bỏ trốn. Chạy trốn, do chẳng có tiền, bèn trộm cắp, nói dối. Vì uống rượu, mà toàn bộ “*giết, tội, dâm, dối*” đều phạm. Trong giới kinh, có rất nhiều chuyện kiểu này. Do vậy, xếp uống rượu vào Ngũ Giới, nguyên nhân rất trọng yếu là ở chỗ này! Đặc biệt là đối với Bồ Tát, giới cấm về rượu cũng là căn bản. Bồ Tát không thể bán rượu. Tội lỗi do bán rượu còn nặng hơn tội lỗi uống rượu. Quý vị mê hoặc rất nhiều người, tương đương với bán thuốc độc, chuyện là như thế đó. Nhưng pháp luật quốc gia chẳng chế tài, ngược lại còn cổ vũ bán rượu. Vì sao cổ vũ? Thâu thuế, thuế rượu rất



lớn! Mặt khác là những niềm vui phóng đăng, mê luyến. Chuyện này chia thành hai loại: Mê luyến là như kỹ viện, các chỗ vui chơi. Chỗ vui chơi là nơi phóng đăng. Đối với mười bốn câu ấy, tôi ghép lại thành mười ba câu. Còn nữa, kết hợp với ác ngữ, sẽ dẫn khởi quý vị làm rất nhiều chuyện xấu, sanh ra lầm lỗi. Còn có giải đọa (懈墮), tức là giải đãi thì nhất định sẽ đọa lạc. Khi quý vị giải đãi, hãy nghĩ quý vị nhất định bị đọa lạc. Kinh Trường A Hàm dạy như thế đó.

“*Mười ba oán*” tức là “*mười một thứ sân hận*”, cộng thêm hai điều nữa, sẽ là mười ba oán. Ác nghiệp mạnh mẽ, điều gì mạnh mẽ? Khi nổi nóng, sân tâm mạnh mẽ. Khi chẳng thể khống chế lửa giận, sân tâm dấy lên, thứ gì cũng đều chẳng quan tâm; thậm chí táng gia bại sản, nước mắt nhà tan đều có thể. Nếu tâm sân hận xảy ra hết sức mạnh mẽ, hoặc là bị não loạn, hoặc bị người khác khuấy động phiền não, hoặc là ôm lòng oán hận, kẻ có oán cừu đối với ta, ta mong báo thù kẻ đó, cho đến đối với thân thể này là “*mười ba oán*”. “*Hiện tướng*” là trong sự oán hận bèn hiện tướng ác, đó là “*hiện tướng*”. “*Độc hại*” là dùng thuốc độc làm hại người khác. “*Bất đoạn*” là sân tâm chẳng thể cắt đứt, tiếp nối chẳng ngừng!

“*Thập tam lực*” (Mười ba lực): Chuyên nói về các vị Bồ Tát trong Tây Phương Tịnh Độ trọn đủ mười ba loại lực, lại còn tự lợi và lợi lạc người khác.

1) Thứ nhất là Nhân Lực: Trong quá khứ, quý vị đã có thể sanh về Tịnh Độ, tức là do sức thiện căn của đời trước.

2) Thứ hai là Duyên Lực, tức là sức dạy bảo của thiện tri thức.

3) Thứ ba là Ý Lực, tức như lý tác ý.

4) Thứ tư là Nguyên Lực, tức là sức cầu Bồ Đề, nguyện cầu Bồ Đề, phát nguyện thành quả.

5) Thứ năm là Phương Tiện Lực, hết thảy phương tiện thiện xảo để tu tự lợi, hoặc lợi ích người khác.

6) Thứ sáu là Thường Lực, tức thường nương theo Phật pháp để tu hành, sanh ra sức mạnh.

7) Thứ bảy là Thiện Lực, tức sức chánh tu thiện căn, chính là thiện nghiệp trong Thập Thiện Nghiệp.

8) Thứ tám là Định Lực, tức sức tam-muội, là tu Xa Ma Tha (Chi). Do tu Xa Ma Tha mà sanh ra sức mạnh.

9) Thứ chín là Huệ Lực. Huệ Lực là do tu huệ, do Huệ Quán thành tựu sanh ra sức mạnh.

10) Thứ mười là Đa Văn Lực. Do đa văn chánh pháp, do thường

nghe thì quý vị mới sanh khởi trí huệ. Chẳng nghe, làm sao quý vị có thể hiểu rõ cho được? Chẳng nghe, quý vị sẽ không hiểu rõ. Phải đa văn! Do nghe pháp, sẽ sanh ra chánh pháp, sẽ có một thứ sức mạnh gia trì quý vị. Do sức mạnh ấy gia trì quý vị, sẽ cảm thấy Phật ở ngay trước mắt. Hễ giải đãi, Phật chẳng còn nữa, sức mạnh ấy tiêu mất, sức mạnh ấy rất xa! Tôi nghĩ mỗi vị đạo hữu đều có cảm giác này: Trong khi quý vị lắng lòng, hoặc là niệm mười vạn tiếng, niệm một trăm vạn tiếng, cảm giác Địa Tạng Bồ Tát quả thật ở ngay trước mắt. Hoặc là niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật ở ngay trước mắt. Hễ quý vị giải đãi, sức mạnh ấy chẳng còn nữa! Có lúc rất xa, có khi rất gần, đó là sức mạnh của chính mình.

11) Thứ mười một là trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiền Định, ghép bốn thứ này lại thì mới tạo thành sức mạnh.

12) Thứ mười hai là Chánh Niệm. Chúng ta suốt ngày khởi tâm động niệm, nhất định phải có ý niệm chánh xác. Hễ khởi tâm động niệm, đều là vì lợi ích người khác, chẳng vì cầu an lạc cho chính mình. Niệm ấy chính là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng; đó đều là chánh niệm. Trong ấy bao gồm chánh quán, “*chư thông minh lục*” tức là thân thông, thành tựu chánh niệm. Chánh quán Lục Thông, tam minh lục.

13) Thứ mười ba là sức đúng pháp điều phục chúng sanh, tức sức đúng pháp điều phục chúng sanh ương ngạnh.

*(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, tòng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng, dẫn vị kỹ thân đắc lợi lạc cố, nhi tu hành bi, bất dục phổ vị nhất thiết hữu tình đắc lợi lạc cố tu hành đại bi. Bồ Tát Ma Ha Tát bất vị kỹ thân đắc lợi lạc cố tu hành bi, dẫn dục phổ vị nhất thiết hữu tình đắc lợi lạc cố tu hành đại bi. Thị cố, Bồ Tát thành tựu Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ.*

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩復有大悲大甲胃輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，

超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。所以者何？一切聲聞、獨覺乘等，但為己身得利樂故而修行悲，不欲普為一切有情得利樂故修行大悲。菩薩摩訶薩，不為己身得利樂故而修行悲，但欲普為一切有情得利樂故修行大悲。是故，菩薩成就大悲大甲冑輪，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。

*(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân. Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt xa hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Vì có sao vậy? Hết thấy Thanh Văn, Độc Giác Thừa chỉ vì bản thân được lợi lạc mà tu hành lòng Bi, chẳng muốn vì khắp hết thấy hữu tình được lợi lạc mà tu hành đại bi. Bồ Tát chẳng vì chính mình được lợi lạc mà tu hành lòng Bi, chỉ muốn vì khắp hết thấy hữu tình được lợi lạc mà tu hành đại bi. Do vậy, Bồ Tát thành tựu Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân, vượt hơn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ).*

Hàng Nhị Thừa tu bi tâm là vì chính mình có lợi, chỉ vì chính mình đạt được lợi ích mà tu hành lòng Bi như vậy. Do đó, bi tâm chẳng trọn khắp. Chúng ta thường nói “*thương xót người khác*”, hoặc đối với sự việc, hoặc đối với người nào đó mà hành đại bi, chẳng muốn vì trọn khắp hết thấy hữu tình được lợi ích mà tu hành đại bi. Chỉ vì chính mình cầu yên vui, chẳng vì chúng sanh được lìa khổ, như thế thì sẽ chẳng thể lợi ích trọn khắp hết thấy chúng sanh. Thực hành đại bi như thế, khi người ấy tu pháp, nơi dụng tâm sẽ có hai loại bất đồng. Vì vậy, chúng ta làm một chuyện chi đó, phải khéo dụng tâm. Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta khéo dùng cái tâm, tùy thuộc quý vị quán chiếu như thế nào? Chuyện giống nhau, quý vị dùng một đồng để cúng dường bồ thí, [thế mà] công đức vô lượng vô biên; kẻ khác dùng một vạn đồng để bồ thí cúng dường, công đức bé tí tẹo! Nguyên nhân gì vậy? Dụng tâm bất đồng! Phải khéo

dùng cái tâm, tùy thuộc quý vị thấy như thế nào, làm như thế nào?

Mỗi việc đều có hai loại tướng mạo: Quý vị làm đúng, công đức vô lượng; làm trái nghịch, lỗi hại cũng vô biên! Ta thường cho rằng giết người, phóng hỏa, là tội ác, nhưng Bồ Tát có lúc vì muốn lợi ích đa số chúng sanh, đối với kẻ nào hại chúng sanh ấy, Ngài chẳng ngăn trở được, sẽ có thể giết phăng kẻ ấy, hoặc là nổi lửa thiêu chết hẳn. Chỉ vì lợi ích nhiều chúng sanh, Bồ Tát chẳng sợ khổ. Đối với chúng sanh ấy, Bồ Tát vẫn phải nợ mạng của hẳn; về sau còn phải hóa độ hẳn. Bất luận thuận hay nghịch, Bồ Tát đều là tâm đại bi, vì điểm xuất phát của Ngài là đại bi tâm, cho nên là lòng đại bi. Chỉ cần không vì chính mình mà cầu an lạc, khiến cho chúng sanh lìa khổ; Bồ Tát thành tựu Đại Bi Đại Giác Trụ Luân như thế, liền vượt xa hết thầy Thanh Văn, Độc Giác, khắp vì hết thầy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn cho họ. Họ có thể cầu phước báo từ nơi Bồ Tát.

*(Kinh) “Thị Bồ Tát Ma Ha Tát phổ vị nhiều ích chư hữu tình cố, hành Tứ Nhiếp Sự nhi thành thực chi, vị do đại bi phổ vị lợi lạc chư hữu tình cố, hành Bồ Thí Nhiếp, năng xả nhất thiết thân bảo tài vật, cầm thú, bộc sử, quốc thành, thê tử, nãi chí thân mạng, vô sở lận tích. Hành vô sở đắc vị phương tiện cố, bất kiến nhất thiết sở hóa hữu tình, bất kiến thí giả, bất kiến thọ giả, bất kiến thí vật, bất kiến thí hạnh, bất kiến thí hạnh sở đắc quả báo, nãi chí bất kiến vô sở đắc hạnh. Như thị đại bi, phổ vị lợi lạc chư hữu tình cố, hành Ái Ngữ Nhiếp, hành Lợi Hành Nhiếp, hành Đồng Sự Nhiếp, tùy kỳ sở ưng, như thượng quảng thuyết, nãi chí bất kiến vô sở đắc hành. Thị Bồ Tát Ma Ha Tát thường dĩ tối thắng năng điều phục tâm, năng tịch tĩnh tâm, vô số lượng tâm, bất hành nhất thiết Uẩn, Xứ, Giới tâm, sở sanh vô động, vô trụ, Đại Bi Đại Giác Trụ Luân, thành thực nhất thiết sở hóa hữu tình, tâm vô yếm quỵện. Như thị danh vị Bồ Tát Đại Bi Đại Giác Trụ Luân, bất cộng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác. Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành thử Đại Bi Đại Giác Trụ Luân, từng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, đắc danh Bồ Tát Ma Ha Tát dã, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền. Nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ”. Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: “Thậm thâm vi diệu pháp, sở thành chi đại bi, nan trắc loại hư không, vô sắc, vô an trụ. Bồ Tát đại tinh tấn, cụ đồ-đa công đức, thắng trí thành đại bi,*

*dũng kiện siêu chư thế. Vô y hỗ hữu tình, sanh tử khổ uế phược, đại bi thủy mộc dục, linh giải thoát chúng khổ. Bồ Tát hành đại bi, năng kiệt sanh tử hải, phi chư Thanh Văn chúng, cập Độc Giác sở hành. Chúng sanh tham, khuyển, si, mê mậu đọa ác thú, trạc dĩ đại bi thủy, thoát khổ đắc tiêu nhiên”.*

(經)是菩薩摩訶薩普為饒益諸有情故，行四攝事而成熟之，謂由大悲普為利樂諸有情故，行佈施攝，能舍一切珍寶財物、禽獸、僕使、國城、妻子乃至身命，無所吝惜。行無所得為方便故，不見一切所化有情，不見施者，不見受者，不見施物，不見施行，不見施行所得果報，乃至不見無所得行。如是大悲，普為利樂諸有情故，行愛語攝，行利行攝，行同事攝，隨其所應，如上廣說，乃至不見無所得行。是菩薩摩訶薩常以最勝能調伏心、能寂靜心、無數量心、不行一切蘊處界心，所生無動無住大悲大甲冑輪，成熟一切所化有情，心無厭倦。如是名為菩薩大悲大甲冑輪，不共一切聲聞、獨覺。善男子！若菩薩摩訶薩成此大悲大甲冑輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，得名菩薩摩訶薩也，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田。一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護」。爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「甚深微妙法，所成之大悲，難測類虛空，無色無安住。菩薩大精進，具杜多功德，勝智成大悲，勇健超諸世。無依怙有情，生死苦穢縛，大悲水沐浴，令解脫眾苦。菩薩行大悲，能竭生死海，非諸聲聞眾，及獨覺所行。眾生貪恚癡，迷謬墮惡趣，濯以大悲水，脫苦得蕭然。

(*Kinh*: “*Vị Bồ Tát Ma Ha Tát áy vì lợi ích trọn khắp các hữu tình mà hành Tứ Nhiếp Sự để thành thực họ, tức là do đại bi lợi lạc trọn khắp các hữu tình, nên hành Bồ Thí Nhiếp, có thể xả hết thầy tài vật quý báu, cảm thú, tôi tớ, quốc thành, thê tử, vợ con, cho đến thân mạng chẳng hề tiếc nuối. Do hành “không có gì đạt được” để làm phương tiện, chẳng thấy hết thầy hữu tình được hóa độ, chẳng thấy người thí, chẳng thấy người nhận, chẳng thấy vật được thí, chẳng thấy hạnh bố thí, chẳng thấy*

quả báo đạt được do bố thí, cho đến chẳng thấy hạnh “không có gì để đạt được”. Đại bi như thế vì lợi lạc trọn khắp các hữu tình mà hành Ái Ngữ Nhiếp, hành Lợi Hành Nhiếp, hành Đồng Sự Nhiếp, tùy theo lẽ đáng nên, như trong phần trước đã rộng nói, cho đến chẳng thấy hạnh “không có gì để đạt được”. Vị Bồ Tát ấy thường dùng cái tâm có thể điều phục tối thắng, tâm có thể tịch tĩnh, tâm chẳng có số lượng, tâm chẳng hành hết thấy Uẩn, Xứ, Giới, sanh ra Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân chẳng động, chẳng trụ, thành thực hết thấy hữu tình được hóa độ mà tâm chẳng chán mệt. Như thế gọi là Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân của Bồ Tát, chẳng cùng chung với hết thấy Thanh Văn, Độc Giác. Nay thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân này, từ sơ phát tâm, hết thấy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, được gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, vượt hẳn hết thấy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thấy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước to lớn. Hết thấy hàng Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - Pháp vi diệu rất sâu, thành tựu lòng đại bi, khó lường dường hư không, vô sắc, chẳng an trụ. Bồ Tát đại tinh tấn, trọn công đức đầu-đà, thắng trí thành đại bi, mạnh mẽ vượt thế gian. Hữu tình không nương tựa, sanh tử khổ dơ, trôi. Nước đại bi tắm gội, khiến giải thoát các khổ. Bồ Tát hành đại bi, cạn khô biển sanh tử. Các Thanh Văn, Độc Giác, chẳng thể hành hạnh này. Chúng sanh tham, giận, si, mê lầm đọa nẻo ác, nước đại bi gội rửa, thoát khổ, được an nhiên).

Bồ Tát vì lợi ích các hữu tình, bèn hành Tứ Nhiếp Pháp, khiến cho các chúng sanh và các hữu tình đã thành thực đều được thành tựu, lìa khổ, được vui. “*Vị do đại bi phổ vị lợi lạc chư hữu tình cố, hành Bố Thí Nhiếp*” (Tức là do đại bi lợi lạc trọn khắp các hữu tình mà hành Bố Thí Nhiếp): Bố thí là xả vật chất, hoặc là nội thí, ngoại thí, hoặc xả thân thể, vì làm cho những người khác được lợi ích. Có thể xả các vật chất gì? Hết thấy “*trần bảo, tài vật, cầm thú, bộc sử*” (vật quý, tài vật, chim thú, tôi tớ): “*Cầm thú*” [ở đây] là nói tới những con vật quý vị yêu thích, như vẹt, bát ca (nhông), đều là những con vật được ưa thích nhất. Đó là hàng tại gia Bồ Tát. Cầm thú, người hầu, đầy tớ, cho đến quốc gia, quốc thành, vợ con của chính mình đều có thể xả. Thậm chí tự thân “*vô sở lận tích*” (chẳng hề keo tiếc), chẳng tiếc rẻ. “*Tiếc rẻ*” nghĩa là không xả được. Đối với bất cứ sự vật nào nơi bản thân hay ngoài thân, cho đến tất cả hết thấy, Ngài đều có thể xả; nhưng khi xả, Ngài chẳng cầu quả. Do

vậy, chẳng có người nhận, chẳng có kẻ thí, cho đến chẳng thấy quả báo đạt được do bố thí. Ta xả như vậy, trong tương lai sẽ đạt được quả báo gì? Chẳng có quả báo, chẳng chấp trước quả báo, chẳng tham cầu quả báo, xả như thế đó. Ở đây, có một vấn đề: Thời đức Phật thuyết pháp, vợ con thuộc quyền sở hữu của chính mình, giống như một phần tài sản. Nhưng hiện thời, chú trọng bình đẳng, cô ta có tự do, có quyền lợi của chính mình, ta xả cô ta cho ai? Chẳng thể được! Hiện thời chẳng thể được! Vợ muốn thí xả chồng, cũng chẳng thể. Quý vị nói: “Tôi đem chồng thí xả cho ông để dùng anh ta làm nô lệ”. Chồng sẽ chẳng nghe lời quý vị. Đây là nói theo tình hình xã hội trong quá khứ.

Vị ấy xả thân thể hay tài vật của chính mình, đó là một phần của chính mình, có thể xả bất cứ lúc nào. Hiện thời, xả quốc thành, thê tử, có người hỏi: “Tôi làm quốc vương, tôi tính xả”. Quý vị mong xả, các đại thần của quý vị có đồng ý hay không? Quý vị buông xả, chánh phủ chẳng đồng ý. Hiện thời, Tổng Thống nói: “Tôi xả!” Quý vị buông xả ngôi vị Tổng Thống, hai viện Tham Chủng (Thượng Viện và Hạ Viện Quốc Hội) vẫn chưa thông qua, quý vị chẳng xả được! Vấn đề này nhìn theo một phương diện khác, nói theo nội tâm. Khi Bồ Tát hành đạo, trong tâm Ngài nghĩ như thế này: “Phàm những gì tâm ta tham ái, đối với bất luận thứ gì đều chẳng tham, chẳng ái. Hết thấy đều có thể xả, cũng chẳng keo kiệt gì!” Đó gọi là phương tiện thiện xảo; nhưng lúc xả, hoàn toàn chẳng thấy ta là người có thể xả, cũng chẳng thấy có người nhận bố thí. Hễ còn có vật phẩm do ta thí, hễ còn có [ý niệm] “ta hành bố thí là do hành đại bi tâm, hành Bồ Tát đạo. Sau khi ta đã thí, trong vị lai đạt được quả báo gì”; nếu suy xét, bận tâm những điều đó, thì cũng chẳng thành bậc đại bi Bồ Tát.

Khiến cho lòng đại bi như thế, “*phổ vị lợi lạc chư hữu tình cố, hành Ái Ngữ Nhiếp*” (vì lợi lạc trọn khắp các hữu tình mà hành Ái Ngữ Nhiếp). Mọi người đều biết Ái Ngữ (愛語) là nói lời êm tai, đừng nói những lời khiến cho kẻ khác phiền não. Trung Hoa có câu cách ngôn: “*Thuận tình thuyết hảo thoại*” (順情說好話), nghĩa là thuận theo tình cảm của người ta mà nói lời tốt đẹp, sẽ khiến cho người ta vui mừng. “*Ác ngữ thảo nhân hiềm*” (惡語討人嫌), nghĩa là quý vị nói lời trái khoáy với người khác, người ta nghe rồi chán ghét quý vị, chẳng muốn tiếp xúc quý vị, rất ít nói chuyện với quý vị. Phải chú ý điều này, phải khiến cho người khác hoan hỷ, nhưng quý vị cũng chớ nên trái nghịch ý Tam Bảo. Nói lời ái ngữ, nhất định phải chứa đựng tâm xuất ly. Chẳng hạn như nói về mối quan hệ giữa hai giới tánh, quý vị nói lời dễ nghe, khiến cho họ

hoan hỷ: “Tôi có thể giúp anh kiếm được bạn gái, tôi giúp chị kiếm bạn trai”. Nói như vậy là không được, ngay khi ấy, quý vị đã phạm giới. Do đó, trong dâm giới có rất nhiều vấn đề [quý vị phải hết sức chú ý]. Nếu giảng giải theo từng giới điều, quý vị sẽ [nhận thấy chính mình] đã vô ý phạm rất nhiều. Chẳng qua [những điều đã phạm] chẳng phải là căn bản! Vì sao sau khi xuất gia phải học giới năm năm? Vì nếu chẳng học, quý vị chẳng biết, sẽ tùy ý nhất cử, nhất động đều phạm giới.

Còn có chuyện làm lợi ích người khác bằng Đồng Sự và Lợi Hành, làm chuyện hữu ích cho người khác, nhiếp thọ người khác như vậy. Quý vị giúp người ta làm việc, đương nhiên là người ta hoan hỷ. Quý vị lại chẳng đòi trả công, giúp đỡ người khác mà chẳng mong cầu gì, ai nấy đều cao hứng. Nhưng quý vị tùy ý làm, cũng là do cái tâm đại bi của quý vị lưu lộ, hoặc là trong khi người khác hành động chẳng thuận tiện, quý vị nâng đỡ họ, hoặc khi họ vác nặng, vác chẳng nổi, quý vị giúp đỡ họ đôi chút. Những chuyện ấy đều gọi là Lợi Hành, phải làm chuyện có lợi cho người khác.

*“Tùy kỳ sở ưng, như thượng quảng thuyết, nữ chí bất kiến vô sở đắc hạnh. Thị Bồ Tát Ma Ha Tát, thường dĩ tối thắng, năng điều phục tâm, năng tịch tĩnh tâm, vô số lượng tâm, bất hành nhất thiết Uẩn, Xứ, Giới tâm, sở sanh vô động vô trụ Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân”* (Tùy theo lẽ đáng nên, như đã nói rộng trong phần trên, cho đến chẳng thấy có hạnh để đạt được gì. Vị Bồ Tát Ma Ha ấy Tát thường dùng cái tâm tối thắng, có thể điều phục, tâm có thể tịch tĩnh, tâm chẳng có số lượng, tâm chẳng hành hết thấy Uẩn, Xứ, Giới, sanh khởi vô động vô trụ Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân): Đây là Ngài quán tưởng. Bồ Tát Ma Ha Tát có thể điều phục cái tâm của chính mình, chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, chẳng ở trong hết thấy tướng cảnh giới mà sanh tâm. Sanh tâm gì vậy? *“Vô trước tâm”* (Tâm không chấp trước), *“vô động tâm”*, *“năng tịch tĩnh tâm”* (tâm có thể tịch tĩnh). *“Chẳng có số lượng”* có nghĩa là chẳng tính toán, so đo. Chẳng hành hết thấy Ngũ Uẩn, mười hai Xứ, mười tám Giới, thứ gì cũng đều chẳng có! Hết thấy Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, bao gồm cả Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Ty Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, và Ý Thức. Đó gọi là mười tám giới. Mọi người hãy ngẫm xem, lia khỏi những thứ ấy thì còn có gì? Thứ gì cũng đều không có. Cái được sanh ra là gì? Đó chính là Đại Bi Đại Giáp Trụ Luân. Đây là *“ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”* (hãy nên không trụ vào đâu mà sanh tâm). Tâm đại bi sanh ra như thế đó. Kinh Kim Cang dạy: *“Bất trụ Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp sanh tâm,*



*ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (Chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp mà sanh tâm, hãy nên không trụ vào đâu mà sanh tâm). Cái tâm ấy gọi là tâm gì? Vô tâm! “*Đạo nhân vô tâm*” chính là thành tựu rốt ráo.

“*Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Thâm thâm vi diệu pháp, sở thành chi đại bi*” (Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: “Pháp vi diệu rất sâu, thành tựu tâm đại bi”). “*Pháp vi diệu rất sâu*” là gì? Chính là đại bi luân, đó là pháp vi diệu rất sâu. Thế nào là đạt tới cảnh giới rất sâu? Chẳng có người bố thí, mà cũng chẳng có vật được thí, cũng chẳng người nhận thí, cũng chẳng có pháp để thực hiện bố thí, hết thảy đều là Không. Cái Không ấy là Chân Không. Trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, Thật Tướng là Chân Như, là cái Không như thế đó, nhưng chẳng phải là rỗng tuếch, ta có thể chẳng làm ư? Bồ Tát thường hành đại bi bố thí như thế đó, nhưng thường luôn là Không như thế đó. “*Nan trắc loại hư không*” (Khó dò lường giống như hư không): Đạo lý này nếu chỉ dùng suy đoán, sẽ chẳng thể dò lường được! Ai có thể dò lường bờ mé của hư không? Đo lường hư không, [sẽ nhận biết] chẳng có cách nào trắc lượng. “*Vô sắc, vô an trụ*”: Không có hình sắc để có thể đạt được, cũng chẳng an trụ tại nơi đó. Vô xứ sở, vô sắc tướng, quý vị làm sao dò lường được? Đó là đại tinh tấn của Bồ Tát.

“*Cụ đồ-đa công đức*” (Trọn đủ công đức đầu-đà): Hết thảy trần cấu đều đã trừ sạch rồi, công đức ấy “*thắng trí thành đại bi*” (trí huệ thù thắng trở thành đại bi): Dùng trí huệ thù thắng để thành tựu đại bi luân. “*Dũng kiện siêu chư thế*” (Mạnh mẽ vượt ngoài các thế gian): Luân ấy rất dũng mãnh. Vì sao? Là Không! Dũng mãnh cũng là Không. Những điều vừa nói trên đây đều là Không, Không mà chẳng trở ngại Hữu. Cho nên, Bồ Tát có Diệu Hữu sanh ra đại bi, lòng đại bi ấy chẳng thể nghĩ bàn. “*Vô y hỗ hữu tình*” tức là hữu tình không có nơi nương tựa, chẳng có ai chiếu cố, Bồ Tát sẽ chiếu cố họ. Ở trong “*sanh tử khổ uế phược*” (sanh tử khổ sở, như uế, trói buộc này), chịu nỗi khổ sanh tử, ô uế, bất tịnh, bị hết thảy các nghiệp trói buộc. Bồ Tát có thể dùng nước đại bi để tắm gội, tẩy rửa sạch sẽ, giải thoát hết thảy các khổ nạn.

“*Bồ Tát hành đại bi, năng kiệt sanh tử hải, phi chư Thanh Văn chúng, cập Độc Giác sở hành*” (Bồ Tát hành đại bi, khô cạn biển sanh tử, Thanh Văn và Độc Giác, chẳng thể hành pháp này): Tâm đại từ bi của Bồ Tát có thể khiến cho hết thảy chúng sanh khô cạn biển sanh tử, hàng Thanh Văn và Độc Giác chẳng thể làm được điều này. “*Chúng*

sanh tham, khuể, si” tức là tham, sân, si [của chúng sanh]. “Mê mậu đọa ác thú” (Do mê lầm mà đọa vào nẻo ác): Đọa vào ba ác đạo. “Trạc dĩ đại bi thủy, thoát khổ đắc tiêu nhiên” nghĩa là dùng nước đại bi gột rửa như thế, sẽ được thanh tịnh. Đây là đại bi luân.

*(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu năng dẫn biến mãn hư không vô lượng, vô biên quảng đại chúng cù Từ Vô Ngại Giải nhất thiết Phật pháp chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni, kiên cố Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân. Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, từng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đẳng giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ.*

(經)復次，善男子！菩薩摩訶薩復有能引徧滿虛空、無量無邊、廣大眾具、辭無礙解、一切佛法、諸三摩地、諸陀羅尼、堅固大忍大甲冑輪。若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。

*(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân kiên cố, có thể dẫn khởi vô lượng vô biên các thứ Từ Vô Ngại Giải đối với hết thảy Phật pháp, các thứ tam-ma-địa, các đà-la-ni rộng lớn trọn khắp hư không. Nếu Bồ Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thảy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt hẳn hết thảy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thảy Thanh Văn và Độc Giác làm đại phước điền, hết thảy Thanh Văn và Độc Giác đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ).*

Đây là hình dung Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân, nhưng trước đó lại có thêm hàm nghĩa nhiều ngàn ấy, các ý nghĩa ấy rất sâu, ở đây chỉ nêu danh từ mà thôi. Đó đều là chuyện tu hành của bậc Bồ Tát từ Thập Địa trở lên. Các Ngài có thể từ loại Đại Nhân này mà dẫn khởi [các pháp đó] trọn khắp hư không. Hư không vô cùng, vô tận, vô lượng, vô biên, rộng lớn, trọn đủ các thứ. Tận hư không, khắp pháp giới đều là công cù để thành Phật của quý vị. “Quảng đại chúng cù” (Trọn đủ các thứ rộng lớn), trọn đủ gì vậy? Cái nhân thành Phật. Quý vị nhất định phải thừa

nhận đạo lý này. Thừa nhận là Nhẫn, chẳng phải là nói tới Nhẫn Nhục! Nhẫn ở đây là “*tán thành, công nhận*”. Tất cả hết thảy ngôn từ, ngôn ngữ, văn tự chỉ là lời lẽ nói ra. Trong từ ngữ, bao hàm Từ Vô Ngại Giải, có nghĩa là “có thể tuyên dương hết thảy Phật pháp”. Đối với hết thảy Phật pháp, chẳng bị chướng ngại, sanh ra vô thượng diệu huệ. Như vậy thì mới có thể thừa nhận. Trụ trong tam-ma-địa là hết thảy Tĩnh Lự, hết thảy tam-muội, “*chư đà-la-ni*” là Tổng Trì, “*tổng hết thảy các pháp, trì vô lượng nghĩa*”. Loại thành tựu Đại Nhẫn Đại Giáp Trụ Luân này so với Đại Giáp Trụ Luân của hết thảy Thanh Văn, Độc Giác thì vượt hơn bọn họ, bọn họ không biết, mà cũng chẳng cầu.

Cho nên Thanh Văn, Độc Giác vừa nghe nói Phật đạo lâu dài như vậy, trong đầu họ sẽ sanh ra [ý niệm] khiếp sợ, thoái chuyển. Họ thấy độ chúng sanh khổ quá! Họ thấy chúng sanh là có thật, thấy hết thảy các pháp đều là thật sự có, quán chiếu chính mình vô ngã, tự trở thành trống không, nhưng họ chẳng thể biết chúng sanh và họ như nhau, hết thảy đều là không. Do vậy, chẳng có đại bi, mà cũng chẳng có đại nhẫn. Vì thế, Bồ Tát vừa phát tâm, đã có thể vượt xa Thanh Văn. Duyên Giác, có thể làm ruộng phước lớn cho hết thảy Thanh Văn và Độc Giác.

*(Kinh) Vân hà Bồ Tát Ma Ha Tát năng dẫn biên mãn hư không, vô lượng, vô biên quảng đại chúng cụ, Từ Vô Ngại Giải, nhất thiết Phật pháp, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni kiên cố Đại Nhẫn Đại Giáp Trụ Luân? Vị chư Bồ Tát ư nhất thiết pháp, thâm đế chiếu sát, như minh nguyệt quang biến mãn hư không. Kỳ tâm bình đẳng, vô y, vô tướng, vô trụ, vô nhiễm, phổ ư nhất thiết tam-ma-địa môn, đà-la-ni môn, tâm vô hành động. Ư chư nhĩ sắc, nhĩ thức, nhĩ xúc, ly ý nhiễm trước, tâm vô hành động. Ư nhĩ xúc duyên, sanh nội tam thọ, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc phi khổ lạc, tâm thường tịch định, vô sở thủ trước. Ư chư nhĩ thanh, nhĩ thức, nhĩ xúc, ư chư ty hương, ty thức, ty xúc, ư chư thiệt vị, thiệt thức, thiệt xúc, ư chư thân xúc, thân thức, thân xúc, ư chư ý pháp, ý thức, ý xúc, quảng thuyết diệc nhĩ. Phổ ư nhất thiết tâm ý thức trung, tâm thường tịch định, vô sở thủ trước. Ư tâm ý thức sở sanh tam thọ, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc phi khổ lạc, tâm thường tịch định, vô sở thủ trước. Phổ ư tam thể chư Uẩn, Giới, Xứ, nhất thiết phẩm loại, giai vô thủ trước, tâm vô hành động. Phổ ư nhất thiết tam giới, tam hạnh, tam xúc, tam thọ, tam căn, tam thừa, Tam Luật Nghi, Tam Giải Thoát, nhất thiết phẩm loại, kỳ tâm tịch tĩnh, vô trụ, vô tướng, vô sở thủ trước, bình đẳng nhi trụ. Phổ ư nhất thiết bố*

thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, Tĩnh Lự, Bát Nhã Ba La Mật Đa, tâm vô hành động, tịch tĩnh nhi trụ. Như thị phổ u Tứ Niệm Trụ, Tứ Chánh Đoạn, Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Đăng Giác Chi, Bát Thánh Đạo Chi, tâm vô hành động, tịch tĩnh nhi trụ. Phổ u nhất thiết Cửu Thứ Đệ Định, tâm vô hành động, tịch tĩnh nhi trụ. Hựu u tam hạnh vô chướng pháp trí đạo chi, đạo thể sở dẫn tác dụng, giai vô thủ trước, tâm vô hành động. U A Lại Da, phi A Lại Da, hữu thủ, vô thủ, hữu lậu, vô lậu, thử ngạn, bỉ ngạn, tiểu đại vô lượng, tác dữ bất tác, thiện, ác, vô ký, chư phạm loại trung, tâm vô hành động, tịch tĩnh nhi trụ. Phổ u nhất thiết đại từ, đại bi, thiện xảo phương tiện thành thực hữu tình, nãi chí Thập Địa, tam bất hộ, tứ vô sở úy, nãi chí thập bát bất cộng Phật pháp, nhất thiết phạm loại, giai vô thủ trước, tâm vô hành động, tịch tĩnh nhi trụ.

(經)云何菩薩摩訶薩能引徧滿虛空、無量無邊、廣大眾具、辭無礙解、一切佛法、諸三摩地、諸陀羅尼、堅固大忍大甲冑輪？謂諸菩薩，於一切法審諦照察，如明月光徧滿虛空。其心平等，無依無相，無住無染，普於一切三摩地門、陀羅尼門，心無行動。於諸眼色、眼識、眼觸，離意染著，心無行動。於眼觸緣，生內三受，或樂、或苦、或非苦樂，心常寂定，無所取著。於諸耳聲、耳識、耳觸，於諸鼻香、鼻識、鼻觸，於諸舌味、舌識、舌觸，於諸身觸、身識、身觸，於諸意法、意識、意觸，廣說亦爾。普於一切心意識中，心常寂定，無所取著。於心意識，所生三受，或樂、或苦、或非苦樂，心常寂定，無所取著。普於三世諸蘊、界、處，一切品類皆無取著，心無行動。普於一切三界、三行、三觸、三受、三根、三乘、三律儀、三解脫，一切品類，其心寂靜，無住無相，無所取著，平等而住。普於一切佈施、淨戒、安忍、精進、靜慮、般若波羅密多，心無行動，寂靜而住。如是普於四念住、四正斷、四神足、五根、五力、七等覺支、八聖道支，心無行動，寂靜而住。普於一切九次第定，心無行動，寂靜而住。又於三行無障法智道支，道體所引作用，皆無取著

，心無行動。於阿賴耶、非阿賴耶，有取、無取，有漏、無漏，此岸、彼岸，小大無量，作與不作，善、惡、無記，諸品類中，心無行動，寂靜而住。普於一切大慈大悲，善巧方便，成熟有情，乃至十地、三不護、四無所畏，乃至十八不共佛法，一切品類皆無取著，心無所動，寂靜而住。

*(Kinh: Thế nào là Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân kiên cố có thể dẫn khởi vô lượng vô biên trọn đủ các thứ Từ Vô Ngại Giải đối với hết thảy Phật pháp, các tam-ma-địa, các đà-la-ni rộng lớn trọn khắp hư không? Tức là các Bồ Tát đối với hết thảy các pháp, suy xét, chiếu soi kỹ càng, như quang minh của vàng trắng sáng trọn khắp hư không. Tâm Ngài bình đẳng, chẳng nương tựa, vô tướng, vô trụ, vô nhiễm, trọn khắp hết thảy các tam-ma-địa môn và đà-la-ni môn, tâm chẳng hành động. Đối với các sắc thấy bởi mắt, nhãn thức, nhãn xúc, liạ ý đắm nhiễm, tâm chẳng hành động. Đối với nhãn xúc duyên sanh ba thứ cảm thọ bên trong, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc chẳng khổ lạc, tâm thường tịch định, chẳng chấp giữ gì. Đối với các tiếng nghe bởi tai, nhĩ thức, nhĩ xúc, đối với các thứ mùi ngửi bởi mũi, tỵ thức, tỵ xúc, đối với các vị nếm bởi lưỡi, thiệt thức, thiệt xúc, đối với các sự đụng chạm nơi thân, thân thức, thân xúc, đối với các pháp tiếp nhận bởi ý, ý thức, ý xúc, nói rộng thì cũng đều như thế. Trong khắp hết thảy tâm, ý, thức, tâm thường tịch định, chẳng chấp giữ gì. Đối với ba thứ cảm thọ sanh bởi tâm, ý, thức, hoặc lạc, hoặc khô, hoặc chẳng khổ lạc, tâm thường tịch định, chẳng chấp giữ gì. Đối với khắp hết thảy các phẩm loại thuộc các Uẩn, Giới, Xứ trong ba đời, đều chẳng chấp giữ, tâm chẳng hành động. Đối với trọn khắp hết thảy tam giới, tam hạnh, tam xúc, tam thọ, tam căn, tam thừa, Tam Luật Nghi, Tam Giải Thoát, hết thảy phẩm loại, tâm Bồ Tát tịch tĩnh, vô trụ, vô tướng, chẳng chấp giữ gì, bình đẳng mà trụ. Đối với trọn khắp hết thảy bố thí, tịnh giới, an nhân, tinh tấn, Tịch Lự, Bát Nhã Ba La Mật Đa, tâm chẳng hành động, tịch tĩnh mà trụ. Đối với trọn khắp Tứ Niệm Trụ, Tứ Chánh Đoạn, Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Đăng Giác Chi, Bát Thánh Đạo Chi như thế, tâm chẳng hành động, tịch tĩnh mà trụ. Đối với trọn khắp hết thảy Cửu Thứ Đệ Định, tâm chẳng hành động, tịch tĩnh mà trụ. Lại đối với tác dụng dẫn khởi bởi tam hạnh, trí chẳng chướng ngại pháp, Đạo Chi, và đạo thể, đều chẳng chấp giữ, tâm chẳng hành động. Đối với A Lại Da, chẳng phải A Lại Da, có lấy, chẳng lấy, hữu*

*lậu, vô lậu, bờ này, bờ kia, nhỏ, lớn, vô lượng, làm và chẳng làm, thiện, ác, chẳng thiện chẳng ác, trong các phẩm loại, tâm chẳng hành động, tịch tĩnh mà trụ. Đối với trọn khắp hết thảy phương tiện đại từ, đại bi, thiện xảo thành thực hữu tình, cho đến Thập Địa, ba thứ chẳng hộ trì, bốn điều chẳng sợ hãi, cho đến mười tám pháp bất cộng trong Phật pháp, hết thảy phẩm loại đều chẳng chấp giữ, tâm chẳng hành động, tịch tĩnh mà trụ).*

“*Vị chư Bồ Tát u nhất thiết pháp, thâm đế chiếu sát*” (Tức là các vị Bồ Tát đối với hết thảy các pháp bèn suy xét, chiếu soi): Suy xét, thâm định dựa trên đế lý chân thật, quán chiếu một phen. “*Sát*” (察) là xem xét. “*Chiếu*” (照) là trí huệ chiếu soi. Trí huệ đã chiếu xong, phải tư duy, thâm sát (thâm định, suy xét) chân thật. Chiêm Sát là sau khi quý vị “*bói toán*” xong, phải thâm định, tư duy chân thật, suy xét xem [kết quả chiêm sát] có ăn khớp hay không. Chiêm Sát Luân nói như thế đó. “*Ăn khớp*” tức là có tương ứng hay không? Thâm định kỹ càng, suy xét như thế thì sẽ thành tựu Đại Giáp Trụ Luân.

Quan sát, suy xét chắc thật sẽ có hình dạng như thế nào? Giống như ánh sáng của vầng trăng rạng ngời, giống như trăng Rằm tháng Tám, lúc trời không có mây, trọn khắp hư không. Ánh sáng của vầng trăng bình đẳng, chẳng nói “ta chiếu nơi này, chẳng chiếu nơi kia”. Chẳng phân biệt kiểu đó! Giống như ánh sáng của ngọn đèn, nó có phân biệt hay không? Nó chỉ chiếu tôi, chiếu quý vị, chẳng chiếu người khác ư? Nó chẳng nghĩ kiểu đó. Người đã mở mang trí huệ, giống như ngọn đèn. Đây là dùng tỷ dụ để hiển thị đạo lý nơi pháp, tâm Bồ Tát là bình đẳng. “*Vô y*” (無依, không nương tựa), nương vào gì để sanh ra? Chẳng có! Sau khi đã sanh ra, sẽ có hình dạng như thế nào? Chẳng có!

“*Vô y, vô tướng*” thì trụ ở nơi đâu? Có xứ sở hay không? Chẳng có! “*Vô trụ*” có nghĩa là “*chẳng chấp trước*”. Hết thảy đều chẳng chấp trước. Hết thảy đều chẳng chấp trước thì mới là vô nhiễm. Chúng ta thấy quang minh, chẳng hạn như ánh sáng mặt trời, mọi người đeo kính râm. Quý vị đeo kính râm màu gì, sẽ thấy bên ngoài có màu sắc đó. Ánh sáng chẳng có màu sắc, mà là do cái tâm phân biệt của chính mình. Vì sao quý vị phân biệt? Mắt đối cảnh, mắt là Căn; sau đó, đối trước sắc bên ngoài, trong đó sẽ nảy sanh một cái thức phân biệt. Đó gọi là mười tám Giới, đó chẳng gọi là đà-la-ni; hãy hiểu ý nghĩa này. Tâm tánh bình đẳng, chẳng nương cậy, chẳng có tướng, chẳng trụ, chẳng nhiễm, trọn khắp hết thảy tam-ma-địa, đà-la-ni môn, tâm chẳng hành động. Trụ trong

địa vị tịch tĩnh, đó là Như Như. Như Như có nghĩa là “*bất động*”. Do vậy, chúng ta xưng niệm mười danh hiệu của đức Phật, có một danh hiệu là Như Lai. Như là bất động, Lai là lợi ích chúng sanh. Lợi ích chúng sanh mà hoàn toàn chẳng động đến bản thể của Ngài, cũng chẳng có tướng lợi ích chúng sanh. Đó là Như Như, đến là Như, mà đi cũng là Như. Đi lẫn đến đều là Như, chẳng có tướng đến, đi. Hàm nghĩa như thế đó.

Tiếp đó, lại nói cặn kẽ, “*ư chư nhãn sắc, nhãn thức, nhãn xúc*” [nghĩa là] đối với Sắc, trông mắt của chúng ta nhất định phải đối trước Sắc. Sắc chính là tướng cảnh giới bên ngoài. Nhãn Thức là phân biệt, Xúc là tiếp xúc. Mỗi căn đều là như thế. Khi tiếp xúc, Thức hoàn toàn chẳng phân biệt. Nêu một thí dụ, như có lúc mắt đối trước trần, khi thức chẳng chú ý, cũng là lúc tâm chúng ta chuyên chú một cảnh. Niệm Phật là để khiến cho quý vị chuyên chú một cảnh. Khi các cảnh giới khác hiện tướng, quý vị đều chẳng có cảm nhận, chẳng sanh khởi ý niệm, tức là chuyên chú nơi cảnh ấy.

Nếu cái tâm của chúng ta, nói theo ngôn ngữ thế gian, sẽ là “*tập trung cao độ*”; trong khi tư tưởng của quý vị tập trung cao độ, chuyên chú tập trung, người ta sẽ thấy quý vị ngồi tại đó mắt mở trừng trừng, người ta vào nhà quý vị, quý vị vẫn chẳng thấy. Vào nhà rồi đi một vòng, đến chỗ quý vị lấy đồ rồi bỏ đi, quý vị vẫn chẳng trông thấy, vì quý vị đã chuyên chú, nhìn mà chẳng thấy, ngó mà chẳng thấy, có ý nghĩa như thế đó. Khi chuyên chú một cảnh, khiến cho chúng ta niệm đến mức nhất tâm bất loạn, tức là đến mức hết thấy trần cảnh đều chẳng thể nhiều loạn. Quý vị chuyên chú nơi một cảnh, sẽ chú tâm vào đó, dính liền với cảnh ấy. Mắt là như thế, mà tai, mũi, lưỡi, thân cũng đều là như thế.

Phản kinh văn tiếp đó nhắc lại: Tâm chẳng bị động, nhưng mắt hề tiếp xúc với duyên bên ngoài, sẽ sanh ra Thọ (cảm nhận), bao gồm Nội Thọ, Ngoại Thọ, và Câu Thọ (具受, trong và ngoài đều cảm nhận), ba loại cảm nhận. Khi cảm nhận, hoặc là khổ, hoặc là lạc, hoặc chẳng khổ chẳng lạc, đây là ba loại [cảm nhận]. Cảm nhận khi tiếp xúc là ba loại ấy. Vì sao? Tâm Ngài thường tịch định, Ngài ở trong Định. Chẳng dấy lên ý niệm ấy, chẳng có sự phân biệt ấy, tốt cũng chẳng chấp lấy, mà xấu cũng chẳng chấp lấy. Ngài chẳng có tốt hay xấu. Tốt hay xấu là do cái tâm phân biệt của chúng ta. “*Ư chư nhĩ thanh, nhĩ thức, nhĩ xúc, ư chư ty hương, ty thức, ty xúc*” (Đối với các tiếng nghe bởi tai, nhĩ thức, nhĩ xúc, đối với mùi ngửi bởi mũi, ty thức, ty xúc), mũi ngửi thấy thơm, thối, cho

đến lưỡi, “*thiệt vị, thiệt thức, thiệt xúc*” (vị nếm bởi lưỡi, thiệt thức, thiệt xúc), cho đến “*u chư thân xúc, thân thức, thân xúc, u chư ý pháp, ý thức, ý xúc, quảng thuyết diệc nhĩ*” (đối với sự đụng chạm nơi thân, thân thức, thân xúc. Đối các pháp cảm nhận bởi ý, ý thức, ý xúc, nói rộng ra thì cũng giống như thế). Nói như thế, gộp chung thành mười tám loại. Trong Đại Trí Độ Luận, mỗi loại đều được nói, đều là trùng lặp. Vì sao phải trùng lặp như thế? Hy vọng quý vị chú ý! Lần thứ nhất, quý vị không nghe rõ ràng, lần thứ hai chẳng nghe rõ ràng, lần thứ ba, sáu căn, sáu thức, sáu trần, mười tám giới, nói mười tám lần, quý vị sẽ nhớ rõ, có ý nghĩa như thế đó! Phối ứng với lục căn, nói xong, lại lấy sáu trần đem phối ứng [với từng căn]. Đã nói xong, lại đem sáu thức phối ứng [với căn và trần]. Mười tám giới được nói mười tám lần. Sau đó, lại nói cho quý vị mười hai Xứ, mắt nhập vào Sắc, tai nhập vào Thanh... Nhắc lại một lượt nữa!

Quý vị hiểu rõ ý nghĩa là được rồi! Như thế là vì đạt đến vô phân biệt, khiến cho quý vị nhập tam-muội, khiến cho quý vị suy xét cẩn thận nhập tam-ma-địa. Sau khi quý vị đã suy xét, đạt được đà-la-ni, đầu tiên là phân biệt. Sau khi đã phân biệt xong, bèn đạt tới vô phân biệt, chẳng chấp lấy, chẳng chấp giữ các cảnh giới ấy. “*Vô sở thủ trước. U tâm ý thức sở sanh tam thọ, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc phi khổ lạc*” (Chẳng chấp trước gì. Đối với ba thứ cảm nhận do tâm, ý, thức sanh ra, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc chẳng khổ lạc): Tâm thường tịch định, không bị cảnh xoay chuyển, mà tâm có thể chuyển cảnh. Ngài nói về Định, điều ấy vẫn chẳng thể chuyển. Kinh Lăng Nghiêm vẫn chuyển được, tức là hết thấy tướng cảnh giới bên ngoài đều chuyển thành tự tâm. Chẳng có một pháp nào không phải do tâm sanh. Cho đến mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc, thanh, hương, xúc, pháp, cho đến Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Ty Thức... [đều là] một niệm tâm như thế mà thôi. Tức là một niệm tâm hiện tiền của chúng ta, bất kể trần cảnh ngoại tướng lăng xăng quấy nhiễu cỡ nào, bên trong nội tâm khởi lên đủ thứ ý niệm, đều chỉ là một thứ, tức tâm niệm.

“*Tâm thường tịch định, vô sở thủ trước, phổ u tam thế chư Uẩn, Giới, Xứ, nhất thiết phẩm loại, giai vô thủ trước*” (Tâm thường tịch định, chẳng chấp giữ gì, đối với trọn khắp hết thảy các phẩm loại của các Uẩn, Giới, Xứ trong ba đời, đều chẳng chấp trước): Không chỉ là đời hiện tại, mà quá khứ lẫn tương lai đều chẳng chấp lấy. Chẳng giữ lấy nhiệm pháp, mà tịnh pháp cũng chẳng giữ lấy, cho đến hết thảy chuyện hoằng pháp của Phật, Bồ Tát tại Ấn Độ căn bản là chẳng có, chẳng giữ



lấy, đều chẳng chấp giữ. Vì hễ có tịnh, sẽ có nhiễm, có tốt thì nhất định sẽ có cái đối ứng với nó là xấu. Hễ có lớn, nhất định sẽ có nhỏ. Có dài bèn có ngắn. Lớn, nhỏ, dài, ngắn, vuông, tròn, đều là như thế. Hết thấy các pháp đều là như thế. “*Phổ u nhất thiết tam giới, tam hạnh, tam xúc, tam thọ, tam căn, tam thừa, Tam Luật Nghi, Tam Giải Thoát, nhất thiết phẩm loại, kỳ tâm tịch tĩnh*” (Đối với trọn khắp hết thấy các phẩm loại trong tam giới, tam hạnh, tam xúc, tam thọ, tam căn, tam thừa, Tam Luật Nghi, Tam Giải Thoát, cái tâm tịch tĩnh): Hiểu rành rẽ phân minh, chẳng dấy lên phân biệt, chẳng khởi chấp trước, chẳng phải hồ đồ. Nếu là đã ngủ mê, thứ gì cũng đều chẳng biết, đó là chuyện khác. Hiểu rành rẽ rõ ràng, chẳng chấp trước, cũng chẳng có gì là tốt, chẳng có gì là xấu, gì là thánh đạo, gì là phàm phu đạo, gì là lục đạo, tâm chẳng chấp trước, chẳng trụ nơi vô tướng.

“*Vô sở thủ trước, bình đẳng nhi trụ*” (Chẳng chấp giữ gì, bình đẳng mà trụ): Bình đẳng. Bình đẳng là gì? Do cái tâm bình đẳng, vậy thì bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tu Định, Bát Nhã, tu Tĩnh Lự; đó là Thiên Ba La Mật. Đây là Lục Độ vạn hạnh. Đối với các thứ đó, toàn bộ đều chẳng động, tịch tĩnh mà trụ. Cho đến đối với Tứ Niệm Trụ, Tứ Chánh Đoạn, Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Đăng Giác Chi, Bát Thánh Đạo Chi, tâm chẳng hành động, tịch tĩnh mà trụ. Đó là thiện lẫn ác đều mất, tâm và hạnh đều đoạn, cho đến Cứu Thứ Đệ Định. “*Tâm vô hành động, tịch tĩnh nhi trụ. Hựu u tam hạnh, vô chướng pháp trí, đạo chi, đạo thể sở dẫn tác dụng, giai vô thủ trước*” (Tâm chẳng hành động, tịch tĩnh mà trụ. Lại đối với tác dụng dẫn khởi do pháp trí vô chướng đối với tam hạnh, đạo chi, đạo thể, đều chẳng chấp giữ): Không chỉ là đối với nhiễm pháp, mà đối với tịnh pháp, trong tâm cũng chẳng chấp giữ.

“*U A Lại Da, phi A Lại Da, hữu thủ, vô thủ*” (Đối với Tạng Thức, chẳng phải Tạng Thức, có giữ lấy, chẳng giữ lấy), đều chẳng có. “*Hữu lậu, vô lậu, thử ngạn, bỉ ngạn, tiểu, đại, vô lượng, tác dữ bất tác, thiện, ác, vô ký*” (Hữu lậu, vô lậu, bờ này, bờ kia, nhỏ, lớn, vô lượng, làm và chẳng làm, thiện, ác, chẳng thiện chẳng ác): Đó là ba tánh. “*Chư phẩm loại trung, tâm vô hành động, tịch tĩnh nhi trụ, phổ u nhất thiết đại từ, đại bi thiện xảo phương tiện thành thực hữu tình*” (Trong các phẩm loại, tâm chẳng hành động, tịch tĩnh mà trụ. Dùng trọn khắp hết thấy các phương tiện thiện xảo đại từ đại bi để thành thực hữu tình): Tịch tĩnh mà trụ, chẳng giống như hàng Nhị Thừa, hễ đã nhập Niết Bàn, sẽ bất động. Ngài sẽ sanh khởi phương tiện thiện xảo đại từ, đại bi để thành thực hữu

tình. Trong phần trước, đã nói tới niêm pháp và tịnh pháp; [đối với các pháp ấy], Ngài đều chẳng chấp trước. Đã chẳng chấp trước thì có phải là hành đại từ, đại bi hay không? Chẳng giống Nhị Thừa, tâm Ngài thường ở trong Định. Khi Phật, Bồ Tát lợi ích chúng sanh, chúng ta biết Quán Thế Âm Bồ Tát hiện rất nhiều thân trong thế giới này, không chỗ nào Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng hiện đến. [Thế nhưng] trước nay, Quán Thế Âm Bồ Tát chưa từng tới, chưa hề tới thế gian này. Bản thể của Ngài vẫn ở trong thế giới Cực Lạc, bất động bôn tịch mà trọn khắp hết thảy mọi nơi, lợi ích chúng sanh. Tuy lợi ích hết thảy chúng sanh, nhưng bất động bôn tịch. Thích Ca Mâu Ni Phật căn bản là chưa từng đến [thế giới Sa Bà], vị trời [làm thí giả dâng cúng thức ăn mỗi ngày] đã trả lời [ngài Đạo Tuyên] như vậy!

Nhưng chúng ta trông thấy, cho đó là sự thật! Giả sử tâm tình của chúng ta như thế này: Khi chúng ta tụ tập, hề người chúng ta ưa thích, người chúng ta yêu mến thường ở cùng nhau, trong tâm luôn cao hứng. Hễ bị tách rời, hoặc chia ly trong một thời gian ngắn, hoặc chia ly lâu dài, hoặc chết đi, quý vị khóc thảm thiết. Trong tâm suốt ngày tưởng nhớ, thứ gì cũng đều chấp trước, quý vị sẽ chẳng thể giải thoát, chẳng biết hết thảy các pháp đều là như thế. Do vậy, phải tu Quán cho nhiều. Hết thảy các hành, không có gì nhập tâm, thành thực hữu tình như thế, trở thành Thập Địa Bồ Tát. “*Tam bất hộ*” là đức Phật đối với thân, miệng, ý, chẳng cần phải thủ hộ, đều chẳng cần, vì Ngài không có mảy may điều ác nào! “*Nhất thiết phẩm loại, giai vô thủ trước, tâm vô hành động, tịch tĩnh nhi trụ*” (Hết thảy phẩm loại đều chẳng chấp lấy, tâm chẳng hành động, tịch tĩnh mà trụ). Đây là Nhẫn Luân của Bồ Tát.

***(Kinh) Bồ Tát Ma Ha Tát do thử luân cố, năng vĩnh tức trừ tam thọ quá thất, năng vĩnh tịch diệt nhất thiết phân biệt, năng vĩnh viễn ly nhất thiết Pháp Tướng. Phục năng an trụ năng dẫn nhất thiết hư không nhãn đẳng, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni, Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân. Bồ Tát an trụ như thị luân cố, nhất thiết quá khứ sở dẫn vị tận ác bất thiện nghiệp, vô hạ ác thú, chư hữu, chư thú, tử sanh chư nghiệp, giai năng diệt trừ, linh tận vô dư, bất thọ quá báo.***

(經)菩薩摩訶薩由此輪故，能永息除三受過失，能永寂滅一切分別，能永遠離一切法相。復能安住能引一切虛空眼頂、諸三摩地、諸陀羅尼、善巧方便大甲冑輪。菩薩

安住如是輪故，一切過去所引未盡惡不善業、無暇惡趣、諸有諸趣、死生諸業，皆能除滅，令盡無餘，不受果報。

*(Kinh: Bồ Tát Ma Ha Tát do vì luân này có thể vĩnh viễn trừ dứt các lỗi lầm nơi ba thứ cảm nhận, có thể vĩnh viễn tịch diệt hết thấy phân biệt, có thể vĩnh viễn xa lìa hết thấy pháp tướng. Lại có thể an trụ trong Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân, có thể dẫn khởi hết thấy hư không nhãn danh, các tam-ma-địa, các đà-la-ni. Bồ Tát an trụ trong cái luân như thế, đối với hết thấy nghiệp ác bất thiện chưa hết, các đường ác chẳng nhân hạ, các cõi, các đường, các nghiệp tử sanh do từ quá khứ dẫn khởi, đều có thể diệt trừ hết sạch, chẳng còn thừa sót, chẳng nhận lãnh quả báo).*

Nhân Luân này “*năng vĩnh tức trừ tam thọ quá thất*” (có thể vĩnh viễn trừ diệt các thứ làm lỗi nơi ba thứ cảm thọ): Khổ Thọ, Lạc Thọ, Bất Khổ Bất Lạc Thọ đều chẳng có; lỗi lầm kiêu ây sẽ vĩnh viễn chẳng có. Trong phần trước, chúng tôi đã nói về “*mười ba lỗi*” còn nhiều hơn loại lỗi lầm này. [Do tu Nhân Luân này], chúng đều bị tịch tĩnh, có thể vĩnh viễn tịch diệt, hết thấy vọng niệm phân biệt đều chẳng dậy lên. “*Năng vĩnh viễn ly nhất thiết pháp tướng*” (Có thể vĩnh viễn xa lìa hết thấy các pháp tướng): Những gì chúng ta sanh khởi đều là pháp tướng, đều là danh từ. Danh từ thì căn bản là không có, danh từ là giả danh được đặt ra. Chúng ta nói Ngũ Uẩn, Không Giải Thoát Môn, “*Không*” là như thế nào? “*Không Tướng*”: “*Không*” chẳng có tướng. Vô Tác căn bản là chẳng làm, còn có tướng chi nữa? Do vậy, gọi là Tam Giải Thoát Môn. Vô Nguyên là nguyên gì cũng đều chẳng có, thứ gì cũng chẳng cầu. “*Nguyên*” là cầu. Nay chúng ta đối với “*thứ gì cũng đều chẳng cầu*” quý vị chẳng làm được. Chúng ta vẫn mong cầu, cầu thuận theo thánh cảnh này, tiêu diệt ác cảnh kia, nhưng chúng ta biết: Để đạt tới chỗ rốt ráo, thì phải vô nguyên, vô cầu.

“*Phục năng an trụ, năng dẫn nhất thiết hư không nhãn danh, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân*” (Lại có thể an trụ trong Phương Tiện Thiện Xảo Đại Giáp Trụ Luân có thể dẫn khởi hết thấy hư không nhãn danh, các tam-ma-địa, các đà-la-ni): Đại Giáp Trụ Luân này là chính an trụ trong phương tiện thiện xảo, lợi ích chúng sanh. Đối với danh từ “*hư không nhãn danh*”, hư không còn có danh gì vậy? Hư không còn có mắt ư? Còn có con mắt nữa sao? Đây là cách nói hình dung, dùng phương pháp hình dung để diễn tả. Ý

nói hết thấy các tam-ma-địa, các đà-la-ni, cho đến phương tiện thiện xảo, sẽ khiến cho hết thấy chúng sanh đều có thể thành tựu. Nếu “*Bồ Tát an trụ như thị luân cố*” (Bồ Tát an trụ trong cái luân như thế), đối với hết thấy các ác nghiệp bất thiện dẫn khởi từ quá khứ chưa đoạn hết, chúng ta có cần phải sám hối hay không? Phải sám hối như thế. Hết thấy nghiệp ác bất thiện trong quá khứ còn chưa tịnh trừ, nay đã hoàn toàn tịnh trừ. “*Vô hạ*” (無暇) là khi quý vị tu hành, thân chẳng được thanh thoi. “*Vô hạ*” là chịu khổ không ngớt. Khi tu hành, chẳng có thời gian để tu! Nay mọi người sau khi đã tin Phật, cảm thấy thời gian chẳng đủ dùng. Vì sao chẳng đủ dùng? Vì pháp thế gian chiếm nhiều thời gian của quý vị, vì tâm quý vị luôn bươn bả bởi các thứ đó. Chẳng buông xuống được, đương nhiên là [thời gian] chẳng đủ dùng. Nổi lên hứng thú vui chơi, suốt ngày đêm đều đi chơi. Có thể chơi mệt chợp suốt mấy ngày, mấy đêm, chẳng cảm thấy vất vả. Khi du lịch, họ có thể đến thăm khắp nơi. Đó là chúng ta điên đảo, đáng gọi là “*chúng sanh điên đảo*”, nhưng đến khi đường ác đưa tới, thấy đều hết sạch chẳng còn! Kế đó, [kinh văn] nói tới ác pháp, nói theo tướng thế gian, các thứ ấy đều hết sạch chẳng còn. Quý vị còn phải hứng chịu những quả báo nào? Quả báo đã không có, trống rỗng, không nhân, không quả. Tới khi ấy, bèn tu môn Quán này, nhưng môn Quán này lại từ “*có nhân quả*” mà ra. Do vậy, khi học kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, nửa quyển đầu nói về chiêm sát luân tướng, nửa quyển sau nói những điều hoàn toàn bất đồng. Hai thứ quan niệm, hai thứ cảm nhận, tuyệt đối bất đồng. Kinh này cũng thế, phần đầu nói về mười ác luân, mười thiện luân; hiện thời nói về thập luân của Bồ Tát. Đó là Bồ Tát rốt ráo thành Phật.

*(Kinh) Hựu thiện nam tử! Thí như thế giới hỏa tai tương khởi, ngũ nhật xuất thời, nhất thiết thế gian tiểu trì, đại trì, tiểu hà, đại hà, tiểu hải, đại hải, thủy giai khô kiệt, diệt tận vô dư. Như thị Bồ Tát thành tựu năng dẫn biến mãn hư không, vô lượng vô biên, quảng đại chúng cụ Từ Vô Ngại Giải, nhất thiết Phật pháp, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni, kiên cố Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân. Phục năng an trụ năng dẫn nhất thiết hư không nhân danh, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân, nhất thiết quá khứ sở dẫn vị tận ác bất thiện nghiệp, vô hạ ác thú, chư hữu, chư thú, tử sanh chư nghiệp, giai năng trừ diệt, linh tận vô dư, bất thọ quả báo. Hựu thiện nam tử! Thí như thế giới thủy tai khởi thời, ư thử tam thiên đại thiên thế giới, chư tiểu thế giới, các tứ đại châu, bát vạn tiểu chủ, Diệu*

*Cao sơn vương, cập chư sơn đảnh, giai vi hôi thủy tầm lạn tiêu tận, linh vô hữu dư. Như thị Bồ Tát thành tựu năng dẫn biển mãn hư không, vô lượng vô biên quảng đại chúng cụ, Từ Vô Ngại Giải, nhất thiết Phật pháp, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni, kiên cố Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân. Phục năng an trụ năng dẫn nhất thiết hư không nhân đảnh, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni, Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân, nhất thiết quá khứ sở dẫn vị tận ác bất thiện nghiệp, vô hạ ác thú, chư hữu, chư thú, tử sanh chư nghiệp, giai năng trừ diệt, linh tận vô dư, bất thọ quả báo.*

(經)又善男子！譬如世界火災將起，五日出時，一切世間小池大池、小河大河、小海大海，水皆枯竭，滅盡無餘。如是菩薩成就能引徧滿虛空、無量無邊、廣大眾具、辭無礙解，一切佛法、諸三摩地、諸陀羅尼、堅固大忍大甲冑輪。復能安住能引一切虛空眼頂、諸三摩地、諸陀羅尼、善巧方便大甲冑輪，一切過去所引未盡惡不善業、無暇惡趣、諸有諸趣、死生諸業，皆能除滅，令盡無餘，不受果報。又善男子！譬如世界水災起時，於此三千大千世界，諸小世界，各四大洲，八萬小渚妙高山王，及諸山等，皆為灰水，浸爛銷盡，令無有餘。如是菩薩成就能引徧滿虛空、無量無邊、廣大眾具、辭無礙解、一切佛法、諸三摩地、諸陀羅尼、堅固大忍大甲冑輪。復能安住能引一切虛空眼頂、諸三摩地、諸陀羅尼、善巧方便大甲冑輪，一切過去所引未盡惡不善業、無暇惡趣、諸有諸趣、死生諸業，皆能除滅，令盡無餘，不受果報。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Ví như thế giới khi hỏa tai sắp nổi lên, năm mặt trời cùng xuất hiện, hết thủy ao nhỏ, ao lớn, sông nhỏ, sông lớn, biển nhỏ, biển lớn trong thế gian, nước đều khô cạn, diệt trừ hết sạch, chẳng còn sót. Cũng giống như thế, Bồ Tát thành tựu Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân kiên cố, có thể dẫn khởi vô lượng vô biên trọn đủ các thứ Từ Vô Ngại Giải rộng lớn đối với hết thủy Phật pháp, các tam-ma-địa, các đà-la-ni trọn khắp hư không. Lại có thể an trụ trong phương tiện thiện xảo Đại Giáp Trụ Luân, có thể dẫn khởi hết thủy hư không nhân đảnh, các tam-ma-địa, các đà-la-ni, đối với hết thủy các nghiệp ác

*bất thiện chưa hết, các đường ác chẳng nhàn hạ, các cõi, các đường, các nghiệp tử sanh dẫn khởi từ quá khứ đều có thể trừ diệt hết sạch, chẳng còn sót, chẳng thọ quả báo. Lại này, thiện nam tử! Ví như trong thế giới, lúc thủy tai dấy lên, trong tam thiên đại thiên thế giới này, các tiểu thế giới, mỗi tứ đại châu, tám vạn tiểu châu, núi chúa Diệu Cao, và các núi đều bị nước tro ngấm mủn nát, tiêu sạch, chẳng còn sót thừa. Cũng giống như thế, Bồ Tát thành tựu Đại Nhân Đại Giác Trụ Luân kiên cố, có thể dẫn khởi vô lượng vô biên trọn đủ các món Từ Vô Ngại Giải rộng lớn đối với Phật pháp, các tam-ma-địa, các đà-la-ni trọn khắp hư không. Lại có thể an trụ trong Phương Tiện Thiện Xảo Đại Giác Trụ Luân, có thể dẫn khởi hết thảy hư không nhân đảnh, các tam-ma-địa, các đà-la-ni, đối với hết thảy các nghiệp ác bất thiện chưa hết, các đường ác chẳng nhàn hạ, các cõi, các đường, các nghiệp tử sanh dẫn khởi từ quá khứ, đều có thể trừ diệt hết sạch, chẳng còn sót, chẳng thọ quả báo).*

Ví như trong thế giới này, khi còn chưa đến lúc thế giới tận diệt, nêu hỏa tai nổi lên, thế giới này bắt đầu bị hủy hoại. Khi năm mặt trời cùng mọc, trên không trung xuất hiện năm vàng thái dương, tới khi đó, “*tiểu hà, đại hà, tiểu hải, đại hải*” (sông nhỏ, sông lớn, biển nhỏ, biển lớn). Đại hải là đại dương. “*Thủy giai khô kiệt*” (Nước đều cạn khô), khô cạn, diệt sạch chẳng còn sót, một giọt nước bé tí cũng chẳng có. Đức Phật chỉ ra: Khi thế giới này hoại, xuất hiện năm vàng thái dương, cho nên hết thảy ao nhỏ, ao lớn, hết thảy chỗ có nước trong thế giới đều bị khô cạn. Khi Bồ Tát thành tựu Đại Nhân Đại Giác Trụ Luân có các thứ Từ Vô Ngại rộng lớn như hư không. Ngài cũng có thể khiến cho hết thảy các nghiệp ác bất thiện trong quá khứ còn chưa hoàn toàn tiêu mất của chúng sanh, hoặc là các nghiệp chướng “*chết đây, sanh kia, chết kia, sanh đây*” đều có thể trừ diệt, lại còn chẳng thọ quả báo, giống như lúc năm vàng thái dương xuất hiện, thế giới đều bị hủy hoại, một chút giọt nước cũng chẳng có! Chúng ta nói núi Tu Di, bầy rặng Kim Sơn [bao quanh Tu Di] kiên cố khôn ngần, nhưng gặp thủy tai thì ngay cả vàng cũng bị mủn nát. Quý vị có tin hay không? Đó là nghiệp, ngấm nước lâu ngày, tự nhiên rữa nát. Hỏa tai cũng như thế, lửa vừa đốt, sẽ chẳng còn. Khi đại tam tai, gió vừa thổi, [mọi thứ] sẽ trở về với hư không. Hết thảy các thứ an lập đều ở trong hư không. Trên hư không mới là thủy luân, trên thủy luân mới duy trì cái gọi là địa cầu. Mọi người xem phẩm Thế Giới Thành Tựu trong kinh Hoa Nghiêm, [sẽ thấy] thế giới thành tựu như thế nào? Ở trong hư không.

Hiện thời, khoa học đã chứng minh; tinh vân trong không trung hình thành một quả cầu. Sau đó, quả cầu ấy dần dần lại có người sống như thế đó, rồi lại hư hoại. Hoại rồi lại thành, thành rồi lại hoại, hoại rồi lại thành, vô cùng, vô tận, tuần hoàn liên tục chẳng ngừng như thế. Đại tam tai thì trước hết là lửa đốt, lửa ấy thiêu mọi vật thành bơ (dung nham), nước vừa ngập liền nhào ra. Đã nhào ra bèn rất giống như bơ mềm, phong tai vừa thổi lên liền bị bắn văng lên không trung, thứ gì cũng đều chẳng còn!

Ví như khi thế giới dấy lên thủy tai, tam thiên đại thiên thế giới, các tiểu thế giới, tứ đại châu [trong mỗi thế giới ấy], tám vạn tiểu châu, núi chúa Diệu Cao, tức núi Tu Di, và các quả núi đều bị nước ngấm vào tiêu nát, bị nước ngấm, rửa nát. Chúng ta thấy đá cứng, nhưng đá bị nước ngấm ướt mãi, sẽ dần dần mòn đi, chúng ta chẳng thấy. Giọt nước nhỏ [xuống thêm] từ mái thêm, nước rất mềm, khi trời đổ mưa, [mái thêm] rỉ rả mấy giọt. Nước nhỏ giọt lâu ngày, dưới sân thêm của mái hiên, sẽ có mấy chỗ khuyết nho nhỏ. Giọt nước rơi từ mái thêm mềm mại mà có thể làm mòn gạch cứng. Đó gọi là “mềm mài cứng”. Quý vị đừng nổi nóng, mềm mỏng càng lợi hại hơn cứng rắn nhiều. Hãy suy nghĩ đạo lý này, có thể lý giải là được rồi!

*(Kinh) Hựu thiện nam tử! Thí như hắc ám biên mãn hư không, lãnh nhật xuất thời, giai năng trừ diệt. Như thị Bồ Tát thành tựu năng dẫn biên mãn hư không vô lượng vô biên quảng đại chúng cù Từ Vô Ngại Giải, nhất thiết Phật pháp, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni, kiên cố Đại Nhẫn Đại Giáp Trụ Luân. Phục năng an trụ năng dẫn nhất thiết hư không nhãn dẫn, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni, Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân, phát khởi vô biên hư không trí nhật, năng vĩnh trừ diệt tự thân Tứ Đảo vô minh hắc ám, nhất thiết quá khứ sở dẫn vị tận ác bất thiện nghiệp, vô hạ ác thú, chư hữu, chư thú, tử sanh chư nghiệp, giai năng trừ diệt, linh tận vô dư, bất thọ quả báo. Hựu do thử cố, ư chư Phật pháp, tăng tấn tự tại, thường vô thoái chuyển, bất phục tùy thuận ác hữu lực hành, thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ư chư công đức, tâm thường vô yếm, nãi chí Bồ Đề, hằng vô gián đoạn. Hựu thường bất ly niệm Phật tu duy, nãi chí mộng trung, diệt vô tàm phế.*

(經)又善男子！譬如黑暗徧滿虛空，朗日出時皆能除

滅。如是菩薩成就能引徧滿虛空、無量無邊、廣大眾具、辭無礙解、一切佛法、諸三摩地、諸陀羅尼、堅固大忍大甲冑輪。復能安住能引一切虛空眼頂、諸三摩地、諸陀羅尼、善巧方便大甲冑輪，發起無邊虛空智日，能永除滅自身四倒無明黑暗，一切過去所引未盡惡不善業、無暇惡趣、諸有諸趣、死生諸業，皆能除滅，令盡無餘，不受果報。又由此故，於諸佛法，增進自在常無退轉，不復隨順惡友力行，常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸功德心常無厭，乃至菩提恆無間斷。又常不離念佛思惟，乃至夢中亦無暫廢。

*(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Ví như tôi tắm trọn khắp hư không, khi mặt trời mọc sáng ngời, [tôi tắm] đều bị trừ diệt. Cũng giống như thế, Bồ Tát thành tựu Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân kiên cố, có thể dẫn khởi vô lượng vô biên trọn đủ các thứ Từ Vô Ngại Giải rộng lớn đối với hết thảy Phật pháp, các tam-ma-địa, các đà-la-ni trọn khắp hư không. Lại có thể an trụ trong Phương Tiện Thiện Xảo Đại Giáp Trụ Luân, có thể dẫn khởi hết thảy hư không nhãn danh, các tam-ma-địa, các đà-la-ni, phát khởi vô biên mặt trời trí huệ trong không trung, có thể vĩnh viễn trừ diệt bốn món điên đảo vô minh hắc ám nơi bản thân, đối với hết thảy các nghiệp ác bất thiện dẫn khởi từ quá khứ chưa trừ hết, các đường ác không nhân hạ, các cõi, các đường, các nghiệp tử sanh, đều có thể trừ diệt hết sạch, chẳng còn sót, chẳng thọ quả báo. Lại do luân này, đối với Phật pháp, bền tăng tấn tự tại, thường chẳng thoái chuyển, chẳng còn thuận theo sức của bạn ác để hành, thường được là chẳng thấy hết thảy Phật, và các vị Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các công đức, tâm thường chẳng chán, cho đến Bồ Đề, luôn chẳng gián đoạn, lại thường chẳng lìa niệm Phật tư duy, thậm chí trong mộng cũng chẳng tạm bỏ).*

Mấy câu này đều giống nhau. Hai môn Đại Giáp Trụ Luân này, một là Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân, hai là Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân, có thể phát khởi vô biên mặt trời trí huệ, trừ diệt Tứ Điên Đảo nơi bản thân của quý vị, cho đến vô minh hắc ám đều trừ hết sạch. Các vị đại Bồ Tát ấy hóa độ chúng sanh, khiến cho các chúng sanh quan sát, suy xét cặn kẽ, và tiến nhập như thế. Nhập hai Đại Giáp Trụ



Luân ấy, tu hành thành tựu như thế. Đối với các Phật pháp, tự tại thường chẳng thoái chuyển, tăng tấn sự tự tại của quý vị đối với Phật pháp, vĩnh viễn chẳng còn bị thoái đọa. Dầu cho có bạn ác chèo kéo, quý vị cũng chẳng tùy thuận theo bạn ác mà tận lực thực hiện [các ác hạnh]! Như thế thì sẽ “*thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử*” (thường được chẳng lìa thấy hết thấy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử): Vì tác dụng mở rộng của loại Đại Giáp Trụ Luân này, Bồ Tát liền thành tựu loại Đại Giáp Trụ Luân này hòng lợi ích chúng sanh, khiến cho chúng sanh đối với Phật pháp tăng tấn tín tâm, tăng tấn tu hành. Do vậy, qua sự tu hành, Ngài có thể phá trừ Hoặc nghiệp, cho đến có thể đạt được tự tại, và cũng đạt tới địa vị bất thoái chuyển, sẽ chẳng còn thuận theo thế lực của bạn ác lôi kéo đến nỗi thoái đọa thánh đạo. Như thế thì sẽ thường được chẳng lìa thấy hết thấy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, có thể thấy Phật, Pháp, Tăng. Như vậy thì sẽ thường luôn có thể nghe Phật pháp, thường có thể thân cận, cúng dường chúng Tăng.

“*U chư công đức, tâm thường vô yếm*” (Đối với các công đức, tâm thường chẳng chán): Có lúc chúng ta đang làm công đức, bỗng sanh khởi phiền chán. Chẳng hạn như khấu đầu lễ bái, nghe pháp, có khi sanh khởi phiền chán. Vì sao? Vì người ấy tu hành rất lâu, vẫn chưa tiến nhập. Như thế thì cũng rất dễ thoái đọa; vì sao sẽ thoái đọa? Vì kẻ ấy mong có sở đắc; tới lúc đó, do chẳng đạt được [cho nên thất vọng, chán nản]. Nếu kẻ ấy vốn chẳng có sở đắc, cũng vĩnh viễn chẳng có tâm thoái đọa, chẳng mong đạt được điều gì, ta làm như thế là đúng. Tư tưởng của kẻ ấy chẳng có tâm thoái đọa. Nếu sanh khởi phân biệt, suy tưởng có sở đắc mà chẳng đạt được, kẻ đó sẽ thoái đọa.

Tôi có lúc suy nghĩ, đã xuất gia hơn sáu mươi năm, trong khoảng thời gian ấy vướng phải một số chướng ngại, nhưng trong Phật pháp đã đạt được gì? Chẳng đạt được chi hết! Khi tôi xuất gia, nghĩ tới điều gì? Tôi cũng chẳng mong đạt được điều gì; nhưng có người nói: “Ta đừng phải chịu khổ nữa! Hãy liễu sanh tử, hiện thời cảm thấy chuyện gì cũng đều là khổ!” Cảm giác thứ gì cũng đều là khổ, tức là vẫn chưa tiến nhập Phật pháp. Nỗi khổ ấy là vô thường, chúng tôi vừa mới nói, Khổ có hình trạng như thế nào? Chẳng có! Giống như có kẻ đánh chúng ta, cảm nhận của chúng ta là Xúc. Xúc ấy là khổ, quý vị cảm thấy đau khổ. Nhưng quý vị lại khởi lên cái niệm thứ hai, lại quan sát. Có cảm giác đau và không đau, quý vị có sự tri giác ấy thì mới cảm nhận được sự thống khổ. Nếu tri giác cũng chẳng có, sẽ chẳng thể cảm nhận nỗi thống khổ ấy

được!

Ngoài ra, quý vị tu Quán, hoặc là người niệm Phật, vì sao đem tinh thần hoàn toàn ký thác nơi Phật hiệu? Niệm Phật, niệm nào cũng đều chuyên chú một cảnh. Lúc đó, người khác đánh quý vị, hoặc làm chi đó, quý vị đều chẳng biết, trong tâm toàn là niệm Phật, cũng chẳng phải là Phật gia trì quý vị sức mạnh chi cả, không có! Vì tâm quý vị không đặt vào đó (ngoại cảnh), quý vị sẽ không biết. Quý vị có thể tự mình thí nghiệm điều này. Đây chẳng phải là một hai ngày, mà là kinh nghiệm tôi đã tích tập hơn ba mươi năm!

Khi ở trong tù, tôi suốt ngày từ sáng đến tối nghĩ như thế này: Hôm nay mong ngóng ngày mai được thả, ngày mai trông ngóng hôm sau được thả; đúng là hằng ngày đều mong ngóng: “Ta ngày mai có thể được thả”. Sanh tồn là gởi gắm nơi hy vọng. Vì có hy vọng, quý vị mới có thể duy trì sống sót. Nếu ngay cả niềm hy vọng ấy cũng không có, sẽ chẳng thể sống nổi. Người tự sát là do chẳng có hy vọng, cho rằng chính mình chẳng đạt được, thứ gì cũng đều không có. Đặc biệt là trẻ nhỏ rất dễ sanh khởi Đoạn Diệt Kiến, nó cảm nhận bị áp bức quá đau khổ. Bài tập từ nhà trường, thầy cũng ép, cha mẹ cũng ép, nó cùng đường, nói: “Mình chết rồi còn ai ép được nữa?” Nó cho rằng chết đi là hết chuyện, chẳng biết nỗi đau khổ do chết chóc còn dữ dội hơn sự đau khổ trong khi sống. Nếu nó biết, sẽ chẳng làm!

Cầu giải thoát bèn dùng quán chiếu. Quán chiếu lâu ngày thành thực. Chẳng thành thực, sẽ không thể giải thoát được. Quán chiếu thành thực, quý vị sẽ được giải thoát. Quán chiếu vật này rất đáng yêu. Quý vị sẽ cảm thấy rất đau khổ khi nó bị hư hoại, hay tổn thất. Nếu quý vị nghĩ nó chẳng đáng yêu, sẽ buông xuống. Đối với vật ấy, nó tốt đẹp hay hư hoại, chẳng liên quan đến ta! Khi nó bị tiêu mất, quý vị cũng chẳng có cảm giác đau khổ. Nó tăng trưởng, hoặc chẳng tăng trưởng, chẳng liên quan gì đến quý vị. Nếu quý vị đặc biệt chú ý, sẽ đau khổ. Nó biến hóa, cái tâm của quý vị cũng biến hóa theo. Đó là cách tu hành thiện cận. Đợi cho tới khi giảng xong kinh này, chúng tôi lại nói từ đầu cách quan sát hơi thở ra vào như thế nào; đây mới là có lợi ích thật sự cho chúng ta. Nếu quý vị quan sát lâu ngày, trong tâm chuyên chú, thật sự quan sát hơi thở ra vào, hơi thở đã định, quý vị mới biết tu hành cao hơn từng bước như thế nào!

*(Kính) Hựu thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát Ma Ha Tát năng dẫn  
biển mãn hư không, vô lượng vô biên quảng đại chúng cụ, Từ Vô*

*Ngại Giải, nhất thiết Phật pháp, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni, kiên cố Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân? Vị chư Bồ Tát nhập sơ Tĩnh Lự, nãi chí đệ tứ Tĩnh Lự, nhập Vô Biên Hư Không Xứ, nãi chí Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, nhập Diệt Thọ Tướng Định. Trụ thử định trung, nhất thiết tam thọ, tam hạnh đoạn diệt, tâm vô hành động. Chư Thọ, Tướng, Tư, Xúc, Tác Ý đẳng, tất giai đoạn diệt. An trụ thử Định, hoặc nhất nhật da, hoặc phục nãi chí thất thất nhật da, thọ Định vị thực. Tùng thử Định khởi, kỳ tâm tịch tĩnh, vô sở thủ trước, yển nhiên nhi trụ. Phục nhập thẳng nghĩa cứu cánh Không Định, trụ thử Định trung, kỳ tâm bình đẳng, vô sở thủ trước, do nhược hư không. Thân chư mao khổng, giai xuất sưng dịch, trạng như Mão Tinh, diệt trừ nhất thiết úc chưng kết phục. Tùng thử Định khởi, đắc chánh ức niệm, tối thẳng hỷ lạc, sung biến kỳ thân. Như Đại Tự Tại Thiên Tử nhập Hiện Nhất Thiết Lạc Định, thân chư mao khổng, giai biến thọ lạc. Như thị Bồ Tát lạc xúc kỳ thân, tiện tư niệm Phật. Tư niệm Phật cố, tắc duy kiến Phật, bất kiến dư tướng. Bồ Tát nhĩ thời, nhược niệm nhất Phật, tắc kiến nhất Phật. Nhược niệm đa Phật, tắc kiến đa Phật. Nhược niệm tiểu thân Phật, tắc kiến tiểu thân Phật. Nhược niệm đại thân Phật, tắc kiến đại thân Phật. Nhược niệm vô lượng thân Phật, tắc kiến vô lượng thân Phật. Nhược niệm tự thân vi Phật thân tướng, tắc kiến tự thân đồng ư Phật thân, chúng tướng viên mãn. Nhược niệm tha thân vi Phật thân tướng, tắc kiến tha thân đồng ư Phật thân, chúng tướng viên mãn. Nhược niệm nhất thiết tình phi tình số, sở hữu sắc tượng, vi Phật thân tướng, tắc kiến nhất thiết tình phi tình số, sở hữu sắc tượng, giai đồng Phật thân, chúng tướng viên mãn, bất kiến kỳ dư nhất thiết sắc tượng.*

(經)又善男子！云何菩薩摩訶薩能引徧滿虛空、無量無邊、廣大眾具、辭無礙解、一切佛法、諸三摩地、諸陀羅尼、堅固大忍大甲冑輪？謂諸菩薩入初靜慮乃至第四靜慮，入無邊虛空處乃至非想非非想處，入滅受想定。住此定中，一切三受、三行斷滅，心無行動。諸受想思觸作意等悉皆斷滅。安住此定，或一日夜，或復乃至七七日夜，受定味食。從此定起，其心寂靜，無所取著，宴然而住。復入勝義究竟空定，住此定中，其心平等，無所取著猶若虛空。身諸毛孔皆出霜液，狀如昴星，滅除一切郁烝結縛

。從此定起，得正憶念，最勝喜樂充遍其身。如大自在天子入現一切樂定，身諸毛孔皆遍受樂。如是菩薩，樂觸其身便思念佛。思念佛故則唯見佛，不見餘相。菩薩爾時，若念一佛則見一佛。若念多佛則見多佛。若念小身佛則見小身佛。若念大身佛則見大身佛。若念無量身佛則見無量身佛。若念自身為佛身相，則見自身同於佛身，眾相圓滿。若念他身為佛身相，則見他身同於佛身，眾相圓滿。若念一切情非情數所有色像為佛身相，則見一切情非情數所有色像皆同佛身，眾相圓滿，不見其餘一切色像。

*(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Thế nào là Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân kiên cố, có thể dẫn khỏi vô lượng vô biên trọn đủ các thứ Từ Vô Ngại Giải rộng lớn đối với hết thảy Phật pháp, các tam-ma-địa, các đà-la-ni trọn khắp hư không của Bồ Tát Ma Ha Tát? Tức là các Bồ Tát nhập môn Tĩnh Lự đầu tiên cho đến Tĩnh Lự thứ tư, nhập Vô Biên Hư Không Xứ, cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, nhập Diệt Thọ Tướng Định. Trụ trong định ấy, hết thảy tam thọ, tam hạnh đoạn diệt, tâm chẳng hành động. Các Thọ, Tướng, Tư, Xúc, Tác Ý v.v... thảy đều đoạn diệt. An trụ trong Định ấy, hoặc một ngày đêm, hoặc lại cho đến bốn mươi chín ngày đêm, dùng pháp vị của Định làm thức ăn. Từ môn Định ấy khởi, cái tâm tịch tĩnh, chẳng chấp giữ gì, an tường mà trụ. Lại nhập thắng nghĩa cứu cánh Không Định, trụ trong môn Định ấy, cái tâm bình đẳng, chẳng chấp giữ gì, ví như hư không. Các lỗ chân lông trên thân đều tiết ra chất swong, hình dạng như sao Mão, diệt trừ hết thảy các kết phược nung nấu. Từ môn Định ấy khởi, đạt được chánh ức niệm, vui sướng tối thắng trọn khắp toàn thân. Như Đại Tự Tại Thiên Tử nhập Hiện Nhất Thiết Lạc Định, các lỗ chân lông trên thân đều thọ lạc trọn khắp. Bồ Tát như thế lạc xúc khắp thân, liền nghĩ niệm Phật. Do suy niệm Phật, liền chỉ thấy Phật, chẳng thấy tướng khác. Bồ Tát khi đó nếu niệm một vị Phật, sẽ thấy một vị Phật. Nếu niệm nhiều vị Phật, sẽ thấy nhiều vị Phật. Nếu niệm thân Phật nhỏ, sẽ thấy thân Phật nhỏ. Nếu niệm thân Phật lớn, sẽ thấy thân Phật lớn. Nếu niệm vô lượng thân Phật, sẽ thấy vô lượng thân Phật. Nếu niệm thân mình là thân tướng của Phật, sẽ thấy thân mình giống như thân Phật, các tướng viên mãn. Nếu niệm thân người khác là thân tướng của Phật, sẽ thấy thân người khác giống như thân Phật, các tướng viên mãn. Nếu niệm tất cả hình sắc của hết thảy*

*hữu tình và phi tình là thân tướng của Phật, sẽ thấy tất cả hình sắc của hết thấy tình và phi tình đều giống như thân Phật, các tướng viên mãn, chẳng thấy hết thấy các hình sắc khác).*

Chư Bồ Tát “*nhập sơ Tĩnh Lự*” tức là vừa mới nhập Sơ Thiên Định. Tĩnh Lự là Định, cho đến Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên Thiên Tĩnh Lự, hoặc là từ Đệ Tứ Thiên Thiên, lại tiến nhập Vô Biên Hư Không Xứ. Các Ngài nhập môn Định này, từ Vô Biên Hư Không Định cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định. “*Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ*”: Chữ Phi Tướng phía sau do đức Phật thêm vào, vì Ngài biết họ hoàn toàn chẳng phải là Phi Tướng, mà là Phi Phi Tướng. Thêm vào chữ Phi, tức là còn có Tướng. Sau đó là Diệt Thọ Tướng Định. Diệt những điều ấy, chẳng có Thọ, chẳng có Năng Thọ (người tiếp nhận), mà cũng chẳng có Tướng. Hễ chẳng tướng, bèn nhập môn Định này.

Trong môn Định này, Khổ Thọ, Lạc Thọ, thân, khẩu, ý, [tức] “*tam thọ, tam hạnh*”, đều đoạn diệt, tâm chẳng có hành động, ý thức chẳng có hành động. Như thế thì Thọ, Tướng, Tư, Xúc, Tác Ý là các tâm sở pháp, Thọ, Tướng, Tư, Xúc, Tác Ý sẽ đều đoạn diệt. Thọ là thô tướng, là nội hạnh trong tâm. Xúc ở đây là sự tiếp xúc trong tâm, tức là khi Pháp Trần và Ý Thức tiếp xúc. Tác Ý là dấy lên ý niệm. Chúng ta nói dôi là do ý niệm. Khi nhập loại Định này, tất cả đều đoạn diệt. An trụ trong Định này, hoặc là nhập Định một ngày, hoặc nhập Định bốn mươi chín ngày. Trong Định, vị ấy đạt được Thiên vị của Định, dùng đó làm thức ăn. Người nhập Định chẳng hề ăn uống, cảm giác gì cũng đều không có, ngay cả tướng cũng chẳng có, chẳng có cảm nhận. Như thế thì sẽ có cảm giác gì? Trụ trong môn Định này, tâm chẳng chấp giữ, đạt tới mức tâm bình đẳng, tâm và hư không giống nhau!

Khi đó, nơi mỗi lỗ chân lông trên thân vị ấy đều tiết ra chất sương lỏng, mờ hôi giống như sương. “*Trạng như Mảo Tinh*”, tức là hình dạng giống như sao Mảo<sup>51</sup>. “*Diệt trừ nhất thiết úc chung kết phược*” (Diệt trừ hết thấy kết phược nung nấu): Hơi nung nấu đều chẳng có. Nếu từ môn Định này xuất, vị ấy sẽ đạt được chánh ức niệm, hỷ lạc tối thắng, tràn

---

<sup>51</sup> Sao Mảo là một tinh tòa trong Nhị Thập Bát Tú, tên gọi đầy đủ là Mảo Nhật Kê, bao gồm bảy tinh tú, tương ứng với tinh tòa Kim Ngưu (Taurus) trong thiên văn học phương Tây. Trong thiên văn học Trung Hoa, đây là tinh tòa thứ tư thuộc Tây phương Bạch Hổ Cung. Nói chi tiết, tinh tòa này lại gồm bảy chòm sao hợp thành, tức Mảo Tú, Thiên Hà, Nguyệt, Thiên Âm, Sô Cảo, Thiên Uyển, Quyển Thiệt, Thiên Sâm, và Lê Thạch.

ngập cái thân này. Đó gọi là Tứ Thiên Bát Định. Định ấy chẳng phải là thánh cảnh, chẳng phải là thánh cảnh của Phật, Bồ Tát. Do vậy, hỷ lạc tối thắng tràn ngập cái thân chính là như Đại Tự Tại Thiên Tử nhập Hiện Nhất Thiết Lạc Định, cũng là môn Định do Đại Lạc Thiên Tử đã nhập, chẳng phải là xuất thế Định. Biết môn Định này, chúng ta chẳng dễ gì đạt được; nhưng đã đạt được thì vẫn là sanh diệt. Khi Định tán thì vẫn là chẳng có gì. Do mỗi lỗ chân lông đều [cảm nhận] vui sướng, cho nên gọi là Đại Tự Tại Thiên Tử nhập Nhất Thiết Lạc Định.

*“Nhu thị Bồ Tát lạc xúc kỳ thân”* (Bồ Tát như thế lạc chạm vào thân): Sự vui sướng này chạm vào thân, Ngài bèn sanh khởi ý tưởng niệm Phật. Đạo hữu tu Tịnh Độ phải chú ý đoạn kinh văn này. Bồ Tát niệm Phật như thế đó. Vì nghĩ đến niệm Phật, mong niệm Phật, nghĩ tưởng Phật. Niệm Phật chỉ thấy thân tướng Phật. Vị ấy ở trong Định, chỉ thấy thân tướng Phật, tướng gì khác cũng đều chẳng niệm, đều chẳng có, chẳng sanh khởi ý niệm đó. Lúc bấy giờ, quý vị niệm một vị Phật, sẽ thấy một vị Phật. Người ấy niệm Thích Ca Mâu Ni Phật, sẽ chỉ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật. Nếu niệm nhiều vị Phật thì sao? Nếu người ấy quán Thích Ca Mâu Ni Phật, Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Bất Động Như Lai, Đa Bảo Như Lai, trong một niệm, chư Phật đều hiện. Có thể niệm nhiều Phật, nhiều vị Phật sẽ hiện. Có thể niệm một vị Phật, một vị Phật liền hiện. Tùy niệm mà hiện, sanh sang thế giới Cực Lạc. Niệm A Di Đà Phật sanh về thế giới Cực Lạc, quý vị có thể tu hành như thế đó.

*“Nhuợc niệm tiểu thân Phật”* (Nếu niệm thân Phật nhỏ), quý vị có thể thấy thân Phật nhỏ. Đây là Hóa Phật. Nếu niệm Thích Ca Mâu Ni Phật, thấy kim thân một trượng sáu. Niệm Lô Xá Na Phật, thấy thân cao ngàn trượng. Đó là Báo Thân Phật. Niệm thân Phật nhỏ, bèn thấy thân Phật nhỏ. Niệm thân Phật lớn, sẽ thấy thân Phật lớn. Nếu niệm vô lượng thân Phật, sẽ thấy vô lượng thân Phật. Niệm vô lượng thân, trong một vị trần có các cõi nước nhiều như vi trần, trong một cõi có chẳng thể nghĩ Phật, vô lượng chư Phật.

*“Nhuợc niệm tự thân vi Phật thân tướng”* (Nếu nghĩ thân mình là thân tướng của Phật): Quán tưởng ta là Phật, Phật là ta, quý vị liền hiện thân của chính mình là Phật tướng. Hình tướng viên mãn, giống như thân tướng của Phật. Phát Tâm Trụ Bồ Tát Bồ Tát có thể làm được. Khi Ngài niệm một đức Phật, quán tưởng hợp nhất với Phật thân. Chúng sanh khác thấy vị ấy là Phật, các tướng viên mãn trọn đủ, hoặc là ba mươi hai tướng, hoặc là tám mươi loại hảo, nhưng chưa niệm Báo Thân

được! Nếu niệm thân người khác là thân tướng của Phật, sẽ thấy thân người khác có các tướng viên mãn giống như thân tướng của Phật. Chẳng phải là niệm chính mình, hoặc niệm một vị đạo hữu nào đó. Quán tưởng người khác là Phật, người ấy đã thành tựu. Quý vị thấy người ấy là thân Phật, cũng là các tướng viên mãn.

*(Kinh) Bồ Tát nhĩ thời tiện tác thị niệm: “Nhất thiết chư pháp, nhất thiết sắc tượng, giai như huyễn đẳng, đế thật bất hư. Ngã kim phục ưng giai tất đoạn diệt nhất thiết tam thọ, tam hạnh đẳng pháp, linh vô hữu dư”. Tác thị niệm dĩ, nhập Diệt Tận Định. Trụ thử Định trung, như tâm sở kỳ, giai tận đoạn diệt, thọ Định vị thực. Hoặc nhất thất nhật dạ, hoặc nhị thất nhật dạ, hoặc tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu, thập thất nhật dạ, hoặc kinh vô lượng bách thiên câu-chi na-dữu-đa kiếp, tùy lực sở năng, an trụ thử Định, thọ Định vị thực. Tùng thử Định khởi, kỳ tâm tịch tĩnh, vô sở thủ trước, yển nhiên nhi trụ. Phục nhập thắng nghĩa cứu cánh Không định, quảng thuyết như tiền, nãi chí tướng niệm Phật thân tướng dĩ, tri nhất thiết pháp, nhất thiết sắc tượng, giai như huyễn đẳng, đế thật bất hư.*

(經)菩薩爾時便作是念：「一切諸法、一切色像，皆如幻等，諦實不虛。我今復應皆悉斷滅一切三受、三行等法，令無有餘」。作是念已，入滅盡定。住此定中，如心所期，皆盡斷滅，受定味食。或一七日夜，或二七日夜，或三、四、五、六、七、八、九、十七日夜，或經無量百千俱胝那庾多劫，隨力所能，安住此定，受定味食。從此定起，其心寂靜，無所取著，宴然而住。復入勝義究竟空定，廣說如前，乃至思念佛身相已，知一切法、一切色像，皆如幻等，諦實不虛。

*(Kinh: Lúc bảy giờ, Bồ Tát liền nghĩ như thế này: “Hết thấy các pháp, hết thấy hình sắc, đều như huyễn v.v... chân thật chẳng dối. Nay ta lại nên thấy đều đoạn diệt hết thấy các pháp tam thọ, tam hạnh v.v... khiến cho chúng chẳng còn sót”. Nghĩ như thế rồi, nhập Diệt Tận Định. Trụ trong môn Định ấy, như lòng mong mỏi, đều đoạn diệt hết, dùng pháp vị Thiên Định làm thức ăn, hoặc trong bảy ngày đêm, hoặc mười bốn ngày đêm, hoặc ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười lần bảy ngày đêm, hoặc trải qua vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa kiếp, tùy*

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

*theo sức mình an trụ trong Định ấy. Từ môn Định ấy khởi, tâm Ngài tịch tĩnh, chẳng chấp trước gì, an tường mà trụ. Lại nhập thẳng nghĩa cứu cánh Không định, rộng nói như trước, cho đến niệm thân tướng của Phật rồi, biết hết thấy các pháp, hết thấy hình sắc đều như huyễn v.v... chân thật chẳng dối).*

Khi ấy, quý vị mới cảm nhận cái gọi là “nhất thiết pháp như mộng, huyễn, bào, ảnh” (hết thấy các pháp như mộng, huyễn, bọt, bóng), mới biết Phật pháp như lý, như thật, chẳng giả. Nếu là lúc hành Phổ Hiền Hạnh Nguyện, tùy tiện lấy một pháp, không gì chẳng phải là pháp giới. Bởi lẽ, trong một trần có các cõi nước nhiều như số vi trần. Trong một vi trần, có vô cùng vô tận cõi Phật. Trong mỗi cõi, lại có vô cùng vô tận Phật nhiều ngàn ấy. Trước mỗi đức Phật, lại có vô cùng vô tận chư Phật, Bồ Tát vây quanh thuyết pháp, điều này cũng là chân thật. Vì sao? Đều là Pháp Thân, đều do pháp tánh thành tựu. Như vậy “ngã kim phục ưng giai tất đoạn diệt nhất thiết tam thọ, tam hạnh đẳng pháp linh vô hữu dư” (ta nay lại nên đoạn diệt hết thấy các pháp như tam thọ, tam hạnh v.v... khiến cho chúng chẳng còn thừa sót), Khổ Thọ, Lạc Thọ, thân, miệng, ý, hết thấy các pháp đều đoạn diệt, khiến chẳng còn sót thừa, chẳng lưu lại chút vô minh nào! “Tác thị niệm dĩ, nhập Diệt Tận Định. Trụ thử Định trung, như tâm sở kỳ, giai tận đoạn diệt, thọ Định vị thực, nãi chí nhất thất nhật dạ, hoặc nhị thất nhật dạ, hoặc tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu, thập thất nhật dạ” (Nghĩ như thế rồi, nhập Diệt Tận Định. Trụ trong môn Định ấy, như lòng mong mỏi, đều đoạn diệt hết, dùng pháp vị Thiên Định làm thức ăn, cho đến bảy ngày đêm, hoặc mười bốn ngày đêm, hoặc ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười lần bảy ngày đêm): “Mười thất” là bảy mươi ngày ở trong Định.

“Hoặc kinh vô lượng bách thiên câu-chi na-dữu-đa kiếp” (Hoặc trải qua vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa kiếp): Thời gian ấy quá dài, chẳng có cách nào tính toán. Nếu vẫn chưa có Định lực như thế thì “tùy kỳ sở năng” (tùy theo khả năng), quý vị có sức quán tưởng, sức tịch tĩnh của Định tâm to cỡ nào, bèn an trụ trong môn Định ấy, “thọ Định vị thực” (dùng pháp vị của Thiên Định làm thức ăn). Nếu sau khi từ môn Định ấy xuất, trong tâm tịch tĩnh, không chấp trước, chuyện gì cũng chẳng chấp lấy, chuyện gì cũng chẳng chấp trước, căn bản là chẳng chấp giữ, còn có gì để xả? Chẳng lấy, chẳng xả! “Yến nhiên nhi trụ” (An tường mà trụ): Khi ấy, người đó trụ trong an tường, lại nhập một môn Định khác. “Phục nhập thẳng nghĩa cứu cánh không Định” (Lại nhập



Không Định thắng nghĩa rất ráo): Thắng Nghĩa Không Định là các môn Định như đã nói trong phần trước và môn Định được nói ở đây giống nhau, đều là Thắng Nghĩa Không Định. “*Quảng thuyết như tiền, nãi chí tư niệm Phật thân tướng dĩ, tri nhất thiết pháp, nhất thiết sắc tượng giai như huyễn đặng, để thật bất hư*” (Rộng nói như trong phần trước, cho đến nghĩ tưởng thân Phật rồi, biết hết thấy các pháp, hết thấy các hình sắc đều như huyễn v.v... chân thật chẳng dối): Đây là chân thật, trọn chẳng giả, lý chắc thật như thế.

*(Kinh) Thiện nam tử! Thị danh Bồ Tát Ma Ha Tát năng dẫn biển mãn hư không, vô lượng vô biên, quảng đại chúng cụ, Từ Vô Ngại Giải, nhất thiết Phật pháp, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni, kiên cố Đại Nhân Đại Giáp Trụ Luân. Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, tác năng an trụ năng dẫn nhất thiết hư không nhãn đảnh, chư tam-ma-địa, chư đà-la-ni, Thiện Xảo Phương Tiện Đại Giáp Trụ Luân. Trụ thử luân cố, phát khởi vô biên hư không trí nhật, năng vĩnh trừ diệt tự thân Tứ Đảo vô minh hắc ám, nhất thiết quá khứ sở dẫn vị tận ác bất thiện nghiệp, vô hạ ác thú, chư hữu, chư thú, tử sanh chư nghiệp, giai năng trừ diệt, linh tận vô dư, bất thọ quả báo. Thiện nam tử! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu thử luân, từng sơ phát tâm, nhất thiết ngũ dục giai năng trừ đoạn, siêu thắng nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác, phổ vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại phước điền, nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác Thừa đặng, giai ưng cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Do thử luân cố, ư chư Phật pháp, tăng tấn tự tại, thường vô thoái chuyển, bất phục tùy thuận ác hữu lực hành, thường đắc bất ly kiến nhất thiết Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ư chư công đức, tâm thường vô yếm, nãi chí Bồ Đề, hằng vô gián đoạn. Hựu thường bất ly niệm Phật tư duy, nãi chí mộng trung, diệt vô tạm phế. Như thị Bồ Tát, phước đức, trí huệ, tốc tạt viên mãn, bất cửu an trụ thanh tịnh Phật quốc, chứng ư Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Ư bỉ Phật quốc, nhất thiết hữu tình giai thọ hóa sanh, sắc tướng như Phật, phiền não vi bạc, giai trụ Đại Thừa. Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: “Dục thành chư pháp khí, đoạn nhất thiết phiền não, thường thú nhập Chân Không, chúng sự vô nan tác. Vị đoạn chư hữu phước, đương cần tu Đẳng Trì, công đức định tương ứng, tất hoạch nan tư huệ. Tu Tĩnh Lự Vô Sắc, diệt định Chân Không Quán, khởi niệm Phật thắng trí, năng tận nhất thiết ác. Hữu vô nhất*

*thiết pháp, phá dĩ Chân Không Quán, vĩnh ly chư ác thú, thường đắc kiến chư Phật. Thiện tu chân Không Quán, cần học chư thiện pháp, cúng dường nhất thiết Phật, tốc đương thành Phật quả. Vị hữu tình thân hữu, diệt trừ phiền não bệnh, tốc trụ tịnh Phật quốc, chứng đắc đại Bồ Đề. Chúng sanh như Phật tướng, biến mãn u Phật độ, giai thú cầu Phật thừa, ly Thanh Văn, Độc Giác”.*

(經)善男子！是名菩薩摩訶薩能引徧滿虛空、無量無邊、廣大眾具、辭無礙解、一切佛法、諸三摩地、諸陀羅尼、堅固大忍大甲冑輪。菩薩摩訶薩成就此輪，則能安住能引一切虛空眼頂、諸三摩地、諸陀羅尼、善巧方便大甲冑輪。住此輪故，發起無邊虛空智日，能永除滅自身四倒無明黑暗，一切過去所引未盡惡不善業、無暇惡趣、諸有諸趣、死生諸業，皆能除滅，令盡無餘，不受果報。善男子！若菩薩摩訶薩成就此輪，從初發心，一切五欲皆能除斷，超勝一切聲聞、獨覺，普為一切聲聞、獨覺作大福田，一切聲聞、獨覺乘等皆應供養、承事、守護。由此輪故，於諸佛法，增進自在常無退轉，不復隨順惡友力行，常得不離見一切佛及諸菩薩、聲聞弟子，不離聞法，不離親近供養眾僧。於諸功德，心常無厭，乃至菩提恆無間斷。又常不離念佛思惟，乃至夢中，亦無暫廢。如是菩薩，福德智慧速疾圓滿，不久安住清淨佛國，證得無上正等菩提。於彼佛國，一切有情皆受化生，色相如佛，煩惱微薄，皆住大乘」。爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「欲成諸法器，斷一切煩惱，常趣入真空，眾事無難作。為斷諸有縛，當勤修等持，功德定相應，必獲難思慧。修靜慮無色，滅定真空觀，起念佛勝智，能盡一切惡。有無一切法，破以真空觀，永離諸惡趣，常得見諸佛。善修真空觀，勤學諸善法，供養一切佛，速當成佛果。為有情親友，滅除煩惱病，速住淨佛國，證得大菩提。眾生如佛相，徧滿於佛土，皆趣求佛乘，離聲聞獨覺」。

(*Kinh*: “Này thiện nam tử! Đó gọi là Đại Nhân Đại Giáp Trụ

## **Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Kỳ – Quyển 2**

*Luân kiên cố, có thể dẫn khởi vô lượng vô biên trọn đủ các thứ Từ Vô Ngại Giải rộng lớn đối với hết thảy Phật pháp, các tam-ma-địa, các đà-la-ni trọn khắp hư không của Bồ Tát Ma Ha Tát. Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, có thể an trụ trong Phương Tiện Thiện Xảo Đại Giáp Trụ Luân, có thể dẫn khởi hết thảy hư không nhãn danh, các tam-ma-địa, các đà-la-ni. Do trụ trong luân ấy, phát khởi vô biên mặt trời trí huệ trong không trung, có thể vĩnh viễn trừ diệt bốn món điên đảo vô minh hắc ám ngay nơi thân mình, đối với hết thảy các nghiệp ác bất thiện dẫn khởi từ quá khứ chưa đoạn hết, các đường ác không nhân hạ, các cõi, các đường, các nghiệp sanh tử đều có thể trừ diệt hết sạch, chẳng còn thừa sót, chẳng thọ quả báo. Nay thiện nam tử! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu luân này, từ sơ phát tâm, hết thảy ngũ dục đều có thể đoạn trừ, vượt xa hết thảy Thanh Văn, Độc Giác, vì khắp hết thảy Thanh Văn, Độc Giác làm ruộng phước lớn. Hết thảy các Thanh Văn, Độc Giác Thừa đều nên cúng dường, thừa sự, thủ hộ. Do vì luân này, đối với các Phật pháp, tăng tấn tự tại, thường chẳng thoái chuyển, chẳng còn thuận theo sức bạn ác để làm, thường được chẳng lìa thấy hết thảy Phật, và các Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các công đức, tâm thường chẳng chán, cho đến Bồ Đề, thường chẳng gián đoạn. Lại thường chẳng lìa niệm Phật tư duy, cho đến trong mộng, cũng chẳng tạm bỏ. Phước đức và trí huệ của vị Bồ Tát như thế sẽ mau chóng viên mãn. Chẳng lâu sau, sẽ an trụ trong cõi Phật thanh tịnh, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Trong cõi Phật ấy, hết thảy hữu tình đều được hóa sanh, sắc tướng như Phật, phiền não mỏng nhẹ, đều trụ trong Đại Thừa”. Lúc bấy giờ, Thế Tôn hiển thị lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: “Muốn thành các pháp khí, đoạn hết thảy phiền não, thường tiến nhập Chân Không, các sự chẳng khó làm. Vì đoạn các hữu phước, hãy siêng tu Đẳng Trì, công đức tương ứng Định, ắt đạt huệ khó nghĩ. Tu Tĩnh Lự Vô Sắc, diệt định Chân Không Quán. Khởi thắng trí niệm Phật, diệt sạch hết thảy ác. Các pháp hữu, vô thấy, phá bởi Chân Không Quán, mãi lìa các đường ác, thường được thấy chư Phật. Khéo tu Chân Không Quán, siêng học các pháp lành, cúng dường hết thảy Phật, sẽ mau thành Phật quả. Vì hữu tình thân hữu, diệt trừ bệnh phiền não, mau trụ cõi Phật tịnh, chứng đắc đại Bồ Đề. Chúng sanh như Phật tướng, trọn khắp trong cõi Phật, đều hướng cầu Phật thừa, lìa Thanh Văn, Độc Giác”).*

Từ các môn Định được dẫn khởi, nhiếp thọ trong Định luân, mới

có thể phát khởi vô biên vàng mặt trời trí huệ trong hư không. Vàng mặt trời ấy giống như trí huệ. Phát khởi bao nhiêu vàng mặt trời? Vô biên. Trí huệ vô tận, từ lúc ấy mà phát khởi, bèn rớt ráo trừ diệt bốn thứ điên đảo nơi bản thân, cho đến vô minh rớt ráo, cho đến Hoặc nghiệp vô minh đều rớt ráo trừ diệt. Các nghiệp ác bất thiện dẫn khởi từ quá khứ, cho đến “*vô hạ ác thú, chư hữu, chư thú, tử sanh chư nghiệp, giai năng trừ diệt*” (các đường ác chẳng nhàn hạ, các cõi, các đường, các nghiệp tử sanh, đều có thể trừ diệt): Sau đây mới có thể hoàn toàn đoạn trừ, khiến cho chẳng thừa sót, chẳng thọ quả báo.

“*Thiện nam tử*”, nếu các Bồ Tát thành tựu luân này, từ lúc sơ phát tâm, có thể đoạn trừ hết thảy ngũ dục, chẳng còn bị thoái đọa, há còn có thể nào thuận theo sức mạnh dẫn dắt của bạn ác nữa chẳng? Chẳng thuận theo bạn ác, sẽ rời lìa cái ác, thì cũng có thể chuyển hóa. Tới khi đó, vị ấy còn có thể chuyển bạn ác thành thiện hữu. Do vậy thường “*bất ly nhất thiết chư Phật, chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, bất ly văn pháp, bất ly thân cận, cúng dường chúng Tăng. Ư chư công đức, tâm thường vô yếm, nãi chí Bồ Đề hằng vô gián*” (chẳng lìa hết thảy chư Phật, chư Bồ Tát, Thanh Văn đệ tử, chẳng lìa nghe pháp, chẳng lìa thân cận, cúng dường chúng Tăng. Đối với các công đức, tâm thường chẳng chán, cho đến Bồ Đề luôn chẳng gián đoạn): Trên đường Bồ Đề, chẳng còn có lúc gián đoạn nữa. Chúng ta đọc phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện cũng thế, mà niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng cũng thế, chưa hề gián đoạn, luôn chẳng gián đoạn, cũng là “*thường bất ly niệm Phật tư duy*” (thường chẳng lìa niệm Phật, tư duy). Miệng niệm Phật, tâm nghĩ đến Phật, thân thể lạy Phật. “*Nãi chí mộng trung, diệc vô tạm phế*” (Cho đến trong mộng, cũng chẳng tạm bỏ): Ngày đêm hai mươi bốn giờ đều niệm Phật, chẳng có một niệm nào rời khỏi Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Đã đạt tới mức độ ấy, “*như thị Bồ Tát phước đức, trí huệ tốc tạt viên mãn*” (phước đức và trí huệ của vị Bồ Tát như thế sẽ mau chóng viên mãn), sẽ thành Phật rất nhanh chóng. Chẳng bao lâu, liền an trụ trong cõi Phật thanh tịnh. Chính vị ấy an trụ trong quốc độ của Phật.

“*Ư bỉ Phật quốc, nhất thiết hữu tình giai thọ hóa sanh, sắc tướng như Phật*” (Trong cõi Phật ấy, hết thảy hữu tình đều được hóa sanh, sắc tướng như Phật): Hữu tình ấy [do thành tựu luân này], trong hết thảy các cõi Phật, đều là hóa sanh, đương nhiên chẳng phải là sanh nở bằng bào thai. Không có một cõi Phật nào mà sanh nở bằng bào thai! Thế giới Sa Bà của chúng ta khác hẳn. Đây là ngũ trược ác thế, chứ trong cõi Phật thanh tịnh thì đều là hóa sanh, chẳng có nữ tướng, chẳng có tướng sanh

nở, nuôi lớn, hoàn toàn chẳng cần đoạn phiền não. Tới khi ấy, phiền não mỏng ít, rất ít, đều trụ trong pháp Đại Thừa.

*“Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Dục thành chư pháp khí, đoạn nhất thiết phiền não, thường thú nhập Chân Không, chúng sự vô nan tác”* (Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hiển thị lại nghĩa ấy, bèn nói kệ tụng rằng: - Muốn thành các pháp khí, đoạn hết thảy phiền não, thường tiến nhập Chân Không, mọi việc chẳng khó làm): Hiển thị hết thảy các tướng. Tuy hiển thị hết thảy các tướng, mà diệt hết thảy các tướng, đều hiển thị Chân Không. Đây là gì? Chính là Chân Không Tuyệt Tướng Quán trong kinh Hoa Nghiêm, là Chân Quán của Thiên Thai Tứ Giáo; Không, Giả, Trung là tu Chân Không Quán. *“Vị đoạn chư hữu phược”* (Vị đoạn các trói buộc trong các hữu), tam giới đều có trói buộc. Như vậy thì thường *“cần tu Đẳng Trì”* (siêng tu Đẳng Trì), thường siêng tu môn tam-muội ấy, hết thảy các pháp đều bình đẳng. Trì hết thảy nghĩa, trì một niệm tâm của chính quý vị, tâm luôn bình đẳng. *“Công đức, Định tương ứng”* (Công đức và Định tương ứng): Nếu quý vị đặc loại Định này, loại công đức này so với môn Định quý vị đạt được, hai đẳng tương ứng, chẳng thể sai! Công đức là Định, Định là công đức, mà cũng chẳng có công đức, cũng chẳng có gì là Định. *“Tất hoạch nan tư huệ”* (Ắt được trí huệ khó nghĩ tưởng), đây là nói đạt được công đức. Đã đắc định, còn có thể đắc huệ, đạt được huệ chẳng thể nghĩ bàn. *“Nan tư”* (Khó nghĩ) là bất khả tư nghị. Nếu muốn tu Tĩnh Lự, tu Định, ngàn vạn lần hãy liả Sắc. Tĩnh Lự Vô Sắc, không có hết thảy các sắc tướng, tu Tĩnh Lự liả hết thảy sắc tướng.

Đây gọi là *“diệt định Chân Không Quán”*, tu Diệt Tận Định, chân không tuyệt tướng, hết thảy tướng đã chẳng có. Khi ấy, ở trong Định, sanh khởi trí huệ niệm Phật thù thắng, diệt sạch hết thảy các ác, dùng Chân Không Quán để phá hết thảy các pháp hữu vi. Hữu cũng thế, mà Vô cũng thế. Hữu là nói đối ứng với vô, hoàn toàn chẳng phải là Chân Không. Dùng Chân Không Quán để phá cái Hữu Vô ấy. Cái Hữu Vô ấy một đẳng là thường pháp, một đẳng là đoạn diệt pháp. Hữu là thường pháp, Vô là đoạn diệt. Chân Không chẳng phải như vậy, Chân Không có thể sanh ra Diệu Hữu. Diệu Hữu chẳng phải là Phi Hữu, Phi Hữu chính là Chân Không. Chân Không bất không, tức là Diệu Hữu, cũng là đạt được hết thảy các tướng công đức. Các công đức của Phật có hình dạng như thế nào? Diệu Hữu phi hữu!

*“Thiện tu Chân Không Quán, cần tu chư thiện pháp, cúng dường nhất thiết Phật, tốc đương thành Phật quả”* (Khéo tu Chân Không Quán,

siêng tu các thiện pháp, cúng dường hết thầy Phật, sẽ mau thành Phật quả): Khéo tu Chân Không Tuyệt Tướng Quán, có thể siêng tu các thiện pháp, hoàn toàn chẳng trụ trong Không. Cái Không ấy chẳng phải là không có. [Nếu hiểu Không là chẳng có gì], đó là chẳng đúng. Có thể khéo tu Chân Không Quán, thì mới có thể siêng tu các thiện pháp; đó gọi là tu Tứ Quán Chân Thật Tuyệt Tướng, nương vào lý Chân Không mà sanh khởi hết thầy các sự, Đó là Lý Sự vô ngại. Các pháp được hành gọi là “thiện pháp”. Dùng điều này để cúng dường Phật, dùng pháp để cúng dường hết thầy chư Phật, thành tựu Phật quả rất nhanh chóng. Vì hữu tình thân hữu, diệt trừ bệnh phiền não. Khi đó, quý vị mới có sức mạnh to lớn, có thể quán chiếu những thân hữu hữu tình liên quan với quý vị, khiến cho bệnh phiền não cũng đoạn trừ, đều độ họ.

“*Tốc trụ tịnh Phật quốc*” (Mau chóng trụ trong cõi Phật thanh tịnh): Sanh về cõi Phật thanh tịnh, ở đó có thể “*chứng đắc đại Bồ Đề*”, hết thầy chúng sanh đều như Phật tướng, thấy hết thầy chúng sanh đều là Phật. “*Biến mãn u Phật độ*” (Trọn khắp trong cõi Phật): Chúng sanh trong quốc độ Phật thanh tịnh ấy đều là thành Phật. Như vậy “*giai thứ cầu Phật thừa, ly Thanh Văn, Độc Giác*” (đều tiến hướng cầu Phật Thừa, lìa Thanh Văn, Độc Giác), lìa khỏi địa vị Nhị Thừa, cầu thành Phật. Đợi đến khi nói xong phẩm Chúc Lụy, tôi sẽ quay lại nói một chút về tu Sở Túc Quán, kể như chúng ta viên mãn.

### **VIII. Hoạch Ích Chúc Lụy - Phẩm Đệ Bát**

#### **獲益囑累品第八**

*(Phẩm thứ tám: Đạt Được Lợi ích và Chúc Lụy)*

*(Kinh) Phật thuyết như thị đại pháp môn thời, u chúng hội trung, hữu Căng-già sa đấng Bồ Tát Ma Ha Tát, quá khứ cửu tập Niệm Phật tư duy, kim văn Thế Tôn sở thuyết Niệm Phật Tu Quán phương tiện, giai đắc Niệm Phật tam-ma-địa môn. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn thị pháp dĩ, giai đắc Nhất Thiết Định Mạng Hoa Man đà-la-ni môn. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, giai đắc nhất thiết Thủ Lăng Già Ma Điện Quang Y Chỉ đà-la-ni môn. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, giai đắc Nhất Thiết Pháp Tự Tại Chuyển Quang Minh Y Chỉ Thuận Nhân. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, viễn trần ly cầu, u chư pháp trung, sanh tịnh pháp nhân, đắc Dự Lưu quả. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở*

*thuyết, đắc Nhất Lai quả. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, đắc Bất Hoàn quả. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, giai đắc tối thượng A La Hán quả. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, tâm cầu xuất ly tam giới lao ngục, y Phật xuất gia, thủ nhập chánh pháp. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, tận thọ an trụ Thập Thiện Nghiệp Đạo, y Thanh Văn Thừa, phát tâm bất thoái. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, tận thọ an trụ Thập Thiện Nghiệp Đạo, y Độc Giác Thừa, phát tâm bất thoái. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, tận thọ an trụ Thập Thiện Nghiệp Đạo, y Đại Thừa trung, phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, bất phục thoái chuyển. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, đắc thể chánh kiến. Do thủ chánh kiến, trừ diệt nhất thiết vãng ác thú nhân, phiền não ác nghiệp, tăng trưởng nhất thiết hướng thiện thú nhân, chánh nguyện thiện nghiệp. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, giai thọ Tam Quy, an trụ Cận Sự, Cận Trụ tịnh giới, nhạo cúng dường Phật, nhạo thính văn pháp, nhạo phụng sự Tăng, trú dạ tinh cần, tăng vô giải phé. Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, viễn ly nhất thiết tà thú, tà quy, ác ý, ác nghiệp, u Phật pháp trung, đắc quyết định tín, khí xả gia pháp, thanh tịnh xuất gia.*

(經)佛說如是大法門時，於眾會中，有殑伽沙等菩薩摩訶薩，過去久習念佛思惟，今聞世尊所說念佛修觀方便，皆得念佛三摩地門。復有無量無邊眾生，聞是法已，皆得一切定命華鬘陀羅尼門。復有無量無邊眾生，聞佛所說，皆得一切首楞伽摩電光依止陀羅尼門。復有無量無邊眾生，聞佛所說，皆得一切法自在轉光明依止順忍。復有無量無邊眾生，聞佛所說，遠塵離垢，於諸法中生淨法眼，得預流果。復有無量無邊眾生，聞佛所說，得一來果。復有無量無邊眾生，聞佛所說，得不還果。復有無量無邊眾生，聞佛所說，皆得最上阿羅漢果。復有無量無邊眾生，聞佛所說，心求出離三界牢獄，依佛出家，趣入正法。復有無量無邊眾生，聞佛所說，盡壽安住十善業道，依聲聞乘發心不退。復有無量無邊眾生，聞佛所說，盡壽安住十

善業道，依獨覺乘發心不退。復有無量無邊眾生，聞佛所說，盡壽安住十善業道，依大乘中，發阿耨多羅三藐三菩提心，不復退轉。復有無量無邊眾生，聞佛所說，得世正見。由此正見，除滅一切往惡趣因、煩惱惡業，增長一切向善趣因、正願善業。復有無量無邊眾生，聞佛所說，皆受三歸，安住近事、近住、淨戒，樂供養佛，樂聽聞法，樂奉事僧，晝夜精勤，曾無懈廢。復有無量無邊眾生，聞佛所說，遠離一切邪趣、邪歸、惡意、惡業，於佛法中得決定信，棄舍家法，清淨出家。

*(Kinh: Khi đức Phật nói đại pháp môn như thế, trong chúng hội có các vị Bồ Tát Ma Ha Tát nhiều như cát sông Hằng, trong quá khứ đã tu tập Niệm Phật tư duy từ lâu, nay nghe đức Thế Tôn nói về phương tiện Niệm Phật Tu Quán, đều đắc Niệm Phật tam-ma-địa môn. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe pháp ấy rồi, đều đắc Nhất Thiết Định Mạng Hoa Man Đà-la-ni môn. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, đều đắc hết thấy Thủ Lăng Già Ma Điện Quang Y Chỉ Đà-la-ni môn. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, đều đắc Nhất Thiết Pháp Tự Tại Chuyển Quang Minh Y Chỉ Thuận Nhẫn. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh, nghe đức Phật nói, xa lìa trần cấu, sanh pháp nhãn thanh tịnh trong các pháp, đắc quả Dự Lưu. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, đắc quả Nhất Lai. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh, nghe đức Phật nói, đắc quả Bất Hoàn. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, đều đắc tối thượng A La Hán quả. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, tâm cầu thoát lìa lao ngục tam giới, nương theo đức Phật xuất gia, tiến nhập chánh pháp. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, cho đến hết thọ mạng, an trụ trong Thập Thiện Nghiệp Đạo, nương theo Thanh Văn Thừa, phát tâm bất thoái. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, cho đến hết thọ mạng, an trụ trong Thập Thiện Nghiệp Đạo, nương theo Độc Giác Thừa, phát tâm bất thoái. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, cho đến hết thọ mạng, an trụ trong Thập Thiện Nghiệp Đạo, nương theo Đại Thừa, phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chẳng còn thoái chuyển. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, đắc chánh kiến thế gian. Do chánh kiến ấy, diệt trừ hết thấy các cái nhân, phiền não, và ác*



*nghiệp tiến đến đường ác, tăng trưởng hết thảy cái nhân, chánh nguyện, và thiện nghiệp hướng vào đường lành. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật dạy, đều thọ Tam Quy, an trụ tịnh giới Cận Sự và Cận Trụ, thích cúng dường Phật, thích nghe pháp, thích phụng sự Tăng, ngày đêm siêng ròng, chưa từng lười nhác, bỏ phế. Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, xa lìa hết thảy đường tà, quy y tà, ác ý, ác nghiệp. Trong Phật pháp, đạt được niềm tin quyết định, vứt bỏ pháp thế tục, thanh tịnh xuất gia).*

Đây là phẩm cuối cùng của kinh Đại Tập Thập Luân, pháp hội tới đây đã viên mãn. Sau khi nghe pháp, những ai đạt được lợi ích? Cũng như thân được hiệu quả gì? Điều thứ nhất, có bao nhiêu vị Bồ Tát trong đại chúng? Có các vị đại Bồ Tát nhiều như cát sông Hằng. Trong quá khứ, các Ngài đã học pháp môn Niệm Phật tư duy, Niệm Phật ở đây không nhất định là niệm A Di Đà Phật. Chữ Phật trong Niệm Phật ở đây là nói phổ quát. Phạm là [nói tới] Niệm Phật tức là nói theo ý nghĩa “*hết thảy chư Phật*”. Tu Niệm Phật Quán, dùng phương tiện tu Quán để xưng danh hiệu Phật, quán tưởng tượng Phật. Đây là điều họ đã học trong quá khứ, ở trong pháp hội Đại Tập này, nghe giảng cách tư duy và quán tưởng Niệm Phật, họ đạt được lợi ích, nhập tam-ma-địa, đắc Niệm Phật tam-muội. Trong ấy, có khi là niệm Hóa Thân Phật, có khi là niệm Báo Thân Phật, có khi là niệm Pháp Thân Phật, tùy thuộc sức quán tưởng của chính mình mạnh hay yếu mà đạt được pháp môn cũng khác nhau. Đây là nói về Bồ Tát Ma Ha Tát, họ đắc Niệm Phật tam-muội, nhập Niệm Phật tam-muội.

*“Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn thị pháp dĩ, giai đắc Nhất Thiết Định Mạng Hoa Man Đà-la-ni môn”* (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh, nghe pháp này rồi, đều đắc Nhất Thiết Định Mạng Hoa Man Đà-la-ni môn): Đây là tên của môn Định. Nhất Thiết Định Mạng Hoa Man Đà-la-ni Môn là tên của một môn tam-muội khác.

*“Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, giai đắc nhất thiết Thủ Lăng Già Ma Điện Quang Y Chi Đà-la-ni Môn”* (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật dạy, đắc hết thảy Thủ Lăng Già Ma Điện Quang Y Chi Đà-la-ni Môn): Môn Định này có tên là [Thủ] Lăng Già Ma Điện Quang Y Chi Đà-la-ni.

*“Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, giai đắc Nhất Thiết Pháp Tự Tại Chuyển Quang Minh Y Chi Thuận Nhân”* (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật dạy đều đắc Nhất

Thiết Pháp Tự Tại Chuyển Quang Minh Y Chỉ Thuận Nhãn): Y Chỉ Thuận Nhãn vẫn là Định. “*Y chỉ thuận nhãn*” là y chỉ môn Định ấy, Chỉ là Định.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, viễn trần ly cấu, u chú pháp trung, sanh tịnh pháp nhãn*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, xa lìa trần cấu, sanh pháp nhãn thanh tịnh đối với các pháp): “*Sanh tịnh pháp nhãn*” là mắt đạt được pháp thanh tịnh, tức là có chánh tri, chánh kiến, chẳng có tà tri, tà kiến, cũng là đoạn dứt Kiến Hoặc. Do nghe đức Phật nói mà đắc quả Dự Lưu. Quả Dự Lưu là quả Tu Đà Hoàn, tức Sơ Quả.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói): Sau đó, họ thành tựu quả Nhất Lai. Quả Nhất Lai là Tu Đà Hàm, tức là còn một lần sanh trong tam giới nhân gian; đó gọi là Nhất Lai Quả.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, đắc Bất Hoàn quả*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, đắc quả Bất Hoàn): Quả Bất Hoàn là quả A Na Hàm, là quả thứ ba.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, giai đắc tối thượng A La Hán quả*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói đều đắc quả A La Hán tối thượng), liền chứng Tứ Quả A La Hán. Trong pháp hội này, đức Phật thuyết pháp bình đẳng. Điều này cho thấy: Căn cơ bất đồng [tuy cùng nghe một pháp], vẫn đạt được hiệu quả bất đồng. Có người đắc Sơ Quả, có người đắc Tứ Quả. Có chúng sanh nghe đức Phật nói, bèn có thể an trụ trong tâm xuất ly. Xuất ly gì vậy? Xuất ly tam giới. Người ấy nghe đức Phật thuyết pháp, tâm cảm nhận thế giới này hết sức ô trược, nầy sanh tâm chán lìa, thoát lìa nhà tù tam giới, cũng có nghĩa là xuất gia. “*Xuất gia thú nhập chánh pháp*” [nghĩa là] nương theo đức Phật xuất gia, tiến nhập chánh pháp.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, tận thọ an trụ Thập Thiện Nghiệp Đạo*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, cho đến hết thọ mạng, bèn an trụ trong Thập Thiện Nghiệp Đạo): Kể từ sau khi nghe pháp trong hiện thời cho đến hết thọ mạng, tức là đã chết, trong thời gian ấy, người đó một mực chẳng trái nghịch Thập Thiện Nghiệp Đạo. Có người nương theo Thanh Văn Thừa, phát Bồ Đề tâm, biết Khổ, đoạn Tập, hâm mộ Diệt, tu Đạo. Có người nghe Độc Giác Thừa, tu mười hai nhân duyên, học pháp nhân duyên. Có vô lượng vô biên chúng sanh “*văn Phật sở thuyết, tận thọ an trụ Thập Thiện Nghiệp Đạo*” (nghe đức Phật nói, trọn hết thọ mạng, an

trụ trong Thập Thiện Nghiệp Đạo): “*An trụ Thập Thiện Nghiệp Đạo*” tức là tu pháp Thập Thiện. Tu pháp Thập Thiện có thể sanh trong nhân thiên thừa. Còn có người sau khi nghe pháp, nương theo Đại Thừa, phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chẳng còn thoái chuyển. Tín tâm kiên định, sau khi nghe pháp, trụ trong Đại Thừa, phát tâm thành Phật.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, đắc thế chánh kiến*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, đạt được chánh kiến thế gian): Chánh kiến ấy chẳng phải là xuất thế, mà là chánh kiến thế gian. Chánh kiến là phân biệt tà chánh, phân biệt điều gì là thiện, điều gì là ác, điều gì là chánh xác, điều gì là chánh tri chánh kiến, điều gì là tà tri tà kiến. Nếu người ấy chứng đắc chánh kiến, sẽ có thể trừ diệt hết thảy nhân quả, ác nghiệp tiến hướng đường ác. Trừ diệt cái nhân của phiền não và ác nghiệp, sẽ chẳng cảm lấy khổ quả, sẽ chẳng cảm nhận quả chướng của phiền não và ác nghiệp, tăng trưởng hết thảy các nhân tiến hướng đường lành. “*Chánh nguyện thiện nghiệp*”: Nguyện của người ấy là phát nguyện tu hành thiện nghiệp, chẳng tạo ác nghiệp.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh văn Phật sở thuyết, giai thọ Tam Quy*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, đều thọ Tam Quy), tức là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. “*An trụ u Cận Sự, Cận Trụ tịnh giới*” (An trụ trong tịnh giới của Cận Sự và Cận Trụ): [Luật nghi của] Cận Sự, Cận Trụ là Tam Quy, Ngũ Giới. Cận Trụ tịnh giới là Bát Quan Trai Giới. “*Nhạo cúng dường Phật, nhạo thính văn pháp*” (Thích cúng dường Phật, thích nghe pháp): Nghe thuyết pháp. “*Nhạo phụng sự Tăng*” [phải hiểu theo nghĩa rộng] là ưa thích cúng dường Tam Bảo, theo Phật nghe pháp, theo Tăng nghe pháp, ngày đêm siêng rông, chẳng giải đãi, “*tăng vô giải phế*” (chưa từng giải đãi, phế bỏ): Sau khi nghe pháp, đạt được hiệu quả tinh tấn.

“*Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn Phật sở thuyết, viễn ly nhất thiết tà thú, tà quy, ác ý, ác nghiệp*” (Lại có vô lượng vô biên chúng sanh nghe đức Phật nói, xa lìa hết thảy đường tà, quy y tà, ác ý, ác nghiệp): Chẳng khởi ác tâm, chẳng làm ác nghiệp nữa. “*Ư Phật pháp trung, đắc quyết định tín*” (Đạt được tín tâm thanh tịnh đối với Phật pháp): Tín tâm bất thoái. “*Khi xả gia pháp, thanh tịnh xuất gia*” (Buông bỏ pháp tại gia, xuất gia thanh tịnh): “*Xuất gia*” ở đây chẳng phải là thành đạo, đã xuất gia vẫn phải tu hành. Trong pháp hội này, tức là pháp hội Đại Tập Thập Luân, đức Phật nói ra mây loại Thập Luân, một là Thập Luân của quốc vương, nương theo pháp thế gian nhằm biểu thị

## *Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2*

Thập Luân của Phật. Và cũng nói tới Hữu Y và Vô Y. Vô Y là không có Tam Bảo để có thể nương dựa; do vậy, tạo ác nghiệp, sẽ thọ báo, chẳng biết sẽ theo đường nào! Hữu Y là nương cậy Tam Bảo, Vô Y là nói tới Thập Ác Luân. Hữu Y là nói tới Thập Thiện Luân. Cuối cùng là nói về Thập Luân của Bồ Tát. Bộ kinh này có tên gọi là Đại Tập Thập Luân Kinh. Sau khi mọi người nghe pháp, sẽ đạt được lợi ích bất đồng. Bất luận nghe pháp cùng một nơi, nhưng người nghe tiếp nhận khác nhau, mỗi người có nhân duyên khác nhau. Giống như hiện thời, chúng tôi giảng hơn hai tháng, do chẳng phải là giảng hằng ngày, mà là đứt quãng, có thể nghe toàn bộ bản kinh này, tính ra chẳng được mấy người, đều là bị gián đoạn.

Đây là nguyên nhân gì? Nhân duyên bất đồng. Hoàn toàn chẳng phải là quý vị muốn gián đoạn. [Khi nhân duyên đã chín muồi], quý vị chẳng gián đoạn cũng bị gián đoạn, quý vị mong gián đoạn cũng chẳng thể gián đoạn được! Tới lúc [hội đủ nhân duyên nghe kinh] thì quý vị lại đến [nghe giảng kinh], ai có nhân duyên nấy! Nhưng chúng ta hãy nên hiểu mỗi người có nhân duyên riêng, đừng hâm mộ kẻ khác rồi chính mình sanh tâm thoái đạo, cũng chớ nên thấy người khác có nhân duyên tốt đẹp bèn hâm mộ kẻ đó, chẳng cần thiết! Mỗi người tạo cái nhân riêng, kết thành cái quả riêng biệt. Có ý nghĩa như thế đó. Có người nghe bộ kinh này, có thể đắc vô thượng tam-muội. Có người nghe kinh xong, thọ Tam Quy, Ngũ Giới. Thọ Tam Quy, Ngũ Giới chỉ là gieo thiện căn. Khá nhiều đạo hữu gần đây mới thọ Tam Quy, chẳng nghe kinh cũng thọ Tam Quy. Đây là nhân duyên bất đồng. Phạm là các pháp sanh bởi nhân duyên thì chẳng chân thật!

Nói xong bộ kinh này, đức Phật căn dặn, phó thác cho ai? Căn dặn, phó thác cho Hư Không Tạng. “*Tạng*” (藏) có nghĩa là “chứa đựng”. Chứa đựng gì vậy? Hư không! “*Không*” thì còn có gì nữa? “*Không*” là chẳng có. “*Không*” có nghĩa là mong chúng ta đều xóa sạch phiền não, tập khí, nghiệp chướng. Nhờ vào danh nghĩa ấy, chúng ta có thể lý giải. Nếu xóa sạch các ô nhiễm, ô uế, bần thủ, sẽ chỉ còn lại thanh tịnh. Thanh tịnh chính là công đức của Pháp Thân. Nay chúng ta đã nghe, mọi người cùng nhau học tập, đạt được lợi ích gì? Trong tâm mỗi người đều có điều thâm hoạch. Bộ kinh này kể từ lúc pháp sư Huyền Trang phiên dịch sang tiếng Hán, mãi cho đến hiện thời, không có ai giảng giải. Chúng tôi giảng là lần đầu tiên, có lẽ sẽ có sai lầm. Nếu có sai lầm, xin sám hối. Chúng ta cùng nhau học tập bộ kinh này, vẫn là rất khó khăn, mọi người đều phải phát tâm thì mới có thể viên mãn. Hôm

nay kể như là đã hoàn thành rồi.

Bộ kinh này khơi gợi chúng ta, bảo cho chúng ta biết, tu hành nhất định phải đoạn Thập Ác, hành Thập Thiện; tối thiểu, chúng ta phải nên có tín tâm ấy. Sau đó, trong cuộc sống thường nhật, đừng nên bày ra bộ mặt dữ tợn với người khác, luôn có vẻ mặt tươi cười, hoan hỷ đối với người khác. Nếu người khác rất phiền não, họ thấy thái độ của ta rất tốt đẹp, ngọn lửa phiền não của họ sẽ hạ xuống. Giả sử đối với người ấy nổi nóng, kể cả đối đãi với con cái và bạn bè của chính mình. Người hiện thời, đối với cha mẹ của chính mình, thường có vẻ mặt đối với cha mẹ giống như vẻ mặt của tiểu hòa thượng đối với lão hòa thượng, luôn luôn chẳng vừa ý như vậy. Vẻ mặt ấy giống như ai đó có nhiều tiền mà chẳng cho kẻ đó, đôi bên chẳng thể trò chuyện được! Trong Phật giáo, [nếu hành xử như vậy], quý vị đã phạm giới. Phạm giới gì vậy? Mọi người biết không? Sân khê! Trong tâm luôn tạo một ấn tượng chẳng thanh tịnh cho người khác. Miệng thốt lời ác, nói thêu dệt, những điều này đều thuộc về Thập Ác nghiệp. Vì trong ý có sân tâm, khí sắc bên ngoài tự nhiên sẽ chẳng dễ coi. Đây là điều tất nhiên! Khi đó, bàn chuyện với người khác, ít khi bàn bạc thành công!

Đã học kinh Đại Tập Thập Luân, nhận biết ác luân là gì, thiện luân là gì, trong cuộc sống hằng ngày, [các nghiệp] nơi thân và miệng chiếm hết bảy điều, ý thức chỉ chiếm có ba. Đây là thiện hay ác ở ngay trong cái tâm của quý vị. Chúng ta nghe xong, hãy nên đạt được những điều tốt đẹp như đã nói trong phần trước. Thập Luân của Phật và Thập Luân của đại Bồ Tát, chúng ta không đạt được, tối thiểu là chúng ta thọ Tam Quy. Chúng ta phải có sự nương tựa, dựa vào sức gia trì của Tam Bảo, khiến cho chúng ta chẳng tạo nghiệp Thập Ác, tận lực hành nghiệp Thập Thiện, giữ gìn chẳng mất thân người, gặp Phật, nghe pháp, thường gặp gỡ thiện tri thức, nghe pháp tu đạo.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “Thiện nam tử! Ngô kim trì thử Địa Tạng Thập Luân Đại Kỳ pháp môn, phó chúc nhữ thử. Nhữ đương thọ trì, quảng linh lưu bố. Nhược chư chúng sanh u thử pháp môn, hữu năng độc tụng, tu duy kỳ nghĩa, vị tha giải thuyết, trụ chánh hạnh giả, nhữ đương vị bỉ thủ hộ thập pháp, linh u trường dạ, lợi ích an lạc. Hà đẳng vị thập? Nhất giả, vị bỉ thủ hộ nhất thiết tài vị, linh vô tổn pháp. Nhị giả, vị bỉ thủ hộ nhất thiết oán địch, linh bất xâm hại. Tam giả, vị bỉ thủ hộ, linh xả nhất thiết tà kiến, tà quy, thập ác nghiệp đạo. Tứ giả, vị bỉ thủ*

hộ, linh miễn nhất thiết thân ngữ trích phạt. Ngũ giả, vị bỉ thủ hộ, giá đoạn nhất thiết báng hủy, khinh lộng. Lục giả, vị bỉ thủ hộ, linh u nhất thiết quỹ phạm, Thi La, giai đắc vô phạm. Thất giả, vị bỉ thủ hộ, linh tất trừ diệt nhất thiết phi nhân, Tứ Đại quai phản, phi thời lão bệnh. Bát giả, vị bỉ thủ hộ, bất tạo nhất thiết phi thời, phi lý, tai hoạnh, yếu một. Cửu giả, vị bỉ thủ hộ, mạng dục chung thời, đắc kiến nhất thiết chư Phật sắc tượng. Thập giả, vị bỉ thủ hộ, linh kỳ chung hậu, vãng sanh thiện thú, lợi ích an lạc. Thiện nam tử! Nhược chư hữu tình u thử pháp môn, hữu năng độc tụng, tư duy kỳ nghĩa, vị tha giải thuyết, trụ chánh hạnh giả, nhữ đương vị bỉ cần gia thủ hộ như thị thập pháp, linh u trường dạ, lợi ích an lạc”. Thời, Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật ngôn: “Dụ nhiên, Thế Tôn! Ngã đương thọ trì như thị pháp môn, quảng linh lưu bố. Nhược chư hữu tình u thử pháp môn, hữu năng độc tụng, tư duy kỳ nghĩa, vị tha giải thuyết, trụ chánh hạnh giả, ngã đương vị bỉ, thủ hộ thập pháp, linh u trường dạ, lợi ích, an lạc”. Thời, Bạc Già Phạm thuyết thị kinh dĩ, u chúng hội trung, Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Hảo Nghi Văn Bồ Tát Ma Ha Tát, Thiên Tạng Đại Phạm đẳng, cập chư thiên long, Dược Xoa, Kiện Đạt Phục, A Tổ Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, nhân phi nhân đẳng, nhất thiết đại chúng, vãn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ, phụng hành.

(經)爾時，世尊告虛空藏菩薩摩訶薩言：「善男子！吾今持此地藏十輪大記法門，付囑汝手。汝當受持廣令流佈。若諸眾生，於此法門，有能讀誦，思惟其義，為他解說，住正行者，汝當為彼守護十法，令於長夜利益安樂。何等為十？一者、為彼守護一切財位，令無損乏。二者、為彼守護一切怨敵，令不侵害。三者、為彼守護，令舍一切邪見、邪歸、十惡業道。四者、為彼守護，令免一切身語謫罰。五者、為彼守護，遮斷一切謗毀輕弄。六者、為彼守護，令於一切軌範、尸羅皆得無犯。七者、為彼守護，令悉除滅一切非人、四大乖反、非時老病。八者、為彼守護，不遭一切非時非理災橫夭歿。九者、為彼守護，命欲終時，得見一切諸佛色像。十者、為彼守護，令其終後

，往生善趣，利益安樂。善男子！若諸有情，於此法門，有能讀誦，思惟其義，為他解說，住正行者，汝當為彼勤加守護如是十法，令於長夜，利益安樂」。時，虛空藏菩薩摩訶薩白佛言：「唯然，世尊！我當受持如是法門，廣令流佈。若諸有情，於此法門，有能讀誦，思惟其義，為他解說，住正行者，我當為彼守護十法，令於長夜，利益安樂」。時，薄伽梵說是經已，於眾會中，虛空藏菩薩摩訶薩、地藏菩薩摩訶薩、金剛藏菩薩摩訶薩、好疑問菩薩摩訶薩，天藏大梵等，及諸天、龍、藥叉、健達縛、阿素洛、揭路荼、緊捺洛、莫呼洛伽、人非人等，一切大眾，聞佛所說，皆大歡喜，信受奉行。

*(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Này thiện nam tử! Ta nay đem pháp môn Địa Tạng Thập Luân Đại Kỳ này phó chúc vào tay ông. Ông hãy nên thọ trì, lưu truyền rộng rãi. Nếu các chúng sanh đối với pháp môn này mà có thể đọc tụng, tư duy ý nghĩa, vì người khác giải nói, trụ trong chánh hạnh, ông hãy nên vì người đó thủ hộ mười pháp, khiến cho người đó lợi ích, an lạc trong đêm dài. Những gì là mười? Một là vì người ấy thủ hộ hết thảy của cải, địa vị, chẳng để cho hao tổn, thiếu thốn. Hai là vì người ấy thủ hộ chẳng để cho hết thảy oán địch xâm hại. Ba là vì người ấy thủ hộ, khiến cho bỏ hết thảy tà kiến, tà quy, thập ác nghiệp đạo. Bốn là vì người ấy thủ hộ, khiến cho tránh khỏi hết thảy sự trừng phạt nơi thân và lời nói. Năm là vì người ấy thủ hộ, ngăn che, đoạn trừ hết thảy báng hủy, khinh mạn, trào lộng. Sáu là vì người ấy thủ hộ, khiến cho hết thảy khuôn phép và Thi La đều chẳng trái phạm. Bảy là vì người ấy thủ hộ, khiến cho các thứ già bệnh trái thời do phi nhân hay Tứ Đại chẳng điều hòa gây ra đều bị trừ diệt. Tám là vì người ấy thủ hộ, chẳng gặp hết thảy các tai nạn bất ngờ trái thời, phi lý, và chết yểu. Chín là vì người ấy thủ hộ, khiến cho khi mạng sắp hết, được thấy hình tướng của hết thảy chư Phật. Mười là vì người ấy thủ hộ, khiến cho sau khi mạng chung, được sanh về đường lành, lợi ích an lạc. Này thiện nam tử! Nếu các hữu tình đối với pháp môn này, có thể đọc tụng, tư duy ý nghĩa, vì người khác giải nói, trụ trong chánh hạnh, ông hãy nên vì người ấy càng thêm siêng năng thủ hộ mười pháp như thế, khiến cho được lợi ích an lạc trong đêm dài”.*

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

*Khi đó, Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch với đức Phật rằng: “Kinh vãng đức Thế Tôn! Con sẽ thọ trì pháp môn như thế này, lưu truyền rộng rãi. Nếu các hữu tình đối với pháp môn này, có thể đọc, tụng, tư duy ý nghĩa, vì người khác giải nói, trụ trong chánh hạnh, con sẽ vì người ấy thủ hộ mười pháp, khiến cho được lợi ích và an lạc trong đêm dài”. Khi đó, đức Bạc Già Phạm nói kinh này xong, trong chúng hội, Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Hảo Nghi Vấn Bồ Tát Ma Ha Tát, Thiên Tạng Đại Phạm v.v... và các trời, rồng, Dược Xoa, Kiện Đạt Phước, A Tổ Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, nhân phi nhân v.v... hết thảy đại chúng nghe lời đức Phật dạy, đều hoan hỷ to lớn, tin nhận, vâng làm).*

*“Thiện nam tử! Ngô kim trì thủ Địa Tạng Thập Luân Đại Ký pháp môn, phó chúc như thủ” (Này thiện nam tử! Ta nay đem pháp môn Địa Tạng Thập Luân Đại Ký phó chúc vào tay ông): Ta nay dặn dò, giao phó ông một chuyện: “Chúc” (囑) là căn dặn, phó thác; “luy” (累) làm phiền ông, giao cho ông gánh vác. Gánh vác điều gì? Ông hãy “quảng linh lưu bố” (lưu truyền rộng rãi) bộ kinh này, khiến cho hết thảy chúng sanh đều có thể đạt được lợi ích nơi pháp môn này. Phải làm như thế nào thì mới được lợi lạc? Đức Phật chẳng yêu cầu rất cao. Nếu yêu cầu cao, đức Phật biết chúng sanh thời Mạt Pháp chẳng làm được! Đọc tụng là được rồi. Có thể đọc, xem, nghe, đồng thời phải tư duy các đạo lý được nói trong bộ kinh này. Không chỉ tự mình hiểu rõ, mà sau đây còn phải giải nói cho người khác, khiến cho hành vi của họ đoan chánh. Quý vị đồng thời phải tu Huệ, tu Định, hoàn toàn chẳng phải tu Thập Thiện Nghiệp là đủ rồi. Đó là pháp dành cho nhân thiên, còn phải tu Định. Muốn thành thánh nhân thì phải tu Giới, Định, Huệ.*

*Giả sử chẳng có ai có thể đọc tụng, tư duy đạo lý này, như thế thì Hư Không Tạng Bồ Tát phải chịu trách nhiệm thủ hộ họ. Thủ hộ gì vậy? Đức Phật nói mười pháp khiến cho Hư Không Tạng Bồ Tát thủ hộ người có thể đọc, tụng, tư duy đạo lý trong bộ kinh này, khiến cho họ có thể được an lạc, vui sướng trong đêm dài, có thể đạt được chỗ tốt đẹp. Lợi ích chính là chỗ tốt đẹp. Chỗ tốt đẹp gì vậy? Khiến cho người ấy vui sướng trong đêm dài. Đêm dài tương đương với hắc ám. Suốt một đời này, quý vị luôn ở trong hắc ám. Đó là nói thế giới Sa Bà giống như hắc ám, chẳng có quang minh, dường như vĩnh viễn ở trong hắc ám. Khiến cho họ đạt được chỗ tốt đẹp, được an lạc, được quang minh, đạt được lợi*



ích, cũng tức là chẳng có chuyện phiền não, nói chung là vui vẻ, sung sướng.

Những gì là mười? “*Nhất giả, vị bi thủ hộ nhất thiết tài vị, linh vô tổn phạp*” (Một là thủ hộ hết thảy tài vật, địa vị, khiến cho chẳng bị tổn hại, thiếu thốn): Nếu có người đọc tụng bộ kinh này, tư duy đạo lý trong bộ kinh này, ông phải nên thủ hộ người ấy, khiến cho người ấy chẳng bị tổn thất tài sản. Đức Phật biết chúng sanh tham tài, coi tiền là bậc nhất. [Do vậy] điều thứ nhất là bảo vệ tiền tài của họ, sao cho chẳng bị tổn thất. Mặt khác là khiến cho người đó khi đã có thân nhập, đã đạt được, sẽ chẳng bị tổn thất. Tiền tài chưa đạt được thì làm thế nào để đạt được? [Câu kinh trên đây] chứa đựng ý nghĩa này. Tiền tài bị tổn thất vì nó là của chung năm nhà, tức quốc gia tịch thân, kẻ trộm ăn cắp mất, bị lửa đốt. Như thế thì bị giặc cướp đoạt, lửa đốt, bị người khác cướp đoạt, hoặc là quốc vương tịch thân, nước nhân chìm, các thứ ấy còn có thể ngăn ngừa. Vì trong nhiều đời bao kiếp quá khứ, quý vị đã mắc nợ kẻ khác, họ đến đòi nợ quý vị, [sanh làm] con cháu bất hiếu phá sạch gia sản của quý vị. Rất nhiều đế vương, quan lại cao cấp chẳng quá ba đời đã tiêu sạch tài sản. Có phước đức thì thực hiện tốt đẹp, sẽ có thể gìn giữ rất lâu!

Mọi người đọc những câu chuyện trong Địa Tạng Bồ Tát Cảm Ứng Lục, trong ấy có chép khi con cháu bất hiếu cướp đoạt tài sản của [cha mẹ, ông bà], chuyển thành [tài sản] của con cháu. Sau đó, chẳng hiếu kính đối với họ, vẫn là ngõ nghịch. Đó là đến đòi nợ, đến báo oán. Một cặp vợ chồng già, có tám đứa con, chẳng có đứa nào hiếu thuận. Sau đó, họ thỉnh tượng Địa Tạng, thờ phụng Địa Tạng Bồ Tát, suốt ngày từ sáng đến tối thắp hương, lễ bái. Chẳng lễ bái thì còn đỡ, vừa lễ bái, cả tám đứa con lần lượt chết sạch. Đến Tết, cặp vợ chồng già ấy than oán với Địa Tạng Bồ Tát, cầu nhậu: “Địa Tạng Vương Bồ Tát ơi! Khi chúng con chưa thờ phụng Ngài, tuy chúng nó ngõ nghịch như thế nào đi nữa, vẫn còn có đứa chớng tai gai mắt. Nay chúng nó chết ráo cả rồi, Tết đến chỉ còn hai đứa già chúng con!” Cầu nguyện xong, chập tối hôm Mười Ba, chư thần hạ giới. Địa Tạng Vương Bồ Tát đương nhiên là có thần thông, liền báo mộng cho cả hai người bọn họ: “Sáng mai các vị đến bên sông, có thể thấy được tám đứa con ấy”. Cụ già nằm mộng, buổi sáng thức dậy. Cụ ông còn chưa nói, cụ bà đã bảo: “Hôm qua tôi nằm mộng, mơ thấy Địa Tạng Vương Bồ Tát báo mộng, bảo: Sáng nay chúng ta có thể đến bên sông để trông thấy tám đứa con”. Cụ ông nói: “Tôi cũng mơ thấy như vậy. Được rồi, hai đứa mình phải đi xem thử”. Hai

người đến bên sông nhìn, trông thấy trong nước, tám đứa con lần lượt hóa hiện, đều là oan gia trong quá khứ. Hai người bọn họ sở dĩ phát tài là do hại kẻ khác, hoặc cướp đoạt, hoặc dùng thủ đoạn bóc lột tài sản của kẻ khác. Họ vừa nhìn thấy bèn choáng váng. Sau khi trở về, chẳng dám oán hận, lại đối trước Địa Tạng Bồ Tát cầu sám hối. Buổi tối, lại được Địa Tạng Bồ Tát thác mộng dạy bảo: “Tặng quý vị đứa con. Thọ mạng của hai người sẽ rất dài, vì hai vị là hộ pháp của ta, là thí chủ của ta, ta sẽ gia trì quý vị”. Hai người tỉnh giấc, suy tưởng: “Có thể có chuyện này hay không? Bà cụ này già quá rồi, còn sanh con sao nổi? Đó là chuyện chẳng thể xảy ra trong nhân gian!” Nhưng kể từ sau khi nằm mộng, bà cụ liền mang thai, tuổi đã già mà sanh một đứa con. Hai người họ sống đến chín mươi mấy tuổi, gần một trăm tuổi, còn được đứa con lo liệu cho hai cụ đến chết. Trong Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Lục có câu chuyện ấy.

*“Nhị giả, vị bỉ thủ hộ nhất thiết oán địch, linh bất xâm hại”* (Hai là vì người ấy thủ hộ, khiến cho hết thảy oán địch chẳng xâm hại): Chuyện này rất khó! Kẻ oán địch chuyên sanh làm con cháu, chuyên làm con cái của chính quý vị. Quý vị càng yêu thương nó, nó càng hại quý vị, là như thế đó. Do quý vị chẳng thể giải quyết được khúc mắc này, giải quyết như thế nào? Quý vị khuyên nó tin Phật, chính mình hằng ngày bái sám. Nó càng không nghe lời, quý vị đối với nó càng tốt. Hơn nữa, quý vị còn phải sám hối, ta rất có lỗi với nó, nó đến đòi nợ, ta không thể chấp nhất với nó được. Quý vị hóa giải như thế đó. Nếu đứa con cũng rất tốt, chẳng phải là quý vị nợ nó, mà là nó nợ quý vị, vậy là rất tốt. Nhưng đức Phật căn dặn Hư Không Tạng Bồ Tát: Nếu có kẻ đọc tụng kinh Thập Luân, xem kinh Thập Luân, học tập nghĩa lý của kinh Thập Luân, điều thứ nhất là thủ hộ tài vật của người đó. Điều thứ hai là thủ hộ, chẳng cho oán địch xâm hại kẻ đó. Điều thứ ba là giữ gìn, khiến cho người ấy chẳng có tà kiến, tà quy y, quy y mười ác đạo. Ông phải thủ hộ, đừng để người ấy đọa vào mười ác đạo. Nếu người ấy tà kiến, tà quy, sẽ đọa vào mười ác đạo, đọa vào địa ngục Ngũ Vô Gian. Do vậy, trước khi người ấy phát tác, phải chú trọng thủ hộ trước, khiến cho người ấy chẳng đọa lạc vào đó.

*“Tứ giả, vị bỉ thủ hộ, linh miễn nhất thiết thân ngữ trích phạt”* (Bốn là thủ hộ khiến cho người ấy tránh khỏi hết thảy trích phạt nơi thân và ngữ): Hoặc là thân thể bị trừng phạt, hoặc kẻ khác dùng lời lẽ trách phạt người ấy, hoặc dùng đủ loại hình cụ để trừng phạt thân thể người ấy. Ông phải thủ hộ kỹ càng, đừng để người ấy hứng chịu các sự trừng

phật ấy.

“*Ngũ giả, vị bỉ thủ hộ, giá đoan nhất thiết báng hủy, khinh lộng*” (Năm là vì người ấy thủ hộ ngăn che, dứt trừ hết thảy hủy báng, khinh miệt, trào lộng): Đây là hai phương diện. Một mặt là kẻ khác chẳng hủy báng, chẳng khinh miệt, trào lộng người đó, đem người đó ra đùa bỡn. Hai là chính người đó chẳng phạm sai lầm ấy, chẳng hủy báng kẻ khác, chẳng hủy báng Tam Bảo, chẳng hủy báng danh dự của kẻ khác. Đó là hai phương diện. Đức Phật căn dặn Hư Không Tạng Bồ Tát, ông phải thủ hộ, khiến cho chính người ấy cũng chẳng phạm lỗi, mà cũng chẳng bị húng chịu quả báo loại này.

“*Lục giả, vị bỉ thủ hộ, linh u nhất thiết quĩ phạm, Thi La, giai đắc vô phạm*” (Sáu là thủ hộ người ấy khiến cho hết thảy khuôn phép và Thi La đều chẳng phạm): Nếu người ấy là hàng xuất gia, hoặc là tứ chúng đệ tử, Tam Quy, Ngũ Giới, Bát Quan Trai Giới, Sa Di, Sa Di Ni giới, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni giới, hết thảy luật nghi, Thi La là giới, “*quĩ phạm*” (軌範) là quy củ. Bất luận là quy củ hay giới luật đều chẳng trái phạm.

“*Thất giả, vị bỉ thủ hộ, linh tất trừ diệt nhất thiết phi nhân, Tứ Đại quai phản, phi thời lão bệnh*” (Bảy là vì người ấy thủ hộ, khiến cho hết thảy các thứ già bệnh trái thời do phi nhân và Tứ Đại chẳng điều hòa gây ra): Thủ hộ khiến cho người ấy chẳng bị phi nhân nào hại, cũng tức là quý thân [não hại]. Quý thân não hại khiến cho Tứ Đại của người ấy chẳng điều hòa. “*Phản*” (反) là chẳng bình thường, không đáng già mà già khom. Không nên bệnh mà bị bệnh. “*Phi thời*” (非時) là còn chưa tới lúc thọ mạng chấm dứt, đó gọi là “*hoạnh tử*” (橫死, chết đột ngột). Vốn có thể sanh trưởng bình thường, nhưng do mắc bệnh, tức là bị phi nhân nhiều hại. Đặc biệt là trẻ nhỏ, rất dễ bị bệnh kinh phong. Đó là quý thân não hại, tổn giảm thọ mạng của nó. Già bệnh “*phi thời*” là chưa đến lúc già đã già khom, chưa đến lúc bệnh mà đã bệnh tật. Người đó mới bốn mươi tuổi, mà lưng đã còng, chân cũng lết đi chẳng nổi, đều liên quan đến phi thời não hại. Đức Phật căn dặn Hư Không Tạng Bồ Tát phải thủ hộ họ, khiến cho họ bình an, khỏe mạnh, cát tường.

“*Bát giả, vị bỉ thủ hộ bất tao nhất thiết phi thời, phi lý tai hoạnh, yếu một*” (Tám là thủ hộ để người ấy chẳng gặp hết thảy tai ương ngang trái và chết yếu chẳng đúng lúc, vô lý): Chuyện này nói rất rõ ràng. Chuyện chẳng hợp đạo lý, tức là tai họa tự nhiên, đơn giản nhất là tai nạn xe cộ. Khi chúng tôi ngừng chân ở Hương Cảng, chỉ trong vòng hai ngày, đã trông thấy một tai nạn. Họ thi công ở phía trên, phía dưới có

đường đi, còn bắc ván [cho thợ nề đứng]. Phía trên rơi xuống vật gì đó, khiến cho tám ván sút ra, đập trúng sọ người [đi bộ] dưới đó. Nếu người ấy đi chậm một chút, sẽ chẳng bị rơi trúng, đi nhanh một chút cũng vượt qua. Người ấy chẳng nhanh, chẳng chậm, vừa khéo! Mỗi tai nạn xe cộ đều là như vậy. Đấy đều là các tai nạn ngang xương, chết yểu phi lý. Kinh Dược Sư nói chín loại hoạn tử (chết ngang trái) là do ý nghĩa này. Đức Phật căn dặn Hư Không Tạng Bồ Tát: Phàm là ai đọc kinh Thập Luân, ông đều phải thủ hộ người ấy, khiến cho người ấy chẳng gặp phải tai nạn kiêu này!

*“Cửu giả, vị bỉ thủ hộ, mạng dục chung thời, đắc kiến nhất thiết chư Phật sắc tượng”* (Chín là vì người ấy thủ hộ, khiến cho khi mạng chung, được thấy hình tướng của hết thầy chư Phật): Điều này rất khó, hoàn toàn chẳng phải là ai khi chết cũng đều có thể thấy hình tượng Phật. [Khi lâm chung], nghe có người khuyên quý vị niệm Phật, chuyện này rất khó xảy ra. Đặc biệt là trong hiện tại càng không thể. Hễ có bệnh, sẽ đưa vào bệnh viện. Đặc biệt là kiều dân sống tại Mỹ. Đưa vào bệnh viện, bệnh viện không cho phép tiến hành các nghi thức tôn giáo, quý vị có thể khuyên người ấy niệm Phật hay không? Đưa cho người ấy một máy niệm Phật, bệnh viện sẽ nói quý vị quấy rầy người khác, lấy đi, căn bản là chẳng cho phép quý vị [sử dụng]. Quý vị đem bệnh nhân về, không được. Đưa vô đó, chẳng thể đưa ra. Làm thế nào đây? Quý vị phải dặn rõ mọi chuyện trước: Chỉ cần khi quý vị có bệnh, đừng đưa vô bệnh viện! Gặp phải tình huống ấy, quý vị mong thấy tượng Phật, cũng chẳng trông thấy. Chúng ta có thể đọc kinh Đại Tập Thập Luân, Hư Không Tạng Bồ Tát sẽ thủ hộ. Không chỉ trông thấy tượng Phật, mà còn có người đến trợ niệm, đến trước mặt quý vị niệm Phật, thấy hình tượng đức Địa Tạng, thấy hình tượng Phật, thấy hình tượng Quán Âm Bồ Tát. Hễ trông thấy, quý vị bèn sanh khởi cái tâm hướng về, nghiệp chướng sẽ tiêu mất. Do vậy, đức Phật căn dặn Hư Không Tạng Bồ Tát thủ hộ người đọc tụng kinh Thập Luân, khiến cho người ấy vào lúc lâm chung có thể trông thấy hình tượng của chư Phật.

*“Thập giả, vị bỉ thủ hộ, linh kỳ chung hậu, vãng sanh thiện thú, lợi ích an lạc”* (Mười là vì người ấy thủ hộ, khiến cho sau khi mạng chung, sẽ sanh vào đường lành, lợi ích, an lạc): Điều này rất khó! Do vậy, đức Phật căn dặn Hư Không Tạng Bồ Tát. Phàm là người đọc kinh Thập Luân, giống như mọi người [đang hiện diện trong hội giảng kinh, hay đọc bài giảng này, hoặc chỉ đọc kinh này] đều có tư cách này. Phàm là đã nghe kinh Thập Luân, đâu chẳng nghe toàn bộ, chỉ nghe một câu,

vấn tính. Một câu, một kệ được nói trong kinh này, “*nhất cú*” là một câu, câu khẩn yếu nhất là Địa Tạng Vương Bồ Tát. Nếu được nghe bốn câu, nghe nhiều hơn càng tốt, quý vị nhất định được sanh vào đường lành, chẳng đọa vào trong tam ác đạo, khiến cho quý vị được lợi ích, an lạc.

“*Thiện nam tử! Nhược chư hữu tình u thử pháp môn, hữu năng độc tụng, tư duy kỳ nghĩa, vị tha giải thuyết, trụ chánh hạnh giả*” (Này thiện nam tử! Nếu có các hữu tình đối với pháp môn này mà có thể đọc, tụng, tư duy ý nghĩa, vì người khác giải nói, trụ trong chánh hạnh): “*Chánh hạnh*” chính là Thập Thiện Nghiệp Đạo đã được nói trong phần trước. Có thể trụ trong Thập Thiện nghiệp. “*Nhữ đương vị bỉ cần gia thủ hộ như thị thập pháp*” (Ông hãy nên vì người ấy càng siêng năng thủ hộ mười pháp như thế): Đức Phật dặn dò mười pháp ấy lần nữa; ông phải chú ý, nhất định phải thủ hộ, chớ nên thiếu sót. “*Linh u trường dạ, lợi ích an lạc*” (Khiến cho họ được lợi ích, yên vui trong đêm dài): Vĩnh viễn đạt được lợi ích. “*Thời, Hư Không Tạng Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Duy nhiên, Thế Tôn!*” [nghĩa là] đúng như thế, bạch đức Thế Tôn, con nghe lời Ngài căn dặn. “*Ngã đương thọ trì như thị pháp môn, quảng linh lưu bố*” (Con sẽ thọ trì pháp môn như thế, lưu truyền rộng rãi): Chúng sanh phải được nghe pháp môn này thì mới có thể hữu duyên với Ngài. Nếu ai chẳng nghe pháp môn này, mà cũng chẳng đọc, chẳng tụng, Ngài sẽ chẳng thể bảo vệ người ấy được. Làm thế nào đây? Chính mình phải nên thọ trì pháp môn này, truyền bá rộng rãi pháp môn này, khiến cho hết thảy hữu tình đều có thể biết pháp môn này.

Giả sử các hữu tình đối với pháp môn này có thể “*độc tụng, tư duy kỳ nghĩa*” (đọc, tụng, tư duy ý nghĩa), “*vị tha giải thuyết, trụ chánh hạnh giả*” (vì người khác giải nói, trụ trong chánh hạnh), con sẽ nhất định vì người ấy thủ hộ mười pháp ấy, “*linh u trường dạ lợi ích, an lạc*” (khiến cho được lợi ích, an lạc trong đêm dài).

“*Thời, Bạc Già Phạm thuyết thị kinh dĩ, u chúng hội trung, Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Hảo Nghi Vấn Bồ Tát Ma Ha Tát, Thiên Tạng Đại Phạm đẳng*” (Lúc đức Bạc Già Phạm nói kinh này xong, trong chúng hội, Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Kim Cang Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Hảo Nghi Vấn Bồ Tát Ma Ha Tát, Thiên Tạng Đại Phạm v.v...) Đây là các vị đương cơ thỉnh pháp trong kinh Thập Luân, cho đến “*thiên, long, Dược Xoa, Kiện Đạt Phược, A Tổ Lạc, Yết Lộ Đồ, Khản Nại Lạc, Mạc Hồ Lạc Già, nhân phi*

*nhân đấng, nhất thiết đại chúng văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ, phụng hành*” (trời, rồng, Dược Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... hết thấy đại chúng nghe đức Phật nói đều hoan hỷ to lớn, tin nhận, làm theo): Kinh Đại Tập Thập Luân đến đây là viên mãn.

Nay chúng tôi lại nói lần nữa về một phương tiện gọi là Xuất Nhập Tức Quán. Đức Phật khai thị cho chúng ta một phương tiện gọi là Xuất Nhập Tức Quán. Xuất Nhập Tức Quán (出入息觀) là quán hơi thở ra vào, chú ý sự hô hấp của quý vị, thở ra và hít vào. Quán (觀) là chú ý, [Số Tức Quán là] chú ý hơi thở ra vào. “*Xuất nhập tức*” có nghĩa là gì? Chính là tu tập “*trì lai khứ niệm*” (持來去念, nắm giữ ý niệm đến đi). “Ý niệm đến” là nhập (hít vào), “ý niệm đi” là thở ra. Hít vào là Nhập, thở ra là Xuất. Tu trì lai khứ niệm có thể đạt tới Tùy Thuận Không Nhẫn, Tùy Thuận Vô Tướng Nhẫn, Tùy Thuận Vô Nguyên Nhẫn, có thể chứng đắc ba môn giải thoát. Nói cách khác, có thể giải thoát! Niệm như thế nào? Quan sát hơi thở ra vào như thế nào? Có sáu loại trình tự, thở ra một hơi, hít vào một hơi thì gọi là “*hô hấp*”. Giữa hai hơi hít vào thở ra ấy, đếm là một. Nếu quý vị đếm như thế, từ một đến mười; cứ một lần thở ra hít vào, lại đếm [một số]. Sau đó lại thở ra hít vào, lại đếm là một lần thở ra hít vào, đếm cho đến mười. Sau đó, lại đếm từ đầu, lại là một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười. Đếm xong, lại đếm từ đầu, đếm xong [mười lần thứ hai], lại đếm [từ đầu từ một đến mười lần thứ ba, cứ như thế].

Đây là tu Định, quý vị cứ thử xem. Quý vị hãy đếm liền lộn số. Vốn là đếm hơi hít vào, hoặc vốn đếm hơi thở ra, quý vị lại đếm đảo ngược, [tức là] vốn đếm hơi hít vào, quý vị lại đếm hơi thở ra. Quý vị chọn lựa như thế nào cũng được, đếm hơi thở ra cũng được [nhưng phải thống nhất]. Miễn sao cứ một hơi thở ra hít vào thì đếm là một, mười lượt thở ra hít vào đếm tới mười. Đếm đủ mười lượt như vậy, quý vị phải lắng lòng để đếm, phải chuyên chú. Hãy thử xem, ắt cần phải đắc Định, dốc hết sức chuyên chú. Chúng ta đều nói “*niệm Phật chuyên chú một cảnh*”, thế mà niệm nào vọng tưởng cũng dấy lên. Quý vị đếm hơi thở ra vào, tức là quý vị hít vào nơi tâm. Hễ sơ ý thì lại đếm sai. Đối với con số mười ấy, hiện thời, quý vị luôn đếm số chẳng thành, hãy thuận theo sự hít thở, thuận theo sự thở ra hít vào để đếm. Khi thâm nhập tới mức nhất định, sẽ có thể chẳng cần đếm số, sẽ cảm thấy đếm số quá thô. Thoạt đầu dụng công, đếm số cảm thấy tự nhiên, không cần phải tác ý, tự nhiên nương theo hơi thở ra vào, ý niệm chẳng chạy loạn, chuyên chú

nơi một cảnh. Ý niệm chẳng chạy loạn, ngay ý niệm “*tùy thuận theo ý niệm*” cũng chẳng có. Đã chẳng có niệm thì là Chi, Chỉ là Định. Khi đã định, hơi thở ra vào cực vi tế, quý vị chẳng thể cảm thấy. Phép Quán này bất đồng, phép Quán này là tư duy, giác chiếu. Khi đã chiếu, sẽ chuyển ý niệm theo hơi thở, chuyển thành thanh tịnh, chẳng còn nữa. Trong khi đang tu Định, có các loại hiện tượng. Định có thể sanh ra Huệ, sẽ phát quang minh. Hễ Định phát ra quang minh, quý vị đối với thân thể của chính mình, ngũ tạng, lục phủ, hết thấy mạch chuyển, kinh lạc xoay quanh, tóc mọc, quý vị đều có thể biết. Ngay cả tóc mọc dài ra, quý vị cũng đều nhận biết, thấy rất rõ ràng. Quán là quán như thế. Quý vị chẳng cần tác ý quán mà tự nhiên bèn quán.

Quán năm thứ nghiệp bất tịnh, quý vị sẽ sanh khởi tâm chán lia, quán thấy thân thể của chính mình bất tịnh, quán cảnh giới bên ngoài cũng sanh bất tịnh. “*Chuyển*” là trở về với tịnh. “*Tịnh*” là gì? “*Không*” nghĩa. Đã thanh tịnh, quán thanh tịnh. Trước hết, chúng tôi nói đại khái về điều này; sau đó, lại nói theo Lục Diệu Môn của Trí Giả đại sư. Trí Giả đại sư không nói là Chuyển, Ngài nói là Hoàn, cũng là quán hơi thở ra vào. Lục Diệu Môn là căn cứ theo các kinh luận mà soạn, các kinh đều có phương pháp này. Bất quá trong các kinh khác, không rõ ràng như vậy. Kinh Đại Tập Thập Luân đã nói hết sức rõ ràng!

Trước tiên là nói về Số (數). Đối với Số, mọi người xem kinh văn, có hai loại Tác Ý. Khi đếm số trong phép Số, có thể dấy lên hai loại ý ấy. “*Năng y phục chư tâm tứ*” (Có thể nương cậy [vào tướng hơi thở ra vào] để chế phục các tâm, tứ): Các ý niệm chúng ta suy nghĩ thường là tâm tứ. [Tâm (尋) là tìm cầu sự vật nơi tướng thô], “*Tứ*” (伺) là dò xét [nơi tướng tế], tức là dấy vọng niệm. Chúng ta dùng điều gì để có thể ngưng dứt vọng niệm? Dựa theo tướng hơi thở ra vào. Thở ra là Hô (呼), Hô là thoát ra. Hấp (吸) là hít vào. Khi hít vào, xem tướng trạng của nó, chú ý nó. Khi quý vị chú ý, [sẽ nhận thấy] hơi thở rất thô. Khi quý vị mới ngồi xuống, hơi thở ra vào rất thô, quý vị có thể cảm nhận được, cũng có thể thấy hơi thở ra như thế. Cứ tiếp tục quán tướng hơi thở ra vào ấy, nó sẽ vi tế dần, có thể xả tướng hơi thở ra vào ấy. Thuận theo tướng hơi thở ấy, sẽ dần dần có thể xả. Xả gì vậy? Xả các tâm tứ ấy, chẳng còn tâm tứ (tìm cầu, suy xét thô tướng lẫn tế tướng của các sự vật). “*Phục*” (伏) là “*liạ*”, có thể rời liạ vọng niệm.

“*Thiện thủ nhập xuất tức tướng*” (Khéo giữ lấy tướng hơi thở ra vào): Được gọi là “*thiện thủ*” (善取, khéo giữ lấy) nghĩa là “*không giữ*

lấy”. “*Thiện thủ*” là chẳng lấy hay bỏ. Khi đó, hơi thở ra vào rất tự nhiên, hơi thở ra vào rất vi tế. Nếu đã đạt tới mức vi tế, thứ nhất là có thể xả, thứ hai là khéo giữ lấy tướng hơi thở ra vào. “*Nhập tướng hơi thở ra vào*” tức là thuận theo hơi thở ra vào, tự mình vận động, tức là thuận theo ý niệm của quý vị, cũng là chuyên chú một cảnh, tâm tuyệt đối chẳng tán loạn. Đối với Sở Túc Quán, tứ giáo hay ngũ giáo đều dạy về Sở Túc Quán.

Đối với Sở Túc Quán thì tứ giáo hay ngũ giáo đều nói đến Sở Túc Quán. Đem hơi thở ra vào thì gọi là Sở Túc, Túc (息) là “*xuất nhập tức*” (hơi thở ra vào). Nói chung, sáu môn ấy đều gọi là Sở Túc Quán. Chỉ (止) là diệt tướng “*xuất nhập tức*”, chẳng còn nữa. Người ấy có thể diệt trừ tướng thị hiện xuất nhập tức. Đã diệt xong thì là Định, có thể trụ trong thẳng tam-ma-địa, [tức tam-ma-địa] rất thù thắng. Người ấy hỗ trợ trong Định, sẽ hết sức vui sướng, lìa khỏi tướng sanh diệt. Định có tên gọi là Ly Sanh Hỷ Lạc Địa, [hàm ý] “lìa khỏi sanh diệt, trong tâm cảm thấy hết sức hoan hỷ”. Khi quý vị quan sát sẽ biết, có thể cảm nhận hơi thở ra vào đã diệt, chẳng có hơi thở ra vào. Loại công phu này chẳng phải một hai ngày mà có thể đạt được. Trong khi quý vị tu tập, căn cơ bình thường, người có thiện căn tốt, hầu như là khoảng một trăm ngày có thể dần dần nhập Định. Nhập Định thì Sở Túc Diệt. Khi đó, chính mình có thể quán cảnh. Cái tâm quán chiếu và cảnh được quán, tâm và cảnh chỉ là một. Đã quán chiếu điều này, quán chiếu điều kia, xem kinh văn, khi ấy mới có thể an trụ cái tâm, tâm và cảnh chẳng có sai khác. Chuyển là tiến cao hơn bước nữa. Chuyển có nghĩa là Hoàn.

“*Năng phương tiện xả chư Thủ Uẩn*” (Có thể phương tiện xả các Thủ Uẩn): Ngũ Thủ Uẩn: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp là sáu trần. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là sáu căn. [Căn và Trần] giữ lấy Ngũ Thủ Uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thức ấy phân biệt hết thảy các sắc tướng bên ngoài, đó gọi là Ngũ Thủ Uẩn. Trong khi ấy, người đó có thể phương tiện thiện xả xả Ngũ Uẩn. “*Xả*” chẳng phải là rốt ráo xả! Rốt ráo xả là như Quán Tự Tại Bồ Tát chiếu kiến Ngũ Uẩn đều Không, người ấy đã dần dần đạt tới nghĩa Không. Lúc ấy có thể thành thánh, tiến nhập thánh địa, đạt được thành tựu. Sự thành tựu ấy còn chưa đoạn phiền não, chỉ là hàng phục. Đợi cho tới khi đã tịnh rồi thì mới có thể đoạn phiền não, đoạn hết Kết Sử. Cho tới khi đoạn Kiến Hoặc, người ấy sẽ chứng Sơ Quả, dần dần mới đoạn Tư Hoặc. Đoạn mấy phẩm liền chứng Sơ Quả, dần dần mới đoạn Tư Hoặc. Đoạn mấy phẩm, bèn chứng mấy phẩm. Tư Hoặc đều đoạn hết, sẽ là quả A La Hán. Lại đoạn tập khí phiền



não, tùy theo sự dụng công tu tập của quý vị. Đó gọi là tu tập Nhập Xuất Tức Quán, sẽ có thể tùy thuận quán Ngũ Thủ Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

Kế đó, nói về cách quán Ngũ Thủ Uẩn. Hơi thở ra vào nương vào đâu? Nương vào Sắc Thủ Uẩn. Sắc thân là sắc tướng, đó là Sắc Thủ Uẩn. Đối với hơi thở ra vào như thế, người ấy “*tạo tác*” hơi thở ra vào, hơi thở ra vào chính là tạo tác. Tạo tác gì vậy? Quý vị có thở ra hít vào thì mới có thể hô hấp, có hô hấp thì mới duy trì cái thân của quý vị được! Hơi thở ra vào ấy, hít vào thở ra, rồi lại hít vào thở ra, quý vị sẽ cảm nhận, lãnh thọ. Nếu chỉ thở ra, chẳng hít vào, quý vị sẽ chẳng thoải mái. Quý vị sẽ cảm nhận được sự lãnh nạp ấy, “*thọ*” (受) có nghĩa là “*lãnh nạp*”, tức thuộc về Thọ Uẩn. Đối với hơi thở ra vào, qua lại, quý vị giữ lấy tướng của nó, tướng thở ra, tướng hít vào, quán chiếu tướng thở ra hít vào, điều này thuộc về Tưởng. Tưởng Thủ Uẩn có thể liễu đạt nhận biết các hình tướng tạo tác bởi hơi thở ra hít vào. Liễu đạt, nhận biết chính là Thức Thủ Uẩn. Do năm Thủ Uẩn tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, bèn tu hành Sở, Tùy, Chỉ, Quán, Chuyển, Tịnh, khiến cho quý vị nhập Định, có thể ngưng dứt ba nghiệp thân, miệng, ý, nương theo quán lực mà có thể đạt tới mục đích. Đạt tới mục đích gì vậy? Nhập Định, từng bước thâm nhập Vô Minh, Ái, Thủ, tu hành từng bước một, dần dần có thể viên mãn.

Trong kinh này, Sở Tức Quán được nói rất đơn giản. Trong Lục Diệu Môn thuộc bộ Tiểu Chỉ Quán của Trí Giả đại sư, đã chia ra rất nhiều khoa. Lục Diệu Môn gồm sáu loại; ở đây, chúng tôi chỉ nói một loại trong ấy, vì Lục Diệu Môn là căn bản để tu Định. Bất luận Thanh Văn, Độc Giác, hay Bồ Tát, Lục Diệu Môn đều là con đường ắt phải trải qua. Khi tu đạo, nhất định phải trải qua, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng như thế. Thoạt đầu, Thích Ca Mâu Ni Phật thực hành Bát Nhã Quán, nương theo sáu loại Sở, Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh này, hết thấy các hạnh môn đều do đây mà khai phát. Hàng ma, thành đạo, đức Phật thị hiện cho chúng ta một quy củ để tu tập tốt đẹp, đó là gì? Sắc Tịch tam-muội, Tâm Tịch tam-muội, [nghĩa là] hết thấy các sắc đều tịch tĩnh, đã đắc định, tâm cũng ngưng dứt. Khi ấy, sẽ đạt tới Nhất Tâm tam-muội, cũng là Niệm Phật tam-muội. Trong phần trước, tôi đã thuận theo kinh văn để giảng. Cách niệm của tôi là dùng phương pháp niệm Phật để tu Sở Tức Quán, hoàn toàn chẳng cần Sở (đếm số). Hàm nghĩa của Sở là “mới hơi thở ra hít vào”. Tôi chia hơi thở ra thành hai phần, thở ra là chữ A, hít vào là Di, lại thở ra là Đà, hít vào là Phật. Chuyển như vậy, lần lượt

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

chuyển vần, “*A Di Đà Phật, A Di Đà Phật*”, thuận theo hơi thở ra vào mà chuyển như vậy.

Tôi dùng cách này để tu Định. Sau đó, tôi lại đổi thành niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, cũng là như vậy. Tôi không dùng đến con số, cũng chẳng phải đếm số từ một đến mười. Phương pháp tu hành của mọi người khác, tùy thuộc sự lựa chọn của quý vị. Số, Tùy, Chỉ đều có hàm nghĩa như vậy, cũng là sáu loại ấy. Sáu loại Sở Pháp, tức là phương pháp đếm số. Lục Diệu Môn có tổng cộng mười pháp. Sở Tức Quán là pháp thứ hai trong Lục Diệu Môn, được gọi là Thứ Đệ Tương Sanh Lục Diệu Môn (次第相生六妙門, sáu môn màu nhiệm lần lượt sanh ra nhau). Tôi đọc các danh từ ấy cho quý vị nghe đôi chút.

Thứ nhất là Lịch Biệt Đối Trụ Chư Thiên Lục Diệu Môn (歷別對住諸禪六妙門, sáu môn màu nhiệm lần lượt trụ vào các loại Thiên Định), hết thấy Thiên Định đều chẳng rời khỏi Lục Diệu Môn.

Loại thứ hai là Thứ Đệ Tương Sanh Lục Diệu Môn, [nghĩa là] theo thứ tự, sanh ra Sở, Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tịnh. Hoàn trong Lục Diệu Môn có ý nghĩa giống như Chuyển, theo thứ tự mà sanh. Như vậy sau khi đã Sở, sẽ sanh ra Tùy. Đã có Tùy, lại có thể sanh ra Chỉ. Đã Chỉ rồi bèn có thể sanh ra Quán. Từ Chỉ mà sanh Quán, từ Quán mà sanh ra Hoàn. Từ Hoàn mà có Tịnh. Điều thứ sáu là Tịnh, đây là Lục Diệu Môn sanh khởi theo thứ tự. Quý vị tu môn Thiên Định nào cũng đều có Lục Diệu Môn.

Thứ ba, Tùy Tiện Nghi Lục Diệu Môn (隨便宜六妙門); thứ tư, Tùy Đối Trị Lục Diệu Môn (隨對治六妙門); thứ năm, Tương Nhiếp Lục Diệu Môn (相攝六妙門); thứ sáu, Thông Biệt Lục Diệu Môn (通別六妙門); thứ bảy, Toàn Chuyển Lục Diệu Môn (旋轉六妙門); thứ tám, Quán Tâm Lục Diệu Môn (觀心六妙門); thứ chín, Viên Quán Lục Diệu Môn (圓觀六妙門), các môn này sâu lắm. Thứ mười là chứng đắc Phật quả, tức Chứng Tướng Lục Diệu Môn (證相六妙門). Khi chứng cũng có Lục Diệu Môn. Hiện thời, tôi dựa theo kinh Đại Thừa Đại Tập Thập Luân để dẫn chứng Thứ Đệ Tương Sanh Lục Diệu Môn. Thứ Đệ Tương Sanh là chiếc cầu thang để quý vị mong nhập Phật đạo sẽ từng bước tiến lên. Nếu quý vị đang ở trong Dục Giới mà muốn tu Định thì sẽ rất khó khăn, làm như thế nào? Hãy dựa theo sáu loại ấy để có thể thành tựu Định lực cho quý vị.

Môn thứ nhất là tu Sở, tức là đếm số, đếm mười số. Một lượt thở ra hít vào tính đếm một, thở ra hít vào đếm hai, thở ra hít vào đếm ba, [cho đến mười] rồi quay trở lại [đếm từ một] như thế.

Điều thứ hai là Chúng Số, tức là quý vị chúng con số vừa đếm ấy. Số có hai loại: Một là tu, hai là chúng. Sau khi đã chúng bèn chuyên nhập, chuyên nhập vào Tùy. Sau khi đã chúng, cách đếm số ấy bèn ngưng dứt, chẳng còn đếm nữa, đó là Tùy. Tu Số nhằm điều hòa hơi thở của quý vị, điều hòa rất thô thành rất vi tế. Chúng ta dần dần điều hòa như thế, nhưng quý vị chớ nên gấp gáp. Khi đếm số, phải thông thả, thuận theo hơi thở ra vào tự nhiên, không cần Tác Ý. Hễ Tác Ý, Định sẽ rất khó sanh khởi, đó chẳng phải là tự nhiên. Điều hòa hơi thở phải như thế nào? Chẳng nhanh, chẳng chậm, chẳng rít, chẳng trơn, nhất định phải tu đến mức độ an tường, chậm rãi như vậy, từ một đến mười, đếm như thế đó.

Sở dĩ chúng ta có thể nhiếp tâm là dựa vào đếm số. Nếu quý vị có thể nhiếp tâm, tức là dùng niệm A Di Đà Phật để nhiếp tâm, quý vị niệm Phật, niệm đến mức thuận theo hơi thở ra vào mà chuyên, cứ chuyên mãi, hơi thở chẳng còn, quý vị vẫn cảm nhận Phật hiệu thuận theo quý vị mà chuyên (đó là Tùy). Như thế là quý vị đã Định. Nhưng pháp Tùy lại tùy thuộc cách tu của mỗi người. Trước hết, quý vị phải biết con số, từ một đến mười, nhiếp cái tâm, chẳng để cho nó rong ruổi nhanh hay chậm, khiến cho cái tâm được nhiếp trụ, chẳng chạy tán loạn, chẳng có lúc nào nghĩ ngợi chi khác. Nếu cái tâm nghĩ đến chuyện gì đó, [đừng quan tâm tới nó], cứ để cho nó qua đi. Nếu muốn suy tưởng chuyện gì, sẽ chẳng có thời gian, nó vĩnh viễn chẳng có kẽ hở để xen vào được, khiến cho ý tưởng, tạp niệm rồi bởi sẽ chẳng thể dậy lên được!

Đối với Chúng Số thì như thế nào mới coi là “chúng đắc”? Quý vị nhận biết cái tâm tự nhiên thuận theo cách đếm mười lượt ấy, chẳng còn làm loạn nữa, tự nhiên theo đúng thứ tự thì là chúng đắc. Từ một tới mười, quý vị không cần phải suy nghĩ, chẳng cần phải vận tâm để đếm, chẳng dùng bất cứ công sức nào để đôn đốc. Thoạt đầu, nếu quý vị chẳng chú ý đôi chút, sẽ loạn ngay, đếm sai ngay. Cho tới khi đếm thành thực, từ một đến mười không làm loạn, tùy ý có thể đếm như vậy, chẳng cần mất công tốn sức, dần dần ngoại duyên đều rơi rụng. Tâm trụ, dứt bật duyên niệm, nghĩa là “duyên theo hơi thở [để đếm số]” [đã dứt], tức là chuyện nương theo hơi thở để niệm chẳng còn nữa. Sau khi cái “*duyên niệm*” (nương tựa vào hơi thở để niệm) ấy chẳng còn, quý vị sẽ cảm thấy hơi thở như có như không. Nói là “*chẳng có hơi thở*”, thì dường như vẫn có hơi thở vi tế. Nói “*có*”, đã chẳng còn hơi thở nữa. Không có hơi thở, tức là xét theo phương diện dụng công, đã chẳng còn hơi thở nữa. Tới khi đó, tư tưởng đã chẳng còn suy nghĩ đếm số nữa, đã

vứt bỏ con số. Đó gọi là Tùy.

Loại thứ hai là Tu Tùy thì phải Chứng Tùy. Tu Tùy là phải vứt bỏ phương pháp đếm số ấy. Tâm quý vị tự nhiên chuyển theo hơi thở ra vào, tâm chẳng chạy lung tung, chẳng cần phải đếm số nữa. Đếm số nhằm ngăn giữ cái tâm [khỏi tán loạn]. Cái tâm tán loạn đã chẳng còn rong ruổi tán loạn nữa, chẳng cần phải phòng bị, thuận theo tâm niệm để thuận theo hơi thở ra vào. Nhưng hơi thở ra vào ấy rất bé nhỏ, hơi thở như sợi tơ, giống như hơi thở của người sắp đoạn khí vậy. Nhưng cái tâm của quý vị đã hoàn toàn chẳng có ngoại vật, thuận theo hơi thở. Hơi thở vi tế thuận theo cái duyên của nó mà vận dụng, đó gọi là Tùy (隨). “Tùy” là thuận theo hơi thở làm duyên. Hơi thở cực vi tế, khiến cho hành giả trụ trong niệm, cho đến cuối cùng là Chứng Tùy, tâm đã tịnh, chẳng loạn nữa. Đó là Tùy Trụ, cái tâm đã định, chẳng còn rối loạn nữa. Khi đó, quý vị cảm nhận hơi thở hoặc dài hay ngắn, rõ ràng, phân minh, cho đến nhận biết hơi thở ấy không chỉ từ mũi thoát ra, không chỉ ở chót mũi, mà mỗi lỗ chân lông trên cơ thể đều dường như toát ra hơi thở vi tế, chúng cũng hít vào, cũng đang thở ra, đó gọi là Biến. Biến (遍) là trọn khắp toàn thân đều đang thở ra, hít vào. Do vậy, cái tâm vi tế của quý vị tùy ý nương nhau, liên đới lẫn nhau. Người ấy thở ra, không nhất định phải là hơi thở từ mũi thở ra, hơi thở nơi mũi đã chẳng nhận biết nữa, khắp nơi đều có thể thở ra. Trong khi đó, người tu hành bèn bỏ Tùy, chẳng còn chú ý đến hơi thở nữa, đã nhập Định, hơi thở chẳng còn nữa, đó là Chi.

Cách tu Chi là như thế nào? Một là Tu Chi, hai là Chứng Chi. Khi Tu Chi, tư tưởng duyên lự đều trở thành Định. Định là Tức Định (息定, Định do ngưng dứt). Quý vị đã ngưng dứt [vọng niệm], cảm nhận được hơi thở [rất vi tế]. Ở trong Định, hơi thở ra vào đều hiện hữu. Nơi mỗi lỗ chân lông, thuận theo mỗi hơi thở ra vào, tất cả [lỗ chân lông] đều có thở ra hít vào. Lỗ chân lông thông thoáng; nếu không, làm sao có thể toát mồ hôi cho được? Lỗ chân lông toát mồ hôi tức là thông. Có lúc quý vị chẳng thở ra, mà các lỗ chân lông thở. [Khi đã Định] thì sẽ ngưng dứt, tức là hết thấy duyên lự đều dứt, đã định, [thô tướng của] hít thở [nơi mũi] đã ngừng. Đã ngừng rồi, chẳng nghĩ tới Số (đếm số), chẳng nghĩ tới Tùy, tịnh cái tâm để tu hành.

Chứng Chi thì sao? Khi ấy, cũng chẳng biết đến thân, mà cũng chẳng biết đến tâm. Tâm và thân như một, chẳng có gì nữa, đã nhập Định. Nhưng loại Định này vẫn chưa nhập Không, vẫn thuộc vào hữu tướng. Phải chuyển cái Định này thành vô tướng. Khi chứng, chẳng thấy

tướng trong ngoài, phương pháp Định là giữ cho cái tâm tùy ý bất động. Người tu hành như thế đã nhập tam-muội, tâm nầy sanh cảm giác vui sướng tịch tĩnh, nhưng chẳng có Huệ, chỉ là Định. Chúng ta nói “*Chỉ Quán song vận, Định Huệ song tu*”. Nếu chỉ có Định thì chẳng được. Người ấy (người tu pháp môn Sở Tức Quán này) khởi lên huệ chiếu để quán. Quán chính là huệ chiếu. Chẳng có phương tiện là Huệ, sẽ chẳng thể phá sanh tử. Tuy đã đắc Định, Định vẫn chẳng thể phá nổi sanh tử, vẫn phải lưu chuyển, tức là chẳng tu thành công, làm như thế nào đây? Vẫn phải nhờ vào Giả, vẫn phải phá hoại sanh tử.

“*Phục tác thị niệm, kim tập Định giả giai thuộc nhân duyên*” (Lại nghĩ như thế này: Môn Định nay đang tu tập đều thuộc về nhân duyên). Môn Định ấy do tu Sở và Tùy như thế mà ra. Tu đến mức ấy chính là pháp nhân duyên, thuộc về pháp Ngũ Uẩn, thuộc về pháp mười tám giới, do hòa hợp mà có. Quán chiếu là khởi niệm. Đã khởi niệm, tức là khởi lên quán chiếu để niệm. Chuyện này hư dối chẳng thật, nay ta định để làm gì? Nay ta chẳng thấy, chẳng nhận biết, mà cũng chẳng niệm, cũng chẳng khởi giác chiếu. Ta phải nên quán chiếu, phải chiếu. Hễ khởi niệm thì đây niệm như thế xong, chẳng chấp trước cái tâm ấy, chẳng chấp trước môn Định ấy, chẳng hưởng thụ sự vui sướng ấy để rồi khởi quán phân biệt. Đó là Quán.

Chỉ Quán là đây lên Quán Chiếu. Tu Quán thì sao? Từ trong môn Định ấy, bèn dùng Huệ tâm sở phân biệt, quan sát hơi thở ra vào vi tế, quan sát nó giống như gió trong không trung. Như đức Phật đã nói, trên thân thể chúng ta có ba mươi sáu món vật, đều là chẳng thật sự tồn tại, hư huyền chẳng thật. Đây là tu tập Tích Không Quán, chẳng phải là Thể Không Quán. Thể Không Quán thì [liễu giải] ngay bản thể chính là Không, còn ở đây [là Tích Không Quán], tức là phải phân tích cái Không, chia chẻ cái Không. Tâm là vô thường, chẳng trụ trong mỗi sát-na, cũng chẳng có Ngã, cho đến thân, thọ, tâm pháp, đều chẳng có tự tánh. Như vậy thì môn Định của ta nương tựa vào đâu? Ta định như thế nào? Định nương vào đâu? Tu Quán tức là tùy thời mà quan sát. Quan sát trong Định như thế đó thì gọi là Tư Duy Tu. Quán và Huệ cân bằng, chúng ta thường nói là “*Chỉ Quán song vận*”, có hàm nghĩa này. Dùng điều này để quán hơi thở, nhận biết hơi thở ra vào, mỗi lỗ chân lông nơi toàn thể thân tâm, hết thấy các lỗ chân lông đều đang thở ra hít vào. Chuyện này đòi hỏi quý vị phải khai trí huệ, tâm nhãn khai minh, tự mình quán chiếu ba mươi sáu món vật rành rẽ. Khi đó, quý vị sanh khởi tâm chán lìa đối với thân thể này. Quán mỗi lỗ chân lông đang hít thở đó

là lỗ huyệt của loài trùng, là lỗ thở của chúng. Quán đó là chỗ chúng ẩn nấp, trong lẫn ngoài đều bất tịnh, từ bên trong ra ngoài, chẳng có chút gì sạch sẽ. Khi đó, trong tâm sanh khởi bi lẫn hỷ. Bi (Buồn) vì cái xác thân của chính mình [bất tịnh dơng ấy], vui vì chính mình cũng có thể tiến bộ, phá Tứ Diên Đảo. Đối với thân thể bất tịnh, triệt để nhận biết thật sự là bất tịnh, cái tâm yêu mến luyến tiếc thân thể mới đoạn dứt. Đó gọi là Chứng.

Rốt ráo chứng đắc quán chiếu, trong tâm duyên theo cảnh giới được quán, buông bỏ cảnh giới Định. Sự duyên quán ấy vẫn thuộc trong Định. Đây vẫn chưa phải là sự quán chiếu trong khi đi lại, mà là trong khi đang tĩnh tọa, định cảnh chuyển thành quán chiếu. Đó là Định Huệ song vận. Khi ấy, quán chiếu dùng cách phân biệt, dùng phương pháp phân tích, nhận biết cái niệm ấy đang lưu động. Niệm còn đang lưu động thì chẳng chân thật, hãy nên xả Quán tu Hoàn.

Nói đến Hoàn tức là xả Quán tu Chuyển. Một là Tu Chuyển, hai là Chứng Chuyển. Tu Chuyển là quan sát: Trong tâm ta dấy khởi một niệm, bèn quán chiếu niệm ấy từ tâm sanh khởi. Tâm sanh thì pháp mới sanh. Đây là điều ta phân tích, vẫn chẳng phải là bản duyên căn bản, chẳng phải là bản thể của Pháp Thân, phải dùng Phản Quán để quán cái tâm. Quán cái tâm hiện tại, cái tâm ấy sanh khởi từ chỗ nào? Dần dần nhận biết cái tâm ấy sanh từ Quán, hay chẳng phải sanh từ Quán? Nếu chẳng phải cái tâm sanh từ Quán thì ai đang quán? Cái tâm ấy rốt cuộc sanh khởi từ nơi đâu? Tâm sanh một niệm, tâm ấy lại diệt. Niệm này khởi, niệm kia diệt, đó là quán sự sanh diệt của cái tâm. Quán cái tâm này sanh khởi do cái tâm kia diệt mất. Quán như thế, nếu là từ tâm cũng sanh ra tâm, từ diệt cũng sanh tâm, cũng tức là sanh khởi hai cái tâm, đó là tâm sanh diệt. Chỉ quán một điều đã rất tốn công sức, thế mà tổng cộng lại có bốn câu, tức là “*sanh, diệt, chẳng sanh, chẳng diệt*”. Sau khi quán xong, khi đó, biết cái tâm của ta vốn bất sanh. Đã là bất sanh thì chẳng có. Bất sanh là chẳng có, chẳng có thì là Không. Đã là Không thì ta còn có gì để quán tâm nữa? Đã là không thì ngay cả cái tâm năng quán (cái tâm quán chiếu) cũng không có. Cái tâm năng quán chẳng có, sao ta lại có thể quán cái cảnh cho được? Tâm ta đối cảnh, tâm đã là chẳng có, vậy thì cảnh còn có hay không? Cảnh lẫn trí đều cùng mất.

Tôi thường xuyên nói với các đạo hữu, sám hối thì phải niệm như vậy, tưởng như vậy. Sám hối như thế là thanh tịnh nhất. “*Tâm vong, cảnh tịch, lưỡng câu không, thị tắc danh vi chân sám hối*” (Tâm mất, cảnh lặng, hai đằng đều không. Đó gọi là chân sám hối). Tâm cũng

chẳng có, cảnh cũng chẳng có, quý vị có tội gì để có thể sám hối nữa hay chẳng? Tội chẳng có, quán tưởng như thế đó. Tu Không Quán thành công thì mới không có. Do vậy, chúng tôi nói là chịu khổ, chịu nạn, hoặc là thân tâm hứng chịu đau khổ, ưu sầu phiền não, đều là do vọng niệm của quý vị. Nếu quý vị có thể tỉnh tọa, khi tỉnh quán, cảm thấy rất khổ. Hãy lôi cái khổ ấy ra [quan sát], ta vì chuyện chi đó mới khổ, chuyện đó có thật hay chẳng? Thật sự có hay chẳng? Quý vị vừa quán, nó chẳng còn nữa, đều chẳng còn! Chẳng hạn như hai vợ chồng cãi nhau, muốn ly hôn; lúc đó, cảm thấy rất khổ. Hễ quán, [sẽ nhận biết] người phối ngẫu (vợ hay chồng) chẳng phải là ta, ta chẳng phải là người đó, ngay cả chính mình còn chẳng tìm được, còn nói gì kẻ khác! Người đó với ta có quan hệ gì vậy? Đã là không, thì khổ nào gì cũng đều chẳng còn. Đó là nhân duyên. Các pháp sanh bởi nhân duyên là giả hợp. Giả hợp thì chẳng chân thật. Nếu chẳng chân thật, ta sanh khởi phiền não gì? Khổ là phiền não, như thế thì phiền não của quý vị đoạn dứt. Đây là phương pháp đoạn phiền não.

Tâm mất, cảnh lẫn trí hai đằng đều không. Đó là Chuyển. Cái bị chuyển sẽ chuyển như thế đó. Nếu lìa khỏi cảnh, lìa khỏi trí, cũng là lìa khỏi cái tâm tác quán và cảnh được quán. Chẳng có trí và cảnh. Nếu quý vị quán lâu ngày, cảnh cũng chẳng có, trí cũng chẳng có. Chẳng nhờ vào công phu mà tâm huệ mở mang, phát khởi, chính quý vị sanh ra đại trí huệ. Trí huệ ấy là chiếu, điều này cần phải tu Tịnh. Đã tu tịnh, lại phải chứng tịnh. Chứng tịnh là đã thanh tịnh. Khi tu Tịnh, quý vị biết hết thấy các sắc vốn thanh tịnh, thân tâm vốn thanh tịnh. Hết thấy các pháp vốn chẳng ô nhiễm, do tánh vốn thanh tịnh. Đối với hết thấy vọng tưởng, phân biệt, quý vị đừng phân biệt, tịnh chẳng phải là tịnh, nhiễm chẳng phải là nhiễm. Nhiễm và tịnh chẳng tồn tại, đều là cảnh. Ngoại cảnh đều là không, vọng tưởng là cấu. Vọng tưởng đã không có, cấu nhiễm cũng không có. Tức là kể từ lúc dứt phân biệt thì khi ấy là cấu, cho đến hiện thời, thứ gì cũng đều chẳng có, đều là Không. Không là thật sự thanh tịnh, tu như thế đó.

Đây chỉ là thứ tự trong Lục Diệu Môn. Đã là theo thứ tự sanh ra thì có nhân, có duyên, sanh ra lẫn nhau. Nhưng đây chỉ là nội dung của một phần thuộc Lục Diệu Môn của Tiểu Chỉ Quán. Nếu muốn thật sự tu Quán, nghiên cứu Chỉ Quán, vẫn phải tu Ma Ha Chỉ Quán. Kinh Hoa Nghiêm dạy về Chỉ Quán rất huyền diệu, rất khó tiến nhập. Vừa khởi đầu là tu Chân Không Tuyệt Tướng Quán, tức là hết thấy các tướng đều chẳng tồn tại. Tướng trong tâm, tướng ngoài tâm, sắc tướng của hết thấy

chư Phật, hết thảy các pháp, hết thảy pháp bảo, hễ có hình tướng thì đều là hư vọng, chân không tuyệt tướng! Tu thành tựu Chân Không Tuyệt Tướng, lại sanh ra Lý Sự Vô Ngại Quán. Lý trọn khắp nơi Sự, Sự là Lý. Do Lý trọn khắp Sự, Sự chính là Lý, cho nên Lý Sự vô ngại. Lý vô ngại, mà Sự cũng vô ngại. Cho nên có thể “*chuyển đại pháp luân trong một vi trần*”, có hàm nghĩa ấy. Một vi trần là Lý, hết thảy các sự đều dung nhiếp trong Lý. Lý là Sự, Sự là Lý, Lý Sự vô ngại!

Tiến hơn bước nữa là Sự Sự Vô Ngại Quán. Chẳng dùng đến Lý trọn khắp nơi Sự, bản thân Sự đã là mọi chuyện đều vô ngại, bèn đạt tới cảnh giới Hoa Tạng. Loại Quán ấy chúng ta tu chẳng thành, vì tâm lực của chúng ta chẳng đủ. Chúng ta ngay cả khẩu đầu quán tưởng cũng quán chẳng thành. Nếu chúng ta khẩu đầu, quý vị tưởng “*năng lễ, sở lễ tánh không tịch*” (tánh của người lễ và đáng được lễ đều không tịch): Ta là người có thể lễ, và Phật là đáng được ta lễ. Tánh và Thể của ta và Phật đều là Không, là tịch tĩnh. Giống như chúng tôi nói “*tâm tịch*”, ngay cả Tâm Tịch tam-muội mà chúng ta còn chẳng chứng đắc, thì Sắc Tịch tam-muội càng chẳng thể đắc. Sắc Tịch đã đắc thì sẽ đạt tới Tâm Tịch, sau đó, sẽ đạt tới Nhất Tâm tam-muội. Nói niệm Phật đạt đến nhất tâm bất loạn, vẫn chẳng phải là một câu. Niệm Phật, niệm đến nhất tâm bất loạn, trong bảy ngày có thể nhất tâm bất loạn, bảy mươi ngày, một trăm ngày, quý vị cũng có thể đạt tới nhất tâm bất loạn. Nương theo điều này đề tu, tức là từ việc quán hơi thở ra vào. Nếu quý vị chẳng quán hơi thở ra vào, hãy quán bốn chữ A Di Đà Phật để chuyển cái tâm của quý vị, cũng tức là quý vị chẳng cầu trở về tịnh chi cả, cầu có thể ngưng lặng là được rồi!

Trong một ngày, nếu ngay cả trong mộng, quý vị đều là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật không phải là tác ý niệm, mà là tự nhiên vận chuyển niệm, quý vị chết rồi còn chẳng sanh về thế giới Cực Lạc ư? Khẳng định sẽ sanh. Vì cái tâm quý vị đã hợp cùng thế giới Cực Lạc, đã cùng A Di Đà Phật “*thân và cõi nước chẳng hai*”. Thế giới Cực Lạc là A Di Đà Phật, đây là thân và cõi nước chẳng hai. A Di Đà Phật là thế giới Cực Lạc, quý vị quán tưởng lâu ngày như thế, quý vị ứng hợp với Phật. Mỗi niệm của ta đều là A Di Đà Phật, ta biến thành A Di Đà Phật. Quý vị đã ở trong thế gian Cực Lạc; đây là thâm nhập hơn chút nữa. Bất quá, mọi người nghe những lời lẽ kiêu này, nghe đã lâu sẽ có thể nhập. Mở miệng chửi người khác, nghe lời dơ bẩn, đã rất quen nết. Đó là vì căn khí rất sâu từ vô lượng kiếp. Hễ nó hiện tướng là vì nó đã chín muồi. Nhưng quý vị nghe điều này, chẳng biết bao nhiêu kiếp chẳng được nghe. Quý



vị nghe những lời này, vẫn chẳng thể tiến nhập. Quý vị phải nói từ chỗ nông cạn, đừng nói nhiều, phải tiến nhập từng bước một. Vì sao khi tu hành, phải có thiện hữu, hoặc thiện tri thức? Khi quý vị đi sai đường, họ sẽ ngay lập tức lôi quý vị lại. Nếu quý vị chẳng mong quá nhiều, đếm số sẽ rất tốt, đếm mười lượt. Quý vị nghĩ pháp này rất đơn giản, cứ đếm số thử xem, rất chẳng đơn giản! Mười lượt thì còn được, chứ hai mươi, ba mươi lượt, quý vị đã sớm loạn rồi, đã sớm loạn rồi tung rối mù rồi! Đếm mười lượt chẳng thành, đợi đến khi quý vị đã tu quán đếm số tốt đẹp rồi, mới tiến thêm bước nữa là Tùy. Đây chẳng phải là chuyện một ngày, hai ngày, chẳng phải là một năm, hai năm.

Nếu chẳng đếm số thuần thực, hằng ngày hãy tu như thế. Nếu quý vị chẳng thể chuyên tu, hằng ngày hãy dành ra một tiếng đồng hồ, hoặc nửa giờ. Lúc thoát đầu tu tập, chớ nên ngồi quá lâu, chớ nên tham nhiều. Đó cũng là tham. Quý vị tham nhiều, sẽ chẳng làm được. Vì sao? Quý vị nói: “Ta nhất định phải ngồi ba tiếng!” Quý vị có thời gian hay không? Lúc quý vị khởi đầu tĩnh tọa, trước hết, hãy ngồi mười phút, hay mười lăm phút. Cảm thấy không thoải mái, ý niệm tán loạn thì phải đứng lên, đừng ngồi nữa! Có thời gian thì quý vị lại ngồi mười phút nữa. Tăng thêm dần dần, quý vị ngồi lâu hơn. Tăng thêm một khắc, tăng thành hai mươi phút, tăng thành nửa tiếng, dần dần tăng nhiều hơn. Đừng nên ngay lập tức, nhất định phải ngồi một tiếng đồng hồ, lại còn phải ngồi kết già, hồng biểu thị tinh tấn. Chân đau, cũng chẳng thể định nổi. Người khác gọi quý vị, quý vị đứng lên vội vàng mong làm việc ngay, khiến chân bị tổn hại. Có người chân đã tê, có kẻ vào gọi người đó vì có chuyện khẩn cấp, người đó liền đứng lên. Trong lúc đó không đau, nhưng xong chuyện, chân cũng chẳng linh hoạt, đi không vững. Tôi đã thấy tình hình này rất nhiều.

Có một đạo hữu, sắp đến Tết, tính bé quan, tôi nói: “Ông đừng bé quan, ông bận rộn rất nhiều việc, đợi cho có cơ hội rồi mới lại bàn tới”. Ông ta không tin, liền bé quan, chẳng mấy chốc bị ngã gãy chân. Đó là vì vào ban đêm, nhà không bật đèn, ông ta lại tiếc nuối, không dám mở đèn vì sợ lãng phí tiền nhà nước, không nở bật đèn điện. Sàn nhà hết sức trơn trượt, tuổi lại cao, ông ta muốn đi vệ sinh, vừa bước liền vấp ngã, không đứng dậy nổi, chân cũng chẳng thể đi nổi nữa. Lại chẳng có ai đến, nằm còng queo dưới đất. Khoảng trước và sau Tết, Bắc Kinh lạnh mấy chục độ âm, rét cóng như thế. Tới sáng, đệ tử ông ta tới, mới phát hiện lão sư phụ té lăn quay dưới đất, hỏi chuyện gì đã xảy ra? Do bị vấp ngã! Họ bèn đưa vô bệnh viện chữa trị. Có những chuyện chẳng thể

miễn cưỡng được. Tinh tấn là tốt, hạ quyết tâm là tốt, nhưng quý vị phải cân nhắc hoàn cảnh, lượng sức của chính mình để tiến dần. Đón nhập thì chúng ta chẳng thể. Khi tu hành, chớ nên tham nhiều. Có rất nhiều đạo hữu cũng luyện tập ngồi kết già, đó là tự nhiên. Có thể ngồi xếp bằng thì khá lắm, nhưng đó chẳng phải là công phu một hai ngày. Quý vị ngồi xếp bằng, ngồi chẳng lâu được, chân lại rất đau! Chỉ cần có thể ngồi là được rồi! Phải chú trọng nơi tâm, đừng chú trọng hình thức. Có rất nhiều đạo hữu chú trọng hình thức, nhìn người khác cũng nhìn vào hình thức, coi xem oai nghi của họ có tốt đẹp hay không, có ngồi đơan chánh hay không! Hễ nói đến tĩnh tọa, bèn hỏi trước là người ấy có thể ngồi kết già hay không? [Đúng ra], quý vị phải hỏi người ấy có thể tu tâm tốt đẹp hay không? Chứ ngồi kết già thì có công dụng gì đâu? Ngồi kết già thì chỉ cần quý vị ngồi vững vàng là được rồi! Chẳng cầu hình tướng ngồi, phải cầu thực dụng!

Học một bộ kinh phải thực dụng, đừng nói theo hình tướng. Ta nghe xong kinh gì, nghe kinh gì đó xong, sẽ có tác dụng gì? Bộ kinh ấy nói gì? Nói đoạn Thập Ác, hành Thập Thiện, quý vị có đoạn được hay không? Trong suốt một ngày, hãy kiểm điểm, phải cầu thực tế, trước hết, phải suy lường, xét nghĩ. Chúng ta mong cầu đạt được điều gì, trước hết, phải suy xét các chương ngại trung gian, xem sự thật ta có thể làm được hay không? Chẳng thể đạt tới, bèn định tiêu chuẩn thấp hơn một chút, đừng định quá cao. Chẳng phải là quý vị mong tu hành hay sao? [Chẳng phải là] mong sẽ tiến nhập sâu hơn, mong liễu sanh tử hay sao? Quý vị vừa mập mé [tu tập], còn sanh tử đã bắt đầu [từ lâu rồi], chẳng cần gấp gáp, cũng đừng tham nhiều. Tĩnh tọa cũng thế, mà nghe kinh cũng thế, làm gì cũng thế, trì thánh hiệu là tốt nhất. Trước hết, chúng ta phải miễn trừ tai nạn trong cuộc sống hiện thực; sau đấy mới nói đến chuyện tu hành được!

Địa Tạng Bồ Tát chỉ dẫn quý vị sanh về thế giới Cực Lạc. Kinh Thập Luân cũng nói quý vị có thể sanh về cõi Phật thanh tịnh. Còn có kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo nói về cõi Phật thanh tịnh. Quý vị sanh về cõi Phật nào cũng đều được; nhưng quý vị mong sanh về cõi nước nào, Địa Tạng Vương Bồ Tát nói quý vị nhất định phải nghĩ tới cõi Phật ấy, xưng danh vị Phật ấy đến mức nhất tâm bất loạn. Nếu xưng danh hiệu của vị Phật ấy mà chẳng có duyên sâu với Ngài, bèn đổi thành niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, hoặc là niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, các Ngài cũng đưa quý vị đi. Phổ Hiền Bồ Tát hoàn toàn chẳng nói quý vị phải niệm danh hiệu Ngài, quý vị chỉ cần đọc mười đại nguyện vương,

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

do pháp lực gia trì, quý vị có thể vãng sanh, lại còn là thượng phẩm thượng sanh.

Hết thầy các kinh luận đều hướng đến thế giới Cực Lạc, hóa sanh trong cõi Phật thanh tịnh. Kinh Đại Thừa Bản Sanh Tâm Địa Quán cũng nói như thế. Liên quan đến danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, chỉ có kinh Đại Thừa Bản Sanh Tâm Địa Quán nói là Địa Tạng Vương Bồ Tát, các kinh khác đều nói là Địa Tạng Bồ Tát. Các pháp đều thông với nhau. Địa Tạng Vương Bồ Tát hay Địa Tạng Bồ Tát đều được! Tùy thuộc quý vị ngồi phi cơ, hay ngồi xe lửa? Hay là tự mình lái xe? Phương pháp tuy khác nhau, quý vị ngồi xe khác nhau, tốc độ nhanh hay chậm khác nhau, nhưng mục đích ắt cần phải chuyên nhất, chớ nên quá nhiều. Quá nhiều, quý vị sẽ chẳng thể nhập được!

Quý vị nghe xong bộ kinh này, nghĩ rằng hay quá, ta phải tu bộ kinh này. Cho đến khi nghe bộ kinh kia, cũng hay quá, lại tu bộ kinh ấy. Thọ mạng của quý vị có hạn, cho đến khi già chết, quý vị chẳng tu thành một pháp gì thì vẫn là như không! Tốt nhất là trước hết đừng đọa vào tam đồ, hãy giữ gìn Thập Thiện Nghiệp. Chính mình thọ Tam Quy, Ngũ Giới thanh tịnh, đừng hủy phạm. Có thể như vậy, sẽ là rất tốt. Hôm nay, chúng tôi giảng tới đây là viên mãn.

### ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký chung***

#### ***Phụ Lục***

#### ***Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Ký Tuyển***

#### **地藏菩薩靈感記選**

*Phật Giáo Điện Nã Tư Tấn Khố Công Đức Hội tuyển chọn*

Do vì các tác phẩm về những chuyện linh ứng của Địa Tạng Bồ Tát quá nhiều chuyện trùng lặp, chúng tôi chọn lựa những bài ghi về sự linh cảm của đức Địa Tạng soạn thành một bản, toàn bộ gồm sáu mươi một bài ký, chia thành hai phần lớn.

### ***I. Những chuyện cảm ứng thuộc thế kỷ hai mươi***

#### ***1. Ân trạch Địa Tạng Bồ Tát ban cho tôi***

*Pháp sư Tâm Nhiên ghi*

Mùa Hè năm Dân Quốc 35 (1946), tôi học tại Lăng Nghiêm Phật Học Viện ở Thượng Hải. Một đêm, do ngủ trễ bị cảm nặng. Khi ấy, tuy

được bệnh viện chẩn trị, nhưng chẳng lâu sau, biến thành chứng ho gà rất nặng. Gần như mỗi giờ, ho sặc sụa mấy chục lần. Mỗi lần chẳng ho tới mức ngực nhột nhạo, nghẹn khí, sẽ chẳng thôi! Mỗi lần uống thuốc là mỗi lần nôn mửa. Mỗi lần tiêm thuốc quay về, đều chẳng có hiệu quả. Ba bữa chỉ uống nước cơm lỏng, các thức ăn cứng hay khô khác chẳng thể nuốt nổi! Lại còn mỗi đêm trằn trọc khó ngủ, rất là đau khổ! Trong kỳ nghỉ hè, có các học tăng bàn chuyện triều bái thánh tích của Địa Tạng Bồ Tát tại Cửu Hoa Sơn, tôi thâm nghĩ: “Nếu để sắc thân vô dụng này chết vì bệnh tại Thượng Hải, sao bằng hy sinh trong khi triều bái Bồ Tát sẽ có ý nghĩa phong phú hơn!” Vì thế, tôi quyết định tham gia đội ngũ của họ lên đường, gắng gượng tinh thần, lê tấm thân suy yếu theo họ ra đi. Đương nhiên là trong lúc đi đường, phần nhiều là ngồi xe hay ngồi thuyền; nếu không, tôi cũng chẳng thể đi được!

Một đoàn học Tăng chúng tôi ngồi xe lửa, xe hơi, đi qua Nam Kinh, Vu Hồ, lại ngồi tàu, hay ngồi thuyền của dân chúng, tiến thẳng đến Đại Đồng, Thanh Thành. Tuy đường dài khắp khênh và mặt trời chói chang giữa không trung, chúng tôi cũng không vì vất vả mà nghỉ ngơi. Suốt đường đi, tôi tự mình niệm thầm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, nhất tâm kiên trì chẳng dứt. Hành trình tiếp nối, đường càng ngày càng gần với đạo tràng của Bồ Tát, nội tâm tôi càng tăng thêm dũng khí và hỷ duyệt từng chút một. Tuy mỗi ngày tôi chỉ uống mấy chén sữa lỏng, nhưng thân tâm vui sướng, có thể chống chọi mà chẳng ngã xuống. Trên Trường Giang, trong lúc tàu đang bị sóng nhờ, lũ khách phần nhiều mệt mỏi muốn ngủ gục. Tôi trong lúc mộng lung, bỗng thấy một vị tăng khổ hạnh tiến đến, bảo: “Ho hen chẳng cần phải sầu lo! Ăn nhiều các thứ lạnh như dưa hấu, nước đá v.v... ắt sẽ tự lành”. Nói xong, chẳng thấy đâu nữa. Chẳng lâu sau, trước mặt bỗng dung có một miếng dưa hấu thơm ngon, tươi hồng. Tôi bất giác cầm lấy nếm thử, liền cảm thấy toàn thân thoải mái, khoan khoái khác thường! Nhưng lúc ấy, tôi nghe tiếng ngáy của chính mình, bèn tỉnh giấc, đưa mắt nhìn, trùng hợp là các học tăng cũng đang ăn dưa hấu. Tự nhiên tôi cũng như cảnh trong mơ, tiện tay cầm ăn. Không ngờ, do vậy mà đêm ấy chiêm nghiệm ngủ ngon dị thường. Ngày hôm sau, giảm bớt ho hắng rất nhiều, khiến cho tôi sau đây bạo gan tiếp tục ăn đồ lạnh. Đúng là một kỳ tích.

Từ Đại Đồng tới Thanh Thành, ắt phải theo đường thủy là một nhánh nội hà ngoằn ngoèo, nhỏ hẹp, không quá ngắn. Đường thủy thì có thuyền dân, có các bạn đồng học tự làm chèo tre, giúp nhau hợp lực chèo thuyền, cho nên tiến lên như bay. Chỉ có đoạn đường bộ là đường ruộng

ẩm ướt, trơn trượt, cho nên đi lại khá gian nan! Nhất là đối với người thân thể mang bệnh như tôi, càng cảm thấy trầm trọng hơn trước, trở thành phiền toái lớn cho các bạn đồng hành! Vì thế, đêm đến, khi tới xin ngủ nhờ tại một chùa nọ ở cửa Nam của Thanh Thành, tôi lại bị ho kịch liệt! Mấy vị đồng học quan tâm đã vì tôi đến trước tượng Bồ Tát ở tiền điện xin xăm, được quẻ xăm như sau: “*Biển rộng ngộ cuồng phong, sóng lớn đánh vào thuyền, thuyền lật bị ngã xuống, không chìm cũng kinh hồn*”. Cầu xong, họ đưa quẻ ấy cho tôi coi. Tôi xem rồi, rất lãnh ngộ, do vậy, nói với họ: “Trên đường đi, tôi không ngừng cung kính niệm thánh hiệu Bồ Tát, nảy sanh ý chí cực kiên cường. Hiện thời, tuy có cảnh tượng rất nguy hiểm, tôi tự tin ắt sẽ giống như tàu bọc sắt của quân đội bình yên vượt sông, xin chớ lo rầu!” Quả nhiên, tới nửa đêm, ho háng lập tức ngưng dứt. Sáng hôm sau, đặc biệt cảm thấy bụng đói như cào, ăn một mạch hai chén cháo mới cảm thấy no, khí lực toàn thân cũng do đó mà gia tăng rất nhiều! Từ Thanh Thành tới Cửu Hoa Sơn, hơn sáu mươi dặm đường núi, tôi đã có thể theo hàng ngũ mà đi, không đến nỗi quá tụt hậu. Đây là kỳ tích thứ hai.

Men theo đường núi tiến lên, chúng tôi đã đi qua chùa Long An quy mô to lớn, hai thánh am theo phương thức lều tranh, một túc am, Tiểu Kiêu Am và Đại Kiêu Am có cảnh trí u tuyệt. Trong ấy, có nhục thân Bồ Tát thuộc niên đại gần nhất. Chùa Cam Lộ phủ kín trúc biếc, trong ấy có toàn bộ Kinh Tạng thuộc hai đời Đường và Tống, có đình Bán Tiêu để đón gió, vị trà thơm đậm lòng người. Ở các nơi ấy, chúng tôi đều từng lưu lại và thăm viếng. Tuy cũng có tâm lý thương thức phong cảnh, nhưng do thời gian gấp rút, hoàn toàn chẳng có tâm tình ngâm vịnh, tán thưởng gió trăng. Cuối cùng, chiêm bái tới chùa Kỳ Viên, nhằm đúng lúc chùa ấy có pháp hội giảng kinh. Chúng tôi đi thăm một vòng, cả đám liền ngủ lại Bách Tuế Cung. Khi đó, vào ban ngày, mỗi giờ tôi chỉ ho mấy lượt mà thôi!

Lần đầu tiên, ngủ lại thánh địa, mọi người mang tâm tình vui sướng dào dạt chẳng thể nói lên lời. Giám Viện trong chùa tiếp đãi thân thiết và chu đáo, khiến cho nhóm chúng tôi ngủ say đến nỗi chẳng biết trời đã sáng bạch. Cho tới khi tôi rời giường, các bạn học đã chia thành từng nhóm đi triều bái các di tích nơi thánh địa. Tôi đã có thể chịu đựng nỗi mệt nhọc vượt ngàn dặm đến thánh địa, đương nhiên sẽ chẳng lẽ nào cầu dưỡng bệnh một mình nữa! Do vậy, cũng mang theo y cụ (y ca-sa và tấm ngoại cụ), từ chùa Hóa Thành đến tháp thờ nhục thân của Bồ Tát tại rừng Thần Quang để triều lễ, mỗi bước một lay. Trong khi triều bái, tôi

thầm nghĩ đến tinh thần kiên thành mỗi bước mỗi lay triệu bái tứ đại danh sơn của những vị tu tâm đã lâu, bất giác hồ thẹn vạn phần! Hành động nhỏ nhoi như tôi làm sao có thể biểu thị lòng kính ngưỡng và hồi báo một phần trong vạn phần ân đức của Bồ Tát?

Mỗi bước, mỗi lay, vượt qua Nam Thiên Môn, đi qua Thập Vương Điện cây phủ ropy bóng, mới đến được bậc thềm đá dẫn lên tháp Bồ Tát vừa dốc lại vừa cao. Lúc ấy, tôi thở hổn hển như trâu, mồ hôi tuôn như mưa, nhưng tâm lặng như gương, thân nhẹ như gió, có một loại tâm cảnh “*trăm mạch đều thông, trăm niệm quét sạch*”, quả thật là chẳng có cách nào hình dung. Cho nên rất nhanh chóng tới trước tháp của Bồ Tát. Sau khi tiếp tục đánh lễ bốn mươi tám lần, toàn thân tinh thần phấn khởi. Không chỉ là chẳng có một nhọc gì, từ đó, căn bệnh ho hắng khổ sở bị tiêu trừ chẳng sót. Đây là kỳ tích thứ ba!

Ở Cửu Hoa Sơn mấy ngày, tôi lễ khắp tất cả các thánh tích đạo tràng, bái kiến chẳng ít tượng nhục thân tổ sư, ngay cả chỗ cao nhất là Địa Tạng Lâm trên ngọn Thiên Đài, một đường thẳng tắp lên trời, cái chuông U Minh nặng tám vạn bốn ngàn cân trên đỉnh núi, các thắng cảnh mỹ lệ hiểm trở, cũng đều lên tới nơi chẳng sót. Khi trở về Thượng Hải, đổi thành một thân thể linh hoạt, mạnh khỏe, khiến người khác chẳng dám tin tưởng tôi là kẻ yếu ớt chẳng chịu nổi gió máy. Ai đã ban thương? Do sức của ai khiến thành ra như vậy? Là do lòng Từ gia hộ của Địa Tạng Bồ Tát, là ân điển của Địa Tạng Bồ Tát. Nếu không, tôi đã sớm chết vì bệnh tại Thượng Hải rồi! Nam-mô đại nguyện Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

## ***2. Lễ niệm thánh hiệu, chữa khỏi bệnh nặng*** *Lâm Chấn Hưng ghi*

Con gái út của tôi mấy năm trước (kể từ lớp 6 cho đến nay là lớp 12) mắc bệnh thận. Vì trị liệu chẳng lành, tiền bạc trong nhà lại thiếu thốn, phải ngưng chữa trị một dạo. Lần khân cho tới giữa tháng Chín năm Dân Quốc 67 (1978), nhận thấy mặt cháu phù thũng, cảm thấy hết sức không đúng, bèn đem cháu đi khám bệnh. Kết quả khám nghiệm cho thấy bệnh tình tệ hơn trước. Tuy chẳng nghiêm trọng cho lắm, nhưng tình huống chẳng nhẹ. Lúc ấy, tâm tôi rất phiền muộn. Nếu cứ mỗi ngày (hoặc hai ngày một lần) phải đi bác sĩ, cuộc sống trong gia đình sẽ càng thêm khó khăn. Làm cách nào đây? Chỉ đành xin bác sĩ giúp đỡ; cũng may là vị bác sĩ ấy rất cảm thông tình cảnh của tôi, lập tức giới thiệu một

loại thuốc bảo tôi mua về trị liệu trong vòng nửa năm xem sao. Sau đó, tôi nghĩ: “Chỉ uống thuốc thì chẳng có cách nào, vì trước kia lúc vừa mới phát bệnh nhẹ đã trị chẳng lành, hiện thời chữa trị chẳng phải là càng khó hơn hay sao?” Do vậy, ngay khi ấy tôi bèn suy nghĩ: “Vẫn là cầu Phật, Bồ Tát thì tốt hơn”. Như thế thì một mặt tự mua thuốc về uống, một mặt dạy cháu nó sáng tối cầu Phật lực gia bị. Không ngờ bệnh thân suốt mấy năm khó thể trị liệu, chỉ trong hơn hai tháng gần gũi đến nay đã khỏi hẳn. Ai có thể tin tưởng loại kỳ tích này? Nói thật ra, ngay cả bác sĩ cũng cảm thấy rất kỳ quái! Tôi nghĩ nếu chẳng do cầu Phật, Bồ Tát cứu trị, chỉ sợ hiện thời vẫn chẳng khá hơn được. Do vậy, tôi hết sức cảm tạ ơn Phật.

Đứa con gái bé ấy cầu Phật cứu trị như thế nào? Thoạt đầu, tôi sợ trẻ nhỏ chẳng kiên nhẫn, không chịu lễ bái hằng ngày. Cho nên tôi nói trước với nó về Phật lực vô biên. Vì sanh mạng, chỉ có cách cầu Phật, Bồ Tát. Đồng thời cô vũ, dạy cho nó một phương pháp đơn giản, thuận tiện nhất. Buổi sáng sau khi đánh răng, rửa mặt, tới trước bàn Phật, chí tâm lễ niệm “*Nam-mô A Di Đà Phật*” sáu lay, lễ niệm “*Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát*” sáu lay, tất cả là mười hai lay. Sau đấy, lại quỳ niệm “*Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát*” một trăm lần. Buổi tối, trước khi ngủ, lễ niệm “*Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát*” ba lay, lại quỳ niệm “*Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát*” một trăm lần. Hằng ngày cứ lễ niệm và cầu như vậy, mới hơn hai tháng, bệnh đã khỏi hẳn. Đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

### ***3. Sự cảm ứng cứu khổ của Địa Tạng Bồ Tát***

*Hoàng Trí Đức ghi*

Khi bé, người khác gọi tôi là Khoái Lạc Tiên Tử, trong trường thì có biệt hiệu là Tiêu Khí Hoàn (消氣丸, hoàn thuốc tiêu giận). Dù trời sụp xuống, hay núi lở đều chẳng quản. Sống vui sướng, vô ưu, vô lự như một con chim nhỏ tiêu dao, bay lượn trên không, làm gì có ưu sầu, khổ não? Nhưng nay đã già, đã có kinh nghiệm sống, nói chung là khổ nhiều vui ít! Nên chẳng có khổ, vì sao lại cất tiếng khóc chào đời chẳng ngừng như thế? Đó là khởi đầu của nỗi khổ. Đức Phật dạy: “*Hoặc nghiệp là nhân, kết thành khổ quả trong đời người*”. Tôi từng nghe lão pháp sư Thụy Kim khai thị, Sư nói: “*Đời người giống như một tấm vải trắng, bị vấy mực mà ô nhiễm. Cần phải dùng nước sạch gột rửa dần dần thì mới thanh tịnh được. Do vậy, ắt cần phải thường niệm Phật. Phật thương xót chúng sanh, khiến cho tâm tánh tội ác trong đời người sẽ dần dần thanh*

*tĩnh thì mới có thể là khổ não”.*

Tháng Tám năm ngoái, Trí Nhi về nhà, bạn nó là bác sĩ Lý đến thăm. Tôi thừa dịp hỏi anh ta: “Cổ tôi có cảm giác hít thở không thông. Có lúc ngay cả một ngụm nước cũng chẳng thể nuốt xuống được, đó là vì lẽ nào?” Bác sĩ Lý quan sát kỹ càng rồi bảo: “Tốt nhất là nên tới bệnh viện kiểm tra”. Tôi theo lời khuyên của bác sĩ Lý tới bệnh viện Sùng Hoa, được bác sĩ Dương Mẫn khám bệnh. Ông ta nói các bộ phận thân thể đều bình thường, tốt nhất là nên chiếu X-quang cổ họng thì mới biết. Khi tôi chụp X-quang, ôi! Đáng ngại quá. Kết luận là giữa thực quản và khí quản đã nảy sinh một khối gì đó không biết. Trải qua ba vị bác sĩ chuyên khoa chẩn đoán, tới cuối cùng, quyết định chẳng thể nào không mổ. Tôi vừa nghe nói phải mổ xẻ, không khỏi kinh hãi! Chính mình suy nghĩ: “Tuổi đã ngoài sáu mươi, mà còn phải mổ xẻ, đúng là nguy hiểm quá, vẫn là thuận theo tự nhiên đi!” Về nhà, kể lại tình hình cho con cái biết. Vĩ Nữ nói: “Bất luận như thế nào, phải nên báo tin cho Học Nhi và chị Ung” (họ đều là con gái của tôi). Nhưng con cái nhất trí chủ trương nghe theo ý kiến mổ xẻ của bác sĩ. Tôi không lay chuyển được họ. Học Nhi quay về ngay hôm đó, quyết định đưa tôi vào bệnh viện. Vào bệnh viện là một phen súc ruột, đo nhiệt độ, đủ loại thủ tục. Chín giờ sáng hôm sau, đưa vào phòng giải phẫu, trải qua Tử Môn Quan. Năm vị bác sĩ, hai vị y tá, bảo tôi nằm trên chiếc giường lạnh ngắt, tay chân bị cột chặt, muốn động đậy cũng chẳng được. Hai mắt nhắm chặt, niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Tới chín giờ mười lăm, bác sĩ Hermosisima bước vào, chích một mũi thuốc mê, tôi bèn ngủ mê mết. Sau đấy, bác sĩ Hermosisima mổ xẻ, tỉ mỉ kiểm tra, rút cuộc cắt bỏ vật chướng ngại. Hơn bốn tiếng đồng hồ mới hoàn tất ca mổ, vật ấy dài hơn bảy tấc. Sau đó, tôi dần dần tỉnh lại, mở mắt ra đã thấy mình nằm trong phòng bệnh. Vây quanh bốn phía là mấy cô con gái và thân hữu. Tôi tự thở dài một hơi! Thật sự cảm khái là ngàn vạn phần lại sống tiếp một đời. Toan mở miệng nói chuyện, nhưng không thể phát ra âm thanh, lệ già lập tức tràn mi! Học Nhi vội tiến tới an ủi, muốn tôi hãy bình tâm tĩnh dưỡng. Khi đó, tôi biết trên cổ, chỗ yết hầu đã khoét một cái lỗ, đặt một dụng cụ hình tròn bằng kim loại tại đó, có thể giúp tôi hô hấp, nhưng cảm thấy hết sức không thoải mái. Theo lời bác sĩ nói: Sau khi mổ, sẽ cảm thấy hết sức bực bội. Cháu Tích Hy rất cẩn thận ở cạnh tôi suốt đêm. Rất may mắn là ngủ yên tới sáng. Trong lúc nằm bệnh viện, ngày đêm đều có y tá và các cô con gái thay phiên chăm sóc.

Sáng ngày Mười Tám, bác sĩ đi kiểm tra bệnh nhân một vòng, vào



phòng bệnh của tôi, bảo: “Quá trình mổ của bà khá thuận lợi, rất tốt. Bà cũng rất dũng cảm, tĩnh dưỡng vài bữa sẽ khỏi”. Tôi có gì để nói nữa? Chỉ đăm đăm cười khổ mà thôi! Trong thời gian nằm tại bệnh viện, được pháp sư Duy Từ, linh mục Thẩm từ trung học Thánh Tâm, các bạn thân, và các thiện hữu Phật giáo tới thăm, chân thành quan tâm, khiến tôi ghi khắc sâu đậm trong lòng. Còn có các bạn bè thuộc nhóm Tự Do Tổ Quốc gửi thư an ủi, hy vọng khi thân thể tôi khỏe trở lại, sẽ sang Đài Loan một chuyến. Tôi rất vui, chấp thuận lời mời của bà ta, vì tôi đã dự táng ghé thăm Di Lạc Nội Viện ở Tịch Chỉ để chiêm ngưỡng nghi dung toàn thân của Từ Hàng đại sư<sup>52</sup>. Đây cũng là một trong các nguyện vọng của tôi.

---

<sup>52</sup> Thích Từ Hàng (1893-1954), tên thật là Ngải Kế Vinh, tự là Ngạn Tài, người huyện Kiến Ninh, tỉnh Phước Kiến. Sư là vị Tăng sau khi mất đã lưu lại nhục thân bất hoại đầu tiên tại Đài Loan. Sư mồ côi mẹ năm bảy tuổi, do nhà nghèo, chỉ được học trường tư bảy năm rồi thôi. Từ lúc mười ba tuổi, Sư đã học nghề may để giúp gia đình. Do từng đến các chùa may Tăng phục, Sư đã manh nha ý niệm xuất trần. Năm 17 tuổi, sau khi cha mất, Sư đến đỉnh Nga Mi ở Thái Ninh, xin xuất gia theo Tự Trung thượng nhân. Năm 1911, Sư sang Cửu Hoa Sơn thọ Cụ Túc Giới, rồi xin thầy cho đi tham học các nơi. Sư từng theo pháp sư Đệ Nhàn nghe giảng kinh một thời gian, và học Tịnh Độ với trưởng lão Độ Ách. Năm 1927, Sư vào học tại Mân Nam Phật Học Viện ở Hạ Môn, do trình độ văn hóa quá kém, từng bị pháp sư Đại Tỉnh quả trách nặng nề. Tuy vậy, Sư vẫn mong thân cận Thái Hư đại sư. Năm 1929, lại theo học khóa Huấn Luyện Tăng Già do Thái Hư đại sư tổ chức ở Tỳ Lô Viện Nam Kinh. Khi đó, Thái Hư đại sư sang Tây Âu, chương trình học do cư sĩ Đường Đại Viên là một học giả Duy Thức đảm nhiệm. Vì thế, Sư đã có nhân duyên học Duy Thức. Cùng năm, Sư được mời làm phương trượng chùa Nghênh Giang ở An Khánh, và tiếp tục học Duy Thức với hai vị Pháp Phảng và Đường Đại Viên. Năm 1931, sau khi tham bái Ấn Độ, Sư sang Miến Điện hoằng pháp tại Ngưỡng Quang (Rangoon). Năm 1933, Sư sáng lập Trung Quốc Phật Học Hội tại Ngưỡng Quang. Từ năm 1924, Sư trở về Hương Cảng theo chân Thái Hư đại sư hoằng pháp khắp nơi. Do tinh cần, Sư tiến bộ nhanh chóng và được Thái Hư đại sư tán thưởng. Năm 1948, Sư sang Đài Loan theo lời mời của lão hòa thượng Diệu Quả chùa Viên Quang, sáng lập Viên Quang Phật Học Viện. Do số học Tăng từ Đại Lục lánh nạn sang quá đông, và bất đồng ý kiến với ngài Diệu Quả, Sư giao học viện cho pháp sư Viên Minh tiếp quản, dẫn một số học Tăng đến chùa Linh Tuyền ở Cơ Long, tham gia Linh Tuyền Phật Học Viện. Nhưng do khó khăn kinh tế, không lâu sau, Linh Tuyền Phật Học Viện ngưng hoạt động. Năm 1949, Sư dẫn các học Tăng đến chùa Linh Ân, lại bị vu cáo là gián điệp của Hoa Lục, cho nên bị bỏ tù. Giới Phật giáo Đài Loan thời ấy lãnh đạm không giúp đỡ, may nhờ các cư sĩ Đồng Chánh Chi, Tôn Trương Thanh Dương, Lý Tử Khoan và pháp sư Bản Tông tận lực giúp đỡ, Sư mới được thả. Sau khi ra khỏi tù, cuộc sống Ngài rất khôn khó, ăn nhờ ở đậu, các tín đồ đã thỉnh Ngài về Indonesia, nhưng Ngài không bỏ được các học Tăng. Năm 1950, do lời mời của tỳ-kheo-ni

Ngày thứ tám, được bác sĩ cho phép xuất viện, tĩnh dưỡng tại nhà, nhưng vẫn cần phải trị liệu bằng phương pháp điện liệu. Bác sĩ điện liệu Canoy quan sát cẩn thận, bảo: “Tốt nhất là phải kiểm tra lần nữa. Chụp X-quang, thử máu, dựa trên tỷ lệ độ tuổi, và kết quả kiểm tra, ắt cần phải điện liệu hai mươi ngày. Mỗi ngày là mười phút, chớ nên gián đoạn”. Tám giờ sáng mỗi ngày, Ung Nữ đưa tôi đi điện liệu. Tôi nhớ là sau khi dùng phương pháp điện liệu mười ngày, thân thể suy nhược, tinh thần bải hoải, tứ chi vô lực, cổ họng bị tổn thương, một hớp nước cũng uống không nổi! Sức cùng lực kiệt, chóng đỡ không nổi, mơ màng như người chết rồi, thân thể sút mất ba mươi mấy pounds. Mọi người đều lo cho tôi, tôi cũng chẳng muốn tiếp tục điện liệu, nhưng hai vị bác sĩ chủ trị không chịu. Nếu ngưng, chẳng phải là phí sạch công sức trước kia hay sao? Sau đó, họ lại châm chước nghiên cứu, mới kê toa chích thuốc bổ để giúp tăng thể lực, tiếp tục điện liệu cho đến ngày thứ hai mươi. Nỗi khổ này đúng là chẳng thể nói nổi!

Một kiếp này qua một kiếp khác, hãy còn có kiếp khác chờ sẵn, ngày nào cái dụng cụ giúp hô hấp bằng kim loại gắn ở cổ mới tháo bỏ? Thời gian đã hơn năm tháng rồi, bác sĩ vẫn nói chẳng thể bỏ ra, tôi cả thấy lo sâu rất sâu! Rốt cuộc tới lúc nào mới có thể bỏ? Rất bận lòng! Trong những ngày lo rầu, chỉ có cách dùng tâm kiên thành cầu khẩn, cầu Phật từ bi thương xót đặc xá tội chướng của tôi. Tôi nhớ sáng sớm ngày Hai Mươi tháng Giêng, tôi ngồi bên ghế, nhắm mắt tụng niệm thần chú Chuẩn Đề, bỗng dừng nghe thấy có người bảo tôi: “Bội Hành ơi! Túc nghiệp của con chưa tiêu trừ!” Tôi kinh hoảng mở mắt ra nhìn. Ôi! Đó là Địa Tạng Vương Bồ Tát, nhưng rất nhanh, hình tượng Bồ Tát không thấy nữa. Vì thế, tôi vội đến quỳ gối trước tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát, thành tâm cầu sám hối, nguyện Bồ Tát từ bi đặc xá nghiệp chướng của tôi! Lúc ấy, tôi liền lập tức phát nguyện niệm kinh Địa Tạng Bản Nguyện mười bộ, cầu nguyện Bồ Tát giải trừ nghiệp chướng của tôi.

Từ ngày Hai Mươi Sáu tháng Giêng, bắt đầu niệm thầm, thật linh nghiệm, niệm đến bộ thứ năm thì dụng cụ giúp hô hấp nơi cổ của tôi được gỡ bỏ. Khi bác sĩ ra tay tháo dụng cụ giúp hô hấp, tôi hết sức khẩn trương, tâm tình vừa kinh sợ vừa hưng phấn, khó thể diễn tả! Tới ngày

---

Huyền Quang thuộc Tỉnh Tu Thiền Viện, Ngài đến đó dạy học và sáng lập Di Lạc Nội Viện. Đó là Phật Học Viện quy mô nhất tại Đài Loan thời ấy. Sư cho rằng giáo dục, văn hóa, và từ thiện là ba cột trụ của Phật giáo, nồng nhiệt kế thừa di chí của Thái Hư đại sư.

mùng Một tháng Hai, tôi đến chùa Định Huệ, được pháp sư Duy Từ từ bi cầu nguyện hồi hướng cho tôi trước Phật điện. Khi đó, miệng vết thương khỏi hẳn. Từ đây về sau, sáng tối mỗi ngày tôi đều đánh lễ Địa Tạng Bồ Tát, cảm tạ ân điển cứu khổ cứu nạn của Bồ Tát. Trong tâm vô lượng hoan hỷ, an ủi!

#### **4. *Mộng thấy bà nội đã qua đời***

*Nãi Viên ghi*

Nhớ lại bà nội tôi đã qua đời từ nhiều năm trước, cụ chẳng giống như trong tiểu thuyết mô tả lão thái phu nhân, “*hường phước trời, ngâm kẹo chơi đùa với cháu*”. Tuổi già, do không cẩn thận, cụ vấp ngã, nhiều năm nằm bệnh trên giường. Ăn, uống, cử động, đều phải do con cháu chúng tôi luân phiên chiếu cố để sống hết kiếp thừa. Khi tôi học lớp Sáu Tiểu Học<sup>53</sup>, chị cả đang học tại đại học Trung Nguyên, đem kinh Phật trân quý từ Phật Học Xã về, cũng nói cho chúng tôi biết Phật pháp chưa từng nghe qua. Lúc ấy, tôi hứng thú tột bậc nông hậu. Mỗi tối, đều ấn định chính mình tụng phẩm Phổ Môn, chú Đại Bi, hay xưng niệm mấy trăm câu Phật hiệu. Lễ Phật xong mới làm bài tập. Trong tâm cảm thấy rất vui sướng, cũng thường hướng đến mấy vị bạn học thân thiết giảng nói sự vĩ đại, sâu màu của Phật pháp. Lâu ngày, vào lúc tan học hoặc ngày nghỉ, mấy cô đó đôi khi tới nhà của tôi cùng nhau niệm Phật, lễ Phật, tụng kinh.

Vào một đêm nào đó, khi tôi đang học lớp Bảy, tôi mộng thấy bà nội qua đời đến tìm tôi. Cụ vác một cái bụng to dường như sắp sanh. Tôi lập tức nghĩ tới trong phẩm Phổ Môn có nói: “*Nhược hữu nữ nhân, thiết dục cầu nam, lễ bái, cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, tiện sanh phước đức, trí huệ chi nam. Thiết dục cầu nữ, tiện sanh đoan chánh hữu tướng chi nữ, túc thực đức bốn, chúng nhân ái kính*” (Nếu có nữ nhân, muốn cầu sanh con trai, lễ bái, cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ sanh con trai phước đức và trí huệ. Nếu muốn sanh con gái, sẽ sanh con gái đoan chánh có đức tướng, đã gieo cội đức từ trước, mọi người yêu kính). Tôi tột bậc vui thích, vội nói với bà nội đã ly biệt một năm: “Bà phải mau niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Như thế thì đứa bé sanh ra mới có bộ dạng trắng mập, đáng yêu”. Bà nội hỏi tôi: “Phải niệm như thế nào, ta không biết!” Tôi chấp hai tay lại, nói: “Phải rất thành khẩn niệm

---

<sup>53</sup> Theo quy chế của Đài Loan, lớp Sáu vẫn tính là cấp Tiểu Học.

Nam-mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn quảng đại linh cảm Quán Thế Âm Bồ Tát...” Chẳng ngờ cụ thật sự niệm theo tôi, nhưng niệm chưa được vài câu, cụ không niệm nữa. Đột nhiên, mặt cụ xanh lét, hốc mắt cụ biến thành đen thui, lộ ra vẻ mặt hung tợn, đáng sợ, vươn hai tay bầu chặt cổ tôi chẳng buông. Tôi sợ tới mức ngã quy xuống đất, một mực giãy dụa cố thoát khỏi bà. Nay nghĩ lại, cụ là ngạ quỷ hống bé như kim, bụng to như cái chum! Khi tỉnh lại, tâm vẫn hoảng sợ muôn phần. Đợi tới tảng sáng, khẩn cấp đem chuyện gặp bà nội trong mộng đêm qua hỏi chị cả. Chị nói: “Có thể là sau khi bà nội qua đời, còn ở trong quỷ đạo hoặc địa ngục chịu khổ, biết em mỗi ngày tụng kinh, cho nên đến báo mộng với em, hy vọng cứu cụ. Em có thể tụng kinh Địa Tạng hồi hướng cho bà nội”.

Trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên có nói: “*Nhược vị lai thế, chư chúng sanh đặng, hoặc mộng, hoặc寐, kiến chư quỷ thần, nữi cập chư hình, hoặc bi, hoặc đê, hoặc sầu, hoặc than, hoặc khủng, hoặc bố, thử giai thị nhất sanh, thập sanh, bách sanh, thiên sanh quá khứ phụ mẫu, nam nữ, đệ muội, phu thê, quyến thuộc, tại u ác thú vị đắc xuất ly, vô xir hy vọng phước lực cứu bạt, đương cáo túc thế cốt nhục, sử tác phương tiện, nguyện ly ác đạo*” (Nếu trong đời vị lai, các chúng sanh hoặc mộng寐, thấy các quỷ thần và các hình tướng, hoặc buồn, hoặc khóc, hoặc sầu, hoặc than, hoặc sợ, hoặc hãi, đầy đều là cha mẹ, con cái, em trai, em gái, chồng, vợ, quyến thuộc trong một đời, mười đời, ngàn đời trong quá khứ, không có chỗ mong cầu phước lực cứu vớt, đến báo với người ruột thịt trong đời trước để họ tạo phương tiện, nguyện lia ác đạo). Xem hết đoạn này, [nhớ lại] khi bà nội qua đời, nghiêng rặng, nghiêng lợi, bộ dạng đáng thương lại hiện ra trước mắt tôi. Buổi tối, trước hôm bà nội qua đời, cụ mộng thấy ông nội đã qua đời ở bờ sông bên kia gọi bà, hướng về bà ngoắc tay, muốn bà qua đó. Bà nội thật sự xắn ống quần lội qua.

Kinh Địa Tạng dạy: “*Thị Diêm Phù Đê hành thiện chi nhân, lâm mạng chung thời, diệt hữu bách thiên ác đạo quỷ thần, hoặc biến tác phụ mẫu, nữi chí chư quyến thuộc, dẫn tiếp vong nhân, linh lạc ác đạo*” (Người làm lành trong cõi Diêm Phù Đê này, khi mạng sắp hết, còn có trăm ngàn quỷ thần trong ác đạo, hoặc biến thành cha mẹ, cho đến các quyến thuộc, tiếp dẫn người mất, khiến cho người ấy rơi vào trong ác đạo). Sáng hôm sau, cụ có kể cho chúng tôi tình hình mộng thấy ông nội đã mất. Lúc đó, chúng tôi chưa học Phật, hoàn toàn chẳng biết đây là điềm báo bà nội sắp mất.

Sáng sớm ngày kế đó, trước khi tôi đem bữa sáng đến, phải vén mùng lên trước. Khi tôi vén mùng lên để dọn dẹp, nhận thấy bà nội sắc mặt không đúng: Hai mắt trợn trừng, lộ vẻ phẫn nộ, răng nghiến chặt cắn hận, thở dồn dập. Khi đó, tôi mới học lớp Năm hay lớp Sáu Tiểu Học, một luồng cảm giác hoảng sợ bọc lấy trái tim, vội chạy vọt ra cửa, phóng lên lầu nói với cha. Cha xuống nhà, thấy bà nội có thái độ khác hẳn bình thường như thế, khẩn trương lo lắng, nhẹ giọng nói chuyện với bà. Dường như bà muốn nói, hiềm rằng hàm răng như bị sức mạnh khớp chặt, không hé ra được. Bà càng lúc càng thông khổ, hô hấp càng khó khăn, vẻ mặt cũng càng khó coi, khiến cho người khác sợ hãi... Do bà nội trước đó đã có ông nội mất nhiều năm vậy gọi, sau đó lại dùng tướng mạo khi chết để phán đoán, chắc chắn là cụ ở trong ác đạo chịu khổ, chẳng thể ngờ chi!

Khi bà nội lâm chung, tôi chưa học Phật, chẳng biết phải nhanh chóng trợ niệm vãng sanh. Chết rồi, trong vòng bốn mươi chín ngày, cũng chẳng thỉnh bậc cao tăng hữu đạo siêu độ bạt tiến. Nay đã biết chỗ bà nội sanh về, trong tâm tôi thật khổ sở, đau đớn. Vì thế, phát tâm nhất định phải cứu bà nội khỏi cảnh nước sâu, lửa bỏng, khiến cho thần thức của cụ thoát khỏi đường khổ. Tôi hành theo lời dạy trong kinh Địa Tạng: *“Chí tâm tụng đọc thử kinh, hoặc thỉnh nhân đọc, kỳ số tam biến, hoặc thất biến. Như thị ác đạo quyển thuộc, kinh thanh tất thị biến số, đương đắc giải thoát”* (Chí tâm tụng đọc kinh này, hoặc thỉnh người khác đọc, đủ số ba lần hoặc bảy lần. Quyển thuộc trong ác đạo như thế, khi tiếng tụng kinh đủ số lần, sẽ đều được giải thoát). Từ hôm đó trở đi, mỗi đêm sau khi ăn xong, tắm rửa xong xuôi, tôi nhất định đánh răng, rửa tay, thắp hương, chí thành cầu nguyện, hằng ngày kiên thành tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện. Sau khi tụng xong mỗi quyển, nhất định hồi hướng cho bà nội, cầu nguyện Phật quang gia bị, sớm ngày giải thoát, vãng sanh đường lành. Tụng như thế khoảng chừng mấy chục lần, trong đêm chẳng còn mộng thấy dáng vẻ cắn hận của bà nội nữa!

Cảm ơn sức từ bi cứu bạt của Địa Tạng Vương Bồ Tát, cũng cảm kích giáo chủ Thích Ca Mâu Ni Phật tuyên nói tám vạn bốn ngàn pháp môn để thích ứng với các loại nhu cầu và căn khí khác nhau của chúng sanh, bọn chúng ta trong đời sau mới biết các vị đại Bồ Tát, đáng có tâm đại từ bi là Quán Thế Âm Bồ Tát, đáng có sức chí nguyện to lớn là Địa Tạng Vương Bồ Tát, đại trí huệ Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, đại hạnh nguyện Phổ Hiền Bồ Tát v.v... ở trong thế gian khổ sở cùng cực này mà giáo hóa, cứu độ hết thảy chúng sanh. Rất may mắn đời này chính mình

có thể học Phật, nhận biết Phật pháp, mới có thể tụng kinh hồi hướng cho bà nội. Nhưng toàn bộ nhân loại trên địa cầu, cùng với chúng sanh luân hồi trong lục đạo quá nhiều, người có thể nghe nói Phật pháp quá ít! Đức Phật từng nói: *“Đất nhân thân như trảo thượng trần, thất nhân thân như đại địa thổ”* (Được thân người như đất trên móng tay, mất thân người như đất trên đại địa). Hãy nên biết: Hễ đánh mất thân người, vạn kiếp chẳng có lại được! Ở trong tam ác đạo, muốn học Phật, tinh tấn hành trì, khó khăn như thể từ dưới đất mà toan lên trời. Đáng buồn thương cỡ nào! Viết đến đây, tôi nhớ sự phụ Thánh Khai thượng nhân đã phát đại nguyện: *“Mong đời đời kiếp kiếp ở trong thế giới Sa Bà hóa độ chúng sanh, làm phu quét đường, quét dọn ô uế của nhân gian, mãi cho đến năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, hình thành Tịnh Độ trong nhân gian, hoan nghênh Di Lặc Bồ Tát giáng hạ nhân gian thành Phật”*. Mỗi khi nghĩ đến điều này, nội tâm tôi khôn ngăn cảm động. Nghĩ đến Bồ Tát đạo khó hành, chúng sanh khó độ (“nội chúng sanh” của chính mình và “ngoại chúng sanh” tức chúng sanh bên ngoài), lúc nội tâm phóng dật, chỉ cần nghĩ tới tinh thần đại Bồ Tát chẳng sợ gian khổ của sự phụ, *“có thể nhẫn điều khó nhẫn, có thể hành điều khó hành”*, trong tâm thật sự có nỗi hổ thẹn chẳng thốt lên lời và lòng ngưỡng mộ, bèn nhanh chóng càng thêm dụng công, luôn nhắc nhở chính mình. Sanh mạng rỉ máu từng giọt theo mỗi bước chân, ngày lại qua ngày, lại trải qua bao nhiêu năm tháng, bà nội tôi mất đến nay đã chuyện thuộc sáu bảy năm trước rồi. Chỉ nguyện lão nhân gia sớm được siêu sanh, sanh về chốn lành, đời sau được tinh tấn học Phật. Cũng cầu nguyện trong đời này và đời sau, cho đến trong đời tương lai, có càng nhiều ngàn vạn người phu quét đường, cùng nhau quét dọn dơ bẩn trong nhân gian, xiên dương chân đế Phật pháp, mong cho Phật pháp như mưa ngọt trong lúc hạn hán rưới khắp tam thiên đại thiên thế giới.

### **5. Địa Tạng Bồ Tát báo mộng**

*Thanh Hà ghi*

Mùa Hè năm trước, tôi theo mẹ đến miền Trung thăm dì họ đã nhiều năm chẳng gặp. Vừa vào cửa, thấy chính giữa phía trên bàn thờ trước sảnh, thờ hai bức thánh tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát. Trước tượng, khói hương vờn tỏa, có không khí rất trang nghiêm. Tôi liền chấp tay cung kính, hướng về Bồ Tát xá, trong tâm cảm thấy vui sướng vì dì họ đã biết thờ Bồ Tát. Lễ xong, liền ngồi trên ghế hỏi dì họ: “Dì họ ơi!

Dì quy y Tam Bảo đã lâu chưa?” Bà lộ vẻ vui sướng, cười nói: “Đúng là cảm tạ mười phương Phật, Bồ Tát gia bị. Nếu chẳng có duyên với Phật, cái mạng già của dì đã sớm vào địa ngục rồi!” Tôi không hiểu ý bà, dùng ánh mắt nghi ngờ nhìn dì họ, hỏi: “Do nhân duyên gì khiến cho dì quy y Tam Bảo? Chẳng ngờ trong vài năm, dì họ thay đổi nhiều như vậy!” Bà lặng ngẫm thánh tượng Bồ Tát, nhớ lại, kể lể: “Đó là chuyện mấy năm trước. Dì đến nhà bạn thăm viếng, nhận thấy nhà bà ta có thờ một pho thánh tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát, trong tâm hết sức hoan hỷ, bất tri bất giác chấp tay lễ bái. Sau đó cũng quên mất chuyện đó!”

Bà nói: “Hàng năm, bất luận nhằm dịp khánh đản vị thần nào, chúng tôi luôn giết rất nhiều súc vật để cúng tế. Ngày Hai Mươi Ba tháng Ba Âm Lịch hai năm trước chính là sanh nhật của Ma Tổ Thánh Mẫu (Thiên Hậu Nguyên Quân), mỗi nhà đều sát sanh cúng bái. Chúng tôi là nhà giàu có, lại là tín đồ kiên thành của Ma Tổ, đương nhiên là giết gà vịt càng nhiều hơn nhà khác, nấu bàn tiệc tới hai mươi món ăn mặn tuyệt ngon để đãi đằng thân bằng hảo hữu. Tâm dì tự nhiên là mười phần cao hứng, cứ nghĩ: “Lần này mở tiệc lớn đãi thân hữu, kể như đã trọn hết lòng thành của kẻ làm tín đồ, Ma Tổ sẽ ngấm ngấm phù hộ, ban phước cho cả nhà dì”. Mọi người tận tình hưởng thụ, ăn uống vui quên trời đất. Đại khái tám giờ hơn, khách khứa về nhà cả rồi. Dì vì tiếp đãi khách khứa, gọi nọ, gọi kia, bận bịu suốt cả ngày, đúng là quá mệt mỏi. Tắm rửa bằng nước ấm xong, liền lên giường nằm, nhưng chẳng biết sao, lăn qua lộn lại, vẫn chẳng ngủ được! Vốn là đêm sâu tĩnh lặng, bỗng dưng mưa to, sấm rền, trong tâm dì đột ngột hoảng sợ. Trong mơ hồ, cảm thấy trong nhà tràn ngập mùi máu tanh, lại tự hồ nghe tiếng gà, vịt, ngỗng kêu oan quang quác từng đợt đập vào tai. Dì cảm thấy muôn nôn, hít thở khó khăn, muốn kêu nhưng lại chẳng thể thốt ra tiếng được! Toàn thân cảm thấy tê liệt, trần trọc khó yên, bất tri bất giác mê lịm đi!

Sáng sớm hôm sau tỉnh lại, chỉ cảm thấy toàn thân đau đớn, tứ chi vô lực, chẳng thể động đậy, hai mắt đen thui, sắc mặt xanh lè, cứ như vậy ngã bệnh nặng một trận. Mê man, bất tỉnh trên giường bệnh, thở thoi thóp. Trong lúc mê man, dì tự hồ rơi vào một cái hố sâu tối đen không đáy. Dì kinh hoàng, sợ hãi, khóc âm lên, ai oán. Bỗng dưng từ trên đỉnh hố sâu, một đạo quang minh vạn trượng bắn thẳng vào thân dì, khiến cho dì bớt sợ hãi, được an ổn. Một vị xuất gia, mặt như trăng tròn, thân đắp y ca-sa từ trong luồng sáng giáng hạ, nắm tay dì, cứu khỏi hố sâu. Dì theo vị sa-môn tới một chỗ trông trải sáng sủa. Ngài nhẹ giọng bảo dì: “Ta là Địa Tạng Vương Bồ Tát mà mấy năm trước bà đã cung kính lễ bái tại

nhà người bạn. Bà do tội sát sanh nặng nề, các con vật tìm bà đòi mạng, chẳng dung tha cho bà! Sau khi chết, đáng đọa địa ngục, chịu vô lượng khổ. Do bà một niệm chân thành, chiêm lễ thánh tượng Bồ Tát cảm vơi, khỏi đọa địa ngục, chịu các khổ báo. Nay bà còn có tội thừa nơi thân, từ nay trở đi, hãy nên sắt son sám hối tội nghiệp, chớ tạo sát nghiệp. Hãy nên từ bi đối với sanh linh, rộng làm bố thí, khéo tích tập phước đức!” Nói xong, chẳng thấy đâu nữa.

Tỉnh lại, dì liền kể tình hình trong mộng cho người nhà nghe, mọi người bán tín bán nghi, chẳng biết là thật hay giả. Nhưng thấy hôm sau, tình hình trọng bệnh của dì có thể khởi tử hồi sanh, có thể nói là kỳ tích. Từ đấy về sau, dì vào chùa quy y Tam Bảo, thỉnh thánh tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát về thờ phụng. Hằng ngày, sáng tối lễ bái, xưng niệm thánh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát, tối đến cung kính tụng một quyển kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, hồi hướng cho các súc vật bị giết oan sớm ngày siêu sanh đường lành. Từ đấy, chẳng còn nuôi súc vật, giết mổ sanh linh, và cũng thường xuyên cúng dường Tam Bảo, nghe Phật pháp, in tặng kinh sách chánh tín của Phật giáo để rộng kết Phật duyên, chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, thường khuyên người khác làm lành. Cả nhà lớn nhỏ sống vui sướng, cũng được tiếng khen là gia đình kiểu mẫu, trở thành đối tượng được hâm mộ của hàng xóm chung quanh. Dì quả thật rất cao hứng, mà cũng hết sức hồ thẹn!”

Nói tới đây, dì họ cao hứng cười toe toét. Tôi nghe bà kể chuyện đã từng trải, Địa Tạng Vương Bồ Tát báo mộng khuyên người kiêng giết, khiến tôi tự nhiên sanh khởi tâm kính sợ làm theo. Ở đây, tôi kính khuyên các bà chủ gia đình, vẫn là chớ nên sát sanh cúng bái thì hơn! Nếu không, các sanh linh bị sát hại, nói chung, sẽ có ngày hướng về quý vị đòi nợ mạng. Khi đó, quý vị vào trong địa ngục. Nếu chẳng có duyên với Phật, làm sao biết cầu Địa Tạng Vương Bồ Tát đến cứu vớt quý vị?

## ***6. Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát nghe tiếng cứu khổ*** *Hành Ngọc ghi*

Ngày Hai Mươi Một tháng Giêng năm Dân Quốc 49 (1960), tuy là mùa Đông, nhưng không có cảm giác rét buốt chút nào. Tôi trên thân chỉ mặc một cái áo khoác lông dê, cảm thấy rất nóng bức, nhưng lại chẳng thể cởi ra, vì tôi đã có dấu hiệu muốn cảm mạo. Đi làm không lâu, bỗng nhận được tin của vị đại đức nợ ở Đài Bắc nhắn tôi đến tòa soạn tạp chí Bồ Đề Thụ, thỉnh một quyển Phật Học Vấn Đáp của cụ Lý Bình Nam.



Tôi là người tánh tình nôn nóng, đối với chuyện cần làm, không thể nào chẳng làm ngay. Vì thế, xin nghỉ một tiếng rưỡi, lê thân hình mệt mỏi đến chỗ tòa soạn tạp chí Bồ Đề Thọ. Ánh nắng gay gắt nung nấu, khiến cho lưng tôi đầm mồ hôi. Tôi nghĩ thầm: “Toàn thân đầm mồ hôi, kể ra đối với chúng cảm mạo đâm ra giúp ích cho mình”. Vì thế, tôi vẫn không dám cởi cái áo lông ấy ra, đến chỗ tòa soạn tạp chí Bồ Đề Thọ, tìm đại đức Châu Phi hỏi xin thỉnh quyền Phật Học Vấn Đáp của cụ Lý Bình Nam, khiến cho tôi rất thất vọng là ở đó đã chẳng còn quyển sách ấy.

Đi ngang Liên Xã, muốn bước vào, thì thấy lão cư sĩ Lại Lương Đổng dắt xe đạp ra. Cụ thấy tôi đi vào, liền quay xe trở lại, nói: “Tôi đang muốn tìm bà làm công đức”. Đồng thời còn lấy ra tờ Dân Thanh Nhật Báo (nhật báo Tiếng Dân) cùng ngày, còn chỉ vào trang thứ hai bảo tôi xem. Tôi đáp: “Cụ đúng là khó dò thật! Muốn tôi đến thì tôi đã đến rồi, có chuyện gì cụ cứ căn dặn đi!” Nhưng cụ nhất định muốn tôi ngồi xuống xem báo. Do tôi phải gấp rút quay về làm việc, chẳng có lòng dạ nào xem báo. Rốt cuộc, tôi tưởng người ta muốn tôi đi quyên góp; vì thế, thiếu kiên nhẫn nói: “Cụ Lại ơi! Nếu cụ muốn tôi viết lách đôi chút thì chẳng có vấn đề gì, chứ muốn tôi ra ngoài hóa duyên thì tôi không có cách nào đâu!” Cụ Lại bảo: “Xin bà hãy ngồi xuống, bà xem thử (cụ chỉ vào báo nói) rốt cuộc cần làm công đức gì?” Tôi nói: “Nếu chẳng phải muốn tôi viết đôi chút, thì còn có công đức gì có thể làm được?” Cụ Lại chẳng chờ tôi nói hết, bèn chặn ngang: “Tôi thấy trên Trung Phật Nguyệt San có đăng bài ca tụng sự tích linh cảm về kinh Địa Tạng của bà. Nay có một vị liên hữu cư sĩ tên là Kỳ Tam Toàn, gia cảnh hết sức nghèo túng. Ông ta đạp xe ba bánh và làm công nhân điện khí. Sau trận lụt ngày Bảy tháng Tám (năm 1959), ngay sau đó cha ông ta qua đời. Lúc đó, ông ta thử đủ mọi cách, tận lực giải quyết tang sự ổn thỏa, do vậy mắc nợ chồng chất. Nhất thời, chẳng có cách nào trả sạch nợ được! Chẳng phải là khổ càng thêm khổ ư? Nào ngờ họa vô đơn chí! Gần đây, khi ông ta làm việc trên cái cột điện cao hơn hai trượng, chẳng cẩn thận té xuống. Ôi chao! Người này vướng nghiệp chướng quá nặng, xin bà phát tâm thay ông ta tụng mấy bộ kinh Địa Tạng, để tiêu tai miễn nạn thay cho ông ta, đúng là công đức vô lượng! Ngày hôm qua, tôi đã nói với Kỳ Tam Toàn rồi”. Tôi nghe cụ Lại từ bi nói cặn kẽ như thế, trong tâm không nhin nổi nỗi niềm khổ sở. Vì thế, nhận lời từ ngày mai sẽ thọ Bát Quan Trai, tụng kinh Địa Tạng cho vị liên hữu cư sĩ Kỳ Tam Toàn xa lạ kia, khiến cho ông ta sớm lành bệnh.

Khoảng chín giờ sáng ngày Hai Mươi Hai, tôi đến bệnh viện ngoại khoa Trưng Thanh ở phố Bình Đăng để thăm Ký cư sĩ. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi vào bệnh viện ngoại khoa thăm bệnh nhân, căng thẳng như đích thân vào địa ngục. Trong đó, những tình trạng lạ lùng xuất hiện đủ mọi vẻ; nhất là cái mùi khó ngửi xông sục khắp nơi. Tôi đành bất lịch sự dùng khăn tay che mũi. Dưới tình huống ấy, đúng là chẳng muốn ở lại lâu, nhưng tôi lại chẳng thể không cố sức chịu đựng. Tôi tìm đến phòng bệnh số ba mươi, thấy một vài bệnh nhân đang nằm đó, tôi cũng chẳng nhận biết Ký cư sĩ. Thấy một bà cụ đi tới, hỏi thăm, mới biết cụ chính là mẹ của Ký cư sĩ, cụ bảo cho tôi biết giường bệnh của Ký cư sĩ. Thấy ông ta nằm bất động trên giường, tôi thầm niệm thánh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát, đến bên giường Ký cư sĩ hỏi: “Ông có ăn chay hay không?” Ông ta đáp: “Tôi chỉ ăn trai ngày mùng Một và Rằm”. Ông ta gầy trơ xương, âm thanh nói chuyện hết sức nhỏ yếu. Nhìn thấy bộ dạng của ông ta, nêu là lúc trước khi tin Phật, tôi sẽ nhất định hoảng hồn, bỏ chạy! Tôi nói: “Nếu ông có thể phát tâm ăn Thập Trai (ăn chay mười ngày), thời khắc niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc lớn tiếng, hoặc niệm thầm đều được; nhưng điều thiết yếu là phải chí thành khẩn thiết. Chỉ có như thế thì mới có thể cảm ứng đạo giao. Nay tôi sẽ thay ông tụng kinh Địa Tạng, tiếp tục tụng cho đến khi ông khỏi hẳn mới thôi!”

Vì lòng thành khẩn của tôi, lúc đó, ông ta hết sức cảm động, lập tức rất kiên thành tiếp nhận ý kiến của tôi, muốn tôi viết ra mười ngày trai cho ông ta. Tôi nói; “Ngày mai là ngày Hai Mươi Bốn tháng Chạp, ông bắt đầu ăn Thập Trai đi!” Tôi lại hướng về bà cụ Ký nói: “Nhà cụ có thờ tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát, sau này hãy lễ bái nhiều hơn, niệm nhiều hơn, cầu Bồ Tát đại từ đại bi, phù hộ Ký cư sĩ chẳng bị tàn phế”. Tôi nói xen lẫn bập bẹ tiếng Đài Loan, cụ nghiêm nhiên có thể nghe hiểu. “Một nhà tám mạng hoàn toàn dựa vào nó nuôi sống”. Bà cụ Ký vừa nói, vừa vạch cánh tay trái bị thương do té của Ký cư sĩ cho tôi coi. Tôi giống như bị điện giật, sợ tới mức gần như đứng không nổi! Thấy cánh tay ấy, máu thịt đã trộn lẫn be bét, nghiêm trọng như tương thịt, chất máu đỏ pha sắc xanh không ngừng rỉ ra. Vợ ông ta đứng bên cạnh dùng giấy vệ sinh thấm máu rỉ ra. Tôi nghĩ: “Có thể trị lành nổi không?” Tôi ôm tâm trạng nặng nề, vội vàng trở về đi làm.

Trong lúc ban đêm khi tôi tụng kinh, bỗng dung đau bụng như bị cắn. Đây là hiện tượng trước nay tôi chưa từng gặp kể từ khi tụng kinh đến nay; nhưng tôi vẫn nhịn đau tụng kinh đến hết. Tụng kinh xong, tôi

cũng hết đau bụng. Có lúc do công việc bận rộn, cũng như chuyện nhà bận bịu, tôi thường mệt mỏi kiệt sức rồi, đúng là không xúc tinh thần lên nổi, nhưng khi nghĩ tới cảnh tượng Kỳ cư sĩ đang nằm trên giường bệnh, rên rỉ cầu cứu, rớt cuộc vẫn vực dậy tinh thần, kiên thành cung kính vì ông ta tụng kinh Địa Tạng.

Trưa ngày Hai Mươi Lăm Âm Lịch, tôi thỉnh một bức tranh cuộn thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát tới bệnh viện ngoại khoa Trùng Thanh. Một bệnh nhân khác thấy thánh tượng Bồ Tát trang nghiêm, thật tâm hoan hỷ tán thán. Ông ta đã sanh tâm hoan hỷ, tôi bèn trao thánh tượng cho ông ta, và giảng nói mười thứ lợi ích do thờ phụng thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát: “*Một là đất đai màu mỡ; hai là nhà cửa an bình, hưng thịnh; ba là người mất sanh lên trời; bốn là người còn sống tăng thọ; năm là ở cầu toại nguyện; sáu là không bị tai họa về lửa và nước; bảy là dứt bớt hư hao; tám là dứt sạch ác mộng; chín là ra vào có thần hộ vệ; mười là thường gặp gỡ cái nhân thuộc về bậc thánh*”. Đối với lời tôi nói, người ấy không chỉ tin tưởng, mà còn không ngừng hướng về tôi cảm tạ: “Thật cảm ơn nhiều lắm”.

Tôi đến chỗ bà cụ Kỳ, hỏi cụ: “Thương tích của Kỳ cư sĩ có khá hơn chút nào không?” Bà cụ Kỳ mặt đầy vẻ vui mừng, đáp: “Vết thương của Tam Toàn khá nhiều lắm”. Vừa nói vừa vạch chỗ vết thương cho tôi xem, tôi nhìn thấy bèn vui sướng, gần như nhảy cẫng lên. Tôi ôm lòng hoan hỷ, tán thán, buột mồm nói: “Địa Tạng Vương Bồ Tát quá linh nghiệm, thật sự quá linh nghiệm, chẳng phải vậy hay sao! Rõ ràng là té đến nỗi cánh tay thương tổn máu thịt lẫn lộn. Chẳng đầy vài ngày, cánh tay nghiêm nhiên phân định từng phần rõ ràng, đồng thời máu mủ chẳng tuôn ra nữa. Chuyện này thật sự quá chẳng thể nghĩ bàn!” Nói thật, nếu chỉ dựa vào sức thuốc men, sẽ chẳng thể bình phục nhanh như thế! Vài vị bệnh nhân cùng phòng bệnh cũng đồng thanh hoan hỷ tán thán. Kỳ cư sĩ mang về mặt kính ngạc, cảm kích nói với tôi: “Tôi mỗi ngày niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát hơn ba trăm câu”. Tôi nói: “Tốt nhất là thời thời khắc khắc đều niệm”. Cuối cùng, tôi mang tâm tình khoan khoái rời khỏi bệnh viện ngoại khoa Trùng Thanh.

Mỗi dịp Chủ Nhật là cụ Lại cùng đại đức Hác Ân Hồng định kỳ vào nhà tù Đài Trung hoằng pháp. Tôi trông thấy cụ Lại, liền hỏi Kỳ cư sĩ đã khỏe hẳn chưa? Cụ nói: “Đỡ thì đỡ nhiều rồi. Bất quá, theo bác sĩ nói, vẫn phải chụp X-quang, phải mổ hai lần để nối xương. Có chữa lành hay không thì vẫn chẳng nắm chắc, nhưng Kỳ cư sĩ lại chẳng có tiền...” Nghe ngụ ý của cụ, tôi khá cảm khái. Bệnh của Kỳ cư sĩ chẳng lành,

trong tâm tôi có vô hạn áy náy và nỗi khổ sở riêng. Vì xét theo phương diện kinh tế, tôi tâm thì có dư, nhưng sức chẳng đủ, do tình nghĩa nhân đạo thôi thúc, sao không khiến cho tôi “buồn rầu, khổ não”. Sau khi về tới nhà, chuyện gì cũng chẳng muốn làm, cứ trầm ngâm suy nghĩ, có cách gì để Kỷ cư sĩ khỏi phải mổ hay không? Tôi tự nói: “Bạch Địa Tạng Vương Bồ Tát! Con cảm ơn lão nhân gia đã gia hộ cư sĩ Kỷ Tam Toàn lành ngoại thương, nhưng hiện thời tay trái vẫn chưa thể hoạt động. Theo bác sĩ thì còn phải mổ hai lần, mà vẫn chẳng dám chắc là sẽ hoàn toàn bình phục. Kỷ cư sĩ thật đáng thương, đệ tử cầu Địa Tạng Vương Bồ Tát lại rủ lòng từ bi, dùng sức thần thông chẳng thể nghĩ bàn phù hộ cho Kỷ cư sĩ chẳng cần phải mổ”. Tôi mỗi ngày cầu nguyện nhắc đi nhắc lại như thế.

Một tối thứ Tư, tôi nghe kinh tại Từ Quang Đồ Thư Quán, nghe bạn bè nói cụ Lại kiếm tôi. Tôi nghĩ ngợi, không biết Kỷ cư sĩ đã lành bệnh hay chưa. Tôi tìm cụ Lại, chẳng đợi cụ mở miệng, đã vội vã hỏi: “Kỷ cư sĩ đã xuất viện rồi ă?” (Tôi thấy cụ cười mới yên tâm). Cụ đáp: “Kỷ cư sĩ đã xuất viện”. Tôi lại hỏi: “Mổ hay chưa?” Cụ đáp: “Nói ra cũng thật lạ lùng! Chẳng có mổ! Đột nhiên gặp một vị lão tiên sinh nói xương xoa nắn mấy lần bèn lành hẳn, có phải là bà hướng về Địa Tạng Vương Bồ Tát thưa bày hay không? Kỷ Tam Toàn muốn đến cảm tạ bà”. Tôi kể chuyện đôi trước Địa Tạng Vương Bồ Tát cầu nguyện cho cụ nghe! Cụ vốn đã đang cười, càng cười vui hơn, tháo hẳn mắt kính xuống, nói thẳng: “Thảo nào! Đúng là chẳng trách được!”

“Nam-mô Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát dùng sức thần thông hiện hình tượng Thanh Văn, là kho tàng các công đức vi diệu, là chỗ xuất sanh các trân bảo giải thoát, là mắt sáng sạch của các Bồ Tát, là mắt hướng dẫn đến Niết Bàn của bậc cao nhân, như châu Như Ý, mà các thứ tài bảo tùy lòng mong cầu đều được thỏa mãn, chiếu người làm lành giống như mặt trời rạng rỡ, soi người lạc đường giống như đuốc sáng, trừ nóng bức phiền não giống như vàng trắng thanh lương, làm cầu bên để vượt bốn dòng, làm thuyền bè để tiến đến bờ đối diện, hàng phục các ngoại đạo như sư tử chúa, hàng phục các thiên ma như [thanh gươm] đại long tuyền; bảo vệ những kẻ sợ hãi như người thân, như bè bạn, ngăn ngừa các oán địch như hào, như thành, cứu các nguy nạn ví như cha mẹ”. Đúng như trong phẩm mười ba Chúc Lụy Nhân Thiên của kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện đã chép: “*Nhĩ thời, Thế Tôn cử kim sắc tý, hựu ma Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đánh, nhi tác thị ngôn: - Địa Tạng! Địa Tạng! Nhữ chi thần lực bất khả tư nghị, nhữ chi từ bi bất khả tư*

*ngộ, như chi trí huệ bất khả tư ngộ, như chi biện tài bất khả tư ngộ. Chánh sử thập phương chư Phật, tán thán tuyên thuyết như chi bất tư ngộ sự, thiên vạn kiếp trung, bất năng đắc tận”* (Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn giơ cánh tay sắc vàng, lại xoa đầu Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, nói như thế này: - Này Địa Tạng! Địa Tạng! Thân lực của ông chẳng thể nghĩ bàn, lòng từ bi của ông chẳng thể nghĩ bàn, trí huệ của ông chẳng thể nghĩ bàn. Biện tài của ông chẳng thể nghĩ bàn. Giả sử mười phương chư Phật tán thán, tuyên nói chuyện chẳng thể nghĩ bàn của ông, ngàn vạn kiếp chẳng thể nói hết được).

Cười chia tay với cụ Lại, dù đêm đã khuya, tôi cung kính đố trước Phật, hướng về Địa Tạng Bồ Tát đánh lễ bốn mươi tám lạy. Sau đó tuôn lệ, ân cha mẹ khó báo, nhưng ân rộng lớn của chư Phật, Bồ Tát chẳng thể hạn lượng, chẳng có cách nào báo đền, chỉ có nhất tâm niệm Phật, thề gìn giữ hai chữ Trai Giới, cung kính hướng về Tây Phương Phật quốc, thành đạo Niết Bàn. Vì thế, tôi nhất định quy mạng đánh lễ. Nguyên độc giả cùng niệm: “*Nam-mô đại nguyện đại từ đại bi thập luân bát khổ bốn tôn Địa Tạng Vương Bồ Tát! Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát!*”

## ***7. Nam-mô Minh Dương Cứu Chủ Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát Ma Ha Tát***

*Hành Ngọc ghi*

Đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát và Quán Thế Âm Bồ Tát đều là từ phụ, từ mẫu của chúng sanh khổ nạn, là chỗ nương tựa cho nhân gian lẫn địa ngục trong lúc này, trong đời này. Mỗi lần nghe tiếng xe cứu hỏa kéo còi, trong tâm tôi tức khắc cảm thấy bứt rứt dường như chính mình đang trải qua cảnh ấy. Nhớ lại hồi bảy tuổi, gia đình tôi gặp phải một trận hỏa hoạn rất dữ dội, lại còn cháy hai lượt, khiến cho tài sản trong nhà đều mất sạch. Cha tôi do lo âu mà ngã bệnh rồi mất, một gia đình mỹ mãn bị hỏa hoạn vô tình phá tan. Nguyên nhân gây cháy là vì hàng xóm ban đêm tụ tập bài bạc, kẻ hút thuốc lá thiếu cái tâm chú ý đạo đức công cộng, quăng tàn thuốc bừa bãi, gây nên hỏa hoạn. Bọn người cờ bạc ấy đúng là hại người chẳng cần! Vào năm Dân Quốc 42 (1953), cuộc sống của chúng tôi khôn cùng, con cái còn bé, thân thể suy yếu, tinh thần bị vùi dập, tôi như con sơn dương lạc đường, đi vào nhà thờ Công Giáo để nghe giảng đạo, dự lễ Misa trong nhà thờ Công Giáo, lại gần như gia nhập Nhất Quán Đạo. Lúc đó, họ bảo tôi ắt cần phải “*điểm*

*khiếu*”, buộc tôi nộp ba chục đồng. Tôi chẳng có ba chục đồng, dẫn phát tức duyên của tôi, khiến tôi may mắn tiến vào Phật môn, chẳng tin Nhất Quán Đạo.

Thứ nhất là nghe kinh Địa Tạng Vương Bồ Tát Bồ Nhục Nguyên, thứ hai là nghe phẩm Quán Âm Bồ Tát Phổ Môn, bất luận gió táp mưa sa, đều có thể buông xuống hết thấy phiền não, đến cung kính nghe mãi cho đến khi viên mãn. Nội tâm thanh lương, trong mộng thường nhìn thấy đại bi đại nguyện đại thánh đại từ bồ tôn Địa Tạng Vương Bồ Tát và đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát ban cấp hỷ lạc khôn sánh. Đại khái là pháp hỷ sung mãn vậy!

1. Ngày mùng Một tháng Giêng năm Dân Quốc 45 (1956), tôi vâng lệnh tiếp nhận cửa hàng bán lẻ của trại giam Đài Trung (cửa hàng ở số 86 đường Tự Do, Đài Trung, đối diện với tòa án). Phạm là những sản phẩm do tù nhân làm ra như đồ mây, đồ mộc, đồ đan bằng cỏ, đồ dệt v.v... đều đem bán tại đó. Kiến trúc của cửa hàng mười phần đơn giản. Tôi ăn ở tại cửa hàng, gần như là chính mình buôn bán. Phòng ngủ tuy nhỏ, tôi đặt một cái giường đơn, chỗ còn lại để thờ Phật, dùng một chiếc màn vải ngăn lại. Phòng bếp nhỏ hẹp, trước cửa bếp là một cái bàn lớn để làm việc, bên cạnh có gắn phiếu đề giá là 250 đồng. Khi đó, tôi dùng bếp dầu hơi kiểu cũ. Có một chiều nọ, tôi không cẩn thận đổ đầy dầu vào bếp lò. Bếp lò đã lâu năm, sắp thành phế thải, nhưng tôi vẫn không nỡ vứt đi. Tôi châm lửa nấu cơm, ra đằng sau rửa rau. Rửa sạch rau xong, thấy lửa bốc hừng hực, tôi gấp đến độ đem bếp đặt cạnh bàn công tác. Đang lúc chỉ mảnh treo chuông, bỗng đứa con lớn xông tới, tóm cái mền quân đội từ trên giường bọc lấy bếp lò, ném ra ngoài cửa. Lửa vẫn cháy hừng hực, người qua đường đều khoanh tay đứng nhìn. Đột nhiên, một thanh niên khoảng hai mươi tuổi chạy tới, lạng lẽ kiệt lực cứu giúp, còn dũng mãnh hơn đứa con cả của tôi, dập tắt lửa. Người xem đều tấm tắc khen ngợi. Khi tôi muốn cảm ơn người thanh niên ấy, đã chẳng thấy đâu nữa!

Khi tôi hốt hoảng đem bếp lò đang cháy bùng bực đặt cạnh bàn công tác, dầu từ trong bếp lò chứa đầy ắp, tràn ra khắp đất, bốn phía đều là các vật phẩm cần bán. Lửa đã đốt xém một góc tờ phiếu ghi giá tại bàn công tác. Cái bàn chẳng bị hư hại chút nào, bất cứ món của công nào cũng đều chẳng bị tổn hại tí nào. Chàng thanh niên ấy chẳng phải là hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát thì lại là gì đây? Tôi mỗi tháng lễ bái Địa Tạng Bồ Tát. Phẩm mười hai trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bồ Nhục Nguyên có chép: *“Nhược vị lai thế, hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dục cầu*

hiện tại, vị lai bách thiên vạn ức đấng nguyện, bách thiên vạn ức đấng sư, dẫn đường quy y, chiêm lễ, cúng dường, tán thán Địa Tạng Bồ Tát hình tượng, như thị sở nguyện sở cầu tất giai thành tựu. Phục nguyện Địa Tạng Bồ Tát cụ đại từ bi, vĩnh ủng hộ ngã. Thị nhân u thụy mộng trung, tức đắc Bồ Tát ma đảnh thọ ký...” (Nếu trong tương lai, có thiện nam tử, thiện nữ nhân đối với trăm ngàn vạn ức chuyện, chỉ nên quy y, chiêm lễ, cúng dường, tán thán hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát, sở nguyện như thế tất đều thành tựu. Lại nguyện Địa Tạng Bồ Tát sẵn lòng đại từ bi, vĩnh viễn ủng hộ tôi. Người ấy trong khi nằm mộng, liền được Bồ Tát xoa đầu thọ ký). Chuyện đã cách đây hai mươi năm rồi, chép lại chuyện linh cảm này, trong tâm vẫn nhớ rõ ràng từng điều như cũ. Nếu lửa to đốt sạch hàng hóa bày bán đến nỗi cháy lan sang phòng ốc lân cận, tôi nhất định sẽ bị kết tội, trải qua cuộc sống sau song sắt, bỏ lại đứa con thơ đáng thương, quả thật là chẳng thể tưởng nổi! Do sự kiện này, chưa từng bị cấp trên quở trách tiếng nào, viết đến đây, dòng lệ cảm ơn tuôn đầm!

2. Ngày mồng Một tháng Năm năm Dân Quốc 57 (1968), tôi xin điều động làm giám thị tại trại giam thuộc tòa án Đài Bắc. Làm được một tuần, tôi đã phải xin nghỉ phép vì bệnh tình ác liệt, thường xuyên phải đến phòng khám bệnh thuộc nhà thương công, tức phụ khoa của Đài Đại Y Viện xin trị liệu, cũng như đủ loại thuốc chích, thuốc uống. Không chỉ chẳng có hiệu quả, mà bệnh chuyển biến càng tệ hơn. Tại phòng khám bệnh cho công chúng, cứ mỗi sáng thứ Tư, sẽ do vị bác sĩ nổi tiếng đầy uy tín về ngành phụ khoa là Từ Thiên Điền tới chẩn trị. Trời còn chưa sáng, đã có người trèo cửa sổ vào rút số đợi khám bệnh. Có khá nhiều phụ nữ từ miền Nam đến xin chữa bệnh. Trong lòng mỗi người, y thuật của ông Từ được coi trọng nhất. Đương nhiên, tôi cũng chẳng phải là ngoại lệ! Ông ta cho tôi kết quả sinh thiết là có bướu ở thành tử cung, nhất định phải mổ, vào nằm tại bệnh viện Đài Bắc do ông ta thành lập. Nằm viện hai mươi ngày, tôi một mực băn khoăn có nên mổ hay không? Các bạn đồng nghiệp tán thành tôi nên mổ để giảm bớt đau khổ: “*Nhất lao vĩnh dật*” (Một nhọc một lúc, an nhàn vĩnh viễn). Con cái thấy tôi bệnh tình trầm trọng cũng cực lực tán thành nên mổ. Tôi thà rằng chết, vẫn sợ mổ. Bác sĩ thấy tôi không chịu mổ, bảo tôi về nhà. Tôi chỉ đành về nhà nằm trên giường, toàn thân đau đớn. Tôi lại hỏi hận vì sao chẳng mổ, lại muốn đi mổ. Tóm lại là bị mâu thuẫn dây dưa bất an!

Từ Đài Trung dọn qua Đài Bắc, đồ đạc lộn xộn, phòng ốc nhỏ hẹp, tượng Bồ Tát tôi sùng bái vẫn chưa được thờ phụng, nỗi đau khổ

này lại chẳng biết khi nào mới chấm dứt. Trong lúc thần trí mê muội, tôi thấy Địa Tạng Vương Bồ Tát ban cho một quyển kinh Địa Tạng Bản Nguyên. Tôi mới hoảng nhiên đại ngộ: Vì mong điều động về làm giám thị ở nhà tù thuộc tòa án Đài Bắc, tôi đã hướng về Bồ Tát hứa nguyện sẽ tụng một trăm lẻ tám bộ kinh Địa Tạng Bản Nguyên. Tôi cầu Bồ Tát: “Xin đừng khảo nghiệm con nữa, dầu núi đao, vạc dầu, con vẫn kiên thành tin Phật. Lại còn tận tâm tận lực khuyên người khác tin Phật, cầu Bồ Tát đại từ đại bi gia hộ cho con chóng lành bệnh”. Tôi suốt ngày nằm trên giường rên xiết, tự nói, bệnh mỗi ngày chuyển biến tốt hơn, thân thể hồi phục. Tụng đủ 108 bộ kinh Địa Tạng Bản Nguyên. Cho đến hôm nay, mỗi ngày tôi tối thiểu tụng một bộ, linh cảm chẳng thể nghĩ bàn. Trong tâm, thời khắc nào cũng là thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, không niệm mà niệm, thân thể mạnh khỏe, còn hơn hết thấy các chất dinh dưỡng trong thế gian. Do nhiều đời nhiều kiếp trước, tôi đã nợ mạng, hoặc nợ nần về tinh thần, đời này được Bồ Tát che chở, trả sạch tất cả hết thảy nợ nần. Tôi nhất tâm kiên định cầu liễu thoát sanh tử, được giải thoát tự tại. “*Nam-mô Minh Dương Cứu Chủ Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát Ma Ha Tát!*”

### ***8. Kỷ niệm ân đức của Địa Tạng Bồ Tát***

*Hành Ngọc ghi*

Quang âm thật mau, chớp mắt lại sắp đến ngày Ba Mươi tháng Bảy Âm Lịch là ngày thánh đản của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Ai nấy đều biết Địa Tạng Bồ Tát ở trong địa ngục cứu độ, giáo hóa các chúng sanh tội ác sâu nặng. Phạm kẻ nào kính ngưỡng, sùng bái Ngài, đều nên học theo tinh thần độ sanh vĩ đại của Ngài. Tôi phát nguyện trì trai suốt tháng Bảy Âm Lịch, nhằm biểu lộ lòng sùng kính của tôi đối với Địa Tạng Bồ Tát. Hơn nữa, tôi cũng muốn học tập tinh thần của Ngài hòng khéo giáo hóa các nữ đồng bào phạm tội, khiến cho họ tiếp nhận Phật pháp, khử ác, hướng thiện. Thông thường, họ thường được các Phật hữu rủ lòng yêu mến, thường đến trại giam nữ để giảng giải Phật lý. Có một lần, các nữ tù nhân hoan hô: “A Di Đà Phật đến rồi”. Quả nhiên, Lâm cư sĩ (bà Lâm Khán Trị) dẫn hai vị đồng tu cùng đến. Họ thấy lòng nhiệt thành tín ngưỡng Phật pháp của các tù nhân, bèn tán thán gọi tôi là Địa Tạng Vương Bồ Tát. Tôi hoảng sợ, hổ thẹn, đem những điều đã từng trải trong công việc là do nhân duyên linh cảm của Địa Tạng Bồ Tát kê cho họ nghe, khiến họ hết sức ngạc nhiên, tán thán! Tình hình tiếp nhận



thánh ân của tôi giống như người lạc đường bỗng có được chỗ quang minh để trở về an trú, như người bệnh lâu ngày bỗng được lành. Nay chỉ kính cẩn thuật lại những điều ghi tâm khắc cốt đã từng trải qua như sau:

Tôi có thể làm việc tại trại giam, đáng phải nên chân thành cảm kích sự linh cảm của Địa Tạng Bồ Tát. Tôi nhớ mùa Thu năm trước, tôi rên rỉ trên giường bệnh, đã chẳng thể ngồi nổi, mà người cũng chẳng thể đứng. Hoàn cảnh ngang trái, cuộc sống bấp bênh, chẳng thể khiến cho tôi tự tại, an nhàn. Chính vì tôi là một Phật tử, mỗi khi gặp phải phiền não chẳng có cách nào giải thoát, sẽ đối trước Phật buồn khóc, đối trước thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát sám hối, tự nhận biết trước kia đã trót tạo đủ mọi cái nhân ác, cho nên đời này mới phải hứng chịu khổ báo như thế! Thời gian trôi qua rất mau, nỗi đau khổ của tôi càng sâu, biện pháp duy nhất của tôi là khẩn cầu đức Phật và Địa Tạng Vương Bồ Tát giải thoát cho tôi. Công việc cậy người khác giới thiệu đôi ba lượt, mỗi lần cảm thấy có hy vọng, đang trong lúc cao hứng, rồi cuộc đời trở thành mộng huyễn, khiến cho tôi chẳng còn có dũng khí hướng về Phật, Bồ Tát khẩn cầu, nhưng còn có thể nương cậy vào ai đây? Trên thế giới, có ai là người tương trợ trung thực nhất? Nghĩ tới, nghĩ lui, tự mình an ủi chính mình, nghiêm nhiên phát tâm niệm thường hằng và kiên định chẳng lười nhác, kiên thành cầu nguyện không ngừng trước thánh tượng đức Phật và Địa Tạng Bồ Tát.

Vào buổi tối cuối tuần nọ, ngoài cửa có tiếng gõ đùng đùng, sau đó, có người gọi tôi. Mở cửa thì ra là Vương cư sĩ từ Liên Xã nghe kinh trở về, thái độ rất gấp gáp, đưa cho tôi một mảnh giấy nhỏ xong, chẳng đợi tôi cảm ơn đã bỏ đi mất. Trên mảnh giấy có in chữ Triệu Tập Dự Thi Làm Giám Thị Nhà Tù Đài Trung, kỳ hạn ghi danh là đến trưa ngày hôm sau thì ngưng. Tám giờ sáng ngày kế, sẽ bắt đầu khảo thí các môn Quốc Văn, di giáo của Quốc Phụ (Tôn Dật Tiên), sử địa, công dân và toán. Tôi là người đã rời trường học mười mấy năm, trong đầu học được gì đã quên sạch bách rồi! Do vậy, lo nghĩ suốt đêm, chẳng ngủ được. Hôm sau, vào lúc mười giờ đi chợ, đi qua nhà Cam cư sĩ, được bà ta cô vũ đôi ba lượt, muốn tôi hãy ghi danh. Thịnh tình chẳng thể từ chối, đành phải lê tấm thân bệnh tật lâu ngày chưa khỏe hẳn đến đó. Trời ạ! Chỗ báo danh nam nữ xúm đen nghịt, nghe nói phái nữ chỉ tuyển lấy một người. Tôi có bản lĩnh gì để dự thi? Sau đấy, nghĩ lại, vẫn là thử xem! Vì thế, mượn một sổ sách từ học sinh Trung Học đọc cấp tốc, suốt nửa ngày một đêm khẩn trương dụng công, chẳng ăn chẳng ngủ, tự cho là đã thuộc

kỹ các loại đề mục, có vài phần nắm chắc dự thi, mới miễn cưỡng đi thi. Kết quả chẳng phụ người khổ tâm, tôi bị bệnh chẳng uống thuốc mà lành, lại còn được phái đến phục vụ trong nhà tù là nơi chúng sanh tội khổ trong nhân gian đang ở, khiến cho tôi giải quyết vấn đề trong cuộc sống. Vì thế, tôi càng kính cẩn phụng theo nguyện lực của Địa Tạng Bồ Tát, cũng học theo tinh thần rộng độ chúng sanh tội khổ của Ngài.

Tôi nhớ hôm trước ngày đến làm việc tại nhà tù, có một sáng vào khoảng bảy giờ, trong lúc mơ màng, dường như ngủ mà chẳng phải ngủ, từng mộng thấy được Địa Tạng Bồ Tát chỉ dẫn chẳng khác sự thật trong hiện tại một mảy. Nghĩ lại thần lực chẳng thể nghĩ bàn như thế, khiến tôi là kẻ tham ăn, không có đồ mặn sẽ chẳng nuốt được, khi đó, hừng hực phát tâm mỗi tháng ăn chay hai ngày mồng Một và Rằm. Dần dần tăng lên Quán Âm Trai rồi đến Thập Trai. Tôi tự tin chẳng lâu sau, trong tương lai sẽ bắt đầu ăn chay trường. Rất nhiều bạn bè không tin Phật nói: “Không sợ tin Phật, chỉ sợ ăn chay!” Tôi giải thích với họ: Tin Phật hoàn toàn chẳng ngăn cấm chúng ta ăn mặn. Chúng ta ăn chay là do tự mình khi tin đến mức độ kiên thành (tin vào lục đạo luân hồi, chẳng nỡ ăn thịt chúng sanh), sẽ tự nhiên muốn ăn chay. Nói theo pháp thế gian, khi chính mình gặp khó khăn, bằng hữu giúp đỡ giải quyết, tới khi hoàn cảnh của chính mình tốt đẹp hơn, đương nhiên là nhất định sẽ mua quà tặng trong khả năng của mình để biểu người ta, hoặc tặng họ vật ưa thích. Chúng ta phải nên học theo lòng từ bi của đức Phật, yêu tiếc sanh mạng của chúng sanh giống như sanh mạng của chính mình.

Cư sĩ Đường Tương Thanh từng phụng theo tinh thần vĩ đại của Địa Tạng Bồ Tát, phục vụ trong trại giam Tân Trúc ở Đài Trung nhiều năm, giáo hóa, khuyên nhủ, hướng dẫn chúng sanh do phạm tội mà chịu khổ trong nhà tù, không ít người đều được ông ta cảm hóa mà đau đáu sửa đổi sai trái khi trước, quy y Tam Bảo. Năm trước, Đường cư sĩ được vinh thăng làm quan tòa bên quân đội; không chỉ là Phật giáo hữu chúng ta cảm thấy tốt bậc vui mừng, mà có thể nói là ngành quân pháp may mắn biết dùng người. Tôi rất tin Đường cư sĩ ắt sẽ có thể dựa theo tinh thần công chánh, liêm minh, khiến cho tội phạm trót lầm lạc phạm luật sẽ được phán xử công bằng, ôn hòa, chẳng đến nỗi bị oan khuất. Vợ ông ta cũng là Phật giáo đồ kiên thành, giữ giới, khắc kỷ, đối xử hiền thực với người khác, mang tinh thần đại từ đại bi, xả mình cứu người, thật sự khiến cho người khác cảm phục khôn ngần! Đấy chẳng phải là hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát hay sao? Nay tôi do thánh đản của Địa Tạng Bồ Tát sắp đến, vì kỷ niệm ân đức của Bồ Tát, đặc biệt kính thuật những

điều tòng trải để nêu tỏ thánh đức, nhằm biểu lộ niềm cảm kích rất sâu trong nội tâm.

### **9. Chuyện linh cảm gần đây của Địa Tạng Bồ Tát** *Hành Ngọc ghi*

Ngày mùng Tám tháng Chín là ngày tôi trực ban. Bảy giờ chiều, trời nổi gió, kèm theo mưa nhẹ. Các đồng nghiệp đưa một nữ phạm nhân đến, được đánh số tù là 15, tên là Trương Bích Vân, hai mươi sáu tuổi, còn đi theo một bé gái vàng ửng, gầy teo, luôn bị rút gân kêu khóc ai oán. Tôi lại chẳng biết nó bệnh gì? Tôi cho rằng nó bị bệnh kinh phong rút gân rất nguy hiểm, lập tức nhấn chuông điện gọi khóa trưởng y tế đến. Khóa trưởng nói: “Đây là chứng bại liệt trẻ con, không có cách nào khác để chữa trị. Hễ không phát sốt thì chẳng có vấn đề gì!” Tôi hỏi: “Khóa trưởng! Đứa nhỏ này không ngừng rên rỉ, rất đáng thương, có thuốc gì để uống, hoặc chích một mũi khiến cho đứa bé chẳng bị rút gân hay không?” Khóa trưởng trả lời: “Chẳng có cách nào trị lành!”

Tôi hỏi tù nhân số 15: “Cô là người ở đâu? Phạm tội gì? Bị xử ở tù bao lâu? Trong nhà có ai hay không?” Cô ta đáp: “Tôi là người làng Vụ Phong huyện Đài Trung. Tôi ở nhà nấu chút rượu gạo cho cha tôi uống, người khác tố cáo tôi, bị tù ba tháng, đứa bé đã ba tuổi rồi. Mới sanh ra mấy ngày đã bị bệnh này, tốn rất nhiều tiền chữa trị mà không khỏi. Chồng tôi đang đi lính”. Tôi cười nói: “Có duyên với Phật, tâm an sẽ lành”. Tôi lập tức viết tên tuổi đứa nhỏ (Cao Tú Nguyệt, ba tuổi) đặt trước tượng Phật. Nửa đêm nghe tiếng khóc, lúc tôi tới nhìn xem, thấy số 15 ôm đứa nhỏ đang khóc, tù nhân cùng phòng đều ngồi dậy, thấp giọng niệm Phật. Tôi nghĩ đứa nhỏ này bị rút gân, không có cách nào khác chữa khỏi, dặn bảo các cô hãy vì nó niệm Phật hồi hướng cầu Phật, Bồ Tát!

Vài ngày đều trôi qua như vậy. Số 7 và số 11 cùng phòng với số 15, nói với tôi: “Giám thị à! Đứa bé này quả thật đáng thương, một đêm bị rút gân ba bốn lần. Mỗi lần có khi lâu đến ba mươi phút. Chúng tôi cũng chẳng ngủ nổi, ngồi dậy niệm Phật”. Tôi bảo mọi người: “Các vị nói xem một đứa nhỏ ba tuổi phạm tội gì? Sanh ra liền phải mắc chứng bệnh nan y này, đã không thể đi và ngồi tự do, lại còn đau khổ vì bị gân co rút, như bị hành hình trong địa ngục, đó chẳng phải là nghiệt chướng đã tạo từ đời trước hay sao? Nhân quả bày ra trước mắt, đừng nên tham hư vinh nhất thời mà tạo nghiệp chướng, rơi vào địa ngục Vô Gian,

chẳng cầu có thở thoát ra được! Tấm gương này đáng cho mọi người cảnh giác. Hãy khéo tin Phật, hãy niệm Phật cầu thoát sanh tử!”

Có một hôm vào lúc chín giờ tối, đứa bé ấy bị rút gân, khóc không ra tiếng, mắt trợn trắng tới mấy chục phút, coi như sắp mạng chung. Tù nhân số 15 gào khóc, tôi mời y tá trưởng và các y tá đang trực ban gồm ba vị đến xem thử, họ nói: “Chẳng có thuốc nào trị được!” Dẫn tôi niệm Phật! Họ đi rồi, tôi dẫn số 15 đối trước Phật, niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát hơn mười phút. Đêm ấy, đứa nhỏ rất bình yên, ngủ say. Mỗi lần nghe tiếng khóc của đứa bé như thế, trong tâm tôi cảm thấy khổ sở, tính niệm Phật cầu gia hộ thay cho cô ta, nhưng tôi chẳng khỏi hoài nghi, sợ tôi niệm Phật sẽ không khiến cho đứa bé giảm bớt đau ốm, lại tạo phản ứng không tốt cho các cô. Cứ suy nghĩ mãi, khổ sở khiến cho tôi chẳng thể chịu đựng, rốt cuộc phát ra dũng khí, đối trước Phật, cung kính chấp tay, lớn tiếng niệm thánh hiệu “*Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát*”. Ba phút sau, đứa bé thôi khóc. Vì thế, hướng về đức Phật, nguyện tụng ba bộ kinh Địa Tạng Bản Nguyên, hồi hướng cho đứa bé ấy tiêu tai. Mỗi lần tụng kinh, tôi đều ứa nước mắt.

Có một lần, khi rửa tay tại bồn nước, trông thấy số 15 đang giặt áo, tôi hỏi cô ta: “Số 15! Con cô đỡ hơn chút nào hay không?” Cô cười đáp: “Đỡ nhiều lắm!” Tôi vẫn không tin, hỏi lại: “Đỡ nhiều hơn là như thế nào” Cô ta đáp: “Chẳng bị rút gân nhiều lần như trước, có khi một ngày bị một hai lần, ban đêm không bị. Thời gian bị co rút cũng chẳng quá dài như thế! Trước kia, một đêm bị co rút ba bốn lần, ban ngày năm sáu lần. Khi bị co rút thì nắm chặt tay, chân co về phía đầu, bắp thịt trên toàn thân đều bị gân co rút, lại còn đầu trời lạnh mà đầu tóc vẫn mướt mồ hôi. Suốt ba năm qua đều là như thế”. Tôi nghe xong, cảm thấy lạ lùng, tụng chưa xong ba bộ kinh mà đã linh cảm nhanh như vậy. Com trưa chưa ăn, tôi thấp hương đối trước Phật, dùng một tấm lòng son sắt chân thành, cảm tạ sức oai thần chẳng thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát, cứu bạt chúng sanh đang chìm đắm trong biển khổ. Tôi chẳng có gì để đền đáp, bèn phát nguyện mỗi dịp Thập Trai tụng kinh Địa Tạng Bản Nguyên đều cung kính đứng thẳng (tụng một bộ cần phải mất chín mươi phút). Khi tụng kinh lại nghe tiếng đứa bé khóc, tôi gọi số 15 ôm đứa nhỏ tới trước bàn Phật. Tôi cung kính chấp tay, lớn tiếng xưng niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, đơn giản là muốn kêu gọi Địa Tạng Bồ Tát hãy cảm ứng; chẳng cảm được nổi thương tâm mà khóc òa. Số 15 cũng khóc theo. Nhưng tôi vừa khóc, vừa xót xa cầu khẩn: “Xin Địa Tạng Bồ Tát hãy gia hộ cho đứa bé này lìa khổ”. Chưa đầy hai phút, đứa bé

ngưng khóc. Ngẫu nhiên nghe thấy tiếng nó khóc, tôi liền khởi tâm sám hối, hận chính mình tu trì chẳng ra hồn, hổ thẹn ứa lệ, hy vọng vĩnh viễn chẳng còn nghe tiếng đứa bé khóc như thế nữa! Có lẽ là tác dụng tâm lý, có khi đứa bé khác khóc, tôi cũng tưởng là nó khóc. Tôi ôm tâm trạng hoảng sợ nhìn nó, mẹ nó đang ôm nó cười. Đứa bé được nuôi mập ra, số 15 khuôn mặt tràn ngập tươi vui.

Tôi chỉ tụng sáu bộ kinh, suốt cả ngày đêm, chẳng nghe tiếng khóc của đứa bé nữa. Nhưng tôi vẫn lo lắng, mỗi lần vào cửa, liền hỏi mọi người: “Đứa bé con của số 15 có ổn hay không?” Mọi người đồng thanh đáp: “Công đức của giám thị thật lớn! Một đứa bé đau khổ như vậy, được cô tụng kinh Địa Tạng mà khỏe ra. Đứa bé xinh xắn hơn trước nhiều và cũng có thể đi lại. Số 15 vào chỗ này còn vui hơn trúng số xổ giải đặc biệt!” Hằng ngày cô ta đều cười toe toét, hỏi: “Địa Tạng Vương Bồ Tát quản địa ngục, sao còn quản chúng ta?” Tôi giải thích: - Nguyên lực của Địa Tạng Bồ Tát là địa ngục chẳng trông, thề chẳng thành Phật. Ngài không chỉ thường ở trong địa ngục, mà còn trang nghiêm địa ngục, cứu độ chúng sanh tội khổ trong địa ngục. Đồng thời, cũng cứu vớt hết thảy chúng sanh trong lục đạo, như phẩm Xưng Phật Danh Hiệu trong kinh Địa Tạng đã dạy: *“Phật cáo Địa Tạng Bồ Tát: Nhữ kim dục hưng từ bi, cứu bạt nhất thiết tội khổ lục đạo chúng sanh, diễn bát tư nghị sự”* (Đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát: - Nay ông muốn dấy lòng từ bi, cứu vớt hết thảy chúng sanh tội khổ trong sáu đường, diễn nói chuyện chẳng thể nghĩ bàn). Từ đó, có thể biết Địa Tạng Bồ Tát được đức Phật phó chúc cứu bạt hết thảy chúng sanh trong lục đạo, hoàn toàn chẳng giới hạn chúng sanh trong địa ngục. Chỉ cần các vị thành tâm niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, không chỗ nào Ngài chẳng hiện thân, chẳng cứu độ. Phẩm Chúc Lụy Nhân Thiên của kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên chép: *“Nam Diêm Phù Đề chúng sanh, chí tánh vô định, ác tập giả đa, tụng phát thiện tâm, tu du tức thoái. Nhược ngộ ác duyên, niệm niệm tăng trưởng. Dĩ thị chi cố, ngô phân thị hình bách thiên vạn ức giáo hóa, tùy kỳ căn tánh, nhi độ thoát chi”* (Chúng sanh trong Nam Diêm Phù Đề chí tánh vô định, tập khí ác thì nhiều, dẫu phát thiện tâm trong khoảnh khắc liền thoái chuyển. Nếu gặp ác duyên, niệm niệm tăng trưởng. Do vì lẽ ấy, ta phân thân hình này trăm ngàn vạn ức giáo hóa, tùy theo căn tánh mà độ thoát họ). Điều ấy chứng minh chí nguyện từ bi cứu độ chúng sanh to lớn của Địa Tạng Vương Bồ Tát, có bất khả thuyết bất khả thuyết vô tận thần thông!

Chư vị nghe xong, có lẽ sẽ nghĩ giống như chuyện thần thoại;

nhưng đây là chuyện có thật trong nhà tù của chúng tôi, có thể tìm hỏi. Hoặc lại có người hoài nghi tin Phật thì có cần mời bác sĩ hay không, tôi cũng có thể phụng cáo với quý vị: Người có công phu tin Phật rất sâu, sẽ chẳng cần mời bác sĩ. Do người ấy tin sâu, cảm ứng đạo giao, có cảm ắt có ứng, khổ hay vui hoàn toàn do nghiệp báo cảm vờ. Cho nên có thể nhất tâm nơi đạo, hóa độ chúng sanh. Ví như mặc quần áo, rách một miếng liền vá một miếng, lại rách, lại vá, cho đến khi chẳng thể vá nổi nữa, vứt đi cũng chẳng sao! Tóm lại, chúng ta học Phật, phải thành tâm khẩn thiết, sám hối niệm Phật, thì mới có thể được Phật, Bồ Tát linh cảm. Nếu chẳng thể đạt được linh cảm, là vì chẳng khẩn thiết sám hối, hoặc lòng tham cầu, hoặc do nghiệp chướng đời chướng quá sâu mà ra. Nếu có thể dùng tâm kiên thành lễ kính Bồ Tát, nhất định là có thể chuyện lớn hóa thành chuyện nhỏ, chuyện nhỏ hóa thành vô sự. Chư vị đã là đệ tử quy y Tam Bảo, phải hiểu rõ nhân quả ba đời, nắm vững thời kỳ chẳng tự do này, đúng là cơ hội tốt để tu trì niệm Phật, đúng như pháp sư Phật giáo bé quan, thời khắc chẳng quên niệm Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì mới là chỗ quy túc vĩnh viễn vui sướng!

### ***10. Chết rồi sống lại***

*Thích Vong Ngôn ghi*

Hồ Trạch Phạm ở Dư Diêu, còn có tên tự là Thăng Nguyệt, từng biên soạn bộ Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Bạch Thoại Giải Thích do Phật Học Thư Cục lưu thông đến một vạn mấy ngàn bộ, công đức rất lớn. Chiều ngày Ba Mươi tháng Bảy năm Nhâm Thân, tức năm Dân Quốc 21 (1932), con gái bé của ông tên là Nguyệt Chiêu, chỉ mới bốn tuổi, bỗng nhiên mắt trợn tròn, mũi nghẹt, mặt xanh tái, môi đen bầm, thở khò khè, ứa rớt dãi rồi chết ngất. Cậy rằng đổ thuốc, nó chẳng thể nuốt xuống, cả nhà hoảng loạn. Lúc ấy, Hồ Trạch Phạm bỗng ngộ ra hôm ấy là thánh đàn của Địa Tạng Bồ Tát, bèn vội đối trước thánh tượng, xót xa cầu gia bị. Cầu nguyện vừa xong, bỗng nghe cả nhà hoan hô, bé gái đã thở được, mừng nó sống lại. Lại cho uống thuốc, nó cũng nuốt xuống được, chẳng bao lâu liền bình phục. Thích Vong Ngôn ghi.

*(Người biên soạn nhận định: Theo Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Giảng Thoại của pháp sư Trúc Ma, “xét ra, trong tập Địa Tạng Linh Cảm Cận Văn Lục, chép bốn câu chuyện do Thích Vong Ngôn ghi lại, đây là một chuyện. Vong Ngôn tức là biệt danh của Hoàng Nhất luật sư. Luật sư chẳng nói dối, chuyện này đáng nên tin tưởng”).*

### **11. Bệnh trầm kha được lành**

*Thích Vong Ngôn ghi*

Tỳ-kheo-ni Quán Nguyên người xứ Hải Trưng, tỉnh Phước Kiến. Cha bà là bậc tiên liệt thời Dân Quốc, từng hy sinh vì quốc nạn tại Quảng Châu. Quán Nguyên xuất gia tại núi Cửu Hoa, về sau, sống tại Áo Môn (Macau). Năm Nhâm Thân (1932), ni sư đến Hạ Môn (Amoy) học tập giới luật. Năm sau, liền bị đau bao tử, ăn không nổi một bát cháo. Bệnh tật rề rề cả nửa năm, trái trọn đủ mọi nổi thống khổ! Thuốc Bắc lẫn thuốc Tây đều vô hiệu. Một hôm do đọc bài Địa Tạng Bồ Tát Thánh Đức Đại Quan của sa-môn Hoằng Nhất, thấy đầu cuốn sách ấy vẽ thánh tượng trang nghiêm, sanh tâm hết sức hoan hỷ. Do vậy, tùy sức sấm hương, hoa, trái cây, cúng dường thánh tượng, cung kính chiêm ngưỡng, lễ bái. Suốt bảy ngày không nói, sám hối, lấy một bình nước sạch đặt trước thánh tượng, ngày đêm thầm niệm thánh hiệu. Sáng sớm hôm sau bèn uống một chén tịnh thủy ấy. Không lâu sau, đã có thể ăn một bát cơm. Nửa tháng sau, bệnh khỏi hẳn. Thích Vong Ngôn ghi.

### **12. Mắt có tật lại được phục hồi**

*Huệ Châu ghi*

Cư sĩ Đào Hy Tuyên từng làm huyện trưởng huyện Hàng, nay ở đường Cự Lại Đạt (Rue Ratard) tại Thượng Hải, đã tin Phật từ xưa, thờ phụng Địa Tạng Đại Sĩ càng kiên thành. Trong nhà có điện thờ Phật. Mẹ ông họ Đoan Mộc, cũng hằng ngày trì thánh hiệu Di Đà. Người đây tở là Thạch Văn Khanh bị bệnh mắt đã lâu, một hôm bỗng lành. Ông Đào thấy người ấy khỏi bệnh quá nhanh, lấy làm lạ, gạn hỏi. Họ Thạch đáp: “Con mộng thấy mẹ niệm Phật trong Phật đường. Do con bị bệnh mắt đã lâu chẳng lành, dạy con lấy nước cúng trước tượng Địa Tạng Đại Sĩ rửa mắt, cảm thấy hết sức thanh lương. Tỉnh mộng, con dụi mắt thì căn bệnh đã hết rồi”. Cư sĩ than rằng: “Bồ Tát thế nguyện hoàng thâm, bi tâm cứu khổ, làm đấng đại y vương, tin chắc chẳng hư dối!” Đây là chuyện trong tháng Mười Một năm Dân Quốc 22 (1933), cư sĩ đích thân kể lại với Huệ Châu; do vậy bèn ghi ngay lại.

### **18. Tạo tượng linh cảm**

*La Viễn Diệu ghi*

Tiên mẫu là Lý Thái Phu Nhân, từ sau sáu mươi tuổi, mỗi tiết Đông, hai chân đều tê cứng, đau nhức, chẳng tiện đi lại, qua Xuân tự lành. Năm Dân Quốc 12 (1923), mẹ tôi sáu mươi chín tuổi, bắp chân đau càng nặng, rên rỉ nằm bẹp trên giường hơn một tháng, chữa trị chẳng thấy bớt. Viên Diệu chỉ biết hằng ngày lễ tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện để xin Ngài rủ lòng Từ gia hộ. Một hôm, tụng đến phẩm Như Lai Tán Thán: “*Hoặc thủ bệnh nhân khả ái chi vật, hoặc y phục, bảo bối, trang viên, xá trạch, đối bệnh nhân tiền, cao thanh xướng ngôn, ngã mỗ giáp đẳng, vị thị bệnh nhân đối kinh tượng tiền, xả chư đẳng vật, hoặc cúng dường kinh tượng, hoặc tạo Phật, Bồ Tát hình tượng*” (Hoặc lấy vật mà bệnh nhân yêu thích, hoặc là quần áo, vật báu, trang trại, vườn tược, nhà cửa, đối trước bệnh nhân, lớn tiếng xướng rằng: “Con tên là... vì bệnh nhân này, đối trước kinh tượng, bỏ các thứ vật để cúng dường kinh, tượng, hoặc tạo hình tượng Phật, Bồ Tát”), bèn dường như vỡ lẽ! Tụng xong, đối trước Phật phát nguyện, vì mẹ tạo tượng Địa Tạng Bồ Tát, lại còn chạy đến thưa với mẹ. Mẹ vui mừng nói: “Bệnh không gì chẳng phải là nghiệp, cần phải cậy vào Phật từ gia bị. Nay con phát nguyện tạo tượng, thật hợp ý mẹ. Mẹ được bà ngoại con cho một viên châu tinh ròng, tròn trịa, tươi sáng. Mẹ vì nhớ bà ngoại, hết sức quý trọng. Nay đem châu ấy cúng dường Bồ Tát có được hay không?”

Tôi bèn cậy vị thầy tạc tượng nổi tiếng ở Bắc Bình (Bắc Kinh) là ông Cảnh Sơn theo đúng pháp tạc tượng bằng cốt đồng, thép vàng. Viên châu đem khảm vào giữa hai mày để tượng trưng cho bạch hào. Hai mươi ngày sau, tượng tạc thành. Ông Cảnh đưa tới, tướng hảo trang nghiêm, từ bi hoan hỷ. Ông Cảnh nói kể từ khi tạc tượng tới nay, đã có chuyện chưa từng có. Viên Diệu vội vàng thưa với mẹ. Mẹ nghe xong, lập tức hết đau, tự bước xuống giường, vào Phật đường, đánh lễ, quỳ lạy như kẻ chẳng bị bệnh. Đây chính là bệnh lâu ngày mà nhanh chóng dứt hẳn. Người thấy, kẻ nghe, đều than Bồ Tát từ bi cảm ứng nhanh chóng chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, tôi trước sau cậy ông Cảnh tạo tượng Bồ Tát hơn mấy chục bức. Mẹ tôi vốn ăn chay trường niệm Phật; từ đây, càng thêm tinh tấn, đi lại còn nhanh nhẹn hơn trước. Cho tới ngày Hai Mươi Một tháng Chạp năm Dân Quốc 18 (1929), lúc cụ bảy mươi lăm tuổi, bèn niệm Phật về Tây. La Viên Diệu ở huyện Bảo Tĩnh, tỉnh Hồ Nam kính ghi.

**19. Bụng trưởng mau hết**  
*Châu Văn Hoán ghi*



Vào mùa Hạ, Văn Hoán quảy trapsang Tô Châu, mắc chứng bệnh sốt rét khá nguy kịch. Sau khi lành bệnh, bụng bị căng trướng, thuốc thang vô hiệu. Do một mực tin tưởng Phật pháp, nghĩ Địa Tạng Bồ Tát có đại nguyện lực, có thể cứu bạt tội khổ, bèn chí tâm sám hối, đánh lễ, và phát nguyện kiên thành tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện ba mươi bộ, in tặng một trăm quyển Địa Tạng Bồ Tát Bản Tích Linh Cảm Lục để báo đáp từ ân trong một phần ức. Phát nguyện ấy rồi, do ngày hôm ấy tiết trời nóng bức, bèn mặc quần ngắn nằm ngủ, bỗng thấy khắp thân sáng khoái, bèn ngủ say. Sáng sớm hôm sau, tỉnh giấc, bụng xẹp dần, lại biết đói. Chẳng đầy ba ngày, bệnh trướng hoàn toàn tiêu mất như chưa hề bị bệnh, hoan hỷ tán thán đúng là chưa từng có.

Do vậy nghĩ tới lòng từ bi của Đại Sĩ, cảm ân khôn cùng! Vì thế, gởi thư kể khắp, để chứng nghiệm sự linh dị. Chỉ mong chúng sanh trong cõi đại thiên đều được hưởng cam lộ, cùng ngưỡng nhờ sự giáo hóa của Phật, quạt gió Từ để dứt tội nghiệp, hóa lửa bùng thành mát mẻ. Đây là điều tôi mong mỏi. Những điều được kể trong bài này toàn là những gì tôi đích thân từng trải, tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm. Tháng Sáu năm Dân Quốc 22 (1933), Châu Văn Hoán ở nhà số 8, ngõ Đông Ngôn Tử tại Thường Thục kính thuật.

***15. Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Ký (ghi chép chuyện linh cảm của Địa Tạng Bồ Tát)***

*Pháp sư Chủ Văn soạn*

Lần ấy, tôi giảng kinh Địa Tạng tại Đại Nguyện Đài thuộc Địa Tạng Điện ở Gia Nghĩa vào năm Dân Quốc 51 (1962), nghe nói ngôi chùa ấy đã có lịch sử ba trăm lẻ hai năm. Thuở trước, đã có người về Hoa Lục triều bái núi Cửu Hoa ở tỉnh An Huy, cung thỉnh một bức thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát trở về, dựng chùa thờ phụng. Mấy trăm năm qua, hương khói không ngừng, những chuyện cảm ứng linh dị cũng rất nhiều. Trong số đó, có một chuyện rất cảm động, người viết xin ghi lại như sau:

Chuyện xảy ra cách đây một trăm năm trước. Có một người tên là Lâm Đăng Chương, ở một nơi cách làng Gia Nghĩa mười mấy dặm đường, là người công chánh, nhưng bất hạnh bị kẻ gian vu cáo, hãm hại bị bắt lên quan, tống vào tù. Vợ ông Lâm vì thấy chồng hàm oan ngồi tù, trong nhà lại thanh bần, nghèo nàn, bôn ba khắp nơi, cậy người cứu giúp, tiêu sạch tất cả tiền bạc trong nhà, vẫn chẳng thể cứu chồng thoát ngục.

Về sau, bà biết nhất định phải tốn bốn mươi lượng bạc đút lót cho quan trên thì mới có thể chuộc tội cho chồng. Trong lúc vạ phần bất đắc dĩ, bà Lâm chỉ đành cắn răng, dứt ruột đem đứa con duy nhất bán lấy bốn mươi lượng bạc để chuộc chồng. Gã cò mồi lại lấy hai ba lượng làm lệ phí môi giới, chỉ còn lại ba mươi bảy lượng, có thể chuộc chồng ra hay không, vẫn chẳng biết được! Đồng thời, mỗi lần vào trại giam thăm chồng, đều bị bọn coi ngục chửi bới, làm khó dễ, mục đích là muốn chẹt tiền. Bọn chúng nói: “Dựa vào núi thì ăn sản vật trong núi, dựa vào nước thì ăn sản vật trong nước”. Đúng vậy! Tới chỗ quan quyền, vào nha môn, có lý mà không có tiền sẽ chẳng thể tiến vào, xưa nay đều như vậy! Bà Lâm mỗi lần đều phải tươi cười, nói ngọt, lại còn phải biếu xén đôi chút; nếu không, đừng mơ vào được. “*Diêm vương dễ gặp, tiểu quỷ khó chơi*”. Lần này, đến nộp bạc chuộc chồng, đương nhiên chẳng phải là ngoại lệ. Khi đó, nhà tù ở ngay đường lớn, cũng là ở ngay nơi đường Ngô Phụng hiện thời. Bà mua một ít cau gàn đó, để làm chút quà mọn biếu xén lũ canh tù. Nào ngờ, lúc móc tiền mua cau, khi gói cau lại, đánh rơi ba mươi bảy lượng bạc chuộc chồng mà chính mình chẳng biết. Tới khi nộp bạc cho quan, phát hiện túi bạc đã mất, thò tay lục lọi cả buổi chẳng lấy ra được, sợ tới mức mặt không còn chút máu, bối rối đến nỗi khóc không ra tiếng! Bán đi đứa con yêu quý độc nhất, những tưởng có thể chuộc chồng về, nay đánh mất bạc, chồng chẳng thể ra khỏi tù được, chính mình cũng chỉ có con đường chết! Bà ta còn chưa chết, vẫn chưa nản lòng, lại men theo đường tìm kiếm, vạ nhất chẳng tìm được bạc, chỉ còn con đường tự sát!

Phố vải trong thành Gia Nghĩa nay là đường Quang Minh, có một cái miếu thờ Thổ Địa Công. Có một người ăn mày tên là Từ Lương Tứ sống nơi đó. Ông ta không chỉ bần hàn, chẳng có nhà cửa, mà còn bị tàn phế từ thuở lọt lòng. Đôi chân tê liệt, chẳng thể đi lại, phải dùng móng lét trên mặt đất để di chuyển. Ban ngày xin ăn sống qua ngày trên đường phố, buổi tối bèn lấy miếu Thổ Địa làm nhà. Hôm đó, khi ông ta đang xin ăn trên đường phố, từ xa thấy một nữ nhân đang mua cau ở sạp trâu cau, vội vã bỏ đi, đánh rơi túi bạc xuống đất. Ông ta lét tới trước, nhặt lấy túi bạc, vốn muốn đuổi theo đưa trả cho người ta. Hiềm rằng chính mình chẳng thể đi được, gọi âm lên, bà ta cũng chẳng nghe! Ông ta mở túi bạc ra đếm, có ba mươi bảy lượng bạc. Người ăn mày trông thấy bạc trắng xóa như thế, hoảng hồn, mà cũng chẳng nẩy sanh cái tâm thấy tiền bèn nổi máu tham; ngược lại, cảm thấy người nữ ấy đáng vẻ vội vàng, chắc chắn là có chuyện gì lớn lao, chẳng thể tùy tiện lấy bạc đi. Vạ nhất

bà ta trở về tìm chẳng thấy bạc, có thể sẽ tự sát, ta phải ở đây chờ bà ta trở lại. Cứ một mực đợi, đợi rất lâu, mới thấy một phụ nữ mặt đầy vẻ lo lắng, chạy tới dòm đông ngó tây trên đường, dường như đang kiếm vật chi đó. Ông ta biết là người mất của đang tìm kiếm, bèn sà đến, dùng tay kéo chéo áo bà ta. Bà ta tưởng người ăn mày xin tiền, bực bội, lớn tiếng quát: “Ta đang vội muốn chết, còn chỗ nào có tiền cho người! Hãy mau tránh ra để ta còn tìm đồ bị mất”.

Lòng tốt của Từ Lương Tứ bị coi thường, ông ta vẫn nhẹ giọng hỏi: “Bà ơi! Làm rơi gì thế? Hốt hoảng như vậy, hãy nói xem, không chừng tôi biết”. Câu ấy gọi tỉnh bà ta từ tay tử thần quay về. Bà ta kinh hỷ nói: “Thật à?” Ông ta đáp: “Đương nhiên là thật! Tôi nhặt được món đồ. Nếu bà nói đúng, tôi sẽ giao cho bà”. Bà ta vội vàng nói: “Tôi đánh mất một cái bao vải, trong đó có ba mươi bảy lượng bạc. Đó là tiền tôi bán con. Chồng tôi bị người ta vu cáo hãm hại, phải ngồi tù. Cần phải có bốn mươi lượng bạc thì mới có thể chuộc tội. Bất đắc dĩ bán con chuộc chồng, gã cò môi lấy ba lượng, tôi còn lo lắng chẳng đủ bạc, nào ngờ đánh mất ở đây. Như vậy thì chồng tôi chẳng thể ra khỏi tù, con tôi cũng bán rồi! Người lẫn của đều chẳng còn, tôi chỉ còn đường tự sát!” Dứt lời, khóc rống không ngừng.

Lúc ấy, có mấy người hảo tâm tìm đến hỏi nọ, hỏi kia, Từ Lương Tứ chẳng nghi ngờ mây may, nói: “Bà đừng nên khổ sở, tôi nhặt được bạc do bà đánh rơi khi mua cau. Do tôi không đi được, đuổi theo không kịp, gọi thì bà cũng chẳng nghe thấy, cho nên ở đây chờ bà trở lại. Hiện thời, bạc ở trong này, bà đếm thử xem”. Người ăn mày giao bạc ra, lặng lẽ bỏ đi. Ba Lâm tìm lại số bạc đã mất, vui mừng quá đỗi, đâm ra quên khuấy người ăn mày, ngay cả tên họ người ta cũng quên hỏi, vội vàng đến nha môn nộp tiền. Viên quan mới biết là tiền bán con, người ăn mày nghèo khổ lại thấy của mà chẳng mê muội, chúng ta làm sao có thể mê muội lương tâm đòi tiền bán con của người ta? Vì thế, thiên lương phát hiện, cảm khái thả chồng bà ta ra, chẳng cần tiền chuộc nữa! Do nghĩa cử của người ăn mày, nên mới khiến cho kẻ làm quan bị cảm động! Sau khi Lâm Đăng Chương ra khỏi tù, biết đứa con đã bị bán đi. Trừ ba lượng bạc cho gã cò môi, còn phải mời khách, biếu quà, tiêu tốn không ít, lại còn tìm người ăn mày, nhưng cũng chẳng biết ở đâu. Về sau, ông ta bèn mở một tiệm bán ngũ kim<sup>54</sup> ở phố bán vải để kiếm sống.

---

<sup>54</sup> Tiệm ngũ kim (五金店) là tiệm chuyên bán các thứ vật liệu cần thiết cho sửa chữa nhà cửa như sơn, keo, ốc vít, đinh, kể cả gỗ, gạch, ngói, vôi, vữa, sắt thép, đồ đồng...

Lại nói, Từ Lương Tứ trở về miếu Thổ Địa ngủ một đêm, hôm sau là tiết Thanh Minh, bèn mò ra Đông Quách Phiền Gian, tức là chỗ nghĩa địa công cộng ở ngoài thành để xin bánh hồng quy<sup>55</sup> từ những người đến tế mộ tổ tiên. Do đường xa mắc mưa, về trễ, lết theo đường chậm chạp, khi tới cửa thành, cửa thành đã đóng từ lâu (khi đó Gia Nghĩa có bốn cửa thành). Bất đắc dĩ, phải đến miếu Địa Tạng Bồ Tát gần đó ở ngoài thành để tá túc (hiện thời là địa chỉ số 81 đường Dân Quyền), khẩn cầu ông từ giữ miếu từ bi cho nghỉ nhờ một đêm trước đại điện thờ Phật. Ông từ coi miếu nhận biết người ăn mày họ Từ, cũng cho nghỉ nhờ. Nhưng ông từ coi miếu ngủ đến nửa đêm, bỗng nghe trong đại điện có tiếng kêu gào thảm thiết như quỷ tru, rất giống như có người đang giết ông Từ, kêu khổ không ngớt. Ông từ coi miếu nghĩ họ Từ nổi bệnh thần kinh, quở mắng hai lần, vẫn không im, bị ông ta ồn ào cả đêm không yên giấc, tức giận khôn cùng! Sáng sớm hôm sau thức dậy, ông từ tính đuổi người ăn mày họ Từ đi, thấy hắn đang ngủ say, bèn lôi hắn từ trong mộng tỉnh dậy, chửi: “Ngươi vì sao đêm không chịu ngủ, mà kêu gào như quỷ tru?” Người ăn mày họ Từ sau khi giật mình tỉnh giấc bèn nhảy dựng lên, đứng phắt dậy, chính mình cũng chẳng biết, bước tới trước mặt ông từ coi miếu. Tới lúc đó, đâm ra ông từ coi miếu hoảng sợ tới mức lùi lại mấy bước, sững sờ: “Sao gã bại liệt này ngủ qua một đêm lại có thể đi đứng tự nhiên?” Hỏi ra, nguyên lai, Từ Lương Tứ ban đêm ngủ trước thánh tượng của Địa Tạng Bồ Tát, trong mộng thấy Bồ Tát sai hai tiểu quỷ, một cao, một lùn. Một quỷ thì ôm chặt lấy phần thân trên của ông ta, quỷ kia thì nắm hai cái chân liệt mà kéo mạnh, đau đến nỗi ông ta kêu thảm thiết không ngừng. Nhưng hai tiểu quỷ ấy mặc kệ ông ta gào thảm thiết cỡ nào, vẫn không ngừng tăng thêm sức mạnh kéo thẳng hai chân

---

Thời cổ những tiệm ngũ kim lớn có thể bán cả sản phẩm để bắt cá, vật liệu tu bổ ghe thuyền, bẫy rập, nồi niêu, soong, chảo, dao, búa, lưỡi cày, lưỡi bừa, nông cụ v.v... Nhưng không được phép bán vũ khí.

<sup>55</sup> Hồng quy cao (紅龜糕), người Đài Loan còn gọi nó là Hồng Quy Quả (紅龜粿) là một thứ bánh ngọt nhỏ, bằng gạo nếp bọc nhân ngọt, thường là đậu xanh, hay đậu đỏ, hay đậu phộng ngào đường. Do bánh có hình dáng khum khum như mai rùa (mang ý nghĩa chúc thọ) và có màu đỏ, nên gọi là Hồng Quy Cao (bánh rùa đỏ). Bánh làm xong, đem hấp, lót bằng lá chuối. Do ý nghĩa chúc thọ và màu đỏ là màu may mắn, nên bánh thường được làm trong dịp Tết, các dịp lễ lạc đặc biệt như đầy tháng, chúc thọ, và dâng cúng tổ tiên, thần thánh. Đặc biệt trong dịp Thanh Minh, họ còn làm loại bánh này với màu xanh và trắng để cúng kèm với bánh đỏ, biểu thị con cháu thương tiếc tổ tiên.

tàn phế của ông ta, đau đến nỗi ông ta ngất lịm đi. Sau đấy, chẳng biết sao lại ngủ mất. “Hiện thời, tôi cũng chẳng biết đôi chân tàn tật này nghiêm nhiên giống như chân mọi người bình thường”. Do đó, còn sung sướng hơn lúc nhặt được bạc hôm qua. Ông từ trông miếu thấy kỳ tích xuất hiện như vậy, đương nhiên chẳng thể mắng hấn nữa, lại còn vui sướng theo hấn. Bản thân, hấn cũng biết là Địa Tạng Bồ Tát hiển linh, chữa trị tàn tật cho mình, đành lễ trước tượng Địa Tạng Bồ Tát, cảm kích tuôn lệ, mọp thân lễ bái, lay côm cốp mấy lần!

Người ăn mày họ Từ sau khi hết tàn tật, rất nhiều người chúc mừng ông ta. Nhưng ông ta do vậy, dấy lên phiền não: Lúc tàn tật thì còn có thể ăn xin sống qua ngày. Nay đã hết tàn tật rồi, không thể đi ăn xin trên phố để sống qua ngày, nhất định phải tự lực cánh sanh; nhưng ông ta là một gã ăn mày nghèo túng, ngoài ăn xin ra, làm thế nào để giải quyết vấn đề cơm áo, chỗ ở đây? Buôn bán thì chẳng có tiền vốn. Rốt cuộc vẫn là từ không có cách nào, nghĩ ra một cách: Dùng mấy đồng bên mình mua hai cái thùng nước, gánh nước thuê để kiếm sống. Thời ấy, chưa có nước máy, các gia đình giàu có đều kêu người đổi nước, [tức là trả công cho người ấy] hằng ngày gánh nước đến. Từ Lương Tứ từ ăn mày biến thành người đổi nước.

Lâm Đăng Chương sau khi ra khỏi tù, biết chuyện vợ làm rơi bạc, người ăn mày nhặt được chẳng giữ rịt làm của riêng, cũng từng tìm kiếm vị ân nhân cứu mạng ấy, nhưng ngay cả tên họ cũng chẳng biết, chẳng thể tìm kiếm. Lúc đó, họ sống ở vùng quê rất xa, đương nhiên chẳng biết chỗ ở của người ăn mày. Vì thế, đối với chuyện chẳng biết tên họ của ân nhân, chẳng có cách nào báo đáp, cứ canh cánh trong lòng. Hai ba năm sau, việc buôn bán nơi tiệm ngũ kim của nhà họ Lâm càng làm càng phát đạt, cái tâm tưởng niệm ân nhân cũng càng ngày càng tăng. Có một hôm, nhà họ Lâm kêu Từ Lương Tứ đưa nước đến. Lâm Đăng Chương chưa hề gặp mặt họ Từ Lương Tứ, ân nhân ở ngay trước mắt vẫn không nhận biết. Khi đó, nữ quyến không ra khỏi cửa cho mấy. Hễ có nam nhân đến, nữ nhân lần tránh, không ra khỏi cửa phòng. Vì thế, mấy năm trôi qua, vẫn tìm không thấy vị ân nhân ăn mày đó. Vừa lúc Từ Lương Tứ đưa nước đến nhà bếp, trong lúc vô tình, bà Lâm trông thấy, rất đổi kinh ngạc: “Diện mạo người này giống ân nhân như đúc, có phải là ông ta hay không? Chẳng phải! Tuyệt đối chẳng phải! Ông ta là người bị liệt, chẳng thể đi lại. Nhưng vì sao người này giống ông ta đến thế?” Bà Lâm tự hỏi, tự đáp, hoài nghi chẳng dám quyết đoán liên tiếp mấy ngày. Bà đem chuyện này kể với chồng: “Cái người gánh nước ấy có diện mạo giống

hết vị ân nhân, cùng một khuôn mặt, chẳng biết vì sao chẳng phải là người bị liệt, mà đi gánh nước! Sáng mai, ông mời ông ta vào hỏi han cận kề, xem thử là chuyện như thế nào!”

Ngày hôm sau, Từ Lương Tứ vẫn đưa nước đến. Lâm Đăng Chương đặc biệt mời ông ta ngồi xuống dùng trà. Sau đó, hỏi han tên họ, hỏi trước khi gánh nước thì làm chuyện gì, trong nhà còn có ai. Từ Lương Tứ cũng chẳng giấu giếm gì, nói thật: “Nói ra rất xấu hổ! Ba năm trước tôi không thể gánh nước, thậm chí còn chẳng thể đi lại. Nhiều năm bị tê liệt, lê lét trên mặt đất. Khi đó, chỉ lần theo từng nhà xin ăn. Sau đấy, vào tiết Thanh Minh năm đó, đêm ngủ tại miếu Địa Tạng Bồ Tát, mộng thấy Bồ Tát sai hai tiểu quỷ chữa trị thương tật cho tôi. Từ đấy về sau hết tàn tật, bèn lấy chuyện gánh nước để tự lập kiếm sống”. Lúc đó, bà Lâm từ trong phòng đi ra, nắm tay chồng, song song quỳ trước mặt họ Từ, thưa: “Ân nhân! Hãy nhận của vợ chồng chúng tôi một lạy”. Trước hết, họ không nói rõ mọi chuyện, cứ song song lạy xuống, khiến Từ Lương Tứ sợ hết hồn, hai tay vẫy liên tục, không ngừng lùi lại. Sau khi vợ chồng ông Lâm nói rõ mọi chuyện, mới biết chuyện xảy ra vào tiết Thanh Minh ba năm trước. Lúc ấy, cũng biết do làm chuyện tốt nên cảm động Địa Tạng Bồ Tát hiển linh trị lành tàn tật. Đúng là vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ. Họ ngồi lại chuyện trò một hồi, ông Từ tính cáo lui, nhưng vợ chồng họ Lâm bắt luận như thế nào cũng không chịu để cho ông ta đi.

Vợ chồng họ Lâm rất thành khẩn thưa với Từ Lương Tứ: “Lúc đó, ân công đã cứu vợ chồng chúng tôi. Đương nhiên là Ngài chẳng nghĩ thi ân cầu báo, nhưng chúng tôi là người cảm nhận ân huệ, chẳng thể nghĩ như vậy. Ngài là người chẳng có nhà cửa, chẳng có vợ con, trong tiệm chúng tôi cần người giúp. Ngài hãy ở lại đây, coi như người nhà của chính mình vậy!” Từ đó về sau, Từ Lương Tứ cũng chẳng đổi nước nữa, sống trong tiệm ngũ kim của nhà họ Lâm, giúp họ buôn bán. Chẳng đầy mấy năm, họ Lâm không chỉ buôn bán thịnh vượng, mà còn tậu chẳng ít đất đai, ruộng nương, cũng từng mấy lần muốn cưới vợ cho Từ Lương Tứ, nhưng ông ta đều cự tuyệt, chẳng đồng ý. Lâm tiên sinh biết ông ta là người bộc trực, nói một, chẳng nói hai, chỉ đành thuận theo tự nhiên.

Mấy năm sau, Lâm Đăng Chương nhận được thư của chú, hỏi ông ta trở về quê nhà ở Quảng Đông để kế thừa tổ nghiệp. Hai vợ chồng quyết định trở về Quảng Đông kế thừa tổ nghiệp, tài sản nơi này do Từ Lương Tứ toàn quyền quản lý, cũng không dám nói rõ là tặng cho ông ta. Chỉ nói là xin ông ta quản lý thay, muốn làm cho ông ta tin tưởng là

không lâu sau họ sẽ trở về. Nếu không, ông Từ lại chẳng chịu tiếp quản. Từ Lương Tứ vẫn mong đợi vợ chồng họ Lâm quay lại, nhưng họ vẫn một mực chẳng trở về. Mấy năm sau, họ gởi thư, tỏ rõ tâm ý: Họ phải kế thừa tổ nghiệp, sẽ chẳng trở lại, dâng tặng cho ông Từ toàn bộ hết thảy tài sản, khuyên ông nên sớm có ngày cưới vợ, lập gia đình. Nhưng Từ Lương Tứ vẫn không lấy vợ, lại còn suốt đời chẳng cưới hỏi, vẫn tự cho mình là người quản lý tài sản cho Lâm Đăng Chương. Về sau, Từ Lương Tứ di chúc đem toàn bộ phòng ốc tại phường vải thí cho miếu Thổ Địa để cảm tạ ân huệ nhiều năm nương nhờ khi cùng khổ. Lúc còn sống, mỗi dịp mừng Một, ngày Rằm, ông ta đều ra miếu Địa Tạng ngoài thành để lễ kính Địa Tạng Bồ Tát, cảm tạ ân Bồ Tát trị tàn tật. Nghe nói, sau khi ông ta chết đi, còn có sáu mươi cuộc đất thuộc hạng nhất do chánh quyền sở tại tiếp nhận.

Hai họ Từ và Lâm, một đảng là thi ân chẳng cầu báo, một đảng nhất định có ơn phải báo đáp, đều đáng cho người đời sau noi gương và sùng kính. Khó trách những người thuộc thế hệ trước ở Gia Nghĩa hễ nhắc tới chuyện này đều là “bia miệng” bàn luận sôi nổi. Nghe nói các nghị viên cấp tỉnh ở Gia Nghĩa như Hà Mậu Thủ v.v... Xuân Thu hai quý đều đến bái tế trước linh vị của họ Từ và họ Lâm, kính ngưỡng thái độ làm người của họ. Người viết từng vì chuyện này mà cùng cư sĩ Trần Tư Khánh đích thân đến y viện tư nhân tại đường Quang Minh xem bài vị của hai họ Từ và Lâm, còn có tượng của Thổ Địa Công thời đó, lại còn viếng địa điểm miếu Thổ Địa nơi người ăn mày họ Từ nương nhờ thuở đó. Hàng xóm hai bên đều biết người viết đặc biệt tới hỏi han chuyện này, đều vui vẻ tự động kể về quá khứ của hai ông Từ và Lâm. Chuyện này cho thấy ngoài sự linh dị của Địa Tạng Bồ Tát, lại còn xiển dương sự thiện lương nơi nhân tánh, đều có hữu ích cho lòng người trong xã hội. Vì thế, tôi vui vẻ ghi lại.

## **16. Phật quang soi đường**

*Pháp sư Hồng Lương ghi*

Vạn Thọ Đường pháp vụ thịnh vượng, thường là sau khi pháp hội kết thúc, phải sắp xếp hết thảy lại như cũ. Khi quay về am Đại Từ, sắc trời đã tối đen từ lâu. Vùng núi có khá nhiều rấn, sợ thấy không rõ, sẽ đạp làm phải rấn. Do vậy, mỗi lần trên đường về am Đại Từ, hai thầy tỳ-kheo Hòa và Đoan luôn niệm ra tiếng: “Địa Tạng Vương Bồ Tát! Địa Tạng Vương Bồ Tát!” mong cho các “anh rấn” nghe thánh hiệu của Bồ

Tát, sẽ biết nhanh chóng lẫn tránh, để khỏi bị đập trúng, khiến chúng nó bị thương, ta lẫn người đều chẳng thương tổn lẫn nhau. Ngày mùng Sáu tháng Mười, bắt đầu từ hai giờ chiều, làm đàn tràng Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự. Sau khi pháp hội kết thúc viên mãn, sau khi đã sắp xếp hết thầy các thứ, đã gần đến bảy giờ tối, bên ngoài đen kịt, giơ bàn tay ra chẳng thấy rõ năm ngón. Đèn đường lại chẳng sáng, bốn phía đều tối hù chẳng có ánh sáng. Hôm nay lại phải mò mẫm trở về trong bóng tối. Hai người hiểu rõ nhưng không nói ra, rất cẩn thận đi về, như giẫm trên băng mỏng, chẳng dám tùy ý đặt chân. Hai người dẫn mình vào bóng đêm mênh mêng, bốn phía lặng như tờ. Gió đêm thổi nhẹ, cành trúc lay động. Tiếng trúc, tiếng bước chân, tiếng niệm Phật, từng tiếng lọt vào tai.

Vừa đi, thầy Đoan lơ đãng nói: “Địa Tạng Vương Bồ Tát, xin Ngài từ bi cho chúng con một chút quang minh”. Nói xong, lập tức nghe “bộp” một tiếng, đèn soi cả đường sáng bừng lên! Ôi! Hai người chẳng hẹn mà giống nhau, vừa kinh ngạc, vừa vui mừng reo lên: “Cảm ơn Địa Tạng Vương Bồ Tát! Cảm ơn Địa Tạng Vương Bồ Tát!” Chúng tôi nhanh chân bước trên con đường hẹp quanh co, lúc vừa thấp thoáng trông thấy đèn của Triều Sơn Hội Quán thì ngay lúc đó, toàn thể đèn đường lại “bộp” một tiếng tắt phụt. Tôi kinh ngạc quay đầu ngó lại, thấy con đường mòn lại chìm vào bóng tối, mới giật mình, ngộ ra ánh sáng soi đường đúng lúc khi này nào có phải là đèn đường, mà là Phật quang! Đúng như trong phẩm thứ mười hai, tức phẩm Kiến Văn Lợi Ích trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên đã chép: *“Thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc nhân trị sanh, hoặc nhân công tu, hoặc nhân sanh tử, hoặc nhân cấp sự, nhập sơn lâm trung, quá độ hà hải, nãi cấp đại thủy, hoặc kinh hiểm đạo, thị nhân tiên đương niệm Địa Tạng Bồ Tát danh vạn biến, sở quá thổ địa, quý thần hộ vệ, hành, trụ, tọa, ngọa, vĩnh bảo an lạc”* (Thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc do mưu sinh, hoặc vì việc công chuyện tư, hoặc do sanh tử, hoặc do chuyện gấp, vào trong rừng núi, vượt qua sông biển, cho đến nước lớn, hoặc đi qua đường hiểm. Người ấy trước hết hãy nên niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát một vạn biến, nơi cuộc đất đi qua, quý thần hộ vệ, đi, đứng, nằm, ngồi, vĩnh viễn giữ được an lạc). Quả nhiên chẳng giả, Địa Tạng Bồ Tát từ bi rộng lớn, cứu giúp, che chở hết thầy chúng sanh, Ngài độ sanh mà cũng độ tử, *“địa ngục chẳng trống, thê chẳng thành Phật”*, tùy thời hiển hiện bên cạnh chúng sanh. Do vậy, khi các vị nhân giả đọc bài viết về chuyện linh dị của Ngài xong, mong hãy trì niệm thánh hiệu *“Nam-mô đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát”* nhiều hơn. Khi quý vị gặp nạn, từ quang của Bồ Tát nhất



định sẽ chiếu rọi quý vị, ban cho quý vị quang minh, bình an!

### **17. Địa Tạng Bồ Tát linh dị ký**

*Khâu Hoa Sanh ghi*

Trong thời đại bánh xe đã chuyển động đến mức thám hiểm không gian, ai nấy đều dùng khoa học để tự huyễn hoặc; nếu còn có ai bàn đến tín ngưỡng, hoặc nhắc đến linh cảm chi đó, chắc chắn sẽ có kẻ gọi “ngươi lạc hậu, mê tín”, thậm chí bị gán cái mác “thủ cựu tiên sinh”. Nhưng khoa học thật sự có thể giải quyết vấn đề nhân sanh ư? Nhân loại chỉ cậy vào khoa học mà có thể sống ư? Con người chẳng phải là máy móc, không thể nào chỉ ứng dụng nguyên lý khoa học, buộc họ chiếu theo pháp tắc và quy luật chuyển động nhất định! Trải qua cuộc sống này và những tao ngộ trong đời người thật sự quá vi diệu, rất chẳng thể suy lường, cứ dựa cứng ngắc vào định lý khoa học, sẽ khó thể tìm được câu trả lời. Do vậy, bất luận thời đại diễn biến như thế nào, tín ngưỡng tôn giáo vẫn chiếm phần quan trọng trong cuộc sống của nhân loại, mà chúng ta cũng chẳng thể phủ nhận sự tích linh cảm của Bồ Tát được! Nay tôi muốn trần thuật một câu chuyện xảy ra trong mấy năm gần đây, là sự thật do chính tôi trải qua. Chúng ta có thể từ câu chuyện chẳng thể nghĩ bàn này mà đại lược thấy phần nào thần lực vĩ đại của Bồ Tát, cũng như sức tín ngưỡng chẳng thể suy lường để tiến tới phát khởi đại tín nguyện, cung kính lễ bái, tăng phước, khai huệ, sớm chứng Bồ Đề.

Thôn Tự Do thuộc làng Hòa Bình, huyện Đài Trung là một vùng quê ở miền núi. Cư dân đại đa số là đồng bào Cao Sơn<sup>56</sup>. Trong vùng núi thẳm rừng rậm ấy, sừng sững một ngôi miếu thờ Địa Tạng Bồ Tát, tăng thêm đôi chút cảnh sắc cho vùng núi cao đơn điệu, cũng rất hiếm thấy. Nói đến nguồn gốc của tòa miếu vũ ấy, đúng là chuyện khiến cho mọi người phải thương tâm ứa lệ. Mùa Xuân năm Dân Quốc 16 (1927), đúng lúc trăm hoa đua nở, muôn tía nghìn hồng, chẳng ngờ trận dịch Cốt Thống Nhiệt (tên y học là Dengue fever, sốt xuất huyết) nổi ra, hoành hành tại vùng núi làng Hòa Bình. Ở chỗ hiện thời được gọi là khu bộ lạc

---

<sup>56</sup> Đồng bào Cao Sơn hay “Cao Sơn quần tộc” là từ ngữ phiếm chỉ các sắc dân thiểu số sống tại Đài Loan, tức là các cư dân bản địa tại Đài Loan trước khi người Hán tràn vào Đài Loan. Họ sống trên núi cao, có phong tục, tập quán riêng biệt, đồng nhất là các nhóm người A Mỹ (Amis, Pangcah), Bài Loan (Paiwan), Thái Nhã (Tayal), Bó Nông (Bunun), Ty Nam (Pinuyumayan), Lỗ Khải (Drekay), Trại Hạ (Saisiyat), Trại Đức Khắc (Seediq)...

Trúc Lâm thuộc thôn Tự Do, gần như diệt vong toàn bộ, nam giới chỉ có một người may mắn thoát nạn là tiên sinh Ngô Thiên Sanh (người vùng núi) nay đã bốn mươi bảy tuổi, đang sống tại thôn Tự Do. Để siêu độ các vong linh chết vì ôn dịch, lúc ấy, đặc biệt khởi xướng kiến lập một tòa miếu thờ Địa Tạng, tạc một tôn tượng Địa Tạng Bồ Tát cao ba thước. Vào ngày Mười Hai tháng Chạp năm Dân Quốc 16, thỉnh một vị Tăng gốc Nhật là Đại Dĩ Phụng Châu, trụ trì chùa Đài Trung thuộc tông Tào Động, long trọng cử hành pháp hội khai quang. Từ đấy, dưới sự che chở của Bồ Tát, vùng hương thôn núi non ấy dần dần khôi phục nguyên khí, dần dần phồn vinh.

Thời gian trôi qua rất mau, đảo bấu trở về vòng tay của Tổ Quốc, đồng bào vùng núi được chánh phủ đặc biệt ưu đãi, lại còn tự cố gắng, cuộc sống càng thêm an định. Nhưng mấy năm trước, tôn giáo của phương Tây bỏ ra vốn liếng vật chất to lớn, dùng bột mì, quần áo cũ hướng đến đồng bào miền núi dụ dỗ cải đạo. Đồng bào miền núi chẳng chống nổi chiến thuật dụ dỗ này, kết quả là hoàn toàn phát cờ đầu hàng làm con chiên của Thượng Đế. Tòa Địa Tạng Miếu theo thời gian cũng kèo mục, cột nghiêng, lung lay sắp đổ. Lúc đó, có những người sống ở bình nguyên thuộc vùng đất ấy (dân đồng bằng dời vào vùng núi canh tác) là anh em Ngô Thịnh Kim, Ngô Sĩ Quân, Ngô Sĩ Thành, Ngô Sĩ Quân<sup>57</sup>, kiên quyết khởi xướng trùng tu tòa miếu cũ, gom tiền được gần một vạn đồng, chưa đầy một năm, đã khôi phục lại ngôi miếu như cũ. Diễm lẽ lạc thành trùng tu ấn định vào ngày mùng Năm tháng Tám năm Dân Quốc 51 (1962), họ đặc biệt đến chùa Thụ Tuyên ở thôn Trúc Sâm, làng Đồng La, thuộc huyện Miêu Lật, thỉnh các cư sĩ có thể làm pháp hội đến đó cử hành pháp hội lạc thành. Các nhân viên Phật sự do lão tiên sinh Hoàng Đình Hoa đã tám mươi mấy tuổi hướng dẫn, cùng với Trần A Hán, Lại Nhân Phú, Khâu A Khô, Lại Tú Phước, Khâu Thủy Khôn, Lại Thôn Thượng, Lại Điền Phước (những vị trên đây đều đang sống tại làng Đồng La), Lê Mộc Thịnh, Khâu Sanh Sơ, Hồ Diễm Quang (ba vị trên đây hiện sống tại làng Tam Nghĩa). Một đoàn mười mấy người hăm hở tiến đến làng Tự Do, tôi cũng lạm dự vào số đó, gia nhập hàng ngũ của họ.

Sau khi pháp hội viên mãn vào ngày hôm đó, nghỉ trọ một đêm, dự định sáng mai (tức ngày Sáu tháng Tám) sẽ trở về làng. Nào có biết

---

<sup>57</sup> Hai người này tên đồng âm, nhưng tiếng Hán viết khác nhau, anh là Sĩ Quân (仕君), em là Sĩ Quân (仕均).

ban đêm cuồng phong gào thét (nổi bão lốc Đài Phong), mưa như trút. Ngày hôm sau thức dậy, thấy khắp nơi nước mênh mông, núi lở, đất sụp, giao thông bị đoạn tuyệt, các nơi trong cả tỉnh [Đài Loan] bị thiệt hại nặng nề. Lúc ấy, mấy bạn tính trèo non lội suối lần dò quay về, nhưng khắp nơi cầu bè bị cuốn trôi, nửa bước khó dời, đành phải gởi thân trong miếu Địa Tạng, mong ngóng tình huống ngày hôm sau có thể chuyển biến tốt đẹp hơn. Sáng hôm mùng Bảy thức dậy, nước lụt vẫn chưa rút, sắc mặt mọi người đều lo rầu, ngó nhau chẳng nói, chẳng biết làm như thế nào cho tốt? Chẳng lâu sau, mọi người đến trước tượng Địa Tạng Bồ Tát (ngày đó tục gọi là “đăng vị ngày thứ ba”) khẩn cầu Bồ Tát từ bi gia hộ, khiến cho chúng tôi có thể bình an lên đường về nhà. Sau khi cầu nguyện, đoàn chúng tôi liền bắt đầu cuộc lữ trình gian khổ. Cách miếu Địa Tạng chẳng xa có chiếc cầu Ô Thạch Khanh, một đầu đê chắn đã bị nước lụt xói mòn hơn mười mấy mét. Trừ phi dùng cách nổi tre lồ ô để tạo thành chiếc cầu tạm thời, đừng hòng mơ tưởng đi qua được. Trong đám, có người bơi lội giỏi, xuống bơi thử, mới biết nước sâu gần một mét, nước lại chảy xiết. [Muốn qua sông], phải vượt một đoạn sông mười mấy mét, chẳng phải là chuyện dễ. Kết quả là vẫn lui trở lại, nhìn nước than thở. Lúc này, người tiếp đãi chúng tôi là tiên sinh Ngô Thịnh Kim đã chặt tre lồ ô, chuẩn bị bắc cầu tạm thời cho chúng tôi đi qua. Đúng lúc ấy, chúng tôi chẳng hẹn nhau, cùng ngồi xuống thắp niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát bao nhiêu câu đó. Kể ra cũng rất lạ, chẳng đầy hai mươi phút, nước nhanh chóng rút xuống: Từ một mét nước, rút xuống chỉ còn chừng ba mươi cm. Mọi người nhìn tình hình, thấy chẳng còn nguy hiểm nữa, đều lữ lượt xuống nước vượt sông. Tôi dìu Hoàng lão bá hơn tám mươi tuổi qua sông cuối cùng. Kỳ quái là khi tôi qua được nửa sông, bỗng cảm thấy mực nước bắt đầu dâng lên. Phía sau tôi, từ Thiên Cầu (địa danh) còn có bảy tám người, lại còn có vợ chồng họ Vinh cũng theo chúng tôi vượt sông. Sau khi mọi người bình an qua sông, cũng chẳng quay lại coi nước có tiếp tục dâng lên hay không. Mặt khác, khi nhóm Ngô tiên sinh chặt tre lồ ô, chuyển đến bờ sông, đã không thấy chúng tôi nữa. Nước vẫn lớn bình thường, vì sao chúng tôi có thể vượt qua? Sau đấy mới biết khi chúng tôi qua sông chẳng lâu, lúc nhóm Ngô tiên sinh đến bờ sông, nước sông đã dâng lên sâu y hệt như nửa giờ trước. Đây là chuyện kỳ lạ cỡ nào khiến cho kẻ khác khó thể tin tưởng!

Kinh Phật nói Bồ Tát dùng đủ loại thần lực cứu chúng sanh khỏi nạn. Thủy tai là một trong các thứ đại tai nạn của nhân gian, nếu có thể

chí tâm xưng niệm thánh hiệu Bồ Tát, ắt được giải thoát. Lần này do sự đích thân trải nghiệm của chính mình, chứng minh Phật ngữ chẳng hư vọng. Ngoại trừ tăng cường tín tâm, kiên thành lễ bái để báo đáp hồng ân, kính mong những ai đọc bài văn vụng về này, cũng sanh khởi cái tâm tín nguyện, mọi người đều cùng nghĩ tới thánh hiệu “*nam-mô đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát*” có nguyện lực rộng lớn, có cầu ắt ứng.

### ***18. Kỳ tích trên đường tới suối vàng***

*Truyện Nguyệt ghi*

Ngày nay, hễ thuận tay mở báo ra, luôn là chẳng tránh khỏi thấy các tin tức tai nạn xe cộ lớn nhỏ. Thậm chí cũng có người thấy thảm trạng máu thịt văng tứ tung, thân và đầu khác chỗ! Hai ngày trước, cũng tức là ngày Hai Mươi Hai tháng Chín, Trung Quốc Thời Báo đăng tải tin một phụ nữ do từng chính mắt thấy thảm trạng tai nạn xe cộ, khiến cho tinh thần phân liệt, bỏ nhà trốn đi. Có thể thấy tai hại to lớn do tai nạn giao thông vậy! Dưới đây, tôi viết lại một sự kiện có thật kỳ lạ: Xe bị hủy hoàn toàn, nhưng người chẳng bị thương vong. Đâm ra lọt lưới tin tức (tôi thiểu là tôi không thấy phóng viên tin tức đăng báo chuyện này), quý vị có tin tưởng hay không? Trên thế giới, thật sự có chuyện chẳng nghĩ bàn!

Trời nắng gắt mấy ngày liền, khiến cho thành phố Đài Bắc bắt buộc phải cúp nước từng khu vực cách ngày. Ban ngày, dưới ánh nắng gay gắt, mọi người mồ hôi đầm lưng, gập như thỏ không nổi. Đường nhựa hầu như cũng bị hun nóng đến nỗi nhựa đường nhũn ra. Chiều ngày Mười Tám tháng Tám, đột nhiên trời đổ một trận mưa ngọt, mưa lớn dần, từ thưa thớt đến dày đặc. Tiếp đó, sấm chớp loang loáng, dường như cả vạn con ngựa chạy lông. Mọi người đối với trận mưa to này đều tỏ vẻ vui mừng, lũ trẻ nhỏ thậm chí hoa chân múa tay trong cơn mưa lớn ấy! Ước chừng hai giờ mười lăm phút vào buổi chiều, bà Châu Vương Thu Cúc cưỡi chiếc xe gắn máy Linh Mộc (Suzuki) 80 phân khối, chở một túi to các sản phẩm tăng lực cho người tập thể hình (gymer), chuẩn bị giao tận nhà những người đặt hàng. Trên đường, gặp ngay trận mưa to như trút này. Xe chạy đến chỗ giao nhau giữa đường Trung Hoa và Thành Đô, nhằm lúc đèn xanh, đương nhiên là bà ta có thể chạy thẳng một lèo qua đường Trung Hoa, nhưng một chiếc xe bus thuộc công ty xe bus Chi Nam từ sau lưng bà ta phóng vù tới, muốn quẹo phải sang

đường Thành Đô, khi xe bus queo cua, “rầm” một tiếng, đùng cả người lẫn xe [của bà Châu] đổ lăn quay. Kế đó, bà ta bị cuốn vào gầm xe bus, các sản phẩm tăng lực rơi tung tóe ra đất. Bà ta tự nghĩ mình chẳng còn thể nào sống qua đận này!

Cũng chẳng biết chuyện gì xảy ra, trong sát-na bị cuốn vào gầm xe bus, bà chỉ cảm thấy một luồng hơi nóng bao phủ toàn thân. Sau khi bị xe bus lôi đi vài thước, bà nghe người trên đường gào to, kêu tài xế dừng xe lại, cũng nhận thấy chính mình nằm dưới gầm xe, bánh xe trước ở ngay phía sau mình. Bà nằm trên mặt đất, hơi nghiêng đầu, thấy bánh xe sau còn đang lăn trên mặt đường ướt sũng, sẽ hướng đến nghiền nát chính mình, trong lòng bà ta hết sức sợ hãi! Nói thì chậm, chứ khi đó rất nhanh, đại khái là tài xế nghe tiếng người đi đường quát tháo, phát hiện tình huống không đúng, lập tức khẩn cấp dừng xe. Lúc đó, bà ta nghe tiếng người đi đường kêu lên sợ hãi. Đồng thời, bánh xe sau xe bus vừa cán lên chiếc xe gắn máy của bà, chỉ kém một giây nữa thôi là đầu và thân bà đã khác chỗ rồi! A Di Đà Phật! Tài xế vội vàng xuống xe, thò tay vào dưới gầm xe, toan kéo bà ta ra, hiềm rằng thân xe bus cách mặt đường chẳng quá một mét, mà trên người bà Châu còn có chiếc xe gắn máy tám mươi phân khối, tốn công sức rất lớn, vẫn không kéo bà ta ra được. Lạ thật, cuốn vào thì được, cứ sao lôi ra chẳng được! Tài xế gấp gáp đến độ đầu đầy mồ hôi, mạng người to bằng trời! Bà Châu cảm thấy chân đau đớn, nghĩ chân đã bị xe cán đứt rồi, rên hừ hừ, nhưng đầu óc bà vẫn còn rất tỉnh táo. Có người hướng vào gầm xe hỏi han, bà cho số điện thoại doanh nghiệp sản phẩm tăng lực ở khu Cổ Đình, nhờ họ báo tin cho người phụ trách đến. Trong chốc lát, hành khách trên xe đều xuống xe, có khoảng chừng mười nam nhân chia nhau vây quanh bốn phía hợp sức nâng thân xe lên, ngoài ra còn có bốn nam nhân khác rất cẩn thận khởi động máy xe, rồi lại nâng bà ta lên, đem tài xế cùng đi, ngồi tắc-xi, đưa đến phòng cấp cứu của Đài Đại Y Viện.

Sau đó, theo đồng nghiệp của bà ta kể lại: Sau khi bà ta được đưa đến bệnh viện, nhân viên thuộc đội cảnh sát giao thông đến hiện trường, phân cục cảnh sát cũng đến. Khi họ thấy chiếc xe máy bị đâm tan hoang, móp méo, sắt thép rơi rụng lả tả, đã buồn bã lắc đầu nói: “Có thể là mất mạng, mà có khi chỉ còn nửa cái mạng”. Nói xong, họ cũng chạy tới bệnh viện. Kế đó, lại có hai vị cảnh sát giao thông đo đạc, vẽ lại hiện trường. Cảnh sát hỏi người soát vé khi xe bus queo phải có huýt còi hay không. Người soát vé vẻ mặt như đang khóc tang, đáp: “Có thôi”. Cảnh sát lớn tiếng quở trách: “Đã huýt còi, sao người và xe máy lại lọt dưới

gầm xe cho được?” Tài xế nói tiếng mưa quá lớn, chẳng nghe có thổi còi hay không? Tóm lại, ai cũng chẳng dám nhận trách nhiệm về nhân mạng. Cuối cùng người soát vé bị cảnh sát chất vấn nghiêm khắc, trong lòng lại sợ hãi, bèn òa khóc trước mặt mọi người.

Tại phòng Cấp Cứu của Đài Đại Y Viện, bà Châu trên người chẳng có một tí vết thương nào. Cảnh sát ghi biên bản hỏi bà: “Bà có biết xe gì đụng bà hay không?” Bà ta đáp: “Biết. Xe của hãng Chỉ Nam”. Cảnh sát an tâm cười: “Hoàn hảo, não không bị chấn động”. Bà Châu hỏi cảnh sát: “Xe của tôi ra sao?” Cảnh sát nói: “Bà còn hỏi xe nữa à? Bà đúng là may mắn, mạng lớn lắm!” Sau khi bác sĩ thực hiện các trắc nghiệm, kiểm tra toàn thân, chứng thực không tổn hại gì, đưa bà ta về nhà. Trải qua ba ngày quan sát, quả thật không bị phản ứng chấn động não, bà ta an tâm. Chỉ nghĩ đến chuyện chiếc xe gắn máy bị nghiền biến dạng, nhưng chính mình rốt cuộc lại bình an vô sự, ngay cả trầy da cũng chẳng có, thật sự cảm thấy chẳng thể nghĩ bàn! Ngoại trừ cảm tạ toàn bộ các vị hành khách đã dốc hết sức cứu giúp trong cơn mưa to và người qua đường, càng cảm tạ sâu đậm Địa Tạng Bồ Tát đã ngấm ngấm che chở.

Vì cảm tạ Bồ Tát che chở, bà Châu đến nhà chúng tôi. Sau cơm chiều ngày Hai Mười Một tháng Tám, bố chồng tôi nghe bà Châu gọi điện thoại hỏi Phật đường trong nhà tôi có thờ thánh tượng của Địa Tạng Bồ Tát hay không, nói chốc nữa, bà ta sẽ đến lạy Bồ Tát. Bố chồng tôi hỏi nguyên do, bà chỉ kể sơ lược chuyện gặp tai nạn xe, chẳng bị thương. Trước hết, cảm ơn bố chồng tôi đã tặng cho bà ta thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát. Đại khái là tám giờ rưỡi, Châu tiên sinh dùng một cái xe gắn máy khác chở bà ta đến, còn cầm theo nho, xoài, giấy vàng bạc. Bố chồng tôi bảo lễ kính Phật, Bồ Tát chẳng cần phải đốt vàng bạc, chỉ cần kiên thành cung kính là được rồi. Sau khi mọi người ngồi xuống, bà Châu kể cho chúng tôi nghe chuyện gặp phải. Nghe kể xong, chúng tôi đều mở to mắt nhìn thân thể của bà ta, quả thật một vết trầy nhỏ cũng chẳng có! Nếu chẳng có bà ta “*hiện thân thuyết pháp*”, thật đúng là khó khiến cho kẻ khác tin tưởng!

Bà ta kể bố chồng tôi đã tặng một bức tượng Địa Tạng Bồ Tát nhỏ đeo trên người, bà cảm thấy Bồ Tát ở bên thân, chuyện xấu gì cũng đều chẳng dám làm. Mỗi lần cưỡi xe ra khỏi cửa, lúc nào cũng đều cảm thấy Địa Tạng Bồ Tát ở trong tâm, nội tâm sanh khởi cảm giác an toàn không chi lớn bằng! Tai nạn xe cộ lần này, bà ta thật sự được Bồ Tát che chở. Bố chồng tôi bảo bà ta: Đó là do nguyện lực từ bi của Bồ Tát,

khuyên bà ta về sau hãy làm việc thiện nhiều hơn, niệm thánh hiệu Địa Tạng cho nhiều. Nguyên lực của Địa Tạng Bồ Tát thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Do bà ta là một người chưa hề tiếp xúc kinh Phật, mà cũng chẳng hiểu biết Phật lý cho lắm (vợ chồng họ là bạn uống trà của bố chồng tôi. Ngẫu nhiên bố chồng tôi cũng kể cho họ nghe các câu chuyện trong kinh Phật, khuyên đừng sát sanh v.v...), cũng được Bồ Tát che chở, cho thấy tinh thần “*vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*” của Bồ Tát.

Trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, Hư Không Tạng Bồ Tát hỏi đức Phật: “*Vị lai thế trung, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, nãi cập nhất thiết thiên, long văn thữ kinh điển, cập Địa Tạng danh tự, hoặc chiêm lễ hình tượng, đắc kỳ chủng phước lợi?*” (Trong đời vị lai, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, cùng với hết thầy trời rồng nghe kinh điển này và danh hiệu Địa Tạng, hoặc chiêm lễ hình tượng, sẽ được mấy thứ phước lợi?) Đức Phật bảo Hư Không Tạng Bồ Tát: “*Nược vị lai thế, hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân kiến Địa Tạng hình tượng, cập văn thữ kinh, nãi chí độc tụng, hương hoa, ẩm thực, y phục, trân bảo, bố thí, cúng dường, tán thán, chiêm lễ, đắc nhị thập bát chủng lợi ích: Nhất giả, thiên long hộ niệm. Nhị giả, thiện quả nhật tăng... Thập giả, thần quý trợ trì... Thập cửu giả, chư hoạnh tiêu diệt. Nhị thập giả, nghiệp đạo vĩnh trừ*” (Nếu trong đời vị lai, có thiện nam tử, thiện nữ nhân, thấy hình tượng Địa Tạng và nghe kinh này, cho đến đọc tụng, dùng hương hoa, thức ăn, y phục, trân bảo để bố thí, cúng dường, tán thán chiêm lễ, sẽ đạt được hai mươi tám lợi ích: Một là trời rồng hộ niệm. Hai là thiện quả ngày một tăng... Mười là thần quý giúp đỡ... Mười chín là các tai nạn bất ngờ bị tiêu diệt. Hai mươi là nghiệp đạo vĩnh viễn trừ diệt). Bố chồng tôi luôn thích tặng tượng Phật để kết duyên với người khác; chẳng ngờ một bức thánh tượng Địa Tạng bé xíu như thế, lại nghiêm nhiên phát sanh oai lực to dường ấy. Ngoài tán thán thần lực oai đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật, Bồ Tát ra, xảo hợp như thế nào đi nữa, cũng không thể gặp tai nạn xe cộ mà chẳng bị tổn thương may như thế được?

### ***19. Phật, Bồ Tát và tôi***

*Lương Mỹ Hoa ghi*

Kết hôn đã gần tám năm, tôi cùng chồng sanh một trai, một gái, con gái hoạt bát, con trai trầm tĩnh. Mỗi khi tôi nhìn đứa con trắng nõn, sẽ bất giác nhớ lại tai nạn xe cộ phát sanh vào năm trước. Ngày Hai

Mười Chín tháng Bảy Âm Lịch, cũng chính là trước ngày khánh đản Địa Tạng Vương Bồ Tát. Một hôm, tôi cùng chồng và đưa con gái bốn tuổi, cùng với một người bạn ở Gia Nghĩa, cùng ngồi ở phía trước một chiếc xe vận tải nhỏ do chồng tôi lái từ Đẩu Nam đến trạm xe lửa Đẩu Lục. Nhà tôi lái xe luôn cẩn thận, kỹ lưỡng, nhưng ngày đó do sợ bị kẹt đường vì chuyến xe lửa bốn giờ chiều; do đó, anh ta đặc biệt nhấn ga vọt nhanh hơn. Chẳng ngờ xe chạy đến cầu Ba Tiêu ở Đẩu Lục, xe đang trước đột nhiên chạy chậm lại. Chồng tôi nhất thời sơ ý, thắng gấp xe, mũi xe hơi chéch về bên trái, tông vào đuôi chiếc xe truck đối diện, khiến cho đầu xe chúng tôi biến dạng, còn bị xe truck lôi đi một đoạn. Trước tiên là đụng ngã các hộp cơm trong xe, đó là cơm hộp do tôi chuẩn bị cho mọi người. Ngay sau đó là chân động mạnh mẽ sau khi bị tông. Trong khoảnh khắc mắt nhìn rợn người ấy, quả thật rất khó dự đoán người trong xe sẽ như thế nào! Dân cư bên đường đã cho rằng chúng tôi ắt “*dữ nhiều, lành ít*”, vì nơi ấy thường xuyên xảy ra chuyện không may, không chết thì cũng bị thương!

Xe truck ngừng lại, xe chúng tôi tự nhiên cũng dừng lại theo. Ngừng xe giữa đường, trong xe chúng tôi ngó nhau, chỉ có đầu tôi và chân bị va chạm nhẹ, chứ con gái, chồng tôi, và người bạn toàn thân hoàn hảo. Tôi khi đó đang mang thai đến tháng thứ tám. Trong khi nhà tôi mở cửa xe méo mó, cong queo ra, chúng tôi nôi đuôi nhau bước xuống. Các cư dân thật sự đổ mồ hôi lạnh thay cho chúng tôi, thấy chúng tôi chẳng bị tổn hại gì, rất ngạc nhiên, hỏi: “Đầu xe bị đụng bẹp lép như thế, sao quý vị có thể may mắn thoát nạn?” Lại thấy tôi bụng to phề phề, họ càng thập phần lo lắng cho tôi. Chúng tôi trăm miệng một lời, trả lời họ: “Vì chúng tôi thường niệm Phật” (bạn tôi trì chú Đại Bi, tôi và chồng thì trì Tâm Kinh và thánh hiệu A Di Đà Phật, ngay cả con gái tôi cũng niệm theo tôi). Trong khoảnh khắc cấp bách, tâm tôi lập tức hét lớn: “A Di Đà Phật!” Khẩn cầu chư Phật, Bồ Tát bảo vệ, gia hộ, cho nên tôi tin tưởng chắc chắn: Chúng tôi bình an, nhất định là do Phật, Bồ Tát gia trì. Vì để bảo đảm thai nhi trong bụng bình an hay không, tôi đến khoa phụ sản thuộc bệnh viện tỉnh lập Đẩu Lục gần đó để kiểm tra. Bác sĩ phụ khoa sau khi cẩn thận dùng sóng siêu âm kiểm tra, đã bảo tôi: “Chúc mừng chị! Thai nhi rất khỏe (bình thường), lại còn là một thằng nhóc”. Lúc ấy, tôi mới hết lo. Sau đó, bố chồng tôi biết chúng tôi xảy ra chuyện, vội tìm đến chỗ xảy ra tai nạn, trông thấy cái xe tanh bành, lại chẳng thấy chúng tôi, sợ tới mức mặt lão nhân gia tái mét, tự nghĩ chẳng phải là tai nạn bị thảm ư? Mãi cho đến khi chồng tôi êm đẹp xuất hiện trước mặt



cụ, lão nhân gia mới nhẹ nhõm thở phào!

Mấy hôm trước khi gặp chuyện không may, mắt trái tôi giật đùng đùng, đã là điềm báo chẳng lành rồi. Nào ngờ, mấy hôm sau đúng là xảy ra chuyện, mà tôi cũng lại gặp chuyện nghiêm trọng nhất trong các chuyện chẳng nghiêm trọng. Ngày hôm đó, cố tránh xe lửa vì mục đích đến chùa Nông Thiên ở Đài Bắc tham dự lễ khánh đản Địa Tạng Vương Bồ Tát, mà cũng là lễ xuất gia của hai vị sư phụ Quả Huy và Quả Thuần, cũng chắc là do chúng tôi chẳng có phước khí! Nếu không, chắc là tôi làm sai chuyện gì ở đó, mới khiến cho tôi không thể tham dự. Khi xảy ra tai nạn xe cộ, cứ sao mấy hộp đựng thức ăn bị đựng nát đầu tiên, văng tung tóe ra đất, mà chúng tôi đều bình an vô sự? Nghĩ lại trước sau, vốn có bốn hộp đựng thức ăn, hai hộp chay, hai hộp mặn. Nhà tôi và con gái ăn mặn, cho nên tôi chuẩn bị như thế. Có lẽ đúng là chư thiên và thần hộ pháp cảnh cáo tôi, tôi đã thọ tại gia Bồ Tát Giới, mà chẳng chú trọng các quy củ trong Phật giáo cho lắm, lại càng chẳng cầu nệ hình thức. Trước khi đến lễ bái chùa, miếu, thân tâm phải thanh tịnh, tốt nhất là có thể ăn chay trước đó ba ngày, khiết tịnh thân thể thì mới là lễ tắc cung kính đối với Phật, Bồ Tát. Đã được giáo hóa như vậy, khiến tôi chẳng dám hành xử qua loa nữa! Mọi sự đều chiếu theo quy củ.

Sau hơn một tháng gặp chuyện không may, tôi quả thật sanh được một bé trai, bộ dạng khá trắng trẻo, thanh tú. Sau khi bé được sanh, cỗ rất có sức, tự động xoay chuyển. Ở đây, tôi ắt cần phải đặc biệt cảm tạ thầy Quả Thuần và chị tôi. Nếu không phải do họ từ bi trợ niệm kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên cho tôi, chỉ sợ con tôi đã sớm chẳng còn nơi nhân thế. Sau khi kết hôn, tôi sanh được một gái. Sau đó, mỗi năm đều mang thai, nhưng hai lần đều chẳng bình an. Do vậy, cũng tạo thành thói quen sanh non, khiến cho tôi gần như chẳng có dũng khí tính sanh con nữa. Mãi cho đến năm trước, tôi cùng chị tới tham dự Phật Thất tại chùa Nông Thiên ở Đài Bắc. Ngày Phật Thất viên mãn, tôi quỳ trước Phật, khẩn cầu Phật, Bồ Tát ban cho tôi một quý tử, lại còn có thể sanh nở thuận lợi, bình an. Quả nhiên, Phật, Bồ Tát thật sự thỏa nguyện cho tôi. Trở về không lâu sau, tôi đích xác lại mang thai. Có lẽ nghiệp chướng của tôi quá nặng, khiến cho tôi chẳng được bình an. Mang thai đến tháng thứ hai, tôi lại bắt đầu có hiện tượng sản đạo xuất huyết. Càng thêm tai hại là đồ ăn gì cũng chẳng thể nuốt nổi, thân thể càng thêm mất sức. Hễ đi lại bèn chóng mặt, hoa mắt, đúng là bầy bót không chịu nổi một kích! Vì thế, bác sĩ đề nghị lấy đứa nhỏ ra. Nếu không, tôi sẽ suốt đời nằm bẹp trên giường dưỡng sức, bất cứ việc nặng nào cũng đều chẳng thể làm.

Con gái cũng chẳng thể ôm nôi. Trời ơi! Ngoài đứa con đầu ra, những lần mang thai khác đều là như vậy. Thật sự khiến cho tôi cảm nhận nghiệp chướng sâu nặng, thường là khi chúng ta yếu ớt nhất, chẳng có sức chống đỡ, nghiệp chướng thường hiển hiện.

Chị tôi ở Cơ Long biết tôi lại sắp sanh non, rất lo lắng, lại nghĩ không ra nên làm thế nào để giúp tôi. Thành linh một ý nghĩ xẹt ra trong đầu, chị bèn gọi điện thoại cho tôi kể về tình huống gần đây của Xí Thành (Xí Thành là tục danh của thầy Quả Thuần. Khi bé là hàng xóm, đều cùng họ Lương, cho nên tình cảm như anh em). Vì tình hình của tôi, thầy Quả Thuần đặc biệt đối trước Phật, hết sức kiên thành niệm một quyển kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện. Sau này, chị tôi kể lại chuyện đó qua điện thoại. Nhớ rõ hôm đó là buổi chiều, tôi vẫn đang suy yếu nằm trên giường, vì sợ lạnh cho nên hai cánh cửa sổ đều đóng chặt. Điều kỳ diệu là đỉnh đầu của tôi có một luồng gió nhẹ thổi tới, nhất thời làm cho tôi cảm thấy thanh lương. Đây chẳng phải là sự thanh lương bình thường. Tôi nhìn hai cửa sổ đóng chặt, sao lại có luồng gió mát ấy? Vài ngày sau, chị tôi từ Cơ Long gọi điện thoại về, hỏi tôi thân thể có đỡ hơn không? Chị cũng cho tôi biết đã gọi điện thoại cho thầy Quả Thuần, thầy đã niệm cho tôi một bộ kinh Địa Tạng. Nguyên lai luồng gió mát chiều hôm ấy là do họ từ bi cảm ứng Phật, Bồ Tát gia trì cho tôi. Tôi rất cảm kích hai vị đã giúp đỡ tôi, tôi càng cảm tạ chư Phật, Bồ Tát bảo vệ và [cảm tạ] Địa Tạng Vương Bồ Tát từ bi gia trì. Do vậy, tôi liền bắt đầu mỗi ngày tụng một quyển kinh Địa Tạng. Tới tháng thứ sáu, bèn phát tâm dùng đất sét tạc một bức pháp tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát, đem phun sơn vàng mạ để thờ phụng, nhìn thấy rất trang nghiêm.

Về trang trọng và tướng mạo của con tôi mười phần giống như tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát tôi đã đắp nặn. Sau khi nó sanh ra, lập tức được người trong nhà và họ hàng yêu thương hết mực. Người không quen biết vừa gặp nó cũng chẳng chống nổi sự hấp dẫn từ khí chất của nó, phải ngắm nghía nó. Trước mắt, chúng tôi đã chuyển nhà từ Đầu Nam đến gần Đầu Lục. Chồng tôi đã nghỉ việc trước đây, cùng tôi mở một quán nhỏ bán đồ chay. Tôi phát tâm hể sự phụ xuất gia nào đến quán, sẽ đều nhất loạt cúng dường. Đây là một chút tình báo đền của chúng tôi đối với Phật pháp. Trong tương lai, nếu có sức lớn hơn, chỉ nguyện cả nhà đều có thể nỗ lực tuyên truyền Phật pháp. Rốt cuộc, trong thời đại hiện tại, còn có gì đáng quý hơn Phật pháp?

***20. Sanh nở nguy ngập lại được giữ vẹn tánh mạng***

*Người đất Tương ghi*

Mùa Xuân năm Canh Ngọ (1930), vợ tôi có thai. Ba tháng trước khi sanh, thai bỗng bất động. Cầu thần, xem bói đều vô hiệu, lại chẳng dám uống thuốc; nhưng do bụng to, đi lại khó khăn, tâm thường lo sợ. Lại vì tôi ăn chay học Phật, nếu có chuyện bất trắc, càng khiến cho người làng biếm nhẽ! Nhớ lại mười năm trước, có một vị Tăng, tiên đoán “vào lúc ba mươi sáu tuổi, phải cẩn thận đề phòng sản nạn”, vừa khéo đúng hệt như lời thầy chiêm tinh bảo “coi chừng mắc nạn”. Do vậy, nóng ruột muôn phần, kinh hoàng, sợ hãi chẳng biết cách nào! Một đêm nọ, vợ tôi hướng về tôi khóc lóc, kể lể. Nghe lời ấy, tôi càng kinh hãi, chua xót cùng cực! Bỗng nhớ đến kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên có thể bảo vệ người gặp tai ách về sanh nở. Nếu có ai hứa nguyện, chí tâm tụng kinh, trì tụng thánh hiệu, ắt được sanh nở bình an. Vừa mới dậy lên ý niệm ấy, tôi liền cảm thấy tâm thần an vui, khỏe khoắn, như băng tan rã. Sáng sớm hôm sau, đối trước Phật tượng trình cặn kẽ. Chẳng ngờ, ngay đêm ấy, vợ tôi lâm bồn. Thai nhi vẫn thuận chiều sanh ra, nhau thai cũng theo ra. Nhìn xem, thân thai nhi đã hư nát, sao lại có thể xoay đầu xuống để thuận chiều sanh ra? Nếu chẳng phải do sức từ bi cứu khổ của Bồ Tát, làm sao được như vậy? Vì thế, tôi thệ nguyện hành Địa Tạng hạnh để nguyện báo ân Bồ Tát. Những người đồng bệnh tương lân trong nước, hãy chí thành trì tụng tôn kinh, phóng sanh, kiêng giết, ắt được sanh nở an khang, lời Phật chẳng hư huyễn. Chính tôi là một minh chứng vậy!

## **21. Tụng kinh cảm ứng**

*Vương Căn ghi*

Đối với mọi người mà nói, có thể là chuyện bé tí chẳng đáng nhắc tới, nhưng tâm tôi vẫn không nén được kinh hỷ, hớn hờ. Vì hiện thời, gần đây tôi dọn nhà sang Đào Viên, đối trước hoàn cảnh mới mẻ, ôm ấp vô hạn hy vọng và khát khao, mưu tính một cuộc sống mới tươi sáng, đẹp đẽ. Nào ngờ, sự việc thường chẳng phải thuận ý như trong tưởng tượng. Do đổi việc, đúng là hết sức nhọc lòng, xin gấn điện thoại cũng phải chờ đợi khá lâu. Mọi việc chẳng trôi chảy như thế, khiến cho tôi ngồi mồm meo xó nhà, tâm tình buồn bã tới cực điểm. Do vậy, theo thường lệ, tôi đến bàn Phật trong nhà để dâng hương, lễ Phật ba lạy, hướng về đức Phật nêu rõ tâm sự, mong mọi tâm trạng thoải mái hơn.

Bỗng dựng một niệm khởi lên, [nhớ tới] kinh Địa Tạng đã dạy: “*Hữu sự tương cầu, cung kính lễ bái, tán thán, cập tụng Địa Tạng Kinh, định hội hữu cảm ứng*” (Hễ có chuyện mong cầu, hãy cung kính, lễ bái, tán thán, và tụng kinh Địa Tạng, chắc chắn có cảm ứng). Do vậy, bèn tùy ý thỉnh một bản kinh Địa Tạng, tinh tâm đọc tụng. Tụng xong một quyển, bèn đứng dậy chấp tay hồi hướng, nguyện oán thân trái chủ trong bao đời sẽ nhờ vào công đức ấy mà mau được giải thoát, giúp tôi ngày sau mọi chuyện hanh thông! Trong khi tôi xá bái, ngưỡng vọng từ nhan của Bồ Tát, bỗng thấy nén hương trong lư hương sắp cháy hết, cuộn thành hình trái xoan, có phải là Địa Tạng Bồ Tát cho tôi cảm ứng đó chăng? Tro hương cuộn thành hình trái xoan có phải là biểu thị điều tôi cầu nguyện sẽ được viên mãn? Chẳng phải! Chớ nên quá chấp trước, đó là vọng tưởng của chính mình đấy thôi! Bồ Tát ơi! Con chỉ mong cục Điện Tín sớm sai người đến gắn điện thoại cho con là được rồi!

Sáng hôm kế tiếp, dẫn con gái đến sở y tế chích ngừa, sau khi về nhà, tôi thấy trước cổng dán phiếu thông báo, trên đó viết: “Người từ sở Điện Tín vừa ghé, chủ nhân không có mặt, hôm sau sẽ đến gắn điện thoại”. Vừa nhận thấy như vậy, tôi rất vui sướng. Nhớ ngày hôm qua khẩn nguyện, nay chẳng phải là linh nghiệm ư? Buổi chiều, hàng xóm cho biết, chồng tôi từ văn phòng gọi điện thoại cho tôi biết: “Có nhà trẻ đã chấp nhận thuê tôi, muốn tôi lập tức đến đó thảo luận một số vấn đề”. Đối với tin vui đột ngột này, đúng là chẳng dám tưởng tượng. Tôi nộp đơn xin làm việc tại nhà trẻ ấy đã hơn một tháng, chẳng có tin tức gì! Chẳng ngờ đến hiện thời, họ lại nghiệm nhiên mượn tôi. Đây chẳng phải là công đức kỳ diệu do tụng kinh ư? Lòng chan chứa niềm vui và cảm tạ, tôi đến trước Phật đài, cảm tạ Địa Tạng Vương Bồ Tát và chư Phật gia hộ. Đệ tử nay được hưởng Phật ân, phát nguyện từ nay mỗi tháng quyên tiền cứu tế người nghèo khổ, phóng sanh, giúp in kinh sách nhà Phật, ăn chay ngày Mông Một và ngày Rằm mỗi tháng.

## ***22. Ghi chép về sự linh cảm do đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện*** *Lý Văn Khải ghi*

Đảnh lễ thập phương tam thế Phật, hết thầy Bồ Tát Ma Ha Tát; đệ tử Huệ Đăng (pháp danh) kể từ khi phát tâm đọc tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện và niệm thánh hiệu cho tới nay, đã có sáu chuyện cảm ứng, chưa dám bộc lộ. Gần đây, do lão cư sĩ Tạ Chú Trần ở Đài Nam phát tâm in lại Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Lục, lại do cư sĩ Triệu A Nam

## *Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2*

gởi thư, dặn bảo ghi lại sáu câu chuyện linh cảm hòng tạo lợi ích cho người đời. Văn Khải tự biết chướng sâu, huệ cạn, học vấn sơ sài, kiến thức thô thiển, chẳng khéo viết lách, không dám nhận lời. Triệu cư sĩ gởi thư thúc giục lần nữa, chẳng thể không nể tình, cho nên tôi nay đành dùng lời lẽ quê mùa trần thuật như sau:

Ngày Ba Mươi tháng Bảy Âm Lịch năm Dân Quốc 44 (1955), vào lúc sáng sớm, tôi mộng thấy mẹ tôi dặn tôi siêu độ cho cụ. Sáng hôm đó, tôi liền đến chùa Thiện Đạo ở Đài Bắc để tham dự pháp hội Địa Tạng, theo đại chúng đọc kinh, tụng niệm thánh hiệu. Sau khi viên mãn, kể lại giấc mộng với bạn bè, được đạo hữu căn dặn: “Chúng ta muốn cầu siêu cho cha mẹ, phải phát nguyện tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên”. Tôi liền đối trước tượng Địa Tạng Bồ Tát, đánh lễ, phát nguyện: “Từ hôm nay trở đi, con phát tâm đọc tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên và thánh hiệu, muốn trong vòng một tháng, tụng hai mươi bốn bộ kinh, niệm mười vạn câu thánh hiệu, đem công đức ấy hồi hướng cho mẹ”. Chớp mắt đã tới kỳ hạn, đọc kinh và niệm thánh hiệu đã đều viên mãn, mẹ tôi có đắc độ hay không, chẳng hề cảm ứng! Tôi biết đời trước ác nghiệp sâu nặng, chẳng phát đại nguyện thì sẽ không được. Vì thế, phát đại nguyện lần thứ hai như sau: “Kể từ mùng Một tháng Chín Âm Lịch năm Dân Quốc 44 (1955) cho tới Ba Mươi tháng Bảy Âm Lịch năm Dân Quốc 45 (1956), lại phát tâm tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên năm trăm bộ, mỗi ngày niệm thánh hiệu một ngàn câu, và tận lực hành thiện hạnh hộ sanh (bảo vệ sanh mạng), phóng sanh”. Từ đây về sau, bèn ghi chép từng chuyện hằng ngày để đôn đốc chính mình đừng giải đãi.

Như trong phẩm Như Lai Tán Thán của kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên đã chép: “*Phổ Quang! Nhữ dĩ thần lực, khiến thị quyền thuộc, linh đối chư Phật, Bồ Tát tượng tiền, chí tâm tự đọc thử kinh, hoặc thỉnh nhân đọc, kỳ số tam biến, hoặc chí thất biến. Như thị ác đạo quyền thuộc, kinh thanh tất thị biến số, đương đắc giải thoát*” (Này Phổ Quang! Ông dùng thần lực khiến cho các quyền thuộc ấy đối trước tượng chư Phật, Bồ Tát, chí tâm tự đọc kinh này, hoặc thỉnh người khác đọc ba lượt hoặc đến bảy lượt. Quyền thuộc đang ở trong ác đạo như thế khi tiếng tụng kinh đủ số, sẽ được giải thoát). Phẩm thứ mười hai, tức phẩm Kiến Văn Lợi Ích chép: “*Phục thứ, Quán Thế Âm! Nhược vị lai thế, hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dục cầu vị lai, hiện tại bách thiên vạn ức đẳng nguyện, bách thiên vạn ức đẳng sự, đản đương quy y, chiêm lễ cúng dường, tán thán Địa Tạng Bồ Tát hình tượng, như thị sở nguyện,*

sở cầu, tất đắc thành tựu” (Lại này, Quán Thế Âm! Nếu đời vị lai, có thiện nam tử, thiện nữ nhân, muốn cầu trăm ngàn vạn ức các nguyện, trăm ngàn vạn ức các sự trong vị lai hay hiện tại, chỉ nên quy y, chiêm lễ, cúng dường, tán thán hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, sở nguyện, sở cầu như thế đều được thành tựu). Tôi đọc hai phẩm ấy, nước mắt đầm đìa. Học Phật quá trễ, đọc kinh quá muộn, khiến cho cha mẹ, lục thân quyến thuộc nhiều đời của tôi luân chuyển trong lục đạo, hứng chịu vô lượng vô biên nỗi khổ. Vì thế, lại phát đại nguyện lần thứ ba: “Một, đệ tử Huệ Đăng kiên thành đọc kinh và niệm thánh hiệu, ngưỡng cầu nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát Ma Ha Tát đại từ, đại bi, đại trí, đại huệ, đại nguyện, đại lực cứu độ cha mẹ của con trong nhiều đời sớm thoát vòng khổ. Cha mẹ hiện tại sớm sanh về Cực Lạc. Hai, cầu Đại Sĩ gia bị phước báo, đệ tử sẽ học theo ngôn hạnh của Bồ Tát, ôm lòng từ bi, nguyện tiêu hết thấy ác nghiệp trong đời trước và đời này, tăng trưởng trí huệ, gặp chuyện cát tường; cũng cầu cho hai đứa con tiền đồ thuận lợi”. Sau khi tự phát nguyện, trong vòng ba bốn tháng, Đại Sĩ Tự đã lần lượt ban cho các thứ linh cảm:

1) Thân thể hèn mọn này từng bị bệnh ngoài da đã nhiều năm chẳng hết, ngứa ngáy khó chịu, thuốc men vô hiệu. Sau khi đọc kinh, dần dần lành bệnh.

2) Sau khi xí nghiệp kinh doanh của cháu Tường ở Hương Cảng đóng cửa, con dâu lại bị bệnh, cháu nó quyết ý đến Đài Loan để tìm việc khác. Hộ chiếu nhập cảnh đã nhận được rồi, sắp lên đường, bỗng nghe thấy một hãng ngoại thương lớn ở Hương Cảng cần tuyển thêm một nhân viên mới, cháu may mắn được tuyển dụng, con dâu cũng lành bệnh.

3) Cháu Trạch làm việc tại một hãng ngoại quốc tại Hương Cảng, đồng thời học hàm thụ tại một đại học Mỹ, đã tốt nghiệp với chứng chỉ về ngành điện lạnh. Đúng dịp một xí nghiệp ngoại quốc tại Hương Cảng tuyển mộ một quản lý viên điện lạnh, cháu Trạch bèn gửi đơn xin việc, được giám đốc của hãng gọi đi phỏng vấn, rốt cuộc được tuyển dụng. Viên giám đốc còn nói: “Có khoảng hơn hai trăm người có học vấn ưu tú hơn anh, tôi chỉ tuyển mình anh...” Đây chẳng phải là do Đại Sĩ gia bị thì là gì vậy? Cháu Trạch không biết kế toán, lại do ban quản trị mời kế toán viên cao cấp dạy suốt ba tuần, điều sang làm việc tại chi nhánh ở Lưu Cầu (Ryukyu Islands). Đây cũng chẳng phải là do sức của Đại Sĩ ư? Cháu Trạch thâm nghĩ đến hồng ân của Đại Sĩ, không có gì để báo đáp, cho nên thề hằng ngày đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện suốt đời

không thiếu sót. Ngày Mười Bảy tháng Mười năm Dân Quốc 45 (1956), đọc năm trăm bộ viên mãn, tôi thăm nghĩ cách nhau mười một ngày, hai cháu đều có việc làm ổn định, đây chẳng phải là do đọc kinh bèn được Đại Sĩ linh cảm hay sao?

4) Con dâu tôi là Tĩnh, là sinh viên tốt nghiệp từ đại học Phục Đán, chưa có việc làm, muốn tìm việc nhưng chưa được. Kể từ sau khi tôi phát nguyện đọc kinh, có một hãng buôn nọ tại Hương Cảng tuyển mộ một nhân viên văn thư. Lúc đó, [chồng nó là] cháu Tường đã đi làm, cháu Tĩnh cũng chẳng có ý sốt sắng tìm việc, do bệnh mới khỏi, liền đến đó coi người khác tham gia tuyển lựa ra sao cho thỏa lòng tò mò. Nào ngờ người trong hãng cũng trao cho cháu nó bài thi. Cháu Tĩnh bèn tùy ý viết lách, trong hơn mười bảy người, cháu được tuyển dụng. Đại Sĩ gia bị, há có thể nghĩ bàn ư?

5) Chiều ngày Ba Mười tháng Giêng năm Dân Quốc 45 (1956), khi đọc kinh, tôi bỗng nghĩ mẹ đã được giải thoát hay chưa? Bèn đối trước tượng Đại Sĩ, quỳ gối cầu nguyện rằng: “Đệ tử Huệ Đăng, ngưỡng cầu Bồ Tát chỉ dạy mẹ con có được sanh về Tịnh Độ hay không? Như trong kinh đã dạy: *‘Chí tâm tự đọc thử kinh, hoặc thỉnh nhân đọc, kỳ số tam biến, hoặc chí thất biến, như thị ác đạo quyển thuộc, kinh văn tất thị biến số, đương đắc giải thoát’* (Chí tâm tự đọc kinh này, hoặc cậy người khác đọc, số đến ba lượt, hoặc bảy lượt, quyển thuộc trong ác đạo như thế, sẽ được giải thoát). Đệ tử đã đọc kinh này một trăm ba mươi một bộ, nhưng chưa được Đại Sĩ chỉ bảo, trong tâm hoảng sợ”. Cầu nguyện đến ngày thứ ba (ngày mùng Hai tháng Hai), vào lúc năm giờ sáng, đang ngồi nhắm mắt dưỡng thần trên giường, bỗng nghe tiếng mẹ như thuở còn sống gọi nhũ danh của tôi: “Mau đến đây! mau đến đây”. Tôi nghe tiếng mẹ, lòng vui sướng như điên, nói: “Mẹ đã trở lại! Mẹ đã trở lại”. Thân tâm cảm nhận vui sướng vô biên, vội xoay người ra ngoài, tìm đến nơi có tiếng của mẹ. Bỗng phát hiện một chỗ rộng lớn, u nhã, tương tự như cảnh tượng của Di Hòa Viên<sup>58</sup>. Đường xá bằng phẳng như lưu ly,

---

<sup>58</sup> Di Hòa Viên (颐和园) là một hoa viên của hoàng gia Mãn Thanh, nay thuộc khu Hải Định thành phố Bắc Kinh, có diện tích lên tới 297 acres, được xây dựng từ thời vua Càn Long với tên gọi ban đầu là Thanh Y Viên. Khu lâm viên này để cho vua đến chơi, ngắm cảnh rồi trở về trong ngày. Đến thời vua Đạo Quang, do tiết kiệm công khó, đã bỏ hoang khu vườn này. Đến đời Hàm Phong, Từ Hy nắm quyền nhiếp chánh đã cho tái tạo và xây nhiều đình đài, kiến trúc nơi đây, lấy hết số bạc dùng cho hải quân để kiến tạo và đổi tên thành Di Hòa Viên, lại coi đây là Ly Cung (tức là nơi

sáng ngời như gương, soi bóng một người nữ ăn vận theo kiểu cung đình, cười với Văn Khải. Tôi chăm chú nhìn xem là ai, tâm nghĩ người này chắc là mẹ mình, vội bước nhanh tới, toan đánh lễ thỉnh an. Sắp tới gần, cảnh giới đẹp đẽ hoàn toàn tiêu mất. Nghĩ là mẹ đã sanh lên trời, hoan hỷ, hớn hờ, mừng tình, vẫn là một giấc mộng. Tuy là cảnh trong mơ, chẳng phải là Đại Sĩ bi tâm chỉ dạy ư? Cảm ân vô tận! Hôm sau, gặp lão pháp sư X... kể về giấc mộng, được sư khai thị rằng: “Mẹ ông sanh thiên chẳng ngờ chi nữa! Nếu sanh về thế giới Cực Lạc, sẽ hiện hình tượng Bồ Tát”.

6) Vợ tôi năm nay gần sáu mươi, vẫn chưa có cháu, trong tâm lo buồn. Tôi lại nghĩ Đại Sĩ thường linh cảm ban ân, cho nên lại phát nguyện thứ tư như sau: “Đệ tử Huệ Đăng, ngưỡng cầu Bồ Tát ban thưởng cháu ngoan”. Phát ra cái nguyện ấy vào tháng Ba năm Dân Quốc 45 (1956). Trong tháng Bảy năm ấy, quả nhiên cháu Tường gửi thư báo tin cho em trai là cháu Trạch, bảo: “Chị dâu em đã mang thai, nay đã sanh một cháu trai đặt tên là Bảo Anh”. Tôi nhận được tin vui, khóc lóc hai lượt. Nếu ai hỏi: “Được tin có cháu phải mừng, sao lại khóc lóc?” Thưa rằng: “Tôi nhiều lượt được Đại Sĩ gia bị, ân ấy vô tận, tự hỏi dùng công đức gì để báo đền ân ấy? Do vậy, mừng thẹn chen lẫn, khôn ngăn rơi nước mắt”.

Văn Khải mong báo hồng ân của Đại Sĩ sâu đậm, chỉ có cách đòi đòi cho đến hết mạng hiến dâng thân mạng, tin nhận, phụng hành, hồng dương Phật pháp, kiêng giết, phóng sanh, khuyên khắp các vị đồng chí đồng đạo cùng đọc kinh điển, cùng niệm thánh hiệu, cùng cầu cho cha mẹ nhiều đời sớm thoát vòng khổ, cùng cầu cha mẹ hiện đời cùng tu Tịnh nghiệp, cùng sanh Tịnh Độ, cùng chứng Phật quả. Văn Khải tường thuật đại lược sáu chuyện linh cảm do đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện và niệm thánh hiệu, văn chương quê kệch, thô thiển, nhưng toàn là lời lẽ chân thật, chẳng dám nói dối. Lại thưa: Phát tâm từ ngày Ba Mươi tháng Bảy năm Dân Quốc 44 (1955) cho đến ngày Hai Mươi Tám tháng Mười năm Dân Quốc 45 (1956), tính ra đã đọc một ngàn năm trăm mười bảy bộ kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện, tụng niệm thánh hiệu chưa hề gián đoạn. Sau này, vẫn tiếp tục đọc thánh kinh, tụng thánh hiệu, chẳng có lúc cùng tận. Phàm những ai đồng chí đồng đạo với tôi, thật sự có thể tin nhận lời tôi, hãy sớm phát tâm, đọc thánh kinh, tụng thánh

---

nghi hề tránh nắng cho hoàng đế). Sau khi nhà Mãn Thanh sụp đổ, hoàng thất Mãn Thanh bắt đầu bán vé cho công chúng vào tham quan khu vườn này từ năm 1914.



hiệu, ắt sẽ đạt được vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn, có thể báo ân cha mẹ trong hiện đời, mà ân cha mẹ trong nhiều đời nhiều kiếp cũng có thể đáp đền!

**23. Địa Tạng Vương Bồ Tát với Đạo An thượng nhân**  
*Hành Ngọc ghi*

Đại khái là từ nhiều đời nhiều kiếp đến nay, tôi đã kết duyên chặt chẽ với Địa Tạng Bồ Tát, cho nên đời này mới có nhân duyên thù thắng như thế. Con trai thứ của tôi luôn mong đi du học tại Mỹ, giống như kiếm một giọt nước trong sa mạc, gian khổ như thế đó! Vào dịp thi tuyển du học hằng năm, tôi chẳng mong con tham dự. Điều thứ nhất là kinh tế của tôi chẳng dư dả để cho con xuất ngoại du học. Thứ hai là khi con tôi đi thi, nó sẽ mang tâm tình chẳng ăn, chẳng ngủ, khiến cho tôi bất an. Hơn nữa, nó đang làm việc tại công ty hàng không Trung Hoa, nghe nói mọi người đều khen nó làm việc giỏi giang. Nói thật ra, cũng là do Bồ Tát gia bị: Đứa nhỏ ấy chưa hết hạn nhập ngũ, đã ứng tuyển cho công việc này. Ngày thứ hai sau khi giải ngũ, bèn đi làm ngay. Bồ Tát biết tôi không có tiền dành dụm, đứa con tánh tình nóng vội, chẳng có việc làm là không được. Có thể thấu hiểu cảnh khổ của tôi, khiến cho mọi chuyện đều được như nguyện, thì chỉ có đáng cao thượng Địa Tạng Vương Bồ Tát Ma Ha Tát!

Năm nay, đứa con tham dự cuộc thi tuyển chọn du học sinh, tôi trọn chẳng quan tâm chút nào, tôi nghĩ cứ để cho Bồ Tát an bài đi! Đứa con vừa bận bịu với công việc, vừa chuẩn bị dự thi tuyển lựa du học sinh, lại cấp tốc xin chứng thư học bổng từ nước Mỹ. Chuyện xin chứng thư học bổng lại càng mâu nhiệm hơn nữa! Trong lúc đi lính, con tôi quen một người bạn họ Tạ. Do công việc của người ấy chẳng tốt lắm, con tôi giới thiệu anh ta vào công ty hàng không Trung Hoa, cho nên hai người tình nghĩa như tay chân, không có chuyện gì giấu nhau. Anh chàng họ Tạ đã quen bạn gái nhiều năm, đã bàn tới chuyện kết hôn, không ngờ cô ta lại bay sang Mỹ kết hôn với kẻ khác. Anh chàng họ Tạ buồn bã không vui. Con tôi nhiệt thành đối với người khác, dùng đủ mọi phương pháp an ủi anh chàng họ Tạ. Học một chút Phật pháp từ tôi để khuyên giải, rốt cuộc thuyết phục được anh chàng họ Tạ. Không ngờ chuyện xảy ra chưa đầy hai năm, cô gái ấy trong lòng áy náy, bỗng xin học bổng ở Mỹ cho anh chàng họ Tạ. Con tôi bèn hỏi anh ta trường nào ở Mỹ, giáo sư nào? Anh chàng họ Tạ nhất nhất nói ra. Con tôi bèn rất

mạo muội viết một bức thư bằng tiếng Anh, gửi sang đại học nước Mỹ. Vị giáo sư ấy (người Mỹ) chưa hề gặp mặt, đồng ý một trăm phần trăm. Lại còn khích lệ con tôi viết thư bằng tiếng Anh khá lắm, rất nhanh đã gửi chứng thư học bổng đến. Đây chẳng phải là kỳ tích ư?

Đêm trước hôm dự thi, tôi dẫn đưa con, mang theo một chén nước, đến gặp Đạo An thượng nhân, thỉnh cầu thầy gia bị. Ngài chấp thuận, lại còn hết sức hoan hỷ. Tôi nghĩ nhất định có phần nắm chắc, vì Ngài rất ít nói chuyện. Có khi hỏi không đúng vấn đề, Ngài sẽ thường chẳng lên tiếng. Tôi thật sự sợ phong cách nghiêm túc ấy, nhưng những ai thân cận với Ngài, chẳng có ai không nói Ngài có lòng từ bi tràn trề, hào sảng, thẳng thắn, khiến cho người khác có cảm giác thân thiết thích tiếp cận. Sáng sớm bữa đi thi, đưa con đối trước Phật lay ba lay, cũng chẳng biết nó niệm gì nữa? Nó rất thành tâm uống hết nước do Đạo An thượng nhân gia trì. Tôi tươi cười, đặt tượng Địa Tạng Bồ Tát và Quán Âm Bồ Tát vào túi áo của nó, còn bảo: “Hôm nay, Bồ Tát đều ra tay theo con đi thi, nhất định sẽ mãn nguyện”. Năm giờ chiều, con tôi lê tấm thân mệt mỏi, nhưng vẻ mặt tươi cười, xách hành lý vội vã quay về Cao Hùng đi làm. Hàng xóm đều giơ ngón cái khen ngợi tôi có đưa con ngoan ngoan. Tôi thật sự chẳng dám nhận danh hiệu này. Tôi rất sợ con tôi thất vọng, một tấm lòng Từ của tôi hoàn toàn gửi gắm vào thánh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Ngày Mười Bốn tháng Bảy, con tôi bỗng quay về: “Mẹ ơi! Con đậu rồi”. Nó đưa cho tôi xem chỗ khoanh đỏ trên báo. Đứa con lớn nói giỡn: “Không chừng trùng tên họ”. Tôi nói: “Chẳng khéo trùng hợp như thế đâu!” Con tôi đến Bộ Giáo Dục đối chiếu, quả thật thi đậu. Ngày hôm sau, nó trở về đi làm, hét thầy thủ tục xuất cảnh giao cho anh nó lo giùm: “Con nhất định phải đi, nhân duyên ở bên ngoài của con rất tốt”. Tới bộ Ngoại Giao, phải điền tất cả mã số của các giấy tờ lên một tờ đơn xin [xuất cảnh]. Chỗ chật chội, chữ lại nhiều, đứa con lớn viết sai chữ, một vị tiên sinh đứng cạnh tôi tự động dùng gôm tẩy đi, viết lại. Viết xong, chẳng đợi tôi cảm ơn, đã chẳng thấy hình bóng đâu nữa. Đứa con lớn và Văn Nhân (bạn gái của đứa con thứ) rất ngạc nhiên. Hết thầy thủ tục chuẩn bị xong xuôi, chờ tới cái ả cuối cùng là thị thực, khiến cho tôi căng thẳng. Cần gửi vào Ngân Hàng hai chục vạn đồng. Một người bạn chẳng thân lắm của con tôi ở Cao Hùng cho mượn khoản tiền hai chục vạn đồng để gửi vào ngân hàng, cầm sổ trưng mục về. Thị thực chưa làm xong, con tôi đã xin nghỉ việc, coi như đã nắm chắc mười phần bay sang Mỹ. Nghe nói đại sứ quán Hoa Kỳ đối với chuyện cấp hộ chiếu đặc

biệt khó khăn: Tiền ký quỹ nhiều thì nói là do tham lam mà đến [Mỹ], không đủ thì càng chẳng thể xin thị thực được. Họ viện cớ là quá nhiều điểm số khảo thí là do gian lận, chẳng đáng bàn tới! Đúng là “*tìm xương trong đậu hủ*”, tôi chỉ nhất tâm cầu Địa Tạng Vương Bồ Tát gia bị.

Đến tòa đại sự Mỹ xin thị thực, có những người phải xếp hàng từ lúc ba giờ sáng. Con tôi tám giờ mới đi, ngày hôm đó, tôi tụng hai bộ kinh Địa Tạng Bồ Nguyện giống như cầu cứu. Đây là cái ải cuối cùng, mãi cho đến khi con tôi trở về, tôi mới an tâm. Con tôi nói: “Lúc con tới, đã quá muộn, người đông như nêm cối. Phía trước có một bạn học gọi con, cho con đứng số chín ở chỗ nó. Nếu không, phải chờ tới mai mới xong! Mẹ à! Có người chưa được chấp thuận, khóc ròng tạt đó!” Tôi nói: “Đương nhiên là sẽ khóc! Mất rất nhiều tâm huyết mới được các bộ môn thông qua, mà không qua được cái ải cuối cùng, chẳng khiến người ta đau lòng ư?” Con tôi trước khi đi, đến từ biệt Đạo An thượng nhân, Ngài tặng cho nó một tượng Phật và tràng hạt thỉnh từ Nhật Bản về, lại còn dặn đi dặn lại: “Học hành xong, nhất định phải trở về tổ quốc, đừng quên mất chúng tôi...” Con tôi cá tánh rất mạnh, lần này tiến bước lớn trong việc tin Phật hoàn toàn là do sức thân giáo của Đạo An thượng nhân, khiến cho con tôi cảm động, sùng bái, bội phục sát đất. Đúng là chẳng đơn giản!

Trường đại học tại Mỹ khai giảng vào ngày Hai Mươi Sáu tháng Tám, vé máy bay của hãng Trung Hoa cho tháng Tám đã được đặt mua hết rồi, con tôi dùng vé máy bay miễn phí, căn bản là không có cách nào được ưu tiên. Con tôi nhờ cha bạn nó đặt vé, đúng ngày mùng Mười tháng Tám đáp phi cơ sang Mỹ. Tôi chưa báo với bất cứ bạn bè nào, chỉ có vị thầy giáo rất thương nó, con trai lớn, con dâu, và Văn Nhân v.v... đưa nó ra sân bay. Tôi có cảm giác không thật, chỉ cảm nhận ân đức của Phật, Bồ Tát đối với tôi, chẳng có cách nào hình dung được! Sau này, sẽ chẳng có người cứ ở bên cạnh tôi rù rì “*muốn sang Mỹ du học*”, khiến cho tôi có khi khôn ngoan bực bội. Tuy tạm thời thiếu mất một đứa con mua thứ này thứ nọ hiệu kính tôi, thật ra, lòng tôi như buông xuống một tảng đá lớn. Sau này sẽ càng tinh tấn nơi đạo hơn, chẳng lười nhác, chẳng biếng trễ!

Con tôi gửi thư cho biết, nó tới Mỹ, do một thân nơi đất khách quê người, nhất thời tìm không ra chỗ ở. Một người Hoa không quen biết cho nó ở nhờ mười ngày, tìm giùm phòng cho nó gần trường học. Lại gặp bạn học cùng thuê, mỗi tháng chỉ tốn 120 Mỹ kim. Phòng lại trải thảm, có sẵn các trang bị, hoa lệ tột cùng. Chưa đầy nửa tháng sau, nó lại tìm

được việc gần trường. Mỗi tháng, trừ tiền thuê nhà và chi tiêu ra, còn có thể dư được mấy chục đồng. Tại Đài Loan chẳng dễ tìm việc, công việc tại Mỹ càng khó hơn, hưởng hồ lại là hoàn cảnh lạ lẫm ư? Đây chẳng phải là ân đức của Địa Tạng Vương Bồ Tát ư? Dòng lệ cảm ơn chẳng thể nào ngăn được!

#### **24. Chân ngôn chín chữ**

*Trình Quán Tâm ghi*

Một buổi chiều mưa lạnh tầm tã, tâm huyết dâng trào, tôi đặc biệt mò đến thăm bạn Huệ Tinh đang sống ở ngoại ô. Cùng sống tại một thành phố, mấy năm nay, ngẫu nhiên chỉ gặp mặt một lần. Điều đáng an ủi là tình bạn của chúng tôi kiên cố, bậc quân tử giao du với nhau đậm bạc như nước, quyết chẳng vì không thường gặp mặt mà xa mặt cách lòng! Cô ta hay nói, tôi lắng lẽ nghe, một khi nói chuyện hăng say, đã sớm quên bằng thời gian. Ba con chó nằm bên chân Huệ Tinh có cùng một tư thế, hai vuốt hướng ra trước, đầu đặt sát đất, trong mắt ngời sắc cầu vòng nâu lẫn vàng, ngẫu nhiên cũng là thính giả trung thực của cô ta! Trong tai vang lên chín chữ chân ngôn, trong tâm niệm chân ngôn chín chữ. Cô sốt sắng kể lại kinh nghiệm chân thật của chính mình. Sức hấp dẫn và cảm động của cô ta, khiến cho cõi lòng tôi một phen chấn động mãnh liệt.

Cô ta kể: - Một hôm, đang đi một mình trên đường, chợt có tiếng vang lên rành mạch bên tai cô ta: “*Ngươi vẫn phải nên niệm chân ngôn chín chữ*”. Ngõ vắng chỉ vang lên tiếng bước chân của chính mình, đích xác là gần đó chẳng có một bóng người. Cô ta buồn bực suy nghĩ: “Từ đâu phát ra mệnh lệnh vô căn cứ này? Chân ngôn chín chữ là gì vậy? Vừa rồi âm thanh đã nói rõ ràng: “*Ngươi vẫn phải nên niệm chân ngôn chín chữ*”, chứng tỏ chính mình trước đó đã có niệm qua rồi. Vì thế, một bầu nghi tình cuộn cuộn trong lòng. Hỏi rất nhiều người, cũng chẳng ai biết chân ngôn chín chữ rốt cuộc là nói về điều gì? Không lâu sau, vào một buổi sáng thanh tĩnh, cô đối trước Phật dâng hương, lễ bái, ngẩng đầu thấy trên tường treo một bức vẽ Địa Tạng Vương Bồ Tát ngự trên sen hồng trong lửa đỏ. Trong lúc vô ý, cô ta niệm chín chữ lớn trên đó: “*Nam-mô đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát*”. Khi ấy, cô hoát nhiên đại ngộ, vui mừng khôn xiết! Đúng là đi nát giày cỏ chẳng tìm thấy, tìm được rồi hoàn toàn chẳng tốn công! Nguyên lai cô một mực niệm “*Nam-mô đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát*”.

Nói chung là hễ có thân quyến, bằng hữu qua đời, cô đều niệm thánh hiệu [Đại Sĩ] để hồi hướng siêu độ. Điều chẳng thể nghĩ bàn nhất là mỗi người được hồi hướng, nhất định sẽ xuất hiện một lần trong mộng, cho thấy rõ mặt, sau đó chẳng gặp lại nữa! Lần tạo cho cô ta ấn tượng sâu đậm nhất là một người đầy tớ nam trong nhà khi cô còn bé. Người ấy trung thực, lanh lợi, lúc cô ta hai ba tuổi, thường dẫn cô ta đi chơi, hoặc dẫn cô đi dạo phố. Sau đó, ông ta rời nhà cô, vào lính. Thuở đó, nội chiến liên tục, chẳng lâu sau, bèn chết trận ở vùng biên cương. Năm trước, cô ta bỗng nhớ tới người đầy tớ trung thành thuở nhỏ, nghĩ ông ta chết trận nơi đất khách, lưu lạc tha hương, mờ mịt cát vàng, xương trắng, ai sẽ siêu độ, cúng bái cho ông ta? Do vậy, phát nguyện niệm thánh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát suốt một tháng để hồi hướng cho cô hồn của vị ấy. Một đêm, bỗng mộng thấy một thanh niên quen thuộc, mặc bộ y phục màu lam, đứng trước mặt cô ta, hết sức cung kính, cười tươi hơn hớn, nhẹ nhàng nói với cô ta: “Tôi là X...” Nói xong, gạt đầu, đi mất.

Ngoài ra, có lần cô bị bệnh suyễn tái phát, phát sốt nằm mê man. Thấy một bà cụ nhà quê, tay cầm chiếc giỏ trúc, bồi hồi đi lại trên không trung. Cô ta thấy cụ là người xa lạ, chưa từng gặp gỡ trong cuộc đời, tuy trong lòng lầy lăm lăm, nhưng lười chẳng để ý tới. Sau đấy, chẳng biết như thế nào, bà cụ ngồi cạnh giường cô ta, sờ tay cô. Cô ta cũng tự nhiên nói: “Tôi khó chịu quá, xin bà xem bệnh cho tôi, cho tôi uống chút thuốc!” Bà cụ lật tấm vải che giỏ trúc ra, trong ấy có một khối giống như nhụy hoa màu vàng, lại bảo cô ta: “Cô không cần uống thuốc! Vừa rồi, tôi đã cho cô uống!” Cô uống thuốc lúc nào đâu, cũng chẳng biết nói sao. Sau đó, có người giới thiệu một bác sĩ chữa bệnh cho cô, cho loại thuốc giống hệt như khối nhụy hoa màu vàng ấy. Sau đó, bệnh của cô ta dứt hẳn, chưa hề tái phát.

Cô ta đĩnh đạc kể, tôi nghe say sưa đến mức quên hết chung quanh. Kế đó, hồ thẹn không chôn dung thân, càng tinh ngộ đạo tâm nông cạn, tu trì bất lực, chẳng chuyên, chẳng chân thành. Cô ta là một người bảm tánh dị biệt, thành tín, kiên nghị. Hễ quyết định làm một chuyện gì, ắt sẽ làm trọn vẹn từ đầu đến cuối, dầu khó khăn đến mấy. Đó gọi là “*thành ắt linh, chuyên ắt rỗng, dùi mài chẳng bỏ, vàng đá phải nứt*”. Do vậy, cô ta gặp những chuyện thần bí như thế, thường xuất hiện những chuyện linh nghiệm chẳng thể nghĩ bàn, trọn chẳng phải là thần thoại vô căn cứ, mà là kết quả tu hành đáp đền tâm lực của cô ta. Tự so với cô ta, tôi đúng là gỗ đá tối tăm trợ trợ, chẳng có linh tánh, tâm địa

khô héo cần phải được pháp thủy tưới tắm, tình thức yếu ớt, rối ren, cần phải có trí huệ cường hóa, chải gỡ. Cô ta dốc lòng kể lể, chẳng khuyến thiện, chẳng thuyết giáo câu nào; nhưng sức lay động tâm linh chẳng thể hạn lượng. Kẻ mê nói ngoài miệng, người có trí hành trong tâm. Cô chuyên ròng thành kính niệm Phật, niệm kinh Kim Cang, niệm Tâm Kinh, niệm thánh hiệu Phật, Bồ Tát hồi hướng cho người khác. Do tâm lực phản xạ, tự nhiên đạt được sự linh cảm. Nghĩ kỹ, sẽ nhận biết là chẳng phải thần bí không thể nghĩ bàn!

### **25. Tai điếc mà nghe tiếng niệm Phật**

*Nhiếp Vân Đài ghi*

Ông Uẩn Thiết Tiêu là bậc tiền bối về Trung Y theo trường phái cách tân. Sau khi tốt nghiệp từ Nam Dương Công Học, từng làm giáo sư dạy tiếng Anh ưu tú tại trường Sư Phạm tỉnh Hồ Nam. Sau đấy, ông làm biên tập cho Thương Vụ Ấn Thư Quán, nghiên cứu Y Học, tinh thông bộ Thương Hàn Luận của Đào Trọng Cảnh nhất, chữa trị rất mát tay. Do đọc các bài viết của tôi, bèn gửi thư xin gặp, trở thành bạn bè hợp ý. Nhưng đối với chuyện tôi khuyên ông học Phật, ông trọn chẳng cho là đúng, nhiều lần gửi thư biện luận. Mùa Thu năm Dân Quốc 23 (1934), tôi tặng ông một bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Sau đó, ông lại gửi thư nói: “Mới đọc một lượt, vẫn y như cũ chẳng tin! Kế đó, tự suy nghĩ: Nguyên do chẳng tin là do Ngã Kiến chấp trước! Nào ngại tin là thật, bèn đọc hai lượt nữa, tâm khá vui thích. Sau đó, lại đọc kinh Địa Tạng Bồ Nguyện do tôi gửi tặng hơn mười ngày, chẳng ôm lòng nghi ngờ. Bỗng một hôm, vào lúc bốn giờ sáng, nhằm ngày thánh đản Quán Âm vào tháng Chín Âm Lịch, ông nghe có một tiếng khánh, kế đó là tiếng niệm Phật, từng chữ rõ ràng, nhưng ông Uẩn điếc đặc mười mấy năm rồi. Dầu hét to bên tai, ông không thể nghe tiếng. Nay nghe tiếng niệm Phật, liên tiếp mấy chục câu. Âm thanh hay đẹp lạ lùng, trước giờ chưa hề nghe. Thoạt đầu, ông ngỡ là vợ đang tụng niệm công khóa, nhưng bà ta vẫn còn đang ngủ chưa dậy ở giường bên cạnh. Ngoài chuyện kinh ngạc ra, bất giác toàn thân ông ta run rẩy. Bốn giờ sáng hôm sau, nghe tiếng như cũ, bèn niệm Phật theo. Chiều hôm ấy, ông ngồi ở dưới lầu, nghe tiếng như trước, đều là trước hết một tiếng khánh, sau đó niệm Phật hiệu.

Một hôm, ông ăn cua, sáng hôm sau, chẳng thấy tiếng khánh và tiếng niệm Phật, bèn thăm cầu nguyện: “Nguyện từ nay về sau, suốt đời

chẳng ăn cua”, thuận miệng niệm Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát bảy lần, tiếng khánh ngay lập tức vang lên, tiếng niệm Phật cũng nổi theo sau. Liên tiếp tới nay đã gần nửa năm, ông vẫn hằng ngày đều nghe chẳng sót. Thoạt đầu, ông tưởng là do bệnh trạng nơi đại tiểu não, nhưng không nghe thứ tiếng nào khác, bèn biết là do Địa Tạng Bồ Tát linh cảm, hướng dẫn khiến cho ông niệm Phật. Tháng Ba năm Dân Quốc 24 (1935), ông sai người đem tới hai trăm đồng, cậy tôi thay ông in kinh Địa Tạng, dặn tôi viết lại chuyện ấy để báo ân Phật. Trong lúc ấy, ông đã nhiều lần gởi thư tự thuật chuyện lạ ấy. Tháng Sáu trong mùa Hè năm ấy, tiên sinh qua đời, Uẩn phu nhân và con trai kể lại tình hình lúc lâm chung, xin ghi chép theo sự thật như sau: Ba bốn hôm trước khi qua đời, tiên sinh tự nói sẽ ra đi, căn dặn hậu sự rất rành mạch. Lại dặn người nhà đừng khóc lóc, dặn ai nấy đều cùng giúp ông niệm Phật. Buổi sáng hôm ông mất, ông bỗng ngẩng đầu ngó, bảo người nhà rằng: “Các người có thấy quyển sổ to chừng ấy hay chẳng?” Người nhà hỏi sổ ghi gì vậy? Người nhà hỏi sổ sách viết vật gì? Ông lại nghễnh cổ nhìn chăm chú, thật lâu sau mới nói: “Viết rất nhiều, chẳng thấy rõ chữ”. Sau đó lại nói: “Ta sẽ đến chốn lành, các người đừng buồn”. Lại nói: “Ta đã có thể biết chuyện quá khứ, vị lai”. Người nhà xin ông nói đại lược, ông đáp: “Chẳng thể nói! Các người chỉ nên niệm Phật siêng gắng hơn!” Ông cũng tự niệm Phật không ngừng. Khi sắp tắt hơi, chẳng thể niệm ra tiếng, môi ông vẫn mấp má. Do luôn niệm Phật, chắc chắn vắng sanh Tịnh Độ vậy!

Kính suy xét, trước kia, tiên sinh từng làm biên tập cho Tiểu Thuyết nguyệt báo của Thương Vụ Ấn Thư Quán, trong văn tự thường có lời lẽ châm biếm Phật pháp, cho đến khi tán gẫu, cũng tùy ý chê bai, cười cợt, phỉ báng Phật càng là chuyện thường! Vợ ông niệm Phật đã mười mấy năm, tiên sinh liền chỉ vào bà ta nói với bè bạn: “Bả muốn sanh về phương Tây, tôi sẽ sanh về phương Đông”. Ông ta thường mang thái độ tự cho là mình sáng suốt, cười cợt khinh thường Phật giáo đồ là kẻ mê tín. Nhưng do nhân duyên thiện căn túc thế, do văn tự mà tâm giao với tôi, rốt cuộc được nghe Phật pháp, đạt được lợi ích thật sự, được Bồ Tát rủ lòng Từ tiếp dẫn. Tai cực điếc mà hằng ngày được nghe Phật hiệu, khiến cho ông là người phản đối pháp môn Niệm Phật vắng sanh nhất, chẳng thể không dấy tâm tín ngưỡng. Hơn nữa, suốt mấy tháng tiếng niệm Phật chẳng ngừng, khiến cho ông chẳng thể không cảm nhận quý thân, Phật, Bồ Tát thường ở cạnh ta mà sanh lòng e sợ. Do vậy, chí thành sám hối, túc nghiệp ngầm tiêu. Ông thấy quyển sổ lớn, chính là

các nghiệp thiện và ác trong suốt một đời. Quyển sổ ấy không đợi kẻ khác viết, chúng ta vừa dấy động tâm niệm, tức là đã tự viết vào đó. Trên quyển sổ là hình bóng của cái tâm ta, cho đến thiên đường, địa ngục, cũng đều chỉ là cái tâm biến hiện. Tội khổ, hình phạt, Tịnh Độ, Cực Lạc, mỗi chuyện đều do nghiệp của chính mình cảm vời. Nơi cái ải sanh tử, chính là nghiệp thiện ác trong một đời phát hiện. Trong lúc ấy, kẻ bình phàm nói chung là thần chí mê muội, chẳng thể tự chủ, huống hồ đàm phong gây thở khò khè, tuy muốn cậy mạnh làm ra vẻ, gắng gượng trấn định, nhưng chẳng thể được! Chỉ có người tu Tịnh nghiệp chuyên ròng, lúc qua đời, thân tâm thanh thản, dầu bị bệnh nặng, lúc ấy chẳng cảm thấy đau khổ, cho nên có thể thông dong niệm Phật, chẳng bị nghiệp duyên tục lụy gây chướng ngại. Độc giả chớ nghĩ lầm chung có thể tinh táo niệm Phật là chuyện dễ dàng, bình phàm rồi coi thường. Kinh Di Đà dạy: “*Bất khả thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể do ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy). Tiên sinh Thiết Tiêu làm người trung trực, dũng mãnh đối với việc nghĩa, thông thạo y học, luôn nghĩ giúp đỡ người khác. Đây cũng là chánh nhân thành tựu Tịnh nghiệp vậy. Ngày Hai Mươi Chín tháng Sáu năm Dân Quốc 24 (1935), Nhiếp Vân Đài ghi.

Bài viết trên đây vốn in vào sau kinh Địa Tạng. Khi ấy, tôi đã phúng điệu một câu đối, nhưng bỏ sót chưa ghi vào đó. Nay chép bổ sung như sau: “*Thiên tải Thương Hàn phân tỵ tụng, Trọng Cảnh đãi sở thống tâm, đại trước kim truyền, quân nghi ưng thích. Thập niên bặc trúc bất văn thanh, Di Đà hốt nhiên nhập nhĩ, nhất mộng đắc ngộ, chúng lung giai thông*” (Thương Hàn ngàn năm, bao người tranh cãi, Trọng Cảnh đành chịu đau lòng, trước tác nay truyền, bao mối nghi tự giải. Suốt cả mười năm không nghe tiếng pháo, Di Đà bỗng lọt vào tai, vừa được giải ngộ, bao người điếc đều thông). Vế trên nói về tác phẩm Thương Hàn Học do tiên sinh sáng tác [để chú giải bộ Thương Hàn Luận của Đào Trọng Cảnh], vế dưới trần thuật thỏa đáng chuyện này (chuyện ông Uẩn tai điếc mà nghe tiếng niệm Phật). Mùa Hạ năm Dữu Dần (Canh Dần), Nhiếp Vân Đài ghi thêm.

## **26. Bệnh nặng trừ sạch**

*Viên Truyền Kiệt ghi*

Tại trấn Kiều Lâm thuộc huyện Giang Phổ, có ông Ngô Tông Giám làm nghề y, tin Phật. Trong trấn có Cổ Côi Thiên Lâm, ông phát



nguyện trùng tu. Do quyên mộ không đủ số, ông lo buồn, lao lực thành bệnh nặng. Con dâu trưởng của ông là Lưu Thị cũng niệm Phật. Do vậy, bèn ước hẹn các bạn đạo cùng đến Thiên Lâm ấy, đôi trước Địa Tạng Bồ Tát khấu đầu, cầu đảo, cầu tăng tuổi thọ cho ông, và cầu cho việc trùng tu chùa được hoàn thành. Hai ngày sau, ông đang thêm thiếp, bỗng tỉnh lại nói: “Trong mộng, cha thấy một hòa thượng an ủi, hỏi han. Do vậy, bệnh được lành”. Tháng Sáu năm Dân Quốc 22 (1933), Viên Truyền Kiệt ghi.

### **27. Lạy kinh khỏi bệnh**

*Viên Kính Am ghi*

Lòng Từ của Phật rộng lớn, cảm ứng chẳng sai chày; những kẻ hơi có chút tri kiến đều công nhận điều này. Gia mẫu là Trương Thị, pháp danh là Năng Tu, bẩm tánh hiền thực, thông thạo văn tự, về làm vợ cha tôi, tận lực trọn đạo làm vợ, xóm giềng đều khâm phục. Đảm đang việc nhà, từng có những điều bị uất ức, bận lòng, vẫn giấu kín trong tâm, chẳng để lộ ra ngoài, suốt hơn ba mươi năm đều như một ngày. Đôi với chú Vãng Sanh và kinh Quán Âm, cụ hết sức thuần thực, nhưng thườ ầy chưa thể lập khóa tụng, tu trì. Vào độ tuổi năm mươi, cụ bỗng bỏ hẳn ăn thịt. Có kẻ đem các tà thuyết để khuyên lon chớ nên ăn chay, cụ vẫn chẳng màng. Vài năm sau, bỗng cụ cảm thấy đi lại chẳng thoải mái. Kế đó, hai tay chẳng thể giở lên được, dần dần eo vô lực, lưng còng, hơi giống như bị gập lại, hễ động tới là đau. Do vậy, càng chẳng thể đi lại. Từ sảnh đường cho đến trong phòng, ắt phải cựa vào xe lăn để ra vào. Nhưng căn bệnh thuộc về xương khớp, sức thuốc chẳng thể thấu tới được. May là cụ được Phật tử gia bị, khiến cho Kính Am tôi gặp nhân duyên quy y Tam Bảo. Năm sau, mẹ cũng quy y; kế đó, lại thờ tượng Phật trong nhà, cũng như tạc thánh tượng hai vị Đại Sĩ Quán Âm và Địa Tạng, sáng tối kính lễ, niệm tụng.

Gia mẫu tuy bị bệnh khổ quán thân, cũng niệm tụng suốt ngày. Mỗi ngày, cụ còn thấp hương, lễ bái, bảo Kính Am tôi ở bên cạnh nâng đỡ, dầu kiệt sức cũng chẳng thiếu sót. Hơn một năm như thế, Kính Am tôi chưa từng thấy mẹ đau buồn vì bệnh tật. Tôi luôn đem công đức do thọ trì kinh chú thường ngày và những thiện niệm dầu bằng mấy lông, sợi tóc hồi hướng cho mẹ tiêu tai, thoát nạn. Kế đó, tôi nghĩ Địa Tạng Đại Sĩ thần lực chẳng thể nghĩ bàn, đòi trước, Ngài đã độ mẹ thoát nạn. Chuyện này được nói tường tận trong kinh. Tôi bèn phát tâm cung tụng

Địa Tạng Bồ Nguyện Kinh để cầu nguyện. Xét thấy kinh văn quá dài, sanh kế bận bịu, khó thể tụng trọn, bèn thâm tưởng các sự tích trong mười ba phẩm kinh, ghi nhớ năm lòng tựa đề của mỗi phẩm, dùng để bài kinh thay thế [cho việc tụng niệm]. Như phẩm thứ nhất là Đạo Lợi Thiên Cung Thần Thông, bèn trước hết quán tưởng tựa đề của phẩm ấy, sau đấy quán tưởng kinh nghĩa rồi lạy xuống. Từ phẩm thứ hai là Phân Thân Tập Hội cho đến phẩm thứ mười ba là Chúc Lụy Nhân Thiên cũng lại như thế. Lạy xong, lại niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát mấy trăm câu rồi hồi hướng. Quyên nghi như thế, rất sợ chẳng thể khế hợp Phật tâm.

Hành như vậy mấy tháng, bỗng có một hôm, gia mẫu đang ngồi ngay ngắn chột hôn mê, bất tỉnh nhân sự. Kính Am kinh hoảng, sợ hãi muôn phần! Chạy đến bên mẹ, chấp tay xưng niệm thánh hiệu Đại Sĩ gần mấy chục câu, liền thấy mẹ tỉnh lại, ói ra mấy bát nước có cặn màu đen, giống như huyết khí uất ức tích tụ nhiều năm. Tôi vội mời danh y chẩn trị, họ cho là khí huyết thiếu hụt, tổn hại, khó thể có hiệu quả, cứ kê toa uống thử xem. Kính Am lại quỳ trước Đại Sĩ, kiền thành cầu Ngài rủ lòng Từ gia hộ. Ngày đêm xưng danh, chẳng lìa trong tâm. Chỉ mới uống vào một thang thuốc, bệnh trạng dần dần thấy khởi sắc. Kính Am dốc lòng thành khẩn cầu càng thêm khẩn thiết.

Sau đấy, mẹ dần dần có thể đi lại, ra vào chỉ cần được nâng đỡ. Mấy tháng sau, hoàn toàn có thể chống gậy đi một mình. Nay thì không cần gậy, vẫn đi lại tự nhiên. Hiện thời, cụ đã sáu mươi bốn tuổi, hằng ngày lễ Phật mấy chục lạy, tự đứng lên không cần ai nâng đỡ, cũng chẳng cảm thấy khổ sở. Phàm là người bị bệnh nặng, tuổi tác đã cao, không nhờ vào công năng của thuốc men mà tự nhiên lành bệnh, là chuyện ít gặp trong cõi đời! Ấy là nhờ Địa Tạng Đại Sĩ thệ nguyện hoằng thâm, lợi ích cứu giúp hữu tình, không gì chẳng trọn. Chỉ cần có thể phát nguyện kiền thành, ai cũng có cảm ứng. Xét trong những sự tích trước đó đã ghi chép rành rành. Nhìn từ chuyện linh cảm tôi đích thân đạt được, càng thêm tin đúng như thế đó! Kính cẩn ghi lại chuyện này, hòng khuyên người đời. Tháng Sáu năm Ất Hợi (1935), nhằm mùa Hạ, Tam Bảo đệ tử Viên Kính Am ghi chép.

## **28. Tâm thanh cứu khổ**

*Pháp sư Tâm Nhiên ghi*

Cư sĩ Hoàng Trang Huệ Châu là người ở thành phố Phước Châu. Mười chín tuổi xuất giá, hai mươi bốn tuổi liền ăn chay, tin Phật. Năm

Dân Quốc 24 (1935), nhà chồng bà thờ cúng tà thần, thường bị chúng tác quái quấy nhiễu. Cư sĩ phần uất, đem tượng đất đang thờ vứt vào trong chum sành thường dùng để nuôi cá. Không lâu sau, cư sĩ có mang. Khi sanh nở, mắc chứng bệnh kinh phong, toàn thân nằm tê liệt trên giường, thuốc men đều vô hiệu. Tự nghĩ đây chắc là tà quái báo thù, thế gian vô thượng chỉ có Phật, Bồ Tát, cùng với Duyên Giác, Thanh Văn là có thể nương tựa. Đại Bi Quán Âm Bồ Tát, Đại Nguyên Địa Tạng Bồ Tát thường cứu độ chúng sanh trong nhân gian và địa ngục. Không gì bằng nhất tâm quy mạng, xưng niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát để cầu trừ khổ, lại còn nghĩ sẵn lòng lâm chung. Từ đấy, mỗi ngày tụng trì mấy chục vạn câu.

Chưa được một tuần, mộng thấy đến bên bờ biển, trông thấy sóng cả cuộn cuộn vỗ tung bọt, sắc nước đen xì như sơn. Có vô số tiếng gào đau khổ, thê thảm, thê lương lan xa chẳng dứt. Đang trong lúc bà kinh ngạc, bỗng thấy một vị tỷ-kheo sa-môn bay lướt trên mặt biển. Ngài đến nơi đâu, tiếng khổ liền im bật. Cư sĩ mới biết đây là đức Địa Tạng độ sanh, lập tức hoan hỷ lễ bái. Sau khi tỉnh giấc, thân đau đớn bỗng dung khỏi hẳn. Ngày hôm sau, có thể dựa vào người khác nâng đỡ mà đi lại. Chẳng đầy nửa tháng liền bước đi như thường. Đây chính là linh tích từ bi của Bồ Tát trong thời cận đại. Tâm Nhiên kính ghi.

### ***29. Tụng kinh Địa Tạng độ quỷ hồn***

*Khâu Thiện Siêu ghi*

Người vợ câm của một tín đồ Phật giáo sống tại thôn Song Đàm thuộc làng Tam Nghĩa bất hạnh tử vong khi sanh con. Gia đình nghèo khổ, chỉ đơn giản thỉnh ba gã đạo sĩ tới niệm kinh, làm công đức. Nhưng đạo sĩ vì đã nhận lời đến một nhà giàu có để làm pháp sự trọng thể; do vậy, chuyển lời mời một vị sư huynh và chúng tôi là ba người cùng đến niệm kinh. Do hoàn cảnh đơn sơ, chúng tôi đành phải chấp nhận quyền biến, đơn giản bày tượng Phật. Nghĩ người mất lúc sống gia cảnh nghèo khổ, lại còn sức khỏe không khá, đời trước ít tu; do vậy, vì vong linh niệm Tam Muội Thủy Sám. Mười giờ tối, khi kinh sám tụng xong, sắp hồi hướng, vị đạo sĩ lãnh đàn từ nhà đám của người giàu có quay lại, nói: “Mọi người vất vả rồi, niệm kinh sám đã xong, có thể về trước. Lát nữa, tôi sẽ thay mọi người hồi hướng, tuyên sớ”. Ba người chúng tôi nghe hiểu ý đạo sĩ, rõ ràng là hắn chẳng muốn chúng tôi hồi hướng, đọc sớ, có chờ đợi cũng chẳng làm gì, bèn cáo từ, ai về nhà nấy. Sau đó, đạo sĩ làm

gì cũng chẳng biết.

Sau khi về nhà, tôi một mực lần cần, pháp sự lần này dường như chẳng viên mãn cho lắm! Bỏ ra tâm huyết suốt một ngày để độ vong hồn, kết quả lại chẳng hồi hướng kinh sám cho người đã mất được. Tuy trong sám vẫn có phần hồi hướng cho vong linh, nhưng tôi luôn cho rằng chưa tụng đến phần hồi hướng, tức là chưa làm viên mãn. Suốt hai ngày tôi nghĩ ngợi, buồn bã, có đôi chút hổ thẹn. Từ ngày niệm kinh quay về, hôm sau tôi bắt đầu bị choáng váng, trong tâm nghĩ chẳng bị cảm mạo, sao lại bị váng đầu? Trải qua hai ngày, vẫn là như thế; càng nghĩ càng cảm thấy không đúng, có thể là chỗ nào đó nảy sanh vấn đề. Do vậy, nghĩ lại, chắc là do đi niệm kinh cho người câm ấy, công đức bị thiếu sót, người chết chẳng thể thoát khổ! Do vậy, tôi đối trước tượng Địa Tạng Bồ Tát, chí tâm tụng kinh Địa Tạng một bộ (hoặc ba bộ, nay đã không nhớ rõ), hồi hướng cho người phụ nữ câm ấy sớm sanh về Tịnh Độ. Làm xong, vẫn chưa an lòng, liền xin [Bồ Tát] dạy cho biết trong giấc mộng. Tôi hôm ấy, tôi liền nằm mộng hết sức rõ ràng. Mộng thấy đến một ngôi tự viện rất to, rất trang nghiêm, có một ni sư đứng ở trên bậc thang. Khi tôi đi lên thang, bà ta liền hướng về tôi đánh lễ, khiến tôi hoảng sợ, chạy vội tới đỡ bà ta lên, hết sức chẳng nên! Nhưng bà ta bảo tôi: “Nhờ sức niệm kinh Địa Tạng của Ngài, tôi được chuyển thế làm người, còn có duyên với Phật, xuất gia thọ giới, ắt chứng Bồ Đề”. Tôi nghe xong rất kinh hỷ, một phụ nữ câm nghèo hèn, nhờ vào sức của một bộ kinh liền chuyển thế làm người, lại còn vào Phật môn thọ Cụ Túc Giới, tương lai có thể mong viên thành chánh quả, đúng là Phật pháp vô biên!

Các vị thiện hữu! Phật pháp trụ thế gian, chẳng lìa thế gian giác, lìa thế gian tìm Bồ Đề, như tìm kiếm sừng thỏ. Phật pháp xuất hiện trong thế gian, mục đích là vì chúng sanh mà kiến lập. Đương nhiên là nếu rời khỏi chúng sanh, sẽ chẳng có Phật pháp để nói nữa! Do vậy, trong cuộc sống, chúng ta đi, đứng, ngồi, nằm, chỗ nào cũng đều chẳng rời Phật pháp, nhưng nếu hành vi bất chánh, ắt sẽ trái nghịch Phật pháp! Muốn độ chúng sanh, ắt phải phát Bồ Đề tâm. Phát Bồ Đề tâm, có đại nguyện lực thì mới có thể độ người khác. Trong xã hội, mọi người tui bụi vì ngũ dục, nào có biết quang âm trăm năm ngay chớp mắt đã qua đi, thân này rất cuộc hóa thành tro bụi, huyễn thân rất cuộc chẳng thơm sạch! Hãy đập vỡ cái bình tô vẽ hoa mỹ để quay về! Kẻ có phước báo, có tài lực, hãy bố thí cho nhiều, hòng tích lũy ruộng phước, người biết niệm kinh hãy phát tâm vì người khác tiêu tai, sám nghiệp, độ vong linh nhiều hơn.

Người biết niệm Phật, hãy niệm Phật nhiều hơn, cầu nhất tâm bất loạn. Người biết giảng kinh, hãy hoằng pháp lợi sanh nhiều hơn. Người giỏi văn chương, hãy thâm nhập kinh tạng trí huệ như biển nhiều hơn! Phổ nguyện xã hội như thế cùng tiến nhập đại đồng, Phật pháp hưng thịnh, nhân dân an lạc, nước giàu, dân yên. Bọn Phật tử chúng ta hãy cùng nhau nỗ lực!

### **30. Hóa thân của Đại Nguyện Địa Tạng Bồ Tát**

*Châu Dương Huệ Khanh ghi*

Nhà tôi ở Nam Kinh tại số mười sáu đường Lan Viên thuộc Lam Gia Trang, chung quanh có rào trúc, có cổng trước và cổng sau. Trong tháng Bảy năm 1935, một sáng nọ, cửa trước lẫn cửa sau đều chưa mở. Bỗng một vị lão tăng, phiêu dật đi đến, đội mũ Tỳ Lô, thân mặc hải thanh, đắp y, đeo mười chuỗi tràng hạt trước ngực, rủ xuống tận đất, râu chuỗi nơi hai tay áo cũng rủ sát đất. Khí tượng trang nghiêm, từng hạt trong râu chuỗi tỏa sáng lóng lánh. Tôi hỏi: “Lão sư phụ từ đâu tới?” “A Di Đà Phật! Tôi đến từ núi Cửu Hoa tinh An Huy”. “Cửa vẫn chưa mở, sao thầy có thể vào đây?” “Ta có thần thông, chỗ nào cũng đều có thể tiến vào”. Sư bày ra một quyển sách dày màu xanh, ghi tám chữ to thếp vàng “*Cửu Hoa Sơn Địa Tạng Vương Bồ Tát*”. Ba chữ Cửu Hoa Sơn viết theo hàng ngang, năm chữ còn lại viết theo hàng dọc. Bốn phía cũng là kim sắc, hết sức sáng ngời. Lão nhân gia chấp tay nói: “Ta đến hóa duyên”. Tôi nói: “Tôi tùy tiện ghi một chút được không?” “Ta không cần tiền! Hôm nay, ta đặc biệt đến nói chuyện với bà”. “Vì sao lão sư phụ biết tôi?” “Ta có thần thông, đã sớm quen biết bà”. Tôi chú ý chiếc mũ màu xanh của Ngài rất đặc biệt, lão nhân gia bèn nói: “Đây là cái mũ thời cổ, ta đã hơn một trăm tuổi rồi”. Bắc ghế mời Ngài ngồi, Ngài chẳng chịu ngồi; dâng trà cũng chẳng chịu uống, chỉ nói: “A Di Đà Phật”.

“Bà là một người có thiện căn, có duyên với Phật. Sau khi đã bốn mươi tuổi, chính bà sẽ mong học Phật. Tới khi đó, bà sẽ hiểu lời ta nói”. “Lão sư phụ vì sao biết tôi?” “Hết thầy mọi chuyện trong lòng người, ta đều biết. Chuyện đời trước của mỗi người ta cũng đều biết. Chuyện một đời, hai đời, ba đời của bà như thế này, như thế nọ, ta sẽ nói cho bà nghe. Nhưng mong rằng trong tương lai, bà hãy khéo tu tập, tu tốt đẹp hơn đời trước! Ta thấy bà trong tâm hoài nghi, khuyên bà chớ hoài nghi, ta có thần thông”. Lúc ấy, tôi thấy lão nhân gia dáng vẻ nghiêm nhiên đạo

mạo dường ấy, đột nhiên tới nói nhiều lời như vậy, lại nhiều lượt nói có thần thông, tôi lại chẳng hiểu rõ thần thông là gì, trong lòng quả thật đang hoài nghi. Ngay trong lúc hoảng hốt, lại bị lão nhân gia vừa nhìn đã thấy ngay, nói toạc ra!

“Tôi không biết Phật là gì, mẹ tôi và mẹ chồng đều cùng tin Quán Thế Âm Bồ Tát, tôi chỉ biết tin Quán Thế Âm Bồ Tát”. “Phật là gì? Bồ Tát là gì? Thánh hiệu của Phật, Bồ Tát rất nhiều. Từ bốn mươi tuổi trở về sau, bà sẽ tự nhiên hiểu. Ta thấy bà dường như vẫn hoài nghi, chẳng tin tưởng cho lắm. Ta nói một ít chuyện trong thực tế vậy. Chẳng hạn như chồng bà là Châu Bang Đạo, đang làm Đốc Học tại bộ Giáo Dục. Diện mạo, tánh tình của ông ta như thế đó, ta nói cho bà nghe, bà sẽ tin tưởng”. “Lão nhân gia vì sao biết ông ta?” “Ta đã sớm biết ông ta, lại còn có thể tùy thời thấy ông ta. Đây là thần thông”. Hai người tớ gái họ Tôn và họ Hứa ở bên cạnh nói xen vào: “Tiên sinh có nhiều bạn bè, mỗi người nói qua nói lại, thầy tự nhiên là biết!” “Được! Trẻ nhỏ nói chung là không được người khác nhắc đến nhiều. Ta sẽ nói về mấy đứa bé vậy. Đứa con thứ tư của bà là Xuân Đề đang ở bên cạnh bà, ta chẳng cần phải nói. Con cả là Xuân Cảnh, con thứ là Xuân Phù, con thứ ba là Xuân Yên, đều đang học tại trường Tiểu Học Liên Hoa Kiều, diện mạo, tánh tình của chúng nó như thế này, như thế nọ, chẳng đúng ư? Nay bà phải nên tin tưởng. Bà là một phụ nữ hiền hậu, có thể hiếu kính bố mẹ ruột lẫn bố mẹ chồng. Đời trước bà có mối nhân duyên đặc biệt với mẹ chồng, cho nên có thể đặc biệt hiếu thuận với bà ta. Chữ Hiếu là điều khăn yếu nhất trong đời người. Bà có thể trọn hết hiếu đạo, đáng quý lắm!”

Năm ấy, đứa con thứ năm là Xuân Đường còn chưa sanh ra, viện bảo sanh thấy bụng tôi to phè phè, sợ có vấn đề, chẳng chịu phụ trách đỡ đẻ, lòng tôi có chút sầu lo. Lão nhân gia còn nói thêm: “Bà hiện thời đang mang thai một bé trai. Xương nó to, cho nên bụng lớn, đừng lo lắng! Chẳng có nguy hiểm gì, tới giờ... ngày... trong tháng Tám sẽ sanh. Sanh nở rất an ổn, thằng bé chẳng khóc tí nào! Tánh tình nó sẽ như thế này, như thế nọ. Bà sanh năm con trai; sau đó, sẽ sanh một gái. Vốn bà có năm trai hai gái, nhưng do đời này chẳng khéo tu, cho nên chỉ có một gái. Khi đứa con gái ấy sanh ra, bà sẽ có một nạn, nhưng ta sẽ thường đến thăm bà, che chở cho bà, bà ngàn vạn phần đừng sợ hãi, chẳng bị nguy hại đến tánh mạng. Bà phải tự phát tâm nguyện, cúng dường dầu thắp đèn trước tượng Phật, Bồ Tát ở Cửu Hoa Sơn, nhiều ít tùy bà nói ra là được rồi... Bà không nói, tôi bảo bà, bà có thể cúng dường một trăm cân dầu thắp đèn, có thể bảo đảm cả nhà bình an, khi sanh con gái, chẳng

bị nguy hiểm lắm may”. “Hai mươi cân được không?” “Được chứ!” Lão nhân gia không viết vào quyển sổ dày Ngài đã lấy ra, mà tiện tay viết một tờ giấy “*Châu Dương Huệ Khanh cúng dường hai mươi cân dầu thắp đèn*”. Bảo tôi thấp ba nén hương, theo Ngài ra sân hướng về phía Tây Nam hành lễ. Lão nhân gia đốt tờ giấy, nói: “Cửu Hoa Sơn đã biết rồi”. Tôi thấy lão nhân gia đi lại, cước bộ nhẹ nhàng như bay, chẳng có tiếng động. Trong tâm rất ngạc nhiên, nhưng chẳng hiểu vì lẽ nào, chỉ hỏi: “Vì sao lão sư phụ biết tên họ của tôi?” “Ta đã nói là ta có thần thông”. “Con cúng cho lão sư phụ một ít tiền”. “Ta chẳng lấy một đồng nào, tay chưa hề cầm đồng nào. Bà gởi dầu tinh sạch đến là được rồi. Nếu bà tự mình đưa đến, ta sẽ đích thân tiếp đãi bà. Nếu sai người đưa đến, bản thân ta sẽ chẳng ra tiếp. Bà có thể bảo cô ta (chỉ vào cô họ Tôn), cô ta là người huyện Sào tỉnh An Huy, sẽ biết! Bảo cô ta đặt ở điện X... là được rồi” (lúc ấy, có ghi lại tên tòa điện đó, nhưng trong thời gian kháng chiến, phải tản cư, tiếc là đã đánh mất chi tiết ấy).

Cô Hứa lại nói chen vào: “Thầy nói chẳng cần tiền, xin dầu thì có khác gì muốn tiền đâu?” “Người biết chuyện gì à? Tiền thân của người là gì? Đáng thương cho người, ta chẳng muốn nói. Bà chủ của người là một người tốt, ta đặc biệt đến tìm bà ta nói chuyện, người chẳng cần phải rườm rà! Thời gian chẳng còn sớm nữa. Chồng bà sắp tan sở, trở về, tánh tình ông ta rất nóng nảy, bộp chộp, ắt sẽ cho ta là một hòa thượng tầm thường hóa duyên đòi tiền, nhất định sẽ chửi mắng ta. Bà chớ nên tức giận, ta cũng chẳng giận. Tâm địa ông ta tốt lành, nổi nóng rồi thôi, chẳng có chuyện chi nữa! Năm trước có một gã người Thượng Hải, mạo nhận là bạn của chồng bà, lừa bà một món tiền, ông ta đã mắng bà một trận um sùm, đúng chưa? Món tiền đó là do đời trước bà thiếu gã đó, đưa trả hẳn là tốt nhất. Chớ nên khổ sở khóc lóc nữa!” (Tôi vì chuyện ấy, quả thật là thường rơi lệ, khổ sở!)

Chồng tôi ở Nam Kinh, tuy thường tới Chi Na Nội Học Viện, thân cận thầy ông ta là lão cư sĩ Châu Thiếu Do, cũng từng bỏ tiền in kinh, đã từng xin bài minh để khắc ở mộ mẹ từ Nghi Hoàng đại sư Âu Dương Cánh Vô tiên sinh. Trong bài minh có câu: “*Xoay vần trong cõi tam thiên, chỉ có sức kinh, Bang Đạo chẳng mê, công đức dững mãi, ta vì mẹ làm bài minh, đã sanh cõi Cực Lạc*”. Nhưng ông ta chưa từng nghe kinh, chưa nghe Phật pháp, chưa hiểu ý nghĩa của Tăng. Lại do quan niệm “bài trừ mê tín” thuở ấy mê hoặc, tư tưởng mâu thuẫn. Lại do năm trước tôi bị người ta gạt tiền, ông ta luôn nghĩ tôi dễ bị kẻ khác lừa bịp! Sau khi ông ta trở lại, chưa hỏi căn do, quả nhiên đã nổi cáu, bảo tôi chớ

nên tùy tiện ghi quyên tặng, các hòa thượng phần nhiều hóa duyên là vì danh, mà cũng là để tự no âm, tự lợi! Lão nhân gia cười nói: “Ta đã sớm biết ông sẽ tức giận, chẳng cần mắng ta, cũng đừng mắng vợ ông. Trong tương lai, ông còn cần bà ta hóa độ, giúp đỡ ông. A Di Đà Phật! A Di Đà Phật!”

Cô Hứa đưa lão nhân gia ra cửa, vừa ra khỏi cửa, liền chẳng thấy bóng dáng đâu nữa. Cô ta trở về thưa với tôi: “Lão sư phụ vừa ra ngoài, liền chẳng thấy đâu nữa, chẳng biết là vì lẽ nào!” Do chuyện này, tôi bị não vạn phần, lại thật sự chẳng hiểu là vì lẽ nào? Những lời lão sư phụ đã nói, cũng chẳng dám kể cận kề với chồng. Bất quá, lão nhân gia áo mào châu ngọc, tiếng nói, vẻ tươi cười, từng lời từng chữ đều ghi khắc sâu đậm trong đầu tôi. Quả nhiên vào giờ ấy, ngày ấy trong tháng Tám, cháu thứ năm là Xuân Đường lọt lòng, sanh ra liền lẳng lẳng ngủ, chưa từng nghe tiếng khóc. Mẹ lẫn con đều bình an. Tháng Giêng năm Dân Quốc 26 (1937), sanh con gái út Xuân Viên, tôi bị viêm màng bụng, tình thế khá nguy kịch. Trị liệu hơn một tháng mới chuyển nguy thành an. Những chuyện này hoàn toàn phù hợp với những điều lão sư phụ đã nói ngày hôm đó.

Quân kháng chiến [chống Nhật Bản xâm lăng Trung Hoa] nổi dậy, [gia đình tôi] vội vàng rời Nam Kinh trở về đất Cám (Giang Tây)<sup>59</sup>. Tháng Giêng năm Dân Quốc 27 (1938), nhà tôi theo lệnh của bộ Giáo Dục kiêm nhiệm chức hiệu trưởng trường Trung Học Quốc Lập thứ ba, cả nhà từ Thụy Kim dời về huyện Đồng Nhân thuộc Quý Châu. Mùa Xuân năm Dân Quốc 30 (1941), nhà tôi được chuyển làm Tham Sự ở viện Khảo Thí, phải theo Bộ Giáo Dục [của chính quyền Quốc Dân Đảng] sang thủ đô thứ hai là Trùng Khánh<sup>60</sup>, mẹ con tôi vẫn sống tại Đồng Nhân. Tôi nghĩ đã không phụng dưỡng mẹ chồng gần mười năm, trong lòng hết sức khó chịu, hễ nghĩ tới liền khóc. Tháng Chín năm đó, khi tôi bắt đầu bước vào tuổi bốn mươi, càng thêm tưởng nhớ, thường mong muốn báo ân mẹ chồng. Có người nói, muốn báo ân cụ thì phải lễ Phật, niệm kinh Huyết Bồn. Bà Vạn Phi Vân theo Đạo giáo nói bà sẽ đến dạy tôi niệm, nhưng tôi phải bái bà ta làm thầy. Chẳng biết vì sao, tôi

---

<sup>59</sup> Cám Thủy là con sông lớn nhất ở tỉnh Giang Tây, nên Giang Tây thường được gọi là đất Cám.

<sup>60</sup> Khi đó, thủ đô của Trung Hoa Dân Quốc là Nam Kinh đã bị quân Nhật chiếm đóng, chính quyền Tưởng Giới Thạch phải thiên đô về Trùng Khánh, tỉnh Tứ Xuyên. Các cơ quan đầu não đều dời về Trùng Khánh.



không muốn cho lắm, hẹn lần hẹn nữa, rốt cuộc chẳng đến nhà bà ta! Trong tháng Ba năm Dân Quốc 31 (1942), một đêm mộng thấy hai vị Tăng to lớn, vị thứ nhất khoác ca-sa, để hở vai trái, hai tai to rủ xuống. Vị thứ hai mặc áo hải thanh, cả hai đều đi chân trần. Vị thứ hai vào cửa, gọi tên họ tôi, hỏi tôi có còn cất giữ xâu chuỗi La Hán bằng gỗ bách hay không? (Đây là xâu chuỗi thỉnh từ vị lão tăng ở miếu Trung Nhạc tại Tung Sơn khi nhà tôi làm Đốc Học tỉnh Hà Nam). Vị thứ nhất nói: “Bà đừng nóng ruột, trong tương lai có dịp, tôi sẽ giới thiệu cho bà”. Tôi chẳng biết giới thiệu chuyện gì, chỉ thuận miệng thưa: “Xin sư phụ lưu tâm”. Tới ngày Mười Chín tháng Sáu, khi miếu Đông Nhạc ở Đồng Nhân làm pháp hội Quán Âm, bỗng có người lớn tiếng nói: “*Quy y Tam Bảo, quy y Tam Bảo*”, nói ba bốn lượt! Người này hỏi người kia là ai nói, ai nấy đều nghe tiếng, lại chẳng biết quy y Tam Bảo là gì? Sau khi thưa hỏi thầy Khoan Ngạn, mới biết Tam Quy Y có nghĩa là gì. Chúng tôi muốn xin quy y, thầy lại chẳng muốn, bảo: “Trong lúc Kháng Chiến, ty nạn còn chẳng xuể, quy y nổi gì? Trong tương lai, đến núi Phổ Đà quy y tốt hơn”. Thỉnh cầu mãi, Sư mới miễn cưỡng đáp ứng, nói: “Tôi chẳng muốn cho các vị quy y, chỉ sợ Phật, Bồ Tát muốn cho quý vị quy y”. Vì thế, tạm thời cử hành nghi thức quy y qua loa. Đây là lúc tôi bắt đầu quy y Tam Bảo, bốn mươi tuổi về sau sẽ tin Phật, học Phật, điều ấy đã được chứng nghiệm. Nhưng đối với lời lão sư phụ đã nói trong mấy năm trước, khi đó quên bẵng, chẳng nhớ tới!

Sau khi quy y, thầy Khoan Ngạn dạy tôi niệm chú Đại Bi. Tôi lại xin thầy dạy niệm kinh Kim Cang, thầy không chịu, bảo: “Bà không hiểu, niệm làm chi?” Một đêm, tôi mộng thấy một vị lão hòa thượng dạy tôi niệm kinh Di Đà. Niệm xong, có chiếc thuyền từ trên hư không bay qua, tôi ngạc nhiên hỏi: “Vì sao thuyền bay được?” Lão hòa thượng nói: “Đây là vật chẳng dễ thấy”. Nhìn lại, chẳng thấy chiếc thuyền bay nữa, cũng chẳng thấy lão hòa thượng đâu! Trong tay, chỉ có một quyển kinh Di Đà. Tỉnh giấc, kinh Di Đà cũng chẳng có; nghĩ lại, dung mạo và thần thái của lão hòa thượng đã gặp tại nhà ở Nam Kinh thập phần tương tự. Từ đó về sau, thường nhớ tới vị lão hòa thượng năm đó. Sáng hôm sau, thầy Khoan Ngạn tới, tôi thưa lại chuyện tối hôm qua mộng thấy đọc kinh Di Đà, cũng hỏi han kinh Di Đà nói về điều gì, được thầy giảng giải đại lược đôi chút. Chiều hôm đó, đem sách ra phơi, cháu Xuân Yên phát hiện một quyển kinh Phật do tiên sinh Trương Mặc Quân in tặng (các sách vở ở Nam Kinh đều chẳng mang theo, chẳng biết sao lại xen lẫn quyển kinh này, cũng là nhân duyên thù thắng). Kinh Kim Cang, kinh Di

Đà, kinh Vô Lượng Thọ, Tâm Kinh, Đại Bi Chú v.v... đều có đủ trong ấy. Tôi hoan hỷ, hớn hở, bèn phát tâm niệm kinh, niệm chú, sáng tối đều có thường khóa, vui thích chẳng chán.

Nhà tôi trong lúc kháng chiến, phát tâm niệm tụng kinh Ma Lợi Chi Thiên<sup>61</sup>; lão cư sĩ Châu Thiệu Do gửi thư dặn niệm tụng kinh Di Đà và thánh hiệu Quán Âm. Sau khi tới Trùng Khánh, chồng tôi thân cận tiên sinh Đới Quý Đào, chịu ảnh hưởng của ông ta, ý niệm tin Phật dần dần kiên cố, chọn lựa chừng ấy kinh Phật để khuyến điễm trước, sau đó gửi cho tôi ở Đồng Nhân. Tại nhà ở Nam Xương, lập bàn thờ Phật, thường cùng tôi chiêm lễ. Sau khi đến Đài Loan, do được cụ Long Kiện giới thiệu, cùng quy y với lão pháp sư Hư Vân thuộc chùa Nam Hoa, cũng trở thành đệ tử thường theo hầu của lão cư sĩ Lý Tuyết Lư (Lý Bình Nam), nghe kinh, học Phật, khá có tinh tấn. Đây là nói đại khái về nhân duyên học Phật của ông ta.

Vào dịp thánh đàn Địa Tạng Vương Bồ Tát trong tháng Bảy năm Dân Quốc 42 (1953), Tuyết sư (cụ Lý Bình Nam) tặng chồng tôi mấy chục bức tranh Địa Tạng Vương Bồ Tát. Tôi thấy áo, mào, chuỗi ngọc trong tranh chẳng khác vị lão tăng trăm tuổi núi Cửu Hoa tôi đã gặp tại nhà ở Nam Kinh năm Dân Quốc 24 (1935) cho mấy, bất quá diện mạo trẻ hơn, trong tay có thêm tích trượng mà thôi! Vì thế, nhớ lại các sự thật do Ngài đã nói, những điều chứng nghiệm từ đầu đến cuối kể lại cho chồng. Nhà tôi kinh hãi, nhảy dựng lên hỏi: “Linh tích hiếm có như thế,

---

<sup>61</sup> Ma Lợi Chi Thiên (Marīci), dịch nghĩa là Dương Viêm, Oai Quang, Dương Quang, Ma Lợi Chi Thiên Bồ Tát, Nhật Tiền Bồ Tát, Tích Quang Thiên Bồ Tát, Cụ Quang Phật Mẫu, Tích Quang Phật Mẫu v.v... thuộc về Như Lai Bộ trong Mật Giáo. Ngài được coi là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, có bốn nguyện tiêu tai chướng, tăng phước, mãn nguyện cho chúng sanh. Tượng Ngài thường được tạc dưới hình dạng thiên nữ, ba mặt, mỗi mặt có ba mắt, tám tay, đứng trên một con lợn, hoặc ngồi trên ba con lợn kim sắc. Có khi là ngồi trên xe báu do bảy con lợn kim sắc kéo. Trong Mật Giáo, Ngài là một trong Đa La Tam Tôn, tức Đa La Bồ Tát (Tara, Độ Mẫu), Ma Lợi Chi Thiên, và Nhất Kế La Sát Vương (Ekajātā-raksha). Ấn Quang đại sư đã dạy: “*Ma Lợi Chi Thiên tuy hiện thân trời, thật sự là Bồ Tát. Do tâm độ sanh tha thiết, lòng cứu khổ ân cần, cho nên nói chú ấy để làm cái gốc cứu độ. Nếu ai mỗi ngày trì tụng chú ấy càng nhiều càng hay. Dẫu gặp các tai nạn nước, lửa, đao binh v.v... cũng đều gặp hung hóa cát*”. Chú ngữ của Ma Lợi Chi Thiên rất nhiều, nhưng được trì tụng nhiều nhất là bài chú: “*Namah samanta buddhānām. Om, Marīcī svāhā*” (Nam-mô tam mãn đa bột đà năm, án, ma lợi chi sa ha). Tổ Ấn Quang dạy thêm: “*Nếu không biết chữ, không có trí nhớ, chỉ chí thành niệm nam-mô Ma Lợi Chi Thiên Bồ Tát, thì lợi ích cũng giống như trì chú*”.

chắc phải là hóa thân của Địa Tạng Vương Bồ Tát, sao bà không nói sớm cho tôi biết, khiến tôi chịu tội đến nay? Vì bà phát Bồ Đề tâm và đại nguyện, tôi cũng chỉ biết có chừng hạn, một đức, một tâm, theo nhau cùng tu trì, đây chẳng phải là do chính bà đã độ tôi, giúp tôi ư?” Vì thế, cung kính lễ bái, sám hối sâu đậm, thiết tha.

Trong tháng Mười Hai, chùa Bảo Thiện tại Đài Trung thỉnh pháp sư Bạch Thánh giảng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện. Pháp sư vốn xuống tóc tại núi Cửu Hoa, khi giảng kinh, thường nhắc đến các chuyện linh ứng thị hiện của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Trong kinh, cũng nhiều lượt nói tới đạo lý cúng dường chiêm lễ, hoặc tạo tháp tự, hoặc đắp vẽ hình tượng, hoặc thắp đèn dầu. Do vậy, nghĩ đến chuyện trước kia, cũng thưa cặn kẽ đầu mối với pháp sư. Cũng hỏi: “Cửu Hoa có vị lão hòa thượng hơn trăm tuổi có thần thái như thế hay không?” Pháp sư nói: “Tôi ở Cửu Hoa nhiều năm, chưa hề nghe, chưa hề thấy vị lão hòa thượng nào ngoài trăm tuổi. Vị ấy chắc là hóa thân của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Ngài lấy ra một quyển sách dày, ngoài bìa có mấy chữ to thiếp vàng cho bà xem, chẳng chịu mở ra để viết tiền quyên góp, bước đi lại nhẹ lướt như thế. Đó là một loại thị hiện chẳng thể nghĩ bàn! Địa Tạng Vương Bồ Tát thường có linh tích hóa thân dạo khắp, người ở các nơi phụ cận phần nhiều bàn luận say sưa!”

Qua lần thưa hỏi này, có thể nói là đã đạt được chứng cứ khá tin cậy, có thể chứng minh cho chuyện vào mười tám năm trước khác hẳn tầm thường, chứng minh hóa thân của Địa Tạng Vương Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn. Thuở đó, “nhục nhãn chẳng thấy thánh nhân, nhục nhãn chẳng thấy Phật, Bồ Tát”, đến nỗi bỏ lỡ cơ duyên khó gặp gỡ trong cuộc đời, chưa thể hỏi nhiều về nhân quả, xin được khai thị cho nhiều, lại còn mạo phạm, khinh nhờn tôn nghiêm, đến nỗi chuộc lấy tội ác. Đúng là hối hận thì đã muộn rồi, trăm thân khó chuộc được! Vì thế, nhà tôi và tôi kính cẩn hiến cúng hai mươi cân dầu sạch trước tòa của Địa Tạng Bồ Tát tại chùa Bảo Thiện, ngõ hầu đền tạ nguyện cũ. Chí thành khẩn thiết, xót xa, dốc một niềm thống thiết, năm vóc gieo sát đất, xót xa lễ sám, mong cho biển lặng sóng trong, sẽ đến được núi Cửu Hoa, “*bi luyến chiêm lễ*”, những mong ngăn dứt nghiệp chướng, hồi hướng pháp giới. Tháng năm thấm thoát, từ thuở lễ sám năm ấy đến nay đã sắp hết một năm rồi. Kính cẩn ghi đại lược đầu đuôi, thưa bày trung thực để nói với các đồng tu, và cung kính trích dẫn lời kệ của đức Thế Tôn trong phẩm Kiến Văn Lợi Ích của kinh Bản Nguyện:

*Ngô quán Địa Tạng oai thân lực,*

Hằng hà sa kiếp thuyết nan tận.  
Kiến văn chiêm lễ nhất niệm gian,  
Lợi ích nhân thiên vô lượng sự.  
Dục tu Vô Thượng Bồ Đề giả,  
Nãi chí xuất ly tam giới khổ.  
Thị nhân ký phát đại bi tâm,  
Tiên đương chiêm lễ Đại Sĩ tượng.  
Nhất thiết chư nguyện tốc thành tựu,  
Vĩnh vô nghiệp chướng năng giá chi.  
(Ta xem Địa Tạng sức oai thần,  
Hằng hà sa kiếp nói khó tròn.  
Thấy nghe, chiêm lễ trong một niệm,  
Lợi ích trời, người vô lượng sự.  
Kẻ muốn tu Vô Thượng Bồ Đề,  
Cho đến thoát lìa tam giới khổ.  
Kẻ đó đã phát tâm đại bi,  
Trước nên chiêm lễ tượng Đại Sĩ.  
Hết thấy các nguyện mau thành tựu,  
Nghiệp chướng vĩnh viễn chẳng ngăn trở).

**31. Bàn về cách cứu tế khẩn cấp đối với người sắp lâm chung bằng kinh Địa Tạng**

*Giới Bảo ghi*

Thường nghe nói Phật, Bồ Tát vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, dẫu kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác vẫn chẳng ghét bỏ. Người viết đã được chứng thực tợ hào chẳng sai! Người viết học Phật đã hai năm, trước khi học Phật, đầu óc toàn là tư tưởng cốt sao có lợi cho mình, làm bất cứ chuyện gì cũng suy nghĩ vì tư lợi, vì đạt được mục đích mà chẳng từ thủ đoạn. Trong xã hội với tình trạng đạo đức ngày càng suy đồi, luôn sợ mình chẳng đủ quyền xảo để giành phần thắng. Do vậy, riêng ưa chuộng học vắn theo kiểu binh pháp tung hoành, thường đắc ý chính mình lắm mưu nhiều kế, nhưng nhân duyên lại càng lúc càng kém cõi, khổ não ngày càng nhiều. Ngẫu nhiên, hai năm trước thấy nghe Phật pháp, giống như uống một vị thuốc thanh lương, thân tâm đột nhiên thanh thản, sáng khoái. Từ đó về sau, tin tưởng, hành theo Phật pháp, đọc kinh, lạy Phật, giữ yên bốn phận, cuộc sống an thuận hơn trước kia rất nhiều. Mỗi lần gặp nạn cấp bách, cầu Phật, Bồ Tát gia bị, vô hình trung dường như có

sự giúp đỡ thần diệu, khó khăn thường là bất tri bất giác tan mất. Lần này gia mẫu lâm chung, tự cảm thấy sự cảm ứng khá rõ ràng, nguyện đem chuyện từng trải thừa trình để các đồng tu tham khảo.

Tiên mẫu họ Ngô, đã sớm quy hướng, tin tưởng Nhất Quán Đạo, ăn chay trường, thần Phật đều lạ. Người viết hai mươi năm trước, chẳng hiểu Phật lý, thường khuyên mẹ ăn thịt để tăng thêm chất dinh dưỡng, do vì một mảnh hiếu tâm. Lâu ngày, quả nhiên nói khiến cho mẹ động lòng thôi ăn chay. Chẳng lâu sau, do không quen ăn mặn, cụ lại tiếp tục ăn chay. Trong thời gian ấy, Nhất Quán Đạo đường và chùa Chánh Tín là nơi mẹ thường đến lễ bái. Không chỉ cúng dường, bố thí, mà còn thường tham gia các pháp hội tiêu tai ở chùa. Ngoài ra, hiểu biết mù mịt, Phật pháp càng khó nghe, mẹ có thể đường xa lễ Phật, đã đáng quý lắm rồi! Gia mẫu sáu năm trước mắc chứng lãng trí của người già (tê bào não lão hóa hoại tử, hiện thời vẫn chưa có thuốc men nào chữa trị được), trí nhớ dần dần mất đi. Khoảng ba năm sau, trí năng hoàn toàn mất đi. Sau đó, ăn uống, đại tiểu tiện đều chẳng thể tự lo liệu! Người viết kiếm sống ở bên ngoài, toàn nhờ vào vợ chăm sóc. Tục ngữ có câu: “*Bệnh lâu chẳng có con hiếu*”. Tình cảnh chịu khổ có thể tưởng được! Một năm rưỡi trước đây, người viết được thuyên chuyển về miền Bắc, bèn được hầu hạ mẹ. Lúc ấy, mẹ đã không thể nhận biết con ruột, nhưng thân thể khỏe mạnh như cũ. Do mẹ hành động lệch lạc, để ngăn ngừa mẹ mở gas, điện, nước, tiêu tiểu bừa bãi, lạc đường v.v... người viết đã toan tính sắp xếp rất nhiều biện pháp cho cụ, nhưng đều vô hiệu. Cuối cùng, đành phải để cụ ở một gian phòng duy nhất hơn hai năm.

Tôi nhớ mẹ đã chịu khổ nhiều năm, suốt sáu mươi năm, ngày đêm vất vả làm lụng không nghỉ nơi ruộng vườn trên núi. Cụ tiết kiệm đến nỗi đậu hủ chẳng nở mua nhiều! Nay con cái khôn lớn, là lúc có thể an nhàn đôi chút, liền mắc phải bệnh tật chẳng biết cách nào như thế. Đòi người khổ sở, những điều từng trải của mẹ khiến tôi khắc cốt minh tâm trần thuật. Trước khi mẹ tôi lâm chung ba ngày, thần chí mơ hồ cực điểm (khi đó, cụ đã bảy mươi hai tuổi). Trời lạnh buốt, vừa mới giúp mẹ mặc áo dày, cụ lại cởi ra ngay, thường xuyên vì thế mà lạnh run lấy bầy. Đại tiểu tiện lại càng là nan đề khó thể đề cập. Mắt thấy mẹ tôi bị hành hạ như vậy, khiến tôi nghĩ tới địa ngục, nhớ tam giới như nhà lửa, biển khổ chẳng có ngăn mé, than thở mẹ làm sao kham nổi! Ngày Hai Mươi Tám tháng Chín năm Dân Quốc 72 (1983), bỗng tôi có nỗi xúc động muốn tháo tung các trời buộc bởi truyền thống đạo đức: “Mẹ tôi bị bệnh khổ hành hạ như thế, sao bằng vì mẹ cầu sanh Tịnh Độ? Làm như thế có

phạm tội bất hiếu hay không?” Trải qua sự giãy giụa không ngừng giữa mâu thuẫn tình cảm và lý trí, vẫn khó thể quyết định. Cuối cùng, tôi đến Kim Sơn Thiên Tự, thỉnh giáo vị thầy quy y là lão pháp sư Tri Giác, mong thầy từ bi chỉ dạy: “Vì mẹ cầu sanh Tịnh Độ thì có trái nghịch hiếu đạo hay không?” Vì thế, đối trước Phật, hằng ngày ngoài niệm Phật một ngàn câu, tụng chú Đại Bi hai mươi lượt trở lên, và tùy phần tùy sức tu các công đức, chủ yếu là hồi hướng cho mẹ cầu sanh về Tịnh Độ, mãi cho đến khi mẹ hết báo thân. Và cũng hằng ngày đối trước Phật cầu nguyện:

1) Khiến cho mẹ giảm bớt khổ sở, sớm sanh về Tịnh Độ. Hết thầy tội nghiệp, khổ báo của mẹ đều do tôi chịu thay.

2) Khi mẫu thân lâm chung, giảm bớt đau khổ, an tường xá báo.

3) Khiến cho tôi được hầu bên cạnh, trợ niệm Phật hiệu, giúp mẹ sanh Tây. Mẹ tôi tuy bệnh não nhiều năm, thân thể hết sức cường tráng. Đột nhiên, vào chiều ngày Hai Mươi Ba tháng Chạp năm Dân Quốc 72 (1983), mẹ tôi nằm trên giường không dậy nổi, thức ăn không nuốt được. Tôi vốn tính đưa vào bệnh viện, chỉ sợ mẹ tuổi đã cao, nếu có chuyện bất trắc, sẽ đâm ra hại cho chánh niệm, liền để sẵn sóc tại nhà, ngày đêm niệm Phật, vì mẹ cầu sanh Tịnh Độ. Trải qua hai ba ngày, mẹ nằm trên giường như cũ, phần lớn là đang ngủ mê mết. Hoàn toàn chẳng có biểu tình thông khổ, nhưng thân thể nhanh chóng gầy yếu. Người biết mẹ chẳng lâu nữa sẽ rời cõi đời, nhớ tới mẹ suốt đời chịu khổ, trai giới hơn mười năm, đời này đã mãn, há có thể chẳng vì mẹ tính toán cho đời sau ư? Ngoài việc càng cố gắng niệm Phật ra, bỗng nhớ phẩm thứ mười hai, tức Kiến Văn Lợi Ích trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên có dạy: *“Lâm mạng chung thời, phụ mẫu, quyến thuộc, tương thị mạng chung nhân xá trạch, tài vật, bảo bối, y phục, tồ họa Địa Tạng hình tượng, hoặc sử bệnh nhân vị chung chi thời, nhân nhĩ kiến văn, tri đạo quyến thuộc, tương xá trạch, bảo bối đẳng, vị kỳ tự thân, tồ họa Địa Tạng Bồ Tát hình tượng. Thị nhân nhược thị nghiệp báo, hợp thọ trọng bệnh giả, thừa tư công đức, tâm tức trừ dữ, thọ mạng tăng ích. Thị nhân nhược thị nghiệp báo mạng tận, ưng hữu nhất thiết tội chướng, nghiệp chướng, hợp đọa ác thú giả, mạng chung chi hậu, tức sanh nhân thiên, thọ thắng diệu lạc, nhất thiết tội chướng, tất giai tiêu diệt”* (Khi sắp hết mạng, cha mẹ, quyến thuộc, đem nhà cửa, tài vật, của báu, quần áo của người mạng chung ấy dùng tạc hoặc vẽ hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, hoặc khiến cho bệnh nhân khi chưa chết, mắt thấy, tai nghe, biết quyến thuộc đem nhà cửa, vật báu v.v... vì chính thân mình mà đắp vẽ hình tượng Địa Tạng

Bồ Tát. Người ấy nếu do nghiệp báo, đáng bị bệnh nặng, thì nhờ vào công đức ấy liền được hết bệnh, bình phục, thọ mạng tăng thêm! Nếu người ấy do nghiệp báo đã hết mạng, có hết thấy các tội chướng và nghiệp chướng đáng đọa vào đường ác, [nhưng do công đức đắp vẽ hình tượng Bồ Tát], sau khi mạng chung, liền sanh trong làm trời hay người, hưởng sự vui thù thắng, nhiệm mầu, hết thấy tội chướng thấy đều tiêu diệt). Vì thế, mau chóng tính dùng hai vạn đồng ấn tống kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên (tôi vốn cũng mong tạo thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát, nhưng lâm thời chẳng xếp đặt thích đáng, cho nên chẳng tạo), và kinh Kim Cang, sách Sự Kiện Lớn Nhất Lúc Lâm Chung, ba loại kinh sách để kết duyên cùng đại chúng, cũng quyên tặng một bức kim thân Phật trong số một ngàn vị Phật tại Di Lạc Nội Viện ở Tịch Chi. Sau đó, kể sát tai mẹ, thưa rõ từng điều: “Mẹ ơi! Mẹ trước kia ăn chay lễ Phật, tin Phật. Cho nên con nay đem số tiền do mẹ vất vả vất vả chiu, lấy ra hai vạn đồng để in tạo kinh, tượng. Trước kia, mẹ thường quyên cúng tiền nhang đèn, lợp chùa. Mùa Hạ thí nước trà, mùa Đông, cúng gạo trắng, quần y phục... làm rất nhiều thiện sự, Phật, Bồ Tát sẽ gia hộ mẹ, A Di Đà Phật sẽ đến tiếp dẫn mẹ. Người khác đến dẫn mẹ đi, mẹ đừng theo nhé! Chỉ có A Di Đà Phật đến thì mới có thể theo Ngài ra đi nhé!” Cũng thỉnh tượng Tây Phương Tam Thánh cho mẹ xem. Hằng ngày luôn nhắc nhở mẹ mấy lượt như thế.

Tới khi mẹ nằm trên giường đã bảy ngày, khi chúng tôi di chuyển thân thể hoặc chân tay của mẹ, mẹ rất đau đớn, phát ra tiếng kêu đau ngăn trở, tôi lại nghĩ đến chuyện có nên đưa mẹ vào bệnh viện hay không. Lúc đó, mẹ đã gầy như que củi, hiển nhiên là không có cách nào chịu đựng được sự đau đớn do di chuyển, hơi động đến đã kêu đau. Nhưng nếu mẹ vẫn có thể sống được một khoảng thời gian khá dài, làm sao tôi có thể không đưa bà đến bệnh viện để tìm cách giảm bớt nỗi đau khổ cho bà? Trong lúc ấy, mời thầy thuốc đến chích, nỗi đau khổ vẫn chưa giảm bớt.

Trong khi tiền thoái lưỡng nan, do dự như thế, tôi lại nghĩ tới phẩm thứ sáu của kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, tức phẩm Như Lai Tán Thán có dạy: *“Nhược vị lai thế, hữu nam tử, nữ nhân, cứu xử sàng chẩm, cầu sanh, cầu tử, liễu bất khả đắc. Hoặc dạ mộng ác quỷ, nãi cập gia thân, hoặc du hiểm đạo, hoặc đa yếm mị, cộng quỷ thần du, nhật nguyệt tuế thâm, chuyển phục uông sai, miên trung khiêu khổ, tham thế bất lạc giả. Thử giai thị nghiệp đạo luận đối, vị định khinh trọng, hoặc nan xả thọ, hoặc bất đắc dĩ. Nam nữ tục nhân, bất biện thị sự, đản*

đương đối chư Phật, Bồ Tát tượng tiền, cao thanh chuyển đọc thử kinh nhất biến. Hoặc thủ bệnh nhân khả ái chi vật, hoặc y phục, bảo bối, trang viên, xá trạch, đối bệnh nhân tiền, cao thanh xưng ngôn, ngã mô giáp đấng, vị thị bệnh nhân, đối kinh tượng tiền, xá chư đấng vật. Hoặc cúng dường kinh tượng, hoặc tạo Phật, Bồ Tát hình tượng, hoặc tạo tháp tự, hoặc nhiên du đấng, hoặc thí thường trụ. Như thị tam bách bệnh nhân, khiến linh văn tri. Giả linh chư thức phân tán, chí khí tận giả, nãi chí nhất nhật, nhị nhật, tam nhật, tứ nhật, chí thất nhật dĩ lai, đản cao thanh bạch, cao thanh độc kinh, thị nhân mạng chung chi hậu, túc ương trọng tội, chí ư ngũ vô gián tội, vĩnh đắc giải thoát. Sở thọ sanh xứ, thường tri túc mạng” (Nếu trong đời vị lai, có nam tử, nữ nhân, nằm trên giường bệnh lâu ngày, cầu sống hay cầu chết đều trọn chẳng thể được. Hoặc đêm mộng thấy ác quỷ, cùng với người nhà, hoặc đi trong đường hiểm, hoặc hay bị bóng đè, cùng đi với quỷ thần. Lâu ngày chầy tháng, chuyển thành gầy mòn, ho lao, kêu rên đau khổ trong giấc ngủ. Đó đều là do còn phải đối biện về nghiệp đạo [trong cõi âm], chưa định tội nặng hay nhẹ, nên khó xả thọ, hoặc chẳng được lành. Mất trần tục của nam nữ chẳng biện định được chuyện này, chỉ nên đối trước tượng của chư Phật, Bồ Tát, lớn tiếng chuyển đọc kinh này một lần. Hoặc lấy vật bệnh nhân yêu mến, hoặc y phục, vật báu, trang trại, vườn, nhà cửa, đối trước bệnh nhân, lớn giọng xưng rằng: “Tôi tên là... vì bệnh nhân này, đối trước kinh, tượng tiền mà xá các vật. Hoặc cúng dường kinh tượng, hoặc tạo hình tượng của Phật, Bồ Tát, hoặc tạo chùa tháp, hoặc thấp đèn dầu, hoặc bố thí cho thường trụ”. Bạch với bệnh nhân ba lượt như thế khiến cho họ nghe biết. Giả sử các thức phân tán, cho đến khi tắt hơi, cho đến một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, cho đến bảy ngày trở lại, chỉ nên lớn tiếng bạch, lớn tiếng đọc kinh. Sau khi người ấy mạng chung, túc ương trọng tội, cho đến tội ngũ vô gián vĩnh viễn được giải thoát. Sanh về bất cứ chỗ nào, thường biết túc mạng).

Trong mười hôm trước, chúng tôi không ngừng xưng niệm Phật hiệu, chưa xét đến chuyện then chốt là lúc mẹ mạnh khỏe vẫn chưa tu pháp môn Niệm Phật, sợ khó tương ứng. Nay bỗng nhớ tới câu trên, liền lập tức vì mẹ niệm kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên một lần. Sau đó, lại niệm một ly nước đại bi cho mẹ uống. Tới chiều ngày hôm sau, khi xoay thân mẹ để xoa bóp, bất ngờ nhận thấy mẹ chẳng lộ vẻ thống khổ, tinh thần thoải mái, an tường. Chúng tôi liên tục niệm Phật chẳng bỏ sót, cũng thường hai tay nâng tượng Tây Phương Tam Thánh cho mẹ xem, cũng kể cho cụ nghe rất nhiều việc thiện đã làm trước kia, Phật, Tổ sẽ



dẫn cụ sang Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói ra cũng rất lạ, vốn là từ vài năm trước, mẹ tôi thân chí chẳng rõ, nay dường như nghe hiểu. Mỗi lần đối trước cụ nói như vậy, hốc mắt cụ sẽ đong đầy nước mắt. Mấy chục hôm trước, anh em chúng tôi gom góp bảy vạn đồng cúng dường Tam Bảo, cũng đều thưa rõ với mẹ từng chuyện. Và cũng hằng ngày niệm Phật, lay Phật, khẩn cầu Phật quang gia bị, khiến cho mẹ thuận lợi sanh Tây. Tới mười một giờ đêm ngày thứ mười ba, dùng bột tảo mà mẹ thích ăn bón cho cụ một thìa lớn. Tiếp tục niệm Phật không ngừng, tôi cảm thấy tinh thần tươi tỉnh, chẳng tính đi ngủ, lại thỉnh tượng Tây Phương Tam Thánh cho mẹ xem. Mẹ mở to mắt nhìn, nhìn đến lúc mười hai giờ năm mươi lăm phút, mẹ thở nhanh hơn. Năm phút đồng hồ sau liền tắt hơi, chẳng giãy giụa mà qua đời. Người viết cùng vợ và em trai một mực niệm Phật đến tám giờ sáng, mời pháp sư trợ niệm đến giữa trưa. Những lúc gián cách thì dùng máy ghi âm phát ra tiếng niệm Phật. Từ đó trở đi, quyển thuộc lục tục kéo tới, quả trách: “Vì sao không sớm giúp tắm rửa, thay quần áo cho cụ? Lúc thân thể cứng ngắc như thế làm sao mặc được?” Người viết chẳng rảnh đâu để giải thích, cứ cười trừ mặc họ chửi mắng. Tới ba giờ rưỡi chiều, tắm rửa, thay quần áo cho mẹ, nào ngờ toàn thân cụ mềm mại như thường, mọi người cũng chẳng còn nói gì được nữa! Ngày hôm sau, khi nhập quan (đã ba mươi ba tiếng đồng hồ trôi qua), nhận thấy di thể của mẹ vẫn mềm mại như cũ.

Lo liệu hậu sự cho mẹ, chúng tôi cũng bị một số thân hữu chê trách. Thế tục luôn cầu náo nhiệt, đẹp mặt, chúng tôi coi trọng họa phước của mẹ, tận lực tiết kiệm, chuẩn bị đem số tiền tiết kiệm được để dùng vào việc hữu ích. Tuy tận lực sắp xếp, bàn bạc, vẫn chẳng tránh khỏi làm một số việc vô nghĩa như lãng hoa, đội âm nhạc, đồ cúng, xây mộ, đồ tang, các vật linh tinh v.v... lãng phí bốn năm vạn đồng. Kế đó, liên quan đến chuyện siêu độ. Trong xã hội hiện thời, phổ biến chuyện làm công đức cho người đã mất: Tang gia thỉnh người xuất gia làm Phật sự, chẳng có chút ý nghĩa bố thí, cúng dường nào, càng chưa nói tới chuyện cung kính, kiên thành. Họ bàn bạc ỏn thỏa mỗi ngày [tang chủ] phải trả bao nhiêu tiền thì mới đến, giống như giao dịch buôn bán, người chết làm sao hưởng lợi ích thực tế cho được? Noi theo huân thị trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên thì biết, nói “*tu phước siêu tiên người mất*” chính là dùng tài vật cung kính cúng dường Tam Bảo (hoặc hiến cho các sự nghiệp từ thiện cũng được). Dùng chuyện ấy để hỏi hướng cho người đã mất, khiến cho vong linh gia tăng phước nghiệp, sanh về chôn lành. Nếu dùng tiền thỉnh kẻ khác niệm kinh, sẽ mất đi ý

nghĩa bố thí, huống hồ đương thời có các đoàn niệm kinh chuyên nghiệp (phần nhiều đều chẳng phải là đệ tử Phật môn, chẳng hiểu Phật pháp, không tu Phật hạnh, chẳng giữ trai giới, lấy đầu ra sức công đức để siêu độ người khác? Chưa kể là thân cư sĩ, chẳng có tư cách nhận bố thí cúng dường). Thậm chí ni cô chạy xe bằng điện xuất hiện. Đó là tiêu tiền để làm chuyện ô nhục, miệt thị thánh pháp, tội lỗi vô lượng! Hiềm rằng tập tục xã hội là như thế, người viết cũng chẳng thể tránh khỏi thói tục để khỏi trái ý mọi người. Chỉ đành trong ngày đưa ma, thỉnh pháp sư đến làm một buổi pháp sự, cũng trong bốn mươi chín ngày, tận lực trừ tính các khoản cúng dường thường trụ Tam Bảo các nơi, hồi hướng cho mẹ phước lực tăng trưởng, vãng sanh Cực Lạc.

Lại còn đến chùa Thừa Thiên ở Thổ Thành lập bài vị vãng sanh cho mẹ. Từ đấy về sau, cứ bảy ngày tới chùa tham dự khóa tụng kinh buổi tối hồi hướng. Trong nhà chẳng hề thỉnh người làm Phật sự, nhưng người viết mỗi ngày đều tụng kinh Di Đà, kinh Địa Tạng, niệm Phật v.v... để hồi hướng cho mẹ. Lại trong thời gian cư tang, cả nhà trì trai, cũng như cúng dường cơm chay cho đại chúng. Sau đó, lại nghĩ tới Pháp Xứng thượng sư ở Liên Hoa Tinh xá tại Tân Điểm (thuộc thành phố Tân Bắc) mỗi tháng làm pháp sự từ thiện siêu độ vong linh. Vì thế, đặc biệt đến đó xin ghi danh. Tôi nhớ pháp hội cầu siêu trang nghiêm, nghiêm túc, thượng sư tác pháp chừng một tiếng rưỡi bèn viên mãn. Vong linh trình diện thọ giáo, thượng sư tợ hồ thấy rõ ràng, nhưng thượng sư tuổi tác đã cao, sợ thân thể lão nhân gia mệt mỏi, chẳng dám hỏi nhiều, đành phải vội vàng cáo từ.

Tử vong là đại sự mà bất cứ ai cũng đều chẳng có cách nào tránh khỏi, họa phước là do một khắc lâm chung, cùng với trong vòng bốn mươi chín ngày, quyền thuộc có thành kính làm phước siêu tiến hay không. Người đã chết rồi, đã chẳng thể tu công đức để tự cứu, chỉ cậy vào quyền thuộc làm phước hồi hướng. Kinh Địa Tạng dạy: *“Tại thất thất nhật nội, niệm niệm chi gian, vọng chư cốt nhục quyền thuộc dữ tạo phước lực cứu bạt. Quá thị nhật hậu, tùy nghiệp thọ báo. Nhược thị tội nhân, động kinh bách thiên tuế trung, vô giải thoát nhật... Nhược hữu vi thực, cập bất tinh cần, thị mạng chung nhân liễu bất đắc lực. Như tinh cần hộ tịnh, phụng hiến Phật, Tăng, thị mạng chung nhân, thất phần hoạch nhất”* (Trong bốn mươi chín ngày, trong mỗi niệm, [người đã chết] đều mong ngóng quyền thuộc ruột thịt tạo phước lực cứu bạt. Sau thời gian ấy, sẽ theo nghiệp thọ báo. Nếu là như thế, tội nhân trải qua trăm ngàn năm, chẳng có ngày giải thoát... Nếu ăn sái phép, và chẳng

siêng năng chuyên ròng, người mạng chung ấy trọn chẳng đặc lực. Nếu siêng ròng, giữ gìn sạch sẽ, cúng dâng Phật, Pháp, Tăng, người mạng chung ấy được một phần trong bảy phần công đức). Cô đức có nói: *“Muốn được lợi ích thực tế từ Phật pháp thì phải cầu từ thành kính”*. Hiện thời, kẻ vì người chết tụng kinh, niệm Phật thì nhiều, nhưng thái độ thành kính chưa chắc mỗi người đều có thể làm được! Hình thức hóa diễn xuất, mua bán theo kiểu thương nghiệp, hết sức trái nghịch bản ý của đức Phật.

Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên là hiệu kinh của Phật giáo, là kinh điển trọng yếu phải đọc dành cho kẻ mong báo hiếu cha mẹ, tôn trưởng. Kinh đặc biệt chú trọng cứu bạt chúng sanh tội khổ sắp đọa vào đường ác. Phẩm thứ mười ba là phẩm Chúc Lụy Nhân Thiên đã dạy: *“Vị lai thế trung, nhược thiên, nhược nhân, tùy nghiệp báo ứng, lạc tại ác thú. Lâm đọa thú trung, hoặc chí môn thủ, thị chư chúng sanh, nhược năng niệm đắc nhất Phật danh, nhất Bồ Tát danh, nhất cú, nhất kệ Đại Thừa kinh điển. Thị chư chúng sanh, nhữ dĩ thần lực, phương tiện cứu bạt. Ư thị nhân sở, hiện vô biên thân, vị toái địa ngục, khiến linh sanh thiên, thọ thắng diệu lạc”* (Trong đời vị lai, dù trời hay người, theo nghiệp mà báo ứng, rơi vào đường ác. Lúc sắp đọa vào đường ác, hoặc đến trước cửa đường ác ấy, các chúng sanh đó nếu có thể niệm danh hiệu một vị Phật, hay danh hiệu một vị Bồ Tát, một câu, một kệ kinh điển Đại Thừa. Đối với các chúng sanh ấy, ông hãy dùng thần lực phương tiện cứu bạt. Ở chỗ người ấy, hiện vô biên thân, nhằm phá tan địa ngục, khiến cho kẻ đó sanh lên trời, hưởng sự vui thù thắng màu nhiệm). Kinh còn dạy: *“Nhược hiện tại, vị lai chư thế giới trung, lục đạo chúng sanh lâm mạng chung thời, đắc văn Địa Tạng Bồ Tát danh, nhất thanh lịch Nhĩ Căn giả, thị chư chúng sanh, vĩnh bất lịch tam ác đạo”* (Nếu trong các thế giới nơi đời hiện tại hay vị lai, chúng sanh trong sáu đường khi lâm chung, được nghe danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, một tiếng thoảng qua tai thì các chúng sanh ấy, vĩnh viễn chẳng trải qua các ác đạo). Từ các câu trên đây, có thể thấy kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên là pháp môn cứu cấp (cứu tai ương cấp bách).

Nay tôi trích lục phương pháp cứu tế khẩn cấp liên quan đến lúc lâm chung như sau: *“Nhu thị Diêm Phù Đề nam tử, nữ nhân, lâm mạng chung thời, thần thức hôn muội, bất biện thiện ác, nãi chí nhân, nhĩ, cánh vô kiến văn. Thị chư quyền thuộc, đương tu thiết đại cúng dường, chuyển đọc tôn kinh, niệm Phật, Bồ Tát danh hiệu. Nhu thị thiện duyên, năng linh vong giả, ly chư ác đạo, chư ma quỷ thần, tất giai thoái tán.*

## ***Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 2***

*Thế Tôn! Nhất thiết chúng sinh, lâm mạng chung thời. Nhược đắc văn nhất Phật danh, nhất Bồ Tát danh, hoặc Đại Thừa kinh điển nhất cú, nhất kệ. Ngã quán như thị bối nhân, trừ ngũ vô gián sát hại chi tội, tiểu tiểu ác nghiệp, tầm tức giải thoát”* (Nam tử, nữ nhân trong cõi Diêm Phù Đề như thế, khi lâm chung, thần thức hôn ám, mê muội, chẳng biện định thiện ác, cho đến mắt, tai, trọn chẳng thấy nghe. Các quyến thuộc của họ hãy nên sắp đặt đại cúng dường, chuyển đọc tôn kinh, niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát. Thiện duyên như thế có thể khiến cho người mất lìa các đường ác, các ma, quỷ thần thấy đều lui tan. Bạch Thế Tôn! Hết thấy chúng sanh khi lâm chung, nếu được nghe danh hiệu của một vị Phật, danh hiệu của một vị Bồ Tát, hoặc một câu, một kệ kinh điển Đại Thừa, con thấy hạng người như thế, trừ phi phạm tội ngũ vô gián và sát hại, nếu chỉ phạm các ác nghiệp nhỏ nhất, sẽ liền được giải thoát) (Phẩm thứ tám, Diêm La Vương Chúng Tán Thán).

*“Nhược hữu nam tử, nữ nhân, tại sanh bất tu thiện nhân, đa tạo chúng tội, mạng chung chi hậu, quyến thuộc tiểu đại, vị tạo phước lợi, nhất thiết thánh sự, thất phần chi trung, nhi nữ hoạch nhất, lục phần công đức, sinh giả tự lợi”* (Nếu có các nam tử, nữ nhân, lúc còn sống chẳng tu nhân lành, tạo nhiều các tội, sau khi mạng chung, quyến thuộc lớn nhỏ vì người ấy tạo phước lợi, hết thấy các thánh sự thì trong bảy phần, [người chết] sẽ được một phần, còn sáu phần công đức thì người sống được lợi lạc). *“Diêm Phù Đề chúng sanh, lâm chung chi nhật, thậm vật sát hại, cập tạo ác duyên, bái tế quỷ thần, cầu chư vọng lượng. Hà dĩ cố? Nhĩ sở sát hại, nữ chí bái tế, vô tiêm hào chi lực, lợi ích vong nhân, đản kết tội duyên, chuyển tăng thâm trọng”* (Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề trong ngày lâm chung, hãy cẩn thận đừng sát hại, và tạo ác duyên, cúng bái quỷ thần, cầu các quỷ my. Vì có sao vậy? Việc giết hại cho đến cúng tế như thế chẳng có mấy may sức lực nào lợi ích vong nhân, chỉ kết thành tội duyên, khiến trở thành sâu nặng hơn). *“Lâm mạng chung thời, phụ mẫu, quyến thuộc, nghi vị thiết phước, dĩ tư tiền lộ, hoặc huyền phan cái, cập nhiên du đặng, hoặc chuyển đọc tôn kinh, hoặc cúng dường Phật tượng, cập chư thánh tượng. Nữ chí niệm Phật, Bồ Tát, cập Bích Chi Phật danh. Nhất danh, nhất hiệu, lịch lâm chung nhân nhĩ căn, hoặc văn tại bốn thức. Thị chư chúng sinh, sở tạo ác nghiệp, kế kỳ cảm quả, tất đọa ác thú, duyên thị quyến thuộc, vị lâm chung nhân, tu thử thánh nhân. Như thị chúng tội, tất giai tiêu diệt. Nhược năng cánh vị thân tử chi hậu, thất thất nhật nội, quảng tạo chúng thiện, năng sử thị chư chúng sanh, vĩnh ly ác thú, đắc sanh nhân thiên,*

*thọ thắng diệu lạc. Hiện tại quyền thuộc, lợi ích vô lượng”* (Khi lâm chung, cha mẹ, quyền thuộc hãy nên vì người ấy làm phước để giúp cho tương lai của người ấy. Hoặc treo phan, lọng, và thắp đèn dầu, hoặc chuyển đọc tôn kinh, hoặc cúng dường tượng Phật, và các thánh tượng. Cho đến niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát, và Bích Chi Phật. Mỗi danh hiệu lọt qua tai của người lâm chung, hoặc nghe lọt vào thần thức của người ấy. Các chúng sanh đó trót tạo ác nghiệp, xét theo quả báo cảm vời, ắt đọa vào đường ác. Do vì quyền thuộc vì người lâm chung tu thánh nhân ấy, các tội như thế đều tiêu diệt. Nếu lại có thể sau khi người đó đã chết, trong bốn mươi chín ngày, rộng tạo các điều lành, khiến cho các chúng sanh ấy vĩnh viễn lìa đường ác, được sanh trong cõi trời, người, hưởng sự vui thù thắng, nhiệm màu. Quyền thuộc trong hiện tại lợi ích vô lượng) (Phẩm thứ bảy, Lợi Ích Tồn Vong).

Nói chung, người viết mang tâm tình chuộc tội, chỉ hổ thẹn đối với từ thân, chẳng dám sơ sót từng điểm, từng giọt trong thánh huấn của kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, hết thấy đều cung kính, cẩn thận tuân theo. Hồi tưởng mẹ bệnh tật suốt sáu năm, gần như bị nhốt trong tù ngục, càng cảm thấy vô lượng khổ sở không thể giải bày! Từ cái quả mà tham chiêu cái nhân, tự biết trên dưới trong hàn gia tội nghiệp sâu nặng, cảm vời khổ báo. Nếu người viết chẳng hoàn toàn hồi hận, giác ngộ, quy y, tin tưởng Tam Bảo, nương nhờ từ ân của Phật, sợ rằng khổ quả chưa chắc đã chỉ là như thế. Đặc biệt là thân thể mẹ càng trảng, nằm trên giường mười bốn ngày, hoàn toàn chẳng có dấu hiệu bệnh tật nào khác (chẳng phát sốt, cũng chẳng đau khổ. Sau này, do nằm lâu, khi bị di chuyển thân thể mới đau đớn). Lúc lâm chung, chẳng có mảy may đau khổ, mắt nhìn tượng Tây Phương Tam Thánh, tai nghe tiếng Phật hiệu, an tường ngưng dứt hô hấp, như đi vào cõi mộng. Nếu chẳng được Phật, Bồ Tát từ bi gia hộ, sao có thể được như vậy? Di thể qua ba mươi ba tiếng đồng hồ vẫn mềm mại như lúc còn sống, đủ chứng tỏ Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, cảm ứng hết sức rõ rệt! Chúng tôi rất tin tưởng vận mạng trong tương lai của mẹ chắc sẽ tốt đẹp hơn nhiều. Giả sử chưa thể sanh Tây, cũng nguyện đời sau mẹ đầu thai vào nhà thiện tri thức, sớm nghe Phật pháp, tinh tấn trên đường Bồ Đề.

### ***32. Gương vỡ lại lành***

*Huệ Từ ghi*

Khoảng chừng hai tháng trước, tôi nhận thấy chồng có hành vi lạ

lòng, trải qua âm thầm điều tra, nghe ngóng, mới biết anh ta leo tẹo bên ngoài. Tôi nghĩ nếu chẳng vạch trần quá mức việc này, sẽ tránh khỏi hình thành cục diện bế tắc. Nào ngờ, chuyện chẳng đơn thuần, họ đã có kế hoạch muốn ép tôi ly hôn. Gia đình vốn hạnh phúc hài hòa, do có kẻ thứ ba chen vào, khiến cho chúng tôi thường xuyên âm ỉ, chẳng thể trò chuyện được. Chồng tôi đầu óc mê muội, choáng váng, nhằm đạt mục đích đã không có cách nào khống chế cái tâm rong ruổi bên ngoài! Một ngày, tôi đang ở trong Phật đường lau dọn, anh ta đoạt lấy cây lau nhà, đánh tôi, ép tôi phải chấp thuận ly hôn! Vì đứa con, tôi không đồng ý, anh ta lập tức bóp cổ tôi với ý đồ dùng cái chết để uy hiếp. Trong lúc nỗ lực hết đà, tôi buông xuống vạn duyên, xưng niệm thánh hiệu Địa Tạng, nhất tâm quy hướng Địa Tạng Bồ Tát. Có lẽ do chí tâm chuyên niệm, tôi cũng chẳng cảm thấy đau đớn chút nào, anh ta lại vô có ngã ngựa ra đất, càng thêm tức giận. Tôi nhớ sư phụ từng khai thị, cái cọ sẽ dưỡng sâu tâm, cho nên tôi không làm ồn lên, mà cũng chẳng mong kẻ lẽ với bất cứ ai, càng chẳng muốn dùng nước mắt để tranh thủ sự đồng tình của anh ta. Mỗi khi buồn lòng, muốn khóc, bèn đối trước Phật xốt xa cầu xin sám hối.

Cuối tháng, tôi cùng vài vị cư sĩ đến Địa Tạng Viện, tham dự pháp hội Địa Tạng. Bước vào đại điện, nhớ tới lòng từ bi của Bồ Tát, bất giác lệ rơi đầy mặt, kiên thành sám hối nghiệp chướng sâu nặng của chính mình. Bỗng nhiên, thấy Địa Tạng Bồ Tát đối diện tôi mỉm cười. Ngỡ mình hoa mắt, tôi cẩn thận tập trung nhìn, thật đấy! Nội tâm chẳng khỏi cảm thấy một dòng nước trong cuộn cuộn. Hai giờ chiều, tiếng phạn âm bắt đầu vang rền, mọi người như cùng được tắm gội trong biển pháp thanh tịnh, một bầu tường hòa. Tụng kinh văn của kinh Địa Tạng tới đoạn: *“Nghiệp lực thậm đa, năng địch Tu Di, năng thâm cự hải, năng chướng thánh đạo. Thị cố chúng sanh mạc khinh tiểu ác, dĩ vi vô tội, tử hậu hữu báo, tiêm hào thọ chi, phụ tử chí thân, kỳ lộ toàn biệt, tủng nhiên tương phùng, vô khăng đại thọ”* (Nghiệp lực rất nhiều, có thể to hơn núi Tu Di, có thể sâu biển cả, có thể chướng thánh đạo. Vì thế chúng sanh đừng coi thường điều ác nhỏ, cho là không có tội gì. Sau khi chết sẽ có quả báo, may may đều phải hứng chịu. Cha con chí thân, mỗi người theo một đường khác. Dầu có gặp gỡ, chẳng chịu hứng tội thay cho nhau), cảm nhận sâu sắc nhân quả chẳng sai, hãy nên dừng cảm đối diện gánh vác, càng tự khích lệ mình đừng tạo nghiệp mới, kết ác duyên. Nếu quả thật duyên cùng chồng đã hết, chỉ mong Bồ Tát từ bi chỉ điểm phương hướng sanh tồn cho mẹ và con. Cũng vì thế, nội tâm liền dần

dần bình tĩnh.

Cùng hôm pháp hội, anh ta và người đàn bà kia cùng đến phòng khiêu vũ. Nửa đêm khi trở về, liền bảo tôi là có người thúc giục anh ta về nhà. Thoạt đầu, tôi không quan tâm. Liên tiếp bốn ngày đều là như thế, anh ta thậm chí hướng về tôi giải thích, thỉnh cầu tha thứ. Tôi cảm thấy kinh ngạc, liền mời anh ta đối trước Phật sám hối. Sau này, anh ta kể lại, tại phòng khiêu vũ, có một người bộ dạng rất cao lớn, đi qua trước mặt anh ta liền biến mất, nhưng bên tai dường như có người thấp giọng khuyên nhủ: “Mau về nhà đi! Đừng nên qua lại với người đàn bà đó nữa! Hãy trở về khéo xin lỗi với mẹ con họ”. Mà đối phương cũng nằm mộng thấy có người bảo: “Phá hại gia đình, khiến cho kẻ khác chia lìa vợ con, sẽ chịu nhân quả rất nặng. Chớ nên chấp mê chẳng ngộ nữa!” Hai người họ hồi tưởng lại, trong tâm rất sợ hãi. Vì thế, tự động chia tay!

Trận phong ba này trong gia đình chúng tôi được bình ổn, thật sự có thể nói là do Địa Tạng Bồ Tát hiện oai thần và sức từ bi chẳng thể nghĩ bàn cảm vơi. Chồng tôi do nhận biết lỗi lầm trước đó, nay yêu thương, quan tâm gia đình gấp đôi, và cũng thường đọc sách Phật, càng cảm nhận Phật lý chính là kim chỉ nam chẳng thể thiếu để xử sự, làm người. Do đức Địa Tạng Bồ Tát, chúng tôi mới kiến lập gia đình Phật hóa như trong hiện thời.

## ***II. Những chuyện linh cảm trước thế kỷ mười chín***

### ***1. Ghi chép về sự linh cảm phóng quang của bức tranh Địa Tạng từ đời Lương ở chùa Thiện Tịch***

Đời Lương, tại chùa Thiện Tịch ở huyện Đức Dương, Hán Châu (nay là huyện Quảng Hán, tỉnh Tứ Xuyên), nơi vách cửa đông lang, có tượng Địa Tạng Bồ Tát và Quán Âm do Trương Tăng Diêu<sup>62</sup> vẽ, hình dạng giống như một vị Tăng ngồi nghiêm nghị. Người thời ấy chiêm

---

<sup>62</sup> Trương Tăng Diêu (479-?) là họa sĩ nổi tiếng đời Lương, từng được phong làm Vũ Lăng Vương Quốc Thị Lang, chuyên quản trị các họa phẩm trong cung đình. Ông sở trường vẽ tranh Phật giáo, nhất là tranh vẽ trên tường. Cách vẽ chân dung Phật, Bồ Tát, thánh chúng của ông đã hình thành một trường phái riêng được gọi là Trương Gia Dạng, được coi là khuôn mẫu tiêu chuẩn cho tranh họa Phật giáo. Ông vẽ rồng, chim, hoa cỏ, sơn thủy cũng rất nổi tiếng. Ông vẽ rồng sống động đến nỗi có truyền thuyết: Tăng Diêu vẽ bốn con rồng trên vách chùa An Lạc ở Kim Lăng, khi điếm nhân (vẽ mắt rồng), hai con bay vụt lên trời. Hai người con ông là Thiện Quả và Nhu Đồng theo học vẽ với ông, cũng là những họa sư lỗi lạc thời ấy.

ngưỡng, lễ bái, tỏa ánh sáng lạ rạng ngời. Tới năm Tân Đức nguyên niên (663), tăng nhân trong chùa chiêm lễ, kính ngưỡng, khen là lạ lùng khác thường. Do vậy, dùng lụa áp lên vách để vẽ phông lại, đem đi thờ các nơi, cũng đều phóng quang chẳng khác [tượng gốc]. Người đương thời lần lượt vẽ phông lại rất đông. Niên hiệu Tân Đức thứ ba (665), khi Vương Ký đến làm Tư Châu Thứ Sử, thường vẽ phông lại, tinh thành cúng dường. Có mười chiếc thuyền cùng đi, giữa đường bỗng gặp gió bão, chín chiếc đều chìm lìm. Gặp cơn sóng dữ ấy, chỉ có thuyền của Vương Ký chẳng bị sợ hãi mấy may, liền biết là do lòng từ bi rộng lớn của Bồ Tát có oai lực như thế đó! Tới năm Thùy Cung thứ ba (687), thiên hậu (Vũ Tắc Thiên) nghe chuyện ấy, liền sắc truyền họa sĩ vẽ phông theo, tranh lại tỏa sáng như trước, giống như bức vẽ đang được thờ tại đạo tràng [chùa Thiên Tịch]. Tới năm Đại Lịch nguyên niên (766), có vị đại đức tại chùa Bảo Thọ ở trong đạo tràng, lại thấy tướng lạ phóng quang, liền viết biểu tâu lên. Vua bèn kiên thành đánh lễ, tán thán quang minh ấy! Khi Bồ Tát hiện quang, đất nước thường an Khang, càng thêm cát tường.

Lại có vợ của một thương nhân, có thai đã hai mươi tám tháng chẳng sanh. Một hôm, bỗng thấy quang minh của Bồ Tát, bà ta liền vẽ mô phông hình tượng, nhất tâm phát nguyện nơi Bồ Tát. Ngay trong đêm ấy, sanh một trai, tướng hảo đoan nghiêm, ai trông thấy cũng đều hoan hỷ. Do vậy, cả cõi đời gọi [tượng ấy] là Phóng Quang Bồ Tát.

## ***2. Ghi chép về bức họa Địa Tạng phóng quang tại chùa Pháp Tự đời Đường***

Vào đời Đường, chùa Pháp Tự tại Quách Hạ thuộc Ích Châu có tượng vẽ Địa Tạng Bồ Tát ngồi trên giường dây<sup>63</sup>, thông chân xuống, cao tám tấc sáu phân. Tượng ấy vốn do Trương Tăng Diêu vẽ. Tới tháng Bảy năm Tân Đức thứ hai, Tăng sĩ trong chùa vẽ phông theo một bản,

---

<sup>63</sup> “*Thằng sàng*” (繩床) là chõng hay ghé dài, không dùng vải căng trên khung, mà dùng dây thừng, dùng để dựa vào mà ngủ hay ngồi. Loại giường này bắt nguồn từ Ấn Độ, phổ biến trong các tự viện vào đời Đường. Loại giường này có khung gỗ đóng chéo chân, có thể xếp lại được, giống như ghé bó, để tiện mang theo khi cần ngồi hay ngủ nghỉ khi đi du cước. Loại thằng sàng này khác với loại dùng trong dân chúng, tuy cũng gọi là “*thằng sàng*” nhưng là một thứ ghé có lưng dựa, mặt ghé và lưng ghé dùng dây vải hay dây mây đan thành ô vuông xen kẽ để ngồi cho mát. Có lẽ “*thằng sàng*” được nói ở đây chính là loại ghé này.



tượng liền tỏa sáng giống như vòng vàng, chợt tỏa ra, chợt ẩn mất. Lần lượt vẽ nhiều bản sao như thế, cũng đều phóng quang y hệt. Tháng Tám năm ấy, được lệnh dâng lên một bản đưa vào cung để cúng dường. Phạm tăng tục trong ngoài kinh thành, vẽ lại để cúng dường, cũng đều thấy phóng quang, tin biết là Phật lực chẳng thể suy lường. Mỗi nhà vẽ phông theo một bản riêng, đạt được sự cảm ứng chẳng thể ghi trọn hết!

### **3. Ghi chép về đức Địa Tạng cứu khổ cho nhà họ Lý ở huyện Hộ đời Đường**

Đời Đường, tại huyện Hộ ở Ung Châu, có người con gái họ Lý, rất có tín tâm, vâng giữ trai giới. Trong nhà, thờ phụng tượng Địa Tạng Bồ Tát tạc bằng gỗ, cao một thước sáu tấc, tươi sáng, sống động, khá nhiều linh dị. Cô Lý có mặt đầy bốn tuổi ngoài năm mươi, tà kiến, chẳng tin chánh pháp. Một hôm, Lý Thị đi nơi khác, mặt dờn tượng vứt ra ngoài đồng hoang sau nhà. Lý Thị trở về nhà, khóc lóc đi tìm. Tượng phóng quang ngoài đồng hoang, Lý Thị hoan hỷ đón về, chẳng biết do mặt đầy bốn tuổi đã làm. Hôm sau, mặt đầy bốn tuổi bỗng chết ngất đi, bất tỉnh nhân sự. Kế đó, bỗng tỉnh dậy, khóc lóc sám hối, tự kể chuyện trong chốn u đồ như sau:

- Khi tôi chết, bỗng thấy hai viên quan cưỡi ngựa, tự lấy quan điệp, bảo viên thư lại đọc lên. Sứ giả nói: “Mặt đầy bốn tuổi hủy nhục thánh tượng, vứt ra đồng hoang, đã phạm tội lớn, phải bắt đến điện vua”. Đọc quan điệp xong, trối lại, giải đến điện Diêm Vương. Tới trước điện, thấy có vô lượng vô biên kẻ bị gông, cùm, xiềng, xích trối buộc thân hình. Vua giận dữ nói: “Người là đứa đầy bốn tuổi ngu si, hủy nhục thánh dung, vứt ra đồng hoang sau nhà, phải chịu báo ứng. Ở trong nhà lại chuốc vờ, thờ phụng thần, bỏ qua thánh tượng, lại còn tà kiến, chẳng tin chánh pháp, đáng giam vào đại địa ngục”. Khi ấy, có một vị sa-môn bỗng đến trước sảnh đường. Vua liền bước xuống bệ, hết sức cung kính. Vua hỏi rằng: “Vì sao thầy đến vậy?” Sa-môn nói: “Đứa đầy bốn tuổi này là bốn gái trong nhà thí chủ của ta. Tuy ghét tượng của ta, ta chẳng bỏ nó. Mong nhà vua rủ lòng thương, ban cho nó thọ mạng”. Vua thưa: “Xin nghe theo lệnh thầy”. Khi ấy, tôi nghe xong, tâm sám hối, bất giác xưng rằng: “*Nam-mô Địa Tạng Đại Bồ Tát*”. Ngay lập tức, nương theo tiếng niệm, các tội nhân đang hiện diện trong sảnh đường, tiếng niệm truyền tới đâu, gông, cùm, xiềng, xích đều tự giải thoát, chẳng thấy thân họ đâu nữa. Khi ấy, Diêm Vương ngồi nhìn sững sờ. Vị sa-môn liền nắm tay tôi, dẫn ra khỏi

sảnh đường. Ngay lập tức, tôi sống lại.

Lý Thị nghe nói, càng thêm kính trọng tượng ấy. Do vậy, trong cả một huyện, không ai chẳng đều sanh lòng tin tưởng, ngưỡng mộ.

#### **4. Ghi chép về tượng kim sắc Địa Tạng cứu cha mẹ nhà họ Tô ở Phủ Châu đời Đường**

Đời Đường, Thứ Sử<sup>64</sup> Phủ Châu họ Tô tín tâm chân thật, kiên cố, nhưng cha mẹ ông ta chẳng tin cho lắm. Họ Tô bèn vì cha mẹ xuất tiền và lụa, tạo một bức tượng đứng của Địa Tạng Bồ Tát kim sắc, cao ba thước, quanh thân tỏa hào quang, dốc hết lòng thành, cung kính thờ phụng, suy niệm. Khi ấy, cha ông ta là người Dương Đô, có chuyện phải tạm ra đi, mẹ ở nhà một mình. Ban đêm, có kẻ ác tặc lén dòm qua khe cửa, toan ăn trộm quần áo, chỉ thấy Địa Tạng Bồ Tát đang ngồi, [nên chẳng dám tiến vào]. Hôm sau, gã giặc thay đổi quần áo, đến nhà ấy, thấy bà cụ quần áo chỉnh tề ngồi đó, trợn chẳng thấy thánh tượng. Tâm gã trộm lấy làm lạ, bèn tự thô lộ tội lỗi, hòng biểu lộ lòng hối hận, hỏi lỗi, kể lại điều đã thấy trong đêm. Cha trở về nhà, mẹ kể lại chuyện trên đây, cùng nhau suy xét nguyên do.

Về sau, cha sang Phủ Châu, giữa đường gặp oán gia rút đao bén xông đến chém. Bỗng có một sa-môn thân kim sắc, dùng tay ngăn mũi đao, dùng đầu nhận lấy mũi đao, bị hại ngã lăn ra đất. Khi đó, kẻ oán tưởng là mình đã giết hại, bèn bỏ chạy. Cha ông ta tránh khỏi bị giết hại, cảm thấy rất kỳ lạ! Đến nhà ông Tô, kể cặn kẽ chuyện trên đây, sanh lòng hy hữu. Cùng nhau đến chỗ thờ tượng để lễ bái, thấy trên đầu tượng có ba vết đao, màu vàng biến đổi chút ít, dường như bị chảy máu. Ông Tô liền biết là Địa Tạng Bồ Tát đã chịu đao thay, cứu cha mình thoát nạn. Cha ông ta liền sanh chánh tín, họ Tô lại đón mẹ sang nhà. Ba người ở Phủ Châu, ngày đêm lễ cúng. Cha ông ta đến bảy mươi chín tuổi mới mất.

---

<sup>64</sup> Thoạt đầu, chức Thứ Sử vốn là cấp quan thuộc Ngự Sử Đài. Về sau, đặt ra Thứ Sử tại các châu, tức là chức quan Giám Sát tại các châu, quận. Dần dần, Thứ Sử trở thành quan đứng đầu một châu. Dưới đời Đường, khi các Tiết Độ Sứ trở thành thống lĩnh quân sự địa phương thì Thứ Sử trở thành thuộc hạ của Tiết Độ Sứ. Từ đời Minh trở đi, Thứ Sử trở thành danh xưng để gọi các vị Tri Châu (quan đứng đầu một châu).

Suốt ba mươi lăm ngày, ông Tổ mộng thấy cha mình thân có quang minh, bay trên không trung tự tại, phi hành tới lui. Ông sanh tâm hy hữu, vọng bái hỏi cha sanh về đâu? Đáp: *“Ta sanh lên tầng trời thứ tư, do Địa Tạng Bồ Tát chỉ dẫn, cùng phụng sự đấng Bồ Xứ. Người sanh về cõi trời ấy, đa số được Đại Sĩ dẫn dắt. Đức Bồ Xứ (Di Lạc Bồ Tát) khen ngợi: ‘Đại Sĩ chẳng bỏ sót những người đáng được chư Phật sắc truyền cứu độ’.* Lại nói: *“Mười ba năm sau, mẹ con hết tuổi thọ, sẽ sanh về đó. Còn chính con thì hai mươi lăm năm sau mới sanh. Vợ con thì hai mươi tám năm sau mới sanh”.* Nói xong lời ấy bèn ẩn mất chẳng hiện. Về sau, mẹ và vợ chồng họ Tổ đều đúng như lời cha nói. Hãy nên biết, một người tạo tượng, người thân đều được lợi ích trong đời hiện tại. Từ đây về sau, trong cả một châu, người tạo tượng, vẽ tượng, lễ bái, cúng dường rất đông, rất nhiều người được cảm ứng.

### **5. Ghi chép về chuyện cảm ứng của vị sư ở kinh đô là Tăng Tuấn**

Đời Tống, Thích Tăng Tuấn, họ ngoài đời là Vương, là người ở kinh đô. Sau khi xuất gia, lo liệu việc Tăng, tiêu xài phung phí rất nhiều, ba nghiệp buông lung, chưa từng tu nhân lành. Đã chẳng có giới hạnh, mà cũng chưa từng tu điều lành, mắc bệnh nhẹ, chết đi. Hai bên hông còn ấm, ba ngày sau mới sống lại, khóc lóc, gieo mình xuống đất, kể căn kẽ chuyện trong u đồ như sau:

- Khi sắp chết, có hai viên quan từ cõi âm xua đuổi tới trước cửa một tòa thành lớn. Bỗng có một vị Tăng nói: *“Ta là Địa Tạng Bồ Tát. Lúc người ở kinh thành đã từng vẽ phông theo một bức họa của ta. Dầu chưa từng lễ bái, cúng dường, bỏ ở sau một ngôi chùa lớn, ta vẫn báo đáp công đức người vẽ lại tượng. Do người là sư thuộc tông Hoa Nghiêm, lại dạy người một bài kệ như sau: - Nhược nhân dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật, ưng đương như thị quán, tâm tạo chư Như Lai (nếu ai muốn biết rõ, ba đời hết thấy Phật, hãy nên quán thế này: Tâm tạo các Như Lai)”. Địa Tạng Bồ Tát dạy bài kệ ấy rồi bảo: “Tụng bài kệ ấy, có thể đóng cửa địa ngục, có thể mở đường Tịnh Độ, có thể thông với sanh mạng đạt được do quả báo”.*

Sau đó, đến trước Diêm Vương, Tăng Tuấn đã tụng thuộc bài kệ ấy, bèn vào trong thành, gặp vua Diêm Ma. Vua hỏi: *“Người gặp gỡ pháp trong đời này, có công đức gì không?”* Đáp: *“Chỉ thọ trì một bài kệ bốn câu”.* Vua nói: *“Nay người tụng được không?”* Thưa: *“Tôi ngu si, phóng dật, chẳng thể tu thiện, chuyên lo việc chùa, chẳng thể giữ giới,*

chỉ thọ trì một bài kệ bốn câu”. Vua hỏi: “Nay người có thể tụng hay không?” Đáp: “Tôi thuộc nằm lòng”, bèn tụng trọn bài kệ trên đây. Khi ấy, những chỗ tiếng tụng vang đến, người chịu khổ đều được giải thoát. Vua nói: “Thôi! Thôi! Chẳng cần nói nữa, thả hấn về nhân gian”. Do nhân duyên ấy mới sống lại. Ông ta lại kể với pháp sư trong tông Hoa Nghiêm là sa-môn Nghĩa Học. Sư tra duyệt lời kệ, mới biết trích từ quyển thứ mười hai của kinh Hoa Nghiêm, tức là phẩm kinh ghi lại các bài kệ được nói khi vô lượng chư Bồ Tát vân tập trên cung trời Dạ Ma. Đó chính là bài kệ tán Phật của Giác Lâm Bồ Tát. Tăng Tuấn thường kể với các vị Tăng trong chùa. Người nghe đều phát tâm, tin nhận kinh Hoa Nghiêm.

### ***6. Ghi chép về sự linh ứng do vẽ phông theo tượng Địa Tạng của vị sư Định Pháp chùa Không Quán***

Đời Tống, sư Thích Định Pháp chùa Không Quán có cảm ứng do vẽ phông tượng Địa Tạng Bồ Tát giống như Tăng Tuấn. Đối với vị Bồ Tát ấy, Sư chuyên dốc lòng thành nương cậy. Vào ngày trai mỗi tháng, Sư vẽ mô phông tượng Địa Tạng, lễ bái, cúng dường, cầu thỉnh được thấy Bồ Tát ứng hiện trong đời này. Tròn ba năm, [một hôm] có một tiểu sa-môn xin ngụ trọ nơi hành lang của chùa. Định Pháp nghe chuyện, cung kính ra khỏi phòng chào hỏi, nói chuyện một đôi câu, bỗng chẳng thấy [tiểu sa-môn] đâu nữa. Mọi người lấy làm lạ, hỏi Định Pháp: “Sa-môn nói gì thế?” Đáp: “Sa-môn bảo: Diệu nguyện đã mãn, sao ý khí ngẩn ngủi như thế?” Người nghe đều nói: “Ông cầu thấy đức Địa Tạng, nhưng chẳng niệm lễ xuất yếu, cho nên Bồ Tát hiện thân nói sao mà ý khí ngẩn ngủi như thế?” Định Pháp nói: “Đã được ứng hiện, tôi sẽ phát Bồ Đề tâm, vui sướng cầu đạo quả vô thượng”.

Quả nhiên, Sư nằm mộng, thấy Bồ Tát nói: “*Vị sa-môn đó chính là Địa Tạng Bồ Tát. Người cầu thấy ta hiện thân, nhưng chẳng phát Bồ Đề tâm. Vì thế ta đến giác ngộ người. Người vẽ mô phông tượng ta khá nhiều, vĩnh viễn chẳng đọa trong ba ác đạo. Xả thọ, sẽ sanh lên Đâu Suất Thiên, lúc đức Từ Tôn (Di Lặc) hạ sanh, người sẽ được thọ ký thành Phật. Ta tùy thuận người như bóng theo hình, như nước thuận theo hình dạng của đồ đựng mà có hình dáng khác nhau*”. Sư tỉnh giấc, cảm kích, tuôn lệ như mưa, liền bỏ y, bát, tiền riêng, tạo tượng Bồ Tát cao bằng thân người, điêu khắc thân tượng đẹp đẽ, lại còn thâu thập những tượng mình đã vẽ mô phông nhiều năm để lễ bái, cúng dường.

Tượng phóng quang minh, linh nghiệm cũng rõ rệt lắm thay!

**7. Ghi chép về chuyện cư sĩ Lý Tín Tư do thờ đức Địa Tạng mà thoát khỏi quỷ nạn**

Đời Đường, cư sĩ Lý Tín Tư người xứ Lô Thủy. Nam nữ trong nhà ông ta đều bị ác quỷ quấy nhiễu, nã hại. Ba mươi mấy người bất giác nằm rũ rượi đau đớn, hoặc hộc ra máu tươi, hoặc phần nhiều chết ngất. Khi ấy, Tín Tư lo lắng, sầu não, hỏi Tăng cách giải cứu. Sa-môn tư duy hồi lâu rồi bảo: “*Xưa kia, thuở đức Như Lai tại thế, dưới chân núi Tỳ Phú La (Vipula) nước Ma Yết Đề (Magadha), trong nhà trưởng giả Kiều Đề cũng bị ác quỷ gây phiền não, thất thoát tinh khí. Cả năm trăm người trong nhà ấy đều chết ngất, mười ngày chẳng tỉnh. Khi ấy, Địa Tạng Bồ Tát du hóa các nước, tới nhà trưởng giả, sanh tâm đại bi, nói chú để cứu. Trong chốc lát, hết thấy đều được trừ sạch. Ông nên làm theo cách ấy, quy y Địa Tạng Đại Sĩ, nhất tâm xưng danh*”. Khi đó, Tín Tư hoan hỷ làm theo, vẽ tượng Bồ Tát. Từ đây, huyện Lô Thủy suốt năm mươi năm thoát khỏi nỗi sợ bệnh tật. Tượng linh thiêng ấy hãy còn.

**8. Ghi chép về sự cảm ứng cứu chúng sanh trong địa ngục của Địa Tạng Bồ Tát tại chùa Khai Thiện**

Đời Đường, chùa Khai Thiện ở Chung Sơn có tượng Địa Tạng Bồ Tát cao ba thước, quang minh quanh thân to bốn thước năm tấc. Do đã nhiều năm, chẳng biết tượng do ai tạo. Về sau, Đô Đốc xứ Dương Châu là Đặng Tông, lúc sáu mươi một tuổi, mắc bệnh nhẹ, chết đi. Do nơi tim vẫn còn ấm, nên [người nhà] chưa nhập liệm. Sau một ngày đêm, ông sống lại, buồn khóc không nói gì, sai con cháu đi đến chùa Khai Thiện, thưa cùng tăng chúng: “Trong chùa này có tượng Địa Tạng Bồ Tát cao khoảng ba thước, thông quang<sup>65</sup> to bốn thước năm tấc hay không? Tôi muốn lễ bái, cúng dường”. Chư Tăng chẳng biết ở chỗ nào, cứ theo lời Đặng Tông nói, tìm trong các thánh tượng, tìm thấy tượng đúng như lời kể. Đặng Tông lễ kính, lại bạch Tăng muốn thỉnh tượng ấy. Tăng hỏi ông điều ông ấp ủ, ông đáp:

- Lúc tôi chết, thấy một vị quan tứ phẩm lồi đến trước cửa một tòa thành lớn. Nhất thời bàng hoàng, viên quan vào thành, chốc lát bước ra

---

<sup>65</sup> Thông quang: Vàng quang minh bao quanh thân.

bảo: “Người có thể đến trước sảnh đường”. Tôi liền đến trước vua. Vua nói: “Người không thể chết. Lại vì người lấy việc phụng sự Phật pháp làm gia nghiệp, hãy nên sớm trở về nhân gian, nhưng cõi âm đáng sợ, người ta chẳng hay biết. Người có muốn thấy địa ngục hay không?” Đáp: “Tôi muốn thấy”. Vua liền sai một viên quan mặc áo xanh dẫn đi xem: “Người dẫn Đặng Tông vào địa ngục, chỉ bày cho ông ta thấy hình tướng các dụng cụ hành hình”. Tôi theo viên quan ra khỏi thành. Đi chừng năm sáu dặm về phía Đông Bắc, có một tòa thành lớn bằng sắt. [Viên quan] mở tám cửa sắt đang đóng kín. Dần dần đến gần, tôi thấy trong thành lửa dữ sáng lòà, ngọn lửa như thiêu đốt. Trăm ngàn tội nhân chịu khổ trong ấy. Khi đó, có một vị sa-môn vào trong ngục, chế ngự lửa dữ, giáo hóa, phủ dụ tội nhân, ngọn lửa bèn tắt.

Lại tiến lên trước đến một tòa thành bằng sắt, mười tám địa ngục ở trong đó. Tướng trạng chịu khổ chẳng thể nói trọn. [Lại thấy] vị sa-môn răn dạy tội nhân trong đó giống như trước. Tôi đến xem mỗi nơi xong hết rồi mới trở về. Sa-môn từ địa ngục trở ra, hỏi: “Ông có biết tôi là ai hay không?” Thưa: “Không biết”. Sa-môn nói: “Tôi là Địa Tạng Bồ Tát ở chùa Khai Thiện. Xưa kia có sa-môn Trí Tạng pháp sư. Đệ tử của Sư là pháp sư Trí Mãn, vì muốn cứu chúng sanh thọ khổ trong tam đồ, cho nên chạm khắc tượng của tôi. Tôi thuận theo lời thỉnh của Sư, mỗi ngày một thời, vào mười tám địa ngục và vô lượng tiểu địa ngục, răn dạy, chỉ bảo. Những kẻ do xưa kia đã gieo thiện căn, thiện lực khá mạnh, hễ phát tâm liền được thoát khổ, tiến cao hơn. Kẻ đó, những kẻ thiện lực yếu hơn, chỉ gieo cái nhân thoát ác. Thấp nhất là kẻ [thiện căn] yếu ớt, cho đến kẻ đoạn thiện căn, tà kiến, chẳng có điều lành, sẽ chẳng hay, chẳng biết, trọn chẳng có tâm thoát khổ. Nếu ở trong nhân gian, kẻ thiện căn mỏng manh còn dễ hóa độ. Nếu kẻ nào vào ác đạo, thánh lực chẳng thể cứu bạt, vì họ trở ra như gỗ, đá. Những kẻ chẳng giác ngộ ấy, chờ cho đến khi thoát ra [mới có thể cứu bạt]. Nếu là kẻ [có thiện căn] hơi mạnh, lúc vừa mới vào [ác đạo], sẽ có thể phát tâm sám hối. Ông do sức vâng phụng pháp, thoát khỏi nỗi khổ địa ngục, hãy sớm trở về nhân gian, tuyên cáo chuyện này”. Do vậy, tôi ngược mắt chiêm ngưỡng sa-môn, [thấy Ngài] thân cao ba thước, quang minh quanh thân chói lọi. Sa-môn liền trao cho hai bài kệ như sau:

*Nhược tại nhân gian khả tu đạo,  
Xiển Đề hữu tâm thương khả phát,  
Nhược nhập ác đạo, nghiệp dĩ thực,  
Tâm vô phân biệt, bất khả cứu.*

*Như suy lão nhân dục tiến lộ,  
Nhược động kỳ túc, phù dị tấn,  
Nhược ngoạ bất động, lực bất cập,  
Chúng sanh định nghiệp diệc phục nhiên.  
(Nếu trong nhân gian dễ tu đạo,  
Xiển Đề vẫn có thể phát tâm,  
Nếu vào đường ác, nghiệp chín muồi,  
Tâm vô phân biệt chẳng thể cứu.  
Như người già yếu muốn đi đường,  
Nếu chân cử động, dìu đi được,  
Nếu nằm bất động, chẳng giúp nổi,  
Chúng sanh định nghiệp cũng thế đó).*

Nói kệ xong, bỗng chẳng thấy nữa! Tôi trong khi mơ màng, nhớ kỹ chuyện ấy. Sợ chẳng rõ hư hay thật, nên không nói với ai khác. Nay thấy tượng này, hoàn toàn giống như tôi đã thấy. Do nhân duyên ấy, cho nên muốn thỉnh”. Tăng nghe xong, hoan hỷ nói: “Lành thay! Tín tâm cảm bậc thánh thọ ký. Chỉ có thể vẽ phỏng theo, không thể thỉnh được!” Ông bèn cậy thợ khéo tạc phỏng theo, để tượng cũ tại đó.

### ***9. Ghi chép về sự cảm ứng của tượng Địa Tạng nơi đầu tượng tại nhà quan thị lang họ Đặng ở Giản Châu đời Đường***

Đời Đường, tại huyện Kim Thủy thuộc Giản Châu, có quan thị lang<sup>66</sup> họ Đặng. Ông thấy bên vệ đường có một cây gậy bị gãy, khắc hình vị Tăng, chẳng biết là tượng gì. Thị lang vốn tin Phật, bèn cầm về, cắm vào vách, lễ kính rồi bỏ đi, không nhớ tới nữa. Ba năm sau, bỗng bị bệnh chết, ngực vẫn còn hơi ấm, người nhà nghi ngờ, không tản liệm. Sau một ngày đêm, ông mới sống lại, ứa nước mắt nói:

- Lúc mới chết, hai kẻ cười ngựa từ cõi âm, xua tôi chạy đến cửa một tòa thành lớn. Họ xuống ngựa, lôi tôi vào thành. Tới trước sảnh đường của nhà vua, thấy trong sân có trăm ngàn vạn người bị gông cùm.

---

<sup>66</sup> Thị Lang (侍郎) là chức quan đặt ra từ đời Hán, tương đương với Thứ Trưởng hiện thời. Thoạt đầu, chức quan này là các quan hầu cận giúp vua xử lý mọi việc. Dần dần, do sự vụ quá nhiều, phải lập ra các Tỉnh (省, cơ quan hành chính) như Thượng Thư Tỉnh, Môn Hạ Tỉnh, Trung Thư Tỉnh để đặc trách từng sự vụ. Sau đó, phát triển thành sáu bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công). Thượng Thư là quan đứng đầu mỗi bộ, viên phó quan gọi là Thị Lang. Đến đời Thanh, với mỗi bộ lại lập ra Tả Hữu Thị Lang. Tả Thị Lang địa vị cao hơn, phải là người Mãn Châu.

Vua đang giận dữ, toan quở trách tôi. Khi ấy, có một vị sa-môn, hình dạng xấu xí, tựa như quỷ quái, tới trước sảnh đường. Vua từ xa ngó thấy, cung kính, từ tòa đứng dậy, chấp tay, hô quý, bạch rằng: “Sa-môn đại thánh! Vì sao Ngài bỗng tới đây?” Sa-môn nói: “Thị lang là thí chủ của tôi. Do muốn báo ân, Ngài hãy nên đặc xá”. Vua thưa: “Nghịệp đã quyết định, mạng lẫn lộc đều hết, chuyện này khó được”. Sa-môn nói: “Xưa kia, ở trong Thiện Pháp Đường của Tam Thập Tam Thiên, ta được đức Phật phó chúc, có thể cứu các hữu tình ác có định nghịệp, chẳng phải là nay mới làm như vậy. Huống chi thị lang chẳng phạm trọng tội, há chẳng cứu giúp ư?” Vua thưa: “Đại Sĩ đại nguyện, kiên cố bất động, như núi kim cang, phải thả ông ta về nhân gian. Do lộc đã tận, con ban cho ông ta hạt đậu đỏ”.

Sa-môn hoan hỷ, nắm tay thị lang, dẫn vào đường sống. Lúc sắp từ biệt, thị lang hỏi sa-môn: “Xin hãy chờ giây lát. Ngài là ai mà cứu con?” Sa-môn đáp rằng: “Ông chẳng biết ư? Ta là Địa Tạng Bồ Tát. Xưa kia, ông ở nhân gian, bên đường thấy tượng của ta mà chưa từng hay biết, cầm về đặt trong vách. Đây là do trẻ nhỏ giỡn chơi khắc đầu gậy làm tượng, chỉ khắc đầu mặt, không có những tướng khác, cho nên hình tướng xấu xí. Ông có thể nhớ lại hay không?” Nói lời ấy xong, bỗng đứng chẳng thấy đâu nữa!

Sau khi tỉnh lại, thị lang thấy tượng nơi cây gậy ở góc tường trong nhà. Gậy đã gãy ở giữa, ông bèn chạm khắc sửa đổi, dùng gỗ đàn hương ghép vào, tạo thành tượng cao năm tấc. Khi ấy, tượng phóng quang minh, chiếu sáng ngời cả nhà. Thị lang lại tạo tượng lớn bằng thân người, đặt tượng nhỏ vào trong ấy, biến nhà thành chùa, đặt tên là Địa Tạng Đài. Mọi người xa gần đến chiêm ngưỡng đông như hội! Đức Địa Tạng dạy bảo, tạo lợi ích chẳng thể nghĩ bàn!

### ***10. Ghi chép về chuyện sư Thích Pháp Thượng ở chùa Huệ Nhật thuộc Hoa Châu đời Đường được đức Địa Tạng cảm thông***

Vị tăng Thích Pháp Thượng chùa Huệ Nhật, xuất gia lúc ba mươi bảy tuổi. Xưa kia, lúc còn tại gia, Sư từng đi săn bắn. Vào rừng chơi, thấy trong lùm cây ngoài rừng hoang có mấy tia sáng tỏa ra, lấy làm lạ, bèn buộc ngựa, đích thân vào lục xem, chỉ thấy có một khối gỗ mục dài hơn một thước, bèn cầm về để trong nhà. Hôm sau, lại thấy từ lùm cây ấy vẫn tỏa sáng giống như cũ, bèn dùng giáo gạt sạch mọi lùm bụi, hoàn toàn chẳng có gì, lấy làm lạ, quay về. Đi săn lần sau, cho là cái lùm cây



lần trước phóng quang chẳng khác trước đó, tâm lầy làm lạ, đem cái lõi gỗ mục đặt trên gốc cây rồi quay về. Trên đường gặp bầy hổ, ông ta thúc ngựa đuổi theo bầy. Dây cung đứt đoạn, sờ túi đựng dây cung thì không có dây để thay thế. Mãnh hổ quay lại đuổi. Ông ta sợ hãi bỏ chạy, ngựa lồng lên, khiến ông té khỏi ngựa, tự nghĩ chắc sẽ bị hổ nhai, thất thần như đang nằm mộng, thấy một người giống như sa-môn tới đuổi hổ dữ. Ông hỏi: “Ngài là ai?” Đáp: “Ta là Địa Tạng Bồ Tát. Ông ở trong lùm cây thấy khối gỗ mục chính là thân ta. Cụ cổ của ông đã lập chùa, tạc tượng ta tại đó. Chùa đã hư nát, tượng ta bị hư mục, chỉ còn cái lõi gỗ. Ông là cháu chắt của cụ, thấy quang minh của ta, nên nay ta cứu ông”.

Hồi lâu sau, ông ta choàng tỉnh, thấy ngựa đứng hý [gần đó]. Mãnh hổ chẳng thấy tung tích đâu nữa. Ông tự hỏi trách sâu xa, bèn tạo dựng tinh xá tại chỗ tỏa ánh sáng trước đó. Từ khối gỗ mục dính bùn, ông tạc tượng Địa Tạng, tiếp nối đèn pháp, [xây dựng chùa] tức Huệ Nhật tinh xá. Lúc Pháp Thượng bảy mươi tám tuổi, vào ngày Hai Mươi Bốn tháng Hai năm ấy, Sư bảo các đồng bạn:

- Địa Tạng Bồ Tát đến nhà tôi, bảo rằng: “*Ông chính là người sẽ đăc đạo trong hội thứ hai thuộc ba hội thuyết pháp của Trì Thị Như Lai. Hôm nay xả thọ, liền sanh lên Đạo Lợi*”. Tôi bạch cùng Đại Sĩ: “Cảnh giới ngũ dục trên cõi trời vui sướng khôn sánh, mê mất Bồ Đề tâm. Muốn sau này lại gặp Phật, thời gian vẫn lâu lắm, con chỉ nguyện sanh về Tây Phương An Lạc thế giới”. Bồ Tát đáp: “*Thuận theo ý nguyện của ông. Nếu muốn vãng sanh Tịnh Độ, hãy nên niệm A Di Đà Phật một ngày một đêm, chuyên tâm niệm Phật, liền được vãng sanh*”. Tôi nghe theo lời dạy ấy, bắt đầu từ ngày hôm qua, chuyên niệm đức Phật ở Tây Phương, nay vãng sanh Tịnh Độ.

Nói xong, Sư chấp tay hướng về Tây, qua đời. Người trông thấy đều nói là điềm lành hy hữu, Địa Tạng Bồ Tát phóng quang [tiếp dẫn ông ta] về Tịnh Độ.

### ***11. Chuyện cảm thông tạo tượng Địa Tạng để cứu mẹ của con gái Trần Đô Đốc***

Đời Đường, con gái út (đã mất tên) của viên đô đốc họ Trần mất mẹ từ bé, ngày đêm luyến mộ mà chẳng thể thấy. Đô đốc khuyên nhủ: “Cha cũng là người thân của con. Mẹ con tuy mất, cha hãy còn, vì sao không màng ăn uống, muốn tự tìm cái chết? Nếu con tưởng nhớ người mẹ đã khuất, hãy nên tạo thánh tượng Địa Tạng, hòng cầu nguyện cứu

khổ cho mẹ”. Cô ta liền bỏ ra năm trăm đồng, thuê thợ kính cẩn khắc tượng cao ba thước, đón tượng về nhà cha. Cô gái thưa với cha: “Con chỉ muốn đặt tượng ở chỗ mẹ đã nằm trước kia. Nếu muốn thấy mẹ, sẽ liền thấy tượng này”. Cha sanh tâm xót thương, sai đẹp bỏ phòng ngủ để đặt tôn tượng ấy. Cô gái ngày đêm lễ bái, cúng dường, cầu nguyện cứu khổ cho mẹ. Mộng thấy một vị sa-môn bảo cô Trần rằng: “Mẹ con đang ở trong địa ngục Tiêu Nhiệt. Khi ta mang thân nữ, cha tên là Thi La Thiện Hiện, mẹ tên là Duyệt Đế Lợi. Tìm chỗ mẹ sanh về, thấy mẹ đang chịu khổ, bèn phát Bồ Đề tâm giúp chúng sanh. Ta cảm động trước tấm lòng hiếu thảo của con, đích thân vào địa ngục, phóng quang thuyết pháp, mẹ con đã được thoát khổ, sanh lên trời Đao Lợi”. Cô gái họ Trần thấy sa-môn xiêm y chói lam nham, bèn hỏi nguyên cớ. Sa-môn đáp: “Khi xuống địa ngục, lửa dữ tấp cháy mà ra”. Cô gái họ Trần tỉnh giấc, khôn ngăn buồn vui lẫn lộn! Người trong nhà tụ tập, thấy xiêm y của tượng đôi màu như bị cháy, đều than hy hữu! Người nghe kể lại, phần nhiều sao vẽ tượng ấy để cứu khổ cho cha mẹ.

***12. Ghi chép về chuyện cô gái họ Trương ở Dương Châu vâng lời mẹ dặn, tạc tượng Địa Tạng Bồ Tát cứu khổ cho mẹ***

Cô họ Trương là đích nữ của Thứ Sử Dương Châu Trương Kiện Tín. Sau khi mẹ mất, cô đã được mẹ báo mộng: “Vì nuôi con mà mẹ đã mặc tình tham dục, kiêu mạn quá đáng. Do vậy, cảm báo làm nga quý, khổ sở chẳng thể chịu nổi!” Con gái hỏi tướng trạng khổ sở. Mẹ đáp: “Ta làm con của quý, ngày đêm sống chết [nhiều lần]. Vì cớ sao vậy? Quả báo của nga quý phần nhiều là ăn thịt con mình, hề sanh ra liền ăn. Trông thấy mẹ đẻ như thấy đại ác quý; nhưng trong mỗi tháng của nhân gian, có một ngày chẳng thể ăn ta. Đó là ngày Hai Mươi Bốn trong tháng, sáng sớm có Tăng nhân vào thành, thí thực cho no đủ. Những ngày khác chẳng thể tránh khỏi nỗi khổ này. Ngày hôm ấy, vị sa-môn xướng rằng: ‘*Ta là Địa Tạng Bồ Tát, nay vào thành nga quý, có thể thí đại an lạc. Các người hãy nên phát Bồ Đề tâm*’. Tuy nghe lời ấy, do nghiệp báo trói buộc, chẳng thể phát tâm. Chỉ có một ngày được ăn no. Con muốn cứu khổ cho mẹ, hãy nên tạc tượng Địa Tạng Bồ Tát”. Mẹ nói xong lời ấy, cô gái tỉnh giấc mộng, dùng hết tài sản của mẹ để tạc tượng Địa Tạng Bồ Tát cao bằng thân người. Cô lại mộng thấy mẹ, thân tỏa quang minh, đứng trên hư không, bảo: “Ta do sức công đức tu thiện của con, mau chóng được sanh lên trời. Con hãy dụng tâm cung kính lễ

bái, cúng dường, mai sau sẽ cùng [hội ngộ] tại chỗ Từ Thị Bồ Tát, cùng thấy Phật, nghe pháp”. Cô tỉnh giấc, bị cảm tột cùng! Người nghe kể chuyện đều đến cúng, ai nấy đều được lợi ích!

### **13. Chuyện cảm ứng do vẽ tranh Địa Tạng của Thứ Sử Lộ Châu Khang Cư Thông**

Thứ Sử Lộ Châu là Khang Cư Thông, tín tâm chân thành, phụng sự Địa Tạng Bồ Tát đã nhiều năm. Lại còn phát tâm vẽ tôn tượng Bồ Tát, chưa tô màu mà quang minh đã rạng rỡ. Do vậy, tín tâm của Cư Thông càng thêm mạnh mẽ, chuyên dốc. Ông ngẫu nhiên mộng thấy hai quan binh cưỡi ngựa truy đuổi. Khi ấy, Cư Thông chẳng thể trốn được, bèn đứng run sợ. Quan binh xuống ngựa, nói: “Chúng tôi lầm rồi! Ông là đàn-việt của Địa Tạng Bồ Tát. Vua của tôi đối với đàn-việt của Địa Tạng Bồ Tát, đâu có phạm lỗi nặng cũng không vậy hãm!” Nói xong biến mất. Ông tỉnh mộng, thờ phụng càng thêm tin sâu, lễ bái, cúng dường.

Năm Quảng Minh nguyên niên (880) đời hoàng đế Đường Hy Tông (Lý Huyền), ác quỷ dậy lên làm loạn, trong nước bị bệnh dịch, người chết thây chất như núi. Cư Thông mộng thấy lũ quỷ màu xanh cả trăm ngàn con kết bầy đi qua cửa nhà ông, nói: “Nhà này là thất của Địa Tạng Bồ Tát. Chúng ta là thuộc hạ hãy cẩn thận, đừng bước vào cửa”. Ông tỉnh giấc hết sức hoan hỷ, trai gái cả nhà thoát quỷ nạn.

Trong niên hiệu Trung Hòa<sup>67</sup>, ông có việc phải đi xa, trên đường gặp tuyết lớn, bị lạc đường. [Do vậy bèn] niệm Địa Tạng Bồ Tát, đột nhiên thấy một con kết nhảy nhót trên tuyết. Ông lấy làm lạ, đi theo nó, chẳng lâu sau tìm được đúng đường. Đó là Bồ Tát cảm ứng. Tới niên hiệu Quang Khải, ông đã tám mươi bảy tuổi, bị bệnh nhẹ, chí thành cầu lành bệnh. Trong mộng, cảm một vị tiểu Tăng bảo: “Ông giết một con thanh tước<sup>68</sup>, đáng đọa địa ngục, nay để cho ông đền trả nghiệp ấy, chỉ

---

<sup>67</sup> Trung Hòa là niên hiệu của Đường Hy Tông từ năm 881 đến 885. Đời vua Đường Hy Tông, Đại Đường loạn lạc rồi beng với hai cuộc khởi nghĩa lớn của nông dân do Hoàng Sào và Vương Tiên Chi lãnh đạo, các Tiết Độ Sứ cát cứ, đánh phá lẫn nhau. Nhà vua hoàn toàn bị hoạn quan Điền Lệnh Tư thao túng. Nhà vua đã dùng năm niên hiệu là Cán Phù, Quảng Minh, Trung Hòa, Quang Khải, và Văn Đức.

<sup>68</sup> Thanh Tước (青雀) là một loài chim thuộc họ Sẻ, thường gọi là Japanese Grosbeak, hoặc Masked Hawfinch, vì mình nó hơi xám, có ánh xanh, đầu đen, mỏ vàng, trông như người đội mặt nạ trùm đầu. Loài này sống chủ yếu ở vùng sông Amur và Mãn Châu, mùa Đông thường bay thiên di xuống Bắc Kinh và Hà Bắc.

chịu đôi chút đau khổ một hai ngày. Sau ngày mai mới được sanh vào Tịnh Độ”. Ông nghe xong liền tỉnh giấc, hoan hỷ lễ bái, bệnh đã khỏi hẳn. Đến ngày ấy, bệnh đã khỏi hẳn, ông chánh niệm qua đời.

**14. Ghi chép về sự linh dị do tạo tượng Địa Tạng cao ba tấc bằng gỗ chiên đàn của quan Biệt Giá Kiện Khát tại Ung Châu**

Đời Đường, quan biệt giá<sup>69</sup> Kiện Khát tín tâm thanh tịnh, dốc lòng tin phụng Phật pháp. Một hôm, ông hỏi Tăng: “Tại gia cư sĩ nên thờ phụng vị Phật, Bồ Tát nào?” Chư Tăng mỗi vị nói mỗi khác, [có vị nói]: “Nên thờ đức Quán Âm vì Ngài là đấng Thí Vô Úy trong thế giới Sa Bà”. Hoặc nói: “Thờ Dược Sư Phật vì Ngài phát nguyện lợi lạc [chúng sanh] trong đời Tượng Pháp”. Hoặc nói: “Thờ Di Lặc chính là thờ phụng đấng Đạo Sư”. Hoặc nói: “Thờ Địa Tạng, vì Ngài đã vâng nhận sắc lệnh của Phật”. Kiện Khát tự nghĩ: “Nên thờ đức Địa Tạng, vì Ngài đã nhận sắc lệnh của đức Phật, há bỏ chúng ta ư?” Liền tìm gỗ chiên đàn, tạo tượng cao ba tấc, nhét trong búi tóc, đi, đứng, nằm, ngồi, xưng niệm danh hiệu. Trong niên hiệu Thiên Thành đời Đường Trang Tông (Lý Tồn Húc), thiên hạ chiến tranh, loạn lạc. Kiện Khát bị quân giặc vây hãm, chẳng biết trốn vào đâu, trong khoảnh khắc sẽ nhận lấy cái chết. Ông vừa nghĩ đến tượng Địa Tạng đang mang theo [trên búi tóc], gã đại tướng đang suất lĩnh kỵ binh bỗng kinh hoảng, tra gươm vào vỏ, bảo đồng bọn: “Chúng ta đang vây hãm Địa Tạng Bồ Tát, há có nên làm lạc phá hoại hiền thánh”, liền tháo chạy. Kiện Khát cho là chuyện hy hữu. Sau khi dẹp yên loạn lạc, ông hỏi han chư Tăng, kể lại nhân duyên này, người nghe đều than lạ. Trong niên hiệu Trường Hưng<sup>70</sup>, khi ông đến nhiệm sở, kẻ oán nghe tin, toan hãm hại, nấp chờ sẵn bên chỗ đường hiểm. Hắn chỉ thấy một vị sa-môn đi qua, trợn chẳng thấy Kiện Khát. Về sau, nghe ông đã đi qua, bèn hỏi lỗi, tạ từ, cởi bỏ oán thù. Lại có lần trên

---

<sup>69</sup> Chức quan này có tên gọi đầy đủ là Biệt Giá Tùng Ngự Sử, hoặc còn gọi là Biệt Giá Tùng Sự, chính là quan phụ tá cấp cao nhất của Thứ Sử. Do chức quan cao, khi đi ra ngoài, không phải ngồi hầu theo xe của quan Thứ Sử, nên gọi là Biệt Giá. Có thể hiểu chức quan này giữ vai trò xử lý thường vụ trong các châu, quận. Đến đời Tùy, do bãi bỏ các quận, chỉ giữ lại châu, nên chức vị này đổi thành Trưởng Sử. Đến đời Đường, lại đổi thành Quận Thừa Biệt Giá. Sau đó, chức vụ này bị phế bỏ. Đến đời Tống, lại lập chức Thông Phán có vai trò gần giống Biệt Giá. Do vậy, dân gian vẫn quen gọi Thông Phán là Biệt Giá.

<sup>70</sup> Trường Hưng (930-933) là niên hiệu của Lý Tự Nguyên thời Hậu Đường.

đường đi, đêm ông ngủ trọ, trời đổ mưa thật to, đèn lửa đều tắt ngúm. Thánh tượng trong búi tóc tỏa sáng chiếu màn đêm rõ như ban ngày. Bỗng có âm thanh khe khẽ như tiếng trẻ nhỏ bảo: “Hãy sớm rời đi, sớm rời đi!” Ông kinh dị, noi theo ánh sáng dẫn đường, đến nghỉ đêm ở chỗ khác. Hôm sau, trận lũ dâng trào, chỗ ông nghỉ trọ trước đó đã ngập nước, chẳng biết chìm sâu cỡ nào. Ông tự nói: “Địa Tạng Bồ Tát cứu vớt, che chở”. Năm Thanh Thái thứ hai (935), ông tròn bảy mươi tám tuổi mới mất. Khi lâm chung, tượng trong búi tóc phóng quang. Ông chấp tay niệm Phật qua đời. Quang minh ấy chiếu thẳng lên trời trong chốc lát. Ai nấy đều nói quang minh đưa tiền Kiện Khát, ông chắc chắn sanh lên trời!

### ***15. Ghi chép về chuyện Địa Tạng cảm ứng của Đô Đốc Trường An Thôi Lý Hệ đời Tống***

Thôi Lý Hệ là Đô Đốc Trường An, là em trai của thượng thư Thôi Long. Năm Khai Bảo thứ hai (969), ông ta chết hai ngày rồi sống lại, kể chuyện trong cõi âm như sau:

- Lúc tôi mới chết, có hai người xách nách đưa đi. Lại thấy có quỷ tốt hình ngựa trắng đuổi chạy chẳng biết mấy dặm, đến một tòa thành lớn ở phía Đông Bắc. Từ cửa đen ở phương Nam vào, sẽ thấy phương Đông, từ cửa đen ở phương Tây vào, sẽ thấy cửa Nam, theo cửa đen ở phương Bắc vào thành, thấy có mười mấy căn nhà ngói. Mỗi căn đều có mười mấy gian. Trong đó, có mấy ngàn kèo cột tô vẽ, các thứ mào đội của các quan đều là màu đen. Hai bên nhà ngói có hơn ba mươi nha lại, đều nói: “Ta là [thuộc hạ của] phủ quân”. Lại về phía Tây Nam, hơn năm mươi bước, có hơn năm mươi nha lại. Lý Hệ đến trước phủ quân, phủ quân hỏi: “Người phụng sự gì?” Lý Hệ đáp: “Tôi phụng sự Địa Tạng Bồ Tát, cúng dường các sa-môn”. Phủ quân lại nói: “Ông đã thờ phụng đức đại thánh, đây là phước trời”, bèn hỏi các nha lại chức nhỏ: “Người này mạng đã hết hay chưa?” Phủ quân liền lấy một quyển sách tự đọc rồi bảo Lý Hệ: “Khanh mạng chưa tận, nhờ Địa Tạng Bồ Tát cứu vớt, che chở”. Lại gọi các viên nha lại cấp thấp, quát: “Bọn bay có gì đoạt mạng người của Phật gia?” Liền quở trách ngục tốt có hình dạng ngựa trắng, xử phạt hấn bị trói vào cột một ngày. Lại hỏi: “Khanh có muốn về hay chưa?” Đáp: “Dạ muốn”. Lại hỏi: “Khanh có muốn thấy địa phủ hay chăng?” Thưa: “Muốn thấy”. Phủ quân truyền cho ông một thớt ngựa, và sai hai nha lại dẫn đi. Từ phía Đông Bắc đi ra, khoảng năm

sáu dặm, thấy một tòa thành lớn bằng sắt, vuông vức mấy chục dặm. Có một cái nhà sắt, chứa đầy nước sắt lỏng sôi, bốc lửa hùng hực. Kế đó, đến một căn nhà lợp ngói, dùng sắt làm cánh cửa. Quan cỡi âm mở cửa bảo ông nhìn, thấy ông nội, cụ cố v.v... đều ở trong thành ấy, đều bị gông, cùm, xiềng xích trói buộc thân thể. Lửa dữ vờn quanh thân, thiêu đốt, thân thể cháy nứt nẻ. Họ trông thấy Lý Hệ, bèn ứa nước mắt bảo: “Con hãy nên cứu giúp”. Lý Hệ thưa: “Hãy nên niệm Địa Tạng Bồ Tát”.

Đi tiếp, thấy trong một cái thành, có giường, tòa, chỗ nằm bằng sắt nóng. Các vị sa-môn ông được gặp gỡ khi trước đang ngồi đó, thân thể như than, lửa dữ chiếu sáng rực. Ông hỏi: “Thầy tu phạm hạnh, nay sao lại như thế này?” Sa-môn đáp: “Bọn ta vì tiếng tăm, lợi dưỡng mà tu phạm hạnh, do nội tâm và ngoại hạnh chẳng tương ứng, các thứ ngọa cụ, giường, tòa v.v... đã nhận xưa kia, nay biến thành các thứ khí cụ hành hình to lớn. Y phục, thức ăn v.v... biến thành áo sắt, nước đồng sôi. Đàn-việt hãy nên cứu chúng tôi”. Ông đáp: “Thầy hãy nên niệm Địa Tạng Bồ Tát”. Ông thấy mấy chục địa ngục, mỗi ngục đều có tội nhân bị hành hạ đầy ắp trong đó, đều là những người ông đã từng gặp gỡ trong cõi đời. Lại tới ngục cát đỏ, có cây đầy grom, cột đồng, trăm ngàn tội nhân ở trên đó. Họ trông thấy Lý Hệ, đều chảy nước mắt, bảo: “Ông hãy cứu chúng tôi”. Đáp: “Hãy nên thường niệm Địa Tạng Bồ Tát”. Bấy ngục cát vàng, cát trắng, cát cháy v.v... như thế đều giống như đã thấy. Ông bèn trở về.

Lại thấy một căn nhà ngói màu lục long lanh, hai bên đường có cây báu, các thứ trái xen kẽ. Liên hỏi hai viên nha lại, họ đáp: “Trong số các đàn-việt đệ tử của Địa Tạng Bồ Tát, lại còn vẽ tượng, phần nhiều sanh vào Tịnh Độ, hoặc sanh lên trời Đâu Suất, ai nấy đều thỏa sở nguyện. Kẻ chẳng tin tưởng vẽ tượng, nhưng phụng sự thì phần nhiều trụ nơi đây”. Do vậy, ông tiến vào, thấy trong tòa thành lớn, có điện báu lớn. Trăm ngàn vạn ức nam nữ vui đùa trong đó. Lại thấy cha mẹ, lục thân v.v... hoan hỷ chào hỏi. Những người nam, kẻ nữ nói: “Trước kia, chúng tôi ở trong địa ngục, nhờ ông dạy niệm Địa Tạng Bồ Tát, được thoát khổ, sanh vào trong đại điện này!” Cha mẹ, anh em, lục thân hoan hỷ bảo tôi rằng: “Nhờ ân trạch của ông, cảm Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa, lìa khổ sanh vào nơi đây”. Ông lại hỏi: “Chỗ này là nơi nào?” Đáp: “Nơi đây gọi là phước xá, thọ mạng lâu dài, xa lìa các thứ khổ. Tuy sanh nơi đây, ắt gặp ba hội của Phật Di Lặc, dứt các nỗi khổ”. Lý Hệ hỏi cõi nào? Họ nói: “Xưa kia, lúc Địa Tạng Bồ Tát tại thế, vâng nhận lời phó chúc

của đức Như Lai, bạch với đức Phật: ‘Nhất định chẳng để cho bốn chúng đệ tử đọa vào ác đạo’. Trước khi Phật Di Lặc xuất thế, trong khoảng giữa hai vị Phật là năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, nếu có chúng sanh nguyện sanh về Tịnh Độ và Đệ Tứ Thiên, kẻ ít phước đều đến phước xá này, chẳng trở lại đường ác, cho đến khi thành Phật mới thôi”. Ông trở về chỗ phủ quân, vua liền sai hai người [nha lại] trên kia đưa ông hồi dương.

***16. Ghi chép về chuyện cảm ứng do phát tâm tạo tượng Địa Tạng của Thứ Sử Ích Châu là Quách Từ An***

Nhà Đại Hán, Thứ Sử Ích Châu là Quách Từ An chẳng tin Tam Bảo, đặc biệt coi trọng Lão Tử. Giữa tháng Năm nhuận của năm Càn Hựu thứ ba (950)<sup>71</sup>, ông nhiễm bệnh, chữa trị đủ cách chẳng lành. Vợ ông thờ Phật, tìm hôm ông vui vẻ, nói: “Có thể phát nguyện tạo tượng Địa Tạng Bồ Tát trong một ngày để khỏi bệnh, chớ nên trì hoãn!” Từ An nằm trên giường bệnh, tâm vẫn không tin, nói: “Cần phải phát nguyện ư? Nếu có cảm thông, tôi sẽ tin ngay”. Một hôm, ông bỗng chết ngất. Bà vợ ngửa mặt lên trời, gào khóc, lệ muôn hàng, tâm can tan nát, cầu chư thiên giúp ông sống lại. Sau ba thời (sáu tiếng đồng hồ), Từ An tỉnh lại, gieo mình xuống đất, đòi dao bén, toan cắt lưỡi. Người trông thấy đều cho là ông cuồng loạn. Bà vợ an ủi, ông mới yên tĩnh, bảo: “Bà là đại thiện tri thức, có thể kéo dài mạng sống của tôi, có thể trừ khổ địa ngục, có thể trao cho niềm vui cõi trời, có thể dạy đạo giải thoát”. Vợ nói: “Xin ông hãy nói đầu đuôi”. Từ An bật khóc, bảo:

- Tôi được Diêm Vương sai chừng bảy, tám người, mỗi người đều xưng là thần tư lộc (司祿, cai quản tài lộc), đều cưỡi ngựa xanh, ruổi vó như gió. Hai người cầm cung tên, hai người cầm gương, hai người cầm gậy, một người cầm thùng, đuổi tôi về hướng Đông Bắc, tới cửa một tòa thành lớn. Trong thành, có trăm ngàn vạn người, đứng hầu hai bên. Quan tư lộc xuống ngựa, thưa hỏi vị vua. Vua nói: “Sao lại bắt người chưa hoàn tất thiện nguyện?” Vua bèn nổi giận, sai dùng gậy sắt xử phạt. Quan tư lộc gào to, thân thể quần áo đầm máu. Vua ra cửa, bảo Từ An: “Ông nhờ ơn vợ, phát nguyện tạo tượng Đại Sĩ, ta ở ngôi vua, thật sự vì

---

<sup>71</sup> Càn Hựu (乾祐) là niên hiệu của Hán Cao Tổ Lưu Tri Viễn, như vậy, nhà Hán nói ở đây là nhà Hậu Hán thuộc thời Ngũ Đại, không phải là nhà Tiền Hán do Lưu Bang sáng lập sau khi diệt nhà Tần của Doanh Chính (Tần Thủy Hoàng).

khiến cho chúng sanh đền trả tội nghiệp mà hiện thân Diêm Vương, thật ra là pháp vương. Nếu có chúng sanh quy y đức Địa Tạng, sẽ thỏa mãn điều mong cầu. Ông hãy sớm trở lại nhân gian để hoàn tất nguyện ấy”. Vua liền sai người đưa về. Nay được tỉnh ngộ. Tâm ta chẳng tin, hủy báng đại thánh, muốn cắt lưỡi để sám hối.

Vợ bảo: “Cắt lưỡi chẳng phải là sám hối. Nếu ngã xuống đất, vẫn phải do đất đứng lên. Ông hãy nên quy y Địa Tạng Bồ Tát, sám hối”. Ông liền làm theo lời vợ. Tạo tượng trong một ngày, hết sức hối hận lỗi trước. Mỗi ngày trai, đều lễ bái cúng dường, coi đó là nề nếp của gia đình, siêng năng khuyên người sang, kẻ hèn hãy nên phụng sự Địa Tạng Bồ Tát.

### ***17. Ghi chép về chuyện cảm thông do vì vợ tạo tượng Địa Tạng Bồ Tát của quan Thượng Thư Bá Duyệt nhà Đại Châu***

Nhà Đại Châu<sup>72</sup>, Thượng Thư Bá Duyệt là đại thần được vua ban thưởng cho đeo bao thêu cá vàng, rất tin Tam Bảo. Vợ ông do sanh nở mà chết, ông đau xót khóc lóc, tu phước hồi hướng, tạo tượng Địa Tạng Bồ Tát cao bằng thân người vợ, lập hội trai tăng, dốc cạn lòng thành lễ bái, cúng dường. Ông mộng thấy vợ mặc xiêm y mới sạch, bảo Bá Duyệt: “Tôi trước kia là vợ người ta, chẳng sanh con. Chồng thường than thở không con. Tôi liền bảo chồng cưới thiếp. Không lâu sau, cô ta

---

<sup>72</sup> Đại Châu ở đây là nhà Hậu Châu, là một triều đại ngắn ngủi nhất trong thời Ngũ Đại, trước sau chỉ tồn tại chín năm! Quách Oai vốn là quyền thần của nhà Hậu Hán, lập nhiều chiến công, quyền cao, chức cả. Khi Hán chúa là Lưu Tri Viễn chết, con là Lưu Thừa Hựu nối ngôi, thấy các đại thần nắm binh quyền quá mạnh, bèn lập mưu giết các đại thần. Quách Oai bèn khởi binh chống lại, tôn Lưu Vân làm vua mới. Sau đó, đem quân lên miền Bắc đánh Khiết Đan, ngầm sai người giết chết Lưu Vân, rồi sai tay chân ủng hộ mình lên ngôi hoàng đế, lập ra nhà Châu, nhưng ông ta chỉ làm vua được ba năm thì chết. Ngôi vua phải truyền cho con nuôi của Quách Oai là Sài Vinh, tức Châu Thế Tông. Do phải chinh chiến liên miên, tiền bạc thiếu hụt, Châu Thế Tông nghe lời sàm tấu của đạo sĩ, đã phế trừ đạo Phật, phá hủy chùa chiền, hạ lệnh nung chảy tượng Phật, chuông đồng để đúc tiền, tạo thành pháp nạn cho Phật giáo Trung Hoa. Chính ông ta đã hạ lệnh phá hủy 30.336 ngôi chùa và đuổi sáu vạn tăng ni về đời. Tháng Sáu năm 959, Châu Thế Tông chết vì bệnh tật, thọ 38 tuổi. Con ông ta là Sài Tông Huấn mới bảy tuổi lên nối ngôi, tức Hậu Châu Cung Đế. Chưa đầy một năm, vào tháng Giêng năm 960, Điện Tiền Đô Kiểm Diêm Triệu Khuông Dẫn soạn ngôi, lập ra nhà Tống, nhà Hậu Châu diệt vong! Hiền Đức là niên hiệu của Sài Vinh.



có thai. Chồng yêu kính vợ mới, tôi sanh dạ khác, làm ra vẻ thân thiết, dùng thức ăn ngon trộn lẫn thuốc độc giết mẹ con họ. Do vì lẽ ấy, đọa vào ngục Vô Gián sáu kiếp. Lại sanh trong nhân gian, vì sanh nở mà chết đã năm mươi bảy lần rồi! Đòi đòi thường làm vợ ông, chịu nỗi khổ to lớn ấy. Nay ông vì tôi tạo thánh tượng để giúp phước, nghiệp ấy đã diệt, sanh lên trời Đao Lợi, oai quang hơn hẳn trước kia. Sau khi sanh làm kẻ phối ngẫu của một vị trời, sẽ vĩnh viễn chẳng mang thân nữ. Nơi Thiện Pháp Đường của cõi trời ấy, cứ vào ngày Hai Mươi Bốn mỗi tháng, vô lượng vô biên hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát trong một tam thiên đại thiên thế giới nhóm họp nơi đó, đầy khắp dưới cội Vô Ưu, thuyết pháp lợi sanh. [Các hóa thân ấy] đều có hình dáng một vị Tăng kim sắc. Có một lúc, Ngài vì tôi thuyết pháp bảo: ‘*Vợ chồng các người tạo tượng, đúng pháp tu hành, được thoát đường khổ*’. Do ở trên trời, cho nên sanh thiện tâm, chẳng khởi tà tâm”. Bá Duyệt tỉnh giấc, vui buồn lẫn lộn!

***18. Ghi chép về chuyện vị sư Huệ Tấn ở kinh đô tụng kinh Pháp Hoa cảm đức Địa Tạng***

Thích Huệ Tấn người xứ Lạc Dương, xuất gia từ bé, cầu pháp ở nước khác, truyền đạo Hiền, Mật. Trong ấy có một bộ Pháp Hoa, văn nghĩa màu nhiệm tột cùng, Sư ngày đêm thâm tụng, chưa từng giải đãi, phê bỏ. Sư được mọi người tôn kính là thầy, cõi đời gọi là pháp sư. Trong niên hiệu Hiền Đức nhà Đại Châu, có một sa-di, tự xưng là người Tây Vực, tôn Huệ Tấn làm thầy, suốt ba năm phụng sự như một người hầu miễn phí. Huệ Tấn lấy làm lạ, hứa sẽ cho Cụ Túc Giới. Sa-di bạch rằng: “Con kính trọng người tụng Pháp Hoa, chẳng thể làm đại tăng”. Sau đấy, Huệ Tấn thôi tụng Pháp Hoa, truyền dạy kinh Thai Tạng Đại Giáo Vương<sup>73</sup>. Sa-di thưa với thầy: “Con trở về nước mình, thầy đã thay

---

<sup>73</sup> Bộ kinh này gồm mười tám hội. Đời Đường, ngài Bất Không Tam Tạng dịch sang tiếng Hán với tên gọi đầy đủ là Kim Cang Đảnh Nhất Thiết Như Lai Chân Thật Nhiếp Đại Thừa Hiện Chứng Đại Giáo Vương Kinh (Sarvatathāgata Tattvasaṃgraha Tantra). Bản dịch này thật ra chỉ là phẩm thứ nhất trong hội thứ nhất, còn hội thứ sáu được Ngài dịch với danh xưng Đại Lạc Kim Cang Bất Không Chân Thật Tam Muội Da Kinh. Về sau, ngài Thi Hộ dịch lại hội thứ nhất với tên gọi Nhất Thiết Như Lai Chân Thật Nhiếp Đại Thừa Hiện Chứng Tam Muội Đại Giáo Vương Kinh (30 quyển), ngài Pháp Hiền dịch hội thứ sáu với tên gọi Tối Thượng Căn Bản Đại Lạc Kim Cang Bất Không Tam Muội Đại Giáo Vương Kinh (7 quyển), hội thứ chín được

đổi đường lối, chẳng phải là điều con ưa thích”. Sau đó liền mất dạng, chẳng biết đi về đâu. Huệ Tấn tự nhủ: “Do bỏ tụng niệm nên thành ra như vậy. Sa Di không biết suy nghĩ sâu xa, tôn sùng việc tụng niệm. Nay ta thay đổi cách hành trì, hăm hở tu pháp bí mật thì có khác gì đâu?”

Sư suy nghĩ chuyện ấy, đêm mộng thấy Sa-di chính là Địa Tạng Bồ Tát phóng quang chiếu Huệ Tấn. Tâm sư kinh hoàng, chấp tay, sám hối tạ lỗi. Bồ Tát bảo Huệ Tấn: “Ta có nguyện đại bi giúp kẻ Xiển Đề. Vâng lời phó chúc của đức Phật duy trì di giáo, hướng dẫn, lợi ích quần sanh. Đấng Đại Sư Thích Tôn xưa kia ở non Thửu, tám năm thuyết kinh Pháp Hoa. Ta thủ hộ, hai vạn vị Bồ Tát như Dược Vương v.v... đều vâng theo lời dạy, đích thân được đức Phật khuyến hộ trì. Ngài căn dặn chân thành, chắc thật, sắc truyền: Trong đời ô trược, kẻ tam trì kinh Pháp Hoa là khó khăn nhất. Do hạnh nghiệp tụng niệm Pháp Hoa thanh cao của Sư, ta theo làm kẻ đầy tớ miễn phí cho Sư. Sư bỏ đọc tụng, ta liền lìa bỏ”. Huệ Tấn rơi nước mắt sám hối. Lại hỏi rằng: “Con có lìa sanh tử được không?” Đáp: “Ở nơi quá khứ Phật, hiện tại Phật, hoặc sau khi Phật diệt độ, nếu nghe kinh Pháp Hoa, đều đã thành Phật đạo. Chỉ có tâm trong sạch hay ô trược thì [sẽ lìa sanh tử] nhanh hay chậm khác nhau!” Nói xong, bỗng chẳng thấy đâu nữa. Sư tỉnh giấc, sám hối, tụng trì kinh Pháp Hoa như cũ.

### ***19. Ghi chép về chuyện cô gái ở Vi Châu ở nhờ nhà bác cảm đức Địa Tạng giáo hóa***

Vào thời Đại Châu, tại nhà ông họ Đặng ở Vi Châu, có cô cháu gái (không biết tên) mất mẹ từ bé, được bác nuôi nấng. Cô ngày đêm nhớ mẹ, cầu hỏi sa-môn: “Làm thế nào để lại thấy mặt mẹ?” Sa-môn

---

ngài Thi Hộ dịch với danh xưng Đại Bi Không Trí Kim Cang Đại Giáo Vương Nghi Quỹ Kinh... Kinh Kim Cang Đánh trong Hán Tạng hiện thời chỉ là hội thứ nhất. Theo các nhà nghiên cứu, mười tám hội của kinh Kim Cang Đánh là Nhất Thiết Như Lai Chân Thật Nhiếp Đại Thừa Hiện Chứng Đại Giáo Vương, Nhất Thiết Như Lai Bí Mật Vương Du Già, Nhất Thiết Giáo Tập Du Già, Hàng Tam Thế Kim Cang Du Già, Thế Gian Xuất Thế Gian Kim Cang Du Già, Đại An Lạc Bất Không Tam Muội Da Chân Thật Du Già, Phổ Hiền Du Già, Thắng Sơ Du Già, Nhất Thiết Phật Tập Hội Noa Cát Ni Giới Vông Du Già, Đại Tam Muội Da Du Già, Đại Thừa Hiện Chứng Du Già, Tam Muội Da Tồi Thắng Du Già, Đại Tam Muội Da Chân Thật Du Già, Như Lai Tam Muội Da Chân Thật Du Già, Bí Mật Tập Hội Du Già, Vô Nhị Bình Đẳng Du Già, Như Hư Không Du Già, và Kim Cang Bảo Quan Du Già.

bảo: “Địa Tạng Bồ Tát có bốn nguyện đại bi. Cô chí tâm xưng niệm, sẽ lại được thấy”. Cô ta bèn ngày đêm xưng danh. Về sau, thưa với sa-môn: “Con nhờ ơn thầy, lại được thấy từ nhan. Kính cẩn dâng cúng một bộ xiêm y”. Sa-môn gạn hỏi cặn kẽ đầu đuôi, cô kể: “Con mộng thấy theo sau một vị sa-môn, bay lên trời. Thấy tòa điện báu ma-ni bốn mươi chín tầng, chư thiên đầy dẫy trong ấy. Mẹ đang ở trong số những người bên ngoài. Con đến nơi, lễ bái, thưa hỏi. Mẹ nói: ‘Con niệm Địa Tạng Bồ Tát, đưa mẹ đến tầng trời này, lại được gặp con, là do đức Thánh đích thân xếp đặt’. Con liền tỉnh giấc, tâm sanh ý niệm chẳng thể nghĩ bàn. Cảm ứng đạo giao như thế, đều do ơn thầy!” Sa-môn sanh tâm tùy hỷ bảo: “Nêu không do chính con có lòng tin sâu xa, sẽ chẳng thể có sự cảm hóa ấy được”. Tôi đích thân nghe thấy, bèn ghi chép lại.

***20. Ghi chép về chuyện gã Nhạn Hùng ở Kinh Châu do công đức quy y đức Địa Tạng mà thoát khỏi địa ngục***

Vào thời Ngũ Đại, ở Kinh Châu có một người sống bằng nghề săn chim nhạn, nổi tiếng khắp cõi đời, được gọi là Nhạn Hùng. Lúc năm mười một tuổi, mắc chướng khí chết đi, vợ ông ta đem bỏ xác nơi gò mả để nuôi cọp, sói. Ba ngày sau, ông ta sống lại, trở về nhà cũ. Vợ con kinh sợ, cho là đã biến thành cuồng quỷ. Nhạn Hùng kể cặn kẽ:

- Khi ta chết, xe bốc lửa đến đón, bị lửa dữ thiêu đốt. Có một vị sa-môn dùng nước xối lên xe. Lửa tắt, thân được mát mẻ, sanh ý niệm hy hữu! Kế đó, tới chỗ vua (Diêm Vương). Lợn, dê, gà, trĩ, ngàn vạn cầm thú tiến đến tâu với vua: “Hắn đoạt mạng con, xin trị tội Nhạn Hùng”. Đại vương trả lời: “Các người đã tố cáo, Nhạn Hùng ắt là kẻ ác. Chỉ có điều tổ tiên của hắn quy y đức Địa Tạng, con cháu của họ được thoát khỏi nỗi khổ nung đốt”. Nhạn Hùng thấy tình hình đó, bèn nhất tâm xưng danh Địa Tạng Bồ Tát. Chim, thú trong điện đều biến thành hình người. Vua liền thả ta. Do vậy, được sống lại.

Ông ta bèn bỏ nhà, phát tâm, xưng là Phật Nô (đầy tớ của Phật), du hành trong nhân gian, khuyên mọi người quy y Địa Tạng Bồ Tát.

***21. Ghi chép về chuyện đứa bé dùng móng tay vẽ hình đức Địa Tạng được tăng thọ***

Đời Tống, sư Thích Huệ Ôn chùa Khai Bảo có nuôi một bé trai, chẳng rõ tên họ, mới vừa mười bốn tuổi. Thầy tướng Kiện Chân nhìn nó

bảo: “Đứa trẻ này thọ mạng rất ngắn, chỉ còn sống được một tháng nữa mà thôi!” Sư nghe lời Kiện Chân nói, cho nó về nhà. Khi ấy, trời mưa to, đi lại chẳng thông thuận. Nó ngủ nhờ nhà một thợ vẽ, thấy ông ta vẽ tượng Địa Tạng Bồ Tát, bèn dùng móng tay, bắt chước ông ta vẽ vôi, vẽ ở trên vách. Khi trời tạnh, bèn về nhà.

Hơn một tháng sau, đứa bé trở lại chùa Khai Bảo. Huệ Ôn hoan hỷ, bảo Kiện Chân nói nhảm. Liền gọi Kiện Chân đến gặp đứa bé. Ông ta kinh ngạc bảo: “Tuổi thọ tăng lên năm mươi năm. Chuyện này hiếm có, chẳng biết do đâu”. Đứa bé tự nói: “Con dùng móng tay vẽ hình tượng Địa Tạng. Đêm hôm ấy, có vị tăng bảo con trong giấc ngủ: ‘Người năm mươi, năm mươi’. Xương đôi ba lượt như thế. Ngoài chuyện ấy ra, chẳng tu thiện sự nào khác”. Huệ Ôn và thầy tướng số đều than: “Thánh lực chẳng thể nghĩ bàn!” Về sau, đứa bé xuất gia, thọ Cụ Túc Giới, hiệu là pháp sư Huệ Tạng.

## ***22. Ghi chép về sự ứng hiện tốt lành của đức Địa Tạng tại Liêu Thành đời Tống***

Đời Tống, ở vùng quê của Liêu Thành, xưa có khoảng hơn một ngàn nhà, gần đây đã có hơn hai ngàn nhà, đều tín phụng Phật pháp, và tin tưởng Quán Âm, Địa Tạng. Họ coi trọng kinh Quán Âm, kinh Địa Tạng, và kinh Thập Luân. Có một ngôi chùa cổ, ba gian bốn mái, lợp ngói xanh, vách lá. Hai bên là tượng Quán Âm và Địa Tạng, cao bảy thước năm tấc. Chính giữa thờ tượng A Di Đà Phật, cao một trượng sáu thước, thường có điềm lành linh cảm, tượng do Đặng Độ đã tạo vào thuở trước. Trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc đời Tống Thái Tông, bệnh dịch tràn lan, các thôn người chết yểu rất nhiều. Vị thành chủ cầu đảo nơi tượng Địa Tạng Bồ Tát. Tượng phóng quang chiếu vào làng, mọi người đều được bình phục, người đã chết yểu được sống lại. Có một bà đồng chẳng tin Phật pháp, đã mắc bệnh chết qua một ngày mới sống lại, đến tinh xá, lễ đức Địa Tạng, khóc lóc, cầu xin xuất gia. Mọi người ngạc nhiên, hỏi nguyên do. Bà đồng thưa:

- Tôi bị ác quỷ trói, tuy gọi vị thần tôi thờ phụng cứu vớt, thần thấy ác quỷ được sa-môn cảm hóa, bèn bỏ tôi mà đi. Khi ấy, vị sa-môn bảo: “Người là nữ nhân ngu si, uổng công nương cậy thần đạo, chẳng tin Phật pháp. Ta là Địa Tạng Bồ Tát trong ngôi đại tự, do thành chủ thỉnh cầu, bèn cứu nữ nhân ngu si người. Ta trao cho người sanh mạng để kiến tạo chùa trong làng quê hòng trực tiếp bảo vệ họ”. Tôi dứt tâm ác, trọn

chẳng điều khiển quý nữa. Quý là nghiệp của chính mình, chẳng phải do ai khác làm ra. Đã thấy nghe chuyện này, lại được sống sót, cải tà quy chánh, cho nên xin xuất gia”. Người nghe nói đều tùy hỷ, chấp thuận cho bà ta làm ni.

### ***23. Ghi chép về sự cảm thông của tượng Địa Tạng chùa Thiên Phước***

Đời Tống, nơi góc Đông Bắc chùa Thiên Phước có thánh tượng Địa Tạng cao một thước sáu tấc, chẳng biết do ai tạo, xuất hiện vào thời đại nào. Tuy nhiên, tương truyền hết sức linh dị. Hễ ai tìm đến xin ngủ lại để lễ sám, ắt sẽ được cảm thông. Khi ấy, có một vị cư sĩ, lúc ba mươi bảy tuổi, không còn một cái răng nào. Ông ta tìm đến trước tượng, nhịn ăn, trai giới thanh khiết, cầu thỉnh. Nửa đêm cảm mộng, thấy tượng đến xoa đầu, khắp thân nhẹ nhàng, an vui. Tỉnh giấc, đã mọc ba mươi tám cái răng. Người thấy nghe linh dị, vẽ phông theo tượng để lễ bái, đều được cảm thông.

### ***24. Ghi chép về sự cảm ứng từ bức họa Địa Tạng của ni sư Trí Tạng ở Thái Nguyên thuộc Tinh Châu***

Đời Tống, ni sư Trí Tạng ở Thái Nguyên đặc biệt phụng sự Địa Tạng Bồ Tát, thích cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Bà bỏ ra hai trăm đồng, vẽ tượng A Di Đà Phật, hai bên vẽ hai vị Địa Tạng và Quán Âm làm thị giả, đặt ở trong phòng xá, tín tâm lễ bái, cúng dường, Năm Canh Thìn (980) trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc thứ năm, gió lốc thổi hư nhà, ni xá đều bị hư hoại. Hôm sau, tìm tượng chẳng biết thất lạc chỗ nào, lòng sanh ưu não! Bà cầu khẩn, niệm Địa Tạng Bồ Tát, chiêm ngưỡng hư không, thấy xa xa có một vật bay lơ lửng trên không, tỏa mây luông quang minh như ánh chớp. Lúc sau rơi xuống, chính là tượng bà mong cầu. Bà vui mừng, vẫn đặt trong phòng như cũ. Ngày Hai Mươi Ba tháng Hai năm [Thái Bình Hưng Quốc] thứ bảy (982), bà bảo bạn bè: “Ngài Địa Tạng Bồ Tát hướng dẫn tôi về Tịnh Độ, ngày mai chắc chắn vãng sanh”. Bà thắp hương, rải hoa, xướng danh hiệu tam tôn, mỗi danh hiệu một trăm lễ tám lượt, ngồi ngay ngắn hướng về Tây, chấp tay, qua đời.

### ***25. Ghi chép về sự hóa hiện linh dị của bức họa Địa Tạng trên vách Tây chùa Ngõa Quan ở Kim Thành***

Nơi vách Tây chùa Ngõa Quan có vẽ thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát, diện mạo như một vị lão tỳ-kheo trung niên, áo ca-sa màu sắc tươi tắn. Đầu canh năm mỗi ngày đều phóng quang minh, trong mười người, chỉ một hai người được thấy. Gần đây, vị sa-môn người Thiên Trúc là Hoa Thiên khá thần dị, cầu thỉnh cảm ứng nơi thánh tượng, được thấy quang minh trọn vẹn, nói: “Tượng này chính là do xưa kia, Trí Khải thiền sư nước Tỳ vì cứu chúng sanh đang khổ sở trong tam đồ mà vẽ tượng này. Tượng phóng quang minh, chiếu sáng lục đạo, [người có duyên trông thấy] sẽ thấy thánh tượng và ngài Trí Khải đạo trong ba đường ác, nói kinh Pháp Hoa, cứu khổ ban vui”. Nghe chuyện này xong, người lễ bái, cúng dường càng đông!

### ***26. Ghi chép về sự cảm ứng đức Địa Tạng của sa-môn Trí Hựu chùa Thanh Thái***

Đời Tống, sa-môn Trí Hựu là người ở Tây Ấn Độ, sang Trung Hoa trong niên hiệu Thiên Phước, trụ tại chùa Thanh Thái. Trong kinh tượng Sư mang theo, có tượng Địa Tạng Bồ Tát, và bản tiếng Phạn kinh Bản Nguyện Công Đức. Trong bức tượng ấy, nơi vòng tròn chính giữa, vẽ tượng Bồ Tát, hai bên có mười thánh tượng đội mũ, cầm vật báu. Bên trái là năm vị: Một là Tần Quảng Vương, hai là Sở Giang Vương, ba là Tống Đế Vương, bốn là Ngũ Quan Vương, năm là Diêm La Vương. Bên phải có năm vị: Một là Biện Thành Vương, hai là Thái Sơn Vương, ba là Bình Đẳng Vương, bốn là Đô Thị Vương, năm là Ngũ Đạo Chuyển Luân Vương. Mỗi vị đều có các [thuộc hạ] như tư mạng, tư lộc, phủ quân, điển quan v.v... Sư tự nói duyên khởi như sau:

- Xưa kia, ở Tây Ấn Độ, có một Bồ Tát từ bi cứu thế, phát đại thệ nguyện, vì cứu chúng sanh đang chịu khổ trong tam đồ, cho nên vẽ tượng Địa Tạng, hướng về mười vương thành, truyền dạy: “Nay ta phát nguyện cứu khổ tam đồ, xin hãy tạo lợi ích”. Mười vị vua đều chấp tay, kính cẩn đáp ứng, bạch với tượng vẽ rằng: “Hết thảy chúng sanh đều mong được đại thánh dạy bảo. Chúng con kính cẩn làm bạn lữ phụ trợ”. Khi ấy, tôn tượng mỉm cười bảo: “Lành thay! Tội nghiệp của chúng sanh không lâu sẽ được nhẹ bớt”. Liền phóng đại quang minh, chiếu thấu tam đồ khổ não. Các chúng sanh được chiếu đều ngưng dứt các khổ. Đây chính là vị Bồ Tát tại Ấn Độ nhập Lợi Ích Chúng Sanh tam-muội, cầu thỉnh các đại vương ban cho đại lợi. Vị Bồ Tát ấy tự vẽ lại những gì đã thấy, nên vẽ thêm mười vị vua bên cạnh tôn tượng Địa Tạng.

Ngài Trí Hựu lại nói:

- Ta ở Lưu Sa, gặp phải quỷ yêu mị, bèn cầu khẩn, niệm Bồ Tát, do vậy, được Bồ Tát cầm tích trượng xua đuổi chúng. Lại trong đêm khi mưa to trút xuống, khổ vì không có đèn lửa, chẳng biết thứ gì, mãnh thú gầm rống, người lẫn ngựa đều lạc đường. Tượng này phóng quang soi sáng như ban ngày, mãnh thú bèn tan chạy, đường lối lại thông suốt. Lại gặp sông lớn, sóng cả cuộn trào, chẳng biết sâu cỡ nào. Nước ấy rất yếu, chẳng đỡ nổi chiếc lá, huống chi thuyền bè? Ta cầu nguyện thánh tượng, liền thấy một vị sa-môn và hai đồng tử, một đồng tử cầm phan, một đồng tử chèo thuyền. Sa-môn tay cầm quyển kinh tiếng Phạn, liền đưa bọn ta vượt sông. Đã đến bờ Đông, lúc sắp từ biệt, Ngài tặng ta cuốn kinh tiếng Phạn, bảo Tăng, tục trong cõi này có thể sao chép lại. Do vậy, mọi người tranh nhau sao chép, cảm được nhiều điều linh dị.

Ba năm sau, chẳng biết ngài Trí Hựu và tượng ở đâu, mọi người đều ngờ Ngài quay về Ấn Độ. Chắc sa-môn Trí Hựu chính là hóa thân của đức Địa Tạng.

### ***27. Ghi chép về chuyện người đánh cá ở Minh Châu cảm vờ đức Địa Tạng***

Người đánh cá ở Minh Châu, chẳng biết tên họ là gì, xuống biển bắt cá. Trong lưới, bắt được một tượng giống như một vị tỳ-kheo, chẳng biết nguyên do, bèn bỏ bên bờ. Đêm đến, mộng thấy một vị Tăng, thân có quang minh, bảo người đánh cá: “Sao ngươi bỏ ta?” Người đánh cá nói: “Thầy là ai vậy?” Đáp: “Ta là Địa Tạng Bồ Tát ở trong biển cả đã lâu, cứu tế thủy tộc, nửa số ấy được sanh lên trời. Nay vì các ngươi mà xả thân trong lưới”. Người ấy tỉnh giấc, hồi lỗi, kiến tạo một tinh xá, an trí tượng ấy. Ngư dân chỗ ấy đến nay vẫn sùng phụng, được cứu tế chẳng có cùng cực!

### ***28. Ghi chép về chuyện cảm thông do Trần Kiện ở Đài Châu vì cha mẹ tạo tượng Địa Tạng***

Trần Kiện ở Đài Châu một mực đoạn chánh, chí hiếu vượt hẳn kẻ khác. Ông dựng nhà nuôi dưỡng song thân, phát tâm vì cha mẹ tạo hai bức tượng Địa Tạng và Quán Âm, mỗi tượng cao ba thước. Năm Càn Đức thứ tư (966), ông mắc bệnh nhẹ, bỗng chết ngất đi. Cha mẹ khóc lóc. Bốn tiếng sau, ông tỉnh lại, lễ bái cha mẹ, bạch rằng:

- Con chết bỏ lại cha mẹ, chưa trọn lòng hiếu thảo. Bỗng đến trước điện Diêm Vương, thấy hai bức tượng do con đã lập, đứng sẵn trong điện. Vua hướng về đó xá bái. Thấy con đến, vua bèn dặt tay, tượng hai vị Bồ Tát đến đỡ bên hông con dẫn lên sảnh đường. Tượng phát tiếng hòa nhã: “Đàn-việt chưa thỏa lòng hiếu, xin đại vương thả về nhân gian”. Vua bạch cùng tượng: “Mạng nghiệp của ông này đã tận, cha mẹ ông ta mạng dài”. Tượng nói: “Thọ mạng vô định, tùy duyên mà sửa đổi, chuyển biến. Đàn-việt tu phước nghiệp, lẽ đâu chẳng trở về?” Vua kiểm trong một quyển sách rồi thưa: “Nếu ai chí hiếu, tạo tượng hay vẽ tượng, thọ mạng dài lâu. Có thể tăng thêm tuổi thọ cho ông bốn mươi năm nữa, hai mươi năm tận hiếu, hai mươi năm sau sẽ được con hiếu thảo báo đáp”. Có vị quan mặc áo màu lục mở sỏ, tâu với vua: “Con của ông Kiện chỉ thọ mười năm, ai sẽ hiếu thảo?” Vua phán: “Pháp vương không hai lời. Hãy nên tăng tuổi thọ cho đứa con”. Con nghe nói lời ấy xong bèn tỉnh lại.

Người nghe kể đều than là “chưa từng có”!

## **29. Địa Tạng Bồ Tát đội nón rom (truyện thuyết Nhật Bản)**

*Cao Ngọc Mỹ ghi*

Rất lâu trước kia, có một cặp vợ chồng già sống tại một nơi nọ. Do hết sức nghèo túng, mỗi ngày đều phải sống rất vất vả. Có một năm, đến ngày Trừ Tịch (ba mươi Tết), ông cụ than thở với bà cụ: “Ôi! Tuy ngày mai là mùng Một Tết, nhưng chúng ta chẳng có cách nào chuẩn bị bánh dày (mochi)<sup>74</sup> được!” “Đúng thế!” “Nếu có thứ gì có thể đổi lấy bánh dày thì cũng được”. Ông cụ vừa nói, vừa lục lạo khắp nhà, nhưng

---

<sup>74</sup> Mochi là cách người Nhật đọc chữ Bính (餅, bánh), từ ngữ này dùng để chỉ loại bánh làm bằng gạo nếp hoặc bằng bột ngô. Gạo nếp nấu thành xôi được giã thành bột dẻo giống như cách làm bánh dày của người Việt, rồi nắn thành hình tròn, hay dùng khuôn tạo hình dáng tùy thích. Tuy có thể làm và ăn quanh năm, trong ngày Tết, Mochi là thứ món ăn bắt buộc phải có. Thông thường, Mochi có nhân bằng đậu đỏ hoặc đậu xanh, có nhiều hình dạng khác nhau. Một loại bánh khác có hình dạng và chất liệu tương tự là Dangoo (đoàn tử), nhưng Dangoo làm bằng bột gạo, trong khi Mochi chế biến từ xôi nếp giã nát. Loại Mochi thường dùng vào dịp Tết gọi là Kinako Mochi (hoàng phần bính), sau khi bánh làm xong, được nướng trên lửa, lăn qua một lớp bột vỏ bằng đậu nành. Vào ngày Tết, phẩm vật cúng tổ tiên nhất định phải có hai tầng bánh dày lớn, xếp chồng lên nhau, phía trên để một lát cam hay quýt. Đôi khi họ còn có món canh với súp miso nấu với những lát bánh dày.



cũng chẳng tìm được chi cả! “Thật sự chẳng có gì à?” Bà cụ hỏi, bỗng đứng đến phòng chứa đồ nhìn thử. Trong một góc phòng chứa đồ, vẫn chất đống cỏ tranh cắt từ mùa Hè. “Ông già ơi! Đem cỏ tranh bện thành nón rơm, cầm vào trong thành có thể đổi thành tiền được chứ!” “Ồ! Ồ! Như vậy thì cũng được”. Do vậy, hai cụ bèn vào phòng chứa đồ xếp gọn đống cỏ tranh đang lộn xộn, bắt đầu nghiêm túc bện cỏ tranh thành nón rơm. Sau khi làm xong, ông cụ cầm lấy, nói: “Tôi đổi thành tiền, sẽ mua rất nhiều bánh dày, cũng mua kèm thêm củ cải, ngưi bằg<sup>75</sup> về”. Nói xong liền ra đi.

Nơi chợ Tết nhộn nhịp trong thành, khắp nơi đều rộn rịp người mua sắm Tết. Có tiệm bán cối và chày giã [bánh dày], cũng có người chặt gỗ tùng<sup>76</sup> từ trên núi xuống bán, rao âm lên: “Nè! Có muốn mua gỗ tùng hay không? Có muốn dùng gỗ tùng trang hoàng hay không?” Ông cụ chẳng chịu thua, cũng lớn tiếng rao: “Nè, nè, nè! Nón rơm đây, có mua nón rơm hay không?” Nhưng chẳng có ai dừng lại mua, hết cách, ông cụ đành phải gom góp quay về, [lắm bảm]: “Giao thừa chẳng ai mua nón rơm! Ôi! Không mang bánh dày về, chẳng biết bà cụ buồn bực cỡ nào đây?” Bất tri bất giác, sắc trời đã tối, ông cụ cúi đầu ủ rũ đi ra khỏi thành, đi mãi tới chỗ đồng hoang ngoài thôn. Gió thổi hình thành một trận bão tuyết dữ dội. Đột nhiên, ông cụ thấy sáu bức tượng Địa Tạng Bồ Tát dựng bên đường, chẳng có gì che ngực, mà cũng chẳng cây cối ngăn che. Trong chốn đồng hoang bão tuyết toại bời, tượng Địa Tạng Bồ Tát đã bị tuyết lớn vùi lấp một nửa.

“Ôi! Đáng thương quá, chắc là lạnh lắm đấy!” Ông cụ phủi tuyết bám trên đầu tượng Địa Tạng: “Hai má Địa Tạng Bồ Tát đều bị đóng

---

<sup>75</sup> Ngưi Bằg (牛蒡, burdock) còn gọi là Đông Dương Sâm, Bạch Cơ Nhân Sâm, Ngô Mạo, Dạ Xoa Đầu, Ngưi Thái, Thủ Niêm, Bằg Ông Thái, Tiệ Khiệ Ngưi, Tiệ Nam Ngưi... thuộc họ Cúc. Phần ăn được chính là rễ của nó. Rễ nó dài đến hơn một mét, có bề ngang chừng 2cm. Nó thường được người Nhật, Đại Hàn và Đài Loan dùng để nấu súp nhằm tạo vị. Các loại rễ ngưi bằg tươi có thể tước nhỏ để làm thành gói với nước tương, đường, và rượu sake.

<sup>76</sup> Gỗ tùng là một vật liệu cần thiết chủ yếu để trang trí theo truyền thống cho người Nhật, được gọi là Kadamatsu (門松, môn tùng). Vật trang trí này thường được làm thành cặp đặt trước nhà, biểu thị sự nghênh tiếp tổ tiên và các vị thần linh. Môn tùng thường làm bằng cành tùng, tre và nhánh hoa đào hay mận. Phần bắt buộc phải có là ba ống tre vạt xéo có độ cao khác nhau, biểu thị Thiên, Địa, Nhân, hai bên cắm các cành tùng hoặc thông tươi. Ba ống tre buộc bằng thừng có nhiều tua. Buộc bên ngoài là rơm rạ bện thành giỏ, đôi khi cắm thêm hoa lá, kể cả các chiếc quạt sơn vẽ. Sau ngày Rằm tháng Giêng, môn tùng sẽ được đem đốt.

băng, sao mũi Địa Tạng Bồ Tát lại rủ xuống một thỏi băng thế này?” Ông cụ xoa vuốt tấm lưng vừa lạnh vừa ướt của Địa Tạng Bồ Tát. “Vậy thì mình lấy nón rom đội cho các Ngài đi!” Ông cụ lấy nón rom đội trên đầu mỗi tượng Địa Tạng Bồ Tát, lại còn buộc chặt [quai nón] dưới cằm cho gió khỏi thổi bay mất. Nhưng có sáu tượng Địa Tạng Bồ Tát mà chỉ có năm cái nón rom, cho nên chẳng thể đội cho một tượng được. “Khăn tay của tôi tuy không ra hồn, nhưng vẫn có thể chịu được gió tuyết!” Ông cụ lấy khăn tay đã vá vuiu của chính mình trùm lên đầu bức tượng Địa Tạng Bồ Tát cuối cùng. “Như vậy thì cũng được, như thế thì cũng tạm ổn”. Sau đấy, cụ mới an tâm quay về nhà. “Bà già ơi! Bà già ơi! Tôi đã về rồi đây!” “A! Ông già đó hả! Chắc là lạnh lắm hả? Bán hết nón rom chưa?” “Có thể nói là bán xong hết rồi!” Cụ kể chuyện trên đường thấy Địa Tạng Bồ Tát bị tuyết vùi lấp. “Cho nên tôi đội nón rom cho các vị hết rồi!” Bà lão nghe xong, không chỉ chẳng lộ ra vẻ mặt phiền bức, mà cũng nói: “Đúng đó! Ông làm được chút chuyện tốt. Tôi nghĩ chắc là Địa Tạng Bồ Tát cũng rất lạnh! Nè! Ông già mau đến bên giường lò sưởi ấm đi!” Ông già liền ngồi trên giường lò sưởi ấm thân thể lạnh như băng!

“Hừm! Rốt cuộc phải trải qua một đêm Trừ Tịch không có bánh dày. Đã như vậy thì mình bắt chước người đang giã bánh dày vậy”. Ông cụ nói xong, làm bộ như đang giã gạo và nẹp để làm bánh dày, [làm tư thế như] giộng chày vào cối bằng cách gõ vào bên cạnh giường lò. Do vậy, cụ bà cũng cười ha hả. Sau đấy, hai người uống chút canh đã nấu rồi mới đi nghỉ. Khoảng nửa đêm, trong đêm tuyết mịt mù, truyền đến tiếng xe trượt tuyết. Cụ ông hỏi: “Bà già ơi! Là ai vào giờ này vậy? Chắc là người trẻ tuổi ở gần đây đi chở đồ Tết đến giờ này mới kéo về”. “Chắc thế!” Nhưng tiếng xe trượt tuyết trọn chẳng hướng đến nơi khác, mà dần dần càng đến gần. Dỏng tai nghe kỹ, có người hùa nhau ca xướng: “Đem nón rom đội cho sáu vị Địa Tạng Bồ Tát, nhà ông cụ ở nơi đâu? Nhà bà cụ ở chôn nào?” Ông cụ nhin không được kêu lên: “Ở chỗ này, ở đây nè!”

Thế là tiếng ca im bật. Sau đó, truyền đến tiếng buông vật gì nặng nề xuống. Ông bà cụ chống cửa sổ lên thì thấy năm vị Địa Tạng Bồ Tát đội nón rom và một vị buộc khăn mặt kéo xe trượt tuyết quay về. Dưới mái hiên đặt bánh dày bằng nẹp, bánh dày bằng bắp, bọc bằng rá. Ngoài các thứ đó ra, còn có tương đậu, Ngưu Bàng, củ cải, gõ tùng để trang hoàng v.v... Rốt cuộc cụ ông và cụ bà có thể đón mừng một năm mới tốt đẹp.

## **Hồi Hương**

Chân thành đê đầu đánh lễ cảm niệm công đức của hòa thượng Mộng Tham đã từ bi giảng giải bộ kinh này, và các vị đồng tu người Hoa đã đăng tải bài giảng này trên trang mạng Vô Lượng Quang Minh ([www.guang5.com](http://www.guang5.com)). Chân thành cảm tạ các đạo hữu Đức Phong và Huệ Trang đã giúp giáo chánh và sách tấn. Nếu bản chuyển ngữ này có phần nào lợi ích cho các đồng tu, nguyện đem công đức này hồi hướng cho lịch đại tổ tiên, tông thân quyến thuộc, sư trưởng, phụ mẫu, cừu gia oán đối, lũy thế oán thân trái chủ, và mười phương pháp giới chúng sanh đều được vãng sanh Cực Lạc. Người còn tại thế thân tâm an lạc, vạn duyên thuận lợi, tinh tấn tu trì, đạo nghiệp tăng tấn, nhất tâm nhất ý phát nguyện vãng sanh. Đã qua đời, sớm thoát khỏi u đồ, sanh về Cực Lạc.



***“Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng”***